LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 139

KIM QUANG MINH KINH HUYỀN NGHĨA

SỐ 1783

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1783

KIM QUANG MINH KINH HUYỀN NGHĨA

Đại sư Thiên Thai Trí Giả Đời Tùy giảng.
Học trò là Quán Đảnh ghi chép

QUYỂN THƯỢNG

Kinh Kim Quang Minh này sâu xa vô lượng, hư không còn không thể dụ được sự cao xa rộng lớn của kinh này, huống gì là núi thấp biển nhỏ lẽ nào sánh được bờ mé của kinh. Mặt trời sáng chói trẻ thơ không thể nhìn được, thuyền lớn lầu gỗ đứa bé mới sinh làm sao giữ gìn nổi. Việc làm của các Đức Phật thanh tịnh hơn việc làm của các vị Bồ-tát, huống gì tâm niệm của hàng Nhị thừa làm sao suy nghĩ, nói năng cho được. Nếu phàm phu nói, thì tổn thương chỗ chân thật, còn nếu im lặng không nói, thì sẽ đánh mất, cả hai đều không được. Vì thế trong Đại phẩm, Phạm Chí nói: "Chẳng phải do quán bên trong mà chứng đắc là Bồ-đề, chẳng phải do quán bên ngoài mà chứng đắc là Bồ-đề, chẳng phải do quán vừa bên trong vừa bên ngoài mà chứng đắc là Bồ-đề". Kinh dạy: "Đều không thể nói năng, suy nghĩ, lại đời đời không thể nói, sinh bất sinh không thể nói, bất sinh sinh không thể nói, bất sinh bất sinh không thể nói", có nhân duyên thì có thể nói được. Lấy kim (vàng) làm "danh" gọi là đứng đầu trong các thứ báu; lấy pháp tánh làm "thể", ý nghĩa trang nghiêm chỗ Như lai thường đi. Lại lấy công đức sâu xa mầu nhiệm của Bồ-tát làm "Tông", lấy chiếu soi các vị trời sinh tâm vui mừng làm "Dụng", do đó được gọi là "Kinh vương", giáo lý thâu nhiếp các Kinh, cho nên chỉ quý ở "Danh", chỉ có cùng cực làm "Thể",

chỉ có sâu xa làm “Tông”, chỉ đại làm “Dụng”, chỉ vương làm “Giáo”. Vì thế thể của không hai thường là bốn, là pháp các Đức Phật, Thế Tôn giữ gìn, ba đời mười phương cũng giống như vậy, tất cả Bồ-tát khắp các phương khác từ xa lễ bái, Thiện nữ thần rơi lệ như mưa để khen ngợi, các vị trời dùng oai trời che chở, Thần đất đem đất tốt để thấm nhuần, mãi biện luận để thêm rõ đạo, làm công đức lợi ích bằng tài bảo các hữu đều héo khô, ba đường hết nóng bức. Tóm lại, tất cả việc không hề có ở thế gian thảy đều hiện ra, ấy là vì Kim Long Tôn Vương ba đời khen ngợi, Thần đất phát nguyện che chở người nói. Các bậc Thánh đã như vậy huống chi là loài người? Xin y theo nghĩa này, thường muốn nói lên, trông mong giòng nhỏ chảy vào biển, chim, thú trở về rừng, thật nhờ chút duyên, đều được gội nhuần.

Để giải thích kinh này được chia làm hai phần lớn:

1. Giải thích đề.
2. Giải thích văn.

A. GIẢI THÍCH ĐỀ

- Kinh chia làm năm phần:

1. Giải thích tên gọi.
2. Nói về thể.
3. Nói về Tông.
4. Nói về dụng:
5. Nói về giáo tướng.

- Y theo năm chương này chia làm hai phần:

1. Giải thích chung.
2. Giải thích riêng.

I. Giải thích chung: Chia làm hai:

1. Sinh khởi.
2. Phân biệt.

1. Sinh khởi: Cõi nước Ta-bà này dùng âm thanh làm Phật sự, có người ban đầu nghe thiện tri thức nghe nói về danh, hoặc nghe kinh sách nói về danh, do đó đặt danh, ở đầu nhờ nghe danh nên kế là biết về pháp thể, thể đã hiển bày, kế là thực hành, thực hành là Tông, tông thành tựu thì có năng lực, năng lực là dụng, dụng làm lợi ích chúng sinh, vì lợi ích chúng sinh cho nên giáo hóa họ; nghe danh là bắt đầu tự thực hành, lập giáo là bắt đầu giáo hóa người, có đầu có cuối, chỉ có bậc Thánh. Năm chương sinh khởi theo thứ lớp như thế.

2. Phân biệt: Giản là phân biệt.

Hỏi: Nếu lược thì chỉ có một, nếu rộng thì vô lượng, ở đây năm

chương này, tiến không phải rộng, lùi không phải lược, vì sao lại chia làm năm?

Đáp: Chẳng phải lược, chẳng phải rộng, chẳng phải lược cho nên không phải một, chẳng phải rộng cho nên không phải nhiều, rộng thì khiến trí lùi, lược thì nghĩa không khắp. Nay tôi ở khoảng giữa nói nghĩa này cho dễ hiểu. Trong năm chương nghĩa kia sẽ như vậy. Biệt: là phân biệt.

Chương đầu tiên, gồm ba chữ, hợp chung làm "danh" (tên), ba chương kế "chia" ba chữ để làm "biệt", chương cuối cùng gồm cả chung lẫn riêng, để nói về giáo tướng. Lại chương Hiển Thể, là nói về lý, bốn chương còn lại nói về Sự. Lại ba chương trước là nhân, hai chương sau là quả. Bốn chương trước là hạnh, chương sau cùng là giáo, bốn chương trước là hạnh tự lợi, chương sau cùng là hạnh lợi tha. Bốn chương trước là sự im lặng của bậc Thánh, chương sau cùng là bậc Thánh nói pháp. Các thứ sơ lược phân biệt như vậy, nay ở trong đó nêu lên thí dụ, tất cả rõ ràng đầy đủ. Ví như trong cái túi có vật quý không chỉ cho người thì người không biết được, ở đây đều vì làm cho rõ ràng nên thí dụ. Trong túi có vật báu là cả ba chữ làm thí dụ, chỉ bày cho người là riêng ba chữ làm thí dụ trong túi có vật báu là một chương nói về lý làm ví dụ. Chỉ cho người là chương nói về sự, làm ví dụ. Các chương khác theo đó có thể biết.

II. Giải thích riêng: là giải thích riêng năm chương.

Nay trước là giải thích tên chương. Nếu y theo tựa đề của quyển bốn, thì chỉ viết ba chữ, không có hai chữ "đế vương", hoặc y theo văn kinh thì có nghĩa là "kinh vương", hoặc nói, hoặc không nói đều không ngại gì. Nay giải thích tên gọi chia làm năm phần:

1. Chung riêng.
2. Phiên dịch.
3. Thí dụ.
4. Giải thích theo văn.
5. Giải thích đương thể.

1. Nói chung riêng: Giáo có chung riêng, nương theo giáo để rõ hạnh, hạnh có chung riêng. Từ hạnh bày lý, lý có chung riêng, tạm xếp vào hạnh lý.

Nhưng nói giáo chung riêng: Lý vốn không có danh tự, danh tự để gọi lý, như hư không chẳng có thước đo, thước đo ước lượng hư không. Kinh Thiên Vương Bát-nhã chép: Tổng trì không văn tự, văn tự nói lên tổng trì, nếu từ văn tự có công năng hiển bày, thì gọi là "chung", nêu lý

do có thể hiển bày, thì gọi là "riêng".

Thế nào gọi là chung?

Như lời Phật dạy: Một bộ kinh, một thời gian, một nơi chốn một bộ phận, một bài kệ, một câu văn, một lời nói, đều gọi là văn tự, từ văn tự này mà gọi chung là kinh.

Vì sao gọi là riêng?

Riêng lại có bốn: Một là khiến chân lý ở đời không lộn xộn, tâm được vui mừng; Hai là giáo hóa hợp cơ, khai phát việc lành đời trước; Ba là đối với nghiệp chướng, khiến ác dứt, tội trừ; Bốn là dạy bảo đạo lý, rỗng rang diệu ngộ, sự vui thích ứng với chỗ chứng ngộ, mỗi nguyên nhân lại không đồng nhau, cho nên gọi là riêng. Vì như muối và ô mai hòa nhau thì thành các thứ mùi vị. Tổ chức giao nhau thì thành các thứ văn chương bóng bẩy. Từ lý do "riêng" cho nên có ba chữ "Kim Quang Minh" nêu giáo này khác với các giáo. Từ Lời văn chung cho nên có một chữ "Kinh" để gọi chung các kinh. Kinh này chung, riêng hợp nêu, nên nói là "Kinh Kim Quang Minh".

2. Phiên dịch: Tam tạng Chân-đế nói: Tiếng Phạm nói đủ, thì nên nói: "Tu-bạt-noa bà-phả-bà uất-đa-ma nhân-đà-la già-duyệt-na Tu-đa-la".

Tu-bạt-noa, Hán dịch là Kim.

Bà-phả-bà, Hán dịch là Quang.

Uất-đa-ma, Hán dịch là Minh.

Nhân-đà-la, Hán dịch là Đế.

Già-duyệt-na, Hán dịch là Vương.

Tu-đa-la, Hán dịch là Kinh, tiếng nước ngoài còn gọi là Phật-đà-la, trong đây không có.

Lại lược bỏ hai chữ "Đế Vương", chỉ còn ba chữ. Người Hán muốn dịch lược nên bỏ bớt, chỉ dịch là Kim Quang Minh Kinh vậy. Các Sư khác dịch không bằng, ở đây bao gồm tất cả.

3. Thí dụ: Các nhà dịch kinh xưa, dụ ba chữ với ba đức, "Vàng" dụ cho "Pháp thân", "Ánh sáng" dụ cho "Bát-nhã", "sáng" dụ cho "Giải thoát". Như Đại sư nói: Số luận chỉ nói Chân thân và Ứng thân, nếu dùng hai giải thích ba thì đối với luận không tiện, nếu dùng văn kinh, văn kinh một chỗ không làm sáng tỏ ba đức, nếu giải thích theo nghĩa riêng thì nghĩa nào lại không thông. Mà chỉ dụ riêng ba đức, thì trái với luận thuyết của mình, lại không hiểu kinh, ở đây chẳng dùng.

Địa Nhân chép: trên chất vàng tự có công năng chói sáng, dụ cho pháp tánh từ thể khởi dụng, tự có năng lực Bát-nhã giải thoát, chỉ giải

thích hai nghĩa thể-dụng không cần phân biệt sự khác nhau giữa Quang và Minh. Như Đại sư nói: Địa luận nói về Tam Phật, giải thích đề Tam Phật đối với nghĩa tự tiện, mà bỏ ba thân theo thể, dụng, thì chẳng phải ý luận. Nếu lấy văn kinh hai bản tân, cựu đều nói ba thân, không nói thể, dụng, cũng trái với luận thuyết của mình, lại không hiểu kinh, biết tiến hay lùi, nay không dùng. Tam Tạng Chân-đế nói: Ba chữ dụ cho ba thứ ba pháp: a. Dụ cho ba thân; b. Dụ cho ba đức; c. Dụ cho ba vị.

a) Dụ cho ba thân: Thể chân thật của "Vàng" được dụ cho "pháp thân". Dụng có công năng soi chiếu của "Ánh sáng" được dụ cho "Ứng thân". "Sáng" có công năng khắp lợi ích được dụ cho "Hóa thân".

b) Dụ cho ba đức: "Vàng" có bốn nghĩa: Một là màu sắc không thay đổi; Hai là Thể không nhiễm; Ba là làm đồ vật khác không chướng ngại; Bốn là giúp cho người được giàu sang; Kim dụ cho bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh của pháp thân. "Ánh sáng" có hai nghĩa: Một là có công năng chiếu sáng; Hai là có công năng xua tan bóng tối, dụ cho trí tuệ (Bát-nhã) soi chiếu trần cảnh, dứt trừ lậu hoặc. "Sáng" có hai nghĩa: Một là không tối tăm; Hai là rộng xa, dụ cho giải thoát, các ràng buộc không còn, lợi ích khắp những người có duyên.

c) Dụ cho ba vị: Tánh "Vàng" có trước, như giai vị chánh nhân ở đạo tiền; Quang dung thể hiển như giai vị liễu nhân ở đạo trung, "sáng" không vết bẩn, như giai vị duyên nhân ở đạo hậu. Sư Chân-đế phân biệt rằng: Pháp thân là thật hai thân không thật; pháp thân đầy đủ bốn đức: Bát-nhã, và giải thoát, đều có hai đức. Chánh nhân vốn có, liễu nhân hiện có, duyên nhân sẽ có. Đại sư giải thích nghĩa ba ba. Nghĩa ba bất liễu: Một là nhân quả không thông suốt; Hai là Trái với Viên, Biệt; Ba là không xứng pháp tánh.

1. Thế nào là nhân quả không thông suốt?

Thế nào gọi là nhân quả không thông suốt? Ba thân ba đức vốn là tên gọi viên mãn về mặt quả mà nay chia ra ba đức thiếu sót không đủ, vì sao?

- Nếu pháp thân là đạo tiền, thì đó là pháp thân về mặt quả, là pháp thân của tánh đức. Nếu là pháp thân về mặt quả thì lẽ ra không nên ở đạo tiền. Nếu pháp thân của tánh đức thì tánh đức đâu chỉ có pháp thân; lẽ ra cũng có Bát-nhã của tánh đức, giải thoát của tánh đức v.v... Nếu nói Bát-nhã là Đạo trung, thì đó là Bát-nhã gì? Nếu là Bát-nhã là Bát-nhã của quả thượng thì lẽ ra không ở Đạo trung. Nếu Bát-nhã phần đắc, thì vì sao không có pháp thân phần đắc, giải thoát phần đắc. Nếu giải thoát ở đạo hậu, thì ở Đạo hậu có rất nhiều các điều lành, đâu chỉ

có giải thoát, từ đó mà xét, nhân quả không thông.

2. Bốn đức của Niết-bàn:

Trái với Viên, Biệt: Nếu nói theo Viên thì bốn đức Thường, lạc, ngã, tịnh của pháp thân, việc này có thể tự biết... Bát-nhã và pháp thân thầm hợp nhau, pháp thân đã đủ bốn đức, chẳng lẽ Bát-nhã không có bốn đức sao? Giải thoát là thoát khỏi sự trói buộc của quả cho nên "lạc", thoát khỏi sự trói buộc của nhân cho nên "tịnh", không bị sự trói buộc của nhân, của quả cho nên "ngã", chẳng phải nhân chẳng phải quả cho nên "thường". Nói Viên là tròn đầy, không có thiếu sót. Ngài Chân-đế, cho rằng nếu nói theo Biệt thì nên nương theo kinh này. Kinh chép: Pháp thân là thường, là thật, thật tức là "đức của ngã", Ứng thân trí tuệ thanh tịnh là "đức của tịnh", Hóa thân Tam-muội thanh tịnh là "đức của lạc". Tam tạng nói chỉ có pháp thân có đủ bốn đức còn ứng thân, hóa thân mỗi thân chỉ có hai đức, vì thế trái với Viên biệt.

3. Dẫn kinh chứng minh:

Không xứng pháp tánh: lại dẫn một kinh như kinh Tịnh Danh chép: chúng sinh như, Di-lặc như, một như không hai như, đây là pháp thân của tánh đức. Tất cả chúng sinh là tướng Bồ-đề, không còn "đắc" nữa, đây là Bát-nhã của tánh đức. Tất cả chúng sinh tức là tướng Niết-bàn, không còn diệt nữa, đây là giải thoát của tánh đức. Ba nghĩa nầy chẳng lẽ không phải vốn có giai vị đạo tiền, có riêng "Vàng" mà không có "Ánh sáng" hay sao? Lại kinh Hoa nghiêm chép: Khi vừa phát tâm liền thành Chánh giác, tất cả tuệ thân không do người mà ngộ, thân pháp mầu thân thanh tịnh vắng lặng ứng với tất cả. Thân pháp Diệu là Pháp thân đức, tuệ thân là đức Bát-nhã, ứng với tất cả tức Ứng thân là đức Giải thoát. Ba thân này, mỗi địa càng tăng, như trăng tròn dần, chẳng lẽ không phải giai vị trong nhân của Đạo Thỉ, đâu thể trong nhân chỉ có Bát-nhã thôi ư? Đạo hậu đầy đủ ba đức như trên đã nói, điều này rất dễ hiểu, nên biết Đạo tiền đầy đủ Tánh đức, Đạo trung đầy đủ Phần đức, đạo hậu đầy đủ Cứu cánh đức, cho nên tự nhiên phân cắt một chỗ, chỉ một ư? Chẳng lẽ không phải ép buộc linh phụng ở hang tu hú, rồng thần vào trong hang thỏ, làm xấu hổ sức mạnh của rồng, phụng, chẳng phải là cách bàn luận tròn đầy về pháp tánh, Đại sư Thiên Thai suy tìm ý nghĩa kinh ấy thì thấy là không đúng. Vì sao kinh nói: Pháp tánh vô lượng, lý sâu xa đều tóm thâu; Văn gọi là "Kinh vương" thì chỗ nào không nhiếp, đâu phải chỉ ba ba chín pháp? Nên biết ba chữ, dụ cho tất cả pháp môn ngang (hoành), là thuyết xứng pháp tánh vô lượng, dụ cho tất cả pháp môn dọc (thụ) là xứng với ý chỉ của pháp tánh sâu xa, mới

hợp với Kinh vương, tóm thâu tất cả, hoặc quảng giáo hoặc trường giáo, đều tóm thâu tất cả. Nghĩa lý sâu rộng này không thể dùng nói rằng, suy nghĩ; Lại, nương vào mười thứ ba pháp để làm môn, đầu lại vì ba ý: 1. Nêu mười số; 2. Giải thích mười tướng; 3. Sơ lược mười pháp.

4. Nói về mười số:

- Nêu mười số: là ba đức, ba ngôi báu, ba Niết-bàn, ba thân, ba Đại thừa, ba Bồ-đề, ba Bát-nhã, ba Phật tánh, ba thức và ba đạo, mười pháp này bao gồm từ đầu đến cuối, nay làm sinh khởi hai lần nghịch thuận:

a) Từ gốc "Vô trú" lập tất cả pháp. Xét ba đức: gọi là kho bí mật, kho bí mật hiển bày từ ba ngôi báu, ba ngôi báu từ ba Niết-bàn, ba Niết-bàn từ ba Thân, ba thân từ ba Đại thừa, ba Đại thừa từ ba Bồ-đề, ba Bồ-đề từ ba Bát-nhã, ba Bát-nhã từ ba Phật tánh, ba Phật tánh từ ba thức, ba thức từ ba đạo: đây là từ pháp tánh mà lập tất cả pháp.

b) Nếu từ Vô minh làm gốc lập tất cả các pháp thì, tất cả chúng sinh đều có đủ mười hai nhân duyên, ba đường mê hoặc, hoặc lại sinh hiểu biết, tức là thành ba thức, từ thức lập nhân liền thành ba Phật tánh, từ nhân khởi trí tức thành ba Bát-nhã, từ trí khởi hạnh thì thành ba Bồ-đề, từ hạnh tiến lên thì thành ba Đại thừa, thừa rõ trí-đức thì thành ba thân, thân rõ đoạn-đức liền thành ba Niết-bàn, Niết-bàn rõ ân-đức, lợi ích chúng sinh thì thành ba ngôi báu, rốt ráo vắng lặng hòa nhập với ba đức, tức thành kho bí mật. Đó là nghĩa sâu xa vô lượng, thuận nghịch theo thứ lớp.

Thế nào là Vô lượng nghĩa? Vì một pháp môn đầy đủ chín pháp môn. Ba đức tôn trọng tức là ba ngôi báu, ba đức không sinh không diệt tức là ba Niết-bàn, ba đức đầy đủ các pháp nhóm họp gọi là ba thân, chuyên chở gánh vác tức là ba Đại thừa, không hướng về nơi khác gọi là ba Bồ-đề, hiểu biết thanh tịnh gọi là ba Bát-nhã, hạt giống Như lai gọi là ba Phật tánh, phân biệt những thứ ấy không sai lầm gọi là ba Thức, từ ngay nơi Sự thông Lý nên gọi là ba đạo; là một thứ ba pháp môn đầy đủ chín thứ ba pháp môn, cũng là đầy đủ tất cả ba pháp môn. So sánh rất dễ hiểu. Lại, đều đầy đủ tất cả một pháp môn, tất cả hai pháp môn, ba pháp môn, bốn pháp môn, năm pháp môn, chín pháp môn, mười pháp môn, trăm pháp môn, ngàn pháp môn, muôn pháp môn, ức pháp môn, một Hằng hà sa (số cát một sông Hằng), hai Hằng sa, trăm, ngàn, muôn, ức Hằng sa pháp môn, cũng có thể biết. Kinh dạy: Một pháp môn lấy vô lượng pháp môn làm quyến thuộc; trong một hiểu vô lượng, đó là nghĩa pháp tánh rộng lớn vô lượng.

5. Nói về nghĩa sâu xa:

- Nghĩa sâu xa: Nương vào ba giai vị để hiển bày, nếu nói về mười pháp môn thì ba đạo, ba thức là giai vị Bản hữu, ba đức ba ngôi báu là giai vị Đương hữu, các thứ ba khác là giai vị Hiện hữu; đó là pháp tánh sâu xa, nghĩa dọc cao cũng thành tựu. Lại một pháp môn đầy đủ chín pháp môn, lấy ba đạo ba thức kia làm giai vị Bản hữu, lấy ba đức, ba ngôi báu làm giai vị Đương hữu, lấy các thứ ba khác làm giai vị Hiện hữu, nghĩa sâu xa cũng thành. Lại mỗi pháp môn đều có giai vị sáu tức; về Lý là giai vị bản hữu, rốt ráo tức là giai vị đương hữu, các thứ tức khác là giai vị hiện hữu; nghĩa sâu xa cũng thành, đó là nghĩa pháp tánh dọc cao sâu xa. Phải biết ba chữ "Kim Quang Minh", dụ cho tất cả pháp môn theo chiều ngang nên nói là Vô lượng; dụ cho tất cả pháp môn theo chiều dọc nên nói là sâu xa, mới xứng với văn của Pháp tánh, mới hợp với ý chỉ của Kinh vương.

- Giải thích:

- Giải thích tướng của mười thứ ba pháp:

Mười tên gọi như trước đã nêu, về mười tướng, ở đây sẽ giải thích, nếu giải thích theo sắc tướng xanh, vàng, đồng, khác, thì nên dùng mắt thường. Nếu phân biệt pháp tướng sâu, cạn, đồng khác, thì nên dùng mắt trí tuệ, nên dùng tín giải để phân biệt tướng đồng khác.

a. Giải thích ba đức:

Trước là nói về tướng ba đức: Thế nào nói ba? Thế nào là đức? Pháp thân, Bát-nhã, giải thoát là "ba". Thường, lạc, ngã, tịnh là "đức". Pháp: được gọi là quỹ (khuôn phép), các Đức Phật từ quỹ ấy mà được thành Phật. Vì thế kinh chép: "Thầy các Đức Phật là pháp, thân nghĩa là chứa nhóm". Một pháp đầy đủ tất cả pháp, không có thiếu, sót nên gọi là "Thân". Kinh chép: "Thân ta tức là tri thức chân thật của tất cả chúng sinh", phải biết thân là chứa nhóm.

Bát-nhã: Hiểu rõ các pháp nhóm họp, tan rã, không nhóm họp, không tan rã, tức là hiểu rõ pháp ba đế.

Giải thoát: Đối với các pháp không nhiễm, không dính mắc gọi là giải thoát.

b. Giải thích thế nào là đức:

Thế nào là "Đức": Mỗi pháp đều có đủ thường, lạc, ngã, tịnh, gọi là "đức". Pháp thân không bị hai tử là "thường", không chấp hai bên là "lạc", có đủ tám tự tại là "ngã", ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh là "tịnh". Theo thế gian lấy vàng làm thí dụ: không thay đổi, không nhiễm, chuyển đổi, sự giàu sang dụ cho bốn đức của Pháp thân. Bát-nhã

nhậm vận đầy đủ bốn đức, Như trí thầm hợp Như cảnh. Đại phẩm nói: Sắc tịnh cho nên Bát-nhã thanh tịnh, so sánh theo đây thì các nghĩa sắc thường, sắc lạc, sắc ngã, đều thành. Lại nói: Sắc lớn cho nên Bát-nhã lớn, sắc vô biên cho nên Bát-nhã cũng vô biên. Đây là pháp tánh rộng lớn nên Bát-nhã cũng rộng lớn. So sánh theo đây thì nên chép: sắc sâu kín cho nên Bát-nhã cũng sâu kín, đây là pháp tánh dọc cao, Bát-nhã cũng dọc cao, phải biết rằng Bát-nhã cũng có đủ bốn đức, giải thoát cũng có bốn đức.

Nói về Giải thoát: Các điều ác dứt hẳn thì vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh cũng đều dứt hết, cũng là các điều lành nhóm họp đầy đủ, thì thường lạc ngã tịnh cũng nhóm họp đầy đủ. Đại kinh chép: "giải thoát Chân thật tức là Như lai, Như lai tức là pháp thân", nên biết giải thoát đồng với thường, lạc, ngã, tịnh của Như lai. Đại kinh chép: "Ba điểm có đủ gọi là Đại Niết-bàn, điểm là văn tự, nên biết pháp thân, Bát-nhã, giải thoát đều là văn tự." Cho nên biết rằng, ba điểm đều có đủ Bốn đức nên nói là đầy đủ. Ba nhân tức là ba trí, ba trí đức đều đầy đủ bốn đức. Ba đức đầy đủ gọi là kho bí mật. Văn đầy đủ phải là có đủ bốn đức. Nên biết bốn đức đầy đủ tức là tướng ấy. Nếu hiểu được ý chương này, thì chín chương còn lại sẽ hiểu.

6. Nói về ba ngôi báu:

Thế nào là "Ba", thế nào là "ngôi báu"? Phật, Pháp, Tăng gọi là Ba, đáng tôn kính đáng quý trọng gọi là ngôi báu. Chí lý đáng tôn trọng gọi là Pháp-Bảo. Trí hiểu lý đáng tôn kỉnh gọi là Phật-Bảo. Tỳ-lô-giá-na trùm khắp tất cả mọi nơi, ngay nơi sự là lý, sự hòa hợp này đáng tôn trọng gọi là Tăng-Bảo. Ba ngôi báu này đều thường, lạc, ngã, tịnh, vì thường, lạc, ngã, tịnh nên mới đáng tôn đáng trọng. Nên biết ba đức và ba ngôi báu không hai không khác. Đã dụ "Kim Quang Minh" với ba đức, lại dụ Kim Quang Minh với ba ngôi báu.

7. Thế nào là ba:

Ba Niết-bàn: Thế nào là ba? Thế nào là Niết-bàn? Tánh tịnh, Viên tịnh, Phương tiện tịnh là ba, không sinh không diệt là Niết-bàn. Thật tướng các pháp không thể làm cho nhiễm, không thể làm cho thanh tịnh, không tịnh tức là không sinh, không nhiễm tức là không diệt, không sinh không diệt gọi là "Niết-bàn tánh tịnh". Tu nhân khế lý, hoặc rốt ráo không sinh, "trí" rốt ráo bất diệt, bất sinh bất diệt gọi là "Viên tịnh Niết-bàn". Tịch mà thường chiếu, có cảm liền sinh, sinh này không sinh, duyên tan liền diệt, diệt này bất diệt, không sinh không diệt gọi là "phương tiện tịnh Niết-bàn". Nên biết ba Niết-bàn này, bất sinh bất

diệt tức là thường, thường nên gọi là lạc, lạc nên gọi là ngã, ngã nên gọi là tịnh. Niết-bàn đã là thường, lạc, ngã, tịnh là ba đức đáng tôn trọng, tức là ba ngôi báu, không hai không khác. Đã dụ Kim Quang Minh với ba đức, ba ngôi báu, lại dụ Kim Quang Minh với ba Niết-bàn.

8. Nói về ba thân:

Ba thân: Thế nào là ba? Thế nào là thân? Pháp, báo, ứng là ba. Ba thứ pháp nhóm họp lại gọi là Thân. Cái gọi là lý pháp tụ là Pháp thân; trí pháp tụ gọi là Báo thân, Công đức pháp tụ là Ứng thân, nhưng lý không có nghĩa tụ, tán, mà nói là tụ tán; bắt đầu từ sơ tâm hiện ra chánh lý cho đến rốt ráo lý tụ mới tròn đầy. Bắt đầu từ sơ tâm cuối cùng đến rốt ráo, trí hiển lý trí tụ mới tròn đầy. Bắt đầu từ sơ tâm cuối cùng đến rốt ráo nhóm công đức mới tròn đầy, nên ba pháp tụ là ba thân. Phải biết ba thân là thường, lạc, ngã, tịnh, tức là ba đức, đáng tôn trọng là ba ngôi báu, bất sinh bất diệt là ba Niết-bàn, không hai không khác. Đã dụ Kim Quang Minh với ba đức... lại dụ Kim Quang Minh với ba thân.

9. Nói về Ba Đại thừa:

Thế nào là ba Đại thừa? Chuyên chở gọi là Thừa; Lý tánh rỗng rang nhậm vận gánh vác các pháp, nên gọi "lý thừa". Tùy thừa là trí theo cảnh như nắp theo hộp, nên gọi là "Tùy thừa". Đắc thừa là đắc quả đắc cơ, vì đắc quả cho nên tự được giải thoát, đắc cơ cho nên giúp cho người giải thoát, nên gọi là đắc thừa. Nên biết ba thừa đều thường, lạc, ngã, tịnh, tức là không hai không khác với ba đức. Đã dụ Kim Quang Minh với ba đức, lại dụ Kim Quang Minh với ba Đại thừa.

10. Nói về ba Bồ-đề:

Thế nào gọi là ba Bồ-đề: 1 Bồ-đề Chân tánh gọi là Vô thượng Bồ-đề, Bồ-đề này lấy lý làm đạo; 2. Thật trí Bồ-đề gọi là Thanh tịnh Bồ-đề, Bồ-đề này lấy trí tuệ làm đạo; 3. Bồ-đề Phương tiện gọi là rốt ráo Bồ-đề, Bồ-đề này dùng sự khéo léo giúp người hiểu biết làm đạo. Nên biết ba Bồ-đề đều thường, lạc, ngã, tịnh, không hai không khác với ba đức. Đã dụ Kim Quang Minh với ba đức, lại dụ Kim Quang Minh với cho ba Bồ-đề.

11. Nói về ba Niết-bàn:

Thế nào là ba Bát-nhã? Bát-nhã là trí tuệ. Bát-nhã Thật tướng chẳng phải vắng lặng, chẳng phải chiếu soi, tức là "trí Nhất thiết chủng". Bát-nhã Quán chiếu, không chiếu soi mà chiếu soi tức là "trí Nhất thiết". Bát-nhã Phương tiện, không vắng lặng mà vắng lặng, tức là "trí Đạo chủng". Nên biết ba Bát-nhã đều thường, lạc, ngã, tịnh, không hai không khác với ba đức. Đã dụ Kim Quang Minh với ba đức, lại dụ

Kim Quang Minh với Bát-nhã.

12. Nói về ba Phật tánh:

Thế nào là ba Phật tánh? Phật là giác; Tánh là không thay đổi, không đổi tức là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, ví như quặng vàng trong lòng đất, thiên ma ngoại đạo không thể phá hoại được, gọi là “Phật - tánh Chánh nhân”. Phật tánh Liễu nhân là Giác trí chẳng phải thường chẳng phải vô thường, trí và lý tương ưng, ví như người khéo biết quặng vàng, trí này không thể phá hoại nên gọi là “Liễu Nhân Phật tánh”. Phật tánh Duyên nhân: Tất cả chẳng phải thường chẳng phải vô thường, công đức gốc lành giúp cho giác trí, mở bày Chánh tánh, ví như đào bỏ cỏ dơ đào đất ra lấy ra quặng vàng gọi là “Phật tánh Duyên nhân”. Nên biết ba Phật tánh mỗi Phật tánh đều thường, lạc, ngã, tịnh, không hai không khác với ba đức. Đã dụ Kim Quang Minh với ba đức, lại dụ ba chữ Kim Quang Minh với ba Phật tánh.

13. Nói về ba thức:

Thế nào là ba thức? Thức là (hiểu biết), là tên khác của trí tuệ. Thức Am-ma-la là thức bất động thứ chín, nếu phân biệt thì đó là thức của các Đức Phật. Thức A-lê-da là thức vô một thứ tám, nó còn có tùy miên phiền não hợp với Vô minh. Phân biệt riêng ra là thức của Bồ-tát. Đại Luận nói “Ở tâm Bồ-tát gọi là Bát-nhã”, chính là nghĩa ấy. Thức A-đà-na là thức phân biệt thứ bảy, nhàm chán sinh tử, ưa thích Niết-bàn, phân biệt riêng ra là thức của Nhị thừa, đối với các Đức Phật là trí phương tiện. Sóng mòi là thức thứ sáu của Phàm phu, không cần nói thêm. Nên biết ba thức mỗi thức đều thường, lạc, ngã, tịnh, không hai không khác với ba đức. Đã dụ ba đức với Kim Quang Minh, lại dụ Kim Quang Minh với ba thức.

14. Nói về ba đạo:

Thế nào là ba đạo? Vô minh quá khứ, ái và thủ hiện tại, ba chi ấy gọi là “phiền não đạo”. Hành quá khứ, hữu hiện tại, hai chi này là “nghiệp đạo”. Thức, danh, sắc, lục nhập, xúc, thọ ở hiện tại, sinh, già chết ở tương lai, bảy chi ấy gọi là “khổ đạo”. Ba đạo này lại có lẫn nhau. Từ “phiền não” có cả “nghiệp”, từ “nghiệp” có cả “khổ”, từ “khổ” trở lại có cả “phiền não”, cho nên gọi là “Ba Đạo”. Khổ đạo gồm có danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, thức. Đại kinh chép: Vô minh và ái là hai thứ trung gian, gọi là Phật tánh; trung gian là “khổ đạo”. Phật tánh: thân sinh tử gọi là pháp thân, như chỉ băng cho là nước. Phiền não đạo: gồm có Vô minh, ái, thủ gọi đó là Bát-nhã, như chỉ củi cho là lửa. Nghiệp đạo: nghĩa là hành hữu, cho đến năm Vô gián, đều là sự giải

thoát, như chỉ trói buộc cho là mở. Nên biết thể của ba đạo tức là chân thường; lạc, ngã, tịnh, không hai không khác với ba đức. Đã dụ Kim Quang Minh với ba đức, lại dụ Kim Quang Minh dụ cho ba đạo.

Nếu thấy mười pháp môn này, hoặc đồng hoặc khác cũng là một pháp môn, là tướng của tất cả pháp môn, hoặc đồng hoặc khác, từng tướng rõ ràng, tức trăm pháp, ngàn pháp, muôn pháp, hằng cũng giống như số cát sông. Kinh Hoa Nghiêm chép: một pháp môn có Vô lượng pháp môn làm quyến thuộc, viên Hòa hương trong kinh Thủ lăng nghiêm, viên ngọc trong Đại phẩm, đều từ đất sinh ra của kinh Pháp Hoa, tấm nước biển lớn trong kinh Niết-bàn đều là nghĩa này.

15. Hỏi đáp về Pháp:

Hỏi: Nếu một pháp tức là các pháp, thì chỉ nói một pháp đâu cần nói pháp khác?

Đáp: Đức Phật vì muốn làm vui lòng tất cả mọi người, muốn cho thích hợp với tất cả mọi người, muốn ứng cơ với tất cả mọi người, muốn giác ngộ tất cả mọi người; nếu nói rộng sẽ được nhiều lợi ích, nói một cũng làm cho phát sinh các thứ hiểu biết, đọc tất cả các luận khác, liền biết được ý của bậc có trí, vì thế nói Nhiều cách giúp hiểu được tất cả. Lời thô và lời nhẹ, đều trở về nghĩa bậc nhất, đều chỉ bày cho người, không trái với tránh pháp, tức là nghĩa này.

16. Phân biệt các pháp:

Phân biệt: Trước là nói sơ lược ba đức, như chỉ thể tướng tốt của Thái tử là pháp thân, pháp thân ở trước; khi ở dưới Thọ Vương hiểu ba mươi bốn tâm tuệ vô lậu là Bát-nhã, Bát-nhã ở giữa, tám mươi tuổi diệt độ thiêu thân không thọ thân sau là giải thoát, giải thoát ở sau, khác mà lại là dọc. Khi là Pháp thân thì không phải là Bát-nhã, khi là Bát-nhã thì không phải là giải thoát, khi là Giải thoát thì không phải Bát-nhã, Pháp thân. Đây tức là tên gọi khác của ba pháp, đây chính là chỗ sở dụng của các nhà Tam tạng A-hàm. Ba ý này đều không được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Như chỉ cho không cảnh là pháp thân, pháp thân là vốn có; Tuệ soi chiếu chân thật là Bát-nhã, Bát-nhã là hiện có, hai thứ trói buộc về hạt và quả đều là giải thoát, giải thoát là sẽ có, khác mà cùng là một dọc, đây là thuyết của ba thừa thông giáo. Được người tìm hiểu Đại thừa đời trước sử dùng cũng không được gọi thường, lạc, ngã, tịnh. Như ngài Chân-đế nói: pháp thân có đủ bốn đức, giải thoát và Bát-nhã mỗi thứ có hai đức, đây là ngang mà lại khác, được người biệt - giáo sử dụng, nhưng Sư Chân-đế chỉ dùng một phần. Nên biết pháp thân được gọi là đức, Bát-nhã và giải thoát không có đức để gọi, không hiểu được

sự cao rộng vô lượng sâu xa, cũng không được gọi là Kinh Vương. Nay sẽ nói về ba đức như trên đã nói, mỗi đức đều đầy đủ thường, lạc, ngã, tịnh, luận về rộng thì vô lượng, nói về cao thì sâu xa. Như các người học nghe các Kinh Vương, được bốn Phật che chở, không hiểu ý này, thì như trâu, dê, mắt tâm không đáng luận đạo.

a. Phân biệt ba ngôi báu:

Phân biệt ba ngôi báu: Như ở dưới cội Thọ vương (cội Bồ-đề) đắc đạo là Phật bảo, xoay bánh xe pháp Bốn đế sinh diệt là Pháp bảo, độ năm anh em Kiều-trần-như... trước được mắt trí sáng tỏ là Tăng bảo. Ba ngôi báu từ xưa đến nay, có tướng theo với ba ngôi báu, điều này trong A-hàm gọi là Giai thê Tam bảo, cũng được tông số luận sử dụng. Như ở dưới cội thọ vương đắc đạo là Phật bảo, xoay bánh xe pháp Tứ đế vô trú là Pháp bảo, Nhị thừa, Bồ-tát tu vô lậu chân thật, dứt bỏ kiết sử, thành thánh lý hòa là Tăng bảo, điều này trong ba thừa Thông giáo, rất được người Đại thừa sử dụng. Hai loại Ba ngôi báu này, đều không có thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu ở thế giới Hoa vương ngồi đài hoa sen thành đạo là Phật bảo; nói ra hằng sa pháp Phật, Vô lượng tứ đế là Pháp bảo, bốn mươi mốt bậc Hiền thánh là Tăng bảo việc này thì khác trước, tuy không phải bậc thang, chưa phải đồng thể, nhưng cũng không thể dụ Kim Quang Minh với ba đức.

b. Phân biệt ba loại Niết-bàn:

Phân biệt ba loại Niết-bàn: Như đói được ăn, bệnh được giảm, ở tù được ra ngục, con khỉ được uống rượu, Bà-la-môn Chiên-già ăn no chỉ vào bụng, đều là người đời vui lòng cho rằng Niết-bàn. Nếu cho định phi tưởng, trời vô tưởng là Niết-bàn, đây là tà kiến nói bừa là Niết-bàn. Nếu người nặng về tham dục được quán Bất tịnh là Niết-bàn, đây chính là người thực hành bốn gốc lành phương tiện Niết-bàn. Nếu phiền não trong ba cõi hết, chứng “Niết-bàn Hữu dư”, đốt thân nguội trí, nhập “Niết-bàn Vô dư”, Bồ-tát chưa đắc Niết-bàn này. Đây là Niết-bàn của Nhị thừa tích pháp trong kinh A-hàm. Nếu hàng ba thừa đồng dứt sạch hai thứ trói buộc về hạt và quả, tức là Niết-bàn chung trong Thông giáo. Nếu chỉ trung đạo như lý là “tánh tịnh Niết-bàn”, trung đạo trí là “Viên tịnh Niết-bàn”; đồng duyên xuất thế, củi hết lửa tắt là “phương tiện Niết-bàn”; Ba thứ Niết-bàn ấy mỗi Niết-bàn khác nhau không có quan hệ với nhau, đó là Niết-bàn của “Biệt giáo”. Nếu nói chỉ có hai Niết-bàn là “tánh tịnh” và “phương tiện tịnh”, không nói duyên nhân Niết-bàn, mỗi Niết-bàn riêng biệt, không dung hội nhau thì đó là Biệt giáo, chẳng phải Niết-bàn được dụ trong kinh điển ngày nay.

Phân biệt ba thân: Hoặc cho Phật ở dưới cội Thọ Vương là “thân Chân thật”, thần thông biến hóa ra khỉ, vượn, nai, ngựa là ứng thân, không nói ba thân, đây là ý phân tích pháp của Tiểu thừa. Hoặc cho rằng ngay nơi Sự là “thân chân thật”, hóa dụng làm “ứng thân”, đây là ý trong pháp thể.

17. Hỏi đáp về thân Phật dưới cội Bồ-đề:

Hỏi: Nếu thế thì thân trượng sáu dưới cội cây Thọ Vương không phải Phật, lại không phải nai, ngựa, vậy là thân gì?

Đáp: Toàn thể đồng với thân người, thuộc về “ứng thân”, lại có cách giải thích khác: Chẳng hạn trong tâm Đại thừa, thì trí hợp với lý trung đạo là “pháp thân”, ở đây cũng như vậy, thể là hình người, tức là “chân không”, đây thuộc về “thân Chân thật”. Nếu theo ngài Chân-đế nói: pháp thân chân thật, hai thân không chân thật, thế thì thể tướng ba thân này đều khác nhau, chính là một con đường trong Biệt giáo, chẳng được ở đây dùng. Nếu nói ba thân đều là chân thật, chí lý là “pháp thân”, trí khế lý là “báo thân”, khởi dụng là “ứng thân”, ứng thân là Phật thật hóa hiện, là thật không luống dối. Đại kinh chép: Quán Bất tịnh vừa thật, vừa giả chẳng phải thật, từ bất tịnh mà khởi tưởng bất tịnh ấy là luống dối, có công năng phá bỏ tâm tham đó là thật. Ứng thân lệ cũng giống như thế, chẳng phải bản thể cho nên luống dối, có khả năng làm lợi ích cho nên thật, nay theo bên thật không lấy bên giả, cho nên nói ba thân đều thật, được ở đây dùng. Hoặc lại luận đủ ba thân đều thật đều hư, đều vừa thật vừa hư, đều chẳng phải thật chẳng phải hư, đều y theo ba thân đồng thời có ra bốn trường hợp.

18. Hỏi đáp về dụ cho thân:

Hỏi: Ba chữ dụ cho ba thân, có dụ cho một thân, hai thân, bốn thân, không thân được chăng?

Đáp: Phật đi hóa duyên dùng kinh tên ba chữ, ngài Chân-đế dùng ba thân để giải thích, nếu hiểu được ý là có bốn, ba, hai, một nghĩa, vô nghĩa, cũng đâu có lỗi gì. Trong kinh ở dưới đều có văn ấy. Về bốn thân: Bản tân dịch chép: Thích-ca Mâu-ni có khả năng thị hiện các thứ: khai, xuất, ứng, hóa là bốn thân. Về ba thân trong phẩm Tam Thân Phân Biệt, chuyên nói về nghĩa ấy. Về hai thân: Pháp chân thật Phật giống như hư không, Ứng vật hiện hình như trăng dưới đáy nước. Về một thân: Bản tân dịch chép: Tất cả các Đức Phật lấy chân pháp làm thân. Về Vô thân: Chỗ nào Như lai đi qua đều thanh tịnh như hư không, lại đi vào thành lớn thiện tịch, trong hư không thì chẳng có số một, hai, đây là văn nói về “Vô thân”.

Hỏi: Nếu vậy, vì sao Kim Quang Minh được dụ với bốn thân, hai thân, một thân, không thân?

Đáp: Nếu dùng danh nghĩa mà dụ thì đủ, thiếu do nghĩa. Nếu dụ cho bốn thân, thì trên Quang minh đó có vầng ánh lửa tròn, văn có chép: kim quang sáng chói. Đây là văn dụ bốn thân. Nếu dụ cho ba thân, thì như chỗ sử dụng. Nếu dụ cho hai thân thì Kim là thể chánh, Quang Minh chỉ là công năng, lấy đó làm ví dụ. Nếu dụ một thân chỉ nêu vàng làm ví dụ chính, Quang Minh là cành ngọn chẳng phải chính để luận bàn. Nếu dụ cho vô thân thì vật báu quý giá nhất lấy vô tham làm "vàng", bốn trí Dương chấn cũng lấy vô tham làm "vàng". Ở đây dùng vật báu quý giá nhất ở đời dụ cho lý cao tột của xuất thế, để hiểu rõ văn, nghĩa.

19. Phân biệt ba Đại thừa:

Phân biệt ba Đại thừa: Nếu nói về Nhân duyên, lục độ, Đại thừa thì đây lại là ba người, tên khác nhưng nghĩa đồng. Nếu nói ba người đều dùng vô sinh dứt bỏ phiền não, ba người đồng nương nhất thừa, thì đây là Thừa của Thông giáo. Nếu lý tùy đắc ba thừa, thể tướng khác nhau không đồng, đó là Thừa của Biệt giáo; ba thứ đều đắc thì thuộc về thừa phương tiện. Trong kinh Chánh pháp hoa nói Tượng-thừa, cộng với ba là bốn, xe dê, nai, trâu đều thuộc về Thừa; Tượng thừa (xe voi) tức là lý thừa, như ba thừa ở đây nói. Kinh Hoa Nghiêm nói bốn thừa. Ba thừa cũng thuộc về Thừa; Phật thừa là nghĩa ba thừa ở đây nói.

20. Phân biệt ba Bồ-đề:

Phân biệt ba Bồ-đề: Kinh Thỉnh Quan Âm chép: Tu ba thứ thanh tịnh ba tâm Bồ-đề, đây là duyên với tâm của người ba thừa mà tu tâm, là thuộc về phương tiện Bồ-đề. Nếu duyên chân như thật lý phát tâm Bồ-đề, hoặc duyên trí tuệ Như lai nói pháp phát tâm Bồ-đề, hoặc duyên thần thông biến hóa của Như lai mà phát tâm Bồ-đề cũng không được ở đây sử dụng. Kinh Văn-thù Vấn Bát-nhã chép: Vô phát là phát tâm Bồ-đe. Lại nữa, nếu một phát tất cả phát là phát tâm Bồ-đề, lại nếu chẳng phải một chẳng phải tất cả, mà là một mà là tất cả là phát tâm Bồ-đề, như thế tâm Bồ-đề này ngay nơi một mà là ba, đều là việc được ở đây sử dụng, ngay nơi một mà nói ba, ngay nơi ba mà nói một...

Phân biệt ba Bát-nhã:

Hỏi: Bát-nhã rất quên duyên rất vắng lặng, làm sao phân biệt các pháp?

Đáp: Dùng trí Nhất thiết để quán, nhìn bằng mắt trí tuệ thì thấy các pháp đều chẳng phải pháp thật. Nếu dùng trí Đạo chủng để quán, thấy bằng mắt pháp thì thấy chẳng phải pháp đều là pháp. Dùng trí

Nhất thiết chủng mà quán, thấy bằng Mắt Phật thì thấy pháp chẳng phải pháp, chẳng phải chẳng phải pháp, đều soi chiếu pháp, chẳng phải pháp. Nếu ba trí, ba mắt quán sát cùng lúc, thì tướng vắng lặng của tất cả pháp, các thứ hành loại tướng mạo đều biết năm mắt đầy đủ thành Bồ-đề, điều ông hỏi là chỗ thấy của mắt mờ, là sự quán sát nghiêng lệch, cho là thấy sai, đoạt thì rơi vào Ni-kiền.

21. Dẫn các kinh để chứng minh:

Nói về ba Phật tánh: Ngài Chân-đế nói: Chánh tánh ở Đạo tiền, liễu tánh ở Đạo trung, duyên tánh ở Đạo hậu, điều này chỉ nghe nói một lần, suy lý là không đúng. Kinh Hoa Nghiêm chép: Trong một có vô lượng. Kinh Đại phẩm chép: Một tâm có đủ muôn hạnh. Kinh Tịnh Danh chép: Giở chân lên, đặt chân xuống đều có Phật pháp. Kinh Pháp Hoa chép: Tất cả trí, nguyện vẫn còn không mất. Kinh Niết-bàn chép: Kho báu Kim cương đầy đủ không thiếu, nhưng có sự khác nhau giữa sâu, cạn, sáng tối.

Sơ lược về ba thức: Nếu phân biệt mà nói thì thuộc về ba người, đây là ý của "Biệt giáo", chẳng được ở đây dùng. Nếu theo Nhiếp Luận thì như văn nói đất nhuộm vàng, chính là Viên Y, đất tức là A-đà-na, nhiễm tức là A-lại-da, vàng là Am-ma-la, đây là luận thuyết Viên mãn.

22. Hỏi đáp về thức và trí:

Hỏi: Như Kinh nói, nương theo Trí không nương theo Thức, nay nói Ba thức thì Ba thức này có nên nương theo hay không?

Đáp: Kinh nói không nương theo Thức là thức sinh tử, ở đây thì không phải thế. Nói nương theo Thức, thức đó là tên khác của Trí còn gọi là thức thanh tịnh. Lại, ở Đạo tiền gọi chung là thức, Đạo hậu chuyển y tức là trí tuệ chưa rõ ràng.

23. Nói lược về ba đạo:

Phân biệt về ba đạo:

Hỏi: Giới bên trong nói có mười hai luân chuyển, ba đường mê hoặc, giới bên ngoài nói như thế nào?

Đáp: Luận Thật Tánh chép: Sống ở giới bên ngoài có bốn thứ chướng, đó là: duyên, tướng, sinh, hoại; Duyên là vô minh, là tác duyên của Hành, là phiền não đạo; Tướng: tức là kết nghiệp, đó là nghiệp đạo; Sinh: Tức là danh sắc... là bước đầu của khổ; Hoại là chỗ cuối cùng của cái khổ già chết, chính là khổ đạo. Có bốn chướng này chướng ngại bốn đức. Duyên làm chướng ngại sự thanh tịnh, Tướng làm chướng ngại ngã, Sinh làm chướng ngại lạc, Hoại làm chướng ngại thường, phá trừ bốn

chướng được thì hiển bày bốn đức.

24. Đặt tên theo văn kinh:

4. Nương văn kinh đặt tên:

Trên đây nêu nhiều thí dụ để tìm nghĩa nên việc nương văn đặt tên rõ ràng dễ hiểu. Vì sao? Vì tìm nghĩa thì sơ xa, nương văn lại gần gũi. Lấy lòng mình mà suy lường cho nên nói là sơ, nghĩa kia so sánh theo đây, cho nên nói xa, Đức Phật dùng miệng vàng mà nói cho nên nói thân, tức văn kinh này, cho nên nói gần, chẳng lẽ bỏ gần mà tìm sơ xa sao? Bắt đầu từ phẩm Tựa, cuối cùng với phẩm Tán Phật, trong các phẩm đó, nếu không nói danh từ Kim Quang Minh thì nói việc Kim Quang Minh, hoặc một phẩm nói tên không nói việc, hoặc một phẩm nói việc không nói tên, hoặc một phẩm tên, việc, hoặc một phẩm nói cả tên, việc nói riêng, hoặc một phẩm đặt nặng về tên hay đặt nặng về sự, cho nên biết các phẩm chẳng không, các thiên đều có. Vì nghĩa này cho nên nương văn đặt tên.

Phẩm Tựa chép: Kim Quang Minh này đứng đầu các kinh. Mở đầu nêu danh càng được sử dụng, kế là phẩm Tuổi thọ, bốn Đức Phật đều nhóm họp ở thành Vương Xá, phát ra (ánh sáng) chiếu soi thành Vương xá và tam thiên đại thiên thế giới này, phát khởi việc ấy. Trong phẩm Sám Hối, tin tướng mộng thấy trống vàng, hình dáng xinh đẹp, ánh sáng chiếu khắp suốt đêm, đến sáng bèn bạch lên Đức Phật. Trong phẩm Tán Thán, Kim Long Tôn Vương kính dâng trống vàng phát thệ nguyện rộng lớn, nguyện rằng, trong tương lai đêm đêm tôi được mộng thấy nghe nói như ban ngày. Phẩm Không chép: cho nên tôn kinh này được nói sơ lược, tôn kinh là Kim Quang Minh. Trong phẩm Tứ Vương, sáu lượt hỏi đáp, trong mỗi câu hỏi chú trọng nói về danh từ ấy, trong mỗi câu đáp chú trọng nói về việc ấy.

Lại khi hai tay dâng lò hương, khói hương biến thành lọng hương, ánh sáng vàng chẳng những xông khắp đại thiên này, mà khắp cả các cõi Phật mười phương... từ Đại Biện công đức trở xuống là nêu danh nêu việc, so sánh rất nhiều. Như giấc mộng của Tín Tướng là việc của Kim Quang Minh ở hiện tại, Long tôn phát nguyện là việc của Kim Quang Minh ở quá khứ; Lọng hương khắp đủ là việc của Kim Quang Minh ở tương lai. Một bộ một tên, việc khắp mười tám phẩm, một chỗ khói xông thì mười phương chiếu sáng, không phải chỉ hiện tại mà phô bày khắp ba đời, hoặc danh hoặc sự ngang dọc, cao rộng, vô lượng sâu xa là như vậy. Nhưng không lấy đó để nêu danh tìm nghĩa, không có một lời thí dụ, không mà gượng dùng, có mà không theo, biết rõ ràng

không cần nói nhiều. Lại các kinh, so sánh nhiều luận thuyết như Đạo Cán, Phủ kha, Tượng bộ thành kinh... Việc ấy chỉ cho việc được nói, vẫn tức là Danh, lại như nói việc Đạo cán, việc Phủ kha, Tượng bộ... tức gọi là Đạo cán, Phủ kha, Tượng bộ kinh sự vậy.

25. Đặt tên theo tự thể:

5. Ngày thể được tên:

Có sư nói: Chân-đế không tên gọi, Thế đế có tên gọi, gởi danh danh ở vô danh, mượn tục mà nói chân. Thành luận chép: Đối với vô danh tướng mượn danh tướng để nói. Nay trái với nghĩa này, tục vốn vô danh, theo chân đặt tên. Vì sao như kiếp sơ rộng lớn muôn vật không có tên, bậc Thánh ngước lên thì pháp chân thật, cúi xuống thì đặt tên thế tục. Như lý năng thông, nương chân mà gọi tên, như lý tôn quý nương chân mà gọi là báu, như lý có công năng bao trùm, nương chân đặt tên là "võng", như lý có công năng vượt lên, y theo chân đặt tên là "hướng".

Trong Kinh Hoa Nghiêm chép: Cày ruộng chuyển cái cày, quần áo làm giếng, đều là do bậc Thánh làm ra.

Đại kinh chép: Thế đế chỉ có tên gọi không có thật nghĩa; nghĩa đế bậc nhất vừa có tên gọi vừa có thật nghĩa, y theo đây mà suy, Chân-đế có danh thì còn bị mê hoặc gì? Bốn y của Bồ-tát Long Thọ tùy theo nghĩa lý mà đặt tên. Nghĩa tức là "nghĩa bậc nhất", lý là như lý.

Kinh Tịnh danh chép: Từ gốc vô trụ lập tất cả pháp; Kinh, luận đều nói như thế đâu thể không tin. Ở đây nói pháp của pháp tánh, đáng tôn đáng quý, gọi pháp tánh là "Vàng", pháp tánh này vắng lặng mà thường chiếu soi gọi là "Ánh sáng", pháp tánh đại bi này được nhiều lợi ích gọi là "sáng", tức là pháp môn " Kim Quang Minh". Bồ-tát nhập pháp môn này, nên từ pháp đặt tên, tức là Bồ-tát Kim Quang Minh. Phật rốt ráo pháp môn này nên có Kim Diễm Quang Minh Như lai, Kim bách Quang Minh chiếu tạng Như lai... Như thế vì sao gọi Thích-ca? Thích-ca ở đây có tên chung và riêng, từ chung nên gọi là Kim Quang Minh, từ riêng thì nói là Thích-ca cho nên phẩm Tán Phật chép: "Thân Như lai sắc vàng mầu nhiệm, "sáng" kia chiếu sáng gọi là "Ánh sáng", đây là khen ngợi thể Phật pháp, chẳng phải khen ngợi vàng ở thế gian. Phải biết tánh Phật pháp là vàng, chẳng giống như vàng thế gian.

Phẩm Ba Thân chép: đồng thể với các Đức Phật, đồng ý với các Đức Phật, đồng sự với các Đức Phật, cùng các Đức Phật đồng thể, ấy là đồng pháp tánh vàng. Đồng ý: là đồng pháp tánh Quang. Đồng sự: là đồng pháp tánh Minh. Vì thế, Hoa Nghiêm chép: Tất cả các Đức Như lai

cùng chung một pháp thân, một thân một trí tuệ, lực vô úy cũng giống như vậy. Một thân tức là đồng với "Vàng", trí tuệ tức là đồng với "Ánh sáng", lực vô úy tức là đồng với "sáng suốt", trong một pháp thể có đủ ba nghĩa. Cho nên Thọ Thần nói: Vô lượng đại bi nói ra kinh điển quý báu như vậy, đương thể đều là chất báu nhiệm mầu, chất báu này đầy đủ "Quang, Minh", không thể dùng vàng thế gian mà dụ với pháp.

■

KIM QUANG MINH KINH HUYỀN NGHĨA

QUYỂN HẠ

1. Hỏi đáp vì sao y theo văn:

Hỏi: Kinh này theo dụ mà đặt tên, làm sao khác nhau mà y theo văn?

Đáp: Không phải nay y theo Văn mà làm hại đến Dụ; Nếu chấp Dụ thì hại đến Văn, nghĩa có hai đường nên tồn tại cả hai, vì thế ở trước nói tìm nghĩa sâu xa nương văn gần gũi. Nếu người độn căn thì dùng dụ suy ra pháp; nếu người lợi căn thì ngay pháp mà làm thí dụ.

Văn dưới nói: Hiểu sâu pháp tánh, an trú trong ấy, tức đối với kinh Kim Quang Minh này mà được thấy ta, Thích-ca Mâu-ni. Phẩm Không nói: Vì độn căn cho nên khởi tâm Đại bi, người độn căn chấp chặt ngón tay, gốc cây, đâu biết mặt trăng, con thỏ, người lợi căn biết rõ nên không cần ngón tay, gốc cây...

2. Quán tâm giải thích tên gọi:

Kế là Quán tâm giải thích tên gọi: Vì sao phải vậy? Vì trên đây, chỉ nói về bậc Thánh vật báu của bậc Thánh, chẳng có phần trí của mình; giống như Chim Oanh vũ học nói, cũng như người đi buôn đếm tiền, không thể khai phát được kho báu của chính mình, nay muốn nói về châu báu của phàm phu ở Đạo tiền, từ chỗ nghe được mà tu tập cho nên nói Quán Tâm Thích. Kinh Tịnh danh chép: Sự giải thoát của các Đức Phật phải tìm ngay trong tâm hành của chúng sinh. Thích Luận chép: Có học vấn có trí tuệ là "sở thuyết", nên thọ nhận, chính là ý này.

3. Hỏi đáp vì sao quán một ấm:

Hỏi: Tâm có bốn ấm, vì sao bỏ ba quán một?

Đáp: Muôn vật trong trời đất chỉ có người là quý, thân cao bảy thước, chỉ có đầu là tôn quý, đầu có bảy lỗ thì mắt là quý, mắt tuy quý không bằng linh trí. Phải biết bốn ấm thì tâm là quý, vì quý cho nên quán. Tâm quý cho nên tâm chính là "Vàng". Ánh sáng đom đóm tự chiếu, ánh sáng đèn, đuốc, ngọc lửa thì ánh sáng đom đóm thua xa

không sánh bằng, ánh sáng trăng, sao ở chung với bóng tối, ánh sáng mặt trời thì có thể chiếu soi thiên hạ, nhưng không thể chiếu "lý", ánh sáng của tâm trí thì có thể phát trí chiếu lý, cho nên tâm là "Ánh sáng". Nếu tâm mờ tối thể khô héo thì tâm có ánh sáng trí tuệ thấm toàn màu đen.

4. Dẫn Kinh chứng minh:

Đại Phẩm chép: Bát-nhã rộng lớn cho nên sắc lớn, Bát-nhã tịnh cho nên sắc tịnh, cũng có thể lợi ích cho thọ, tưởng, hành... Tâm tức là "sáng". Lại biết tâm, vô tâm gọi là "Ánh sáng", biết tưởng, vô tưởng, biết hành, vô hành gọi là "sáng". Lại biết bốn ấm chẳng phải thật bốn ấm gọi là "Ánh sáng", biết sắc ấm không phải sắc ấm gọi là "sáng". Lại biết năm ấm chẳng phải năm ấm gọi là "Ánh sáng". Biết giả nhân chẳng phải giả nhân gọi là "sáng", biết chánh báo chẳng phải chánh báo gọi là "Ánh sáng", biết y báo chẳng phải y báo gọi là "sáng". Lại biết y chánh chẳng phải y chánh gọi là "Ánh sáng", biết tất cả pháp không phải tất cả pháp gọi là "sáng", hiểu được ý này tức là quán tâm Kim Quang Minh.

Ở trên y theo mười thứ ba pháp để luận về Kim Quang Minh. Ở đây quán tâm vương tức là quán khổ - đạo, quán tuệ số tức là phiền-não - đạo, quán các số tức là nghiệp đạo. Tâm Vương là "Vàng", tuệ số tức là "Ánh sáng", ngoài ra các số khác tức là Minh.

Kinh Tịnh Danh chép: "Quán thật tướng của thân, quán Phật cũng như vậy". Nếu sáu phần đầu, mình... mỗi phần đều là thân, thì ở đây là nhiều thân, nếu có một thân riêng thì không bao giờ có việc ấy. Nếu mỗi phần chẳng phải thân, thì khi hợp cũng không có thân. Nếu sáu phần đầu, mình... tìm thân không thật có, hiện tại không trụ cho nên không thật có. Nhân quá khứ diệt cũng không thật có, vị lai chưa đến cũng chẳng thật có, vừa có không cũng chẳng thật có, chẳng phải có chẳng phải không cũng không thật có. Như thế, khắp nơi tìm thân không bao giờ thật có, ngay nơi cái không này cũng không thật có, chỉ có tên gọi làm thân, như vậy tên gọi không ở trong, không ở giữa bốn ấm, không ở giữa sắc ấm, không ở giữa chẳng phải sắc tâm hợp, cũng không thường tự có, chẳng lìa sắc tâm. Phải biết công năng danh không vời lấy vật, vật không thật ứng danh, giả thật đã không thì tên gọi vật làm sao có.

Quán thân như vậy là quán thật tướng, thật tướng tức là "Vàng", trí quán thật tướng tức là "Ánh sáng"; duyên thân, các tâm, tâm sở, vắng lặng không hành tức là "sáng". Quán thân là giả danh, giả danh

đã như vậy; quán sắc, thọ tưởng, hành, thức cũng như vậy tức là quán khổ đạo.

5. Quán phiền não đạo:

Kế là Quán phiền não đạo: Phiền não và nghiệp đều là nhân của thân, nay thử khởi quán phiền não là nhân của thân. Kinh Tịnh danh chép: Không hoại nhân của thân mà tùy theo một tướng, nên thực hành phân biệt bốn trường hợp. Thân nào nhân quả đều hoại, thân nào nhân quả đều không hoại, thân nào hoại quả không hoại nhân, thân nào hoại nhân không hoại quả.

Thế nào gọi là quả của thân? Chính là sáu phần như đầu,... do cha mẹ sinh ra, vì sao thân là nhân? Chính là tham, sân, si, thân, miệng, ý nghiệp. Ở đây thử dùng ba nghiệp quán bốn quả tham, sân, si... ;dùng trí quán: Vô thường, khổ, không, để phá tham, sân, si ràng buộc cắt đứt gọi là hoại nhân của thân; không thọ hậu hữu gọi là hoại quả của thân. Hễ là dòng đời thì danh vọng áo đẹp, ăn uống nuôi lớn năm ấm, buông lung tâm ý, chạy theo tham, sân, si, tự mình khổ não, làm cho người khổ não, một thân chết hoại, lại thọ một thân, nhân quả nối nhau không có bờ mé, đó gọi là nhân quả đều không hoại, ví như phạm hiến pháp nhà vua giao cho Chiên-đà-la (người đao phủ), như kẻ thù đối tự hại thân thể; thân thể đã hư hoại thì bốn ấm cũng không còn, ấy là hoại quả.

6. Nói thêm về tham, sân, si:

Tham, sân, si là nhân của thân càng mạnh mẽ, càng trói buộc trong sinh tử, không có lúc được giải thoát, đó là câu thứ ba. Ba quả còn lại đều dùng quán trí vô thường để dứt bỏ nhân ràng buộc của năm phần dưới, quả thân của năm phần dưới vẫn chưa hết, đó gọi là hoại nhân của thân, không hoại quả của thân. Bốn trường hợp như vậy còn, hoại khác nhau, đều không theo một tướng. Theo một tướng, cái gọi là tu quán Đại thừa, quán một niệm tâm tham, sân, si, tâm là tự khởi, là đối trần khởi, là căn Đại thừa khởi, là lìa căn trần khởi, đều không phải nghĩa này. Vì chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải cộng, chẳng phải vô nhân, cũng chẳng phải tiền Niệm diệt cho nên khởi, chẳng phải sinh, chẳng phải chẳng sinh, chẳng phải diệt, chẳng phải chẳng diệt; như vậy tìm tâm khắp nơi không thật có, tâm còn vốn không, làm sao nói hoại, ấy gọi là không hoại nhân của thân, mà theo một tưởng. Theo một tướng tức là tùy theo vàng, trí theo tướng tức là theo ánh sáng, các số vắng lặng tức là theo sáng, đã được một trường hợp bất hoại, mà theo một tướng rõ ràng hoại nhân của thân, cũng theo một tướng mà hoại quả của thân, không hoại quả của thân, cũng theo một tướng đều cũng

như vậy...

7. Quán nghiệp đạo:

Kế là quán nghiệp đạo: Như kinh Tịnh Danh chép: Giở chân lên, đặt chân xuống đều là đạo tràng, đầy đủ tất cả Phật pháp. Khi quán giở chân đó là nghiệp cử, nghiệp là cử, là nghiệp, nghiệp giả cùng cử, là lìa nghiệp, nghiệp là cử, nếu nghiệp cử không liên quan với nghiệp, nghiệp là cử không liên quan với nghiệp, đều đã không cử thì, hợp cũng không cử, hợp đã không cử, thì lìa cái nào mà được cử, giở chân lên đã không thì đặt chân xuống cũng không, quán hành đã như vậy, thì đứng, ngồi, nói năng, làm việc cũng như vậy. Đó là quán tướng thật của nghiệp, gọi là vàng; quán trì này gọi là ánh sáng, các oai nghi trong tâm đều thường vắng lặng gọi là sáng. Ấy là ba đạo gọi là Kim Quang Minh.

Hễ có tâm thì đầy đủ pháp giới pháp tánh Kim Quang Minh. Nếu hiểu được như vậy thì đó là danh tự Kim Quang Minh, thường nương vào quán này, niệm niệm không dừng, tâm tâm nối nhau, tức là quán hành Kim Quang Minh. Nếu mù mờ như còn trong vỏ, nhìn chưa được rõ ràng, nhắm mắt thì thấy, mở mắt thì mất, đây là tương tự Kim Quang Minh. Nếu thấy được rõ ràng, mở mắt nhắm mắt đều thấy, là phần chứng Kim Quang Minh, nếu quả Diệu giác tròn đầy rốt ráo rõ ràng, gọi là Kim Quang Minh rốt ráo.

8. Quán tâm nói về ba thức:

Kế là quán tâm rõ ba thức: Nói về Kim Quang Minh, quán kỹ một niệm tâm, tức không, tức giả, tức trung, tức là quán tâm thức đối với ba thức, vì sao ý thức gá vào duyên mà phát ý? Vốn không có thức thì duyên vào cái gì để phát? Lại trong duyên có thức hay không? Nếu có thức duyên thì tức là thức, sao gọi là duyên? Còn không có thức thì làm sao phát ra thức được? Nếu ý duyên hợp phát, cả hai đều không, cho nên hợp không thể phát, lìa càng không thể phát. Nên biết thức này không ở một chỗ, từ các duyên sinh, pháp từ duyên sinh ta nói tức là “không”, ở trong “không” này giả làm phân biệt, thức xấu ác này chính là thức tốt, quấy ác này chẳng phải thức tốt, các thứ đều hết, gượng nói là “chẳng phải” thức, nếu chắc chắn là “không” thì không thể làm giả thức, nếu chắc chắn “giả” thì chẳng thể là không, nên biết không chẳng phải không giả chẳng phải giả, chẳng phải không chẳng phải giả, hai bên đều quên, chính là nói lên “Trung đạo”. Trong một niệm thức ba quán đầy đủ, thức đối với ba thức, cũng chẳng được ba thức quán. Vì thế kinh Tịnh Danh chép: Không quán sắc, không quán sắc như, không quán tánh sắc... cho đến không quán Thức, không quán Thức

như, không quán Tánh thức. Cả hai soi chiếu Thức, Thức như, Tánh thức rõ ràng không có. Vì chiếu tánh thức cho nên là thức Am-ma-la, vì chiếu thức Như cho nên là thức A-lê-da, vừa chiếu vừa diệt cho nên là thức A-đà-na, đó gọi là quán ba thức Kim Quang Minh trong tâm. Sáu tức vị, như trên đã nói.

9. Quán tâm nói về ba Phật tánh Kim Quang Minh:

Kế là Quán tâm rõ ba Phật tánh Kim Quang Minh: Quán một niệm tâm khởi, tức không, tức giả, tức trung, thì thấy ba Phật tánh. Vì sao tâm theo duyên khởi, cho nên tức không, gượng nói có tâm cho nên tức giả, chẳng ngoài pháp tánh cho nên tức trung, ở đây đã giải thích rõ ràng. Lại dẫn trong kinh để chứng minh; kinh Tịnh Danh chép: Sao gọi là gốc bệnh? Cái gọi là phan duyên, sao gọi là phan duyên? Phan duyên là duyên ba cõi, chứng được tính chất giả dối của nó. Thế nào gọi là dứt các phan duyên? Nghĩa là tâm không thật có, đây là chứng "tức không". Bệnh của Ta và của chúng sinh đều chẳng thật, chẳng phải có, đây là chứng "tức trung".

Kinh Hoa Nghiêm chép: Ba thứ Tâm, Phật và chúng sinh chẳng khác nhau, đây là chứng quán tâm, tức là ba Phật tánh. Kinh Bát-chu Tam-muội chép: Tâm ta Như, tâm Phật Như, tâm Phật như, tâm ta như, không thấy tâm ta là tâm Phật, không thấy tâm Phật là tâm ta, mà thấy Phật A-di-đà, giống như trong lưu ly thấy hình bóng, giống như đói nằm mộng thấy ăn, giống như mộng thấy làm việc dâm, như quán ánh sáng của xương... đều là văn chứng tức không tức giả tức trung, đọc văn kinh này phải nên tinh ý. Nếu là "như" thì đọc là "tức không", nói lên "như" có nhiều tâm lăng xăng là "tức giả", thấy A-di-đà "tức trung".

10. Phân biệt giữa ta và Phật:

Lại tâm ta như, tâm Phật như: Vì có phân biệt khác nhau giữa ta như, Phật như... do đó là tức giả, từ không thấy tâm ta và tâm Phật cách xa nhau, là "tức không", mà thấy Phật A-di-đà cũng là "tức không". Lại lấy nằm mộng thấy ăn mà thí dụ, nằm mộng mà ăn thì không no, dụ cho "tức không", mộng thấy ăn trăm vị dụ cho"tức giả", đều không nằm khỏi pháp tánh dụ cho "tức trung". Các thí dụ khác cũng giống như vậy.

Lại giải thích rằng: tâm ta Tâm Phật là giả danh, giả danh phân biệt khác nhau giữa ta và Phật, tâm ta Như, tâm Phật Như, phàm Thánh đều không. Không đắc tâm ta, không đắc tâm Phật, đâu có tâm ta làm tâm Phật, tâm Phật làm tâm ta, vì là mất giả, không đắc tâm ta Như, không đắc tâm Phật Như, đâu có tâm ta như làm tâm Phật Như, vì là mất

Không; không và giả cả hai đều mất, chính là nói lên Trung đạo. Nhưng thấy Phật A-di-đà: là song chiếu "hai đế". Thường thấy các Đức Phật khác, đâu không thấy ư? Đây lại là văn chứng quán tâm tức không tức giả tức trung. Quán tâm tức trung là chánh nhân Phật tánh, tức không là liễu nhân Phật tánh, tức giả là duyên nhân Phật tánh; đó là ba Phật tánh về quán tâm. Sáu tức vị của Kim Quang Minh này như trước đã nói.

Lại, Phật là trí giác. Tánh là lý cùng tột. Có thể dùng trí giác soi chiếu lý kia, cuối cùng cảnh trí tương xứng hợp lại để nói, gọi là Phật tánh. Nay quán năm ấm xứng với thật tướng năm ấm, gọi là "Chánh nhân Phật tánh", quán giả danh xứng với thật tướng giả danh gọi là "Liễu nhân Phật tánh", quán các tâm sở xứng thật tướng tâm sở gọi là duyên nhân Phật tánh". Cho nên kinh nói Phật tánh không tức sáu pháp mà không lìa sáu pháp là vậy.

Quán thật tướng năm ấm nên gọi là "Vàng", quán thật tướng giả danh nên nói là "Ánh sáng", quán thật tướng tâm sở nên gọi là "sáng". Sáu tức vị, cứ như trước suy nghĩ thì biết. Vấn đề này rất cần cho nên phụ ở sau.

11. Quán tâm Ba Bát-nhã Kim Quang Minh:

Kế là quán tâm ba Bát-nhã Kim Quang Minh: Quán kỹ một niệm tâm, tức không tức giả, tức trung, tức là ba Bát-nhã. Thế nào là một niệm tâm nhất thiết tâm? Tất cả tâm một tâm, chẳng phải một chẳng phải tất cả. Một niệm tâm, tất cả tâm là từ tâm sinh tâm, dồn dập nối nhau, nước nhanh gió mạnh cũng không ví dụ được. Ngày đêm thường sinh vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng sinh, luân hồi trong sáu đường, mười hai mắc xích, từ tối tăm đến tối tăm, tối tăm không bờ mé, đều trải qua tâm vậy. Cho nên nói một niệm tâm, tất cả tâm, cho nên là điều phàm phu quên mất. Tất cả tâm, một tâm, nếu biết được lỗi sinh tâm nhàm chán, đều tự giữ gìn, giống như đốm lửa nhỏ đốt cháy đống củi lớn; bỏ một viên ngọc nhỏ lóng trong biển lớn. Quán được tâm Không, tất cả các tâm từ tâm sinh ra thảy đều "tức không", cho nên nói nhất thiết tâm một tâm, một tâm như vậy chính là chỗ Nhị thừa bị mê muội, Không phải là đạo lý rốt ráo, hai bên đều mất, phiền não không phải một, không phải tất cả, Đại kinh dạy: nương trí không nương thức, thức chỉ cầu lạc; phàm phu biết vọng cầu vui, Nhị thừa thức cầu vui Niết-bàn, cho nên cả hai đều quên không được. Nương trí thì cầu lý, quán như thế tức là một tâm ba trí. "Tức không" là quán chiếu Bát-nhã nhất thiết trí, "tức giả" là phương tiện Bát-nhã đạo chủng trí, "tức trung" là thật tướng Bát-nhã nhất, thiết chủng trí; đó là được ba trí trong một tâm,

tức không tức giả tức trung, không trước không sau, không cùng không khác, sâu xa mầu nhiệm, rất đáng nương nhờ, ấy là Quán tâm ba Bát-nhã Kim Quang Minh. Sáu tức như trước đã nói.

12. Quán tâm ba Bồ-đề Kim Quang Minh:

Kế là Quán tâm ba Bồ-đề: Kim Quang Minh là quán kỹ một niệm tâm, tức không tức giả tức trung, tức là tâm ba Bồ-đề. Vì sao một tâm nhất thiết tâm giao kết rối loạn giống như tơ, như cát, như tằm, như con ngài, làm khổ làm não. Nếu biết tâm Bồ-đề Chân-đế tức không thì độ được chúng sinh có tâm sở vọng loạn, thông suốt chỗ ngăn lấp của Tứ trụ, ấy là "tức không" phát tâm Bồ-đề. Tức giả phát tâm Bồ-đề: "Không" tuy không có vọng loạn, kinh dạy, không làm loạn ý chúng sinh mà trí loạn, rất mờ tối và đó lại là hầm hố "ba vô", ấy là Oán điểu của Đại thừa, chưa đầy đủ Phật pháp, không nên diệt thọ mà thủ chứng. Nếu chân tức giả, tục đế tâm Bồ-đề, chúng sinh vượt qua sự mê đắm tâm sở "không", thông suốt chỗ ngăn lấp của trần sa, phân biệt được thời nghi không thể phân biệt, phân biệt bệnh, thuốc, phân biệt giúp cho hiểu rõ, không trụ "vô vi" nên nói tức giả phát tâm Bồ-đề.

"Không" là để đối trị tâm trôi nổi, giả là đối trị tâm chìm đắm, do bệnh cho nên có thuốc, thuốc còn nên lại thành bệnh, bệnh đã qua thuốc hết, cả hai phải nên xả bỏ, chẳng phải không chẳng phải giả hai bên đều mất, tức là phát tâm Bồ-đề trung đạo nghĩa đế bậc nhất, độ chúng sinh còn tâm sở chấp hai bên, thông suốt sự ngăn lấp của vô minh, dùng không chấp pháp để trụ vào trung đạo. Nói "tức trung" phát tâm Bồ-đề, khi nói nếu ba thứ lớp quán thì không đúng. Trong một tâm ba tâm Bồ-đề, nếu quán "tức trung" thì đó là duyên "Vàng", phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nếu quán "tức không" thì đó là duyên "Ánh sáng", phát tâm thanh tịnh Bồ-đề, nếu quán "tức giả" thì đó là duyên "sáng", phát tâm rốt ráo Bồ-đề. Đó là quán tâm ba Bồ-đề Kim Quang Minh. Sáu tức như trước đã trình bày

13. Quán tâm ba Đại thừa Kim Quang Minh:

Kế là quán tâm ba Đại thừa Kim Quang Minh.

Quán kỹ một niệm tâm, tức không, tức giả, tức trung là ba Đại thừa. Vì sao tuy quán tâm nhất niệm mà thật có bốn việc xoay vần và tâm này xoay chuyển không dừng? Đó là chưa niệm, sắp niệm và niệm rồi, từ chưa niệm chuyển đến sắp niệm, từ sắp niệm chuyển đến niệm, từ niệm chuyển đến niệm rồi, lại khởi sự xoay chuyển, xoay chuyển không cùng chẳng biết dừng lại, giống như ở trong thuyền, nhắm mắt không biết sự nhanh chóng của nó. Quán một niệm tâm tức không tức

giả tức trung, mỗi một niệm tâm cũng giống như vậy. Từ tâm đến tâm, đều tức không tức giả tức trung, đó là từ ba đế chuyển đến ba đế; khi không có ba đế, ấy gọi là dùng chuyển, nếu xoay chuyển thuận theo bốn chuyển thì chuyển vào sinh tử, hoặc theo ba chuyển thì chuyển vào Niết-bàn. Quán "tức không" nương theo tùy thừa, chuyển đến "Chân-đế". Quán "tức giả" nương nơi đắc thừa, chuyển đến "tục đế". Quán "tức trung" nương theo lý thừa, chuyển đến "trung đế". Ba thừa tức nhất thừa, thừa này nhiệm mầu thanh tịnh bậc nhất. Là thừa mà các bậc đại nhân như Quán Âm, Phổ Hiền nương tựa nên gọi là Đại thừa. Đó là quán tâm ba Đại thừa Kim Quang Minh. Sáu tức như trước đã nói.

14. Quán tâm Ba thừa Kim Quang Minh:

Kế là Quán tâm ba thân Kim Quang Minh: Quán kỹ một niệm tâm, tức không, tức giả, tức trung, tức là ba thân. Vì sao trong Hoa Nghiêm chép: Tâm người như thợ vẽ tạo các thứ năm ấm, nếu tâm duyên việc phá giới đó là thân địa ngục; duyên vô tàm, vô quý, kiêu mạn, tức giận.... là thân súc sinh; duyên với dua nịnh, quanh co, danh vọng tức là thân ngạ quỷ, duyên ganh ghét, tranh giành, là thân A-tu-la, duyên năm giới, ngăn dứt năm điều ác tức là thân người; duyên với thiền định ngăn dứt tán loạn là thân trời; duyên với vô thường, khổ, không, vô tướng, vô nguyện là thân Nhị thừa; duyên với Từ bi, lục độ là thân Bồ-tát; duyên với chân như thật tướng là thân Phật.

Lên cõi trên thì khó đọa xuống cõi dưới thì dễ, thường duyên với các thân xấu. Do đó mà biết các thân đều do tâm tạo. Ví như tất cả mặt đất có công năng sinh ra và nuôi lớn các thứ mầm, nếu quán năm thọ ấm, thấy rõ ràng là Không, chẳng thật có, từ tâm sinh ra tất cả các thân cũng đều Không, chẳng thật có, giống như mặt đất cỏ cây chết hết, cho nên nói Tức không. Nếu tức không mà mãi chìm đắm như tro lạnh thì còn không thể khởi một thân đối với một không tâm, làm sao có thể dạo chơi trong năm đường cho được, hiện đời không được đáng độ bằng thân Phật thì hiện thân Phật để độ. Nên dùng các thân ba thừa, bốn chúng, tám bộ được độ, thì đều thị hiện đồng với sự nghiệp của họ. Vì lỗi này cho nên nói tức giả đồng thân trong sáu đường. Quán thân như vậy là rơi vào hai bên, chẳng phải khéo quán thân.

15. Nói về khéo quán thân:

Đại kinh chép: Không được dùng thân cao tám thước, không được dùng thân tướng năm bào hình thành, không được dùng thân do ăn uống nuôi dưỡng, không được dùng thân do quả báo của năm giới, không được dùng thân nhóm họp: ấm, nhập, giới, không được dùng thân một

giả thật thành thân. Không được dùng thân hai đại, bốn đại thành thân, không được dùng thân này phải bỏ một thân khác. Không được dùng thân bằng các thứ di thể kia, không được dùng thân biết niệm niệm vô thường. Không được dùng thân giống như thân trong hư "không", sáu đường đều có thân, không được dùng thân tu nương thân có khả năng tu pháp. Không được dùng thân người tu tức hành nhân, cũng không được dùng thân như, thân tướng như, cho đến thân tu như, tu giả như cũng không được, thân tánh, thân tướng tánh, cho đến thân tu, tánh tu, tánh rốt ráo thanh tịnh; vì lý do này nên nói là "tức trung", nói tức trung là "pháp thân", tức không phải "báo thân", tức giả là "ứng thân" tức gọi là quán tâm ba thân Kim Quang Minh. Sáu tức như trước đã trình bày.

16. Nói về quán tâm ba Niết-bàn Kim Quang Minh:

Kế là Quán tâm ba Niết-bàn Kim Quang Minh: Quán kỹ tâm tánh xưa nay vắng lặng, không nhiễm không tịnh vì nhiễm nên gọi "sinh", tịnh nên gọi là "diệt". Sinh diệt không thể hủy hoại cho nên là "thường", không thể nhiễm cho nên là "tịnh", không gì có thể chướng ngại cho nên "ngã", không thể thọ cho nên "lạc", đó là Niết - Bàn tánh tịnh. Nếu tâm khởi vọng niệm, đều dùng chánh quán để quán, để chánh quán này tương ưng với pháp tánh, vọng niệm không thể làm nhiễm, không thể làm hư hoại, không thể làm chướng ngại, không thể lãnh thọ, thường, lạc, ngã, tịnh: tức là Niết-bàn Viên tịnh. Lại dùng chánh quán để quán các tâm, tâm sở, không hành tâm sở, không thể hủy, không thể nhiễm, không thể chướng ngại, không thể thọ, gọi là Niết-bàn Phương tiện tịnh. Đó gọi là quán tâm ba Niết-bàn Kim Quang Minh. Sáu tức như trước đã nói.

17. Quán tâm ba ngôi báu Kim Quang Minh:

Kế là Quán tam ba ngôi báu Kim Quang Minh: Quán kỹ một niệm tâm, tức không tức giả tức trung, tức là ba ngôi báu. Vì sao bất giác gọi là Pháp bảo, giác gọi là Phật bảo, hòa hợp gọi là Tăng bảo? Lý ba đế bất giác nên gọi là Pháp bảo; Trí ba đế năng giác nên gọi là Phật bảo, ba trí của tam đế tương ưng hòa hợp nên gọi là Tăng Bảo. Không có đế, trí không phát, không có trí, đế không thể hiển bày, đế trí không hòa thì không thể có đại dụng lợi ích cho chúng sinh, ba thứ đều đáng tôn đáng trọng, cho nên đều gọi là bảo. Sáu tức như trước. Lại nữa, Trung đế bất giác gọi là Pháp bảo, Chân-đế bất giác gọi là Phật bảo, tục đế bất giác gọi là Tăng bảo. Biết tức trung lìa hai bên gọi là Pháp bảo, biết Tức không gọi là Phật bảo, biết Tức giả gọi là Tăng bảo. Tức trung sự lý hòa gọi là Pháp bảo, Tức không sự lý hòa gọi là Phật bảo; Tức giả

sự lý hòa gọi là Tăng bảo. Tức Trung gọi là "Vàng", tức Không gọi là "Ánh sáng", Giả gọi là "sáng", đó là quán tâm ba ngôi báu Kim Quang Minh. Sáu tức như trước đã nói.

18. Quán tâm ba đức Kim Quang Minh:

Kế là Quán tâm ba đức Kim Quang Minh: Quán kỹ một niệm tâm, tức không tức giả tức trung. Tức không cho nên một không tất cả không, vô giả, vô trung và bất không. "Không" chẳng chứa nhóm nên gọi là kho, kho đầy đủ nên gọi là "đức". Tức giả cho nên một giả tất cả giả, vô "không" vô "trung" và chẳng "giả". Giả thu nhiếp các pháp cũng gọi là kho, kho đầy đủ nên gọi là "đức". Tức "trung" cho nên một "trung", tất cả "trung", vô không, vô giả và bất trung. "Trung" thu nhiếp tất cả pháp cũng gọi là kho, kho đầy đủ nên gọi là "đức". Tuy nói trong một có vô lượng, trong vô lượng có một, nhưng biết rõ kia sinh khởi lẫn nhau, xoay vần sinh ra "không".

Thật trí không lo sợ, nên biết một chẳng phải ít, đông chẳng phải là nhiều, chẳng phải một chẳng phải nhiều, không mất một nhiều, không thể suy nghĩ bàn, không dọc không ngang, không đồng không khác. Các Đức Phật lấy "tức trung" làm Thể, nên gọi là "pháp thân", lấy tức không làm Mạng nên gọi là "Bát-nhã", lấy tức giả làm năng lực nên gọi là "giải thoát", mỗi thứ đều thường, lạc, ngã, tịnh không có thiếu sót, nên gọi là "ba đức", mỗi đứa đều là pháp giới, chứa đựng rất nhiều nên gọi "kho bí mật". Vì thế kinh Tịnh Danh chép: Các Đức Phật giải thoát ngay trong tâm hạnh mong cầu của tất cả chúng sinh, nên biết tâm ta cũng thế, chúng sinh cũng thế, kia và ta đã như thế, các Đức Phật cũng thế.

19. Nói về tâm, Phật và chúng sanh:

Ba pháp Tâm, Phật và chúng sinh chẳng khác nhau, hiểu được ý này, thì tức trung là Kim, tức không là Quang, tức giả là Minh, đây là quán tâm ba đức Kim Quang Minh. Sáu tức như trước đã nói. Thế gian có người thực hành "không" chấp si không, không hợp với kinh Phật, nghe đây rồi quán tâm mà có lời vặn hỏi, nếu quán tâm là pháp thân thì lẽ ra khi gặp mọi việc đều bình đẳng, vì sao nói đối với kinh, tượng sinh cung kỉnh, còn giấy, gỗ sinh khinh lờn? Kỉnh và khinh đã khác thì không có bình đẳng, không bình đẳng cho nên nghĩa pháp thân không thành. Không bình đẳng, trí bình đẳng không thành, thì không có báo thân, không thể đem cái này hóa thành cái khác, nghĩa ứng-thân không thành. Không giống như ta đối với kinh, tượng, giấy, gỗ. Bình đẳng bình đẳng đều Như như gọi là "pháp thân". Có trí bình đẳng này là "báo

thân”, biến trí này hóa thành cái khác là “ứng thân”.

20. Đáp bằng cách hỏi việc:

Nghĩa ba thân của ta đều thành thì người cần quán tâm làm gì? Nếu bị người hỏi điều này, nên đáp bằng cách hỏi ba việc:

1. Ông nói đối với giấy gỗ, kinh, tượng bình đẳng là như, vậy vì sao đối với thất miếu cung kính tượng gỗ, Thiên tử ban sắc hiệu mà sinh kính sợ, đối với kinh tượng Phật mà sinh khinh bỉ, ngạo mạn. Đã khởi các sử loạn, thì chỗ nào có nghĩa là pháp thân bình đẳng ư?

2. Ông đối với người đồng thầy đồng học mà sinh thương mến, giúp đỡ, đối với người khác thầy, khác học mà sinh ngạo mạn oán giận; thương yêu), ngạo mạn từ mê muội sinh ra ba độc lẫy lừng, các điều ác càng nhiều, chẳng lẽ có báo thân trí tuệ hay sao?

3. Ông mê đắm “không”, chẳng có tuệ phương tiện, còn không vui lòng người, huống gì hiểu rõ chí lý, tự chấp kiêu căng, là người tăng thượng mạn, thầy ông bị đọa ông cũng đọa theo, khí độc nhập sâu, nếu hóa tà khí này ra thứ khác thì ánh sáng ứng thân ở chỗ nào? Tôi ở địa vị phàm phu quán tướng “Như” thật, đó là vì muốn mở bày tướng thật này, cung kính kinh, tượng, khiến cho trí tuệ không trói buộc, giúp cho vô lượng người tôn sùng điều lành, dứt bỏ điều ác, khiến phương tiện không bó buộc, chẳng lẽ đồng với ông sao?

21. Giải thích Đế vương:

Nay lại giải thích Đế vương, Tam Tạng Chân-đế nói: Pháp thân nhiếp Hoa Nghiêm, Thể của Hoa Nghiêm là pháp thân Báo thân nhiếp Bát-nhã, Bát-nhã làm sáng tỏ trí tuệ; Ứng thân thu nhiếp Niết-bàn, Niết-bàn làm sáng tỏ trăm câu, giải thoát, bốn đức... đây là Đại sư thấy rõ nghĩa Đế vương thống nhiếp. Ở đây nói Đế vương phải đủ ba nghĩa, nghĩa là Đế Tuệ Vương. Đế thì rất tôn quý chí tôn chí trọng; Tuệ thì mưu lược của thần, kế sách của bậc Thánh; Vương thì muôn nước hướng về, có đủ ba nghĩa này gọi là Đế Tuệ Vương. Kinh này cũng vậy, Như lai sống trong pháp tánh sâu xa vô lượng, trải qua các việc làm thanh tịnh của các Bồ-tát, tức là nghĩa rất tôn quý. Nếu người nào nghe được, thì sẽ suy nghĩ nghĩa cao cả sâu xa mầu nhiệm, mở cửa cam lồ, vào thành cam lồ, ở nhà cam lộ, khiến cho các chúng sinh ăn vị cam lồ, dùng năng lực trí tuệ cắt đứt lưới phiền não, tức là nghĩa mưu kế dũng cảm của trí tuệ bậc Thánh.

Các Đức Phật hộ trì trang nghiêm, Bồ-tát và các vị trời cung kính, các vị Hộ thế khen ngợi, có thể khiến cho các sông địa ngục khô cạn, cho đến tất cả những việc thế gian chưa hề có thảy đều hiện ra đầy đủ,

tức là muôn nước hướng về. Suy xét nhiều nghĩa lợi ích, dùng ba nghĩa này trải qua mười loại ba pháp môn. Khổ Đạo tức pháp thân là nghĩa Quý, phiền não tức Bát-nhã là nghĩa tuệ, nghiệp tức giải thoát là nghĩa nhóm hội. Cho đến Pháp thân đức tức nghĩa Quý, Bát-nhã đức tức nghĩa Tuệ, giải thoát đức tức nghĩa nhóm hội luận nghị. Mỗi pháp môn đều là Kinh Vương. Đã được ý này tức là luận về nhiếp pháp. Nhiếp pháp có ba: 1 Nhiếp pháp môn. 2. Nhiếp Kinh giáo. 3. Nhiếp Lục tức vị:

1. Nhiếp pháp môn: là ba đạo thu nhiếp tất cả hoặc, ba thức thu nhiếp tất cả giải (hiểu biết), ba Phật tánh thu nhiếp tất cả Nhân, ba Bát-nhã thu nhiếp tất cả Trí, ba Bồ-đề thu nhiếp tất cả hạnh phát tâm, ba Đại thừa thu nhiếp tất cả giai vị phát thú, ba thân thu nhiếp tất cả Phật quả trí đức, ba Niết-bàn nhiếp tất cả Phật quả đức dứt, ba ngôi báu bảo thu nhiếp tất cả Phật quả ân đức, ba đức thu nhiếp tất cả lý; đó là pháp môn thu nhiếp theo chiều ngang..

2. Nhiếp giáo: Ba đạo là ba chướng, ngay nơi ba chướng là ba giải thoát, nhiếp bất tư nghì giải thoát tịnh danh giáo, ba thức thu nhiếp Lăng-già, Địa trì, Nhiếp luận... ba Phật tánh thu nhiếp Niết-bàn; ba Bát-nhã thu nhiếp năm thời giáo Đại phẩm... ba Bồ-đề thu nhiếp các kinh Phương Đẳng, ba Đại thừa nhiếp Pháp hoa, ba thân nhiếp Hoa Nghiêm; ba Niết-bàn, ba ngôi báu, ba đức... đều thu nhiếp Niết-bàn. Ở đây nêu đạo lý trong các kinh, kinh là kho chứa tám muôn pháp, đều thu nhiếp như thế...

3. Nhiếp vị: Khổ đạo có tất cả năm ấm. Phiền não đạo có năm trụ hoặc, nghiệp đạo có tất cả nghiệp, cho đến... Ba đạo là ba chướng, ngăn che sáu vị. Nếu ngay (nơi) ba thứ phi đạo mà hiểu suốt ba thứ Phật đạo, sáu vị đã hiển bày thì nhiếp các vị; cho đến ba đức cũng có sáu vị, ba đức đã nhiếp đủ thì sáu vị há không thâu đủ sao? Trong đó thì lệ theo đây có thể tự biết... Lý do làm ba phen thu nhiếp là hợp ba nghĩa Đế Tuệ Vương. Thu Nhiếp pháp môn hợp nghĩa quý, thu nhiếp giáo hợp nghĩa tuệ, nhiếp vị hợp nghĩa vương; lại nhiếp pháp môn là thu nhiếp ngang, thu nhiếp vị là nhiếp dọc, thu nhiếp giáo là nhiếp cả ngang dọc, nghĩa thống nhiếp đã rõ, thì nghĩa kinh vương cũng hiển bày.

22. Quán tâm làm sáng tỏ kinh vương:

Kế là Quán tâm làm sáng tỏ Kinh Vương: Quán tâm tức trung là nghĩa quý, quán tâm tức không là nghĩa tuệ, quán tâm tức giả là nghĩa nhóm hội, đó là quán Kinh Vương trong tâm. Quán tâm nói về vị: Chúng sinh vốn có lý tánh Kim Quang Minh, tâm chỉ có danh, tức danh tự Kim Quang Minh, niệm niệm tu quán tức quán hạnh Kim

Quang Minh. Quán tâm thuần hậu, tức tương tự Kim Quang Minh. Hội nhập dòng pháp tức phần chứng Kim Quang Minh. Cùng bờ đến đáy tức là rốt ráo Kim Quang Minh. Nếu không tu quán chỉ nghe suông thì được lợi ích gì? Giống như núi báu đẹp xa, chân không bước đi đâu thể đến được là nghĩa này vậy, phải quán tâm một phen khiến cho văn tuệ đầy đủ.

A. Kế là giải thích tên chung: Như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói...

B. Phân biệt thể: chia làm ba:

1. Giải thích tên gọi.
2. Dẫn chứng.
3. Phân biệt.

- Giải Thích tên gọi: Thể là chất, chất là thể chất chính thế nào là thể chất chính? Pháp thân pháp tánh phải trải qua thể chất, hoặc nương theo nghĩa, pháp thân là thể chất, hoặc nương theo văn thì pháp tánh là thể chất. Pháp thân pháp tánh chỉ là khác tên, chẳng phải hai thể, muốn khiến cho dễ hiểu cho nên nên cả hai như thế. Nay thể chất là Phật sống trong pháp tánh.

Văn chép: Lúc bấy giờ, Như lai sống trong vô lượng pháp tánh sâu xa, trải qua các việc làm thanh tịnh của Bồ-tát, vì thế biết thể này không cùng chung với Bồ-tát ở hạ địa và hàng Nhị thừa, không chung với pháp tánh. Nhưng mà, Phật đã sống trong "Trí Nhất thiết chủng", lấy đây làm căn bản vô lượng công đức và các hạnh trang nghiêm để hướng về. Lời nói, hỏi đáp đều giải thích việc ấy, giống như các sao chầu về sao Bắc đẩu, như muôn dòng chảy ra biển Đông, do đó lấy pháp thân pháp tánh làm tính chất chính cho tự thể của kinh này.

23. Giải thích của các nhà soạn sách:

Cho nên các nhà soạn sách giải thích: Lễ là thể. Thể có cao thấp, lớn nhỏ, thể của vua, của cha là tôn quý, thể thấp hèn của quan, của con là thấp hèn, nên biết giải thích lễ và thể đồng với ý nghĩa pháp tánh trong kinh. Chỗ Như lai an trú là chỗ Phật che chở, giữ gìn, do đó mà biết thể này là pháp rất quý. Lại nữa, thể là nghĩa tận đáy, cùng nguồn tận gốc, chứa hết mọi lý, làm sáng tỏ mé thật, mới gọi là tận đáy. Thích Luận chép: Biển trí rộng lớn chỉ có Phật mới cùng tột, ở đây đồng với ý nghĩa sâu xa của pháp tánh trong kinh này. Phải biết pháp tánh cao sâu, dọc cùng biển Phật, vì thế dùng nghĩa tận đáy để giải thích "thể".

Lại, thể là nghĩa "Đạt", được ý của thể này thông suốt không ngưng trệ, giống như gió trong hư không tự tại không chướng ngại. Tất

cả tên khác nói riêng đều không chống trái với pháp tánh. Thích Luận chép: Bát-nhã là một pháp, Phật nói nhiều tên, tùy theo các loại chúng sinh mà đặt tên khác nhau. Lại nói: Nếu đúng như pháp quán Bát-nhã và Niết-bàn của Phật, thì ba thứ đồng nhau, thật sự không có khác. Ở đây đồng với ý nghĩa pháp tánh vô lượng của kinh này. Phải biết pháp tánh rộng lớn không bờ mé, ngang gồm thâu pháp giới, trùm khắp không bị ngăn cách. Vì thế dùng nghĩa "Đạt" để giải thích "thể".

24. Dẫn chứng làm sáng tỏ:

Hai là Dẫn chứng: Phẩm Tựa chép: Như lai sống trong vô lượng pháp tánh sâu xa. Phẩm Quỷ thần nói: Nếu nhập vào kinh này tức nhập vào pháp tánh, như pháp tánh sâu xa. Hai là văn đã nói pháp tánh sâu xa, thì biết phân biệt khác với pháp tánh mà hàng Nhị thừa, Bồ-tát đã được. Phẩm Không chép: Tôn kinh này giải thích sơ lược, nói về không tức Như.

Phẩm Tán Phật chép: Biết hữu phi hữu bản tánh vắng lặng, phải rõ những thứ này, đều là tên khác của "thể", đều hội nhập pháp tánh. Pháp: là khuôn phép, Tánh là bất biến, bất biến cho nên thường nhất, pháp tánh thường nhất này là khuôn phép của các Đức Phật, do đó nói pháp tánh là thể của kinh này.

25. Hỏi đáp về pháp tánh:

Ba là phân biệt.

Hỏi: Pháp tánh chắc chắn là "không" hay chẳng phải "không"?

Đáp: Pháp tánh vượt ngoài những việc làm thanh tịnh của các Bồ-tát; Tịnh đối với bốn trường hợp, không nên dùng "không" "có" mà cầu. Tuy chẳng phải bốn trường hợp, hoặc khi phó duyên nói bốn trường hợp. Văn chép: Việc làm của Đức Thế Tôn lưỡng túc cũng "không". Bản tân dịch chép: Thân thứ ba là chân thật có. Lại nói: hai thứ thân trước là giả danh có; lại nói chẳng phải có chẳng phải không, ở đây có bốn trường hợp, là ý của bốn môn. Môn có bốn, ngộ lý chẳng phải số. Phật dạy người pháp Vô tránh, không nên chấp tướng tranh hơn này. Bản dịch cũ nói không, bản dịch mới nói có, dùng thể đạt nghĩa để giải thích. Hai văn không trái tức là ý này vậy.

26. Nói về tông:

Ba lớn là nói về Tông:

Tông là tông yếu. Có người nói hoặc lấy quả làm tông, hoặc lấy Nhân làm tông, hoặc dùng hai thứ Nhân, quả làm tông. Nay y theo lại phẩm Tuổi thọ, nói về nhân cho ăn không giết hại, chính là so sánh nhân với quả, quả là ý chính. Theo phẩm Tam Thân Phân Biệt thì tuy

lại hỏi nhân, nhưng Đức Phật đáp ba thân lại là quả làm ý chính, nay ý này chỉ dùng quả Phật làm Tông. Vì sao? Vì thể pháp tánh thường hằng, sâu xa mầu nhiệm nếu muốn nói lên mà không có quả thì không thể được, phải biết quả là cơ quan chính yếu để hiển bày thể, như mục chính của giềng mới thì phải lấy quả làm tông, chính là ý này. Lại dựa vào kinh để nói thêm nghĩa này.

Văn chép: Tuổi thọ mà Thích-ca Như lai có được, Thích-ca là quả, thời gian người sống lâu là quả pháp, quả Nhân hơn quả Pháp, điều này thầm hợp với pháp tánh. Pháp tánh đã chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, quả nhân quả pháp cũng chẳng phải thường chẳng phải là vô thường, pháp tánh có thể là thường có thể vô thường; bốn Đức Phật đã dứt nghi. Nêu lên núi cân, giọt nước biển, bụi đất, cõi hư không, không thể tính đếm được, là nói rõ Đức Phật Năng thường, tám mươi tuổi diệt độ thì cũng là vô thường, chúng sinh thấy vô thường vì tám mươi tuổi diệt độ, không thể so sánh cái thường kia, và không thể biết được cái thường của kia. Có thể biết kia chẳng phải thường chẳng phải vô thường, nếu không nói theo quả thì nghĩa này khó hiểu. Đã nêu lý sâu, thể bày nghĩa sáng tỏ, lấy quả làm Tông, nghĩa ấy như thế. Lại nói nghĩa quả khác nhau, hoặc y theo trí đức của Vô thượng Bồ-đề mà nói quả, hoặc y theo đức dứt của Đại Bát-niết-bàn mà nói quả.

27. Nêu tuổi thọ để nói về quả:

Nếu nêu trí đức thì các điều lành đều nhóm họp nhậm vận biết có đức dứt. Nếu nêu đức dứt thì các điều ác hết sạch, nhậm vận biết có trí đức; lẫn nhau nêu một bên, không thể chấp riêng. Kinh này nêu tuổi thọ để nói quả. Tuổi thọ là quả báo, quả báo là nói chung, chung với trí đức; đức dứt cũng chung, quả ba thân về mặt quả, ba thân trên đã thầm hợp với pháp tánh, pháp tánh chẳng phải thường chẳng phải vô thường, ba thân cũng chẳng phải thường chẳng phải vô thường, nếu có thể vô thường tức là tuổi thọ của hóa thân.

Đối với vô thường mà nói thường, năng thường tức là tuổi thọ của báo thân. Báo, hóa cùng pháp tánh thầm hợp, pháp tánh đã chẳng phải thường chẳng phải vô thường, không thể tính đếm, báo, hóa cũng chẳng phải thường chẳng phải vô thường, không thể tính đếm. Vì sao thấy tích môn ngắn ngủi, mà nói tuổi thọ Đức Phật là chắn ngắn, ở đây không hiểu ý "quả" có công năng hiển bày "thể". Lại như Đức Phật không phải nai, ngựa có thể hiện nai, ngựa, nai, ngựa chắc chắn là Phật sao?

28. Hóa thân của Phật:

Nai, ngựa là vật Đức Phật hóa ra, không phải thân Phật. Pháp tánh có thể dài ngắn, dài ngắn không phải là Pháp tánh. Nếu hiểu được ý này thì quả có công năng hiển bày thể, nghĩa thường cũng thành, nghĩa chẳng phải thường chẳng phải vô thường cũng thành, nghĩa vô thường cũng thành. Trước đây dùng văn núi cân, giọt nước biển là vô thường. Cho rằng hư không phân cõi là hư không vô vi, lại dẫn phẩm "Xả thân" tìm trú xứ của thường, lạc, ba vô vi này là "thường", không sinh tử cho nên là "lạc" đều dùng ý nhỏ, bé để hiểu Đại thừa, hiểu như vậy thì tất cả đều không thành, vì chẳng phải Tông yếu.

29. Nói về dụng:

Bốn lớn là nói về dụng:

Dụng là Lực dụng. Dứt ác sinh thiện là lực dụng của kinh. Vì dứt ác nên nói Lực, vì sinh điều lành cho nên nói Dụng. Vì dứt ác nên nói công, vì sinh điều lành nên nói đức, ở đây riêng nêu để bàn luận đầy đủ. Xét rằng, trí Nhất thiết chủng là Đức về mặt quả, quả trí từ nơi chỗ trang nghiêm của Vô lượng công đức dứt trừ các khổ, ban vô lượng vui. Khổ là quả nghiệp ác, tham, sân, si là nhân ác, nhân ác không bỏ, thì quả không được chối từ. Ý của bậc Thánh trước hết bảo dứt bỏ nhân ác, vì thế Phẩm Sám Hối nêu ở trước, lạc là quả lành, ăn năn khen ngợi là nhân, sám hối tội lỗi, khen ngợi bậc Thánh thì dứt ác sinh thiện. Do đó phẩm Tán Thán đặt ở sau, cũng là nêu lẫn nhau.

Ở đây đem Dụng tốt đẹp trang nghiêm quả Trí; Trí đầy đủ thể hiển bày, gọi là Kim. Quả đầy đủ gọi là Quang, lực thành gọi là Minh, lợi ích người gọi là Giáo. Nhưng theo phẩm Sám thì dứt ác chẳng phải không sinh điều lành, phẩm Tán thì sinh điều lành chẳng phải không diệt điều ác, lẫn nhau nói một bên vậy. Phẩm Không thì mở lối cả hai, sám không được không thì điều ác không trừ diệt, khen ngợi không được không thì thiện không thanh tịnh. Văn nói: trí Nhất thiết chủng làm căn bản, tức là nghĩa ấy. Phẩm Tứ Vương trở xuống, giúp kinh khiến truyền bá thông suốt lại sinh thiện, trừ dẹp tai họa khiến cách xa lại là dứt ác, thu nhiếp các văn này, cho nên lấy dứt ác sinh thiện làm "dụng".

30. Xếp vào giáo tướng:

Năm lớn là xếp vào Phán Giáo tướng:

Xưa nói: Kinh này chẳng phải bỏ ba, chẳng phải khen chê, chẳng phải vô tướng, không xếp vào chúng đồng nghe, không ở trong thứ lớp "năm thời" mà nói thường trú, đó là nghiêng về "giáo bất định", nghĩa ấy không đúng. Nếu không xếp vào chúng đồng nghe, không phải thứ lớp, xếp vào chúng đồng nghe thì đó là thứ lớp, Ương-quật-ma-la xếp

vào chúng đồng nghe, không khác với các kinh. "Luận" khen chê giống với ý kinh Duy-ma, các nhà soạn luận vì sao không xếp vào thứ lớp. Nếu xếp nhiều không xếp nhiều đều chẳng phải thứ lớp, cũng nên xếp nhiều không xếp nhiều đều là thứ lớp... Nếu cho rằng, chưa nên nói thường mà nói thường đó là nghiêng về Bất-định.

31. Dẫn kinh chứng minh:

Đà-la-ni nói: Ba chỗ thành Vương xá, Ba-la-nại, rừng Kỳ-đà, đều thọ ký cho Thanh văn, đây cũng là chưa phải bỏ ba mà hội ba, được làm thứ lớp, chưa phải nói thường mà nói thường. Vì sao là bất định ư?

Kinh Pháp hoa, Bát-nhã, Tịnh Danh, Phương Đẳng, đều nói về thường trụ, được là thứ lớp. Kinh này nói thường riêng ở bất định là vì sao?

Lại, một vị Đại sư nói: Kinh này giống Pháp Hoa, đó là thời thứ tư. Cân núi, giọt nước biển, cát, bụi nghĩa như nhau. Nghĩa ấy không đúng.

Bản tân dịch chép: Xá-lợi trói buộc sắc, thân thường trụ của Như lai không có việc Xá-lợi, làm sao núi, biển mà che phủ Kim Quang, cát bụi mà che lấp đảo châu báu.

Tam Tạng Tạng Chân-đế nói: Kinh này trước Niết-bàn sau Pháp Hoa, nói chín mươi ngày, dẫn kinh, Niết-bàn chép: Đức Phật bảo Ba-tuần, ba tháng sau Ta sẽ diệt độ (Niết-bàn), Tín Tướng nghe việc này nên biết tám mươi tuổi Phật diệt độ, nghĩa ấy cũng không đúng, ý chỉ tuyên bố diệt độ không phải riêng báo với ma chắc chắn trong ba tháng.

Kinh Pháp Hoa chép: Như lai không lâu sẽ nhập Niết-bàn, kinh Phổ Hiền Quán cũng nói: Sẽ nhập niết-bàn, các kinh nói diệt không chỉ một văn, cần gì phải chín mươi ngày? Dù cho ba tháng, là thuộc thời thứ tư, là thuộc thời thứ năm. Nếu thuộc thời thứ tư, thì Pháp hoa đã bỏ phương tiện, trong đây đâu còn chấp nhận ba thừa đồng sám, còn thuộc thời thứ năm thì đâu được nói trước ba tháng, tiến lùi không có y cứ cả hai đều không thu nhiếp...

32. Nêu ví dụ làm sáng tỏ:

Nay đã không đồng với xưa, nếu là phán giáo, hoặc xếp vào vô tướng mà khác thời, hoặc xếp vào ba mà chưa xét riêng. Văn dưới nói: Có nghe ngày xưa ở chỗ vắng lặng, có một Tỳ-kheo đọc tụng kinh Đại thừa Phương đẳng như thế, đã nói Phương đẳng thì chẳng lẽ không phải là Văn ư? Giáo pháp phương đẳng chung cho Ba thừa. Bản tân dịch chép: Muốn sinh làm trời, người, muốn đắc bốn quả, Bích-chi-Phật,

muốn thành Phật, đều phải sám hối dứt trừ nghiệp chướng, lẽ nào đối với Phương đẳng không nghi nghĩa ấy, mà nói là khó.

Bản tân dịch chép: Pháp giới không có Thừa nào khác, đây là hại đối với nghĩa thông, nhưng Phương đẳng mãn tự là thông biệt thông viên, ý này không ngăn ngại. Khó là do không xếp vào đồng nghe làm nghi. Bản kinh tiếng Phạm còn nhiều, cần gì chỉ bốn quyển bảy pho, có lẽ văn ấy chưa đến mà thôi, suy xét như vậy sẽ rõ nghĩa năm vị, thì thuộc về thời bơ sống thứ ba. Nếu rõ nghĩa bốn tạng thì thuộc về tạp tạng, hiểu nghĩa bốn giáo thì thuộc về thông giáo, đối với Thông giáo liền được nói về mang biệt mà nói viên.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 139

KINH KIM QUANG MINH HUYỀN NGHĨA THẬP DI KÝ

SỐ 1784
(QUYỂN 1 → 6)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1784

KINH KIM QUANG MINH HUYỀN NGHĨA THẬP DI KÝ

Sa-môn Tri Lễ ở núi Tứ minh, đời Tống, soạn

QUYỂN 1

1. Hỏi đáp về mục đích soạn sách:

Hỏi: Xưa, Pháp sư Bảo Vân có soạn bộ Tán Thích Huyền Biện. Gần đây, A-xà-lê Cô Sơn lại dùng chương ký để nói về ý chỉ sâu kín. Nay lại soạn sách kia để làm?

Đáp: Pháp sư Bảo Vân giảng dạy, học trò chép lại nghĩa, ý nghĩa có lẽ thiếu sót chưa kịp sửa lại, không may Sư tịch. Tác phẩm của Cô Sơn vì nhiều việc nên mất văn; lại trong đó phá bỏ "Quán tâm", việc này thật sự không chịu được. Vì thế nay tôi đảm nhiệm việc biên tập, lượm lấy các nghĩa của Tiên sư để lại, và nhặt lấy văn mà người đời sau bỏ sót để giúp cho hai đường Giáo, Hành không đến nỗi bị che lấp, chỉ giúp cho người mới học thông hiểu, mong không chê cười tôi nhiều lời.

Ngày rằm tháng tư, năm Quý Hợi, niên hiệu Thiên Thanh năm thứ nhất, kính ghi lời tựa.

2. Giải thích đề kinh:

A. Đề: Đề có sáu chữ, bốn chữ trên (Kinh Kim Quang Minh) là Sở thích, hai chữ dưới (Huyền Nghĩa) là Năng thích. Năng thích là chung, bắt nguồn từ Đại sư Trí Giả khi giải thích các kinh đều lập năm nghĩa. Cho nên chọn lấy lối giải thích này, để phân biệt với các bộ khác. Vào văn sẽ giải thích rộng rãi bốn chữ đề kinh, do đó không nói trước. Về

hai chữ năng thích, huyền là sâu xa mầu nhiệm khó thấy, nghĩa là lý thú sâu xa có nguyên nhân. Nghĩa sâu xa mầu nhiệm kia có năm lớp, vì một bộ kinh từ đầu đến cuối có danh năng thuyên, có Thể sở triệu, tức là Tông của thể; tông thành "lực dụng". Đây là tướng trạng mở rộng và hạn cuộc của bốn thứ ngôn giáo. Đại sư tìm ra năm nghĩa như vậy, giải thích một đề, muốn giúp người học biết trước ý chỉ của kinh, sau mới tìm văn, giúp cho đối với từng câu văn có được sự hiểu biết để tu hành, đây là Đạo tràng giúp cho nhân thanh tịnh phát khởi, xứng hợp tâm Phật, giảng nói ý chỉ sâu mầu, vì thế không thể nói cho người ám chứng và người tìm văn, đâu thể để cho u vi trở thành hư danh ư? Về danh hiệu của vị sư năng thuyết: Núi Thiên Thai là chỗ dừng ở, Trí giả là gọi theo chủ, Đại sư là bậc khuôn mẫu của chúng sinh. Thuyết giả chỉ cho vị Sư cầm bút soạn thuật, khác với các vị sư khác. Như sự tích đầy đủ của Sư, có nói trong một truyện khác. Nay, ở đây không chép ra.

B. Giải thích Văn: Có hai.

I. **Giải thích lời tựa**: có hai.

3. Nói chung về pháp thể:

Một là Chỉ bày chung pháp thể: Đây là lời chỉ định. Kim Quang Minh là pháp thể được chỉ bày. Sâu xa vô lượng là nói về thể đức. Nên biết, tên kinh ba chữ này là tựa đề riêng, là pháp chẳng phải dụ. Làm sao biết được như vậy? Vì Kinh nói Như lai dạo chơi nơi hành xứ của các Đức Phật trong pháp tánh Vô lượng sâu xa, Ngài trụ trong định này mà tuyên bố rằng, Kim Quang Minh đứng đầu các kinh, đâu không chỉ thẳng pháp tánh là chỗ dạo chơi, gọi là Kim Quang Minh, không nói pháp tánh như Kim Quang Minh, nhưng văn dưới đây có lập thí dụ giải thích.

Bởi các Đại sư hiểu Kim Quang Minh là hiện tượng sự vật ở thế gian, dùng để ví dụ cho pháp sâu xa mà Như lai đã đắc. Các Sư dù mới dùng dụ để nói lên pháp, nhưng thật sự chẳng biết pháp tướng viên dung, tùy theo theo tên mà sự giải thích có hạn cục, cho nên không thể dụ khắp các pháp. Đại sư muốn chỉ bày biển Kim Quang Minh, chẳng pháp nào không đầy đủ, chẳng pháp nào không tròn chứa, vì thế thuận theo các Đại sư lấy ba chữ Kim Quang Minh làm dụ, đủ để so với chỗ dạo chơi của Đức Phật. Lược thì có mười thứ ba pháp, rộng thì tất cả pháp môn, mỗi pháp dung nhiếp lẫn nhau đều không thể suy nghĩ bàn luận, việc này mới xét các Đại sư dụ pháp không khắp, do đây hiển bày rộng pháp tánh tròn đầy.

4. Cho rằng đề kinh dụ không đúng pháp nên có lập văn phụ:

Nhưng, dù thuận theo các Đại sư dùng dụ để hiển bày pháp, nhưng đề kinh kia là dụ không đúng pháp, cho nên sau tự lập văn phụ, hai thứ đương thể để giải thích, bỏ kia tìm nghĩa thí dụ xa xôi, nương vào kinh pháp mới là gần gũi. Nhờ đó Đại sư hiểu rõ pháp tánh đáng tôn đáng quý đương thể gọi là Kim, vắng lặng mà thường chiếu soi, đương thể gọi là Quang, đại Bi lợi ích chúng sinh đương thể gọi là Minh. Đó là biết pháp tánh đầy đủ Kim Quang Minh, danh nghĩa chân thật, thành tựu hoàn toàn. Ngoài pháp tánh, thì tất cả danh ngôn đều là nghĩa không thật, do đó Kim Quang Minh ba thứ pháp môn, nêu một tức ba, toàn ba là một, chẳng phải ba chẳng phải một, mà là ba là một, không dọc không ngang, dứt bặt nghĩ bàn, đó là kho Bí mật, chỗ Đức Phật dạo chơi.

Lại, nên biết dùng Kim Quang Minh chỉ bày pháp thể, tức là thể của năm chương, bởi kinh này tên là Kim Quang Minh thể là Kim Quang Minh tông là Kim Quang Minh dụng là Kim Quang Minh giáo tướng là Kim Quang Minh, cũng có thể ba chữ đối riêng với năm chương, là Thể Kim, tông Dụng là Quang là Minh, hợp chung ba thứ làm danh, chia riêng ba tên để làm giáo tướng, pháp thể đã như thế, thể đức cũng như vậy. Sâu xa là đức của Quang cùng tận pháp tánh, đức của Minh là Vô lượng, thông suốt bờ mé pháp tánh, đức của Kim là hai thứ này không hai, nghĩa pháp tánh rốt ráo tôn quý. Cũng có thể ba nghĩa đều sâu xa, đều vô lượng, đều không hai; đức của năm chương đều như vậy.

5. Nêu riêng ý nghĩa khởi giáo:

Hai là Nói riêng về ý giáo: Như trên là nêu chung pháp thể của năm chương, ở đây là nêu riêng ý nghĩa khởi giáo.

a) Nói về ý kinh: Tức Như lai nói về năm chương.

b) Nêu ý chung: Tức ngài Trí Giả lưu hành năm chương.

a) Tự có hai

a.1) Y lý dứt lời, vì "lý" tột cùng chỉ có thể khéo chứng, khó dùng lời để gọi tên.

a.2) Phó duyên đáng nói: Đây là y theo Đại Bi, không nói mà nói, nói thì làm lợi ích cho người.

- Phần (a.1) Lại có hai:

a.1.1) Nói về ta (ngã) phân biệt: trên đến quả cùng tột, dưới đến phàm thường, đều không thể dùng lý mầu mà nói được, phần này lại có ba:

a.1.2) Nói người ở quả không thể dụ hết, bốn Đức Phật nói kệ cân núi, giọt nước biển, đất bụi, cõi hư không đều không thể so sánh với tuổi

thọ của Thế Tôn, trong bốn dụ này hư không rất lớn; ba thứ cân núi,... đều nương vào hư không mà lập, hư không tuy rộng lớn nhưng là cảnh do vọng tâm biến khởi, mê chân cho nên sinh, ngộ tánh thì mất, do mắt tác đối tâm duyên mà có, không thể dụ hết, không thể suy nghĩ bàn luận Kim Quang Minh. Vì thế kinh nói: "hư không" sinh trong Đại giác, như hòn bọt nước nổi lên giữa biển cả, đâu thể dùng một hòn nước mà suy ra được sự rộng lớn của biển, hư không xưa nay không ai ví dụ, được ba thứ kia có thể bàn luận.

6. Hỏi đáp về dùng hư không để so sánh:

Hỏi: Kinh nói hư không... chẳng thể sánh với tuổi thọ mà Đức Thích Tôn đã được, nay vì sao nói hư không chẳng giống đại giác và Kim Quang Minh?

Đáp: Nếu tánh Giác nếu thiếu ba nghĩa Kim Quang Minh thì không gọi là "đại" (lớn). Nghĩa tuổi thọ của Đức Thế Tôn là ở "Minh", không có đủ Kim Quang thì chẳng phải là thọ mãi. Một pháp cũng không ít, ba pháp cũng không nhiều, Chúng sinh và Phật không khác nhau, thể dụng không hai, nếu không như thế thì không phải nghĩa phương đẳng, bốn Đức Phật Thế Tôn dụ không thể kịp, rõ lý thì dứt lời.

- *Nói nhân vị chưa thể tận nguồn*: trên đây là nêu quả Phật chứng tuy rất rốt ráo nhưng pháp vốn vắng lặng, cho nên nói dụ không rõ ràng. Nay phân biệt người ở nhân chưa đạt đến nguồn tánh, cho nên suy nghĩ tính toán không đến được. Phần này có hai:

- *Nói về dụ dùng trí để bác bỏ*: Mặt trời chói lọi dụ cho trí đức Bát-nhã, mắt trẻ con dụ cho trí tuệ quán sát không, giả, đã trái với bản trí thì chẳng phải Mắt Phật, vì thế đối với trí đức thì mặt trời chói lọi không phải là vật chiêm ngưỡng. Thuyền lớn Cột nhà dụ cho đoạn- đức giải thoát, phụ nữ mới sinh dụ cho duyên từ sinh pháp, đã khác vô duyên thì không có năng lực mầu nhiệm, cho nên đối với đức dứt thì cột nhà chẳng phải vật giữ gìn, đây là nói về quả vị tròn đầy, ba trí ba giải thoát, bác bỏ Bồ-tát Bi trí ba giáo trước.

Nếu Bồ-tát viên giáo tu đầy đủ đã tức tánh thì từ đầu sẽ không trái với hai đức; nhưng tuy hiểu ngay mà nếu từ nhân hướng về quả trí thì có sáng suốt có mê mờ, năng lực phân chia mạnh, yếu, cho nên người ở nhân đối với Quả đoạn trí, cũng không chiêm ngưỡng và giữ gìn được. Phải rõ trí, đoạn gọi là Quang, Minh, hai đức không hai tức là pháp thân còn gọi là Kim, tuy dùng hai để bác bỏ, vẫn chưa nói lên cùng tận nguồn gốc ba pháp.

- Nói về pháp, dùng nhân quả xác định, Bồ-tát Thiên Viên đều có

khả năng hàng phục "dứt". Hễ Bồ-tát làm việc gì đều gọi là thanh tịnh, nay quả tròn đầy cùng cực, pháp tánh thực hành đã vượt ngoài tất cả, cho nên nói là trải qua. Đối với người chứng Kim Quang Minh cùng tột còn không thể dụ, người chưa cùng tận nguồn gốc thì đâu thể nói được? Ba là nói về phàm phu, Tiểu thừa hoàn toàn mê mờ, có hai lý do.

7. Phàm phu, Tiểu thừa không thể suy nghĩ, bàn luận biển Kim Quang Minh:

- *Tiểu thừa:* Bồ-tát Thiên Viên phát tâm rộng lớn, có phần chứng trí đối với lý dứt bặt mầu nhiệm của Kim Quang Minh, còn không thể nhanh chóng lập lời, huống là hàng Nhị thừa diệt tâm tự độ, như người điếc lắng nghe, người ngọng ham nói, đâu thể suy nghĩ nói năng những điều thực hành của các Đức Phật.

- *Phàm phu:* Thánh Hiền Ba thừa tuy Tiểu khác Đại, nhân không bằng quả nhưng có thể tu chứng lý trí ba đế, còn không nói năng suy nghĩ được biển Kim Quang Minh, huống chi phàm phu ngoại đạo vốn không có phần ấy, thuận theo lời nói sinh hiểu biết.

Vì thế lời nói làm tổn hại sự thật, đã giữ không nói do đó im lặng thì có lỗi. Nếu bàn luận đầy đủ trong lời nói có đơn, phức và đầy đủ câu, nói đầy đủ về sự im lặng, thì ngoài ba lớp bốn trường hợp, mỗi mỗi đều không nói, giống với Độc Tử Bộ. Ta ở lần thứ năm không thể nói Tàng, đây đều do tà ma ngoại đạo phát ra, im lặng mà thấy. Nếu người lo nghĩ xa xôi, và người học Phật với tâm duy lý, chẳng nói thì im lặng. Đối hai chỗ này làm lớn thêm kiến chấp sai lầm, tuy chẳng phải thần ngã mà hoàn toàn do người chấp, cho nên bốn giáo bốn môn đều sinh kiến chấp về lời nói, lìa bốn liền khởi kiến chấp vô ngôn (không nói).

Vì thế luận Khởi Tín chép: Năm người chấp, đều là chấp Như lai tạng khởi. Nay sự bác bỏ chính là do người này, cho nên nói năng im lặng đều cho là không thể. Như vậy đủ bình luận về sự nói nín sinh kiến chấp của phàm phu, Nhị thừa thì thiên chứng suy nghĩ nói năng, Bồ-tát trí biện chưa cùng tột, đều không thể bàn về tánh chí Viên. Trên đến quả Phật, tâm miệng hoàn toàn thanh tịnh, nói chứng rốt ráo, cũng không thể thí dụ, vì hiểu rõ Kim Quang Minh xưa nay bí mật, lìa tướng nói năng, lìa sự tâm duyên, khiến cho hành giả không còn nói năng, quên bặt suy nghĩ.

8. Dẫn các kinh chứng minh:

1) Dẫn văn chứng minh:

2) Đại phẩm: Kinh và luận ấy chép, Phạm chí Tiên ni, tuy là ngoại đạo tà giáo nhưng căn cơ đã thuần thục, đến chỗ Đức Phật bạch rằng:

Xin hãy giúp con ngồi tại đây, không khởi mà vẫn đắc nhãn. Đức Phật vì người kia, chỉ bày chỗ quyết định, giúp cho chứng quả Tu-đà-hoàn. Đức Phật lại hỏi về trí ngộ lý của người ấy, do quán bên trong nên được trí ấy phải chăng? Đáp rằng, không phải. (Phật hỏi) Quán ngoài và trong ngoài bằng nhau được trí ấy phải chăng? Đều đáp: Không phải. Đây là bốn trường hợp ngôn tưởng đều dứt bặt mới đắc quả "Dự lưu". Trí nhỏ còn như vậy, huống chi là Kim Quang Minh!

- *Đại kinh:* Văn đầu làm tan hết tất cả suy nghĩ, nói năng, lại từ Sinh sinh trở xuống là riêng mất bốn thuyết. Các nhà sớ kinh dựa vào đây mà tiêu quên đường bốn giáo ngôn tư, pháp thật do nhân duyên sinh thành sinh ra nên gọi là sinh sinh ba tạng giáo. Cái Sinh huyễn có tức là bất sinh, gọi sinh bất sinh là Thông giáo. Bất trụ bất sinh lập mười cõi sinh, gọi là bất sinh sinh, là Biệt giáo. Viên giáo gọi là bất sinh bất sinh, lý vốn bất sinh, sự tức là lý nên sự cũng bất sinh, gọi là bất sinh bất sinh, tánh vốn bất sinh, thuận tu tức là tánh, tu cũng bất sinh, cho nên hai thứ bất sinh, mê hoặc thể không, cho nên bất sinh. Trí dụng quên cho nên bất sinh, cho nên hai thứ bất sinh, không có nhân để tu vì thế bất sinh, không có quả để thành cho nên bất sinh, do hai thứ bất sinh nên mình, người cảm ứng các pháp tánh đối nhau đều không hai, vốn vắng lặng vì thế lại nói là bất sinh. Bốn lần đều nói "không thể nói": Ở đây có hai ý.

Nếu là đương phần: Lý bốn giáo chỉ có thể trí chứng, chứ không thể nói được. Thân Tử nói: Trong giải thoát không có nói năng, là ba tạng. Ba người đồng cho rằng vô ngôn nói đạo dứt các phiền não; là Thông. Đồng tử chẳng nói, chẳng phải phàm chẳng phải Thánh, chẳng phải có chẳng phải không, cho nên không nói; là Biệt. Các pháp vắng lặng, không thể nói bày là Viên.

9. Pháp Kim Quang Minh không thể suy nghĩ, bàn luận: Nếu vượt thứ lớp: Lý Viên Diệu đều không thể dùng bốn thứ lời chỉ bày, cũng không thể nói trọn vẹn, huống chi là ba giáo! Như vậy là nói pháp Kim Quang Minh là kho Bí mật không thể suy nghĩ bàn luận.

- *Phó duyên có thể nói:* Lý Kim Quang Minh tuy lìa tướng vắng lặng, nếu quên tình mà chứng, dùng bốn Tất-đàn không nói mà nói thì giúp cho chúng sinh được vô lượng lợi ích. Văn chia làm bốn:

- *Nói về có duyên phải nói:* Sau bốn thứ Đại kinh không thể nói, tức cho rằng có nhân duyên cho nên cũng được nói, chẳng lẽ không phải phó duyên có thể làm ra bốn thuyết. Nói có nhân duyên là mười nhân duyên. Trong mười hai chi chỉ trừ hai chi "sinh, tử" ở tương lai, đây là

quả do nhân duyên thành; “Vô minh” quá khứ cho đến “hữu” của thời hiện tại, mười chi này đều có công năng thành nhân duyên, có khả năng thành quả sở đắc của bốn giáo. Vì sao? Vì chi “Vô minh” chính là tâm “ái, thủ” ở quá khứ, vì có tâm này nên Phật, Bồ-tát chỉ bày sử dụng các thứ danh nghĩa trong bốn giáo, đã “ái” lại còn “thủ” chính là nương vào bốn giáo, khởi bốn hạnh nghiệp tức là Vô minh duyên hành, nghiệp này có công năng hướng dẫn thức người đến gá vào thai mẹ, tức hành duyên thức; thức này theo nghiệp duyên của bốn giáo, thành quả của bốn thứ như danh sắc... tức là thức duyên danh sắc, cho đến xúc duyên thọ. Nghiệp tứ giáo chiêu cảm năm quả này, vì thế tâm thọ trở lại “ái” bốn giáo, tức là thọ duyên ái, ái sẽ chấp lấy pháp của bốn giáo, tức là ái duyên thủ. Nếu ái, thủ sâu thì có công năng siêng tu, hành hữu của bốn giáo, tức là thủ duyên hữu. Hữu sẽ vời lấy quả, hiện tại thành tựu quả Hiền Thánh, đây là chúng sinh có mười nhân duyên, bấy giờ các Đức Phật nói pháp bốn giáo, chưa gieo giống cho gieo giống, lại dùng bốn pháp giúp người đã gieo giống được thuần thục, lại dùng bốn pháp giúp cho người đã thuần thục được giải thoát, nói có lợi ích như vậy, vì thế đối duyên chẳng thể không nói.

- *Nói thuyết này đáng tôn trọng*: Nói chung phó duyên là bốn giáo trong một thời hạn, nay đặc biệt hợp với căn cơ chỉ bày năm nghĩa của kinh này, và năm nghĩa kia mỗi nghĩa đều đáng tôn trọng, lại có hai:

10. Năm nghĩa của kinh này:

- Sắp bày năm nghĩa của kinh, Kim là tên v.v... tên có ba chữ, một phải có đủ hai. “Kim”: là trên hết, Quang Minh cũng thế, pháp tánh làm thể, tuy có ở tất cả, chỗ Như lai đi qua chỉ hạn cuộc quả chứng, rất thông suốt, cực kỳ hạn chế. Đặc biệt nêu nghĩa, ba chữ được nêu, tức là Đệ-nhất-nghĩa rốt ráo. Trang nghiêm Bồ-tát... Văn dưới định Tông chỉ chấp lấy quả, nay nói Bồ-tát hẹn lúc chứng quả đã có thể trang nghiêm công đức sâu mầu, tức là quả cùng tột sâu mầu của bốn đức, lời nói tuy dính mắc ở nhân, ý chính là ở quả. Soi sáng các vị trời... các vị trời, quỷ thần đều là Đại Bồ-tát, pháp tánh sáng suốt chiếu soi sẽ tăng thêm đạo, cho nên “đại quyền tâm sinh pháp hỉ”, là nói kinh có năng lực công dụng rộng lớn mà lại sâu.

Văn hiệu Kinh Vương... Bộ này nhiều văn gọi Kim Quang Minh là đứng đầu các kinh, vua có khả năng thống lãnh cho nên Giáo thu nhiếp các kinh. Nhưng Sớ thích kinh vương, dùng Văn hợp lý mà làm Trung đạo, kinh này lại là vương, đối với chín thứ kinh được tự tại. Văn là năng thuyên, lý là sở thuyên, Văn lý hợp nhau do đó năng, sở dung

nhau, hoặc giáo hoặc lý đều gọi là Trung Đạo, đều là Kinh Vương. Sớ dùng Kinh Vương để nói về Thể, tức Sở thuyên là trung đạo. Nay dùng Kinh Vương để nói Giáo, tức năng thuyên là Trung đạo, nếu chẳng phải Trung Đạo thì giáo không nói lý Trung đạo, cẩn thận chớ hiểu sai, cho nên tên được gọi là giáo pháp Trung đạo.

11. Kinh này đáng tôn kính:

- Kết thúc chỉ bày đáng tôn kính: Kim là tên gọi cho nên cao quý, quả lý là thể cho nên Cực, rốt ráo ba thân cho nên Tông sâu, chẳng có vật nào không được lợi ích cho nên dụng lớn. Văn tự tức trung cho nên giáo gọi là Vương, vì thế năm chương mỗi chương đều cao rộng, ba Minh tôn quý cho nên các bậc Thánh che chở. Có hai.

- Hộ trì quả cùng tột: Trong sở thuyên mầu nhiệm, tất cả các pháp thú, danh không hai thể, tất cả Như lai chứng đắc thể này, nương vào trụ trì, thường thường nhớ nghĩ, khiến chúng sinh không khởi "tám đảo". Kinh nêu bốn trí cho nên nêu bốn Đức Phật, thật sự thể này chẳng có Phật nào không che chở, vì thế nói: mười phương ba đời cũng giống như thế. Do đó Kinh nói: Chư Phật mười phương thường nhớ nghĩ kinh này.

12. Các Bồ-tát kính lạy kinh này:

- Đại quyền kính thờ: Tất cả Bồ-tát... phẩm Tán Phật ở dưới chép: Bấy giờ vô lượng trăm ngàn muôn ức các chúng Bồ-tát, từ thế giới này đến cõi nước của Kim Bảo Cái Sơn Vương Như lai. Đến cõi nước ấy rồi, năm thể gieo sát đất đảnh lễ Đức Phật, hướng về phía Phật chấp tay, miệng đồng lời khen ngợi Đức Phật. Sớ chép: Trình bày về, chúng khen ngợi đến cõi nước ấy, vì thế khắp các phương khác từ xa lễ lạy.

"Thiện nữ Thọ Thần...": Cũng là văn phẩm này, trong bài kệ khen ngợi thần cây Bồ-đề chép: Ta thường tu hạnh đại bi trên hết, buồn khóc như mưa muốn thấy Đức Phật. "Các vị trời che lấp...": phẩm Tứ Thiên Vương và phẩm Tán Chỉ Cập Quỷ thần đều nói: Thường dùng thần lực che chở người nói người nghe: vua nước kia và thổ cảnh, phẩm Kiên Lao Địa Thần, phẩm Đại Biện Thiên, phẩm Công Đức Thiên, trong mỗi phẩm đều nói sự lợi ích của người trì kinh. Các vị Bồ-tát và các Thiên thần này đa số đều là Phật xưa, hoặc phân thân ứng hiện, người từ xa lễ bái, khen ngợi công đức Như lai, che chở lợi ích cho người nói, người nghe, đều kính thờ Kinh Vương truyền bá phương đẳng. Nếu chẳng phải pháp môn chí diệu thì làm sao có khả năng khen ngợi hết lòng, vì thuyết bốn minh, cho nên sự lợi ấy bao gồm rộng lớn.

13. Các cõi lìa khổ được vui:

"Các cõi thảy đều khô cạn": Phẩm Sám Hối chép: Trong ba cõi

sinh tử, biển lớn nổi sóng lay động, não loạn tâm ta, vị đắng cay rất thô rít, lưới sáng của Như lai làm cho khô cạn, các cõi là không ngoài ba cõi Dục, Sắc, và Vô sắc. "Ba đường dứt nóng bức...": Phẩm Tứ Vương chép: Kinh này có công năng làm cho cac sông địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, đều khô cạn. "Nêu những điều quan trọng...": Phẩm Tuổi thọ chép: Bấy giờ, tất cả chúng sinh trong Tam thiên Đại thiên thế giới nhờ thần lực Phật mà hưởng sự vui sướng cõi trời. Các căn không đủ liền được đầy đủ, nói tóm lại, tất cả lợi ích chưa hề có trong tất cả thế giới, đều xuất hiện đầy đủ, nói sự lợi ích của kinh, chẳng những trừ được quả báo khổ trong ba đường các cõi mà thôi, phải nói mười loài trong hai mươi lăm cõi, lìa khổ được mười điều vui, có công năng giúp Kim Quang Minh được hiển bày rốt ráo, mới đủ để nói về tướng xuất hiện các việc chưa hề có.

14. Nói lên ý chung của kinh:

- Nêu bày ý chung: Trên đã nói lý từ xưa vắng lặng, tùy duyên mà lập thuyết, đều nói ý Như lai nói kinh. Nay thì Đại sư Trí Giả tự nói trí lực, dùng nghĩa giải thích đề, nương văn nói nghĩa, là ý chung của kinh. Tự chia làm bốn:

"Bậc Thánh khen ngợi giữ gìn": người muốn bắt đều bàn luận thì trước phải nhớ nghĩ đến các bậc Thánh, khen ngợi không thôi, hộ pháp quên mệt nhọc, vì thế mong tâm Thánh tự đến. "Kim Long ba đời khen ngợi...": Bồ-tát Tín Tướng ở quá khứ làm vua, hiệu là Kim Long Tôn, nói chương cú khen ngợi chư Phật, nguyện đến đời tương lai gặp Đức Phật Thích-ca, nay đã toại nguyện, lần ở trong hội này dùng kệ khen Phật, Kim Long Tôn vương ở quá khứ khen Phật, Bồ-tát Tín tướng là hiện tại khen Phật, lại có thệ nguyện trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp đời vị lai, sinh ở chỗ nào, đêm mộng thấy trống vàng, ngày nói đúng như thật, tức đời vị lai khen Phật. Như thế kia đã một thân ba đời khen ngợi.

15. Hỏi đáp về khen kinh tức là khen Phật:

Hỏi: Kim Long ba đời đều khen ngợi Phật, đâu được giống như giảng nói kinh Kim Quang Minh, người và pháp khác nhau làm sao hiểu được?

Đáp: Nắm giữ thật pháp vô thượng Kim Quang Minh thành quả Phật vô thượng. Người Giả lìa pháp, không có người lìa người không có pháp. Lời khen ngợi Phật chính là khen ngợi sắc tâm mầu nhiệm; sắc tâm này tức là Kim Quang Minh; Như Đại Sĩ Mã Minh quy y ba ngôi báu để cứu giúp người đời, lòng đại bi ấy là Phật, dùng thể tướng thân

kia làm pháp, y theo Phật khen tức là dùng thể khen ngợi Kim Quang Minh.

16. Địa thần phát nguyện che chở người giảng nói kinh này:

"Địa Thần...": trong Phẩm Kiên Lao Địa thần, Địa thần Kiên Lao bạch Đức Phật rằng: Bất cứ chỗ nào có kinh này truyền bá, con đều trải tòa sư tử, giúp người nói pháp ngồi trên tòa ấy, giảng nói kinh này và ở trong đó, con thường che chở giữ gìn, che giấu hình hài, ở dưới pháp tòa, đầu đội chân vị kia, về trên Thánh trọng pháp cho nên tôn kính người.

- "Phàm sư khuôn phép, hai Thánh sâu chứng, còn nhiều kiếp khen ngợi, cúi mình tôn kính ủng hộ, là so sánh vị ngoại đạo phàm phu thấp hèn lãnh pháp cố gắng thực hành, chẳng lẽ không giảng nói rộng rãi hay sao?

- "Nương vào nghĩa, mà phát ra lời nói": Nhờ nghĩa của các vị Thánh hộ pháp ở trên mà nay phát ra lời của năm chương thông kinh.

17. Cầu mong được lợi ích:

- "Xứng pháp cầu lợi ích": giọt nước chim muông dụ cho điều lành của thông kinh, xuống biển lên núi khuyên dụ điều lành này thuận tánh thật nhờ chút duyên, tức điều lành dụ ở trên; đều được nhuộm sắc, tức là sự lợi ích hôm nay trông mong. Vì nói một giọt sương nhỏ khéo nguyện thì đồng một vị mặn của tánh biển, chim muông chút duyên nguyện cùng một sắc mầu nhiệm của núi Phật. "Núi: là núi Diệu cao bằng bốn thứ báu, phía Đông bằng vàng ròng, phía Tây bằng bạc trắng, phía Nam bằng lưu ly, phía Bắc bằng thủy tinh. Hễ chim ở gần chỗ nào thì có cùng màu sắc với núi. Một niệm vui theo công đức còn bằng với hư không, năm phẩm lưu thông chẳng lẽ điều lành nhỏ bằng giọt sương. Đặc biệt Đại sư so sánh phàm với Thánh, nhún nhường mình tôn kỉnh kinh, người học sau hiểu biết không tự khoe khoang.

II. Giải thích huyền nghĩa: có hai

1) Nêu chương chia khoa: chia hai.

a) Giải thích Đề, tức là huyền nghĩa.

b) Giải thích văn, tức là câu văn.

Quyển này nêu tên chỉ nói huyền nghĩa, khoa văn thuận theo đây, vì thế không xếp vào khoa mục hai đoạn giải thích để văn. Nay nêu chương chia khoa đâu ngại hợp với câu văn dưới để giải thích văn.

Nay chia huyền nghĩa để giải thích tựa đề. Trong giải thích đề trước nêu năm chương để giải thích điều ấy, y theo năm chương này có hai để giải thích, cái gọi là "chung, riêng"; vì hai giải thích này đều giải thích năm chương.

2) Nương khoa giải thích: có hai

a) Giải thích chung: chia hai

a.1) Sinh khởi

a.2) Phân biệt

Nếu quảng luận giải thích chung như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa, giải thích chung năm chương mà chia ra bảy phần:

1. Nêu chương: giúp cho dễ nhớ giữ, sinh khởi niệm tâm.
2. Dẫn chứng: y theo lời Phật dạy để khởi tín tâm.
3. Sinh khởi: giúp cho không tán loạn, sinh khởi tâm định.
4. Khai hợp.
5. Phân biệt.
6. Khác hội, khởi tâm tuệ.
7. Quán tâm: ngay khi nghe liền tu, khởi tâm tinh tấn.

Nay, văn sơ lược, chỉ có hai phần, chỉ khởi hai tâm, sinh khởi để khởi Định, phân biệt để khởi Tuệ. Nếu Định, Tuệ được lập thì các hạnh đều thành. Trong hai thứ ấy thì đầu tiên là:

18. Nói về danh, thể, tông, dụng, giáo:

1) Sinh khởi: Danh ở trước, đó là năng thuyên. Mà danh là giả, phải nương vào pháp thật, vì thế nói cõi này dùng âm thanh làm Phật sự. Nhưng, nếu từ Phật và thiện tri thức, thì danh nhân ở tiếng, nếu từ trong kinh điển danh tuy do sắc, mà sắc kinh ấy vốn là sự nhóm họp của kinh giáo, do đó từ Kinh điển cũng nói nghe danh, đây là tự mình thực hành ban đầu theo danh ngôn. Thể ở sau, Danh là năng thuyên, như ngón tay chỉ mặt trăng. Thể là sở thuyên, như mặt trăng bị chỉ. Nếu quên đi ý ấy, chấp ngón tay là mặt trăng, thì chẳng những quên trăng mà cũng quên ngón tay. Nếu được ý ấy thì quên danh được thể, chẳng những biết được thể mà cũng chẳng quên danh. Nay nói về "đắc ý" cho nên nói cho nghe danh, sau biết pháp thể.

Tông xếp vào thứ ba, Tông tức là hành, hành có thể tiến lên từ nhân đến quả, nếu không biết thể thì không thành hành, thuyết này còn có thể hiểu như ba giáo ở trước, biết lý trong chân, duyên lý tu quán, cũng được gọi là hiển thể kế mới là hành. Nay nói viên tông toàn tánh khởi tu, nếu không hiểu tánh thì lấy gì để tu. Tánh là bản giác, tu là thỉ giác, cho nên không thể suy nghĩ bàn luận, bàn cảnh tức là quán, quán hành này mới là Viên Tông. Cho nên biết thể hiển kế mới hành, văn rộng nghĩa khẩn thiết, phải khéo hiểu đó.

"Dụng xếp vào thứ tư": Vì Tông thành cho nên có lực dụng. Nói Tông thành là hiển thể xong. Toàn thể khởi Tông, tông lại hiển thể.

Toàn gương phát ra ánh sáng, ánh sáng lại hiển bày gương, gương đã hiển bày thì muôn hình hiện ra không sót, cho nên Tông thành có công năng làm lợi ích khắp chúng sinh.

"Giáo ở sau cùng": Dụng có công năng làm lợi ích chúng sinh, vì lợi ích chúng sinh mới để tâm lập giáo, do đó giáo phải xếp vào thứ năm sau nghe danh... Nhưng danh và giáo đều là lý năng thuyên. Do y theo tự tha (mình, người) mà có hai chương; mình thực hành mới được theo danh mà đặt chương, giáo hóa người khác mới cho theo giáo mà đặt chương, có đầu có cuối,... tức là hai đầu cuối. Từ tên được thể, Tông thành phát dụng, tự hành đầu cuối. Thiết giáo lợi ích người, người cũng tìm danh cho đến phát dụng, vẫn thành đầu cuối; Vì thế biết năm chương có hai đầu cuối. Văn nêu hai đầu, hình xuất ra hai cuối.

2) Phân biệt: có hai:

a) Phân khoa. Có ba:

a.1) Bắt đầu hỏi: y theo rất lược, rất rộng để làm đầu mối thưa hỏi, trong chỗ dẫn đã trả lời.

a.2) Đáp chung: Nếu danh số rộng lớn đã khó ghi nhớ giữ gìn, người tu quán trí nhìn bờ bến mà lùi sụt. Nếu chương đoạn tóm tắt sơ lược, là nói lên nghĩa không đầy đủ, thì học lời dạy của bậc Thánh hiền không thể sinh hiểu biết, do đó lập ra năm chương, nếu rộng lớn vừa chừng thì giúp hành giả nghĩa quán đều thành, đối với nghĩa đế bậc nhất dễ hiểu rõ.

a.3) Kết thúc bằng cách chỉ dạy.

b) Phân biệt: có hai

- Chánh phân biệt: Có hai

19. Nói về sáu cặp:

- Nói về sáu thứ: tức là sáu cặp: chung riêng, lý sự, nhân quả, giáo hạnh, tự tha, nói nín, chia làm năm chương.

a. Chung riêng: một chương trước tức là giải thích tên gọi, chung ba chữ Kim Quang Minh làm danh - năng - thuyên. Ba chương kế là Thể, Tông và Dụng. "Chia ba chữ làm riêng": Do Kim thích hợp với Thể, Quang thích hợp với Tông, Minh thích hợp với Dụng, nên gọi là "Riêng". Một chương sau tức là giáo tướng, "gồm cả chung riêng": Chính là phân biệt tướng giáo vị của bốn chương chung riêng.

b. Lý Sự: Thể là Lý của bốn chương đã nói. Bốn chương là Sự của Thể đã sinh khởi.

c. Nhân quả: Ba chương trước là nhân, hai chương sau là quả, y theo dưới đây nói Tông chắc chắn ở trong quả, hợp lại để nói thì hai

chương trước là nhân, ba chương sau là quả, sợ văn sai lầm, nhưng thể chẳng phải nhân quả, mà là lý do nhân quả hiển bày nhờ danh được thể, vẫn là tin hiểu trong nhân hiển lý, chưa phải lý do Tông thành quả hiển, do đó xếp vào nhân.

d. Giáo hạnh: Bốn chương trước đều là hạnh, đối với sau lập giáo cho nên bốn chương trước đều là hạnh. Vì sao? Vì danh là hạnh pháp, thể là hành bổn, Tông là hành quả, dụng là hành đức.

e. Tự tha: Lại vì năm chương đều gọi là hạnh, mà xếp bốn chương trước vào hạnh tự lợi; dụng thuộc về tự lợi tự tại ứng dụng duyên nhân hiển bày, nên vẫn thuộc tự lợi. Chỉ một chương sau lập giáo mới thuộc về lợi tha, nên gọi hạnh, vì hai lợi đều làm.

g. Nói nín: Vì từ bốn chương đã phải tự hành đều phải quên lời, do đó đều thuộc về nín. Một chương sau vì giáo hóa người, ứng cơ, lập giáo, cho nên phải nói, đồng thời nói Thánh là lìa kiến chấp nói nín, là pháp của bậc Thánh.

- So sánh các nghĩa khác: ngoài sáu cặp đó, các nghĩa còn lại như: giải hành, tu chứng, phược thoát, thể dụng, cảm ứng... đều có công năng phân biệt tướng của năm chương, vì để khỏi rườm rà nên lược bỏ.

- Y theo dụ để nói: Có hai.

20. Nói về thí dụ để làm rõ:

- *Lập dụ:* Hiển, tức là chỉ bày. Trung đương tức là năm chương. Rõ ràng bao gồm là đức của pháp dụ. Bao gồm như trong đãy có vật báu. Rõ ràng như chỉ cho người thấy. Vì thế Đại Luận chép: Giải thích Kinh Phật như trong đãy có vật báu, buộc miệng đãy thì người không biết, phải mở đãy Kinh Phật, giải thích đạo lý. Ở đây cũng vậy, dùng ví dụ này nói về sáu cặp, cho nên nói đều là phân biệt ví dụ.

- *Hợp sáu thứ*: Tổng tổng đối với biệt biệt, biệt đối với tổng, đối chiếu với thí dụ rất dễ hiểu. Lý đủ bốn chương như đãy có vật báu, toàn lý lập bốn như đem chỉ cho người. Nhân đủ quả đức như đãy có vật báu, từ nhân hiển bày quả như chỉ cho người thấy. Hành uẩn ở trong giáo như đãy có vật báu, giáo thuyên đối với hành như chỉ cho người thấy. Pháp làm lợi ích cho người tự mình phải tu như đãy có vật báu, lại tự tu để lợi ích người, như đem chỉ cho người, im lặng chứng như đãy có vật báu, nếu chứng mà nói thì như chỉ cho người thấy, không chỉ sáu cặp mà rất nhiều nghĩa (hạnh giải, tu chứng v.v...) đều có thể ví dụ.

21. Giải thích riêng:

- *Giải thích riêng:* Mỗi thí dụ trên đều chung cho năm chương, vì thế nói là giải thích chung. Ở đây thì năm chương, giải thích từng

chương một; Như khi giải thích tên gọi không nói bốn chương khác. Giải thích bốn chương khác cũng vậy, do đó sẽ giải thích riêng. Đại khái chia làm năm.

a) G*iải thích tên gọi:* Danh là một phần được xếp vào danh ngôn. Nay chỉ bày toàn phần lấy đề làm danh. Phần này tự có hai. Ngay hai danh chung riêng; Một chữ Kinh tức là tên chung, chỉ chung các bộ. Ba chữ Kim... tức là tên riêng, chỉ riêng đề kinh này. Nay các nhà giải thích đề mục các kinh, chỉ chia ra hai tên gọi chung và riêng, không nói kinh là năng thuyên, ngoài ra là sở thuyên. Theo Sơn giáo thì gần với hiểu biết.

b) *Giải thích tên riêng:* Có hai.

b.1) Quyết định ba, năm, rõ ràng, sơ lược đều không ngại. Vì bốn quyển này do ngài Đàm Vô Sấm dịch, chỉ nêu ba chữ Kim Quang Minh làm tên riêng, không có hai chữ Đế Vương. Nếu dùng Đề của bộ bảy quyển, do Chân-đế dịch thì ở sau Kim Quang Minh có hai chữ Đế Vương. Trong đề của bản này tuy không nói Đế Vương, nhưng trong Văn kinh có nghĩa Kinh Vương, vì thế người giải thích đề đối với hai chữ ấy, nói hay không nói hai đường đều không ngại. Lại theo Đại sư nhiều lần giảng nói kinh này thì khi giải thích đề, danh từ đế vương có hay không là để thích hợp với thời thế, do đó khiến cho bản văn sâu kín này có rộng, có lược.

b.2) Nói về văn nghĩa trước sau mà giải thích: Có hai

b.2.1) Dựa vào văn trước để giải thích ba chữ: Có hai:

- Nói về Giáo nghĩa giải thích: Nghĩa là Giáo giải thích nghĩa lý.

22. Giải thích theo quán hạnh:

- Y theo quán hạnh để giải thích: nghĩa là tu quán thành hạnh; đây là giáo hạnh đều nói, nghĩa quán đều nêu. Muốn giúp người công phu giải và hạnh đều thành.

Nêu bày: Trong năm thứ, hai thứ trước gồm tên chung, ba thứ sau chỉ có tên riêng. Trong ba thứ, một thứ đầu lập theo xưa, hai thứ sau chỉ là nghĩa ngày nay.

Theo trong Văn có sự lý, đương thể riêng ở lý.

Chính giải thích: Chia làm năm:

- Chung riêng: có hai.

24. Nói về chung riêng:

Phân biệt bày chung riêng. Có bốn.

Nói rõ về ba chung riêng: Ở đây, vì Đại sư giải thích sâu xa hai tên gọi, không chỉ dùng hai giáo Thông Biệt, mà còn dùng hai hạnh

chung riêng và hai Lý chung riêng. Vì thế nói nương giáo nói về hạnh, hạnh có chung riêng, từ hạnh nói về lý, lý có chung riêng, do đó ba chung riêng đều vời lấy hai tên gọi, cho nên các Bộ chỉ có y theo lý để đặt hai tên, tức là Như lai tạng kinh... Tạng chính là lý riêng trong diệu tục, kinh là lý chung.

Có trường hợp chỉ y theo hạnh mà lập hai tên gọi: Tức là kinh Lăng-nghiêm, Tam-muội... Lăng-nghiêm đã khác với Tam-muội của Thiên tiểu, tức là hạnh riêng; kinh là hạnh chung. Có trường hợp chỉ dùng Giáo để đặt hai tên gọi ấy: tức kinh Di Giáo...

25. Dẫn các kinh để làm rõ:

a) Kinh Di Giáo đã khác với các giáo, đó là Biệt giáo, Kinh là Thông giáo. Hoặc lấy Giáo làm tên riêng, hạnh lý làm tên chung, như kinh Duy-ma-cật nói... Nói chính là Giáo sở thuyết, kinh là lý hạnh; hoặc dùng lý làm tên riêng, Giáo làm tên chung, như kinh Bảo Khiếp... tướng Thật như vật báu, kinh này như cái tráp. Giáo chứa đựng lý, huống chi trong các bộ lấy lý làm kinh, loại ấy chẳng phải ít. Bộ này nói: Chư Phật trong mười phương thường nhớ nghĩ là kinh. Kinh Hoa Nghiêm chép: Đập vỡ một hạt bụi lấy ra quyển kinh lớn.

b) Kinh Pháp Hoa chép: Tạng kinh Pháp Hoa này xa thẳm, không người đến được. Lại nói: được chư Phật nhớ nghĩ sinh các nguồn đức, vào các chánh định, phát tâm cứu tất cả chúng sinh, thành tựu bốn pháp mới gọi là kinh. Sớ chép: Bốn câu là khai, thị, ngộ, nhập tri kiến Phật, tri kiến là kinh không phải lý mầu hay sao? Lấy hạnh làm kinh, như kinh Tiểu Di-đà chép: Chư Phật le ra chiếc lưỡi rộng dài nói lời thành thật, chúng sinh các người nên kính tin, kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Chi Sở Hộ Niệm này, đã chỉ công đức là chỗ hộ niệm, không phải hạnh hay sao? Đức Phật tự nêu lên hỏi: Thế nào gọi là Kinh chư Phật sở hộ niệm? Đức Phật tự giải thích rằng, nếu thiện nam, tín nữ nghe kinh ấy mà thọ trì và nghe danh hiệu Phật, thì người đó được Đức Phật hộ niệm, không còn lui sụt đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lấy từ kinh Hộ niệm để hỏi, lấy người có thể tu hành để trả lời, không phải lấy hạnh làm kinh hay sao?

c) Kinh Đại Di-đà: Lại, trong Kinh Đại Di đà Đức Phật kia nói hạnh, đều nói thuyết kinh, cho nên biết hạnh lý là kinh có rất nhiều chỗ nói, không thể chỉ lấy Giáo gọi là kinh. Thông kinh đã đầy đủ ba thứ Giáo, hạnh, lý; tên riêng đủ cả ba, rõ ràng rất dễ hiểu.

Phân biệt hai thứ dụng, giáo, ba chung ba riêng: Là của người giải thích đề này. Các Bộ đã theo cho nên đặt hai thứ ấy, hơn nữa y theo

giáo để nói tướng chung riêng, chỉ có giải thích này được các nhà giải thích khác chọn. Vì sao? Vì các sư chỉ lấy chữ kinh làm lý năng thuyên, các chữ còn lại là lý sở thuyên, đâu biết hai tên gọi đều ở trong giáo.

Nói công năng của giáo: Hai giáo Thông Biệt nương nhau mà lập, vì có công năng giải thích lý.

25. Hỏi đáp về có danh không danh:

Hỏi: Đây nói lý không danh tự, danh tự gọi là lý, và Chương Đương Thể chép: Chân-đế có danh, tục đế không danh, tự nhiên nói trái nhau như thế, làm sao hiểu được?

Đáp: Kia phân biệt chân tục, ở đây nói lý giáo, kia lấy Viên giáo sở thuyên làm chân, và lấy sự hiểu biết của người phàm làm tục, Chân vốn đầy đủ rốt ráo danh nghĩa, do đó nói có danh; tục không có nghĩa chân thật vì thế nói không có danh. Giáo lý này đều sẽ nói đầy đủ. Lý không danh tự, là nói lên vốn vắng lặng lìa tướng danh tự. Danh tự gọi là lý: Chẳng phải nói phàm tục chấp tướng danh tự, mà là viên giáo xứng với thật danh, do lý đủ đức có thể ứng với các danh, cho nên mỗi danh đều là danh lý. Lấy dụ hư không không dài không ngắn, có thể ứng với số dài ngắn, do đó mỗi trượng và mỗi thước đều là hư không. Chương Đương Thể chép: Chân-đế có danh, thì đã nói đầy đủ; không chắc chắn có, có danh chính là không danh.

Vì thế, có danh của kia và vô danh ở đây tất cả nghĩa ấy so sánh thì đồng nhau. Luận Khởi Tín chép: Nghĩa chân như, trước nói lìa ngôn ngữ, sau nói nương ngôn ngữ, tuy chia ra hai nghĩa, nhưng chỉ có một "Chân Như". Vì thế ngài Kinh Khê nói: Tánh vốn không tên gọi, mà đầy đủ các tên gọi. Phải biết văn này và chương Đương Thể đại khái không nhầm lẫn. Lại dẫn Bát-nhã, nghĩa Tổng trì tuy không văn tự mà nói là tổng trì, nếu không đầy đủ danh nghĩa chân thật thì đâu gọi là Tổng trì, hiểu sâu sắc thì nghĩa có, không, chẳng trái nhau.

26. Nói về giáo Thông. Biệt: Nói giáo Chung, riêng: Tuy trên đã nói công năng của Giáo, nhưng chưa nói về thể của chung, riêng. Nay lấy Văn tự làm thể Thông giáo, mới có thể lấy lý do làm thể biệt Giáo. Vì sao? Vì nói thiện nói ác, chỉ bày thiên, chỉ bày viên, đều dùng văn tự, Giáo ấy là thông, vì lẽ đó, có thể giải thích ý thú. Văn tự tùy theo ý thú mà chuyển đổi, ý thú khác nhau vì thế Giáo thành riêng khác. Phải biết toàn Thông là Biệt, lại dùng văn tự để nói. Vì sao? Vì biệt không lìa thông, vì ý thú kia dùng văn tự. Nay Chung, riêng đều ở trong Giáo, vì thế cả hai đều có thể nói.

Đề kinh chung riêng. Có hai.

Khắp chỉ bày các bộ. Có hai.

27. Dùng chung, riêng để giải thích đề:

Dùng chung riêng giải thích đề. Có hai.

Về chung: Thánh giáo gồm nhiếp tất cả thanh giáo một đời của Phật đều là văn tự. Từ kinh đến lời đều nói "một" là nêu lên một; tức là trong các kinh nêu lên một kinh, cho đến trong các lời nêu lên ý vị một lời, xếp thì hẹp mà tự rộng, đếm thì trước ít sau nhiều, nghĩa là kinh ít thời nhiều, cho đến câu ít lời nhiều, những thứ này đều là Phật nói, nói phải dùng văn tự, do đó biết văn tự là thể của thông giáo. Văn tự là thông nên gọi chung là kinh.

Về riêng Biệt: Có hai.

Nói về tướng riêng: Tức là lý do có thể hiển bày. Lời Phật nói, ý thú tuy nhiều nhưng bốn Tất-đàn gồm nhiếp tất cả. Tất-đàn Thế giới, khiến cho thế đế không hổn loạn, như Hoa Nghiêm khác với A-hàm, Phương đẳng khác với Bát-nhã khiến cho sanh ưa thích. Vị nhân Tất-đàn, tiện nghi khác nhau, khiến phát khởi điều lành. Đối trị Tất-đàn, dứt bỏ duyên ác, khiến diệt trừ tội lỗi. Đệ-nhất-nghĩa Tất-đàn, cơ nhập lý khác nhau, khiến được diệu ngộ, nên nói danh tướng các kinh có khác nhau.

Kết bốn Tất-đàn: Nên đối với ngộ phối hợp với bốn rất dễ hiểu. Nếu nói một bộ kinh đều do bốn Tất-đàn, thì ý của bốn này bốn kia đã khác nhau, vì thế các kinh gọi là biệt.

Thí dụ hiển bày chung, riêng thành Giáo: Muối mặn, mơ chua, kiết hợp sợi dọc sợi ngang, đều dụ cho thông của văn tự cho nên khác nhau. Vị ngon, văn hay đều dụ cho danh tướng các kinh khác nhau.

28. Xếp kinh này vào giáo nào:

Về sắp xếp giải thích kinh này: Có hai.

Giải thích những lý do theo Biệt: Nói riêng ý nghĩa bốn Tất-đàn trong kinh này: Có căn cơ thế giới, nghe ba thân là thường thì vui mừng, khen ngợi. Có Vị nhân cơ: nghe khen ngợi ba thân, thì sinh điều lành. Có căn cơ Đối trị: kham tu sám hối, phá ba ác chướng. Có Đệ-nhất-nghĩa cơ: hợp ngộ với lý hành xử của chư Phật, do ý riêng này nên nói kinh này. Bộ tuy là bốn tất đàn nhưng đều từ pháp môn Kim Quang Minh được lợi ích, vì thế nêu ba chữ để nói về "Giáo Biệt".

"Từ lời nói chung...": bốn Tất đàn tuy khác với các kinh, nhưng mỗi tất đàn đều cần văn tự. Thể văn tự là ở khắp các kinh, cho nên nêu chữ kinh để nói lên "Giáo thông".

Kết lại: Trong hai nhà phiên dịch, đề mục ở đây tuy là bản của

ngài Đàm Vô Sấm, nhưng tên đề Kinh Kim Quang Minh do ngài Chân-đế dịch rất xác thật, do đó Sư quyết định dùng chung Hoa Phạm. Vì thế trong văn trước bàn luận đề kinh kỹ càng hay tóm lược, hai chữ "Đế Vương" hoặc nói hoặc không nói đều không ngại gì.

29. Dùng thí dụ giải thích:

Thí dụ giải thích: Nếu y theo Văn phụ giải thích trong quyển bốn chép: Nói nghĩa thí dụ, suy lời Phật xa gần, đúng sai. Suy nghiệm biết văn phụ và đương thể giải thích là chánh ý ở đây. Thuận theo ví dụ giải thích Văn tuy rộng, vì thấy các bậc Thầy xưa tuy dùng thí dụ giải thích, nhưng pháp dụ không khắp, phiên dịch nghĩa sở thuyên của kinh này. Do đây Đại sư dùng thí dụ giống như vị khác cả pháp môn viên dung, pháp môn này tuy từ Dụ hiển bày, nhưng là chỉ bày trước đương thể giải thích trong pháp Kim Quang Minh, chỉ khác tên gọi mà thôi. Vì pháp tánh có vô lượng đức, có vô lượng danh, tên là Kim Quang Minh, cũng gọi là pháp thân, Bát-nhã, giải thoát, cũng gọi là Pháp thân, Báo thân, Ứng thân, cũng gọi là Chánh duyên Liễu, cho đến tên Khổ, Hoặc, Nghiệp, một nhiếp tất cả, tất cả vào một, đã y theo thí dụ để nói về nghĩa này rồi, cho đến trong đương thể, chỉ định ba chữ, chẳng phải thí dụ là pháp, pháp thì dung nhiếp cùng khắp, thì đối với tất cả không hai không khác. Nhưng nếu biết được pháp Kim Quang Minh, là một thứ danh (tên) trong các thứ ba pháp này, thì hiểu ý chỉ lập đề của kinh này. Ở đây tự có hai.

30. Sự giải thích của các sư xưa:

Các sư xưa giải thích: Có ba.

1) Số Sư: Có hai.

Bình xét: Các kinh sư xưa: Tức là các vị xưa nay giảng kinh này, vốn giảng nói số luận gồm cả giảng kinh này, dùng thí dụ giải thích đề kinh đối với ba đức, hai phá. Ngài Chương An ghi chép nghĩa của ngài "Trí giả", cho nên nói như Đại sư nói, có khi cũng nói sư Thiên Thai nói. Trước phá những gì trái Tông: Luận này chỉ lập hai thân, vì sao giải thích kinh lại dùng ba đức. Nếu chia ba thân giải thích ba đức, thì Tông mình sẽ mất, cho nên nói đối với luận không tiện. Kế là phá những gì trái với kinh: Nếu nói Luận này, tuy chỉ có hai thân, nhưng vì thuận theo văn kinh nên phải dùng ba đức, văn kinh chỗ nào nói rõ ba đức? Nếu nói kinh tuy không văn nhưng tìm nghĩa hợp có thì chỗ nào không thông, hợp đủ tất cả ba pháp đâu phải chỉ riêng ba đức hay sao? Đã trái với Luận này lại trái với kinh này, cho nên không theo.

2) Địa nhân: Có hai.

Địa nhân vốn mở rộng kinh Hoa Nghiêm, luận Thập Địa, và giảng kinh này. các Sư này giải thích đề rút gọn ba thành hai. Trên chất Kim có Quang có Minh, nhưng xét theo Thể kim thì đồng gọi là dụng, lại chắc chắn dụng này không từ ngoài đến, nên nói: là tự có. Vì như Giải thoát, Bát-nhã tuy là hai đức, nhưng coi Pháp thân đồng gọi là dụng, hai đức này không nhờ tu mà thành, cho nên nói tự có. Ở đây Sư chỉ dùng hai nghĩa thể dụng để giải thích ba chữ này.

3) Phá: Luận nói ba Phật, luận giải thích kinh xưa có ba Phật:

a) Tỳ-lô-giá-na là pháp thân;

b) Lô-xá-na là Báo thân;

c) Thích-ca Mâu-ni là Ứng thân chính là hợp với nghĩa pháp thân, ứng thân, hóa thân của kinh này. Nếu dùng ba thân và ba chữ sở của đề kinh này thì đối với nghĩa kinh Luận không trái nhau, cho nên nói tự thuận tiện; Thế thì bỏ ba thân tự lập thể dụng, riêng trái với luận thuyết của mình.

Hoặc nói: Luận này tuy nói ba Phật là thuận theo kinh này nên nói thể dụng, bản dịch mới của kinh này, rõ ràng dùng ba thân để lập phẩm mục. Trong phẩm, ba thân sáng rực đáng nêu. Như bản nay, bản xưa tuy lược bỏ phẩm này nhưng danh nghĩa ba thân trong kinh rất nhiều, như phẩm Tứ Vương chép: pháp thân Chân thật của Phật giống như hư không, ứng vật hiện hình như trăng đáy nước, trăng nước đã ứng, chẳng lẽ giữa hư không chẳng có trăng ư? Trăng, hư không tức là báo thân. Tự nhiên khéo phân biệt cho nên dùng hai hiển bày ba. Lại như trong bài tựa riêng, Như lai sống trong vô lượng pháp tánh sâu xa, Thích-ca Như lai chính là Ứng thân, sống trong là trí mầu Báo thân, pháp tánh sâu xa là pháp thân. Lại phẩm sám hối chép: Dùng dùi đánh trống phát ra âm thanh lớn. Trống tức là pháp thân, dùi đánh tức là báo thân, phát ra tiếng là ứng thân. Do đó biết danh nghĩa ba thân không ít, đâu phải chỉ có một chỗ nói thể dụng. Tiến thì không hiểu kinh, lùi thì trái với luận thuyết của mình, vì thế cũng phân biệt.

■

KIM QUANG MINH HUYỀN NGHĨA THẬP DI KÝ

QUYỂN 2

Chính Ngài Chân-đế dịch ra kinh này, tên là kinh Kim Quang Minh Đế Vương, lại tự tóm tất thí dụ giải thích đề mục. Văn có hai.

1. Giải thích:

Trình bày. Có ba.

1) Nêu lên: Trong các sư ngài Chân-đế có hơn đôi chút, có thể dùng một thí dụ để dụ cho ba pháp môn, ba pháp mỗi pháp đều có ba.

2) Giải thích: ba pháp.

a) Giải thích ba thân: Ba thân trong kinh này cũng là Pháp thân, Báo thân và Ứng thân, hai và ba tuy tên gọi khác nhau nhưng nghĩa thì đồng. Thân thứ hai là Ứng thân, đây là trí mầu tương ứng với pháp, cùng nghĩa với báo thân; thân thứ ba là Hóa thân ứng theo căn cơ mà giáo hóa, đồng nghĩa với ứng thân.

b) Giải thích ba đức: Kim có bốn nghĩa, dụ cho Pháp thân có đủ bốn đức, mỗi pháp dụ cho tương của nói rõ ràng. Quang và Minh mỗi thứ đều có hai nghĩa, dụ cho Bát-nhã và giải thoát, mỗi thứ đều có hai đức. Quang là xua tan tối tăm, Minh là không tối tăm, nghĩa có gì khác nhau? Quang có công năng xua tan tối tăm nên gọi là "trừ", tối tăm không còn sinh, nên gọi là "không", chính là dùng trừ tối dụ cho Bát-nhã dứt hoặc, không tối dụ cho giải thoát, các khổ lụy hết sạch. Việc này tuy Sư không nói nhưng ba đức đầy đủ lẫn nhau, lấy Dụ đối pháp, đều có lý do.

c) Giải thích ba vị: Lại dùng ba chữ dụ cho Chánh duyên liễu, là dùng Ba tánh đối với ba vị, văn nghĩa cũng rõ ràng.

3) Chọn lựa: Phân biệt ba thân: Pháp thân là tánh cho nên thuộc về thật, hai thân kia do tu tập mà thành nên không thật. Phân biệt ba đức: Pháp thân là thể chung nên có bốn đức, hai thân là tướng riêng, cho nên mỗi thân đều có hai đức.

Phân biệt ba vị: Chánh nhân là ở tánh cho nên vốn có, liễu nhân ở tu chứng cho nên hiện có, duyên nhân ở quả cho nên sẽ có.

Bác bỏ: Vì Chân-đế giải thích nghĩa khác với các Sư, lời nói quá lạm so với ở đây mức, lo cho người học sau không thấy lỗi mình, chấp trái là phải. Lại, muốn dùng nghĩa không dung thông ấy để nói lên sự luận bàn tròn mầu ở đây, cho nên bác bỏ.

Văn: tương đối rộng, có hai phần:

Một là bác bỏ chung: Kia dùng ba thứ ba pháp để giải thích đề mục này cho nên nói ba ba. Đại sư xét định ba nghĩa bất liễu: 1. Nghĩa nhân quả; 2. Nghĩa viên biệt; 3. Nghĩa ba pháp tánh. Đã không thông suốt, lại trái ngược không xứng, nên nói bất liễu.

Hai là bác bỏ riêng: Có ba.

1. Nêu ba sai lầm.

2. Giải thích ba sai lầm. Có ba.

3. Hỏi đáp về ba nhân, ba đức: Không thông hiểu Nhân quả:

Hỏi: Ngài Chân-đế chỉ dùng ba nhân chia ra đối với ba vị, vì sao lại bác bỏ nói rằng, phân chia sắp xếp ba đức thiếu sót không đủ.

Đáp: Tất cả ba pháp chỉ có một ba pháp, vì đầy đủ các đức nên có nhiều tên gọi; thường lạc, ngã, tịnh do đó gọi là ba đức; đáng tôn đáng trọng nên gọi là ba ngôi báu; bất sinh bất diệt nên gọi là ba Niết-bàn, các pháp nhóm họp nên gọi ba thân; là hạt giống Như lai nên gọi ba nhân, ngay nơi sự hiểu lý cho nên gọi là ba đạo, pháp môn kia Thể vốn không riêng khác, nên chia ra ba nhân, tức là phân ra ba thân, ba đức. Hai tiết chú thích... Nay y theo Đại Kinh nói tướng Ba đức tồn tại lẫn nhau. Với Pháp thân thì nói, chính là pháp thân, chẳng phải pháp thân; pháp thân chắc chắn đầy đủ Bát-nhã, Giải thoát. Với Bát-nhã thì nói, chính là Bát nhã, chẳng phải Bát-nhã; Bát-nhã chắc chắn đầy đủ Giải thoát, pháp thân. Xét rằng Giải thoát hợp với Chú thích... so sánh với ở trên cho nên lược bỏ. Vì là giải thoát chẳng phải giải thoát, giải thoát chắc chắn đầy đủ Pháp thân, Bát-nhã. Kia đã phân chia đặt ra chính là khiến cho ba vị mỗi vị chỉ một đức, thì nhân không bao gồm quả, quả không bao gồm nhân, nên nói là không hiểu.

Trước nêu sau bác bỏ:

Trái với Viên, Biệt: Trước là nêu tướng bốn đức của Viên biệt, sau mới bác bỏ lỗi trái ngược. “Viên bốn đức”: Pháp thân chính là ba đức trong tánh, pháp thân là Thường, Ngã, vì là Bát-nhã cho nên Tịnh; Giải thoát cho nên Lạc, bốn đức này ở trong tánh nên chỉ gọi pháp thân. Toàn tánh phát tu chắc chắn thành ba trí, trí thầm khế hợp với tánh và

cũng giống như tánh có đủ bốn đức. Theo nghĩa soi sáng chỉ gọi Bát-nhã, trí hợp với tánh cho nên giải thoát ứng với căn cơ, đã toàn tánh khởi thì chắc chắn thành ba giải thoát, cho nên đồng với tánh có đủ bốn đức. Theo nghĩa khởi dụng chỉ gọi giải thoát, Bát-nhã khế hợp với tánh, giống như tánh có đủ bốn. Tướng ấy dễ biết cho nên không trình bày riêng.

Giải thoát ứng theo căn cơ khởi thành dụng bên ngoài, giống như tánh có đức, tướng kia khó hiểu, vì thế nay nêu riêng. Quả tức là hai tử, thoát được khổ này gọi là đức Lạc. Nhân tức là năm trụ, thoát khỏi nhiễm này gọi là Đức Tịnh. Không bao giờ còn hai tánh trói buộc liền được tự tại, nên gọi là ngã đức. Nhân hoặc quả chết là pháp sinh diệt, xưa nay giải thoát chẳng do nhân quả này, nên gọi là đức Thường. Tuy là lìa trói buộc nói bốn đức này, nhưng trói buộc vốn không, nên bốn đức hoàn toàn giống với tánh. Phân biệt bốn đức, nói theo ba thân thì pháp thân đầy đủ hai đức, Thường tức là đức Thường, Thật: tức là ngã, pháp chắc thật, mới có nghĩa chủ tể và tự tại, đó là chân ngã đức... Ứng thân có trí tuệ chiếu phá các hoặc nhiễm nên có Đức Tịnh; Hóa thân Tam-muội tức là Thủ-lăng-nghiêm, hiện đủ các sắc thân trừ khổ ban vui gọi là Đức Lạc. “Biệt” là giáo đạo cho nên dùng ba thân đối với bốn đức.

Ở đây nói Viên, Biệt mỗi giáo có bốn đức, do hai Giáo này, nên thường không khác với bộ, nghe nói ba thân có có đủ bốn đức, là ý sai lầm vậy. Chia cách ra mà hiểu thì tức là Biệt giáo hiểu được ý kia là hiểu có đủ lẫn nhau gọi là Viên giáo. Biết mỗi thân đều tức là ba thân, vì thế mỗi thân đều có bốn đức. Nếu ba thân không chứa bốn đức thì đó là “Biệt”, do đó khéo nói Biệt giáo tức gồm có bốn đức. Khéo nói Viên giáo tức là mỗi giáo có bốn đức. Dung thông Biệt tức là Viên, chia Viên tức là Biệt. Nói về hai giáo tức là bác bỏ sự trái nghịch, điều mà ba tạng nói gồm bốn không thành cho nên “trái với biệt”, mỗi giáo đều có bốn không thành cho nên “trái Viên”.

Nói về tánh và tu:

Không xứng với pháp tánh: ba pháp vốn không thay đổi gọi là Tánh, tất cả ba pháp đều có hai thuộc tu. Một là ở tánh, hai tu nghịch và thuận đều ở trong tánh. Một tánh toàn ở hai tu mê ngộ, do đó khiến cho ba pháp theo chiều ngang thì bao gồm sắc, tâm, y, chánh trong mười pháp giới, theo chiều dọc thì suốt tận ba vị, nhân quả mê ngộ. Vì thế Kinh xứng hợp với pháp tánh sâu xa vô lượng, Nếu vị kia xứng với pháp tánh này, thì đối với ba vị, mỗi vị có ba, mỗi vị phải có đủ ngôn

cú, chính là bác bỏ kia. Phần này tự chia làm bốn:

a. Một là dẫn Kinh Tịnh Danh bác bỏ Đạo Tiền: Theo ba văn này, xét biết đạo tiền không có một pháp riêng, nhưng phải hiểu rõ, Bồ-đề là đức trí, đến quả chí cực mới chứng được, Niết-bàn là đức đoạn, đến quả chí cực mới dứt hết "hoặc lậu". Kinh có nói: Không thể đắc nữa, không thể diệt nữa. Là trong tánh này đã có quả đức, chẳng lẽ không phải đạo tiền có Kim Quang Minh? Kia nói: một Kim làm sao xứng với pháp Tánh.

b. Hai là Dẫn kinh Hoa Nghiêm bác bỏ Đạo Trung: "Người mới phát tâm là Phát tâm trụ. Liền thành Chánh giác, có khả năng hiện tám tướng. Đây là vị thứ nhất trong vị Thập trụ của Viên giáo, trụ trong viên tu trước lên trụ Viên phát, phát ở tánh có ba, tức là tuệ thân,... ba thân, ba đức, tất cả ba pháp, dùng một, ba để phá vị Đạo trung do Chân-đế lập, chỉ một liễu nhân, sau sơ trụ cho đến Đẳng giác, đều gọi là đạo trung, mỗi vị có ba pháp dẫn dần lớn lên như trăng; dần đầy Viên thuyết Hoa nghiêm của xứng với pháp tánh vô lượng sâu xa, chứng thì đều chứng, xét kia phân cắt thật là không xứng.

c. Ba là chỉ cho nghĩa trước bác bỏ đạo hậu: Có đủ ba thứ như trên đã nói: trước phá nhân quả không hiểu. Văn chép: ba thân ba đức vốn là tên gọi tròn đầy về mặt quả, mà nay phân chia sắp đặt ba đức thiếu sót không đủ. Lại chép: Đạo hậu các điều lành ít nhóm tụ làm sao được giải thoát riêng, nghĩa kia tự hoại cho nên không dẫn kinh riêng.

d. Bốn là Y theo Viên bác bỏ chung: Theo kinh đã dẫn ở trước thì mỗi vị đều tròn đầy, chẳng lẽ đều là một sao? Ba y theo dụ mà bác bỏ. Kinh nói pháp tánh xứng với vô lượng sâu xa, nếu Kim Quang Minh ngang khắp dọc bày thì chẳng có đức nào không đủ, chẳng có vị nào không thông, kia giống như oai linh của phụng, thần lạ của Rồng, sự giải thích của ngài Chân-đế thì đức đã không đủ vị cũng không thông, như gấp rút trong tổ tu hú, hoặc quay trở lại hang thỏ, chẳng lẽ không xấu hổ khi người có văn chương đạo đức bị đem vùi chôn trong vây cánh của Vũ Môn, đều không có sức mạnh của tráng sĩ hay sao? Ba câu trên đều là dụ, một câu sau hợp với pháp, cho nên nói chẳng phải nói tròn đủ về pháp tánh.

Sự giải thích của các Sư nay:

Sư Hiện nay giải thích: Có sáu.

a. Nêu nay khác xưa: Các sư đều có chỗ đồng, chỗ khác nên đều nói rằng nghĩa thì không đúng.

b. Y theo kinh bác bỏ, nếu nói về vô lượng, không ít đối với sư,

vì theo pháp tánh cho nên càng thêm thù thắng nói rằng: Lý chẳng có gì không thống nhiếp. Trung Đạo Kinh Vương đâu khác với lý. Nay lại theo sự vì thế nói chỗ nào mà không thu nhiếp, ở đây giống như chiều ngang của pháp giới, dọc của ba đế, không phân mà phân, đâu chỉ ba lần ba là chín pháp mà chỉ bác bỏ ngài Chân-đế.

c. Xứng pháp giải thích đề: Kinh nói: ý vô lượng hiển bày theo chiều ngang thì bao gồm, lại nói ý sâu xa nêu rõ theo chiều dọc thì thông suốt. Nay dùng ba chữ dụ khắp ngang dọc tất cả pháp môn, mới xứng với ý "Kinh" và không trái nghĩa "Vương".

d. Bỏ rộng lớn theo chính yếu: Dựa vào Kim Quang Minh đã dụ pháp môn rộng lớn không bờ mé, danh tướng của giáo nào mà không thâu nhiếp hết, đã sâu lại rộng, tâm vừa nghĩ đến nó thì lời nói và suy nghĩ không theo kịp, vì thế lấy mười điểm chính yếu trong tất cả làm cửa đầu tiên ngộ nhập cho hành giả, nếu vào cửa này thì pháp nào mà không thấy biết.

e. Sắp xếp chương:

g. Chính giải thích: Có ba.

g1. Nêu mười số Có hai.

g1a. Chính là nêu danh số.

g1b. Nói về lược công năng: Có hai

g1b1. Ước về nghịch thuận sinh khởi nói về mười pháp, bao gồm đầu, cuối, có hai:

g1b1a. Gạn lại.

g1b1b. Giải thích: Có ba:

g1b1ba. Lược chỉ bày: Bỏ vô lượng lấy mười thứ: vì mười thứ này bao gồm nghịch thuận và bao gồm cả đầu cuối, nhưng hai lần kia đều thành thứ lớp so sánh.

g1b1bb. Chính sinh khởi: Có hai

g1b1bb1. Nói về lập giáo nghịch suy, lý hiển bày do sự.

g1b1bb2. Nói về lập hạnh thuận tu thì vọng trở về Chân, hai thứ sinh khởi là:

- Từ gốc pháp tánh vô trụ, lập tất cả giáo pháp.
- Từ gốc vô minh vô trụ lập tất cả hành pháp.

Hỏi đáp về pháp tánh:

Hỏi:

- Pháp tánh vô trụ lập nên giáo pháp, nương vào văn nào mà nói?

Đáp:

- Văn của chương Đương thể này, nói các bậc Thánh nương vào Chân để đặt tên, và dẫn kinh Tịnh danh nói rằng, từ gốc Vô trụ lập tất cả pháp, đã dẫn chứng minh này nương vào chân đặt tên, chẳng lẽ không phải từ pháp tánh Vô trụ mà lập tất cả các giáo hay sao? Nhưng nếu có nói từ gốc Vô trụ lập tất cả pháp, thì không ngoài bốn lớp, như ngài Diệu Lạc nói: Lý thì tánh đức duyên liễu, Sự thì tu đức ba nhân, mê thì trôi lăn ba đường, ngộ thì trong quả thắng dụng. Bốn lớp như vậy đều do mê trong tướng thật mà lập. Nay lần thứ nhất là thắng dụng trong quả thứ tư kia, lần cuối cùng này là tu đức ba nhân của quả thứ hai kia.

Hỏi đáp trong mê làm sao lập ra giáo pháp:

Hỏi: Sinh khởi lần đầu, bắt đầu từ bí tạng cuối cùng đến ba đường hợp nhau, vì mê nên trôi lăn trong ba đường lấy gì chống lại thắng dụng trong quả để lập ra giáo pháp?

Đáp: Ở đây nói: Bí mật được hiển bày từ ba ngôi báu, đâu thể mê lý từ ba ngôi báu và các thứ ba pháp? Cho nên biết phải dựa vào lý khởi giáo giải thích mới đúng mực, huống chi nay hai thứ nghịch thuận sinh khởi, cùng Pháp Hoa Văn Cú giải thích khai, thị, ngộ, nhập. Y theo vị trí môn mà quán bốn nghĩa, sinh khởi nghịch thuận ý đồng, vì thế văn cú kia nói, thấy lý từ vị, vị lập từ trí, trí phát do môn, môn thông do quán, nhờ quán cho nên môn thông, môn thông nên trí thành, trí thành nên vị lập, vị lập nên thấy lý.

Ký Thích chép: Sinh khởi nghịch thuận này, ban đầu nói nguyên nhân từ "năng", sau nói năng hiển bày từ nơi sở. Văn này đầu tiên chẳng lẽ không phải sở từ nơi năng, lần sau chẳng lẽ không phải năng hiển bày từ sở hay sao? Hiểu được ý này mới bỏ văn. Sơ văn, Lý ba đức là chỗ chứng cùng cực của Phật, dứt bặt danh tướng gọi là kho Bí mật. Tạng này được hiển bày cũng do lý giác trí và bất giác hòa hợp, vì thế Như lai thị hiện ba ngôi báu, nhưng ba ngôi báu ấy lập là do đức dứt, do đó nói là ba Niết-bàn.

Giải thích văn:

Niết-bàn được thành lại do trí đức, vì thế nói ba Thân.

Thân do Thừa đến cho nên nói là ba Đại thừa.

Thừa do hạnh thông suốt, do đó nói ba Bồ-đề.

Bồ-đề do Trí chiếu, vì thế nói ba Bát-nhã. Bát-nhã do tánh phát sinh, cho nên nói ba Phật tánh.

Tánh chủng bắt nguồn từ hiểu rõ danh nghĩa, do đó nói ba Thức.

Thức biết nguồn gốc ba chướng tức lý, vì thế nói ba Đạo.

Tất cả đều do ba đức pháp tánh bí mật, không có tánh chất an trụ

vững chắc, cho nên bậc Đại Thánh lấy pháp tánh vô trụ này làm gốc, lập chín danh tướng và tất cả giáo pháp. Sự sinh khởi này là sáu giải thích lập mười pháp. Lập các giáo pháp đến chỗ cùng cực ba đạo. Nay nói về chúng sinh ở trong ba đường, do vô trụ cho nên thành các hành pháp, đến chỗ cuối cùng của ba đức, ba đạo lại lấy vô minh làm đầu, vô minh sáng tỏ cho nên nghiệp khổ đều chuyển, chuyển mê thành hiểu biết, rõ được lời Thánh, cho nên thành ba Thức, hiểu được "thừa chủng" thì gọi là nhân Phật, do đó thành ba Phật tánh. Hạt giống huân tập bản giác cho nên phát sinh trí tuệ gọi là ba Bát-nhã. Trí có công năng hành đạo, thực hành thẳng đến Đạo, thành ba Bồ-đề. Trí hành khế hợp tánh, thảy đều gánh vác, thành ba Đại thừa. Thừa phân biệt Báo trí, trên thầm hợp dưới ứng cơ, liền thành ba thân. Thân lìa hẳn "hoặc" bất sinh bất diệt, gọi là ba Niết-bàn. Đức dứt tự tại, thi ân lợi vật, cho nên hiện ba ngôi báu. Công đức lợi vật thành tựu, tự tha dứt bặt, đồng trở về ba Đức. Lần sinh khởi này lập sau mười thứ quán tâm.

Tổng kiết chỉ bày:

g1b1c. Tổng kiết chỉ bày: Tìm xét ngược lại giáo do thuận tu quán hạnh đều thành thứ lớp.

g1b2. Y theo vô lượng sâu xa nói mười pháp thảy đều cao rộng. Có ba

g1b2a. Khởi bày.

g1b2b. Giải thích: Có hai.

g1b2b1. Y theo nhiếp khắp mà nói vô lượng. Có ba.

g1b2b1a. Nói mỗi thứ có mười pháp: Ba đức pháp giới đã vô biên vô lượng, có pháp môn nào lại không bao gồm. Hơn nữa, theo chỗ quan trọng là có đủ chín thứ, tự thể vốn là thường, lạc, ngã, tịnh, nên gọi là ba đức, đủ năng đủ sở tức là mười pháp, ba đức đã như thế, chín đức kia đầy đủ lẫn nhau có thể dùng ý mà được, cho nên không nói đầy đủ.

g1b2b1b. Nói mỗi thứ đều có tất cả, một có chín, có ba: Đã nói theo quan trọng, phải biết mỗi thứ đều có tất cả ba pháp môn. Pháp tánh không ngăn ngại có khả năng ứng với các số, cho nên một pháp môn có khả năng đầy đủ tất cá một số pháp môn, lại đủ tất cả hai số pháp môn, cho đến nhiều như số cát sông Hằng danh số pháp môn, chẳng có pháp môn nào không đầy đủ, nếu hiểu nghĩa pháp tánh vô lượng, thì đối với điều này không bị mê muội, cho nên nói rất dễ hiểu.

Dẫn kinh chứng minh kiết luận:

g1b2b1c. Dẫn kinh để chứng minh kiết luận: Kinh là kinh Hoa Nghiêm, nêu lên một pháp làm pháp môn đứng đầu, tất cả các thứ khác

đều làm quyến thuộc, một pháp đã như vậy, các pháp đều như vậy, mới ở trong một có thể hiểu vô lượng, giải thích như thế mới xứng với nghĩa pháp tánh vô lượng.

g1b2b2. Y theo dọc mà nói cùng tận sự sâu xa: Trên là y theo vô lượng, bắt đầu từ một pháp đến hằng sa pháp, chẳng lẽ không cao dọc. Nhưng không y theo nghĩa vị thuộc về chiều ngang, chính là ngang của dọc. Ở đây nói về sâu xa, mỗi pháp môn đều nói về ba vị và sáu tức, tức là pháp ngang kia mỗi pháp đều chỉ bày dọc sâu.

Phân tích văn: Văn có ba.

Trước là nói theo mười pháp. Ba đạo ba thức khi mê thì là pháp, cho nên thuộc về đã có, ba đức ba ngôi báu thì quả sau pháp do đó thuộc về sẽ có. Từ ba Phật pháp đến ba Niết-bàn, bắt đầu từ nhân nhỏ cuối cùng có quả lớn đều là "đạo trung" cho nên thuộc về đang có. Nếu mê mờ nghĩa cao rộng của ba pháp, thấy ở đây phối hợp so sánh, gọi là phần cắt. Phải biết mười thứ ba pháp chỉ là một thứ ba pháp, vì một pháp tánh vô lượng sâu xa có mười đức, đặt ra mười tên, một thứ ba không riêng, mười thứ ba không phân chia. Nếu ba đạo kia ở giai vị đã có thì đã thu nhiếp chín thứ ba pháp khác. Nếu nói ba đức ở giai vị sẽ có thì cũng thuộc về chín thứ ba pháp khác, tám thứ ba pháp ở giữa đều giống như thế. Nhất đẳng: một pháp có chín, năng sở có mười; cũng có thể dùng mười pháp này chia hợp với ba vị, mười thứ này đã có đủ trong một pháp cũng chính là một pháp có đủ ba vị. Nói lên sự phân đối ở trước cho nên chẳng phải cách vượt.

g1b2c. Ba vị mỗi vị đều có sáu tức: Chỉ bày mỗi pháp môn: là mỗi pháp môn trong mười pháp môn, trong một pháp môn có đủ chín pháp môn, mỗi pháp môn trong chín pháp môn, từ một pháp cho đến vô lượng pháp pháp nhiều như số cát sông Hằng. Mỗi pháp môn, về chiều dọc, chẳng có pháp môn nào không thông suốt giai vị sáu tức. Vì sao? Vì mỗi pháp thể là pháp tánh vô lượng sâu xa, kẻ "bạc địa" hoàn toàn mê mờ, chỉ có lý là đúng. Như vâng lãnh sự chỉ dạy, đối với danh tự mỗi pháp biết là pháp tánh sâu rộng, người ở giai vị năm phẩm quán hạnh biết đúng, giai vị sáu căn thanh tịnh dường như biết đúng, bốn mươi mốt giai vị phần chân biết đúng, chỉ có giai vị Diệu Giác đối với mỗi pháp biết đúng rốt ráo pháp tánh sâu rộng, cho nên thành nghĩa dọc. Lại dùng sáu tức đối với ba vị, thì đều từ rộng ngang mà nói về dọc sâu, do đó kiết lại thành nghĩa sâu xa. Ba là. Kết quy: chỉ dùng ba chữ dụ khắp dọc ngang, cùng bờ tận đáy pháp tánh Kinh Vương, ý chỉ văn đều nhận được.

- Giải thích mười phương:

g2. Giải thích mười tướng: Có bốn.

g2a. Nêu bày.

g2b. Kết trước sinh sau.

g2c. Khuyến tu tin hiểu: Nắm được ý Đại kinh, dùng mắt thường của người đối với mắt trí của Phật, mà phân biệt hơn kém, mắt người thường chỉ có thể phân biệt được sắc tướng đồng khác. Năm phẩm quán hạnh tuy là mắt thường, cũng gọi là mắt Phật, thấy được kho Phật tánh bí mật. Nay giải thích mười thứ ba pháp, mỗi thứ đều bí mật, chẳng phải ba trí Mắt Phật thì làm sao phân biệt được sâu cạn đồng khác. Sâu cạn ứng với "thiên", ba giáo là Cạn, chỉ có Viên. Từ sâu xa, giống khác nói rõ về Viên. Mười tức một là đồng, một tức mười là khác, đồng khác cùng lúc, sâu cạn rõ ràng. Đại sư đã được mắt trí này, nay nói mười pháp Thiên Viên để răn bảo người tu hành chưa mở mắt này, vì thế khuyến tin sâu, sinh sự hiểu biết về "Viên", nương vào danh tự chia ra mười môn.

g2d. Chính là giải thích mười tướng: có hai.

g2d1. Chính là giải thích: Có mười.

g2d1a. Ba đức: có bốn.

g2d1a1. Nêu danh lược chỉ bày.

Ba là pháp thể, bốn là đức tướng.

g2da2. Nói về "Viên" rộng giải thích: Có hai.

10. Giải thích bốn đức:

g2da2a. Giải thích có ba. Dùng khuôn phép giải thích pháp. Pháp tánh sâu rộng ai không noi theo, nhưng do chín cõi tuy là noi theo mà trái nghịch, cho nên đối với pháp thân mà thành đường khổ, chư Phật thuận theo có thể ở đường khổ mà thành tựu pháp thân. "Dùng sự nhóm họp mà giải thích thân": Một sắc một hương đều là trung đạo, tất cả hướng về một, tất cả đều như thế, đó gọi là nhóm. "Tất cả chúng sinh...": vì thân Phật đầy đủ tất cả pháp, tất cả chúng sinh đối với một pháp đều hiểu biết chân thật, là chân tri Phật, là chân thức Phật, do đó Phật là thiện tri thức chân thật. Kinh Hoa Nghiêm cũng chép: Tất cả pháp bất sinh, tất cả pháp bất diệt, nếu hiểu được như vậy, thường thấy Lô-xá-na. Trong Bát-nhã giải thích nhóm họp là tục đế, giả trí chiếu soi cho nên các pháp nhóm họp mà thành, tán tức là Chân-đế, "Không trí" chiếu soi nên các pháp tan hoại, cả hai đều không tức là trung đế, Trung trí chiếu soi cho nên các pháp dứt bặt đối đãi, ba trí một tâm gọi là Bát-nhã. Trong Giải thích giải thoát các pháp không ngoài ba đế là chân, tục và trung. Không nhiễm bất trụ ba thứ này thì gọi là ba giải thoát, tức ba

hoặc lụy không bao giờ tương ứng.

g2da2b. Giải thích đức: Có ba.

1) Nói bốn đức của pháp thân: Mỗi pháp chúng sinh và Phật y báo, chánh báo cho đến một lân hư, một niệm sát-na đều viên đủ bốn đức mầu nhiệm, y theo ba nghiệp nói về đức Tịnh, mười cõi, ba nghiệp đều xa lìa sáu nhiễm xưa nay, gọi là pháp thân tịnh. Bốn đức pháp thân mầu nhiệm không gì so sánh, gượng dùng bốn nghĩa của vàng ở đời làm ví dụ.

2) Nói về bốn đức Bát-nhã, tức trí của thể trở về thầm hợp với thể, đã không hai thì chẳng lẽ trí công đức ít hơn pháp thân, cho nên Bát-nhã cũng có bốn đức. Trong kinh đại Phẩm thật có nghĩa này. Nói sắc tịnh, âm sắc tức là tánh cho nên là pháp thân, gồm có bốn đức, làm thành tướng rộng lớn, lại nêu một tịnh, đức Tịnh chẳng cô lập, phải có ba thứ còn lại. Nói chung, vì sắc thường cho nên Bát-nhã thường, lạc và ngã cũng vậy. Nói các nghĩa đều thành, tức là thể đầy đủ nghĩa mát mẻ bất biến, nghĩa chân thật hiểu biết, nghĩa ánh sáng chiếu khắp, cho đến nghĩa các công đức nhiều hơn cát sông. Biết đã thầm hợp với thể, cho nên Bát-nhã đều thành nghĩa này. Vì thế lại dẫn kinh sắc đại sắc vô biên, lập nghĩa rộng lớn. Ví dụ nói sự sâu kín để lập nghĩa dọc cao. Bát-nhã đều đầy đủ. Cảnh chỉ là sắc, sắc ở ấm ban đầu, là pháp giới thủ cho nên kinh nêu ở trước, sắc đã có bốn đức, thọ, tưởng, hành, thức giới, nhập, đế, duyên, lục độ, đạo phẩm cho đến chủng trí đều thường lạc, ngã, tịnh. Ấy nên Bát-nhã có đủ bốn đức.

3) Nói về bốn đức giải thoát, trước phá văn xưa đã nêu riêng có bốn, cho nên ở đây y theo nghĩa mà nói chung có hai nghĩa:

Một là y theo các điều ác hết hẳn, các điều ác chẳng qua vô thường... có bốn, đã lìa bốn lỗi, thì có đủ bốn đức. Hoặc nói riêng về các chấp vô thường... chỉ ở Nhị thừa, hoặc nói chung lìa các chướng như vô thường... Chỉ Phật mới hết sạch, ở đây là nói chung; hai là y theo các điều lành mỏng manh mà hiểu: Pháp lành tuy nhiều nhưng chẳng gì hơn bốn đức, nhóm họp đã nhiều thì đức sẽ không thiếu, cho nên giải thoát có đủ bốn đức. Ba dẫn chứng thể viên, dẫn ba văn, ý văn ban đầu là nói giải thoát đồng với pháp thân. Đầy đủ bốn đức. Văn kế là nói chung ý ba đức ở tại pháp thân. Pháp thân chiếu thì sẽ có ba đức, kinh tuy thiếu văn Bát-nhã mà nói nhiều về ba nhân. Nhân là trí tánh, ba nhân viên, tức là ba trí đều có đủ bốn đức.

Nói về ba điểm đầy đủ:

Nói ba điểm đầy đủ... phẩm Ai Thán chép: Thế nào gọi là kho

Bí mật? Giống như ba điểm của chữ Y, nếu ngang thì không thành, dọc cũng không thành, như ba mắt trên mặt của trời Ma-hê-thủ-la mới được thành Y. Ta cũng như vậy, pháp giải thoát cũng chẳng phải Niết-bàn, thân Như lai cũng chẳng phải Niết-bàn, Ma ha Bát-nhã cũng chẳng phải Niết-bàn. Ba pháp đều khác cũng chẳng phải Niết-bàn, cho nên ba pháp lìa các tướng ngang dọc, một khác. Mới được gọi là Đại Niết-bàn. Điểm là văn tự: Bởi Thiên Trúc tân y ba điểm. Như Trung quốc viết chữ thảo.

Lại có vẽ ba điểm tròn nhỏ liên tiếp, cho nên biết mỗi điểm đều là văn tự. Lấy ví dụ ba pháp, các pháp xen nhau đầy đủ, đều là đại Niết-bàn. Ba điểm đều có đủ bốn đức, nếu quên ba điểm thì đều thành văn tự. Để khiến cho ba điểm đều đủ bốn đức nên dùng pháp thân thường, ngã, Bát-nhã là tịnh, giải thoát là lạc, mỗi điểm thâu hai thì mỗi điểm thành bốn, cho nên biết pháp thân ba điểm mới có đủ bốn đức. Bát-nhã ba điểm, giải thoát ba điểm mới có đủ bốn đức cho nên nói đều có và đầy đủ. Có chỗ nói ba trí đều đủ bốn đức, trí là Bát-nhã, vì thâu hai cho nên hai đều gọi là trí, mới thành ba trí, là lấy ba đức làm ba trí, cho nên khiến cho ba trí có đủ bốn đức, nếu ba đức như thế thì làm sao suy nghĩ biết được, nên gọi là kho Bí mật.

Bốn là kiết trước sinh sau, do ba đức và chín pháp môn không hai không khác. Một chương được giải, chín chương khác rất dễ hiểu. Giống như nghe luống chưa cùng tận chỉ thú cho nên nạn cũ giảm yên, lại làm truyền bá thông suốt.

Nói về ba ngôi báu: Hai là ba ngôi báu có hai:

Một là y theo viên giải thích nghĩa. Vì Phật, Pháp, Tăng đều đầy đủ bốn đức, đáng tôn trọng, cho nên gọi là Báu. Đây và ba đức thể ấy chẳng khác, vì có giác và bất giác hòa hợp và ý nghĩa đáng tôn kính cho nên y nghĩa lập ra ba ngôi báu. Nay nói nghĩa ba ngôi báu là nghĩa một thể, nhưng văn lược khó thấy. Trong Quán Âm huyền thì tướng ấy ít nói đến, ở đây chép đủ để hiển rõ nghĩa này.

Văn ấy chép: do tuệ tướng thật hiểu rõ các pháp chẳng phải không, chẳng phải hữu, nên gọi là ngôi báu Phật. Lý pháp tánh sở giác ba đế đầy đủ, tức là ngôi báu Pháp. Giác tuệ ấy và lý sự hòa hợp gọi là ngôi báu Tăng. Cùng sự hòa thì có Hiền Thánh tăng, của tiền tam giáo, hòa với lý thì có bốn mươi hai Hiền Thánh tăng của viên giáo. Nay giải thích rằng Phật có ba trí, lược nói hai thứ chẳng phải. ngôi báu Pháp là nói ba đế đầy đủ. Ba đế này tức khác mà không khác, lý trong tánh, không sai mà sai, sự trong tánh, tuệ hợp không sai ba đế, tức có tăng

viên giáo, tuệ hợp mà sai ba đế thì có tam giáo tăng. Nay Phật pháp hai văn và kia chẳng khác nhưng hơi sơ lược.

Tướng của ngôi báu Tăng ấy thì lời khác mà nghĩa đồng, phải hiểu lời nói ấy. Nay nói Tỳ-lô-giá-na tức là lý mà kia đã hòa. Biến nhất thiết xứ tức là sự mà kia đã hòa. Văn ấy lý sự đều nói về hòa, thể ấy chẳng hai, cho nên ở đây nói tức mà lý. Sự lý này đều là ngôi báu Pháp, hòa được giác tuệ là ngôi báu Phật, văn ở đây lược. Chỉ nêu sở hòa để hiển rõ năng hòa, cho nên kiết thúc rằng hòa này đáng tôn quý, phải biết chỉ có một thứ ba đế mà phân ra sự lý. Viên dung tam đế gọi là lý, tức dung mà cách, đế lý của tam giáo gọi là sự. ngôi báu Phật quyền trí và ngôi báu Pháp sự hòa, ứng hiện Hiền Thánh ngôi báu Tăng của tam giáo. ngôi báu Phật thật trí và ngôi báu Pháp lý hòa, ứng hiện ngôi báu Tăng Hiền Thánh viên giáo. Kia nói bốn mươi hai Hiền Thánh là ngôi báu Tăng viên giáo, cho nên biết ứng là diệu giác cũng gọi là ngôi báu Tăng.

Vì ngôi báu Pháp kia thuộc về ngôi báu Phật và ngôi báu Pháp, cho nên Thích Ma-ha-diễn luận chép: Đẳng giác trở lên có Chân ngôi báu Tăng. Lại trong Pháp Hoa dùng thống lý đại chúng làm ngôi báu Tăng, đâu chẳng phải ứng Phật. Ứng Phật đối cơ quản lý đại chúng cùng cực. ba ngôi báu này một người một niệm đều đầy đủ gọi là nhất thể. Thật ra có ở cả sáu tức. Văn từ chân chứng cũng nên nói, cho nên nói bốn mươi hai.

Hai là chẳng hạn như đối dụ khác, ba đức đồng. Thật thể tánh ấy không hai không khác cho nên dùng ba chữ lại dụ cho ba ngôi báu. Nhưng đồng khác này sở tri kiến của Tam-muội mắt trí, chẳng phải tìm tên ấy y giáo để sắp bày, nên sinh tín hiểu tức nghe mà quán, chứng ngộ còn xa.

Nói về ba thứ Niết-bàn:

Ba là ba thứ Niết-bàn có hai, thứ nhất là y theo Viên để giải thích nghĩa. Danh từ Niết-bàn, trong sớ của Chương An có nhiều phiên dịch, nay dùng cách dịch bất sinh bất diệt để nói về ba thứ tướng, nghĩa rất rõ ràng. Ba thứ tên riêng, tánh thì chẳng đổi, tịnh thì vốn không. Viên thì trí mãn tịnh thì hoặc hết. Phương tiện thì phó cơ, tịnh thì không lụy. Ba thứ tên chung. Tên chung nghĩa riêng, tùy văn tự thấy. Trong tánh tịnh các pháp tướng thật, làm thiện làm ác gồm thâu tất cả, gọi là các pháp. Toàn Tu là tánh, các tướng đều thật, cho nên nói là tướng thật. Chẳng phải nói trong các pháp có tướng thật, cũng chẳng phải tu luống dối tánh vốn thật ấy.

Các pháp đương xứ đã là chân thật cho nên không có pháp để nhiễm, cũng không có pháp để tịnh, đã không có hoặc nhiễm huống chi là có pháp sinh, đã chẳng có trí thanh tịnh thì đâu có pháp diệt, cho nên gọi là bất sinh bất diệt. Viên tịnh là căn cứ vào tánh, tuy không nhiễm tịnh nhưng y theo tu, hoặc và trí rõ ràng. Hoặc vốn trái lý, nếu trí khế lý thì hoặc không bao giờ sinh, trí đã thuận lý, nếu lý toàn hiển thì trí chẳng bao giờ diệt, cho nên hoặc hết trí tròn cũng được gọi là bất sinh bất diệt. Phương tiện thanh tịnh, trí thầm hợp với tịch lý tức soi rõ các căn cơ, cho nên nói tịch mà thường chiếu. Chiếu phải thùy ứng, cơ cảm tức sinh tâm thường vắng lặng, cho nên ở đây sinh chẳng phải sinh, duyên hết liền diệt, ứng dụng thường hưng khởi, cho nên diệt này chẳng phải diệt, ứng cơ xuất một chẳng còn chẳng mất.

Cũng gọi là bất sinh bất diệt. Ba thứ Niết-bàn này, y theo khế lý ứng cơ, nghĩa của hai thứ tu. Nói theo bản tịnh một tánh thì phải biết một tánh đối tu cho nên hợp, y theo tánh thường khai. Toàn tu ở tánh, cho nên tánh có ba, nếu toàn tánh có ba, khởi khế lý tu mới thành ba trí.

Nếu toàn tánh có ba, khởi ứng cơ tu mới thành ba thoát. Đã ứng cơ có ba thì phương tiện tịnh, đủ ba thứ Niết-bàn. Đã khế lý có ba, tức là viên tịnh đầy đủ ba thứ Niết-bàn, đã nhất tánh đầy đủ ba tức là nhất tánh thanh tịnh đủ ba thứ Niết-bàn, chẳng như vậy thì đâu thể ba điểm đầy đủ, bốn đức không giảm. Đâu phải ba thứ Niết-bàn chỉ nói về ly hợp, phải biết ba thứ còn lại cũng vậy, hai là so sánh với ví dụ đối lại khác. Ba thứ Niết-bàn thể bình đẳng với ba đức, không hai không khác, đâu phải chỉ có thể một mà nghĩa cũng tùy theo, cho nên dùng nghĩa Niết-bàn thành bốn đức, lại do đủ đức nên thành nghĩa báu. Nay ba thứ Niết-bàn nghĩa thể đã đồng ba đức ba ngôi báu, đâu phải kinh Kim Quang Minh không thể so sánh, huống chi ba thứ Niết-bàn ư?

Nói về ba thân:

Bốn là ba thân có hai:

1) Y theo viên để giải thích nghĩa, thân có ba nghĩa, đó là thể y và tụ, muốn cho dễ hiểu nên chỉ lấy nghĩa tụ. Giải thích khắp ba thân tụ pháp nào? Có chỗ nói nhất thật, hai đế, ba đức, bốn tín, năm căn, sáu thông, bảy giác, tám chánh, chín thiền, mười độ, trăm môn, ngàn pháp, tám mươi bốn ngàn pháp môn, Tam-muội tổng trì các Ba-la-mật, cho đến vô lượng các công đức thanh tịnh nhiều hơn cát bụi. Các pháp như vậy tánh đầy đủ nên gọi là lý tụ, pháp thân. Trí chứng thì gọi là trí tụ, báo thân.

2) Hành thành thì gọi là công đức tụ, ứng thân. Nhưng lý không bình đẳng, song trí hành thuộc tu, tu thành thì tụ chẳng thành gọi là tán. Lý chẳng thành nên không có tụ, tán. Nay y theo hiển bao trùm nghĩa nói là tụ tán. Lý tuy có pháp nhưng bị che đậy cho nên chẳng thấy, đồng với nghĩa tán, ví dụ rõ rất dễ hiểu. Ba cái này đều nói từ sơ tâm, tuy chung cho quán hạnh nay y cứ mà hiển xuất ra văn chính lý. Phải từ Sơ trụ cuối cùng đến Diệu giác, do thùy ứng thân chẳng phải hai phàm. Ba thân này, một niệm đều hiển bày cho nên không có chiều dọc, ba nghĩa do nhau cho nên không có ngang. Vì sao nói do nhau? Do hành tụ nên nuôi dưỡng trí, trí tụ nên hiển lý, cũng là lý tụ cho nên phát trí, trí tụ cho nên dẫn dắt hành, hành tụ cho nên chứng lý, lại phải biết rõ. Trí hành ở lý, lý mới gọi là tụ. Nghĩa khai hợp ở trong ấy.

So sánh với đối dụ khác:

Năm là nói ba Đại thừa, có hai:

1) Y theo viên để giải thích nghĩa. Đại thừa là xe lớn, lấy nghĩa chuyên chở. Vận chuyển mà chẳng gánh vác, gánh vác mà chẳng vận chuyển, đều chẳng phải nghĩa thừa. Không pháp nào chẳng đầy đủ nên nói gánh vác, có công năng hướng đến cực quả nên gọi là vận chuyển. Ba thứ này đều như vậy nên gọi là Đại thừa, ban đầu lý tánh hư thông, một tánh hư cho nên muôn pháp đều bao trùm, nhậm vận gánh vác. Các pháp tự nhiên, tánh thông Bí tạng. Nhậm vận vận chuyển. Nhậm vận thiếu một chữ vận. Tùy thừa, trí chiếu các pháp cuối cùng trở về kho bí mật, mà nói tùy cảnh là do các cảnh bản tánh hướng tới cùng cực. Trí tùy tánh cho nên cũng hướng tới cùng cực, cho nên lý nương bổn vận, tùy nương năng vận, tùy theo lý bất cứ pháp nào nghĩa ấy cũng thành. Đắc thừa, thể là các hành, tùy thừa dẫn dắt cho nên trang nghiêm cực lý, nên gọi là đắc quả. Tự đã giải thoát giúp cho tha thoát, nên gọi là đắc cơ. Tu tánh ly hợp cũng đồng với trước nói.

2) Lệ với đối dụ khác.

Nói về ba Bồ-đề:

Sáu là ba Bồ-đề có hai:

1) Y theo viên để giải thích nghĩa. Bồ-đề dịch là Đạo, Đạo là năng thông, tức ba thừa trước đều có một nghĩa vận. Hoặc ba tướng riêng, đồng ở trước sau cho nên không đặc biệt giải thích. Chỉ nêu tên khác bao gồm mà hiển bày rõ, cho nên nói chân tánh cũng gọi Vô thượng. Thể chân tánh là Đệ-nhất-nghĩa, cho nên không còn có lỗi trên.

2) Thật trí, ngay nơi hoặc thành trí, thể của nhiễm vốn là không nên gọi là thanh tịnh. Ba phương tiện, trí chỉ tự thanh tịnh, chưa mãn đại

tâm. Nay dùng hợp cơ khéo léo, giúp cho mình người hội cực, cho nên phương tiện còn gọi là rốt ráo. Khai hợp như trước.

- So sánh với đối dụ khác.

Nói về ba Bát-nhã:

Bảy là Bát-nhã có hai:

- Y theo Viên để giải thích nghĩa, tức là tướng thật, quán chiếu, phương tiện. Ba Bát-nhã này thể là viên thường một đại giác, tức một giác này có ba thứ đức, chính đức của phi tịch phi chiếu gọi là Bát-nhã tướng thật, đức của phi chiếu mà chiếu gọi là Bát-nhã quán chiếu, đức của phi tịch mà Tịch gọi là Bát-nhã phương tiện.

Đây là tịch giác chiếu giác, chẳng phải tịch chiếu giác cả. Ba đều giác nên gọi là ba Bát-nhã. Tịch chiếu ở trên đều nói là phi, do nương song già khởi hai dụng. Nhưng các nghĩa tịch chiếu. Người mới học khó hiểu, nay nói lược chiếu nghĩa là chiếu sáng, vì sáng cho nên rõ pháp, rõ pháp vô tướng gọi là trí Nhất thiết, rốt ráo không. Tịch là vắng lặng, vì vắng lặng cho nên thuộc về đế pháp, đế pháp duyên sinh gọi là trí đạo chủng, là cái giả khó suy nghĩ. Phi nghĩa là chẳng phải vắng lặng, trí của vô duyên gọi là trí nhất thiết chủng, ở trong sự dứt bặt đối đãi. Nhưng Bát-nhã tướng thật, tông kia chấp tướng thật vô tri gọi là Bát-nhã, do cảnh sở chiếu từ trí năng chiếu mà được tên, giải thích tên gọi như thế chẳng phải nghĩa của tánh tông.

So sánh với đối dụ khác: về so sánh với đối dụ khác.

Ở trên giải thích ba đức do trí Bát-nhã chiếu soi cảnh pháp thân, cảnh trí đã hợp mới sanh khởi giải thoát. Nếu cho rằng ba trí chắc chắn là một đức, thì hiểu một ít phần, mê ý chỉ kinh chẳng tiêu được văn này. Nếu chắc chắn là nhiều thì có hai có khác, nên biết Bát-nhã đầy đủ đối với pháp thân và giải thoát, cho nên mới thọ ba tên. Ba đức đã là tu hai tánh một, Bát-nhã chẳng lẽ như vậy ư? Ba đức lìa chín, ba trí cũng như vậy, cho nên ba đức, ba Bát-nhã và các ba pháp đều đồng một thể mà đặt tên khác. Đều là toàn phần của pháp giới, cho nên nay ba chữ cũng dụ cho ba trí.

Nói về ba Phật tánh:

Tám là ba Phật tánh có hai:

1) Y theo viên để giải thích nghĩa, gọi chung là Phật tánh, là nêu cả Hoa Phạm. Phật Hán dịch là Giác, tức ba trí dung thông sáng suốt, trùm khắp tất cả mọi nơi, đều sáng tỏ gọi là Đại viên giác, về tánh thì nghĩa là chẳng dời đổi, nghĩa là tánh đại giác chẳng thêm chẳng bớt, chẳng đổi chẳng dời. Đâu phải riêng như vậy. Duyên liễu vốn có cũng

không thay đổi. Tên khác là chánh nhân, duyên nhân, liễu nhân.

Chánh là trung chánh, liễu nghĩa là chiếu liễu, duyên là trợ duyên, duyên trợ đối với liễu, liễu hiển bày ở chánh. Chánh khởi duyên tốt cũng là chánh phát đối với liễu. Liễu dẫn dắt duyên, duyên trang nghiêm cho chánh, chánh khởi duyên tốt. Bởi như vậy nên chẳng phải nghĩa theo chiều ngang. Nhất tâm đốn đầy đủ nên chẳng phải nghĩa dọc. Văn giải thích ba tướng đều gọi là song phi, vì chánh nhân ấy trong đây là thật, cho nên có tám điên đảo thường, vô thường, khổ lạc, cấu tịnh, ngã vô ngã... Vốn chẳng tương ưng.

2) Văn còn lược nêu phi thường... toàn là chánh nhân này phát chiếu rõ trí, trí chẳng lẽ là tà đảo. Liễu này dẫn dắt duyên các hành đều trung. Do từ thắng thuyết nên nêu cả hai điều phi. Trung phải song chiếu, nghĩa ba đế đầy đủ, cho nên dùng chánh tánh tức không, giả, trung, phát liễu trí tức không giả trung. Dẫn dắt tức trợ duyên cho không giả trung. Nghiêm tức chánh thể của không giả trung, khởi là duyên tốt của không giả trung, như vậy mới gọi giải thích ba nhân theo nghĩa viên. Văn nêu việc đào kho vàng là dụ. Nói về ba tướng này, dụ cho Thông giáo, biệt giáo phải nương tức giải thích nghĩa khiến quy về viên, thiên ma ngoại đạo chẳng thể phá hoại. Ma... đương thể tự là ba nhân, lẽ nào Phật tánh lại hoại Phật tánh, hai là so sánh với đối dụ khác.

Nói về ba thức:

Chín là thức, có hai:

1) Y theo viên để giải thích nghĩa. Giải thích tên chung gọi là thức, là tên khác của giác liễu trí tuệ.

Hỏi: Tên ba thức ở giai đoạn bản hữu, lại A-lê-da thể là vô minh, A- đà-na tánh là nhiễm hoặc, sao được gọi thức là tên khác của trí?

Đáp: Tất-đàn của Đại Thánh nêu bày các chúng sinh hiển lý gọi là giáo, hoặc còn hoặc bỏ, nghĩa có nhiều đường. Như đại kinh dạy nương trí không nương thức và trong các giáo khuyến tu trí quán, dứt bỏ các phiền não. Ở đây dùng danh từ ác nghịch để giải thích dứt bỏ phiền não mà thành lý quán. Như kinh Lăng-già nói giết cha vô minh, hai mẹ tham ái. Ở đây dùng danh từ ác nghịch. Nói dứt bỏ phiền não mà làm sáng tỏ lý quán. Như kinh Vô Hành chép: Tham dục tức là Đạo, nhuế si cũng như vậy. Trong ba pháp này đầy đủ tất cả Phật pháp. Ở đây nhà chú thích giải thích rằng chính ba pháp môn đại tham, đại sân, đại si là không hai không khác với ba quán. Ở đây dùng danh từ ác độc. để giải thích chẳng dứt hoặc mà làm sáng tỏ lý quán. Nay dùng ba thức trở

xuống ba đường, là pháp sở dụ của Kim Quang Minh đồng với kinh Vô Hành dùng danh từ ác, giải thích chẳng dứt hoặc mà hiển bày lý mầu.

Nói thêm về thức:

Do viên giáo chỉ ra, đương thể của điều ác tức là pháp giới, các pháp hướng về ác mười hai nhân duyên chẳng do tạo tác tức là Phật tánh, cho nên đà-na hoặc tánh A-lại-da vô minh, các tướng đều viên dung, với không hai không khác kho Bí mật. Ấy cho nên được gọi là thức, là giác liễu, tên khác của trí tuệ. Nhưng nếu không dùng chẳng dứt bỏ phiền não thì hoặc thành trí tiêu. Văn này, viên ý mất hẳn. Trong giải thích tên khác còn ba tiếng Phạm. Theo một mà giải thích nghĩa tức là dịch tên. Nói hạng thứ chín xuất xứ từ Nhiếp luận do Chân-đế dịch vào đời lương, cho nên Phụ Hành chép: Chân-đế nói thức A-đà-na thứ bảy, Hán dịch là thức Chấp ngã, ở đây thể của hoặc tánh là duyên nhân. Thức A-lại-da thứ tám, Hán dịch là Tàng thức, vì có khả năng giữ gìn trí chủng chẳng mất, thể là không mất vô minh, tánh của vô minh là tánh liễu nhân. Thức Am-ma-la thứ chín gọi là thức thanh tịnh, tức là chánh nhân.

Ba tạng đời Đường chẳng chấp nhận thức này, nói thức thứ chín chính là tên khác của thức thứ tám, cho nên Nhiếp luận tân dịch chẳng có thức thứ chín. Trong văn Địa luận cũng không có thức thứ chín, chỉ lấy thức thứ tám đối với chánh nhân, thứ bảy đối với liễu nhân, thứ sáu đối với duyên nhân. Nay Chân-đế vẫn hợp sáu và bảy làm duyên nhân. Vì trong thức thứ sáu có việc thiện ác cũng là tánh hoặc, nếu phân biệt thì dễ giải thích. Vì pháp sẵn có trong một niệm là giáo đạo quyền nói. Phần đối các vị còn lập gần xa. Do thức thứ chín vô nhiễm, bất động, cho nên đối với Phật, thức thứ tám thuộc về Bồ-tát vì giai vị Thập địa thì hai thức sáu và bảy đã chuyển thành trí, chính là lấy ba phần của A-lại-da làm cảnh, tuy là cảnh giới mà tức dụng này là quán trí. Như người sơ tâm cũng dùng tâm vương tâm sở thứ sáu hiện tiền làm cảnh quán, cho nên dẫn Đại luận ở tâm Bồ-tát, gọi là Bát-nhã.

Thức A-đà-na thứ bảy:

Thứ bảy gọi là A-đà-na, theo Chân-đế dịch, hoặc các kinh luận tân dịch đều nói thức thứ bảy gọi là Mạt-na. Ở đây theo xưa dịch, ý nói quở trách sinh tử ác. do Nhị thừa người người chấp đã quên. Thức thứ sáu do Kiến tư huân chuyển thành vô lậu, trần sa chưa phá, chính trụ trong pháp chấp thứ bảy, chẳng rõ pháp sinh tử không, cho nên có quở ác, chẳng rõ pháp Niết-bàn không cho nên có ưa thích ham muốn. Thức này nếu ở trong giai vị quả Phật thì lại dùng làm quyền trí. Vì pháp Nhị

thừa dắt dẫn tiểu căn, mặc y dơ bẩn, cầm đồ hốt phân, cho nên biết sau khi các thức được phá thì tự tại, vì cơ tải dụng. Sóng mòi v.v... là thức thứ sáu.

Kinh Lăng-nghiêm chép: Thức Đà-na nhỏ nhiệm, thói quen thành dòng thác, mà thành sóng mồi chính là pháp tâm, tâm sở của phàm phu. Đây là y theo bốn người mỗi người đều đối với một thức. Nếu y theo tiệm đoạn phân biệt bốn tướng thìn thô sẽ bao gồm tế. Phàm phu có bốn, Nhị thừa có ba, đã phá bỏ thức thứ sáu. Bồ-tát đầy đủ hai, sáu và bảy đã chuyển. Phật chỉ có một, thức thứ tám đến quả đã chuyển. Nhưng thức thứ sáu là thức của ý gia, chính là cành nhánh của A-đà-na. Nếu nói thứ bảy tự mình thâu nhiếp cho nên nay không nói. Trên nói ba thức chia ra ba vị, chính thuộc giáo đạo. Nếu gọi là thật luận. Ba thứ thức này tức là ba đức. Người nào mà không có, vật nào mà tạm thiếu, hoặc thức hoặc sắc chỉ là một thức. Hoặc thức hoặc sắc chỉ là một sắc, đâu thể hữu vô, thêm bớt mà nói. Vả lại y theo một tâm niệm của hữu tình, có tất cả nhiễm tịnh. Phật rốt ráo đầy đủ dung chứa riêng một. Nếu không như vậy thì đâu phải pháp mà ba chữ ví dụ.

So sánh với đối dụ khác:

Về so sánh so sánh với đối dụ khác, lệ với đức là hỏi ba đức và ba thức không hai không khác, ba đức tu tánh có lìa có hợp. Nay nói ba thức có lìa có hợp ư?

Đáp: Có.

Lại hỏi: Môn không hai chép: Thuận tu đối tánh, có lìa có hợp, trong ba thức, hai thức bảy và tám do mê thức thứ chín mà khởi, là nghĩa nghịch tu, đâu được đối tánh mà nói hợp ly?

Đáp: Ly này nghịch tu lập thuận tu, thì có hoặc để dứt, có trí năng quán. Năng sở đã có thì tu này gọi là nghịch, làm sao có thuận? Nếu thức bảy, và tám làm thuận tu thì không có sở phá cũng không năng quán, hoặc trí đã quên, tánh tu cũng mất. Mà ba thức ấy một khác đồng thời, không đối với nghịch thuận gượng gọi là thuận, cho nên được gọi thức là giác liễu, là tên khác của trí tuệ. Nay văn ba thức nói về thuận tu này. Tu này đối tánh nói về ly hợp, chín có tám và bảy gọi là tánh ba. Tám có bảy, chín và bảy có tám, chín gọi là tu ba, nghĩa của ba chính là ly. Nay hợp tánh ba chỉ nói thứ chín đều hợp tu ba chỉ nói bảy, tám đó là hợp. Hợp ly đã như vậy cho nên không hai không khác với ba đức và các thứ ba pháp. Là dùng ba chữ dụ cho ba thức này.

Nói về mười ba đạo:

Mười ba đạo chia có ba:

a) Ban đầu cột mười hai chi thành ba đường, có hai: trước chính là cột, mười hai chi này số môn bất định, có khi có ở khắp ba đời, có khi ở khắp hai đời, có khi chỉ một đời, có khi chỉ một niệm, thời tuy dài ngắn nhưng đều nói mười hai. Nay chính ba đời rút gọn thành ba đường. Giáo môn nhiều cho nên hiển bày lẫn nhau, hai giải thích, tên gọi ở trên cột mười hai là giải thích ba tên gọi. Ở đây nói nghĩa đạo là giải thích tên chung, gọi chung là Đạo, nghĩa là Hoặc, nghiệp, khổ thông suốt lẫn nhau, cho nên nay đời đời nối nhau vô cùng. Nhưng nay ý văn này tức là dùng sự hiển lý không trệ ngại.

b) Kế là y theo Viên để giải thích, ngay nơi sự là lý, kinh chỉ ra si, ái, trung gian năm quả là Phật tánh, bởi đối với báo pháp dễ hiển bày chánh nhân, cho nên dùng năm quả này tuy có xúc, thọ, nhưng chưa sinh ái, thủ.

Chính sắc tâm này hiển bày thể của chánh nhân, dễ thành diệu quán. Như Ma-ha chỉ quán, ban đầu quán ấm cảnh, ý kia cũng vậy. Hễ nói quán pháp thì ban đầu thường y theo dễ, chỗ dễ thì quán thành, không điều khó nào chẳng hiểu. Đại sư đắc ý, cho nên so sánh với hoặc nghiệp đều là Phật tánh, tức duyên liễu hai nhân tánh. Nêu lên ba dụ, vật tượng thế gian sánh với diệu lý đều là phần thí dụ, phải dùng pháp định mới nói lên Thiên Viên. Như kinh Như Lai tạng chín dụ, chỉ quán dụ Biệt, văn khác dụ Viên. Nay sông băng... cũng gồm viên biệt. Vì sao? Vì nếu nói kiết nước cõi Phật, tức là băng chín cõi, dung thông với băng chín cõi quy về nước cõi Phật, ở đây vẫn thuộc về biệt. Nếu biết mười cõi đầy đủ lẫn nhau như nước, tình chấp mười giới hạn cuộc như băng, dung tình chấp băng thành đầy đủ nước lẫn nhau.

Đây là lý viên. Củi lửa, buộc mở các trường hợp ấy rất dễ hiểu, cho nên pháp mười hai duyên luân hồi nghĩa là thật thì ba chương xác thật như vậy. Tình hư thì ba đức viên dung. Đối với mười hai duyên chẳng tổn hao một chút nhỏ. Toàn là cảnh mầu tức hoặc nghiệp khổ, mỗi pháp thông suốt mé pháp giới rốt ráo, đó gọi ba đạo. Muốn hiển nghĩa ba viên dung này cho nên gọi là từ thắng lập, nên nói pháp thân Bát-nhã giải thoát, chỉ đổi tên, không đổi pháp thể, thật ra chỉ là đương thể thông suốt, ba là y theo thể đạt mà nêu đức đối dụ.

Hỏi đáp về ba thức:

Hỏi: Trước nói ba thức, thức thứ chín một tánh đối hai tu tám, bảy. Vì nói ly hợp cho nên giống như ba đức. Nay nói ba đạo, ba đều nghịch tu, làm sao nói đối với tu hai tánh một. Nghĩa này chẳng thành thì khác với các thứ ba hữu, hai hữu đâu phải pháp mà ba chữ ví dụ.

Đáp: Ngay sự là lý. Sự lý không khác, lại như trong sự hoặc khởi ra nghiệp, nghiệp hoặc đối với khổ, khổ lại khởi hoặc. Ba tu ác này tức là tánh ác, mới gọi tánh ba, cũng tức nhân pháp chuyển tên ba thức,ba Phật tánh, ba Bát-nhã, ba Bồ-đề, ba Đại thừa. Cũng tức quả pháp chuyển tên ba thân, ba Niết-bàn, cũng quả dụng chuyển gọi là ba ngôi báu, cũng bí tạng chuyển tên ba đức, cho nên biết mỗi mỗi chỉ chuyển tên không đổi pháp, cho nên môn không hai nói tánh chỉ ba chướng là có đủ ba, tu từ tánh thành ba pháp. Nghĩa ấy đã như vậy, đâu nói ba đạo không có ly hợp.

Vì Kim Quang Minh thí dụ ở ba đạo, ý ấy sơ lược.

Kế là nêu lên dung thông, có ba, ban đầu khuyến giải thích pháp viên dung. Trên đến ba đức, dưới đến ba đạo, chẳng thêm chẳng bớt, không hai không khác ngay nơi khác là đồng. Mê giải trí hành nhân quả tự tha, cho đến đồng quy một chỗ, danh nghĩa chẳng xen lạm, người đồng là khác. Suốt ngày đồng, suốt ngày khác, dùng mười đồng dị để làm sơ môn. Từ môn nhập, thì đối với tất cả đồng khác vô ngại. Như gió bay đi giữa hư không, có khả năng đối với một pháp hiểu rõ tất cả pháp. Hoặc đồng hoặc khác hay đối với trăm pháp hiểu tất cả pháp, ngàn pháp, muôn pháp số nhiều như cát sông, đều hiểu tất cả. Hoặc đồng hoặc khác nên nói cũng vậy. Hai, dẫn các kinh viên chứng, một pháp môn, nêu một pháp nhiếp vô lượng pháp, cho nên nói quyến thuộc. Kia đây nhiếp pháp cũng giống như vậy. Kinh này nói: Đối với tất cả pháp bao gồm dung chứa tất cả pháp lấy đây ví dụ, tất cả các pháp đều ví dụ cho hoàn hương, như hạt châu tùy mầu sắc. Đất có bốn vị, biểu dung chứa các sông. Hoặc đồng hoặc khác hợp pháp rất dễ hiểu.

c) Ba là lập ra hỏi đáp nói về lợi ích.

Hỏi: Ý ấy như ba đức trước, tôn trọng gọi là ba ngôi báu, bất sinh bất diệt gọi là ba Niết-bàn, cho đến thông đạt gọi là ba đạo. Đây đối với một pháp nói về tất cả pháp, đã tự đầy đủ, cần gì lại nói ba ngôi báu... chín pháp và tất cả pháp đều có công năng thu nhiếp tất cả pháp ư?

Đáp: Ý ấy thật ra một pháp đã đủ tất cả, không hề giảm thiếu, chỉ vì căn cơ người xưa huân tập khác nhau khiến cho đoạn chứng gá duyên khác nhau. Có nghe nói ba đức nhiếp tất cả pháp được bốn lợi ích, cho đến có nghe ba đạo thu nhiếp tất cả pháp được bốn lợi ích, cho nên phải nói khắp, làm lợi ích cho nhiều căn cơ. Một thuyết dưới đây nói về thuyết khắp, khiến cho một người kia sinh tất cả giải, căn tánh viên đốn nghe nói một pháp còn hiểu tất cả. Nếu nghe các pháp khéo hiểu càng sáng tỏ, rất dễ hiểu ý Phật. Phật là bậc Nhất thế trí, cho nên

nói trí giả. Lời thô lời tế, Đại kinh nói chư Phật thường nói lời mềm mỏng vì chúng sinh cho nên nói thô. Nói thô và nói mềm mỏng đều quy về Đệ-nhất-nghĩa. Nhưng thời nói thô, nói mềm mỏng bao gồm tất cả. Nay y theo mười pháp luân thì ba đường rất thô, trong tám tướng vọng ba đức rất mềm mỏng, đã y theo viên, mỗi pháp dung thông lẫn nhau, pháp pháp cao rộng, cho nên khiến người nghe nhập Đệ-nhất-nghĩa và không chống trái.

■

KIM QUANG MINH HUYỀN NGHĨA THẬP DI KÝ

QUYỂN 3

1. Phân biệt ba đức:

Phần trước pháp được chia ra làm mười, ban đầu phân biệt ba đức có ba:

a. Nêu: hai chính là phân biệt có hai, ban đầu bác bỏ thiên, có ba, đầu là ba tạng thái tử năm ấm, lâu tu năm phần, tuy chưa đắc vô lậu nhưng gọi là pháp thân, ở hai đức trước, dưới cây Bồ-đề thật sáng suốt mới có Bát-nhã, ba mươi bốn tâm: Mười sáu tâm phá kiến, mười tám tâm dứt ái. Như đốn chứng La-hán và Bích-chi-Phật. Hai người này đắc ba mươi bốn tâm cùng lúc, La-hán chỉ dứt chánh sử, Bích-chi-Phật phần xâm tập khí.

Như thọ vương trở xuống v.v... là dùng ba mươi bốn, đốn dứt chánh tập đều sạch cùng lúc. Cho nên tâm này chỉ Bồ-tát có. Giải thoát ở sau, tướng ấy rất dễ hiểu. Ba pháp này do lậu vô lậu còn mất mà khác nhau, cho nên khác mà lại dọc. Bộ kinh giáo này gọi là A-hàm. Giải thích, luận nói minh văn, dùng Ma-ha-diễn đối ba tạng là tiểu. Bà-sa dịch là Số, luận này nói rộng bốn giai thành Phật. A-hàm duy kinh, Bà-sa duy luận. Danh từ ba tạng đầy đủ kinh luật luận. Ba pháp này nói chỉ có ba nghĩa, hoàn toàn không có nghĩa đức. Vì sao? Vì cuối cùng dứt mất như tro nguội cho nên chẳng có đức Thường, chẳng phải đại Niết-bàn cho nên không có đức lạc.

Không có tám tự tại cho nên không có đức ngã, chẳng dứt năm nhiễm cho nên không có đức tịnh.

b. Thông giáo, thông giải thích thể quán, pháp vốn bất sinh, chẳng phải chứng sau không, đây là pháp thân, cho nên vốn có, cảnh tuy vốn có, phải nương cảnh này, thể phá kiến tư. Chánh tập tận xứ, chính là Bát-nhã, cho nên thuộc về hiện hữu. Khi quả ràng buộc sạch hết mới là giải thoát, nên thuộc về đương hữu. Ba pháp này không cảnh vô tri,

Bát-nhã có chiếu soi. Như sắc tâm hư huyễn hết sạch mới gọi là thoát, cho nên khác mà lại dọc.

Các sư Thành luận đời trước thấy hai thừa trong mười địa như Càn Tuệ v.v... chứng quả, cho rằng người pháp mà tiểu giáo nói đều không, bèn dùng nghĩa này giải thích luận đã hoằng dương. Ý cho là Tiểu giáo tìm tòi làm sáng tỏ Đại thừa, cho nên Diệu Huyền nói: Thành Luận tìm tòi làm sáng tỏ Đại thừa, lại nói: Sư Thành luận chỉ thấy cộng ý Bát-nhã, chẳng thấy bất cộng ý, tức là nghĩa này, cho nên biết các Đại sư ấy chẳng biết tạng thật là ba tạng Không môn và Diễn môn khác hẳn nhau. Lại, chẳng biết Diễn môn Chân-đế bao gồm đãn trung và bất đãn trung. Nay y theo kẻ bất tri và Bồ-tát độn kia, nên không có bốn đức.

c. Biệt giáo trước phá Chân-đế, trái với viên biệt ấy, bởi trái với kinh này, riêng phân bốn đức, đối với ba thân, cho nên nói trái khác. Hoặc lấy kia nói bốn giáo để thâu nhiếp, đã nói bốn đức chẳng phải trước tạng thông đức, đã chẳng dung chẳng phải sau viên giáo, tuy thâu gồm mà thuộc biệt. Nhưng chẳng phải thuyết biệt giáo thông phương, cho nên nói một đường.

2. Hỏi đáp về đức của Bát-nhã, giải thoát:

Hỏi: Chân-đế lập rằng: Bát-nhã, giải thoát mỗi thứ đều có hai đức, nay vì sao bác bỏ rằng không có đức để nói.

Đáp: Nếu y theo biệt thì hai thứ đều có một, cũng được gọi là đức. Nay dùng viên bác bỏ, hễ thiếu chỗ nào thì nghĩa đức không thành. Vì sao? Vì như Bát-nhã chiếu cảnh cho nên thường, vì phá tối cho nên tịnh. Như vô lạc ngã, là có thường tịnh của khổ, không có thường tịnh của tự tại, há thành đức ư? Như giải thoát không đen tối cho nên lạc, rộng xa cho nên ngã, mà vô thường tịnh, đây lạc ngã của vô thường, lạc ngã của cấu nhiễm, chẳng lẽ thành đức ư? Đức có thêm bớt nên pháp chẳng cao rộng, gọi là kinh vương vô lượng sâu xa ư !

Về hiển bày Viên, đầy đủ như ở trước nói. Ba là khuyên sinh viên giải, bốn đức tàn thiếu chẳng phải đứng đầu các kinh. Ngang dọc có thể suy nghĩ chẳng phải Phật che chở. Có nhớ nghĩ tâm mắt đều là trâu dê, tri kiến Vô duyên mới có thể luận đạo.

3. Phân biệt ba ngôi báu: Về phân biệt ba ngôi báu. Theo nhau: Từ Phật nói Pháp, từ pháp có Tăng, từ ba ngôi báu này đến nay chẳng bặt dứt đều do quy Phật, bẩm pháp thành Tăng, cho nên nói là từ. Lại gọi là thầm bậc, vì dụ đẳng cấp chẳng rối loạn. Đây là nói biệt thể của tăng bốn quả, chắc chắn không thành Phật, giống như bậc dưới không thành bậc trên.

Lại, thọ vương trở xuống là quên chân kinh, thấy như huyễn Phật nói pháp vô sinh, tam thừa nhân địa đều có khả năng dứt bỏ kiết sử. Có Bồ-tát ba tạng khác trong nhân, hoàn toàn không dứt hoặc. Chúng tức không nên gọi là lý hòa tăng, tuy khác ba tạng mà lý tam thừa cộng chứng đã là thiên không, cũng không có bốn đức. Như hoa vương thế giới thành Lô-xá-na, tuy thông viên biệt, nay y theo độn căn ở trong mê sâu nặng, không biết tức tánh, thực hành tu thành giải, cho nên ngôi báu Phật từ báo mà rõ bày tên gọi, ngôi báu Pháp chỉ gọi là tứ đế vô lượng, chẳng phải vô tác, cho nên từ nhiều số nên có nhiều tên như số cát sông Hằng.

Tăng bẩm pháp tuy thuần là Bồ-tát, lại chẳng phải phát tâm liền thành Chánh giác, cho nên bốn mươi mốt vị chia ra Hiền Thánh, ba ngôi báu này, Phật là Tăng quả, Tăng là Phật nhân, pháp là nhân quả. Sở tu sở chứng thật Tăng thành Phật. Phật hiện quyền Tăng, khác hẳn giai cấp cao thấp không thay đổi. Nhưng từ tướng riêng chẳng phải là đồng thể. Nói đồng thể là ba ngôi báu một thể.Thể này giác liễu gọi là Phật. thể này bất giác gọi là Pháp, thể này hòa hợp gọi là Tăng. Mê ngộ nhân quả thể ấy chẳng phân. Một người một niệm đều đầy đủ, cho nên tam quy của Hoa Nghiêm cho rằng nhận hiểu đại đạo là Phật, vào sâu kinh tạng là Pháp, quản lý đại chúng là Tăng. Ba tuy ở quả mà là một thể.

4. Kết luận:

Ba ngôi báu như thế không hai không khác với ba đức ở Trung quốc, là ba ngôi báu mà kinh Kim Quang Minh thí dụ. Tam giản, ba Niết-bàn: Niết-bàn Bàn-na, Hán dịch là An-lạc, cho nên phàm Thánh đại tiểu đều có Niết-bàn, hoặc người đời thích ý cũng là Niết-bàn, hoặc ngoại đạo chẳng biết định Phi tưởng Phi phi tưởng có mười tư tưởng nhỏ nhiệm và trời Vô tưởng, pháp tâm, tâm sở thứ sáu. Tạm như vậy chẳng hành, cho nên đều chấp là Niết-bàn vắng lặng hoàn toàn. Hoặc nhiễm tâm dục phục gọi là Niết-bàn phương tiện. Hoặc Nhị thừa Bồ-tát luận đắc, chưa đắc, là Niết-bàn Ba tạng.

Nếu ba thừa đều hết hai thứ phược về quả là thông giáo đãn không cộng tiểu Niết-bàn, phân biệt với bất đãn không, không chung với Nhị thừa. Nay y theo cộng luận cho nên không có bốn đức, hoặc trung đạo lý trí và đồng duyên thị hiện diệt độ ba thứ Niết-bàn. Đây có đắc ý và không đắc ý. Đắc ý thì một sẽ gồm thâu hai ba, đều viên đầy đủ, tức thành Đại Bát-niết-bàn của viên giáo, là ở đây ví dụ. Nay y theo thất ý chẳng tương quan nhau, cho nên thuộc về biệt. Hoặc nói đẳng tức địa luận sư chỉ cho tướng thật gọi là tánh tịnh. Pháp do Tu nhân sở thành

làm phương tiện tịnh. chẳng nói duyên nhân, củi hết lửa tắt, tùy cơ Niết-bàn, đã chỉ hai thứ nhiếp nghĩa chẳng khắp, tức chẳng phải ba đức viên dung Niết-bàn, cho nên chẳng phải pháp ở đây kinh thí dụ.

5. Phân biệt ba thân: Về phân biệt ba thân có hai, ban đầu phân biệt thiên, chia hai:

Ban đầu nói tạng thông chỉ có hai không có ba, có hai:

- Ba tạng, thọ vương trở xuống Phật là chân thân, chẳng phải ngay nơi sự là chân, là chứng thân chân cho nên gọi là chân thân. Thần biến là ứng cũng chẳng phải không mưu cầu, hoàn toàn là tác ý. Trong ba tạng chỉ nói hai thứ này, không có pháp báo ứng nói ba thân, chứng chân hiện biến đều từ phán tích pháp quán trí mà thành, hai là thông giáo, có hai:

- Ban đầu chánh nói chỉ có hai. Giáo này tuy nói ngay nơi sự là chân nhưng tức thiên không chẳng phải Phật tánh chân.

Chân không thật thể chẳng phải nhậm vận ứng. Giáo và tạng này chỉ giải thích nhị đế, chưa nói tam đế, cho nên nói về thân chỉ có hai không ba.

6. Nêu lên và giải thích chân thận:

Nêu lên giải thích chân thân, muốn nói tức chân nên trước hỏi sắc tướng. Nếu như thế thì lĩnh trước. Sự tức chân không mới là thể của Phật, cho nên trượng sáu chẳng phải chân Phật, lại, làm thân người như chẳng phải nai, ngựa. Cứu luận trượng sáu là thân gì? Đáp: trong hai ý ban đầu ý là ứng, ý tiếp theo là chân. Ban đầu nói nên đồng với nhân tượng, vì trượng sáu này chẳng phải ái nghiệp cảm, từ Dĩ biện địa thệ giúp đỡ thói quen khác, thấm nhuần thần thông sinh, kiết duyên với chúng sanh thanh tịnh cõi nước Phật.

Các căn cơ đã thuần thục, xuất hiện trong cung vua cho nên biết trượng sáu là thân thần thông. Nên là đồng nhân tượng, nhưng chưa tận lý cho nên nói là một lần, vì thế lại một trở xuống chính là nói về chân thân, khác phân đại tiểu lý ở trong không. Nay lấy tức không làm chân thân, vẫn thuộc về tiểu cho nên lệ với Đại thừa. Chỉ lấy lý mà trung trí hợp để làm pháp thân. Đâu lìa sắc tâm nói riêng về Trung đạo. Nay chỉ không chân cũng tức nhân tượng toàn thể là không. Sắc tâm chẳng sinh, sắc tâm chẳng diệt là chân thân.

Y thân khởi biến gọi là ứng thân, nên giáo này chỉ có hai thân. Hai là nói biệt giáo tuy ba mà khác. Nếu dung thông nhau nhưng đâu phân hư thật. Nghiệm kia đã lập, thể đều khác nhau. Tam thân chẳng viên cho nên nay chẳng dùng.

Về hiển bày viên có ba:

7. Ba thân đều là thật:

Ban đầu nói ba thân đều thật, có ba:

Một là nói thể thật, lý thể đã thật, lý trí đâu dối, thật lý thật trí thầm hợp cho nên khởi dụng. Dụng đâu chẳng thật. Do ba đã tương tức nên hai mới chẳng phải dối.

Hai dẫn kinh loại hiển, cảnh dục tịnh diệu thực hành hoại quán, tuy là giả tưởng nhưng trị được tâm tham, hư có thật ích. Chẳng hạn như ứng thân chẳng phải sinh hiện sinh, nên chẳng phải bổn thể, lợi ích chúng sanh chẳng phải luống dối nên gọi là thật.

Ba là thủ ý kiết thành.

Hai là nói bốn trường hợp đều dung thông. Viên nói ba thân, nêu một tức ba đều có bốn trường hợp. Vì sao? Vì nếu phân riêng thì báo thân chân chứng cho nên thật, ứng thân giả nói cho nên luống dối, pháp thân bình đẳng, ngăn và chiếu đều có cả hai. Song chiếu cho nên vừa thật vừa hư. Song già cho nên chẳng phải thật chẳng phải hư. Ba thân đầy đủ lẫn nhau bốn trường hợp đều dung, phải phân biệt kỹ.

Ba là nói thêm bớt tự tại, có hai:

Ban đầu y theo nghĩa lập thân, có hai:

8. Hỏi đáp về ba thân:

Một là hỏi ý, do Kim Quang Minh thí dụ ba thân, thân đã ví dụ có thể thêm bớt hay không?

Hai là đáp, chia hai:

- Nói nghĩa lập không lỗi, y theo đề có ba dụ, cho nên lập ba thân để làm sở dụ. Đối dụ tuy như vậy nhưng nếu kia đắc ý thì nhiều ít chẳng câu nệ, hoặc tăng đến bốn thân, hoặc giảm còn một hai, hoặc mêng mông danh số cũng có thể nói không.

- Nói ý kinh vốn thông. Hoặc thêm hoặc bớt thảy ở văn kinh, Thích-ca Mâu-ni là thân thứ ba. Thị hiện mọi cách, nghĩa đương thứ tư, khai ứng xuất hóa là bốn nghĩa của thân. Chữ xuất trong văn nên nằm ở dưới, Phật chân... văn nghĩa tuy có ba, như nay y theo hiện văn được gọi hai thân. Chư Phật tuy có hai, ba, bốn thân, vì pháp nhất chân thâu tóm tất cả, cho nên chỉ một thân, thành lớn vắng lặng, vắng lặng cũng không.

Đã không có các số thì nghĩa là vô thân, hai là dùng thân thí dụ, có hai:

9. Hỏi đáp về thí dụ thêm bớt:

- Hỏi ý, thí dụ có ba chữ để nói về ba thân. Y theo lý nào khiến thí

dụ thêm bớt đối bao nhiêu thân?

- Đáp, thí dụ tuy ba chữ nghĩa có thừa thiếu, hoặc thí dụ bốn thân văn nghĩa rõ ràng. Hoặc là hai thì hợp với ánh sáng mà thành một dụng. Đối với thể vàng là hai thí dụ. Hiển ở hai thân hoặc là một, thì giữ chánh, xả phụ, từ gốc trừ ngọn. Chỉ lấy một vàng đối với một thân. Không thí dụ vô thân, dùng không tham làm vàng, vàng này vô chất là vật rất báu báu người đời. Có thể ví dụ vô thân, số lượng đều quên, là báu Đệ-nhất-nghĩa của xuất thế gian. Dương chấn v.v... Đông quán hán ký, Dương chấn là đông lai thủ. Nói ấp Kinh vương ấp Xương, khiến Vương thầm là Tú tài do Chấn tiến cử. Ban đêm ôm vàng dâng lên Chấn, nói: Không ai biết. Chấn nói: "Trời biết, đất biết, ta biết, ông biết, đã có bốn biết sao nói không ai biết?" Bèn không nhận. Đây do quý ở không tham, tức cho rằng không tham làm vàng, cho nên biết vàng ở đời có tên mà không thật.

10. Phân biệt ba Đại thừa:

Về phân biệt ba Đại thừa, nhân duyên lục Độ, trong ba tạng giáo có lập Đại thừa, mười hai nhân duyên là cành lá Phật thừa, đối Thanh văn là đại, Bồ-tát lục Độ đối Nhị thừa làm đại. Đây là ba hạng đều có sở thừa, tức dê, nai, trâu. Tuy đặt tên Đại thừa mà dụng khác với tiểu mà kia đồng thú hướng đến quả thiên chân, cho nên gọi là biệt. Nghĩa ấy đồng. Bồ-tát Thông giáo và Nhị thừa nhân đồng vô sinh quán, đồng đoạn đồng chứng khác hẳn ba tạng, ba nhân khác xa, cho nên nói tam thừa đồng nương nhất thừa. Một này đã cộng thì Nhị thừa sở chứng, xét. Chẳng phải Trung đạo, Biệt giáo giải thích trung, riêng vì Bồ-tát nói lý tùy đắc, mà lý thừa chỉ là cảnh sở khế, tùy thừa chỉ là trí năng khế. Đắc thừa chỉ là hạnh tự tha. Tam thừa ngăn cách khác nhau, không dung thông nhau, chẳng phải nghĩa viên thừa, ba thứ tức tạng, thông biệt. Đã nói tướng thừa đều là trong, nghĩa đắc cơ viên giáo đắc thừa, cho nên nói thuộc về đắc thừa phương tiện. Như kinh chánh Pháp Hoa nói dê, nai, trâu, ngoài ba xe còn có xe voi, tức là xe trâu trắng lớn ngoài ba xe trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Tên trâu là đồng cho nên Nhất thừa khó hiển, khiến cho tông khác đối với Bồ-tát thừa chẳng phân quyền thật. Ở đây y theo chánh kinh, tên voi không xen lạm, mới rõ viên giáo là nhất Phật thừa, hoặc dê, nai, trâu, thuộc về đắc thừa đắc cơ tượng thừa kia nay đã thí dụ. Tam thừa viên giáo chỉ nói lý thừa, muốn hiển tùy đắc đều tức là lý. Viên giáo trí hành, là tánh sẵn đủ, tu mà không tu, cho nên trong văn y theo lý mà đặt tên. Hoa nghiêm tứ thừa, bộ ấy tuy không có tiểu cơ bẩm giáo nhưng đâu ngại nói đối với tam thừa thô cạn

mà hiển bày viên Phật thừa.

11. Phân biệt Tam-Bồ-đề:

Thỉnh Quán Âm v.v... về phân biệt Tam-bồ-đề thỉnh Quán Âm...: Tam-bồ-đề Hán dịch là Chánh đạo. Kinh luận kia lợi ích chung cho Tam thừa, cho nên phát tâm có ba thứ, tức Thanh văn, Duyên giác, và Bồ-tát. Cả Ba đều dứt hoặc nên gọi là thanh tịnh, đều lìa tà đảo nên gọi là Chánh đạo. Đã cộng với Nhị thừa chẳng phải trí viên thật, thuộc về phương tiện Bồ-đề.

Hoặc duyên chân như Phật trí thần thông, phát tâm làm chẳng phải nương tựa. Kinh Văn-thù Vấn chép: Phát tâm là đó. Là nói ba tâm cách biệt, viên dung là đúng sai. Vì sao? Vì nếu duyên lý chân như thì phát tâm chân tánh Bồ-đề, nếu duyên trí Phật thì phát tâm thật trí Bồ-đề tâm, nếu duyên thần thông thì phát tâm phương tiện Bồ-đề. Ba đã chẳng dung thông cho nên thuộc về hóa tha phương tiện Bồ-đề.

12. Mười duyên phát tâm Bồ-đề:

Nghĩa chẳng cao rộng chẳng phải như ở đây đã thí dụ. Nếu không phát, phát tức là trí của lý, là viên thật trí. Một phát tất cả phát, bất tư nghì giả, là viên phương tiện, chẳng phải một, chẳng phải tất cả, mà là một mà là tất cả, tức trung của biên, là chân tánh viên mãn ngay nơi một nói ba, ngay nơi ba nói một. Đây không hai không khác với ba đức, là thí dụ ở đây. Phải biết ba thứ viên phát trong kinh Văn-thù vấn. Chẳng phải lìa chân như Phật trí thần thông, chỉ chẳng phải ba xứ đều phát một tâm, hoặc đối với một xứ phát ba tâm, cho nên gọi là thị. Như trong Ma-ha Chỉ Quán phát đại tâm chép: các kinh nói nhiều thứ phát tâm Bồ-đề, xếp vào mười thứ nghĩa là suy lý phát tâm Bồ-đề, thấy tướng Phật phát tâm. Thấy thần thông nghe nói pháp, dạo chơi cõi nước thấy đại chúng, thấy tu hành, thấy pháp diệt, thấy khởi lỗi, thấy chịu khổ. Đối với mười duyên phát tâm Bồ-đề này mà đối với mười xứ đều sinh bốn giải. Do viên đối với ba mà chia ra đúng sai. Do đây mà so sánh với kia. Đâu chẳng phải đúng hay sao? Cho nên duyên với ba chỗ đều phát chẳng dung, thuộc về biệt giáo cho nên là đối tượng để phân biệt.

Ba và một, phát sinh đầy đủ lẫn nhau thuộc viên, cho nên là dụng ở đây nói.

13. Phân biệt ba Bát-nhã:

Về phân biệt ba Bát-nhã, ban đầu vì người đời không biết Bát-nhã là rốt ráo không, ba trí đầy đủ, nghĩa là quên tịch, chẳng soi chiếu các pháp, cho nên thuận theo thế tình, dùng đoạn diệt mà hỏi, nêu lời đáp ở sau giúp cho người học biết thể của Bát-nhã, là ba mắt trí. Nhưng nhãn

trí này có thứ lớp, không thứ lớp, cho nên trước nêu thứ lớp, sau nêu chẳng thứ lớp. Thứ lớp tức là trước không, kế giả, sau trung, đều một nhãn, một trí. Trí thì quán ba cảnh rõ ràng. Nhãn thì thấy ở ba đế xét thật, rõ ràng cho nên xét thật, xét thật cho nên rõ ràng, nhân tu chỉ quán quả phát nhãn trí, thứ lớp ba thứ mỗi thứ đều như vậy.

Hai nhãn hai trí, thiên không thiên giả, trong nhãn trong trí ngăn cả không và giả, song chiếu không giả. Hoặc ba chỉ ba quán, nhất tâm viên tu, ắt tam trí ba nhãn nhất tâm viên chứng. Quán tất cả pháp là một tướng, là tướng vắng lặng, là trung trí. Hành loại tướng mạo đều biết, hai trí vậy, Tam trí đã viên, ngũ nhãn đầy đủ. Do pháp nhãn thuộc về mắt thường và Mắt trời cho nên ngũ nhãn và tam trí bình đẳng. Bát-nhã biết như thế, thấy được bờ mé các pháp, sao nói quên tịch chẳng phân biệt các pháp, hoặc đối với quên tịch bất sinh tà mạn. Thì là cái thấy không ngay thẳng giống như Thanh văn. Các ông, hoặc dùng tâm này làm hoại nhân quả sinh ra tà mạn, thì phải đoạt, là kiến chấp đoạn diệt của Ni-kiền-tử, Ni-kiền Hán dịch là Ly hệ, vì ngoại đạo này chỉ chấp không, hoặc lõa hình, tự nhịn đói cho là lìa trói buộc.

14. Phân biệt ba Phật tánh:

Về phân biệt ba Phật tánh, trước bác bỏ ba tánh đều ở một vị, thể chẳng không dung, chẳng phải viên ba tánh, kế là dẫn các kinh nói ba tánh viên đầy đủ. Kinh Hoa nghiêm đã chép, một đầy đủ vô lượng, đâu phải duyên liễu chánh có thiếu sót ư? Đại phẩm một niệm muôn hạnh, cho đến kho báu Niết-bàn không thiếu sót, đều là ba tánh đầy đủ. Lý tánh danh tự quán hạnh tương tợ phần chân rốt ráo, mỗi vị đều tức là tam Phật tánh, sâu cạn sáng tối rõ ràng, mỗi pháp tức ba không thiếu.

15. Phân biệt ba thức:

Về phân biệt ba thức: Nếu chia ba thức, Đà-na thuộc về Thanh văn, Lê-da thuộc Bồ-tát, yêm-ma thuộc về Phật. Đây là giáo đạo phân trương, thứ lớp dứt tướng. Như yêm-ma là bản tánh. Vô minh mê cho nên sinh nghiệp chuyển hiện, gọi là A-lê-da. Đây là ba thức thứ lớp khởi tướng đều là giáo đạo, chẳng phải ví dụ ở đây nói. Nếu muốn nói cho tròn đầy thì phải y theo nhiếp luận, vàng, đất và nhiễm ba thứ chẳng lìa nhau.

Cho nên đối với ba bậc Thanh văn, Bồ-tát và Phật trong tâm đều có ba thức. Đại sư còn sợ tìm ví dụ này, gây ra hai pháp chân vọng hợp nhau mà giải, nghĩa là trừ đất còn vàng. Cho đến Phật chỉ có thức yêm-la, cho nên y theo đại kinh, y trí chẳng y thức mà làm đầu mối để hỏi. Vì muốn đáp ra ba thức, là tên khác của ba trí thì đất dụ cho đà-na, là

phương tiện Bát-nhã, nhiễm dụ cho lê-da, là quán chiếu Bát-nhã. Vàng dụ cho yêm-ma, là Bát-nhã tướng thật, cho đến Phật rốt ráo ba thứ tịnh thức, đâu chỉ có một ư? Nhưng nếu không biết tánh có đủ nhiễm ác thì đâu thể khiến cho bảy mươi tám độ cùng nhiễm đến quả bất diệt.

16. Nói về Đạo tiền:

Lại, đạo tiền v.v..., địa tiền gọi là đạo tiền, đều nương phiền não và dùng sinh tử, cho nên tám tâm vương gọi chung là thức. Quả Phật là đạo hậu, chuyển nương hạt giống Bồ-đề của bốn trí, cho nên tám thức chuyển gọi là bốn trí, chuyển thức thứ tám thành trí Đại viên cảnh, chuyển thức thứ bảy thành trí Bình đẳng tánh, chuyển thức thứ sáu thành trí Diệu quan sát, chuyển năm thức trước thành trí Thành sở tác, nên nói chuyển y tức là trí tuệ. Chú thích chưa rõ ràng là ngầm ý bác bỏ. Do kia nói đạo hậu chuyển y, huân thành hạt giống chuyển thành trí tuệ, chẳng nói tánh tám thức là trí mầu. Đây là một đường giáo đạo của duy thức. Chẳng phải thí dụ ở đây, nhưng là luận do Bồ-tát soạn ra, chẳng muốn hiển nói, cho nên chú thích chưa rõ ràng. Như trong các văn, bác bỏ xưa thường nói lời nói này khó hiểu, cho nên biết chưa rõ ràng chẳng khác với khó hiểu.

17. Phân biệt ba đạo:

Về phân biệt ba đạo, trong giải thích trước tuy nói ba đường và ba đức bình đẳng, không hai không khác, nhưng chưa phân biệt tướng của giới bên trong, giới bên ngoài, ba chướng tức lý. Bày chướng đã cạn thì lý sâu khó hiển. Nay phân biệt khiến cho đều rốt ráo, nên nếu hỏi rằng giới bên ngoài như thế nào. Trong đáp có dẫn luận bảo tánh, giới bên ngoài bốn chướng đối mười mười hai duyên. Thể trạng rõ ràng. Ba đường này chẳng y theo cách sinh, chỉ nói về đương niệm, cho nên luận Khởi Tín nói: Bất giác tức tâm động, nói tên là nghiệp, động thì có khổ, quả chẳng lìa nhân, bất giác tức phiền não, động tức là nghiệp, động này tức là khổ, cho nên kết luận rằng quả chẳng lìa nhân. Đây là tướng sinh tử biến dịch. Giới bên ngoài tam thừa đều có chướng này. Nay nói tức chướng toàn thể là đức. Ba chướng là tên khác của ba đức, tức là pháp mà kinh Kim Quang Minh đã dụ.

Phụ văn giải thích có hai:

18. Nêu hai giải thích:

- Đầu tiên, nêu hai giải thích có ba ban đầu đối tiền hiển thắng, có hai, ban đầu tổng đối nghĩa trên phân biệt. Trước lập thí dụ giải thích vì các Sư xưa không biết ba chữ từ pháp mà được tên gọi, cho là thí dụ và sự giải thích ấy chẳng thể thấu suốt pháp môn được thí dụ. Chân-đế tối

ưu còn nương Viên biệt. Nhân quả chẳng thông, chẳng xứng pháp tánh huống chi là các Đại sư ư ! Đại sư thấy xưa thí dụ pháp chẳng khắp, cho nên đều dùng thí dụ để mô phỏng theo pháp. Lượt thí dụ mười thứ ba pháp, rộng thí dụ tất cả pháp môn. Ngang dọc gồm thâu chẳng pháp nào không đầy đủ, nói lên pháp tánh vô lượng sâu xa. Nếu lập thí dụ giải thích hợp nên như thế. Nhưng Đại sư rất biết ba chữ là pháp, chẳng phải thí dụ. Từ đây tự lập văn phụ đương thể hai thứ giải thích. Trong đây văn phụ bao gồm hai nghĩa. Một gọi thẳng là lý, hai là từ sự dụng.

Hoặc đương thể giải thích, chỉ từ lý lập. Nay muốn y văn trước chê thí dụ, giải thích phần nhiều là nghĩa suy, chẳng bằng y theo văn rõ ràng rất dễ hiểu.

19. Y theo bốn sự để giải thích:

- Hai là y theo riêng bốn sự để giải thích. Hai câu đầu nêu chung bốn việc, từ kỷ tình trở xuống giải thích bốn việc, ban đầu có ba hai câu y theo tình trí mà nói thân sơ. Trụ quán trí trước đều gọi là tình, huống chi là thầy người suy lường, nên nói sơ. Sơ trụ trở lên chứng lý gọi là trí. Huống chi nay cực quả ba nghiệp tùy trí, cho nên nói dùng Phật miệng nói, vì thế nói là thân, hai là bốn thứ hai câu y theo kia đây giải thích xa gần. Vì kia gồm ý nghĩa Kim Quang Minh của thế gian, lệ cho ba thứ pháp môn xuất thế này, cho nên nói viễn, tức văn kinh này bậc Thánh nói là thuyên triệu, lý tánh sự dụng chẳng nhờ người khác cầu, là như nói gần. Đâu thể dưới đây kiết trách bốn việc.

Nói về phụ văn, có hai, ban đầu nói tướng của phụ văn có hai, ban đầu luận chung các phẩm gọi là sự danh, là lý danh, sự là sự dụng.

20. Nói về Kim Quang Minh:

Trong các phẩm hoặc đơn hoặc phức, danh sự rõ ràng, cho nên chẳng phải lờ mờ, chỉ có một văn mà thôi. Hai đích thị một bộ văn tướng có ba, ban đầu là nêu các văn. Lời tựa riêng chép: Lúc bấy giờ, Như lai đi trong vô lượng sâu xa pháp tánh chư Phật hành xứ, vượt hơn sở hành thanh tịnh của các Bồ-tát, là vua của các kinh thuộc về Kim Quang Minh, đã ở trong định pháp tánh mà tuyên bố rằng Kim Quang Minh đứng đầu trong các kinh, một chử thị là từ ngữ chỉ cho pháp, chẳng phải chỉ cho pháp tánh, lại chỉ vật nào là Kinh Qung Minh ư? Cho nên biết ba chữ gọi thẳng pháp tánh sâu rộng chẳng từ ví dụ. Văn này hiển rõ nhất cho nên nói đầu tiên nêu tên càng được đáng dùng. Phẩm Tuổi thọ phát ra ánh sáng rực rỡ, tuy không có chữ kim, chính là Phật Quang, sắc vàng của thân Phật. Ánh sáng của thân vàng này hoàn toàn từ pháp tánh kinh quang minh sinh khởi, tức là sự dụng.

21. Điềm mộng thấy trống vàng của Tín Tướng:

Trong phẩm Sám Hối, mộng thấy trống vàng ánh sáng chiếu khắp, tức là quang. Phẩm Tán Thán nói tên vua Kim Long Tôn, phụng hiến trống vàng khen ngợi Phật. Những việc này đều từ lý Kim Quang Minh, khởi ở các sự dụng Kim Quang Minh. Hoặc trong phẩm không nói tôn kinh, kim nghĩa là đáng tôn đáng trọng. Quang Minh đã là dụng của thể đâu chẳng phải tôn? Đây là tên đối với Kim Quang Minh lý làm tôn kinh. Trong phẩm Tứ Vương có sáu phen hỏi đáp, lớp lớp gọi là sự, chép đủ văn ấy. Lại, lúc thần vương đốt hương cúng dường kinh, ánh sáng lọng hương chiếu khắp cõi nước của các Đức Phật ở mười phương. Văn nói, đều là do năng lực oai thần của kinh này.

Nói chung ba đời, điềm mộng của Tín Tướng, đã là Phật ra đời tức hiện tại, long tôn thuộc quá khứ, có thể thấy lọng hương khắp đầy. Là sau khi Phật diệt độ cúng dường kinh, thuộc vị lai, vì Kim Quang Minh pháp tánh sâu rộng cho nên được sự dụng ba đời khắp thông.

Kiết khắp một kinh, hai kiết nêu bày vô lượng sâu xa, có hai, ban đầu chánh kiết nêu bày, tay cầm lò hương một chỗ sinh khói, cõi Phật mười phương đều có mây che, đều phát ra ánh sáng. Lại kim long kiếp xưa phát nguyện Kim Quang Minh, Tín Tướng hiện tại chiêu cảm tướng Kim Quang Minh. Nhân vương vị lai làm Phật sự Kim Quang Minh, hoặc là danh, hoặc là sự hằng ba đời là dọc, khắp mười phương là hoành. Những thứ này đã là sự của tức lý, cho nên gọi là pháp tánh Kim Quang Minh lý vô lượng sâu xa.

22. Y theo kinh đặt tên này:

Là khuyên xét nghĩ, lý danh sự dụng nhiều lớp nêu bày, ý Phật khiến người hiểu Kim Quang Minh lý sự chẳng hai. Vì sao người dịch chẳng phụ thêm văn kinh giải thích đề mục ấy. Thuận tình tìm dụ bỏ thân tìm sơ, cho nên khuyên người hiểu biết hãy xét ý y theo kinh đặt tên này.

- Ba là so sánh đồng với các kinh, có hai, ban đầu nêu chỉ sự lập danh, đạo cán sự, Phật thấy thân cây lúa khô liền nói mười hai nhân duyên sinh diệt. Nhân đó gọi kinh Đạo cán. Tượng bộ sự, tức là kinh Vô Sở Hy Vọng, một tên là kinh Tượng Bộ, các kinh đã nói là chỉ cho việc ấy, để đặt tên kinh. Kinh này nói rõ việc Kim Quang Minh, sao chẳng tức lấy việc này làm tên. Lại cho rằng kim là thế bảo, thể có ánh sáng, dụ cho ba đức, đâu chẳng phải rõ ràng trái với ý chỉ của Phật? Hai là so sánh với việc của văn kinh, lại như các kinh nói đạo cán... tức gọi là việc của kinh Đạo cán. Kinh này nói rõ ánh sáng sắc vàng, đâu chẳng

được gọi là việc Kim Quang Minh ư? Đây là dùng kinh gọi sự, ý khiến dùng sự gọi kinh, hiện hành tức là kinh Tượng Bộ, trở xuống là lầm chữ. Các sách cũ đều là chữ sự, mới là dùng kinh gọi sự.

23. Giải thích đương thể:

Đương thể giải thích, có hai:

- Nêu nói về đương thể, đương là chủ đương, thể tức là pháp tánh, nghĩa là tánh chủ thể gọi là Kim Quang Minh. Ở đây đối với thí dụ dùng kia hiển bày đây, thì tên ba chữ từ người khác mà lập, chẳng phải tên tự thể của pháp tánh, nay y theo văn kinh thấy tên ba chữ, gọi thẳng là pháp tánh, tức là Phật đi trong pháp tánh mà ở trước đã dẫn, bèn tuyên bố là Kim Quang Minh. Kinh đã chẳng nói như Kim Quang Minh, xét chẳng thí dụ, là ý sâu xa của các Đại sư kinh gia cho nên lập ba chữ là tên đương thể. Lại thầm khế hợp với các văn trong kinh.

24. Hỏi đáp về chia văn giải thích:

Hỏi: Ở đây đương thể giải thích cũng là y theo kinh, hoàn toàn đồng phụ văn ấy sao lại chia hai giải thích?

Đáp: Trước bác bỏ thí dụ giải thích chỉ là nghĩa suy ra không có một văn, không mà gượng dùng có mà chẳng vâng theo. Nay đương thể giải thích nếu chẳng y theo văn thì thành tự bác bỏ, cho nên biết đây giải thích chẳng phải không y kinh. Được làm lưỡng thích, bởi vì có gồm riêng. Vì sao? Vì trong bộ này lớp lớp nêu tên lớp lớp nói sự, chính phụ văn giải thích đề, phải danh sự cả hai đều phụ. Sự tức sự dụng, nghĩa là sáng sáng màu vàng, danh tức là lý danh, gọi thẳng pháp tánh. Như đầu tiên nêu danh xét là vời lý. Đây là giải thích ở trước gồm cả danh và sự, tuy là bao gồm cả hai, nhưng lý danh ấy chưa hề bày nói. Nhượng nay đương thể trình bày tướng kia, cho nên hai giải thích tuy thông suốt y kinh mà đương thể giải thích riêng ở lý danh.

25. Giải thích: Hai là giải thích, có hai:

Đầu tiên là trái với thường tình lập ra chánh nghĩa có hai, ban đầu tựa xưa, dựa vào tục gọi là chân. Đại sư muốn đặt ba chữ đề kinh là tên Pháp tánh, còn là thường tình, chấp chặt Chân-đế vốn không danh tự. Tất cả danh ngôn đều là thế đế. Bậc Thánh nói chân. Bởi nương thế danh, danh thật vô danh, cho nên dẫn Thành luận chứng vô danh chân thật. Nếu nghĩa này thành thì Kim Quang Minh phải từ thí dụ lập, cho nên nay thuận theo lý ngược với thường tình này, Chân-đế vô danh, tục đế hữu danh. Nay đặc biệt giải thích rằng: Tục vốn không có tên tùy chân đặt tên, tức là nương vào chân danh, danh tục vô danh.

26. Hỏi đáp về tướng giáo:

Hỏi: Nay phá lập, hoặc chân hoặc tục, hữu danh vô danh, đó là tướng Nhị đế của giáo nào?

Đáp: Hễ nói về Nhị đế thì phải biện luận ba phen, một là nhị đế tùy tình, hai là nhị đế tùy trí, ba là tùy tình trí nhị đế, tức tình trí cùng đối hợp nói nhị đế, ba phen này có chung có riêng. Riêng thì mỗi giáo đều nói ba phen. Tùy tình thì phàm vị tự nói nhị đế, tùy trí thì Thánh tự nói nhị đế, tùy tình trí thì Thánh vị nhị đế. Do tùy trí cho nên hợp thành Chân-đế. Phàm vị nhị đế do tuy tình cho nên hợp thành tục đế. đây chính bốn giáo đều luận ba phen. Nói về chung là dùng ba giáo trước và các phàm phu là pháp có thể suy nghĩ bàn luận, cho nên đều xếp vào nhị đế tùy tình, viên giáo trước sau là pháp không thể suy nghĩ bàn luận, cho nên đều xếp vào nhị đế tùy trí, nhị đế tùy tình gộp lại gọi là tục, nhị đế tùy trí gộp lại gọi là chân, cho nên tên nhị đế tùy tình nay nói Chân-đế hữu danh, tức và viên giáo trước sau nhị đế. Vì không thể suy nghĩ, bàn luận cho nên chỉ gọi Chân-đế. Chân-đế này đầy đủ tất cả đức, vốn có tất cả danh nghĩa chân thật, cho nên nói Chân-đế hữu danh. Nói tục đế vô danh, tức giáo trước và các phàm phu đã có nhị đế. Do có thể suy nghĩ bàn luận cho nên chỉ gọi là tục. Tục này hư giả cạn hẹp, cho nên là danh nghĩa không chân thật, vì vậy gọi là tục đế vô danh. Điều ở đây nói là bậc Thánh này đáng kính mến thì viên giáo tùy trí chân danh, cúi lập phàm phu tùy tình tục hiệu.

27. Xứng lý nêu lên:

Kế là xứng lý ủy nêu lên, có hai: Một là y theo nghĩa ủy thí. Hoặc luận đại Thánh thì chân danh tục có thời tiết gì? Nay nêu kiếp sơ lập danh sự hiển thành là mở đầu kiếp còn tựa như kiếp không, cho nên nói rỗng thênh. Muôn vật tuy lập đều chưa có tên gọi, các bậc Đại Thánh đã chứng chân pháp. Đầy đủ tất cả rốt ráo danh nghĩa mới ứng sinh trong ấy cúi thuận phàm tình. Thấy đối với muôn vật có nghĩa cạn thấp. Cho nên chân pháp sâu xa gọi là nghĩa. Lập ở thế đế tên gọi cạn thấp như con đường ở đời ít có năng thông, cho nên con đường như lý rốt ráo. Gọi là đối với đạo cạn thấp ở thế gian, như vàng bạc ở thế gian phàm tình rất quý, của báu như lý rốt ráo đáng quý, gọi tên vật báu mà phàm tình quý trọng, cương và hưởng thảy đều như vậy.

28. Hỏi đáp về chân tục:

Hỏi: Như núi Linh Thứu kiếp kiếp đều có, chính là bậc Thánh xưa gọi tên nay xét biết muôn vật đều là dùng xưa mà đặt tên cho nay. Nay kia bỗng nói thì gọi chân là tục phải không?

Đáp: Bậc Đại Thánh thường dùng năm thứ mắt chiếu soi bình

đẳng, bốn tất-đàn trùm khắp các căn cơ. Nếu chỉ duyên quá khử hiện tại, không thì chân pháp, bậc Thánh chỉ có mắt thường và mắt trời, không có ba thứ mắt còn lại. Chỉ dùng Thế-giới-tất-đàn không dùng ba tất-đàn còn lại. Thật ra chẳng đúng. Chẳng phải dùng hai tướng mà thấy được cõi chư Phật. Xét cơ tức chiếu lý. Chiếu lý tức xét cơ, đâu có một việc không y theo chân pháp mà thi vi ư? Cho nên biết chẳng bắt chước đem xưa gọi nay, mà hoặc xưa hoặc nay đã có danh tự đều là chân lập. Như Trung quốc gọi bậc Thánh lập pháp.

29. Dẫn giáo thành chứng:

Dẫn giáo thành chứng, có năm:

Ban đầu dẫn Hoa Nghiêm thì chân lập tục. Bậc Thánh thấy xuất thế chân như trong lý, vốn đầy đủ cày ruộng đào giếng nghĩa chân thật. Chính dạy chúng sinh cày ruộng thế gian làm giếng thế gian.

Hai là dẫn Đại kinh có đầy đủ tên thật. Chư Phật, Bồ-tát đầy đủ chân pháp lập ra tên gọi thế tục nhưng thuận theo tâm cạn cợt hạn cuộc của chúng sinh. Đặt tên gọi vật, hay vời lấy danh tùy pháp chân lập, mà kia đã vời lấy nghĩa không chân thật. Vì sao? Vì như y chân gọi đạo kỳ thật chẳng thể, thông hiểu hết các pháp, cho nên nói thế đế có danh không thật. Chỉ có như lý rốt ráo chẳng che lấp, thông đạt tất cả, cho nên nói Đệ-nhất-nghĩa đế có danh có thật. Như y chân gọi báu không thể trọng nghĩa. Vả lại, bảy báu thế gian chỉ được uế tục tâm sinh ái trọng, kẻ sĩ liêm khiết thấy như phân đất, huống là hàng tam thừa ư? Duy có như lý các Đức Phật tôn trọng. Như nương chân gọi vọng, há có nghĩa bao gồm muôn hữu. Chỉ có lý chân như khắp gồm chúng sinh và Phật. Lưới kinh mười phương, như y chân gọi hưởng, đâu thể nhất thời khắp ứng các duyên, chỉ có như lý không suy nghĩ, không tạo tác, mười cõi cơ khấu nhất thời khắp ứng, cho nên gọi thế đế có tên không nghĩa. Đệ-nhất-nghĩa đế có tên có nghĩa.

Ba là dẫn đại luận tùy lý đặt tên. Như Đệ-nhất-nghĩa lý chẳng có danh nghĩa, làm sao lập ra tên gọi, danh tục ý ấy sáng tỏ.

Bốn là dẫn tịnh danh sự do lý tạo ra. Đã dẫn văn kinh đại ý nói về từ ý tạo sự , mà đã tạo sự có tu tánh mê ngộ, cho nên diệu lạc nói pháp tánh vô trụ vốn lập tất cả pháp. Có đủ bốn trọng, nghĩa là lý thì tánh tức duyên liễu, sự thì tu đức ba nhân, mê thì ba đường trôi lăn. Ngộ thì trong quả thắng dụng. Nay nói bậc Thánh kính thì chân pháp cúi lập hiệu tục. Bởi chứng lý chân như, lý đầy đủ các pháp, chẳng chấp một tánh, cho nên thì lý này đặt tên thế tục, cho nên chẳng thể lấy ba đường trôi lăn làm pháp được lập.

Chính phải từ trong bốn quả thắng dụng làm pháp sở lập.

30. Nêu Thánh giáo khuyên chúng sanh kính tin:

Năm là nêu thành giáo khuyên chúng sanh, sinh tín, hai dụng nghĩa này lập danh đương thể. Trước bác bỏ Chân-đế vô danh xưa lập, hiển ở chân có danh nghĩa nay lập. Rộng dẫn kinh luận chứng chân có tên, nghĩa này đã thành, mới biết kinh đề chữ Kim Quang Minh từ đương thể mà lập, là pháp chẳng phải dụ, cho nên y theo đương thể giải thích đề ba chữ, văn có ba:

Ban đầu nói kinh từ đương thể đặt tên. Đề gọi là Kim, có thể trọng làm nghĩa. Rõ ràng đối với pháp tánh nhiệm mầu khó nghĩ, các Đức Phật đã là thầy tối tôn tối trọng. Quang nghĩa là chiếu sáng rõ ràng. Rõ ràng ở pháp tánh đương thể giác chiếu, khắp tất cả mọi nơi đều rõ ràng. Minh, nghĩa là ứng ích, rõ ràng ở pháp tánh đương thể tức là từ bi vô duyên. Hễ đối liền ứng, nhổ khổ cho vui. Nên biết pháp tánh Kim Quang Minh các nghĩa mới rốt ráo. Như lai nhập định dạo khắp pháp tánh biết pháp tánh rốt rão này đáng trọng, rốt ráo chiếu soi rõ ràng, rốt ráo năng làm lợi ích, tức nương vào ba nghĩa, xướng tên ba chữ, dùng thẳng tên gọi này đối với pháp tánh.

31. Nói về Kim Quang Minh thế gian:

Cho nên chẳng nương dựa Kim Quang Minh thế gian để làm dụ. Đã biết ba chữ là pháp chẳng phải thí dụ. Đó là tên một thứ ba pháp. Đương thể pháp tánh tên Kim Quang Minh. Đương thể pháp tánh tên pháp thân Bát-nhã giải thoát, cho đến đương thể pháp tánh gọi là khổ hoặc nghiệp. Mười ba pháp đều thường, lạc, ngã tịnh. Kim Quang Minh này nhất nhất đều có đủ thường, lạc ngã, tịnh. Ba pháp ấy chẳng dọc chẳng ngang, Kim Quang Minh này cũng chẳng dọc chẳng ngang, cho nên không hai không khác với tất cả ba pháp nhiệm mầu. Trước thuận các sư, dùng ba nghĩa của vàng ở thế gian. Thí như đối với pháp tánh mười thứ ba pháp và tất cả pháp. Nay ngay nơi giải thích thể, dùng Kim Quang Minh gọi thẳng pháp tánh, cho nên mười thứ trước và tất cả pháp đều là Kim Quang Minh quyến thuộc của ba thứ pháp môn. Hai hạng người từ sở chứng đặt tên. Kinh đề ba chữ chính là ba thứ pháp môn của pháp tánh, cho nên Bồ-tát phần chứng ba pháp môn này, từ pháp đặt tên gọi. Phật bèn rốt ráo ba pháp môn này, từ pháp đặt tên. Lấy đây nghiệm biết, tên gọi ba chữ đương thể rõ ràng. Ba, hai hỏi đáp phân biệt người và pháp, có hai, ban đầu xét về người có hai, trước bắt chước theo bậc Năng nhân, hai y theo Thông Biệt làm đáp, có hai ban đầu nói biệt xưng thành thực đồng với chư Phật.

32. Giải thích tên gọi:

Thích-ca Mâu-ni tuy là tên gọi riêng, riêng này có đủ chung, chẳng lẽ Đức Thích-ca không chứng ba pháp. Từ thông chứng cho nên thực đồng với chư Phật. Từ nhân duyên riêng gọi là Thích-ca.

Hai là nói về tên chung, đều đầy đủ ba pháp, có ba, ban đầu dẫn một văn nói đồng có ba nghĩa của Kim.

Vô lượng Bồ-tát chỉ khen ngợi Thích-ca, đức được khen ngợi đồng với chư Phật tức sắc vàng sáng chói là thể của Phật pháp, đầy đủ ba thứ diệu đức Kim Quang Minh thì không hai không khác với chư Phật, chẳng phải đời xưa vàng ở thế gian có dụng quang minh, so với Phật, ở trước hỏi rằng pháp tánh có đủ ba nghĩa là đáng trọng, chiếu soi, ứng ích, cho nên gọi là Kim Quang Minh, cho nên tên này còn gọi là Pháp tánh. Sắc vàng sáng chói trong đây nói chính là sắc pháp, đâu phải nghĩa ba thứ pháp tánh. Trước y theo nghĩa, nay y theo sắc. Vì sao đồng là ba thứ pháp môn?

33. Hỏi đáp lý do đồng là ba thứ pháp môn:

Đáp: Ba nghĩa trước đều dứt bặt suy nghĩ bàn luận gọi là Đệ-nhất-nghĩa. Nay văn khen ngợi sắc chẳng dọc chẳng ngang gọi là sắc mầu nhiệm. Sắc này nghĩa này cách nhau bao nhiêu? Sắc mầu Chân thiện và Đệ-nhất-nghĩa không, từ khác mà thể đồng. Kinh Lăng-nghiêm chép tánh hỏa chân không, tánh không chân hỏa. Luận Khởi Tín nói trí tánh tức tánh sắc, tánh sắc tức trí tánh. Lại, nên biết, nay khen ngợi sắc thân màu vàng kim, nói diệu là đức giải thoát, giải thoát đều có đủ pháp thân Bát-nhã. Phải rõ hai đức chẳng lìa sắc thân, tức sắc phi sắc, phi sắc chẳng phải chẳng phải sắc, sắc vàng mầu nhiệm, ngay nơi chẳng phải sắc chẳng phải chẳng phải sắc gọi là sắc trung đạo, là Pháp thân. Diệu là phi sắc Bát-nhã. Nói là ứng sắc giải thoát. Chẳng được ý này, thì đối với sắc thân khen ngợi thể ba pháp đồng với chư Phật ư?

34. Dẫn hai văn nói về đồng chứng ba pháp của tánh:

Dẫn hai văn nói về đồng chứng ba pháp của tánh: Đức Thích-ca Mâu-ni thật đồng với chư Phật, tất cả ba pháp đều đồng nhau. Vả lại, nêu kinh này và kinh Hoa Nghiêm hai xứ ba pháp, nói về đồng tướng. Nếu hai, ba này đồng thì tất cả chẳng khác, thể tức pháp thân đồng. Ý đã là trí, trí năng hợp thể, tức ứng thân đồng. Sự là sự dụng, tức hóa thân đồng, chung một pháp thân. Lại nói một thân, là nhắc lại pháp thân và trí ở trên đều là một. Mười Lực, bốn Vô úy và sáu Thông ba đạt, tất cả pháp môn thể có cả ba đức. Nếu từ sở chứng tức đức pháp thân, nếu từ năng chứng tức là đức Bát-nhã, hoặc dùng hóa vật tức là đức giải thoát.

Nay văn này đã lấy một thân một trí để nói về hai đức, cho nên lực vô sở úy ở hóa dụng phải thuộc về giải thoát. Hai, ba pháp này đối với Kim Quang Minh, dường như dùng pháp mà đối với dụ. thật ra chẳng đúng. Do trước dẫn giáo đặt ra ba chữ này là chẳng phải pháp dụ, cho nên nay dùng ba thân ba đức, so sánh với ba thứ pháp môn Kim Quang Minh, rõ ràng đối với chư Phật đều đồng chứng đắc, sợ cho là thí dụ, cho nên văn kiết nói về vàng ở thế gian chẳng phải giả còn nương tựa, huống chi là Phật pháp.

35. Nói về của báu nhiệm mầu:

Ba là Dẫn văn đặt đề kinh này chẳng phải từ thí dụ lập. Nói về của báu nhiệm mầu, tên Kim là báu, đều là đáng trọng nghĩa. Đều là ngay nơi thể mà được tên. Báu Pháp tánh này đầy đủ ánh sáng, tức là nghĩa chiếu lithích ứng làm lợi ích chẳng mượn báu đời xưa làm ví dụ.

- Nghiên cứu pháp, có hai:

Lập chấp, thí dụ để hỏi. Dùng phụ văn giải thích và đương thể giải thích, đều y theo kinh nói. Cả hai phụ lý danh và sự dụng, được gọi là phụ văn, riêng phụ lý danh là gọi đương thể, cho nên hai giải thích đều y theo văn kinh. Nên ở đây đặt câu hỏi. Xưa chỉ từ ví dụ, đâu được đổi khác mà y theo văn. Sửa đổi là gượng, cũng giả dối, nghĩa là gượng y văn kinh giả hiển nghĩa khác.

36. Y theo cả hai để đáp:

- Y theo để đáp, có hai:

Một là đáp song tồn. Nay giải thích đề kinh có hai ý: Một là thuận theo lời Phật cho nên y theo văn giải thích. Hai, là đối với các Đại sư xưa cho nên làm thí dụ giải thích. Nói đối với các Đại sư xưa là do thấy ba thầy chẳng khéo dùng thí dụ, thí dụ chẳng khắp, trái với pháp tánh, cho nên nêu thí dụ giải thích. Nói đầy đủ nghĩa pháp tánh sâu rộng mà đối hình. Như thế dùng thí dụ tuy không kinh y cứ nhưng vẫn có lợi ích. Cho nên hai đường chẳng nghiêng bỏ một bên nào. Ông chuyên chấp thí dụ thì bỏ thân tìm sơ, nay ta cả hai đều còn thì thân sơ đều đắc. Hai bị hai căn tức giải thích hàng phục nghi ngờ. Sợ người nghi rằng y theo văn chia hai giải thích, đã rất thân thiết, sao phải còn một thí dụ để giải thích, cho nên dùng trùm căn lợi độn để đáp... còn thí dụ giải thích, là nghĩa độn căn, do độn căn cho nên không thể hiểu thẳng. Chữ Kim Quang Minh là tên pháp tánh. Muốn trùm khắp căn cơ này, thì phải dùng ba chữ làm vàng ở thế gian có dụng quang minh.

37. So sánh tất cả ba pháp viên dung:

Về chẳng lìa nhau. So sánh tất cả ba pháp viên dung. Nếu y theo

văn chia hai giải thích là người lợi căn, do lợi căn cho nên giải tánh đầy đủ tất cả danh nghĩa. Biết kia có khả năng thí dụ vàng ở thế gian, quang minh vốn sáng không có danh nghĩa. Thánh thì chân pháp là danh, cho nên nói lợi người tức pháp làm thí dụ. Còn biết tức pháp làm dụ, thì đâu cần dùng thí dụ để suy nghĩ pháp, cho nên dẫn hai văn của kinh này làm chứng. Trú pháp tánh cho nên tức Kim Quang Minh mà được thấy Phật, cho nên biết pháp và Kim Quang Minh Thích-ca Mâu-ni, tên khác mà thể đồng, thấy thì đều thấy. Đây là chứng lợi người, giải thích ba chữ là tên pháp tánh. Nhưng kinh đã bị chẳng phải độn căn lợi căn, cho nên phẩm Không chép vì độn căn cho nên khởi tâm đại Bi. Phật nói kinh này là trùm khắp hai căn, cho nên thông kinh là giải thích đề ba chữ, cũng phải hai lần nói, hướng về lợi độn, lại chê theo thí dụ như giữ gốc cây. Khen y văn, huyền giải thỏ mặt trăng chẳng phải ngón tay giữ gốc cây.

38. Quán hạnh giải thích:

Hai là Quán hạnh giải thích, văn này và ở trước một phen hỏi đáp và sau nói lại nghĩa đế vương. Xưa hai Sư Thanh và Mẫn nói rằng được bản cũ không các văn này, đó là do người sau chế thêm. Nay vốn là bản lược. Hẳn là người xưa không thể hiểu sâu thuyết cảnh quán, cho nên dứt bỏ. Dùng nay nghiệm xưa, người mê muội có thể biết. Lại, e đại sư thường giảng kinh này. Môn quán hạnh kia có khi chẳng nói, nghĩa Đế vương tiến không vậy, cho nên văn trước nói; hoặc nói không nói đều cũng không ngại. Ghi chép tùy lúc, hoặc đầy đủ, hoặc thiếu sót. Để có một chỗ còn ở văn lược.

Vì quán kia nói đối cảnh dụng tâm, ý thú khó thấy, và nói về giáo nghĩa, hoặc ít chẳng đồng, dòng hiểu biết cạn cợt đã làm mờ tối văn rộng. Tình cờ gặp được bản lược gốc bèn sinh trệ ngại, hình ở chương cú bỏ quán tâm này, tôi sớm đưa ra giải thích, khó vực dậy tông ký, giúp nghĩa chánh này. Bọn ấy chống đối luận nhân số cùng bên, bấy giờ nghĩa vọng phá đều sạch hết. Gần đây có ngài Cô Sơn Đại viên, đã xét chỗ gánh vác có công năng bác bỏ nghĩa đọa, trải qua hơn mười năm riêng cấu thành bốn ý bác bỏ văn này.

39. Bác bỏ từ ngữ cục mịch:

Một nói là từ ngữ cục mịch, hai là nghĩa hời hợt, ba là trái lý, bốn là việc lầm. Nay nghĩ hậu học gặp huyễn loạn kia, cho nên không đạt được đã dẫn mà giải thích. Kia bác bỏ từ ngữ cục mịch rằng: ta xem từ ấy rườm rà mà ít quan trọng, chất thì thiếu văn. Nếu lưu tâm giúp người ngu đọc, thì biết lời nói kia chẳng phải lời nói vừa rồi, biết lời ấy chẳng

phải lời của người vừa rồi, thì chân ngụy sẽ phân biệt được, đâu đợi chuyên tâm, Phật học có công năng dứt bỏ, phải quấy, giải thích rằng khéo léo vụng về của từ làm sao làm phép tắc để y cứ. Tình như cho là quấy đẹp cũng thành xấu.

40. Nói về quán hạnh:

Bởi mê mờ nghĩa sâu xa của quán tâm này trở thành phân biệt vô ngại, cho là bàn luận khinh bỉ. Lại, văn này nói về quán hạnh, kinh điển nói về tâm yếu, cho nên từ ấy chuộng thật, không chuộng bóng bẩy. Huống chi trong các bộ văn chất xen nhau, trường hợp ấy rất nhiều, Chẳng muốn y cứ. Nếu chấp một lời nói mà hại cho chánh nghĩa thì ở đây chỉ vì việc nhỏ mà chẳng rõ dụng lớn. Như nghĩa sơ đẳng có ba, đã đều có chỗ bác bỏ, đợi đến chỗ ấy mỗi việc đối luận. Văn có hai, ban đầu là nêu, đối với giáo nghĩa ở trước tức ngay nơi nghĩa của hai môn giải hạnh. Trước y theo thí dụ nói về mười thứ ba pháp.

Phụ văn cả hai phụ, lý sự hai văn, ngay nơi thể riêng rõ ràng, sáng tỏ lý tánh, tuy đều sâu rộng mầu nhiệm viên dung. Nhưng y theo giáo mà luận về Phật pháp. Làm cho người tin hiểu, nên Đại sư nói: hành nhân thời nay đã không có mắt trí, nên dùng tín giải phân biệt đồng khác. Như trước sinh khởi mười thứ ba pháp mà có hai phen. Phen trước y theo giáo, sau y theo Quán. Y theo giáo thì nói lên ba đức, thứ lớp sinh khởi chín thứ giáo pháp, cuối cùng đến ba đường. Y theo quán thì bắt đầu đổi ba đường, thứ lớp sinh chín thứ pháp quán. Cuối cùng gom về ba đức, cho nên giải thích mười pháp và phân biệt mười pháp đã là sinh giải, đồng thời y theo thứ lớp mà giáo sinh khởi. Kim luận quán pháp là thành hành.

41. Nói về mười pháp:

Mười pháp được nói là y theo thứ lớp mà quán sinh khởi, cho nên biết vị trước phen sau sinh khởi. Ý ở mười pháp nay thành quán. Lại nay quán giải mười thứ ba pháp, chẳng riêng thành hạnh thảy đều hiểu sâu. Vì sao? Vì y theo quán môn nghiên cứu tâm có đầy đủ pháp, cho nên giúp cho nghĩa viên dung của mười pháp, càng thêm sáng tỏ, vì thế Đại sư vì thành mắt trí, nên lập quán giải thích. Ấy cho nên nêu lên rằng quán tâm giải thích tên. Lại nữa nên biết trước ngay nơi thể giải thích. Tên của định ba chữ Kim Quang Minh chẳng phải dụ cho pháp này. Nay phụ quán mười thứ ba pháp đều nghiên cứu pháp tánh Kim Quang Minh. Cho nên mười xứ đều nêu ba chữ, đều chẳng phải được cho ý này, đã tìm thêm văn ấy, mới lược thấy được chỉ thú quán tâm.

KIM QUANG MINH HUYỀN NGHĨA THẬP DI KÝ

QUYỂN 4

Trong giải thích có ba:

1. Nói về lý do quán tâm:

Ban đầu nêu hai câu hỏi đáp nói về lý do quán tâm, có hai:

Một là nói giải phải do hành thành cho nên đối với tâm tác quán có hai, đầu tiên nêu câu hỏi, trước đã rộng y theo thí dụ phụ văn đương thể, giải thích Kim Quang Minh là nói lên pháp tánh sâu rộng viên dung. Ở đây sao lại lập quán tâm giải thích ư?

Hai là giải thích nêu ra hai, ban đầu giải thích, đoạn văn này phải hiểu được ý cao thấp tâm Phật, mới khỏi nghi tình. Diệu huyền nói Phật pháp rất cao, pháp chúng sinh rất rộng. Tâm ban đầu là khó, tâm Phật và chúng sinh ba pháp này không khác nhau. Quán tâm thì dễ. Nay trên đây chẳng thể khai phát kho báu của tu thân, là nói pháp Phật rất cao. Từ nay muốn trở xuống nói quán tâm thì dễ. Trên đến đây,... tức trước thí dụ... giải thích Kim Quang Minh, mỗi mỗi đều dọc suốt ba vị, bao trùm khắp các pháp. Nói chúng sinh đều như Bồ-đề Niết-bàn, bản tánh đầy đủ. Đây là nói pháp tánh vô lượng sâu xa, mà chỉ là pháp của Phật đã dạo qua. Phật là bậc Thánh.

2. Kim Quang Minh là của báu của bậc Thánh:

Kim Quang Minh là của báu của bậc Thánh. Còn hơn sở hành thanh tịnh của Bồ-tát, đâu phải là trí phần của phàm phu. Nếu chỉ nói về danh cú trên thì không thể quán sát tâm tánh của mình, cho nên đối với bậc Thánh và của báu của bậc Thánh, có lợi ích gì ư? Cho nên dẫn hai dụ, bác bỏ phần nhiều người nghe không quán trí. Chim Anh võ học nói, Điển Lễ chép: Anh võ nói được nhưng chẳng lìa loài chim bay. Tinh tinh nói được nhưng chẳng lìa loài cầm thú. Người mà vô lễ chẳng phải cũng là tâm cầm thú ư? Nay chỉ xưa dụ về không quán, luống học lời Thánh chẳng lìa tâm phàm phu, làm người đếm tiền, kinh Hoa Nghiêm chép

thí như người nghèo cùng, đêm ngày đếm tiền cho người mà tự mình không có nửa đồng.

Nghe nhiều cũng như vậy, nay muốn bình đẳng, nhiếp Phật pháp ở trước vào tâm thành quán, tâm là tâm tánh, hoặc ấm, hoặc nghiệp, hoặc phiền não... Tức tâm địa phàm phu, chính đương thể ba chướng là Kim Quang Minh, cho nên nói châu báu, đây là lập tâm làm cảnh nói về lý. Muốn cho hành giả ngay nơi nghe mà tu, khai phát vật báu Kim Quang Minh tự mình, để tránh khỏi việc học nói đếm tiền.

3. Dẫn chứng Kinh: về dẫn chứng:

Ban đầu dẫn kinh Tịnh Danh: Chư Phật giải thoát là ba giải thoát, cùng mười thứ ba pháp chẳng nhiều chẳng ít. Đây là pháp Phật. nếu duyên Phật tu thì thêm niệm lự, lý khó hiển được, cho nên Phật nói yếu môn giúp các chúng sinh quán tâm hạnh mình là không, giả, trung, thì ba giải thoát đương xứ sẽ phát hiện. Đây là tâm và Phật không khác, quán tâm thì dễ. Lại dẫn giải thích luận. Luận ấy quyển chín mươi ba nói rằng có tuệ không học rộng, cũng không biết tướng thật.

Thí như trong chỗ tối, có mắt mà không thấy, học rộng không trí tuệ cũng không thấy tướng thật, thí như trong chỗ sáng, có đèn mà không soi chiếu, không nghe, không trí tuệ, thí như trâu mình người. Cho nên đại luận chép như người sinh ở biên địa nước An Tức, tuy sinh ở cùng có văn hóa lưu hành cũng không thể giáo hóa, căn chẳng đầy đủ chi chẳng hoàn toàn chẳng biết nghĩa lý, mê đắm tà kiến... đều gọi là trâu mình người. Có nghe có trí tuệ là lời nói nên thọ, như người có mắt mặt trời chiếu sáng thấy các thứ hình sắc. Ở đây cũng như vậy, hoặc nghe trên đây các thứ giải thích Kim Quang Minh, không quán tâm mình, tức là câu học rộng không trí tuệ. Nếu chỉ quán tâm, chẳng nghe thuyết viên dung tức là câu có tuệ, không học rộng, thuộc về mười thứ ba pháp vô lượng sâu xa trên đây. Quán sát tâm tánh hiển bày Kim Quang Minh tức là câu có học rộng có trí tuệ.

Có mắt ba quán thì mắt viên giáo chiếu soi, cho nên thấy tam đế các thứ sắc, hai là nói tâm là hành yếu: Quán phải nghiên cứu tâm, có hai:

Ban đầu hỏi theo tâm sở quán tâm vương nếu y theo ba khoa mà nói đến đi, thì bỏ giới nhập chỉ quán năm ấm. Lại đối với năm ấm mà phân biệt bốn quán thức. Đại sư nói về quán thường luận về phân biệt cảnh, bỏ trượng lấy thước, bỏ thước lấy tấc. Nghĩa đã rất dễ hiểu, cho nên nay chỉ y theo quán tâm làm câu hỏi. Đã nói rằng quán tâm năm ấm trừ sắc cả bốn đều thuộc về tâm. Vì sao bỏ ba mà riêng quán thức

nhưng đặt ra câu hỏi này khiến biết quán cảnh chỉ ở thức ấm. nghĩa thứ hai trong bốn ý của Ngài Cô Sơn đầu tiên là bác bỏ văn này rằng: Nay các nhà y theo hành phụ pháp gá việc trong ba thứ quán. Chỉ y theo hành quán để phân biệt ấm cảnh, hai thứ còn lại hoàn toàn chẳng phải quán ấm. Chỉ gá việc nhiếp pháp, nói về lý quán. Nay phụ thêm pháp quán, chỉ nêu nhiếp thẳng ba pháp để quy về ba đế mà phát bỏ câu hỏi về một trong ba quán.

Xét có lẽ là do người sau thêm vào giải thích rằng: nghĩa so sánh lập phụ pháp, quán rằng: Nhiếp tướng các pháp vào một niệm tâm, để làm viên quán. Vả lại một niệm tâm đâu chẳng phải ấm ư? Đã quán sát ấm thì phân biệt có lỗi gì? Pháp Hoa văn cú gá vào núi Linh thứu quán sát năm ấm. Ký nói: các cảnh quán khác chẳng ra khỏi năm ấm. Nay núi này... y theo ấm tiện, cho nên trong các văn nói thẳng cảnh trí. Lại nói: cũng nên ở đây nói về phương tiện chính tu để phân biệt cảnh và tâm. Các quán cảnh đã chẳng ngoài năm ấm, thì biết gá việc và phụ pháp quán, đều là quán ấm. Nói thẳng cảnh trí tức các văn nói quán một niệm tức không, giả, trung. Một niệm là ấm cảnh, tam quán là trí, lại khiến nói ở phương tiện chánh tu phân biệt cảnh và tâm. Phải bỏ suy nghĩ bàn luận mới gọi là phân biệt tâm. Chẳng thể đối với ba khoa mà nói về lấy bỏ, đâu gọi là phân biệt cảnh.

Lại Vương Thành Quán chép: nên như chỉ quán mười thừa mười cảnh trở xuống đều như vậy. Ký chủ ý khiến khi giảng pháp quán này, người muốn tu, phải có ký riêng. Văn phân biệt ấm cảnh và mười thừa... đều có chỉ bày, khiến sơn thành quán, hành pháp đầy đủ, chẳng phế bỏ sự, khiến tự giảng nói toàn bộ chỉ quán. Trí ý của người khác muốn thẳng như thế. Đã noi trở xuống đều như vậy. Tin tưởng các việc gá và phụ pháp quán đều phải phân biệt ấm và nói về mười thừa. Văn kia chẳng phân biệt còn khiến phân biệt. Nay có văn phân biệt thì đâu thành phi nghĩa. Y theo đây mà bỏ câu hỏi về một trong ba quán. Nói về nghĩa sơ thì nghĩa thật chẳng sơ. Vì ông hiểu sơ. Lại nếu nhiếp thẳng ba pháp để quy về tam đế, chẳng cho phân biệt ấm liền là quán tâm, thì thành thiên quán thanh tịnh chân như. Sao lại rất trái tông ư? Cho nên biết người kia đều mê mờ ba thứ pháp quán của một nhà. Như giải thích mười sáu pháp quán của quán kinh, là phi nghĩa của một tâm ba quán, thuộc về ba thứ quán.

4. Nói về ba quán:

Vả lại nghĩa ví dụ rằng: nói về tam quán, nghĩa chỉ có ba thứ, chẳng lẽ quán mầu lại có đường khác. Huống các văn quán tâm đều

là chỗ quan trọng của một nhà, nếu hiểu sai thì luống thành bóng bẩy. Đã mất gốc thì còn lại đều là cành nhánh. Kia lại đối với trong Kim Tỳ Ký nói nếu dùng chỉ quán để tiêu sự văn pháp quán, là dùng chỉ quán tùy cơ mà trao, rất trái với di chúc của Đại sư. Di Chúc chép: Chỉ quán không nên truyền trao, ghi riêng, thường nói cho người nghe. Phụ Hành giải thích chúc ý chính là nói tùy cơ tận mặt trao, ý thường chẳng khắp, đời sau chẳng thể làm được. Người ấy hiểu rõ văn phụ hành, thành cái thấy của mình. Vả lại, Phụ Hành giải thích ý tận mặt trao,... đây vì tùy theo Đại sư mà tu tâm, hoặc quán đạo chẳng tiến, hoặc chướng trong ngoài khởi, tất cả lời thưa hỏi. Sư bèn tùy cơ mà trao khẩu quyết, nhất thời được lợi ích ý nhiều chẳng khắp.

5. Người đời sau chẳng thể làm được:

Hoặc người đời sau tâm bệnh đã khác nhau, cho nên chẳng thể làm được. Vì không cần dùng tạm mặt trao chỉ quán mà truyền trao cho người sau. Chẳng phải nói không được. Tựa trong mười quyển có mười cảnh mười thừa tiêu sự pháp quán. Do cảnh quán này chép ở tư ký. Hoặc bài tựa ấy, Chính là dùng tư ký thường nói cho người nghe. Đại sư Nhã Hợp lúc lâm chung có di chúc, nếu hoàn toàn chẳng cho phép tựa chỉ quán thì sắp qua đời vì sao Kinh khê ở Sơn thành quán khiến thực hành phương tiện chánh tu phân biệt cảnh và tâm mười cảnh mười thừa ư?

Lời tựa này có dạy tu Sơn thành quán hay không? Lại nếu cho rằng đây là khai mở tâm giải ấy, chẳng nói khiến người tu tập, vì sao trong văn Diệu Huyền Minh Quán Tâm lại bảo ngay khi nghe liền tu? Thích Tiêm chép hễ nghe một câu thì nhiếp sự thành lý, chẳng đợi quán cảnh mới gọi tu quán. Sao ông lại quay lưng với lời dạy của Ngũ Tổ ư?

Cho nên biết nay ý thứ nhất nói bỏ ba quán một, là phù hợp với ý Kinh khê đối với Sơn Thành quán tận tay trao.

6. Trước quán nội tâm:

Hai là y theo tâm tịnh pháp dung hòa mà đáp, có hai, ban đầu y theo lý tánh, trước quán nội tâm.

Ba chữ của định trên chẳng phải dụ cho pháp này. Pháp tánh đáng quý gọi là kim. Pháp tánh năng chiếu gọi là Quang, pháp tánh năng ích gọi là minh. Nay dùng nghĩa này quán ở thức tâm. Nếu tâm chẳng đầy đủ, nghĩa Kim Quang Minh ấy làm sao đối với tâm ma quán pháp tánh. Văn này có ba, một là y theo quý để nói về kim, muốn nói lên tâm quý, thì trước đối với muôn vật suy tôn người làm quý, từ kém đến hơn. Thấy tâm chẳng mê mờ gọi là linh trí. Linh trí tuy quý mà có ở cả bốn ấm,

phân ra khắp tâm vương tâm sở. Hỏi: Đã bỏ ba tâm sở, nay chỉ suy tôn tâm vương là quý nhất. Thức tâm đã quý, cho nên quán tâm vương tức pháp tánh kim.

7. Y theo chiếu mà nói quang:

Y theo chiếu mà nói về quang, quang có hơn kém, cho nên trước nêu kém so sánh với tâm thức, được tên gọi là quang, vì thế quán tâm tức là ánh sáng pháp tánh.

Một là y theo lợi ích để nói về minh, tức có công năng lợi ích cho bốn ấm như sắc ấm... lợi ích sắc ấm là bởi tánh sắc và tâm chẳng hai. Sắc tùy tâm chuyển. Đại phẩm nói Phật hiện sắc tượng vô biên, đều do tánh Bát-nhã trùm khắp. Sắc tịnh cũng vậy, cũng có công năng bình đẳng, nếu tâm vương chánh thì tâm sở cũng chánh, hóa chuyển trần lao, tâm sở chúng sinh, cho nên tâm năng ích. Dùng quán tâm thì pháp tánh sáng tỏ. Ở đây y theo tâm có ba nghĩa như quý... cho nên quán tâm hiển Kim Quang Minh của pháp tánh ba pháp.

Văn này tức là lìa tánh có ba:

Một là Tánh sở quán đã lìa có ba thì trí năng chiếu nhậm vận thành ba. Dụng sở khởi cũng hợp có ba. Văn tuy chẳng nói nhưng hai tu đều có ba. Vì tánh hiển thì nghĩa hợp.

8. Dung chứa khắp chỉ có Quang Minh:

Hai là y theo hợp tu tự dụng thông các pháp. Ở trên nói tâm cảnh tức Kim Quang Minh, nghĩa nên tu tánh ba, mỗi thứ đều có ba. Nay nói dung chứa khắp những chỉ có Kim Quang Minh. Đến sau kiết văn có nói ba chữ. Xét biết đây là tu hai tánh một, văn có lìa hợp, vừa xem thì khó biết. Đây tự có hai, một là dung thông khắp các pháp, lần lượt hiển bày quang minh. Văn này nêu bày, quán thành lý hiển, khắp dung các pháp. Dùng giải thích phục nghi, nghi rằng: nếu chỉ quán thức ấm mà nói về Kim Quang Minh thì đối với tất cả các pháp làm sao có thể dung chứa thanh tịnh.

Cho nên giải thích rằng: Nếu biết tâm vô tâm là quang biết tưởng. Hành vô tưởng, hành là minh... Ý nói thức ấm Kim Quang Minh hiển bày, thì tất cả pháp đều là Kim Quang Minh, cho nên dùng tâm vương, tâm sở, sắc thật giả chánh y và tất cả pháp. Từ hẹp đến rộng lần lượt hiển bày đức của hai tu quang minh. Đối với một tánh để thành ba pháp, biết tâm, vô tâm là quang, tức dùng ba trí quán sát tâm thức. Thấy Kim Quang Minh thể của pháp tánh thì tướng thức tâm là vắng lặng cho nên biết tâm vô tâm. Người biết được thật ba trí này. Nay chỉ hợp thành một quán chiếu trí, cho nên chỉ gọi là quang, biết tưởng hành vô tưởng

hành là minh đã dùng hợp một trí quán chiếu. Biết tâm vương này tức là tướng thật, cho nên không có tướng tâm vương là quang.

9. Biết bốn ấm tức là tướng thật:

Nhậm vận có hợp một trí phương tiện. Biết tướng thật tâm sở, không có tướng tâm sở là minh. Đây vì biết tâm sở, tâm vương là quang minh. Lại, dùng trí của quán chiếu biết bốn ấm tâm tức tướng thật, cho nên không tướng bốn ấm là quang, thời nhậm vận có trí phương tiện. Biết tướng thật sắc ấm, không có tướng sắc ấm là minh. Ở đây do biết tâm, biết sắc mà thành quang minh. Lại năm ấm thật pháp đối với người giả... nói về quán chiếu hai trí phương tiện, mà làm quang minh. Lại do chánh báo đối ước y báo, nói về quang minh.

Lại y theo chánh đối với tất cả pháp, nói về ánh sáng. Nghĩa đều như thế. Nói tất cả pháp, tức người giả pháp thật và dùng y báo, đều có tướng, tánh, thể, lực, tác, nhân duyên, quả báo, bổn mạt rốt ráo đẳng. Đây là do quán thức Kim Quang Minh mà hiển bày, cho nên đối với các pháp nhậm vận quán thành, muốn rõ các pháp mỗi mỗi là kim, mỗi pháp là quang, mỗi pháp là minh, cho nên trải qua các pháp lần lượt nói về hai trí. Nên nghĩa ví dụ nói tu quán thứ lớp phải trước nội tâm. Nếu nội tâm thanh tịnh thì do tịnh này tâm trải qua khắp các pháp, nhậm vận lẫn lộn hòa hợp, đã nói nhậm vận thì biết chẳng gia công.

10. Một tánh kết thành ba pháp:

Ba là y theo hiển, một tánh kiết thành ba pháp. Trên đối với các pháp từ hẹp đến rộng, y theo hai trí lần lượt nêu bày ánh sáng. Mà hai trí sở hiện đều một tánh, tức đương ở kim. Cho nên kiết luận là Kim Quang Minh. Nói quán tâm, nói từ gốc thì hai thứ chánh phụ, mười pháp quán tâm thành hạnh có hai. Ban đầu nêu lên giáo nghĩa làm pháp nương tựa. Ở trên y theo mười thứ ba pháp nói về Kim Quang Minh. Có hai ý, ban đầu thì đồng với các thí dụ giải thích khác. Kim Quang Minh dụ cho mười thứ ba pháp. Kế là phụ văn và dùng đương thể.

Giải thích Kim Quang Minh chẳng phải thí dụ pháp, cho nên mười thứ ba pháp đương thể gọi là Kim Quang Minh. Nay quán giải thích thuận ý trên dưới, cho nên: một là y theo thượng chủng ba pháp luận về Kim Quang Minh, cho nên dùng nghĩa mười thứ Kim Quang Minh, làm pháp sở phụ, bốn pháp nhiếp này nhập tâm thành quán.

Nói quán môn này là hạnh năng hiển. Mười sơ ba đạo, có hai:

a) Một là quán có hai, ban đầu giải thích, có hai, ban đầu y cứ chung vào ba đường nói về viên chánh quán, có hai. Ban đầu gồm thông số chỉ đối với nghĩa báo chướng lật cảnh ba đường. Nói thông số, là

tưởng, dục, xúc, tuệ, niệm, tư, thoát, ức, định, thọ. Mười tùy vương này làm ra tất cả việc thiện ác, cho nên gọi là Thông đại địa số.

11. Hỏi đáp về mười pháp quán:

Hỏi: Trước phân biệt cảnh quán bỏ ba quán một, nay sao lại dùng tuệ và các số làm nghiệp phiền não?

Đáp: Nay nói về pháp quán có mười thứ. Chín thứ sau đều từ đức hiền bày. Thể kia vốn dung. Có thể y theo một niệm thức tâm làm cảnh mà tu ba quán. Hiển ba pháp, chỉ có ba đường này từ chướng bị phá, lập ở cảnh quán. Làm mê hoặc sự, thể vốn chẳng dung. Như đối với một thức nói về ba cảnh. Cảnh đã chẳng phân, quán khó thành tựu, cho nên đặc biệt gồm có Thông số làm cảnh của ba đường.

12. Hỏi đáp về đường ba đường:

Hỏi: Nếu muốn nói rõ cảnh ba đường sao không chấp khắp năm ấm là khổ, ba độc là phiền não, bảy chi là nghiệp. Sao chỉ tâm vương, tâm sở đối với ba đường như vậy?

Đáp: Nay chỉ đối với ấm cảnh nói về tướng ba đường. Thức thân thì riêng là chủ chung của khổ báo. Cho nên tâm vương thuộc về khổ đạo. Tuệ chia ra thuận nghịch cho nên khởi tham sân, chính là do tuệ số đối với phiền não đạo, các tâm sở tùy theo tuệ gây ra thiện ác, cho nên đem các tâm sở đối với nghiệp đạo. Tuy chẳng phải nghiệp hoặc đương thể mà làm nghiệp hoặc thân y. Thường đi chung với tâm vương, đều có ba nghĩa đạo. Có thể dùng chánh quán để nói về Kim Quang Minh. Hoặc hiện khởi nghiệp phiền não động tác, vì giúp đạo ở dưới là sở quán của năng quán.

b. Hai là y theo viên thừa tức làm chướng hiển bày đức. Vì nói về công phu của diệu quán. Văn này tuy lược nhưng pháp quán đúng nói , trước phải biết ba chữ kim... là pháp, chẳng phải ví dụ. Tức đối với tâm vương, tâm sở cảnh của ba đường, thể Kim Quang Minh ba thứ pháp môn, tức thể tâm vương đáng tôn đáng trọng, là pháp tánh của kim. Thể của tuệ sở tức tịch mà chiếu. Pháp tánh này thầm hợp với lý trí. Thể ở các tâm sở có nhiều lợi ích. Pháp tánh này sáng tỏ tức là dụng của thể. Đây là hai tu quang minh. Đối với kim nhất tánh là ba pháp. Nói đủ về tam pháp thì chẳng phải cô lập. Kim không có quang minh thì chẳng phải nhân viên chứng. Quang mà không có kim minh thì chẳng phải nhân viên liễu. Nói không kim quang chẳng phải viên duyên nhân, chỉ là văn trước số từng hiển bày, cho nên ba đường này lược đối với ba chữ, là hợp ba tướng. Nên phải biết rõ, lấy lìa làm hợp , hợp thể thường lìa. Nói ba chẳng ít, nói chín chẳng nhiều.

13. Hỏi đáp về quán ba đạo:

Hỏi: Ba đạo quán này vì sao chẳng dùng không, giả, trung ư!

Đáp: Tâm vương là kim, ba đế một cảnh. Tuệ số là quang ba trí một tâm, Dư số là minh thời có hai ý. Đối với quả thì ba thoát ứng cơ, đối với nhân thì ba hành bốn trí. Chánh quán này văn rất dón gọn. Vì trong văn này có quán giúp đạo, biệt đối với thân... nói thô về ba đường nói rộng về quán, cho nên một là chánh quán chưa rảnh để trình bày đầy đủ. Từ ba thức trở đi, mỗi thức nói về một tâm ba quán, cho nên nay ba đường lược đối với ba pháp như Kim...

Hai là y cứ riêng ba đường dùng Không để giúp đạo. Nay đối với ba quán lập quán giải thích. Ý ở hành nhân nghe liền tu. Nhưng người mới học thấy ái khắp đầy. Đối với thân, đối với tâm khởi trọng hoặc nghiệp nặng. Hoặc chỉ khiến quán ba chướng, tức đức chẳng phá thì chẳng hiển, tức sinh kiến mạn càng thêm sinh tử. Cho nên Đại Sư đối với cảnh ba đường lược bàn chánh quán, nói rộng giúp đạo.

14. Nói về hai không:

Y theo cảnh giả thật, nói về hai không. Đối với hoặc nghiệp rộng suy ra bốn tánh, khiến kiến tư điều phục, nghiệp lụy chẳng sinh, mới ở chính khoa nói về ba quán diệu. Tâm thô dã dứt, diệu quán có thể tu. Chế lập hữu do không thể nói sai lầm. Đây đối với ba ngôi báu đều nói về quán không. Có ba, một là nói về giả, thật quán khổ đạo có hai. Ban đầu y theo sáu phần quán người giả có ba, ban đầu nêu văn kinh, nêu chung pháp quán. Kia vì quán Phật trước tìm cầu thân mình, vì tướng thật của mình không hai với Phật, cho nên nói cũng như vậy, nay văn lại y theo quán thân, tu pháp quán không. Nếu kiến tư dứt thì ba pháp hiện ra, thân cùng Phật đều là Kim Quang Minh, đâu có gì khác nhau.

15. Sáu phần hợp xứ chấp thành thân kiến:

Kế là đối với hiện cảnh tận cùng theo người gia. Sáu phần: là thân và đầu là hai, bốn chi là sáu. Sáu phần này hợp xứ chấp thành thân kiến. Ngang dọc như vậy, sáu phần là ngang ba đời gọi là dọc quán trí tìm cầu rốt cuộc chẳng thật có. Chấp có tuy dứt, truyền nhập không, trung và song cũng đều song phi. Ba trường hợp này đều y thân khởi đều là thân kiến. Tìm cầu khiến vô lý nên đều chẳng thật có. Có chỗ thân chấp tuy dường như mất, mà vẫn như còn, vời lấy tên gọi. Hoặc chẳng tìm cầu, trở lại sinh kiến hoặc, cho nên dùng tâm sắc trong ngoài trung gian và thường tự có, lấy làm bốn trường hợp. Tuy vời lấy tên gọi đều không thật có, cho nên dẫn Ngài Tăng Triệu tên và vật đều không. Chứng nay chỗ suy cầu thân và tên gọi xưa nay vắng lặng. Nói giả thật đã không,

chẳng phải chỉ cho người giả và năm ấm thật pháp, mà chỉ cho thân vời lấy là thật, vời lấy tên gọi là giả, cho nên câu dưới nói danh vật yên ở.

16. Trị đạo giúp mở ra Viên lý:

Kế là nói trị đạo giúp mở ra viên lý. Quán thân là tướng thật, là kim đẳng... vì hành giả này nghe giáo nghĩa ở trước. Nói ba thức, ba đường, ba một viên dung, ba đức bình đẳng, không hai không khác. Là có khả năng tin hiểu thân phần đoạn và kiến tư hoặc đương thể hoàn toàn là pháp môn tánh ác. Chỉ vì chấp tình mà thành chướng nặng. Thật giống như người mù, thân ở trong kho báu, bị vật báu làm bị thương.

Nay tu quán không, giúp đạo công thành, kiến chấp đã luống dối, tức đối với cảnh quán đều thấy tướng thật. Tướng thật của thân là pháp môn Kim, tức thể của tướng thật này có công năng quán chiếu, là pháp môn quang. Duyên theo tâm sở của thân vốn cũng là tướng thật. Nay một là chẳng tùy tình, gọi là tịch chẳng hành, thảy đều chuyển thành hạnh của tướng thật. Là pháp môn sáng tỏ.

17. Y theo năm ấm mà quán pháp thật:

Kế là y theo năm ấm mà quán thật pháp, có hai:

Ban đầu kiết là người không. Quán pháp trên tuy nói sáu phần và dùng năm ấm, nhưng suy thân kiến, ý nói về sinh không, cho nên phẩm Không chép: thân này luống dối, Đại sư chỉ đây là cảnh sinh không, cho nên câu văn nói do ấm thành thân, chấp có ngã nhân, chúng sinh, tuổi thọ, cho nên y theo thân giả làm cảnh sinh không, cho nên nay kiết trước quán thân, quán pháp là quán giả danh. Nếu nay các bộ diễn môn không quán, nhân pháp song quán vì tánh sắc như tánh ngã, tánh ngã như tánh sắc.

Chỉ có phẩm Không của kinh này nói về viên không, tức trước quán sinh không, kế quán pháp không. Văn này thuận kinh trước sinh kế pháp. Do người sơ tâm chấp chướng đạo, cho nên nay đối trị trước rộng tìm cầu phép tắc, cho nên quán thật pháp so sánh mà thôi.

18. Ví dụ quán pháp thật:

Một là ví dụ quán thật pháp. Ví dụ thượng nhân là không, dịch vật chẳng thật có. Trong đây cũng hợp lấy sở không ấm là kim, năng không quán là quang, duyên pháp tâm sở là minh. Tất ứng ví dụ trên.

Hai là y theo ái kiến quán phiền não đạo, có hai, phân biệt chỉ bày cảnh của thân nhân. Giả thật ở trên là quả của thân. Nay tìm cầu thân nhân, nhân có hoặc nghiệp, nghiệp thuộc nghiệp đạo.

Kế đến nói về quán. Nay quán thân nhân còn ở phiền não.

Hai là chánh nói về thể của pháp quán, có ba:

Ban đầu nêu văn kinh, y theo câu phân biệt, có hai:

Ban đầu nêu thẳng văn kinh phân biệt với quán phân tích, nên nói là bất hoại, trong thể quán thông gọi là tùy một tướng. Cái gọi là ai là lời xem xét người, tìm cầu bốn hạng người đương ở bốn trường hợp. Nay chính là nói về hoặc. Nghiệp ở quán sau, cho nên nói hãy đặt.

19. Y theo trường hợp nhân đôi để xem xét người:

Kế là y theo nhân đối, tức chữ ai ở trước để xem xét người.

Tứ quả là quả thứ tư. Giải thoát hữu dư có khả năng phá hoại thân nhân, giải thoát vô dư có khả năng hoại quả của thân, đều là câu hoại. Dòng của phàm tục đều là câu bất hoại. Vương hiến hại, oán đối hoại, tự hại thể, ba hạng người này gọi là hoại quả của thân. Khắp tăng phiền não gọi là bất hoại thân nhân. Câu thứ ba. Hạng người ở ba quả khác người dứt được năm hạ phần, Sơ quả đoạn ba phần, nghĩa là Thân kiến, Giới thủ và Nghi.

Nhị quả, tam quả dứt được hai phần. Cõi Dục tham sân, gọi là hoại thân nhân, nhưng quả thân do năm phần này chiêu cảm thì giống như ở cõi Dục, gọi là bất hoại quả của thân. Đây vì chưa hoại nên còn gọi bất hoại. Hoại chẳng lâu nên gọi là trường hợp thứ tư.

Kế là nói chẳng theo một tướng, trước gọi là hoại đều là quán phân tích. Trường hợp bất hoại ấy tự chỉ cho điều ác của phàm phu.

Cho nên bốn trường hợp đều chẳng thể nhận pháp, vốn bất sinh diệt nên đều chẳng theo tướng một thật. Đó là một.

20. Đối với cảnh hoặc thuận kinh tu quán:

Kế là đối với hoặc cảnh thuận kinh tu quán, có hai: ban đầu suy tìm vốn bất sinh, đây là Đại thừa thể pháp khéo độ, cũng luận ngang dọc. Ngang phá nhân thành, dọc phá nối tiếp, trong phá nhân thành chẳng phải tự bình đẳng. Long Thọ nói: Pháp không tự sinh, phải đợi duyên cho nên pháp chẳng tha sinh, nhân vốn đầy đủ, cho nên pháp chẳng cộng sinh, không có hai phần. Pháp chẳng phải vô nhân sinh, có nhân duyên sinh còn không thật có, huống chi là vô nhân! Kế là phá nối tiếp đầy đủ nên nói chẳng phải niệm trước diệt cho nên khởi.

Chẳng phải niệm trước bất diệt cho nên khởi. Chẳng phải niệm trước vừa diệt vừa bất diệt cho nên khởi. Chẳng phải niệm trước phi diệt phi bất diệt cho nên khởi. Nay nói chẳng phải sinh v.v... Sinh tức bất diệt mà còn chẳng phải song, phi song. Cũng chỉ thiếu trường hợp thứ hai. ngang dọc như thế... một là Kết nêu bày nhân thành nối nhau, cầu tướng bất đắc sinh của tâm. Đã vốn bất sinh nay cũng chẳng diệt, cho nên nói là bất hoại.

Kế là kiết tùy một tướng, người viên giải tu không để giúp đạo đã rõ nhân của thân bất sinh bất diệt thì có khả năng thuận theo tướng thật trung đạo.

21. Nói về trị đạo giúp khai mở Viên lý:

Kế là nói về trị đạo giúp khai mở viên lý, có hai:

Một là nói thể pháp công thành. Vốn vì viên tâm tu không phá chướng. Chánh giúp hợp vận tức đối với phiền não tùy tướng một thật. Sở tùy là là kim, năng tùy là quang, các tâm sở là minh, ba chẳng ngang dọc gọi là khai mở viên lý.

Hai lại nói các quán giúp đạo khác. Hoại thân nhân ấy là tích quán dứt tập. Hoại quả của thân ấy là câu thứ nhất ở trước. Bất hoại quả của thân là câu bốn ở trước. Thể pháp không quán đã rất trợ viên, tích pháp không quán cũng có khả năng trị hoặc. Nếu dùng viên giải hợp mà tu, hoại và bất hoại đều theo một tướng.

Y theo động tác quán nghiệp đạo, có ba, một là nêu văn kinh, nêu chung pháp quán. Ở đây y theo sáu tác quán nghiệp đạo, vì tất cả thiện ác do đây mà phân biệt. Giở chân lên, đặt chân xuống trong sáu thứ thuộc về hành. Tịnh danh chỉ đây là đạo tràng. Chung cho sáu tức, nay là quán hạnh chỗ Phật thành đạo.

Chẳng quán giở chân lên tức không, giả, trung thì làm sao khiến chỗ này là đạo tràng vắng lặng? Làm sao có thể đầy đủ tất cả Phật pháp. Quán nghiệp như thế thì thấy được bờ mé của nghiệp, mới gọi là thuyết đạo tràng của văn kinh. Chỉ vì người sơ học tuy hiểu như thế nhưng ưa chuộng sáu duyên, chấp ngã, ngã sở. Hoặc chỉ chánh quán lại thêm tình chấp, cho nên lập giúp đạo. Vả lại khiến quán không, đối trị hoặc này.

22. Đối với sáu tác thể vốn vô vi:

Kế là đối với lục tác thể vốn vô vi, có hai:

Một là y theo hành duyên mà nói về quán, nghiệp là thân nghiệp, nghiệp là tâm, lấy tâm làm nhân, lấy thân làm duyên. Đơn nhân đơn duyên hoặc cọng hoặc ly, tìm cầu ở giở chân lên, chẳng có tướng giở. Để chân xuống cũng vậy.

Khi quán như vậy thì tướng ngã, ngã sở vắng lặng chẳng khởi. Tất cả nghiệp lụy từ đây thanh tịnh. Ban đầu tâm hành giả được vô giới ý!

Hai là ví dụ dư tác cũng vậy. Vì đứng, ngồi, nằm thì đặt chân ở hành duyên, tức là bốn oai nghi. Lại thêm ngôn ngữ và làm việc, mới thành sáu tác. Chỉ quán xưng là nói, nín, làm việc. Nay nói ngôn ngữ chính là nói về tướng, thật ra im lặng cũng thành nghiệp. Văn tuy thiếu

nêu bày nghĩa hợp đều quán.

23. Trị đạo giúp khai mở viên lý:

Kế là nói trị giúp trợ khai mở viên lý. Do giải viên tâm tìm cầu bốn tánh của nghiệp, bốn tánh không xứ, chánh quán hiện ra. Cảnh quán các tâm sở thành Kim Quang Minh. Có ba pháp môn. Hai kiết này là tổng kiết chánh quán của văn trước và để giúp đạo, đều nói lên pháp tánh Kim Quang Minh rồi.

Kế là kiết vị, nếu y theo giáo để nói sáu tức thì thường nói lên pháp tánh cao sâu.

Nếu nay nói sáu tức thì chính là nói về hành nhân toàn tánh khởi tu, quán có thành không? Nhập vị cạn sâu vẫn bày nhân quả, đều là Kim Quang Minh, cho nên sáu đều gọi là tức. Quán thân sơ cho nên tức phải nói sáu. Y theo tức luận sáu thì khỏi sinh thượng mạn, y theo sáu luận thì khỏi sinh lui sụt, không mạn, không lui sụt thì diệu vị sẽ bước lên. Ban đầu lý tức vị nói có tâm, Đại kinh nói: Hễ có tâm thì đều sẽ thành Phật. Nếu kia không có tánh Kim Quang Minh thì làm sao thành Phật. Nói pháp giới, pháp tánh không khác mà khác.

Pháp giới là nói theo chiều ngang, pháp tánh là nói theo chiều dọc. Ý nói lý đủ ngang khắp dọc, nói Kim Quang Minh. Chính là kia chưa có sáu việc như tín hiểu... chỉ có lý tánh Kim Quang Minh đức, cho nên gọi là lý tức. Danh tự nghe kim... gọi là giải liễu sẵn có. Quán hạnh vị tu thành viên quán trần duyên chẳng ngăn cách, cho nên được nối nhau. Ở giai vị Tương tự, nhắm mắt thì thấy, mở mắt thì mất. Giai vị này chưa nhập đạo vô công dụng. Trong ba thứ không lui sụt thì niệm giống như lui sụt, cho nên dùng mở mắt để nói về được mất.

24. Hỏi về quán hạnh còn mất:

Hỏi: Quán hạnh còn thì được, niệm niệm chẳng dừng, tâm tâm nối nhau. Tự vị trị sinh, chẳng trái tướng thật. Kia đối với kim quang mở mắt thì mất phải không?

Đáp: Quán hạnh tương tự tuy đều là viên quán. Thân sơ chẳng giống, được mất khác xa. Quán hạnh vị kia ba hoặc hoàn toàn có mặt. Đối với kia thì sơ quán có công năng làm an nhẫn cho nên nói về nối nhau. Đối với người không có tài năng thì có lui sụt, hoặc tương tự vị kiến tư đã mất. Đối với thân quán mà nói về được mất, hoặc có khả năng phòng hộ thì mau phát chân. Nói nhắm mắt thì thấy, hoặc khởi pháp ái thì có đỉnh đọa, gọi mở mắt thì mất. Chẳng tiến là mất, chẳng phải lùi mới mất. Phản lập ý căn, dường như giải đã lập, cho nên nói trị sinh, chẳng trái tướng thật. Xét kỹ giai vị này chưa phá vô minh, nếu

gió vô trụ ngừng gọi là mở mắt thì mất. Phần chân vị khéo nhập xuất trụ Tam-muội Lăng-nghiêm, cho nên mở nhắm đều thấy, rốt ráo rất dễ hiểu. Lý thứ ba của Cô Sơn trái với hữu, có ba:

Một là bác bỏ ở đây.

25. Kim Quang Minh vốn dụ cho ba đức:

Kia nói: Vả lại Kim Quang Minh vốn dụ cho ba đức, văn trước còn tác đương thể để giải thích, mà văn tương tự dịch là mắt thấy tượng vàng để giải thích. Ta biết vãng là, trộm lấy sáu tức của quán kinh, ở đây nói lầm. Kia nói quán sắc thân Phật vẫn ở vị quán hạnh, cho nên nói mở mắt, nhắm mắt nhìn khắp đều là cõi Phật. Ôi đáng lấy làm lạ. Nhậm tác kim tượng dùng nghĩa. Vả lại sớ văn kia là Đại sư đích thân nói. Quán hạnh vị ấy nhắm mắt, mở mắt cảnh giới thường hiện. Sao nay đối với tương tự chứng vị mà nói mở mắt thì mất, nói điên loạn mê hoặc người đời sau. Giải thích rằng hoặc trộm lấy Quán Kinh Sớ thì sẽ không có văn tướng, trở thành trái nghịch. Ở đây thì rõ ràng, văn trái lý thuận, người mê mờ không biết. Sao nay đối với ba đường quán thẳng lý tánh Kim Quang Minh.

26. Tuy đều là Viên quán nhưng gá cảnh khác nhau:

Hoặc Quán kinh sớ gá vào thân Phật kia mà nói về lý tam đế, tuy đều viên quán nhưng gá cảnh khác nhau. Kia tưởng sắc thân để làm sự cảnh, tức đối với cảnh này tu không, giả, trung để làm lý quán. Cảnh quán tuy đối với một niệm đồng tu, mà sự cảnh ấy là ứng với tướng chúng sanh. Quán trung trước phát cho nên quán hạnh vị nhắm mắt mở mắt thường được thấy Phật. Đây nói lên ba đường, lý Kim Quang Minh bước lên trụ mới phát, cho nên ở giai vị tương tự nhắm thì thấy mở thì mất. Vì dùng mở nhắm để nói lên giai vị này là tương tự chẳng phải chân, vì vị này còn phải tác ý, bước lên trụ mới nhập vô công dụng đạo. Sớ kia tự trái, đối với diệu tam đế, chẳng lẽ như vậy? Lại nữa tự vị nói về mở nhắm, bởi y theo năm thứ mắt chẳng phải chỉ có mắt thường, tức là trong thể có hai hoặc nhậm vận trước trừ, thì hai đế bốn nhãn ở giai vị này trước phát.

27. Lại nói về còn mất:

Nếu sách bốn tức Phật thì hơi giống với chân kiến, cũng mau nhập chân. Gọi nhắm mắt thì thấy, hoặc nhậm vận theo bốn thứ mắt thì khởi pháp ái, gọi là đỉnh đọa, nên nói mở mắt thì mất. Nếu không như thế thì lìa pháp ái là ai? Cho nên phụ hành nói sữa tam đế là diệu sắc chân thiện. Năm thứ mắt mở rộng mới thấy cảnh đế. Ấy là tương tự vẫn thuộc về tối, trong chương thì vô minh chưa phá. Người kia hoàn toàn mê mờ

pháp quán ban-chu. Thân Phật lấy cảnh không... làm quán.

Trong một niệm khó dễ sâu cạn, mà bỏ vọng bác bỏ đây, làm mất thấy tượng vàng giải thích. Tương tu mở mắt, thì mất quán hạnh đều thấy, gọi là điên loạn. Nếu nói chẳng hiểu sự lý sâu cạn, thì trách điên loạn phải quy về mình. Lại nữa, thấy và chẳng thấy ý chỉ mầu khó biết, như đệ tử bốn tín trong kinh Pháp Hoa nghe kinh tín hiểu, tức hay thấy Phật thường ở Linh sơn. Văn-thù Đẳng Giác chẳng tu Tam-muội, chẳng thấy diệu âm. Kinh này thọ thần gặp Phật lễ tháp làm chúng thắc mắc, cho đến khen Phật, khóc lóc rơi lệ thỉnh Phật hiện thân.

Nghĩa kinh này có một bản không có văn như vậy, người khác cho rằng do người sau thêm vào. Hai quán ba thích có ba:

28. Nêu quán bày lý:

Ban đầu nêu quán bày lý, do người thứ ba pháp đương thể đều có thể gọi là Kim Quang Minh. Do mười thứ ba pháp đều có các nghĩa quý... cho nên nay nói: quán tâm ba thức luận về Kim Quang Minh.

Hai là phụ pháp tác quán, có ba:

- Lược nêu cảnh quán, một niệm tâm cảnh, tức quán không, giả, trung, tức là quán tâm thức đối với ba thức ấy, ba thức xưa nay là ba quán mầu nhiệm. Chín cõi mất gốc, thức theo vọng chuyển chẳng biết bổn tánh.

Nay thuận tánh tu quán. Quán không có tự thể riêng, tức dùng bổn thức để biết bổn thức.

29. Nêu rộng về tướng quán:

- Nêu rộng bày tướng quán, có hai:

Một là nói nhất tâm tam quán, có ba, ban đầu không, ba thức trầm, ẩn tướng nói khó biết, mà chẳng tạm lìa ý thức thứ sáu. Thức này duyên ngoài, cho nên lấy ý căn đối trần làm duyên, tìm cầu ở bốn tánh chẳng ở một chỗ, tức lấy bốn tánh mà làm các duyên. Từ duyên này sinh sinh tức vô sinh, cho nên nói "ta nói tức là không". Không cô phân biệt tức là thức A-lại-da.

Hai là giả. Các duyên sinh cho nên không vô tánh tướng. Các duyên sinh cho nên thiện ác lừng lẫy, ác là bốn đường. Thiện là trời, người. Chẳng phải thức thiện ác thì có cả bốn Thánh. Bốn Thánh này đều chẳng có thiện ác hữu lậu. Đối với không kia thuận duyên khởi tánh các thứ quán sát.

Nói phi, tức là thuốc và bệnh, đối với không giả lập nên gọi là gượng. Quán này lập pháp tức là thức A-đà-na. Thức này gọi là ý. Dùng thức thức sáu làm thức của ý, gọi là ý căn. Cho nên căn lập thức cũng

lập. Trong ba thức thì tâm tánh bất động, xưa nay trung thật, chẳng thể suy nghĩ bàn luận. Mà thể đầy đủ hai thứ công đức không và bất không, cho nên thể và đức thành viên ba thức, cho nên tuy quán không mà bất định không. Tuy quán giả mà bất định giả. Tức thức hiện tiền bặt dứt tướng hai bên, năng sở chẳng đắc, quán này tức là thức Yêm-ma-la.

30. Nói về vọng cả hai chiếu cả hai:

Kế là nói về vong cả hai chiếu cả hai, có hai. Ban đầu nói tức chiếu mà vong, có hai:

Một là y theo nghĩa mà lập. Thức đối với ba thức chiếu ba thức cũng chẳng được ba thức, quán mất ba thức.

31. Dẫn kinh làm chứng:

Hai là dẫn kinh làm chứng. Quán năm thứ như Sắc... tức là quán tục. Quán năm đều như, tức là quán không, quán năm tức tánh, đó là trung quán. Nay đều nói bất quán, tức đối với ba này vô quán vô đắc gọi là y theo ba quán tức chiếu mà vong. Kinh nói năm ấm nay chỉ ở thức vong ba quán.

Hai là nói tức vong mà chiếu, tuy đối với thức tâm quên mất năng sở, mà ba cảnh quán rõ ràng phân minh cho nên nói chẳng lạm. Còn nói song chiếu, vì thức thức như, đó là hai bên. Thức tánh là trung, nay đốn quán tam đế tức trung biên song chiếu. Xét chẳng được ba là song vong.

32. Kết thành phụ giúp:

Kế là kiết thành phụ pháp, quán sát ý thức, tức như tức tánh, là biết ba thức. Nói vừa chiếu vừa diệt là A-đà-na, văn kinh Tịnh Danh chính lấy quán thức làm quán giả. Cho nên văn này thuận theo nghĩa của thức này. Do kiết phụ pháp. Vì sao? Vì thức thứ bảy năng sinh thức thứ sáu nên gọi là vừa chiếu. Thường duyên thức thứ tám cho nên nói vừa diệt, cho nên dùng hai thứ vừa, để kiết quán này, ba kiết pháp phân chia giai vị, so sánh với ba đường ở trên.

Có thể dùng ý biết, tướng một ấy đã rõ, cho nên chẳng nêu bày.

33. Dẫn kinh chứng thành:

Kế là dẫn kinh chứng thành, có ba, ban đầu dẫn việc Tịnh Danh bị bệnh, vốn nói về tâm tức ba đế. Cư sĩ quyền bệnh để thị hiện cho chúng sinh biết ba chướng thật bệnh, gốc thật bệnh chẳng ngoài thông biệt hai thứ kiến tư. Hai thứ kiến tư này đều duyên ba cõi, tức là gốc của hai thứ bệnh phần đoạn và biến dịch. Bệnh thì cần thuốc, tức quán giả. Đối với Không, rất dễ hiểu.

Kế là Dẫn kinh Hoa Nghiêm không sai nói tâm tức Phật tánh. Ban

đầu lập ba quán quán một niệm tâm, nói lên ba Phật tánh. Ba quán tức tâm, nghĩa ấy tuy lập, vì sao đối với tâm mà nói ba Phật tánh, cho nên dẫn văn này nói ba thứ không khác nhau, để xét ngã tâm tức là Phật tánh. Tha sinh tha Phật còn đồng với tâm, chẳng lẽ tâm Phật tánh của mình tâm chẳng đúng ư? Đây chứng quán tâm hiển ba Phật tánh. Nghĩa ấy rõ ràng.

Kế là dẫn Ban-chu niệm Phật, nói Phật tức ba đế, có hai:

Ban đầu dẫn pháp dụ, có hai văn. Như văn, hai là giải thích đều thành ba đế, có bốn:

Ban đầu giải thích văn pháp, làm hai phen tiêu, văn để nói lên không giả. Ban đầu đối với một văn mà nói về hai quán. Dùng các chữ như trong câu làm không, tức dùng ngã Phật tâm trong các câu khác nhau, bèn gọi là giả. Kế là dùng hai văn mà nêu bày hai quán. Trong các câu tuy có chữ như, vì ngã, Phật, như khác nhau, nên quán giả, là do không thấy ngã, Phật, như khác nhau, mới gọi không quán. Hai phen thấy Phật đều là trung quán, cho nên biết Phật kia là giác thể của ta, vì có hai đức không giả, nên dùng hai quán, quán hai đức, giúp phát trung quán, Phật liền hiện ra.

34. Hỏi đáp về thấy sắc tướng:

Hỏi: Thể của giác là tâm. Nay thấy sắc tướng đâu chẳng trái nhau?

Đáp: Phải biết bản giác đầy đủ tất cả pháp lìa tướng giới hạn phạm vi, tánh sắc tức trí, trí tánh tức sắc. Duy tâm duy sắc mới gọi là thấy Trung, cho nên thấy Di-đà để làm trung quán.

35. Giải thích dụ văn:

Kế là Giải thích dụ văn. Đối với các dụ chỉ giải thích mộng thấy thức ăn, ngoài ra đều bắt chước theo đây. Song chẳng ngoài pháp tánh tương tự pháp chẳng phải dụ. Đây do tác mộng và để thành quán, đều là năng lực của pháp tánh. Nay dùng làm mộng pháp tánh mà dụ thành quán pháp tánh. Như Thích Tiêm chép: Việc mộng rõ ràng như vậy tức giả, cầu mộng chẳng được tức không, tâm tánh của mộng tức trung.

Ba pháp này chẳng trước sau, chẳng hợp tan, cho nên biết các nhà chú thích ngày nay giải thích ví dụ như thế. Rất có khả năng, huống chi hiển bày nhất tâm tam quán.

36. Nói về chiếu cả hai:

Kế là nói về chiếu cả hai, ban đầu ngã tâm trở xuống lập giả, kế là ngã tâm như hạ lập không, không giả đã lập nếu không quên, thì trung quán chẳng hiển, cho nên trước dùng hai câu bất đắc để quên

quán giả, kế là dùng hai câu bất đắc để quên không quán. Hai quán đã vắng lặng, tâm bặt dứt sở duyên, tức thấy Phật Di-đà, trung đạo. Nhậm vận song chiếu, diệu giả diệu không.

37. Nói về Nhất tâm:

Kế là nói về nhất tâm: văn kinh đã nói thường được thấy Phật, Phật là thể của Đại giác trung đạo, chẳng lẽ thấy thể mà chẳng thấy dụng, dụng tức không giả, tức câu thấy Phật vẫn là văn của ba quán một niệm.

Kế là kiết pháp phân biệt vị, tánh đức ba nhân mà làm ba đế. Toàn tánh khởi tu tức dùng ba nhân mà làm ba quán. Đế quán gọi là biệt thể chẳng khác nhau. Cho nên ba quán tức ba Phật tánh, ba tánh đương thể gọi là Kim Quang Minh, Lục vị đều tức, hai là y theo sáu pháp cảnh trí nói Phật tánh, có hai, ban đầu y theo cảnh trí nói Phật tánh. Phụ pháp tác quán chẳng phải hạn cuộc một đường.

38. Nói về Ba quán:

Trước nói ba quán, quán một niệm tâm, hiển bày Phật tánh, cho nên hai chữ Phật tánh đều là pháp được hiển bày. Nay nói chữ Phật dịch là Giác, tức trí năng hiển. Chữ tánh chính là lấy bất biến làm nghĩa, tức lý sở hiển. Đây mới tức chính là hai chữ Phật tánh. Luận về quán cảnh, hành giả nên biết. Một ở đây giải thích nghĩa năng hiển ở trước. Vì sao? Vì văn trước tuy lập năng quán ba quán, nhưng thật chẳng phải tu riêng, thể là giác trí. Nay chữ Phật là năng quán, nêu bày ba quán trước vốn từ tánh khởi. Tánh của giác này tức là sở quán, khiến tu tánh nghĩa ấy hợp một, cho nên sau kiết nói rằng được điều này rất tốt. Tánh gọi là lý cực, tánh của quả Phật là diệu cảnh, lý này chí cực. Như thế tánh đức gọi là vô thượng.

Kế là y theo sáu pháp nói ba nhân, có hai, ban đầu đối hiển ba nhân, nay dùng chữ Phật làm trí năng giác, tức lấy chữ tánh làm lý sở giác. Vì giác pháp nào mà làm lý tánh? Tức chỉ cho sáu pháp, là đối với pháp này dùng giác trí mà nghiên cứu, khiến lý tánh hiển bày. Sáu pháp gồm năm ấm và người giả, dùng sáu pháp này làm ba cảnh.

39. Hỏi đáp về tâm sở:

Hỏi: Trong năm ấm, ba tức là tâm sở. Nay ngoài ấm kia chỉ riêng cho các tâm sở?

Đáp: Tâm vương, tâm sở có cả ba tánh. Nay lấy vô ký, tâm vương, tâm sở và sắc làm cảnh chánh nhân, người giả danh làm cảnh liễu nhân, lấy tâm sở thiện ác làm cảnh duyên nhân như gá vào vương xá lập nghĩa cảnh quán, lấy năm ấm làm xá, tâm vương ở trong đó. Ngài Kinh Khê

nói: Lấy tâm vương thiện ác ở trong nhà vô ký. Nay ngoài vô ký ấm, chỉ cho tâm sở thiện ác đối với nghĩa nào mất? Vì trước giải thích cảnh duy nhất tâm, y theo năng quán lập không giả trung, cho nên được đầy đủ ba Phật tánh sở hiện. Nay đối vơi thật pháp lập ký, vô ký và người giả mà thành ba cảnh, đều hiển bày tướng thật tức ba Phật tánh. Vì sở hiện có công năng khiến cho một giác trí thành tựu ba quán, Cảnh quán soi chiếu lẫn nhau, một ba vô ngại, khéo lập nghĩa để thêm vào.

40. Hỏi đáp về tướng thật:

Hỏi: Đối với vô ký ấm hiển bày tướng thật, còn gọi là chánh nhân, nghĩa ấy có thể như vậy. Giả danh các tâm sở kia tên tướng thật. Đối với hai tướng thật kia làm sao gọi là duyên liễu?

Đáp: Phật trí nghiên cứu cùng tận tướng thật các pháp, cho nên cõi nước giả thật, các pháp đều thật. Nay tu Phật trí chẳng lẽ quán hai thứ này mà không gọi tướng thật.

Giả gọi tướng thật đối liễu nhân. Đại luận chép: Bậc Vô thượng trong chúng sinh là Phật. Phật, Hán dịch là Giác, đâu chẳng phải tức là bậc đạt được tục giả danh mà thành Vô thượng, giả danh của Phật, Phật đã là giác. Nay đối với liễu nhân đâu có gì trái. Luận lại nói: Pháp vô thượng là Niết-bàn. Niết-bàn đức dứt chánh thuộc duyên nhân, tâm sở là pháp ấm. Nếu chẳng thể đạt các pháp tâm sở thiện ác thì làm sao hiển được duyên nhân. Nhân quả Đại thừa đều là tướng thật, đâu phải chỉ có tánh chánh nhân là nhân quả ư?

41. Dẫn chứng sáu pháp:

Dẫn chứng sáu pháp, tuy các tâm sở thiện ác chỉ đối với duyên nhân, mà thể chẳng ngoài thật pháp năm ấm. Năm và giả danh mà thành sáu pháp. Vì sáu pháp này đối với ba Phật tánh là chẳng tức chẳng lìa, vì chẳng lìa cho nên sáu pháp hoàn toàn là ba thứ Phật tánh, vì chẳng tức cho nên phải quán sáu pháp phá hai thứ chấp, vì chẳng lìa cho nên phá vô sở phá, vì chẳng tức cho nên không phá mà phá. Vì chẳng lìa cho nên hiển vô sở hiển, vì chẳng tức cho nên vô hiển mà hiển. Lại chẳng lìa cho nên sáu không thể dời đổi, vì chẳng tức cho nên sáu không thể lập, bất khiển bất lập diệu tánh tồn tại. Hai nêu bày ý, trong văn trước còn kiết danh biện vị. Từ tư đắc trở xuống mới chính là nêu bày ý, chỉ dùng hai chữ nêu bày cảnh quán mầu nhiệm, dùng cảnh này quán thể đối với sáu pháp.

Mỗi pháp xứng thật, thấy ở ba tánh, cho nên nói là rất tốt. Ý thứ ba của Cô Sơn có ba.

42. Giải thích Phật tánh:

Bác bỏ phá văn này, lại giải thích Phật tánh rằng Phật là giác trí, tánh là lý cực, dùng giác trí chiếu lý cực. Cảnh trí xứng nhau hợp mà nói gọi là Phật tánh. Vả lại danh từ Phật tánh xuất xứ tự kinh Niết-bàn, do Phật nói ra. Ngài Chương An soạn sớ, Hình Khê bình luận đều nói về tánh nhân người nên có quả người, cho nên gọi Phật tánh. Đại sư đối với điều này lại lập riêng. Chương An, Kinh Khê cũng hợp ý chỉ dùng sự bày nói, đã chẳng như vậy, thì người sau lầm lập, còn nghi ngờ gì? Giải thích rằng trong thí dụ giải thích ở trước thì nghĩa ba Phật tánh, đâu chẳng phải do người nhân có tánh người quả, mà chẳng ngại làm tánh một tu hai tương, khế hợp giải thích.

43. Nói về chấp sai:

Lại, nếu chấp rằng trong đãn tánh có ba, là tánh người quả, bèn thành duyên liễu, tự ngoài riêng tu, đâu được gọi là toàn tu tại tánh, toàn tánh khởi tu. Huống chi Đại sư chẳng nói do người có tánh quả người. Chỉ nói Phật gọi là Giác, tánh gọi là không thay đổi, không thay đổi là chánh, giác trí là liễu, và nay phân đối cảnh trí giải thích. Trái nhau không ít, sao chỉ cho rằng nay trái với kinh riêng lập. Lại, kim Tỳ nói: Nhân chẳng gọi là Phật, quả chẳng gọi là tánh. Kia dùng hai chữ phân đối nhân quả. Vì nêu bày nhân quả, hai mà chẳng hai, nay dùng hai chữ phân đối cảnh trí. Muốn làm sáng tỏ cảnh trí hai mà chẳng hai, hễ luận quán pháp, nếu kia chẳng dùng quả giác làm quán thì chẳng phải viên hành. Nếu kia không dùng tánh của tức giác làm cảnh sở chiếu thì chẳng phải cảnh mầu nhiệm, chẳng phải cực lý. Nên biết nay lập cảnh trí chẳng hai, gọi là Phật tánh, chính là đồng với nghĩa Phật tánh nhân quả chẳng hai, Kim Tỳ đồng. Nghĩa ấy đã đồng, thì đâu được gọi là trái kinh lập riêng ư? Đã chẳng lập riêng thì đâu cần chỉ ra để nói ư? Phổ Môn huyền nói tánh đủ ba quán, đã dùng quán này chiếu soi tánh làm cảnh.

44. Tánh đủ quả giác thì cảnh là tánh chiếu:

Nay tánh có đủ quả giác thì chẳng lẽ không dùng tánh chiếu làm cảnh. Nay phụ pháp quán chỉ phụ pháp của hai chữ Phật tánh, lập quán lập cảnh, cho nên năng sở hai mà chẳng phải hai, chẳng biết sự nhiệm mầu này, bác bỏ là dịch lầm. Buồn thay! Buồn thay! Người kia tuy dẫn nhân có tánh quả, mà chẳng thể tin quả giác là quán. Quán đối với sáu pháp hiển bày tánh của giác, luống nghe người ở nhân có tánh quả người. Hoàn toàn không thể dùng có ích gì ư? Diệu Lạc nói: Quả lý ở hành, mới gọi đẳng tứ. Lại, ý của quán ý này hoàn toàn đồng với phổ môn Huyền Nghĩa đã nói. Kia nói: quán người không là liễu nhân

chủng.

Thích luận chép: Bậc Vô thượng trong chúng sinh là Phật. Phật là Giác. Thỉ giác người không, chung giác pháp không, kia chỉ cho quả giác là liễu người phải chăng? Tức dùng quả giác làm quán trí phải chăng? Sở giác nhân pháp là sáu pháp phải chăng? Nhị không sở hiển là tánh của giác phải chăng? Văn kia cũng là người sau thêm vào ư? Nên biết hai chữ phân đối cảnh trí là diệu vô tận. Vì sao? Tức lấy quả Phật làm sơ tâm quán trí, là hạnh Như lai. Dụng tức là giác của tánh, chẳng phải tu riêng duyên liễu, chiếu tức là tánh của giác chẳng phải cảnh ngoài tâm. Như thế mới gọi là Phụ Phật tánh pháp tu viên quán, nhưng nhờ diệu thú kia mà tìm tên gọi, làm sao chẳng quái lạ cho được.

■

KIM QUANG MINH HUYỀN NGHĨA THẬP DI KÝ

QUYỂN 5

1. Quán ba Bát-nhã:

Quán ba Bát-nhã, có ba, ban đầu là nêu, hai là giải thích, có ba, ban đầu y theo viên mà nêu chung, nêu chung nhất tâm không, giả, trung có ba, là ba Bát-nhã. Vì sao trở xuống là lược nêu ba tướng, dùng tức một mà nêu nhiều tướng giả, tức nhiều mà một là nêu tướng không, chẳng phải một chẳng phải nhiều là nêu bày tướng trung. Đối với một niệm tâm mà nói về ba tướng, chẳng trước chẳng sau, cũng chẳng cùng lúc.

Kế là giải thích riêng, có ba:

Ban đầu giả, kế là không, sau là trung.

2. Nêu riêng về giả:

Một tâm tất cả tâm, nêu riêng về giả. Giả ở ban đầu, giả có hai thứ, nếu ở sau không thì kiến lập giả. Nếu ở trước không thì sinh tử giả, muốn nói phàm phu từ tâm sinh lỗi, răn chắc người mới học. Tâm hữu lậu niệm niệm thường tạo sáu đường ba chướng, khiến cho biết lỗi kia, trong siêng tu không, để cầu xuất ly, cho nên đối với ba quán nêu giả ở trước, ngày đêm thường sinh vô lượng chúng sinh, nghĩa là một nghiệp thành trăm ngàn muôn, chúng sinh thọ báo không cùng, mỗi một quả báo đều có giả danh. Như các kinh luật đã nói lai báo, kia chẳng tự tỉnh liền nói vô sinh. Mười hai nhân duyên dụ như xiềng xích nối nhau không ngằn mé, cho nên nói một tâm, tất cả tâm. Sinh tử giả này tức kiến lập trung, dùng để trị bệnh. Nêu bệnh bày thuốc, quán giả thành lập, tất cả tâm, một tâm, nêu riêng về không.

3. Muốn vắng lặng các tâm thì nên quán tâm không:

Đã biết tâm có thì sinh các tâm. Muốn vắng lặng các tâm thì nên quán tâm không, cần y theo bốn tánh xem xét một niệm tâm sinh diệt không thật có. Một tâm đã không thì tất cả tâm đâu có, cho nên nêu tiểu

hỏa, tiểu châu. Dụ cho nhất tâm không. Đốt củi, lắng biển dụ cho tất cả không, cho nên nói năng quán tâm không, tất cả các tâm đều từ tâm sinh ra không, muốn nói quán không thì tướng kia hiển bày, cho nên dựa vào bờ mé Nhị thừa mà nói là quên cả hai bên, phiền não chẳng phải một, chẳng phải tất cả. Nêu riêng về trung. Hiện tiền một niệm như định không, dưới đây là mở ra tất cả hữu tâm. Như định hữu ấy, đâu thể quyển quy về một tâm không ư? Bất không bất hữu, vô trạng vô danh, gượng gọi là trung đạo. Lại dùng thức trí nêu bày bên và trung.

Kinh nói: chẳng y thức, vì chẳng phải thức chân thật, là thức luống dối. Phàm mê đắm tiểu y có vui của hai thứ trầm không. Kinh nói y trí là chẳng phải nhất thế trí của Nhị thừa và đạo chủng trí của Bồ-tát, đó là trí nhất thiết chủng, cho nên thuộc về viên giáo. Phật và Bồ-tát đạt đến trung của hai bên, nên gọi là cầu lý. Vì muốn nêu lên tướng trung đạo quán rõ ràng, cho nên bác bỏ hai quán, kỳ thật ba đế nhất tâm viên chiếu.

4. Y viên đối trí:

Kế là y viên đối trí có hai:

Một là đối trí nói như thị quán tức là một tâm ba quán, nêu lên tướng ba quán phải dựa vào thứ lớp.

Vì nói đối phá ba thứ hoặc nên nói lên ba đế. Hoặc năng nhất tâm tu ba thứ này, tự thành viên quán, làm sao đốn phá ba hoặc thì một không tất cả không. Đốn hiển bày ba đế thì một giả tất cả giả. Cả ba đều nhiệm mầu cho nên một trung tất cả trung. Ba cái này mới là viên ba Bát-nhã.

5. Nói về Viên:

Hai là nói về viên, y theo văn đại luận, ba thứ quán trí thật ở một niệm, thể là bí tạng, lìa trước sau và đều phân biệt. Đại luận ý trí thể như thế. Sơ tâm y chỉ thì gọi là Phật hạnh.

Ba là kiết ví dụ như trước nói. Năm quán, ba Bồ-đề, có ba:

Ban đầu là nêu, hai là giải thích, có ba:

Một là y theo viên nêu chung. Như ba Bát-nhã.

6. Dựa vào thứ lớp giải thích siêng:

Hai là dựa vào thứ lớp giải thích riêng, nhờ thứ lớp ba quán hiển ý viên đốn, cũng đồng với ba Bát-nhã ở trước nói. Nhưng nay quán giả xếp ở sau không. Lại nói thuốc bệnh là kiến lập giả. Lại, Bát-nhã trước thể là ba trí, nhưng đối với một niệm nói lược tướng tu, chẳng phải nghĩa xưa nêu ở quán pháp.

Nay Bồ-đề, Hán dịch là Đạo, là nghĩa năng thông. Lại thể của

tâm Bồ-đề là bốn hoằng. Kinh Đại Tập nói người chưa được độ thì độ họ, chưa giải thoát thì giải thoát, cho họ chưa an thì an cho họ, chưa diệt thì diệt cho họ, bốn đều độ sinh. Nay trong ba quán đều gọi là độ tâm sở của chúng sinh đó là mượn xưa để độ tha sinh nghĩa, thành ba quán này độ chúng sinh của mình, cho nên biết phụ pháp gồm cả nghĩa nương gá. Văn tự có ba, ban đầu phá giả nhập không, trước nêu sinh tử là giả sở phá, tức tất cả tâm. Khởi chẳng thứ lớp cho nên giao nhau lầm loạn, là bốn vật, dụ cho tướng rối loạn, như sự rối loạn của tơ, nhiều như cát, như tằm tự buộc, và như con ngài tự đốt. Bốn ví dụ này là nhân quả thế gian cho nên nói chung, là khổ là não. Kế là nếu biết dưới đây chính là nói tức không, Bồ-đề tâm quán. Nếu trong ba thức trước thuộc quán tướng không đã có nêu lược. Ấy cho nên văn nay chỉ nói biết không, tâm Bồ-đề này nghĩa độ nghĩa thông, đều y theo kiến tư tức không mà nói.

7. Phá không, ra khỏi giả:

Ba là phá không xuất giả, trước nêu lỗi không. Kinh nói không loạn ý bình đẳng, kinh tức Niết-bàn bác bỏ văn tiểu. Tiểu thừa giải thích không là lý vắng lặng, do hữu thành vọng loạn. Đại thừa giải thích trung là tánh vắng lặng, là cho rằng không, hữu đều là ý loạn, tuy lìa hữu loạn vẫn bị không loạn. Nay khi tu quán thì tâm như mê đắm, không tức chỉ cho tâm sở này là chúng sinh không loạn ý. Không tâm sở này vọng kiến tư kia mà được gọi là trí. Nay luận quán giả, trí này là loạn, cho nên nói trí loạn rất mù mờ tối tăm. Tiểu thừa chứng không, được ba vô vi, nghĩa là trạch diệt vô vi, phi trạch diệt vô vi, hư không vô vi. Xứ này diệt tâm. Gốc lành Bồ-đề chẳng được lớn lên cho nên bác bỏ là hầm hố.

8. Nêu thí dụ để làm sáng tỏ:

Chim oán của Đại thừa, Đại luận quyển ba mươi chép: Thí như cái đầm không có cây gọi là Xa-ma-lê, cành gốc rộng lớn, các chim tập hợp lúc ban đêm. Một chim cáp đến sau ở trên một cành, cành gốc rộng lớn tức liền gẫy. Thần Đầm hỏi rằng chim Điêu, chim Thứu điều có thể giữ được, sao con chim nhỏ mà không làm gì được. Thần cây đáp: Chim này từ cây oan gia của ta tự đến, ăn hạt cây kia, ở trên thân ta, hoặc phóng uế, con rớt xuống đất, ác thọ lại sinh làm hại rất lớn, cho nên lo lắng, đâu thể bỏ. Một cành, phải giữ cây lớn. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng giống như vậy. Đối với thiên ma ngoại đạo... không sợ như thế mà sợ Nhị thừa. Nhị thừa đối với Bồ-tát biên cũng như chim kia, hoại tâm Đại thừa kia, diệt hẳn tâm Phật thừa. Nay lấy nghĩa này nơi phá công xuất giả thành quán Bồ-đề. Kế là như chân trở xuống là nói quán giả tướng

tâm Bồ-đề. Chân tức giả cho nên nương không mà kiến lập.

9. Quán giả chẳng ngoài ba nghĩa:

Tâm Bồ-đề này nghĩa độ nghĩa thông, đều y theo Trần sa tức giả mà nói. Hễ nói về quán giả chẳng ngoài ba nghĩa. Nghĩa là biết bệnh, biết thuốc, nên cho thuốc nào để được lành bệnh. Nay từ phân biệt trở xuống, dùng bốn phân biệt để nói bốn Tất-đàn. Nương bốn Tất-đàn này mà nói chung ba nghĩa, có thể đồng tức là thế giới. Thì nên sinh thiện đó chính là người. Dùng thuốc trị bệnh tức là đối trị. Hợp cơ hiểu lý nghĩa bậc nhất. Bốn thứ này nói tức quán giả thành.

10. Bác bỏ biên nhập trung:

Phá biên nhập trung, trước nêu hai quán chưa khỏi sinh lỗi. Nay vì chỗ xả mà dùng kiến tư và hoặc trần sa, là phù trần bệnh, không và giả mới là thuốc của hai bệnh. Vì bệnh khắp tăng cho nên thuốc khắp dùng. Thuốc còn thành bệnh, nếu rơi vào hai bên thì thêm bệnh vô minh, cho nên phải bỏ hai. Kế là chẳng phải không trở xuống, chính là nói quán tâm Bồ-đề trung đạo. Trong đây nghĩa độ, nghĩa thông, đều y theo vô minh tức trung mà nói. Tâm không năng sở, gọi là pháp bất trụ.

Pháp này mới trụ được ở Trung đạo, ba là nương vào pháp viên đối, có hai:

Một là nói viên, nói muốn tướng hiển bày phải nhờ thứ lớp. Quán căn cứ lý, dung thời không trước sau, ba Bát-nhã trước đã nói ý kia, hai là đối pháp, nay ba Bồ-đề y cứ tên khác mà nói. Chân tánh Bồ-đề cả ba thứ diệu tuyệt, cũng gọi là Vô thượng. Thật trí Bồ-đề cả ba đều có tướng rộng lớn. Cũng gọi thanh tịnh. Phương tiện Bồ-đề cả ba đều tự tại dừng hội vô biên, cũng gọi rốt ráo.

Hai là ở một tâm cho nên cả ba đều có ba, vì thể dung thông cho nên phát thì đều phát, ấy cho nên đương thể gọi là Kim Quang Minh.

11. Kết luận:

Kết luận: như trước, sáu quán, ba đại thừa có ba, ban đầu nêu, hai là giải thích, có ba:

Một là lập chung pháp quán. Hai là y theo cảnh nói về quán. Phụ ba Đại thừa tu viên ba quán, phải tu cảnh quán nghĩa phù hợp đối với thừa. Vì thừa là nghĩa vận, ba thứ Đại thừa không pháp nào chẳng vận. Tánh đã đầy đủ vận, cho nên nghịch thuận tu pháp như vậy mà vận, nay thể nghịch tu. Niệm niệm bốn vận, vận vận tức là tánh, tánh là ba đế mới thành ba quán. Thuận tu diệu vận, văn này có ba, ban đầu nói bốn vận làm cảnh quán một niệm, hướng đến nêu một niệmvậ. Tâm dời đổi theo cảnh, sinh diệt lại vận cho nên mỗi niệm đều bốn vận.

12. Nhắm mắt dụ cho phàm phu không giác ngộ:

Từ chưa đến rồi, cuối cùng thì trở lại đầu. Phàm ngu không giác ngộ bị sự chuyển vận làm biến đổi, cho nên lấy nhắm mắt dụ cho phàm phu bất giác. Thuyền đi dụ cho bốn vận tâm mau chóng.

13. Nói ba vận là quán:

Kế là nói ba vận là quán. Hành giả viên giáo biết sát-na tâm, tánh là bí tạng. Bí tạng chứa đựng cùng khắp, không hề tạm thiếu, cho nên không một vận chẳng có không giả trung.

Được ý này, bốn vận dụ cho dời đổi, ba quán càng tiến, cho nên Chỉ quán nói: củi nhiều lửa mạnh gió ích tìm rộng. Vì thế Đại sư thường dạy chúng rằng tâm thật buộc cảnh thật, duyên thật thứ lớp sinh, thật thật thay rót nhau, tự nhiên nhập lý thật. Thật tâm buộc cảnh thật là ba quán buộc ba đế. Duyên Thật thứ lớp sinh là bốn vận thay đổi biến chuyển. Bốn vận là cảnh, cảnh là quán duyên. Như củi giúp lửa.

14. Nói về thật tâm, thật cảnh:

Thật thật thay rót nhau là ba quán thật tâm rót vào thật cảnh ba đế. Thật cảnh này lại rót vào thật tâm. Rót vào không thôi tự nhiên từ quán hạnh tương tự được nhập sơ trụ ở trong thật lý. Đây chính dùng ba quán vận vận đối với bốn vận, cũng là vận vận đối với bốn vận ba quán vận đều được gọi là dùng vận để vận vận.

Kế là nói đối mất hiển được, như mê ba đế nhưng tùy theo bốn vận, thì sinh tử vô cùng. Như quán bốn vận tức là ba đế, thì Niết-bàn tại tức.

Kế là dùng quán đối thừa, có hai:

Một là y theo pháp đối, ba thừa là xe lớn, ba đế là đạo tràng, bất động mà chuyển vận, không đến mà đến.

Hai là y theo người khen, ba thừa tức là nhất thừa đẳng, lý thừa là thể của xe, cho nên cao rộng không gì hơn. Tùy thừa là trâu trắng, cho nên đi mau như gió, đắc thừa là đầy đủ độ, cho nên trang nghiêm, bặt dứt so sánh, tuy ba mà một, tuy một mà ba. Thừa mầu nhiệm này mới là quán hạnh. Quán âm, Phổ hiền đại nhân đều nương, cho nên gọi là đại.

15. Kết luận:

Kế là kiết, như trên. Bảy là quán ba thân, có ba:

Ban đầu nêu, hai là giải thích, ba là so lập quán hiển bày pháp.

Hai là y theo tâm mà nói quán, trong một niệm tâm tu quán ba thân, phải tu cảnh quán đều có nghĩa thân, cho nên trước nói một tâm có công năng khởi mười cõi, tức nói lên một niệm đầy đủ thân mười cõi.

Kế là trong mười cõi tức khởi ba quán, thì rõ mười cõi đều có ba thân, ban đầu văn có ba:

16. Khéo giải thích lý tâm tạo của Hoa nghiêm:

Một là nói mười tướng, nay các nhà chú thích khéo giải thích lý tâm tạo của Hoa Nghiêm, có hai nghĩa: Một lý tạo, tạo tức là đầy đủ.

Hai là sự tạo, không có ba đời. Tạo đối với mười cõi nghĩa là quá tạo ở hiện, quá hiện tạo đương, hiện tạo ở hiện, đều do lý đầy đủ mới có sự tạo, cho nên mười cõi thân mỗi thân đều là toàn tánh khởi tu, tuy toàn là tánh mà nhân thành cảm quá không chút sai lầm. Như tâm phá giới thành, thì năng tạo địa ngục, các khổ đầy đủ, cho nên thân mười cõi đều có giả thật và y báo. Không có một vật từ ngoài mà khởi

Ba là phân biệt khó dễ, do chúng sinh từ vô thỉ huân tập, ác nhiều thiện ít, khiến tâm niệm thường duyên theo thân. Chưa bước lên năm thừa, trước đã vào bốn đường, lên khó xuống dễ, ai nói không đúng. Hành nhân tu quán ở mười cõi tâm, thường phải thức tỉnh.

Kế là kiết thúc duy tâm. Pháp thí dụ rất dễ thấy.

17. Tu ba quán hiển bày ba thân:

Văn kế, ở tâm cảnh này mà tu ba quán, hiển bày ba thân, chi làm ba, là không, năm thọ ấm rỗng vắng, hoàn toàn không có gì. Lời nói rút ra ở kinh Tịnh Danh, thọ ấm là tâm. Năm là năm chỗ sinh thọ, đó là thọ hữu thọ, vô thọ, vừa hữu vừa vô thọ, phi hữu phi vô, và thọ bất thọ, cũng gọi là năm thủ ấm. Quán một ấm này là không, không thật có, thì khiến mười cõi đều không thật có. Phiên địa dụ cho tâm, không cây cỏ đều tiêu hết, tất cả thân không.

Hai là giả, hoặc căn cứ một niệm quán mười cõi không, đã đầy đủ ba đế, nay bác bỏ không, muốn hiển bày quán giả lập pháp công, cho nên lại lo lắng người viên giáo bỏ đại theo tiểu, cho nên nương Nhị thừa bác không, khôi tịch. Không tâm chẳng thể khởi mười cõi ứng, chính rõ quán giả không thân nào chẳng hiện. Nói đồng sáu đường, hẳn là văn lầm lẫn. Văn này tự nói: Vì hiện thân Phật và ba thừa cho nên trong ba có hai:

Ban đầu đấm hai, bác bỏ thiên. Bác bỏ ý cũng đồng quán giả thì bác không.

Hai là vong, trong ba hiển trung.

18. Hỏi đáp về Trung đạo:

Hỏi: Chính là nói trong trung đâu cần phải vong.

Đáp: Kinh Mạt-đà-ma Tự Chú thích rằng: Mạt, là chớ. Đà-ma nghĩa là Trung, chớ chấp Trung đạo. Thích Tiêm y theo đây lập nghĩa

Trung đạo, cho nên biết vong Trung mới là Trung quán. Trong văn ban đầu nêu ba mươi bất đắc vong đối với thân giả, cũng không được thân như ở dưới. Vong ở thân không, nghĩa không như thế. Trong không mỗi thứ đều hợp đầy đủ vong mười ba. Lược nêu ban đầu, sau cho nên nói cho đến. Nói khiến tình thì ba đế đều vong. Luận hiển lý thì ba đế đều chiếu. Thân tám thước, tánh năm bào tướng tánh, cho đến tu tánh và người tu tánh. Thân mười ba pháp đã đều gọi là tánh, đầy đủ nghĩa khéo thành. Vả lại, nêu thân người làm đầu mối để nói, lý hợp mười thân, mỗi thân có mười ba, mỗi thân đều là tánh. Chính luận này vọng cho nên rốt ráo thanh tịnh.

Mới hiển bày mười thân đều tức Trung đạo.

19. Tâm quán ba Niết-bàn:

Dùng quán đối thân, ba kiết sẽ giải. Tám quán ba Niết-bàn có ba, ban đầu là nêu, hai là giải thích, ba các Niết-bàn đều có đủ bốn đức mới gọi viên cực, cho nên nay quán ba, mỗi pháp đều thành thường lạc ngã tịnh. Quán pháp đã đồng là y theo ba cảnh nói về ba tướng. Tuy đối với một cảnh hiển bày một Niết-bàn, phải biết mỗi mỗi đều có ba. Nếu không như vậy thì đâu thể khiến ba đều đầy đủ bốn đức. Nghĩa này văn trước đã có nói. Văn chia làm ba, ban đầu y theo báo tâm quán tánh tịnh. Báo tâm vô kí vốn tịnh dễ rõ. Tâm tánh đã tịch đâu chỉ có tịch nhiễm. Tịnh cũng vốn tịch, cho nên bản tánh chẳng nhiễm chẳng tịnh. Nếu có thể nhiễm tịnh tánh thì sinh diệt, cho nên nói: nhiễm cho nên gọi là sinh tịnh, cho nên gọi là diệt. Vì bất sinh diệt nghĩa bốn đức thành.

20. Đầy đủ bốn đức nên gọi là Tánh:

Đã nói sinh diệt chẳng thể hủy cho nên thường, nghĩa đối với ba câu bất nhiễm, bất ngại, bất thọ, đều phải nói sinh diệt tránh rườm rà cho nên sơ lược. Đầy đủ bốn đức cho nên gọi là tánh. Lìa sinh diệt cho nên gọi là tịnh, cho nên nói tánh tịnh Niết-bàn. Hai y theo khởi tâm quán viên tịnh. Vọng niệm phiền não cần quán viên tịnh. Viên tịnh là trí phải nói về phá hoặc. Dùng ba chánh quán phá ba vọng niệm, ứng theo tánh ba đế khiến cho ba vọng niệm chẳng nhiễm cho nên tịnh, chẳng hủy cho nên thường, chẳng ngại cho nên ngã, chẳng thọ cho nên lạc. Tứ đức hiển bày cho nên viên. Ba vọng mất cho nên tịnh, tịnh cho nên bất sinh, viên cho nên bất diệt, cho nên gọi viên tịnh Niết-bàn.

Kế là y theo các tâm sở quán phương tiện tịnh, các tâm sở tạo tác cho nên gá vào.

21. Quán phương tiện tịnh:

Quán phương tiện tịnh, các tâm sở chẳng hiện hành, chẳng theo

vọng niệm gây ra nghiệp sinh tử, mà theo chánh quán tác nghiệp không thể suy nghĩ bàn luận, chính là chuyển đối với tám muôn trần lao, là tám muôn Tam-muội và Tổng trì, các tâm sở đã chuyển cho nên bất hủy phương tiện, bất nhiễm phương tiện, bất ngại phương tiện, bất thọ phương tiện. Khiến phương tiện thanh tịnh thành bốn đức. Bốn đức ích tha nên gọi là phương tiện. Các số bất hành nên gọi là tịnh, tịnh cho nên bất sinh, phương tiện cho nên bất diệt. Đây là các số đương thể thành phương tiện tịnh Niết-bàn.

22. Quán ba ngôi báu:

Kế là kiết, rất dễ hiểu. Chín là quán ba ngôi báu, có ba:

Một là y theo đế trí và hòa, y theo danh cùng luận ba ngôi báu.

Hai là y theo tu tánh và hòa, khắc thể đều lập ba ngôi báu.

Ba là giải thích ý, vì ba ngôi báu tu tánh tương đối, có khai có hợp. Ban đầu y theo khai để luận về hợp, cho nên dùng chín nghĩa lập một ba ngôi báu. Kế là y theo hợp để luận về khai, cho nên căn cứ ba danh mà lập ba ba ngôi báu. Ban đầu văn có ba:

Ban đầu ý kinh lập danh, nhất thể ba ngôi báu, Phật gọi là Giác, Pháp gọi là Bất giác, Tăng gọi là Hòa hợp.

23. Y theo nghĩa giải thích tướng:

Hai là y theo nghĩa giải thích tướng, ba ngôi báu này đã cùng ba đức đồng xuất ra tên khác. Ba đức đầy đủ lẫn nhau, mỗi mỗi luận ba, cho nên ba ngôi báu, ba chẳng cô lập. Bất giác là tánh, hai thứ còn lại là tu, hai tu đều có ba, một tánh cũng có ba. Ba trong tánh đã chưa giác ngộ, đồng gọi là bất giác. Tuy chưa giác ngộ nhưng lý vốn xét kỹ, cho nên gọi ba đế là ngôi báu Pháp. Toàn tánh khởi tu thành tam đế trí, đã có thể giác ngộ nên gọi là ngôi báu Phật.

Ba giác trí này cùng tánh ba đế tương ưng hòa hợp, nên gọi ngôi báu Tăng. Chẳng phải pháp ba đế không có tam trí Phật, chẳng phải đế trí hòa không có tam thoát tăng, ba là kiết quy nghĩa báu. Phật, Pháp, Tăng này đế trí viên cực. Diệu dụng rộng lớn thật đáng tôn trọng. Nghĩa bảo thành tựu. Chẳng phải chỉ có cực quả, năm tức đều như vậy. Kế là văn, chia làm ba:

24. Ba đế đều gọi là bất giác:

Một là y theo tánh đức, cả ba đều bất giác. tam đế ở tánh chưa khởi tu đức giác liễu trí vậy. Cho nên ba đế đều gọi là bất giác, mà ba đế này tánh là ba đức. Trung là pháp thân cho nên tương đương ngôi báu Pháp. Chân là Bát-nhã cho nên tương đương ngôi báu Phật. Tục là giải thoát cho nên tương đương ngôi báu Tăng. Nếu kia chẳng chỉ cho

ba đế trong mê làm ba ngôi báu thì sao có thể rõ đối với tánh nhiếp hai tu, chẳng do bất giác thì không có Phật, Tăng.

25. Y theo tu đức cả ba đều gọi là giác:

Hai là y theo tu đức cả ba đều là giác. Ba trí ở tu đều được giác liễu. Ấy cho nên ba ngôi báu đều có tên là Tri. Vì ba trí này cũng là ba đức. Biết trí thể của trung là pháp thân, cho nên tương đương ngôi báu Pháp, biết trí thể của không là Bát-nhã cho nên tương đương ngôi báu Phật. Biết trí thể của giả là giải thoát cho nên tương đương ngôi báu Tăng. Chẳng phải chỉ có ba trí là ba ngôi báu đâu biết giác trí nhiếp được lý tánh và hóa dụng ư?

26. Y theo tương ưng cả ba điều hòa hợp:

Kế là y theo tương ưng, cả ba đều hòa hợp. Tam trí tại tu cho nên thuộc sự. Ba đế tại tánh cho nên đều thuộc lý. Ba đế ba trí đã đều tương ưng. Cho nên y theo hòa nói ở ba ngôi báu. Vì ba này cũng là ba đức cho nên đối ba ngôi báu, không sự lý hòa, thể là Bát-nhã, cho nên tương đương ngôi báu Phật. Giả sử lý hòa thể là giải thoát, cho nên tương đương ngôi báu Tăng. Chỉ là ba đức vì căn cứ đế trí nghĩa tương ưng, cả ba đều giải thoát. Nếu ba nghĩa này chẳng phải ba ngôi báu thì đâu hiển bày ba thoát hợp ba đế trí. Còn như các nhà giải thích hiện nay đối với đế, đối với trí, thì dùng giải thoát.

27. Ý nghĩa mỗi thứ đều có ba:

Mỗi thứ phải có ba, là ý thú như thế nào? Như đọc văn nay quán tâm ba ngôi báu khai hợp giải thích sinh ra kinh nghi, nên biết chưa giải một nhà giáo quán ý tam tam. Luống nói luống hành khế chứng vô phần, lại sự lý hòa, một niệm mười cõi, có thể phân sự lý, nếu ba trí này khế hợp chím cõi ba đế thì gọi là hòa với lý. Sự hòa thì có tam giáo ba ngôi báu. Lý hào thì có viên giáo ba ngôi báu. Một niệm sự lý chẳng phân mà phân, nghĩa ấy rõ ràng. Ý thứ ba của ngài Cô Sơn có ba, ba. Phá nghĩa này rằng: Lại nói trung đế bất giác gọi là Pháp. Ngài Chân-đế bất giác gọi là Phật. Tục đế bất giác gọi là Tăng. Phật là tiếng Phạm, Hán dịch là Giác Giả, gá sự thành quán đâu được trái nghĩa, Phật-đà dịch Bất giác ư? Đây đều là những lời luận bàn tối tăm mê mờ, đối với lý đâu có lợi ích? Giải thích rằng Phật dịch là Giác, ai mà chẳng biết.

28. Nói về ba ngôi báu:

Khoa trước lập danh. Bất giác gọi là ngôi báu Pháp, Giác gọi là ngôi báu Phật. Hòa hợp là ngôi báu Tăng. Danh nghĩa này rõ ràng như mặt trời, nay lại giải thích tiếp văn ngôi báu Phật, ba đều gọi là tri, há chẳng phải nghĩa giác, vì trái với Phật. Nay nói Chân-đế bất giác gọi là

ngôi báu Phật, tục đế bất giác gọi là ngôi báu Tăng là vì muốn khiến người hiểu đối với ngôi báu Pháp, tức là đủ Phật tăng. Ba ngôi báu này lấy pháp làm chính, cho nên ba ngôi báu đều nói bất giác, do vì Chân-đế là tánh đức Bát-nhã, nghĩa tương đương với Phật. Tục đế là giải thoát cho nên được gọi là Tăng, mà đều chưa có trí giác, bất giác.

29. Ba ngôi báu gọi chung là bất giác:

Cho nên ba ngôi báu gọi chung là Bất giác. Người kia chẳng hiểu ngôi báu Pháp Chân-đế là tánh Bát-nhã, cho nên vọng phá rằng bất giác trái với Phật, kế là ngôi báu Phật có ba, đều từ trí lập, ngôi báu Tăng có ba đều từ hòa lập, cho nên kinh Tư Ích chép: Tri giác gọi là Phật, biết ly gọi là Pháp, biết vô gọi là Tăng, cả ba đều gọi là biết, là đối với nghĩa giác khai mở ba ngôi báu. Nghĩa giác như vậy, lý hợp bất giác và dùng nghĩa hòa, đều khai ra ba. Phật xuất thế, căn cơ lợi ích chẳng cần nói khắp. Như thế mới gọi là Nhất thể ba ngôi báu, đó là không hai không khác với ba đức, nếu chẳng như vậy thì đâu thể một niệm dung diệu mà quán.

Các nghĩa như thế nếu chẳng phải chính Phật nói bốn biện thì ai đến chỗ cùng cực của ba ngôi báu, cho nên biết chánh nói tự phản, người kia chẳng tín, lừa dối mê mờ, vời lấy sự than thở. Mười quán ba đức, có ba:

Một là nêu, hai là giải thích, có ba:

30. Nêu thẳng ba quán:

Ban đầu nêu thẳng ba quán, hai là y theo quán nói về đức, có hai:

Ban đầu chính là quán đức, có hai:

Ban đầu y theo viên nêu bày quán, có hai là trước nói về quán, viên diệu có ba, đức thể lẫn nhau có đủ, mỗi mỗi đều có ba, chẳng ngang chẳng dọc mới gọi là bí tạng. Đại sư nêu bày vị tuy ở năm phẩm, biết được kho bí tạng sâu xa của Như lai, tức dùng kho bí tạng làm đế làm quán, dung hợp tất cả cảnh. Nay thể của một niệm, tánh là ba đức, tức dùng ba đức làm ba quán, cho nên nói ba quán mỗi quán dung nhiếp.

Đầu của ba quán đều nói là tức, chỉ cho một niệm tâm đức là ba đế. Ban đầu nói tức không chẳng phải tức thiên không, là quán một niệm tức viên không, không này phá được tướng chấp đắm của ba đế, cho nên nói một không tất cả không. Nói vô giả vô trung mà bất không, chẳng phải chỉ quán không đối với pháp phá tướng. Giả trung cũng có thể đối với pháp phá tướng. Vì sao? Vì không phá tướng tức chân phá

tục, vì giả phá tướng tức tục phá chân, vì trung phá tướng cả hai ngăn hai bên. Ba đốn phá này gọi là rốt ráo không. Không đã phá tướng thì có chứa nhóm gì? Nhưng đầy đủ ba đế chẳng ngang chẳng dọc, tức kho Bí mật. Tạng này có đủ thường lạc ngã tịnh, gọi là đức Bát-nhã. Kế đến là tức giả chẳng phải tức thiên giả, là quán một niệm tức diệu giả.

31. Công năng của giả:

Giả này có công năng lập ra pháp ba đế, cho nên nói một giả tất cả giả. Nói vô không, vô trung, mà bất giả, chẳng phải riêng quán giả mà lập được pháp, không quán trung quán cũng có công năng lập pháp. Vì sao? Vì Không lập pháp tức tục lập chân, vì giả lập pháp tức chân lập tục, vì trung lập pháp song chiếu hai đế. Ba đốn này lập, gọi là khéo hiểu, đã thuộc về ba đế, chẳng dọc chẳng ngang. Gọi là kho Bí mật. Tạng này đầy đủ thường lạc ngã tịnh goi là đức giải thoát. Kế là nói tức trung, chẳng phải tức đãn trung. Vì chỉ một niệm tức là có đủ đức. Trong đây có khả năng làm cho pháp mầu ba đế, cho nên nói là một trung tất cả trung. Nói vô không, vô giả, mà bất trung, chẳng phải chỉ có trung quán đối với pháp bặt dứt, vì giả trung cho nên tục đế bặt dứt, vì trung trung cho nên song già song chiếu đều bặt dứt đối đãi, ba đốn này bặt danh gọi là viên trung.

32. Nói về kho bí mật:

Đã thuộc về ba đế chẳng ngang chẳng dọc, gọi là kho Bí mật. Tạng này đầy đủ thường lạc ngã tịnh, gọi là đức Pháp thân, ba đức này quán sát sắp xếp các trường hợp. Nhưng tại lìa đối với thiên phá, thiên lập và trong biệt quán, đắc ý này năng sở đã vắng lặng nói năng lo lắng đều quên, cho nên được gọi là quán bất tư nghì. Như thế mới nói lên ba đức bí tạng. Hai nói viên, từ nhất trung cho đến vô sở úy đều là văn Hoa Nghiêm. Có chỗ nói một, nêu lên một pháp. Vô lượng là tất cả pháp. Nếu dùng ba đế thâu nhiếp tất cả pháp thì không còn dư thừa, lại đối với ba đế hễ dùng bất cứ một đế nào đều gọi là một. Như vậy một, ba xoay vần sinh khởi.

Như nêu văn quán nói, có quán giải này, nghe một chẳng sợ giảm ba đức, nghe ba chẳng sợ thêm đối với một thật. Nên biết ở dưới lại dùng một nhiều mà làm bốn trường hợp, nói lên không thể suy nghĩ bàn luận, lìa ngang dọc... thành bí tạng quán.

33. Nương Phật nói về đức:

Kế là nương Phật nói về đức, có hai:

Một là nói đức từ quán lập, mạng lực của thể Phật từ ba quán thành, huống chi thể... là không, giả, trung. Chẳng thể phân ra năng

thành, sở thành.

Hai là nói đức được gọi là kho.

Khen ngợi tâm cảnh, có hai:

Một là y theo kinh khen ngợi điểm cốt yếu, chư Phật đều có ba thứ giải thoát là chân tánh, thật tuệ, về phương tiện.

Nay chỉ nói giải thoát cũng là một ý trong giải nhiều ý. Ba thoát này không hai không khác với ba đức kia, chỉ Phật pháp cao rộng, sơ tâm là khó. Tâm không khác với Phật, quán tâm thì dễ. Cho nên khiến ở tìm trong tâm hành. Vì tâm chúng sinh tức không, giả trung. Trung là chân tánh, Không là thật tuệ, giả là phương tiện. Cao thấp tuy khác nhau tánh kia không hai, cho nên khiến quán tâm được giải thoát của Phật. Nay quán mười pháp ý kia đều như vậy.

Hai là so sánh với ba vô sai khác. Tha sinh tha Phật ba đức ba thoát, tâm ba đức của mình đâu khác với quán.

34. Kết pháp quy đề:

Kiết pháp quy đề. Đề nêu ba chữ, là tên đương thể của ba đức, cho nên dùng ba quán đối với kim... Nghĩa tương đương ba quán, nói lên ba đức.

Kết Luận, lệ với trước.

Bác bỏ tà không, nói lên công đức quán tâm, có ba:

Một là nêu tà không kia, nay lập quán pháp, đều nương lời Phật, Phật dạy y kinh tu quán khế lý. Lại dạy lập tượng, nương gá quán chân. Kinh giải thích Phật tâm. Tượng đúc chất Phật, hai thứ này không cung kính làm sao quán thành.

35. Nay thực hành lý quán để làm chánh tu, cung kính sự nghi để làm giúp đạo. Người ngu thế gian chẳng nghe biết ý này vọng chấp si không, thấy quán tâm này lại kính kinh tượng, nghĩa nương bình đẳng, nay khó tu quán, ba thân chẳng thành, bèn chấp kinh Phật cho rằng tượng Phật. Đồng với gỗ giấy. Ta đối với kinh tượng chẳng sinh tâm cung kính, đối với gỗ giấy khác chẳng sinh tâm kiêu mạn, tự hành hóa tha, ba thân nghĩa đủ.

Dùng si không này hủy hoại chánh trợ này, hợp lại tu hành.

36. Dùng sự đối phá:

Hai là dùng sự đối phá, kia chấp si không, lời đã luống dối cho nên chỉ dùng ba sự nghiệp để xét nhuế mạn kia. Ba thân chẳng thành, ban đầu phá nghĩa bình đẳng chẳng thành. Người đối với miếu sắc phải kỉnh sợ. Đối với kinh Phật, tượng Phật sao lại khinh mạn, sợ mạn đã khởi các kiết sử lừng lẫy. Bình đẳng chẳng thành, pháp thân ở đâu.

Hai là phá trí tuệ chẳng thành. Sư học chia hai tắng ái đều lập, chính sinh tắng ái nghiệm là ngu si. Ngu si chẳng phải trí thì báo thân mất.

37. Hóa tha bất thành:

Ba là bác bỏ hóa tha bất thành. Si không chẳng phải trí thì phương tiện ràng buộc. Chấp sự thấy biết của phàm ngu, sinh tâm tăng thượng, ngã mạn truyền nhau, thầy trò đều đọa. Tà khí ba độc chuyển vào tâm người, hóa ích hoàn toàn không. Ứng thân ở đâu?

Nói về quán đức này, bọn người chấp tà không vọng huỷ quán tâm, dùng sự xét thì, lỗi kia sơ lược. Nay lập quán tâm, lại kính kinh tượng có công đức gì? Lược luận có hai: Cái gọi là có phương tiện tuệ, có tuệ phương tiện. Hai thứ này đều giải thích là nhân của ba thân, tức nói lên si không hai thứ đều trói buộc.

38. Chẳng phải gốc ba thân:

Chẳng phải gốc ba thân.

Về công đức, đối với giai đoạn phàm phu vị tu tuệ viên thật. Vì cung kính kinh tượng phương tiện giúp cho nên khiến tuệ chẳng ràng buộc. Vì chẳng ràng buộc tuệ dẫn đến cung kính thiện giới, răn khuyên chúng sinh, cho nên lại khiến cho phương tiện chẳng ràng buộc. Nhân của ba thân, có phương tiện tuệ thì thành ứng thân, có phương tiện tuệ thì thành báo thân. Tướng thật được hiển bày tức là pháp thân, đâu đồng với si không lập ba thân ư? Hai là y theo nghĩa trung nói hai chữ, là tên khác của bản bảy quyển do Chân-đế dịch. Kim Quang Minh trở xuống lại đặt Đế vương, nay sấm kinh chỉ nêu ba chữ, cho nên văn trước chép: Nếu chỉ y quyển bốn, chỉ làm ba chữ, không có hai chữ Đế vương, hoặc nương văn kinh có nghĩa kinh vương, nếu nói chẳng nói đều cũng không ngại.

39. Y theo nghĩa lại nói Đế vương:

Đại sư giải thích đề trước tuy căn cứ văn mà nói ba chữ. Nay lại y theo nghĩa trùng nói Đế vương, cho nên phiên dịch chương đầy đủ, nêu hai văn Hoa Phạm của Chân-đế mà nói. Đại sư này dịch đề rất rõ ràng, đó là thực hành trùng giải thích trang bỗn. Trong giải thích, một là y theo thích giải của Chân-đế. Sau khi Chân-đế dịch kinh này và thống nhiếp nghĩa giải thích chữ Đế vương, là phần đối ba thân với ba kinh, ý nói các kinh đều nói một thân. Kinh này có danh nghĩa ba thân, cho nên có khả năng thống nhiếp được các kinh như kinh Hoa Nghiêm...

Cho nên được gọi là Đế vương, phân cắt ba thân, Đại giáo hơn lém. Đầy đủ như sớ bác bỏ. Hẳn là phó cơ mà giải thích như thế.

40. Nay các Sư giải thích:

Hai là nói các sư nay giải thích, có hai:

Một là nói nên có đủ ba nghĩa, có ba, ban đầu nêu danh lược trình bày, muốn y theo giáo quán viên đối ba pháp, cho nên nêu bày đế vương hẳn có nghĩa tuệ, tức là dùng mưu thần sách Thánh, đồng thời Đế là tôn quý cùng cực, vương là triêu hội, hợp thành ba nghĩa, là Đế tuệ vương.

Hai là giải thích nghĩa xuất ra, có ba nghĩa. Nghĩa này đối với tha vẫn là thí dụ. Nếu y theo các sư nay thì đều là đương thể.

41. Dẫn kinh chứng minh:

Dẫn kinh chứng thành, ban đầu lấy chỗ đạo pháp tánh sâu rộng, chứng nghĩa quý cực. Nếu từ năng du là thuộc về nghĩa tuệ. Kế là người nghe suy nghĩ, tuy ở nhân nhưng sơ tâm ấy tức dụng quả trí. Ở đây nói lên viên tông nhân quả chẳng hai.

Cam lộ tuy lý từ năng khai mà nhập, và năng xử mà thực, đều là nghĩa của Thánh trí hùng lược. Chư Phật, Bồ-tát vì triều hội cho nên Phật được thường trụ, Bồ-tát trang nghiêm cho đến các sông cạn khô, việc ít có hiện ra là nghĩa lợi ích, việc thứ tư của ngài Cô Sơn là phá lầm văn này. Mà nói sự lầm lẫn có bốn:

42. Nói về phụ pháp thành quán:

Một là nói luận phụ pháp thành quán. Văn chỉ quán trước đã dịch pháp tướng. Vả lại văn này chỉ giải thích thức bổn đề ba chữ và dùng quán tâm trở lại dùng Chân-đế lập đề hai chữ đế vương.

Hai là nói quyết hoặc dùng thẳng vẫn có thể ung dung, huống chi có thêm chữ tuệ.

Ba là nói: Lại nghe thêm hai chữ Đế vương, mà nói Đế tuệ vương. Như hiệu của chí tôn có thể dùng chữ văn võ Thánh thần... đối với hai chữ Hoàng đế, trung gian mê đắm tà.

Bốn là lại nói tuệ ấy là thần mưu sách Thánh. Đế là quý cực chí tôn, vương là muôn nước về chầu. Cách giải thích này xuất xứ từ ở kinh, đầy đủ ở sử, chép ở tử, thấy ở tập. Nếu bốn sách ấy chẳng có nói thì tức là nói tuồng bụng, trí ấy Thánh sư đâu có như vậy? Nay giải thích cách thứ nhất, Đại sư lại nói nghĩa Đế vương, rất chẳng phải kinh đình. Trước nêu Chân-đế hạn cuộc giải, kế là trình bày chánh nghĩa này. Nay nghĩa lại có hai, ban đầu nói nên có đủ ba nghĩa, kế là nương ba nghĩa giải thích. Trong giải thích tự có hai ý. Ban đầu y theo giáo nghĩa, giải thích chia hai, y theo quán hạnh giải thích. Giáo quán hiển nhiên như chỉ tay trông lòng bàn tay.

43. Dùng giáo quán giải thích:

Là văn trước đã dùng giáo quán. Giải thích ba chữ sấm, dịch đề xong. Nay lại dùng giáo quán để hiểu bản dịch của Chân-đế. Hai chữ Đế vương làm sao có thể chỉ phụ pháp ba chữ của sấm dịch. Còn y theo hai chữ minh quán của Chân-đế. Nếu quán phá này còn độc văn chẳng bỏ. Huống quán đạo sâu đâu nhọc nghĩ bàn? Giải thích hai thứ ấy, nay Đại sư giải thích kinh cốt yếu ở hiển nghĩa, dùng bản dịch của Chân-đế. Văn tuy nêu hai nghĩa nhưng hợp có đủ ba, Đế vương thế gian đến chẳng có tuệ, cho nên nói: Nay nói Đế vương nên có đủ ba nghĩa. Lập ba nghĩa này là năng thuyên danh. Vì gọi sở thuyên có mười thứ ba pháp.

44. Giúp cho biết lý:

Vì ba vời ba giúp cho biết lý. Đến ngài Nghĩa Tịnh đời Đường dịch lại kinh này, tên là Tối Thắng Vương. Ba nghĩa do Đại sư Quả Phù lập ra. Rất tôn quý giải thích đế và tối đồng nghĩa. Thánh thần của tuệ hợp với thắng nghĩa. Dùng bản tân dịch xét ba nghĩa rõ ràng. Huống chi y theo nghĩa thêm văn, hiển bày có ví dụ kia. Như văn cú này giải thích năm giới trong kinh, muốn cho nghĩa hiển thì đều phẫn tránh trở xuống Thêm vào câu người người không tin. Tài vật hao tổn trở xuống lại thêm văn tổn mất lễ độ. Sao không phá thêm hai câu, khiến văn cú thành thuyết sai lầm ư?

45. Giải thích ba thứ ấy:

Giải thích ba thứ ấy, nay nói Đế vương đầy đủ nghĩa tuệ, ý dùng ba danh giải thích ba pháp. Vì mười ba pháp chỉ có ba ngôi báu. Phật ở đầu, tám thứ đều đồng, ba đức thứ lớp. Nay muốn y theo đây, đế nói Pháp thân, tuệ nói về Bát-nhã, vương nói về giải thoát, thuận với sở thuyên, cho nên đặt chữ tuệ ở giữa hai. Đại sư tuyên đương thường từ nghĩa tiện. Giải thích diệu pháp thì trước pháp, kế là diệu, giải thích quán thế thì trước thế, sau là quán. Vì nay trùng nói ba nghĩa đế... đó là tên đương thể của pháp tánh? Còn chẳng phải thí dụ, đâu được hoàn toàn đồng với tôn hiệu Hoàng đế tôn quý. Huống chi tự nói Đế vương có nghĩa tuệ. Sao lại che lấp nghĩa kia mà trách chữ kia, thấy rõ được nhân tình.

46. Giải thích bốn:

Giải thích bốn, nếu nói giải thích ba nghĩa như đến thì chẳng phải kinh sử tử tập, do người sau thêm vào, vả lại như tiếng Phạm là sám-ma, Hán dịch là Hối quá. Nay văn kinh câu chẳng phân Hoa, Phạm, dùng thẳng đầu để giải thích sám, lại giải thích hối, và năm nghĩa đen trắng

để giải thích. Lại dùng nghĩa Giám để huấn âm Phạm, trường hợp này xuất xứ từ kinh luận sách vở nào? Sao không trách văn ấy không có xuất xứ. Nay đều thành sai lầm, chẳng chẳng phải Đại sư khéo léo nói pháp, mục đích là hiển lý để khai mở tâm người. Lại đã nói bậc Trí là Thánh sư. Cái gọi là danh giáo cố nhiên phàm tình tục học chẳng thể thấy biết được. Đâu thể xếp ngang bằng với sự thấy biết của ta, bác bỏ biện tài của bậc Thánh, lời nói đồng cốt mê hoặc ai mà tin nhận.

Y theo ba nghĩa giải thích có hai:

Một là nói mười thứ ba pháp đều có đủ ba nghĩa.

47. Hỏi đáp về vì sao giải thích lại:

Hỏi: Trước dùng mười thứ ba pháp dịch Kim Quang Minh nghĩa ấy đã rõ, nay sao lại dùng mười thứ ba pháp giải thích Đế tuệ vương. Vả lại tôn trọng gọi là Kim, chiếu liễu gọi là Quang, ứng ích gọi là Minh và nay nghĩa quý, nghĩa tuệ và nghĩa triều hội, đạo lý chẳng khác nhau, sao phải dùng trùng này đối với mười pháp. Đâu chẳng phải phiền toái khiến người đều cho là các... văn này là người lầm soạn. Có lý do gì mà phải giải thích lại ư!

Đáp: Thô tâm đọc văn nghĩa là làm nhiều lớp, nghĩa ấy tinh tường đều có chỗ quay về. Vì sao? Vì thí dụ ở trước có giải thích, cho rằng Kim Quang Minh là vật tượng thế gian, có thể dùng so sánh, huống chi mười thứ ba pháp, chí đương thể giải thích tuy bỏ dụ theo pháp. Chỉ nói pháp tánh có thể còn gọi là Kim, Tịch chiếu gọi là quang, ứng ích gọi Minh. Quán tâm mười pháp tuy theo đương thể, mà chẳng phải y theo giáo, cho nên nay giải thích hiển từ giáo nêu bày.

48. Giải thích Đế tuệ vương:

Mỗi ba pháp tức nghĩa quý, nghĩa tuệ và nghĩa chầu về, đều là đương thể, gọi Đế tuệ vương. Tuy đế tuệ vương và ba nghĩa Kim Quang Minh, hơi giống mà trước theo thí dụ, nay theo đương thể. nghĩa thế sai khác, dầu khiến trước sau đều theo đương thể mà văn trước tự giải thích ba nghĩa kim... Nay giải thích đế... đâu có nói lại, nếu các ba pháp cũng đều có nghĩa Đế tuệ vương, thì khiến người tin sâu, mỗi ba pháp đều là Kinh vương. Vì ngay ở trong đề, chẳng phải xa lấy nghĩa.

49. Nói mười thứ Kinh vương:

Hai là nói mười thứ kinh vương đều có công năng nhiếp pháp có ba:

Một là nêu bày, hai là giải thích tướng có hai:

Một là nói nhiếp, chia làm ba:

Ban đầu nhiếp pháp môn, ba đường ở trong mê cho nên thuộc

về hoặc, thức phân biệt danh nghĩa cho nên thuộc về giải, Tam-bồ-đề thuộc về phát tâm hành giả, trấn nguyện hạnh, ba Đại thừa thuộc về phát thú vị, phát chân thú quả vị. Nương dạo bốn phương thẳng đến đạo tràng. Ba đức nhiếp lý, quả sau bí tạng rốt ráo lý. Văn trước đã nói các thứ ba pháp không hai, không khác. Xét biết mỗi pháp thảy đều dung nhiếp lẫn nhau, văn trước đã hội, ủy luận xen nghĩa, cho nên nay chỉ nêu đều nhiếp tướng hai nhiếp chúng giáo, có hai:

Một là nhiếp các bộ, ba đường nhiếp tịnh danh, chẳng tức ba chướng, hiển bày ba giải thoát. Đâu được gọi là không thể suy nghĩ, bàn luận. Tam thức nhiếp Lăng-già, Địa trì... vì kinh luận này phần nhiều dùng ba thức hiển bày sự lý.

50. Hỏi đáp về có thuộc về luận hay không?

Hỏi: Đề kinh vốn là pháp môn Phật ra đời, đâu thể lại thuộc về luận khi Phật diệt độ ư?

Đáp: Nay dùng đề kinh để cảm vời pháp môn, tức là nghĩa mà các luận giải thích, là dùng sở thuyên thu nhiếp năng thuyên, cho nên nói ba thức nhiếp địa trì... Huống chi các Bồ-tát vì hiển bày nghĩa mầu Đại thừa tôn kinh, cho nên soạn các luận, các luận giải thích trái kinh này ư? Nếu kia chẳng trái lý thì đáng lẽ thuộc về Niết-bàn. Nói rõ tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Năm thời giáo nói trong Đại phẩm, Nhân vương Bát-nhã chép: Đại giác Thế Tôn trước đã vì chúng ta nói các bộ Bát nhã như Ma-ha Bát-nhã, Kim Cang Bát-nhã, Thiên vương vấn Đại phẩm... Ngày nay Như lai phát ra ánh sáng rực rỡ, để làm việc gì cho đến Phật định khởi, Vô Vấn Tự Thuyết Nhân Vương Bát-nhã. Nhân vương đối bốn thứ Bát-nhã trước, tức tương đương với thứ năm. Năm thứ Bát-nhã này đều nói cùng lúc nên được gọi là ngũ thời giáo. Bồ-đề Bát-nhã phần nhiều rút ra từ các bộ kinh Phương đẳng, lý tùy được ba thành một Đại thừa, Pháp Hoa khai hội cho nên kinh Hoa Nghiêm tân dịch hợp ở lý trí, chỉ gọi là Pháp thân, đồng thời đối với trái nên dùng làm hai thân, kinh xưa nói nghĩa tức một mà ba, cho nên thuộc về ba thân của kinh này, Niết-bàn ba ngôi báu và ba đức đại kinh hiển bày rõ nhất.

51. Hỏi đáp về Chân đế:

Hỏi: Chân-đế nói ba đức nhiếp ba Niết-bàn chính là dứt bỏ chấp đoạn của Nhị thừa. Bát-nhã khiến cho phàm phu có chấp đắm, Hoa Nghiêm chính hóa mới hành Bồ-tát. Nay kinh thông làm tám vị nhân, nên gọi là vương. Văn cú bác bỏ rằng: Người soạn thiên này nói, người vô trí đối với các kinh sanh tâm khinh mạn, nghĩa này chẳng thể được.

Nay đâu được dùng mười thứ ba pháp phân đối các kinh, lại đồng nghĩa bị phá của Chân-đế.

Đáp: Chân-đế giải thích có ba đức ở tại ba kinh, là nghĩa riêng khác cho nên là sở phá. Nay dùng ba pháp chẳng phải nghĩa ngang dọc, nhiếp ở một kinh, nhiếp nhiều thứ kinh cũng giống như vậy. Vả lại, như đề của đại phẩm gọi là Bát-nhã. Nghĩa đến ba cho nên các pháp dung thông với tịnh. Duy-ma đã nói cũng gọi giải thoát. Vì đủ ba thoát nên không thể suy nghĩ bàn luận. Phải biết nay lập mười thứ ba pháp, mỗi thứ ba pháp chẳng phải ngang, chẳng phải dọc mà cao mà rộng. Thông suốt cực quả thâu khắp các pháp cho nên dùng mười ba phần đối các bộ. Như Chân-đế trước phân chia thành ba đức, đối với ba thứ vị như Đạo tiền v.v...

52. Đại sư bác bỏ rộng:

Đại sư bác bỏ rộng, cho đến nay tự lập pháp tánh sâu xa mới dùng nghĩa mười thứ ba pháp, đối ba thứ vị bổn hữu... cho nên biết kia dùng một pháp để nhiếp một kinh. Giống như ba pháp này mà nhiếp một kinh. Tướng sơn hào dứt bặt, người học nên xét nghĩ. Hoặc cho rằng chẳng khác, rõ ràng không mi mắt. Hai là nhiếp tất cả. Các kinh luận trên đều là Đại thừa. Vả lại, tất cả người đời cùng thấy nghe, cho nên nói đương đạo. Quải là do dự. Nhưng dụ tám mươi bốn ngàn kho pháp đều là sở nhiếp, phải biết tám mươi ngàn bao trùm một đời, không một danh nghĩa tạm lìa mười thứ ba pháp kinh vương, cho nên văn cú nói đối với chín thứ kinh mà được tự tại, ba nhiếp sáu vị có hai:

Một là nói mười pháp bổn vị. Khổ đạo có phân đoạn biến dịch, rằng tất cả năm ấm, phiền não có hoặc chung, hoặc riêng, cho nên nói năm trụ, nghiệp có hữu lậu, vô lậu... cho nên nói tất cả hợp, rằng ba thức có tất cả tâm vương, tâm sở. Hai thứ này là vị bản hữu.

53. Ba nhân đến ba Niết-bàn:

Ba nhân đến ba Niết-bàn. Sáu thứ này là vị hiện hữu. Ba ngôi báu, ba đức là đương hữu vị. Vị này văn trước đã nói cho nên chỉ nêu ba đường, ngoài ra đều so sánh mà biết. Đây là nói mười thứ ba pháp vị bản phần. Văn lược chín thứ bổn vị nhiếp pháp, cho nên nói cho đến và chú... Hiện hành ấn bản lầm đem các sách... mà làm chữ.

■

KIM QUANG MINH HUYỀN NGHĨA THẬP DI KÝ

QUYỂN 6

1. Nói về mười pháp nhiếp vị:

Kế là nói về mười pháp nhiếp vị, nghĩa là dưới nhiếp ở trên, trên nhiếp ở dưới, trung nhiếp trên dưới, cho nên mỗi thứ ba pháp đều thuộc sáu vị. Ba chướng che khắp sáu vị. Đây là do ba chướng từ mê mà nói, sáu tức từ giải thoát mà nói. Nếu tức phi đạo ba chướng, thông đạt Phật đạo ba chướng, thì Phật đạo này phải luận sáu vị. Sáu vị này nhiếp tất cả vị, lý tức nhiếp bạc địa vị, danh tự nhiếp tất cả học tập vị, quán hạnh nhiếp vị năm phẩm. Tương tự nhiếp Thập Tín vị, phần chân nhiếp bốn mươi mốt vị, rốt ráo nhiếp diệu giác vị, cho đến ba đức đẳng, giải ở ba chướng có sáu tức vị, giải chín thứ ba pháp đều luận về sáu tức, nhưng trong tánh đức mười thứ ba pháp đều phải tức chướng chiếu soi khiến cho hiển bày.

2. Nói về mười phen giai vị sáu tức:

Chỉ y theo sở hiển mà nói mười phen giai vị sáu tức. Nói ba đức đã đủ nhiếp v.v... là so sánh với ba đường mà luận về loại nhiếp, nói pháp thân có ba thân và tất cả cảnh mầu. Bát-nhã có ba trí và tất cả biện tuệ, giải thoát có ba thoát và tất cả thần biến. Đã y theo ba đức nói ở sáu vị phải luận sáu vị đều tức là pháp thuộc về ba đức, cho nên nói sáu vị, thà không đủ thâu. Tám thứ trong ấy đều có ba, mỗi thứ đều được nhiếp đầy đủ và tám, sáu vị mỗi vị đều đầy đủ thâu. Y theo ví dụ rất dễ hiểu.

Kế là nói về nhiếp ba ý, dùng ba phen nhiếp pháp, hợp Đế Tuệ Vương, ba phen trước tức ba mươi lớp nói về Đế Tuệ Vương. Nay là gồm nhiếp pháp môn mười trọng. Phật đã là thầy cho nên kiết quy về đế, hợp với nghĩa quý cực. Nhiếp giáo mười lớp, xem xét căn cơ mà nói cho nên kiết quy về tuệ hợp nghĩa với hùng lược. Nhiếp vị mười lớp đều hướng về quả. Kết quy ở vương, hợp triều hội nghĩa.

3. Mười thứ pháp môn:

Lại mười thứ pháp môn, mỗi pháp môn cao rộng, không luận về hơn kém, chính là hoành nhiếp, sáu vị đều tức từ dưới lên cao, cho nên phải thuộc về chiều dọc, giáo thuyên pháp môn lại nói về sáu vị cho nên tương đương với nghĩa ngang dọc song nhiếp. Thống nhiếp như thấy. Đề xưng đế vương lượng không có đức hổ thẹn.

Kế là y theo quán hạnh giải thích, có hai:

Một là chánh giải thích, có hai, một chính là y theo Đế tuệ vương mà nói về quán.Vì trung không quán giả, một niệm tâm tức Đế tuệ vương. Nghĩa quán thầm, phù hợp, năng sở thể là một, kinh vương của mình ở đây sẽ hiển bày.

4. Hội đồng Kim Quang Minh bày vị:

Hai là hội đồng Kim Quang Minh bày vị. Vì Đế Tuệ Vương và Kim Quang Minh đều là tên pháp tánh đương thể, muốn cho kinh vương thống nhiếp nghĩa hiển, cho nên trùng với cái thấy của An Đế Vương. Nay muốn hành giả biết hai tên này đồng nói pháp tánh, cho nên đặc biệt hội đồng với các minh vị như kim... văn nghĩa năm vị như trước rất dễ hiểu, chỉ có danh tự tức, nói hơi khó hiểu. Tâm chỉ có danh, Kim Quang Minh là danh. Người mới học đối với một niệm tâm chỉ có tên này, chưa có tên quán, cho nên nói tức danh tự Kim Quang Minh.

Về kết ý, ý ở quán tâm, khai tuệ đầy đủ, nói như vậy thì núi báu thật tánh chẳng bước mà đến.

Nhưng quán hạnh này các văn nói ý chỉ rất sâu xa, chẳng phải tạo tâm sơn gia khuôn phép sâu kín thì chẳng thể xem thường mà bàn luận. Tôi nghiên cứu tinh tường nghĩa này chứa nhóm qua năm tháng, đâu dám ức chế lý thuận tình là đây chẳng phải kia. Vì sao đạo cảnh quán rõ ràng có chỗ trở về. Huống phù hợp với các bộ, xét văn này chưa tán. Than ôi! Các tổ đã qua, đời có bậc minh hiền biết ta dùng quán tâm, tội ta dùng quán tâm, nguyện không được mà ẩn.

5. Giải thích tên chung:

Giải thích tên chung. Pháp hoa giải đề giải thích rộng đề mục chung, là thẳng dùng kinh dịch Tu-đa-la, tuy có dịch không dịch đều có mười lăm nghĩa. Chỉ có chữ kinh nghĩa giải không sót. Người học phải sưu tầm nghiên cứu văn ấy, giải thích tên xong, đại chương thứ hai là biện thể, chương trước giải thích tên gồm có ba pháp, bao hàm thể tông dụng. Người lợi căn, thì đạt năng thuyên vọng tình đắc thể, tự thành tông dụng. Người độn căn, dùng tên có ba thể hỗn độn ở trong. Tâm lự khó dứt bỏ, diệu thể chẳng hiển bày, cho nên kế là giải thích tên gọi bàn riêng về thể... khiến cho pháp tánh bặt niệm mà dạo chơi, tức đối với

kinh Kim Quang Minh này mà được thấy Thích-ca Mâu-ni ta. Văn trước chia làm hai, ban đầu nêu bày, nêu bày ở biện thể ba chương môn.

6. Hỏi đáp vì sao ý chẳng lập biện thể chương môn:

Hỏi: Vốn là quên tên cho nên nêu thể riêng. Nay lại giải thích tên gọi có khác gì với trước? lại chỉ giải thích tên dẫn chứng phân biệt. Tại sao ý chẳng lập biện thể chương môn?

Đáp: Quên tên chẳng phải là im lặng. Nếu khéo giải thích tên thì tên ấy tự mất, không lìa văn tự nói tướng giải thoát. Văn tự tánh lìa tức là giải thoát. Nay đã giải thích, chỉ giải thích tên của thể. Chương trước gồm có ba khác hẳn với ở đây. Lại thể vốn vắng lặng. Mượn tên mà giải thích. Cho nên chỉ giải thích tên tức ngay đó nói về thể. tổng trì không chữ, chữ hiển tổng trì, nghĩa như thế. Đã giải thích tên của thể lại dẫn kinh luận chứng thành nghĩa thể. Lại y theo về thuyết chứng phân biệt đối với thể, nói ý chỉ của thể, kinh điển tận cùng sự nhiệm mầu đâu nói chẳng lập biện thể chương môn.

Giải thích chia làm ba:

7. Giải thích danh:

Giải thích danh, có hai:

Một là y theo chữ lược nêu. Chương trước giải thích danh là thật hay giả, chương này nói thể là chủ là chất.

Kế là y theo nghĩa rộng mà giải thích, có hai:

Một là y theo hai danh, giải thích chung có ba, một là nêu, nêu khởi hai thứ là giải thích sở y.

Hai là giải thích: trước là một thể hai danh. Hoặc nương nghĩa, tức nghĩa của ba chương thể, tông, dụng. Pháp thân là thể, báo thân là tông, ứng thân là dụng. Nghĩa được nói ở đây tương đương với pháp thân. Hoặc kinh loại bảy quyển có phẩm ba Thân, đây cũng là văn.

Nay giải thích bốn quyển mà danh làm nghĩa. Hoặc nương văn, sáng thủ là nói dạo chơi trong pháp tánh, văn dưới đây mỗi mỗi văn kia chẳng thiếu. Phải biết một thể đặt hai tên này.

8. Phân biệt chung từ riêng:

Kế là phân biệt chung từ riêng, có ba. Ban đầu y theo nghĩa mà phân biệt. Trong chân hai lý đều gọi là pháp tánh, cho nên ngài Thân Tử nói đồng nhập pháp tánh thiên chân pháp tánh. Y theo trung mà nói có đãn bất đãn, trong bất đãn có hữu phần hữu mãn. Nay vì Như lai dạo chơi trong pháp tánh, đó là bất đãn, dĩ mãn, trung đạo, mà làm thể của kinh, hai là dẫn văn nêu lên, còn qua Bồ-tát phần chứng viên trung, đâu phải đãn trung và không pháp tánh.

Y theo văn kiết. Kinh này phán giáo nên đối với thông giáo phân biệt lấy viên cực, mà làm thể kinh, chẳng chấp Nhị thừa và pháp tánh mà Bồ-tát độn căn chứng đắc và trùm khắp biệt tiếp, đãn trung pháp tánh.

9. Đốn chướng đứng đầu:

Về bốn chướng chủ, có hai:

Ban đầu là pháp, Phật lấy chủng trí làm năng du nhập, tông của kinh này, pháp tánh sâu rộng là sở du, và làm gốc trí, tức là thể kinh. Nếu thiên về pháp tánh chân thật thì thể giống với hư không.

Chẳng phải gốc của trí. Pháp tánh Trung đạo thể là bản giác. Năng là gốc của thỉ giác chủng trí. Nay kinh lấy quả làm tông yếu. Quả trí là thỉ giác rốt ráo. Thỉ và bổn chẳng hai, chẳng hai mà hai. Thể là tông bổn. Nếu chẳng như vậy thì làm sao gọi đãn là Phật du nhập? Công đức các hạnh là dụng của kinh. sở nghiêm sở thú tức là thể. Dứt ác là công, sinh thiện là đức, công đức là tên khác của lực dụng. Vì lực dụng này trang nghiêm pháp thân. Sám hối khen ngợi, không trí dẫn dắt thành. Đây là dùng hành làm lực dụng.

10. Hỏi đáp về công dụng:

Hỏi: Tông thủ Phật quả phải dùng năng lực Phật, Công đức thuộc Phật, làm dụng phải như vậy. Hành ở chúng sinh, sao nói là dụng của kinh.

Đáp: Tâm chúng sinh chẳng phải oai lực Phật. Đâu thể lập hạnh, nên luận Ban-chu Kiến Phật nói có ba năng lực:

Một là oai lực Phật.

Hai là năng lực Tam-muội.

Ba là năng lực công đức căn bản của hành giả. Nếu chẳng cảm ứng thì không một điều thiện sinh, cho nên luận Khởi Tín chép có chỗ nói dụng đại, nghĩa là có công năng sinh ra tất cả nhân quả lành của thế gian và xuất thế gian. Hành là dụng kinh, nghĩa ấy rõ ràng, đều khắp mười cõi cho nên nói vô lượng và các thứ. Ngôn thuyết hỏi đáp năng thuyên biện biên, tức là tên kinh và giáo tướng. Sở thuyên biện đâu chẳng phải thể của kinh. Hai thứ Danh và giáo đều là năng thuyên. Tự hành bẩm đắc nên gọi là tên kinh, vì người mà thuyên biện mới gọi là giáo tướng. Tự tha tuy khác nhưng đều giải thích pháp tánh.

11. Vì sao có hỏi đáp giải thích:

Hỏi: Danh là đề kinh, thì sao có hỏi đáp thuyên biện... ư?

Đáp: Một kinh đầu cuối đều năng giải thích tên, bao gồm nhiêu câu hỏi đáp, chỉ lấy đề mục là tên chung của kinh, cho nên giải đề mục

xưng là giải thích tên, sao nói là tên kinh chẳng hề hỏi đáp.

Hai là dụ các sao muôn dòng vì y theo bốn chương, Bắc thần, Đông hải mới có thể chất.

Ba là kiết, có thể thấy.

12. Y theo ba nghĩa giải thích riêng:

Y theo ba nghĩa giải thích riêng vì Kim Quang Minh là tên năng thuyên.

Pháp tánh đã là thể sở thuyên, cho nên nay đối với thể mà lập ba nghĩa nên ba tên kia lấy đây mà hướng về trước, trước chẳng chia ba, gọi là giải thích chung, nay giải thích chia làm ba:

Ban đầu ứng kim danh, dùng thể nghĩa thể giải thích, có hai:

Một là nói thẳng chữ huấn. Thể là giải thích tên gọi là thể vậy. Nói thể của đấc sự. Nay nói thể có quý tiện, ý ở lựa chọn quan con mà lấy quân phụ.

13. Hội đồng nghĩa thể:

Hai là hội đồng nghĩa thể. Nay thể kinh đã là rốt ráo pháp thân sở chứng.

Chính là nghĩa quân phụ thể lễ. Phân biệt với chẳng phải phần chứng pháp thân, đã trở lại thể của quân con, hai là ứng quang danh, lấy nghĩa để giải thích, có ba:

Một là y theo chữ huấn lập, nghĩa là thật thể này là đáy các pháp, cho nên được thể mới gọi là tận cùng cội nguồn. Mé thật của vực phủ đều là chỗ cùng cực của lý thú.

Hai là dẫn văn chứng thành, ba thứ Bát-nhã viên dung sâu rộng, gọi là biển trí độ. Tướng thật Bát-nhã là thể, là đáy. Để thông với phần chứng chỉ Phật mới cùng tận.

Ba là dùng nghĩa này mà kiết. Chỉ một pháp tánh đương thể quý cực, đương thể sâu xa, đương thể vô lượng, dùng đáy để giải thích thể bao hàm nghĩa sâu xa, ý nói pháp tánh cao sâu, dọc cùng biển Phật, đối với ý luận ở trước, lẫn nhau hiển bày khiến sâu. Luận nói biển pháp sâu chỉ Phật mới cùng đáy. Nay nói biển Phật sâu, pháp này có công năng làm đáy. Người mà pháp thay nhau hiển bày thể, nghĩa đáy mới thành.

Nên nói danh để đạt nghĩa giải thích có ba:

Một là y theo tự huấn lập, Thể nghĩa là đạt, hiển bày thể pháp tánh vốn đầy đủ các pháp, các pháp ngay đó là thể trung đạo, Phật dùng thể này đạt tất cả pháp. Người biết thể này cũng đạt tất cả. Cho nên người trí quán hạnh được thể, đạt được các pháp tự tại vô ngại. Tất cả tên khác không thể bít lấp. Đầy đủ như văn trước, ba chữ thí dụ pháp,

như từ một pháp đến hằng sa pháp. Đồng khác vô ngại. Chính là văn nay nghĩa là thể đạt. Chẳng hạn như thể tôn ở trước và nghĩa đáy của thể đều là pháp môn sở chứng của quán hạnh, cho nên chương An Tự Chỉ Quán chép: Đại sư nói pháp sở chứng trong tâm mình.

Hai là dẫn văn chứng thành, Bát-nhã thật tướng tuy là một pháp mà thể vốn đầy đủ tất cả các pháp. Phật phó chúng sinh các thuyết khác nhau. Dị là một khác, dị đâu khác một, cho nên được một là năng đạt thuyết khác nhau. Phật đẳng ba tên tức một tướng thật. Quán một đạt ba, đồng khác tự tại, ba là dùng nghĩa nay kiết. Chỉ một pháp tánh đương thể vô lượng, cho nên phù hợp với đạt nghĩa thích thể.

Ba là dẫn chứng có hai:

14. Ban đầu dẫn đủ bốn văn:

a. Dẫn đủ bốn văn. Phẩm tựa ở đầu cho nên nói về pháp tánh, nghĩa thể đầy đủ. Nơi Như lai dạo chơi thì hàng Tam thừa không thể biết được. Vô lượng sâu xa ba đế tròn mầu. Phẩm quỷ thần hai lần nói về pháp tánh, mà nói ngữ cú hai văn liền nhau cùng hiển một nghĩa. Văn nói: Nếu nương vào kinh này tức là nhập vào pháp tánh, như pháp tánh sâu xa, tức là đối với kinh Kim Quang Minh này mà được thấy ta Thích-ca Mâu-ni. Nay y theo chữ thâm, phân biệt chẳng phải Nhị thừa và phần chứng.

Phẩm Không nói không, chẳng những chẳng có mà cũng là chẳng không, đã là trung không, chẳng hai bên khác nhau, cho nên nói không tức như. Phẩm Tán Phật đã khen quả Phật. Một chữ tri tức chủng trí tri. Trí Tri này trở xuống là lý tam đế, hữu tức tục đế, phi hữu tức Chân-đế, bổn tánh tức trung đế. Hai chữ vắng lặng, là vắng lặng ba đế, đối tục lập chân , đối biên lập trung. Biết dứt bặt đối đãi cho nên ba đều vắng lặng. Chẳng hiểu như thế thì chẳng phải khen Phật tri. Ba văn trên, nghĩa ấy chẳng khác. Thể kinh này lý hợp như vậy.

15. Giải thích pháp tánh:

Kế là kiết thành một thể, bốn phẩm khác tên đều giải thích pháp tánh, cho nên pháp dưới đây giải tên pháp tánh, thành nghĩa thể của kinh. Pháp tánh thường nhất, người có khả năng làm khuôn phép thì đó là Phật. pháp là thường nhất cho nên chư Phật thường nhất, vì thế Phật đều lấy pháp tánh làm thể.

Thể Phật tức là thể kinh này.

Về phân biệt, có hai:

Một là hỏi, lược nêu hai câu, ý bao gồm bốn, vì trong đáp tự tha hoặc mất hoặc dùng đều nói bốn.

Hai là đáp, có hai:

Ban đầu là chính đáp, có hai:

Nói về lý, chẳng phải bốn trường hợp. Nên biết đẳng giác tu thiền lìa kiến. Vì dục tịnh đối với bốn trường hợp nhỏ nhiệm. Nay nói pháp tánh mà diệu giác dạo chơi, ra ngoài bốn câu Đẳng giác, cho nên nói hơn sở hành thanh tịnh của các Bồ-tát. Đâu dùng tam giáo và phàm ngoại bốn trường hợp mà cầu được! Hai là phó cơ phải có bốn thuyết. Thứ ba là pháp thân. Hai thứ trước là hóa thân và ứng thân. Ở đây lấy tánh một phân biệt với tu hai, cho nên chia ra chân giả. Văn nêu ba câu kiết nói, bốn trường hợp bốn môn, đã có song phi chẳng lẽ có song thị, tức hai cái trước song thủ làm câu thứ ba. Đây đều là bốn môn giải thích lý của viên giáo. Hoặc luận phó cơ cũng có thể nói trước ba giáo bốn môn.

16. Kết thúc nêu lên:

Kế là kiết thúc nêu lên, do chúng sinh đối bốn thứ môn có bốn tất cơ. Cho nên Đại Thánh tạo ra các thuyết không... Hoặc kia xuất nhập lý còn chẳng phải một, huống chi định có bốn, bốn không, bốn tướng, cho nên nói đều là pháp vô tránh. Hai văn tân cựu, "không" hữu khác nhau. Nếu được ý thể đạt của các sư nầy thì trăm năm vẫn một, huống chi hai văn ư! Thứ ba là nói tông. Đây cũng gọi là một trong ba pháp trung. vì căn độn đối với tổng chẳng rõ, cho nên riêng ba, đó là thể, tông, dụng.

Nay nói riêng về tông, tức tương đương quả trí, hiển tông của thể. Trước chia làm hai, ban đầu nêu, hai là giải thích, có hai:

Ban đầu y theo nghĩa, lược nói, có ba:

17. Nêu nghĩa chữ nghĩa tông:

Nêu nghĩa chữ, nghĩa tông, vì ở đây thường lấy nghĩa cốt yếu. Muốn nói quả trí là thường, vô thường. Cốt yếu của các đức.

Kế là định nhân quả, có hai:

Ban đầu nêu rộng tha giải thích. Hai tìm tòi nghiên cứu hai kinh, hai bản dịch mới và cũ tuy đều nêu nhân, đều là y cứ nhân, nghi vấn đối với quả, cho nên biết ý kinh dùng quả làm tông. Ba chính là nói tông, có hai:

Ban đầu y theo quả đức, lược nêu ý nay.

Hai là giải thích lý do xuất xứ, cho nên nhân của muôn hạnh tuy cũng hiển thể, nhưng chẳng bằng quả đức rốt ráo tương ưng.

18. Hỏi đáp về Nhân và quả làm tông:

Hỏi: Nếu nói là hiển pháp tánh thể cho nên chỉ lấy quả Phật làm tông của kinh thì Pháp Hoa đâu chẳng hiển bày thể tướng thật. Vì sao

dùng cả nhân quả làm tông?

Đáp: Pháp Hoa chính là khai mở thật thể của ngàn như. Ấy cho nên nhân quả đều có công năng hiển bày. Kinh này chính là nói thể của pháp tánh mà Như lai dạo chơi. Thể này chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, năng thường, năng vô thường là chỉ nói về ba thân cực vị. Chẳng phải quả là tông. Các nghĩa này không do đâu mà lập, cho nên nói quả là then chốt để hiển bày thể...

Kế phụ kinh giải thích, có hai:

19. Chính giải thích:

Ban đầu nói nay sư chính giải thích, có hai:

Ban đầu giải thích, có hai:

Ban đầu y cứ văn kinh lập nghĩa giải thích, có hai, trước y theo Phật thọ đối pháp tánh nói tông, có ba:

Một là nói đắc quả ngầm thể hội, biệt hiệu Thích-ca thông hiệu Như lai, vì biệt giản thông hiển, giáo chủ là người đã chứng được cực quả. Tuổi thọ chính là người đã chứng quả sở khắc. Dụng khó nghĩ nghì, chẳng thầm hợp pháp tánh. Tha khắc dụng này.

Kế là xưng thể lập năng, có hai:

Một là lập nghĩa, trong pháp tánh thật lìa các bên điên đảo, cho nên phi hữu vô và thường, vô thường, quả nhân, quả pháp, đã thầm hợp với tánh. Cũng chính tánh pháp song phi song phi, như thế song chiếu, hai nêu bày văn.

20. Hỏi đáp về năng thường:

Hỏi: Văn dưới đây câu giải thích tựa đề phẩm Tuổi thọ rằng núi... không thể tính toán được cùng với A-di-đà đồng là vô lượng trong hữu lượng tuy rất dài xa nhưng rốt cuộc cũng vô thường, nay vì sao ở đây nói về năng thường?

Đáp: Chúng là hữu lượng vì trời, người... chẳng biết chừng hạn. Nếu chẳng phải dụng năng thường của pháp tánh thì đâu được hiện thọ dài lâu như thế, cho nên bốn Phật nêu sống lâu này, nói lên thường của Phật. Nay tám mươi tuổi Phật diệt độ tức dụng vô thường. Thường, vô thường này tức là pháp tánh song chiếu đại dụng.

Y theo giải thích, nghi nói về tông, có hai một là y theo nghi nói về mất. Tín tướng chỉ lấy tám mươi diệt độ vô thường làm nghi. Chẳng biết Như lai có khả năng hiện thường thọ, còn chẳng thể hiểu cái dài của tức ngắn. Làm sao rõ diệu chứng chẳng dài chẳng ngắn, đây nêu chỗ mất của mê tông.

21. Y theo tông nói về đắc:

Kế là y theo tông nói về đắc. Pháp tánh thể dụng hiển bày do cực chứng. Cho nên nói nếu chẳng y theo quả thì nghĩa này khó nói. Nay dùng quả Phật làm tông để hiển bày thể, thì chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, năng thường, năng vô thường. Các nghĩa đều lập, trừ nghi cho tín tướng giúp các cơ ngộ. Đây là chỗ được của giải tông.

Y theo báo hóa đối pháp tánh nói tông, có ba:

Ban đầu nói quả, có chung riêng, chia làm hai:

Một là nói các kinh khác nêu riêng trí đoạn. Kinh khác nói quả hoặc trí hoặc đoạn. Như chỉ bên trái thì đủ bên phải, chỉ bên phải cũng giống như vậy. Trí khế lý cho nên các điều thiện khắp hội. Chẳng lẽ khế lý mà chẳng dứt hoặc cho nên nhậm vận đầy đủ đức dứt. Đức dứt điều cơ, chẳng phải trí năng, các ác dứt hẳn, cho nên nhậm vận đầy đủ đức trí. Các kinh xen nhau nêu nghĩa tùy thời.

Kế nói kinh này gồm có hai, ba tuổi thọ chính là sở đắc của tu đạo, cho nên gọi quả báo. Cảm quả hoạch báo trí dứt được hoàn toàn, là tổng trí đoạn, hợp có ba thân. Vì sao? Vì trí là báo thân, đoạn là ứng thân. Hai thân này hoàn toàn lấy pháp thân làm thể, cho nên biết nay kinh nói quả tuổi thọ, hai đức năng tổng và ba thân.

Kế là nói tông thể dung diệu, có hai:

Một là y theo ba thân xứng tánh cho nên dung nhiếp lẫn nhau.

22. Hỏi đáp về lý do:

Hỏi: Vì sao Pháp thân lại thầm hợp với pháp tánh?

Đáp: Văn này nói ba thân trong quả thầm hợp với pháp tánh. Đây là tu ba thầm hợp với tánh ba, cho nên nói pháp tánh phi thường phi vô thường, năng thường, năng vô thường. Há chẳng phải tánh ba, tu cực ba thân thầm hợp với tánh, cho nên khiến ba thân đều có ba nghĩa, đây là do tánh ba, xen nhau thành chín, khiến tu ba cũng thành nghĩa chín, nói lên không có tu riêng cho nên nói hai, chín. Hai chẳng có hai thể, chỉ là một, chín. Chín chỉ là ba, ba chẳng nhất định ba ba chỉ là một. Nêu một chẳng ít, nói chín chẳng phải nhiều. Tu tánh tròn mầu nghĩa ấy như vậy.

Hai y theo hai thân tức pháp cho nên khó suy nghĩ. Trên y theo nghĩa ly, tu tánh đều có ba. Nay y cứ vào nghĩa hợp nên cho rằng báo hóa thầm hợp với pháp tánh. Hai đã là tức tánh thì đâu thể đếm biết. Đó là thân lượng tám mươi thân ứng hóa không thể tính toán. Ấy cho nên bốn bài kệ đều nói Thích Tôn. Ý này đều do quả tông hiển tánh, cho nên khiến hai thân đồng pháp tánh thọ.

Ba gá nghi rõ mất, nếu Tín Tướng biết quả có công năng hiển bày

thể, phi thường phi vô thường, năng thường năng vô thương. Rốt cuộc chẳng thấy đoản định, cho là đoản.

23. Y theo hóa sự so sánh:

Y theo hóa sự so sánh, huống chi là giải thích có hai, ban đầu lập huống, hai kiết thúc giải thích. Cái gọi là trường đoản phải pháp tánh, thật ta trường đoản chẳng hoàn toàn là pháp tánh. Vì mê nên chấp nhất định là trường đoản. Chẳng biết pháp tánh, cho nên đối với trường đoản chỉ cho là chẳng phải trường đoản mà là pháp tánh. Nếu thấy pháp tánh thì năng trường đoản.

Về hiển đắc, nếu thấy ý này thì chỉ cho nay lập quả làm ý của tông. Ý này nếu lập thì các nghĩa đều thành. Vì sao? Vì tu hai tánh một mà nói về ba thân, hiển quả của thể chính là báo thân, nghĩa thường liền thành. Thể của sở hiển đâu chẳng phải pháp thân, nghĩa phi thường phi vô thường liền thành. Pháp báo đã hợp, ứng thân phó cơ, đó là nghĩa vô thường. Nghĩa đẳng này lập, công do quả chứng, quả là tông yếu nghĩa ấy khéo thành. Quả là then chốt hiển bày thể, như nêu mắt lưới thì chánh tín chẳng xằng bậy.

24. Hỏi đáp về thường và vô thường:

Hỏi: Câu văn nói ứng Phật có thể là thường, vô thường, cho nên năng thường cũng là ứng thân. Tại sao Văn này nói thường thuộc về báo thân, ứng thân chỉ vô thường?

Đáp: Báo ứng chính là Pháp thân thường và vô thường, dụng của hai thứ. Pháp thân là thể tánh chẳng khắp thuộc, cho nên pháp thân nói phi thường, phi vô thường. Báo thân thuộc thường, ứng thân thuộc vô thường, mà câu văn nói ứng thân năng thường, vì năng hiện trời, người lâu dài, chẳng thể đếm, năng rõ pháp tanh dụng thường trụ, cho nên nói là thường. Hoặc vọng báo thân, trường đoản hai ứng đều gọi là vô thường, cho nên cùng dưới đây giải thích nghĩa chẳng trái nhau.

25. Phân biệt với phi nghĩa:

Phân biệt với phi nghĩa của các Đại sư ngày xưa, có hai,ban đầu tựa, hai là bác bỏ sư xưa đây giải lược có hai mất, một chẳng thể phân biệt pháp thể lớn nhỏ, cho nên lấy ba tạng ba thứ vô vi, khó hiểu quả bốn đức của phương đẳng.

Kế là chẳng biết kinh nay quả tông hiển bày thể, quả nhân, quả thọ thầm hợp với pháp tánh. Pháp tánh đã phi thường, phi vô thường, quả nhân, quả pháp cũng phi thường phi vô thường, pháp tánh đã năng thường năng vô thường, quả nhân quả pháp cũng năng thường, năng vô thường. Vì ba thân của quả đều tức tánh. Cho nên ba thân mỗi thân đều

đầy đủ lẫn nhau. Người xưa mê lầm điều đó cho nên ngang bằng biển, giọt nước phân làm vô thường. Đã mất nghĩa tánh tu đều dung thông, chỉ lập kinh tông, hoàn toàn không có nghĩa cốt yếu.

26. Nói về dụng:

Luận dụng, quả tông thầm hợp với thể, cho nên có đại dụng, giống như xem trống, vì gõ vì đánh hiện tượng phát tiếng. Giải thích danh gồm có hai. Nay nêu riêng một. Giải thích đây thành ba, ban đầu nêu bày tên chung, dùng năng lực. Giải thích dụng danh nghĩa thành, chẳng kham năng lực vô tác làm dụng.

Hai nghĩa hiển bày nhau để nêu bày tên chung. Hai chính giải thích điển này, có hai:

Ban đầu nêu bốn danh, trước là nêu chung diệt ác sinh thiện. Tông đã thầm hợp với thể, lực dụng của thể nhậm vận phát sinh, có công năng làm cho các căn cơ dứt ác sinh thiện. Nếu riêng đối thì lực có công năng dứt ác dụng có công năng sinh thiện, vì diệt ác cho nên lực dụng thành công. Vì sinh thiện cho nên dụng mới thành đức, vì thế nêu công đức hiển lực dụng, muốn cho dễ hiểu nên lại nói nghiêng về: hoặc tận lý ấy, lực dụng công đức mỗi pháp đều có công năng dứt ác sinh thiện.

Hai nói ý kinh, có hai:

Một là nói quả trí thành do công đức. Phẩm tựa chép: Nhất thế chủng trí làm cội gốc, vô lượng công đức làm được trang nghiêm, diệt trừ các khổ ban cho vô lượng an vui. Nay dùng văn này nói lực dụng của kinh. Vì quả thượng trí là các hạnh bổn ấy. Đây nói sơ tâm biết rõ bổn tánh đầy đủ ở quả đức, tuy dùng vô lượng đức tu để trang nghiêm. Vì Tu tức tánh cho nên nghiêm vô sở nghiêm, rõ khổ tức tánh không có khổ để dứt, là năng trừ diệt tất cả khổ. Biết lạc tức tánh, nên không có lạc để ban cho, là cho khắp cùng cái vui rốt ráo.

27. Hỏi đáp về lực dụng của kinh:

Hỏi: Nay nói công đức trang nghiêm quả trí, đây là hành nhân tu sám khen ngợi... Diệt ác sinh thiện, thú hướng Bồ-đề, đâu được lấy đây làm lực dụng của kinh?

Đáp: Phật đắc thể của kinh, thể phát ra lực dụng, lực dụng vì sao cho rằng thuyết sám tán và dùng không tuệ, hành giả tu thành năng lực dứt ác và công dụng sinh thiện, trang nghiêm bản trí mà thành trí Phật, lực dụng của kinh đâu chẳng phải do tu mà thành ư? Như thế gian thuốc tốt không uống thì không có công dụng.

Kế là nêu bày văn, chỉ lực dụng cân nhắc kế đó, có hai:

28. Nói về sám hối và khen ngợi:

Ban đầu nói về hai phẩm Sám Tán, có hai:

Ban đầu nói hai hành thành quả ba, ban đầu nói hai phẩm trước sau. Sám có ba thứ đó là tác pháp, thủ tướng và vô sinh. Vô sinh lấy hai làm trợ, cho nên khiến cho tham, sân, si trừ diệt. Ba phiền não này có chung, có riêng. Nay rõ chung riêng, đồng ở nhất niệm. Đốn chiếu vô sinh. Gồm sự sám trợ, điều ác nào cũng diệt. Tán có ba thứ, đó là tán trượng sáu, tôn đặc, pháp tánh. Nay chính là tán tôn đặc. Trên thầm hợp với pháp tánh, dưới hiện trượng sáu, ba này đây tức một, một này tức ba chẳng ngang chẳng dọc, không thể suy nghĩ, bàn luận. Tán Phật như thế nhiếp tất cả thiện, gồm trước sám hối là nhân thường lạc. Y theo phẩm kia thứ lớp trước dùng sám tẩy thanh tịnh ba nghiệp lễ tán ba thân. Hoặc nhờ thiện lực tán Phật giúp sám khiến ba chướng diệt, vì đây là thứ, nghĩa kia cũng thành, cho nên nói cũng là nêu lên lẫn nhau.

29. Có công năng thành tông thể:

Kế là nói năng thành tông thể, quả thể của Phật là thể sinh tâm, Phật nêu bày sám tán hai thứ thắng dụng, chúng sinh tu đó được thành dụng diệt ác sinh thiện. Dụng này trang nghiêm đồng với Phật quả trí, hiển bày thể của pháp tánh.

30. Nói năm nghĩa đều đầy đủ:

Kế là nói năm nghĩa đều đầy đủ. văn này nương trên tức là hành nhân trí đầy đủ thì thể hiển bày. Thể hiển bày gọi là Kim, Tánh thể đã hiển, quả trí gọi là thể. Trí này gọi là quang. Lực của nghiêm quả công phu tự hành thành tựu thì có, nhiều lợi ích, gọi là minh. Sự lợi ích không gì hơn lập giáo, ba chữ như chữ kim... là chỉ đối với thể... Hoặc chung ba thứ này tức là danh. Chiêu cảm năm thứ, đã thế thì ứng với năm cũng vậy. Nay nói một năm, đã bao gồm hai, năm nói hai phẩm đầy đủ lẫn nhau, như nói về tội chẳng tu gốc lành, tức trong sám sinh thiện. Hoặc khen đức lìa được nhiễm đắm, tức trong tán diệt ác. Nay từ hai bên phải gượng nói.

31. Nói về văn phẩm không:

Nói văn phẩm Không. Phẩm này viên bày về tức không giả trung, đủ ba hoặc đắm, gọi là rốt ráo không. Dẫn dắt thành dụng của hai thứ sám tán, nếu kia chẳng chiếu, thì ba hoặc vô sinh, nếu sám chẳng trừ được cội gốc tội ác, thì tạm dừng lại khởi, nên nói ác chẳng dứt trừ. Nếu kia chẳng chiếu, thì ba đế vô đắc, dầu tán chẳng hiển công đức tánh tịnh, lại thành nhân hữu lậu, cho nên thiện chẳng thanh tịnh, nay dùng không tuệ vô sinh vô đắc cho nên sám tán làm trang nghiêm quả trí dẫn văn phẩm tựa. Trí trung không là gốc sám tán bổn. Nhưng lợi căn kia

đối với hai phẩm trước tu sám vô sinh y theo sám tôn đặc. Đâu nương không tuệ, người độn căn còn mê mờ cho nên đặc biệt nói, vì thế phẩm này nói vì người độn căn khởi tâm đại Bi.

32. Nói về các văn:

Nói các văn trở xuống. Phẩm Quỷ Thần nói tất cả đều là Đại Bồ-tát... cho nên biết năng lực hộ kinh và cúng tế trừ tiêu tai họa đều là phần đắc tông Kim Quang Minh hiển dụng Kim Quang Minh, khởi dụng Kim Quang Minh, cho nên biết chư Thiên được, lực dụng của kinh lại hộ các kinh. Đến văn dưới, chính luận trị bệnh cứu cá, cho cọp ăn, đều là công đức lực dụng sinh thiện dứt ác của kinh này, cho nên bốn vị Thiên vương nói: Chúng ta nghe kinh tăng ích thân lực, tâm tấn mạnh mẽ đầy đủ các oai đức. Lại vua cõi người khi đốt hương cúng dường kinh, biến thành lọng hương, màu vàng chiếu khắp cõi này cõi khác, đều là năng lực oai thần của kinh này.

33. Nhắc lại văn kết nhiếp:

Điệp văn kết nhiếp. Ý này rất dễ thấy. Năm là sắp xếp giáo tướng, hoặc nói về sinh khởi thì tìm danh được thể, y thể lập tôn, tôn thành hữu dụng. Dụng thì lập giáo, đây là chế lập thứ lớp năm chương. Hoặc nghiên cứu năm nghĩa phải nói chung, riêng. Tên chung ba pháp, thể tông dụng, ba riêng nêu ba pháp. Giáo tướng này phân trước chung sau riêng, thuộc về thời vị. Văn có hai:

Một là nêu, bốn chương trước đều là lời nói của bậc Thánh, đều gọi là giáo. Nay lấy năm vị bốn tạng, bốn giáo nói về tướng trạng, để người xem phân biệt.

Hai là giải thích, có hai:

34. Bác bỏ sự hiểu biết khác của người:

Ban đầu bác bỏ sự hiểu biết khác lạ của người, có ba: trước phá cựu sư xếp vào bất định, có hai:

Ban đầu là tựa, hội ba tức Pháp Hoa, khen chê tức Phương Đẳng, vô tướng tức Bát-nhã. Tức chẳng phải ba thứ này, không xếp vào chúng đồng nghe. Vì xét chẳng ở thứ lớp năm thời, chưa đến Niết-bàn mà bỗng nhiên nói về thường, cho nên xếp vào giáo thiên phương bất định. Thiên là thiên lệch, phương là nơi chốn, chỉ cho ngôi thất của Tín Tướng là chỗ thiên tịch. Người xưa phán giáo, lập ra năm thời với nay có khác. Kia cho rằng tên riêng Hoa nghiêm là đốn, lập ra năm thời đều gọi là tiệm. Một là hữu tướng giáo, gồm bốn bộ A-hàm, hai là vô tướng giáo, gồm các Bát-nhã.

Kế là bao biếm giáo, gồm kinh Tịnh Danh và các kinh Phương

đẳng.

Kế là vạn thiện đồng quy giáo, gồm Pháp hoa. Năm là thường trú giáo nghĩa, gồm Niết-bàn. Nếu là thiên phương bất định giáo thì chẳng thuộc về tiệm đốn.

35. Nói về bác bỏ:

Kế là phá, có hai:

Ban đầu bác bỏ chẳng phải năm thời, thứ lớp có ba:

Một là nêu nghĩa định kia; Hai là dẫn Ương-quật và lời tựa chung của kinh ấy đều không xếp vào chúng. Ương-quật-ma-la bác bỏ Thanh văn thừa, nói Ma-ha-diễn đồng với Duy-ma, luận sư luận thành thật xếp đồng với kinh này, thuộc về thiên phương bất định giáo.

Ba là khiếu thành thứ lớp. Luận gia đã xếp Ương-quật không nằm trong thứ lớp, xét biết chẳng nhân, chẳng xếp vào đồng văn mà là không thứ lớp. Như vậy đâu ngại kinh nay chẳng xếp vào đồng văn là thứ lớp ư?

Kế là phá phi thiên phương bất định, có ba:

Một là nêu cố nghĩa định kia. Xưa phán năm thời, thời Niết-bàn thứ năm mới nói về thường trú. Bốn thời trước đều là vô thường. Kinh này vượt thứ lớp nói về thường thọ. Gọi là thiên phương. Trước đây đã định, hai là dẫn Phương Đẳng để bác bỏ, Đà-la-ni, tức là kinh Phương đẳng Đà-la-ni, là lấy hội ba của Pháp hoa thứ tư, ví dụ thứ năm Niết-bàn nói về thường. Phương đẳng hội ba, dã ở vào thứ lớp. Nay kinh nói về thường vì sao bất định? Đây là phương đẳng, sau phân văn kinh, nên được chỉ cho ba nơi Pháp hoa thọ ký cho Thanh văn.

36. Dẫn các kinh để bác bỏ:

Kế là dẫn các kinh để phá. Người xưa phán giáo, không rõ là tên khác nhưng nói về một lý. Hoa nghiêm Pháp giới, Phương đẳng thật tướng, Phật mẫu Bát-nhã, nhất thừa Pháp hoa, các kinh này nếu cùng Niết-bàn thường thân kim cang bất biến, thể bất đồng, há dùng pháp sinh diệt vô thường làm tướng thật và nhất thừa ư! Lại Duy-ma nói Pháp thân vô vi, chẳng rơi vào các số. Pháp hoa chép: Thường ở Linh sơn. Lại nói thường trú bất diệt. Các kinh này đã xếp vào thứ lớp. Vì sao chỉ có kinh này thuộc về thiên phương ? Đây mới chính là nói kinh nay nói về thường, chẳng phải bất định giáo. Các kinh nói phụ đều giải thích thường trú.

37. Bác bỏ xếp vào Pháp Hoa của một Sư:

Bác bỏ xếp vào Pháp Hoa của một, sư, có hai, một là tựa, nghĩa là dụ tuổi thọ trong Pháp hoa lấy giới trần ngang bằng với kinh này. Ý

nói hai kinh chưa ra khỏi số lượng đều là vô thường. Hai bác bỏ. Sư này chưa rõ hai kinh bàn về thường, chỉ chấp số lượng, một chẳng rõ kinh này, trong kinh Đế vương, nhân Bà-la-môn muốn sinh lên cõi trời cho nên xin xá-lợi Phất, vương tử Lê-xa nói rộng Thân Phật là thường trụ, thể không có xá-lợi. Đây là ứng sắc tức nói Pháp thân chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, để xét phẩm này, ngắn tiêu biểu cho ứng thân, dài tiêu biểu cho báo trí. Người xưa chẳng thấy bản mới dịch nói pháp thân thường trụ là kim sở chứng. Báo thân thường trí là quang năng chứng. Chỉ ngang bằng ứng thân núi cân giọt nước biển tiêu biểu cho số, xếp vào vô thường. Che lấp kim quang pháp báo được tiêu biểu.

Kế là chẳng hiểu rõ Pháp hoa, bộ kia nói hai môn bổn tích đều nói về thân thường. Vì sao? Vì trong Tích môn nói: tướng thế gian thường trú ở đạo tràng biết rồi. Trong bổn môn nói Như lai thấy tướng ba cõi chẳng phải như, chẳng phải khác. Đây đều là thể trung đạo của pháp thân thường trú, sở chứng là lấy đảo châu báu, hạt ngọc châu trên búi tóc mà làm thí dụ. Pháp thân Sở chứng là thường trú, báo trí năng chứng sở nương ứng dụng, đâu thể vô thường. Kinh nói bụi cõi chính là quá khứ vốn thành kiếp số, hoặc nói về vị lai, văn kinh nói rằng thường trụ bất diệt, đâu chẳng phải các Sư này dùng lâu xa thành Phật số kiếp nhiều như bụi cõi số để che lấp đảo châu báu, thí dụ ba thân ư?

38. Bác bỏ Chân-đế xếp vào ba tháng:

Phá Chân-đế phán ở ba tháng, có hai, ban đầu là nói, hai là phá, có hai:

Ban đầu là đoạt phá, lời tuyên bố diệt ở các kinh, đâu thể riêng chỉ cho ba tháng thông báo trước với Ba-tuần, Tín Tướng hoài nghi ư. Văn này có ba:

Một là đoạt chung, hai là dẫn kinh, ba là kiết luận bỏ bỏ, hai là bác bỏ theo chiều dọc, có hai:

Ban đầu dọc, mà nghiệm xét. Sở dĩ dọc là do các kinh xướng diệt lời ấy giống như chung, hoặc trước ba tháng, biết ngang tám mươi, cho nên phải hứa dọc ở ba tháng. Tuy dọc năm tháng phải nghiệm xét về bộ vị. Vì hễ phán giáo thì có chia ra trước sau. Trước có chia thứ lớp, sau chia ra bất định. Như nay phẩm Không ở sau Bát-nhã, hoặc Đà-la-ni ở sau Pháp Hoa. Sau tuy bất định phải nhiếp quy trước. Dù khiến kinh này nói trước ba tháng là thuộc Pháp Hoa, hay thuộc Niết-bàn. Đây là thuận theo người xưa, vì hai kinh Pháp Hoa và Niết-bàn phân đối hai thời thứ tư, thứ năm.

39. Nghiệm kia không y theo ba thừa:

Hai là nghiệm kia không y theo ba thừa đồng văn sám xuất xứ từ kinh bản tâm dịch. Hành nhân ba thừa đều cầu chứng quả. Đồng nương kinh này tu sám hối. Pháp Hoa phế quyền còn bỏ biệt giáo, bất cộng phương tiện, chẳng lẽ còn ba thừa đồng sám phương tiện. Thối chẳng phải Pháp Hoa, kinh này đã ở nói trước ba tháng, tiến phi Niết-bàn, lưỡng doanh chẳng nhiếp không theo khuôn phép.

Nay chính là sắp xếp, có hai:

Ban đầu dùng văn nghĩa định có hai:

40. Phân biệt với thời khác:

Phân biệt với thời khác, nếu xếp vào vô tướng mà thời khác thì phân biệt với chẳng phải Bát-nhã. Khi nói bộ kia, thì xứ hội tuy nhiều mà đồng tên Bát-nhã. Đây đã lập riêng tên gọi Kim Quang Minh, cho nên cùng thời kia có sở thuyết khác. Hội ba tức Pháp Hoa, kinh ấy bỏ quyền, đồng trở về nhất thừa, thuần một đề hồ. Nay còn khác hướng thì thuộc về bơ sống, cho nên nói vị khác.

Kế là định thuộc Phương đẳng, có hai, ban đầu dùng nghĩa văn để định có hai, trước dẫn văn Phương đẳng.

Kế là dẫn văn ba thừa. Tên gọi phương đẳng lập có hai ý. Hoặc đại kinh nói từ lạc có ra bơ sống, dụ cho Tu-đa-la có ra phương đẳng. Đây là y theo thời giáo thứ ba. Gọi là phương đẳng tức bao trùm các cơ tam thừa tứ giáo. Hoặc Phổ Hiền quán gọi Phương đẳng là gọi thẳng viên lý. Chẳng phải thời thứ ba trùm khắp các căn cơ giáo bộ. Nay ban đầu dẫn văn Phương đẳng, sợ người cho rằng đồng Phổ Hiền quán... từ lý tập tên gọi, cho nên dẫn văn sám hối ba thừa. Vì đặt tên này là từ giáo bộ, cho nên kiết thúc rằng nghĩa ấy không nghi ngờ.

41. Y theo nghĩa nhất định:

Y theo nghĩa định. Một là nói về bộ Phương Đẳng, vốn chẳng hạn cuộc. Nhân nay lập nói: Giáo pháp phương đẳng không ở ba thừa, bèn dẫn bản tân dịch không khác văn thừa. Khó nay đã lập chung với ba chẳng thành, cho nên nói hại đối với nghĩa chung. Nhưng Phương đẳng trở xuống giải thích khó. Cái gọi là pháp giới không khác thừa, biệt giáo, viên giáo đều lấy pháp giới làm chỗ quay về. Cho nên tự được gọi không có thừa khác. Phương đẳng mãn tự đã có cả hai giáo, có gì chướng ngại.

42. Nói về xếp vào chúng:

Kế là nói về xếp vào chúng, văn hoặc vị lai, kinh ban đầu chẳng xếp chúng đồng nghe. Người khác nghi, nay sư xếp vào Phương Đẳng không thứ ba là ổn đáng, cho nên đại sư chỉ Thiên trúc kia văn ấy còn

nhiều. Chẳng phải chỉ sấm dịch văn bốn quyển và bảy quyển của Chân-đế. Mà đến Ngài Nghĩa Tịnh đời Đường, dịch lại kinh này, tên là kinh Tối Thắng Vương Kim Quang Minh, quả có xếp chúng, vì xét Đại sư đã chỉ bản phạm rõ ràng bốn quyển thầm phù hợp. Lại xét sư khác xếp vào Thiên phương, rõ ràng là sai. Hai, dùng giáo vị để xếp, đối tha nghiên cứu nghiệm xét. Lại y theo văn nghĩa cho nên châm chước như thế, là dùng năm vị, bốn tạng, bốn giáo mà phán nhiếp. Ban đầu năm vị, văn kinh Niết-bàn tức dùng bơ sống dụ cho Phương đẳng, nay kinh có nói văn Phương đẳng. Lại có nghĩa ấy cho nên phải ở vị nhiếp thứ ba. Kế là bốn tạng, đó là Thanh văn tạng, Bồ-tát tạng, Tạp tạng và Phật tạng. Đây lấy người mà gọi pháp tụ. Thanh văn gọi là tạng ý rõ ràng thuần tiểu. Bồ-tát Phật tạng chỉ giải thích đại. Tạp tạng bao gồm vừa đại vừa tiểu. Nay kinh đã cho phép ba thừa đồng sám thì năng uẩn nhiếp Thanh văn, Bồ-tát và dùng Phật pháp, cho nên thuộc về tạp tạng. Bốn giáo Sau, năm vị bốn tạng tên vẫn đồng người khác. Bốn giáo phán kinh chỉ có ở đây dùng, kinh này thể huyễn tức là không trong hiển. Hoàn toàn chẳng phải ba tạng tích pháp vụng độ, ba thừa đồng sám lại chẳng phải pháp biệt viên Bất cộng. Chánh là pháp bất sinh diệt ba thừa cùng bẩm thừa của Thông giáo. Bồ-tát lợi căn biết thường đạt tánh, cho nên gọi Thông giáo mang biệt nói viên.

43. Hỏi đáp về Bồ-tát Thông giáo:

Hỏi: Bồ-tát Thông giáo lanh lợi, được tiếp độ, ở Thánh vị mới biết bất không. Sao giải thích đề và giải văn kinh, chỉ y theo đầu cuối đều viên, cho nên giải thích và xếp vào giáo tướng, đốn thành luống vượt?

Đáp: Thông giáo cơ xen tạp chẳng được tiếp độ riêng, mới biết bất không, vì luận thông giáo phải có ba nghĩa: Một nhân quả đều thông, hai nhân thông quả bất thông, ba thông biệt thông viên. Nghĩa đầu tiên là Bồ-tát độn căn chỉ thấy không. Đầu cuối chẳng biết, nhị giáo biệt lý, cho nên nói nhân quả đều thông. Nghĩa kế kiến địa trở lên mới thấy sâu về không, thấy được bất không, vì Bồ-tát này ban đầu nương thông lý được thành chân nhân, sau nương lý riêng mà hướng về quả Phật, nên gọi là nhân thông quả bất thông. Nghĩa thứ ba, tức là càn tuệ và trong tánh địa. Nghe thể pháp không, bất đãn không, đối với hai mươi lăm hữu, cũng là không của Niết-bàn, Người này tuy nương thông giáo bàn về không, khai mở dẫn dắt tâm, mà rõ không này thể là Trung đạo, chính dùng biệt viên trong ngoài phàm quán. Đồng ở Nhị thừa trải qua Càn tuệ... và các địa sau. Đến Địa thứ mười thì thành Phật biệt viên, Sơ địa, sơ trú, tám tướng. Đây là nghĩa Thông giáo, thông biệt, thông

viên, đã lên Sơ địa thì biết bất không, cho nên chẳng gọi là Bị tiếp. Vì nghĩa ấy cho nên kinh này tuy y theo ba thừa đồng sám, xếp vào Thông giáo, nhưng chẳng ngại giải thích đề và giải thích văn. Tự nói ba pháp đầu cuối viên diệu. Chính là nghĩa thứ ba của thông giáo. Lại nên biết, kinh này đã cho phép ba thừa đồng sám, chỗ sám hối ấy tùy kia tin hiểu, hoặc không bất không, nay hành giả viên giải hạnh, bỏ kém theo hơn hoàn toàn nói viên bàn, luống Thấy nghe từ ý này, mà suy nghĩ tu hành.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 139

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ

SỐ 1785
(QUYỂN 1 → 6)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1785

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ

Đại sư Trí Giả, ở núi Thiên thai Đời Tùy giảng

Môn nhân là Quán Đảnh ghi chép

QUYỂN 1

Bốn quyển, gồm mười tám phẩm, xưa nay phân cắt dài ngắn khác nhau. Các Sư ở Giang Bắc lấy phẩm đầu tiên làm Tựa, lấy phẩm Tuổi thọ về sau hết phẩm Xả Thân làm Chánh Tông, phẩm Tán Phật làm lưu thông. Phần Chánh văn lại chia làm ba: Phẩm Tuổi thọ trở xuống là Chánh Thuyết, phẩm Tứ Vương trở xuống là Đại Thệ che chở kinh, phẩm Trừ Bệnh trở xuống là Đại bi tiếp độ chúng sinh.

Các Sư ở Giang Nam lấy phẩm đầu tiên làm Tựa, phẩm Tuổi thọ về sau làm Chánh văn, mười ba phẩm từ phẩm Tứ Vương về sau làm Lưu thông. Tam Tạng Chân-đế chia văn mới thành hai mươi hai phẩm, phẩm đầu là Tựa, phẩm Tuổi thọ trở xuống đến phẩm Xả Thân gồm mười chín phẩm là Chánh văn, hai phẩm sau cùng là Lưu thông. Chân-đế giải thích rằng: Phẩm Tuổi thọ nói về quả của thầy, hai phẩm Sám vàThán nói về nhân của Đệ tử, phẩm Thọ Ký nói về quả của đệ tử, phẩm Trừ Bệnh nói về nhân của Thầy, phẩm Tứ Vương xuống đến phẩm Chánh Luận là lực dụng. Quả của thầy, nhân của đệ tử ở trước là Chánh, nhân quả của thầy và trò ở sau đâu được làm phần Lưu thông? Nay Sư cho rằng “Tựa không hành đạo, Lưu thông ngừng dứt không được luận về nhân quả thầy trò”. Nghĩa này không đúng. Hễ là ba đoạn ấy thì không thể nào cách tuyệt triệt để, Tựa vốn là Tựa của Chánh và Lưu thông. Tựa thì có ba nghĩa. Chánh vốn là Chánh của Tựa và Lưu thông, Chánh cũng có ba nghĩa. Lưu thông cũng có ba nghĩa. Lưu

thông vốn là Lưu thông của Chánh và Tựa. Lưu thông cũng có ba nghĩa, lời của thượng trung hạ đều tốt đẹp. Lại nữa, chúng sinh đạt đạo căn tánh không cố định, làm sao dung nạp Tựa không có mùi vị, Lưu thông ngừng nghỉ được ư? Đã không ngừng nghỉ thì nói nhân quả thầy trò cũng có ngại gì? Như trong Tựa nói Chánh cũng có vô ngại, trong Lưu thông có Chánh ý, thì càng đốc thúc khích lệ nên thực hành không trái với ý kinh.

Vả lại trong kinh Pháp Hoa nói "Tiên A-tư-đà là nhân của thầy, phẩm trì là thọ ký cho quả của đệ tử", các Sư đều phán là Lưu thông. Ở đây có thí dụ điều đó, đối với nghĩa không có gì ngăn ngại, cho đi và lấy lại do người không cần phải nhọc nhằn chấp trước. Nay bắt đầu từ "tôi nghe như vầy" cho đến phẩm Tuổi thọ, kết thúc trời rồng tập trung ở thất của Bồ-tát là đoạn tựa, từ "Bấy giờ bốn Đức Phật... "trở xuống đến hết phẩm Không là đoạn chánh thuyết, từ "phẩm Tứ Vương..." trở xuống đến hết kinh là đoạn lưu thông. Tự là lời tựa mong muốn có lợi ích, chánh là đương cơ hành đạo, lưu thông, lưu là chảy xuống, thông là không tắc nghẽn, muốn làm cho nước chánh pháp từ nay về sau sẽ chảy mãi, cái nơm của Thánh giáo không tắc nghẽn ở đời sau. Kinh nói "Lời thượng, trung, hạ đều tốt đẹp", tức là nghĩa này vậy. Người nghi ngờ nói: Phần tựa đâu được đưa vào trong phần chánh thuyết?

Các kinh đều lệ theo đó, như kinh Duy-ma không có phẩm Tựa, Tựa ở trong phần chánh thuyết, kinh Đại Phẩm phần Chánh Thuyết ở trong phẩm Tựa, kinh Niết-bàn phần Tựa dựa vào trong phẩm Chánh Thuyết, các kinh đều như thế, không thể vì thế mà nghi ngờ, sau lại nghi ngờ ở đây? Đó chính là đưa ra ý kinh, là bốn Đức Phật dứt nghi, chỉ vì thế mà khởi văn, đó hoàn toàn tuyệt diệu phần Tựa lẽ nào ở trong phẩm Tuổi thọ? Nay từ nghĩa thì không thể hợp lại thành một phẩm mà phải phân cắt. Tựa có ba nghĩa:

1. Nói về phần tựa:

1. Thứ lớp.
2. Tự thuật.
3. Phát khởi.

Thứ lớp ở đầu một bộ - đứng đầu các thuyết, cho nên nói là Thứ lớp. Tự thuật sẽ nói về lợi ích ấy, nên nói là Tự thuật. Phát khởi là phát tín tâm từ nơi giáo.

Một đoạn văn kinh gồm ở ba nghĩa này, cho nên đề là phẩm tựa. Phẩm là tiếng Phạm là Bạt-cừ, ở đây gọi là Phẩm. Phẩm là nghĩa loại trong đây văn cú khí loại thuận theo nhau, tiết gọi là Bạt-cừ, chẳng hạn

như trong luật có Thiên tụ, trong Tỳ-đàm có Kiền-độ. Từ “như vầy...” trở xuống là Thứ lớp, từ “bấy giờ Như lai...” trở xuống là Tự thuật, từ “Thất ấy tự nhiên có nhiều việc trang nghiêm rộng lớn...” trở xuống là phát khởi. Tựa trong thứ lớp xưa nói có năm việc, thêm địa Nhân khai Phật thành sáu việc. Kinh này các trời rồng nhóm họp trong thất của Bồ-tát Tín Tướng, không nghe lời tựa trước, không nghe giấc mộng sau, cũng có thể là cùng nghe, cũng có thể là chẳng phải. Chúng cùng nghe ít không theo thứ lớp.

2. Sáu thứ thành tựu:

Năm sáu việc này, cũng gọi là tựa Ấn Định vì các Đức Phật ba ở đầu một kinh đều đặt chữ như vầy trước hết, cũng gọi là tựa chung vì giống với các kinh, cũng là tên chung làm gốc, cũng gọi là lời bạt của kinh vì người kiết tập đã sắp xếp, cũng gọi là lời tựa trước của kinh vì di chúc bảo xếp vào, cũng gọi là tựa Phá tà, vì đối phá ngoại đạo a ẩu, cũng gọi là tựa Chứng Tín vì làm cho người nghe không nghi ngờ. Đại sư Thiên Thai nói: “Tóm lại sáu thuyết này đều là ý của bốn Tất-đàn. Các kinh của các Đức Phật đều là Thế giới tất-đàn. Trước Kinh sau Kinh vì lợi ích cho đời sau là Vị nhân tất-đàn. Đối phá ngoại đạo là Đối trị tất-đàn. Trước Kinh sau Kinh vì lợi ích cho đời sau là Vị nhân tất-đàn”. Xưa giải thích: “Như là không khác, Thị là không sai lầm.

Văn cú do A-nan thuật lại tựa như nước chảy vào bình, so không khác với Phật, cho nên không khác nhau gọi là Như, lý của văn đưa ra tlửa đáng không sai lầm, cho nên chẳng sai lầm gọi là Thị. Tóm lại là Văn Như Lý Thị”. Đại sư Tăng Triệu nói: “Như Thị là từ ngữ tin thuận, Tin thì lãnh hội lý đã nghe, Thuận thì thành tựu đạo thầy trò”. Tam tạng Chân-đế nói: “Như thị là quyết định, số quyết định lý quyết định, Phật nói kinh này có bao nhiêu câu chữ, nếu nhiều thì thành thêm chê bai, nếu ít thì thành bớt chê bai, A-nan thuật lại như nước chảy vào bình không nhiều không ít, nên gọi là số quyết định, Đức Phật nói lý vô tướng chẳng phải có chẳng phải không, nếu có thì rơi vào thêm, nếu không thì rơi vào bớt. A-nan thuật lại không thêm không bớt, nên gọi là lý quyết định”. Long Thọ giải thích: “Như thị là từ ngữ tin thuận.

Người tin thì nói là sự như thị, người không tin thì nói là sự bất như thị”. Bốn giải thích này đều dựa theo một ý Tất-đàn. Xưa lời giải thích là chung, không hiển bày văn thuyên thì lý nào là Như. Lý như thế là nào là văn, sở thuyên là Thị? Đã không hiển bày rõ ràng thì chỉ là ý của thế giới tất-đàn. Đại sư Tăng Triệu y theo sự tín thuận là vị nhân, Tam tạng Chân-đế dựa theo văn lý quyết định là đối trị, Long Thọ dựa theo

sự tín thuận như thị là nghĩa bậc nhất... Ở đây giải thích theo hai cách là chung, riêng. Phật nói đúng như pháp tướng, A-nan đúng như sự nghe mà thuật lại, cho nên nói là Như. Phật giải thích đúng như pháp tướng, A-nan đúng như lượng của biển mà thọ nhận, cho nên nói là Thị...

Giải thích riêng là: Ngoại đạo nói A-ẩu là tốt lành, văn trái với lý nên chẳng phải Như, lý khác với văn nên nói là phi Thị - không thể thấy A-ẩu ở trước tiên, mà giữa - sau đều tốt lành. Văn đúng như lý nên nói là Như, Lý như văn nên nói là Thị. Nay cho rằng: Ba tạng kinh điển đầu tiên nói Như Thị. Hai Đế đều khác nhau cho nên chẳng phải Như, lý nông cạn cho nên nói là phi Thị, Ma-ha diễn nhị đế tức nhau nên nói là Như, lý sâu xa nên nói là Thị. Ở đây cho rằng: ba người cùng nghe mà đều hiểu nên chẳng phải Như, chứng nhập hơn kém cho nên phi Thị, chỉ có đều nghe mà Bồ-tát là Như, cái chỗ Bồ-tát đạt đến là Thị.

Nay cho rằng nghe lìa hai bên mà nói Trung đạo thì chẳng phải Như, ra ngoài hai đế có trung đạo thì phi thị, tánh của văn tự là lìa, tức là ở nơi Như, nên nói là Như, tất cả các pháp tức là Phật pháp nên gọi là Thị. Đầu tiên Phá tà nói Chánh tức là ba tạng kinh Như thị, kế là Phá dị nói Đồng, tức là kinh Thông Giáo Như thị, kế là bác bỏ cạn nói sâu tức là kinh Biệt Giáo Như Thị, kế là phá lìa nói Trung tức là kinh Viên Giáo như thị.

Kinh này đã là Phương Đẳng, căn tánh có thông suốt ngăn che khác nhau, tạo thành nhiều thuyết không có lỗi. “Quán tâm giải thích, quán và cảnh thầm hợp cho nên là Như, Cảnh là chánh quán cho nên là Thị”. Kinh nói: “Như quán này là chánh quán, nếu quán khác tức là tà quán”, tức là nghĩa đó. Tôi nghe: xưa nói “A-nan không có tâm làm thầy, tự mình kế thừa ý chỉ của Phật cho nên nói tôi nghe”.

Chân-đế nói: “Ngã nghĩa là pháp khí.

Một là Tán tâm gọi là Phú khí, vì không có văn tuệ.

Hai là vong tâm, gọi là lậu khí, tuy được mà mất, vì không có tư tuệ.

Ba là Đảo tâm, gọi là uế khí, sai mà cho là đúng, vì không có tu tuệ. A-nan không có ba lỗi ấy, chỉ là pháp khí tốt đẹp, tự mình kế thừa cái đang có cho nên nói là tôi nghe”.

Thích Luận chép: Nhĩ căn không mất tác dụng, âm thanh ở chỗ nghe, chú ý lắng nghe, nhân duyên hòa hợp nên gọi là nghe, A-nan thuật lại di chỉ của Phật cho thính chúng nghe, tự mình kế thừa không sai lầm nên nói là tôi nghe. “Sư giải thích Ngã có bốn nghĩa, đó là Ngã Ngã, Ngã Vô Ngã,Vô Ngã Ngã và Ngã Vô Ngã mà chân Ngã không

hai, nghĩa phối hợp với bốn thứ căn tánh của con người...

Văn cũng có bốn nghĩa, đó là Nghe nghe, Nghe mà không nghe, không nghe nghe và không nghe, không nghe, phối hợp với người của bốn giáo pháp... có bốn thứ A-nan: đó là Hoan hỷ A-nan, Hiền A-nan, Điển tạng A-nan và Hải A-nan là bốn thứ duyên lập nên bốn thứ tên gọi. Hoan hỷ A-nan là Ngã Ngã dùng Nghe nghe. Hiền A-nan là Ngã Vô Ngã dùng Nghe mà không nghe, tự mình kế thừa Thân Phật hòa hợp giữa thân trượng sáu và thân tôn đặc mà gìn giữ Thông pháp, nên nói là Ngã Vô Ngã Nghe mà không nghe. Điển tạng A-nan là Vô ngã dùng không nghe nghe, tự mình kế thừa thân Phật tôn đặc mà giữ gìn Biệt pháp, nên gọi là Vô Ngã Ngã không nghe nghe.

Hải A-nan là Ngã Vô Ngã mà không hai mà dùng không nghe, không nghe, tự mình kế thừa pháp thân Phật gìn giữ Viên pháp, nên gọi là Ngã Vô Ngã mà không hai dùng không nghe, không nghe. Kinh này xuyên suốt ba thừa, nói nghe một âm đều hiểu được, vì thế phải phân biệt... Quán giải, nếu thực hành pháp quán lấy trên bỏ dưới đó là Ngã Ngã Nghe nghe. Nếu thực hành quán hai thứ phân tích và tự thể từ giả vào không đều là Ngã Vô Ngã Nghe mà không nghe. Nếu thực hành quán từ Không Ra Giả, đó là Vô Ngã không nghe nghe. Nếu thực hành Trung đạo quán đó là chân Ngã không nghe, không nghe". Một thuở nọ, Đại sư Tăng Triệu nói: "Lúc Pháp Vương mở đầu hội tốt đẹp" Tam tạng nói: "Lúc cao lúc hạ đều là đúng hoặc quá hoặc không kịp không có khả năng nghe pháp, chỉ có lúc bình thường tức là một thời nọ".

Riêng cho rằng: "Lúc cao thì tâm ngã mạn không hiện hành, lúc thấp thì đắm mê năm dục, không đắm say không ngã mạn là lúc bình thường". Sư giải thích: "Chúng sinh cảm pháp, Phật từ phó giáo, là lúc cơ ứng, cũng là lúc phát chân thấy đế, cũng là lúc mắt pháp trong sáng, soi chiếu thế gian, cũng là lúc Mắt nhãn soi chiếu Trung đạo... mà nói là Nhất, nếu trước tư (suy nghĩ) sau giác hai thứ đó chẳng phải một, lúc tư giác vọng dứt hoát ngộ, cho nên nói là một thuở nọ.

Quán giải, từ giả vào không là cùng lúc với chân, từ không vào giả là nhất thời cùng lúc với cơ, Trung đạo chánh quán là nhất thời cùng với pháp tánh... Phật, Chân-đế nói: "Phật có ba nghĩa, trí nhất thiết khác với ngoại đạo, từ bi khác với Nhị thừa, bình đẳng khác với Tiểu Bồ-tát, người khác không có những điểm này". Thích Luận nói Phật là danh hiệu thứ chín, Phật gọi là Giác, Giác ngộ rõ thế gian - xuất thế gian - thường - vô thường - số - phi số... hoát nhiên đại ngộ cho nên gọi là Phật. Đại sư Thiên Thai nói: "Phật nương vào trí Nhất thiết có

Thân Phật trượng sáu, nương vào trí Đạo Chủng có Phật tôn đặc thân cao trượng sáu, nương vào trí Nhất thiết chủng có pháp thân Phật, ba Phật không thể một, khác, chẳng phải một khác mà một khác vậy". Quán giải, Không quán hiểu rõ các pháp là một tướng, quán Giả hiểu rõ các pháp là nhiều loại tướng, Trung quán hiểu rõ các pháp là không có tướng một khác mà cũng có tướng một khác... Trụ - Phật là năng trụ, thành Vương xá là sở chỗ ở.

Chân-đế nói về pháp trụ có tám thứ:

1. Trụ trong thế giới Đại Thiên.
2. Trụ nơi y chỉ là thành Vương xá.
3. Trụ nơi năm phần pháp thân, là tuổi thọ hiện tại.
4. Trụ nơi oai nghi lợi ích chúng sinh.
5. Thiên trụ trụ trong thiền định.
6. Phạm trụ trụ trong bốn tâm vô lượng.
7. Bậc Thánh trụ trụ trong ba Tam-muội.
8. Đại xứ trụ trụ nơi nghĩa bậc nhất...

Trong Thích Luận thì bốn trụ thâu nhiếp cả tám thứ, thiên trụ phạm trụ thâu nhiếp cả thiên trụ, định trụ, thánh trú thâu nhiếp năm phần mạng trụ, Phật trú thâu nhiếp đại trụ. Lại có tích trụ thành Vương Xá, thâu nhiếp cả ba trụ: giới nội, y chì và oai nghi. Đại sư Thiên Thai nói: "Thân Phật trượng sáu trú trong Chân-đế, tôn trọng trượng sáu hợp với thân Phật, cùng trú trong Chân-đế và Trung đạo, Thân Phật tôn đặc cùng trú ở tục đế và trung đạo, pháp thân Phật trụ trong Trung đạo. Quán giải, Không quán trụ ở chân đế, giả quán trụ ở tục đế, Đệ-nhất-nghĩa quán trụ ở Trung đạo".

Thành Vương Xá, Thích Luận nêu ra nhiều nhân duyên, đầu tiên xây dựng trong năm núi trải qua bảy lần thiêu đốt bảy lần tu tạo, nhà vua đến ở đây nên nói là Vương xá. Lại chép: Nhà của người khác bị cháy nhưng nhà của vua không cháy. Sau đều quy định hễ nói là Vương xá thì tránh được lửa hoạn, từ đó đến nay gọi là Vương xá. Quán giải, "Năm ấm là nhà, tâm vua ở trong đó, cho nên gọi là Vương xá".

"Núi Kỳ-xà-quật trongThích Luận dịch là Thứu đầu". Chân-đế nói: "Núi Khúc Điểu ở phía Đông Nam thành Vương xá, núi Tỳ-phú-la ở phía Tây Nam, núi Tiên Nhân ở phía Tây Bắc, núi Hắc Sĩ ở phía Đông Bắc, núi Bạch Sĩ ở Trung Ương, phần trung ương bằng phẳng ba do tuần chính là thành Vương xá". Núi Quán Tâm thì "Linh tức là thần, Trí là Bát-nhã, Thứu tức là muôn đức là Giải thoát, Sơn tức là bất động, là pháp thân, thường là sở quán của tâm vương, tức là trú xứ của quán,

khiến cho tất cả tâm sở đều nhập vào trong đó”.

Kinh này thiếu chúng cùng nghe, nghĩa là Thời có năm, Xứ có bốn chúng ở núi Kỳ-xà-quật không nghe nói đến ngôi thất của Tín Tướng, chúng ở thất của Tín Tướng không nghe thuyết trong mộng, chúng trong mộng không nghe việc ngủ mộng đã thức, chúng chẳng phải cùng một chỗ nên không xếp vào chúng cùng nghe. Nếu vậy thì A-nan không nên xưng là tôi nghe, nhưng tuy không nghe mà Phật lại nói cho nghe. Lại, A-nan được Tam-muội Phật giác có thể năng tự mình thông đạt, được xưng là tôi nghe. Từ “bấy giờ Như lai...” trở xuống là tựa Tự Thuật.

3. Khác có bảy phần:

Tự về sau mươi bảy phẩm, cũng gọi là tựa riêng, phân biệt khác với kinh khác cũng là tên khác làm gốc nên nói là khác. Nghĩa của khác chia làm bảy phần:

1) Từ “bấy giờ Như lai...” trở xuống một bài rưỡi là khác về nhập định.

2) Từ “Kim Quang Minh này” trở xuống hai mươi bảy bài kệ là khác về tự thuật.

3) Từ “phẩm Tuổi thọ...” trở xuống là khác vều Hoài Nghi.

4) Từ “Đại sĩ như thị...” trở xuống là khác về Thụy Ưng.

5) Từ “Tín Tướng thấy Phật...” trở xuống là khác về Đằng Nghi Niệm Biệt.

6) Từ “Bốn Đức Phật bảo...” trở xuống là khác về dứt nghi.

7) Từ “Các tầng trời cõi dục cõi sắc” trở xuống là khác về Tập Chúng.

Sinh khởi, Phật thường ở trong định, nhưng mọi căn cơ nương Phật nên Phật muốn ứng hiện, cho nên thị hiện oai nghi phép tắc, Như lai thường vắng lặng, ưa thích đi vào pháp tánh nói ra Kinh Vương, Tín Tướng nghe pháp sau xa, nghi ngờ pháp đã là thường sao tuổi thọ con người ngắn ngủi, vì thế hoài nghi nhờ phước lực của Bồ-tát, nên nghi ngờ được cảm ứng, ứng cho nên bốn Đức Phật thị hiện, Phật thị hiện tức càng thêm nghi, càng nghi nên Phật liền dứt nghi bằng cách rưới mưa pháp khiến cho đại chúng nhóm họp, bảy việc khác với kinh khác, cho nên nói là Biệt. Đã nói bảy khác rồi. Hoặc có khi chia thành ba khác

4. Khác lại có ba phần:

1. Từ “bấy giờ” trở xuống gọi là tựa Tự thuật.

2. Từ “Tuổi thọ phẩm...” trở xuống gọi là tựa Hiện thụy.

3. Từ “bấy giờ, bốn Đức Như lai...” trở xuống là tựa Chúng Tập...

Nói tựa Tự thuật, nói về mười bảy phẩm sau, năm hàng đầu nói về phẩm Tuổi thọ chia làm ba: Hai bài đầu nói về quả đức, một bài kệ tiếp theo nói về hoài nghi, hai bài kế nói về dứt nghi, có thể tìm hiểu tường tận, tiếp đến một bài rưỡi nói về phẩm Sám hối, ý là bỏ ác sinh thiện... tiếp đến một bài rưỡi nói về phẩm Tán Thán để sinh thiện dứt ác... kế đến sáu hàng nói về phẩm không là bác bỏ ba chướng ác trong phần dứt ác...; từ "Hộ thế Tứ vương..." trở xuống là nói về phẩm đó rất dễ hiểu; Đại Biện là nói về phẩm đó, Quỷ mẹ Ni Liên là nói về phẩm Trời Công đức, đều là thiên nữ, Thần đất là người nói phẩm ấy, Đại Phạm ở tầng trời Ba mươi ba là người nói phẩm Tán Chi, Tán Chi là tướng, Phạm Thích là chủ, nói về chủ tức là có cả quân tướng, Khẩn-na-la v.v... là người thống lĩnh, nói về sự chiếm lĩnh thì được sự trông coi nơi đó.

5. Nói về chỗ bí mật của các đức Phật:

Nay tôi nói về sự bí mật của các Đức Phật là nói về hai phẩm Chánh Luận và Thiện Tập, nói về bí mật có thể dùng để trị quốc ở thế gian và bí mật có thể dùng để hướng đến đạo xuất thế gian, cho nên biết là nói về hai phẩm ấy. Từ "Nếu được nghe kinh..." trở xuống là nói về phẩm Quỷ Thần, trong phẩm Quỷ Thần hoàn toàn nói về công đức nghe pháp, được tám bộ che chở giữ gìn... Từ "Mặc y phục thanh tịnh..." trở xuống hai bài kệ là nói về phẩm Thọ Ký, ba vị Đại sĩ và mười ngàn vị Thiên tử tâm thanh tịnh sâu xa, thanh tịnh như hư không, cho nên được thọ ký. Từ "Nếu được nghe..." trở xuống là nói về các phẩm Trừ Bệnh - Lưu Nước... nghe danh uống thuốc chắc chắn được hết bệnh, cho nên khéo được thân người, lại tu hành phước nghiệp bố thí nên khéo được làm người.

Cá nghe danh hiệu Phật khéo được sinh làm trời ở cõi trời, chính là ý này vậy. Chánh mạng là nói về phẩm Xả Thân, hổ dữ ăn máu thịt liền được giải thoát, lẽ nào chẳng phải là chánh mạng ư? Từ "Nếu nghe Sám hối..." trở xuống một bài kệ là nói về phẩm Tán Phật, Phật có ba đời, các vị Bồ-tát phần nhiều là Phật đời trước, tức là Phật quá khứ, lại là Phật vị lai, được các Bồ-tát này khen ngợi, tức được Phật khen ngợi. Ý tự thuật là dứt sự lờ mờ, không được tự rõ ràng...

6. Hỏi đáp về ai tạo ra tự thuật:

Hỏi: Ai tạo ra Tự thuật? Xưa nói là người kiết tập kinh giáo, nếu thế là luận chẳng phải kinh, lại trái với văn kinh, văn chép: "Nay ta sẽ nói" hoặc nói Tín Tướng này, nếu vậy thì Tín Tướng đã có thể nói rõ sự sâu xa, vì sao sinh ra nghi ngờ? Lại nếu chẳng phải do người kiết tập kinh giáo làm thì sao bỗng nhiên làm thành tựa?

Sư nói: Là Phật tự soạn ra.

Người vạn hỏi rằng: Nếu vậy thì chính là chánh kinh, đâu được gọi là Tựa? Điều này không có gì, Bồ-tát còn có thể nhập định chấp tay nói ngàn muôn bài kệ, huống chi Như lai với thần lực bí mật, miệng vàng phó cơ, thì có điều gì không làm được? Văn nói: "Nay ta sẽ nói về các pháp như Sám hối". Đây là chứng cứ rõ ràng. Trong kinh Đại Phẩm, Hóa Phật nói về sáu Ba-la-mật cũng được gọi là tựa, đây là thí dụ về điều đó. Giải thích về nhập định chia làm ba phần:

7. Giải thích về nhập định:

- Một câu một chữ đầu tiên là nói về người dạo chơi.
- Hai câu ba chữ là nói về pháp dạo chơi.
- Hai câu còn lại là kết luận.

Bấy giờ: Ngài Chân-đế nói: có năm thứ ba thời:

1) Sắp nói đang nói, nói xong.

2) Bác bỏ thời quá khứ - vị lại của ngoại đạo, lập ra thời hiện tại có nói có nghe.

3) Thời gieo giống thành thục giải thoát.

4) Thời Chánh sư chánh giáo chánh học.

5) Phật muốn nói thính chúng muốn nghe, không cao không thấp bình bình thời.

8. Nói về Như lai:

Nay chỉ nói Như lai biết rõ căn cơ có thể là lúc đắc đạo, hoặc là mắt tuệ được đạo thầm hợp với chân hoặc mắt pháp được đạo lúc thầm hợp với tục, hoặc Mắt nhãn được đạo thầm hợp với Trung đạo. Phật muốn đi khắp pháp tánh quán biết chúng sinh lúc nào đạt được đạo nên nói là lúc bấy giờ Như lai là danh hiệu đầu trong mười danh hiệu Phật. Tam tạng giải thích về Như lai, vì văn nhiều nên không chép ra. Ở đây nói: Trí soi chiếu lý đồng với các Đức Phật nên nói là Như, từ bi đồng với các Đức Phật nên nói là Lai.

Các Đức Phật phải an trú trong kho bí mật, vì sao lại ra đời? Chỉ vì từ bi cho nên đến (lai). Thành Luận chép: "Nương đạo như thuật, lai thành Chánh giác". Đại kinh chép: "Từ mười một Không lai nương Trí luận mà lai. Từ sáu Ba-la-mật lai, nương hành luận mà lai". Thích luận chép "như pháp cùng hiểu là Như, như pháp cùng nói là Lai".

Ở đây nói: Đúng như pháp ba đế cùng hiểu là Như, đúng như pháp ba đế cùng nói là Lai, nên nói là Như lai. Du là du nhập tiến vào. Nói pháp tánh chẳng phải đi vào, an trú, đi ra vì thế trong Tiểu Bát-nhã chép: "Như lai là không từ nơi nào đến cũng chẳng đi về đâu, nên gọi

là Như lai". "Đâu thể nói là đi lại? Vì từ bi dẫn dắt mọi loài, giác ngộ cho ta mà đi vào (nhập) cho nên nói là Du, khiến chúng sinh được vị cam lộ, cũng nên nói là an trụ (trụ); vì chúng sinh nên nói cũng phải nói là thoát ra. Vì thế kinh Pháp Hoa chép: "Khéo đi vào - thoát ra - an trú trong trăm ngàn Tam-muội", tức là nghĩa này.

9. Thể cao rộng của Như lai:

Vô lượng sâu xa, dùng sự đi vào để phân biệt nói lên Thể cao rộng đó, Thể bao trùm pháp giới nên nói là vô lượng, thông suốt đến ba đế cho nên nói là sâu xa. Nhị thừa Bồ-tát hạ địa Không thể đạt đến, nên nói là vô lượng sâu xa. Pháp tánh là pháp dạo chơi, là phép tắc của các Đức Phật gọi là pháp, thường lạc ngã tịnh không dời đổi, không chuyển biến gọi là Tánh, chẳng phải là pháp tánh của hàng Nhị thừa dùng tất cả trí vô sinh để soi chiếu lý. Pháp tánh của hàng Nhị thừa nông cạn nên chẳng sâu xa, có giới hạn nên chẳng vô lượng. Lý được soi chiếu bởi lý như thật thì ở đây ngang thì bao trùm pháp giới - dọc thì thông suốt ba đế, cho nên nói vô lượng sâu xa.

10. Nói về Vô lượng:

Lại nữa, vô lượng chẳng có một pháp nào riêng gọi là vô lượng. Tỳ-lô-giá-na bao trùm tất cả mọi nơi, tất cả các pháp đều là Phật pháp, vì đều là Phật pháp cho nên đều là pháp tánh, Phật đều đi lại trong đó cho nên nói là vô lượng. Lại nữa, chẳng phải có một pháp riêng nên gọi là sâu xa, ngay nơi sự mà chân thì đều là tướng thật, một sắc một hương không pháp nào chẳng phải Trung đạo vì đều là Trung đạo cho nên tức là sâu xa.

Chẳng hạn như Thích Luận giải thích về bốn tâm vô lượng rằng: "Duyên với chúng sinh ở phương Đông gọi là Quảng, duyên với chúng sinh ở bốn phương gọi gọi là Đại, Duyên với bốn duy trên dưới gọi là vô lượng". Nói theo đây thì: Duyên Chân-đế pháp tánh gọi là quảng, duyên với Tục đế pháp tánh gọi là Đại, duyên với trung đạo pháp tánh gọi là Vô lượng. Nếu duyên với Trung đạo, tức là trong ba trí duyên một tâm với ba đế một đế, cảnh giới vô lượng này, chỉ có vô lượng trí của Phật mới có thể duyên được, như nắp và hộp khớp nhau, hàng Nhị thừa hạ địa chẳng thể suy lường mà đạt đến bờ kia.

11. Chỗ thực hành của các đức Phật:

Hành xứ của các Đức Phật chính là hiển bày trí Phật vô lượng sâu xa vì trí Phật vô lượng sâu xa nên hành xứ cũng vô lượng sâu xa vì hành xứ vô lượng sâu xa nên trí Phật cũng vô lượng sâu xa nêu hộp là nói về nắp, nêu nắp để nói về hộp, chính là ở đây. Hơn sở hành thanh tịnh của

các Bồ-tát chính phân biệt, Bồ-tát ở giai đoạn chưa đạt đến, sở hành của trí chưa thể sâu rộng. Kinh Địa Trì chép: “Bồ-tát được chín thứ thiền, đầu tiên gọi là Tự tánh thiền, nếu nhập vào thiền này tức là đi vào cảnh thanh tịnh của tướng thật thanh tịnh hàng Nhị thừa còn không nghe danh từ đó, huống chi là thực hành. Nếu đi vào thanh tịnh thiền thứ chín, thì tất cả hoặc nghiệp chung riêng, hoặc chính thức hoặc huân tập đều dứt sạch không còn, nên nói là tịnh thiền thanh tịnh. Từ hạ địa trở đi đều có thói quen còn sót lại, Phật an trú ở trên đảnh Thập Địa, nếu nhập vào thiền này thì vượt hơn các vị Bồ-tát”.

Kinh Tịnh Danh chép: “Tâm tịnh rồi thì vượt qua các thiền định, tức là nghĩa này, cũng là nêu ra địa vị cao tột đó để phân biệt pháp tánh sâu xa. Từ “Kim Quang Minh này trở xuống là tựa Tự Thuật, nếu nói về ý chánh thuyết lưu thông với mười bảy phẩm thì đã nói như trên. Ở đây lại nói về Tự Thuật năm lớp huyền nghĩa. Mười hai bài kệ rưỡi đầu nói về Danh - Thể - Tông - Dụng.

12. Nói về truyền bá mở rộng kinh này:

Mười bốn bài rưỡi kế là nói về truyền bá mở mang kinh này, tức là nói về giáo tướng. Y theo một câu đầu nói về Danh, kế một câu nói về Thể, kế ba bài nói về Tông, kế chín bài nói về Dụng. Từ “hộ thế...” trở xuống là nói về giáo tướng. Về giải, có chỗ nói: Một câu Kim Quang Minh còn nói về thể, như vàng trong đá quặng, thể của vàng chẳng phải sáng chẳng phải chói, không ngại y theo vàng để luận về Dụng trong ngoài, Pháp tánh chẳng phải Tông, chẳng phải Lực cũng nương theo pháp tánh để sinh khơi tông lực. Nên biết câu này chính là nói về Thể, ở đây nói về lý là đương nhiên, chia văn thì thuộc nói về Danh, Kinh Vương đã nói ở trên, ở đây lại về điều đó. Tam tạng nói: “Ba đức thâu nhiếp cả ba, Niết-bàn chính là dứt bỏ chấp đoạn của Nhị thừa, Bát-nhã chính là xóa bỏ tâm chấp chặt của phàm phu. Hoa Nghiêm chính là hóa độ Bồ-tát mới tu hành kinh này chung cho cả người của tám vị, nên gọi là Vương.

13 Nói về kinh vương:

Lời này khó hiểu, “Niết-bàn là nói cho Bồ-tát về hành xứ nhiệm mầu sâu xa, đâu dừng ở Nhị thừa? Bát-nhã chép: “Phật pháp thân nói pháp cho Bồ-tát pháp thân nghe, chúng nghe pháp đó chẳng phải là người sinh tử, đây phải nói cho người phàm phu còn chấp hữu nghe? Hoa Nghiêm nói cho người sơ địa đến thập địa nghe, đâu phải chỉ vì Bồ-tát mới tu hành? Nói như vậy là nghiêng lệch, khiến cho người vô trí khởi tâm khinh mạn đối với các kinh, nghĩa này không thể được. Ở

đây nói Kinh Vương nếu lấy văn làm kinh, tức là ba thứ Tục Đế, nếu lấy lý làm kinh tức là ba thứ Chân-đế, nếu hợp văn - lý làm kinh, tức là ba thứ Trung đạo.

Nếu nói các đế khác, thì Kinh chẳng phải Vương. Nếu nói Trung đạo, thì kinh này lại là Vương, đối với chín thứ kinh được tự tại, nhưng Kinh Vương là một, tùy duyên lập giáo, tên gọi khác nhau. Kinh Hoa Nghiêm chép: Pháp thân, Phương Đẳng là Tướng thật, Bát-nhã gọi là Phật mẫu, Pháp Hoa là hạt châu trên búi tóc, Niết-bàn là thầy của Phật, đều là tên khác của Pháp tánh, chung cho làm thể tất cả các kinh, thí như các tánh phải vận dụng lần lượt mà khởi lên, long Sư điểu quan tùy thời mà bày lập, trăm đời tuy khác nhưng Vương thống lãnh chỉ là một, pháp tánh cũng giống như vậy, nên nghe Phật mẫu của Đại phẩm làm vua, các tên gọi khác đều dứt bỏ nên nghe Pháp Hoa bảo Sở làm Vua thì các tên gọi khác không còn, pháp tánh là vua của Kim Quang Minh cũng giống như vậy. Nếu hiểu như vậy thì trên không trái với tôn chỉ Kinh Vương của Phật, dưới không làm cho tâm ngã mạn của chúng sinh thêm lớn.

14. Nói về giải thích của người:

Vi diệu, người ta giải thích rằng, nhân nhiệm quả mầu, đây là không đúng, mà nhân quả đều nhiệm mầu, tánh đức trong nhân thì sâu xa lại khó thấy nên gọi là vi, không dọc không ngang nên gọi là Diệu, trong quả tu đức cũng giống như vậy. Bốn Phật ở bốn phương che chở giữ gìn bốn phương là bốn cửa, bốn Phật là quả giác trí của bốn cửa. Giác trí của Đức Thích-ca giống như bốn Đức Phật, quả trí của các Đức Phật thầm hợp với pháp tánh, pháp tánh được hiển bày gọi là Pháp thân, pháp thân bất động gọi là Trì, Pháp tánh thường trụ cho nên các Đức Phật cũng thường trụ, pháp thường trụ Phật thường trụ thì tuổi thọ cũng thường trụ, vì thường trụ cho nên vô lượng.

Tín Tướng suy tìm Tích hoặc Bổn, bốn Đức Phật giúp cho hiểu Bổn ngộ tích, gọi là Hộ. Một câu này có bao nhiêu nghĩa. Bốn môn của pháp tánh, bốn đức của pháp tánh tức là nghĩa của Thể, quả trí hiển bày Thể tức là nghĩa Tông, hộ niệm cho Tín Tướng dứt bỏ nghi ngờ lại là nghĩa của Dụng, nói rõ Tông là ý chính. Theo quán tâm giải thích thì bốn phương là bốn đế, bốn Phật là trí bốn đế, Đông là phương đứng đầu, như Tập là nhân của khổ. Lại, phương Đông thuộc Giáp Ất là mùa xuân sinh khởi, sinh tức là Tập đế. Từ Đông kế đến Nam, cũng còn sinh nhưng có lớn lên, trước là mùa Xuân tiếp theo là mùa Hạ, cho nên phương Nam là khổ đế.

Sau khi lớn lên thì đến mùa Thu gặt hái, vả lại Bạch đế thuộc về Kim, Kim có công năng quyết đoán, phương Tây là Đạo đế. Từ mùa Thu gặt hái đến mùa Đông thì chứa vào kho, mọi việc đều chấm dứt, phương Bắc như Diệt đế, nhân quả khổ tập đều tạ từ không còn tác dụng. Quán bốn đế này sinh ra mắt tri minh giác, nắm giữ lý không mất, giữ gìn không cho khởi, nên gọi là Che chở".

15. Nói về bốn đức:

Lại nữa, quán bốn phương là bốn đức, quán phương Đông thường còn là bác bỏ vô thường, quán vô thường là bác bỏ thường, quán chẳng phải thường chẳng phải vô thường là phá thường, vô thường cho đến quán phương Bắc vô ngã là phá trừ ngã cũng giống như vậy. Quán này nắm giữ đức không mất, giữ gìn không cho khởi, nên nói là Che chở. Quán phương Đông Tập Đế là thường, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường mà là bất động nên gọi là A-úc. Quán phương Nam khổ đế lạc không đi không đến mà là pháp tánh Tướng thật, tướng thật tôn quý cho nên gọi là Bảo tướng.

Quán phương Tây Đạo đế rốt ráo thanh tịnh, pháp tánh tuổi thọ sánh bằng hư không. Cho nên gọi là Vô lượng thọ. Quán phương Bắc Diệt đế mãi mãi vắng lặng, vô ngã đi vào kho bí mật vì là kho bí mật nên gọi là âm thanh Vi Diệu... Từ "Nay ta sẽ nói" trở xuống chín bài kệ là nói về Dụng, văn chia làm bốn: Ba bài kệ đầu nói về thắng pháp năng phá, ba bài rưỡi kế là nói về thắng pháp năng phá, ba bài rưỡi kế là nói tội ác bị dứt bỏ, một bài rưỡi tiếp theo nêu hành pháp khuyến tu, một bài tiếp đó kết thúc thành tựu.

16. Nói về thắng pháp năng phá:

Ba bài đầu nói về thắng pháp năng phá - nghĩa là pháp tánh của cảnh pháp, hành pháp Sám hối khen ngợi, pháp dắt dẫn trí nhất thiết chủng, cho nên nói các pháp như Sám hối... biết chẳng phải một loại. Nếu giúp nhau để nói thì hành giúp trí, trí hiển bày lý vì lý hiển bày cho nên sạch hết các khổ, các khổ không còn cho nên Pháp thân hiển hiện, trí tròn đầy cho nên Báo thân hiện ra, vì là công đức vô thượng cho nên Pháp thân hiển hiện, trí tròn đầy cho nên Báo thân hiển bày, vì là công đức vô thượng cho nên Ứng thân hiện ra.

Nếu nói đầy đủ thì ba pháp không dọc không ngang mà tu, ba thân cũng không dọc không ngang mà hiển, tuy khác nhau về Viên và Biệt, nhưng đều là thắng pháp năng phá. Quán xưa lời văn tóm lược, bản mới dịch có đủ ba châu thuyết pháp, bốn Đức Phật nói về thường quả thì người thượng căn được lợi ích, Phật chia ba thân thì người hạ

căn được lợi ích. Nay trong lời Tựa nói rằng "nay ta sẽ nói các pháp như pháp Sám hối... tức là nói rõ các pháp của ba châu thường phá trừ mọi điều ác.

17. Nói về phẩm không:

Kế là từ các căn không đủ..." trở xuống là tựa nói về phẩm không, văn chia làm hai: ba bài rưỡi đầu nói về điều ác bị dứt, hai bài rưỡi, tiếp theo nói về cách năng phá. Phần đầu lại chia làm: Từ "các căn không đủ" trở xuống là phá báo chướng, một câu "sầu ưu..." là phiền não chướng, từ "ác tinh tai dị..." trở xuống là phá nghiệp chướng. Kinh khác đối với duyên nói rằng báo chướng khó chuyển, lúc là nhân thì có thể cứu những khi quả đã thành thì chẳng biết làm sao.

Ba chướng ở kinh này đều có thể chuyển, đều giải thích rằng ba chướng lớn mạnh vì phá năm giới, phiền não là căn bản, là phiền não chướng. Nay y theo loài người nó về quả báo phạm năm giới, các căn bên ngoài thiếu khuyết tuổi thọ bên trong non kém, hai câu này là báo ứng sát sinh. Ngày xưa tổn hại thân phận của người, ngày nay các căn bị thiếu khuyết xấu xí, ngày xưa cắt đứt mạng sống của người, ngày nay tuổi thọ bị giảm bớt, kinh nói "Nhân duyên sát sinh phải chịu hai thứ quả báo, thường hay bị bệnh tật, tuổi thọ ngắn ngủi", tức là việc ấy. Hoặc nghèo nàn khốn khổ là bên ngoài không có y báo, các vị trời xa lánh là bên trong không có phước đức, hai câu này là báo ứng phạm giới trộm cắp, kinh chép: "Có đồng sinh đồng danh, được trời rồng giúp đỡ, trời trời công đức phát nguyện làm lợi ích".

18. Nói về các hạng người:

Người trộm cắp không bao giờ có việc ấy. Lại, người trước giàu sang sau nghèo khổ, chắc chắn bị trời rồng xa lánh. Hoặc bên trong thân thuộc tranh chấp, bên ngoài pháp vua trừng trị, hai câu này là phạm giới dâm, kinh nói: "Người bao che thì người căm tức, pháp bao che thì pháp tàn hoại", xưa xâm phạm người đó thì nay ruột thịt đấu tranh, xưa chê bai pháp của người thì nay pháp vua trừng trị, tức là việc ấy. Tất cả đều căm giận tranh chấp, ở đây lẽ ra có hai câu, có lẽ là người phiên dịch sơ sót, hoặc là lược bỏ. Trong thì mọi người đều tức giận tranh chấp, ngoài thì ai cũng không tin, câu này là phạm vào lỗi nói dối, xưa không chân thật và lừa dối người khác thì nay thường bị khinh khi giận ghét, xưa nói không thật thì nay người không tin.

Ngoài hao tốn tiền của trong thiếu sót lễ phép, đây là báo ứng của việc uống rượu, xưa coi thường tiền của lãng phí thời gian thì nay chịu nhiều mất mát hao tổn, xưa không chịu tiết kiệm thì nay rơi vào nghễnh

ngãng lẩn thẩn. Kinh chép: "Gió mạnh của sự ganh ghét oán hận thổi lửa của tâm tội ác thường làm cháy dữ dội", tức là việc ấy. Hỏi: "Giải thích kinh Đại thừa, đâu thể so sánh năm giới với nghĩa? Đáp: Khai - hợp năm giới có mối quan hệ, kinh Đề Vị chép: "Năm giới là điều kỵ lớn của trời đất, trên sánh với năm ngôi sao, dưới phối với năm ngọn núi giữa thành tựu năm kho tàng, người phạm thì xúc phạm với trời đất, tự đâm chém thân mình". Lại phối với năm thường, không giết hại hợp với nhân, không trộm cắp hợp với nghĩa, không tà dâm hợp với lễ, không uống rượu hợp với trí, không nói dối hợp với tín. Lại sánh với năm kinh không giết hại hợp với Thượng Thư, không trộm cắp hợp với Xuân Thu, không tà dâm hợp với Kinh Lễ, không nói dối hợp với Kinh Thi, không uống rượu hợp với kinh Dịch.

19. Nói về mười điều lành:

Lại đối với mười điều lành, sát sinh trộm cắp và tà dâm là ba nghiệp của thân, nói dối có bốn thuộc về bốn nghiệp của miệng, uống rượu thuộc về ba nghiệp của ý. Thế tục không thể giữ được nghiệp của miệng, lược bỏ một giới không nói dối. Thích Luận chép: "Nói nặng là nói dối, tức thuộc về ba nghiệp, uống rượu là tà mạn, tự sống, tăng thêm sân giận, ngu si, xuất thế lấy trí tuệ làm đầu, sinh tử do ba độc là gốc. Nếu dứt được uống rượu thì đó là phòng ngừa ba độc của ý, nuôi lớn trí tuệ xuất thế. Đó là khai triển năm giới thành mười điều lành. Mười điều lành được của Pháp Luân Vương thuở xưa, sử dụng cũng gọi là tánh tội tánh thiện, đều là gốc lành của tất cả tội lỗi".

20. Nói về năm giới và năm ấm:

Lại, năm giới đối với năm ấm, không giết hại là Sắc ấm, không trộm cắp là Thọ ấm không dâm dục là Tưởng ấm, không nói dối tức là Hành ấm, không uống rượu là Thức ấm. Năm ấm mở rộng ra thành bốn niệm xứ, niệm xứ mở rộng ra thành ba mươi bảy phẩm, ba mươi bảy phẩm mở rộng ra thành ba môn giải thoát, ba môn giải thoát mở rộng ra thành Niết-bàn. Cho nên nói Sắc có công năng phát ra giới, Thọ có công năng lãnh thọ thiền định, Tưởng tuệ ngộ hư thông, Hành phát khởi giải thoát, Thức tức là tri kiến. Nên biết rằng năm giới có công năng thành tựu năm phần pháp thân, là pháp thành tựu Nhị thừa.

Lại, năm giới cũng là pháp môn Đại thừa, kinh Đề Vị chép: "Năm giới là đeo bùa sống lâu, ấn bất tử, tức là Thường đức, ra vào không loạn, tới lui không ngăn cách tức là Tịnh đức, thống lãnh một thân tức là Ngã đức, vì thiết lập đạo căn tức là Lạc đức". Đây là năm giới so sánh với bốn đức, tóm gọn năm giới làm ba nghiệp, tức là đối với vô lượng ba

pháp môn như ba không lỗi, ba bất hộ, ba luận bất tư nghị hóa, ba Mật, ba quỹ, ba thân, ba thành Phật tánh, ba Bát-nhã, ba Niết-bàn, ba trí, ba đức... dọc ngang không giới hạn sánh cùng với hư không pháp giới, cũng là pháp môn vô tận tạng, cũng là Tam-muội Vô Lượng Nghĩa, tóm lại tức là tất cả Phật pháp (cuối quyển 1).

21. Sự sát và sự bất sát:

(Đầu quyển 2). Lại, tổn hại mạng sống gọi là sự sát, không tổn hại mạng sống gọi là sự bất sát. Pháp môn giải thích: Tích pháp gọi là Lý sát, thể của pháp gọi là lý bất sát, nên biết rằng giới bất sát có nhiều thứ khác nhau, nói về quả báo cũng lại không giống nhau. Nếu giữ ý phòng hộ như ngựa buộc dây cương, như chăn trâu cầm gậy, quả báo ở loài người là một trăm hai mươi tuổi, chỉ được mắt thường mà không có bốn thứ mắt khác. Những người có tánh nhâm vận thì trở thành như sông đổ ra biển, quả báo ở sáu tầng trời, người sống lâu nhất là chín trăm hai mươi sáu ức bảy ngàn muôn tuổi, chỉ được mắt trời mà chưa được ba thứ mắt còn lại. Nếu cộng thêm sự tu tập về tuệ của giới, vô thường, khổ, vô ngã thì quả báo ở cõi biến dịch, thọ bảy trăm A-tăng-kỳ tuổi chỉ được mắt tuệ nhưng chưa được hai thứ mắt còn lại.

Nếu tu tập thêm nữa về các tuệ về thường, vô thường... thì quả báo ở biển cõi Liên Hoa Tạng, thọ thân pháp tánh, được đầy đủ năm thứ mắt, và tuổi thọ thường trú, so với Phật vẫn còn thiếu sót các căn, tuổi thọ còn tổn giảm, huống chi các căn, các tuổi thọ trước đó ư? Hoặc là người Viên giáo, giữ giới sự bất sát, lại giữ giới Lý bất sát không tổn hoại đến thân mà tùy theo một tướng, không dứt bỏ si ái mà khởi lên sự minh thoát, thể của ấm, nhập, giới không hề bị hủy diệt thương tổn, hoặc hạt giống, hoặc là kết quả bất sinh bất diệt, thành tựu trí tuệ an trú nơi cõi Thường tịch quang, tuổi thọ thường trụ lâu dài và đầy đủ năm thứ mặt, được căn tự tại, tai thấy mắt nghe, được mạng tự tại, dài ngắn tùy ý, thế mới gọi là rốt ráo giữ giới, các căn đầy đủ, mạng sống không giảm bớt. Lại người Viên giáo đâu chỉ giữ năm giới này, chỉ là sát, chỉ là từ, vừa thực hành sự sát vừa thực hành lý sát, như Đại vương Tiên Dự giết năm trăm vị Bà-la-môn, ban cho họ con mắt Phật, giúp cho họ tuổi thọ mười kiếp. Lại, thực hành pháp môn sát ấy là gột rửa chấp chặt, làm thanh tịnh tất cả phiền não, như thần cây bẻ cành không bị chim chóc oán trách, như kiếp nạn lửa thiêu đốt cây cối tro than đều mất, do đó Ương Quật nói: “Ta thề dứt bỏ ấm, giới, nhập, chứ không thể giữ giới bất sát”. Tất cả trần lao là hạt giống Như lai, dứt bỏ hết hạt giống này mới gọi là Phật, thành tựu pháp thân kim cương nhiệm mầu, vắng lặng

ứng hợp với tất cả, chỉ là sát, chỉ là từ, hóa hiện thân hình trong chín đường, tùy từng loài thích hợp mà thị hiện thọ ngắn dài, thuận theo sự thấy biết của từng loài mà dùng căn thiếu đủ để hóa độ tất cả.

22. Giữ giới bất sát:

Các giới hành trước đây cạn cợt hẹp hòi, không phải lối đi chung. Viên giới rộng lớn thẳng tắp sẽ là lối đi cho tất cả, cho nên gọi là rốt ráo giữ giới bất sát. Giới bất sát, từ trời, người trở lên đến các Đức Phật trở xuống, nghĩa đó ngang dọc bao la như vậy, vì sao lại nói là số Tiểu thừa? Vả lại, không cho mà lấy gọi là sự đạo, cho mà lấy gọi là sự bất đạo, pháp môn giải thích: như Đức Phật nói rằng: "Vật của người khác chớ lấy, gọi là pháp môn bất đạo, Bồ-đề không cho mà lấy Bồ-đề gọi là pháp môn đạo". Giới bất đạo có nhiều thứ khác nhau, nếu giữ giới tác nghiệp cầu được quả như ý, quả như ý đó vô thường và mau chóng suy tàn đều là vật của người khác, hôi thối như quả hư và độc hại như thức ăn có chất độc, người có trí không nên mong cầu. Dù đạt được thì tâm cũng không mừng vui, tại sao thiết tha uống đắng ăn độc mà tự thương tổn? Bốn tánh nghèo cùng tức là dòng nước xoáy khốn khổ trong ba cõi này, đâu có dòng nào vượt qua? Ba chướng làm ngại sự lìa bỏ nhất nghĩa thiên của Phật, đó gọi là đạo, chẳng phải bất đạo. Lại nữa, hàng Nhị thừa dùng trí bốn đế để quán thân thọ tâm pháp, nhàm chán sinh tử, ưa cầu Niết-bàn, tâm Niết-bàn khởi lên là tự, là tha, là chung, hay là vô nhân? Một tâm sinh liền lấy vật của người khác, tức thủ chứng phi thời, tức không cần nói sở nhân, hạt giống bị cháy không nẩy mầm được nữa, thấy khổ dứt tập tu đạo, làm những việc không nên mong cầu, nghĩa là có Niết-bàn mà thành chấp Niết-bàn. Nếu có người chấp không, thì các Đức Phật không thể hóa độ, thân dài ba trăm do tuần mà không có hai cánh, rơi vào trong ba hố vô vi, chịu các khổ như chết... kinh Pháp Hoa chép: "Thân thể đói khát ốm yếu sinh ra bệnh tật ghẻ lở", đâu chẳng phải là nghèo cùng khốn khổ ư?

23. Dẫn kinh Tịnh Danh để nói về giới trộm cắp:

Kinh Tịnh Danh chép: Không thấy Phật không nghe pháp, không vào trong số chúng", đâu chẳng phải xa lìa Đệ-nhất-nghĩa Thiên ư? Điều này cũng gọi là đạo (trộm) chứ chẳng phải bất đạo (không trộm). Nếu Bồ-tát Biệt giáo hành theo thứ lớp, học theo thứ lớp, tiến đạo theo thứ lớp, từ đơn giản đến sâu xa, xả bỏ một giữ lấy một, đến rồi lại đến, đi rồi lại đi, đều là làm nhục đối với tướng đến - đi, cũng là không cho mà lấy, lấy rồi lại xả bỏ, cũng là nghèo cùng, xả bỏ rồi lại lấy, nhiều lần đã lấy tức là khốn khổ, không thể tương ứng với nghĩa bậc nhất, tức

là xa lìa. Điều này vẫn gọi là đạo, (trộm) chẳng phải bất đạo. Người tu Viên giáo quán tướng thật các pháp, thọ cũng không thọ, không thọ cũng không thọ, vừa thọ vừa không thọ, không thọ chẳng phải không thọ, chẳng thọ cũng chẳng thọ, chẳng giữ lấy Bồ-đề này. Vì chướng ngại các nguyện, pháp bình đẳng này không có cao thấp, không cao cho nên không giữ lấy, không thấp cho nên không xả bỏ, người quán như vậy là quán Như lai tạng đầy đủ không thiếu sót, là ngọc châu như ý, tùy ý sinh ra tài bảo, là đàn của Tu-la, tùy ý phát ra âm thanh, tức là giàu có vô cùng, rất giàu có cho nên không giữ lấy, không giữ lấy cho nên chính là nghĩa bậc nhất, vì là nghĩa bậc nhất cho nên các vị trời không xa lìa, đó gọi là rốt ráo giữ giới bất đạo.

24. Pháp môn trộm cắp của Viên giáo:

Người tu Viên giáo lại có pháp môn đạo (pháp môn trộm cắp), Bồ-đề không cho mà lấy Bồ-đề, như biển cả thu nạp các dòng chảy mà không cách muôn nhánh sông, như mặt đất gánh vác đảm đương bốn gánh nặng, chúng sinh đều hóa độ, phiền não đều dứt bỏ, pháp môn đều biết - Phật đạo chắc chắn thành tựu, nghĩa này có thể biết không thể nói nhiều. Các giới hành trước đây cạn cợt mà lại lấp bít, chẳng phải con đường thông suốt, Viên giới rộng lớn thắng tất sẽ là lối đi cho tất cả, cho nên gọi là rốt ráo giữ giới bất đạo. Lại kế, thân nam nữ giao hợp gọi là sự dâm, không giao hợp gọi là sự bất dâm, Pháp môn giải thích: Nếu tâm ô nhiễm thì pháp thì gọi là dâm, pháp không ô nhiễm thì pháp gọi là bất dâm. Giới bất dâm có nhiều thứ khác nhau, hoặc ngăn cấm bảy chi, như vượn mang xiềng, bưng một bát dầu đi qua trước mặt đại chúng, xả mọi xúc lạc, mong cầu sự năm dục tịnh khiết ở đời vị lai, như cách thức trao đổi ở chợ búa dùng tiền đồng thu được tiền vàng, đây chính là thêm lớn sự dục chứ chẳng phải bất dục, hoặc vì sinh lên cõi trời cho nên giữ giới, như hai con dê đực, húc nhau, sắp tiến lên nhưng lại lùi. Đế Thích cùng tám mươi ức na-do-tha Thiên nữ mặc sức vui đùa hưởng lạc vui, nhìn phía Đông quên phía Tây mà dục vẫn còn chưa đủ, hóa hiện thành lão già Tu-ca hưởng lạc (nạp) với Xá chi, khiến cho các vị trời vong thân mất đầu. Lại thấy vị Tiên nhập định nên làm nhục con gái ông ta, khi tiên xuất định Đế Thích xấu hổ hóa thành dê đực. Vị Tiên nguyền rủa, ngàn rễ cây bám vào thân không cách nào gỡ ra được, sau đến ăn năn tạ tội, hóa thành ngàn mắt, đó cũng là thêm lớn dục chứ chẳng phải bất dục. Hoặc dứt bỏ các dục thô lậu của cõi Dục, đắm say các vui thiền định cõi sắc, cõi vô sắc, như cá ướp lạnh, đọa vào tầng trời Trường thọ, đó là một nạn. Tham đắm thiền vị gọi là sự trói buộc to lớn

là pháp nhiễm dục chứ chẳng phải bất dục.

25. Nói về tức không, tức giả, tức trung:

Hoặc chán ghét sinh tử như kẻ thù, như rắn rít, ưa thích Niết-bàn như người thân, như vật báu, vất bỏ dứt khoát, dấn bước vượt lên, không quay đầu lại, các pháp sắc thanh không thể làm ô nhiễm khuất phục, như gió tám phương không thể lay động núi Tu-di. Hoặc nghe công đức tốt đẹp của Bồ-tát, tiếng đàn của Chân-ca-la làm cho Ca-diếp đứng dậy nhảy múa không thể tự kìm chế, theo gió bay đến đập vỡ núi Tu-di, giống như cỏ mục, là pháp nhiễm dục, chẳng phải bất nhiễm, hoặc Bồ-tát nhàm chán sinh tử giống như phẩn tiểu hôi thối, nhàm chán Niết-bàn như giận ghét chim chóc, xả bỏ hai bên, chí nguyện sống trong Trung đạo, khởi pháp thuận đạo, sinh ra pháp ái, gọi là đảnh đọa, Bồ-tát Chiên-đà-la này đã không có phương tiện, thì bị tuệ này trói buộc không thể chiến thắng kẻ thù, sự tu sửa đã không có tuệ sắc bén, thì là pháp nhiễm dục chứ chẳng phải bất dục. Người tu Viên giáo quán một tâm ba đế, tức Không tức Giả tức Trung, tức Không thì nhiễm ở đâu, tức Giả thì tịnh ở đâu, tức Trung thì hai bên ở đâu, tức Không tức Giả thì Trung ở đâu, tức Không cho nên không tham ái các thứ ngã, nhân, mười sáu tri kiến, y chánh... tức Giả cho nên không tham ái các thứ Không, vô tướng, vô nguyện... tức Trung cho nên không tham ái Phật, Bồ-đề, quay bánh xe pháp, độ chúng sinh...

26. Phật là tịnh giới, người khác là ô giới:

Ba đế thanh tịnh gọi là rốt ráo thanh tịnh, tịnh này cũng tịnh. Kinh nói: Chỉ có Phật là đầy đủ tịnh giới, những người khác đều gọi là ô giới (giới nhiễm ô). Người tu Viên giáo thực hành Phật pháp, tức là rốt ráo giữ giới bất dâm, người tu theo Viên giáo lại có pháp môn nhiễm ái, như cô Hòa-tu-mật-đa, người thấy là người nữ, trời thấy là Thiên nữ, người thấy thì được thấy Tam-muội của Chư Phật, người cầm tay thì được đến Tam-muội của cõi Phật, người khen ngợi thì rất ưa thích Tam-muội, người ấp ủ âm thầm như Tam-muội, tất cả đều đạt được pháp môn, cũng như loài ma thực hành giới Bồ-tát không nhiễm ô, biến thành vô lượng thân, hành dâm với vô lượng Thiên nữ, đều khiến cho phát tâm Bồ-đề, như Duy-ma-cật, hoặc đi vào hậu cung, trong hậu cung tôn trọng hóa thành chánh cung nữ, trước tiên dùng dục lạc lôi kéo, sau mới khiến cho đi vào Phật đạo, đó mới là cái dục của phi dục, dùng dục ngăn dứt dục, như dùng mạt vụn sản sinh mạt vụn dùng âm thanh ngăn dứt âm thanh. Các giới hành hẹp hòi nông cạn trước đây, chẳng phải con đường thông suốt, Viên giới rộng rãi thẳng tắp sẽ là lối đi cho tất cả, đó gọi là rốt ráo

giữ giới bất dâm.

27. Nói về nói dối:

Lại nữa, không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, gọi là nói dối. Pháp môn giải thích: chưa đạt được cho là đạt được, chưa chứng đắc cho rằng chứng đắc, gọi là nói dối. Nói dối có nhiều loại, mong cầu nhiều thì khổ, lúc đạt được thì thường sợ hãi, lúc mất đi thì ôm lòng buồn phiền, nhiều dục vọng thì không yên vui. Phàm phu ngu si sống trong các khổ nối nhau xuất hiện ý nghĩ cho là yên vui, dựng lên cột cờ ngã mạn, đánh vào chiếc trống tự đại, cho rằng sắc tức là ngã, ngã chính là sắc, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, chấp có đối chọi với không, chấp không tranh cãi với có, nương vào đoạn thường sinh khởi sáu mươi hai thứ nói suông bác bỏ mắt tuệ không nhìn thấy chân thật, tăng thêm kiến chấp, nuôi lớn các điều sai. Sự độc hại của cái tôi, cái ta rất lớn, đủ bốn lỗi của miệng, nêu ra sơ lược nói dối như vậy. Tầng tức ba mươi ba lá vàng sinh tử cho là vàng ròng. Phi tưởng tự địa đầy đủ phiền não nhỏ nhiệm, lầm cho là Niết-bàn, đây chẳng phải là nói dối thì thế nào mới là nói dối?

28. Nói về giải thoát:

Hàng Nhị thừa tranh nhau chấp đấm gạch đá, vui mừng mang ra, sinh ý tưởng diệt độ mà sự sinh tử thật ra chưa hết, lẽ nào được diệt độ, nghĩ là yên ổn nhưng những việc phải làm chưa làm xong, lẽ nào được yên ổn, kinh Tịnh Danh chép: “Phật vì hạng người tăng thượng mạn, nói lìa bỏ dâm, nộ, si gọi là giải thoát”, thật ra chưa được giải thoát tất cả, chưa được giải thoát cho rằng được giải thoát, đâu chẳng phải là nói dối ư? Phật vì hạng người Biệt giáo đem bốn môn để nói về tướng thật, chấp lấy một thì có ba môn ngăn cách, cho đến chấp chẳng phải có chẳng phải không mà ngăn cách hữu vô. Tướng thật ấy là đường ngôn ngữ bặt chỗ tâm hành diệt, tại sao dùng văn tự, văn tự đối với không văn tự, tại sao dùng số đối với vô số, há chẳng phải là nó dối ư? Người tu Viên giáo như thật mà quán, như thật mà nói. Như thật mà quán là chẳng phải quán bên trong đạt được giải thoát này, chẳng phải quán bên ngoài chẳng phải nội - quán bên ngoài, chẳng phải lìa bỏ nội - quán bên ngoài, cũng không vì vô quán mà đạt được giải thoát này.

29. Nói về tướng thật các pháp:

Như thật mà nói là tất cả thật tất cả không thật, tất cả vừa thật vừa không thật, tất cả chẳng phải thật chẳng phải không thật, đó đều gọi là Tướng thật các pháp. Kinh nói: Lời của các Đức Phật đều là lời thật, lời Phật chân thật không luống dối, thường dùng một âm mầu vang

vọng cùng khắp cõi Tam thiên, hễ vang đến nơi nào thì tùy theo các loài chúng sinh tất cả đều hiểu được, tức là dùng âm thanh Phật đạo giúp cho tất cả đều nghe. Người Viên giáo cũng có pháp môn nói dối, không có xe nói có xe để khuyến dụ trẻ nhỏ. Không phải nhạc nói là nhạc để ngăn tiếng khóc của trẻ thơ. Nếu có chúng sinh nào, nhờ nói dối mà được lợi ích thì Phật cũng nói dối. Kinh chép: "Ngã là thây chết tham dục, ngã là thây chết sân nhuế nhưng thật ra chẳng phải. Ngã là trời là người, thật chẳng phải là trời, là người. Ngã là rồng - quỷ, thật chẳng phải rồng - quỷ. Đem luống dối để nêu ra luống dối, khiến cho có sự không luống dối như vậy". Các hành trước cạn thấp bít lấp, Viên hạnh sâu xa, khoáng đạt vô ngại, sẽ là lối đi cho tất cả, cho nên được như thế, đó gọi là rốt ráo giữ giới không nói dối.

30. Nói về uống rượu:

Lại, hoặc ngũ cốc hoặc thảo mộc làm cho tâm trí tối tăm mê loạn gọi là sự tửu. Pháp môn giải thích: cái thấy mê lầm điên đảo gọi là rượu, cái thấy điên đảo có nhiều thứ rượu là cội gốc của các điều ác, bất thiện, có công năng phát sinh ba mươi sáu lỗi, vời lấy năm trăm đời không có tay, ngạo mạn thất lễ, phát xuất che giấu, nằm ngủ nơi phẩn uế, chống chọi với nước lửa, tai họa như vậy, người vẫn ưa thích. Đời Tấn, Dẫn Mãn xưng là người có nhiều tài năng, đời Ngụy gạn đục khơi trong thành Hiền Thánh, Tất Trác tự thấy mình là kẻ nát rượu. Trịnh Tuyền tự mình thề làm bình rượu, tre lụa ghi đầy xưa nay ca tụng; không nên làm mà làm, không nên ca tụng mà ca tụng, chẳng phải say rượu thì là gì?

31. Dẫn các kinh sách đã nói rộng về năm giới:

Thích Luận nói: "Có một vị Pháp sư, nói cho vua nghe về tội phước của năm giới. Nhà vua hỏi rằng: uống rượu gây ra cuồng loạn, người uống thì rất nhiều nhưng người cuồng loạn sao ít vậy? Pháp sư đưa tay chỉ vào các ngoại đạo mà thôi, lại nói sang chuyện khác. Ngoại đạo Châu Trương nói: Nhà vua hỏi thật sâu sắc, kẻ trọc đầu ở tòa cao kia không thể trả lời. Nhà vua nói: Pháp sư trả lời rồi, kẻ cuồng loạn cũng không ít, là chỉ cho các ông". Được bảo vệ mà không rõ ràng như thế, đó tức là cái say của người đời. Lại nữa, tham giống như biển cả dung nạp các dòng chảy mà không có lúc nào đầy, sân giống như ngọn lửa thêm củi vào lại càng bùng lên mạnh mẽ, si giống như chất keo dính chặt lại như băng thêm nước, tám muôn trần lao làm não loạn tâm, không lúc nào tạm dừng, điện chớp lưỡi rắn, dương diệm như khỉ, năm dục khuấy động chẳng lúc nào không say.

Đại kinh nói: "Từ xưa đến nay thường bị thanh sắc làm cho say khướt, xoay vần trong sinh tử, trời người khắp ba cõi đều có cái say này". Nếu hàng Nhị thừa tuy dứt bỏ chín mươi tám sử và bốn trụ phiền não, nhưng vô minh chưa dứt thì như người sốt rét nửa chừng. Đại Kinh dẫn dắt người say trở về, thế gian không có thường lạc mà nói ngã tịnh, Như lai thật sự ngã tịnh mà nói không có thường lạc, như người say kia thấy trời trăng xoay vòng, đây là cái say của hàng Nhị thừa. Hàng Bồ-tát chưa sạch hết vô minh không thể nhìn thấy rõ ràng, Bồ-tát hành cho nên thấy không rõ ràng, như từ xa nhìn về thuyền lớn trông giống như thiên nga chim nhạn, đêm tối nhìn bức họa ngỡ như thuyền chở đầy người; cũng như người say nhìn thấy đường đi mờ ảo, rất nhiều những ví dụ như vậy để nói lên Bồ-tát chưa đạt được rõ ràng. Vì thế Ca-diếp nói: "Trước đây chúng ta đều bị gọi là người tà kiến". Đây là còn đủ tánh phiền não nhưng có khả năng biết được kho bí mật của Như lai, dù hàng Bồ-tát, người Viên giáo thực hành hạnh Như lai, tuy chỉ có chục nhãn nhưng được gọi là Mắt nhãn, cái đáng thấy thì lại không thấy, do đó văn nói: "Đi sâu vào pháp tánh, tức là đối với kinh Kim Quang Minh này, mà thấy được ta Thích-ca Mâu-ni".

Đại kinh chép: "Thấy rõ ràng Phật tánh giống như diệu đức, cho nên năm trụ chánh tập cùng lúc không sót, pháp rượu chè đã dứt, thì cái gì có thể say". Đó là rốt ráo giữ giới không uống rượu. Hàng Viên giáo cũng có pháp môn uống rượu. Ương-quật nói: "Nắm bình chân không đựng đầy rượu tướng thật, biến hóa năm đường tuyên dương tiếng rống, Ba-tư-nặc say rượu lại càng nhiều ân, phu nhân Mạt-lợi uống rượu, Phật nói giữ giới, vào trong quán rượu tự lập nên chí khí của mình, cũng lập nên chí hướng cho người, hễ đạt được môn đó thì nghịch thuận đều thích hợp, đánh mất cái chuôi thì cầm dao làm hại tay". Các hành trước cạn cợt bít lấp, hành nhân Viên giáo rộng rãi phóng khoáng là đường tắt cho tất cả, cho nên như thế, đó gọi là rốt ráo say tỉnh không hai. Trên đây quán trí bốn đế gọi là bốn Phật, quán năm Phật là quán thế nào? Là quán tướng thật giác trí thanh tịnh của năm giới, tức là quán trong tâm nhìn thấy năm vị Phật, kế là phá trừ phiền não chướng, là chỉ ra một câu "buồn rầu sợ hãi". Các sự việc trên hoặc y theo nội thân hoặc y cứ theo quả báo bên ngoài nghĩa của Báo chướng, một câu này chỉ nói tâm là phiền não chướng.

■

KIM QUANG MINH VĂN KINH CÚ

QUYỂN 2

1. Nói về ba chướng:

Báo chướng như trên rất dễ hiểu, còn phiền não và nghiệp thì thế nào? Có vài người nói: "Thường khởi mà nhẹ thì gọi là phiền não, thường khởi mà nặng gọi là nghiệp". Đại sư Thiên Thai nói: "Nhậm Vận thường có là phiền não, cuối cùng khởi tâm quyết định phát động đến thân miệng, chắc chắn dẫn đến báo ứng là nghiệp". Nếu thế thì sao xấu, tai họa khác thường đều không liên quan đến tâm, thế nào là nghiệp chướng? Đây là tướng bên ngoài biểu lộ nghiệp sắp phát khởi, tướng của nghiệp phải trả báo thì bị nghiệp chướng này. Nếu nghiệp phiền não chuyển đổi thì báo chưa chắc đã chuyển, còn báo chuyển thì nghiệp phiền não chắc chắn chuyển. Nói chung thì phiền não kiến tư đều có lo buồn sợ hãi. Theo luận riêng thì lo buồn thuộc về kiến phiền não, sợ hãi thuộc về ái phiền não. Ở đây không ghi đủ...

2. Phá nghiệp chướng:

Kế là phá nghiệp chướng, đó là từ "sao xấu tai họa khác thường" trở xuống. Nghiệp sắp cảm lấy quả báo cho nên tướng hiện ra trước, tướng gọi là biểu đạt phát ý ở đây vậy. Sao xấu là riêng có khách tinh (sao mới xuất hiện và sao chổi), cũng là năm sao và hai mươi tám sao, mỗi phương có bảy ngôi, bốn lần bảy thành hai mươi tám ngôi, trái với số độ thì mất đi giới hạn. Hoặc sao Huỳnh làm hoặc loạn hành Ma tuệ (sao chổi) xuất hiện, đó là khách tinh. Tai họa khác thường là gió mưa sương tuyết... trái với thời tiết. Các tà có ba loại, đó là nhân tà, quỷ tà và pháp tà; trùng đạo có quỷ độc, lại nói ba độc là trùng (sâu bọ). Biến quái là những loài quái dị, đó là thân hình và tiếng kêu ghê rợn của các loài cầm thú. Ác mộng tức là tâm linh sâu kín mà nghiệp hiện bày trong đó, chính là mộng thấy những điều không vừa ý.

3. Các nghiệp không ngoài năm tội:

Các nghiệp tiêu biểu cho quả báo không ngoài năm tội, hoặc sao xấu tiêu biểu cho điều vong thân mất mạng, đó là tướng của nghiệp sát

sinh; sao xấu tiêu biểu cho thần khí nghèo khó bần cùng, đó là tướng nghiệp trộm cướp; sao xấu trên biểu cho thân thuộc chia lìa, đó là tướng của nghiệp dâm dục; sao xấu tiêu biểu cho vu cáo chê bai, đó là tướng của nghiệp nói dối; sao xấu tiêu biểu cho tan mất tài sản, đó là tướng của nghiệp rượu chè. Ngoài ra tai họa khác thường cầm thú quái lạ ác mộng v.v.., tùy theo từng lúc mà có những sự tiêu biểu khác nhau, để tâm chú ý suy nghĩ tường tận thì không ngoài quả báo của năm tội, hành giả hiểu biết nên suy ngẫm, đâu cần phải chẻ cật tre, đâm rùa để hỏi thần thành mới rõ ràng hay sao? Từ "nên tắm gội sạch sẽ..." trở xuống là đưa ra hai phương pháp có thể làm cho không còn các điều ác. Tướng nghiệp trước bên ngoài bày rõ quả báo không lâu, bên trong không có cách nào cúng tế. Dựa theo ba nghiệp đó tạo thành phương hướng cho ba đức, dùng sự tiêu biểu cho lý.

4. Nói về ba đức Niết-bàn:

Tắm gội thân thể hôi hám là bắt trước theo Pháp thân, bịt miệng thu tai là bắt trước theo Bát-nhã, lắng lòng thanh tịnh là bắt trước theo giải thoát. Trước khiến tắm gội nội thân sau lại khuyên làm sạch sẽ áo quần bên ngoài, như thế trong ngoài đều thành tựu. Trước chỉ bảo nghe, sau lại răn nhắc khiến chuyên chú lắng nghe, là trịnh trọng ngậm miệng. Trước khiến dốc lòng, sau nêu rõ cảnh dốc lòng, là thành tựu phương pháp. Thân người vốn ở nơi bất tịnh, hoa sen vốn ở nơi bùn lầy, thì như chiên-đàn mọc lên từ y lan, thế gian hiện thấy. Nay gần thì nhờ vào khuôn phép của ba nghiệp, xa thì thành tựu nghĩa mầu của ba đức, có thể không tin hay sao? Tắm gội pháp thân có thể tránh khỏi báo chướng, bịt tai ngậm miệng có thể tránh khỏi phiền não chướng, dốc lòng có thể tránh khỏi nghiệp chướng...

5. Kết thúc thành tựu:

Từ "oai đức kinh này" trở xuống là phần thứ tư kết thúc thành tựu. Có công năng tiêu trừ hết là nói về chuyển đổi ba chướng. Nay được vắng lặng là thành tựu ba đức. Vắng lặng chỉ là Niết-bàn, Niết-bàn chỉ là ba đức, phương pháp của ba nghiệp trước đã thành tựu, lý số của ba chướng sẽ đổi thay, ba chướng chuyển đổi như thế rồi, thì lý số sẽ thành tựu ba đức, báo chướng chuyển thành Pháp thân đức, phiền não chướng chuyển thành Bát-nhã đức, nghiệp chướng chuyển thành Giải thoát đức. Trước nhờ vào sự tướng dùng cạn cợt tiêu biểu cho sự sâu xa, sau nói vắng lặng là dùng sâu xa để kết luận cho sự cạn cợt. Văn kinh dày chắc, ít người thấy được nghĩa lý... Từ bốn vị thiên vương hộ thế v.v... trở xuống là nói về phần lưu thông, đều như trên đã nói.

GIẢI THÍCH PHẨM TUỔI THỌ

1. Nói về tuổi thọ của Phật:

Phật vốn chẳng có thân chẳng có thọ, cũng chẳng có hạn lượng, thuận theo thế gian mà nói về ba thân, cũng thuận theo thế gian mà nói về tuổi thọ. Pháp thân là phép tắc pháp tánh, trởi lại lấy pháp tánh làm thân. Thân này chẳng phải sắc chất cũng chẳng phải tâm trí, chẳng được sự thâu nhiếp giữ gìn của ấm giới nhập, gượng lấy pháp tánh làm pháp thân. Pháp tánh thọ, chẳng phải là báo ứng đạt được mạng căn, cũng không giữ gìn nối nhau, gượng nhắm vào sự chẳng dời chẳng đổi gọi đó là thọ. Thọ này chẳng phải là hạn lượng dài dâu, cũng chẳng phải là hạn lượng ngắn ngủi, không kéo dài ra không rút ngắn lại, gượng cho pháp giới đồng với lượng của hư không. Đây chính là thân của chẳng phải thân - thọ của vô thọ - lượng của bất lượng. Báo thân là những cảm ứng của sự tu hành. Kinh Pháp Hoa chép: "Do nghiệp tu lâu mà có được". Kinh Niết bàn chép: "Đại bát Niết-bàn do tu đạo đạt được nên trí Như như chiếu soi cảnh như như, Bồ-đề trí tuệ tương ưng thầm hợp với pháp tánh". Tương ưng là giống như nắp và hộp khớp nhau. thầm hợp là như nước và sữa hòa hợp nhau.

2. Nói về pháp thân Phật:

Pháp thân chẳng phải thân, chẳng phải chẳng phải thân, trí đã thầm hợp cũng chẳng phải thân chẳng phải không thân, gượng gọi trí này là Báo thân. Pháp thọ chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, trí đã thầm hợp cũng chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, gượng gọi thường là Thường là Thọ. Pháp đã chẳng phải lượng, chẳng phải vô lượng, gượng gọi là vô lượng này là lượng. Ứng thân là ứng hóa thân hình giống như chúng sinh là thân. Ứng hiện cùng giữ gìn nối nhau là thọ, ứng là đồng dài ngắn làm lượng. Ứng thân là ứng hóa đồng với thân chúng sinh làm Thân.

Trí và thể thầm hợp khởi ra công dụng to lớn, như nước ngân và vàng ròng có thể dát các sắc tượng, công đức và pháp thân ứng hiện đến mọi nơi, có khả năng làm thân, làm chẳng phải thân, có khả năng là Thường Thọ, là chẳng phải thường thọ, là vô lượng, là hữu lượng. Hữu lượng có hai nghĩa: một là lượng của Vô lượng, hai là lượng của hữu lượng, như bảy trăm A-tăng-kỳ và tám mươi đại kiếp... là lượng của hữu lượng; như cân núi, giọt nước biển thật giới hạn, phàm phu không thể biết được, Phật A-di-đà thật có kỳ hạn, nhưng trời người chẳng thể tính được, đây là vô lượng của hữu lượng. Ứng Phật đều là hai lượng, tùy

vật tùy duyên ngắn dài khác nhau. Nhưng ba thân, ba thọ, ba lượng này không thể có một khác riêng, cho nên trái với pháp thể, tức một mà ba, tức ba mà một, chính là khế hợp huyền văn. Vì thế văn dưới nói: "Nếu đi sâu vào pháp tánh, tức là đối với kinh Kim Quang Minh này mà thấy được ta Thích-ca Mâu-ni chính là nghĩa đó. Nhưng Tín Tướng chỉ nghi ngờ về hữu lượng của ứng thân, bốn Đức Phật chỉ nêu ra vô lượng của ứng thân, dứt bỏ hữu lượng, dấu tích nghi ngờ đã hết thì thông suốt sâu xa Báo thân và Pháp thân.

3. Lại nói về tuổi thọ của Phật:

Hoặc từ điều nghi của Tín Tướng nên nói Thọ là hữu lượng, hoặc từ bốn Đức Phật cởi mở điều nghi nên nói là Thọ vô lượng, nhưng nay không nói Thọ hữu lượng, không nói Thọ vô lượng, mà nói thẳng Tuổi thọ, ý là muốn nói đầy đủ về tuổi thọ của ba Phật, do đó không thiên về đề mục mà giữ lấy ý để giải thích. Nếu là từ nghĩa thì chính là Tuổi thọ của Báo thân, vì sao chọn lấy ý này? Báo thân thì trên thầm hợp dưới tương ưng, trên thầm hợp với pháp tánh tức là chẳng phải lượng, chẳng phải vô lượng, dưới ứng hợp cơ duyên là năng lượng, năng vô lượng, lượng nghi ngờ dẫn đến vô lượng. Đáp rằng tức là thấu đạt đến viên, các nhà chú thích kinh điển từ đó phát sinh kiến giải trọn vẹn mà đề tên phẩm. Nêu một mà che lấp nhiều, từ nghĩa này cho nên đề là phẩm Tuổi thọ.

4. Nói về ba lớp của phẩm Tuổi thọ:

Lại nữa, cùng lúc mà trùng giải, phẩm Tuổi thọ cũng thực hành ba lớp:

1. Huyền nghĩa.
2. Dẫn chứng.
3. Hoàn nguyên.

Huyền nghĩa là Thọ là mạng, nghĩa là báo được mạng căn gìn giữ nối nhau không dứt gọi là Thọ, số hạn dài ngắn gọi là lượng, cho nên nói là tuổi thọ. Ở đây giải thích về nhân duyên tuổi thọ của ứng thân Phật. Lại, Thọ là thọ lãnh, cảnh và trí hòa hợp cùng nhau thọ lãnh đầy đủ, nghĩa là trí vô phân biệt thọ lãnh đầy đủ cảnh vô phân biệt, cảnh vô phân biệt thọ lãnh đầy đủ trí vô phân biệt, như hộp lớn nắp lớn, cho nên Thọ nghĩa là thọ lãnh. Lượng là tương ứng, cảnh và trí tương ứng cho nên nói là Lượng, đây là giải thích về tuổi thọ của Báo Phật. Lại nữa, Thọ là lâu dài, thường còn không thay đổi gọi là lâu dài, Lượng là chọn lượng, Thọ của thường còn lâu dài chẳng phải số nhiều chẳng phải số ít, chẳng phải tương ứng mà biết hết, chẳng phải tương ứng, không thể

biết hết, chẳng phải nói được, chẳng phải không thể nói được, không thể đặt tên, gượng dùng chọn lượng để nói về sự lâu dài đó; đây là giải thích về tuổi thọ của Pháp thân.

5. Nói về lượng:

Lần đầu chia làm hai:

1) Lượng hữu lượng: như tuổi thọ của Phật Thích-ca là tám mươi năm.

2) Lương vô lượng: như tuổi thọ của Phật Di-đà, thật sự là có hạn lượng, nhưng trời người vốn không thể suy lường được, cho nên nói là lượng vô lượng. Lượng vô lượng này đều là việc làm của ứng Phật. Lần thứ hai cũng có hai nghĩa. Phật dùng trí như như để xứng hợp với cảnh như như, cảnh vô phân biệt, trí cũng vô phân biệt, nếu cảnh xứng hợp với trí thì trí có phân biệt, cảnh cũng có phân biệt. Biết và không biết này đều được Báo Phật nói rõ. Lần thứ ba cũng có hai nghĩa:

1. Sâu xa vắng lặng không thể nói.

2. Dùng phương tiện từ bi cũng có thể nói.

Có thể nói và không thể nói ở đây là pháp của pháp thân Phật. Thứ hai là Dẫn chứng: tám mươi năm là chứng minh về hữu lượng, chúng tám bộ các vị trời, người không thể nào suy nghĩ dự đoán, không thể nào đếm biết được cân núi, giọt nước biển, đây là chứng minh về lượng vô lượng. Ranh giới phân cách hư không không thể có phần hạn, chứng minh cho cảnh vô phân biệt.

6. Nói về tuổi thọ của Như lai:

Lại nữa, văn ở dưới nói: “Trí sâu thẳm vô biên, nước pháp đầy đủ”, cũng là chứng trí. Thọ không thể tính đếm, đây là chứng minh cho không thể nói. Muốn nói về tuổi thọ mà Đức Thích-ca Như lai, đạt được đây là chứng minh cho từ bi có thể nói. Lại nghe bốn Đức Phật này giảng nói về tuổi thọ vô lượng của Như lai, là chứng minh cho đại bi có thể nói. Bản dịch mới nói Bà-la-môn mong cầu xá-lợi Phật giống như Túc Đại cầu được quả báo trên sáu tầng trời, cõi Dục tức là chứng minh cho hữu lượng. Vương Tử nói: Phước báo vô biên của Kim Quang Minh khó suy nghĩ khó hiểu thấu; phước bảo vô biên tức là chứng minh cho lượng vô lượng, khó suy nghĩ, khó hiểu thấu tức là chứng minh chung cho trí và cảnh không thể nói... Thứ ba là Hoàn Nguyên: cũng gọi là Phục tông. Giải thích về tuổi thọ này, tuy cũng có ba thân sáu nghĩa, nhưng chớ hiểu sai khác, chỉ là nghĩa Kim Quang Minh của đề kinh.

7. Nói về chữ Minh:

Đầu tiên là Lượng Vô Lượng, chỉ là nghĩa của chữ Minh; y theo

chứ Minh đó cho nên các số lượng lớn nhỏ, dài ngắn, lâu mau đều hiện bày đầy đủ tất cả trong Minh, vẫn là nghĩa chữ Minh ấy. Lần thứ hai là trí cảnh, hộp nắp, thể giải tương ưng, vì sắc lớn cho nên Bát-nhã cũng lớn, vì pháp thường cho nên các Đức Phật cũng thường, lại là nghĩa Quang. Lần thứ ba là nói được, không thể nói được, thường lạc ngã tịnh nói đầy khắp pháp giới, pháp tánh không có lợi ích, đều không nói một lời, pháp tánh không hề giảm bớt, lại là nghĩa kim. Hiểu một thì ngàn thuận theo, mê một thì muôn điều mê hoặc, tức là nghĩa này.

Đã là cái nghe của hai lần gom góp ghi lại... phẩm này là chánh thuyết mà văn tựa chưa hết, phân biệt như trên, từ "thành Vương xá..." trở xuống là phần thứ ba ý niệm nghi ngờ, tựa văn chia làm hai:

1. Nêu người.

2. Nói về nghi ngờ.

- Phần nêu ra người chia có bốn:

a) Nêu rõ nơi chốn.

b) Nói về địa vị.

c) Nêu ra tên gọi.

d) Khen ngợi công đức.

Nơi chốn như trong văn. Bồ-tát: Bồ, Hán dịch là đạo, Tát là tâm, tự thực hành đạo lý này có khả năng hóa độ mọi người, cho nên nói là Ma-ha-tát, y theo hạnh cao siêu mà lập nên địa vị cao siêu. Tín Tướng: tướng của người kính tin dường như trong đạo, Biệt giáo chia ra ba mươi tâm, Viên giáo chia ra là Thiết luân vị. Văn dưới nói: "Thấy có một người tựa như Bà-la-môn, dùng dùi đánh trống".

8. Nói về trống:

Trống là pháp thân, đánh trống là căn cớ chuyển động, dường như vị trí căn cơ dấy lên biết là chẳng phải đánh thật sự. Lại, địa vị dường như thật nên mỗi địa theo nhau, chẳng địa nào không có. Như Bồ-tát Phổ Hiền tu hạnh Phổ hiền tròn đầy địa vị gần đến nơi tôn quý nhất, dường như ở đây thì cao, Tín Tướng xưng là tựa như đạo, chưa dám phân ra cao thấp có. Người vấn hỏi rằng: Nếu giống như Phổ Hiền nói là dường như thì vì sao có nghi ngờ? Điều này cũng chẳng ngại gì, Bồ-tát vì người nghi ngờ không có gì đáng chê, trong kinh Pháp Hoa, Bổ xứ Di Lặc cũng lại hoài nghi, trong Đại Tập có Bồ-tát Sinh nghi, đối với Bồ-đề chưa hiểu rõ, Bồ-đề là mình đặt tên gọi là Sinh nghi. Người hỏi vặn rằng: Thấy đế rồi thì dứt nghi, thập địa vì sao nghi ngờ?

Đáp rằng: Thấy Đế rồi dứt nghi, thập địa có cái nghi riêng. Quán giải, tâm vương gọi là vương, năm ấm gọi là xá, quán năm ấm này vắng

lặng, vắng lặng tức là Niết-bàn, Niết-bàn có công năng ngăn ngừa lỗi lầm chống lại quân địch gọi là ngôi thành. Sơ tâm hậu tậm thường quán xét Niết-bàn hành đạo, vì đó là trú xứ. Khen ngợi công đức văn chia làm hai, bên ngoài cúng dường các Đức Phật, bên trong gieo trồng gốc lành. Bồ-tát này gieo trồng gốc lành đã sâu, được gặp nhiều Đức Phật, ở địa vị cao giải thích lẽ ra cũng không có sắc hổ thẹn... cúng dường có hai nghĩa: Một là tài cúng dường, có thể hiểu.

9. Nói về pháp cúng dường:

Kế là pháp cúng dường. Phật nói trăm ngàn pháp môn, thuận theo đó mà tu học gọi là pháp cúng dường. Quán tâm giải, một niệm biết rõ tâm gọi là tâm Phật vô lượng công đức giúp cho tâm biết rõ này khiến chuyển thành trong sáng thanh tịnh, đó gọi là cúng dường Phật, như dầu mỡ thắp sáng đèn, như thức ăn nuôi thân thể, như thiền định phát sinh trí tuệ, đều là nghĩa của cúng dường, gieo trồng gốc lành: Pháp tánh gọi là địa (đất đại), trí quán sát pháp tánh gọi là hạt giống, thường dùng quán để quán sát pháp tánh gọi là gieo giống, huân tập lâu ngày không lui sụt gọi là gieo giống đã lâu năm gốc lành phát sinh gọi là thêm lớn, thêm lớn nhờ gió xúc chạm mặt trời soi chiếu mưa móc tưới thấm, dần dần lớn mạnh tốt tươi.

10. Ba luân của Phật:

Gió dụ cho Phật luân của Thân, mặt trời dụ cho ý luân của Phật, mưa móc dụ cho khẩu luân của Phật. Gặp được Phật thì ba việc này có thể lợi ích to lớn, kinh Lăng-nghiêm, Bát-nhã nếu thêm lớn thì pháp tánh hiển hiện, nếu pháp tánh càng hiển hiện thì định - tuệ sáng suốt bội phần, hai nghĩa gieo trồng và gặp Phật cùng thành tựu, nêu ra một cặp này để khen ngợi công đức của Bồ-tát. Từ “Tín Tướng này...” trở xuống chính là nói về ý niệm nghi ngờ, lại chia làm hai: Trước hết là lý do nghi ngờ, kế đó là đích thực phát sinh nghi ngờ. Lý do có xa gần, xa là ba tháng tuyên bố nhập Niết-bàn, gần là trình bày, nếu có người nghe thì có thể suy nghĩ về nghĩa lý vô thượng. Lại nói: có lẽ do bổn thệ kích động sinh nghi. Vì sao: là nói chung ba loại đều gọi là nhân, nhưng văn này đã lược bỏ, duyên liễu giúp nhau cùng hiển bày chánh nhân, chánh là ở nhân, duyên liễu ở duyên, chánh nhân thường hằng tuổi thọ vô lượng, duyên hiển bày lý, cảnh thường thì trí cũng thường, nhân này duyên này đều chẳng phải nhân duyên của tám mươi năm.

11. Nói về nhân duyên:

Nhân gì duyên gì đều chẳng phải nhân duyên tám mươi năm, nay mới tám mươi là nhân gì duyên gì, vì thế cho nên sinh ra nghi ngờ. Nói

tám mươi là tuổi thọ ở thế gian có ba hạng: hạng thấp là bốn mươi, hạng trung bình là tám mươi, hạng cao nhất là một trăm hai mươi tuổi. Hạng thấp còn quá non trẻ, hạng cao đã quá già, hạng trung bình không trẻ không già, biểu hiện cho Thường. Lại, mười hai nhân duyên-chi thứ tám gọi là ái. Tám mươi tuổi diệt độ đó là biểu hiện cho ái đã hết, đi vào Niết-bàn hữu dư, vô dư. Ái đã hết không còn trói buộc biểu thị cho Ngã, Niết-bàn biểu thị cho Lạc. Lại, hạng trung bình còn biểu thị cho Trung đạo.

12. Trung đạo của Phật:

Phật vui với Trung đạo, Trung đạo biểu thị cho Tịnh, vì nghĩa này cho nên nói tám mươi tuổi. Tín Tướng không lý giải như vậy, do đó sinh ra nghi ngờ do nhân gì duyên gì. Từ "lại nghĩ rằng..." trở xuống chính là thức phát sinh nghi ngờ. Như lời Phật nói? Đây là chấp vào giáo mà nghi ngờ lý, giáo giải thích về hai thiện: chỉ thiện và hành thiện, cảm ứng tuổi thọ thì lâu dài, ngày xưa Phật thực hành rất nhiều nhân, mà nay quả của tuổi thọ rất ít, lý và giáo trái nhau, chẳng thể không thắc mắc. Nếu không có lý này thì giáo lập bày luống uổng, nếu đều là tất nhiên thì tuổi thọ lâu dài ở đâu? Đó là chấp lý mà nghi ngờ đối với Giáo.

Có hai nhân duyên so với trước có khác nhau, trước kết hợp chỉ - hành cùng là duyên liễu, nay y theo chỉ về hành để tự làm nhân duyên. Trong mười điều lành mỗi điều lành có đủ chỉ - hành, bất sát là chỉ thiện - phóng sinh là hành thiện, bất đạo chỉ thiện - thí thực là hành thiện. Nay kinh nêu ra chỉ thiện của người bất sát - hành thiện của người bất đạo, lẫn nhau nêu ra một bên, cùng làm sáng tỏ chỉ - hành. Nếu luận đầy đủ thì mỗi điều lành có chỉ - hành, chỉ và hành phải hiểu rõ. Nay y theo mỗi pháp đều có nhân duyên, mạng là cái gì mà chúng sinh đều luyến tiếc, giành lấy mà làm hại, sống trong sự khổ đau, tha thứ mà thả đi thì vô cùng vui sướng, từ tâm là nhân - không cất giữ dụng cụ giết chóc là duyên, đây là nhân duyên chỉ thiện.

13. Chỉ thiện và hành hiện của Phật:

Thức ăn là y báo, có được thì mạng còn, mất đi thì tuổi thọ giảm bớt, tâm bố thí là nhân - đồ vật bố thí là duyên, đây là nhân duyên hành thiện. Giới bất sát đã như vậy, cho đến bất tà kiến cũng thế, tổng cộng có hai mươi điều lành và bốn mươi nhân duyên, các nhân duyên này đều cảm ứng quả báo sống lâu. Chỉ thiện và hành thiện của Đức Phật chứa nhóm cao hơn núi, dồn lại dày hơn đất, tại sao hôm nay mới tám mươi tuổi mà đã kết thúc?

Đây là y theo phạm vi nhân quả nói về chỉ thiện và hành thiện,

thiện nhưng giải thích như vậy, về nghĩa chưa tlửa đáng. Nay sẽ tiếp tục nói, nhân của trời, người gọi năm giới, mười điều lành là mạng, hành nhân ba thừa lấy trí tuệ làm mạng, Ma gọi là kẻ giết hại. Nếu ngăn dứt đọat lấy điều này tức là cắt đứt mạng của trời, người; nếu không ngăn trở giành lấy gọi là chỉ thiện, phương tiện khuyến khích tu tập gọi là hành thiện. Nếu phá hoại ba tạng kinh pháp, gọi là giết chết mạng sống của hàng Nhị thừa, nếu phá hủy thương tổn gọi là chỉ thiện, phương tiện khuyến khích tu tập gọi là hành thiện. Nếu chê bai chỉ trích xuất gia, tại gia (sư đàn) cho đến chê bai trí thế gian, gọi là cắt đứt mạng sống của Bồ-tát sáu độ.

14. Giải thích chỉ thiện và hành thiện:

Nếu không chướng ngại gọi là chỉ thiện, phương tiện khuyến khích tu tập gọi là hành thiện. Nếu tu tập pháp thể, dứt bỏ mạng sống của Nhị thừa, nếu người không ngăn trở gọi là chỉ thiện, phương tiện khuyến khích tu tập gọi là hành thiện. Chẳng bác tự thể là không thì cắt đứt mạng sống của Bồ-tát Thông giáo, nếu không chướng ngại tức là chỉ thiện, phương tiện khuyến tu là hành thiện. Nếu chê bai lần lượt thứ lớp là cắt đứt mạng sống của Bồ-tát Biệt giáo, không làm chướng ngại tức là chỉ thiện, phương tiện khuyến tu thì vừa hành thiện. Nếu chê bai sự viên dung tức là cắt đứt mạng sống của Bồ-tát Viên giáo, vừa cắt đứt mạng sống của Phật, nếu không làm khó dễ tức là chỉ thiện, phương tiện khuyến tu tức là hành thiện. Người Viên giáo chẳng những không phá hoại các pháp mà còn tùy theo nhất tướng, tức là giết các pháp nhưng thuận theo nhất tướng, như Đại vương Tiên Dự giết hại năm trăm người mà ban cho tuổi thọ dài mười kiếp, như Phật dứt bỏ tất cả các phiền não và thói quen hết thảy không có gì sót lại, đây đều là lời nghịch nhưng lý thuận, người tu theo Tiểu thừa không làm được. Như trên đã nói, mỗi pháp đều có hai thiện: chỉ tiện và hành thiện, mỗi thiện đều có nhân duyên, nếu đạt được ý này thì trải qua các pháp môn rộng lớn như biển cả. Do đó đại kinh nói: “Hành đàn Ba-la-mật đạt được tuổi thọ dài lâu, Bồ-tát hành đàn tức là ban cho chúng sinh tuổi thọ vô lượng, cho đến thực hành Bát-nhã đạt được tuổi thọ dài lâu, Bồ-tát hành Bát-nhã thì ban cho chúng sinh tuổi thọ vô lượng”.

15. Nói về thí thực:

Tức là nghĩa ấy. Nhưng đức Thế Tôn không hành nào không trọn vẹn, không quả nào không đầy đủ, tại sao ngày nay chỉ có tám mươi tuổi? Kế là nói về Thí Thực - trăm thứ ngon ngọt đều là lương thực của y báo, thân thịt xương tủy là lương thực của chánh báo, đây đều là thí thực

ở trong sự. Kinh nói pháp thực, pháp thực là pháp vị thế gian, pháp vị xuất thế gian, pháp vị xuất thế gian thượng thượng. Bồ-tát có khả năng vì tất cả chúng sinh mà làm vị đại thí chủ, khiến cho người chưa phát tâm bỏ tà vào chánh, người đã đi vào chánh thì thêm lớn mầm mống, như âm dương nuôi dưỡng cây cỏ, như cha mẹ nuôi con, quấn nhiều vải lụa khiến cho rơi xuống đất không đau; truyền trao năm giới, mười điều lành, người đã thọ trì năm giới, nói cho biết phần nhiều bị thiêu đốt tàn hại là do lửa dữ của ba cõi, khen ngợi ba thừa giải thoát không gì trói buộc. Người đã đi vào chứng đạt, chê bai chỉ trích giống xấu hạt hư của hàng Tiểu thừa, khen ngợi đạo lý sở hành của hàng Bồ-tát, thết đãi cơm của đại vương cho dân chúng trong nước đang đói khát, phiền não là củi, trí tuệ là ngọn lửa, nhờ nhân duyên này thành tựu lương thực của Niết-bàn, khiến cho các đệ tử điều ưa thích mong muốn... Tất cả các pháp môn như vậy đều gọi là pháp thực.

16. Mỗi pháp đều có đủ chỉ thiện và hành thiện:

Mỗi pháp đều có đủ: chỉ thiện và hành thiện, mỗi thiện đều có đủ nhân, có đủ duyên, các nhân duyên này chiêu cảm quả sống lâu, mà Đức Thế Tôn chẳng có hành nào không trọn vẹn, chẳng có quả nào không đầy đủ, tại sao ngày nay chỉ có tám mươi năm? Về quán tâm bất sát, vô minh là cha, tham ái là mẹ. Nếu dứt bỏ điều này thì trở thành nghịch hại, chỉ quán sát vô minh tức là minh, ái tức là tịnh, thể đạt năng sở đều như hư không, đó là chỉ thiện, quán các tâm sở cũng giống như vậy, đó gọi là hành thiện. Quán như vậy thì đạt được tuổi thọ kim cương thường trụ. Thân thể xương tủy máu thịt của mình là bên này bên kia hướng về nhau và lấy bên này làm thân mình, như Vương Tử thế thân cho cọp ăn, Thy-tỳ đổi chim bồ câu, đều xả bỏ di thể của cha mẹ chứ chẳng phải của bản thân mình, bản thân mình là tướng thật của pháp tánh.

17. Dẫn chứng kinh sách:

Thích Luận nói: “Giữ giới là da, thiền định là máu, trí tuệ là xương, thiện tâm nhiệm mầu là xương tủy, nói giới cho người nghe, giới có công năng ngăn ngừa tội lỗi, tu phước vô tướng tối thượng, người chẳng trì chẳng phạm Thi-la Ba-la-mật đó là bố thí da thịt của mình. Nói các thiền định thần thông biến hóa, không khởi diệt định, hiện bày các oai nghi, đó là bố thí máu của mình. Nói diệu tuệ không mê đắm, chẳng phải trí, chẳng phải ngu, tiêu tan thanh tịnh, suốt ngày nói, suốt ngày không nói, các pháp đã nói tất cả đều đạt đến trí nhất thiết, ấy là bố thí xương của mình. Đàn nhẫn... lẽ ra là thịt của mình. Nói pháp tánh sâu

thẩm và hành xứ của Đức Phật không phải một không phải hai, đường ngôn ngữ dứt chỗ tâm hành diệt, trung đạo nhiệm mầu đó là bố thí tủy não của mình. Đem thân đầy đủ này bố thí cho chúng sinh đói khát, huống chi các thức ăn uống khác; các thức ăn uống khác tức là da giới - máu định - xương tuệ - tủy kiến đế của hàng Nhị thừa và trời người.

Kinh Pháp Hoa chép: "Đối với trong các pháp sâu xa khác mà chỉ dạy lợi ích vui mừng" tức là nghĩa ấy. Xưa kia, Như lai thuận theo ý người mà nói vô lượng vô biên, tùy theo ý của mình cũng nói vô lượng vô biên, đều là nhân duyên sống lâu, tại sao ngày nay chỉ có tám mươi tuổi? "Từ lúc Đại sĩ dốc lòng niệm Phật suy nghĩ về nghĩa lý như thế" câu này kết thúc phần trước mở ra phần sau. Dốc lòng là thấu suốt đến tận cùng nguồn gốc của tâm và mé thật của tâm, nên nói là dốc lòng. Quán tâm đã thế, quán Phật cũng giống như vậy, cho nên nói là niệm Phật. Nghĩ đến Phật thì không giết hại, ban cho thức ăn bằng với hư không pháp tánh, như vậy thì tuổi thọ lẽ ra không ngắn ngủi. Đó là kết thúc phần trước, mở bày phần sau nhờ thực hành quán này căn cơ phát động, điềm lành khơi dậy cho nên nói là mở bày phần sau.

Từ "thất ấy tự nhiên..." trở xuống là phần thứ tư bài tựa về hiện điềm lành. Điềm lành là mật báo, tướng là biểu thị cho sự phát khởi, mật báo rằng bốn Đức Phật sẽ đến thất này để dứt trừ nghi ngờ cho ông, biểu thị cho sự phát khởi, tăng tiến thường nhân cảm được thường quả.

Hỏi: Phật tạo ra điềm lành này hay là phước của Tín Tướng tạo ra?

Đáp: Tín Tướng không có căn cơ thì Phật không thể ứng, nếu không có các Đức Phật thì căn cơ không có chỗ để gá, căn cơ ứng thì tướng cần phải có điềm lành để phát khởi.

18. Hỏi đáp về chiêu cảm:

Hỏi: Nhiều duyên chiêu cảm điềm lành hay chỉ có mình Tín Tướng chiêu cảm?

Đáp: Chung thì từ nhiều duyên, riêng thì từ Tín Tướng. Nếu điềm lành ở Linh Sơn thì có thể chẳng có năng lực đó, cái thấy ở trong thất lẽ nào không do điều ấy sao? Thí dụ như nhà họ Trương có điềm lành, lẽ nào nhà họ Vương được phước? Tuy nhiên, Tín Tướng là người phát khởi không thể nhận lãnh điều tốt lành một mình, như kinh Pháp Hoa chép: "Như vì một người nhiều người khác cũng vậy". Văn chia làm hai: một là lý do hiện tướng, hai là chính hiện tướng. Lấy văn kết thúc phần trước mở bày phần sau để làm lý do hiện điềm lành, từ "thất ấy tự nhiên..." trở xuống chính là hiện tướng.

Chính thức hiện thức lại có hai: một là hiện tướng riêng, hai là hiện tướng chung, từ “thất ấy tự nhiên...” trở xuống là hiện tướng riêng, từ “nói tóm lại...” trở xuống là hiện tướng chung. Tướng riêng là mười, biểu thị cho nhân thập địa thành tựu. Tướng chung là một, biểu thị cho nhân thành tựu một quả. Lại nữa, tướng riêng biểu thị cho từng địa đều được lợi ích nhiều thêm, tướng chung biểu thị cho một địa có đầy đủ công đức của các địa.

19. Hỏi đáp về nhân quả:

Hỏi: Kinh này lấy quả thường làm tông, làm sao có thể tạo tướng biểu thị cho nhân?

Đáp: Nhân này là nhân của quả gia, nhân chắc chắn thành quả thì không trái với tông.

20. Hỏi đáp về điềm lành:

Hỏi: Trước đây xếp Tín Tướng vào địa vị tương tự (tự vị), tướng về sau thì chẳng phải hiện tượng đó, nếu tương tự đồng như Phổ Hiền thì tướng trước đây cũng chẳng phải điềm lành kia có đúng không?

Đáp: Giống như nói thập địa, trong mỗi địa đều có công đức của các địa, biểu thị cho lợi ích của báo ứng, trước sau đều được thấm nhuần. Các nhà sớ kinh không phân định địa vị, chỉ nên thuận theo, không được chia đoạn. Tướng riêng có mười loại:

21. Nói về mười hai tướng:

1. Thất đó rộng rãi.
2. Nơi đó trang nghiêm tốt đẹp.
3. Hương thơm sực nức khác thường.
4. Tòa cao đột nhiên xuất hiện.
5. Đức Phật ngồi trên đài hoa.
6. Phát ra ánh sáng rực rỡ.
7. Các thứ hoa trời trên rải như mưa.
8. Nhạc trời trỗi lên;
9. Đến được niềm vui cõi trời.
10. Người thiếu căn được đầy đủ các căn.

Mười tướng này biểu thị cho công đức quả báo của Thập Địa, chỉ có thể vui mừng khen ngợi, không nên trách cứ sự hoàn bị đó. Thất đó tự nhiên rộng lớn biểu thị cho Sơ Địa hoan hỷ, Địa này lần đầu khai mở vượt qua phàm Thánh, cho nên lấy biểu thị bằng rộng rãi khoáng đãng Lưu ly đan xen lẫn nhau trang nghiêm thanh tịnh biểu thị cho Nhị Địa Ly Cấu, Địa này đối với giới, giới là nền tảng của các hạnh, các hạnh trang nghiêm giới, cho nên dùng sự đan xen để biểu thị.

22. Nói về mười địa:

Hương thơm biểu thị cho Minh Địa địa đó đối với nhẫn, chỉ có nhẫn nhục thì nhẫn mới thêm lớn, như khói nhiều thì hương đượm, cho nên dùng hương để biểu thị. Tòa cao biểu thị cho Viêm Địa, Địa ấy đối với tinh tiến, tinh tiến thúc đẩy phát sinh các hành, cho nên dùng tòa cao để biểu thị. Đức Phật ngồi trên tòa đó biểu thị cho Địa Nan Thắng, Địa này đối với thiền, thiền có thần thông và đại lực chuyển biến, cho nên dùng Phật để biểu thị. Ánh sáng biểu thị cho Hiện Tiền Địa, Địa này đối với Bát-nhã, Bát-nhã soi chiếu cùng tận, cho nên dùng ánh sáng để biểu thị. Hoa cõi trời biểu thị cho Viễn Hành Địa, Địa này đối với phương tiện, phương tiện khéo léo hễ gặp mọi việc đều trang nghiêm thanh tịnh, cho nên dùng hoa cõi trời để biểu thị. Nhạc trời trỗi lên biểu thị cho Bất Động Địa, Địa này đối với lực, lực có công năng thể lợi ích an vui cho tất cả, giống như kỷ nữ làm vui lòng chúng sinh, cho nên dùng nhạc trời để biểu thị. Thọ nhận vui sướng biểu thị cho Thiện Tuệ Địa, Địa này đối với nguyện, nguyện tlửa mãn thì tâm vui sướng, cho nên dùng thọ nhận vui sướng để biểu thị.

Các căn đầy đủ biểu thị cho Pháp Vân Địa, Địa này đối với trí, trong nhân rất nhiều hạnh do đó lấy trí tuệ làm đầu, trí dẫn dắt các hành tùy tầng bậc mà tròn đầy, cho nên dùng căn đầy đủ để biểu thị... Lại nữa, mười tướng biểu thị trong mỗi Địa có đầy đủ các công đức, tạm thời y cứ theo Sơ Địa để giải thích: Thất đó tự nhiên rộng lớn mọi việc đều trang nghiêm, tướng này biểu thị cho trí của Sơ Địa. Thất dùng năm ấm làm thất, ấm này chẳng phải ấm mà cũng không phải chẳng là ấm, không phải tạo tác từ ấm hay chẳng phải ấm, cũng không tạo tác thành ấm hay chẳng phải ấm, cho nên nói là Tự nhiên. Không thể là ấm, không thể chẳng phải ấm, hai bên rỗng suốt cho nên nói là rộng lớn.

23. Nói về cảnh giới Phật:

Chẳng phải như hư không, không có hai mươi lăm hữu và hai thứ Niết-bàn, cũng có mười lực vô úy và các thứ công đức trong nhân để tô điểm nên nói là mọi việc trang nghiêm, mọi việc trang nghiêm tức là giả trí, rộng lớn là không trí, tự nhiên tức là trung trí, ba trí đầy đủ trong một tâm, cho nên vui mừng lưu ly màu xanh cõi trời đan xen hòa lẫn với nhau để trở thành mặt đất tướng này biểu thị cho cảnh sở chiếu của Sơ Địa, lưu ly mầu xanh các trời sáng rõ trong suốt đến cùng tận, biểu thị cho cảnh Chân-đế, giống như tịnh độ nơi cư trú của Như lai, cho đến nơi tôn quý cùng cực mà bậc thánh cư trú, biểu thị cho cảnh trung đạo nghĩa đế bậc nhất.

Một Địa mà ba tướng, ba tướng mà là một Địa, biểu thị cho một Đế mà ba đế, ba Đế mà một đế. Có hương thơm nhiệm mầu hơn hẳn mùi thơm cõi trời, tướng này biểu thị cho công đức từ bi của Sơ Địa. Từ luôn ban cho niềm vui giống như hương thơm ngào ngạt, Bi luôn nhổ gốc đau khổ, giống như mùi hương xua tan hôi hám. Từ bi này cao vời thẳng dọc cho nên nói là vượt hơn mùi thơm các tầng trời, từ bi này rộng khắp thời gian nên nói là đầy đủ khắp nơi, đầy đủ khắp nơi trong tất cả ấm, giới, nhập, chẳng có nơi nào không che phủ cùng khắp. Bốn phía của thất đó có bốn tòa cao; tướng này biểu thị cho bốn đức của Sơ Địa, bốn đức là kho Bí mật, Đức Phật ngụ trong đó, như tòa cao để ngồi, để các Đức Phật ngồi.

24. Nói về sơ địa:

Có bốn Đức Như lai, tướng này biểu thị cho sự giác ngộ bốn đức của Sơ Địa, trí và đức thầm hợp như Đức Phật ngồi trên tòa phát ra ánh sáng rực rỡ, tướng này biểu thị cho hạnh tự hành hóa tha của Sơ Địa, soi chiếu cõi này biểu thị cho tự hành soi chiếu cõi khác biểu thị cho hóa tha. Các hoa cõi trời tuôn rãi như mưa, tướng này biểu thị cho bốn biện tài của Sơ Địa, hoa tuy rãi giữa hư không như mưa, như biện luận giải thích nghĩa lý. Nhạc trời trỗi lên; tướng này biểu thị cho bốn nhiếp pháp của Sơ Địa, bốn nhiếp pháp thâu nhiếp mọi vật giống như niềm vui làm vui lòng người khác, được sự vui sướng cõi trời; tướng này biểu thị cho pháp hỷ của Sơ Địa, pháp hỷ lắng đọng thần thái giống như thọ nhận niềm vui cõi trời.

Người thiếu căn được đầy đủ các căn; tướng này biểu thị cho các căn sử dụng lẫn nhau của Sơ Địa, tai thấy mắt nghe, trong một căn đầy đủ công dụng của các căn. Công đức của Sơ Địa mà Đức Phật đã biện giải không thể nào nói hết. Sơ Địa đã vậy, trong mỗi Địa lại cũng giống như thế.

25. Mỗi địa kế sau cũng giống như Sơ địa:

Lại nữa, mười tướng biểu thị cho công đức tự hành hóa tha của Sơ Địa, năm tướng trước biểu thị cho công đức tự hành, năm tướng sau biểu thị cho công đức hóa tha. Thất đó rộng lớn biểu thị cho Bát-nhã của tự hành, lưu ly màu xanh cõi trời biểu thị cho pháp thân tự hành, có hương thơm nhiệm mầu biểu thị cho giải thoát tự hành, tòa cao áo đẹp biểu thị cho nhân thành của tự hành, Đức Phật ngồi trên tòa biểu thị cho quả được thọ ký thành Phật. Năm tướng sau biểu thị cho công đức hóa tha. Phát ra ánh sáng biểu thị cho ý luân lợi ích chúng sinh, hoa trời tuôn như mưa biểu thị cho khẩu luân lợi ích chúng sanh, trỗi lên nhạc trời biểu

thị cho thân luân lợi ích chúng sanh, lại biểu thị cho khả năng giúp cho chúng sinh chuyển đổi phiền não chướng mà thọ nhận niềm vui pháp hỷ, các căn đầy đủ biểu thị cho khả năng giúp chúng sinh chuyển đổi báo chướng. Sơ Địa đã vậy, mỗi Địa kế sau cũng giống như vậy. Từ "tất cả thế gian..." trở xuống là hiện tướng chung.

Về tướng riêng thì văn nhiều mà ý sơ lược, còn tướng chung thì văn lược mà ý rộng, đây là biểu thị cho nhân của Thập Địa thành tựu một quả rốt ráo tròn đầy. Tất trong nhân vốn là không, đều hiện bày đầy đủ là nhân trọn vẹn thì lý hiển bày. Cõi nước thế gian chưa từng có tức là tướng thật đầy đủ, chúng sinh thế gian không thật có tức là Bát-nhã đầy đủ, năm ấm thế gian chưa từng có tức là giải thoát tròn đầy. Tóm lại: Tướng thật là cốt lõi, Tướng thật đã trọn vẹn, thì pháp nào không đầy đủ? (Cuối quyển hai - đầu quyển ba).

26. Nói về nghi ngờ:

Từ "Tín Tướng vui mừng..." trở xuống là bài tựa của Mặc Niệm Đằng Nghi thứ năm, văn chia làm hai: đầu tiên thấy tướng vui mừng, thứ hai mặc niệm trình bày nghi ngờ. Vui mừng: đã nhân nơi tâm nghi ngờ mà thấy điềm lành và thấy Phật, chắc chắn biết nghe pháp, cho nên vui mừng. Từ "dốc lòng niệm Phật..." trở xuống là mặc niệm cầu mong giải quyết nghi ngờ. Tình ý nghi ngờ thì không thể ở lâu trong lòng. Cho nên nghi ngờ dâng tràn, nghĩ rằng Đức Thích-ca Như lai có vô lượng công đức tướng tốt ánh sáng thần thông nói pháp, đều không thể sinh khởi nghi ngờ, chỉ có điều là tâm sinh nghi ngờ đối với tuổi thọ, vì sao Đức Phật chỉ thọ tám mươi tuổi?

Ý niệm này che lấp tâm trí cho nên im lặng cầu xin giải quyết nghi ngờ mà không dám nói ra, bốn Đức Phật vừa hiện, oai nghi tôn kính nên không dám nói nghi ngờ đã bao trùm tâm trí không thể nào không nghĩ đến. Lại, trước sự lặng yên suy nghĩ mà cảm được điềm lành, nay nhờ sự lặng yên suy nghĩ trước đó để cầu mong giải quyết điều ấy. Từ "bấy giờ bốn Đức Phật dùng chánh biến tri..." trở xuống là phần thứ sáu là bài tựa dứt nghi, văn chia làm hai: một chính là dứt nghi, hai là giải thích để dứt nghi. Nghi ngờ bao trùm tâm trí nên nghe pháp không hiểu, do đó trước phải dứt nghi, chẳng hạn như kiến đế trước phải dứt nghi, tinh tiến tu đạo. Nếu Tín Tướng thật sự nghi ngờ thì cần phải chia chẻ để dứt, nếu là khởi giáo thì do đó mà chỉ dạy cho người. Từ "nay ông không nên..." trở xuống chính là dứt nghi.

27. Có ba thứ không nên:

Vì sao không nên? Có ba thứ không nên:

1) Đại dụng không nên, tám mươi tuổi là đại dụng của Phật, vì thế không nên.

2) Biển pháp tánh sâu thẳm chẳng thể nói năng suy nghĩ mà so lượng được.

3) Có lòng tin thì vào được, có trí thì so lường được.

Tín và trí của ông chưa có, lẽ nào suy nghĩ được hạn lượng đó hay sao? Thích Luận chép: "Muốn suy lường pháp vô lượng, thì người này bị chìm đắm". Vì thế dùng không nên để dứt nghi. Từ "vì sao..." trở xuống là giải thích ý của ba không nên. Nêu tám bộ chúng đều không thể lượng được là giải thích về pháp tánh không nên. Bồ-tát pháp thân tịnh độ pháp tánh cho nên không ở lời nói. Bồ-tát sinh thân nếu là tại gia thì thuộc về các chúng trời rồng; nếu là xuất gia thì thuộc về bốn chúng; nếu thân pháp tánh lập bày phương tiện, cũng là thuộc về tám bộ chúng, hoặc là phàm, hoặc là thánh tất cả đều không thể suy nghĩ tính toán được. Chỉ trừ Như lai là giải thích về trí độ không nên.

28. Chỉ có Như lai là biết:

Nếu là Như lai thì có thể biết, đã chưa phải Như lai thì làm sao bỗng nhiên biết được? Xưa dùng lời này làm trí sở tri, tri là pháp vô thường có thể suy lượng. Đại sư Thiên Thai nói: không đúng, Như lai có vô lượng thường trí, có thể biết rõ vô lượng thường pháp, lẽ nào có thể đem thường trí sở tri mà xếp vào vô thường hay sao? Trí tánh đã sâu xa thì đại dụng hết là chừng nào, đó là giải thích về không nên thứ ba. Từ "bấy giờ, bốn Đức Như lai..." về sau là bài tựa nhóm chúng thứ bảy; các kinh khác hoặc là trước tiên nhóm chúng rồi mới hiện điềm lành, kinh này thì đầu tiên hiện điềm lành sau đó nhóm chúng, trước sau nêu ra lẫn nhau. Bấy giờ là lúc sắp giảng nói, chúng là các vị trời cõi Dục và cõi Sắc.

29. Các loại chúng:

Chỉ lợi ích cho Tín Tướng là ít, có duyên nếu nhóm hợp lại thì lợi ích càng nhiều, cho nên nhóm chúng. Chúng có bốn thứ:

1. Chúng phát khởi, là Tín Tướng, Thọ thần...
2. Chúng đương cơ là người nghe liền đắc đạo.
3. Chúng ảnh hưởng là các vị đến từ mười phương xa xôi.
4. Chúng kết duyên là chỗ này chưa đắc đạo thì làm nhân duyên cho đời sau như Trưởng giả Lưu Nước nói pháp cho loài cá nghe, xưa kia làm việc lành ngày nay ngộ được nhân duyên, tức là việc ấy.

Kinh này nhóm chúng trời rồng, ý đồng với kinh Hoa Nghiêm, cũng nhóm chúng loài người nhưng văn lược bớt. Trong bản dịch mới

có vô lượng trăm ngàn chúng Bà-la-môn, phẩm Sám hối đầu tiên là Tín Tướng và quyến thuộc đi đến núi Kỳ-xà-quật, tức là chúng loài người. Nghe nói kinh điển này tương quan thầm hợp với đạo chính là nhóm hợp trời rồng mà lược qua không nói đến loài người. Trong Tổng Thụy chép: "tất cả những việc chưa từng có ở thế gian đều xuất hiện đầy đủ, không thấy thọ kỳ cho Nhị thừa, chỉ nói về Thường và về tánh, ý đồng với Bát-nhã và Phương Đẳng, do đó xếp vào Phương Đẳng giáo. Ở đây phải luận về bốn câu Thừa - Giới - Hoãn - Cấp, nêu ra chỗ sinh của trời rồng, đạt đạo hay không đạt đạo, các việc quyền - thật như Biệt ký... ngang đây xếp vào đoạn Tựa, văn chép: "Sắp giảng nói đại chúng nhóm họp", lẽ nào không phải là minh chứng của Tựa hay sao, phần Tựa xong.

30. Phần chánh thuyết:

Từ "bấy giờ bốn Đức Phật..." trở xuống là văn của ba phẩm rưỡi thuộc đoạn hai - chánh thuyết. Gồm ba thuyết khác nhau: một thuyết nói: Tuổi thọ nói về Thường quả làm Tông, Thường quả khế hợp với tánh, tánh tức là thể, hai nghĩa rõ ràng như vậy không cần phải thắc mắc nhiều, phẩm Sám hối về sau là diệt ác, phẩm Tán Thán là sinh thiện, phẩm không dẫn dắt thành tựu, tức là Dụng của kinh. Thuyết thứ hai nói: Tuổi thọ nói về Tông, phần Sám hối, Tán Thán nói về Dụng, phẩm không nói về Thể. Đây chính là lấy Tánh sở dụng trong nhân làm Thể sở hiển của quả trước đó, đối với nghĩa không phù hợp lắm, vì thế không sử dụng. Thuyết thứ ba, Tam tạng nói: Chánh thuyết có hai đoạn, Tuổi thọ là đoạn nói về Quả, Tam Thân là đoạn nói về Nhân, hai đoạn văn đều có tựa, Hư Không Tạng hỏi là tựa của đoạn nói về Nhân, ngay đó liền nêu câu hỏi về sự yếu kém của nghĩa tựa.

31. Thuyết của Sư Tam tạng:

Sư nói: Ba thân thành quả, nghĩa trên chẳng phải là nghĩa của Nhân; cho nên không dùng. Thuyết đầu tiên rất hay, ý giống với ở đây. Hai văn bản dịch cũ và mới gồm có hai lần trình bày về Tông, đầu tiên là bốn Đức Phật dứt sạch nghi ngờ, nói về tuổi thọ của Ứng - Hóa, suy nghĩ tính toán chẳng thể biết được, Tích đã lâu xa thì Bổn khó mà cùng cực. Hàng thượng căn nghe Tích mà rõ Bổn. Nếu người chưa hiểu thì Vương Tử trình bày: chân ruồi muỗi có thể dùng làm thành quách lầu quán, chuột leo lên bậc thang của thỏ ăn mặt trăng, trừ Tu-la, nói pháp thân không có xá lợi, thân chân thật của Như lai là nơi không có xá-lợi. Hàng trung căn không có lý Bổn mà ngộ Tích.

32. Sinh thiện cũng là dứt ác:

Nếu người chưa hiểu được thì Đức Thích-ca nói về ba thân cùng

nói để phân biệt rộng. Bổn - Tích đều hiểu thì đó là ba lần nói về Tông để nói lên thể. Phẩm Sám hối nói riêng về dứt ác mà cũng sinh thiện. Phẩm Tán Thán luận bàn riêng về sinh thiện nhưng cũng là dứt ác. Phẩm không dẫn dắt thành tựu, đều là Dụng của kinh. Bốn quyển này chỉ có một lần nói về Tông, văn chia làm bốn:

1) Bốn Đức Phật nói kệ;

2) Tín Tướng vui mừng.

3) Đương cơ đắc đạo.

4) Bốn Đức Phật trở về bổn xứ.

- Nói kệ lại có hai:

1) Lời tựa của người sớ kinh;

2) Bốn Đức Phật thí dụ giảng nói.

33. Hỏi đáp về chung riêng:

Hỏi: Bốn Đức Phật nói kệ là chung hay là riêng?

Đáp: Kinh đã không có văn thì không thể phán định, hoặc nên nghe cùng nói khác miệng mà đồng lời, hoặc nên nghe nói riêng mỗi vị đều dẫn một thí dụ, thấy cũng như vậy, nếu thấy bốn Đức Phật cùng một thân tôn đặc, một thân một trí tuệ tức là Thường thân, vì chúng đệ tử là một, nếu thấy bốn Đức Phật có thân khác nhau, tức là Ứng Hóa thân, vì có nhiều chúng đệ tử. Chia thành tám bài kệ là có hai ý: thứ nhất nói: Bốn bài kệ trước là lập thí dụ, một bài kệ kế là kết hợp thí dụ, tiếp hai bài kệ là dứt trừ nghi ngờ, kế một bài kệ là kết thúc giải thích; kế là nói: bốn bài kệ trước là thí dụ về Bổn, bốn bài kệ sau là hợp chung giải thích. Hai ý đều có thể sử dụng. Bản dịch xưa nói: Bốn bài kệ chỉ là thí dụ cho sự sống lâu đó, lại không có ý riêng; nghĩa này không đúng, bởi vì giáo nghĩa của các Đức Phật có đầy đủ thượng - trung - hạ thiện, lời đó nhiệm mầu, nghĩa đó sâu xa, trong đây chính là Thường Tông dứt Nghi.

Chỗ quan trọng của một bộ kinh đâu chấp nhận vô nghĩa lý, hơn nữa nêu ra ba ý để nêu văn:

1) Đối với bốn đế,

2) Đối với bốn niệm xứ.

3) Đối với bốn đức.

34. Nói về nhân quả:

Lý bốn đế có ở cả nhân quả, bốn niệm xứ nói về nhân, bốn đức nói về quả. Nếu nói về quả Thọ thì nên đối với bốn đức, quả không sinh khởi đơn độc cho nên niệm xứ nói về nhân, nhân quả có gốc cho nên đối với bốn đế. Ở trên bốn Đức Phật đối với trí bốn đế, ở đây là sở

thuyết của bốn Đức Phật đối với lý bốn đế. Xưa đọc văn bốn đế nói: biết khổ đúng như tướng khổ, biết tập đúng như tướng tập, tướng là việc đó, y theo sự mà biết, không hiểu rõ lý, ở đây nói: Biết khổ đúng như tướng khổ, lý đó như vậy, tướng là việc ấy, ngay nơi sự mà chân sự lý cùng thấu đạt, ba đế còn lại cũng giống như thế.

Giải thích như vậy thì lý bốn đế sẽ có nghĩa tốt hơn. Lại giải Thích-cách khác: biết khổ là biết của Tục Đế, biết chơn như vậy, tướng là biết của Trung đạo, trung là tướng thật, do đó ở đây lấy tướng làm Trung. Như thế thì ba đế có đủ trong một văn, biết khổ đã vậy thì về sau tập - diệt - đạo cũng giống như vậy... Hiểu rõ về bốn đế là tu cảnh sống lâu, cho nên căn cứ theo bốn đế đối với kệ. Tất cả các dòng nước đây là đối với Tập đế, Đại kinh nói: "Có dòng sông nước xoáy cuồn cuộn nhận chìm chúng sinh", tức là nghĩa ấy. Thể của nước tưới thấm sự sống như Tập có công năng giúp cho sự lớn lên, cổ vũ phẫn nộ cuồn cuộn mênh mông chẳng nơi nào không có, Tập cũng giống như vậy, nhận chìm phàm thánh khắp cõi trong ngoài.

35. Nói về bốn đế:

Các núi Tu-di đây là đối với khổ đế, Tiểu Bát-nhã lấy thân làm Tu-di, tức là nghĩa ấy. Thể của núi kết cấu bằng những tảng đá lớn đứng trơ trọi trên mặt nước, như khổ báo nhóm hợp vì tập tạo thành quả trói buộc sắc tâm của giới bên ngoài. Mặt đất vị trần, đây là đối với Đạo đế, kinh Pháp Hoa chép: "Pháp đã nói đó tất cả đều đạt đến địa vị nhất thiết trí", tức là nghĩa ấy. Thể của đất thường chứa đựng chuyên chở hai thứ nước và đất đai, như con đường đi chung riêng đến được bờ kia. Hư không phần giới, đây là đối với Diệt đế, kinh Pháp Hoa chép: "Tướng thường vắng lặng rốt cuộc về không", tức là nghĩa ấy.

Thể của hư không hoàn toàn trong sạch, năm thứ ế (khói, mây, bụi, sương, tay A-tu-la) đều không thể làm nhuốm bẩn, ba Quang (trời Thiểu quang, trời Vô lượng Quang, Quang âm thiên) đều không thể nào làm sạch, như Diệt đế diệt hết không có hai mươi lăm hữu và dứt trừ hóa thành của Niết-bàn. Lý bốn đế cùng khắp tất cả mọi nơi tức là Pháp Thân, trí bốn đế xứng với cảnh mà biết tức là Báo thân, từ thể khởi Dụng đồng với tuổi thọ ngắn dài đó tức là Ứng thân. Tín Tướng chỉ thấy ứng thân tuổi thọ ngắn ngủi mà không thấy ứng thân tuổi thọ dài lâu, ứng thân còn không thể thấu đạt, lẽ nào biết được Báo thân và Pháp thân ư?

36. Bốn Đức Phật nêu ra bốn thí dụ:

Bốn Đức Phật nêu ra bốn thí dụ để dụ cho Ứng thân lâu dài đó,

giọt nước - cân núi - bụi đất - hư không còn không thể nào suy nghĩ tính toán được sự giới hạn biểu thị đó, huống chi trí sâu thẳm đối với pháp, sâu xa thay, huyền diệu thay! Tín không có cùng tận giới hạn, mênh mông quá, rộng lớn quá! Lẽ nào có ngăn mé bờ bến hay sao? Nêu lên ứng tích để giải thích về Báo thân, và Pháp thân, hoát nhiên tỏ ngộ, cái khéo của việc dứt nghi là như thế, giải thích kệ này nhiệm mầu là như vậy, hành giả hãy suy nghĩ tường tận! Bốn bài kệ đối với bốn niệm xứ ấy là quán sát niệm xứ vốn ở tại Khổ đế, chỉ nên y cứ theo bài kệ nói về núi Tu-di mà luận, ở đây thì đối chung. Tất cả các dòng nước đối với thọ niệm xứ, Thọ có công năng thu nạp như biển thu nạp nhiều dòng nước.

37. Nói về bốn niệm xứ:

Núi Tu-di đối với Thân niệm xứ, bởi vì sắc tướng và chất ngại giống nhau. Mặt đất đối với Tưởng - Hành niệm xứ, bởi vì Tưởng chọn lấy Hành và Hành giống như mặt đất chứa đựng và chuyên chở. Hư không đối với tâm niệm xứ, tâm chỉ có tên gọi vì giống như Hư không vô tướng. Nếu quán bốn niệm xứ là tu nhân sống lâu, nếu niệm xứ đạt được đạo tức là quả sống lâu, cho nên dùng niệm xứ đối với bốn bài kệ. Nếu quán bốn niệm xứ khô thì dứt trừ bốn điên đảo của phàm phu. Nếu quán bốn niệm xứ tươi thì dứt trừ bốn điên Đảo của Nhị thừa, nếu quán trung đạo niệm xứ chẳng phải tươi chẳng phải khô thì ở trung gian mà nhập Niết-bàn, thành tựu năm thứ giải thoát, đó là sắc giải thoát cho đến thức giải thoát.

Thoát khỏi sự ràng buộc của năm ấm gọi là năm thứ giải thoát. Thấu suốt cùng tận năm ấm là chẳng thật có gọi là năm Bát-nhã. Ngầm hiện bày năm ấm gọi là năm Pháp thân. Tuy phân biệt là ba nhưng không phải một không phải khác, không dọc không ngang, gọi là kho Bí mật, hiệu là Đại Niết-bàn. Nhân Vương gọi là Pháp tánh sắc, Pháp tánh thọ tưởng hành thức. Pháp tánh của ấm tức là pháp thân, trí ngầm hợp thành tánh tức là Báo thân, pháp thân và báo thân đều chẳng phải thường chẳng phải vô thường, nhưng luôn khởi dụng là thường là vô thường, dụng thường thì dài lâu - dụng vô thường thì ngắn ngủi. Tín Tướng chỉ thấy vô thường mà không thể thấy thường, đối với Dụng còn chưa thấu đạt, huống chi là hiểu rõ Bổn.

38. Nói về dụng của thường:

Kế, Đức Phật nêu thí dụ thuyết minh về cái dụng của thường, Tích thường vô biên không phải suy tư tính toán mà đạt được, huống chi là Lý thể lẽ nào tâm biết được ư? Tín Tướng dứt trừ mê hoặc sáng tỏ như mây cuộn, cái khéo léo của việc dứt nghi là như thế. Bốn bài kệ đối với

bốn đức là nước tưới nhuần thêm lớn tốt tươi đối với Thường đức, núi có công năng vượt cao hơn đối với Ngã đức, đất vụn thành bụi là đối với tịnh đức, không có khổ thọ đối với Lạc đức. Bốn đức thành tựu là sự hạn định về mặt quả, quả và lý thầm hợp, thầm hợp ở nơi chẳng phải thường chẳng phải vô thường, có thể khởi dụng của thường, vô thường. Thầm hợp ở nơi chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã, khởi dụng của ngã - vô ngã, thầm hợp ở nơi chẳng phải tịnh chẳng phải bất tịnh, khởi dụng của tịnh, bất tịnh; thầm hợp ở nơi chẳng phải lạc chẳng phải bất lạc, đối với ứng thân hãy còn mê mờ thì làm sao hiểu rõ được Bổn?

39. Nêu lên dụng của bốn đức:

Bốn đức, Phật nêu lên dụng của bốn đức không phải suy tư tính toán mà biết được. Thể gốc của Báo thân, Pháp thân vắng lặng mênh mông vượt ngoài sự suy nghĩ, Tín Tướng nghe nói chẳng những dứt hết nghi ngờ, mà còn thêm lớn niềm tin, phát sinh kiến giải, cho nên vui vẻ hớn hở đạt được ý niệm trong lòng... Từ “Ức trăm ngàn muôn” trở xuống là bài kệ kết hợp thí dụ. Xưa giải thích có hai lỗi:

1) Chấp hẹp về văn.

2) Chấp nghiêng về nghĩa.

Xưa nói: Bốn thí dụ đều có đủ các vật có thể tận cùng, trăm ngàn là số pháp, số thì chắc chắn có tận cùng, y cứ theo đây là vô thường. Ở đây giải thích không phải như vậy: Bốn Đức Phật dẫn ra bốn thí dụ ấy chính là nêu rõ lượng để so sánh với vô lượng, vật có hạn lượng còn không thể suy nghĩ tính toán mà biết được, thì pháp vô lượng lẽ nào so tính đo lường được ư? Ức trăm ngàn muôn đây là nêu ra số pháp để nói về vô số pháp, ông đã không thể nào kể ra số đó thì làm sao có thể biết được vô số? Mặc dù khiến biết được số, biết được vô số, biết rõ lượng, biết rõ vô lượng, cũng chỉ là hóa dụng, hoàn toàn không liên quan gì đến Thể gốc. Lỗi chấp hẹp giữ chẳng những tự hủy hoại mà còn là vu oan cho kinh điển.

40. Chấp nghiêng về nghĩa:

Chấp nghiêng nghĩa phẩm Tam Thân chép: “Hóa thân cũng là thường còn, nói pháp khắp mọi nơi, cho nên là thường còn”. Nên biết rằng Hóa thân có đủ nghĩa thường và vô thường, sao người xưa một bề cho là vô thường... Từ “Do nhân duyên ấy...” trở xuống là hai bài kệ dứt nghi. Nếu làm thành nhân duyên ấy thì nhân gần mà duyên xa mạng là chánh báo, bất sát là nhân, thực ăn là y báo, bố thí là duyên. Nhờ nhân duyên này mà đạt được tuổi thọ dài lâu. Nếu gây ra hai duyên thì bất sát là chỉ thiện của người giữ giới bất sát, thí thực là hành thiện của người

giữ giới bất đạo, cùng nêu ra chỉ và hành đều là hai duyên. Pháp tánh Bồ-đề tâm đó gọi là Nhân, chỉ-hành, phước tuệ... những thứ ấy đều là Duyên, duyên có công năng hiển bày tánh, dung hội chẳng phải thường, chẳng phải vô thường duyên có thể là Thường có thể là vô thường. Pháp thực, bất sát... đều như trên đã nói. Tu nhân đã lâu thì đạt được quả càng lâu xa, hiển bày Thể lại lâu xa, phát khởi Dụng lại sâu xa, dứt bỏ các nghi về tuổi thọ ngắn ngủi ấy.

41. Nghe kệ dứt nghi sinh tín:

Từ "cho nên nay ông..." trở xuống là một bài kệ kết thúc sự thành tựu. Từ "bấy giờ Tín Tướng..." trở xuống là nghe kệ dứt nghi sinh tín. Nghe tuổi thọ vô lượng là hiểu rõ cái năng thường trong tích, là tuổi thọ vô lượng. Nghi ngờ không còn ấy là hiểu được cái năng đoản trong tích, là tuổi thọ tám mươi năm. thân tâm tin hiểu là ngộ được bổn thức chẳng phải lượng chẳng phải vô lượng. Hớn hở là bước lên giai vị, vui mừng là niềm tin phát sinh. Biệt giáo giải thích rằng: Tín Tướng dứt hết nghi ngờ trong địa vị tương tự, bước lên địa vị Hoan Hỷ niềm tin phát sinh. Viên giáo giải thích: Tín Tướng dứt sạch nghi ngờ trong địa vị Thiết Luân đi vào an trú nơi địa vị Đồng Luân với sự vui mừng. Nếu giải thích theo địa vị tương tợ Phổ Hiền thì dứt sạch nghi ngờ trong Hạ Địa, đến Thập Địa đảnh thì tin sâu vững chắc giống như Kim Cương, gần với chân thật, sát với cùng cực nên sinh vui mừng.

Từ "nói Như lai này..." trở xuống là thứ ba - chúng đương cơ thuộc hàng thượng căn sơ ngộ. Từ "bấy giờ bốn đức Như lai..." trở xuống là thứ tư - bốn Đức Phật dừng sự hóa hiện. Phật vốn vì duyên mà hưng khởi, duyên đã lợi ích thì thâu nhiếp hóa hiện trở về bổn xứ, cho nên nói: bỗng nhiên biến mất. Quán giải: Đế cảnh phát khởi trí tương ưng với giác tuệ, quán xét sâu xa tuệ này cũng không thể đạt được tuệ, cũng không nhìn thấy cảnh, cảnh và trí đều vắng lặng tức là nghĩa bất cảnh...

■

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ

QUYỂN 3

GIẢI THÍCH PHẨM SÁM HỐI

1. Giải thích về Sám hối:

Các kinh Đại thừa thường nói rãi rác về Sám hối, kinh này chỉ lấy Sám hối làm phẩm. Ở đây trước là giải thích về tên gọi: Sám là đầu (thủ), Hối là cúi xuống, như người thế gian có tội với vua, cong lưng cúi đầu vâng mệnh không dám trái nghịch, không nghịch là khép nép, vâng mệnh là đầu, hành nhân cũng vậy, khép nép dưới chân Tam Bảo chính là thuận theo đạo lý. Lại Sám là pháp trắng, Hối là pháp, đem pháp đều cần phải ăn năn mà đừng tạo tác, bạch pháp cần phải mong chờ mà phát khởi thêm, lấy bỏ hợp lại nói chung nên nói là Sám hối.

Lại nữa Sám là tu tập từ đây, Hối gọi là thay đổi ngày trước, thay đổi điều ác đã làm, điềm lành ngày xưa đã vứt bỏ thì ngày nay trở đi thệ nguyện siêng năng tu tập, nên gọi là sám, xả bỏ xưa kia cầu cho mai sau, vì thế gọi là Sám hối.

Lại, Sám gọi là phơi bày các sai lầm, nói ra mọi tội lỗi không dám che đậy giấu diếm, Hối là dứt trừ tâm nối nhau nhàm chán lìa bỏ, năng gọi là hổ thẹn, hổ thẹn là thẹn với trời, hổ thẹn là hổ thẹn với người, người nhìn thấy sự việc hiển lộ đó, trờ nhìn thấy sự việc ngầm kín đó, ngầm kín là nhỏ nhiệm - Hiển lộ là thô trược, thô tế đều là ác cho nên nói là Sám hối.

Lại, người là bật Hiền - Trời là bậc Thánh, không bằng các bậc Hiền Thánh, cho nên Sám hối.

Lại, Hiền Thánh cũng là người và trời, là nghĩa thiên bậc nhất, nghĩa thiên bậc nhất là lý, Hiền Thánh là Sự, không đạt đến Sự Lý, tất cả đều Sám hối.

Lại, xấu hổ với bậc Thánh thiên ba thừa, hổ thẹn, với bậc Hiền ba thừa, không sánh bằng trời người này cho nên gọi là hổ thẹn, hổ thẹn gọi là Sám hối.

Lại nữa, Hiền Thánh ba thừa đều là người, nghĩa lý bậc nhất là trời; dựa theo sự hổ thẹn đối với hàng trời người như vậy nên gọi là Sám hối.

Lại nữa, Hiền Thánh ba thừa còn chẳng phải bậc hiền của hàng Bồ-tát, huống chi là bậc Thánh của hàng Bồ-tát ư? Nay hổ thẹn với bậc Hiền của ba mươi tâm và bậc Thánh của hàng Thập Địa, nên gọi là thẹn Sám hối.

Tóm lại, hiền thánh này đều là người, nghĩa lý bậc nhất là trời, dựa theo hàng trời người này luận bàn về hổ thẹn cho nên gọi là Sám hối.

Lại nữa, trong ba mươi tâm không còn tự mình phân biệt bậc Thánh, Thập Tín là bậc Hiền, căn cứ theo bậc Hiền Thánh này nói về hổ thẹn Sám hối.

Tóm lại, bậc Hiền Thánh này đều gọi là người, nghĩa lý bậc nhất gọi là trời, y theo trời người này nói về hổ thẹn Sám hối.

2. Nói về nơi Sám hối:

Tất cả là mười lần giải thích về tên gọi. Kế là nói về nơi Sám hối trong Đại kinh vua A-xà-thế nói kệ rằng: “Lời nói thô và mềm mỏng, đều quy về nghĩa bậc nhất, vì thế nên hôm nay con, quy y với Đức Thế Tôn”. Còn trong phẩm Phạm Hạnh nói: “Ngày xưa ta và các người không nhìn thấy bốn Chân-đế, nên xoay vần không dứt, trong biển sinh tử khổ đau, nếu thường luôn Sám hối, được nhìn thấy bốn Chân-đế, thì dứt trừ đoạn sinh tử, sinh tử đã hết rồi, thì không còn sanh các cõi”.

Kinh Pháp Hoa chép: “Hành xứ, cận xứ trú nhẫn nhục địa, cũng bất hành bất phân biệt”. Lại nói: “Đảo châu báu rất gần đến, ông thầy nên tiến lên trước, tức lìa bỏ Hóa thành, sẽ đến đảo châu báu” Văn kinh này nói “Ta sẽ vì người này mà làm nên quy y”. Nơi quy y tức là pháp cánh sâu xa vô lượng. Pháp tánh chỉ cho đế lý, đế lý chỉ cho diệu cảnh thầy của các Đức Phật là kho bí mật chân như vắng lặng, các bậc Thánh khắp mười phương an trú trong đó. Nếu đạt được nguồn cội, nguồn cội đã thiết lập thì đạo phát sinh, không đạt được nơi đó thì đất bằng nghiêng ngã, như người mù đi vào rừng gai, nhúc nhích vướng vít trở ngại; vì nghĩa này cho nên cần phải nhận biết chỗ Sám hối.

Do đó, trong Phổ Hiền Quán nói: “Ngồi thẳng niệm tướng thật, các tội lỗi như sương móc, mặt trời trí tuệ làm tiêu tan tâm ta tự vắng lặng, tội phước không có chủ, đó gọi là Đại Sám hối, đó gọi là Trang nghiêm Sám hối, đó gọi là Vô tội tướng Sám hối”. Vô tội tướng, ở đây là dựa theo hư không làm nơi chốn. Trang nghiêm Sám hối là dựa theo tục đế

làm nơi chốn. Đại trang nghiêm Sám hối là dựa theo trung đạo làm nơi chốn. Hoặc là ba thứ khác nhau, đây là trải qua chỗ nói riêng mà thôi. Ngay nơi một mà ba, ngay nơi ba mà một, đây là Viên diệu Sám hối, là các bậc Đại Bồ-tát tu học Phật pháp mà Sám hối. Nếu biết pháp này mà Sám hối là nơi Sám hối nhiệm mầu cao thượng diệu nhất.

Đại kinh chép: "Giống như có người tắm dưới biển lớn, nên biết rằng người này đã dùng nước của tất cả các sông". Đại phẩm chép: "Giống như người mắc nợ đến đó tìm lại vật của mình". Sách nói: "Như cỏ đầu tường chẳng phải cành lá của nó vừa cao vừa dài mà có được nơi nương tựa. Nếu Hành nhân nương vào pháp tánh làm nơi Sám hối ấy là cao vượt lên trên tất cả mọi nơi chốn, nếu hành nhân nhận biết ý này, thì trước hết nên cầu tìm ý lý pháp tánh làm nơi Sám hối". Kế là nói về Pháp Sám hối.

3. Nói về pháp sám hối:

Pháp có hai thứ:

1. Chánh pháp.

2. Trợ pháp.

Chánh pháp tức là tuệ quán sát pháp tánh, pháp tánh thường còn cho nên quán này cũng thường còn, pháp tánh là lạc, ngã, tịnh, cho nên quán tuệ cũng vậy pháp tánh không thể suy nghĩ bàn luận, rất sâu xa, rất mầu nhiệm, vô thượng vô đẳng đẳng: quán tuệ cũng thế, cảnh và trí thầm hợp nhau, là pháp không hai. Như như không khác là cảnh như trí, trí như cảnh, cho nên nói là như như không khác. Vì thế trong kinh nói: "Nói trí và trí xứ, đều gọi là Bát-nhã".

Nói trí và trí xứ, đều gọi là Tướng thật. nói như không nói, không nói như nói, nói và không nói không hai không khác, dùng quán tuệ này trải qua tất cả các pháp cũng giống như vậy, cho nên nói là Tỳ-lô-giá-na trùm khắp mọi nơi. Hoặc đi hoặc đứng hoặc sáng hoặc tối đều thấy được các Đức Phật, Thế Tôn không hề lìa xa, sáu căn dẫn dắt không nơi nào chẳng phải là Phật pháp, Kỳ-bà lấy cỏ không thứ gì chẳng phải là cỏ thuốc, tất cả đều công năng chữa lành bệnh, cái chấp của Thích-na-nam là tất cả các đá đều trở thành châu báu, đồ đựng rỗng của của A-na-luật đều chứa đầy Cam lộ. Nếu được như thế thì tội sở quán chẳng còn là tội, tội tức là Tướng thật, phước sở quán là phước tức chẳng phải phước, phước tức là tướng thật. Thuần là tướng thật, đó gọi là Đại Sám hối. Giúp đạo Sám hối, nếu hoàn toàn dùng chánh pháp Sám hối thì cũng không cần đến trợ pháp, nếu chánh pháp mông muội không rõ rằng thì tu trợ pháp để trợ giúp, đó gọi là tro, nhựa cây, rong biển, xà

phòng, các loại đậu, than củi để trợ giúp làm sạch nước vậy. Nói sơ lược thì thường xuyên dụng thân, miệng ý để làm trợ giúp, thân thì lễ bái, miệng thì đọc tụng tâm thì quán sát, để giúp khai nở pháp môn, như thuận dòng thuận gió trợ giúp để chống thuyền đi thì nhanh đến nơi. Nói sơ lược về chánh-trợ như thế.

4. Nói về giai vị Sám hối:

Kế là nói về giai vị Sám hối, hiểu theo thông thường thì hạng phàm phu thấp hèn thô trược ban đầu cần phải Sám hối, bậc ly cấu thanh tịnh cần gì Sám hối? Điều này không đúng, như trong phẩm Diệt Nghiệp Chướng của bản dịch mới chép: "Con người thọ nhận thân hình từ cha mẹ, mười tháng mang thai, ba năm bú mớm, vỗ về nhớ nghĩ không lúc nào quên mới được ngẩng đầu đội tóc, chỉ bày phương hướng dạy dỗ nhiều phen mới hiểu biết mọi chuyện làm người, nếu không sẽ vong ân bội nghĩa mà làm điều sát nghịch. Trời tuy rộng lớn nhưng không che được người này, đất tuy cũng dày nhưng không mang nổi người như vậy, người này qua đời thì đọa thẳng vào địa ngục".

5. Lý do phải sám hối:

Tội nghịch như thế cần phải Sám hối để dứt trừ nghiệp chướng. Đức Phật là bậc thầy của trời người, thầy nghiêm túc đạo tôn quý, thể nói ra điều gì nếu có trái phạm thì tội lỗi ấy không gì lớn hơn. Thiên trước, nhóm sau đâu được trái phạm cho nên xem thường Phật, phụ bạc mình, lại lừa dối tam sư thất chứng. Vậy thì chỉ là xác chết trong biển Phật pháp thịt nát giữa vườn hoa mà thôi. Bốn hạng người này cần phải Sám hối để dứt trừ nghiệp chướng. Năng về tức giận đọa vào làm rắn hổ mang, nhiều dục vọng đọa làm loài tu hú bồ câu, nặng về ngu si đọa làm loài chí rận mối kiến, nặng về cao mạn đọa làm loài chim bay, nặng về siểm trá dọa vào loài Tu-la, nặng về bỏn xẻn đọa làm loài ngạ quỷ, ngạ quỷ thường đói khác, súc sinh tàn hại lẫn nhau, Tu-la nhiều nỗi sợ hãi. Bốn đường ác này nghe danh hãy còn không nên, huống chi phải nhận chịu, vì thế cần phải Sám hối để dứt trừ nghiệp chướng.

6. Nói về tám điều khổ:

Tám điều khổ trong loài người mà một điều khổ còn không thể nhẫn chịu, huống chi tám điều khổ đan xen chồng chất, vì thế cần phải Sám hối để dứt trừ nghiệp chướng. Cõi trời có cái khổ của năm tướng suy địa ngục hiện ra, các tầng trời cõi sắc không? Mau chóng nhập định là khổ cầu không được, các tầng trời cõi vô sắc có cái khổ của bổn tâm. Ba cõi là lồng chậu, sinh tử là hố chôn, vì thế cần phải Sám hối để dứt trừ nghiệp chướng. Nếu người xuất gia tuy muốn tu đạo nhưng bị năm

trụ phiền não làm chướng ngại nên tâm không thể nào ngừng dứt, tâm bị bốn điên đảo làm mê hoặc, không thể nào đi vào bốn niệm xứ cũng cần phải Sám hối để dứt trừ nghiệp chướng. Niệm xứ chữa trị bốn điên đảo kia, hai điều ác không siêng dứt trừ - hai điều lành không siêng phát sinh, không thể nào đi vào như ý túc, noãn pháp không phát sinh cũng cần phải Sám hối để dứt trừ nghiệp chướng.

Năm căn không sinh ra, hỷ pháp có sụt giảm, căn sinh không có lực, tuy có lực mà không gần chân như; đối với bốn gốc lành này cần phải Sám hối để dứt trừ nghiệp chướng. Khổ nhẫn rõ ràng phát sinh tuy không đọa vào ba đường, nhưng bảy lần sinh ở cõi dục lần lượt phải nhận chịu, một lần sinh hãy còn khổ huống chi bảy lần sinh? Cho dù dứt trừ sáu phẩm, cũng phải Sám hối. Tuy dứt trừ tám phẩm của năm thứ phiền não nhưng rốt cuộc còn lại một phẩm, cũng cần phải Sám hối.

7. Lại nói về lý do sám hối:

Tuy dứt hết phiền não cõi sắc nhưng còn lại phiền não của cõi vô sắc, cũng phải Sám hối. Tuy nhập Niết-bàn Hữu dư nhưng hãy còn thêm quả báo thân, gió nóng của Thân tử làm cho mắt của Tất-lăng-già đau đớn, muốn xả bỏ Hữu dư nhập vào Vô dư, cũng cần phải Sám hối. Tuy dứt trừ phiền não trong ba cõi đã hết nhưng thói quen vẫn còn, cũng cần phải Sám hối. Bích chi Phật cũng vậy, cũng cần phải Sám hối. Nếu Càn Tuệ Địa chưa được nước lý thấm tâm, cho nên nói là Càn Tuệ, tánh địa chưa thể thấy lý, tám người thấy địa còn có sự mê hoặc của Ái, Bạc Thần đất thông chưa thể sinh lại cõi dục giới, luy dục địa còn có sự mê hoặc của cõi trên, Dĩ hiện địa không thể dứt bỏ thói quen, Bích chi Phật địa chỉ hiện bày thần thông, không thể thấu đạt văn tự, Bồ-tát địa chưa đến chỗ thí cực. Các giai vị như thế đều cần phải Sám hối để dứt trừ nghiệp chướng. Thập Tín chỉ tin chứ chưa thể xứng hợp với lý, Thập trụ chỉ nhập vào thiên lý, Thập hạnh chỉ là sự chưa thể chứng Trung đạo, Thập địa tuy chứng Trung đạo nhưng mỗi địa đều có ngăn ngại, chưa rốt ráo đối với Hữu học, chưa đạt được vô học, cần phải Sám hối để dứt trừ nghiệp chướng.

8. Phương tiện Đà-la-ni:

Lại nữa, Thập Tín tuy ba trí viên tu nhưng chỉ là phương tiện Đà-la-ni. Thập Trụ trở lên cho đến Đẳng giác trở xuống, chỉ giống như trăng đêm mười bốn, chứ chẳng phải trăng đêm rằm, khuôn thước chưa tròn, ánh sáng chưa đủ, lòng tối chưa hết sạch, vì thế cần phải Sám hối để dứt trừ nghiệp chướng. Từ đây trở về sau nên biết rằng giai vị Sám hối dài lâu, nghĩa đó rộng lớn cùng cực, tại sao lại nói chỉ có phàm phu

mới Sám hối? Vì thế cho nên kinh Ngũ Thập Hiệu Kế chép: Đều đến Đẳng Giác đều dạy cho Sám hối", tức là nghĩa ấy. Nếu người được nghe Sám hối như vậy thì công đức không phải ít, do đó văn nói: chẳng phải đối với một đức, hai Đức Phật, năm Đức Phật, mười Đức Phật tu các công đức nghe Sám hối này, cho đến vô lượng trăm ngàn Đức Phật đã tu các công đức nghe Sám hối này. Nói về Hoa báo thì ở bất cứ nơi nào cũng thường được các vua chúa, phụ tướng, đại thần cung kính. Nói về Quả báo thì thường được các Đức Phật mười phương cung kính.

9. Lợi ích của sám hối:

Được nghe pháp Sám hối này sẽ đạt được công đức như vậy, hướng gì lại đúng như pháp tu hành ư? Đã nghe về nghĩa Sám hối, pháp này xuất xứ từ kinh, kinh này do Phật nói ra, thế nên phải báo ân quy mạng lễ các Đức Phật... phẩm Sám hối dựa theo văn tự để chỉ dạy giải Thích - Sám là xem xét, phơi bày bộc bạch ba nghiệp của mình không dám che giấu khiến cho người khác dòm ngó dò xét ba nghiệp. Ngoan cố xấu ác mà miệng lanh lợi, tâm phá hoại mà ý giấu kín, thân bị dòm ngó cho nên lại ngoan cố xấu ác, miệng bị dòm ngó nên môi lắp bắp, tâm bị soi xét cho nên ý giấu kín, do đó sám bị xem xét. Hối là phế bỏ, bên trong có tâm thấp hèn xấu xa, gây ra tội lỗi, gây ra các tội. Vì phế bỏ sắc tức là phế bỏ ba thứ, vì phế bỏ thanh tức là phế bỏ bốn thứ, phế bỏ tâm tức là phế bỏ cả mười thứ, cho nên hối gọi là phế bỏ.

10. Sám hối có ba thứ:

Lại nữa, dựa theo pháp môn để giải thích, Sám hối gọi là hổ thẹn, hổ thẹn là pháp trắng, lại tự mình không làm điều ác, không xúi giục người làm điều ác, nói các thứ như vậy... Sám hối có ba thứ:

1. Tác pháp.
2. Thủ tướng.
3. Vô sinh.

Ba thứ này có cả Tiểu thừa và Đại thừa. Tác pháp của Tiểu thừa như trong Tỳ-ni nói phát lộ và học hai mươi vị Tăng thực hành Ma-na-đỏa, hoặc nửa tháng tác pháp, đối thủ tác pháp, hoặc trách tâm chỉ là giúp cho tác pháp thành tựu, không chướng ngại Tăng sự, thì đó là thanh tịnh. Trong A-hàm cũng có thực hành tướng sám, người phạm dục khởi ý tưởng là miệng rắn độc, quán này thành tựu thì tội dâm dục liền trừ diệt. Cũng có quán không sám, chỉ là chân không. Trong Đại thừa cũng có tác pháp, hoặc tám trăm ngày là Hư Không Tạng đồ xí hoặc chín mươi ngày là Bát-chu, hoặc bốn mươi chín ngày là Đại bi sám, hoặc hai mươi mốt ngày là Pháp Hoa, hoặc bảy ngày là Phương Đẳng, tấm

gội thân thể bằng nước tro nóng cho sạch sẽ, rượu đắng cay ngậm vào miệng hổ thẹn, tâm thường xuyên xoay vần đọc tụng đều có số khắp... đều thuộc về tác pháp Sám hối. Về Thủ tướng Sám hối.

11. Sám hối theo Phương Đẳng:

Như Phương Đẳng cầu mười hai mộng vương, giới Bồ-tát thấy hoa, thấy ánh sáng xoa trên đỉnh đầu, trong hư không có tiếng nói để lại dấu vết trên cánh tay, tướng sinh khởi thì tội tiêu diệt, tuy không nói rõ về tác pháp nhưng bao gồm được sự dụng về vô sinh Sám hối, như Phổ Hiền Quán chép: "ngồi thẳng nghĩ tướng thật, như mặt trời soi chiếu sương mù". Quán không duyên lý vô tướng tối thượng, tuy không phải chính là thực hành tướng nhưng gồm đủ cả hai Sám hối trên.

Tác pháp Sám hối trái với vô tác thì tội diệt nhưng tánh tội không dứt, như phạm tội sát sinh. Tác pháp Sám hối là trái với vô tác, tội trừ nhưng vẫn phải thường mạng, tức là nghĩa ấy. Về Thủ tướng Sám hối thì có công năng dứt được tánh tội, tánh tội mất đi, thì trái với vô tác, tội cũng không còn, như chặt cây thì cành lá khô héo, gốc rễ chưa mất đi thì tiếp tục lớn lên như cũ. Quán vô sinh sám có công năng dứt trừ vô minh, như che phủ mặt đất, gốc rễ cành nhánh hoa lá... đều bị tận diệt không sót.

Lại nữa, tác pháp sám dứt trừ tội trái giới, thủ tướng Sám hối dứt trừ tội phạm vào Định, vô sinh dứt trừ tội phạm vào Tuệ.

Lại nữa, tác pháp dứt trừ báo chướng trong ba đường ác, thủ tướng dứt trừ báo chướng cõi người, vô sinh dứt trừ báo chướng hữu lậu trong ba cõi.

Lại nữa, tác pháp dứt trừ nghiệp chướng trong ba đường ác, thủ tướng dứt trừ nghiệp chướng trong cõi người, vô sinh dứt trừ nghiệp chướng hữu lậu trong ba cõi.

Lại nữa, tác pháp dứt trừ các phiền não lo sợ đau buồn, cũng là phá trừ phiền não. Thủ tướng sám dứt trừ phiền não của tứ trụ, vô sinh dứt trừ phiền não vô minh.

Lại nữa, ba cách sám đều trừ diệt báo chướng, thủ tướng sám trừ diệt nghiệp chướng, vô sinh sám trừ diệt phiền não chướng.

Lại nữa, tác pháp sám giống như uống gừng quế, chỉ khỏi bệnh mà thôi chứ không thể làm cho thân thể mập mạp, giống như tội tiêu diệt nhưng điều lành không thể phát sinh; thủ tướng sám giống như uống năm thứ đá, bệnh hết thân khẻo mạnh nhưng không thể được đạo, vô sinh sám giống như uống năm thứ như thế hành giả phải biết. Nay còn có ba pháp sám Đại thừa, hãy mặc y phục mới giặt sạch chuyên chú

lắng nghe kinh này.

Lại nữa, trong bảy ngày bảy đêm sớm tối tịnh tâm... tức là tác pháp; ở nơi chỗ ngồi đó được thấy Di-lặc, Văn-thù, Phổ Hiền, tức là Thủ tướng; nhà cửa năm ấm đều quán xét thấy vắng lặng, vốn không có sinh ra cũng không hòa hợp, tức là vô sinh.

12. Nói về lực dụng của kinh:

Ba ý rõ ràng cho nên có công năng dứt trừ mọi điều ác, quét sạch ba chướng, nói lên lực dụng của kinh này. Từ phẩm này trở đi là nói về lực dụng của kinh. Phẩm này chính thức nói về "đêm mộng ngày nói Sám hối dứt điều ác, nhổ gốc khổ", phẩm sau là nói về "khen ngợi phát thệ sinh thiện cho vui", cạnh đó là nêu lẫn nhau. Văn phẩm này chia làm hai phần:

1. Những điều thấy nghe trong mộng.

2. Tỉnh mộng rồi nói về những điều đã thấy nghe.

- Trong mộng lại có hai:

a) Mộng thấy trống vàng.

b) Mộng nghe tiếng trống vàng đánh vang.

- Thấy trống vàng lại có ba đoạn:

a.1) Chính là nhìn thấy trống.

a.2) Thấy ánh sáng của trống.

a.3) Thấy Phật trong ánh sáng của trống.

13. Nói về mộng:

Mộng là đi vào Tam-muội Như mộng, lại nhập vào Quán như mộng ra khỏi quán như giác. Tâm thanh tịnh đi vào quán có công năng quán xét pháp tánh, pháp tánh tức là trống vàng, thể của trống vàng tròn địa rỗng rang sáng ngời (viên - không - minh), tròn trịa tức là pháp thân, rỗng rang tức là Bát nhã, sáng ngời tức là giải thoát. Châu là nghĩa là hơn nghĩa là sâu, đại là nghĩa rộng, nghĩa vô lượng, như "dạo chơi trong pháp tánh sâu xa vô lượng" ở văn trên là ý này. Châu đại là nói lược về thể của trống, luận đầy đủ nên nói là viên châu đại - không châu đại - Minh châu Đại.

14. Nói về Trống:

Thể của trống có đủ ba loại, ba loại đều sâu xa vô lượng. Đây tức là trong mộng nhìn thấy pháp thân, quán xét một mà thấy ba Đức Phật. Từ "Kỳ minh phổ ánh sáng ấy chiếu khắp... trở xuống là phần hai thấy ánh sáng của trống. Ánh sáng là trí tuệ, hợp với tánh này có thể thành tựu Đại quả. Trí và thể thầm hợp, Thể Viên Châu đại thì vừa Quang Viên vừa châu đại, Thể không châu đại thì vừa Quang không vừa châu

đại, Thể minh châu đại htì vừa Quang minh vừa châu đại, vì sao? Vì thân này đồng thể với các Đức Phật, đây tức là trong mộng nhìn thấy Báo thân Phật, một Đức Phật mà ba. Từ "Lại trong ánh sáng thấy các Đức Phật trong mười phương..." trở xuống là thứ ba thấy các Đức Phật trong ánh sáng.

Ánh sáng phát ra từ trống, chiếu soi khắp cả mười phương, dụng khởi lên từ thể ứng hiện tất cả pháp giới, đồng sự cùng với cơ duyên. Tòa lưu ly là lý được an đặt Đức Phật ngồi trên đó xứng hợp với pháp tánh. Đại chúng vây quanh là cơ được ứng, đây là trong mộng nhìn thấy ứng thân, tức là một mà nói ba, đây tức là người ở trong mộng nhìn thấy ứng thân Phật, nhìn thấy ba thân Phật này tức là ba thân ba đức và các thứ ba pháp môn, từ đây lập ra giáo nghĩa gọi là Kim Quang Minh. Từ "Thấy có một người..." trở xuống là thứ hai, mộng thấy đánh trống vàng, văn chia làm ba đoạn:

1. Thấy đánh trống.
2. Phát ra âm thanh lớn.
3. Sự giải thích của âm thanh.

Trống là pháp thân, đánh trống là cơ trí, Bà-la-môn là tịch hạnh, dường như là gần chân.

Người gần với chân dùng tịnh trí dường như hiểu để hòa hợp với pháp thân, tương ưng với cam lộ, diệt khổ sinh vui. Trống là pháp thân, hòa hợp với trống là Báo thân, đánh trống phát ra âm thanh là Ứng thân, sự giải thích của âm thanh là đại dụng của pháp giới khởi giáo làm lợi ích chúng sinh. Từ "bấy giờ Bồ-tát Tín Tướng..." trở xuống là phần thứ hai thức giấc rồi theo đó nói về những điều thấy nghe, văn chia làm bốn:

1. Đến chỗ Đức Phật.
2. Hợp với duyên.
3. Cung kính trình bày.
4. Kể lại giấc mộng.

Mộng là đi vào pháp môn là ban đêm nằm mộng, ra khỏi pháp môn như qua đêm rồi đến sáng. Lại nữa, ba mươi tâm hoặc chướng chưa dứt sạch cho nên giống như mộng, bước lên địa vị dứt trừ hoặc chướng giống như đêm qua rồi đến sáng. Quán giải: Ba thân sở quán trong quán hành vị giống như mộng, ba thân sở quán trong phần chân vị giống như sáng sớm. Ra khỏi thành Vương xá là ý nói lên rời khỏi nhân vị.

Hướng đến núi Kỳ-xà-quật là nói lên hướng về quả địa. Cung kính trình bày có ba: Đảnh lễ là thân cung kính, chiêm ngưỡng là ý cung

kính, trình bày giấc mộng là miệng cung kính. Đảnh lễ là Bồ-tát ở nơi nhân vị trước dùng tín làm trọng, các Đức Phật ở nơi quả lấy từ bi làm nhẹ, lấy quý kính làm nhẹ. Từ "vì trong mộng ấy..." trở xuống là phần bốn, kể lại giấc mộng. Từ đây một trăm sáu mươi hai bài kệ, chia làm hai đoạn: bốn bài rưỡi đầu tiên nói chung về giấc mộng, một trăm năm mươi bảy bài rưỡi tiếp theo nói riêng về giấc mộng. Phần chung lại chia hai:

1. Ba bài rưỡi nói về thấy trống vàng.

2. Một bài nói về nghe trống đánh vang.

Thấy trống vàng lại có ba: một bài đầu là thấy hình dáng của chiếc trống, một bài kế là thấy ánh sáng của trống, tiếp một bài rưỡi là thấy các Đức Phật trong ánh sáng, tức là ý của ba thân đi vào quán cảnh sở quán trong văn xuôi. Một bài tiếp theo là thấy đánh trống, đó là tự mình nhìn thấy cơ của quán trí đó đánh vào cảnh của pháp thân. Vang ra âm thanh lớn là như trên đã nói, tự thấy cảnh trí hòa hợp được rất nhiều lợi ích. Từ "trống vàng lớn này..." trở xuống là bài kệ một trăm năm mươi bảy bài rưỡi nói riêng về sự việc trong giấc mộng, văn chia làm hai:

1. Từ "trống vàng lớn này xuống đến... đều được dứt trừ" có hai mươi mốt hàng ba câu nói về trống vàng có năng lực dứt ác sinh thiện.

2. Từ "tất cả các khổ không chỗ bám víu, không chỗ theo về..." trở xuống một trăm ba mươi lăm hàng ba câu chính thức nói về chỉ dạy phương pháp Sám hối.

- Y cứ văn có thể diệt ác sinh thiện, chia làm sáu đoạn:

1. Có ba bài, dứt trừ nhân quả khổ của thế gian.

2. Có ba bài, sinh ra nhân quả vui của xuất thế gian.

3. Có bốn bài, có thể làm cho chúng sinh đều đầy đủ tự hành hóa tha.

4. Có bốn bài, có thể dứt trừ báo chướng của chúng sinh, còn phát khởi túc mạng thông.

5. Có bốn bài, có thể khiến cho chúng sinh đạt được các pháp môn, trước đạt được ít sau đạt được nhiều...

6. Có ba bài ba câu, có công năng phá tám nạn trôi lăn của chúng sanh.

Giải thích sáu nghĩa này đều thuận theo ba đường, dần dần đến địa vị của người, trời, Nhị thừa, Bồ-tát... mỗi hạng đều có khả năng dứt ác sinh thiện. Từ "tất cả các khổ không có chỗ nương tựa, không có chỗ theo về..." trở xuống có một trăm ba mươi lăm bài ba câu, là phần thứ

hai nói về chỉ dạy cách Sám hối, văn chia làm năm đoạn:

1. Từ "tất cả các khổ..." về sau có mười chín bài một câu là tự nói về tội lỗi để Sám hối.

2. Từ "Nay tôi sẽ cúng dường..." trở xuống là nói về cúng dương các Đức Phật, tự hành hóa tha, tu Sám hối.

3. Từ "các Đức Phật Thế Tôn ngã sở y chánh..." trở xuống có hai mươi mốt bài, nói về khen ngợi tu pháp Sám hối.

4. Từ "ta vì các nhân duyên nghiệp lành cho nên..." trở xuống có năm mươi mốt bài rưỡi, nói về phát nguyện tu Sám hối.

5. Từ "Nếu có người kính lễ, khen ngợi mười phương..." trở xuống có chín bài là, kết thúc thành tựu Sám hối. Sinh khởi năm ý đó, nhưng chúng sinh tà đảo chướng lý không nhận biết được pháp tánh, ngu si chướng giải không hiểu biết về nhân quả, nghiệp ác làm chướng ngại hạnh, không biết pháp lành. Bậc Thánh từ bi dựa vào giấc mộng của Đại sĩ, nói về pháp Sám hối và nói rõ nghĩa lý đó, chỉ bày nhân quả và pháp lành, cho nên nói về tự Sám hối nhờ ân sâu của Phật cho nên cung kính cúng dường, cúng dường không sót, tâm đó chân thành cho nên ca ngâm khen ngợi cúng dường. Cúng dường khen ngợi là hạnh cần phải phát nguyện, chỉ quy hạnh nguyện đã trọn vẹn kết thúc thành tựu khen ngợi xưng tán. Văn tự sám chia làm ba đoạn:

15. Nói về văn tự sám:

1. Một bài đầu một câu nói về pháp thân là nơi nương tựa.

2. Hai bài là thỉnh Phật che chở.

3. Mười sáu bài chính thức nó về Sám hối.

Pháp thân đầy đủ ba đức, tức là Nhất thể Tam bảo, pháp thể là pháp bảo, tịch lặng thường chiếu soi là pháp bảo, cùng khắp tất cả mọi nơi là Tăng bảo. Tự phàm phu Nhị thừa tuy không biết, nhưng cũng không ra ngoài pháp tánh. Nói tóm lại, tất cả Bồ-tát không phải là không lấy pháp tánh này làm nơi quy y, y theo đây thì gốc rễ tồn tại nên đạo phát sinh. Gốc rễ bên trong tuy tồn tại nhưng bên ngoài không có Phật che chở thì không thể thành tựu. Hoặc được cảm ứng che chở mà dứt ác sinh thiện, đầy đủ nơi tụng này, như mầm mới nảy sinh được mưa nên cỏ cây tươi tốt đẹp, vì thế mà thỉnh Phật. Nhân duyên trong ngoài đã đầy đủ thì phải Sám hối.

16. Nói về văn chánh sám:

Văn chánh sám chia làm hai: Đoạn đầu là ba câu nói chung về Sám hối, đoạn sau là mười lăm bài một câu nói riêng biệt về Sám hối, Sám hối chung là bao gồm Sám hối về ba chướng. Bổn là phiền não, là

gốc của hai chướng, ác là báo chướng, bất thiện là nghiệp chướng. Ba chướng làm chướng ngại ba thân, ba Phật, ba ngôi báu, nếu ba chướng chuyển đổi thì các thứ ba pháp môn đều sáng tỏ, cho nên gọi là Sám hối chung. Sám hối riêng là Sám hối riêng biệt về ba chướng, một bài kế là Sám hối báo chướng, mười ba bài kế là Sám hối nghiệp chướng.

17. Sám hối phiền não chướng:

Từ "trước các mười lực" trở đi chính là Sám hối phiền não chướng. Độc đầu vô minh và ngu si điên đảo rất khác, không nhận biết pháp thân Phật. Pháp thân Phật cùng khắp tất cả mọi nơi, về ngu si ám chướng nên không thể biết, mọi người ở trước Phật mà gây ra nhiều tội lỗi, như trâu dê không nhận biết thiên tử, như con chim sẻ không biết tôn trọng loài voi, ở trước mặt tạo ra lỗi lầm, kẻ ngu si không nhận biết pháp thân cũng giống như thế. Về ân cha mẹ, phương tiện là cha, trí độ là mẹ, hai pháp môn này có thể công năng sinh ra pháp thân, người không nhận biết, đó là không biết Báo thân Phật. Không hiểu rõ pháp lành, pháp lành là hạnh giúp đạo, có thể giúp cho trí hiển bày lý, mà người không hiểu rõ là không biết ứng thân Phật. Ba thân Phật đều không thể biết, đâu chẳng phải là vô minh sai lầm hay sao? Đây là Sám hối riêng về báo chướng. Nói sơ lược có ba thứ:

18. Sám hối riêng về báo chướng:

1) Ỷ dòng họ màxấc láo với người.

2) Ỷ có tài vật để xem thường mọi người.

3) Lấy sự khỏe mạnh mà lấn hiếp kẻ khác.

Tuy báo chướng có ba thứ này nhưng không nên tự mình buông lung. Nếu người tự buông lung thì báo này trở thành chướng sự. Ở đây, lại dựa theo pháp môn để giải thích: Người xuất gia lấy trí tuệ làm tánh, định làm tài vật, giới làm tuổi tác. Người nhiễm ba pháp này tự tôn trọng mình xem thường người khác, đó gọi là nhiễm pháp, chẳng phải là cầu pháp. Kinh Pháp Hoa chép: "Người tuổi trẻ khỏe mạnh ta tuổi già sức yếu". Người phàm phu lấy năm ấm sung mãn làm sức mạnh, ba thừa thông giáo lấy không sinh ra Hữu làm sức mạnh. Người chấp chặt các phước, đều là dựa thể mạnh lấn hiếp kẻ yếu, nên trở thành báo chướng, tất cả cần phải Sám hối. Từ "tâm niệm bất thiện..." trở xuống mười ba bài là Sám hối riêng về nghiệp chướng, văn chia làm mười hai đoạn:

19. Sám hối riêng về nghiệp chướng:

1) Một bài Sám hối về nghiệp ác đã do tâm và miệng gây ra, cũng là xúi giục người khác làm điều ác, từ thân miệng ý là tự mình làm ác.

2) Một bài Sám hối về nghiệp ác do nhân duyên trong ngoài gây ra.

3) Một bài Sám hối về nghiệp ác do nhân duyên năm dục gây ra.

4) Một bài là tôn thờ tà sư mà gây nghiệp ác.

5) Một bài là thuận theo người đứng đầu làm ác mà gây ra nghiệp ác.

6) Một bài là tâm sở ái khiến gây nghiệp ác.

7) Hai bài vì cơm áo gạo tiền và nữ sắc mà gây ra nghiệp ác.

8) Một bài là ở đời có Phật là ruộng cung kính mà gây ra nghiệp ác.

9) Một bài là ở đời không có Phật là ruộng cung kính mà gây ra các nghiệp ác.

10) Hai câu là đối với chánh pháp mà gây ra nghiệp ác.

11) Một bài là đối với ruộng phước ân đức mà gây ra nghiệp ác.

12) Một bài rưỡi là bao gồm tất cả mọi nơi mà gây ra nghiệp ác cũng là xúi giục người khác làm ác, từ thân, miệng, ý là tự mình làm ác.

20. Phát khởi cúng dường:

Nhân duyên gây ra nghiệp ác nhiều vô cùng, không thể nào nêu ra đầy đủ cho nên Sám hối chung. Hoặc muốn giải thích tường tận thì từ loài người làm nơi khởi đầu, các hàng Nhị thừa, Bồ-tát Thông, Biệt đều lần lượt thực hành thì sẽ có thể hiểu được. Do đó trong kinh Ngũ Thập Hiệu kế chép: "Trên đến Đẳng Giác đều cần phải Sám hối", tức là nghĩa ấy (cuối quyển ba đầu quyển 4). Từ "nay tôi cúng dường..." Trở xuống ba mươi lăm hàng nói về sự cúng dường các Đức Phật. Nguyên nhân cúng dường ấy là mình vốn ngu si ám độn nhờ được chỉ bày Sám hối, ân này sâu nặng cho nên phát khởi cúng dường. Văn chia làm hai:

1. Một bài nói về tài vật cúng dường.

2. Ba mươi bốn bài nói về pháp cúng dường.

- Pháp cúng dường chia làm hai đoạn:

1. Tám bài rưỡi đầu nói về pháp cúng dường hóa độ người khác, pháp cúng dường thuận theo pháp môn từ bi của Như lai, ấy là lợi ích cho chúng sinh, đó là hóa độ người khác tu pháp cúng dường.

2. Hai mươi lăm bài rưỡi sau là nói về pháp cúng dường, tự mình thực hành, pháp cúng dường thuận theo pháp môn trí tuệ của Như lai, tu công đức Thập Địa, đó là tự mình thực hiện pháp tu cúng dường. Trong các cách cúng dường thì pháp cúng dường là cách cao tột bậc nhất, tài cúng, pháp cúng, sự lý, tự tha thảy đều đầy đủ. Về pháp cúng dường hóa

độ người khác, văn chia làm hai:

21. Nói về hóa độ người:

1) Bốn bài đầu là hóa độ người khác, giúp họ tu hạnh đó.

2) Bốn bài rưỡi sau là hóa độ người khác, giúp họ tu pháp Sám hối. Đầu tiên là người tu hành, mình tự đạt được Thập Địa nhờ pháp cúng dường, nay lại hóa độ người khác, dạy họ tu pháp cúng dường, giống như từ một ngọn đèn thắp lên trăm ngàn ngọn đèn, nơi tối tăm đều sáng tỏ mãi mãi không hết. đó có bốn nghĩa:

1. Nói bắt đầu hóa độ dùng tâm đại bi nhổ sạch cội gốc đau khổ.
2. Khuyến khích tu nhân chân thật là hạnh Thập Địa.
3. Khuyến khích tu quả chân thật là Đại Giác Bồ-đề.
4. Khuyến khích tinh tiến thúc đẩy để mau chóng thành tựu. Vì đều là chúng sinh cho nên tánh ham muốn đều như nhau, khéo léo độ một người thì nhiều người cũng vậy, không tính toán công lao, chứa nhóm công hạnh phước đức, công đức thành tựu quả Đại giác là trí đức tròn đầy, hết tất cả khổ tức là đức dứt tròn đầy. Văn hiển bày rõ ràng không cần phải giải thích nhiều. Quán tâm là điều hòa một niệm tâm, khiến cho châu minh phát khởi, nhậm vận thành tựu chân quả; điều hòa tất cả các tâm sở cũng giống như vậy. Bao nhiêu trần lao của chúng đệ tử tùy ý mà chuyển đổi, chính là nghĩa này. Bốn bài rưỡi sau là hóa độ người khác giúp họ tu pháp Sám hối.

22. Hóa độ mãi không dứt:

Mình được Đức Phật chỉ dạy Sám hối, liền đem pháp Sám hối chỉ bày cho người khác, lớp lớp thắp sáng vô lượng ngọn đèn, hóa độ mãi mãi không dứt. Văn có ba ý:

1) Muốn nói pháp Sám hối cho người khác nghe.

2) Chính là nói pháp Sám hối cho người nghe.

3) Nói pháp Sám hối xong lại giải thích.

Ngàn kiếp là giả dùng số nhiều để nói lên năng lực rộng lớn của Sám hối, giống như người ác gây ra tội lỗi chồng chất như núi có thể thoát khỏi tai họa bị nhà vua xử phạt, lại còn chia đôi lãnh thổ để ban thưởng, lẽ nào lại hỏi tội lỗi trước đó của họ hay sao?

23. Tự mình tu pháp cúng dường:

Nếu ngàn kiếp gây ra các tội nghịch, tuy là sâu dày nhưng vị vua pháp tánh có khả năng làm cho trừ sạch, từ trong kho Như lai hiển bày thành tựu Pháp thân, Đại giác sáng rực tự tại vượt lên, lẽ nào sau đó bị ràng buộc bởi năm nghiệp Vô gián hay sao? Từ “ta sẽ an chỉ...” trở xuống hai mươi lăm bài rưỡi là tự mình tu pháp cúng dường, văn chia

làm hai đoạn:

1. Năm bài đầu là tự mình tu hành.

2. Hai mươi bài rưỡi tiếp sau là tự mình tu Sám hối. Phần tự sám trước đây đã xong. Nay sao lại tiếp tục Sám hối? Giống như người thợ bạc, từ lúc mới học nghề cho nên khi đầu bạc, vừa thiêu đốt, rèn đập thành đồ vật mới nghỉ ngơi, tu hành giống như trí thiêu đốt, tu sám giống như đoạn chế tạo trí đoạn đến đỉnh điểm mới dừng lại. Nói lại không hề sai lầm, trước đây là tu hành môn, nay là pháp cúng dường môn, là khác nhau. Tự tu hành lại chia làm ba:

1. Một câu là nêu chương, tức là: “ta sẽ an chỉ”.

2. Tu nhân, tức là Thập địa.

3. Thành quả tức là quả Phật Bồ-đề.

Châu báu tức là nhân Thập địa đáng quý vô cùng, các địa chính là châu báu. Nói về chân đứng. Thập địa là nền tảng vững chắc của quả vị, cho nên gọi là chân đứng. Lại nữa, mười độ là chân đứng của Thập địa, đối với các công đức khác không vì thế mà không tu, tùy theo khả năng mà dùng đàn làm chân cho Sơ Địa, đàn và chân nếu đầy đủ thì được nhập vào Sơ Địa, cho đến trí độ mà chân đầy đủ thì được đi vào Thập địa, vì thế mười độ là chân đứng của Thập địa. Trong quả có luận chung về quả mãn và nói riêng về quả mãn, y cứ theo văn rất dễ hiểu.

24. Nói về tự tu sám Phật:

Công đức, ánh sáng là hai thứ trang nghiêm về mặt quả. Giúp cho chúng sinh vượt qua biển tức là xoay bánh xe pháp trong quả. Từ “các Đức Phật Thế Tôn...” trở xuống hai mươi bài là nói về tự tu sám Phật. Văn chia làm hai:

1. Một bài đầu là thỉnh.

2. Mười chín bài rưỡi về Sám hối. Sám hối chia làm năm đoạn: đầu tiên bốn bài rưỡi là phần Sám hối về nói báo chướng, tiếp theo một bài rưỡi nói về Sám hối phiền não chướng, kế là sáu hàng nói về Sám hối nghiệp chướng, kế là hai bài nói về hồi hướng, kế là năm bài rưỡi Sám hối hai nạn thiện ác. Ngay nơi báo chướng, văn lại chia hai:

1. Hai bài rưỡi nêu ra tướng của báo chướng.

2. Hai bài thỉnh dứt trừ.

Trăm kiếp tức là thời gian thọ báo; trong thời gian thọ thân, thân chính là Báo, bảo có sở tác, tạo tác tức là chướng, nghèo cùng khốn khổ là y báo không đầy đủ, cũng là báo chướng. Buồn rầu sợ hãi bởi vì bên ngoài đầy dẫy sự nghèo cùng cho nên bên trong khổ não kinh sợ trăm kiếp gây ra các điều ác, tức là tưởng hành ấm khổ. Nghèo cùng khốn

khổ tức là sắc ấm khổ. Buồn rầu sợ hãi tâm thường yếu hèn tức là thức ấm khổ. Không lúc nào an vui tức là thọ ấm khổ. Đây đều là ý của báo chướng.

25. Nói về chướng phiền não:

Kế là phiền não chướng, văn chia làm hai:

1. Hai câu nêu ra tướng.

2. Một bài là khất cầu sự thanh tịnh.

- Kế là nghiệp chướng, văn chia làm ba:

1) Hai bài nói về ba đời tạo nghiệp.

2) Hai bài nói rộng về hiện tại phát khởi mười điều ác.

3) Hai bài cầu xin Sám hối ba nghiệp quá khứ.

Nay đang thọ nhận gọi là báo chướng, chưa thọ nhận là thuộc về hành nhân, nếu tu tập thiện đạo thì làm cho chướng ngại.

26. Hỏi đáp về vì sao phải sám hối vị lai:

Hỏi: Quá khứ, hiện tại cần phải Sám hối, còn vị lai chưa có thì tại sao nói Sám hối?

Đáp: Bên số gia gọi là vị lai có, bên Luận gia nói là sẽ có. Đại kinh nói: "Ngăn dứt vị lai cho nên gọi đó là sát, hiện tại niệm niệm diệt thì nơi nào có thể sát, chẳng chỉ có ngăn dứt vị lai mới gọi là Sát". Kinh luận đều cho vị lai là có, cho nên cần phải Sám hối. Nay lại nêu ra sự việc hiện tại để thí dụ, như người thế gian hết cách sinh sống mới khởi lên vô lượng niệm ác, sự việc tuy chưa có nhưng thứ lớp chắc chắn trải qua, bỗng nhiên phát tâm lìa bỏ gia đình để tu đạo, ý niệm trước đây hoàn toàn khác so với duyên; nghiệp của vị lai cũng sẽ như thế, tuy chẳng phải là hiện có nhưng khi cơ hội đến chắc chắn sẽ như vậy, nay nếu như Sám hối thì vốn là thanh tịnh. Mở bày rộng về ba nghiệp hiện tại gây ra mười điều ác có thể hiểu. Xa lìa là dứt bỏ điều ác, tu hành tức là nuôi lớn điều lành, Thập Trụ là nhân vị của sơ tâm, đãi thập lực là về sau quả tròn đầy.

27. Nói về hồi hướng:

Tiếp theo nói về hồi hướng - chúng sinh ngang bướng cho nên yêu đắm đối với hữu mà không thể thoát ra, dạy Sám hối tội lỗi này nên gọi là hồi hướng. Nơi khác dùng "hoặc cõi nước này và thế giới khác" là văn nói về vui theo, ý này không đúng. Cõi này và phương khác hễ làm được điều lành nào đều bố thí cho chúng sinh cùng hướng về Phật đạo, như âm thanh thổi vào rừng thì có thể nghe xa hơn, lực phương tiện to lớn sánh bằng hư không. Lại nữa, văn kết thúc nói: "Đều là hồi hướng không được vui theo". Ở văn sau sẽ giải thích về vui theo.

28. Giải thích tám nạn:

Giải thích về tám nạn, đây là luận về tám nạn trong thiện và ác, không phải là tám nạn như trước Phật sau Phật. Văn chia làm hai: bốn bài đều chỉ ra ác là nạn, một bài rưỡi kế là chỉ ra ác che lấp thiện là nạn, hoặc chỉ ra thiện che lấp đạo là nạn. Một bài đầu là nạn của báo chướng. Các Hữu tức là hai mươi lăm Hữu, Thân báo đắc gây ra nhiều điều ác, đâu chẳng phải là nạn của báo chướng hay sao? Sinh tử hiểm nạn có hai cách giải thích, nếu giữ lấy nhân tức là nghiệp chướng, hoặc giữ lấy quả tức là báo chướng, các loại dâm dục tức là phiền não chướng.

29. Nói về ba chướng:

Tâm hấp tấp vội vàng là báo chướng, hấp tấp vội vàng là giác quán, giác quán thuộc về pháp báo, như La-hán dứt sạch phiền não, ra khỏi quán còn có gián quán tám tâm, nên biết rằng hấp tấp vội vàng là báo chướng chứ chẳng phải là phiền não. Lại nữa, nêu ra sự học vấn của người thế gian hồi chuyển dễ sai lầm, không thành nghiệp chướng đều do lỗi của sự hấp tấp vội vàng, đâu chẳng phải là chướng hay sao? Nạn gần bạn xấu là bạn bè xấu ác làm ô nhiễm ba nghiệp của người, đây thuộc về nghiệp chướng, như di chuyển chuồng ngựa đến cạnh lò mỗ, như Mạnh Mẫu ở gần nơi buôn bán, son đỏ mực đen tức là nghĩa ấy. Ba độc là phiền não chướng. Từ "cái khó về gặp việc vô nạn..." trở xuống có hai nghĩa:

1. Nếu không tu điều lành thì chướng nạn không dấy lên, nếu muốn tu điều lành thì ác nạn liền sinh ra, điều lành chẳng phải là chướng điều ác lại đến ngăn trở điều lành gọi điều lành là nạn, nghĩa này dễ hiểu nên người bình thường đều hiểu theo cách này.

2. Chỉ các điều lành là nạn, điều lành làm chướng đạo, lẽ nào chẳng phải là nạn hay sao? Nghĩa này nay sẽ nói. Tai nạn về gặp việc vô nạn là tự cho rằng mình không có điều ác nên không chịu tu tập điều lành, như hàng Nhị thừa đi vào không nên phát sinh ý tưởng diệt độ, phát sinh ý tưởng an ổn mà không quay lại tiến cầu Bồ-đề, tức là nghĩa ấy tai nạn về tu công đức là thường thực hành pháp hữu vi để cầu kết quả như ý, như có một vị Tỷ-kheo chuyên chú làm điều phước đức mà không tu tập giới cấm, đọa trong loài voi trắng, thân đeo ngọc bảy báu, chén vàng đựng phân, lại như bổn sự vua Diệu Trang Nghiêm Vương... đâu chẳng phải là nạn của sự tu tập công đức hay sao? Cái khó về gặp được lúc tốt là như lúc kiếp ở Uất-đan-việt thì luôn luôn thọ nhận vui sướng hoàn toàn không hề tu đạo, há chẳng phải là nạn của sự gặp thời thế tốt đẹp hay sao? Gặp Phật ra đời cũng là nạn nữ.

30. Nói về sự khen ngợi:

Bà-la-môn tên Chiên-già, Thiện Tinh, Điều Đạt... đều là gặp Phật nhưng lại là tai họa. Những ví dụ này nên nói: gặp pháp khởi tâm chê bai, gặp tăng khởi tâm phá hoại đều là nạn cả. Nếu đọc là Nan của nan dị (khó dễ) thì đây là nghĩa điều ác đến ngăn trở điều lành, khiến cho điều lành khó thành tựu, nếu đọc là Nạn của chướng nạn thì đây là điều lành tự nó là tai họa, bởi vì làm cho chướng ngại đạo. Còn theo văn kinh chép: "Các nạn này đều Sám hối", nên biết rằng kinh lấy nghĩa Nạn của chướng nạn. Từ "các Đức Phật Thế Tôn là chỗ y chỉ của ta" trở xuống là bài hai mươi mốt bài là phần thứ ba nói về sự khen ngợi, đó là nói về thứ lớp. Pháp tài cúng dường trước đây là thân và ý, thân và ý không hoặc lậu, không đầy đủ, nay lại dùng miệng để ca ngợi. Nếu nói về pháp môn, văn chia làm ba phần:

1. Một bài là nêu thứ lớp khen ngợi.
2. Mười chín bài chính là khen ngợi.
3. Một bài là kết thúc sự khen ngợi.

31. Nói về ba thân:

Nêu các Đức Phật, chiều ngang là mười phương, chiều dọc là ba đời, sự tức là Báo thân và Ứng thân, Lý là pháp thân. Lời sơ lược mà ý bao la, là sự tuyệt diệu của nêu chương. Chỗ y chỉ của ta là nương vào một thể ba Phật của pháp tánh. Biển Phật là bốn nhãn hòa vào Mắt nhãn, mười trí hòa vào trí như thật, đều mất đi tên gọi vốn có mà chỉ gọi là Mắt nhãn Phật trí; như vật ném vào đường phèn, như sông hòa vào biển. Đều vừa ngọt vừa mặn là pháp tánh ba Phật thâu nhiếp tất cả các pháp nên gọi là biển Phật. Ngay nơi phần chính là khen ngợi chia làm hai đoạn:

1. Mười lăm bài rưỡi là khen ngợi nhờ vào lời nói.
2. Ba bài rưỡi là bặt dứt lời nói khen ngợi.

- Nhờ vào lời nói lại có hai:

1. Một bài sơ lược khen ngợi, sơ lược so sánh.
2. Mười bốn bài nói rộng về khen ngợi và so sánh.

32. Khen ngợi màu vàng ròng của thân Phật:

Lược khen ngợi là sơ lược khen ngợi màu vàng trong các tướng tốt, Thích Luận dùng sắt tức thời để so sánh tức thời vàng, vàng tức thời so sánh với vàng biển, vàng biển so sánh vàng rồng, vàng rồng so sánh Diêm-phù-đề châu Kim, Diêm-phù-đề châu sáng với vàng của bốn vị, xoay vần như thế cho đến so sánh tầng Trời thứ sáu Kim, tầng Trời thứ sáu Kim so sánh với thân màu vàng của Phật, thì vàng của tầng Trời

thứ sáu như là sắc thép, còn ánh sáng màu vàng nơi thân Phật soi chiếu cùng tận tường vách thành lũy không hề chướng ngại, lúc Đức Phật đi vào thành phát ra ánh sáng soi chiếu mặt đất, một người nữ cúi đầu lễ lạy, chiếc trâm vàng rơi xuống đất, chỉ thấy chói chang, không biết đâu là đất, đâu là trâm vàng. Nhưng thân màu vàng là nơi các tướng y cứ, chỉ nêu ra màu vàng, do đó biết là khen ngợi tất cả các tướng tốt. Vàng có bốn nghĩa: bền chắc không thể phá hủy thí dụ cho Thường, ai có được vàng thì giàu có dụ cho là Lạc, Thể của vàng không dấu vết dơ bẩn dụ cho tịnh, sắc màu đẹp đẽ chói chang dụ cho ngã. Bốn đức này đứng đầu trong các đức. Dụ như núi Tu-di, núi Tu-di tạo thành từ bốn thứ báu, ví như thân Phật đầy đủ bốn đức, cho nên biết là trạng huống chung. Phần khen ngợi rộng ra và so sánh rộng ra, văn chia làm hai đoạn:

1) Mười hai bài rưỡi là khen ngợi rộng.

2) Hai bài rưỡi là so sánh rộng.

33. Khen ngợi rộng về màu vàng vô thượng:

Khen ngợi rộng lại có bốn. Từ “màu ấy vô thượng...” trở xuống hai bài là khen ngợi rộng ra về màu vàng vô thượng, vô thượng là ngã đức; Từ “thanh tịnh vô cấu...” trở xuống ba bài là khen ngợi rộng rãi về màu vàng nơi thân Phật là vô cấu, vô cấu tức là tịnh đức. Từ “công đức vòi vọi...” trở xuống bốn bài là khen ngợi rộng rãi về màu vàng nơi thân Phật có công năng trừ mọi sự khổ đau, tức là Lạc đức. Từ “như nước biển lớn...” trở xuống là thường đức. Từ “trong ba cõi...” trở xuống là so sánh rộng ra. Biển công đức của Phật có suy nghĩ cũng không thể nào biết, mọi ngôn từ không thể nào nói hết; chỗ tâm hành diệt đường ngôn ngữ bặt tức là nghĩa ấy.

Nước trong biển khó biết được so sánh với Thường đức, bụi đất khó biết được so sánh với Tịnh đức, cân núi khó biết được so sánh với Ngã đức, giới hạn hư không khó biết được so sánh với Lạc đức. Từ “các Đức Phật cũng vậy...” trở xuống là hợp dụ. Từ “tất cả có tâm...” trở xuống ba bài là bặt dứt ngôn từ khen ngợi, một bài rưỡi là Điệp văn thí dụ cho thuận theo kết hợp. Tất cả có tâm không thể biết được, tức là bặt dứt suy nghĩ. Suy tư đã bặt dứt thì miệng giảng nói điều gì, tức là dứt bặt ngôn từ. Hơn lại nhắc lại ví dụ cho thuận theo kết hợp, y theo văn rất dễ thấy.

34. Tổng kết Sám hối tội lui sụt:

Từ “tướng tốt trang nghiêm...” trở xuống một bài là phần tổng kết. Tướng là kết tóm tất cả các tướng, tốt là kết tóm tất cả các vẻ đẹp, trang nghiêm là trong mỗi tướng mỗi vẻ đẹp đều đầy đủ các đức để làm trang

nghiêm. Từ “ta vì các nhân duyên nghiệp lành...” trở xuống là bài kệ có năm mươi mốt bài rưỡi, là phần phát nguyện thứ tư - Hạnh nếu không có nguyện thì như trâu không người dắt, không thể nào có chỗ đến, như vẽ tranh không có keo, như gạch không nung lửa, như mặt nước không có ánh trăng, vì thế dùng nguyện để giữ hạnh, cũng là Sám hối cái lỗi lui sụt. Văn chia làm hai:

1. Có bốn mươi bảy bài rưỡi nói về phát nguyện.

2. Có bốn bài dựa vào nguyện mà vui theo. Phần phát nguyện lại có hai:

1. Có chín bài là tự mình phát nguyện.

2. Có ba mươi tám bài rưỡi là phát nguyện vì người.

- Phần tự mình phát nguyện lại chia hai:

a. Bốn bài nguyện đạt quả rốt ráo;

b. Năm hàng nguyện cho nhân trọn vẹn. Phần nguyện đạt được quả rốt ráo lại có bốn:

1. Một bài thành tựu Phật đạo là nguyện tlửa mãn ý luận.

2. Một bài nói pháp là nguyện tlửa mãn khẩu luân.

3. Một bài tồi ma là nguyện tlửa mãn thân luân.

4. Một bài trụ thọ được ích là nguyện tlửa mãn tâm từ bi.

- Phần nguyện cho nhân trọn vẹn lại có bốn:

a. Một bài đầy đủ sáu độ nguyện trọn vẹn công đức hữu vi.

b. Một bài nguyện công đức vô vi trọn vẹn.

c. Một bài túc mạng niệm Phật trọn vẹn.

d. Hai bài được gặp Phật trọn vẹn.

- Phần phát nguyện vì người, chia làm hai đoạn:

1. Tám bài rưỡi trước là nguyện làm thân Dược Thọ Vương để đại bi cứu khổ.

2. Ba mươi bài sau là nguyện làm thân Bảo Châu Vương để đại từ ban vui.

- Phần đại bi cứu khổ lại có bốn:

a. Một bài nhổ sạch chung gốc các khổ.

b. Một bài nhổ sạch gốc khổ các căn không đầy đủ.

c. Hai bài nhổ sạch gốc khổ bệnh tật.

d. Bốn bài rưỡi nhổ sạch gốc khổ tai họa luật pháp.

- Phần đại từ ban vui chia làm ba:

1. Mười sáu bài rưỡi là ban an vui cho thế gian.

2. Chín bài rưỡi là ban nhân an vui cho xuất thế gian.

3. Bốn bài là kết thúc thành tựu.

35. Tu đủ duyên bên ngoài, nhân bên trong:

Đại bi cứu khổ ở văn trên là khiến cho người không đầy đủ các căn được đầy đủ, nay đại từ ban vui là khiến cho thấy nghe thông minh sung sướng vui vẻ, các căn thì ngữ giống nhau mà ban vui cứu khổ thì hơi khác. Từ "nguyện các chúng sinh thường được cúng dường..." trở xuống là khiến cho tu hành đầy đủ duyên bên ngoài, kế sáu bài là khiến cho tu hành đầy đủ nhân trong. Duyên ngoại lại có hai:

1. Hai bài là được gặp Tam Bảo.

2. Một bài rưỡi là xa lìa tám nạn.

Nhân duyên không giống nhau, hoặc được gặp Phật mà hoạn nạn không dứt trừ, hoặc hoạn nạn dứt trừ mà không được gặp Phật, nay nguyện cho họ vừa dứt trừ vừa được gặp Phật. Nhân trong lại có hai:

36. Nói về nhân bên trong:

1. Nửa hàng là sinh vào gia đình cao quý.

2. Năm bài rưỡi là tài bảo dồi dào đầy đủ.

Nhân của con người không như nhau, hoặc tài vật sung túc mà dòng dõi thấp hèn, hoặc dòng dõi cao quý mà nghèo cùng khốn khó; nhân không đầy đủ, nay khiến cho họ vừa cao quý vừa giàu có, người nữ có năm việc trở ngại, nguyện cho họ không còn các khổ của năm việc trở ngại. Từ "như ta hiện tại..." trở xuống bốn bài là kết thúc thành tựu tự thệ nguyện, tha thệ nguyện. Từ "như cõi Diêm-phù-đề này..." trở xuống bốn bài là tùy hỷ theo nguyện. Tùy hỷ là chúc mừng sự tu hành của người, cũng là Sám hối tội lỗi về sự ganh ghét.

37. Kết thúc thành tựu tự tại thệ nguyện:

Văn chia làm hai:

1) Hai bài đầu là tùy hỷ theo người.

2) Hai bài sau là tùy hỷ với mình. Từ "Nếu có kính lễ..." trở xuống là bài kệ có chín bài, là phần thứ năm kết thúc thành tựu, văn chia làm ba:

1. Hai bài đầu là kết thúc thành tựu dứt bỏ điều ác, nên nói là vượt ra khỏi tội lỗi trong sáu mươi kiếp.

2. Tiếp theo bốn bài là kết thúc thành tựu sinh khởi điều lành, nên nói là được vua chúa, đại thần, cung kính.

3. Hai bài rưỡi là kết thúc về được gặp nhiều Đức Phật, tuy không nói riêng về Phật là bậc thiện tri thức, nhưng tự đã bao gồm.

GIẢI THÍCH PHẨM TÁN THÁN

1. Nói về khen ngợi:

- Tán thán gồm có bốn ý:

1) Từ người năng tán.

2) Từ sinh điều lành.

3) Từ dứt ác.

4) Từ người sở tán.

1. Từ người năng tán: Phẩm trước nói về Tín Tướng suy nghĩ nghi ngờ đối với tuổi thọ của Phật, bốn Đức Phật đều giảng đến thất, nhất tâm tin hiểu, đêm mộng thấy trống vàng phát ra âm thanh, sáng sớm hướng về núi Kỳ-xà-quật nói về giấc mộng. Phẩm này Đức Phật thuật lại xưa kia nhờ khen ngợi Pháp Vương trước Phật Long Tôn, nguyện con vào thời tương lai đêm nằm mộng ngày kể lại, nói về bổn sự của người ấy cho nên gọi là phẩm Tán Thán.

2. Từ sinh điều lành mà được tên gọi: Điều lành không chuyển vận đơn độc, phát sinh chắc chắn nhờ vào duyên, trong duyên cao đẹp ấy không thể hơn Phật. Long Tôn khen ngợi Phật có khả năng phát sinh điều lành tuyệt vời, từ duyên phát sinh điều lành mà đặt tên, cho nên gọi là phẩm Tán Thán.

3. Từ dứt ác mà được tên gọi: Tội lỗi lớn nhất không gì hơn chê bai Phật, nếu trở lại dứt trừ tội lỗi ấy thì cần phải khen ngợi, khen ngợi chữa trị sự chê bai, từ khả năng chữa trị mà được tên gọi cho nên nói là phẩm Tán Thán.

4. Từ người sở tán mà được tên gọi: Tức là các Đức Phật trong ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại, các Đức Phật rất tôn quý sâu xa, vô lượng xưng dương, hiển bày giảng nói, cho nên gọi là phẩm Tán Thán. Nếu muốn phân biệt nào thuật rõ công đức gọi là Tán, nêu thí dụ gọi là Thán, cũng thay đổi phân biệt lẫn nhau. Thích Luận quyển ba mươi chép: "Ngợi khen công đức gọi là Tán, Tán chưa đủ lại tiếp tục xưng dương gọi là Thán". Phẩm này sự cung kính thuộc về thân nghiệp, tôn trọng thuộc về ý nghiệp, khen ngợi thuộc về khẩu nghiệp. Khẩu nghiệp không phát khởi thì thân và ý không thỏa mãn, vì thân ý thỏa mãn nên lấy âm thanh làm Phật sự, cho nên xưng dương hiển bày giảng nói khen ngợi công đức chân thật của Như lai, vì thế nói là phẩm Tán Thán.

2. Về việc đặt tên phẩm này:

Kết luận về bốn nghĩa này, đều là nhân duyên bốn tất-đàn nên lập tên gọi phẩm này, do đó gọi là phẩm Tán Thán. Phẩm này tuy từ

bốn tất-đàn mà đặt tên, nhưng chính xác là cái dụng của sinh điều lành, văn chia làm hai phần: một là văn xuôi, hai là kệ tụng. Đối với Thần đất mà nói, Thần đất là người đứng đầu quả đất, mỗi công hạnh của Bồ-tát đều nương nhờ trước tiên là mặt đất, tuổi thọ lâu dài, thấy rõ mọi sự việc ở quá khứ vị lai và hiện tại, việc chứng nghĩa nhớ lại, như kinh Thụy Ứng chép: "chứa nhóm công đức ai làm chứng? Đức Phật liền chỉ vào đất", cho nên nay ta nói sự việc xa xưa của Phật Kim Long Tôn. Cho nên nói với Thần đất. Còn đối với Thiện Nữ Thiên thì Nam Thiên là dương, biểu thị cho quyền, Nữ Thiên là âm, biểu thị cho Thật. Thật trí luôn luôn phát sinh những điều lành, vì điều lành phát sinh nên nói với Thiện Nữ, vì chứng minh việc xưa nên nói với Kiên lao...

3. Đặt tên theo hạnh:

Nay nói về công dụng của việc sinh thiện, cho nên nói với Thiện Nữ. Kim Long Tôn vị vua này xưa kia tu tập pháp môn Kim Quang Minh nương theo lý pháp tánh cho nên nói là Kim, thường dùng trí tuệ để khen ngợi các Đức Phật ba đời, biện luận như mây giăng mưa đổ nên gọi là Long, thường làm lợi ích rộng lớn cho chúng sinh, được mọi loài kính ngưỡng nên gọi là Tôn, theo hạnh mà đặt tên nên gọi là Kim Long. Kệ có sáu mươi hai bài rưỡi chia làm ba đoạn:

1. Có ba mươi ba bài khen ngợi các Đức Phật ba đời.
2. Có hai mươi bảy bài rưỡi phát nguyện ở đời vị lai.
3. Có hai bài kết hợp sự việc ở hai đời.

- Trong phần khen ngợi các Đức Phật, văn chia làm năm:

1. Một bài rưỡi là khen ngợi chung.
2. Hai mươi ba bài kế hàng là khen ngợi riêng.
3. Ba bài kế là khen ngợi khắp mọi loài.
4. Năm bài rưỡi là dứt bặt ngôn ngữ khen ngợi.
5. Tiếp theo hai bài là hồi hướng, khen ngợi chung.

4. Khen ngợi riêng các tướng:

Dọc tóm thâu ba đời, ngang bao trùm mười phương. Thế giới là tóm thâu về Sự, nhiệm mầu vắng lặng là bao trùm về Lý. Bao trùm về Lý là toàn bộ pháp thân, tóm thâu về sự là toàn bộ hai thân Báo - Ứng. Khen ngợi chung về ba thân, cũng là khen ngợi chung về các loại ba pháp môn như ba đức, ba ngôi báu...Như vậy tất cả các Đức Phật đều thanh tịnh. Thanh tịnh tức là lời khen ngợi chung, chẳng những thanh tịnh mà cũng là Thường, Lạc, Ngã... Từ "thượng sắc trong các Sắc..." trở xuống có hai mươi ba bài là khen ngợi riêng trải qua các tướng, xem trong văn đó chia là sáu ý: đầu tiên là sáu bài rưỡi khen ngợi biển có

bảy tướng lớn, khen ngợi vẻ đẹp màu xanh của mái tóc, kế là hai bài khen ngợi biển có tướng nhỏ, tiếp theo hai câu khen ngợi cùng khắp biển có các tướng lớn; tiếp theo mười ba bài khen ngợi cùng khắp biển có các tướng lớn, tiếp theo hai câu khen ngợi về biển có một tướng nhỏ, tiếp theo hai câu khen ngợi tay chân mềm mại lại là một tướng biển lớn. Vì sao? Vì tướng nhỏ, tướng lớn lại cùng nhau trang nghiêm thân Phật, Long Tôn với trí tuệ tuyệt vời đúng như pháp hiểu rõ tướng, đúng như pháp khen ngợi các tướng cho nên tướng lớn, tướng nhỏ đan xen lẫn nhau mà khen ngợi như thế. Tướng tốt vốn là trang nghiêm thân Phật, thân Phật có nhiều loại: thân cha mẹ sinh ra, thân tôn đặc, thân pháp tánh, thân đã khác nhau thì tướng tốt cũng khác nhau, mỗi tướng khác nhau thì tướng dụng cũng khác nhau, tướng dụng khác nhau thì tướng nghiêp cũng khác nhau. Ba thân khác nhau như ở vườn Lâm-vi-ni đưa tay vịn cành, hóa sinh từ hông phải, trời đất rung chuyển dữ dội A-di rất kinh hãi, mở ra thu lại mà là tướng, mỗi tướng sáng sủa rõ ràng, chắc chắn thành Phật, buồn đau không thể lên tiếng, đây là tướng của sinh thân Phật.

5. Dẫn thích luận chứng minh:

Như Thích Luận nói: Thân tôn đặc của Phật uy nghi lồng lộng, giống như bóng núi Tu-di đứng trên biển lớn, tướng lớn tướng nhỏ vốn có cũng uy nghi lồng lộng, không giống thân bình thường - ánh sáng bình thường và tướng ánh sáng bình thường; đây tức là thân tướng tôn đặc của Phật. Pháp tánh thân Phật là thân mà hàng phàm phu, Nhị thừa hạ địa không thể nhìn thấy, chỉ có người cần phải độ thì được nhìn thấy, đây tức là thân của vô thân - tướng của vô tướng, trí nhất thiết đứng đầu, nghĩa đế bậc nhất làm búi tóc, tám mươi bốn ngàn pháp môn làm tóc, đại bi nhãn trung đạo là lông trắng, vô lậu là mũi, mười tám không là lưỡi, bốn mươi bất cộng là răng, bốn thệ nguyện rộng lớn là vai, ba Tam-muội là lưng, Như lai tạng là bụng, trí quyền thật là tay, định huệ là chân, các tướng như vậy trang nghiêm thân pháp tánh của Phật.

6. Lại dẫn thích luận:

Về Chủng tướng nghiệp, như Thích Luận nói: Tu trăm phước đức thì thành một tướng, ba ngàn hai trăm phước đức thì thành ba mươi hai tướng đây chính là nghĩa chủng tướng của sinh thân Phật. Nếu dùng không tuệ dẫn dắt các tướng nghiệp thì mỗi nghiệp đều tương ưng với không. Trong các tương ưng thì tương ưng không là bậc nhất; đây là nghĩa chủng tướng thân tôn đặc của Phật. Nếu dùng Tướng thật tuệ dẫn dắt thành tựu các nghiệp thì mỗi nghiệp không nghiệp nào chẳng

phải là Tướng thật pháp giới, đây là nghĩa chủng tướng thân pháp tánh của Phật. Ba thân ba chủng tướng, ba chủng tướng nghiệp không được ngang dọc khác nhau, nếu là một - khác thì ngôn ngữ, ngôn từ khen ngợi không hề sánh được... Kinh này đích thực ngợi khen tướng của thân tôn đặc, trên bao gồm pháp tánh, dưới thâu nhiếp sinh thân, ở trong sự tuyệt vời đó mà nói về thật khen ngợi...

7. Mỗi tướng đều nói về dụng:

Mỗi tướng đều nói về dụng ấy, như tướng bằng phẳng đầy đặn dưới lòng bàn chân, khiến cho tất cả ma tà không thể làm nghiêng động, tất cả hữu vô không thể nào lay chuyển, tất cả các bên không thể nào lung lạc, như tướng nhục kế trên đỉnh, pháp không lễ người thường, cũng không lễ bậc Thánh, cũng không lễ lạy phần trung gian, có nơi phát xuất riêng... Từ "các Đức Phật quá khứ, vị lai" trở xuống là phần ba khen ngợi khắp các loài. Pháp thân các Đức Phật bình đẳng cùng một tâm một tuệ. Ứng Hóa cũng giống như vậy, đặc biệt nêu ra mỗi Đức Phật một tướng để làm đầu mối khen ngợi, các Đức Phật khắp mọi chủng loại cũng giống như vậy. Văn kinh-thùVấn Bát-nhã chép: "Niệm công đức của một vị Phật bằng với niệm công đức của Đức Phật mười phương", tức là nghĩa ấy. Thân, miệng thanh tịnh có hai cách giải thích: Một nói rằng - Sở tán là ba nghiệp thanh tịnh, nay ta kính lễ tất cả, hai nói rằng - Năng tán là thanh tịnh, dùng hương hoa tươi đẹp là thân thanh tịnh, cung kính cúng dường ý thanh tịnh, ca tụng khen ngợi là miệng thanh tịnh...

8. Dứt bặt ngôn từ khen:

Từ "Dù dùng trăm lưỡi..." trở xuống là phần thứ tư, dứt bặt ngôn từ khen ngợi: ba bài rưỡi đầu là bặt dứt ngôn từ khen ngợi; hai bài tiếp theo là bặt dứt tâm tư khen ngợi. Có ba lần là hoặc nên giống như ba thân bặt dứt ngôn từ. Một người trăm đầu, mỗi đầu có trăm miệng, mỗi miệng có trăm lưỡi, tuổi thọ trụ trong ngàn kiếp khen ngợi công đức tướng tốt của sinh thân Phật cũng không thể nào hết được. Một người ngàn đầu, mỗi đầu có ngàn miệng, mỗi miệng có trăm lưỡi, tuổi thọ sống lâu muôn kiếp khen ngợi công đức tướng tốt của thân Phật tôn đặc cũng không thể nào cùng tận được. Mặt đất và cõi trời dùng mảy lông chấp lấy nước trong biển lớn, tất cả loài có tâm không thể nào biết được công đức tướng tốt nơi thân pháp tánh của Phật. Vì thế cho nên dứt bặt ngôn từ dứt bặt tâm tự ngợi khen.

9. Rộng phát nguyện vị lai:

Từ "Nay tôi..." trở xuống có hai mươi bảy bài rưỡi là phần hai,

rộng phát nguyện vị lai, văn chia làm hai: một là hai bài nguyện chung, hai là hai mươi lăm bài rưỡi phát nguyện riêng. Phát nguyện lại có hai: a. Một bài là Đức Phật thuật rõ; b. Hai mươi bốn bài rưỡi là Long Tôn phát nguyện. Văn chia ra năm nguyện riêng: năm hàng đầu là nguyện đêm mộng ngày kể lại, hai bài kế là nguyện vì người nhiếp lấy Tịnh độ, kế là hai bài rưỡi là nguyện đắc quả. Trong đó giải thích tỉ mỉ có thể tìm thấy. Hỏi: Các nguyện đều sâu sắc, trong đây sao không thọ ký? Đáp: Pháp kết bạn với vị lai, ở nơi vị lai không lâu... Từ "Tín Tướng nên biết..." trở xuống hai bài là phần ba kết hợp xưa nay, như trong văn.

■

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ

QUYỂN 4

GIẢI THÍCH PHẨM KHÔNG

1. Nói về bốn thứ không:

Nói về Không đáng lẽ có bốn thứ, đó là Diệt Sắc Nhập Không, ngay nơi sắc là không, Diệt Biên nhập không, và ngay nơi Biên là không. Kinh này có cả sự Sám hối của các thừa, nên phải có bốn thứ Không; nhưng phẩm này chỉ nêu Không là chú trọng đến ngay nơi biên là không. Vì sao? Vì kinh nói: "Vô lượng các kinh khác đã nói nhiều về không, vì thế cho nên trong đây giải thích lược". Lại nữa, không là không hữu không vô. Không hữu là không có hai mươi lăm hữu, không vô là không có cái vô tro than của Nhị thừa, hai bên đều thanh tịnh đó gọi là không. Thẳng thắn mà nói lời này, nếu nghi ngờ thì mê muội tên gọi, lạm dụng lý lẽ, không thể nào hiểu rõ được. Nay chia thành sáu câu: Không này bác bỏ chẳng phải hữu chẳng phải vô, chẳng phải hữu chẳng phải vô phá Không, Không tu chẳng phải hữu chẳng phải vô chẳng phải hữu chẳng phải vô tu không. Không tức chẳng phải hữu, chẳng phải vô chẳng phải hữu chẳng phải vô tức không, Không bác bỏ chẳng phải hữu chẳng phải vô. Cái gọi là phàm phu ngoại đạo chấp chẳng phải hữu chẳng phải vô, Nhị thừa nghiêng trụ trong cái chứng đắc chẳng phải hữu chẳng phải vô. Biệt giáo giáo đạo chấp vào pháp môn chẳng phải hữu chẳng phải vô, đều là cái không mà phẩm không phá trừ. Kiến chấp của phàm phu ngoại đạo có nhiều thứ:

2. Các chấp của phàm phu, ngoại đạo:

- Bốn cái thấy đơn độc.
- Bốn cái thấy phức tạp.
- Bốn cái thấy đầy đủ.

Bốn cái thấy đơn độc rất dễ hiểu. Bốn cái thấy phức tạp nghĩa là có cái có hữu vô, chẳng có cái vô vô, vừa có vừa vô cái hữu, vừa có vừa vô cái vô, chẳng phải có chẳng phải vô cái hữu, chẳng phải có chẳng

phải vô cái vô. Cái thấy phức tạp này ẩn chứa loại thứ năm không thể nói. Đầy đủ bốn câu ấy là ở trong một câu có đủ bốn câu, bốn bốn thành mười sáu câu, cho nên gọi là đầy đủ. Tuy đơn độc - phức tạp - đầy đủ đều là khổ - tập mênh mông, tuy cho rằng là chẳng phải hữu chẳng phải vô, nhưng thật sự chỉ là cái thấy luống dối, cho nên là cái bi không bị của phẩm phá trừ Không. Nhị thừa nghiêng trụ trong cái chứng đắc chẳng phải hữu chẳng phải vô. Vì dứt bỏ chấp thường cho nên nói chẳng phải hữu, vì dứt bỏ Chấp đoạn cho nên nói chẳng phải vô, hai chấp hữu vô dứt hết không còn sót.

3. Nói vì A-la-hán:

Kiến, tư ba cõi hết hẳn không còn, sinh ra ý tưởng diệt độ, sinh ra ý tưởng an ổn, phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không chịu thân hậu hữu, chỉ giữ lấy cái hiện tại mà thôi, không còn tiến lên cầu Tam-miệu Bồ-đề, nhưng hàng Nhị thừa phát chân, dứt bỏ Chấp thường, dứt bỏ chấp đoạn, pháp môn khác nhau, hoặc từ Hữu môn đi vào như A-tỳ-đàm, hoặc từ vô môn đi vào như luận Thành thật, hoặc từ diệc hữu diệc vô môn đi vào như luận Côn-lặc, hoặc từ phi hữu phi vô môn đi vào như kinh Na-đà-ca-chiên-diên. Lìa đoạn, lìa thường gọi là trung đạo của bậc Thánh, bổn môn đều dứt chấp đoạn. Thường gọi là đồng trung đạo, thật ra là giữ gìn thiên lệch chấp lấy chứng đắc, cho nên là cái bị không của phẩm phá trừ không. Biệt giáo giáo đạo chấp vào pháp môn chẳng phải hữu chẳng phải vô: Phật vì hàng Bồ-tát độn căn, phương tiện khéo léo mở bày bổn môn giảng nói trung đạo, như các thí dụ kia, người không được vừa ý với bốn môn nên trở thành tranh cãi, vì thế kinh Niết-bàn chép “Chân thiện diệu hữu, đại bát Niết-bàn không”. Phật tánh cũng là sắc, chẳng phải là sắc, chẳng phải sắc chẳng phải chẳng phải sắc, nếu đều chấp lấy một môn thì đối với Như lai có tâm tranh luận, không thấy trung đạo, chấp vào pháp môn này, vẫn cái không của phẩm không phá trừ. Bảo mới dịch chép: Bồ-tát Sơ địa muốn hành đạo hữu tướng, đó chính là ý của một môn”. Trong văn đều có nói về bốn môn, Đại kinh chép: “Trước đây ta đều gọi là người tà kiến”.

4. Phàm phu ngoại đạo chấp không:

Chẳng phải hữu chẳng phải vô phá không: Lại là cái chấp không của phàm phu ngoại đạo, chứng đắc về không của Nhị thừa, pháp môn về không của giáo đạo, rơi vào hai bên, cho nên bị Trung đạo chẳng phải hữu chẳng phải vô phá trừ. Tương tu là thấy không, chứng không, giáo đạo không, cần phải tu trung đạo chẳng phải hữu chẳng phải vô, thấy chẳng phải hữu chẳng phải vô, chứng chẳng phải hữu chẳng phải

vô. Tương tức là phá trừ cái không của hai bên, tức là trung đạo chẳng phải hữu chẳng phải vô. Trung đạo chẳng phải hữu chẳng phải vô tức là phá cái không hai bên, không hai không khác, Bát-nhã là một pháp, Phật nói các thứ gọi là không tức là chẳng phải hữu chẳng phải vô, những không dùng Phi hữu phi vô làm tên gọi, ấy là vì lược nói, do đó nói phẩm Không. Ý của phẩm này là phá trừ điều ác của phẩm Sám hối, phát sinh điều lành khen ngợi của phẩm, phẩm không dẫn dắt thành tựu sự diệt ác sinh thiện, cũng là dẫn dắt thành tựu các Dụng - Tông - Thể... Do đó Thích Luận chép: "Nếu vì chẳng có cái không này thì tất cả đều không cần làm" dẫn dắt thành tựu phẩm trên cho nên nói phẩm không. Lại nữa, quả Thường nói lên thể, diệt ác sinh thiện đều nói về không, người căn cơ bén nhạy đã hiểu, vì hàng căn cơ chậm chạp cho nên khởi tâm đại bi, tiếp tục nói về "năm ấm sinh pháp, bổn tánh vắng lặng" (Cuối quyển bốn - đầu quyển năm). Phẩm này có bài kệ bốn mươi lăm, chia làm hai đoạn: bốn bài rưỡi đầu tiên là sắp nói về không, bốn mươi bài rưỡi tiếp theo chính là nói về không.

5. Nói về kinh khác:

Vô lượng các kinh khác ấy chỉ cho rộng mà nói hẹp, cũng là nêu lược để hiển bày cái rộng lớn. Nếu nhằm vào Bát-nhã thì kinh này không thuộc về Phương đẳng, nếu không nhằm vào Bát-nhã thì các kinh không nói rộng về nghĩa của không, điều này thế nào? Đáp: Vì phần trước của các kinh người kiết tập phải thực hiện theo thứ lớp, nhưng phần sau đó đều xếp vào những trường hợp trước, tạm thời nêu ra một để so sánh nhiều, như kinh A-hàm chép: "Phật sắp Niết-bàn, Xá-lợi Phất không đành lòng nhìn thấy Phật diệt độ, nên nhập diệt trước Phật, cùng dẫn đầu mang y bát đi đến chỗ Đức Phật": Đây là sự cuối cùng, nhưng kiết tập trong A-hàm vào hai mươi năm trước, nên biết rằng phần sau A-hàm là đến Niết-bàn. Còn thứ lớp của Phương Đẳng là ở trước Pháp Hoa, nhưng nói "Đầu tiên tại Linh Sơn đã thọ ký cho hàng Thanh văn", há chẳng phải Phương Đẳng rồi đến Niết-bàn hay sao? Lại nữa, thứ lớp của Đại phẩm ở trước Pháp Hoa nhưng Thích Luận nói: "Tu Bồ-đề được thọ ký trong Pháp Hoa, mà các vị Bồ-tát là hoàn toàn chắc chắn hay là không hoàn toàn chắc chắn? "Nên biết rằng Bát-nhã cùng đến Niết-bàn. Căn cứ theo đây mà suy ra thì nói thứ lớp là phần trước, nêu ra lẫn nhau là phần sau.

6. Sự sắp xếp của người kiết tập:

Người kiết tập dùng phần sau để trình bày nghĩa lý, nếu quan điểm (khí loại) giống nhau thì kiết tập nhằm về phần trước, hoặc giả

không biết rõ mà nói sai thứ lớp thì thật ra cũng không trái ngược. Kinh này thuộc về phần sau của Phương Đẳng, nhằm vào Bát-nhã để nói rộng, đối với nghĩa không ngăn ngại. Về sơ lược giải thích thì Đức Phật có hai môn Lược và rộng lẽ ra chia thành bốn câu, hoặc danh nghĩa đều là quảng, như mười tám không - hai mươi không - hai mươi bốn không, hoặc gọi quảng mà nghĩa lược như pháp tánh, tướng thật, thật tế, như như, pháp giới... rất nhiều tên gọi, cùng chung tên gọi mà nghĩa chỉ một, hoặc danh lược nghĩa rộng, như danh từ sinh không, Pháp không mà nghĩa thì rộng lớn. Kể từ phàm phu hạ địa cho đến quả Phật cùng cực đều gọi là chúng sinh, Thích Luận chép: "chúng sinh vô thượng ấy là Phật". Từ năm ấm phàm phu cho đến cùng cực Phật địa, cũng gọi là sắc giải thoát, thọ tưởng hành thức giải thoát. Thích luận chép: "Pháp vô thượng ấy là Niết-bàn". Ở đây nói "Lược nói sinh không và pháp không", văn dưới chép: "Quán ngôi nhà năm ấm đều vắng lặng. Thiện Nữ nên quán sát, nơi nào có người và chúng sinh" chính là nghĩa ấy.

7. Căn cơ của chúng sanh:

Chúng sinh căn cơ chậm lụt ấy là khác nhau về cơ duyên, hoặc nói rộng thì được giác ngộ gọi là Lợi căn, hoặc nói lược thì giác ngộ gọi là độn căn. Nói như vậy tưởng chừng trái ngược. Thân tử vừa nghe liền ngộ, là lược, là lợi căn. Mục Liên nghe lại được ngộ, là rộng, là độn. Ý kinh này không nhắm vào bên ngộ để nói về lợi - độn mà chính là nhắm vào bên nghe giữ để nói về lợi - độn. Người bèn nhạy nghe rộng thì có thể nắm giữ, người chậm lụt nghe lược có thể giữ gìn, nay căn cơ chỉ có căn cơ được ngộ, không có căn cơ nắm giữ quảng, cho nên nói là không thể biết quảng. Vô lượng nghĩa không: Chân-đế của hàng Nhị thừa là nghĩa không có giới hạn (hữu lượng), trung đạo của hàng Bồ-tát là nghĩa không vô lượng; kinh này nói về Tướng thật pháp tánh, tức là nghĩa không vô lượng.

8. Nói về phương tiện:

Phương tiện nhiệm mầu khác lạ tức là Tất-đàn phương tiện, khéo léo thực hiện các thứ phân biệt như biện minh nhân quả dứt ác sinh thiện... trên. Khởi tâm đại bi một loại chúng sinh nặng về bệnh chấp có (hữu), cho nên đại bi cũng nặng. Nay ta giảng nói, giảng gọi là nói rộng, trái với lược, trước nói về sinh không và pháp không, đó gọi là lược, nay nói về hai nghĩa sinh và pháp nên nói là giảng. Biết ý chúng sinh: biết căn cơ này thích lược nên lược, đối với lược mà ngộ lược, cho nên nói rõ là biết rõ ý. Nay tôi giảng nói: giảng là nói rộng ra, trái ngược so với tóm lược, trước đây nói về sinh không, pháp không gọi là tóm lược, nay

luận về hai nghĩa của sinh và pháp cho nên nói là giảng phần sắp nói về không đã xong.

9. Nói về không:

Từ "Thân là luống dối" về sau bài kệ bốn mươi bài rưỡi là thứ hai chính thức nói về không, chia làm hai phần:

1. Từ "Thôn là luống dối..." trở xuống mười chín bài rưỡi nói về cảnh của sinh không, pháp không.

2. Từ "Thiện Nữ nên quán..."trở xuống là hai mươi bài rưỡi nói về quán sinh không, pháp không. Chẳng có cảnh thì quán sát không chính xác, chẳng quán sát thì cảnh không hiển bày, cần phải dẫn ra mười lần kiểm nghiệm cảnh trí trong chỉ quán để nói về không thể suy nghĩ bàn luận, văn dưới nói "Trí cảnh không thể suy nghĩ bàn luận, trí chiếu không thể suy nghĩ bàn luận". Bản dịch mới chép "Như như pháp, như như trí" tức là nghĩa ấy. Nói về cảnh không lại chia hai:

1. Từ "Thân là luống dối" trở xuống mười bảy bài rưỡi là nói về cảnh của thật pháp.

2. Từ "Nước lửa gió động bất tịnh chảy tràn" trở xuống hai bài là nói về cảnh giả tưởng. Thật pháp là quán năm ấn không có pháp, quán mười sáu tri không có người, quán không cho đến lý nên gọi là Thập pháp. Thân tuy chưa chết nhưng hư giả hôi thối nên nói là giả tưởng, cũng gọi là tuệ hành, hạnh hành. Duyên theo không đi thẳng vào gọi là Tuệ hành, dẫn dắt sự gồm tu gọi là Hạnh hành, cũng gọi là chánh đạo giúp đạo. Quán sát không thuận theo lý gọi là chánh đạo, bất tịnh phá tham gọi là giúp đạo. Tiểu thừa tu chánh đạo, dứt bỏ kiết sử gọi là người có Tuệ giải thoát, tu giúp đạo dứt trừ kiết sử gọi là người có Câu giải thoát.

10. Dẫn kinh Đại Phẩm chứng minh:

Đại phẩm nói về Bồ-tát phát tâm tương ưng với Tát-bà-nhã là tu chánh đạo, du hý thần thông làm thanh tịnh cõi nước Phật là tu giúp đạo; kinh Pháp Hoa gọi là xe lớn theo về, tức là ý này. Niết-bàn nói về chánh tuệ xa lìa. Xa lìa mười tướng, trụ trong đại Niết-bàn, lại quán sát tường tận xương trắngnói bàn về hai nghĩa này, nhưng có rộng lược lẫn nhau.

11. Nói về cảnh:

Kinh này tóm lược về ý của chánh đạo và giúp đạo. Cảnh của Thật pháp lại có hai: a. Từ "Thân này luống dối..." trở xuống mười bài rưỡi là dựa theo khổ quả để nói về cảnh; b. Từ "Từ các nhân duyên..." trở xuống là bảy bài kệ dựa vào tập nhân để nói về cảnh. Quán sát khổ,

tập này mà sinh khởi đạo - diệt, nếu thấy được bốn đế thì dứt được sinh tử, sinh hữu đã hết, không còn thọ sinh trong ba cõi... cảnh của khổ lại có ba: a. Từ “thân này luống dối” trở xuống hai câu là nói về cảnh của sinh không; b. Từ “xóm làng sáu nhập...” trở xuống bài kệ chín bài là nói về cảnh của pháp không; c. Từ “thân không, luống dối...” trở xuống một bài kệ là kết luận về cảnh của sinh không pháp không trước đây. Này luống dối là sinh không cảnh: Các ấm thành thân, cho rằng có nhân, ngã, chúng sinh, tuổi thọ, chấp thân sinh ra, nếu thể của sinh đó gọi là luống dối thì tìm cầu thân không thật có, chấp thân không sinh khởi, các tri kiến khác cũng vắng lặng, do đó dựa theo thân giả để làm cảnh của sinh không. Lại kiểm chứng lý do của thân này, vì một niệm vọng tưởng nương nhờ di thể của cha mẹ, giả danh mới bắt đầu, hai giọt tinh huyết này là sắc ấm, cảm giác khổ vui là thọ ấm, nghĩ đến sự khổ vui này là tưởng ấm, có đủ ba tánh là hành ấm, biết an trụ trong đó là thức ấm. Lại nữa, tinh huyết là Địa đại, sự ẩm ướt là Nước đại, hơi ấm là Lửa đại, khí mạng là Gió đại, hư không vây quanh bốn đại là Không chủng, tâm nương vào đây mà trụ là Thức chủng, đây là sự khởi đầu của Thật pháp. Quán sát thân và tên gọi này nương vào pháp luống dối. Nhóm Không : thân là sự chứa nhóm, như bong bóng trên mặt nước, vây quanh hư không mà khởi thì tên gọi bọt nước cũng sinh khởi, khởi lên liền có diệt đi thì tên gọi bọt nước cũng diệt, vô minh nghiệp lực nương gá vào cơ thể của cha mẹ thì bọt nước ấm liền phát khởi, bọt nước của ấm phát khởi thì tên gọi của thân sinh khởi, bọt nước diệt đi thì tên gọi của thân cũng diệt, cho nên nói là nhóm không. Từ “Xóm làng sáu nhập...” trở xuống là nói về cảnh của pháp không. Vì sao biết được? Vì văn này chỉ kiểm xét rõ về căn trần mà không nói về nhân ngã, do đó biết là cảnh của pháp không. Văn chia làm ba:

1. Một bài nói về sáu căn.
2. Ba bài nói về mười hai nhập.
3. Năm bài kệ nói về mười tám giới. Sáu nhập là sáu căn, có công năng sinh ra thức nên gọi là căn, nơi trần hướng đến gọi là Nhập, cũng là nơi hội nhập của thức nên gọi là sáu nhập. Kiếm chứng nguồn gốc ban đầu đó chỉ có ba điều, đó là mạng noãn thức, như váng sữa đông lại thành bơ, bảy ngày một lần thay đổi, đúng lúc gió thổi vào bắt đầu trở thành năm bào, thu nhận tịnh sắc của bốn đại, kết thành các căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, nếu các căn tồn tại thì sinh ra của Thức, đó là chia sắc thành năm, mà tâm chỉ là một. Thức nương vào căn mà trụ cho nên gọi là xóm làng, trần từ đây mà hội nhập cho nên nói là nơi bọn cướp

ở. Mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc, ý duyên đều có tác dụng riêng không thể xâm lạm nhau được, cho nên nói là không thể biết lẫn nhau.

12. Nói về mười hai nhập:

Từ "Nhãn căn thọ sắc..." trở xuống là nói về mười hai nhập, lại khai sắc thành mười, đồng thời một đi vào ít phần, chia tâm thành hai, thành ra mười hai nhập. Trần nhập vào căn, căn cũng nhập vào trần, cùng nhập vào trong nhau gọi chung là nhập, căn sinh ra thức gượng gọi riêng là Căn, trần có nghĩa là nhiễm ô, gượng gọi riêng là Trần, nên một căn một trần đi vào trong nhau, cho nên nói là các căn đều tự an trụ. Căn khác không nhập vào trần này, trần này không nhập vào căn khác, cho nên nói là không đi theo duyên khác. Từ "tâm như huyễn hóa..." trở xuống là nói về mười tám giới, lại khai tâm thành tám và sắc thành mười. Cõi là cách biệt không xâm lạm, đó gọi là cõi. Văn chia làm ba:

a) Từ "tâm như huyễn hóa..." trở xuống là nói về thức ở khắp trong các căn, giả sử làm cho tai mắt không đối với trần, tâm cũng theo duyên nghĩ niệm nên nói là rong ruổi, như người ngồi rong ruổi thiên hạ, vì ngu si cho nên không biết căn trần bị khống chế nguy hiểm, do đó bị bọn cướp làm hại như Đại kinh...

13. Thức thường ở căn:

b) Từ "tâm thường nương gá..." trở xuống là nói về thức thường ở nơi căn nên nói là sáu căn, Thức thường ở nơi trần nên nói là cảnh giới. Nếu cho rằng Thức không ở căn trần, thì sao vừa đối diện thì biết ngay? Vì biết được ngay nên nói là thường ở căn trần. Thích Luận chép: "Căn không mất tác dụng nên tâm muốn nghe liền có âm thanh, các duyên hòa hợp cho nên nghe, thấy được", tức là nghĩa này;

c) Từ "tâm ở trong sáu căn..." trở xuống là nói về thức ở nơi thoắt ra thoắt vào, như chim mắc lưới ra vào trong đó, mổ một bỏ một, hết một vòng rồi lại bắt đầu, không lúc nào dừng nghỉ. Thức ở lưới căn cũng giống như vậy. Hoặc ở nơi tai hay ở nơi mắt, đi rồi trở lại không nhất định, tuy không nhất định nhưng có thể nói là thường có một... Từ "thân là không, luống dối" trở xuống một bài là phần từ "tâm ở trong sáu căn...". Kết luận về cảnh của sinh không, pháp không trước đây. Thân là không, không thể nuôi lớn, kết luận về cảnh sinh không trước đây. Nuôi lớn là một trong mười sáu thứ, nuôi lớn đã là không thì mười lăm thứ còn lại cũng không, tức là kết thành cảnh của sinh không. Không có tranh tụng, cũng không chánh chủ đó là kết luận về cảnh của Thật pháp trước đây. Kinh Di giáo chép: "Năm căn này, tâm là chính". Đây

là nói về sự bắt đầu gá thai, tâm ở đầu các căn, gọi là chủ, thật ra tâm không thể khống chế được các căn, căn và đại trái ngược nhau làm cho tâm chịu sự phiền phức, lúc thân bị bệnh thì tâm cũng bệnh theo, lẽ nào có thể là chủ hay sao? Hoặc lúc luận về chủ lẫn nhau, như đất có bốn vi cho nên chậm chạp bị nước khống chế, nước chỉ có ba vi, bị lửa khống chế, lửa chỉ có hai vi, bị gió khống chế, gió có một vi bị Tâm khống chế, tâm chẳng có vi nào nên được làm chủ. Lại bị bốn đại làm cho phiền phức nên nghĩa chủ không thành tựu, vì thế nói là cũng không có chánh chủ. Không có tranh tụng: nếu chấp có bốn đại thì có sự trái nhau, như bốn con rắn lấn hiếp nhau, như bốn nước chiến tranh nhau, sẽ có sự tranh tụng. Ở đây quán bốn đại là không, vì bốn đại lại không nên không thể tùy tiện khống chế được, cho nên nói là không có tranh tụng. Đây là ý kết luận về Pháp không ở trước.

14. Dựa theo tập nhân để nói cảnh:

Từ "các nhân duyên hòa hợp mà có..." trở xuống là bảy bài kệ là dựa vào theo nhân để nói về cảnh, tức là Tập đế, văn chia làm ba đoạn:

1. Hai bài kệ nói về Tướng phát khởi của Tập.

2. Hai bài rưỡi nói về tướng tập chiếm đoạt.

3. Hai bài rưỡi nói về cảnh thiện ác của Tập. Ba thứ trước là Tuệ hành, một loại sau là Hạnh hành, ba thứ trước là cảnh chánh quán, một loại sau là cảnh giúp đạo quán, một loại trước từ vô minh sinh ra, một loại sau từ vô minh diệt đi. Nếu nói thẳng về sinh diệt thì không khác với Tiểu thừa, vô minh vốn không sinh mà sinh, không diệt mà diệt, sinh diệt không hai mà hai. Từ các nhân duyên: Khổ tập đều từ nhân duyên, muốn hiểu nghĩa của Tập, phải giải thích về nhân duyên của Tập. Ba câu trước là nhân duyên phát khởi của Giả danh, năm câu sau là nhân duyên phát khởi của Thật pháp, Tiểu thừa phá bốn đại đến hạt bụi nhỏ gần với hư không, từ cái trần, nhỏ nhiệm thì sẽ có các trần thô bẩn, dùng đó làm nhân duyên phát khởi của Giả thật.

15. Nói về nhân duyên:

Ở đây nói về cái thô bẩn có thể phân chia đến tận cùng, cái trần nhỏ nhiệm không còn, thô tế đều hết sạch thì lấy vật gì làm nhân duyên? Nói đến nhân duyên thì Vô minh nội hoặc làm nhân, không rõ sinh không pháp không cho nên nhiễm ái ở bên ngoài làm duyên, vì hễ đối diện với cảnh trần thì sinh đắm nhiễm nên vô minh càng thấm đượm, Tập nghiệp khơi dây, vì thế nói là từ các nhân duyên hòa hợp mà phát khởi. Vì nghiệp phát khởi cho nên có một niệm gá thai dẫn

đến quả khổ. Một niệm gá thai này do vô minh ái, tâm năng sinh đã là luống dối thì tâm sở sinh cũng là luống dối. Tâm sở sinh là luống dối thì mọi suy nghĩa về bổn mạt, năng sở đều luống dối, cho nên nói không có chắc thật. Vọng tưởng cho nên khởi lên năm câu nói về nhân duyên phát khởi của Thật pháp, do vọng tướng không hiểu rõ một niệm gá thai nên năm ấm được sinh khởi. Nghiệp lực cơ quan: nghiệp thiện ác là chủ cơ quan, sắc ấm là dụng cụ trong cơ quan, thọ tưởng hành ấm là động tác trong đó, đến đi, tiến lùi để tự vui chơi, thức ấm nương vào sáu nhập mà an trụ, nên nói là nhóm không.

16. Nói về thêm bớt:

Là cái được tạo ra do bốn đại nên nói là thành lập, tùy lúc thêm bớt mà tàn hại lẫn nhau, nói thêm bớt theo thời gian: như mười thời khác nhau của Niết-bàn, từ Ca-la-la thời gọi là thêm, lúc trẻ gọi là thạnh, lúc già gọi là bớt. Nói về thêm bớt không gian (hoành): Lửa thêm thì Nước bớt, Nước thêm thì Lửa bớt, gió, Địa cũng giống như vậy. Lại nữa, niệm niệm sinh diệt, sinh là thêm, diệt là bớt. Lại nữa các căn mới sinh ra cho nên thêm, các căn cũ diệt đi cho nên bớt. Còn văn dưới nói: “Tùy theo thời tiết mà tàn hại lẫn nhau, mùa Xuân thì gió, mùa Hạ thì lửa, mùa Thu thì đất, mùa Đông là nước, theo đó thêm bớt... giống như bốn con rắn lúc đầu tiên ở trong hộp nhỏ thì gọi là sinh, bốn con rắn sức lực ngang nhau gọi là tráng, cùng có lúc mạnh yếu gọi là điều thích, nghỉ ngơi rồi lại cắn nhau, rắn yếu đuối như lão, rắn không còn là tử. Thêm bớt như vậy, đây là quả thân. Như vậy là do tập nghiệp, bốn phần bình đẳng như Địa, nóng nảy như Lửa, ham muốn như Nước, si mê như Gió; bốn phần này trái ngược nhau.

17. Dẫn sách chứng minh:

Thụy Ứng nói: “Tham dục gây ra già, tức giận gây nên bệnh, ngu si dẫn đến chết”. Ví dụ rằng: “Bốn phần dẫn đến sinh, tập nghiệp cắn xé nhau khiến cho bốn đại tăng thêm hay giảm bớt...” Cùng ở trong một cái hộp: Đây là nói về nơi chốn thì đồng mà tánh khác nhau, rắn có nọc độc, bốn đại có tám mươi bốn ngàn phiền não làm hại cho nên nghĩa đồng như rắn. Đại kinh cho giả thân như cái hộp, thân giữ gìn bốn đại giống như cái hộp chứa rắn, cái hộp rách nát thì rắn bỏ đi, thân diệt thì đại không còn. Như chim ở trong lồng... lại cho nghiệp lực là cái hộp, nghiệp giữ gìn bốn đại, nghiệp đi rồi thì đại tan rã, như chim trong lồng thường muốn thoát ra, chim trong tâm cũng vậy, không hề một niệm gắn bó đối với lồng của thân, thường rong ruổi theo bên ngoài. Đây là niệm niệm tìm cái chết, chẳng phải là con đường an thân. Tánh chất mỗi

thứ đều khác nhau: Hai thứ bay lên là dương, hai thứ chìm xuống là âm, vì sao trái ngược nhau? Vì các tánh đó sai khác, tánh sai khác thì làm sao hòa hợp thành thân? Các phương cũng hai; bốn đại bốn phương, gió phương Đông, lửa Nam, đất phương Tây, nước phương Bắc, lại đối với bốn thời, Gió mùa Xuân, lửa mùa Hạ, đất Thu, nước mùa Đông, Đông và Nam thuộc về dương nên bốc lên, Tây và Bắc thuộc về âm nên chìm xuống, cho nên nói hai lên hai xuống, các phương cũng hai.

18. Các pháp trong không gian tác động lẫn nhau:

Nếu nói về tương đối thì Đông thượng, Tây trầm, Nam thăng, Bắc giáng, nếu nói về bốn duy thì phương Đông có hai duy, một duy là dương ở trên, một duy là âm ở dưới, ba phương còn lại cũng giống như vậy. Hoặc nói trong một căn có đủ bốn đại, hai ở trên, hai ở dưới... đều diệt hết không còn, là đầu tiên thấy tan diệt, nghĩa là nói Gió và Lửa hướng lên trên, Địa và Nước hướng hướng dưới, đến đây thì trên tìm không được Gió và Lửa, dưới kiếm không thấy Nước và đất, cho nên nói là tất cả diệt hết không còn. Quả khổ lên xuống rất khác nhau, bởi vì tập nghiệp thiện ác khác nhau như trời vực... hai tánh tâm, thức lăng xăng không dừng. Thích Luận chép: "Tâm, ý, thức là một pháp mà khác tên, đối số gọi là tâm, năng sinh gọi là ý, phân biệt gọi là thức". Lại nói có khác, phát khởi trước tiên là tâm, kế khởi là ý, sau biết rõ là thức, chẳng hạn như ý và thức không phải là một, nếu là hai: Tâm có tánh thiện ác khác nhau, ý và thức cũng có tánh thiện ác khác nhau, cho nên nói là hai tánh. Lăng xăng: lúc tâm phát khởi trước tiên cũng cùng một lượt với số, ý thức phát khởi sau cũng cùng một lượt với số, nên nói là lăng xăng. Lại như lúc bốn đại tan rã, nghiệp thiện ác tranh nhau dắt dẫn không biết theo ai, cho nên nói là lăng xăng. Nhưng nghiệp này chưa đi mà tâm thường giác quán, huống chi lại bị dắt dẫn, làm sao không lăng xăng. Có sự dẫn dắt chín muồi. Dẫn dắt chín muồi và dẫn dắt gượng ép đó là người tuy gây ra điều ác, nhưng lúc qua đời tâm lành bùng phát mạnh mẽ, liền theo tâm lành bay lên. Dẫn dắt chín muồi và dẫn dắt gượng ép càng hiển rõ sự lăng xăng, cũng là theo nghiệp đã gây ra mà đọa.

19. Khổ nghiệp lìa khỏi thân:

Các hữu... Từ: Khi nước lửa gió động, tan rã hoại diệt..." trở xuống hai bài là nói về nghiệp lìa khỏi thân khổ. Khí mạng hết thì gió bay đi nên nói là Tán, hơi ấm không còn là lửa ra đi nên nói là Diệt, nước cạn kiệt thì thân rửa nát nên nói là Hoại. Chất đại tiểu tiện bất tịnh chảy tràn ra ngoài, địa tán diệt là xương thịt rời rã cho nên nói như cây mục

nát. Đại tiểu bất tịnh: Thân là đại, tay chân là tiểu, phần chân là đại, phần tay là tiểu, tay là đại, ngón tay là tiểu, như thế lần lượt đến hành đến tiểu, tất cả điều ô uế bất tịnh chảy tràn ra, đó không gọi là giúp đạo. Nếu chánh quán hàng phục phiền não, phiền não không hàng phục thì nên tu bất tịnh để giúp bác bỏ tâm tham dục. Thích Luận chép: "Ba giải thoát là cửa vào Niết-bàn, đạo phẩm là cách mở cửa, chín ý tưởng về bất tịnh đều là cách phụ giúp để mở cửa. Bất tịnh là cách phá trừ cửa đầu tiên của tham dục, nếu tiến lên tu tập bội xả và đại bất tịnh thì thân mình hay thân người, một thân hay nhiều thân, một đất nước hay nhiều đất nước, rừng núi đất đá, tất cả y chánh đều là bất tịnh. Tức là cho dù không như vậy, nhưng nếu năng lực tưởng tượng thành tựu thì tâm kinh sợ sanh khởi, có khả năng giúp đạo rộng lớn khai phát chánh huệ". Đại kinh nói: "Pháp quán bất tịnh vừa thật vừa hư, vì có công năng dứt bỏ phiền não nên gọi là thật, tịnh nói là bất tịnh nên là hư". Quán bất tịnh này cũng đầy đủ sinh không và pháp không. Đại kinh chép: "Quán sát tường tận xương trắng, mỗi chi tiết có gì là ngã, tám sắc lưu quang cũng là vô ngã, ngã không thật có tức là sinh không, người luyện cốt tám màu chẳng thấy bốn đại không có thật, tức là pháp không".

20. Quán sinh không pháp không:

Đây là y theo giúp đạo, nói về sinh - pháp, cuối cùng thành chánh đạo. Từ "Thiện Nữ nên quán..." trở xuống hai mươi mốt bài rưỡi là phần thứ hai, nói về quán sinh không, pháp không, văn chia làm hai:

1) Tám hành rưỡi đầu tiên nói về tu quán sinh không, pháp không.

2) Mười hai bài rưỡi kế là nói về quả thành tựu, phát khởi dụng.

- Trong tu nhân lại có hai:

Ba bài rưỡi đầu dựa vào khổ tập để nói về quán sinh không, pháp không.

Tiếp theo từ "thể tướng vô minh..." trở xuống năm hàng là dựa vào mười hai nhân duyên để nói về quán sinh không, pháp không. Dựa vào khổ tập lại chia hai: đầu từ "Thiện Nữ..." trở xuống một bài rưỡi nói về chúng sinh không; tiếp theo theo từ "các đại như thế..." trở xuống một bài, nói về pháp không. Hỏi: Bốn đế - mười hai nhân duyên đều là cảnh quán của ba thừa, giống như con đường rộng lớn thì người sang, kẻ hèn cùng đi trên đó, không thể nào vì đám người nhỏ đi lại mà xếp con đường đó dành riêng cho hạng thứ dân. Ý chung là như thế nào?

21. Dẫn kinh Niết-bàn chứng minh:

Kinh Niết-bàn chép: "Xưa ta và các thầy không nhận biết bốn

Chân-đế...” Lại nói: “phàm phu có khổ mà không đế, Thanh văn có khổ, có khổ đế, Bồ-tát lìa khổ không còn khổ mà có Chân-đế, các Đức Phật, Như lai có chân có thật”. Vì sao? Vì hàng Nhị thừa quán bốn đế hữu lượng. Bồ-tát quán bốn đế hữu lượng vô lượng. Đại kinh nói: “Mười hai nhân duyên gồm có bốn thứ, hạng hạ trí quán cho nên đạt quả Thanh văn, hạng trung trí quán cho nên đạt quả Bích chi Phật, hàng thượng trí quán cho nên đạt đến quả Bồ-tát, bậc thượng thượng trí quán cho nên đạt đến quả Phật Bồ-đề”.

22. Dẫn kinh Đại phẩm:

Lại có ý khác kinh Đại Phẩm chép: “Mười hai nhân duyên là pháp riêng của Bồ-tát. Như xưa kia, Đức Phật làm cho đồng, tuy thực hành các hạnh chẳng phải Ba-la-mật nhưng thấy Phật Nhiên Đăng mà đạt được Vô sinh pháp nhẫn cho nên Phật liền thọ ký cho”. Nên biết đâu phải Bồ-tát không quán sát bốn đế và mười hai nhân duyên. Ba thừa tuy là cùng quán, nhưng cách quán có khác nhau. Hàng Thanh văn quán sát các quả, quán tất cả thành một Khổ đế, quán sát các phiền não và nghiệp, quán tất cả thành một Tập đế. Lại nữa, khổ và tập đều là hiện tại, cho nên gọi là tổng tướng quán. Hàng Duyên Giác quán sát khổ làm bảy, hiện tại có năm và vị lai có hai, quán sát Tập là năm, quá khứ có hai và hiện tại có ba, quán sát ba đời riêng biệt và chia ra khổ tập khác nhau, nên gọi là Duyên giác biệt tướng quán. Tuy có chung riêng khác nhau, nhưng đều là tự mình điều phục, tự mình hóa độ, cùng là chia chẻ quán sát sinh không, pháp không mà thôi. So với Bồ-tát có khác nhau, Bồ-tát vì chúng sinh mà tu bốn đăng sáu độ, quán sát bốn đế và mười hai nhân duyên, thực hành sinh không pháp không.

23. Nêu thí dụ làm sáng tỏ:

Ở đây có nêu thí dụ, như nắm chặt năm ngón tay thành nắm tay, nếu một ngón là một nắm tay thì lẽ ra có năm đấm tay, nếu một ngón không có nắm tay, thì năm ngón tay làm sao có được nắm tay. Ngã, nhân cũng giống như vậy, gom góp năm ấm thành chúng sinh, một ấm mà có chúng sinh thì sẽ có năm chúng sinh, một ấm không có chúng sinh thì cho dù năm ấm cũng không có chúng sinh, ngay nơi ấm tìm chúng sinh không thật có, lìa ấm cầu chúng sinh cũng không thể được. Tuy tìm nắm tay không được nắm tay nhưng không ngại có ngón tay bằng da thịt, tuy tìm con người không đạt được con người nhưng chẳng ngại gì khi có pháp năm ấm.

24. Hai thừa được sinh không chưa được pháp không:

Lúc hàng Nhị thừa đạt được sinh không, chưa thể biết được pháp

không, thì cần phải phân tích da thịt xương tủy của ngón tay ra từng phần, suy tìm cũng không thể có ngón tay thật mới biết rằng không có ngón tay, cầu tím pháp không đạt được pháp mới biết là pháp luống dối. Đã không đạt được cảnh sinh không, pháp không, cũng không đạt được trí của sinh không, pháp không, Quán chung của Bồ-tát cũng vậy, đó là tướng chia chẻ sinh không, pháp không của Bồ-tát và Nhị thừa, như vậy chỉ có sự khác nhau giữa Tự hành và Vị tha... Nếu nói về Biệt Bồ-tát thể không, thì khác hẳn với điều đó, như nhìn thấy nắm tay trong gương, thể của nó đã không thì nhọc công tìm kiếm, làm gì, nắm tay trong gương đã luống dối thì ngón tay trong gương cũng chẳng phải chân thật, nắm tay và ngón tay trong gương đã là luống dối thì nắm tay và ngón tay bên ngoài gương cũng chẳng phải chân thật, chúng sinh cũng giống như vậy, chỉ có tên gọi là chúng sinh, tên gọi này xưa nay tự nó đã là không, chẳng sau khi tìm kiếm mới là không.

25. Dẫn kinh Đại phẩm:

Danh đã là giả danh thì pháp cũng là hư pháp, Thể của Danh tức là Thể của pháp, như Đại phẩm chép: “Tánh của ngã như tánh của sắc, tánh của sắc như tánh của ngã, sinh và pháp ở đời này do vô minh hành, năm quả đã luống dối thì hai nhân đâu phải chân thật?” Văn dưới nói: “Bổn tánh vắng lặng do vô minh mà có, vô minh đã vắng lặng, từ vô minh mà sinh thì lẽ nào không vắng lặng do vô minh mà có, vô minh đã vắng lặng, từ vô minh mà sinh thì lẽ nào không vắng lặng?” Tuy không đạt được cảnh của sinh không, pháp không nhưng lại thấu suốt rõ ràng hai cảnh, không bị cảnh làm cho ô nhiễm. Tuy không đạt được trí của sinh không, pháp không, nhưng có thể thấu suốt rõ ràng trí của hai không, chẳng cần trí làm cho thanh tịnh. Chẳng phải nhiễm, chẳng phải tịnh, cả hai đều mất, chính là đi vào trung đạo nghĩa đế bậc nhất, nhưng có thể cùng soi chiếu hai đế, ba đế sáng ngời, chẳng phải trước, chẳng phải sau, trong một lúc giác ngộ tất cả, tương ưng với pháp tánh sâu xa này đã đạt được đầy đủ kho báu Kim cương, đó là Bồ-tát quán thể của sinh không, pháp không.

26. Cái không của các Sư Tiểu thừa:

Các sư Tiểu thừa tuy nói chia chẻ không nhưng nghĩa lý đồng với ngoại đạo, tại sao chia chẻ sắc tận cùng đến gần hư không, hoặc còn lại trần không phá, hoặc bác bỏ trần cho hết sạch sẽ. Nếu còn lại không phá thì chỉ là Chấp thường, nếu bác bỏ trần hết sạch thì chỉ là Chấp đoạn, Đoạn - Thường rõ ràng như vậy chẳng phải tà kiến thì là gì? Các sư Đại Thừa tuy nói Thể không mà đồng với lý lẽ Tiểu thừa.

Vì sao? Vì chỉ dùng thể Tuệ, không thể nhất niệm tâm không mà “du hý thần thông tịnh cõi nước Phật giải thích đầy đủ về tri kiến Phật, làm sao có thể trong một tâm ba trí có đủ được năm thứ mắt mà thành tựu Bồ-đề? Dường như hàng Tiểu thừa hoại pháp không có ba minh sáu thông nguyện trí đảnh... mà chỉ là hàng Tuệ giải thoát mà thôi, chẳng phải Tiểu thừa thì là gì? Cốt lõi của kinh này sâu rộng cùng cực, phẩm Tựa chép: “Dạo chơi trong pháp tánh sâu xa vô lượng”, phẩm Không nói: “Cầu tìm pháp thân chân thật của Như lai”, phẩm Xả thân chép: “Cầu nơi Niết-bàn vô thượng vắng lặng, đâu thể đồng với tà kiến của người thế gian.

27. Nói về quán Sinh không:

Đâu thể đồng với sự chia chẻ của Tiểu thừa, đâu thể đồng với thể giải nghĩa không này của các sư Đại thừa? Từ “Thiện Nữ nên quán...” trở xuống một bài rưỡi là nói về quán Sinh không: một câu đầu là đối cáo khuyến phát; một câu kế là chỉ rõ cảnh trước đã nói: bốn câu chính là thực hành. Thiện Nữ là thần cây Bồ-đề. Các Đức Phật nói pháp chắc chắn có đối cơ tán dương, nhờ vào một người để chỉ dạy cho nhiều người nên nói với người đó. Vả lại, cơ duyên của chúng lúc này thích hợp với Thiện Nữ nếu nghe nói với đối cơ (đối cáo) thì điều lành đời trước được phát sinh. Lại, Nam Thiên biểu thị cho phương tiện, Nữ Thiên biểu thị cho trí độ, muốn nói trí độ để phá trừ ngu si mê đắm, cho nên nói với đối cơ là thần cây. Đây là biểu thị cho bốn đàn, vì nói với đối cơ chẳng phải không có nhân duyên. Nên quán nghĩa là khuyến khích một người để dẫn dắt nhiều người, tất cả Bồ-tát chắc chắn phải tu tập trí độ, không có Bồ-tát nào không căn cứ vào điều này, vì thế nói là nên quán. Các pháp là chỉ cho bốn đế, mười hai nhân duyên, cảnh của hai không, hoặc là giả, hoặc là thật trước đây. Danh mục tuy tóm lược nhưng thâu nhiếp các pháp thì cùng khắp cho nên nói là các pháp.

28. Nói về Như thị:

Như thị chính là nói về quán chung. Như thị có ba nghĩa, đó là như sự, như lý, như phi sự phi lý. Như sự, như là giúp đạo, giả tưởng bất tịnh chảy tràn như lý, như là sinh không pháp không vô pháp, như phi sự phi lý, như là pháp tánh pháp thân. Lại nữa, sự tức là như lý như phi sự phi lý, phi sự phi lý cũng tức là như lý, cũng tức là như sự, lý tức như sự, cũng tức như phi sự phi lý, ba pháp không phải một khác nên nói là Như thị, ba pháp vừa một vừa khác nên nói là các pháp. Nơi nào có người là chỉ ra lý quán. Nơi nào: Nếu sắc xứ có người thì không cần đến bốn ấm kia, nếu sắc xứ không có người thì bốn xứ kia cũng không người, năm

xứ đều không có người nên nói là nơi nào có người. Lại nữa, nơi quả đã không có người, không có vô minh, hành thì nơi nhân cũng không có người, nhân quả hợp cũng không có người, lìa nhân lìa quả cũng không có người, nên nói là nơi nào có người. Người đã không có thì mười sáu tri kiến của chúng sinh đều không có, nên nói và chúng sinh. Bổn tánh vắng lặng là gợi ý nêu ra pháp quán phi sự phi lý. Bổn tánh vô sự cũng lại vô không, không bổn không sự, đã là vô sự thì không chỗ nào là không? Không có sự cho nên sự vắng lặng, không có không cho nên vắng lặng. Bổn tánh như vậy, chẳng nay mới bắt đầu, cho nên nói là bổn tánh vắng lặng vì vô minh cho nên có chỉ ra sự quán. Nếu cái không đó lại là không thì sự này làm sao có, đã có sự tức là có không, đã có không tức là có phi sự phi lý. Ba thứ này đều do vô minh mà có, vì có vô minh si cho nên có hành, có hành tức là có sinh và pháp, đã có sinh và pháp tức là có quán giúp sự, trợ giúp là giúp chánh tức là có quán về lý không, chánh giúp hiển bày bổn, tức là có quán phi sự phi lý, sự này không biết gọi là vô minh.

29. Dẫn kinh Tịnh danh:

Kinh Tịnh Danh chép: "Từ si có ái thì Ngã sinh bệnh, bệnh sinh cho nên có thuốc trị", tức là nghĩa này. Nếu biết bổn tánh của vô minh là vắng lặng, thì vô minh còn không có, luống gì là có sự lý, phi sự phi lý? Hoàn toàn thanh tịnh cho nên gọi là không Tuệ, nhưng chấp ngã sâu nặng làm chướng ngại rất lớn cho giác đạo, việc làm của phàm phu thường có đầy đủ Ngã, Ngã đi, Ngã đứng, nằm ngồi nói năng không hề lìa xa Ngã, Ngã thực hành bố thí giữ giới cho đến Ngã thực hành trí tuệ. Nếu nhận lấy di thể của người khác mà cho rằng là Ngã thì Ngã này nhạt nhẽo đần độn, nếu chấp pháp trần mà cho là Ngã thì Ngã này tinh tế sắc bén; nếu chấp vào một pháp, cho rằng Ngã biết, Ngã hiểu, đối với pháp khởi lên Ngã. Tùy theo đó chấp một câu là thật, những câu khác đều là nói dối, tức là chấp một bên. Chẳng phải đạo mà cho là đạo tức là Giới thủ. Chẳng phải lý mà cho là lý tức là Kiến thủ. Không thích đáng cho là thích đáng tức là Tà kiến. Tự cho là đúng mà lấn hiếp người khác tức là Mạn. Bài bác tức là sân, đề cao tức là Ái, bác bỏ tức là Nghi - không hiểu tức là si. Mười sử phiền não lấy Ngã làm cội gốc, không tự mình hiểu biết mà đêm ngày Ngã càng thêm lớn, dù cho thế trí biện thông như Trường Trảo, Điệp Phúc, gặp đá đá vỡ, gặp cây cây gãy, gặp nước nước cạn, gặp lửa lửa tắt, nhưng cách đạo càng xa. Dù cho thuận theo thiền Phạm, đời cuối cùng đạt đến cõi Phi Tưởng, Ngã tâm vẫn còn nên sẽ phát sinh trở lại.

30. Nói về ngã:

Lại như phàm phu này còn chưa có noãn pháp làm sao có thể phá trừ Ngã? Nói rộng về Ngã này tức là hai mươi thứ chấp thân, đó là ngay nơi ấm chấp năm thứ, lìa ấm chấp năm thứ, trong Ngã có năm ấm, trong ấm có năm Ngã, đó là hai mươi thứ. Nếu một ấm là Ngã thì các ấm khác không có tác dụng, nếu đều là Ngã tức là có năm Ngã, như vậy nghĩa này không đúng. Nếu lìa ấm mà có Ngã thì lìa ấm, ngã là Ngã của ai? Như đồ vật chứa đựng hoa quả, như nhà cửa bảo vệ con người; nghĩa này không đúng. Nếu trong Ngã có ấm thì ấm ở trong Ngã, nghĩa này không đúng. Đây là phá trừ hai mươi lăm thứ chấp thân. Ở đây dựa theo ngoại cảnh để nói như vậy, nhưng ở nội tâm vẫn chấp có Ngã. Sau đó nên quán trở lại, ngay nơi trí có ngã, lìa trí có Ngã, trong Ngã có trí - trong trí có ngã, các nghĩa này đều không đúng. Sau khi phá trừ hai mươi thứ chấp thân, trong ngoài kết hợp lại thì thành bốn mươi thứ chấp thân, đó gọi là sinh không.

31. Dẫn các luận:

Tỳ-đàm chép: "Chấp ngã là cùng chung một nhân, lúc chấp ngã phát khởi thì thân, miệng chưa động chuyển, do chấp ngã sau đó sinh ra suy nghĩ thì thân miệng mới động chuyển, dứt bỏ chấp ngã rồi thì ngộ chúng sinh là không. "Thành luận cho rằng: "Tâm chấp ngã liền tư duy, làm động chuyển thân miệng, dứt bỏ chấp ngã rồi liền giác ngộ chúng sinh là không, cũng ngộ pháp là không". Đại thừa cho rằng "chấp Ngã tức là có các pháp, nhưng không có tư duy, ngộ chúng sinh là không tức ngộ thật pháp là không".

32. Nơi nào có người là gì?

Một khi phá trừ hai mươi thứ chấp thân thì cả ba câu trên đều có thể sử dụng. Nếu ngay nơi sự là lý thì nơi nào có người, ngay nơi ấm lìa ấm, trong ấm không người, trong người không ấm, hai mươi thứ kiến chấp bị dứt bỏ, cho nên nói "nơi nào có người". Trí năng quán trí chính là người, lìa trí có người, trong người có trí, trong trí có người, suy nghĩ này cũng bác bỏ, cho nên nói "nơi nào có người". Nếu thực hành quán sát phi sự phi lý, bổn tánh vắng lặng thì bổn tánh vắng lặng vốn không, ngay nơi ấm mà lìa ấm, ấm - người, người - ấm đã không có, vì chấp như vậy bị phá cho nên nói là "nơi nào có người". Bổn tánh của trí năng quán cũng vắng lặng, cho nên nói "nơi nào có người". Nếu lúc thực hành quán giúp đạo bất tịnh, hoặc quán sát ác tâm thủ cảnh, thì tức là năm ấm bị ô uế; hoặc thiện tâm hổ thẹn, tức là phương tiện che giấu năm ấm, cái thấy này đều nương vào sắc, sắc tức là bất tịnh, vì bất tịnh

cho nên vô nhân, vô ngã, do đó nói là “nơi nào có người”. Quán sát trí năng quán cũng giống như thế, cho nên nói là “nơi nào có người”. Nếu ngộ được để luận phá hai mươi thứ chấp thân, là đạt được chúng sinh không, không còn kiến hoặc. Thực hành hai mươi thứ quán ấy là dứt bỏ, thật hoặc, nếu thật hoặc dứt bỏ tức là vào tu đạo, tức nên nói rằng “nơi nào có pháp”. Nếu chưa ngộ mà nói thì tuy thực hành hai mươi thứ quán, nhưng kiến hoặc chưa dứt bỏ thì trên giả danh tiếp tục bị Ái khuất phục, đi vào thật pháp chấp là Ngã. Vì thế kinh Pháp Hoa nói: “Chúng sinh đắm trước khắp nơi, bỏ một lấy một, như con sâu gập mình nhích bước, cần phải tiến tới thật pháp, tiếp tục thực hành hai mươi thứ quán, khiến cho không tuệ sáng tỏ khắp nơi thực hành không lỗi.

33. Nói về pháp quán pháp thật:

Từ “các đại như thế...” trở xuống hai bài nói về pháp quán thật pháp. Sinh không trên đây có thể hiểu rõ tức là hiểu rõ đối với pháp, vì chưa hiểu rõ điều đó nên tiếp tục nói. Văn cũng chia làm: hai câu đầu là ngay nơi pháp là không, một bài một câu kế là ngay nơi pháp bổn tánh chẳng phải không chẳng phải giả, tiếp theo hai câu tức là ngay nơi pháp là Giả chẳng hạn như ba ý của sinh không. Các đại như thế là nêu ra pháp bốn đại. Mỗi pháp đều bất thật: chính là nói về không quán. Như bốn đại mỗi đại đều giữ tánh của nó: tức là đất giữ lấy tánh vững chắc, không thể chuyển động, không thể nóng lên, nước giữ lấy tánh ướt, không thể đông cứng không thể nổi sóng, Lửa giữ lấy tánh nóng ấm, không thể lay động không thể có lửa ngọn, gió giữ lấy tánh chuyển động, không thể giữ gìn không thể tiếp xúc, gặp tường vách nên dừng lại. Một đại đã có ba tánh, chẳng phải đều vững chắc, chẳng phải đều ướt, chẳng phải đều nóng ấm, chẳng phải đều chuyển động, vì mất đi bổn tánh tức là không thật, không thật cho nên là không, kinh Thỉnh Quán Âm nói: “Đất không có tánh vững chắc, tánh của nước không an trụ, Lửa trừ duyên sinh ra, tánh của gió không chướng ngại, mỗi đại đều hòa nhập vào địa vị như thật, tức là nghĩa ấy. Xem xét sinh không ở trên nên nói là “nơi nào có người”.

34. Nói về pháp không:

Nay xét về pháp không, cho nên nói “mỗi pháp đều không thật”. Không chân thật tức là không. Bổn tánh bất sinh tức là bổn tánh của pháp không sinh không diệt, quán chẳng phải không, chẳng phải giả. Thể của nó bắt đầu từ không sinh ra, khoảng giữ không hòa hợp - cuối cùng cũng bất không. Ban đầu không có bốn đại, bốn đại từ đâu sinh ra? Ban đầu không sinh ra, khoảng giữa sao hòa hợp được? Bổn đại đã

không hòa hợp, lẽ nào năm ấm làm hòa hợp? Đại và ấm đã không hòa hợp, làm sao đạt được pháp không? Vốn tự không sinh không diệt chẳng phải là quán trí khiến cho nó không sinh không diệt, ngay nơi sự là lý là nghĩa này. Do nhân duyên ấy là quán sát hiểu rõ nhân duyên, Quán sát nhằm hợp với lý, thấu suốt Tức không - Tức giả - tức trung.

35. Dẫn Đại kinh chứng minh:

Đại kinh nói: "Cũng có nhân duyên, vì dứt trừ vô minh thì sẽ thắp sáng ngọn đèn Tam-miệu Bồ-đề" tức là nghĩa của nhân duyên. Hòa hợp mà có: ngay nơi pháp là giả, bổn thể đã không thật, sao có được đại - ấm? Đại - ấm này là nghiệp nhân của vô minh, gá vào quả di thể ở đời này, cho nên có bốn đại năm ấm, tức là nhân quả mê hoặc hòa hợp mà có. Pháp này có cho nên thể có - cũng chẳng phải có, chẳng phải chẳng có, tức là không, tức là giả, tức chẳng phải không, chẳng phải giả. Văn nói về ba quán ở kinh này, chẳng lẽ không tin? Lại vì hạng độn căn có sự nghi ngờ đối với thật pháp, hoặc cho rằng bốn đại, năm ấm là có - là không, là vừa có vừa không, là chẳng phải có chẳng phải không. Bốn chấp đã phát sinh - sinh gọi là có, là thấy y theo nơi sắc, y theo nơi sắc khơi dậy ngã, ngã phát sinh năm lợi sử, là pháp nhuế nộ, lại khởi lên năm độn sử. Mười sử này là tập, mới dẫn đến khổ về sau, đời sau không rõ, xoay vần nối nhau không hề cùng tận, biển cả sinh tử nổi sóng, đời đời kiếp kiếp thường bị đại ấm làm cho mê hoặc. mê hoặc sắc pháp này tức là sắc ấm, vui buồn là thọ ấm, chấptướng là tưởng ấm, khởi lên thiện ác là hành ấm, phân biệt là thức ấm, ấm tâm phát khởi nên gọi là hữu pháp, chẳng phải pháp không. Tâm chẳng nương vào sắc, cũng lại không nương vào thọ, tưởng, hành, thức, vắng lặng diệt hết các điều ác, dứt bỏ vô lượng lỗi lầm, người tuyệt vời tôn quý như vậy thì thấy được Bát-nhã, cũng là pháp tánh sâu xa, trong Kim Quang Minh thấy được Đức Phật Thích-ca Mâu Ni. Hành nhân nếu có thể quán sinh không, pháp không như vậy, tức là phá đổ tường vách hướng về nguồn cội, trong một đời hai đời có thể có những việc làm bảo đảm không cô phụ công lao.

36. Nói về pháp quán mười hai nhân duyên:

Từ "Thể vô minh tướng..." trở xuống năm hàng nói về pháp quán mười hai quán mười hai nhân duyên sinh không pháp không, văn chia làm hai: Ba bài đầu nêu ra tướng của cảnh, hai bài sau nêu ra tướng quán cảnh. Cảnh lại có hai: hai bài đầu trước tiên nói về cảnh của sinh không, cho nên văn nói "gọi là vô minh", Thích Luận nói không, một bài sau nêu ra cảnh của pháp không, văn nói "già chết sầu não", Thích

Luận nói "là già chết", do đó biết là cảnh của pháp không. Nhưng mười hai nhân duyên trong kinh luận không giống nhau, hoặc là ba đời, hoặc là quả báo, hoặc là một niệm, hoặc là mười loại. Ba đời là hai nhân quá khứ bác bỏ kiến chấp thần thức là thường, năm quả hiện tại bác bỏ kiến chấp phá thần thức là ngã, ba nhân hiện tại và hai quả vị lai bác bỏ kiến chấp thần thức là đoạn diệt, đây là cách sử dụng thông thường. Quả báo ấy là lúc đầu tiên Ca-la-la gá thai vì vô minh, trước sau một hạn kỳ, luận mười hai chi.

37. Nói về Nhất niệm:

Nhất niệm, trong kinh Hoa Nghiêm chép: "mười hai nhân duyên ở trong một niệm tâm", kinh Đại tập chép: "mười hai nhân duyên, mỗi người một niệm, thảy đều đầy đủ, như mắt thấy sắc, không hiểu rõ gọi là Vô minh, sinh ra yêu ghét gọi là hành, tâm ý trong này gọi là Thức, Sắc và Thức hành gọi là Danh sắc, sáu căn phát sinh tham đắm gọi là sáu nhập. Cắc và mắt đối diện nhau gọi là xúc, lãnh nạp gọi là Thọ, triền miên đối với sắc gọi là Ái, tưởng sắc tướng gọi là Thủ, khởi tâm nghĩ về sắc gọi là Hữu, tâm sinh gọi là Sinh, tâm diệt gọi là chết, cho đến ý tư duy và pháp cũng giống như vậy. Một ngày một đêm tất cả biết bao nhiêu mười hai nhân duyên lần lượt bao trùm để tự ràng buộc. Nay lại nói về tướng của nhân phát khởi. Nếu quán danh sắc do tu hành, hành do Vô minh, không hiểu rõ vô minh, hoặc cho là có, cho là không, vừa có, vừa không, chẳng phải có chẳng phải không.

38. Giữ lấy bốn câu:

Giữ lấy bốn câu ấy đều là vô minh, sự thật này là hành, tâm ý trong đây gọi là thức, thức cùng sắc hành gọi là Danh sắc, mỗi mỗi đều như trước nói. Lại quán một niệm gá thai là Danh sắc, năm bộ phân bắt đầu phát triển gọi là sáu nhập. Sáu nhập đối với Trần gọi là xúc, lãnh nạp gọi là Thọ. Đối với thọ này chia ra bốn trường hợp, hoặc Thọ có Thọ không Thọ, vừa có vừa không Thọ, chẳng phải có chẳng phải không Thọ. Như mắt thọ nhận Sắc, đối với Sắc không hiểu rõ là Vô minh, tâm yêu ghét gọi là Hành, Thức và sắc hành gọi là Danh sắc, sáu căn phát sinh tham đắm gọi là sáu nhập, còn lại như trên đã nói. Cho đến ý suy nghĩ về pháp không hiểu rõ là Vô minh, tâm yêu ghét là các Hành, còn lại như trên đã nói. Như vậy suy ra cành nhánh của cây đại thụ mười hai nhân duyên che chắn giăng phủ đầy khắp ba cõi, ai nhận biết được? Ai chặt đứt được ư?

39. Vòng tròn lửa là giả:

Nay kinh đã là nói lược, không luận bàn đến ba đời, một niệm...

chỉ nêu sinh pháp là cảnh của hai quán, nên dùng thí dụ để hiển bày, như múa tàn lửa trong bóng tối, xoay vòng nối nhau không hề dùng lại thì thấy một vòng tròn lửa không dừng. Lửa là thật pháp, vòng tròn là giả danh. Chúng sinh mãi mê đắm trước vòng tròn lửa không dừng của giả danh, không phân biệt được sự xoay vòng nối nhau của lửa ấm nhập, thì mười hai nhân duyên làm sao diệt tận được? Nếu biết rằng vòng tròn nương vào lửa, ngừng tay thì không có vòng tròn, lửa nương vào củi, bỏ củi đi thì không có lửa, vòng tròn và lửa đều không có tức là sinh không, pháp không. Văn ví dụ cho cảnh sinh không chia làm ba: "thể tướng Vô minh..." là hai câu nói về bổn tánh bất hữu, bất vô, là cảnh Trung quán; "Vọng tưởng nhân duyên hòa hợp mà sinh", hai câu này là cảnh Giả quán, "về Vô sở hữu..." là hai câu nói về cảnh không quán; "Cho nên ta nói..." là hai câu kết thực thành tựu. Từ "Hành thức danh sắc..." trở xuống một bài là nói về cảnh của pháp không, lẽ ra phải có ba, thí dụ nhưng đặc biệt là văn lược, có thể biết được ý.

40. Nói về quán giả:

Các khổ hành nghiệp v.v... trở xuống là nói về quán sinh không, pháp không, văn cũng có ba ý: "Các hạnh nghiệp khổ không thể suy nghĩ bàn luận" là một bài nói về quán chẳng phải không chẳng phải hữu; "Vốn không có sinh cũng không hòa hợp" là hai câu nói về quán Không, câu "vốn không có sinh" là sinh không, câu "cũng không hòa hợp là pháp không; "không khéo suy nghĩ..." là hai câu nói về Giả quán, suy nghĩ bất thiện trước đây dẫn đến danh sắc này, suy nghĩ bất thiện hôm nay lại tiếp tục có già chết ở vị lai... Tuy gọi là quán sinh không pháp không, nhưng mà Tức Không - tức Giả - tức Trung, văn đó rõ ràng, hợp với nghĩa lý, có chỗ nào nghi ngờ ư? Lại tiếp tục vì hàng độn căn nói về tướng của quán Không- nếu Giả danh tự phát sinh thì không cần Thật pháp, nếu từ pháp sinh ra thì chẳng phải từ giả danh sinh ra, nếu Giả - Thật hòa hợp mà sinh thì lẽ ra phải có hai Giả, nếu lìa Giả, Thật thì không có việc ấy. Giả danh này chỉ có tên gọi, tên gọi không ở giữa, hai ở trong, ở ngoài, cũng không thường tự có, bởi vì không thể đạt được cho nên gọi là quán giả danh không. Về quán thật pháp không, nếu danh sắc tự sinh thì lẽ ra không đợi nghiệp; nếu nghiệp có thể sinh thì La-hán có nghiệp, vì sao không sinh; nếu nghiệp quả cùng sinh thì các pháp đều có tên chung, các pháp không, chung, nếu không có nhân duyên sinh thì không có việc ấy. Đã không thể sinh, cũng không được không sinh, cũng không được vừa sinh vừa không sinh, cũng không được chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, cũng không

được diệt, cũng không được không diệt, cũng không được vừa diệt cũng không diệt, cũng không được chẳng phải diệt, chẳng phải bất diệt, vô diệt vô sinh, gọi là vô sinh, vì vô sinh cho nên giả danh hoại, vì giả danh hoại cho nên sáu mươi hai kiến chấp hoại và kiến chấp hoại cho nên Thật cũng hoại. Đã không đốt lửa thì không có khói, quay qua lửa giữa ban ngày thì cũng không có vòng tròn, đây là sơ lược nêu ra tướng của Không quán, Trung quán và Giả quán ở nơi khác có ghi đầy đủ... Từ "Ta dứt bỏ tất cả các kiến chấp, trói buộc... trở xuống mười hai bài rưỡi kệ là phần thứ hai.

41. Nói về công dụng của sinh không pháp không:

Công dụng của sinh không, pháp không về mặt quả, nói về thành tựu nên chứng quả, văn chia làm hai: Ba bài rưỡi đầu tiên từ Tự hành thành tựu, chín bài sau là Hóa tha thành tựu. Văn tự hành lại có hai: hai bài đầu là đầy đủ Trí đức, một bài rưỡi tiếp theo là đầy đủ đức dứt. Tất cả các kiến chấp là sáu mươi hai kiến, tám mươi tám sử... vì thế nên nói là tất cả. Đây là quán thành tựu về sinh không. Dùng năng lực trí tuệ là thí dụ cho sắc bén của trí tuệ, trên thí dụ cho chấp đoạn, dưới thí dụ cho dứt bỏ phiền não. Triền là trình bày riêng về mười triền. Lưới phiền não là trình bày tất cả mười sử, lưới võng có cái sai lầm che chắn của mạng lưới, nhà cửa có cái thiếu sót tối tăm của bao phủ, thấu suốt sự vắng lặng của ấm thì ám chướng không thể che đậy được, xé rách màng lưới nhưng giềng lưới không xé rách được. Đây là quán thành tựu về pháp không.

42. Dẫn kinh Tịnh Danh để nói rõ:

Hàng Nhị thừa cởi bỏ sự ràng buộc của Thông kiến, hàng Bồ-tát cởi bỏ sự ràng buộc của chấp Biệt, kinh Tịnh Danh chép: "Kiết tập chưa sạch hết nên hoa báu vào thân, chưa dứt hết biệt kiến nên hoa còn bám. Nhưng nói Phật đã dứt bỏ kiến triền, hoặc là Thông hay Biệt rốt ráo đều hết ở Phật. Thích Luận chép: "Chúng sinh vô thượng chính là Phật, pháp vô thượng là Niết-bàn, vô thượng giả thật không thể mê hoặc đối với địa vị Phật, cho nên nói là Phật dứt trừ". Kinh luận khác nhau, hoặc nói trí thượng thượng của Phật dứt bỏ các hoặc hạ hạ, vô minh sức mạnh nhưng trí của Phật có khả năng dứt bỏ, một niệm tương ưng với tuệ chính là mọi nghiệp tập đều dứt sạch không còn sót, hoặc nói Hữu thượng sĩ gọi đó là đoạn, vô thượng sĩ gọi là vô sở đoạn, đó chính là tùy theo cõi nước tùy theo thời gian, tùy theo hạng người, tùy theo sự hiểu biết đều có lợi ích... chứng Vô thượng đạo: Chánh đạo về sinh không, pháp không đã đầy đủ. Công đức nhiệm mầu: Trí đạo về sinh không,

pháp không đã đầy đủ.

43. Nói về cam lộ:

Từ "Mở cửa cam lộ" trở xuống một bài rưỡi là nói về đức dứt tròn đầy. Cam lộ là thuốc thần không chết của các vị trời, người được ăn thì mạng sống dài lâu, thân an vui, khí lực mạnh mẽ, thể chất sáng suốt, giống như Đức dứt của các Đức Phật an trụ trong dụng Thường, lạc, Ngã, tịnh chân thật của Đại Niết-bàn, nên biết là đức dứt đã tròn đầy. Nhưng ý của nghĩa này lại muốn đối diện với các địa vị của Hoa Nghiêm, mở cửa cam lộ là đối với địa vị Thập Trụ, đầu tiên khai bày Thánh đạo để ngăn dứt hai bên, cho nên nói là mở, nêu rõ là đối với Thập hạnh hiển bày riêng biệt từng hạnh một, hòa nhập là đối với Thập Hồi hướng hồi sự nhập lý: cư trú là đối với Thập địa cư trú trong nhà pháp tánh, ăn món ăn đó là đối với Diệu giác tự mình ăn được món ăn ấy, lại đem cho mọi người cùng hưởng. Các địa vị dưới chẳng phải không hóa tha, tự hành chưa trọn, hóa tha cũng không rộng, quả Phật địa trọn vẹn, đức dứt đã đầy đủ, lực từ bi rộng lớn nên có thể vì chúng sinh khai mở Thập trụ, nên rõ Thập Hạnh, đi vào Thập Hồi hướng - ở trong Thập địa, ăn món ăn cam lộ nên công dụng đầy đủ đức dứt hóa tha, hai nghĩa đều thành tựu. Lại nữa, Thông đối với bốn trí Bát-nhã, khai đối với đạo tuệ, Thị đối với đạo chủng tuệ, Nhập đối với trí nhất thiết, xử đối với trí Nhất thiết chủng, thực vị đối với Phật trú đại Niết-bàn, dùng đại bi khiến cho chúng sinh đạt được bốn trí này, đối với quả địa nghĩa đức dứt cũng không ngăn ngại... Lại đối với Pháp Hoa khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, bởi lẽ đức của Phật là tròn đầy, vì việc nhân duyên lớn mà xuất hiện ở thế gian, khai mở chỉ bày tri kiến Phật cho chúng sinh, đối với nghĩa đức dứt cũng hiển bày rõ ràng.

44. Dẫn kinh Niết-bàn làm sáng tỏ:

Lại nữa, kinh Niết-bàn chép: "Thường Lạc Ngã Tịnh là phương tiện bậc nhất đối với quả đoạn", như đã giải thích ở trước... Từ "Thổi loa pháp lớn..." trở xuống bài kệ chín bài là nói về quả địa hóa tha tròn đầy, văn chia làm hai: Hai bài đầu là xoay bánh xe, pháp hóa tha, bảy bài kế là bốn thệ nguyện rộng lớn hóa tha. Trong nói pháp lại có hai: Một bài đầu là nói pháp, một bài tiếp theo là thần thông. Các kinh khác thì trước là thần thông làm cho mọi vật khiếp sợ, sau đó mới nói pháp, kinh này hiện thần thông ở sau nên nói pháp ở trước. Lúc tu nhân chánh tuệ về sinh không pháp không, khi đạt được quả thì trí đức tròn đầy, nên có khả năng nói pháp hóa tha; khi tu nhân là giúp đạo của sinh không, pháp không, khi đạt được quả thì đức dứt tròn đầy, cho nên có khả năng

hiển bày thần thông hóa tha.

45. Nêu bốn thí dụ:

Nói pháp nêu bốn thí dụ là lợi ích nghe pháp thật sự vô lượng. Lược nêu bốn thí dụ là có là sắp xếp riêng, thổi kèo là thay đổi tên gọi, thí như Đức Phật nói pháp Tiểu thừa sửa đổi tánh phàm chịu khổ của phàm phu, đi vào tánh chân chính của bậc thánh, nói pháp Đại thừa thay đổi tánh nghiêng lệch của phàm Thánh, đi vào tánh tròn đầy của trung đạo, Thất địa của Thông giáo, Sơ địa của Biệt giáo, Sơ Trụ của Viên giáo đều là các giai cần thay đổi tên gọi, từ nghiêng về nhập vào trung đạo. Đánh trống đại pháp ấy là đánh trống nhắc nhở tiến lên quét sạch mọi sự ràng buộc trước đây, ở đây thí dụ như Đức Phật nói pháp đốc thúc tiến lên thực hành các hạnh sâu xa hơn; địa vị Tiểu thừa ở nơi tu đạo, Thông giáo ở Bát địa, Biệt giáo ở Thập hành, Viên giáo ở Sơ Trụ. Các giai vị này nhờ vào năng lực nghe pháp đều tiến vào tu đạo chân thật. Thắp ngọn đèn đại pháp là tự chiếu sáng mình, cũng chiếu soi người khác, thí dụ như Đức Phật nói pháp khiến cho mình và người đều được lợi ích, như căn nhà bao năm tăm tối chỉ cần một ngọn đèn thì có thể sáng sủa, lại như một ngọn đèn thắp lên trăm ngàn ngọn đèn, năng lực nghe pháp đều lợi ích cho mình và người cũng giống như vậy, Bát địa của Thông giáo, Thập hồi hướng của Biệt giáo, Viên giáo cũng ở tại Sơ Trụ, đều là các giai vị đạo quán cùng lưu thông, mình và người đều lợi ích.

46. Nói về mưa pháp:

Mưa xuống cơn mưa pháp cao quý là mưa giúp cho lúa má của người nông phu được thành tựu, cành lá tốt tươi càng thêm đều đặn, khi cơn mưa trút xuống thấm nhuần thì hoa quả nở rộ sum suê, dụ cho các hạnh tuy chăm chỉ tu tập nhưng việc thú hướng lại yếu kém, nghe Đức Phật nói pháp liền tăng thêm đạo, giảm bớt chúng sinh, nhậm vận thành thục, tự nhiên tuôn chảy vào biển Tát-bà-nhã, như thuyền dưới sông Hằng rộng lớn không cần nhọc công gắng sức mà mau chóng cập bến, ở đây hoàn toàn là giai vị đang cùng lưu chuyển, nghĩa như trên đã nói. Nếu hiểu được ý này, thì thí dụ như bốn giai vị của Hoa Nghiêm, bốn trí của Bát-nhã, bốn tri kiến của Pháp Hoa, bốn đức của Niết-bàn, đều có thể hiểu rõ. Một pháp này phân định xuyên suốt giai vị của kinh, luận bán rộng rãi về tất cả các giai vị, một khi nghe pháp âm tùy loài đều được hiểu v.v... Bốn thí dụ trong đây đều nói về Đại, Đại ấy là giảng nói Đại pháp, là con đường lớn giải thích rằng Niết-bàn là Đại thừa chứ chẳng phải là giai vị Tiểu thừa.

47. Nói về thần thông hóa tha:

Từ “nay ta hàng phục...” trở xuống là nói về thần thông hóa tha. Oán kết: Bốn trụ là oán kết của Nhị thừa, năm trụ là oán kết của Bồ-tát, ma là kẻ cầm đầu phiền não, chặt cây thì phải nhổ bỏ gốc rễ, hóa độ mọi vật thì phải hàng phục kẻ đứng đầu, nếu không hàng phục được ma thì sự hóa đạo không thông suốt, cách hàng phục ma cần phải sử dụng thần thông, giống như đánh bại oán kết, mới đáng là dũng cảm chẳng phải Pháp vương thì không thể đánh bại. Pháp vương thắng là lúc hóa đạo mà được lập, nên tên gọi như thế. Dựng ngọn cờ pháp, cờ là pháp Tam-muội, cao vượt lên trên các hạnh, là nơi hướng về cho các hạnh, như binh sĩ hướng về người chỉ huy. Ba đức không dọc không ngang, cho nên nói là nhiệm mầu.

48. Nói về bốn thệ nguyện rộng lớn:

Từ “Độ các chúng sinh...” trở xuống bảy bài kệ là bốn thệ nguyện rộng lớn lợi ích mọi loài, cũng gọi là bốn đế lợi ích chúng sinh, bốn hoằng là tâm thệ nguyện, bốn đế là cảnh sở duyên, cứu độ các chúng sinh là hoằng thệ đầu tiên, cũng là vì chưa dứt khổ đế nên khiên dứt khổ đế. Từ “Phiền não lẫy lừng” trở xuống một bài là hoằng thệ thứ hai, cũng vì chưa dứt Tập đế nên khiến dứt bỏ Tập đế. Từ “ta dùng cam lộ...” trở xuống một bài là hoằng thệ thứ ba, cũng là vì chưa chứng đạt Diệt đế nên khiến chứng đạt Diệt đế. Từ “trong vô lượng kiếp...” trở xuống bốn bài là thệ nguyện thứ tư, cũng là vì chưa an trụ Đạo đế nên khiến an trụ Đạo đế. Trong đây nhắm vào đàn làm bốn đế, năm đàn đối với san tham, san tham tự nó dối trá là Tập, Tập nghiệp vời lấy quả là khổ, đàn có công năng dứt bỏ san tham là đạo, san tham bị dứt bỏ là diệt đế. Vô lượng kiếp là chứa nhóm công đức cao dày, vâng tu các hạnh là thâu nhiếp các pháp rộng lớn. Luận nói: Nghĩa của đàn thâu nhiếp cả sáu độ... xả bỏ thân mạng tài sản cùng với đời sau... được thường trụ bất hoại gọi là Ba-la-mật, dọc cao vô tận, ngang rộng vô cùng, nên nói là vâng tu các hạnh.

■

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ

QUYỂN 5

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN VỊ VUA TRỜI

1. Nói về bốn vị vua trời:

Vua trời: là người đứng đầu các cõi trên, sơ thiên của cõi dưới, an trụ ở lưng chừng núi Tu-di, phía Đông là Hoàng Kim Đỏa Vương tên là Đề Đầu-lại-tra, Hán dịch là Trì Quốc, thống lĩnh Càn-thát-bà-phú-đơn-ca, phía nam là Lưu ly Đỏa Vương tên là Tỳ-lưu-lặc-xoa, Hán dịch là Tăng Trưởng, thống lĩnh Cưu-bàn-trà bệ-lệ-đa, phía Tây Bạch Ngân Đỏa Vương gọi là Tỳ-lưu-bác-xoa, Hán dịch là Tạp Ngữ, thống lĩnh rồng dữ Tỳ-xá-xà, phía Bắc là Nước Tinh Đỏa Vương tên là Tỳ-sa-môn, Hán dịch là Đa văn, thống lĩnh Dạ-xoa la-sát. Bốn vị vương này nghe kinh vui mừng, cùng dẫn dắt năm trăm quyến thuộc, phát thệ nguyện che chở, giữ gìn. Từ tiêu đề rõ ràng này nên gọi là phẩm Bốn vị vua trời. Quán Tâm giải thích: Đông là Tập - Nam là khổ - Tây là Đạo - Bắc là Diệt - bốn đế lý là bốn cõi trời, quán bốn đế trí là bốn vị vương, bảo vệ bốn đế cảnh gọi là Hộ quốc, bảo vệ tâm sở là Hộ chúng sinh. Thế là khác, vì người khác nói về tâm sở gọi là Hộ chúng sinh khác.

2. Nói về tám bộ:

Tám bộ: là trong khổ đế có kiến tu lợi độn, kinh Pháp Hoa nêu rõ đây là quỷ thần, cho nên trong Diệt đế cũng có kiến-tư, đó là Tám bộ. Nếu không soi chiếu bốn đế lý thì kiến hoặc và tư hoặc xâm hại tâm vương, phá hủy làm tổn hại cảnh giới, tâm vương mất cảnh thì mất nước, tâm sở là người dân bỏ chạy tán loạn, cảnh và trí đều bị quỷ thần làm cho khổ sở. Quán sát Khổ - Tập, khống chế kiến tư thì đất nước yên ổn, người dân bình yên. Có thể nói về bốn đế cho người khác nghe, là bảo vệ cõi nước cho người, ngăn dứt kiến tư nơi khác xâm nhập khiến cho được bình yên, đó là quán tâm bốn vị trời che chở thế gian. Từ đây về sau mười ba phẩm là phần lưu thông, Phật từ bi đến tận cùng, khiến cho tà ác không che lấp chân chánh, kinh vương không bị lấp bít

ở đường cuối cùng, người có duyên tùy theo đó được nghe biết chân thật, nên gọi là Lưu thông. Tất cả gồm có sáu ý:

3. Nội dung các phẩm kinh:

Từ "Bốn vị vua trời... đến Tán Chi" là nói về Thiên Vương phát thệ nguyện khuyến khích khen ngợi vua cõi nước mở mang rộng khắp kinh này. Chánh luận khéo tập, là nói vua cõi người mở mang kinh điển, được vua cõi trời bảo vệ giúp đỡ, cũng là chỉ bày cách thức mở rộng kinh điển trong thời gian cư trú, phẩm Quỷ Thần nói về công đức nghe kinh được các Thiên thần địa tướng hoặc thần sông thần biển cùng các vị Bồ- tát thảy đều bảo vệ che chở, phẩm Thọ Ký chứng minh công đức nghe kinh không luống uổng, phẩm Trừ Bịnh nói về công đức nghe kinh thuở xưa, của Lưu Nước, chứng minh ngày nay được che chở chẳng phải sai lầm; phẩm Xả Thân dẫn ra xưa kia thực hành tu tập theo kinh xả bỏ thân mạng không hề nuối tiếc, chân thành khuyên nhắc thầy trò chớ tiếc lẫn phát tài, phẩm Tán Phật nói về các vị Bồ-tát khen ngợi Phật pháp, lợi ích năng tuyên sở tuyên đều rất sâu dày... Thiên vương phát thệ lại chia làm năm bốn vị vua trời dùng năng lực trời ủng hộ người thỉnh cầu, phẩm Đại Biện dùng biện tài sung mãn lợi ích cho người giảng nói, phẩm Trời Công đức thệ nguyện dùng tài vật giúp đỡ đầy đủ chẳng phải chỉ có người thỉnh cầu và người giảng nói, phẩm Tán Chi thệ nguyện dùng uy vũ để phá dẹp kẻ địch bên ngoài, dứt trừ tai nạn bên trong, để cho người thỉnh cầu, người giảng nói người nghe đều được yên ổn. Lại nữa, Thiên Vương bảo vệ cõi nước đó, Đại Biện bảo vệ vị sư đó, công đức che chở đại chúng ở đó, Thần đất che chở chỗ ấy, Tán Chi dẹp yên tai họa xảy ra nơi đó, giúp cho kinh pháp được mở mang rộng lớn...

4. Nói về phẩm Bốn vị vua trời:

Trong phẩm Bốn vị vua trời có sáu lần hỏi - đáp, tức là sáu đoạn:

1) Thỉnh Phật nói về công năng của người Hộ quốc.

2) Thỉnh Phật nói về sự việc đó.

3) Thỉnh Phật chỉ bày phương pháp.

4)Thỉnh cầu Đức Phật nêu rõ điểm quan trọng của pháp lợi đó.

5) Thỉnh Phật nói về sự hưng suy.

6) Thỉnh Phật nói kệ ngợi khen công đức.

- Lần thứ nhất chia làm hai:

a. Thưa hỏi Đức Phật.

b. Đức Phật nói rõ thành quả.

- Thưa hỏi Đức Phật lại có hai:

1. Lời tựa của người kiết tập.

2. Chính thức thưa hỏi Đức Phật. Lời tựa cung kính như trong văn. Chính thức thưa hỏi Đức Phật. Văn chia làm hai: a. Khen ngợi kinh; b. Nói về công năng che chở. Các vị trời tin pháp có năng lực, cho nên khen ngợi kinh, muốn kinh được truyền bá rộng vì thế nói về công năng che chở đó. khen ngợi kinh chia làm ba:

5. Khen ngợi kinh:

Từ "Kim Quang Minh này..." trở xuống là khen ngợi Thế của kinh; Từ "Trang nghiêm Bồ-tát..." trở xuống khen ngợi Tông chỉ của kinh; từ "Kinh này năng chiếu..." trở xuống là khen ngợi về Dụng của kinh, chánh thuyết thì nhiều nhưng khen ngợi chỉ có ba, cho nên lược thâu nhiếp quảng. Lý pháp tánh được Phật bảo vệ giữ gìn, văn giải thích lý này nên nói là Kinh vương. Đã nói là kinh vương thì biết là khen ngợi thể, y vào thể để tu hành, công năng giúp cho Bồ-tát đầy đủ hai trang nghiêm, thành tựu quả vị cao tột. Đã nói là Trang nghiêm thì biết là khen ngợi tông chỉ, Thế thiên, Tịch thiên, Nghĩa thiên đều kính mến vô cùng, thực hành ba nghiệp cúng dường, cung kính là thân, vui mừng là ý, khen ngợi là miệng. Lại nữa, dưới từ địa ngục trên đến Bồ-tát, vô minh chưa sạch thì đều bị phiền não ép ngặt, kinh này có công năng dứt trừ sự ép ngặt đó, như vầng trăng mát mẻ sáng ngời, nên biết là khen ngợi dụng... Từ

6. Nói về khả năng Hộ quốc:

"Thế Tôn! Kim Quang Minh này" trở xuống là phần b, thuật rõ về khả năng hộ quốc, văn chia làm hai: a. Bên trong dùng pháp để hộ quốc; b. Bên ngoài dùng sách lược để hộ quốc. Dùng pháp hộ quốc lại có bốn:

1. Lý do hộ quốc.

2. Dùng pháp để hộ quốc.

3. Nhờ quyến thuộc là các vị trời để hộ quốc.

4. Dùng mắt trời để hộ quốc.

- *Lý do hộ quốc:* vì nhờ kinh này mà được bốn lợi ích, thân thể càng sáng ngời, sức lực thêm mạnh mẽ, tâm thức càng tăng tiến, phước đức càng trang nghiêm. Về lý thì được hai ích lợi, đó là pháp thân tuệ mạng đều được thêm lớn. Nhờ cõi nước mở rộng kinh điển khiến cho pháp ấy tốt tươi, lẽ nào không che chở? Nói về lý do ấy, nghĩa này chính là tương ứng với Quán tâm, dùng bốn đế trí che chở bốn đế cảnh, tức là tu hành chánh pháp, dùng bốn đế trí dẫn dắt các tâm sở, giúp cho tâm sở không hiện hành, nên gọi là Hành Bát-nhã Ba-la-mật, tức là năng

thuyết chánh pháp. Bên trong có lý do hộ quốc như vậy, gọi là Hộ Thế Vương cai trị cõi nước bằng chánh pháp, Sư đảng hộ quốc: ở đây cũng tương ưng với Quán tâm, Tâm Vương là thầy, Tâm Sở là môn hạ, hàng phục các sử kiến tư lợi độn, như các Thiên Vương cùng quyến thuộc ngăn dứt các ác quỷ, như vua chuyển Luân cùng bảy thứ báu, ngàn người con hễ có đi đến nơi nào thì bốn phương đều quy ngưỡng phước đức của họ, bốn vị vua trời cùng với năm trăm quyến thuộc đến nơi chốn nào thì điều ác gì mà không trừ diệt? Dùng mắt trời hộ quốc: nhờ phước báo đạt được mắt trời nhìn thấy mọi nơi, không có tối tăm nào không chiếu sáng, phòng ngừa mầm mống ngăn dứt dần dần thì điều ác nào mà không trừ diệt?

7. Chính sách hộ quốc:

Từ "nếu cõi nước này có những điều suy hao..." trở xuống là trí sách hộ quốc, giúp cho nhân duyên trong ngoài hòa hợp, văn chia làm ba:

1) Nếu trong nước có nhiều tai họa, các thứ hoạn nạn khốn đốn như chiến tranh, đói kém, dịch bệnh, ta dùng trí sách khuyến khích Pháp sư đến đó. Hoặc dùng uy thần khuyên đến, hoặc hiện bày hình tướng để khuyên đến, hoặc giáng mộng để khuyên đến, nếu Pháp sư đến đó giảng rộng kinh này, thì giống như mặt trời xuất hiện, mù sương sáng sớm tự nhiên tiêu tan. Đây là khuyến khích duyên bên ngoài. Kế là vị vua tâm không có trí soi chiếu thì tai họa thừa cơ ngấm ngầm xâm nhập, sư đã nắm giữ pháp theo nghi thức, nhà vua cần phải chuyên tâm lắng nghe lãnh thọ, nếu nhà vua chăm chỉ lắng nghe thì các vị trời cũng thường che chở, cho nên che chở nơi đáng che chở bảo vệ nơi đang bảo vệ, một người có niềm vui thì khắp nơi đều được nhờ cậy, bản thân nhà vua và đất nước yên ổn không còn những tai họa. Đây là nhân bên trong, nếu bên ngoài tuy có người mở mang kinh pháp nhưng bên trong nhà vua không thiết tha tôn trọng, thì không hòa hợp, không thể đẩy lùi mọi tai họa.

2) Nhà vua không ban phát ân huệ thì phước lộc không đầy khắp, như không siêng năng cày cấy thì kho lẫm không nhiều thóc lúc, khuyến khích nhà vua dốc hết tài vật cung cấp cho bốn chúng, bốn chúng được yên lành thì phước đức giúp đỡ nhà vua, khắp đất nước và toàn quyến thuộc tất cả đều không có họa hoạn. Đây là nhân duyên trong ngoài hòa hợp, sẽ khiến cho mùa màng bội thu, khắp nơi no ấm...

3) Bản thân nhà vua không có đức hạnh của vị vua trước đây thì thần dân không phục tùng, miệng nhà vua không có đức hạnh của vị

vua trước đây thì các nước gần bên cạnh không khen ngợi. Nay khuyến khích nhà vua thể hiện ba nghiệp, cúng dường cung kính là thân nghiệp, trân trọng là ý nghiệp, ca ngợi tán thán là khẩu nghiệp. Bởi lẽ, cao lấy thấp làm nền móng, biện giải lấy nói chậm rãi làm thầy, kính trên nhường dưới công đức cũng lớn lao. Dùng uy lực của các vị trời khiến cho các nước ở gần đều xa tôn sùng, bày tỏ sự khen ngợi kính mến và vô cùng khâm phục. Ba nghiệp trang nghiêm, trên hóa độ, dưới như gió thổi giạt cỏ cây. Người đứng đầu đất nước đã như vậy, thì người dân trâu ngựa cỏ cây trong đất nước không loài nào không cúi đầu hướng về trong đó. Đây tức là nhân duyên năng tán và sở tán hòa hợp nhau, tiếng ca tụng vang khắp các nước ở gần... văn kinh rõ ràng suy tìm sẽ thấy.

8. Phật nói về sự thành tựu:

Kế là Đức Phật nói về sự thành tựu ấy, văn chia làm hai:

1) Kết hợp thuật rõ sự khen ngợi kinh.

2) Nói về khả năng che chở cõi nước. Bốn vị vua trời trước tiên nói lời khen ngợi kinh đã hợp lý, Đức Phật lại nói rõ sự thành tựu đó, quả thật khen ngợi về ba thứ thể, tông, dụng ở trên, cho nên nói là Đức Phật kết hợp thuật rõ, khéo thay, tuyệt vời thay! Trên đây là khen ngợi chung về giáo pháp, Đức Phật nói rõ sự thành tựu đó là khen ngợi mà thành tựu nơi một pháp. Từ “ở chỗ các Đức Phật” trở xuống là nói rõ sự thành tựu khả năng hộ quốc, lại chia làm hai:

1. Nói về dùng pháp để che chở giữ gìn đất nước.

2. Nói dùng trí nhãn để hộ quốc. Cách hộ quốc có bốn, Đức Phật đều nói rõ tất cả, trên đã nói về lý do hộ quốc là nhờ nghe kinh được lợi ích, Đức Phật nói rõ nay được lợi ích vì phước đức gieo trồng từ trước, phát tâm cuối cùng cả hai không trái nhau, hai tâm như vậy thì tâm trước rất khó, cho nên kính lễ đối với sơ phát tâm. Đây là nói phần trước để thành tựu phần sau, nói phần sau để hiển bày phần trước. Từ “giảng nói chánh pháp...” trở xuống là nói về việc dùng pháp để hộ quốc. Trên nói năng thuyết năng hành cho nên gọi là Hộ thế, Đức Phật cũng nói rõ sự thành tựu của năng thuyết năng hành, được gọi là Hộ Thế... Từ “Hôm nay các vị...” trở xuống là nói rõ dùng mắt trời để hộ quốc, không trái với thứ lớp, không lỗi đối với nghĩa lý, trên nói dùng mắt trời thanh tịnh hơn hẳn mắt thịt, Đức Phật nói rõ về lợi ích lâu dài. Bởi lẽ mắt trời chiếu sáng trong đêm tối không nhờ vào ánh sáng mặt trời, cho nên nói là đêm dài.

9. Nói về thân thuộc của các vị trời ấy hộ quốc:

Từ “Bốn vị vua trời các vị và các quyến thuộc...” trở xuống là nói

rõ thân thuộc của các vị trời ấy hộ quốc, trước đây nói là hộ quốc, nay Đức Phật khen ngợi thêm là che chở chánh pháp của các Đức Phật ba đời. Từ "Tứ vương các vị và các thiên chúng..." trở xuống là nói rõ trí nhân hòa hợp để hộ quốc, trên nói thỉnh cầu Pháp sư đi vào cảnh giới để đẩy lùi ác nạn, trình bày về công lao này do bản thân mình có khả năng đẩy lùi loài Tu-la, các vị hãy khuyến khích nhà vua nghe kinh, cung cấp vật dụng cho bốn chúng; Đức Phật nói rõ về trí bên trong , và phước bên ngoài thật sự tiêu trừ hàng phục các khổ đưa đến an vui, như văn... Lần thứ hai thỉnh cầu Đức Phật nói về việc hộ quốc, văn chia làm hai:

1. Bạch Đức Phật.

2. Đức Phật nó rõ thành tựu.

Bạch Đức Phật lại có hai:

a) Nơi lưu hành kinh điển, vị vua đó tự mình có thể lãnh thọ, lại cung cấp các thứ cầu dùng cho bốn chúng, tôi và quyến thuộc nguyện sẽ âm thầm ẩn hình để làm cho lợi ích đó hiển hiện.

b) Các nước ở gần xấu ác khởi binh xâm chiếm đất nước tốt lành, tôi sẽ ẩn hình dấy lên các điều kinh dị hãi hùng, bao nhiêu tai họa phát khởi, khiến cho quân binh đó nhìn thấy rõ ràng mà tự rút lui, không dám quấy nhiễu, huống chi là tàn hại trong cõi nước...

10. Phận giải thích rõ:

Tiếp theo Đức Phật nói rõ, văn chia làm hai: Từ "Bấy giờ, Đức Phật khen ngợi..." trở xuống đến "... không có việc tranh chấp kiện tụng" là nói rõ ý đầu tiên, ẩn hình là che chở Tam bảo, ngã là Phật bảo, tu tập Bồ-đề là Pháp bảo, các vị vua không đấu tranh kiện tụng là Tăng bảo. Nói rõ che chở một nhưng có thể thành tựu ba. Từ "Tứ Vương nên biết cõi Diêm-phù-đề này..." trở xuống là nói về thành tựu ý sau, trên đây dùng uy lực của các vị trời làm mê hoặc khiến cho sáu thế lực phải rút lui, dường như ghét điều xấu ác, ưa tự buồn lo, để người lành tự vui vẻ, không phải tệ bạc với kẻ ác mà trọng hậu với người lành, thành ra lo sợ, mà rút lui. Lại khuyến khích các nước đều giữ gìn sự nghiệp của chính mình, trụ cảnh tự vui, chớ khởi lòng tham để chiếm đoạt, các vị vua hòa hợp thì dân chúng không có tai vạ, pháp hưng thịnh thì các vị trời vui vẻ. Đức Phật nói với Đế Thích: "Đấu tranh là nhân duyên làm cho trời người bị hao tổn, khéo có thể yêu mến hòa hợp thiên hạ, thì đó chẳng những là cúng dường đối với ta, mà còn là cúng dường các đức Như lai trong ba đời, đối với một đất nước, mà còn yên ổn cho tất cả mọi đất nước", vì thế dùng sự yêu mến hòa hợp nói rõ sự việc thứ hai... Lần thứ ba thỉnh Phật nói rõ nghi quỹ của Nhân vương, văn chia làm hai:

1) Đưa ra ước nguyện.

2) Nêu rõ nghi quỹ đó.

- Ước nguyện có sáu:

1. Mong muốn bản thân mình yên ổn.
2. Mong muốn vợ con mình yên ổn.
3. Mong muốn cung điện yên ổn.
4. Mong muốn có vị vua tài đức dẫn dắt.
5. Mong muốn thâu nhiếp mọi phước đức.
6. Mong muốn đất nước không có lo âu đau khổ. Sáu ước nguyện như văn.

11. Nêu lên nghi quỹ:

Từ "Thế Tôn! Vua cõi người như thế" trở xuống là phần hai, nêu rõ nghi quỹ đó. Tuy thứ lớp sáu số đó đã đầy đủ, nhưng trước mong muốn bản thân yên ổn, nay chỉ rõ đừng nên buông lung, chế ngự tâm thì bản thân yên ổn; trước mong muốn cung điện yên ổn, nay chỉ rõ nên trang nghiêm pháp đường, lọng tàn cờ xí rực rỡ phía trên - hương trầm hoa quả ngon ngọt phía dưới, Tam Bảo thọ dụng thì phước đức không còn có tai họa, trước mong muốn có vị vua tài đức dẫn dắt, nay chỉ bày tắm gội sạch sẽ xông ướp hương thơm, chân thành cung kính, dứt bỏ cao ngạo, như vậy bằng tám dải mũ trên thân người kia. Trên muốn thâu nhiếp nhóm phước đức, nay chỉ rõ chánh niệm nghe kinh, chánh niệm nghe kinh công năng sinh ra vô lượng công đức, thần trời dốc hết sức che chở, Thần đất dốc hết lòng gánh vác, quỷ thần dốc hết lòng giữ gìn, thần dân dốc hết lòng yêu mến, trước mong muốn vợ con yên ổn, nay chỉ rõ nét mặt và lời nói hòa nhã, khuyến khích họ làm mọi điều phước lành, trong ngoài tu các điều lành cảm ứng nhiều sự che chở, trước mong muốn đất nước không có lo âu sầu khổ, nay nêu rõ nên tự mình vui mừng tự mình động viên, quên đi mệt mỏi, làm thêm nhiều điều lợi ích, một người đã vui sướng thì bốn biển yên ổn, nghĩa là như thế.

12. Phật nói về thành văn:

Kế là Đức Phật nói về thành văn, chia làm hai: trước nói thành sáu phương pháp, kế là nói thành sáu ước nguyện. Bốn vị vua trời y theo sáu việc, vả lại những điều đã nói có chút dừng ở hiện tại, Đức Phật căn cứ vào một sự việc mà có nhiều ích lợi, vượt qua vô lượng kiếp, thuật rõ sự thành tựu gấp bội. Từ "Phật bảo bốn vị vua trời..." trở xuống là chỉ mở mang kinh pháp và lắng nghe kinh pháp, tức là nói về sự thành tựu phương pháp an thân, trên chỉ thẳng tâm không buông lung, nay lại nêu lên đón rước khách bạn, từng bước gặp được Na-do-tha Phật, phương

pháp đã tăng thêm thì thể cũng càng yên ổn.

13. Nói về thành tựu phương pháp an quốc:

Từ "lại được vượt qua từng ấy kiếp nạn..." là nói về thành tựu phương pháp an quốc, trước chỉ có một đời không còn lo âu đau khổ, nay thì trải qua nhiều đời các hoạn nạn sinh tử như vậy. Từ "Lại ở đời sau đối thọ Luân Vương..." là nói rõ phương pháp an ổn cho vợ con, Luân Vương có Ngọc Nữ, Thiên Tử chắc chắn không có kẻ thù, trong nhiều kiếp như vậy vợ con thường yên ổn. Từ "Cũng được năng lực tự tại trong hiện đời như thế" là nói về thành tựu phương pháp lãnh đạo an ổn đối với nhà vua trước đây. Từ "Thường được cung điện bảy báu tốt đẹp nhất" là nói về thành tựu phương pháp an ổn đối với cung điện trước đây. Từ "hễ sinh ra bất cứ nơi nào đều đầy đủ vô lượng nhóm phước..." là nói về thành tựu phương pháp thâu nhiếp phước đức ở trước. Từ "bốn vị vua trời các vị" trở xuống là nói về thành tựu sáu điều nguyện ước đó. Từ "Tứ vương..." trở xuống đến "... không lui sụt" là nói về thành tựu nguyện an thân ở trên. Từ "chính mình được gặp..." đến "hết khổ ba đường ác" là nói về thành tựu an quốc ở trên. Từ "nay con đã gieo trồng nhân Luân Vương Thích Phạm" là nói về thành tựu nguyện an ổn cho vợ con ở trên. Từ "Đã gieo trồng vô biên gốc lành..." trở xuống là nói về thành tựu mong muốn thâu nhiếp nhóm phước ở trên. Từ "hậu cung cung điện không có các hung suy" là nói về thành tựu nguyện an ổn cho cung điện ở trên.

14. Tổng kết thành tựu sáu nguyện sáu pháp:

Từ "cõi nước không có những kẻ thù ở phương khác" là nói về thành tựu vị vua lãnh đạo bậc nhất ở trên. Từ "Tứ vương các vị..." trở xuống là tổng kết thành tựu sáu nguyện sáu pháp, đều khiến cho đầy đủ, nếu có thể tự hạ mình đón rước khách bạn, dốc lòng nghe pháp, tức là sáu nguyện sáu pháp. Lại nữa, hồi hướng lợi ích giúp cho các vị trời cũng chính là có thể làm cho sáu nguyện sáu pháp thành tựu trọn vẹn. Lần thứ tư thỉnh Phật nói về việc thực hiện điều lành của vua cõi người, đây là căn cứ theo phần cuối của đoạn thứ ba, văn chia làm hai:

1. Bạch Phật.

2. Đức Phật nói rõ sự thành tựu.

Bạch Phật lại có hai: a. Vua cõi người vận tâm; b. Tướng cung trời hiện bày. Tâm của vua cõi người còn rất chí thành đối với kinh điển, cho nên hương phát ra ánh sáng vàng rực, sự hồi hướng chắc chắn thành tựu, do đó tướng trạng của cung trời hiện bày. Làn hương bay đến cung trời, cung rồng, cung quỷ thần... đều bay đến ba pháp giới. Quán tâm

giải thích: Dùng lửa trí tuệ thắp hương Tướng thật, khói giới định tuệ bốc lên, Tướng thật là pháp chân thật, cho nên nói là ánh sáng vàng rực (Kim Quang), giới tuệ thầm hợp với lý, cho nên chiếu soi thấu suốt không ngăn ngại...

15. Đức Phật nói về thành tựu:

Kế là Đức Phật nói rõ thành văn, chia làm hai: Trước hết nói rõ về ánh sáng của hương chẳng những tỏa đến các cung trời trong ba pháp giới, mà còn tỏa đến khắp trăm ức cung điện khác, còn tỏa đến hằng sa cõi Phật, nói tóm lại là soi chiếu cùng khắp trong mười pháp giới. Từ "các Đức Phật, Thế Tôn nghe thấy mùi hương này" trở xuống là nói rõ vua cõi người vận chung tâm lành phụng hiến cho các vị trời nên được các Đức Phật khen ngợi, trước là khen ngợi thành tựu nhân, tiếp theo là khen ngợi tròn đầy quả, như trong văn. Lần thứ năm bạch Phật nói rõ sự hưng suy, văn chia làm hai:

1. Bạch Phật.

2. Đức Phật nói về sự thành tựu. Bạch Phật lại chia làm ba: đầu tiên từ "Bạch Phật..." cho đến "... các tai họa hung ác thảy đều dứt trừ" là thứ nhất, nêu ra sự hưng thịnh để khuyến khích.

16. nêu ra sự hưng thịnh để khuyến phát:

Từ "nếu có vua cõi người tâm sinh lìa bỏ" đến "thiện thần xa lìa sinh ra vô lượng việc ác như thế" là phần hai, nêu ra sự suy vong để khuyến khích; Từ "Thế Tôn! Vua cõi người muốn tự hộ mình và cõi nước của vua..." là thứ ba, chính thức khuyến khích. Nêu ra sự hưng thịnh để khuyến khích chia làm bốn đoạn:

1. Nhân Vương mở mang kinh điển thì bốn Thiên Vương ẩn hình lắng nghe và lãnh thọ.

2. Chẳng những bốn vị vua trời lắng nghe lãnh thọ mà Phạm Thích và tám bộ trời rồng cũng đều tập trung lắng nghe và lãnh thọ.

3. Tôn vị vua cõi người này làm tri thức về pháp lành.

4. Đã được pháp lợi thì càng gắng sức che chở đất nước... đều như trong văn.

17. Nêu ra sự suy vong để khuyến khích:

Kế là nêu ra sự suy vong để khuyến khích, cũng có bốn đoạn:

1) Vị vua không mở mang kinh điển nên các vị trời mất mùi vị cam lộ nên uy lực bị giảm bớt.

2) Phạm-Thích và các vị thần đều xa lìa.

3) Ác quỷ hoành hành quấy nhiễu, tai họa dịch bệnh tranh nhau khởi lên.

4) Xoay vần kết thành tai họa, tai họa khởi lên do đâu? Ác quỷ hoành hành quấy nhiễu, ác quỷ hoành hành do đâu thiên thần lìa bỏ, vì sao lìa bỏ? Vì không nghe được pháp thực. Vì sao không có pháp thực? Vì nhà vua không mở mang kinh điển... như trong văn.

- Kế là chính là khuyến khích chia làm sáu đoạn:

1. Muốn đạt được lợi ích hiện tại cho nên nhất định phải lắng nghe.

2. Các vị trời ưa thích pháp thực cho nên nhất định phải lắng nghe.

3. Vượt ngoài ba bộ luận cho nên nhất định phải lắng nghe - ba bộ luận đó là bốn Vi-đà luận nói về phạm sự, Tỳ-già-la luận nói về Thập Thiện sự, Tăng-khư-vệ-thế-sự Lặc-sa-bà luận nói về học thông sự...

4. Từ đầu đến cuối được lợi ích, thành tựu Bồ-đề, cho nên nhất định lắng nghe.

5. Vị giáo chủ hơn hẳn Phạm vương, Đế Thích, cho nên nhất định phải lắng nghe.

6. Vì là cội gốc của các pháp cho nên nhất định lắng nghe, đều như trong văn.

18. Phật nói về sự thành tựu:

Kế là Đức Phật nói về sự thành tựu, văn chia làm hai: Lần thứ nhất nói về thành tựu nêu lên sự hưng thịnh để khuyến khích, không mở mang kinh điển thì sẽ suy vong nên không thể nói về sự thành tựu. Lại giải thích rằng: Lần trước thì cả hai đều nói rõ sự thành tựu nên ban cho niềm an vui, đâu là nói về sự thành tựu, nêu ra sự hưng thịnh để khuyến khích dứt trừ sự suy vong tai họa đây là nói về sự thành tựu nêu ra sự suy vong mà khuyên nhủ. Từ “nếu có người nào có khả năng làm Phật sự lớn trong cõi trời cõi người là nói về sự thành tựu để chính thức khuyến khích... Lần thứ sáu bạch Phật, văn chia làm ba:

1. Nói kệ khen ngợi.

2. Đức Phật dùng kệ trả lời.

3. Vui mừng phát thệ nguyện. Kệ khen ngợi có tám bài rưỡi, văn chia làm ba: một bài đầu khen ngợi ba thân, năm bài rưỡi kế là khen ngợi thân tướng, hai bài kế là kết thúc khen ngợi. Nói về ba thân thí có chung riêng. Căn cứ theo văn là biệt, hư không là pháp thân, mặt trời là báo thân, mặt trăng là ứng thân. Ý về thông: Hư không là pháp thân, mặt trời là báo thân, mặt trời hiện trên mặt nước là ứng thân; hư không là pháp thân, mặt trăng là báo thân, mặt trăng hiện trên nước là ứng thân, hư không là pháp thân, mặt trời giữa hư không là báo thân, hư

không trên mặt nước là ứng thân, mặt trăng cũng giống như thế. Y theo văn kết thúc khen ngợi: hư không là pháp thân, mặt trăng là báo thân, mặt trăng trên nước là ứng thân, hư không là pháp thân, mặt trời là báo thân, ánh lửa là ứng thân, hóa pháp là Pháp thân, hóa chủ là Báo thân, hóa sư là Ứng thân. Tuy nói riêng nghĩa mà dung thông, cho nên văn nói: "không có chướng ngại", tức là ý của thông.

19. Khen ngợi thân tướng:

Vẫn khen ngợi về thân tướng, chia làm năm: một bài đầu khen ngợi về hai tướng phần trên, đó là mắt và răng, một bài rưỡi kế là khen ngợi về trí đức - đức dứt, đó là trí và tam muội, hai bài kế là khen ngợi hai tướng ở dưới, đó là bằng phẳng và màng lưới, hai câu kế là khen ngợi về dứt bặt ngôn ngữ, đó là không thể suy nghĩ bàn luận, hai câu kế là kết thúc khen ngợi. Nói đến tướng tốt thì không chỉ có nơi ứng thân, mà báo thân, pháp thân cũng cùng có. Trang nghiêm sinh thân do cha mẹ sinh ra là tướng tốt của ứng thân, trang nghiêm thân tôn đặc là tướng tốt của báo thân, pháp môn trang nghiêm là tướng tốt của pháp thân. nay nói khen ngợi đức trí - đức dứt, tức là tướng tốt của pháp thân. Văn nói "không có chướng ngại" ấy là không chỉ khen ngợi tướng tốt của một thân. Bài kệ đầu tiên là nêu lên Phật nguyệt, ở đây trước kết luận Phật nguyệt là ba thân, kế là kết luận ba thân dung thông, cho nên nói "không có chương ngại"; kế là kết luận Phật Nhật nên nói là "như ánh lửa"; kế là kết luận hóa thân Phật tức là nghĩa của bốn thân, cho nên nói "như hóa" đều có đủ ba thân, bốn thân, cho nên không chướng ngại.

20. Sự khen ngợi ở đầu phẩm cuối phẩm:

Kết luận xong liền đảnh lễ, đảnh lễ đối với Phật nguyệt, cũng là đảnh lễ Phật nhật, Phật hóa. Đầu phẩm khen ngợi kinh pháp, khen ngợi Thể, Tông, Dụng. Cuối phẩm xưng tụng Đức Phật, từ ngữ thì khác nhưng nghĩa như nhau. Pháp thân chân thật của Phật tức là thể, Phật nguyệt thanh tịnh tức là Tông, trăng đáy nước ứng hiện tức là dụng. Trời Thiên Vương biện giải sự nhiệm mầu đó như vậy.

21. Hỏi đáp về hư không có tạo ra mặt trăng hay không?

Hỏi: hư không dụ cho pháp thân, mặt trăng dụ cho báo thân, hư không tạo mặt trăng hay không? Nếu hư không tạo ra mặt trăng thì mặt trăng chẳng phải hư không tạo ra, nếu hư không không tạo ra mặt trăng thì sao mặt trăng nương vào hư không? Đáp: hư không chẳng tạo ra mặt trăng, cũng không phải tạo ra cái chẳng phải mặt trăng, mặt trăng chẳng phải mặt trăng, chắc chắn nương vào hư không, pháp thân chẳng tạo ra báo thân, cũng không tạo ra cái chẳng phải báo thân, báo thân

chẳng phải báo thân, chắc chắn nương vào Pháp thân. Lại hỏi: Pháp thân không tạo ra Báo thân chẳng phải Báo thân, Báo thân chẳng phải Báo thân, chắc chắn nương vào Pháp thân, thì lẽ ra mặt trăng cũng sẽ không tạo ra hình ảnh, cũng không tạo ra cái chẳng phải hình ảnh, hình ảnh chẳng phải hình ảnh chắc chắn nương vào mặt trăng. Vậy Mặt trăng cũng là pháp thân hay sao? Đáp: Trí và pháp thầm hợp nhau, pháp là pháp giới, trí cũng như pháp giới... Vả lại hình ảnh hoàn toàn không tạo ra động và bất động, động và bất động chắc chắn nương theo làn nước, làn nước cũng là pháp giới ư? Đáp: Động và bất động thí dụ cho căn cơ, trong tất cả các pháp đều có tánh an vui, dụ như pháp giới cũng không ngại.

22. Dẫn các kinh để nói rõ:

Lại nữa, Tịnh Độ Tam-muội nói: "Chúng sinh cũng độ Phật, nếu không có cơ cảm thì Phật không xuất hiện ở thế gian, cũng không thể thành tựu được tam-miệu Bồ-đề, xuất hiện ở thế gian và chứng quả Bồ-đề đều nhờ chúng sinh, cơ là pháp giới". Nghĩa này thành tựu. Đức Phật trả lời bằng bài kệ hai mươi bốn bài rưỡi là lý do bốn vị vua trời khen ngợi Đức Phật, vì Đức Phật là người nói pháp, lý do Pháp Vương khen ngợi giáo pháp, bởi vì giáo pháp đưa đến sự thành tựu quả Phật. Kinh Bát-nhã chép: "Lúc ta mới thành đạo quán sát người nào đáng cung kính, đáng khen ngợi không gì hơn pháp", pháp có công năng thành lập tất cả phàm thánh, cho nên Đức Phật khen ngợi pháp để trả lời Bốn vị vua trời. Văn chia làm ba: Một bài đầu khen ngợi thể của kinh để trả lời về pháp thân đó; một bài kế là khen ngợi Tông chỉ của kinh để trả lời về Báo thân đó; hai mươi hai bài rưỡi kế là khen ngợi Dụng của kinh để trả lời về ứng thân đó; tất cả đều như trong văn. Phần ba trong lần thứ sáu bạch Phật là Bốn vị vua trời vui mừng phát khởi thệ nguyện, như trong văn.

GIẢI THÍCH PHẨM ĐẠI BIỆN

1. Nói về các thứ biện:

Biện có bốn thứ: Tiểu biện, Vô lượng biện, Song biện và Đại biện. Pháp vô lậu gọi là Tiểu biện, pháp giới hàng sa gọi là Vô lượng biện, đầy đủ hai loại đó gọi là Song biện, song phi song chiếu gọi là Đại biện. Vị trời này an trú trong "pháp môn trí tuệ trang nghiêm "tự trú đại biện, dùng năng lực tự tại làm vui lòng chúng sinh cho nên tùy nói một biện hoặc hai, ba, hay bốn biện, do đó gọi là Đại biện. Vì thích hợp mà lập nên gọi là Đại Biện. Vì đối với chúng sinh đối với hoặc đối với một Biện, hoặc hai, ba, hay bốn biện, đối với mà điều trị cho nên gọi là Đại Biện. Vì hiểu rõ chúng sinh do đó hoặc hiểu rõ một Biện, hoặc hai, ba, hay bốn Biện, một hiểu rõ thì hiểu rõ tất cả mà khai phát, cho nên gọi là Đại Biện.

2. Giải thích văn kinh:

Hướng về Đức Phật mà phát nguyện, dùng Đại Biện để giảng nói, gọi là phẩm Đại Biện, Văn chia làm ba:

1) Từ "Bạch Phật..." trở xuống là dùng năng lực Đại Biện để làm lợi ích cho Pháp sư.

2) Từ "nếu có chúng sinh đối với trăm ngàn..." trở xuống là dùng năng lực cảm ứng để tăng thêm sự hóa đạo.

3) Từ "Lại khiến cho vô lượng..." trở xuống là dùng năng thực hành giúp đỡ người nghe. Đầu tiên giúp cho Pháp sư là dùng Lạc thuyết biện tài, trang nghiêm thứ lớp là từ ngữ biện thuyết, đại trí là nghĩa lý biện thuyết, tổng trì là giáo pháp biện thuyết. "Nếu có chúng sinh..." trở xuống là giúp cho sự hóa đạo truyền bá khắp nơi không dứt, giúp cho đạo pháp năng hóa, không có người nào không phải là sở hóa, không đạo nào chẳng phải là năng hóa, nhân duyên hòa hợp cho nên sự hóa đạo không dứt. Từ "lại khiến vô lượng..." trở xuống là giúp cho thính chúng được hai sự lợi ích, nghe kinh đến chỗ không lui sụt là giúp thêm ích lợi về Nhân, chắc chắn đạt được Bồ-đề là giúp thêm ích lợi về Quả. Văn tuy nói sơ lược nhưng sự thệ nguyện rất sâu xa, là lợi ích to lớn.

GIẢI THÍCH PHẨM TRỜI CÔNG ĐỨC

1. Nói về vị trời tên là công đức:

Vị trời này an trú trong "phước đức trang nghiêm pháp môn thâu nhiếp tất cả các pháp", nên công đức đứng đầu, cho nên nói là trời Công Đức. Lại có khả năng giúp cho người nói những vật cầm dùng không thể thiếu thốn, cho nên gọi là Trời Công đức, lại khiến cho người nói ngày đêm suy nghĩ về nghĩa lý sâu xa của kinh này, cho nên gọi là Trời Công đức, lại khiến cho người nghe mau chóng thành tựu Bồ-đề, đầy đủ các nghĩa này nên gọi là phẩm Trời Công đức. Đây là ý thứ ba trong kinh Thiên Vương Hộ.

2. Giải thích văn kinh:

Phước giúp cho người cầu thỉnh, giảng nói và người nghe. Văn chia làm sáu:

1) Từ "Bạch Phật..." trở xuống là phát thệ nguyện cung cấp bốn thứ cần dùng cho Pháp sư.

2) Từ "Ta vào thời quá khứ..." trở xuống là nói về lý do đạt được phước đức.

3) Từ "Nếu có người..." trở xuống là khuyến khích nêu rõ pháp hành, trong văn có nêu lược và nêu bày rộng...

4) Từ "Lúc ấy, ta trong khoảng một niệm..." trở xuống là thệ nguyện đi đến làm cho lợi ích.

5) Từ "Nếu hồi hướng bố thí việc mình đã làm" trở xuống là yêu cầu sự đồng hành.

6) Từ "phải nên lễ..." trở xuống là chỉ bày riêng về sự quy kính, đều như trong văn.

GIẢI THÍCH PHẨM KIÊN LAO THẦN ĐẤT

1. Giải thích tên phẩm:

Các vị trời trên đây hoặc an trụ trong đạo thiện quyền phương tiện, làm cha pháp của chúng sinh, vị trời này an trụ trong đạo thiện thật trí độ, làm mẹ pháp của chúng sinh, là nghĩa thứ nhất. Giống như âm dương che chở gánh vác cỏ cây, trí độ nuôi dưỡng sinh ra các mầm lành, là nghĩa thứ hai. Các độ khác đều có sinh ra không tan mất không mất, thật trí soi chiếu rõ ràng không có tướng, không có danh, là nghĩa thứ ba. Các độ khác có bằng, có trên, trí độ không ngang bằng, không trên, là cứu cánh độ, là nghĩa thứ tư. Pháp môn Trí độ thường trụ không hề thay đổi, nghĩa chép Kiên Lao là Thường, có khả năng vui vẻ gánh vác, có khả năng phát sinh thanh tịnh, gọi là Địa, đức lực tự tại ngã, gọi là Thần. Từ những pháp môn này nên gọi là phẩm Kiên Lao Thần đất. Phẩm này là ý thứ tư trong phần Thiên Vương Hộ pháp, dịch là "Dũng địa vị tư ích thỉnh thuyết thính đẳng địa (đất tuôn món ăn giúp ích cho tất cả những người thỉnh cầu - giảng nói - nghe nhận...).

2. Giải thích văn kinh:

Văn chia làm ba:

1. Từ "Bạch Phật..." trở xuống là thệ nguyện từ đất tuôn tràn món ăn ích lợi cho hành giả.

2. Từ "bấy giờ, Phật bảo..." trở xuống là Như lai nói rõ sự thành tựu.

3. Từ "bấy giờ Thần đất..." trở xuống là phát thệ nguyện mở mang kinh pháp.

- Phần Đất tuôn món ăn, văn chia làm ba:

1. Từ "Bạch Phật..." trở xuống là nói về lợi ích của bản thân, tất cả y theo tám việc xoay vần thêm lớn, nhờ nghe pháp cho nên pháp vị thêm lớn, pháp vị thêm lớn cho nên sức khỏe thêm lớn, sức khỏe thêm lớn cho nên mặt đất tuôn món ăn thêm lớn, món ăn từ đất thêm lớn cho nên tất mọi vật thêm lớn, tất cả mọi vật thêm lớn cho nên năm thứ quả của chúng sinh thêm lớn, năm thứ quả thêm lớn cho nên tu hành thêm lớn, tu hành thêm lớn cho nên cúng dường thêm lớn, cúng dường thêm lớn cho nên mở mang truyền bá thêm lớn... tất cả như trong văn.

2. Từ "Vì sao Đức Thế Tôn..." trở xuống là nói về lợi ích của quyến thuộc, là năng lực kinh pháp thêm lớn, tất cả dựa theo năm việc xoay vần thêm lớn, nhờ năng lực kinh pháp cho nên quyến thuộc của mình thêm lớn, quyến thuộc thêm lớn cho nên món ăn của đất thêm lớn,

món ăn của đất thêm lớn cho nên mọi vật thêm lớn, mọi vật thêm lớn cho nên sự vui sướng chúng sinh thêm lớn, sự vui sướng thêm lớn cho nên y báo đều đầy đủ, đầy đủ cũng gọi là thêm lớn.

3. Từ "cho nên Thế Tôn, các chúng sinh này" trở xuống gọi là Báo ân thêm lớn, tất cả dựa theo sáu việc xoay vần thêm lớn, vì biết ân của mình cho nên chuyên tâm lắng nghe thêm lớn, chuyên tâm lắng nghe thêm lớn cho nên công đức thêm lớn, công đức thêm lớn cho nên giáo hóa người khác thêm lớn, giáo hóa người khác thêm lớn cho nên món ăn từ đất thêm lớn, món ăn từ đất thêm lớn cho nên lãnh thọ vui sướng thêm lớn, vì lãnh thọ vui sướng thêm lớn cho nên tin tưởng hồi thí thêm lớn... đều như trong văn.

3. Nghe kinh công đức thêm lớn:

- Phần hai: Đức Phật nói rõ sự thành tựu, văn chia làm hai:

1. Y theo sự nghe kinh mà xoay vần thêm lớn, từ cõi người đến cõi trời, từ cõi trời đến xuất thế, ngày đêm được hưởng sự vui sướng không thể suy nghĩ bàn luận, tức là sự an vui xuất thế. Những gì Thần đất đã nói chỉ là sự thêm lớn ở đời hiện tại, Như lai nói về sự thành tựu, văn từ tuy sơ lược nhưng ý rất sâu xa.

2. Nói về sự thành tựu cúng dường thêm lớn, từ cõi người đến cõi trời, từ cõi trời đến xuất thế, nghĩa lý sâu xa dựa theo trước có thể biết...

- Phần ba: Phát thệ nguyện che chở kinh, văn chia làm ba:

1. Thệ nguyện che chở người nói pháp.

2. Thệ nguyện che chở sự hóa đạo thông suốt.

3. Thệ nguyện che chở người nghe pháp... như văn

GIẢI THÍCH PHẨM TÁN CHI QUỶ THẦN

1. Giải thích tên phẩm:

Vốn là âm Phạn, lẽ ra nên dịch là Tán Chi Tu-ma, Hán dịch là Mật. Mật có bốn nghĩa, đó là Danh mật - Hạnh mật - Trí mật và Lý mật. Bởi Bắc phương Thiên Vương Đại tướng, ba phương còn lại đều có, Đông phương gọi là Lạc Dục, Nam phương gọi là Đàn Đế, Tây phương gọi là Thiện Hiện, đều có năm trăm quyến thuộc, cai quản lãnh đạo hai mươi tám bộ. Kinh Khổng Tước Vương chép: "Một phương có bốn bộ, sáu phương có hai mươi bốn bộ, bốn duy mỗi duy đều có một bộ, hợp thành hai mươi tám bộ". Người giảng nói cho rằng: "Một phương có năm bộ, đó là Địa Nước Lửa Gió Không, bốn phương có hai mươi bộ, tất cả bốn vị vua trời thống lãnh tám bộ, đó là hai mươi tám bộ".

2. Giải thích chánh văn:

Tuần hành khắp thế gian thưởng thiện phạt ác, đều do Tán Chi cai quản, nghe kinh vui mừng phát thệ nguyện che chở cho người nói người nghe, từ người che chở mà được tên gọi, nên gọi là phẩm Tán Chi... Văn chia làm bốn đoạn:

1. Từ "Bạch Phật..." trở xuống là phát thệ nguyện che chở.

2. Từ "Nhân duyên gì..." trở xuống là nói rõ có đức năng hộ.

3. Từ "Đại tướng Tán Chi..." trở xuống là thệ nguyện dùng trí lực để làm lợi ích cho người nói.

4. Quy kính bổn sư: Đoạn một có bài tựa của người kiết tập, chính thức phát thệ nguyện, đều như trong văn. Đoạn nói về công đức lại chia làm ba:

a) Nêu ra.

b) Nói rõ.

c) Kết luận. Phần nêu ra như văn. Phần nói rõ lại chia làm ba: năm câu đầu nói rõ Trí, năm câu kế là nói rõ Cảnh, năm câu tiếp nói rõ Chánh. Ba lần xưng Thế Tôn, biết là ba thứ ý.

3. Thế nào là mật, chẳng phải mật:

Thần đã gọi là Mật, nói tên gọi hiển bày đức, nên bàn về ý nghĩa của Mật, nếu trí cạn sâu có tầng bậc thứ lớp thì không gọi là Mật, ngay nơi một trí là tất cả trí, tất cả các trí là một trí, chẳng phải một chẳng phải tất cả, mà là một mà là tất cả, đó là Trí Mật. Nếu đạt được ý này thì năm câu là một câu, một câu thành năm câu, chẳng phải một chẳng phải năm, mà là một mà là năm. Chỉ có số - chỉ có mật. Nếu cảnh dùng trí biết, được dùng miệng để nói, thì cảnh ấy chẳng phải Mật; không

thể dùng trí biết được, không thể dùng thức hiểu được, không thể dùng tên gọi để gọi, không thể dùng lời để nói, đó gọi là Cảnh Mật không thể suy nghĩ bàn luận. Nhưng dựa theo năm số để nói về Mật thì trường hợp trước rất dễ hiểu. Nếu đối với tà đạo nói về chánh đạo, đối đãi hai bên mà nói về trung đạo, thì chánh đạo này chẳng phải chánh, Trung đạo này chẳng phải trung, đầu chẳng phải Mật, ngay nơi tà là chánh, ở ngay nơi biên là trung, tà chánh, trung biên không hai không khác, ấy mới gọi là Mật.

4. Dẫn kinh làm sáng tỏ:

Kinh Tư Ích chép: "Nếu dùng tâm phân biệt tất cả các pháp thì tất cả các pháp là tà, nếu không dùng tâm phân biệt tất cả các pháp thì tất cả các pháp là chánh". Tức là nghĩa ấy. Bản thân thực hành chánh đạo, hoặc là cảnh, hoặc là trí từ đây được tên gọi, chỉ có một mình đức Thế Tôn tự chứng biết... Lại nữa, ba lần này đều là thân khẩu ý mật, năm câu trước nói là biết, biết tức là ý mật; năm câu kế nói về hiện thấy, hiện thấy thuộc về mắt, mắt thuộc về thân, tức là thân mật, năm câu sau nói về chánh giải, cho chánh giải nên nói là chánh phân biệt, phân biệt tức là khẩu mật. Vì thế nói là không hiển bày là nghĩa của Mật. Nói tên gọi như thế thì nghĩa của mật đã hiển bày, thưởng thức ý vị không gì hơn lược nói.

5. Giải thích nghĩa lý của ba quán:

Từ "Thế Tôn còn biết tất cả pháp..." trở xuống là giải thích về nghĩa lý của ba quán. Hai câu "biết tất cả pháp, tất cả duyên pháp" đều là pháp cảnh do nhân duyên sinh ra, vì sao? Vì năng sinh làm nhân là câu đầu, sở sinh làm duyên là câu thứ hai, năng sở hòa hợp cho nên các pháp sinh khởi. Trung Luận chép: "Pháp do nhân duyên sinh, tức là nghĩa này. Rõ tất cả là hiểu rõ thấu suốt các pháp đều không thật; có Trung Luận chép: Pháp do nhân duyên sinh, ta nói tức là không" đó là từ giả quán đi vào không quán. "Tri bờ mé của pháp là biết rằng không chẳng phải là không, dùng trí đạo chủng để phân biệt giả danh và pháp của phàm thánh không có khác nhau; Trung Luận nói: "Cũng gọi là Giả danh" đó là từ không quán đi vào Giả quán. "Như pháp an trụ tánh như của tất cả pháp" là dùng hai quán làm phương tiện để được đi vào Trung đạo nghĩa đế bậc nhất. Trung Luận nói: "Cũng gọi nghĩa Trung đạo" tức là quán trung đạo nghĩa đế bậc nhất. "Gồm thọ tất cả pháp" tức là chánh quán trung đạo, có thể đồng thời soi chiếu hai đế, cho nên nói là Gồm thọ. Nếu ba quán là "một khác, ngang dọc, chung riêng" thì điều đó không gọi là Mật quán, ngay nơi một là ba, ngay nơi ba là một,

gọi là Mật. Muốn biết trí ở lời nói, nói tức là Khẩu mật.

6. Giải thích nghĩa ba đế ba giải thoát:

"Thế Tôn con hiện thấy..." trở xuống năm câu là giải thích về nghĩa của ba đế, ba giải thoát. "Hiện thấy ánh sáng trí tuệ không thể suy nghĩ bàn luận, quang là thật trí, như ánh sáng mặt trời thường soi sáng không dứt, thật trí này soi chiếu cảnh Chân-đế không thể suy nghĩ bàn luận, thành tựu viên tịnh giải thoát. Đuốc trí, hạnh trí, nhóm trí không thể suy nghĩ bàn luận đều là quyền trí, như người đốt đuốc co tay lại soi các đồ vật, thoắt ẩn thoắt hiện tùy theo cơ duyên, hoặc đây hoặc kia, hành là nghĩa của nhân, nhóm là nghĩa của quả, từ nhân hướng về quả, quả hưng khởi nên nhân tàn lụi, đây đều là quyền trí soi chiếu cảnh tục đế không thể suy nghĩ bàn luận, thành tựu phương tiện giải thoát. Trí cảnh không thể suy nghĩ bàn luận là pháp như trí, trí này thầm hợp với pháp như như, cho nên nói là trí cảnh không thể suy nghĩ bàn luận, trí này soi chiếu Trung đạo nghĩa đế bậc nhất không thể suy nghĩ bàn luận, thành tựu Tánh tịnh giải thoát. Nếu ba quán ba giải thoát là "một khác, ngang dọc, chung riêng" thì điều đó chẳng phải không thể suy nghĩ bàn luận.

7. Giải thích ba thân:

Vì không "một khác" không "chung riêng" nên gọi là không thể suy nghĩ bàn luận, vì không thể suy nghĩ bàn luận cho nên gọi là Mật. Từ "Thế Tôn con đối với các pháp..." trở xuống năm câu là giải thích về ba thân. chánh giải chánh quán, chánh giải có công năng hiển bày thể, hiển bày thể gọi là chánh quán, chánh quán là Báo thân. Chánh phân biệt chánh giải đối với duyên là phân biệt cơ duyên, không đợi thời, không vượt quá thời, ứng khắp tất cả, tức là ứng thân. Chánh năng giác liễu nghĩa là chẳng giác, chẳng phải không giác gọi là Giác, chẳng phải liễu chẳng phải bất liễu gọi là liễu, giác liễu rốt ráo thanh tịnh tức là pháp thân. Nếu ba thân này là ngang dọc, một khác thì không gọi là chánh, chẳng phải một chẳng phải khác, không có trước không có sau, nên gọi là chánh, chánh tức là Mật. Dựa theo chánh để trình bày về Pháp thân, tức là nghĩa Kim. Y theo quán để nói về trí Bát-nhã, tức là nghĩa Quang. Y cứ theo giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận tức là nghĩa Minh. Ba đức là kho tàng bí mật sinh ra kiến giải bí mật, an trú trong nghĩa bí mật của sự nhiệm mầu. Từ giáo nghĩa bí mật sinh ra kiến giải bí mật, an trú trong nghĩa bí mật, thực hành hạnh nguyện bí mật, vì bí mật lợi tha cho nên Ngã gọi là Mật, chỉ mong đức Thế Tôn tự sẽ chứng biết.

8. Giải thích thành tựu lẫn nhau:

Mười lăm câu này là giải thích sự thành tựu lẫn nhau, hoặc chánh giải chánh quán mười lăm câu đều là chánh giải chánh quán. Nếu mười lăm câu ánh sáng trí tuệ không thể suy nghĩ bàn luận đều là ánh sáng trí tuệ không thể suy nghĩa bàn luận, hoặc ta biết mười lăm câu đều là Tri... lại dùng năm thứ Phật tánh giải thích ấy là chánh tánh, duyên tánh, liễu tánh, ba tên gọi không khác, lại có một nhà dùng quả tánh, cảnh giới tánh là năm loại, lại có một nhà dùng quả tánh, quả quả tánh làm năm loại. Nếu chọn quả quả tánh thì không có cảnh giới tánh, vì thuộc về quả tánh. Bởi vì khai hợp khác nhau cho nên cuối cùng thành năm loại. Nay dùng năm trí đối với năm Phật tánh. "Con biết tất cả pháp" biết trong tất cả pháp đều có tánh an vui, tánh an vui đó là Phật tánh chánh nhân. "Tất cả duyên pháp" là vô lượng công đức của hạnh lành như cúi đầu, giơ tay là Phật tánh Duyên nhân. "Rõ tất cả pháp" tức là Bát-nhã không tuệ, là Phật tánh liễu nhân. "Biết bờ mé của pháp" tức là không lạm dụng nhân quả thế gian và xuất thế gian, là cảnh giới nhân Phật tánh. "Như pháp an trú như tánh", tức là quả tánh rốt ráo an trú trong chân như. "Gồm thọ tất cả pháp "tức là quả tánh này có công năng đồng thời soi chiếu gồm thọ. Nếu chọn quả quả tánh thì lấy "biết bờ mé của pháp làm quả tánh, khắc quả trí chiếu rõ ràng làm bờ mé, an trú như tánh gồm thọ làm quả quả tánh... Nếu như vậy thì năm câu của hai loại sau lẽ ra cũng nên đối với năm loại Phật tánh, Tuy sự không giải thích nhưng nghĩa lệ theo đây nên như thế, chỉ cần lược bỏ văn để giải thích rõ nghĩa đó giúp cho lãnh hội được tất cả. Từ "Thế Tôn vì nghĩa này cho nên..." trở xuống là văn kết luận.

9. Văn kết luận:

Từ "Thế Tôn, Đại tướng Tán Chi..." trở xuống là phần ba phát thệ nguyện, dùng trí biện tài để làm lợi ích cho người giảng nói văn chia làm hai: Đầu tiên lợi ích cho người hóa độ (năng hóa); kế là lợi ích cho người được hóa độ (sở hóa). Lợi ích cho người hóa độ chia làm ba: Từ trang nghiêm ngôn từ..." trở xuống là lợi ích cho khẩu nghiệp; từ "các vị tinh khí..." trở xuống là lợi ích cho thân nghiệp; từ "Tâm tinh tiến mạnh mẽ..." trở xuống là lợi ích cho ý nghiệp. Từ "Vì lý do ấy..." về sau là lợi ích cho người hóa độ, phần này cũng chia làm ba: "Vì lý do đó cho nên nói rộng kinh này, đây là người chưa gieo trồng gốc lành khiến cho họ gieo trồng; từ "Nếu các chúng sinh..." trở xuống là người đã gieo trồng thì được thành thục; từ "Vô lượng chúng sinh..." trở xuống là người đã thành thục khiến cho giải thoát, tất cả như trong văn, phần tiêu văn (văn

giản lược) này rất hay. Từ “Nam-mô Bảo Hoa...” trở xuống là phần bốn - văn quy kính bổn sư. Đức Phật nói tất cả các kinh, đầu tiên đều là quy kính, nhưng người dịch bỏ bớt; các luận trước hết cũng lấy quy kính làm đầu. Văn này nói xong mới quy y Tam Bảo, có thể tìm thấy trong văn.

■

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ

QUYỂN 6

GIẢI THÍCH PHẨM CHÁNH LUẬN

1. Giải thích tên phẩm Chánh luận:

Chánh Luận: Chánh gọi là Thánh, Thánh có hai loại:

1) Thánh thế gian.

2) Thánh xuất thế gian.

Luận gọi là chân thật, một là suy xét đúng đắn về sự, hai là suy xét đúng đắn về lý. Phẩm này là những pháp luật lâu đời của Tiên vương truyền trao đời này sang đời khác, Tiên vương truyền cho Lực Tôn Tướng, Lực Tôn Tướng truyền cho Tín Tướng, Tín Tướng truyền cho con mình, con mình truyền cho đời sau, đời đời chánh Thánh, đời đời thiện thật, tức là pháp ngôn của Tiên Vương, cũng là thế giới tất-đàn mà đặt tên, nên gọi là phẩm Chánh Luận. Vua thực hành pháp này tương ứng với pháp luật thì âm dương nhờ đó được điều hòa, mặt trời mặt trăng nhờ đó được thuận chiều, hoa màu lúc thóc nhờ đó được dồi dào, muôn dân nhờ đó được yên vui, xã tắc nhờ đó được thanh bình, sự cai trị chăn dắt nhờ đó được tốt đẹp, tức là dân chúng được hòa thuận, trên dưới không còn oán thù, cũng là vị nhân tất-đàn mà đặt tên, nên gọi là phẩm Chánh Luận.

2. Lợi ích khi sử dụng pháp này:

Vua sử dụng pháp này thì kẻ địch bên ngoài không dám mưu toan, kẻ gian bên trong không dám kinh động, các sao yêu quái không dám xuất hiện, thú dữ sâu bọ không dám hoành hành, gió bão lũ lụt không xảy ra, dịch bệnh băng tuyết không dám lấn hiếp, cho nên họa họan không xảy ra, tai nạn không sinh khởi, cũng là Đối-trị-tất-đàn mà đặt tên, nên gọi là phẩm Chánh Luận. Điều lành trên cuộc đời này vốn có từ Kim Quang Minh, từ Kim Quang Minh sinh ra Chánh Luận này. Nêu sử dụng Chánh Luận này thì cung điện thân thể của các vị trời nhờ đó được sáng ngời, sinh lực uy thế của các vị trời nhờ đó được tăng thêm,

tâm của các vị trời nhờ đó được vui sướng gấp bội, pháp vị của các vị trời nhờ đó được tăng thêm vô cùng sâu xa, tức là chí đức yếu đạo của tiên vương, cũng là Đệ-nhất-nghĩa tất-đàn mà đặt tên, nên gọi là phẩm Chánh Luận. Văn này là ý thứ hai trong phần Lưu thông, nói về vua cõi người mở mang kinh pháp cảm thông thầm hợp với Thánh, Thiên Vương giúp đỡ, giúp cho hưng thịnh. Văn chia làm hai:

1. Văn xuôi nói về Sự Bổn.

2. Kệ tụng nói về chánh luận. Trong văn xuôi, đối với Thần đất nói về tôn tướng xưa kia, như văn. Kệ tụng có tám mươi hai bài, chia làm bốn đoạn: đầu tiên hai bài rưỡi là nhóm hợp đại chúng, tiếp theo ba bài rưỡi là nêu lên câu hỏi, tiếp theo một bài là kết thúc câu hỏi bắt đầu trả lời; sau cùng bảy mươi lăm hàng là Phạm Thiên trả lời, tức nói về Chánh Luận. Phần nhóm họp đại chúng, văn chia làm ba: một bài đầu là Đức Phật nói vế Tôn tướng sắp làm Thiên tử, nói bổn pháp của Tiên Vương, một bài kế là Đức Phật nói về Tôn Tướng, khuyên nhủ lắng nghe; nửa hàng tiếp theo là nói về nơi chốn nói luận.

3. Bốn vị vua trời nêu bốn câu hỏi:

Tiếp đến bốn vị vua trời nêu bốn câu hỏi:

1) Hỏi rằng vì sao gọi người là trời.

2) Hỏi rằng chẳng phải trời sinh ra sao lại gọi là con trời.

3) Hỏi rằng ở cung điện của vua vì sao gọi là trời.

4) Hỏi rằng dùng pháp của người cai trị người thế gian sao lại gọi là trời? Kế đến một bài là thành tựu phần trước phát khởi phần sau, có thể thấy...

Hỏi đã có bốn thì đáp cũng có bốn:

Đáp rằng: các vị trời giúp đỡ nhập vào thai mẹ nên tuy là con của loài người nhưng xưng là Thiên tử, ba mươi ba cõi trời đều là phân rõ đức của mình, tuy là ở loài người nhưng gọi là Trời, tuy ở cung điện loài người mà dùng luật trời để cai trị thế gian, nên tuy là chúa tể loài người mà xưng là Trời, tuy dùng pháp của loài người cai trị thế gian mà lại khiến cho chúng sinh làm việc lành, phần nhiều sinh lên cõi trời, vì trong nhân nói về quả cho nên xưng là Trời. Từ “Nay ông tuy dùng” trở xuống là Phạm Thiên trả lời, văn chia làm hai: Mười bài rưỡi đầu là trả lời sơ lược; sáu mươi bốn bài rưỡi sau là trả lời rộng ra. Trong phần trả lời sơ lược có bốn: Một bài rưỡi đầu tiên là đồng ý trả lời, tiếp từ “vì tập nghiệp cho nên...” trở xuống một bài là nêu ra sơ lược nhân xưa quả nay để trả lời nghĩa câu hỏi về nghĩa vua.

4. Nêu ba nghĩa để trả lời câu hỏi về nghĩa trời:

Kế là năm hàng là nêu ra ba nghĩa để trả lời câu hỏi về nghĩa Trời, kế là ba bài là nêu ra ba nghĩa lần lượt trả lời câu hỏi về nghĩa vua. Trả lời về Trời, nêu ra ba nghĩa là chưa vào thai mẹ, đã vào thai mẹ, đức lực tăng thêm. Vì bảo vệ thai nên gọi là Thiên tử, là trả lời câu hỏi thứ hai. Vì có phần đức cho nên có đức của trời, do vậy gọi là Trời, là trả lời câu hỏi thứ nhất. Thần lực gia hộ tu thiện ngăn ác, về sau chắc chắn sinh lên cõi trời, trong nhân nói về quả cho nên gọi là Trời, là trả lời câu hỏi thứ ba, thứ tư về chánh pháp cai trị thế gian là câu hỏi về Trời. Trả lời ba nghĩa về một nửa gọi là trời đã xong. Từ một nửa tên gọi là vua cõi người về sau là trả lời có ba nghĩa nên gọi một nửa là vua.

1) Gọi là chấp lạc (giữ gìn an vui) - an vui nhờ nơi nhà vua, nhà vua giữ gìn sự an vui này giúp cho khắp thiên hạ được hòa bình, ba ngày một làn gió, mười ngày một cơn mưa, người già được nhường kính, trẻ nhỏ cưỡi ngựa tre, ai không quy kính đức độ, vì thế người giữ gìn sự an vui gọi là vua.

2) Là ngăn dứt điều ác, trừ hại cho dân, trời không hạn hán, đất chẳng lũ lụt, người nào không quy kính đức độ, cho nên người ngăn dứt điều ác gọi là vua.

3) Là cha mẹ, chỉ dạy họa phước, dẫn dắt thiện ác, đặt ra lễ nghĩa, làm điều yên vui cho nên dân chúng biết mà phòng tránh, người nào không quy kính đức độ, cho nên cha mẹ gọi là vua. Có khả năng cha mẹ cho dân chúng thấp kém, cho nên các vị trời bảo vệ gọi là Thiên tử. Vì ngăn dứt điều ác không phát khởi cho nên các vị trời phân đức gọi là Trời. Vì giữ gìn sự an vui cho nên trong nhân nói về quả lại gọi là Trời. Không phải chỉ phân nửa hai nghĩa tên gọi vua cõi người.

5. Nói rộng về phi pháp:

“Nếu có việc ác...” trở xuống là ba mươi chín bài ba câu nói rộng về phi pháp, không thể gọi là Trời, không thể gọi là vua, sáu nghĩa đều mất, ba mươi ba cõi trời đều sinh tâm tức giận các vị vua trời này nói với nhau: vị trời này không phân đức vì không phân đức cho nên không được gọi là Trời. Xa lìa pháp lành nuôi lớn pháp ác, thì không có nhân cõi trời, lẽ nào có thể trong nhân nói về quả khen ngợi người là Trời hay sao? Sinh tâm rất buồn khổ nghĩa là không giữ gìn sự an vui, dịch bệnh tràn lan khắp nơi nghĩa là không ngăn dứt điêu ác; dù cho xấu ác cũng không đoái hoài là nghĩa không phải cha mẹ...

6. Tiếp tục nói rộng về sáu nghĩa:

Từ “phải nên trị tội...” trở xuống hai mươi bốn bài ba câu là tiếp tục nói rộng về sáu nghĩa. Phải nên trị tội tức là nghĩa cha mẹ, các vị

trời che chở tức nghĩa là Thiên tử, vì dứt trừ pháp ác tức là nghĩa người đứng đầu, người đứng đầu gọi là cai quản quân lính, ngăn dứt chế ngự ác quỷ, quỷ sợ người chỉ huy quân binh cho nên không dám lộng hành, tu tập tăng tiến pháp lành tức nghĩa là giữ gìn sự an vui, nên đều nói cho nghe, tức nói về nghĩa nhân quả, các vị trời nghĩa là phân đức. Còn muốn dùng sáu nghĩa lược bỏ văn, đều có thể tìm hiểu... Trong đây sẽ nói về nghĩa của quán, tự tư duy điều đó... Hỏi: Kim Quang Minh là cội gốc của chánh luận, ý đó như thế nào? Thiên là pháp tánh, là Kim, pháp tánh là nơi nương tựa cho nên nói là Trời che chở. Phân đức tức là Quang, báo thân thầm hợp với pháp tánh, tức là phân đức. Thần lực được tăng thêm tức là Minh... Lại nữa, cha mẹ tức là Kim, vì pháp tánh là cha mẹ. Ngăn dứt điều ác tức là Quang, giữ gìn sự an vui là Minh. Lấy điều này làm cội gốc cho nên có khả năng chánh luận. Như một nửa tên gọi vua cõi người, một nửa tên gọi là Trời, vì một nửa gọi là chánh luận của thế gian, một nửa gọi là chánh luận xuất thế gian, gốc ngọn liên quan nhau, tức là ý này.

GIẢI THÍCH PHẨM THIỆN TẬP

1. Giải thích tên phẩm Thiện Tập:

Vị vua chuyển luân này nhóm họp các pháp lành như người thuyền trưởng, biển cả pháp lành không có bờ bến nhưng sáu độ thâu nhiếp tất cả, sáu độ lại rộng lớn, sơ lược thâu nhiếp vào hai độ, đó là đàn và trí. Cầm viên ngọc như ý, xả bỏ bốn mặt đất cùng châu báu trong biển khơi để dùng bố thí, tức là tu hội về Đàn hạnh. Đứng chấp tay thỉnh cầu tôn giả Bảo Minh, tuyên dương giảng nói kinh Kim Quang Minh này, tức là tụ hội về Trí hạn, Đàn - Trí đã như vậy thì các pháp khác cũng giống như thế, từ hạnh mà đặt tên nên gọi là phẩm Thiện Tập. Sáu độ này không đồng là thế giới tất-đàn tập thiện; tu tập năm độ là vị nhân tập thiện; tu tập trí độ là Đối trị tập thiện; đều là Ba-la-mật, là Đệ-nhất-nghĩa tập thiện.

2. Phần nói chung có hai:

Từ bốn tập này mà đặt tên cho nên nói là phẩm Thiện Tập. Phẩm này là vua cõi người mở mang kinh điển thứ hai, trên nói về chánh kiến thế gian, cảm động đến trời đất, ở đây là nói về chánh kiến xuất thế gian cảm động đến hiền thánh...

Văn chia làm hai:

1) Nói với Thần đất.

2) Dùng kệ để nói. Phần kệ có năm mươi bốn bài rưỡi, chia làm hai đoạn: Ba bài đầu nói về nhân địa hành đàn, năm mươi mốt bài rưỡi kế là nói riêng về thiện tập, thí tài, thí pháp.

3. Phần nói riêng có sáu: Phần trình bày riêng có sáu:

1) Sáu bài rưỡi nói về Sự bổn.

2) Mười một bài rưỡi nói về Thánh Vương thỉnh pháp.

3) Mười chín bài rưỡi nói về Tôn giả tuyên dương.

4) Mười bài rưỡi nói về Luân Vương thực hành bố thí.

5) Hai bài kết luận nhóm họp xưa nay.

6) Mười bài rưỡi trích dẫn nhân quả để chứng minh, khuyến khích. Tất cả như trong văn. Y theo phẩm này nói về Kim Quang Minh, khéo tập Ba-la-mật là Kim, tập Bát-nhã là Quang, tập năm độ là Minh. Y theo luận giả Bảo Minh, ở trong một hang là Kim, khuôn mặt như trăng rằm là Quang, đọc tụng kinh điển như vậy là Minh.

Kế là y theo người thực hành - ở trong động là Kim, đồng ý giảng nói cho nhà vua nghe là Quang, nhà vua cầm ngọc châu như ý tuôn ra châu báu khắp bốn châu thiên hạ là Minh.

GIẢI THÍCH PHẨM QUỶ THẦN

1. Giải thích tên phẩm Quỷ Thần:

Chữ Quỷ theo Huấn Quy còn gọi là úy. Quả báo thường sợ hãi như A-tu-la... Lại nói là uy, có khả năng làm cho người khác sợ hãi uy lực của mình. Thần là khả năng, khả năng to lớn ấy có thể dời núi lấp biển, khả năng nhỏ bé hơn thì có thể biến hóa khi ẩn khi hiện. Phẩm này cũng nêu ra tất cả trời rồng các thần sông biển, mặt trăng, mặt trời... Phẩm trên đã nói về Trời rồi nên ở đây không nhắc lại, tuy có các đường chung riêng, nhưng văn thường nói về Quỷ Thần, thuận theo phần nhiều cho nên lấy đầu đề của phẩm. Phẩm này là phần thứ ba, tất cả trời rồng thần quỷ, thiên linh, địa kỳ thảy đều phát thệ giảng nói, mở mang khắp mọi nơi để khuyến khích truyền bá. Văn chia làm hai: Một là văn xuôi, hai là kệ tụng.

2. Nói về ba thân Phật:

Trong phần Văn xuôi đầu tiên nêu ra sự riêng biệt, kế là cúng dường đầy đủ. Sự việc riêng biệt nghĩa là Đức Phật từ trong từ bi khởi tâm thọ nhận sự cúng dường, đó là Ứng Phật, Đức Phật từ trong chân như phát khởi giác tri, trí hợp với như, đó là Báo Phật, tất cả các pháp đều là hành xứ của các Đức Phật, đó là pháp Phật. Giải thích như vậy là ba thân Phật trải qua cách biệt. Nếu tu cúng dường về sự thì cúng dường về pháp, là cách cúng dường bậc nhất trong mọi cách cúng dường. Cúng dường bậc nhất là cúng dường tất cả các Đức Phật, năng thuyết văn tự là ứng Phật, năng thuyên là báo Phật, sở thuyên là pháp Phật, kính trọng văn tự tức là tôn kính ba thân Phật, cũng là tôn kính các Đức Phật ba đời. Các Đức Phật sinh ra từ đây, cho nên cúng dường văn tự tức là cúng dường tất cả các Đức Phật... Lại nữa, thời gian khác nhau nghe được nhiều lần càng thêm nhớ kỹ. Trong Văn xuôi nêu ra bốn nguyện muốn từ đó có một lời khuyên. Nếu muốn biết hành xứ của Phật, thì hành xứ ấy chính là cảnh như như của pháp Phật. Muốn biết, biết là trí như như của Báo Phật. Có thể nghe kinh này, kinh này tưc là văn tự, văn tự tức là Ứng Phật. Nghe là thuận theo lời Phật chỉ dạy, tức là pháp cúng dường, pháp cúng dường tức là cách cúng dường bậc nhất.

3. Nêu ra sự đầy đủ tốt đẹp để khuyến khích tu tập:

Nghe kinh làm phát sinh giác trí, giác trí phát sinh tức là Phật thọ nhận cúng dường. Việc nghe kinh có đầy đủ các nguyện ước, chỉ đầy đủ một việc thì đầy đủ các việc khác. Phần kệ có một trăm lẻ hai bài rưỡi, chia làm sáu: 1. Từ “nếu muốn cúng dường...” trở xuống bài tụng mười

một bài, Văn xuôi ở trước, chỉ có thể nghe kinh tức là nêu ra sự đầy đủ tốt đẹp để khuyến khích tu tập; 2. Từ "Hễ đến chỗ nào..." trở xuống ba bài rưỡi nêu ra việc nghe kinh thì tránh khỏi tai họa để khuyến khích tu tập; 3. Từ "Chỗ nói pháp..." trở xuống sáu hàng nêu ra sự nghe kinh dẫn đến linh nghiệm báo điềm lành để khuyến khích tu tập; 4. Từ "Uy đức tướng mạo..." trở xuống năm bài rưỡi nêu ra chỉ cần nghe kinh sẽ có uy lực để khuyến khích tu tập; 5. Từ "Đại phạm Thiên vương..." trở xuống ba mươi tám bài rưỡi nêu ra sự nghe kinh có thể tập trung được trời rồng, quỷ thần để khuyến khích tu tập; 6. Từ "Đối với các chúng sinh..." trở xuống hai mươi tám nêu ra chỉ cần nghe kinh thì có thể làm cho đất nước được yên vui để khuyến khích tu tập...

4. Giải thích danh từ:

Cổ đạo: Bốn vị vua trời điều khiển vị thần tên là Di-lật-hiển-kiền-già-đà, Hán dịch là Thiện phẩm, là chúa tể của loài cổ độc. Ma-hê-thủ-la, ở các kinh khác dịch là đại tự tại, kinh Quán Đảnh dịch là Uy Linh Đế, Ma-ni-bạt-đà Hán dịch là Uy Phục Hành, Phú-na-bạt-đà Hán dịch là Tập Chí Thành, Kim-tỳ-la Hán dịch là Uy Như Vương, Tân-đầu-lô-già Hán dịch là Học Đế Vương, Ma-kiệt-bà-la Hán dịch là Trừ Khúc Tâm, Tú-lợi-mật-đa Hán dịch là Hữu Thiết Huân, Lặc-na-sí-xa Hán dịch là Điều Hòa Bình, Kiếm-ma-xá-đế Hán dịch là Phục Chúng Căn, Xa-la-mật-đế Hán dịch là Độc Xứ Khoái, Hê-ma-bạt-đà Hán dịch là Ưng Xá Chủ, Tát-đa-kỳ-lê Hán dịch là Đại Lực Thiên, Ba-lợi-la-hầu Hán dịch là Dũng Mãnh Tiến, Tỳ-ma-chất-đa Hán dịch là Cao Viễn, Thiểm-ma-lợi-tử Hán dịch là Anh Hùng Đức, Ba-ha-lê-tử Hán dịch làUy Vũ Thạnh, Khư-la-khiển-đà Hán dịch là Hống Như Lôi, Cưu-la-thiện-đề Hán dịch là Chiến Vô Địch. Nhân giải thoát là giải thoát nghiệp chướng, quả giải thoát là giải thoát báo chướng, độ các hữu là giải thoát phiền não chướng.

GIẢI THÍCH PHẨM THỌ KÝ

1. Giải thích tên phẩm:

Thọ ký có bốn thứ, ở đây là hai loại... Thọ là trao cho, ký là ghi nhận sự thành tựu đạo quả. Ở đây trao việc ba vị đại sĩ và một muôn vị trời đời tương lai sẽ thành Phật. Cho nên nói là thọ ký, cũng gọi là Thọ Biệt, cũng gọi là Thọ Quyết. Trao truyền số lượng thời kiếp, cõi nước gọi là Biệt, suy xét chân thật không luống dối gọi là Quyết, từ Đức Phật truyền nên gọi là Trao, từ sở đắc gọi là Thọ (nhận lãnh). Ở đây, từ Đức Phật truyền trao nên nói là Thọ Ký. Đây là ý thứ tư trong phần Lưu thông, nêu ra nhân xưa kia thực hành kinh pháp, mới thành tựu quả tròn đầy cùng cực, chứng minh sự mở mang giữ gìn không luống dối để khuyến khích truyền bá. Văn chia làm hai:

1. Trao truyền thọ ký.
2. Nghi ngờ sự thọ ký.

1) *Phần trao truyền thọ ký chia làm hai*:

a) Trao truyền thọ ký cho ba vị Đại sĩ.

b) Trao truyền thọ ký cho mười ngàn vị trời.

* Trao truyền thọ ký cho ba vị Đại sĩ chia hai:

- Người có chung duyên thì gom thành một loại.
- Chính là trao truyền thọ ký, thế giới đổi tên gọi là Tịnh Tràng, lẽ ra nói bốn câu, ở đây là một trong bốn câu đó.

* Trao truyền thọ ký cho mười ngàn vị trời lại chia làm hai:

- Nghe kinh sinh kiến giải;
- Chính là thọ ký...

2) Nghi ngờ:

Từ “Bấy giờ đạo tràng...” trở xuống là phần hai, nghi ngờ sự thọ ký, lại chia làm hai:

a) Nghi ngờ nên hỏi.

b) Đức Phật trả lời.

Nghi ngờ rằng dời núi lấp biển không phải công lao trong một ngày, cực quả Bồ-đề chứa nhóm nhiều công hạnh mới hy vọng đạt được, từ cõi Đạo-lợi xuống trong khoảnh khắc công lao nghe kinh không bao lâu, không nghe xưa kia có công hạnh khó suy nghĩ bàn luận, công hạnh đơn sơ mà được thọ ký sâu xa, cho nên nghi ngờ. Như các vị Bồ-tát khác, Bồ-tát thực hành sáu độ, ghim cây tăm xuống đất không chỗ nào chẳng phải là nơi Bồ-tát xả bỏ thân mạng, giới nhẫn, thiền trí đầy đủ trong ba tăng kỳ kiếp; nếu là Bồ-tát Thông giáo thì từ Giả nhập vào

không, chẳng phải dừng lại nơi một đời tu hành, từ không nhập vào Giả thường vượt qua trần sa kiếp, nếu là Bồ-tát Biệt giáo thực hành tất cả các hạnh. Số lượng không thể tính đếm còn không ghi nhớ được, trong giây lát nghe kinh mà được thọ ký bấy giờ đại chúng hoàn toàn nghi ngờ, cho nên Thần cây thưa hỏi.

3. Đức Phật trả lời:

Đức Phật trả lời có hai:

1) Nêu công hạnh hiện tại.

2) Nêu nhân duyên xa xôi.

Công hạnh hiện tại là xả bỏ sự vui sướng nơi cung trời để đến đây nghe kinh, nghe ba vị Đại sĩ được thọ ký Bồ-đề, bổn thệ xưa kia của mình cùng với pháp thực đó, cả ba việc hòa hợp cho nên trao cho sự thọ ký. Ý này chứng minh phẩm Quỷ Thần thành tựu đầu tiên là dùng cách cúng dường bậc nhất để cúng dường các Đức Phật ba đời, và muốn biết được hành xứ của các Đức Phật, nên quyết định dốc lòng lắng nghe kinh điển nhiệm mầu này, tuy có ý chỉ này mà chưa thấy người đó, mười ngàn Thiên tử lúc bấy giờ chính là các vị ấy. Nghe thọ ký sẽ đắc quả chắc chắn có nhân. Do đối với Kim Quang Minh sinh tâm ân trọng, khởi thân công đức, tâm không cấu lụy, khởi thân Bát-nhã, giống như hư không sinh khởi pháp thân, lắng nghe trong sự nhất tâm thì thành tựu trọn vẹn ba đức. Lại có vô lượng công đức, nói không thể hết được. Người này không được thọ ký, vậy thì thọ ký cho ai? Chứng minh công đức nghe kinh, ý là ở đó. Bởi vì tùy theo tướng tu chỉ ra công hạnh hiện tại, hạnh tùy theo tướng thật mà tu, có gốc lành tốt đẹp nhờ vào nhân duyên xa xưa, tướng thật trái với duyên xa xưa nên gieo trồng gốc lành.

4. Nêu nhân duyên xa xưa để trả lời:

Từ "cũng vào thời quá khứ..." trở xuống là nêu nhân duyên xa xưa để trả lời, văn chia làm hai:

1. Sơ lược.

2. Mở rộng. Trong đây một ít văn được lược bỏ, hai phẩm trừ bệnh và Lưu Thủy là trả lời rộng.

GIẢI THÍCH PHẨM TRỪ BỆNH

1. Giải thích tên phẩm:

Trả lời rộng về nhân duyên xa xưa, vì Y Vương chữa bệnh nên nói là phẩm Trừ Bệnh, cùng phân biệt với phẩm Lưu Nước ở sau. Văn chia làm năm:

1) Nguồn gốc của duyên.

2) Duyên xa xưa.

3) Duyên gần đây.

4) Kết thành duyên.

5) Hội tụ duyên. Từ “Phật bảo Thần cây...” trở xuống là nói về duyên xa xưa.

2. Nói về duyên xa xưa có sáu:

Duyên xa xưa chia làm sáu:

1) Nói về người cha.

2) Sinh ra con.

3) Dân chúng trong nước bị dịch bệnh.

4) Người con thưa thỉnh.

5) Người cha nói cho nghe.

6) Biết rồi liền chữa trị khắp nơi.

Người con thưa hỏi chia làm ba: a. Thấy người bị bệnh tật; b. Suy tư ngẫm nghĩ; c. Chính thức thưa hỏi.

3. Câu hỏi có bốn:

Thưa hỏi chia làm bốn:

1) Một bài kệ thưa hỏi về sự thêm bớt của bốn đại.

2) Thưa hỏi về việc phạm phải sai lầm trong ăn uống.

3) Thưa hỏi về cách chữa trị bệnh tình.

4) Thưa hỏi về thời gian căn bệnh phát động về thân lửa bất diệt, ăn no bệnh nóng dần dần hết, thức ăn tiêu hóa thì cơn sốt lại phát sinh, cho nên nói là thân lửa bất diệt. Bịnh phổi có nước: nước nhiều thì tổn hại đến phổi, tức là bệnh đàm.

4. Trả lời có bốn:

Người cha thầy thuốc lại trả lời bốn câu hỏi:

1) Sáu hàng là trả lời về sự thêm bớt của bốn đại

2) Một bài rưỡi là trả lời về phạm phải sai lầm trong ăn uống.

3) Hai bài là trả lời về thời gian căn bệnh phát động.

4) Tám bài kệ là trả lời về cách chữa trị căn bệnh.

Ngay trong sáu bài chia làm hai: Một bài đầu là Đức Phật kể lại

người cha thầy thuốc định trả lời, năm bài kế là trả lời về thời tiết. Thời tiết có hai:

5. Nói về thời tiết:

Pháp thế gian có bốn mùa là: Xuân - Hạ - Thu - Đông, mùa Đông là cuối năm, mùa Xuân là đầu năm. Nhưng đầu tiên nói về là mùa Hạ, hoặc có thể phát khởi từ đây mà nói, hoặc có thể trả lời câu hỏi đúng vào thời gian mùa Hạ. Ba ba mà nói: một mùa có ba tháng, gọi là Mạnh - Trọng và Quý, bốn mùa có mười hai tháng. Dựa theo pháp Đức Phật nói thì một năm có ba mùa, đó là Đông, Xuân, Hạ, mùa Hạ ở cuối năm, mùa Đông ở đầu năm, vì sao? Vì phá chấp thường của các đệ tử, vì đó mở ra việc an cư tháng Ca-đề, cho nên không có mùa Thu. Ba mùa trong pháp của Đức Phật cũng là "Ba ba mà nói". Nếu nói "nhị nhị" đầy đủ sáu thời ấy là dựa theo bốn mùa của pháp thế gian. Mùa (thời) vốn có hai tháng Thổ Ký, bốn quý mỗi quý đều có một tháng. Hai tháng căn bản chỉ là hai tháng âm dương. Một thời chỉ có hai tháng âm dương, hợp lại thành sáu thời. Tháng giêng tháng hai là thời Mộc Vương, tháng tư tháng năm là thời Lửa Vương, tháng bảy tháng tám là thời Kim Vương, tháng mười, tháng mười một là thời Nước Vương, tháng chạp, tháng ba là dương Thổ Ký Vương, tháng sáu và tháng chín, hai tháng này là âm Thổ Ký Vương. Muốn nói về tháng gốc thì cũng nói là "nhị nhị". Nếu luận về Thổ Ký Vương thì cũng nói "nhị nhị" cho nên nói đầy đủ sáu thời. Nếu dựa theo pháp của Đức Phật giải thích về thuyết "nhị nhị" thì pháp của Đức Phật có ba thời, một thời có bốn tháng, đều có sơ phần, hậu phần. Từ ngày mười sáu tháng chạp đến ngày mười lăm tháng hai, hai tháng này là sơ phần Mùa xuân. Từ ngày mười sáu tháng hai đến ngày mười lăm tháng tư, hai tháng này là hậu phần Mùa xuân. Từ ngày mười sáu tháng tư đến ngày mười lăm tháng sáu, hai tháng này là sơ phần Hạ thời. Từ ngày mười sáu tháng sáu đến ngày mười lăm tháng tám, hai tháng này là hậu phần Hạ thời. Từ ngày mười sáu tháng tám đến ngày mười lăm tháng mười, hai tháng này là sơ phần Mùa Đông. Vì thế nói là nếu luận về "nhị nhị" thì đầy đủ sáu thời. Lại nói: Tháng giêng tháng ba là tháng dương, tháng hai tháng tư là tháng âm, tháng năm tháng bảy là tháng dương, tháng sáu tháng tám là tháng âm, tháng chín tháng mười một là tháng dương, tháng mười tháng chạp là tháng âm, cho nên nói là nếu luận về "nhị nhị" thì đầy đủ sáu thời. "Ba ba bổn nhiếp" là dựa theo pháp thế trụ, tháng giêng là tháng chính của mùa Xuân, bao gồm hai tháng sau đều thuộc về mùa Xuân. Tháng tư là tháng chính của mùa Hạ, bao gồm hai tháng sau đều thuộc về mùa

Hạ. Tháng bảy là tháng chính của mùa Thu, bao gồm hai tháng sau đều thuộc về mùa Thu. Tháng mười là tháng chính của mùa Đông, bao gồm hai tháng sau đều thuộc về mùa Đông - là “ba ba bổn nhiếp”. Lại nói: tháng giêng, tháng hai chính thức là mùa Xuân thì Mộc thuộc Trung Vương, Thổ Ký bao gồm tháng ba thuộc về mùa Xuân. Tháng tư, tháng năm đang là mùa Hạ thì Lửa thuộc Trung Vương, Thổ Ký bao gồm tháng sáu thuộc về mùa Hạ. Tháng bảy, tháng tám đang là mùa Thu thì Kim thuộc Trung Vương, Thổ Ký bao gồm tháng chín thuộc về mùa Thu. Tháng mười, tháng mười một đang là mùa Đông thì Nước thuộc Trung Vương, Thổ Ký bao gồm tháng chạp thuộc về mùa Đông. Thổ ký bốn mùa tháng giêng là gốc, mỗi mùa đều có ba tháng thuộc về Thổ, cho nên nói là “Ba ba bổn nhiếp, chủ thuộc về khách, khách là Thổ. Theo Phật pháp nói thì “Ba ba bổn nhiếp” ấy là ban đầu của mỗi mùa đều có ba tháng, đã bỏ đi mùa Thu, vì ba tháng của mùa Thu đều phối hợp vào ba mùa nên mỗi mùa trở thành bốn tháng. Nói về bổn thì ba, nói về nhiếp thì một, cho nên nói là “Ba ba bổn nhiếp”.

6. Nói theo Phật pháp:

Hỏi: Bốn mùa đều có ba tháng, như vậy là “tứ tam bổn nhiếp”, tại sao nói “ba ba bổn nhiếp”? Đáp: Ba là số một, dùng ba mà đếm cho nên nói “ba ba” là gốc. Tùy theo thời tiết tiêu tức lúc ấy: Thời đã nói như trên, hoặc bốn, hoặc ba, hoặc hai, hoặc thâu nhiếp, nhiều loại khác nhau, tùy thời là lấy ý tiêu trừ để cân nhắc kỹ càng sự chọn lấy hay bỏ đi. Nếu theo Phật pháp, không có mùa Thu mà nói mùa Thu phát bệnh, điều này giải thích thế nào? Từ nửa tháng tám về trước tùy theo thế tục gọi là mùa Thu, nhưng lại thuộc về mùa Hạ, nửa tháng tám trở đi thuận theo thế tục gọi là mùa Thu, nhưng thuộc về mùa Đông. Tùy thời tiêu tức là trong pháp thế tục mà cân nhắc kỹ càng. Đại tạ tăng tổn là mùa Xuân bị bệnh gan thì bệnh này có thể chữa trị, mùa Hạ bị bệnh phổi thì bệnh này khó chữa khỏi, cuối mùa Hạ đầu mùa Đông ở trong tiết Thu bị bệnh phổi thì bệnh này có thể chữa trị, nếu bị bệnh gan thì trong giai đoạn này khó chữa khỏi, mùa Đông bị bệnh thận thì bệnh này có thể chữa khỏi, nếu bị bệnh tim thì trong thời gian này khó chữa khỏi. Nói về bốn mùa thêm bớt đại khái như vậy.

7. Hỏi đáp về bốn mùa:

Hỏi: Bốn mùa đều bị bệnh, vì sao bỏ mùa Thu? Giải thích điều này có hai cách: một là phá trừ chấp thường, mùa Thu là mùa muôn vật kết trái, vì phá chấp này cho nên bỏ mùa Thu, Đức Phật vì các đệ tử còn nhiều tâm chấp thường, vì thế bỏ đi mùa Thu.

Kế là vì mở ra tháng Ca-đề sau thời gian an cư, an cư vốn gọi là Hạ tọa, trong nửa tháng tám về trước, nếu là mùa Thu, thì đó là thu tọa, vì nghĩa này cho nên bỏ mùa Thu. Từ "có thầy thuốc giỏi..." trở xuống một bài rưỡi là trả lời về sự xúc phạm, xúc phạm có sáu:

1) Ngồi nhiều.

2) Ngủ nhiều, hai thứ này thường gây ra đàm nên thường đi lại để làm tan đàm.

3) Đi nhiều.

4) Đứng nhiều.

5) Nói nhiều thì sinh bệnh gió, nên ngủ nhiều để trị.

6) Dâm dục nhiều sinh ra tất cả các bệnh, tức là bệnh quanh năm. Nếu lửa ít thì đàm nhiều, nếu lửa nhiều thì tức là độ nóng tăng lên, nếu gió nhiều thổi bùng lửa thì thành bệnh sốt cao, nếu gió nhiều thổi bùng đàm thì trở thành bệnh sốt rét.

8. Sau nguyên nhân do ăn uống bị bịnh:

Cả ba điều này nếu đồng đều thì không sinh ra bệnh. Ăn uống bị bệnh cũng có sáu:

1) Ăn quá nhiều.

2) Ăn quá ít.

3) Đói quá mới ăn.

4) Ăn không đúng bữa; chưa đói nhưng gắng ăn.

5) Ăn những thứ gây trở ngại, như ăn thịt mà lại uống sữa sống khiến cho thân sinh ghẻ lở.

6) Không đáng ăn mà lại cố gắng ăn, như người miền Nam uống tương, người miền Bắc uống mật. Nếu thức ăn hòa với mật thì khiến cho không thể sinh con trai, mỡ heo nấu với thịt cò trắng thì ăn vào khiến cho người bị bệnh ghẻ; nếu mắc bệnh sốt mà uống rượu, ăn lúa mạch và thịt trâu sống, khiến cho người bị mù, thổ huyết, đại tiện ra máu, nếu mắc bệnh đàm mà uống những thứ ngọt béo, mặn chua thì khiến cho người sẽ bị chảy mũi liên tục, lại bị táo bón kiết lỵ. Sáu đại là sáu phủ, là ruột non, ruột già, mật, dạ dày, mạng mỡ, bàng quang.

9. Nói về thời gian bịnh phát khởi:

Từ "thường bị bịnh gió..." trở xuống hai bài là trả lời về thời gian bệnh phát khởi, tháng tư, tháng năm là thời gian gió sinh ra, tháng sáu, tháng bảy là thời gian gió khởi lên, tháng tám, tháng chín là thời gian nhiệt khởi lên, tháng mười đến tháng giêng là thời gian nhiệt diệt đi; tháng tám, tháng chín là thời gian các phần sinh ra, tháng mười, tháng mười một là thời gian các phần khởi lên, tháng mười hai, tháng giêng là

thời gian các phần diệt đi, tháng mười đến tháng giêng là thời gian đàm sinh ra, tháng hai, tháng ba là thời gian đàm khởi lên, tháng tư đến tháng bảy là thời gian đàm diệt đi, đàm là nước thuộc về bệnh phổi. Mùa Hạ động gió: mùa Hạ các lỗ chân lông mở rộng ra, gió bên ngoài vào được nên gió bên trong bị chuyển đổi. Bệnh nóng thụ động: lỗ chân lông bít lại, nhiệt độ ở lại bên trong không lưu hành được nên trở thành bệnh. Đẳng phần đông động, mùa Xuân thì nước phát động nên bệnh phổi là đúng, đến mùa Hạ thì gió phát động nên bệnh về gió là đúng, đến mùa Thu lại phát động nhiệt nên bệnh về nhiệt là đúng, đến mùa Đông đều phát động cho nên tất cả đều là bệnh. Tháng hai, tháng ba là thời gian đàm sinh ra nên tổn hại đến phổi, do đó bệnh phổi phát động.

10. Cách chữa trị bịnh:

Từ "Người bị bệnh gió..." trở xuống tám bài rưỡi là trả lời về cách chữa trị bệnh, văn chia làm ba: Hai bài rưỡi đầu tiên là trước khi chưa mắc bệnh nên dùng thuốc để phòng ngừa; hai bài tiếp theo là nói về dùng thuốc để chữa trị; bốn bài sau là bệnh đã hết nên dùng thuốc để tẩm bổ. Mùa Hạ bệnh về gió nên uống các thứ béo mặn, chua nóng vì những tháng mùa Hạ các lỗ chân lông mở rộng ra, nên dùng các thứ chất béo để làm cho kín lại, khiến gió không thể vào được, mặn chua tánh nóng có công năng tiêu trừ Nước, khiên cho thể chất khỏe mạnh để chữa trị chứng gió hư, thức ăn nóng làm chảy mồ hôi, dẫn gió trở ra, còn chữa trị chứng lãnh hư nên gió không thể tiến vào, ngọt và mát là các loại bơ sữa có thể chữa trị chứng nhiệt, các tháng mùa Đông uống các loại đồ ngọt trừ được chứng gió. Bệnh về phổi uống các thứ chất béo để bịt kín lỗ chân lông, khiến cho nước không thể xâm nhập, nhiệt có công năng tiêu nước làm cho thông nên chữa trị được bệnh phổi. Ăn no phát sinh chứng bệnh về phổi là ăn nhiều thì ruột và dạ dày đầy ứ, cho nên phát bệnh về phổi. Thức ăn tiêu hóa phát sinh nhiệt là như thức ăn tươi nhuận thì bệnh nhiệt bị trừ, khi thức ăn tiêu hóa không trơn ruột thì bệnh nhiệt phát sinh. Tiêu hóa xong không còn gì thì gió khí xâm nhập cơ thể, do đó phát sinh gió. Gió tản mạn thì bổ sung các chất béo, chất mặn trừ gió, chất ngọt trừ khử nhiệt, phổi có gió - nước nên nôn ra vậy. Trong đây văn nêu ra từ sớ của Tam Tạng Chân-đế.

11. Biết bịnh thì liền chữa khắp:

Từ "Thiện Nữ Thiên..." trở xuống là thứ sáu biết rồi liền chữa trị khắp nơi, văn chia làm hai:

1. Bệnh nhẹ nghe nói liền khỏi.
2. Bệnh nặng uống thuốc mới khỏi... Quán tâm: các loại như ba

độc là bệnh bên trong, sổ tức, bất tịnh, từ tâm, nhân duyên là các thuốc pháp. Nên nghe thuốc pháp mà được ngộ là người tin tưởng, thực hành thì khỏi bệnh. Thực hành quán sát nghiên cứu tâm được ngộ là người thực hành theo giáo pháp thì khỏi bệnh. Mắt là mùa Xuân, lưỡi là mùa Hạ, mũi là mùa Thu, tai là mùa Đông, thân là bốn mùa, thuộc về các mùa, năm dục tốt đẹp tăng thêm bệnh tham, năm dục xấu ác giảm bớt bệnh tham, năm dục tốt đẹp giảm bớt bệnh sân, năm dục bình thường tăng thêm bệnh si, năm dục nghịch thuận thì giảm bớt bệnh si. Gom chung ba thứ năm dục làm tăng thêm sự giác quán về bệnh, cố ý lay động ba thứ năm dục thì bớt bịnh giác quán, đó là tướng của sự thêm bớt. Xúc phạm là trái với tình ý thì phạm vào sân - thuận theo tình ý thì phạm vào tham - không trái không thuận là phạm vào si, tất cả ba thứ đều phạm vào giác quán. Lúc ngạo mạn là lúc phát sinh tức giận, lúc cầu mong chờ đợi tức là phát sinh tham lam, lúc hiểu biết hẹp hòi tức là phát sinh ngu si, lúc buông lung tức là phát sinh giác quán, từ tâm trị tức giận, bất tịnh trị tham lam, nhân duyên trị ngu si, sổ tức chữa trị giác quán...

GIẢI THÍCH PHẨM LƯU NƯỚC TRƯỞNG GIẢ TỬ

1. Giải thích tên phẩm:

Văn nói: Một là cho nước chảy hai là cho nước. Cho nước là ban cho nước an vui. Một là an vui thế gian, hai là an vui xuất thế gian. An vui thế gian: giống như voi mang nước đến cứu giúp đàn cá đang bị cạn nước. Sự an vui xuất thế gian: Như phát thệ nguyện rằng ở đời vị lai sẽ ban cho pháp thực và thọ ký Bồ-đề. Nước chảy là dòng nước trôi đi trừ sạch khổ não, một là quả báo khổ não, hai là nghiệp nhân khổ não. Trôi chảy trừ sạch quả báo khổ não như chữa trị các bệnh tật cho người, cứu đàn cá đang cạn nước. Trôi chảy trừ sạch nghiệp nhân khổ não là truyền trao ba quy y, giảng nói mười hai nhân duyên, giảng nói khen ngợi mười danh hiệu của Phật. Thỉnh cầu người cha chỉ bày phương pháp là mong muốn thành tựu ý nghĩa dòng nước chảy, mượn đàn voi của nhà vua là mong thành tựu ý nghĩa cho nước. Đã có hai khả năng, sao chỉ dùng nước chảy để làm đầu đề phẩm? Trong văn nước đã rõ nghĩa cho, đầu đề của phẩm đâu cần đặt tên gọi là Lưu thủy? Không dài dòng rắc rối mà hai nghĩa cùng hiển bày trong văn, kinh nêu ra điều thích hợp đó là điểm này. Trưởng giả: ý nghĩa như mười loại Trưởng giả trong Pháp Hoa Chú Giải. Tử là người con trai của Trì Nước, nên gọi là Tử. Văn này là lý do gần gũi của đoạn thứ ba kết duyên trong phần dứt nghi.

2. Về lý do gẩn gũi:

Lý do gần gũi lại có hai:

1) Dẫn dắt đưa ra.

2) Lý do gần gũi.

- Dẫn dắt nêu ra lại có hai:

a) Thực hành bố thí ân đức.

b) Dân chúng trong nước khen ngợi, đều như văn.

- Lý do gần gũi lại có ba:

a) Nói về quyến thuộc.

b) Nhân duyên gặp đàn cá.

c) Chính thức cứu giúp đàn cá, như trong văn. Từ “đời vị lai nên thí pháp thực...” trở xuống là thứ tư chính là kết duyên, văn lại chia làm bốn:

1) Phát thệ nguyện.

2) Suy nghĩ nói pháp.

3) Chính là nói pháp.

4) Đàn cá chuyển báo sinh lên cõi trời, báo đáp ân đức cung kính

cúng dường.

- Trong phần đàn cá báo ân, văn chia làm bốn:

1) Đàn cá chuyển báo sinh lên cõi trời.

2) Các vị trời báo ân đức nên hiện xuống trần gian.

3) Nhà vua thấy ánh sáng nên hỏi về điềm báo.

4) Trưởng giả dẫn chứng giáo pháp để trả lời dứt khoát, như trong văn. Báo ân có hai nghĩa, một là sự, hai là lý. Về sự là châu báu khắp nơi bốn phía để báo đền ân đức của bốn thứ như nguồn nước, thức ăn, mười hai nhân duyên và mười danh hiệu Phật...

3. Dẫn văn kinh Niết-bàn:

Về lý là dựa theo văn trong kinh Niết-bàn chép: "Ban cho thức ăn khiến người giữ được sinh mạng là thường, khiến cho người được an vui cho nên đạt được Niết-bàn, khiến cho người được giác ngộ cho nên thành tựu tại ngã, như pháp cầu mong tài vật cho nên được thanh tịnh". Bốn mươi ngàn vị trời dùng bốn ân Thường - lạc - ngã - tịnh để báo đáp. Thứ năm là kết hợp xưa nay: xưa kia Đức Phật không xác định số lượng của đàn cá nhưng Thần cây xác định là mười ngàn; nay Thần cây thắc mắc về công hạnh đơn sơ mà sự thọ ký sâu xa, Đức Phật liền nói cho nghe về nhân duyên nhiệm mầu, nay và xưa liên quan với nhau cho nên kết hợp.

GIẢI THÍCH PHẨM XẢ THÂN

Xả có rất nhiều nghĩa tài vật, địa vị tuổi thọ, nhưng chỉ lấy thân để gọi mà thôi, từ cái chính yếu mà đặt tên. Người thọ nhận chỉ cần thân còn những thứ khác thì không cần đến, con người bố thí đích thực xả thân ngoài ra không có gì để xả, cho nên gọi là phẩm thân. Văn thân chia làm bốn:

1. Hỏi.
2. Đáp.
3. Chúng được lợi ích.
4. Kết thúc thành tựu.

Hỏi là trên đây nghe đại sĩ trị bệnh cứu cá thật là sự cứu giúp rộng rãi, người bình thường và côn trùng bé nhỏ được lợi ích trong hai đời, lúc ấy đại chúng nguyện được nghe việc tan thân mất mạng vô cùng cảm động xốn xang, hạnh khổ mà quả vui rất đáng được nghe, cho nên cung kính thưa hỏi. Đức Phật trả lời chia làm hai:

1. Nói về duyên khởi.
2. Chính là nói về việc xả thân.

- Duyên khởi chia làm mười:

1) Pháp từ dưới đất vọt lên.
2) Đại chúng sinh nghi ngờ.
3) Đức Phật liền đảnh lễ.
4) Thần cây thưa hỏi vì sao Phật đảnh lễ.
5) Đức Phật trả lời lý do đảnh lễ.
6) Phật bảo A-nan mở tháp lấy xương.
7) A-nan kể lại dáng hình của xương.
8) Phật bảo đưa ra trước đại chúng.
9) Vâng lời dạy lấy đem ra.
10) Phật khuyên đại chúng lễ lạy. Tất cả đều như trong văn.

- Từ "đời quá khứ có vị vua..." trở xuống chính là xả thân, văn chia làm hai: Một là văn xuôi; Hai là phần kệ tụng. Văn xuôi chia làm bốn đoạn:

1) Nói về quyến thuộc.
2) Phương tiện xả thân.
3) Chính là xả thân.
4) Sự thương xót đau đớn sau tin xả thân.

- Trong đoạn quyến thuộc chia làm năm:

1. Nói về quyến thuộc.

2. Đi xa ngắm cảnh.

3. Đều kể lại với nhau.

4. Nhìn thấy hổ mẹ sinh con.

5. Kể lại mọi việc nhìn thấy.

Ma-ha-la-đà, Hán dịch là Đại vô tội, trong văn kinh-thù Vấn chép: "La-đà, Hán dịch là Trung", Ma-ha-ba-na-la có chỗ nói Hán dịch là Đại Độ (chưa rõ ràng), Ma-ha-đề-bà Hán dịch là Đại Thiên, Ma-ha-tát-đỏa Hán dịch là Đại Tâm. Từ "bèn nghĩ rằng nay tôi ngã xả thân thời đã đến..." trở xuống là phương tiện xả thân. Phương tiện chia làm hai: một là nói về quán giải.

Kế là phát khởi thệ nguyện, nguyện và hạnh giúp nhau. Vừa sinh được bảy ngày, thấy hổ con trên đầu có bảy chấm, biết là bảy ngày, xuất xứ từ kinh Sơn Hải. Lại nói: "Bảy ngày thì mở mắt". Lại bảy ngày không ăn thì chắc chắn sẽ chết, hổ con sắp chết nên biết đã bảy ngày. Có chỗ nói quỷ thần chỉ rõ nên biết được, giống như thần cây đếm cá. Chính là xả thân chia làm hai: 1. Xả thân; 2. Cảm động trời đất.

Sau khi xả thân thì quyến thuộc thương xót đau đớn, đầu tiên là hai người anh thương xót đau đớn đều nói kệ và hướng về nơi xả thân, tiếp đó là cha mẹ đớn đau bi thảm. Kệ có chín mươi ba hàng chia làm ba đoạn: Hai bài đầu nói về hạnh nguyện xưa kia; kế là từng bài tụng riêng biệt về văn xuôi; cuối cùng là kết hợp. Đoạn đầu tiên như trong văn. Từ "tôi nhờ túc mạng..." trở xuống là từng bài tụng riêng biệt và văn xuôi, bốn bài tụng trên là trình bày về quyến thuộc, trước đó có nói lại tướng trạng và kể rõ những điều nhìn thấy, ở đây không có tụng, các đoạn khác đều có tụng. Từ "bấy giờ thắng Đại sĩ..." trở xuống hai bài tụng là phương tiện xả thân ở trên, đoạn phát thệ nguyện không có tụng. Từ "Liền lên núi cao..." trở xuống là bài tụng chính về xả thân cảm động trời đất ở trên. Từ "bấy giờ hai người anh..."trở xuống là bài tụng về sau khi xả thân quyến thuộc thương xót buồn thảm. Từ "bấy giờ Vương Tử..." trở xuống là bài tụng về cha mẹ đau đớn buồn thảm. Từ "Phật bảo Thần cây..." trở xuống là phần ba kết hợp. Kết hợp chia làm ba:

1. Kết hợp con người.

2. Kết hợp tháp thờ.

3. Kết hợp thệ nguyện.

- Từ "Lúc nói kinh ấy..." trở xuống là đại chúng được lợi ích. Từ "Thần cây, đó gọi là lễ pháp..." trở xuống là phần bốn kết thúc thưa hỏi xong.

GIẢI THÍCH PHẨM TÁN PHẬT

Phẩm này từ năng - sở mà đặt tên, năng tán là ba lượt Bồ-tát, sở tán là Đức Phật Thế Tôn, năng sở kết hợp nêu lên cho nên nói là phẩm Tán Phật. Riêng tôi cho rằng ba lượt Bồ-tát là năng tán, một Đức Phật là sở tán, một Đức Phật là năng tán, ba lượt Bồ-tát là sở tán, ba lượt Bồ-tát là Phật tướng lai, một Đức Phật là Phật hiện tại, tóm lại đều là năng tán, đều là Phật, cho nên gọi là phẩm Tán Phật. Về thứ lớp: do mười bảy phẩm trước cho nên có phẩm này, vì sao? Vì phẩm Tựa nói về Đại Thể, Như lai đến khắp cùng tận biên giới của pháp tánh sâu xa vô lượng. Phẩm tuổi thọ nói về cực quả sâu xa thầm hòa hợp rộng lớn, có công năng phát khởi Đại Dụng. Phẩm Sám hối khuyên nhắc Bồ-tát nếu muốn tu học nên như phẩm Sám hối để dứt ác, như phẩm Tán Thán để sinh thiên, như phẩm Không để dẫn dắt thành tựu. Phẩm Bốn vị vua trời đến phẩm Tán Chi là thệ nguyện lưu thông, nói về công đức của người thỉnh. Phẩm Đại biện đến phẩm Thiện tập là nói về công đức của người nói. Phẩm Quỷ Thần đến phẩm Lưu Nước là nói về công đức của người nghe. Phẩm Xả Thân nói về công đức của người thực hành. Những lợi ích như vậy xuất xứ từ hiện tại đều do năng lực từ Đại Thể - Đại Trí - Đại Dụng. Kim Quang Minh của Như lai, đã khởi đầu tốt đẹp và kết thúc mỹ mãn; đầu, giữa, sau hoàn tất cho nên các vị Bồ-tát đều phát tâm khen ngợi Phật. Khen ngợi Đức Phật xưng dương giáo pháp và Đức Giáo chủ, cho nên nói là phẩm Tán Phật.

Văn phẩm này chia làm hai đoạn:

1. Lời trình bày của người kiết tập, nêu ra chúng khen ngợi. Từ đây đến cõi Kim bảo cái thực hành ba nghiệp cúng dường, cúi lạy sát đất là thân nghiệp, cùng nhau khen ngợi là khẩu nghiệp, thân và khẩu cùng thông suốt là ý nghiệp.

2. Chính thức nói kệ, tất cả có sáu mươi lăm bài rưỡi,

- Văn chia làm ba đoạn:

1. Hai mươi hàng là các vị Bồ-tát nói.

2. Mười bảy hàng là Tín Tướng nói.

3. Hai mươi tám bài rưỡi là Thần cây nói... Riêng tôi cho rằng văn đó có bốn đoạn: Ba đoạn trước là năng tán, một đoạn sau là sở tán; sở tán lại là năng tán, năng tán lại là sở tán, vì vậy văn nói: Đức Phật xuất định dùng âm thanh nhiệm mầu mà nói lời khen ngợi: lành thay! Lành thay! Thần cây Thiện Nữ, hôm nay ngươi vui sướng nói lời như vậy. Đâu không phải sở tán khen ngợi năng tán? Văn đó đã rõ ràng

không nên nghi ngờ. Vả lại, đây là sự ấn chứng thành tựu cho ba lượt Bồ-tát khen ngợi giáo pháp. Từ phẩm tựa đến đây vui sướng nói về Đại Thể - Đại Trí - Đại Dụng trong quả địa của Như lai và sự tu nhân của Bồ-tát. Văn trên có Đức Phật đảnh lễ xá lợi, tức là quả thân đảnh lễ nhân thân; văn ở đây có Đức Phật khen ngợi về đại sám, đại tán, năng thỉnh, năng thuyết, năng thính, năng hành, đều là vui sướng mà nói. Nên biết rằng vui sướng mà nói là quả khen ngợi nhân, là Bồ-tát vậy, tức là quả của khẩu nghiệp khen ngợi nhân của khẩu nghiệp, nghĩa đó rõ ràng. Quả của ý nghiệp khen ngợi nhân của ý nghiệp, tùy đó ví dụ để thành tựu... Hỏi: Đức Phật nhập định ở đâu, mà ở đây nói xuất định? Đáp: Đầu tiên sắp nói kinh, Đức Phật an trụ trong pháp tánh sâu xa, nay nói sắp xong cho nên Ngài xuất định. Đầu đuôi kinh này đều nói trong pháp tánh, văn đó rất rõ ràng. Nếu đi vào pháp tánh ấy thì pháp tánh tự tại, bốn Đức Phật, năm Đức Phật, cùng một nơi chốn - nhiều nơi chốn, thấy giống nhau, thấy khác nhau, từ bốn chỗ đến, đi về bốn chỗ, một thường trụ, một là tùy theo cái thấy của mỗi người, đều không chướng ngại. Quán tâm: Các vị Bồ-tát dùng Ba nghiệp khen ngợi Đức Phật, ba nghiệp về sự có thể hiểu được. Ba quán tâm là quán thân không được thân, thân là không chỉ có tên gọi, mà tên gọi thì vô lượng, hoặc xả thân gọi là Đàn, cho đến thân là không gọi là Trí tuệ, Sáu độ, mười độ, tám muôn trần sa pháp môn, tên gọi đều tức không, nói không chưa chắc là không, Giả nhất định chẳng phải là Giả, chẳng phải không chẳng phải hữu tức Trung đạo. Ba quán rõ ràng, sự - lý sáu pháp thảy đều đầy đủ, nếu không có quán tuệ thì sự cũng không thể thành tựu; ví dụ như ba chiếc áo sáu vật dụng, nếu giải thích theo ý đó thì ba quán, sáu pháp đều thành tựu, nếu không hiểu rõ điều ấy thì chẳng những không có sáu pháp mà ba quán cũng không thể thành tựu. Quán tâm cũng vậy, nếu đạt được lý quán thì sáu quán cũng thành tựu, nếu không đạt được ý này thì lý quán đã không có mà sự quán cũng không thể thành tựu. Không có sáu pháp cũng không có ba quán, ý nghĩa như thế. Điều này rất hay và tất rộng lớn v.v...

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 139

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

SỐ 1786
(QUYỂN 1 → 12)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1786

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

Sa-môn Thích Tri Lễ, ở núi Tứ Minh Đời Tống soạn.

QUYỂN 1
(Phần đầu)

1. Tự trình bày:

Xưa kia, Tiên sư tôi có lúc trụ chùa Bảo Vân, giảng kinh này, các đệ tử Ngài rất đông, thay nhau ghi chép lại những gì mình đã nghe thành pho quyển, sự ghi chép ấy rất sâu rộng. Còn từ ngữ trích dẫn từ kinh luận phần nhiều sai lầm. Mỗi khi đọc tôi chẳng thể không buồn bã. Gần đây do lần giảng tiếp theo, tôi nhớ lại các nội dung chính được nghe từ thầy rồi soạn thành văn luận theo thể ký. Tôi đã chọn lọc những tư liệu trong "Cô Sơn sách ẩn" để giúp đỡ, để người đọc không bị dính mắc sự tướng mà chỉ suy nghĩ về lý quán làm lợi ích. Ghi vào ngày mùng ba tháng mười hai. Thiện thánh ngũ tự.

2. Giải thích tựa đề:

Giải thích tựa đề có hai.

Một chính là nêu đề mục. Bốn chữ như chữ Kim v.v... là chữ được giải thích. Hai chữ văn cú là chủ thể giải thích. Đề kinh được giải thích theo huyền nghĩa. Văn cú năng thích tức là văn kinh. Cú là chương cú, cũng gọi là câu đậu. Tức là dùng chương cú để chia văn kinh khiến cho ngôn từ và ý nghĩa đều có giới hạn. Vì thế, Đại sư Kinh Khê nói: "do giải thích tựa đề mà ý nghĩa chính dược rõ ràng. Vì vậy, đến phần văn kinh chỉ chia cương đoạn một cách đơn giản". Tựa đề nói rằng "Văn Cú" là do đó. Nhưng sở dĩ lập hai chữ đó là vì chúng ta khiêm tốn. Nếu chúng ta đọc sự giải thích về kinh thì ý nghĩa chính không phải ít. Lại,

việc giải thích các kinh đều gọi là văn cú, đó là cách gọi chung. Vì vậy, tôi dùng đề kinh phân biệt đơn giản. Tên của vị sư là thuộc chủ thể giảng nói, do nơi ở mà có tên, đó là cách mọi người thường dùng.

Kế là nhập văn, có hai:

Một là định, có ba chia ra làm hai. Một là chỉ đích xác bản được truyền khác với loại bảy quyển, hai mươi hai phẩm do Pháp sư Chân-đế dịch. Vì vậy mà tôi chỉ cho bản bốn quyển, mười tám phẩm. Có người cho rằng Chúc Lụy là phẩm thứ mười chín là sai vì các bản dịch đều không có phẩm này.

Kế chính là chia làm ba, có hai:

Một là dẫn sự phân chia của các sư có hai:

3. Nêu chung về sự khác nhau:

Một là nêu chung về sự khác nhau. Đẩy lên là tiến, co lại là thoái. Ý nói rằng sự phân chia thành ba của các sư có sự tiến lùi khác nhau.

Hai là "Giang Bắc v.v..." trở xuống chính là giải thích, chia làm ba.

Một là sư ở Giang bắc cho rằng "bốn vị vua, mỗi vị đều ở trước Phật mà phát nguyện ủng hộ người nói và người nghe" nên nói là Đại thệ hộ kinh. "Trưởng giả Lưu Thủy trừ bệnh cứu bầy cá", Thái tử Tát-đỏa xả thân nuôi hổ v.v... là đại bi tiếp vật. Ý của các sư Giang bắc cùng với Chân-đế ở đoạn dưới tuy mới cũ có khác nhau nhưng đại ý lại giống nhau.

Hai là các sư ở Giang nam hầu như giống với sự chia tiết thành ba phần của hôm nay. Nhưng các Sư Giang Nam xếp nhầm nửa phẩm Thọ Lượng vào phần Tựa.

Ba là Sư Chân-đế, có hai:

4. Phán định về văn:

Một là phán định về văn tam tạng, Chân-đế dịch lại kinh này vào đời Lương tên là kinh Kim Quang Minh Đế Vương, ngài thêm vào bốn phẩm. Đó là phẩm Tam Thân Phân Biệt, phẩm Diệt Nghiệp Chướng, phẩm Đà-la-ni Tịnh Địa và phẩm Y Không Mãn Nguyện. Qua đó, chúng ta biết bản gốc là mười tám phẩm thành hai mươi hai phẩm xuất sớ giải thích. Cho nên nói: văn mới, v.v... Hai là "Chân-đế v.v..." trở xuống là nói về nghĩa, vẫn bác bỏ các sư Giang Nam xếp các phẩm Thọ Ký, Trừ bệnh vào phần lưu thông. Vì vậy Tiên sư nói: "Nhân quả, v.v... của thầy trò ở sau v.v..." Hợp lại mà nói "Thầy nhân, trò quả. Văn hiện nay dường tựa như đảo lộn. Các sư nay v.v... trở xuống là chỉ rõ ý của các sư ngày nay. Có hai phần. Một là y theo lý để phá các Sư, có hai:

Một là phủ nhận chung về nhân tình: chính là bác bỏ sư Chân-đế và gồm cả các Sư Giang bắc. Vì sự phản định của hai sư này về nhân quả thầy trò là đều ở tại phần Chánh tông. Ý cho rằng phần Tựa hoàn toàn chưa nói về đạo tu chứng. Đến phần lưu thông đạo vị đã cạn đến chỗ cuối cùng. Vì thế, Tiên sư bác bỏ rằng "nghĩa ấy không đúng. Hai, "Ba v.v..." trở xuống là Tiên sư nói riêng về ý nghĩa của kinh. Đầu tiên là nói về sự thông suốt của cách chia phần. "Lấp" là tắc nghẽn, chia ra ba để cùng nhau tựu thành sự cảm Ứng của kinh. Như vậy, lẽ nào lại không có sự giúp nhau của sự và lý hay sao? Như phần Tựa đầu tiên là nói về sự phát khởi. nếu không thiếu hai phần ở dưới thì làm sao có thể gọi là Tựa của chánh và thông. Chính là đều được phát khởi, đều được nói trong phần tựa và lại được giảng nói, truyền bá lưu thông. Nếu chẳng phải như vậy thì làm sao có thể gọi là chánh thuyết của một bộ kinh? Nếu xả tự và chính thì lưu thông pháp gì? Cho nên ba phần mỗi phần đều có đủ ba nghĩa. Lời "thượng, trung và hạ tức là thời tiết tốt trong bảy thứ thiện. Diệu kinh chép: "đầu, giữa và cuối đều thiện". Nếu bít lấp tất cả thì làm sao gọi là Thiện?

5. Nhiều căn cơ khác được lợi ích:

Hai là "Lại nữa, chúng v.v..." trở xuống là nhiều căn cơ khắp được lợi ích. Ích lợi do căn cơ do kinh che chở có chậm, có nhanh, không hẳn đều là sự ngộ nhập của chính tông. Cho nên nói: "Căn tánh bất định, làm sao chấp nhận rằng phần Tựa hoàn không có pháp vị?" Trong phần lưu thông, pháp vị đã diệt hết, không quan trọng nữa ư? Nếu chẳng phải như vậy thì có gì trở ngại. Nếu nói nhân của Lưu thủy và quả của Tín Tướng trong lưu thông? Thì cũng đâu có ngại gì, càng được lợi ích. Đốc xuất tức là khuyến khích. Hai, lại nữa, pháp v.v..." trở xuống là Tiên sư trích dẫn. Thầy tức là Đức Thích-ca. Trong phẩm Đạt-đa, kinh nói trong nhiều kiếp xưa Phật dùng thân Quốc Vương để hầu hạ vị tiên A-tư-đà để cầu pháp Đại thừa. Vì thế gọi là nhân của thầy. Phẩm Trì, thọ ký cho các vị như Ba-xà, Da thâu v.v... thành Phật, thời gian và cõi nước tức là quả của đệ tử. Các pháp sư xưa xếp kinh Pháp Hoa, từ phẩm Pháp sư về sau thuộc lưu thông được mọi người chấp nhận. Y ở đây và phần lưu thông hiện nay của các Sư ở Giang Nam là giống nhau. Cho nên Tiên sư nói: "Đối với nghĩa thì không ngại gì". Tuy nói thế nhưng vẫn không cố chấp. Vì vậy, Tiên sư nói: "Cho và đoạt đều do con người". Hai, "nay v.v..." trở xuống là y theo nghĩa để chia bộ ngày nay có hai:

6. Phân chia kinh: Một là phân chia kinh, có hai:

Một là nhất định chia làm ba, việc chia làm ba của ngày nay đại

để giống với các sư ở Giang Nam nhưng phần tự chiếm nửa phẩm. Vì thế, Tiên sư trích dẫn việc ba vị sư chỉ phá Chân-đế. Hai, "tự là..." trở xuống là nói chia nghĩa thành ba phần, có hai:

Một chính là trình bày. Sắp là sẽ chính tông, lưu thông ở sau phần Tự. Tự nay, nên có sự ích lợi của chia ra hai. Tiên sư nói: "sắp có lợi ích" người đương cơ chính. Đương là nghĩa đối. Tức chính là đối cơ duyên mà giải thích về con đường của thường quả sám và khen ngợi. Nơm là dụng cụ để bắt cá, là lưới bẫy thỏ. Nơm dụ cho ngôn giáo, Cá và thỏ dụ cho nghĩa lý. Vì muốn cho ngôn giáo truyền bá, đến tương lai giúp chúng sinh ở giai đoạn Chánh, Tượng và Mạt pháp thường nắm giữ được nghĩa lý nên kinh nói: "Không bị tắc nghẽn đối với đời sau".

Hai là "Kinh nói v.v..." trở xuống là Tiên sư dẫn kinh. "Hai điều nghi là v.v..." trở xuống là giải thích câu hỏi, có hai:

Một là đặt câu hỏi. Đã gọi là phần Tự hợp với phẩm Tự thì làm sao sáp nhập hơn một nửa của phẩm Thọ lượng thuộc Chính tông?

Hai là "Các kinh v.v..." trở xuống là giải thích chung, có ba:

7. Dẫn lệ chung của bộ khác:

Một là dẫn lệ chung của bộ khác. Kinh Tịnh Danh lấy nhân quả của cõi Phật làm Chính tông. vì đã không có phẩm Tự nên các sư bèn lấy nửa phẩm của cõi Phật làm phần Tự. Như trong phẩm Tự của kinh Đại phẩm Bát-nhã chép: "Phật biết chúng hội đã nhóm họp nên bảo Xá-lợi-phất rằng: Bồ-tát muốn dùng Nhất-thiết-chủng-trí để nhận biết tất cả các pháp thì nên tu tập thực hành Bát-nhã ba-la-mật v.v..." Nói như vậy là thuộc về Chính tông, nhưng văn lại nằm tại phần Tự. kinh Niết-bàn thì Thường thọ là chính. Vì không có phẩm Tự nên bèn lấy phần Tập trung chúng trong phẩm Tuổi thọ mà làm Tự. Đó là theo quy ước của bản ở Giang Bắc, Tạ công Trị Định bèn lấy văn của nhóm chúng thuộc phẩm Tuổi thọ mà đề là Phẩm Tự. Đối với việc hoặc Tự nhập vào Chính hay Chính nhập vào Tự của ba kinh này, lúc phân giải, các sư không nghi ngờ. Vậy, tại sao các sư chỉ nghi đối với việc nhập phần Tự vào trong phẩm Thọ lượng?

Hai, "Nay là v.v..." trở xuống là Tiên sư nói rõ về ý của kinh này.

8. Tiên sư nói về ý kinh này:

"Nay là" là xuất xứ từ ý của phẩm Tiết trong Tập kinh. Bởi vì, nếu tựa đề của phẩm Thọ lượng mà đặt ở sau trời rồng nhóm họp, tất Tín Tướng thì sẽ khiến cho văn thuộc Tứ phật dứt nghi sinh khởi một cách đơn độc. Vì thế, Tiên sư nói là "Chót vót". Chót vót là dáng núi

cao. Nếu văn xuất hiện một mình thì như sự hiểm trở của vách núi, không có sự liên đới nhau. Vì lẽ đó, Tiên sư đặt tựa đề Thọ lượng ở trong phần Tự.

9. Tiên sư hết theo quy ước của ý ngày nay:

Ba là "Nay theo v.v..." trở xuống là Tiên sư kết theo quy ước của ý ngày nay. Tuy phẩm thuộc Chính, nhưng nghĩa lại thuộc phần Tự. Lẽ nào thuận với tựa đề nêu lên mà lại làm cho nghĩa bị mất? "Hai là Tựa có v.v..." trở xuống chính là giải thích Kinh. Chia làm ba, Một là giải thích phần tự, có hai:

Một là giải thích phẩm đề, có hai:

Kế là giải thích Tự, có hai:

Kế tiếp là nêu hai nghĩa. Nghĩa phần Tự của kinh hợp lại có ba. Cho nên trong các bộ chỉ có một hoặc hai là thiếu sót, sơ lược. Kinh này và các kinh trong bộ lớn như Pháp hoa v.v... đều có đủ ba (phần).

10. Giải thích ba nghĩa:

Kế là "kế là, Tự v.v..." trở xuống là giải thích về ba nghĩa. Tự là đầu mối của của cái kén. Thông thường, muốn kéo tơ của cái kén thì đầu tiên người ta phải lôi đầu mối của kén; hết đầu mối mới thấy tơ của cái kén. Nay, lấy năm sự đầu tiên như đầu mối của sợi tơ. Quản là khứ thanh. Hộ là nói về nơi chốn sắp nói về lợi ích hiện tại. Vì nói trình bày, nói đương thời được lợi ích thuộc về Chánh tông, Lưu thông. Vì vậy, Tự này thuật trở xuống là mười bảy phẩm Phát nghĩa, để khai phát niềm tin cho căn cơ chúng sinh. Khởi nghĩa là hưng khởi giáo lý của bậc Thánh. Tựa này tức là lấy việc hiện ra điềm lành để giật tỉnh thần thức của chúng sinh, giúp cho Tín tâm của họ nẩy nở, nhờ đó mà được lợi ích của giáo lý rất nhiều. "Ba phẩm là v.v..." trở xuống là giải thích về phẩm, có hai:

a. Nêu lên sự phiên dịch danh từ tiếng Phạm. "Ba phẩm là v.v..." trở xuống là y theo danh mà giải thích nghĩa, có hai:

Một chính là giải thích. Văn cú trong đây đều ở tại kinh. Vì giáo lý năng thuyết đều sử dụng bốn pháp, đó là Thanh, Danh, Cú và Văn. Nếu theo quy ước sau khi Đức Phật diệt độ thì vấn đề này có hai thứ. Nếu xét về Bát âm, Tứ biện, Phạm âm thanh theo quy ước lúc Phật còn tại thế thì vấn đề này là một, là thật. Danh, Cú, Văn, Thân chỉ là sự chuyển động có tính cách lặp lại mà lập ra. Ba thứ Cú, Văn, Thân chỉ là giả thanh, thuộc về Sắc pháp. Danh, Cú và thân thuộc về nhóm bất tương ưng hành thứ ba; Tỳ-đàm mười bốn, luận Thành thật có mười bảy và Du-già hai mươi bốn thứ. Ở đây, sự lập ra hai Tông Đại và Tiểu có

khác nhau. Duy thức nói về danh, Cú và Văn rằng: "Danh chuyển tải về tự tánh, cú chuyển tải về sự khác nhau. Văn tức là chỗ y nương của Danh và Cú. Nếu theo quy ước của sự kiết tập của các bậc Thánh, sau khi Đức Phật nhập diệt thì Danh, Cú và Văn được chuyển tải trong bối diệp của Ấn Độ và quyển vàng của Trung Quốc đều y theo sắc pháp thuộc Hình và Hiển để lập ra. Nay, Tiên sư nêu giản lược hai pháp ấy, nhưng nếu đầy đủ thì phải có cả bốn. "Khí loại cùng theo nhau": Như lấy nghĩa của bốn pháp đồng nói về, Phát khởi v.v... Vì vậy, Tiên sư chia thành Phẩm Tự. Cho đến nghĩa của đồng nói về nghĩa, Tán Phật, vì vậy, Tiên sư chia thành Phẩm Tán. Nay tuy giải thích về Tự nhưng nghĩa của Phẩm lại xuyên suốt cả phần dưới.

11. Dẫn ví dụ:

b. Dẫn thông lệ: Khí loại văn cú của hai Tạng Luật và Luận đều có tiết đoạn của Thiên tụ, Kiền-độ. Cũng như phẩm loại của kinh. Thiên tụ tức là năm thiên và sáu Tụ. Năm thiên:

Một là Ba-la-di.

Hai là Tăng-tàn.

Ba là Ba-dật-đề. Bốn là Đệ-xá-ni. Năm là Đột-cát-la. Dưới Tăng-tàn thêm Thâu-lan-già nên gọi là sáu Tụ. Nếu thêm ác thuyết ở Cát-la thì lại là bảy Tụ. Tỳ-đàm nói đủ là A-tỳ-đàm. Hán dịch là Vô tỷ pháp, tức là Luận tạng. Kiền-độ: Hán dịch là Pháp tụ. Đây cũng là pháp lấy khí loại để theo nhau. Tự là một đoạn. Như luận Bát-kiền-độ nói:

"Một là Nghiệp kiền-độ, nói về ba nghiệp.

12. Nói về một trăm lẻ tám phiền não:

Hai là Sử kiền-độ nói về một trăm lẻ tám phiền não. Ba là Trí. Bốn là Định. Năm là Căn. Sáu là Đại. Bảy là Kiến. Tám là Tạp". Nếu suy niệm thì người học có thể nhận biết được". Hai là "Từ như v.v..." trở xuống là giải thích văn kinh, có hai:

Một là chia ba lời Tựa. Ở đây tuy chia làm ba, nhưng đến phần Tiêu văn ở dưới thì chỉ rút lại còn hai lời Tựa là Chung và Riêng.

Hai là Giải thích về ba lời Tựa, có ba: Một, giải thích lời tựa kế tiếp, có hai:

13. Nói rộng về danh số:

Kế là nói rộng về danh số, có hai:

Một là nói về sự khác nhau của số, có hai: Một chính thức nói về sự khai, hợp của số.

Địa nhân là luận sư truyền bá địa luận. Sáu sự:

Một là Pháp thể được nghe.

Hai là Người thuộc chủ thể trí.

Ba là Sự hòa hợp của nghe và nắm giữ.

Bốn là Người chủ thuyết giáo.

Năm là Nơi y chỉ.

Sáu là Những người cùng nghe và nắm giữ. Hoặc bảy là triển khai và phối hợp vấn đề "Tôi nghe". hoặc năm là Phối hợp ở chỗ của Phật. Hai thứ này mở bày cả vấn đề đúng sai của đại chúng. Kinh này chính là nói về Tông chỉ của Thường thọ tại thất của Tín Tướng. Vì vậy, các vị trời, rồng và các vị Bồ-tát đều nhóm họp ở đó để nghe. Lúc nói xong, cả bốn vị Phật đều biến mất. Xét về Lý, thì hợp với sự thối lui, rải rác của đại chúng. Giảng nói lời tựa ở Linh Sơn, trống vàng ở trong mộng; vì Thời và Xứ khác nhau nên đều không nghe. Nếu theo quy ước của sự nghe về Thường thọ thì được gọi là cùng nghe. Nhưng, vì không dự giấc mộng v.v... nên không cùng nghe. Vì Thời và Xứ của sự nói về kinh này không cố định nên sự đặt để về Chúng cùng nghe của kinh này không giống như các kinh khác. Còn việc xếp chúng cùng nghe của bản dịch mới của kinh Tối Thắng Vương do ngài Nghĩa Tịnh dịch thì giống như các kinh khác. Vì Đại sư biết trước bản chữ Phạn sắp đến nên ghi chú là Hai "Đây v.v..." trở xuống là nhiều loại lập danh, có hai:

14. Nêu lên sự giải thích các danh từ khác nhau:

Tất cả gồm có sáu danh từ, đều là câu trên thì nêu danh, câu dưới thì giải thích nghĩa. "Nghĩa ấn định": vì câu văn "Như vầy v.v..." như phù ấn của thế gian; thấy sự đầu ấy thì biết đó là kinh của Phật. Vì vậy, Đại luận nói: "Chẳng những pháp của ta như vậy mà ngay cả kinh của chư Phật ở ba đời, lúc mở đầu cũng như vậy". "Vì lấy tên gọi chung làm gốc": Những gì do miệng vàng nói đều đặt "Như thị" nên gọi chung là kinh. "Lời tựa sau kinh này: vì lúc kiết tập là sau lúc nói kinh. "Lời tựa trước kinh này": Vì Đức Phật dạy là đặt ở đầu kinh này. Đại luận nói: "Lúc Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, Tôn giả A-nan hỏi Phật rằng nên đặt câu gì ở đầu tất cả các kinh. Đức Phật đáp Tôn giả A-nan rằng nên nói: "Tôi nghe như vầy, một thuở nọ, đức Phật ở phương nào đó, nước nào đó cùng đại chúng nào đó". "Lời tựa phá tà": Vì tất cả bản kinh của ngoại đạo đều có đặt hai chữ A, Âu ở đầu, A là Vô, Âu là hữu. Vì ngoại đạo thừa nhận hai chữ ấy là gốc với mục đích nói rõ rằng trong bộ không ngoài Hữu và Vô nên Đức Phật lập "Như vầy" để đối phá "Không Như, Không Thị" của tà chấp. "Lời tựa chứng tín": Đại luận chép: "Vì sao Đức Phật không nói ngay về Bát-nhã mà lại nói về thành Vương-xá"?

Đáp: Đức Phật nói về thời gian, nơi chốn và người là làm cho người nghe kính tin”.

15. “Thiên thai v.v...” trở xuống là kết quy về bốn thứ Tất-đàn:

“Sư Thiên thai”: Vì Đại sư Chương An đối lại với bản giải cũ kia nên gọi Đại sư Trí Giả là Sư Thiên Thai.

“Bốn thứ Tất-đàn”: Tất là âm Hán, nghĩa là Cùng khắp. Đàn là tiếng Phạm. Hán dịch là Ban phát. Chư Phật, bậc Thánh thường dùng bốn thứ lợi ích của Hoan hỷ, Sinh thiện, Phá ác và Nhập lý để ban phát cho tất cả chúng sinh. đây là tướng chung của đạo Cảm và Ứng. Lời tựa nói về việc miệng vàng dạy đặt để tiếp theo này tức là Ứng. Tất cả cơ duyên được che chở sau khi Đức Phật diệt độ là Cảm. Nhưng ý của mỗi lời tựa đều có sáu danh nghĩa là thế nào? Nay, Tiên sư dùng bốn thứ Tất-đàn để thâu tóm. Như thế thì mỗi danh nghĩa đều có chỗ quy về so sánh. Vì vậy, hai danh từ một và hai là đem lợi ích thuộc về Thế giới để ban cho chúng sinh; hai danh từ ba và bốn là thuộc về Người; Thứ năm, Phá tà là pháp đối trị. Thứ sáu; Nhập lý là thuộc Đệ-nhất-nghĩa. Bốn danh số này chưa phán định sự sâu cạn của chúng. Như thế tức là cả bốn thứ giáo lẽ ra đều có đủ cả bốn. Hai, “sự giải thích cũ v.v...” trở xuống là Tiên sư chính thức giải thích văn kinh, có hai:

Một là y theo kinh để giải thích về năm nghĩa.

Hai là nói về ý nghĩa của sự thiếu sót về “cùng nghe”.

16. Giải thích năm nghĩa:

Vì ở đây, Tiên sư y theo sáu việc của Địa luân sư để phân chia câu văn. Nếu y cứ và năm việc thì văn hiện nay chỉ có bốn “y theo một” gồm có năm nghĩa.

Kế là giải thích về pháp thể, có hai:

Tiếp là sự giải thích của người xưa gồm có hai:

Tiếp đến là trích dẫn về sự giải thích của các sư, có bốn.

Một là cựu giải.

Hai là đại sư Tăng Triệu.

Ba là Đại sư Chân-đế.

Bốn là Bồ-tát Long Thọ, văn nghĩa của bốn vị ấy đều rất dễ thấy.

Đến lúc phán định về bốn thứ Tất-đàn mới quyết định sự sâu cạn.

17. Sử dụng bốn thứ Tất đàn:

“Đây v.v...” trở xuống là Tiên sư dùng bốn thứ Tất-đàn sắp xếp:

Nay, nói về pháp của bậc Thánh dù nhiều hay ít dẫu chung hay

riêng gì cũng đều là cảm và Ứng, cảm và Ứng không ngoài phạm vi của bốn thứ Tất-đàn. Sự phán định trước về sáu thứ danh nghĩa của lời tựa tiếp theo là chung, là nhiều. Nay phán định về cảm và Ứng của mỗi việc trong sáu việc là riêng, là nhỏ. Vì lẽ ấy các sư giải thích về hai chữ "như vầy" đều khác nhau. Nay, sư Thiên Thai dùng bốn thứ Tất-đàn để hội nghĩa mà giải thích, mỗi Tất-đàn đều đạt được một loại ý thuộc cảm và Ứng của Như Lai. Lẽ nào sự giải thích của sư Thiên Thai lại giống với sự tranh luận của thế gian rằng một là đúng mà nhiều là sai ư? Bốn chữ "sự giải thích xưa" tuy là đối với văn và lý nhưng không chia ra lớn nhỏ. Lời lẽ của nó có tính cách chung. Lại nữa, không có tướng của ba thứ ích lợi sinh ra thiện thì chỉ được trao cho sự ích lợi của việc không sai lầm. Vì thế, chúng thuộc về thế giới. Đại sư Tăng Triệu tuy có ngôn ngữ của sự thể nhập lý tánh, nhưng Ngài cũng không lược bỏ chân và tục, vì chỉ sinh thiện thuộc tín thuận, tư bẩm nên thuộc về vì người. Văn và lý của Đại sư Chân-đế cũng chưa phân biệt. Nhưng vì luận quyết định lìa điều ác thuộc thêm và bớt nên thành ra đối trị. Tuy quan điểm Tín thuận của Bồ-tát Long Thọ giống như Đại sư Tăng Triệu, nhưng Ngài nói "Tín là nói rằng việc ấy như vậy v.v..." ở đây thì luôn làm sáng tỏ nghĩa của ba đế, "việc ấy" tức là tục đế, "Như" tức là Chân-đế. "Thị" tức là trung đế. Ở đây, trong một câu mà khéo léo mở bày ba đế chính là Đệ-nhất-nghĩa. Chú thích v.v... khiến cho Như hướng đến cùng khắp.

18. Giải thích của ngày nay:

"Nay làm v.v..." trở xuống là giải thích ngày nay, có hai:

Một là theo quy ước của giáo.

Hai là quán tâm. Hai sự giải thích này tức là ý của giáo và điều quán cùng luận bàn một cách hoàn mỹ, công của việc làm cho sự giải thích này vượt các tông khác là do đây. Đầu tiên là văn chia làm hai.

Một là chung: theo quy ước của sự truyền bá để nói về Như. Theo quy ước của giải thích của thọ để nói về thị. Ở đây đã giải thích chung. Nếu xuyên suốt cả giải thích riêng thì phải bao gồm cả bốn thứ giáo. Vì thế, chúng ta biết rằng Pháp tướng là cái được dùng để giải thích bốn thứ giáo. Đức Phật là chủ giảng nói về bốn thứ giáo. A nan là người nghe và nắm giữ bốn thứ giáo. Đúng ra nên chia để nói rằng cả bốn đều là dung lượng của biển.

19. Giải thích riêng:

Hai là giải thích riêng, như sau:

Một là lần lượt nói về sự phá và lập, có bốn. Tức là mỗi loại trong bốn thứ giáo đều phá hủy vấn đề "không như, không thị" ở trước mới

lập ra nghĩa của như, của thị thuộc về giáo lý của mình. Một là phá tà lập chánh, là phá hủy sự sai lệch của ngoại để làm sáng tỏ chính chân của ba tạng, có hai:

Một là phá tà: A, Âu gọi là tốt lành: Bách luận nói về sự kiện của ngoại đạo hỏi đệ tử Phật rằng:"Đức Phật giảng nói về pháp gì? Đáp: "Đức Phật nói lược về hai thứ là dứt bỏ điều ác và thực hành điều lành" Ngoại đạo nói kinh điển của ông có sai lầm, vì mới vào mà đã nói điều ác. Cho nên, kinh điển của ông không tốt. Như kinh Quảng chủ v.v... đầu tiên đều nói về điều tốt lành. Vì đầu tiên tốt lành nên đoạn giữa và đoạn cuối đều tốt lành". Cho nên ngoại đạo gọi A, Âu là tốt lành. "Văn sai v.v..." là lấy chánh để phá không như không thị của tà. Đầu tiên kinh nêu lên điều tốt lành nhưng vấn đề được nói trong kinh này chỉ là tà kiến. Đó là không phải là như thuộc vấn đề văn sai với lý. Tà kiến thì không tốt lành nên không thể gọi là A, Âu được đó là chẳng phải thị thuộc vấn đề lý khác với văn. Vì vậy, Bách luận phá thể này: "tốt lành hay không tốt lành điều là không khí của tà kiến" Hai là văn như trở xuống là lập ra chánh kiến. Văn lý trong ba tạng có sự tương xứng. Lấy lời luận bàn của vô thường, sinh diệt tương xứng với lý vô thường, sinh diệt mà gọi là Như, lý ấy tương xứng với văn nên gọi là Thị.

Hai là "nay nói rằng.. " trở xuống là phá dị, lập đồng, có hai:

Một là phá dị: muốn làm rõ về lý của diễn thì trước phải bác bỏ sự sai của tạng. Tục thuộc về thật hữu mà làm chủ thể giải thích, vì không chính là Chân-đế nên chẳng phải như. Chân thuộc đối tượng được giải thích không bao gồm trung, vì lý cạn thấp nên chẳng phải thị.

Hai là "ma v.v..." trở xuống là giải thích về đồng, là nói chung về đương thể của huyễn hữu tức là không, vì không phải khác nên gọi là như. Chân thuộc chính là không, thường bao gồm Trung đạo, vì không giống như chiết không của ba tạng vốn nhất định cạn nông nên lý gọi là Thị. Vì thông giáo chắc chắn có cả cả hai giáo biệt và viên nên văn nêu lên rằng: "Ma-ha-diễn". Ba," này nói là ba v.v..." trở xuống là phá cạn, nói về sâu, có hai:

Một là phá cạn: muốn nói về lý của biết thì trước phải bác bỏ sự sai lầm của thông. Theo thông giáo thì vấn đề "cùng nghe" của ba thừa chính là không, nhưng, Bồ-tát độn căn lại hiểu giống như Nhị thừa, Bồ-tát lợi căn nghe về không thì không những có cái chẳng mà còn không luôn cả cái không. Cả hai đều dã đạt đến sự hiểu biết như vậy nên so với biệt là chẳng phải như. Hai sự chứng đắc trong không, vì chứng đắc về không yếu kém nên so với trung chẳng phải là thị.

Hai là nói về sâu: biệt giáo không cùng chung với sự tu học của Nhị thừa. Tuy có thâu nhiếp chúng nhiều như cát bụi, nhưng chỉ những vị thuộc căn tánh là đều nghe về Phật tánh, từng bước tu và đi vào, vì không có kiến giải khác nhau nên được gọi là như, vì ai cũng chứng được Trung đạo nên gọi là Thị. Bốn, "nay nói là nơi" trở xuống là phá sự lìa lập Trung đạo, có hai:

20. Nói về cạn sâu:

Một là phá lìa bỏ: muốn nói về lý của Viên giáo thì trước phải bác bỏ sự sai lầm của biệt giáo. Tuy rằng biệt giáo có luận bàn về trung, nhưng trung là cảnh giới của Phật, vì Phật khác với chín cõi nên gọi là như. Pháp quán đầu tiên là ra khỏi tục, phép quán kế là ra khỏi chân, đến phép quán thứ ba thì ra ngoài cả Nhị đế mới chứng được Trung đạo; vì trung chẳng phải là Biên nên chẳng phải nghĩa của Thị.

Hai là "văn tự v.v..." trở xuống là nói về Trung. Thể tánh của văn tự thuộc chủ thể truyền đạt vốn lìa, là quên vì văn tự không khác với lý, nên gọi là Như. Duy không, duy hữu, duy sắc, duy tâm, vì mỗi pháp đều là Trung, đều là pháp của Phật nên gọi là Thị, vì văn giống với lý nên nghĩa của thị hoàn toàn thành tựu.

Kế là "đầu tiên là phá v.v..." trở xuống là kết thành bốn thứ giáo.

Hỏi: trước đây, lúc giải thích về bốn thứ giáo chung với chân, gồm chứa Trung nên gọi là lý sâu. Nay kết biệt giáo thuộc về bốn thứ giáo, lại nói rằng phá cạn để hiển bày sâu, chẳng lẽ trong chân của Thông giáo đều cạn?

Đáp: Lý của thông giáo tuy sâu nhưng gồm nhiếp cả Nhị thừa và Bồ-tát độn căn nên gồm cả lý cạn. Nay kết về biệt giáo vì chỉ có pháp của Bồ-tát là chuyên bàn về lý sâu nên mới dùng sự chỉ có sâu mới phá sự gồm luôn cạn. Kết như vậy không sai trái với sự giải thích về nghĩa đã được nêu ở trước.

Tiếp là "kinh này v.v..." nói rõ, bộ có đủ bốn.

Tiếp đến là quán tâm: dùng ba quán của viên để quán ấm v.v... tâm tu ác tức là tánh ác. Gọi pháp giới ác là tất cả điều ác. Thể là ba đức nên gọi là ba đế, vì chiếu soi tương xứng với đế, sự quán và cảnh được quán chẳng khác nhau nên gọi là Như. "Cảnh tức là chánh quán" cảnh là bản giác, khởi là thỉ giác. Tuy chia ra mới và cũ nhưng thể của giác chẳng khác nhau. Vì vậy được gọi là "cảnh tức là chánh quán thì nghĩa ấy mới thành tựu" nếu không như vậy thì làm sao bốn câu "cảnh, chiếu cảnh v.v... lập được?" "Kinh nói v.v..." là nếu cảnh được quán là

hư không thì hàng Tiểu thừa nghiêng lệch bị mất tâm, giả lập chân như v.v... đều gọi là quán nghiêng lệch. Nay, tuy chánh quán theo quy ước của hạnh, nhưng nếu hành giả muốn nhiếp sự để thành lý, tu tập ngay nơi sự nghe thì phải phân biệt với mười cảnh đối với các tâm được quán sát, cảnh của ấm thường có, còn chín cảnh khác thì đợi phát, đối với sự quán thuộc về chủ thể quán thì phải biết về mười thừa, bậc thượng căn thì tu một, hàng trung căn thì tu bảy, người hạ căn thì tu cả mười. Nếu tự thân chưa thấu hiểu về Ma-ha chỉ quán thì phải dựa vào thầy, bạn để hỏi rõ từng vấn đề một: hiểu biết về thuốc và bệnh mới được tu tập chứ không thể nói gọn một câu rằng "tu hành" là đủ. Y theo tiêu chuẩn này để nhận biết sự giải thích về quán ở dưới.

Kế là "tôi nghe v.v..." trở xuống là chú thích về nghe giữ, có hai:

Một là sự giải thích của người xưa, có ba:

Một là sư ngày xưa: vì người ngoài là ngã kiến nên phần nhiều tôn tâm làm thầy. A-nan tôn Phật làm thầy nên nói là "tôi nghe".

Hai là Chân-đế: vì ngã có khả năng thọ trì pháp do Đức Phật nói nên nó có nghĩa của đồ dùng. Phân biệt với ba loại chẳng phải là đồ dùng để nói lên sự thành tựu ba thứ tuệ. Tuy chưa phân tuệ riêng đối với bốn thứ giáo, nhưng sự chú thích về tôi nghe của Đại sư Chân-đế hơn hẳn bản giải thích xưa.

Ba là thích luận: bản xưa nói về vấn đề Nhĩ thức sinh ra từ bốn duyên:

- Một là không.
- Hai là căn.
- Ba là cảnh.
- Bốn là tác ý.

Nay nói rằng "không hư hoại là căn, cái để nghe là cảnh, lắng nghe là tác ý". Chỉ thiếu duyên không, ở dưới nói rằng: "nhân duyên là hợp", xét về nghĩa có thể bao gồm. Tức là bốn duyên hòa hợp mới phát ra nhĩ thức. Cho nên không nói tai nghe mà nói tôi nghe, là vì ngã là chủ của lỗ tai. Quan điểm mới nói rằng: "nhĩ thức sinh ra từ chín duyên. Vấn đề này có nói đầy đủ trong Duy thức". "Hai sư giải thích" trở xuống là sự giải thích của ngày nay, có hai:

1) Giải thích theo quy ước của giáo như sau:

2) Các sư giải thích về "tôi nghe", có hai:

Một là nói về bốn thứ ngã, ngã v.v... ở đây được lập ra theo mô thức của bốn câu là sinh sinh v.v... trong đại kinh. Nhưng, ngã là giả danh, do các ấm mà có. Pháp ấm đã có bốn thứ như sinh sinh v.v... mà

ngã lại tùy theo thật pháp, thì lẽ nào không như vậy? Như sự chú thích về sinh sinh nói rằng: "sinh thuộc về phạm vi lớn, sinh sinh thuộc phạm vi nhỏ", đó là sinh diệt sinh ra từ sinh diệt. Nhờ pháp sinh diệt mà thành ra cái ngã sinh diệt nên theo mô thức của sinh sinh mà thành ra ngã. Tuy không quán nhưng chẳng phải là thể không. Vì thế, ba tạng đặt ở câu thứ nhất. Lại nữa, chúng ta nên biết những phạm trù giả, thật, sinh, diệt là cái vốn như vậy của chúng sinh, nhưng chúng sinh lại không nhận biết được. Nay vâng theo giáo lý này, tương xứng với gốc để quán thì lẽ nào chỉ có lý này thôi ư? Ba loại ở dưới cũng giống như vậy. Thật pháp theo quan điểm của thông giáo thì sinh tức là bất sinh. Cho nên ngã ở trong ấm tức là vô ngã. Vì vậy, nó thuộc câu thứ hai. Hành giả của biệt giáo biết ấm bất sinh mà sinh. Vì vậy, hành giả quán vô ngã mà (thành) ngã, vì nhờ giáo lý này vẫn biết về chân ngã. Vì kiến, mạn mạnh mẽ nên đầu tiên hành giả quán vô ngã, kế đến là phá vô ngã, lập ra ngã rồi sau đó đi vào chân ngã. Vì vậy, giáo lý này Ứng ở câu thứ ba. Hành nhân thuộc Viên giáo thì đạt được giả thật bất sinh, bất sinh ngay ở hiện tại. Nắm lấy do ấm thường trụ mà hình thành chân ngã. Ngã đã là Trung thì cả Nhị đế đều hướng về. Vì vậy, Tiên sư nói: "ngã, vô ngã mà không hai chân ngã". Vì vậy, giáo lý này Ứng với câu thứ tư. Vì giáo vốn che chở cho cơ nên nghĩa của bốn thứ giáo phối trị với bốn căn tánh. "Khiến cho người sau nói": vì phân biệt Như tên trên Tiên sư chú rằng.

Hai là nói về bốn sự nghe: ngã là chủ của sự nghe, nghe là tác dụng của ngã, chủ là giả nhân, dụng là thật pháp: nhưng nếu giải về nghĩa của sinh thì nghĩa của nghe liền tự sáng tỏ, nhưng sinh là nói về duyên khởi chung, nghe là riêng về nói nghe, hoàn toàn khác nhau. Theo nhân duyên của nghe mà có sự nghe khác. Vì vậy, Tiên sư nói: "nghe, nghe". Đã theo duyên sinh thì cuối cùng cũng trở về sự hoại diệt. Đó là sinh diệt của sự nghe. Vì nghe không có bốn tánh, đương xứ không nghe nên nói là "nghe không nghe", đó là vô sinh của sự nghe. Tuy thật không có nghe nhưng vì trong tục có nghe nên gọi là không nghe. Đó là vô lượng của nghe. Nhị đế tức là trung nên nói là không nghe. Trung cũng khó đạt được nên nói là "không nghe". Suốt bốn mươi chín năm không nói một chữ thì làm gì có trung và biên để nghe? Đó là vô tác của nghe. Vì chú thích giống như trước.

Kế là có bốn v.v... trở xuống là cùng giải thích về "tôi nghe" như sau:

Một là bốn khả năng của người nghe: theo giáo lý ba thì vì một thân A-nan có bốn đức tính nên được bốn tên gọi. Điển tạng lưu xuất từ

A-hàm, ba tên gọi khác xuất xứ từ kinh Chánh Pháp Niệm. Nay giảng nói tên nhỏ đối với bốn thứ giáo thì danh và nghĩa phù hợp. A-nan là tiếng Phạm, Hoan hỷ là tiếng Hán. Vì tôn giả sinh ra vào lúc Đức Phật thành đạo, cả nước đều vui mừng nên lấy sự kiện ấy mà đặt tên. Từ duyên mà lập danh, hợp với pháp sinh diệt truyền bá và giữ gìn ba tạng nên dùng tên này. Thể sự do Thông giáo nói tức là lý, khác với cái thấy của phàm tục nên dùng tên gọi Hiền. Biệt giáo năm lần bàn luận về Phật pháp nhiều như bụi cát, chủ lãnh hội nhiều điều nên gọi tên là Điển tạng. Viên giáo từ khởi đầu đến chấm dứt đều giải thích về lý của pháp giới, đã sâu mà lại rộng nên dùng tên gọi là hải.

Hai là "hoan hỷ v.v..." trở xuống là khả năng thờ kính bốn Đức Phật, có bốn. Một là Tam tạng: chiết pháp của giáo này không bao hàm Trung, vì vậy, hành giả chỉ nhìn thấy Đức Phật cao một tượng sáu.

Kế là "hiền A-nan v.v..." trở xuống là Thông giáo: quán đã là thể của pháp, làm sáng tỏ hai thứ không là Đãn và bất Đãn. Các Bồ-tát độn căn giống với Nhị thừa là chỉ thấy Đãn không. Vì chẳng phải Trung, thật nên chẳng phải là gốc của sắc và tâm. Vì vậy, Đức Phật vốn là do thệ nguyện chứ chẳng phải tập khí dư thừa. huyễn xuất thân trí, cuối cùng cũng quy về sự tận diệt như tro, vì sắc tâm có giới hạn nên gọi là trượng sáu. Nếu là Bồ-tát lợi căn thọ nhận biệt viên thì hiểu được bất đãn không. Không là thể thật có trong bản giác, đó là sắc tâm nhiệm mầu chứng đắc lúc ở địa vị Phật. Vì thân và trí có được tương xứng với sự vô biên của thể tánh nên gọi là tôn đặc, nghĩa là tôn sùng, kỳ lạ và đặc biệt. Đồng thời, thân ấy cũng được gọi là báo thân. Vì chỉ là một thân nhưng do căn cơ có lợi và độn nên thấy có hai hình tướng. Vì vậy, Tiên sư nói là: "hợp thân". Thân Phật của Thông giáo phải trình bày như vậy. Chúng ta phải biết rằng Bồ-tát độn căn dẫu có thấy thân Phật cao mười dặm cho đến trăm ức dặm đi nữa, nhưng vì chỉ y theo Đản không nên thân ấy cũng chẳng phải tôn đặc. Vì nó có phần hạn. Nếu hàng Bồ-tát lợi căn thấy thân một trượng sáu đi nữa, nhưng do đã y theo Trung đạo nên thân ấy cũng chẳng có giới hạn. Vì vậy mà văn dưới có đoạn kệ của Kim Long Tôn vương khen ngợi ba mươi hai tướng. Văn cú giải rằng: "Chính thức khen ngợi về tôn đặc".

Kế là "Điển v.v..." trở xuống là Biệt giáo. Hàng sơ tâm của giáo lý này liền nghe về Đãn trung. Tuy rằng Trung chẳng có đủ y báo chánh báo của chín cõi nhưng chẳng phải không có Sắc tâm mầu nhiệm của cõi Phật. vì thế, hành giả của giáo này chỉ thấy thân Phật thuộc phạm vi, thân tôn đặc không có phần hạn. Bởi, đầu cuối của giáo này không

chung với sự tu tập của Nhị thừa và Bồ-tát trụ ở Không. “Bốn biển v.v...” trở xuống là Viên giáo. Tướng thế gian mà giáo lý này nói là thường. Vì thế, tất cả các pháp đều là Trung đạo. Tuy rằng hành giả của giáo này thấy tướng tôn đặc giống như hành nhân của Biệt giáo. Nhưng vì hành nhân Biệt giáo gồm luôn cả sự tu riêng, còn hành giả Viên giáo đều là Tánh cụ nên Long nữ nói: “Pháp thân mầu nhiệm thanh tịnh, có đủ ba mươi hai tướng”. Vì muốn nói lên toàn bộ thể tánh nên kinh y theo tôn đặc mà gọi là Pháp thân. Vì vậy, hành giả Viên giáo quán tính chất khổ và vui của tánh đức để hưng khởi sự cho và nhổ, lấy sự độc hại của tức lý mà làm cái được tiêu trừ, chế ngự. Ba nhân tu đức gọi là hạnh của tánh đức, hai thân là Báo và Ứng được gọi là Pháp thân. Bởi Tiên sư muốn dùng tánh để tiêu dung vào đức. Khổ thì lập tức nhổ mà không nhổ. Độc thì lập tức tiêu mà không tiêu. Hạnh tức là tu mà không tu. Phật tức là chứng mà không chứng. A-nan truyền bá Tứ đế vô tác này tức là nói mà không nói. Vì thế, Tôn giả đích thân kính thờ Phật Pháp thân.

Kế là “Ở đây v.v...” trở xuống là trong bộ có bốn căn cơ.

Hỏi: Trên kia, ngài nói về bốn thứ giáo, tại sao hiện nay chỉ nói về sự Nói và Nghe của ba thừa?”.

Đáp: Vì Thanh văn, Duyên giác trong ba thừa phải nói về Tạng và Thông. Nếu nói về Bồ-tát thì phải gồm cả bốn thứ giáo. Ba thừa là nói chung, bốn thứ giáo là nói riêng. Nghe đã là ba thừa thì tất nhiên, nói phải là bốn thứ Phật. Đã là một âm thanh mà mỗi loại giáo đều giải thích thì một thân cũng có chỗ thấy khác nhau. Ý hướng nói về thân hợp nhất ở trước nằm ở đây.

Kế là “Quán v.v...” trở xuống là theo quy ước của quán tâm để giải thích. Vì hai chữ “Tôi nghe” ở trên, mỗi chữ đều có nghĩa của bốn câu nên y theo tâm quán sát của hành giả mà phân biệt. “Vin níu trên v.v...” tức là sau hạnh quán thuộc loại thiền hữu lậu. “Vin vào tính chất Tịnh diệu ở trên, chán lìa trạng thái thô chướng của khổ ở dưới. Theo quy ước của Cửu địa để lần lượt nói về Thượng và Hạ. Ngã Ngã, Nghe Nghe là cảnh thế tục thuộc phạm vi sinh diệt trong ba tạng. Trước đây là y theo sự hiểu biết về sinh diệt của ba thừa để quán sát cảnh mà đi vào Lý. Nay, y theo sự không biết của phàm phu mà tu nên chỉ thành tựu loại thiền thế gian. Đã là cảnh tục thì biết và không biết gốc của pháp là sinh diệt, cho nên dừng ở câu Sinh Sinh. Sư giải thích của chủ trương hôm nay hoặc y theo căn cơ được giáo hóa. Dị nhưng xét về chân thì Đồng. Vì thế, lấy Chiết và Thể cùng đối nhau làm câu thứ hai. Hai thứ

quán cuối cùng chẳng khác với sự đối đãi ở trước. Lại nữa, ở trước theo quy ước của Giáo thì bốn câu "Tôi nghe" có thể đối với bốn hạng người. Nay vì nói về sự tu quán nên phải y theo tiêu chuẩn của một người, một niệm mà chiếu soi. Vì thế, Tiên sư giải thích sâu suốt một tâm ba quán trong một niệm tâm mà thấy bốn thứ Tứ đế. Còn có đủ bốn nẻo thì lẽ nào lại nói về thiền thuộc thế gian? Vì sao? vì nói thì phải căn cứ vào người để biện minh về Tướng, vì tu không có trước sau mà chỉ thành sự quán sát của Viên giáo.

Kế là "Một thời v.v..." trở xuống là nói về sự hòa hợp như sau:

Tiếp là sự giải thích của người xưa, có hai:

Một là giải thích của Đại sư Tăng Triệu. Khải tức là khai (mở). Vận tức là thời vận tốt lành. Hội tức hợp lại. Nghĩa là lúc Cơ và Ứng khéo phù hợp.

Hai là "Tam tạng v.v..." trở xuống là Chân-đế, có hai:

Một là trình bày sự lập nghĩa của Đại sư Chân-đế. Sự giải thích ở đây đồng với việc lấy sự hợp nhất để chú thích về một. Nhưng, Đại sư chỉ y theo Cơ mà nói về tâm hợp với Ứng, chẳng có cao thấp. Nếu lúc tâm của các chúng sinh không có cao, thấp, trung bình tức là lúc hợp nhất với "Một thuở nọ" của Đức Phật. Vì vậy, Tiên sư nói thời gian bình thường tức là "Một thuở nọ".

Hai là "Ý riêng v.v..."trở xuống là xong về sự giải thích của sư Chương An. Nói rằng "Ý của tôi là "là sau khi Đại sư đã mất, sư Quán Đảnh ghi chép. Cú thời của đoạn văn đó tự thêm lời giải thích này. Vì đối với sự không sáng tỏ nên nói là riêng. Bởi Đại sư nghĩ rằng người đời sau chẳng giải thích được nghĩa không cao thấp của Đại sư Chân-đế nên mới chú thích ra. Cao tức là tâm ngạo mạn, tự thị, lăng nhục kẻ khác, không vâng hành đạo pháp của Đức Phật. Vì vậy, Tiên sư nói "Tâm ngạo mạn không vận hành". Thấp tức là đắm say, luyến tiếc năm dục, hoang mê, không xả bỏ được thì làm sao tu tập được đạo pháp. Hai thứ tâm này làm chướng ngại đối với đạo rất lớn. Tiên sư muốn người đời này không đắm say, không kiêu mạn, tu tập lúc bình thường thì liền cảm được ân đức của bậc Thánh.

Tiếp là "Thầy v.v..." trở xuống là cách giải thích ngày nay như sau:

- Theo quy ước của giáo, có hai:

Một là theo quy ước của nhân duyên để chú thích chung, tức là thời thuộc về sự hợp nhất của nhân duyên cảm Ứng. Nếu không nói về Cảm Ứng thì sẽ nói Một với ai? Vì chia ra sự khác nhau giữa cạn và sâu

của ba đế nên phải chú thích chung.

Hai là "Cũng v.v..."trở xuống là theo quy ước của Đế và Trí mà chú thích riêng, có hai:

Một là Giải thích về Thời.

Hỏi: Đế và Trí chỉ tại cơ cảm, còn Cảm Ứng lại gồm cả chúng sinh và Phật; hai và một đã khác nhau thì làm sao có thể nói về chung và riêng được?

Đáp: Trí tức là Cơ. Đế tức là Ứng. Lúc Trí và Đế hợp được gọi là Một của Cảm và Ứng. Vì sao? Vì Đức Phật lấy ba Đế làm thể. Nếu Đức Phật không lấy Thể này để Ứng với chúng sinh thì chúng sinh chẳng có con đường nào để cho Trí hợp với Đế. Như trường hợp Tu-bồ-đề Quán Không ở động đá mà Đức Phật Thích-ca khen ngợi là: "Được thấy thân ta". Vấn đề này lẽ nào chỉ đối với Đế lý? Thật ra đối với các pháp lành cũng giống như vậy. Như (luật) nói:"Nếu giữ năm giới thì Như Lai Thích-ca ở trong nhà ông". Vì vậy, chúng ta biết rằng Đức Phật lấy ba Đế, các pháp lành mà làm thể tướng. Lúc chúng sinh tu điều lành, thấu Đế lý tức là "Một thuở nọ" của sự hợp nhất giữa Cảm và Ứng. Nay, nói về ba Đế tức là thâu nhiếp cả bốn thứ giáo như sự giải thích của mọi người.

Hai là "Mà nói v.v..."trở xuống là chú thích về Một là tức là tướng Một của sự hợp nhất giữa Đế và Trí ở trước. "Trước lược bỏ không hợp": Ý Tiên sư nói rằng suy niệm trước, sau đó mới biết thì đó là tâm luống dối của giáo quán. Nếu trí phát thì cả suy tư và tri giác đều vắng lặng, bỗng nhiên được khai ngộ. Đó mới là cái một của đế lý. Vì vậy, kinh nói là: "Một thuở nọ". Tướng một của Đế và Trí thuộc về bốn thứ giáo cũng giống như vậy.

Kế là chú giải về Quán: Sự giải thích theo quy ước của giáo ở trước là sự khai ngộ ở Phật hội. Nay theo quy ước của quán tâm tức là sự tu Tạo sau khi Đức Phật diệt độ. Trước thì chia thành bốn thứ giáo. Nay thì tại một tâm. Văn tuy có khác nhưng ý vốn là một. Bốn là nói về giáo chủ như sau:

- Cách giải thích của người xưa, có hai:

Một là Chân-đế: Chưa phá vô minh gọi là Tiểu Bồ-tát. Nếu chứng pháp thân thì hiển bày từng phần về ba nghĩa. Vì vậy không che chở cho hạng người khác. Vì ba thừa khác với Ngoại đạo nên chỉ có một nghĩa. Bồ-tát khác với cả hai hạng là ngoại đạo và Nhị thừa. Vì vậy, Bồ-tát có được cả hai nghĩa nhưng vẫn chưa bình đẳng. Vì Đức Phật hoàn toàn khác nên có đầy đủ cả ba nghĩa.

Hai là thích luận: Vì tên gọi Thế Tôn đảm đương tên gọi của cả mười tên gọi nên Phật là thứ chín. Có đủ mười danh hiệu gọi là bậc tôn quý ở thế gian. Đó là chủ thể giác ngộ. "Đối tượng được giác ngộ của chủ thể giác ngộ": Tức là pháp thuộc Ba cặp (Tam song) của thế gian v.v... Cặp đầu tiên là theo quy ước của Thánh và Phàm: Thế tức là Pháp của sáu phàm, xuất thế là Pháp của bốn bậc Thánh. Cặp tiếp theo là quy ước giữa Tiểu và Đại. Vô thường là Pháp của Tiểu thừa, Thường là Pháp của Đại thừa. Cặp cuối cùng là theo quy ước của nghĩ bàn và không thể suy nghĩ bàn luận: sáu Phàm, ba loại giáo lý là số, đều là Pháp có thể nghĩ bàn. Chỉ có Viên giáo là phi số, là Pháp không thể suy nghĩ bàn luận. Vì giác biết tức khắc thấu triệt, rõ ràng các pháp môn này ở trong một tâm nên gọi là Phật.

Kế là giải thích của ngày nay, có hai:

Một là theo quy ước của Giáo: Phật đã chuyển giác mà có ba thân. Đây chính là cái được thành tựu do ba loại giác trí. Như Nhất thiết trí tạo thành thân trượng sáu ở ba tạng "y theo Đạo chủng trí thì có hai thứ Phật" :Vì loại trí này nói ở phạm vi trong và ngoài cõi. Đạo chủng trí ở phạm vi trong cõi thì thành ra thân trượng sáu của Đãn không thuộc về Thông giáo. Vì Bồ-tát độn căn là từ không mà ra khỏi Giả. Đạo chủng trí ở phạm vi ngoài cõi thì thành thân tôn đặc của Đãn trung thuộc Thông và Biệt. Vì Bồ-tát từ trung mà ra khỏi Giả. Nhất-thiết-chủng-trí thành tựu pháp thân Phật của Viên giáo và trong cõi của các pháp thuộc Thông và Biệt giáo. Tuy che chở cho cả bốn thứ căn Cơ, nhưng Phật thì chỉ có ba loại. Ba loại Phật này không thể quyết định là Nhất, vì không sai biệt chính là sai biệt, không thể khẳng định là Dị, vì khác nhau tức là không khác nhau. Chúng ta phải quên hẳn hai phạm trù là một và khác. Bởi vì, chúng ta là kho bí mật. Thế nhưng, chúng ta vẫn nói về hai phạm trù Nhất và Dị là bởi đối với tiết đoạn thì phải chia như vậy.

Hai là theo quy ước của Quán: "Đối tượng được giác biết của ba quán đều gọi là pháp". Mỗi pháp đều giác biết đối với ba đế. Vì vậy, ba đế của Không giác quên đi quan điểm về sự khác nhau gọi là Đệ-nhất-nghĩa không. Do đó gọi là Một tướng. Ba đế của Giả giác đều có khả năng lập pháp gọi là Như Lai tạng. Vì vậy gọi là Đủ loại tướng. Ba đế của trung giác ngăn che và chiếu soi cùng một lúc gọi là Đệ-nhất-nghĩa Lý. Vì vậy gọi là không có tướng Nhất Dị và cũng là tướng của Nhất và Dị. Vì trước kia theo quy ước của Giáo để chú thích nên Tiên sư dùng ba đế để hiển bày riêng về ba thứ thân được xếp vào bốn thứ giáo. Nay, đã theo quy ước của quán, lẽ tất nhiên là chỉ ở tại Viên giáo. Nếu pháp

quán của Viên giáo thành tựu thì dẫu không mong cầu mà hành giả vẫn gặt hái được bốn thứ giáo và ba thứ thân. Bụi hết thì gương sạch, bóng hiện tùy theo hình. Vì làm cho vấn đề này được phân biệt nên Tiên sư chú rằng v.v... năm trụ là v.v...”trở xuống là nói về Trú xứ, có hai:

Một là nêu lên cả hai. Phật là chủ thể trụ. Thành và Núi là chỗ trụ xứ. Người phải có Pháp, vì là chủ thể trụ. Như kẻ ác ở thế gian chắc chắn phải dùng pháp ác, trụ trong phòng nhà; Người lành, pháp lành và trụ trong phòng nhà cũng giống như vậy. Nay kinh nói rằng Đức Phật trụ ở thành Vương xá, núi Kỳ-xà-quật, lẽ nào chúng ta chẳng lấy định Thủ-lăng-nghiêm để làm pháp của chủ thể trụ ư? Vì thế, Phổ Hiền quán nói: “Đức Phật Thích-ca Mâu-ni gọi là Tỳ-lô-giá-na, chỗ ở của Đức Phật này gọi là Thường Tịch Quang”. Mâu-ni là Người, Tịch quang là Pháp. Tự thân của Người và Pháp này có thể chia ra chủ thể trụ và nơi chốn trụ. Nếu so với Núi và Thành thì đều là chủ thể trụ. Núi so với Tịch quang là chỗ trụ xứ. Xứ tùy theo pháp mà chuyển. Trường hợp này là hoàn toàn chỉ sắt thành vàng. Vì vậy, ở Ma-kiệt-đà, A-lan-nhã gọi là Đạo tràng Tịch diệt. Lẽ nào thành và núi ở đây lại không như vậy? Chúng ta nên biết rằng vấn đề chính là không nói về Tâm và Pháp của chủ thể trụ mà chỉ nói về vấn đề sắc thân trụ ở đất, đá. Như vậy, lời luận bàn về Đại, Tiểu, Sắc, Tâm liền trở thành vô dụng. Vì lẽ đó, sự nêu lên cả hai là chủ thể trụ và nơi trụ lẽ tất nhiên phải có ý hướng! Hai là “Chân-đế v.v...” trở xuống là giải thích cả hai.

Một là nói về pháp thuộc Chủ thể trụ như sau:

- Cựu giải, có hai:

Một là Chân-đế: Sự giải thích của Đại sư này về Trụ chẳng những chỉ nói về vấn đề sắc chất trụ ở thành và núi. Vì vậy, Đại sư nói về tám thứ pháp thuộc Chủ thể trụ. Một là Trụ ở Đại thiên: nói lên sự Ứng hóa rộng lớn của chủ thể trụ.

Hai là trụ ở y chỉ: nói lên chủ thể trụ hiện nay.

Tiếp là Trụ ở năm phần: nói lên năm ấm vô lậu của chủ thể trụ. Năm phần là giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Tức là đạo công giới vô học, định diệt tận, tuệ vô sinh, giải thoát hữu dư, giải thoát chiếu. Trí nhân gọi là Tri kiến. Nghĩa là tự tri đó là Sơ quả, cho đến Tứ quả. Như thế thì ba phần trước đều phải ở tại quả mới gọi là Pháp thân. Nói tuổi thọ hiện tại là vì vào Vô dư thì năm phần bị diệt; thân tro thì giới, định và giải thoát Hữu Dư diệt mất; Diệt trí thì tuệ và tri kiến diệt. Vì thế, năm phần của tuổi thọ hiện tại được trụ. Vì đi, đứng, nằm, ngồi thuộc bốn trụ uy nghi đều có phép tắc nên có khả năng làm lợi ích

cho chúng sinh. “Năm thiên trụ trụ thiền định”: Thiền tức là bốn Thiền, Định tức là bốn không. Vì chúng là pháp của Trời thuộc hai cõi Sắc và Vô sắc. “Sáu, phạm trụ trụ ở bốn v.v...”. Vì chúng sinh vô lượng, tâm ta là thường v.v... nên Tứ thiền tu thân về Từ, Bi, Hỷ và Xả thì sinh lên Phạm Thiên Vương. Cho nên Đại sư nói là Phạm trụ. Văn không nói về Hỷ và Xả là bởi Tiên sư lược bỏ. “Bảy là Thánh trụ, trụ ở ba thứ Tam-muội”. Đó là Không, Vô tướng và Vô nguyện. Ba loại này là pháp được tu tập bởi bậc Thánh. Vì thế, Đại sư nói là Thánh trụ. “Tám là Đại Xứ trụ”: Tức là trụ ở Thường tịch quang. Vì ngôn ngữ và sự suy niệm đã dứt bặt nên Đại sư nói là Đệ-nhất-nghĩa. Tám nghĩa này là pháp của Như Lai-Chủ thể trụ.

Kế là trích luận: Đại phẩm nói:”Đức Phật trụ ở thành Vương xá”. Ngài Long Thọ theo quy ước của bốn thứ nghĩa để chú thích về pháp thuộc chủ thể trụ. Đó là Trời, Phạm, Thánh và Phật. Sáu pháp của Đại sư Chân-đế không nằm ngoài bốn thứ nghĩa này. Vì vậy, Đại sư dùng bốn thứ để thâu nhiếp chúng. Trời và Phạm ở trong luận hoàn toàn giống như danh nghĩa của hai thứ trụ ở Đại sư Chân-đế, nhưng Đại sư Chân-đế nói định tức là nói về định của bốn thứ v.v... Ở đây thì dùng hai thứ để nhiếp hai thứ. Thánh trụ hoàn toàn giống như danh nghĩa Thánh trụ của Đại sư Chân-đế. Nhưng, Đại sư Chân-đế lại thu nhiếp được năm phần tuổi thọ. Ở đây thì lại dùng một để nhiếp hai. Phật trụ hoàn toàn khác với danh nghĩa Đại xứ trụ của Chân-đế, dùng một để nhiếp một. Ở đây thì nói về bốn rồi nhiếp năm thứ kia. Luận lại nói: “Trụ ở Thánh trụ, Phật trụ và Pháp trụ, ba trong số bốn thứ trụ là vì thương xót chúng sinh”. Trụ thuộc thành Vương xá nay nói là trụ theo quan điểm của Tích. Nghĩa này lại thâu nhiếp ba thứ trụ của Đại sư Chân-đế. Vì Vương thành là nơi y chỉ, Vương thành ở trong cõi Đại thiên, bốn uy nghi không rời Vương thành.

Hỏi: Pháp năng trụ của Đức Phật là Thủ-lăng-nghiêm. Vậy luận cần gì phải nói về ba thứ trụ là Thánh, Phạm và Trời?

Đáp: Sự tự tu của Như Lai quả thật là ở Lăng-nghiêm. Nhưng, vì mục đích làm lợi ích cho người nên Như Lai trụ ở ba thứ trụ khác. Nếu tâm không trụ vào pháp thuộc Phạm, Trời v.v... thì làm sao nói về Tứ Thiên, Tứ Đẳng v.v... Vì vậy, Diệu lạc nói về Tứ Trụ rằng: “Từ rộng đến hẹp. Vì dùng sự thù thắng để thâu nhiếp sự hèn kém. Trời nhiếp cơ rộng, Phật nhiếp cơ rất hẹp, trung và hai bên không nói. Cho nên nói là hẹp từ rộng”. Phật trụ đã thù thắng nên thâu nhiếp tất cả pháp lành. Vì vậy, ba trụ là Thánh v.v... pháp lành thuộc phàm phu, Tiểu thừa. Đó là

nói về điều được nhiếp.

Kế là sự giải thích ngày nay, có hai:

Một là Giáo: Sự giải thích về bốn thứ Trụ của luận vẫn thuộc về chung. Vì vậy, nhà chú thích ngày nay nói về vấn đề Phật trụ của bốn thứ giáo đối với ba đế, lại nói rõ về sự chỉ trụ trong pháp. Pháp quán do ba Tạng giải thích là vụng. Cho nên lúc thành Phật, thân chỉ một trượng sáu, chỉ trụ ở Chân-đế. Thể của pháp quán do Thông giáo nói là xảo, có thể chứng được Nhị Không. Vì vậy, Đức Phật được thành tùy theo căn cơ lợi hoặc độn, một thân nhưng có hai cái thấy; thân trượng sáu trụ ở Chân, thân tôn đặc trụ ở Trung. Trong sự giải thích của Biệt giáo là tu thứ đệ quán. Vì vậy, Đức Phật được thành tựu chỉ một thân tôn đặc. Vì phải tu riêng về tất cả các duyên trang nghiêm nên làm cho Đức Phật này trụ trong Tục. Trong Trung mà Viên giáo giải thích có các pháp. Muôn hạnh ở trong nhân không tu mà tu, muôn đức trong quả thành mà không thành. Vì vậy, ngay nơi Báo và Ứng gọi là Pháp thân, chỉ trụ ở Trung đạo, lẽ nào Phật của ba thứ giáo lý trước lại rời Pháp thân? Nay y theo sự phân chia hiện thời để nói về bốn thứ khác nhau. Vì vậy bốn Đức Phật, mỗi vị đều lấy Trụ Pháp để trụ ở thành, núi. “Hai thứ quán”: Trong một tâm mà tu đủ cả ba phép quán, trụ trong ba đế. Dùng Pháp trụ này trụ trong chỗ ở. Nếu niệm niệm không dừng nghỉ thì tức là đi, đứng, ngồi, nằm của Phật thuộc quán hạnh. Kinh chép: “Nên xây tháp ở những nơi này” là chỉ cho ý ấy.

Kế là “Vua v.v...”trở xuống là nói về chỗ ở như sau:

- Là Thành, có hai:

Một là giải thích về nhân duyên. Văn ở đây tuy dón gọn nhưng có thể hiểu được ý. Nếu người học muốn biết tỉ mỉ thì xin tìm đọc ở luận kia.

Hai là giải thích về quán hạnh: Sự giải thích về các thứ quán ở trên đều là phụ trợ. Bởi vì, “Như vậy v.v...”không mượn nghĩa của sự để nói lên pháp quán. Thành và Núi ở đây là mượn sự mà quán. Như Vương xá ở đây là mượn sự che đậy để biểu thị cho năm ấm, mượn nghĩa Tự tại để biểu trưng cho vua thiện ác. Vì vậy, Diệu lạc nói: “Dùng Vua thiện ác so sánh với ngôi nhà Vô Ký”. Chúng ta nên biết rằng Vô Ký bao gồm khắp cả tám thức. Nhưng, Vua thiện ác thì chỉ là thức thứ sáu. Vì thức thứ sáu này chung cả ba tánh là Thiện, ác và Vô Ký. Tánh vô ký này giống như bốn ấm khác, là cảnh được quán, lấy tánh thiện ác làm sự quán sát thuộc chủ thể quán. Các vị sơ tâm tu tập phép quán là đều do tâm thứ sáu này. Vì, tâm này có khả năng khởi

động sự kính mến và nhàm chán, phân biệt danh nghĩa, làm nhân cho thiện ác. "Nói thiện là": Đối với ác mà có tên chứ chẳng phải thiện rốt ráo. Vì, số của Vua vốn là do sự huân tập của Kiến và ái mà thành; Hành giả thuộc Viên giáo hoàn toàn chưa chế phục. Vì niệm thiên thuộc duyên khởi không rời Kiến ái nên tâm của mười cảnh đều được gọi là Ma Chướng. Loại quán không thể suy nghĩ bàn luận mới được gọi là thiện thanh tịnh. Nếu hành giả dùng ngay tâm ấy mà quán lý Thật tướng thì giống như dùng tơ ngó sen để cột núi Tu-di. Lẽ cố nhiên là chỉ tăng thêm sự phân biệt chứ chẳng cách nào chấm dứt được niệm! "Nếu cho tâm này là tánh ác": thì Tánh ác dung thông, hướng về tất cả các pháp, nên tự nhiên nó gồm nhiếp được thức bảy, tám và chín đồng làm Diệu quán. Nên được gọi là "Cảnh tức là quán". Chủ thể và đối tượng đã diệt thì sự nghĩ bàn liền mất, phép quán Viên diệu này hàng sơ tâm có thể tu. Vì vậy, Diệu lạc nói: "Bỗng nhiên, ai cũng đều chưa nghe về tên gọi tánh ác. Vậy, làm sao tin là có hành vi của tánh ác"? "Phải nghe về tánh ác". Vì nếu hành giả biết tánh ác thì tu ác vốn là luống dối. Trong ba quán, mười thừa, không có hoặc để phá, không có lý để hiển bày tu công đức vắng lặng là hạnh Vô tác. Vì dùng tánh đức để gọi mời hạnh này. Nếu hành giả mê mờ đối với Lý ấy mà chỉ nói Tâm Vương là sự quán sát thuộc chủ thể quán thì rốt ráo chẳng phải là phép quán của Viên giáo. Vậy lẽ nào ba thứ trước chẳng phải Vua thiện ác là chủ thể quán? Lại nữa, chúng ta phải biết rõ rằng chẳng những riêng Thành và núi, lấy ấm làm cảnh, các Sự pháp quán đều phải quán ấm. Vì vậy, Diệu lạc nói: Lại nữa, các cảnh được quán đều không ngoài năm ấm. Nay dùng Núi v.v... này quy ước ấm thì tiện lợi. Vì trong các đoạn văn đều nói trực tiếp là "Cảnh của trí". Ký văn đã nói là "Cảnh của các phép quán đều không ngoài năm ấm". Như vậy, chúng ta biết rằng pháp giúp đỡ của ký sự đều phải quán về ấm. "Nói Núi v.v... theo quy ước của ấm thì tiện lợi": Bởi vì núi, thành này biểu trưng cho nghĩa của ấm thì tiện lợi. Vì vậy, Tiên sư nói rõ về ấm. Vì các đoạn văn không tiện nói ra nên nói thẳng là "Cảnh của Trí". Tuy không tiện, không nói về năm ấm, nhưng cảnh được quán đều ấm. Vì vậy, câu trên nói là "chẳng ngoài ấm". Nói thẳng là "Cảnh của Trí" tức là các đoạn văn nói rằng "Quán một niệm tâm chính là Không, Giả và Trung". Tuy không nói là ấm nhưng nếu "Một niệm tâm" ấy chẳng phải là ấm thì là vật gì? "Có người y theo đó mà chấp rằng quán Cảnh chứ chẳng quán ấm". Lỗi của trái nghịch đối với văn nghĩa không gì hơn sự cố chấp này. Lại nữa, Tích chấp nói "Chỉ có trong Chỉ quán, từ hạnh để quán pháp mới dứt trừ

được cảnh của ấm". Pháp quán thuộc các sự thì chẳng dứt trừ được ấm". Đó là sự tự thiết lập khuôn phép từ đầu não. Quán pháp của các bản văn đã không ngoài năm ấm thì việc dứt trừ nào có trở ngại gì? Huống chi Quán ấm trong Diệu lạc? Chúng ta phải biết rõ phương tiện chính tu thì phải dứt trừ cảnh và tâm. Vậy, lẽ nào việc dứt trừ cảnh lại chẳng phải là bỏ thước để quy về tấc, dứt trừ tâm chẳng phải là bỏ nghĩ bàn để nắm lấy không thể suy nghĩ bàn luận? Tại sao lại cố chấp điều sai nghịch để không dứt trừ ấm. Kẻ ấy lại chấp quán tâm thuộc nương gá vào sự pháp không thể tu tập, chỉ có quán pháp theo quy ước về hạnh của chỉ quán mới tu tập được. Vị ấy liền dẫn văn của Nghĩa Lệ nói về tà sư làm bằng cứ. Văn ấy nói: "Mười hai bộ quán nhờ vào Sự để đặt tên. Tuy có danh của ba quán nhưng không nêu mười cảnh và mười thừa. Dưới tên của một bộ chỉ viết một câu", lẽ nào một câu ấy lại trình bày tỉ mĩ về Quán môn? Người đời nay nói rằng Quán tâm thuộc sự pháp là có thể tu. Nhưng, nếu kẻ không mượn chỉ quán thì lẽ nào lại không hoàn toàn giống như Tà sư đời trước? Nay, khi bình phán về Nghĩa Lệ, tôi suy nghiệm về lời nói của người này thì thấy hoàn toàn khác với ý hướng phá và lập của Đại sư Kinh Khê. Vì sao? Vì Nghĩa Lệ nói rõ căn bản của nghi là do sự sai lầm của Tà sư. Là nói rằng mười cảnh, mười thừa của chỉ quán là Tiệm Viên quán. Văn ở mười hai bộ kinh quán tâm của Pháp sư Duy Đảnh nói là "Đốn đốn quán. Nếu tu tập là được ngay". Vì vậy, sự nói rõ như trên của Đại sư Kinh Khê là chỉ vì mục đích phá bỏ tà sư kia. Đại sư triển khai đầy đủ một câu "Quán tâm" dưới mười hai bộ của Pháp sư Duy Đảnh ở quán môn Đốn đốn. Tà sư đã đem mười cảnh, mười thừa của chỉ quán mà tự cho là Tiệm Viên thì cuối cùng chắc chắn không chịu đi vào Sự quán của mười hai bộ để tu tập. Như vậy, lẽ nào lại giống với vị sư của Chánh giải. Lúc giảng về phép quán Thành, núi v.v... vì người học muốn tu nên Tiên sư liền trình bày về văn chỉ quán phương tiện chính tu giản cảnh v.v... trở thành quán hành. Nếu vậy, lẽ nào Tiên sư lại dứt khoát không trình bày về mười cảnh, mười thừa này? Lẽ nào Tiên sư lại dùng một câu để mở ra quán môn? Lại nữa, vì sao Tiên sư thường nói "Quán tâm thuộc Sự pháp không nhờ Chỉ quán mà tu tập được" lại không nói rằng "Các loại quán của Thành, Núi v.v... là Đốn đốn"? Lẽ nào lời bác bỏ của Tiên sư lại hoàn toàn giống với Tà sư đời trước? Lại nữa, Pháp Hoa Huyền Nghĩa mở bày các văn nói về quán tâm giúp cho người tu tu ngay nơi cái nghe. Thích thiên nói: "Hễ nghe một câu thì nhiếp sự thành lý chứ chẳng đợi đến quán cảnh mới được gọi là Tu quán". Tổ tiên đã để lại khuôn phép, chúng ta hãy

soi vào. Vậy, tại sao người học lại chấp rằng Quán môn thuộc Sự pháp là không thể tu tập? Người này lại không thừa nhận vị thầy đắc pháp trình bày ở Tư Ký để dạy người tu quán mà tự mình phải hiểu rõ thật sâu về Pháp môn Chỉ quán mới tu tập được đối với các văn nói về quán tâm. Nếu nói như vị ấy thì hành giả tu quán hoàn toàn không nhờ vào tri thức giáo thọ. Thế thì, trong năm thứ duyên, duyên thuộc Thiện tri thức là hoàn toàn vô dụng! Thật ra, có thể thiếu bốn thứ duyên, nhưng duyên thuộc thiện tri thức thì không bao giờ được xả bỏ. Vì vậy, Đại sư nói: "Người tự mình quyết trạch được hoàn toàn thì có thể tu hành một mình. Còn nếu kẻ chưa hiểu tỉ mỉ về chướng nạn thì dứt khoát không nên xả bỏ". Kinh nói: "Thuận theo người thầy giỏi để học thì được thấy chư Phật nhiều như cát sông Hằng". Lại am hiểu tỉ mỉ về pháp của mười cõi, mười Thừa của Chỉ quán thì kẻ đó là Đại Pháp sư, là Đại thiền sư. Lẽ nào Quán tâm thuộc Sự pháp ở trong các bản văn phải là hạng người này mới tu được ư? Quan niệm sai lầm này làm trở ngại người truyền pháp, mở rộng về Quán môn. Sự tổn hại vì làm trở ngại đối với kẻ sơ tâm mới vào đạo lại càng lớn hơn. Người học phải biết điều ấy.

Kế là "Kỳ v.v..." trở xuống là nói về núi, có hai:

Một là chú thích nhân duyên: Thế của đỉnh núi tựa như đầu con chim kên kên. Có kinh gọi là Lính Thứu vì loài chim này biết trước được lúc người chết, lại là nơi có nhiều vị tiên linh thiêng ẩn tu. Thuyết văn nói: "Chim kên kên màu đen thì có nhiều con.

Hai là chú thích về Quán hạnh: Nếu là Diệu kinh sớ thì trước tiên, sớ dùng ba chữ để đối với năm ấm.

Tiếp theo là quán ba chữ để làm ba thứ đức, đạt được ấm chính là Lý. Nay, văn ở đây lược bỏ, lấy ngay ba chữ để biểu thị cho ba thứ đức. Tuy Tiên sư không nói về nghĩa của ấm nhưng vẫn thể hội ấm mà làm ba thứ đức. Chúng ta phải biết rằng ấm là pháp của quả báo thuộc về kiến tư. Ở đây thì tu ác chính là tánh ác mà làm ba thứ đức. Vua thiện ác nếu chẳng phải là tánh cụ thì làm sao thường xuyên an trụ trong Bí tạng được? Tâm sở trần lao, nếu chẳng phải là tánh ác thì do đâu để càng đi vào Bí tạng? Hai là "Kinh này v.v..." trở xuống là nói về ý của "Cùng nghe" như sau:

- Là chú thích. "Thời có năm, Xứ có bốn":

Một là thời nói về tựa ở Kỳ Sơn.

Hai là thời nói về thọ lượng ở trong thất.

Ba là thời trong mộng thấy trống vàng.

Bốn là thời lúc tỉnh, đến kỳ sơn nói. Năm, Thời của Liệt chúng

đến nước của Đức Phật kim Bảo Cái Sơn Vương khen ngợi Đức Phật Thích-ca. Vì vậy, Thời thì có năm. Vì nói lời tựa, nói mộng đều ở tại kỳ sơn nên Xứ chỉ có bốn.

Kế là "Nếu vậy v.v..." trở xuống là giải thích ý nghi ngờ. Bốn vị Phật nói về thọ tại thất của Tín Tướng, tại sao ở Linh Thứu, A-nan lại xưng là "Tôi nghe"? "Nhưng, tuy v.v..." trở xuống là đáp. "Trong kinh Báo ân, Đại chúng sai A nan làm thị giả": A-nan theo hầu Phật với bốn điều kiện.

Một là không nhận y cũ.

Hai là không nhận mời riêng.

Ba là khác với các Tỳ-kheo, hễ muốn gặp Phật thì liền được gặp.

Bốn là những kinh chưa được nghe, xin Đức Phật nói lại cho con nghe". Đức Phật đều thừa nhận. "Lại nữa, A-nan đạt được loại Tam-muội gọi là Phật giác. Nếu là người tự thông đạt thì không đợi nói lại. Nhưng vì A-nan sinh vào đêm Đức Phật thành đạo, năm hai mươi lăm tuổi mới làm thị giả. Kinh được nói từ trước đã y theo hai nghĩa trước kia mà vẫn được xưng là "Tôi nghe", huống chi ở tại thất của Tín Tướng, là thời gian gần nhất ư?

■

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 1
(Phần cuối)

Tiếp là “Từ đó v.v...”trở xuống là nói về lời Tựa, cũng gọi là Tựa riêng, có hai:

Một là nêu hai tên gọi: Tuy tên gọi khác nhau nhưng vẫn có dài ngắn. Thuật ngang với Phẩm Tựa riêng hết phần đầu. Vì có lời tựa riêng với các kinh nên đặt tên khác là Kim Quang Minh. Vì vậy, chúng ta biết lời tựa này là căn bản của tên khác.

Hai là “Nghĩa khác v.v...”trở xuống là giải thích về hai lời tựa, có hai:

Một là chỉ chung văn tướng của hai lời tựa như sau:

- Tướng riêng, có hai:
- Là nói về bảy hình thái khác, có hai:

Một là khai thị về bảy văn kinh.

Hai là “Sinh khởi v.v...”trở xuống là nói về bảy thứ lớp. “Một là Nhập định”: Đại giác đốn viên chiếu nhưng thường vắng lặng. Nay, sở dĩ Như Lai nhập định là vì muốn chỉ bày phương cách khiến cho người tu ưa thích đối với Định. “kế là trình bày”. Đã nhập vào định cao siêu, thấy pháp tôn quý thì lập tức ở trong định này mà trình bày về vua kinh. Ý nói nêu ra sự trình bày”: Thật sự chưa chỉ bày về tướng trạng của việc xuất định. Bởi vắng lặng không ngăn ngại đối với sự chiếu soi nên nói là “Ra”. Đức Phật không xuất định mà nói kinh này. Ý ngài muốn trình bày rằng trong vắng lặng có chiếu soi. “Tiếp theo hoài nghi” “Đã nói về Pháp Đức Phật đã chứng, Tín Tướng liền nghi rằng vì sao Người và Thọ sao không gọi là Pháp. Còn văn nói về thụy Ứng v.v... thì người học sẽ biết.

Kế là có khi v.v... trở xuống là nói về ba thứ khác. Đại sư có lúc tạo ra sự phân biệt này. Đại sư Chương An chép thường cùng bảy loại khác ở trước, vì có sự khác nhau giữa triển khai và quy nạp.

Tiếp là “trình bày v.v...” trở xuống là nói về tướng, có hai:

Một chính là trình bày. “Trình bày về sự hoài nghi”. Suy nghĩ về nghĩa sâu xa thì sẽ hợp với điều nghi để đối với pháp sở chứng thường chứng thọ ngắn. “Nói về sự dứt nghi”: Mục đích Đức Phật che chở là vì khiến cho người nghe dứt nghi sinh Tín. “Nói về phẩm sám hối”. Vì mục đích chính là phá ác, phụ dứt phá ác. “Nói về phẩm không”: Phẩm này dẫn dắt cho sự thành tựu về sinh thiện, dứt ác. Vì văn này chỉ nói về sự diệt trừ ba thứ chướng. Trời Đại phạm và Đế Thích là Tán-chi chủ. Khẩn-na-la v.v... là bộ đi theo của trời Tán-chi. Kinh nêu chủ đề nói về phẩm này. “Nói về việc chính là nói về sự nhóm họp điều lành? Chính thức nói về trị quốc, tu tập điều lành và nghe kinh. Tất cả những việc ấy đều lưu xuất từ Bí tạng. Vì vậy, Tiên sư dùng Bí mật để nói về hai phẩm. “Nói về Thọ Ký” “Vì những người kia nhờ nghe kinh mà tâm được trong sạch vắng lặng như hư không nên được thọ ký riêng. Nay nói “Vì thân và ý không dơ bẩn” là “nói về phẩm Xả Thân”: Nhờ ân Thái tử mà được giải thoát. Vì nói rõ rằng chẳng phải dùng món ăn tà vạy để nuôi mạng. Nay, Tiên sư nói về một câu chánh mạng. “Nói về phẩm Tán Phật”: Tuy Bồ-tát ba lần dùng kệ để khen ngợi Phật, nhưng phần nhiều các vị Bồ-tát này là Phật xưa. Như vậy, dẫu các Bồ-tát ấy có thực hành đi nữa cũng là Phật tương lai. Vì vậy, Đức Phật hiện đời khen ngợi người tu hành cũng là Đức Phật tương lai, do đó mà Tiên sư nói về phẩm này. Phảng phất tức là dáng vẻ không rõ ràng. Vi, âm là Vỹ, tức là Xa. Như nói rằng không được rõ ràng khi đọc.

Hai là “Hỏi v.v...” trở xuống là chỉ bày luôn về người trình bày, có hai:

Một là hỏi về khởi.

Hai là đáp về chỉ bày, có hai:

Một là trình bày người xưa bác bỏ vì sai lầm: Bản xưa có hai Sư. Vị thứ nhất nói về A-nan, bác bỏ rằng: v.v... Là luận chứ chẳng phải kinh”: Vì lời Phật nói gọi là kinh. Những gì do đệ tử Phật ở cả ba thừa soạn ra đều gọi là Luận. Kinh nói: “Nay, ta nên nói về Pháp sám hối v.v...” Như vậy, lẽ nào Pháp sám hối lại do A-nan nói? Lẽ nào chẳng phải là văn sai? Trống vàng trong mộng là Pháp thân Phật. vì lấy trí mà gõ vào nên nó liền tùy căn cơ mà giảng nói về pháp sám hối. Chúng ta nên biết rằng trống vàng là chân ngã của Phật. Vì vậy, trống nói là “Ta nói”. Vị thứ hai nói: Tín Tướng bác bỏ rằng: Nếu là nguồn tự của Tín Tướng thì khởi đầu và cuối cùng không nên nghi. “Huyền tự”: Huyền đồng với Huyền có bộ tâm ở dưới.

Hai là “Lại nữa v.v...” trở xuống là chỉ bày về câu hỏi, có hai:

Một là ý của thầy chỉ bày.

Hai là "câu hỏi v.v..." trở xuống là nạn vấn khởi, trả lời chung, có hai:

Một là so sánh nhân với quả: Không chỉ chủ thể dạy bảo là Phật làm ra Tựa mà còn nói rõ Định của Như Lai chẳng ngại với việc giảng nói. Lấy văn của Pháp Hoa để suy nghiệm vấn đề Đức Phật trình bày ở trong định. Lẽ nào lại dùng ngàn, muôn ức bị hạn cục ở trong Chánh Tông để so sánh với miệng của Đức Phật thuộc về quả bí mật Ứng phó với cơ ư? Lẽ nào chỉ nói về Chính chứ không tạo ra cái chung của Tựa hay sao? Vì vậy, Tiên sư kết rằng "Chỗ nào mà không làm?

Hai là "Văn v.v..." trở xuống là dẫn văn để chứng kết, có hai:

Một là dẫn văn để làm chứng.

Hai là "Đại v.v..." trở xuống là dẫn Đại phẩm làm thông lệ. Trong phần Tự của kinh ấy nói về việc Đức Phật đưa tướng lưỡi rộng dài ra để phát ánh sáng; mỗi tia sáng này hóa thành những cánh hoa quý, trên mỗi cánh hoa đều có Hóa Phật nói về sáu Ba-la-mật. Kinh Đại Phẩm đã gọi là Tựa thì lẽ nào ở đây lại gọi là Chính kinh? Hai là "Chú thích đi vào v.v..." trở xuống là chính thật theo Tự riêng để nêu giải văn như sau:

Riêng thuộc nhập định, có hai:

Một là nêu khoa: Muốn nói về nghĩa của người thuộc chủ thể đi và pháp thuộc đối tượng được đi đều rõ ràng. Vì vậy, Tiên sư xếp chữ "Đi" vào khoa đầu tiên. Chúng ta nên nhớ rằng giải thích nghĩa không cùng loại với việc đọc văn.

Hai là "Là v.v..." trở xuống là giải thích tùy theo như sau:

- Người thuộc chủ thể đi. Gồm ba.
- Giải thích về "Lúc ấy", có hai:

Một là xưa giải thích.

Hai là "Nay v.v..." trở xuống là người thời nay giải thích, không dùng năm loại ba thời của người xưa mà chỉ nói về thời thuộc sự kiện Đức Phật quán sát cơ đắc đạo. Lại nữa, đắc đạo vẫn còn thuộc về chung. Phát theo quy ước của lúc ba loại trí âm thầm hợp với ba đế mới nói biết tướng của Như Lai quán sát căn cơ. "Phật muốn v.v..." là Hóa nghi chứ chẳng phải nói rằng do sự quán chiếu ngày nay mới biết.

Kế là chú thích về Như Lai, có hai:

Một là nói khái lược.

Hai là "ba tạng v.v..." trở xuống là giải thích, có hai:

Một là chỉ cho sự giải thích rộng của vị khác.

Hai là “Nay nói v.v...” trở xuống là nay giải thích theo điều quan trọng như sau:

- Theo quy ước của Bi và Trí để chú thích, có hai:

Một là theo quy ước của nghĩa để giải thích: Mỗi thân trong số ba thân của văn cú pháp khoa đều có nghĩa của Như, nghĩa của Lai. Nay dùng tướng của Pháp thân và Báo thân để giải thích Như, lấy sự ra đời của Ứng thân để giải thích Lai; mục đích là giúp cho nghĩa được thành, chung và riêng không còn. Nếu Phật là Thuận thế gian thì Ứng và Như là Bí tạng; chỉ vì thuận với Bi mà ngài đến ba cõi.

Hai là “Thành v.v...” trở xuống là Tiên sư dẫn luận để chứng minh. Chủ thể nương là Trí. Đạo Như thật là Lý. Đến thành tức là sự thùy Ứng của Từ bi.

Kế là “Đại v.v...” trở xuống là theo quy ước của Trí để giải thích Hạnh. Tuy chỉ nói về nhưng đã có đủ cả nghĩa của Như, vì y theo Phước trí để trang nghiêm Pháp thân. Đối tượng được trang nghiêm là Như. Đó là sự giải thích về danh từ Như Lai trong phẩm Phạm Hạnh của Đại Kinh.

Tiếp là “Giải thích về Luận v.v...” trở xuống là theo nói để làm chứng cho sự giải thích, có hai:

Một là Dẫn luận.

Hai là “Nay nói rõ v.v...” trở xuống là sự giải thích hoàn thành. Pháp vốn có là tướng chung trong Chân, Tục. Trí xứng với giải tức là Pháp và Báo vô cùng cao sâu, cho nên nói là Như. Xứng với Như này mà nói là Ứng thân che chở cho cơ. Vì vậy gọi là Đến (Lai). Trước y theo của Bi và Trí nên nghĩa của nó vẫn là chung. Nay nói về giải thích và nói pháp tướng của ba đế để giải thích Như Lai, nên nghĩa hoàn toàn trọn vẹn. Pháp tướng của ba đế tức là ba thứ Pháp thân. Đó là sự tròn đầy của Pháp thân. Xứng với đó mà giải thích tức là ba thứ Bát-nhã. Ý đó là sự tròn đầy của báo thân. Xứng với đó mà giải thích và nói tức là giải thoát. Đó là sự tròn đầy của Ứng thân. So nay với trước thì có sự khác nhau.

Kế là “Đi là v.v...” trở xuống là giải thích chữ Đi, tức là Như Lai dùng trí rốt ráo để đi vào Pháp tánh. Pháp tánh là cái được chứng. Quả trí thuộc về chủ thể chứng. Đứng về nghĩa thì lập chủ thể chứng và Đối tướng chứng nhưng thể thì không cùng đến. Vì rốt ráo của thỉ giác giống như Bản giác, chỉ có Chân như là một mình. Vì thế, nếu như vậy thì ai là người năng nhập, lại là sở nhập? Trụ và Xuất cũng đều như vậy. Dẫn ý của Tiểu Bát-nhã cũng như thế. “Nay nói về đi”: Vì dẫn chúng sinh

học Phật đi vào Lý nên chỉ bày về tướng nhập. Vì khiến cho chúng sinh xứng với Lý mà trụ nên chỉ bày về tướng Trụ. Cam lộ là thuốc bất tử, dụ cho Lý thường. Vì chúng sinh mà nói về loại Cam lộ ấy nên lẽ ra cũng nên nói là Xuất. Không xuất mà xuất, xuất ra sự trình bày về Vua Kinh. Pháp Hoa từ đất vọt lên các vị Đại Bồ-tát đối với trăm ngàn Tam-muội trong Pháp tánh sâu xa không vào mà vào nên gọi là khéo vào. Trụ và Xuất cũng giống như vậy. Bồ-tát còn như vậy, tất nhiên chúng ta sẽ biết về Phật.

Kế là "Vô lượng v.v..." trở xuống là nói về pháp đi như sau:

- Nói rõ về pháp tánh sâu rộng, có hai:

- Y cứ trực tiếp vào văn để giải thích, có hai:

Một là giải thích vô lượng xâu xa. Để nói về chỗ đi vào trước phải giản lược, làm sáng tỏ tính chất cao rộng của thể nên liền dùng pháp giới để nói lên sự rộng lớn của thể. Pháp Trung đạo không cõi là cõi. Vì cõi ấy không ngoài nên gọi là Vô lượng. Lại dùng ba đế để làm sáng tỏ tính cao siêu. Tuy hai đế Chân và Tục đều rốt ráo nhưng có cả Nhị thừa và Bồ-tát nghiêng lệch chứng được ít phần. Nếu là Trung đế mà không có thật trí của Viên thì không thể nào chứng nhập. Nay nói rõ về thể của ba đế không có hơn kém thì đó là kho tàng của ba đức bí mật. Tức là cội gốc của pháp tánh. Vì vậy, Tiên sư nói là "đến thấu suốt mới xứng với lời khen ngợi là văn kinh sâu xa". Sâu là nghĩa của Cao. Chúng ta nên biết rằng Pháp giới và ba đế của viên là hoàn toàn giống nhau. Nay dùng hai tên làm sáng tỏ về vô lượng sâu xa khiến cho người học dể nhận thấy. Làm sáng tỏ rồi, kế là giản lược. Nếu y theo Nhị thừa thì dùng Viên để dứt trừ Thiên. Nếu y theo Bồ-tát thì dùng sâu để dứt trừ cạn. Bởi vì, từ Phật trở xuống đều là hạ địa. Thánh thuộc viên mà còn dứt trừ huống chi là ở ba thứ giáo ư? Hai là "Pháp v.v..." trở xuống là giải thích hai chữ Pháp tánh. Trên kia nói về sự cao rộng là đức của Thể. Nay nói về Pháp tánh tức là Thể của đức. Giải thích ý nghĩa hai chữ làm sáng tỏ thể của cao và rộng. Nói là pháp: nghĩa là khuôn phép. Chư Phật đi theo Pháp nên thành tựu muôn đức. Vì vậy kinh Niết-bàn nói: "Cái mà chư Phật tôn làm thầy là Pháp". Nhưng, đối với Pháp tánh này thì có ai trong cả ba thừa, sáu đường không nương theo để thành lập? Vì Pháp tánh có dụng thuộc về Vô sự. Tuy nương theo nhưng trái nên trở thành ba thứ chướng. Tất cả bảy chúng đều thờ Đức Phật nhưng vì có thuận, nghịch nên chia ra trói buộc và giải thoát. Nay dùng sự rất thuận theo để làm sáng tỏ cái được làm thầy. Vì vậy, Tiên sư nói "Cái mà chư Phật nói theo gọi là Pháp". "Cái gọi là tánh" là không thay đổi.

Ý nói rằng vì thể của bốn đức không thay đổi. Chúng ta nên biết rằng bốn đức ấy có mặt khắp tất cả các pháp, dưới đến nhân quả, y chánh của địa ngục, cũng đều là Thường, Lạc, Ngã Tịnh. Đó là "Tướng thế gian thường như vậy".

Hai là chẳng phải vậy v.v..." trở xuống là lại dùng nghĩa để giải thích, có hai:

Một là dùng cái được chiếu soi bởi thật trí để giải thích: "Tận trí" là đã dứt trừ hết hoặc. "Vô sinh trí". Là hoặc không sinh lại nữa. Vì vậy, Câu-xá chú thích về hai thứ trí ấy rằng: "Nói rằng vị Vô học là: Nếu chính mình tự biết khổ, đoạn Tập, chứng Diệt và Tu đạo thì gọi là Tận trí. Nếu chính mình tự biết rằng ta biết khổ không sinh lai. Ba loại sau nói theo thông lệ gọi là Vô sinh trí". Luận Du-già cho sự hết hoặc là Tận Trí, quả báo đời sau bất sinh gọi là Vô sinh trí. Nhưng, cả hai thứ trí đó đều chiếu soi Thiên không. Phân biệt với Nhị thừa tức là ý bao gồm cả Bồ-tát cho đến Đẳng giác. Vì pháp tánh của Nhị thừa chẳng phải Trung đạo cho nên cạn, vì không có các sắc và tâm nên có giới hạn. "Như thật trí": Thích luận nói về mười thứ trí. Mười thứ đầu đều giống với Nhị thừa. Chỉ có loại Như thật trí là không chung cùng. Đó là "Như thực chứng biết tướng chung, tướng riêng của tất cả các pháp không gì ngăn ngại". Cái được chiếu soi, Ngang thì bao trùm, Dọc thì thấu suốt. Đó là Pháp tánh đây nói.

Hai là "Lại nữa, Vô v.v..." trở xuống là căn cứ vào "Ngay nơi Sự là lý" để giải thích. Pháp tánh sâu rộng là chỗ Đức Phật đi, lại hơn hẳn sự thanh tịnh do Bồ-tát thực hành. Vì sợ người không thông đạt cho rằng nay, ngoài nhân quả, sắc, tâm của y chánh phàm phu thì có Pháp tánh riêng. Đó là chỗ mà Đức Phật đi nên Tiên sư đặc biệt ngăn đón rằng không có một Pháp nào riêng gọi là Vô lượng và sâu xa. Nhưng, nói tất cả nơi chốn là phải thâu nhiếp cả ba vùng đất. Các pháp xứng hợp với nhân quả của chín cõi. Nếu pháp của Phật Giá-na chỉ là tịnh, chỉ là thiện thì nhiễm ác của ba cõi, chín giới phải dứt một. Vậy làm sao để gọi "Đều là Phật Pháp"? Cho nên chúng ta phải biết rõ rằng tất cả nhiễm ác đều là tánh cụ, Phật tánh Duyên Liễu chẳng phải chỉ có Tịnh Thiện, tánh nhiễm tánh ác đều là Duyên Liễu. Nếu các pháp ấy đều là Phật tánh thì thể của tu nhiễm thuộc ba cõi, chín giới là thể không, tánh đức mười cõi. Thể Viên giác ấy có mặt khắp mọi nơi, gọi là "Giá-na hiện hữu khắp mọi nơi, tất cả các pháp đều là Phật pháp ". Vậy, có một niệm nào, một hạt bụi nào, một người nào chẳng phải pháp tánh là nơi mà Đức Phật đi? Vì vậy, Tiên sư nói là "Vô lượng".

Lại nữa, chúng ta phải biết rằng Đương thể của tất cả pháp nhiễm ác tất sâu xa, kín đáo, cho nên nói là “sâu xa” chứ thật sự chẳng có một pháp riêng gọi là sâu xa. Vì vậy, nói là ngay nơi sự là Trung đạo sắc hương chân thật, bởi lẽ, đối với người mê thì sắc hương họ cho là phần nhỏ của sắc. Nhưng, đối với kẻ giải thoát thì đều là toàn phần của pháp giới. Vì là duy sắc, duy hương, duy vị, duy xúc.

Nếu thừa nhận rằng ngoài sắc còn có pháp vi trần thì không thể gọi là duy, là Trung đạo. Vì Trung đạo kín đáo nhiệm mầu, không thể nào suy nghĩ được nên gọi là sâu xa.

Kế là chẳng hạn như v.v... trở xuống là dẫn tâm loại của luận... như sau:

- Một là Dẫn loại.

- Hai là y theo đó v.v... trở xuống là giải thích theo tiêu chuẩn, có ba:

+ Một là giải thích về Vô lượng của Trung đế: nói rõ về Tứ đẳng rằng “Theo tâm thì Từ, Bi, Hỷ, Xả được gọi là Đẳng. Theo cảnh thì được gọi là Vô lượng”. Đó là chúng sinh duyên. Y theo cương giới rộng hẹp nên có ba lớp tên gọi, đó là rộng lớn Vô lượng. Nay, tùy theo thuyết kia mà y theo Chân, Tục và Trung để lập ra ba danh từ.

Kinh nêu “Đi trong vô lượng pháp tánh” là nói rõ về Lý Viên dung của Trung đạo chứ chẳng phải Chân của Đãn Không và Tục của Thiên giả.

+ Hai là “Nếu duyên v.v...” trở xuống là nói về vấn đề Trung thì chắc chắn dung nhiếp. Có thể vì đối cơ nên Đức Phật dùng Quyền Trí nghiêng chiếu Nhị đế. Vì đã không nhiếp Trung nên chẳng đi trên Vô lượng pháp tánh. Nay Đức Phật dùng Thật trí chiếu soi Lý Trung đế nên dung nhiếp tất cả. Vì vậy, Tiên sư nói “Nếu duyên vào Trung đạo thì tức ba trí, một tâm v.v...” Do đó, Trung đế gọi là Vô lượng”.

+ Ba là “Đây v.v...” trở xuống là kết thúc sự tương xứng của Cảnh và Trí. Như kinh Pháp Hoa nói: “Chỉ có Đức Phật chứng nhập trọn vẹn thật tướng các pháp”. Lý của Quyền thật làm sao thâm nhập đến cùng cực? Bởi nhờ Đức Phật đạt được trí vô tận nên mới nhập được cùng tận. Nay cũng như vậy. “Nhị thừa v.v...” trở xuống; Địa trí có hạn lượng. Vì thế, không đo lường được bờ của không bờ, bến của không bến.

Kế là “Các v.v...” trở xuống là giải thích về hành xứ của Phật, có hai:

Một là Pháp: người học nên biết rằng Bản giác là Xứ, Thỉ giác là Phật, Toàn bản là Thỉ thì Thỉ mới hợp với Bản. Nếu không như vậy thì

làm sao mỗi pháp đều được gọi là “Vô lượng sâu xa”. Nhưng lúc mới ngồi đạo tràng thì đã khế hợp một cách sâu xa. Nay, vì dắt dẫn chúng sinh nên chỉ bày về sự hợp nhất. Do đó, Tiên sư liền nói: “Đi trên chỗ đi của chư Phật”.

Hai là Nêu dụ: Nêu lên hành xứ thường chứa đựng làm sáng tỏ.

Kế là “Sai lầm v.v...” trở xuống là kết.

Tiếp là y theo văn để giải thích, có hai:

Một là y theo nghĩa để giải thích khái lược.

Hai là Dẫn văn để giải thích rộng, có hai:

Một là Địa trì: “Chín thứ thiền”:

1. Tự tánh.
2. Tất cả.
3. Câu hỏi.
4. Tất cả cửa.
5. Người lành.
6. Tất cả hành.
7. Dứt trừ phiền não.
8. Đời này đời khác.
9. Thanh tịnh tịnh.

Trong văn nói lược về hai thứ thiền trước và sau. Thiền thứ chín là từ Thập địa chuyển nhập Diệu giác.

Vì vậy, Tiên sư nói: “hoặc là Chính, hoặc là Tập của tất cả hoặc lụy thuộc về Thông và Biệt đã dứt sạch”. Từ Thập địa trở xuống đều có cả Chính và Tập. Cho nên luận giải Hoa Nghiêm không khai Đẳng giác, vì Thập địa tức là Đẳng giác.

Cho nên nói Chánh Tập hoặc lụy của Thông và Biệt là vì Thông là Tứ trụ, Biệt là Vô minh. Chính sử của hoặc thuộc Thông và Biệt của bậc Thất Tín thuộc Viên đã dứt hết, Tập khí thì đến Phật là bằng tập đã dứt của Biệt. Vì những nhà giải thích ngày nay đối với tập khí của Tiểu thừa phân biệt thành mười sáu cửa.

Nếu hoặc của Biệt là bốn mươi hai phẩm, giai đoạn dứt bỏ như bình thường. Tập khí có đủ được nói trong Tịnh Danh sớ. Viên giáo khởi đầu từ Sơ trụ, kết thúc ở Pháp vân. Viên tuy dứt các kiến nhưng vẫn còn Tập. Đẳng giác nhập Trùng huyền môn; ngàn, muôn ức kiếp lại tu về việc phàm.

Thấy Lý rõ ràng, Tập khí còn mỏng, Sự v.v... như sương khói vì những vị kia trích dẫn “thanh tịnh tịnh thiền lìa tất cả kiến chấp” của Địa trì nên chỉ thấy rõ Tập. Nếu các vị ấy trích dẫn “Thập địa dứt ái

Tập, Thập địa tức Đẳng giác" của kinh Ưu-bà-tắc thì lẽ nào lại không nhập Trùng huyền để dứt trừ đối với Tập khí? Văn rất rõ ràng.

Hai là Tịnh danh: Vì Đức Phật đối với tâm thanh tịnh thuộc tự tánh mà vượt hơn đối với tất cả những vị đạt được thiền định nên kinh nói: "Tâm tịnh đã vượt qua các thiền định". Và cũng là đến nơi bờ kia của tất cả thiền định nên Đại sư nói: "Đã vượt qua".

Kế là "Cũng là v.v..." trở xuống là lại dùng ý ấy để giải thích: Tự thân Phật không cao nhưng do y theo pháp mà Cao. Nay nói về vị trí cao là ý muốn phân biệt để làm sáng tỏ tính chất cao sâu của pháp tánh.

Tiếp là "Là vàng v.v..." trở xuống là trình bày về Biệt, có hai:

Một là Nói về nghĩa khác với trước. Nhưng, lẽ nào sự sắp xếp các phẩm trước là sinh ra năm nghĩa? Vì mười bảy phẩm chỉ bàn luận về ba pháp, nói rõ chung về tướng riêng và giáo lý che chở cho hữu tình. Nhưng, vì đã theo phẩm kinh nên nói về danh không sáng tỏ, nay nói văn kinh của Phẩm Tựa trình bày về năm nghĩa khiến cho người học biết về đầu và cuối của kinh này là chỉ giải thích Danh, Thể, Tông, Dụng và Giáo tướng. Có như vậy mới biết sự giải thích tựa đề đã nêu ra ý chỉ của kinh.

Hai là "Đầu tiên là mười v.v..." trở xuống là y theo văn để nói nghĩa như sau:

- Trình bày bốn nghĩa, có bốn:
- Câu trình bày về danh, có hai:

Một là Sự giải thích khác thuộc về Thể. Về "Khoáng thạch", Thuyết Văn nói: "Khoáng là nguyên chất của đồng, sắt". "Dụng bên trong và bên ngoài". Quang là dụng bên trong, vì làm sáng tỏ tự thể, minh là dụng bên ngoài vì quán sát vật khác. Vị sư này cũng biết hai chữ Quang Minh thuộc Tông Dụng, kim là chính thể. Vì Thể của chúng không rời nhau nên tuy nêu lên ba chữ nhưng ý là ở tại Thể.

Hai là "Nay nói rõ v.v..." trở xuống là sự xác định trình bày danh của ngày nay. Nêu lên ba để làm sáng tỏ về một chẳng hoàn toàn trái với Lý, nên nói là "Đương nhiên". Như sự chia văn, tự có câu kế. Đích thực lấy Trung đạo làm vua kinh, chính là thể của sự trình bày, vậy cần gì phải dùng câu đầu tiên gồm cả Tông và Dụng để nói về Thể? Người học nên biết rằng câu thuộc về sự trình bày về danh là y theo văn phụ kèm ở trên. Thích danh của ba chữ không theo dụ để lập mà là gọi trực tiếp là pháp tánh sâu rộng. Vì Đức Phật thật sự đi trên Pháp tánh này nên tuyên bố rằng: "Kim Quang Minh này đứng đầu các kinh". Vậy, nếu không gọi là Pháp tánh thì chữ "Này" là chỉ cho điều gì. Vì Đại sư

Trí Giả thấy được ý chỉ mầu nhiệm của kinh này nên mới lập văn giúp đỡ và giải thích về Đương thể. Để chứng minh cho văn giúp đỡ, trước tiên Đại sư dẫn câu này: "Sự nêu danh đầu tiên càng làm cho đáng tin. Đã phụ văn trước nên đặc biệt nêu ra ý này". Nay giải thích danh của Tựa không hiển bày lại.

Kế là "Vua kinh v.v..." trở xuống là một câu tự thể, có hai:

Một là chỉ trên nêu ngày nay. Trên là huyền văn nói lại về Đế vương. Y theo pháp môn nhiếp mà nhiếp giáo nhiếp vị, nói về vua kinh" đã xong. Nay, ở đây lại y theo Trung đạo để nói về vua.

Hai là "ba tạng v.v..." là đối với cái khác mà giải thích về chính như sau:

- Nói về sự giải thích khác, có hai:

Một là Tự: Ý của ba tạng là "Ba chữ tựa đề của kinh này dụ cho ba thứ đức. Đó là dùng ba thứ đức chia ra để đối với ba kinh. Niết-bàn nói Phật có khả năng giải thoát, chính vì muốn dứt trừ cái thấy hư vô của Nhị thừa. Bát-nhã bàn luận về không, chính là muốn cho phàm phu xả bỏ sự chấp đắm về Hữu. Hoa Nghiêm đốn thuyết về Lý Pháp thân, che chở cho Thập tín, Tam hiền. Vì vậy, nói là mới đi". Ba kinh trên, mỗi kinh đều nói về một đức, mỗi kinh đều che chở cho một loại căn cơ giải thoát, che chở cho hai vị trì Nhị thừa, Bát-nhã che chở cho phàm phu, chỉ cho cả Người trời là một vị trí. Pháp thân che chở cho năm vị trí là Tín, Trụ, Hạnh, Hướng và Địa của Bồ-tát. Đã che chở cho tất cả căn cơ thì chính là vua kinh, nghĩa là thống nhiếp.

Hai là "Ở đây v.v..." trở xuống là bác bỏ, có hai:

Một là Nói về việc trái với ý chỉ của giáo. Niết-bàn nói về ba thứ đức sâu mầu, hợp với sự che chở cho cơ thuộc Viên, lẽ nào chỉ có Nhị thừa thôi ư? Bát-nhã chỉ bày về ba thứ Bát-nhã, lẽ nào lại khác với ba thứ đức, huống chi là nói: "Thính chúng là người không sống chết" thì lẽ nào chỉ có người phàm? Ba thứ thân của Hoa Nghiêm cũng chính là ba thứ đức. Đã nói đầy đủ về Thập địa thì lẽ nào lại chỉ che chở cho Bồ-tát mới thực hành. Cách giải thích đó chẳng những chỉ bị nhiếp cơ có hạn mà còn nói rõ là pháp tánh không viên dung.

Hai là "Làm như thế v.v..." trở xuống là nói về sự tổn hại đối với hành giả. Cách giải thích như thế của Chân-đế, người có hiểu biết thì biết là không đúng. Nhưng, người không hiểu biết sẽ cho rằng ba kinh kia kém hơn kinh này. Sự giải thích ấy làm sinh ra sự chê bai để mắc tội nên đâu thể y theo.

Kế là "Nay nói v.v..." trở xuống là nói rõ về giải thích của ngày

nay như sau:

Một là Chỉ bày chung về sự đúng sai của vấn đề vua kinh của các bộ như sau:

- Y theo ba đế để quyết định sự đúng sai như sau:

Một là chỉ bày về ba đế: "Giáo bộ một đời", có kinh lấy văn tự thuộc chủ thể giải thích làm kinh, có kinh lấy nghĩa lý được giải thích làm kinh, có kinh lấy sự hợp nhất giữa văn và lý làm kinh. Vì vậy "Kinh một đời" không nằm ngoài sự hợp và không hợp của văn và lý. Nếu không hợp thì Văn thuộc chủ thể giải thích chỉ là Tục đế. Lẽ tất nhiên, nó không ngoài ba thứ là Tục thật có của ba Tạng, tục huyễn có của Thông giáo Huyễn hữu huyễn có của biệt giáo tức là không cộng tục. Nếu Lý được giải thích chỉ là Chân-đế thì cũng chỉ có ba thứ thuộc thật hữu diệt không của ba Tạng, Chân thuộc phạm trù Huyễn hữu tức không của Thông giáo và Chân thuộc Bất hữu bất không của Biệt giáo. Trong sáu phạm trù này, Thể của ba thứ Chân-đế không có Tục mà chỉ nhờ ba thứ Tục để được nhập chân. Nhưng, vì cuối cùng phải dứt trừ Tục nên nghĩa của Hợp không thành. Nếu Văn và Lý hợp thì không ngoài ba loại. Đó là Viên tiếp Thông, Viên tiếp Biệt và Chính Viên giáo.

Thể của ba loại Chân Tục này là Trung. Vì sao? Vì tự thân của Viên giáo vốn có sự hướng về nhau của Chân và Tục. Nếu tiếp Thông và Biệt thì Chân lý được giải thích đã hướng về các pháp, dù hạn cuộc ở văn chiếu soi Tục đi nữa cũng hướng về các pháp. Vì vậy, ba thứ Chân tục này không hai. Do đó nói rằng: "Nghĩa của Văn và Lý hợp với Trung đạo được thành tựu ". Vì Chân tức là Tục nên Chân chẳng phải Chân. Vì Tục tức là Chân nên Tục tức chẳng phải Tục. Chẳng Chân chẳng Tục, ngôn ngữ và suy nghĩ tự biến mất, gắng gượng gọi là Trung.

Hỏi: Xét về Tục thuộc sự lặp lại của Biệt giáo thì Huyễn hữu có thể là văn thuộc chủ thể giải thích, nhưng, tại sao Tức không lại cũng là Văn?

Đáp: Văn là nói về nghĩa của chủ thể giải thích, chủ thể hiển xuất thuộc tướng của văn, nếu nghĩa ở tại Thông giáo thì Không lấy tướng mất để làm lý giải thích. Nay đối với Biệt giáo, hai bên đều là Ứng thì đó là chủ thể hiển xuất đối với hai Phi. Vì vậy, Không và Hữu đều là Văn.

Hỏi: Bảy loại như Tạng, v.v... đều gọi là Chân tục, tại sao ba loại sau được gọi là Trung đạo.

Đáp: Lẽ nào nghe về Chân Tục thì liền không có Trung? Như Viên đúng với Giáo và tiếp Thông, Biệt. Ba thứ Chân tục này đã được

gọi là không thể suy nghĩ bàn luận thì lẽ nào lại chẳng phải Trung đạo. Như Niết-bàn sớ chú thích về bảy thứ Nhị đế. Trong đó có ba thứ lấy Trung đạo làm tên gọi thì tại sao chỉ trách cứ ở đây? Hỏi lấy nghĩa của chúng thì tại sao Bất không Bất hữu thuộc Chân-đế của Biệt giáo lại không gọi là Trung?

Trung của lìa hai bên không hợp với Văn và Lý.

Người Sơ tâm không thể mất ngay sự nghĩ bàn. Nếu so với Viên thì chỉ là Chân được giải thích bởi Tục lặp lại. Vì vậy, sự giải thích về "Như thị" của kinh thuộc Văn cú ở trước đối với Viên và Biệt rằng: "Phá bỏ lìa để làm sáng tỏ Trung. Vì nếu đối tượng được giải thích chẳng phải chủ thể giải thích thì không gọi là Trung đạo. Tánh của văn tự vốn "lìa" nên tất cả văn tự đều là Phật pháp. Như thế mới gọi là "Như thị" thuộc Trung đạo của Viên giáo.

Hỏi: Vì sao chỉ loại bỏ Biệt tiếp Thông?

Đáp: Nay lấy Chân Tục đối với Văn Lý, Biệt tiếp Thông đã ở trong sáu phạm trù. Vì sao? Vì nếu chưa nhận "Tiếp" thì phải dùng Huyễn hữu giải thích tức không. Nếu đã nhận "Tiếp" thì tự thuộc về Đãn trung, chiếu soi hạn cục đối với Tục thuộc lặp lại. Vì vậy, y theo Thể của Pháp đã ở tại sáu phạm trù trước thì có xả bỏ cái gì đâu? Huống chi Văn ngày nay không nêu rõ là "Hai thứ Nhị đế" mà chỉ nói về việc giữ văn lấy Lý của một đời. Lấy sự hợp nhất giữa Văn và Lý có ba thứ kinh thuộc về Tục, ba thứ kinh thuộc về Chân và ba loại kinh thuộc về Trung. Sự nói về kinh như thế đã được thâu nhiếp hoàn toàn vào một việc giáo hóa. Có người chỉ y theo danh từ Kim Quang Minh mà lập ra chín thứ kinh. Họ chỉ y theo chữ "Lấy" để làm căn bản của nghĩa.

Nghĩa là, nếu chấp đắm Văn thuộc thủ thể giải thích của ba chữ thì gọi là ba thứ Chân-đế. Nếu chấp đắm Lý thể thuộc đối tượng được giải thích thì gọi là ba thứ Trung đạo. Giải thích theo cách này thì lẽ nào chỉ y theo Tâm để giải nghĩa? Nếu không thì sẽ trái với ý của văn, dùng hai chữ trước để giải thích về chấp đắm, dùng một chữ chấp sau để giải thích về chấp đắm nghiêng về một bên là nói về điều gì? Vì giải thích về "Vua các kinh" nên Đại sư lập ra chín loại để thâu nhiếp tất cả kinh trong một đời. Vì kinh này đã nói về vua của Trung đạo nên đối với chín loại được tự tại, gọi là vua các kinh. Tại sao lại nhờ chín loại chỉ ở ba chữ? Vì đó là do Kim Quang Minh tự làm Vua của Kim Quang Minh. Đã nói các kinh nên hoàn toàn chẳng phải là Vua có tính cách thống nhiếp, sai trái rất nhiều chỉ nói về hai vấn đề ấy.

Kế là "Nếu nói v.v..." trở xuống là quyết định đúng sai. Nhưng

trong các bộ, có bộ nói ba thứ trước là Tục đế thuộc chủ thể giải thích, có bộ nói ba thứ giải thích trước là Chân-đế thuộc. Vì thể không hợp nên đều gọi là Đế khác, chỉ được là kinh, chứ không gọi là Vua kinh. Vì nó không làm sáng tỏ ý nghĩa của Vua có tính chất thống nhiếp nên chẳng phải Vua. Như trong các bộ có nói về ba thứ Chân có Tục, Tục của toàn bộ Chân, Nhị đế không hai gọi là Trung đạo, ngoài Trung đạo ấy ra không có một mảy pháp nào nữa. Như kinh này nói: “Pháp tánh vô lượng sâu xa”.

Lại nói: “Trí cảnh không thể suy nghĩ bàn luận”. Lại nói: “An trụ trong tánh Như của tất cả pháp”. Đối với tất cả pháp ngầm chứa và thọ nhận tất cả pháp. Như thế thì ngoài những điều được giải thích không có chủ thể giải thích. Vậy, lẽ nào ngoài chủ thể giải thích lại có cái được giải thích ư? Văn và Lý đã hợp nhất thì Trung đạo viên dung. Vì thế, vẫn được gọi kinh này là Vua. Đó là đối với chín loại kinh của ba loại tục, ba loại Chân và ba loại Trung mà được tự tại.

Hỏi: Thể của kinh đối với ba loại đã là vua, tại sao lại nói “Tự tại đối với chín loại”?

Đáp: Sự giải thích về chín loại ở trên là Thông giáo y theo ba loại Tục, ba loại Chân và ba loại Trung để chỉ bày vấn đề kinh của một đời có Thiên, có Viên. Nay xếp đặt các bộ tùy theo bộ, có nơi nói về Trung đạo của Viên tức là vua kinh. Đối với Thông mà chỉ bày chín thứ tự tại, đối với ba loại Trung, kinh là tên gọi khác; vì thế đã giống nhau nên được tự tại. Nếu sáu loại kinh khác thì tức là phương tiện được sử dụng ở trong Viên. Như vua đối với các quan, lẽ nào không được tự tại?

Kế là “Nhưng kinh v.v...” trở xuống là y theo Trung đạo để làm sáng tỏ sự tôn quý cùng cực, có ba:

Một là nói về thể Viên của các bộ là vua. Trung đạo là vua kinh, thể của Trung đạo là một. Tùy theo chúng sinh mà nên đặt ra tên gọi khác. Vì vậy, văn ở trước nói: “Nếu nói Trung đạo là vua kinh, vì sao kinh nói vậy? Tức là trong bốn vị của Hoa Nghiêm v.v... làm Pháp thân v.v... nói thể của kinh. Nhưng phải phân biệt trong bốn vị là vua chẳng phải vua, như bộ Hoa Nghiêm có ba thứ kinh. Trung chính Viên và Trung tiếp Biệt là kinh, là vua. Trung chính Biệt giáo là kinh nhưng chẳng phải vua.

Cho nên pháp thân phải phân biệt Trung của Biệt. Đãn không của ba tạng thật có Nhị đế là kinh nhưng chẳng phải vua. Trong bộ Phương đẳng có đủ chín loại kinh. Ba loại là Trung thuộc chính Viên giáo, Trung thuộc Viên tiếp Biệt và Trung thuộc Viên tiếp Thông, là vua

kinh. Vì vậy, danh từ thật tướng có cả ba loại này, sáu loại khác là kinh chứ không được là vua. Trong bộ Bát-nhã không có bảy thứ kinh của hai thứ Hữu thuộc ba tạng, cũng đồng với ba loại là vua của kinh thuộc Phương đẳng được gọi là mẹ của Phật. Bốn thứ còn lại chẳng phải vua. Một loại Viên của Pháp Hoa là kinh, là vua. Vì khai quyền nên mở búi tóc cho hạt châu. Chín loại Niết-bàn đều biết Trung của Viên đều là vua kinh. “Tất cả chúng sinh đều được thành Phật”. Nên có ai là chẳng lấy chánh nhân làm thầy? Vì thế, vấn đề Trung đạo vua kinh trong các bộ lớn có sự triển khai và quy nạp; chỉ có một pháp tánh mà lập nhiều tên khác này để làm thể của các kinh.

Hai là “Thí như v.v...” trở xuống là y theo vua loài người trong các đời làm thí dụ. “Các họ” tức là nói về họ của ba Hoàng, năm Đế. Thái Hạo Phục Hy họ Phòng. Viêm đế Thần Nông họ Khương. Hoàng đế Hữu Bi họ Công Tôn. Đó là ba Hoàng. Thiếu Hạo họ Kim Thiên, Chuyên Húc họ Cao Dương, Đế Khốc họ Cao Tân, tất cả đều họ Cơ. Đế Nghiêu Đào Đường họ Y Kỳ, Đế Thuấn Hữu Ngu họ Đào. Đó là năm Đế.

Vì vậy, Tiên sư nói là “Các họ” “Ứng vận lần lượt hưng khởi”. Ứng với vận năm hành sinh nhau của trời. Phục Hy Ứng vận Mộc, Thần Nông Ứng vận Hỏa, Hoàng Đế vận Thổ. Theo thứ lớp mà suy luận để biết vận của năm đế “Bắt chước rồng”. Lúc Phục Hy mới lập nước có điềm lành của rồng nên lấy Rồng làm kỷ quan. Nên Tả Truyện chép: “Thái Hạo lấy Long kỷ. Vì bắt chước Rồng nên có tên là Rồng. “Điểu quan”: Lúc Thiếu Hạo mới lập nước vì có điềm lành của con phượng nên lấy chim làm kỷ quan. Cho nên Tả Truyện nói: “Thiếu Hạo ứng theo đó mà lập, cũng gặp chim Phượng đến. Do bắt chước theo chim mà có tên loài chim. “Tùy thời bá lập”: Là nói Ứng vận mà làm Vua thiên hạ. “Trăm đời tuy khác” nghĩa là hiệu của Kỷ khác nhau, nhưng vua thống nhiếp là một, đều đứng đầu thiên hạ.

Ba là “Pháp tánh v.v...” trở xuống là trình bày sự tùy bộ đặt tên hợp với thí dụ. Danh tuy có hưng phế nhưng thể chẳng thêm bớt. Vì vậy từ “Pháp thân” cho đến “Bắt chước Phật”, mỗi loại đều đối với chín loại kinh mà được Tự tại. Tức là điều mà ở trước ví dụ rằng: “Trăm đời tuy khác nhưng vua thống nhiếp là một”.

Kế là “Pháp tánh là v.v...” trở xuống chính là nói về Thể tánh của kinh này. Lấy Văn và Lý hợp với Trung đạo làm thể. Ở đây là giải thích về Thông như xếp các bộ kinh có biệt danh thể. Kinh này lấy vua pháp tánh làm thể của kinh. Vì Đức Phật đi trong pháp tánh sâu xa nên liền

tuyên bố rằng: “Kinh Kim Quang Minh này là vua các kinh”. Lẽ nào chẳng phải chỉ cho Pháp tánh, chỗ được đi là thể của tên Kim Quang Minh trở xuống ư? Thể này tự tại, đứng đầu các kinh.

Hỏi: Ba thứ vua kinh đều gọi là Thể của kinh Đại thừa, vậy, Thể của kinh này là thuộc vua nào?

Đáp: Tuy văn giải thích Pháp tánh là ở tại Viên, nhưng vì thừa nhận rằng cả ba thừa đều y theo đó mà sám hối nên Đại sư y theo Viên để giải thích về Thể. Phán giáo thuộc Thông nhưng nghĩa thì xứng với Viên giáo nhập Trung đạo của Thông để làm Vua kinh.

Hỏi: Tịnh Danh Huyền nói: “Nếu ba thứ Tục đế ở trong lý chẳng phải là thể của kinh này thì ba thứ Chân-đế là Pháp tánh thật tướng được làm thể của kinh”. Nay nói “Nếu lấy Văn và Lý hợp nhất làm kinh thì đó là ba thứ Trung đạo”. Vả lại, Văn và Lý đã hợp thì Chân và Tục đều có trung. Như thế thì Tục đế được làm Thể của kinh lại chẳng trái với nghĩa của Tinh Danh Huyền ư?

Đáp: Tịnh Danh Huyền và ở đây xoay vần tùy thuận, không trái ngược nhau. Vì thể của kinh chưa bắt đầu lìa văn mà văn không đến. Chính sự mà là Chân mới là Thể của kinh. Dùng Nhị đế phân chia Thể thì thuộc Chân. Thể của ba đế xứng hợp với Trung đạo. Ở đây là khai thị ở nơi chấm dứt của đường tâm mới là thể của kinh. Nếu Tạng, Thông, Biệt xứng với Giáo thì cũng nói rằng “Thể dứt bặt ngôn ngữ, tưởng niệm” Nhưng đều là đối tượng được giải thích, không có đủ Chủ thể giải thích thì làm sao chủ thể giải thích hợp với đối tượng được giải thích? Vì vậy, Văn và Lý của sáu thứ kinh không hợp nhất. So với Viên giáo thì thật sự không dứt bặt lý. Vì Đại sư muốn làm sáng tỏ thể của kinh để chỉ bày về cánh cửa bặt dứt tưởng nên nói rằng: “Văn Lý hợp ba thứ Trung đạo là thể của Viên thuộc đối tượng được giải thích bởi giáo lý của bốn vị. Bàn luận về Lý mà có đủ văn thì Văn mới chính là Lý. Lý cũng là Văn, Văn đã chính là Lý thì chủ thể giải thích tự biến mất. Lý đã tức là Văn thì đối tượng được giải thích không thể đạt được. Chủ thể và đối tượng đã dứt bặt thì thể của Trung tự sáng tỏ. Văn kia đã nói có ba thứ Chân-đế trong Lý đều là Trung của Viên. Vì vậy sự giải thích về thể của văn kia và văn này không khác nhau. Như trong Diệu Huyền dẫn Kim cương Tạng của Địa Luận nói “Không và Hữu chẳng hai, chẳng khác, chẳng cùng tận”. Bốn câu làm sáng tỏ về Thể, từ khác nhau nhưng ý giống nhau”.

Thích Tiêm hỏi rằng:

“Vì sao Không và Giả lại được làm thể của kinh?”

Đáp: Đã là Không và Giả của không nghĩ bàn, lại chỉ Không Giả tức là Trung, Trung là Thể của kinh. Trung tức là Không Giả lại chỉ ở Trung. Bốn câu của văn kia không ngoài ba đế. Vì Viên dung nên mỗi Đế trong ba đế đều có ba Đế. Như vậy thì mỗi câu của bốn câu đều là ba đế. Vì lẽ đó chúng mới được gọi là "Từ khác nhưng ý thì giống nhau". Vì mỗi câu đều có Trung nên mỗi câu đều là Thể cả. "Luận bàn cùng cực, Không Giả được làm thể". Do có đủ ở Trung nên quay lại chỉ rằng Không và Giả tức Trung, Trung là Thể của kinh. Vì vậy, tuy Trung đế có Không và Giả nhưng Không và Giả chẳng phải là Thể. Vì thế, Đại sư nói: "Trung tức là Không và Giả, cũng chỉ cho Trung".

Hỏi: Tại sao không chỉ nói rằng Trung là Thể của kinh, Không và Giả chẳng phải là thể? Nói như vậy đối với nghĩa là đã đủ mà trước lại giải thích về vấn đề mỗi Đế trong ba đế đều có ba đế, lại phân biệt Không và Giả trong mỗi Đế của ba đế và chỉ lấy Trung ở Trung để làm Thể của kinh?

Đáp: Nếu chỉ nói riêng thì nghĩa của Viên không thành, mà phải nói một cách viên dung thì mới làm sáng tỏ được Bản thể sâu mầu. Vì sao? Vì Không và Giả là sự tu tập của Trung, cả hai chính là Tông và Dụng của kinh. Trung là Nhất tánh, tức là Thể của kinh. Nếu chỉ nói rằng "Trung là thể của kinh thì ngoài Tông và Dụng ra còn có tự thể riêng. Như thế thì thể hẹp, chẳng cùng khắp.

Vì vậy, phải nói rằng cả ba đế đều là thể của kinh. Nếu chẳng phân biệt Không và Giả đối với mỗi Đế trong ba Đế và chỉ lấy Thể của Trung thì chẳng thể làm sáng tỏ vấn đề Thể chẳng phải do trí dứt. Giải thích về Thể như vậy là chẳng phải là Tông và Dụng, cũng chẳng lìa Tông và Dụng. Nghĩ bàn mất sạch, diệu thể thiên nhiên. Trung là thể của kinh, Viên diệu đã như vậy. Vì y theo Không và Giả nên Tông, Dụng cũng là mầu nhiệm. Vì Không trùm khắp ba đế nên Tông này không hẹp, Giả trùm khắp ba đế nên Dụng càng lớn. Vẫn mỗi Đế trong ba đế phân biệt Giả Trung, hiển bày tông là Trí. Cũng phải mỗi Đế trong ba đế phân biệt Không Trung, hiển Dụng là đoạn. Mỗi Đế đối với hai để nói lên chẳng tức chẳng lìa. Vì thế, tất cả đều được gọi là không thể suy nghĩ bàn luận. Nếu như vậy thì lẽ nào chỉ có thể là vua kinh? Tông và Dụng cũng là Vua. Tên gọi thì gồm cả ba thứ Vua, Giáo thì giải thích về bốn thứ Vua. Vì một danh một thể, một tông, một dụng, một Giáo đều là Trung đạo, cho nên Huyền Nghĩa nói: "Văn gọi là Vua kinh, Giáo thâu nhiếp các điển. Giáo vẫn được gọi là Vua thì danh v.v... có thể biết là dường nào. Các pháp đã là Trung, là Thể của kinh, lại

phải phân biệt để làm sáng tỏ Danh là chủ thể giải thích, Tông là Tự chứng, Dụng là sự giáo hóa người và Giáo là chủ thể phân biệt. Chỉ có thể của kinh là đối tượng bị chấp lấy. Gồm nhiếp trọn vẹn, phân biệt không sót, cùng với bốn câu của Kim cương Tạng đều là Thể. Thích Tiêm đối với bốn thứ chỉ lấy Trung, Lý của chúng đều phù hợp.

Kế là "Nếu cho rằng v.v..." trở xuống là Tiên sư đặc biệt trình bày sự khế lý, có lợi cho căn cơ của cách giải thích ngày nay để làm sáng tỏ Trung đạo của Viên, bặt dứt nói năng và suy nghĩ mà làm Vua kinh. Trên thì thuận với ý chỉ trình bày về thể của Như Lai. Dưới là Ứng với căn cơ nghe kinh của chúng sinh. Đã nói về bốn vị thì sự hợp nhất của Văn và Lý của các kinh Đại thừa đều là vua của kinh. Như vậy, lẽ nào lại có việc chỉ tôn trọng kinh của ta mà khinh thường kinh của người khác. Đó là so với sự cách biệt nhau đến cùng cực của Chân-đế.

Kế là "Mầu nhiệm v.v..." trở xuống là nói về Tông, có hai:

Một là Giải thích về Mầu nhiệm: Như Lai đã trình bày về danh từ Kim Quang Minh là thể của kinh và vua. Đây là bí tạng được giải thích bởi một bộ kinh. Nếu có người nghe thì phải suy nghĩ về ý nghĩa ấy.

Vì thế, Tiên sư nói là "Mầu nhiệm". Đối với hai chữ này, nếu Nhân quả cùng thiếu sót thì không có ba thứ Pháp khởi đầu, chung cuộc và thường trụ. Vì vậy, đối với xưa chẳng phải làm sáng tỏ chính nghĩa của ngày nay. Nhân bao gồm Bát Địa, Quả cùng cực Diệu giác. Vì vị trí chia làm sáu nên sâu mà khó thấy. Cả sáu đều là "Chính là" nên chẳng phải Dọc, chẳng phải Ngang. Vì nhân chính là quả nên chẳng phải Dọc, vì Sự chính là Lý nên chẳng phải Ngang. Văn giải về Lý tánh lấy quả làm thể rằng "Lại cũng như vậy". Nếu biết rõ sáu thứ "Chính là" thì nghĩa đều đầy đủ.

Hai là "Bốn phương v.v..." trở xuống là giải thích về sự hộ trì của bốn Đức Phật như sau:

- Giải thích theo Giáo gồm có:
- Chính là giải thích, có hai:

Một là giải thích về bốn phương, bốn vị Phật: Phật tuyên bố lời đó là ý có điều muốn nói lên, chính thức trình bày về Tông của kinh. Tông là Trí thuộc quả, hợp với thể của Pháp tánh. Tuy thể là một nhưng lại mở ra thành bốn môn. Đó là Diệu không, Diệu hữu, Song diệc và Song phi. Như Địa luận nói về bốn câu làm sáng tỏ Thể để làm bốn phương. quả trí khế hợp để làm bốn vị Phật, ý của sự trình bày về Tông rõ ràng, hãy xem xét.

Hai là "Giải thích v.v..." trở xuống là giải thích về hộ trì, có hai:

Một là theo Thể dụng của năm vị Phật để giải thích về Trì: Tông chỉ của kinh theo ngày nay là ở sự giải thích về quả trí tôn quý. Vì muốn làm sáng tỏ loại trí này, thầm khế hợp với Lý của bốn môn nên Tiên sư đặc biệt y theo bốn vị Phật để giải thích. Do trí Phật không phân ra kia đây mà cùng thầm khế hợp với tính bất động của pháp thân. Thuận với Tánh gọi là Trì. Pháp tánh là thể của Pháp, chư Phật là trì của Báo. Tuổi thọ là Dụng của Ứng. Vì ba thứ này đều thường hằng nên gọi là Vô lượng.

Hai là "Tín v.v..." trở xuống là y theo sự dứt nghi của Tín Tướng để giải thích về Bảo vệ. Đức Phật bảo vệ pháp tánh là vì muốn giúp cho chúng sinh không khởi hoặc điên đảo. Tín Tướng chỉ nghĩ về tám mươi đoản Tích. hoặc đối với Pháp Báo là gốc của thường trụ. Bốn Đức Phật khai thị về gốc khiến cho người nghe ngộ được Tám mươi tức là dụng thường hằng. Vì vậy gọi là Hộ.

Kế là "Một đó v.v..." trở xuống là phân biệt chỉ bày: Chỉ cho văn của Tông gọi là một câu, nghĩa tuy có nhiều loại nhưng không ngoài ba thứ là Thể, Tông và Dụng, chính tuy trình bày về Tông nhưng Tông phải hợp với Thể và Thể chắc chắn khởi Dụng. Vì vậy câu này không thể giải thích một mình. Bốn đức như ở cuối.

Tiếp là "Quán v.v..." trở xuống là theo Quán để giải thích: Nghĩa của sự trình bày về Tông của kinh ở trên quy về quả Phật. Người đương cơ nghe thấy thì hoặc bị phá, Lý được sáng tỏ. Nếu hành giả ngày nay không hiểu về Phương, về Phật ở trong tâm mà chỉ nghe về loại giáo này thì nào có lợi ích gì? Vì vậy, Tiên sư muốn giúp cho hành giả quán tâm để biết nhận đối với bốn đế cho đến bốn đức. Đã chính là tâm của ta thì thoát khỏi nạn đếm châu báu cho người khác. Văn này chia làm hai.

Một là y theo Đế và đức để lập pháp quán của Viên như sau:

- Y theo bốn đế, gồm có:

Một là nói chung về cảnh trí: bốn môn, bốn đế đều có cả cả Nhân quả. Môn theo lý mà khai mở, quy về quả là tiện lợi. Đế có khổ và Tập nên đối với Hành giả Sơ tâm nên biết! Mượn Phật ở bốn phương để biểu thị cho trí của bốn đế. Đây là gá sự gồm phụ pháp tướng vào tâm mà thành quán. Vì vậy, bốn đế chính là một niệm tâm, ấm tâm là khổ, hiện hoặc là tập, ngay nơi trí là Đạo, vốn Tịch là Diệt. Biết như thật về chúng gọi là Trí của bốn đế.

Hai là "Đông v.v..." trở xuống là nêu riêng về cảnh trí, có hai:

Một là Quán cảnh: Pháp tướng của bốn đế là quả trước, nhân sau.

Nay y theo Tu quán nên khởi đầu là nhân, sau cùng là quả. Vì vậy, đối với thế gian và xuất thế gian thì Tập và Đạo ở trước, khổ và diệt ở sau. Người Sơ tâm quán cảnh muốn dễ nghiên cứu thì nên bắt đầu từ việc gần. Vì vậy, thuận theo danh từ Giáp Ất, năm hành, bốn quý v.v... của thế tục, khiến cho nghĩa bốn phương thành tựu, giúp cho nhận biết về bốn đế. Vấn đề quan trọng là lập ra phép quán chứ không nên câu nệ vào danh từ, giáo tướng.

Hai là "Quán sát đó v.v..." trở xuống là phát trí: Đã đối với Nhất tâm tức là quán bốn đế, quán sát không ngừng thì mắt trí phát sinh, nhậm vận hộ trì. Lý mầu không mất thì hoặc điên đảo không khởi. Nhưng, hành giả phải quán sát thật sâu Tứ đế thuộc phép quán của viên, đều gọi là Vô tác. Thể của khổ tập nghịch tu là tánh ác, ngay nơi nghịch là thuận, Đạo và Diệt không có công. Vì vậy, Tiên sư nói "ấm, Nhập đều là Như nên chẳng có Khổ đế mà xả. Trần lao vốn thanh tịnh nên chẳng có Tập để dứt bỏ. Biên và Tà đều là Trung chính nên không có Đạo để tu. Sinh tử tức Niết-bàn nên không có Diệt để để Chứng. Thấy bốn đế ấy rõ ràng gọi là phát trí của Đế.

Kế là "Lại nữa v.v..." trở xuống là y theo bốn đức: Phép quán bốn đế ở trên tuy quán nhất tâm, nhưng hành giả của bốn thứ giáo đều có thể tu chứng. Nay, y theo bốn đức nên mỗi thứ giáo đều nói rõ về ba thứ quán. Sơ tâm đốn tu thật sự thuộc về phép quán của Viên. Phương đông so sánh với Thường; Thường bác bỏ vô thường nên Trần sa diệt hết. Vô thường bác bỏ thường nên kiến tư mất. Song phi bác bỏ hai bên nên Tập của Vô minh diệt. Nói thì có trước sau, nhưng tu thì ở tại một tâm. Ba phương còn lại theo lệ chung của cõi này.

Tiếp là "Quán Đông v.v..." trở xuống là y theo Đế, và Đức để chỉ bày danh hiệu của Phật. Sự nói rõ về trí của giác trước kia chỉ là sự giải thích chung. Nếu đối với quán tâm thì chẳng nói về biệt hiệu. Như thế thì quán đối với kinh chưa hoàn toàn thuận. Nay đối với Tập đế mà đạt được "chính là Chân thường" gọi là A-súc, Hán dịch là Bất động. Kế là đối với khổ đế đạt được "Chính là Chân lạc". Chân lạc tôn trọng gọi là Thật tướng. Kế là đối với Đạo đế mà đạt được sự thanh tịnh rốt ráo, tuệ mạng thường trụ gọi là Vô Lượng Thọ. Kế đến là đối với Diệt đế mà đạt được hai thứ ngã không. Chân như được làm sáng tỏ là kho bí mật. Một âm ở cùng khắp gọi là âm thanh mầu nhiệm. Bốn phương có bốn vị Phật vốn là tâm tánh. Chính Tánh là quán, quán phù hợp với Tánh thành tên của bốn vị Phật.

Kế là "nay tôi v.v..." trở xuống là nói về Dụng, có hai:

Một là chia văn.

Hai là Tùy theo giải thích. Gồm có:

- Năng phá thắng pháp, có hai:

- Y theo văn hiện tại để chỉ bày, có hai:

Một là nói về ba thứ pháp thể: Pháp vượt hơn có công năng bác bỏ ở tại thuộc về cảnh trí. Như sắp phá giặc thì năng lực của thân thể phải mạnh, kế đến là quyền mưu sâu và kế đến nữa là binh khí phải bén.

Hai là y theo thân nên dụ cho cảnh. Thân phải có mưu nên dụ cho Trí. Mưu cần có sự giúp đỡ của binh khí nên dụ cho hạnh. Nếu đầy đủ ba điều kiện ấy thì chướng chắc chắn tan mất.

Kế là “Nếu tướng v.v...” trở xuống là giải thích ba pháp tướng, như sau:

- Chỉ bày riêng, có hai:

Một là Biệt giáo: ba thứ lớp Hạnh, Trí và Lý giúp phát lúc tu là theo chiều Dọc. Pháp, Báo và Ứng đều làm sáng tỏ lúc chứng ở trong quả là theo chiều Ngang. Bởi giáo này vốn có Pháp thân, bị che đậy bởi hoặc. Vì thế phải tạo tác riêng về công đức của Duyên liễu để làm tư lương cho nhau mà hiển phát. Lại do giáo này mà ba pháp của tánh cụ không thâu nhiếp nhau khiến cho công thành, ba thứ thân hiển bày theo chiều Ngang.

Hai là “Nếu Viên v.v...” trở xuống là Viên giáo: Viên giải thích các pháp đều là pháp giới. Dùng trí của pháp giới để dẫn dắt hạnh của Pháp giới. Vì hạnh của pháp giới khế hợp với Cảnh của pháp giới, pháp giới không hai, ngoài một không có ba; vì vậy, lìa lỗi của Dọc. Pháp giới chẳng phải một, Tu và Tánh xoay vần; vì thế, lìa lỗi Ngang. Ba pháp tu ở trong nhân đã rõ ràng, lúc hiển bày ra ba thứ thân về mặt quả cũng vậy.

Kế là “Tuy v.v...” trở xuống là tổng kết. Tuy rằng Tu có Tiệm, Đốn nhưng đều thuộc về chủ thể phá chướng ở trong và ngoài cõi. Vì vậy, đều được gọi là pháp siêu, thuộc chủ thể phá.

Tiếp là “Quán.. “trở xuống là dùng bản nay để hiển bày, văn xưa chỉ có ở thượng căn kia, là pháp của vòng thứ nhất. Bản dịch mới đã rộng mà lại có hai vòng. “Vương tử Ly-xa thuộc vòng thứ hai của bản dịch mới là Bà-la-môn. Nói pháp thân thường không có hiện tượng Xá-lợi là trung căn. Vòng thứ hai tự có một phẩm phân biệt ba thứ thân là hạ căn. Ba vòng này đều là pháp vượt hơn, tất nhiên là phá vỡ được ba thứ Chướng. Nay trình bày chủ thể phá nên nói là pháp v.v... Lý hợp với pháp này v.v... trở xuống là thuộc sự bao trùm ba vòng.

Kế là “kế đến, từ v.v...” là tội ác được phá, Gồm có:

- Phân chia lần hai về phân định chung, có hai:

Một là Khoa đầu tiên: Văn ở đây chính thức chỉ bày về tội ác được bác bỏ. “Mà nói trình bày về phẩm không v.v...” là nay nêu tội được bác bỏ để làm sáng tỏ dụng của chủ thể phá. Trong các pháp thuộc chủ thể phá thì Dụng của không rất quan trọng. Cho nên sẽ nói ở đây lại nói về phương cách thuộc chủ thể phá?

Đáp: Hạnh thuộc cảnh trí ở trước là thuộc thuộc chủ thể trị. Nay giải thích về việc chuyên văn, tư, tu của ba nghiệp là pháp thuộc về uống thuốc. Nếu không uống thuốc siêu việt, hoặc giả uống nhưng chẳng y theo phương pháp thì làm sao bệnh bớt được? Hai tướng này thành ba chướng để phá.

Hai là “Còn lại v.v...” trở xuống là phán định, có hai:

Một là Nói về sự chuyển đổi quả báo khác với các kinh. Quả báo đã thành thì khó có thể chuyển. Cũng có kinh nói rằng “Túc nghiệp không chuyển” huống chi là quả báo đã thọ ư? Nhưng, đó là lý thuyết khác về sự che chở căn cơ của Tất-đàn. Nay nói về ba thứ chướng, nếu y theo kinh để tu thì tất cả chướng đều vắng lặng; vì pháp vượt hơn.

Hai là “Lượt thứ nhất v.v...” trở xuống là giải thích về ba thứ chướng do phá giới. Lẽ nào lý do của ba thứ chướng mà lý thuyết khác của giáo môn lại trình bày đầy đủ? Nay y theo một môn do phá năm giới. Nghĩa của năm giới bao trùm rất sâu và thâu nhiếp rất rộng, cùng tận tất cả pháp. Nhưng, vì chúng không bị ngăn ngại các đường khác nên Tiên sư nói: “Lượt thứ nhất”.

Hỏi: Chỉ do phiền não mà khởi nghiệp phá giới chứ lẽ nào lại do phá giới mà thành loại chướng thuộc phiền não?

Đáp: Do nghiệp của phá giới mà hiện ra nhiều việc tham, sân. Như do chê bai kinh mà lún sâu vào tà kiến nên dâm dục nổi lên dữ dội. Những tham v.v... đều do nghiệp mà khởi phiền não. Vì vậy, chúng ta biết rằng ba thứ chướng vốn có sự nghịch thuận, cùng làm nguyên nhân cho nhau.

Kế là “Nay v.v...” trở xuống là y theo khoa để giải thích rộng, gồm có:

- Giải thích về chướng của quả báo, có hai:

- Y theo sự trực tiếp của loài người, có hai:

Một là nêu bày nhân quả.

Hai là “Các v.v...” trở xuống là suy nghiệm về quả để tìm nhân, gồm có:

- Nói về quả báo của sát sinh, có như sau:

Một là nhắc lại kinh để chỉ bày: "Yểu bên trong", Thuyết Văn nói: "Yểu là gẫy".

Hai là "Xưa v.v..." trở xuống là tìm nhân để suy nghiệm.

Ba là "Kinh v.v..." trở xuống là trích dẫn kinh làm bằng chứng: Kinh Hoa Nghiêm bản dịch xưa. Nói đủ là: "Tội sát sinh thường làm cho chúng sinh đọa vào ba đường ác. Sau khi sinh vào loài người thì bị hai quả báo:

Một là thường bị bệnh.

Hai là chết yểu".

Luận Thập Địa nói: "Giết hại thì bị ba thứ quả báo: Một là quả Dị thục: Đó là ba đường ác.

Kế là quả Đẳng lưu: Đó là Sinh lên cõi người thường bị bệnh, chết yểu.

Kế là quả Tăng thượng: Cảm ngoại vật phần nhiều thiếu tươi sáng; vì không dừng trụ lâu".

Tiếp là "Nếu Tham v.v..." trở xuống là nói về quả báo của trộm cắp, gồm có:

Một là nhắc lại kinh để chỉ bày.

Hai là "Kinh v.v..." trở xuống là trích dẫn kinh để chứng minh "Trời Đồng sinh và Đồng danh". Kinh Hoa Nghiêm ba mươi bảy quyển Đời Tấn dịch nói: "Như người từ lúc mới sinh ra đã có hai thứ trời thường theo hầu.

Một là Đồng sinh.

Hai là Đồng danh.

Trời thường thấy người nhưng người không thấy trời".

Ba là "Lại nữa v.v..."trở xuống là dùng sự để khảo nghiệm: Do phá giới Cấm nên gây ra các điều bất thiện. Hai vị trời rồng ấy chắc chắn bỏ đi. Danh dự, lợi dưỡng do đó mà mất mát.

Kế là "Nếu quán v.v..." trở xuống là nói về quả báo của tâm dục, gồm có:

- Nhắc lại kinh để chỉ bày: "Thân thiết, nồng hậu": Tức sáu người gồm cha, mẹ, anh, em, vợ và con. Địa luận nói: "Dâm bị ba quả báo.

Một là quả Dị thúc: Tức là đọa vào ba đường ác.

Hai là quả Đẳng lưu: Bị sự tranh giành nhau của hai người vợ trong cõi người và vợ khác không trinh tiết, lương thiện.

Ba là quả Tăng thượng: thường dơ bẩn". Nay nói Đấu tranh, kiện tụng là hợp với luận.

Kế là Dẫn kinh chứng minh: “Người che chở”: Nữ nhân ý chí yếu kém nên dựa vào ba sự che chở. Lúc nhỏ dại thì cha mẹ che chở. Làm dâu người thì mẹ chồng che chở, chồng chết thì con che chở. Sự che chở của pháp là nói về việc thọ năm giới, tám giới, v.v...

Kế là “Xưa v.v...” trở xuống là y theo lý để suy: “Thuở xưa, phá hủy pháp của người nghe”: Vì khiến cho người phạm giới.

Kế là “Mỗi một v.v...” là quả báo của nói dối, có hai:

Một là Nói về sự đơn giản của kinh: Theo thể lệ của ba thứ quả báo ở trên mà hợp lại có hai câu.

Hai là “Bên trong v.v...” trở xuống là y theo nghĩa để giải thích đầy đủ, có hai:

Một là trình bày văn đầy đủ: Vì đủ sự lạ thành đôi nên nói là “Một cặp”. Phẩn tức là nộ.

Hai là “Xưa v.v...” trở xuống là y theo Lý để suy luận. “Ngoài năm v.v...” trở xuống là nói về quả báo của rượu, có hai:

Một là y theo thông lệ thêm văn để trình bày.

Hai là “Xưa v.v...” trở xuống là suy nghiệm để chỉ rõ nhân quả, có hai:

Một chính là chỉ rõ. theo như lễ là lễ độ. Do say nên mê muội. Ngãi là ngu dốt.

Hai là Dẫn chứng: Cũng dùng kinh Hoa Nghiêm, do uống rượu nên sự chê bai càng thêm. Vì thế, được lấy ra để dẫn chứng.

Kế là “Hỏi v.v...” trở xuống là y cứ rộng lớn về cả năm thừa để giải thích, có hai:

Một là y theo năm giới trái với kinh để hỏi: Vì danh từ năm giới xuất xứ từ Luật Tiểu thừa. Vì sao lại dùng làm pháp tướng để giải thích vấn đề “Vua kinh” này?

Hai là “Đáp v.v...” trở xuống là y theo sự giữ giới của năm thừa để đáp tất cả hành pháp đều có cả cả Đại và Tiểu. Tùy theo trì giải của người mà Dụng có sâu cạn. Nay giải thích năm giới là pháp của năm thừa. Chia ra làm hai:

Một là đáp chung: Vì tên gọi năm giới nhập vào tất cả pháp. hoặc có khác ít hay nhiều thì cũng chỉ là sự mở ra và phối hợp. Hay “Đưa lên v.v...” trở xuống là chỉ riêng, có hai:

- Y theo nghĩa để giải thích, gồm có:

Một là dùng năm giới phối hợp với Pháp thể, thật sự có cạn sâu, gồm có:

- Nói về trời, người, có hai:

Một là Dẫn kinh: “Sự đại kỵ của trời đất”: Kỵ cũng là cấm, là giới. Năm ngôi sao là: Đông là Mộc tinh Tuế tinh; Nam là Hỏa tinh, Huỳnh hoặc, Tây Kim tinh Thái Bạch, Bắc là Thủy tinh Thần tinh. Trung ương là Thổ tinh Trấn tinh.

“Ngũ nhạc” là Đông nhạc-Thái sơn thuộc Duyên châu, Nam nhạc- Hành sơn thuộc Kinh châu; Tây nhạc-Hoa sơn thuộc Ung châu, bắc nhạc-Thường sơn thuộc Tịnh châu, Trung nhạc-Tung sơn thuộc Dự châu.

Ngũ tạng là Gan, Tim, Tỳ, Phổi và Thận. Lấy vì sao nhạc (núi) và Tạng cùng phối hợp trì với Ngũ hành. Chỉ lấy Ngũ hành đối với giới thì ba nghĩa tự sáng tỏ. Không sát sinh đối với Mộc, Mộc đứng đầu về sinh trưởng, nếu sát thì bất sinh, bất dâm đối với Hỏa. Hỏa đứng đầu về chiếu sáng, tà dâm thì tư riêng kín đáo. Không uống rượu đối với Thổ, Thổ thì trấn tĩnh còn say thì nghiêng lụy. Không ăn trộm đối với Kim. Kim là hình phạt, giết và trộm cắp thì bị hình phạt. Không nói dối đối với thủy. Tùy theo vật đựng tròn hay vuông để làm sáng tỏ sự không luống dối thì trái lại, phối với năm hành tức là đã phối với năm vì sao. Nhạc và tạng đứng đầu năm hành. Cho nên kinh nói năm nhạc là bởi người dịch y theo phương này để nhuận sắc. “Trái với trời v.v...”: Trên là đối với năm vì sao, nếu phạm thì trái với trời, dưới phối với năm nhạc, nếu phạm thì chạm đất. Giữa thành năm tạng, nếu phạm thì chặt thân.

Hai là “Lại đối v.v...” trở xuống là phối với Pháp, gồm có:

- Phối riêng, như sau:
- Giáo lý của Chu, Khổng, có hai:

Một là năm thường “Triệu sinh trường đoản kinh nói: “Lòng nhân là yêu thương. Bỏ hình phạt, dứt điều hại, gồm ái, không riêng tư gọi là lòng nhân. Nghĩa là nên Hiểu rõ đúng sai, lập được hay không gọi là nghĩa. Lễ là bước lên. Tiến lùi vừa chừng, tôn ti có phần, gọi là Lễ. Trí là điều được biết bởi người. Hình thức để biết về đúng sai, được mất gọi là Trí. Tín là cái được tiếp nhân của con người. Phát hiện, ban bố lệnh để làm lòng người quy về một mối gọi là Tín. Nay, lấy không giết đối với lòng nhân, giết hại là không có lòng kiêm ái. Không trộm cắp đối với Nghĩa, vì trộm cắp là làm điều không hợp lẽ. Không dâm đối với Lễ, vì tà dâm thì không phân biệt được cao thấp, trái với Lễ độ. Không uống rượu đối với trí, vì hôn mê, say sưa thì không thể định được đúng sai, được mất. Không nói dối đối lại với Tín, vì nói dối thì người khác không tin nhận. “Nếu dùng năm thường đối với năm hành”: Đặng

Khang thành chú lễ ký trong thiền Trung Dung có nói: "Mộc thần thì nhân, Kim thần thì Nghĩa, Hỏa thần thì Lễ, Thủy thần thì Tín, Thổ thần thì trí". Trước đây lấy năm hành đối lại năm giới là vì nghĩa ấy. Vì vậy, lấy không uống rượu đối với Thổ, không nói dối đối Thủy.

Hai là đối với năm kinh: "Không sát là đối với thượng thư": Thượng thư bị cắt đứt từ Đường ngu v.v... trở xuống là quý trọng từ nhượng mà khinh sự sát phạt. Vì phu tử cho rằng nhà Chu suy yếu, hiệu lệnh không được thi hành nên y theo sử nước Lỗ để sửa Xuân thu thay sự thưởng phạt. Khiến loạn thần, tặc tử sợ hãi. Vì vậy, Thượng thư đối với giới không trộm cắp. Lễ có năm, Chu lễ là Chức của Đại tông bá, nói rằng: "Dùng cát thờ phụng quỷ thần, Thần đất của đất nước (Sự là cúng Tế). Dùng hung lo cho mối lo của đất nước (thường tức là Cứu hoạn nạn và tai ương). Dùng lễ khách thân với đất nước (Thân là khiến cho dân gần gũi). Dùng lễ của quân đội để đồng với đất nước (Đồng là nói sự hoàn thành với người không hiệp lực và lấn lướt). Dùng lễ vui gần gũi với muôn dân (Vui tức là thiện). Do điều lành của lòng người làm quy chế). Tà dâm là không dùng lễ để giao tiếp. Cho nên dùng lễ tốt đẹp để răn cấm tà dâm. "Thi": Thiện thì ca tụng, ác thì dứt bỏ. Đó là không nói dối. "Dịch" là sách của cùng lý tận tánh, là lời dạy thanh sạch tinh vi. Kẻ uống rượu hôn mê, loạn động thì lẽ nào cùng lý tận tánh của mình được.

Kế là "Lại đối với mười v.v...." trở xuống là pháp của Luân vương, có ba:

Một là khai thành văn đối với mười tướng.

Hai là "Tục v.v..." trở xuống là nói rõ hợp bảy thành hai ý: "Tục không thể giữ gìn miệng". Vì năm giới là chế cho người tại gia. Miệng chia ra làm bốn lỗi nên sự người tục giữ gìn thành khó. Vì vậy chỉ chế thành một. "Uống rượu là tà mạng tự nuôi sống". Lấy rượu nuôi thân thể không vâng theo chánh giới gọi là tà mạng.

Ba là "Là làm v.v..." trở xuống là kết pháp. Từ người để đặt tên. Tuy năm giới là giới do Như Lai chế nhưng đã đối với mười điều lành thì lại từ hữu lậu mà xếp vào pháp xưa. Vì thế, năm giới thuộc Luân vương. "Cũng gọi là Tánh tội tánh thiện". Vì tự thân của pháp tánh thuộc về mười điều ác là tội, tự thân pháp tánh mười điều lành là thiện. Vì vậy, Luân vương thuận theo tánh thế tục mà nói về Thiện ác này để giáo hóa chúng sinh.

Kế là "Đầu v.v..." trở xuống là kết sự chỉ bày: điều lành thế gian không thoát khỏi luân hồi. Dẫu sinh vào cõi người, cõi trời đi nữa rồi

cũng lại khởi nghiệp ác. Thiện còn như vậy, huống chi là bất thiện ư?. Vì vậy, Tiên sư nói: "Đều là tất cả gốc tội".

Kế là "Lại nữa, năm v.v..." trở xuống là nói về Nhị thừa, có hai:

Một là Đối với năm ấm là cảnh của niệm xứ: Nếu không sát sinh thì sắc thân đầy đủ, không trộm cắp thì không sinh ra khổ thọ, không dâm dục thì niệm tưởng tà vọng không khởi, không nói dối thì sự thay đổi thuần là thật, không uống rượu thì hoàn toàn sáng suốt. Thiện ấm này lẽ nào chỉ là cảnh? Thật ra nó còn ba nguồn cả niệm tuệ nữa. Cho nên có thể mở ra bốn Niệm xứ từ ấm. Nghĩa là, sắc ấm là thân niệm xứ, thọ ấm là thọ niệm xứ, tưởng và hành ấm là pháp niệm xứ, thức ấm là Tâm niệm xứ.

Hai là "Niệm v.v..." trở xuống là từ niệm xứ mà có đủ hai thứ giải thoát thuộc Đạo phẩm. Trong bốn Niệm xứ của Đại luận thì bốn thứ tinh tấn gọi là Chánh cần, bốn thứ định tâm gọi là bốn Như ý túc, năm thiện căn sinh gọi là Căn, căn thêm lớn gọi là Lực, Phân biệt bốn thứ xứ, đạo, dụng gọi là Giác, bốn Niệm xứ an ổn ở trong Đạo mà thực hành gọi là Chánh đạo.

Tiếp là mười bảy phẩm như con đường bằng phẳng, không, vô tướng, vô tác như ba cửa của ngôi Thành. Niết-bàn như ngôi thành.

Tiếp là "Vì vậy nói rằng v.v..." trở xuống là trình bày về việc chuyển năm ấm thành năm phần pháp thân: Vì giới cấm ngừa lỗi thân và miệng nên nói rằng: "Sắc có khả năng phát giới? Vì thiền là chánh thọ nên nói rằng: "Thọ thọ thiền định". Vì giả tưởng Liễu ngộ thân là không nên nói "Tuệ thuộc về tưởng ngộ luống dối". Trong văn thừa chữ chung. Các đoạn văn trích dẫn đều không có chữ chung. Tiến lùi không biếng nhác thì đến quả thánh. Vì vậy, Tiên sư nói "Hạnh phát sự giải thoát". Tự biết sự chứng đắc của mình gọi là tri kiến giải thoát. Đó tức là chuyển năm ấm thành năm phần pháp thân. Bốn "Đương v.v..." trở xuống là kết năm giới làm pháp của Nhị thừa.

Kế là "Lại nữa, năm v.v..." trở xuống là nói về Đại thừa, gồm có:

Một là Nêu bày chung.

Hai là "Nêu lên, rằng v.v..." trở xuống chính là phối trí pháp môn, gồm có:

Một là y theo kinh để phối hợp với bốn Đức: Vì hành giả Đại thừa biết rõ rằng thể của năm giới là tâm tánh, dầu là thọ hay trì cũng đều thuận với tánh. Vì tánh có đủ bốn đức nên năm giới đều là Thường, Lạc, Ngã và Tịnh. Đó là đối chung. Cũng có thể lấy năm biệt đối với bốn

đức. Tâm và tánh của chúng sinh chẳng sinh diệt. Vì vậy, thuận với tánh mà giữ giới Bất sát. Là mang cái ấn sống lâu không chết. Đó là đức của thường. Tâm và tánh của chúng sinh không dâm loạn. Vì vậy, thuận với bản tánh mà giữ giới bất dâm gọi là ra vào không loạn. Tâm và chúng sinh niệm niệm chân thật, không có khoảnh khắc luống dối. Vì vậy, thuận theo tánh mà giữ giới không luống dối gọi là qua lại không ngừng. Hai giới này đối với đức thuộc về Tịnh. Tánh của tâm và chúng sinh không lẫn lộn. Vì vậy, thuận với Tánh của trì giới không uống rượu gọi là làm chủ một thân. Đây là đức của Ngã. Tâm và tánh của chúng sinh tức là Bồ-đề lìa khổ tham cầu. Vì vậy, thuận với bản tánh mà giữ giới trộm cắp gọi là lập ra gốc của đạo. Tức là đức của lạc.

Kế là "thúc lại v.v..." trở xuống là y theo sự để đối với ba nghiệp. "Không sát, đạo, dâm là thân nghiệp. Không nói dối là khẩu nghiệp, không uống rượu là ý nghiệp. Vì trì giới thuận với tánh nên lập giới là nhân thành ba nghiệp của Phật. Thân, miệng và ý của Phật tùy trí tuệ mà vận hành nên không có sự sai lầm, được gọi là ba thứ không sai lầm. Vì không sai nên không cần phải giữ gìn; gọi là ba việc không hộ phòng. Sự hiện hóa của thân nghiệp gọi là thần thông luân. Sự nói pháp của khẩu nghiệp gọi là Chánh giáo luân. Sự quán sát căn cơ của ý nghiệp gọi là Ký tâm luân. Cả ba luân ấy đều xô dẹp, nghiền nát hoặc nghiệp của chúng sinh. Vì người ở địa dưới không so lường được nên gọi là ba mật.

Kế là ba quy tắc v.v..." trở xuống là y theo Lý để đối với ba pháp: năm giới tức là Lý, một chỉ, một tác đều khế hợp với ba pháp tướng Viên Dung. Nếu muốn đối riêng thì Lý cũng thành tựu. Không giết chúng sinh thuận với Lý thường trụ, tức là quy tắc của Chân tánh. Không dâm dục thì tâm thanh tịnh, không uống rượu thì tuệ sáng; cả hai là quy tắc của quán chiếu. Không nói dối thì làm sinh khởi sự tin thuận của người khác, không trộm cắp thì toàn vẹn tài sản của người; cả hai tức là quy tắc của thành tựu tài sản. Đã chính là ba quy tắc thì năm giới khế hợp với tất cả ba pháp tướng. Vì vậy, chúng ta biết rằng năm giới nhiếp pháp không sót.

Kế là "Ngang Dọc v.v..." trở xuống là nêu rộng để kết thúc làm sáng tỏ.

■

KIM QUANG MINH VĂN KINH CÚ KÝ

QUYỂN 2
(Phần đầu)

Kế là "Lại nữa v.v..." trở xuống là nói về sự lý của năm giới lại phân biệt Thiên và Viên, ở trên tuy mở bày chung về nghĩa của năm giới là bao gồm, thâu nhiếp cả cạn và sâu. Nếu không nói về Sự, Lý, Thiên, Viên thì làm sao người học nhận thức được rõ về tướng trạng của trì và Phạm. Ở đây tự chia như sau.

- Giới bất sát, có:

- Chỉ bày rõ ràng, có hai:

Một là chỉ bày chung về Sự, Lý, Trì, Phạm: Vì muốn cho hành giả dung bất sát thuộc Lý mà trì Bất sát thuộc Sự, mới gọi là Sơ tâm trì giới Cụ túc. Nay, nói về Thể pháp, phải riêng trung của không, thể pháp tức là không là thuộc phép quán của thiên; so với Viên là Sát, phải thể hội các pháp đều là Trung đạo, tướng thế gian đều là Thường. Đó là giới Bất sát của lý mà ở đây nói. Vì muốn làm sáng tỏ về ý ấy nên từ người, trời mà giải thích về sự cùng cực của Viên. Vì thế, Tiên sư nói: "nhân quả có nhiều thứ khác nhau".

Hai là "Nếu làm v.v..." trở xuống là nói về sự được mất của Thiên, Viên, gồm có:

Một là Thiên, có:

- Người, trời chỉ có sự, như sau:

Một là người giữ giới cạn thấp nên phải thêm sự ngăn dứt tâm. Như trâu ngựa nếu không có dây cương và ách thì chúng sẽ buông tuồng, nếu không có gậy để nhắc nhở thì sẽ đạp lúa má. Điều ấy dụ cho việc nếu không tác ý thì đối với cảnh thành ra phạm. Quả báo một trăm hai mươi năm là tuổi thọ ở phương trên. Các căn của loài người chỉ rõ về mắt thường. Tâm như nước sông, tự nhiên rót vào biển tịnh giới. Bất luận là Định hay Cộng chỉ có quả báo là sáu tầng trời cõi Dục. Vì số năm của người so với tầng trời thứ sáu là tương đương nên chỉ được mắt thường, mắt Trời chứ không có tuệ nhãn, pháp nhãn và Phật

nhãn, các căn khác cũng dễ biết. “Nếu thêm v.v...” trở xuống là ba thừa thêm Lý, có hai:

Một là Nghĩa của Nhị thừa nhiếp cả Tạng và Thông: Kinh Niết-bàn lấy sự kiện xuất hiện trước của ngoại đạo với thầy thuốc củ, sự xuất hiện sau của Như Lai dụ cho thầy thuốc khách. Giới do Đức Phật chế gọi là giới khách. Ngoài giới thuộc về sự còn thêm Tu tùy đạo và giới Vô trước. Vị trí của giới này cùng cực nên chỉ dạy cho người nguội thân bặt trí mà không nói có quả báo. Nay y theo Đại thừa sinh về cõi Phương tiện nhận tuổi thọ của Biến dịch. Các văn không nói về thời hạn tuổi thọ của cõi này mà chỉ nói về sự thay đổi của nhân quả. Ở đây nói rằng bảy trăm A-tăng-kỳ hẳn là sau kiếp số ấy mới đi vào Thật báo. Nếu tại cõi này mà phá hoặc Trần sa thì cũng có được Pháp nhãn. Nay nói về hành giả Nhị thừa vừa sinh về đó chỉ đạt được Tuệ nhãn.

Hai là “Nếu v.v...” trở xuống là Bồ-tát, có hai:

Một chính là chỉ bày: Nghĩa xứng với thứ lớp tu tập đối với Đạo cộng v.v... của ba đế thuộc Biệt giáo. Thường tức là quán Giả, tức là cái được khen ngợi bởi Trí và giới Tự tại. Vô thường tức là không tuệ, tức là Tùy đạo và giới Vô trước. Trước là Không, kế là Giả. Nay theo ngôn ngữ thì không tuệ kế theo. “Nói Đẳng Tuệ”: Tức là Trung tuệ. Đó là Tùy định và giới phần Cụ túc. Đạt được hai thứ đó là đang ở Sơ địa. Sinh về cõi Thật báo gọi là biển Hoa tạng. Phật nhãn hiển từng phần của bốn thứ nhãn là dung thông. Vì vậy gọi là đạt được từng phần bốn thứ nhãn. Các căn cũng như vậy. Tuổi thọ là Tuệ mạng, đã thuộc ý căn. Kinh nói: “Các căn còn gọi là tuổi thọ”. Vì thế, phải nói chung.

Hai là “So sánh v.v...” trở xuống là kết về sự so sánh. Giáo này so với Phật có hai ý. Nếu hợp với giáo thì so nhân với quả, Phần và Mãn khác nhau. So với Viên giáo thì Biệt giáo trước sau là pháp của Bồ-tát. So với Viên thì trước sau đều là pháp Phật. Vì vậy, Tiên sư nói gọi là “Không đầy đủ và tổn giảm”.

Kế là “Nếu v.v...” trở xuống là Viên, gồm có:

- Chỉ bày về tướng, có:
- Nói về đắc ý trì, có hai:

Một là Nêu bày khái lược: Sự trì tức là không giết hại thân mạng chúng sinh. Sự trì này giống với giới của Thiên tiểu, Luân vương. Nhưng, lý do của bất sát thì hoàn toàn khác với Thiên v.v... Đoạn văn tiếp theo là nói rõ về Lý quán.

Hai là “Lại nữa, trì v.v...” trở xuống là nói đầy đủ về lý trì, có ba:

Một là y theo Thể để nói về trì: Nếu không giải thích về tánh có đủ chín cõi của loại bất sát thuộc về lý này mà chỉ nói rằng "thể đạt được các pháp tức là lý, toàn sóng là nước" thì vẫn là lẫn lộn với Thông và Biệt, chưa làm sáng tỏ về Viên tu. Vì thế, Đại sư Kinh Khê nói: "Nếu không bàn về "Đầy đủ "thì thuộc về Biệt giáo". Cho nên phải thể đạt được thân giả hợp, ba hoặc si ái. Thật pháp của ba khoa đều là tánh sẵn có, tánh không khác nhau. Vì vậy, gọi là Một tướng. Tánh không tối tăm ràng buộc gọi là, giải thoát sáng suốt. Đã là tánh đầy đủ thì làm sao có giết hại? Si ái là con. Giả thật là quả. Toàn thể là tánh thì lẽ nào tánh lại là sinh diệt? Sự quán sát mầu nhiệm như vậy thì chướng tức là đức. Không đợi đến sự chuyển, trừ mới là trì đối với giới bất sát thuộc về lý.

Hai là "Thành v.v..." trở xuống là xứng tánh được quả báo. Từ Sơ trụ trở lên đến Diệu giác đều được gọi là thành tựu trí tuệ, ở trong Thường tịch quang. Đây là y báo, chánh báo của phần mãn. Quả báo đời sau của vô sinh chỉ là hiện báo. Cho nên gọi là thường thọ, vắng lặng không tổn giảm. Năm nhãn đầy đủ, các căn cũng như vậy, lìa bỏ không đầy đủ. Nếu nói về dụng bên ngoài thì sáu căn thông suốt nhau. Lược nêu về sự tự tại của mắt và tai. Hiện tuổi thọ của mười cõi, hoặc dài hoặc ngắn, tuổi thọ tự tại.

Ba là "Là v.v..." trở xuống là kết thúc phần nêu bày về nhân quả, có hai: "Lại nữa, Viên v.v..." trở xuống là nói về Đắc ý phạm, có hai:

Một là Nêu chung về hai thứ phạm: nếu không giải thích về tánh cụ của Phạm thuộc sự và Lý thì trái với Dụng và Pháp môn sát. Nhưng dùng tâm thương xót hiện ra tướng trái nghịch mà giải thích. Lẽ nào ở đây công hạnh của Bồ-tát thuộc ba loại giáo trước lại không thể làm được? Vì vậy, Phổ môn sớ nói về Pháp môn thế nào là thành tựu. Vì thế, thường niệm Quán âm. Như thế, chúng ta biết là phải đạt được ý của tánh sát thì Từ mới là Vô duyên. Vì vậy, Tiên sư nói "Duy sát, Duy từ gọi là Đắc ý Phạm.

Hai là "Như Tiên v.v..." trở xuống là nêu riêng về hai tướng, có hai:

Một là Dẫn người để nói về Sát thuộc sự. Phẩm Thánh Hạnh trong Đại kinh, Phật nói bổn sinh, từng làm vua, tên là Tiên Dự. Vua ưa thích Đại thừa. Lúc bấy giờ, thế gian không có Phật nên vua thờ Bà-la-môn làm thầy suốt mười hai năm. Sau đó, vua liền khuyên thầy mình phát tâm Bồ-đề nhưng vị Bà-la-môn ấy không tin và chê bai chánh pháp, vua liền giết chết. Tuy vậy, vua cũng không đọa vào địa ngục, vì không

có tội giết hại. Đến phẩm Phạm Hạnh, Đức Phật nói quả Từ tâm, trụ ở Nhất tử địa. Ca-diếp hỏi rằng nếu Bồ-tát trụ nơi Nhất tử địa thì tại sao thuở xưa, lúc làm vua, Phật lại giết Bà-la-môn?

Đức Phật nói rằng vì ta với tâm yêu mến mà giết chứ không có tâm ác. Các vị Bà-la-môn chết đi sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ. Họ liền khởi lên ba ý nghĩ.

1. Tự biết mình từ loài người mà đến.

2. Biết là địa ngục.

3. Tự biết vì chê bai chánh pháp nên bị vua giết.

Nhớ lại đến việc ấy rồi liền tin tưởng Đại thừa. Lúc mất sẽ sinh về thế giới Cam Lộ Cổ Vương, tuổi thọ ở đó đến mười kiếp. Như vậy, thuở xưa ta đã cho Bà-la-môn ấy sống đến mười kiếp, tại sao lại gọi là giết? Nhưng, chúng ta phải hiểu rõ đối với pháp môn Sát khiến cho sự ái niệm trở thành lòng từ Vô duyên mới hợp với câu "Duy sát Duy từ" của Sớ văn.

Hai là "Lại làm v.v..." trở xuống là y theo kinh để nói về sát thuộc Lý, có hai:

Một chính là giải thích: trước y theo sự "Không cắt đứt mạng sống" gọi là giữ giới bất sát. Nay, nói về "có cắt đứt" nên nói rằng "phạm sát". Viên giáo tự nói về hai nghĩa của cắt đứt và không cắt đứt là đồng thời. Đã nói sáu tức, vì sáu nên có đoạn, vì tức nên không cắt đứt. Cũng có thể chỉ y theo một chữ Tức để nói rõ về hai nghĩa. Thể của chướng là đức nên không có chướng để nói. Nay là nghĩa của cắt đứt mà chướng đã tức là đức thì chướng đâu bị cắt đứt. Ở đây là nghĩa không bị cắt đứt. Vì vậy, Phiền não tức Bồ-đề, sinh tử tức Niết-bàn. Sự mầu nhiệm của đoạn và không đoạn nằm ở trong đó. Các kinh Đại thừa nói về pháp quán Viên đốn của hai cánh cửa ấy. Nay y theo có đoạn gọi là Sát thuộc lý. Vì vậy nói là "Bẻ gãy, chấp chước". Là lấy nghiệp và các phiền não làm đối tượng bị đoạn. Thần cây dụ cho người tu quán. Kiếp lửa dụ cho trí thuộc chủ thể quán. Vì vậy cuốn Đại luận ba mươi nói: "Thí như cây lớn ở ngoài đầm trống là nơi đậu và ngủ của những con chim, một con Bồ câu đến sau và đậu trên một cành, cây liền gãy. Thần đầm hỏi lý do, thần cây đáp: Con chim này từ cây kẻ thù của tôi bay đến. Nó ăn trái Ni-câu. Nếu phân của nó rơi xuống đất thì cây ác lại sinh ra và sự làm hại của cây ấy là vô cùng. Vì vậy, sự an toàn do vứt bỏ một cành là rất lớn. Bồ-tát cũng giống như vậy, đối với hoặc nghiệp của ma và ngoại đạo thì không có gì đáng sợ nhưng lại sợ Nhị thừa. Nhị thừa đối với Bồ-tát cũng như con chim bồ câu kia; họ phá hoại tâm Đại

thừa, diệt trừ hẳn tâm Phật thừa". Văn nay chỉ lấy con chim kẻ thù, đấm lụy chung, v.v... Về "Kiếp hỏa v.v...": Cũng là văn của Đại luận. Luận thứ hai nói: Tuy Nhị thừa phá hết nhưng hơi ba độc vẫn còn, vì sức của lửa yếu. Đức Phật đã dứt sạch ba độc, mãi không còn sót như kiếp hỏa thiêu núi Tu-di thì tất cả đất đều cháy mà không còn tro khói". Nay nói rằng trí Phật tức là trí tròn đầy. Đoạn trừ ấm, Nhập, Giới thì sinh tử tức là Niết-bàn. Y theo tức mà nói về Đoạn thì gọi là Đắc ý phạm. Sự đoạn và phá của lý quán gọi là không trì giới. Đó là thật chứng. Nghĩa của Lý phạm ở dưới đều thành tựu. Tất cả trần lao là hạt giống Như Lai. Đó là chủng thuộc tánh, cũng là hạt giống đối địch. Nếu như không phải tánh chủng thì làm sao gọi là hạt giống Phật được? Vì trí tức là tánh nên sự tu nhiễm vốn là luống dối. Vốn luống dối gọi là Diệt. Tức là Lý sát.

Hai là "Thành v.v..." trở xuống là có quả báo. Vì hai thứ phạm thuộc Sự và Lý đã thuận với Pháp môn sát hại thuộc tánh, cho nên thành tựu Pháp sát tức là được Pháp thân, Ứng thân vào chín cõi hiện ra thân cao hoặc thấp, căn thiếu hoặc đủ. Đó là tự tại dùng phần của hạt nhân chân chính mà đạt được quả rốt ráo.

Trước v.v... trở xuống là kết thúc sự cao quý. Trước là bác bỏ sự hèn kém. Người và trời là sự gần, Tạng và Thông thì lý cạn, Biệt giáo thì thứ lớp, vì vậy mà hạn hẹp và bít lấp. Những con đường ấy đều chẳng phải là sự không hai của Tu và Tánh, là con đường thông đạt. Chỉ có thật giới của Viên, một nhiếp tất cả, rộng lớn vô biên. Chính ngay nơi sự là trung, sâu xa khó dò. Con đường tất phàm phu và Tiểu thừa định phải hiểu sự khác nhau giữa nghịch và thuận, đồng với Trung của mười cõi gọi là Giới rốt ráo.

Kế là "Không v.v..." trở xuống là kết thúc lời trách. Trước là kết thúc sự bao gồm, sau là trách cứ sự hẹp.

Kế là "Lại nữa v.v..." trở xuống là nói về giới Bất sát. Y theo lý để nói về trộm cắp. Y theo kinh A-hàm giải thích Tiểu thành Đại. Người và trời thì chấp Hữu, Tạng và Thông thì chấp không, Biệt giáo thì chấp Đản trung. Tóm lại, đều là vật của người nếu chẳng phải trộm cắp thì là gì? Kinh Tịnh danh chép: "Không chấp là Bồ-đề, vì xả bỏ sự phan duyên.

Kế là "Nếu v.v..." trở xuống là nói riêng về sự được mất của Thiên viên, gồm có:

Một là Thiên, có:

- Người và Trời, có hai:

Một là bác bỏ sự trì thành phạm. Sự an vui luống dối là điều vừa

ý của người và trời. Muốn thành tựu lý trì thì phải bác bỏ sự giới. Vì vậy, Tiên sư y theo quả báo do mong cầu để quở trách niềm vui thuộc Hữu lậu. Như trong bãi phân có quả Am-la, nếu là đứa bé hiểu biết thì không nên đòi ăn. Lạc tạp kiến tư như thức ăn ngon của thế gian, Được làm bằng thuốc độc nếu ăn thì mất mạng. Đó là thứ mà người có quán tu không mong cầu. Nghĩa là nếu được hoa báo, tâm không ưa thích mà sinh vui mừng thì làm sao gọi là phàm phu vì muốn trì giới.

Hai là "Nghèo v.v..." trở xuống là y theo văn kinh để nói về quả báo. "Bốn họ": Tỳ-xá, Thủ-đà-la, Bà-la-môn và Sát-đế-lợi. Tuy trong loài người nói là hai họ thấp hèn, hai họ cao quý nhưng vì đã thiếu tài sản thánh nên cả bốn họ, ba cõi đều thuộc về nghèo cùng. Nước chảy là nước chuyển. Xoáy nước là nước sâu. Đem tâm hữu lậu mà trì giới để mong cầu quả vừa ý chính là bị khốn khổ bởi dòng nước xoáy chuyển của Hữu, ba cõi trôi lăn. Vì thế, Tiên sư nói là "Dòng Hữu". Nếu không phải một nhân quả Hữu lậu có đủ ba thứ chướng trong bốn dòng có thể ngăn chướng sự thấy Phật là vị trời trong số nhưng vị trời thì cũng chướng ngăn đối với Đệ-nhất-nghĩa thiên. Lấy chướng để ngăn cản nên nghĩa là lìa bỏ. Đây là sự trì thành ở lý phạm. Y theo kinh thì sự cảm vời quả báo nghèo cùng khốn khổ, các vị trời lìa bỏ.

Kế là "Lại hai v.v..." trở xuống là Nhị thừa, có:

- Bác bỏ Lý trì thành phạm, có hai:

Một là y theo để tìm cầu, bác bỏ: Trí thì nêu cả bốn Đế, cảnh thì chỉ ở khổ. Đối với thân v.v... mà quán khổ v.v... là nhàm chán khổ sinh tử, ưa thích sự vui Niết-bàn. Ở Tiểu gọi là Trì, ở Đại gọi là Trộm cắp. Vì Niết-bàn mà sinh tâm ưa thích, tìm cầu. "Giới nhĩ": là Yếu kém. Chỉ cần một mảy may tâm sinh liền rơi vào bốn Tánh. Đã có tánh lỗi thì đó là thuộc về sinh tử. Đối với Vô sở đắc mà sinh đắc, tưởng thành không cho mà lấy. Lẽ nào đó chẳng phải ăn trộm?

Hai là "Tức không v.v..." trở xuống là dẫn các kinh để bác bỏ. Phiền não là củi, trí tuệ là lửa, Thành thức ăn Niết-bàn chẳng phải chứng đắc phi thời. Đó là bác bỏ sự thủ chứng vội vã của Tiểu thừa là chứng đắc phi thời. Chẳng đợi Pháp Hoa nói về sở nhân thuộc đối tượng mà đối với Niết-bàn Tiểu thừa lại suy nghĩ chấp chứng. Căn tánh Đại thừa không phát như hạt giống bị cháy, bị hư. Vì thấy quả khổ nên dứt trừ các nhân của Tập. Vì tu phẩm của Đạo nên hướng về sự chấm dứt của Diệt. Như vậy tức là chẳng phải ngay nơi hoặc mà thành tựu trí, không dứt trừ, không tu tập; ngay nơi sinh mà thành Diệt không có khổ, không có tận. Vì vậy, Tiên sư nói là "Không cầu pháp". Trung Luận

nói: Chư Phật nói về pháp không vì độ người chấp Hữu. Nếu có người chấp không thì đó là người mà chư Phật không độ được". "Thân cao ba trăm v.v..." trở xuống là dẫn Chim non của loài chim cánh vàng để làm dụ: Nhị thừa chỉ nghĩ đến ba thứ Tam-muội là Không, Vô tướng, Vô nguyện như thân cao ba trăm do-tuần. Không có hai thứ trí là Không và Giả thì giống như chẳng có hai cánh. Đọa vào ba hầm Vô vi như chim rơi xuống đất. Nếu "Chết v.v... là khổ thành quả A-la-hán. Nếu chết thì khổ thành quả Bích-chi.

Khổ v.v... đối với chết gọi là chết v.v... khổ nhưng thật sự chưa chết. hoặc nói rằng: Nhị thừa phương tiện là chết v.v... khổ, Thánh vị là chết khổ.

Lại nữa, người học là chết v.v... khổ, vô học là Chết khổ. Ba thứ Vô vi:

1. Trạch diệt.
2. Phi trạch diệt.
3. Hư không.

Vì nêu chung nên nói là ba. Vô vi mà Nhị thừa chứng vốn là Trạch diệt. Nhưng luận này vốn xuất xứ từ Đại phẩm mà Đại luận giải thích. Luận nói rằng thân chim cánh vàng cao ba trăm do-tuần, có thể bay từ núi Tu-di này đến núi Tu-di khác. Lúc mới sinh ra loài chim này chưa hình thành hai cánh; vì muốn bay đi nên bị rơi xuống Diêm-phù-đề mà chịu chết, hoặc là khổ chết v.v... Nữa đường nó hối hận tự nghĩ rằng ta muốn trở lại cõi trời nhưng không thể tự cất mình lên được. Hình ảnh ấy vốn dụ cho Bồ-tát rơi vào địa vị Nhị thừa.

Nay, Tiên sư mượn hình ấy để dụ cho Nhị thừa.

Kế là "Pháp v.v..." trở xuống là dẫn kinh để nói về quả báo của ăn trộm. Không có được pháp thực của Đại thừa gọi là đói. Không có lực dụng lớn gọi là yếu đuối. Không có công đức lớn là gầy. Đối với Hữu thiện, Vô, Thiện mà khởi kiến tư là như mụt nhọt, ghẻ lở. Không thấy Phật ba thân một thể, không nghe pháp thuộc Viên đốn thì không rơi vào các số của ba Hiền, mười Thánh.

Kế là "Nếu v.v..." trở xuống là Bồ-tát, có hai:

Một là bác bỏ về thứ lớp thành phạm. Ba thứ Hạnh, Học và Đạo đối với Giới, Định, Tuệ. Nói thứ lớp tức là nói rằng cả ba đều chuyển theo Không, Giả và Trung. Vì ba đế dọc nên từ cạn đến sâu. Do đó, đuổi theo một là nói về thủ và xả. Sinh tử là đến, Không và Trung là đi. Vốn nói sinh tử đã gọi là đến. Đi rồi chở đến lập ra sinh tử, nên gọi là thành hai sự đến. Phá Hữu ra khỏi Cõi gọi là đi. Xả bỏ ngoài bìa, hướng

về Trung gọi là lại đi. Sự đến và đi như vậy lẽ nào chẳng phải khuất nhục? Quán đế không khác nên lìa hai chấp tướng. Nay đã tu riêng nên dùng quán mà duyên với Đế, gọi là không cho mà lấy.

Hai là "Lấy rồi v.v..." trở xuống là y theo kinh để nói về quả báo của ăn trộm. Thủ và Xả đã là số thì chính quả báo ấy gọi là quả báo nghiệp trộm cắp nghèo cùng khốn khổ. Vì giáo của của Biệt và Viên giải thích về quả báo biến dịch, không y theo sự thay đổi về sinh. Niệm dấy động là nghiệp, Biến dịch là khổ. Vì vậy, Luận Khởi Tín nói: "Động thì liền có khổ, quả không lìa nhân, người sơ tâm không thể bặt dứt ngay sự nghĩ bàn. Vì vậy, khiến nghĩa tuy gần nhưng xa liền xả bỏ.

Kế là Viên, có hai:

Một là chỉ bày về tướng của Lý Trì: Chỉ có pháp quán của Viên mới lìa được sự không cho mà lấy một cách rốt ráo. Phép quán về sự dứt bặt là năm thứ không thọ. Tức là không thọ bốn biên và không thọ bất thọ. Nếu không dùng lý vượt lên để soi sáng đối với năm thứ bất thọ này thì sợ rằng sẽ lẫn lộn với giáo lý của Thiên. Vì vậy, trước là Tiên sư nói rằng: Hành giả Viên quán thật tướng các pháp". Các pháp không ở ngoài Y báo và Chánh báo của Phật và chúng sinh. Đó là pháp của hai sự tu tập là nghịch và thuận. Toàn bộ sự tu tập chính là Tánh nên mỗi sự đều là tướng của Trung đạo, của Thật Tướng của Trung, của Thật chẳng phải là tướng đối đãi. Vì hành giả Viên quán về tướng này nên không có bốn thứ thọ. Chẳng những có cảnh dứt bặt sự đối đãi thuộc bốn câu mà còn dứt cả sự đối đãi của chủ thể và đối tượng thuộc cảnh và quán. Vì vậy sự quán của không thọ cũng không thọ. Đã đối với Sơ tâm thì tức là y theo Trung và Thật để tu năm thứ không nhận. Như vậy thì chỉ thuộc về Viên. Vì năm thứ không thọ nên gọi là không chấp là đại Bồ-đề luôn che chướng tất cả lời nguyện hữu duyên. Mỗi pháp đều là Trung. Ngoài cao không có thấp, ngoài thấp không có cao; có pháp để chấp, có pháp nào để xả bỏ?

Hai là "Như vậy v.v..." trở xuống là y theo để nói về quả báo. Tức là dùng sự giàu có thuộc lý để làm sáng tỏ sự không nghèo cùng. Vì giàu có nên không chấp. Vậy, làm sao có khốn khổ? Do không chấp nên sự nghĩ bàn liền dứt, Không trái với Đệ-nhất-nghĩa thiên tức là Ứng với "Chư thiên không lìa" của văn kinh.

Kế là "Hành giả của Viên v.v..." trở xuống là nói rõ về Đắc ý phạm. "Pháp môn trộm cắp": Đó là Tánh ác là cái mà Phật tôn làm thầy nên gọi là Pháp. Trí do đó mà vào nên gọi là Pháp môn. Hành giả Viên giáo đạt được pháp môn nên nghịch thuận đều tự tại. Thường tạo

tác trộm cắp thuộc lý thì cũng tạo tác về trộm cắp thuộc Sự. Văn này lược sư, so sánh với trường hợp của Sát, của Dâm; hợp với tướng của chúng. Nếu là nghĩa trộm cắp thuộc lý thì văn xuất xứ từ kinh Ương-quật. Kệ của kinh ấy nói: "Không cho là Bồ-đề. Không có trao cho là không cho mà tự lấy. Cho nên ta không cho mà lấy". Ý đó là nói không bao giờ lấy là hoàn toàn lấy. Loại lấy này được gọi là như biển thâu nạp các dòng. Về bốn sự mang vác nặng, kinh Ương-quật nói thí như mặt đất mang vác gánh nặng.

1. Sông biển lớn.
2. Núi sơn.
3. Cỏ cây.
4. Chúng sinh.

Bồ-tát cũng như vậy. Chánh pháp trụ ở đời hơn tám mươi năm. Vì tất cả chúng sinh mà giảng nói về Như Lai tạng gọi là gánh đầu tiên, nặng hơn cả núi lớn. Nghe người ác chê bai, nhục mạ mà vẫn thường an nhẫn. Đó là gánh nặng thứ hai, nặng hơn cả đại thủy. Không có duyên mà giảng nói cho nhà vua, đại thần nghe về Như Lai tạng. Chỉ vì người thấp hèn mà kham nhẫn để giảng nói. Đó là gánh nặng thứ ba, nặng hơn chúng sinh. Giữ đến cùng chỗ biên địa, xấu ác, không được dừng ở nơi chỗ đầy đủ an vui. Đó là gánh nặng, nặng hơn cả cây cỏ". Bốn gánh nặng của kinh Ương-quật dụ cho bốn việc. Quán ý của văn kinh này dường như dụ cho bốn hoằng.

Kế là "Trước v.v..." trở xuống là kết thúc sự thù thắng. "Cạn mà lại tắt nghẽn": Lại tức là gồm ba: Giới bất dâm, có hai:

Một là chỉ bày về Trì và Phạm thuộc Sự và Lý "Chỉ bày về Sự và Lý": Ý ở trì cả hai, dùng Sự giúp Lý, dùng Lý dắt dẫn Sự. Đã ở giai đoạn Mạt pháp thì công là ở Sự trì. Đây là ý của Niết-bàn phò luật. "Lý trì chìm vào nhiễm bất nhiễm": Tâm quán cảnh khác gọi là pháp nhiễm. Cảnh là quán mới gọi là không nhiễm. "Nói các thứ là": Sự tùy theo Lý quán. Tiểu, Đại, Thiên và Viên có đầy đủ như sự giải thích ở dưới.

Hai là "Nếu thiếu sót v.v..." trở xuống là nói về sự được mất của Thiên và Viên, gồm có:

- Thiên, có ba:
- Người, Trời, có hai:

Một là Sự nắm giữ của con người vì tâm chưa thuần nên giống như con vượn bị xiềng xích. "Bưng cái bát đựng dầu": Đại kinh dụ như giữa mọi người đầy khắp cả hai mươi lăm dặm vuông, vua sai một vị quan

bưng một cái bát đựng dầu đi qua đám đông ấy mà không được nghiêng đổ. Nếu đổ một giọt thì sẽ bị chém đầu. Vua lại sai một người rút gươm đi theo vị quan ấy. Vị quan chấp hành sắc chỉ của vua, tuy nhìn thấy năm dục nhưng tâm không tham đắm". Đại kinh dùng hai mươi lăm dặm vuông để dụ cho hai mươi lăm Hữu. Rút gươm dụ cho Vô Thường. Văn này dụ cho phàm phu giữ giới. Rút gươm dụ cho tội của ba đường. Cắt bỏ sự thô của hiện tại, cầu sự nhỏ nhiệm của tương lai là giống như lấy thấp hèn để đổi cao quý.

Hai "Nếu là v.v..." trở xuống là trời, có hai:

Một là sáu tầng trời cõi Dục: Tuy văn nêu lên trời Đế Thích nhưng ý thì bao gồm cả sáu tầng trời.

Hai là "Nếu dứt v.v..." trở xuống là Bát Địa: dùng pháp Sổ tức nhiếp tâm năm dục. Vì sinh Tứ thiền thọ niềm vui của Chi lâm. Cùng cực đến Hữu đẳng như nước cá, v.v... đâu biết Trường Thọ là một trong tám nạn. Nhiếp vào mùi vị của Thiền thì đều là dục nhiễm.

Kế là Nếu ghét v.v..." trở xuống là Nhị thừa, có hai:

Một là Ở Tiểu gọi là Trì: Biết khổ, dứt Tập như kẻ thù như rắn độc. Tu Đạo, chứng diệt như người thân, như châu báu. Chỉ tự điều phục nên đi hẳn. Vì không có bi tâm cứu độ nên không trở lui. Bốn phương và bốn bên gọi là gió tám phương. Hình ảnh ấy ví dụ cho bốn sự trái và bốn sự thuận của người, trời. Tức là Lợi, Suy, Hủy, Dự, Xưng, Cơ, Khổ, Lạc. Tu-di dụ cho tâm Nhị thừa.

Hai là "Nếu nghe v.v..." trở xuống là ở Đại gọi là Phạm. Tùy-lam, Hán dịch là Tấn mãnh (nhanh mạnh). Vào kiếp hoại, lúc ngọn gió này thổi lên có thể phá hủy núi Tu-di. Vì năm trần của hai vùng đất thuộc giới ngoại làm động Nhị thừa. Trong Đại luận nói Ca-diếp nghe tiếng đàn của Chân-ca-la mà không thể tự làm chủ. Ca-diếp liền nói rằng: "Gió tám phương không lay động được núi Tu-di. Nhưng, gió Tùy-lan đến thì nó phá núi Tu-di như phá cỏ mục. Năm dục của ba cõi ta đã dứt bỏ hoàn toàn, chúng không thể làm ta động tâm. Đây là năm dục sạch mầu của Bồ-tát. Ta không thể nào tự an định đối với sự việc này. "Ba thứ Bồ-tát ": Đây là Bồ-tát của Biệt so với Bồ-tát của Viên thì thành phạm; Duyên với Trung đạo của Đản mà sinh tâm ưa thích thuận theo. Nếu y vào Thập hạnh thì lui không nhận lấy Tiểu, lại không tiến lên để cầu viên. Như rơi xuống đỉnh núi nên gọi là Hữu đảnh. "Chiên-đà-la": Hán dịch là Nghiêm xí, là những người làm nghề mổ giết ở Ấn Độ, dùng nghiệp ác để tự trang nghiêm. Lúc đi tay lắc cái chuông nhỏ, cầm cây trúc làm bức nêu. Vì vậy y theo hai đặc trưng ấy mà gọi tên. "Nay

bác bỏ sự giải thích về Đãn Trung”. Đối với Bồ-tát thuộc Viên thì cũng như hạng ác của mổ giết thịt thú. Đã không có phương tiện của hai thứ quán tức Trung thì bị trói buộc bởi trí tuệ thuộc Trung của Giáo đạo. Đã trụ trong vô minh oán thù thì làm sao thắng được. Tuệ của sự tu tập của Biệt không có lợi ích Vô tác, so với sự thanh tịnh rốt ráo thì là pháp dục nhiễm. Thông thường, bác bỏ Biệt giáo phần nhiều là người trụ Hạnh và Thập tín, vì giai vị Hồi hướng có khả năng tu Viên.

Kế là Viên, như sau:

- Chỉ bày về tướng, gồm có:
- Nói về Đắc ý trì, có hai:
- Y theo nghĩa để chỉ bày, có ba:

Một là chỉ bày về Đế quán thuộc chủ thể thanh tịnh: Nhất tâm”: Tâm kiến tư. Quán tâm nhiễm ấy tức là tánh thanh tịnh. Tánh không cạn và hẹp, thấu đến nguồn khe của ba đế. Toàn đế phát quán tức là Không, Giả, Trung. Vì chính là không nên không bị nhiễm ở chỗ ô nhiễm. Vì “Chính là Giả” nên không bị nhiễm ở chỗ thanh tịnh. Vì “Chính là phủ định cả hai” nên không bị nhiễm ở hai bên. Vi “Chính là Chiếu soi cả hai” nên không bị nhiễm ở Trung đạo. Ba đế ba quán chỉ một Sát-na. Chủ thể, đối tượng chẳng khác nhau, Trung và Biên đều thanh tịnh.

Hai là “Chính là không v.v...” trở xuống là chỉ bày ái Kiến được thanh tịnh. Đế quán ở trên đều là Chủ thể thanh tịnh. Nay nói rõ rằng ái kiến mới là đối tượng được thanh tịnh. Chúng ta phải biết rằng đối tượng được thanh tịnh bao gồm trong Thông và Biệt. Phật, Bồ-tát v.v.... là ái kiến thuộc về thuận với đạo. Quán sâu “Chính là Trung” thì ái tự tiêu.

Ba là “Ba v.v...” trở xuống là chỉ bày về ba đế gọi là Tịnh. Thanh tịnh nghĩa là Không. “Rốt ráo không là “phải không cả ba đế để suy nghiệm về chủ thể không, chẳng thiếu ba quán. Vì chủ thể không của không nên sự thanh tịnh này cũng thanh tịnh; đối với Thông chẳng có sự bít lấp.

Kế là “Kinh v.v...” trở xuống là dẫn kinh để chứng minh, có hai:

Một là Dẫn văn kinh.

Hai là “Viên v.v...” trở xuống là hội ý của kinh: Kinh y theo vị trí để nói về trì chỉ có ở quả. Nay y theo Viên quán thì Sơ tâm có thể trì lập tức giới của Phật, quán sự không khác nhau của nhân quả Thật tướng. Nếu không như vậy thì làm sao dùng sự trang nghiêm của Như Lai để tự trang nghiêm?

Kế là “Viên v.v...” trở xuống là nói về Đắc ý phạm, có hai:

Một là Dẫn việc của các kinh, vì đã đạt được pháp môn nhiễm

ái thuộc bản tánh nên có thể bị động ở môi trường của nhiễm thuộc Sự, cũng có khả năng thị hiện ở phép quán của nhiễm thuộc về Lý. Vì phép quán của nhiễm có thể lệ với sự chứng đắc nghĩa Bồ-đề nên nay lược bỏ. Nhưng y theo Hoa nghiêm mà đưa ra tướng nhiễm thuộc về Sự. "Thực hành giới bất nhiễm": là tên gọi của Bồ-tát. "Trước là dùng móc dục để kéo ra": ái dục như móc câu có thể lôi kéo người. Sau đó mới làm cho người bị kéo đạt được pháp giới của Dục, gọi là đi vào con đường của Phật.

Hai là "Đó là v.v..." trở xuống là nói về Lý của Dụng phạm: Chỉ có ba hạng người trên trụ mãi trong pháp môn Vô nhiễm của Tánh nhiễm, có năng lực thị hiện sự tu tập về nhiễm. Vì vậy, họ được gọi là Dục của chẳng phải dục và lại làm cho chúng sinh ngộ được tánh ngay nơi dục, nên được gọi là dùng dục để dứt dục. "Luận lấy Tiêu v.v..." chữ tiêu lẽ ra nên viết chữ tiêu có bộ mộc. Cũng viết là Tiết (cái lược). Thuyết văn nói: "Tiết là tâm", tháo cái nêm ở trước thì phải mượn cái nêm sau. Vì vậy, Tiên sư nói "Dùng nêm để tháo nêm" "dùng âm thanh để dứt âm thanh": Quyển bảy của Đại luận nói: "Ví như vị Tỳ-kheo chấp sự, đưa tay xướng lên nên đại chúng đều yên lặng". Đó là dùng âm thanh để ngăn chặn âm thanh chứ chẳng phải tìm cầu âm thanh.

Kế là "Trước v.v..." trở xuống là kết thúc sự thù thắng. Bốn lần "Lại nữa v.v..." trở xuống là nói về giới nói dối, có hai:

Một là chỉ bày về Sự và Lý. "Hỏi: trong Sự, tội nói dối nặng": Tức là chưa đạt được pháp của bậc Thánh mà nói biết, nói thấy! Nay Pháp môn giải thích đối với chưa chứng đắc nói là đã chứng đắc thì nào khác với Sự. Đáp: Bởi, giới thứ lớp tự biết chưa đạt được Pháp của bậc Thượng nhân nhưng vì nói đối với người khác là đã đạt, nên loại nói dối này trừ người Tăng thượng mạn. Nếu nói dối thuộc lý, nội tâm thật nói rằng đã chứng đắc. Tâm này tăng thượng và khinh mạn đối với kẻ khác là Tăng thượng mạn. Vì vậy, kinh Pháp Hoa nói: "Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tư cho là đã rốt ráo nên không có chí nguyện cầu Bồ-đề Vô thượng. Nên nhớ rằng đó là người Tăng thượng mạn". Nay chưa hiểu về Lý của Viên nên đối với ba thứ giáo của người và trời, mỗi thứ giáo đều tự cho là Thật. Gọi là nói dối cũng là Tăng thượng mạn.

Hai là "Các v.v..." trở xuống là nói về Thiên, Viên, như sau:

- Thiên, có ba:
- Người và Trời, có hai:
- Người, có hai:
- Tướng của nói dối, có hai:

Một là ái: “Khổ bậc thấp”, tức là khổ nhẹ. Khổ của ba đường là nặng. Khổ của nhân gian là nhẹ. Phàm phu không biết, cho đó là an vui. Vì lấy khổ làm vui nên Tiên sư nói “Nghĩ là an vui một cách ngang trái”. Như người có tội của thế gian đáng ra là chết nhưng lại đem ngàn hình phạt để tha mạng. Thật chất của hình phạt là khổ. Vì được toàn mạng nên dưới những hình phạt liên tục ấy lai nghĩ là an vui. Lại nữa, như người bệnh sợ chết nên phải châm cứu. Thật chất của châm cứu là khổ, nhưng vì nói chữa bệnh nên đều nghĩ là an vui. Việc tám thứ khổ thay nhau nung nấu mà lại nói càn quấy là an vui cũng giống như vậy.

Hai là “Dục v.v...” trở xuống là kiến, đầy đủ như Đại kinh. Phàm phu ngoại đạo khinh mạn tự cao, dụ cho cờ phướn dọc. Miệng tuyên bố lời kiêu mạn dụ cho việc đánh trống. Đối với năm ấm, mỗi ấm đều khởi lên bốn chấp. Trong văn chỉ bày sơ lược về sắc ấm. Bốn ấm còn lại có thể dùng sắc ấm làm ví dụ. Câu thứ hai nên nói rằng “Lìa Sắc là Ngã”. Nay nói “Ngã tức là Sắc” là sự nhầm lẫn của văn. Trong Sắc có Ngã tức là Sắc lớn mà Ngã nhỏ. Trong Ngã có Sắc là Ngã lớn mà Sắc nhỏ. “Khởi sáu mươi hai”: Mỗi ấm trong năm ấm đều khởi lên bốn kiến chấp; cộng tất cả là hai mươi. Trải qua ba đời thành ra sáu mươi, quan điểm của họ không ngoài chấp thường và chấp đoạn, nên có sáu mươi hai thứ. Vì những lời nói của họ đều không thật giống như chuyện hài hước nên gọi là Hý luận. Do Hý luận ấy nên chẳng thấy được Chân không, Vì vậy nó phá Tuệ nhãn.

Kế là “Có miệng v.v...” trở xuống là kết thúc sự nêu bày về sai lầm của miệng. Kiến là Vọng tình phát sinh chuyển kế tức là hai lưỡi. Giảng nói về lý của Tà ác tức là ác khẩu. Khéo tô điểm cho lời nói tà tức là nói thêu dệt. Các kiến vốn là tà. Vì lấy tà làm chính để dối gạt người nên nói là nói dối. Thật ra, nói dối có đủ bốn thứ.

Kế là “Ba mươi v.v...” trở xuống là Trời. Phẩm Anh nhi hạnh trong Đại kinh nói: “Như lúc thấy đứa trẻ thơ kia khóc, cha mẹ nó liền lấy chiếc lá vàng cây Dương mà nói với nó rằng: Thôi, con nín đi! Ta sẽ cho con vàng. Đứa bé thấy chiếc lá rồi tưởng đó là vàng thật nên liền nín khóc. Nhưng lá dương ấy thật ra chẳng phải là vàng. Đối với trâu gỗ, ngựa gỗ, rối nam, rối nữ lúc thấy rồi, đứa bé ấy cũng nghĩ là nam, nữ v.v... và liền nín khóc. Như Lai cũng giống vậy. Vì chúng sinh gây ra điều ác nên Như Lai giảng nói cho họ nghe về Thường, Lạc, Ngã, Tịnh xinh đẹp trang nghiêm của cõi trời thứ ba mươi ba; thọ hưởng năm dục trong cung điện đẹp. Chúng sinh nghe rồi sinh tâm ưa thích nên không làm điều ác nữa mà siêng năng làm điều lành. Cõi trời thứ ba mươi ba

quả thật là sinh tử, không có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Vì độ chúng sinh nên phương tiện nói là có. Đại sư Chương An giải thích rằng: "Đó là hợp bốn đức trên cõi trời. Lá dương dụ cho sự luống dối, vì màu sắc ít sáng. Cây Dương dụ cho sự luống dối, thể thường mềm mại. Trâu gỗ, Ngựa gỗ dụ cho sự an vui luống dối, vì có thể đùa giỡn. Rối nam, rối nữ dụ cho cái ngã luống dối, vì giống như người". "Chẳng phải phiền não của ý tưởng nhỏ nhiệm": Kia có mười loại tâm sở phương tiện nhỏ nhiệm".

1. Thọ tức là Thọ của Thức.
2. Tưởng: Tức là Tưởng của Thức.
3. Hành: Tức là hành của pháp.
4. Xúc: Tức là Xúc của Ý.
5. Tư, Tức là Tư của Pháp.
6. Dục: Tức là muốn nhập định, xuất định.
7. Giải thoát: Tức là thực hiện pháp giải thoát.
8. Niệm: Tức là niệm Tam-muội.
9. Định: Tức là Tâm đúng như pháp mà an trụ.
10. Tuệ: Tức là Tuệ căn, tuệ lực.

Kế là Nhị thừa v.v... trở xuống, có hai:

Một là nêu ra tướng của hạnh. "Tranh nhau nhặt lấy ngói, sạn": Dùng để dụ cho trường hợp "Mất ngọc trong ao mùa Xuân" của Đại kinh. Hồ mùa Xuân dụ cho cảnh đắm say dục lạc trần gian của chúng sinh. Mất ngọc dụ cho giải thoát của Viên có tính hôn mê tiềm ẩn. Tin giáo lý Tiểu thừa như đi xuống nước, tu quán như vọng tìm ngọc; Chỉ thấy Thiên chân gọi là rốt ráo, như được ngói sành mà lại cho là ngọc chân thật, nghĩ là được diệt độ an ổn, giống như vui mừng đem lên. Sinh thật ra chưa hết. Vì còn chịu Biến dịch, "Việc được làm chưa hoàn thành": Vì chưa tu tập con đường của Phật. Rời độc mà nói về giải thoát là sự giải thoát của Tiểu thừa. Ngay nơi độc mà nói về giải thoát gọi là Đại Niết-bàn của sự giải thoát tất cả. Đức Phật vì người Tăng thượng chấp đắm ba độc cho là giải thoát nên nói là lìa. Thanh văn trụ trong sự giải thoát ấy mà bảo là giải thoát rốt ráo nhưng thật ra là chưa đạt được giải thoát hoàn toàn. Đó là dùng Tịnh danh đối với văn của Pháp Hoa mà nêu ra tướng nói dối.

Hai là "Chưa được v.v..." trở xuống là kết thành nói dối.

Kế là "Phật v.v..." trở xuống là Bồ-tát, có hai:

Một là Nêu bày hành tướng của Bồ-tát: Đức Phật nói về bốn pháp môn nhưng ý là ở nhất thật. Hành giả của biệt do căn độn nên ai cũng

đều chấp một pháp môn, kia và đây đều cách ngại nhau.

Hai là “Phù v.v...” trở xuống là kết thành nói dối. Thật tướng các pháp lìa tướng nói năng, lìa tướng Tâm duyên. Vì Thể của các pháp hiện hữu cùng khắp, tánh dung thông nhiều và ít. Vậy, lẽ nào chúng ta dùng Không hoặc Hữu v.v... để khẳng định, nói là số của một hoặc hai v.v...? Ngôn ngữ, suy tư của giáo lý này đã sai thì thật lý không sai hay sao?

Kế là Viên, như sau:

Một là Nêu bày về tướng, có:

- Nói về Đắc ý trì, có hai:

Một là Nêu chung về tâm, miệng, Hành giả của Viên căn tánh lanh lợi, nghe nói về Không, Hữu, v.v... là đều biết tánh vốn sẵn có. Vậy, lẽ nào bốn pháp môn của Tánh cụ lại ngăn ngại nhau? Một cửa có đủ ba cửa. Ba cửa khác cũng giống như vậy. Xứng tánh mà quán, xứng tánh mà nói; đã đều là xứng tánh thì vì tánh dứt bặt nói năng, suy nghĩ nên quán tức là không quán và nói tức là không nói. Vì vậy, Cả quán và nói đều Như thật.

Hai là “Như v.v...” trở xuống là giải thích riêng về Tâm và Miệng, có hai:

Một là Nói về vấn đề tâm lìa các tướng mà quán đối tượng được quán không có ngoài, trong. hoặc y theo Tự tha, hoặc y theo căn trần, hoặc y theo tâm pháp, hoặc y theo pháp tánh đối lập với Vô minh; các phạm trù trong, ngoài, cả hai cũng và cả hai đều không v.v... ấy đều thành bốn tướng. Diệu quán đắc giải thoát đều lìa bốn tướng ấy, cũng không dùng pháp quán của bốn tướng để đạt được giải thoát. Tánh không chẳng phải là bốn tướng, chẳng phải không có bốn tướng. Hai hình thức không này gọi là lẫn lộn Thông giáo. Chúng ta phải đặt chân vào lý Viên để phân biệt loại Thiên không kia. Thế nào là Lý của Viên? Đó là các thứ bốn tướng không ngoài Bổn giác. Toàn thể Bổn là Thỉ thì chính cảnh là quán. Vậy, lẽ nào chúng ta lại chấp đắm kiểu một chiều về tánh của bốn tướng và tướng của không có bốn tướng? Chẳng phải hai hình thái không này trở xuống gọi là giải thoát.

Hai là “Như Thật v.v...” trở xuống là khẩu tương xứng với bốn thứ Thật mà nói, có hai:

Một là y theo pháp để nêu bày: bốn câu là thật v.v... cũng là tánh không ở ngoài Bổn giác. Vì giác tánh này là chân không tuyệt đối nên gọi là Thật. Vì áo có đủ duyên khởi nên gọi là Bất thật. Vì hai hình thái ấy không ngăn ngại nhau thành “Cả hai cũng là”. Vì hai hình thức ấy

không có hai tướng nên chính là “Cả hai chẳng phải là”. Vì giác tánh không nghiêng lệch nên bốn tướng đều toàn phần. Thật nhiếp ba câu là một thật thì tất cả đều Thật. Bất thật nhiếp ba, hai câu còn lại cũng giống như vậy. Vì vậy, bốn câu đều gọi là tất cả. Sự giải thích của Viên tuy bàn luận về một câu, nhưng ngoài Một không còn gì khác nữa thì làm gì Có một để nói là không tương xứng với Tánh chân thật của Bổn giác? Vì thế, bốn câu đều được gọi là Như thật thuyết.

Hai là “Kinh v.v...” trở xuống là dẫn kinh để chứng minh. Sơ tâm nói viên không khác với quả. Vì vậy, Tiên sư dẫn Bổn Phật của Pháp hoa để làm chứng. Đức Phật lập Quyền tích và Thật Bổn đều xứng hợp với Chân như. Vậy, làm gì có một câu nào mà chẳng phải thật? Âm thanh mầu nhiệm của Tương tự vị phảng phất dường như tướng bí mật của miệng Đức Phật. Mở bày Tiểu thành Đại, thường dùng âm thanh Như thật của Phật mà nói khiến cho các chúng sinh khi nghe đều được đi vào Thật.

Kế là “Viên v.v...” trở xuống là nói về Đắc ý phạm, có hai:

Một là y theo người thuộc về quả để nêu bày: Vì tuy y theo quả để mở bày nhưng ý lại làm sáng tỏ về hạnh của Thỉ nên nói là người của Viên. “Pháp môn nói dối”. Tức là pháp môn mầu nhiệm khéo léo của tánh đức. “Xứng hợp với nói dối”. Tức là Vô mà nói hữu. Ý nói rằng sự khế hợp âm thầm của mười cõi vốn là nhất thừa, chẳng có tướng khác nhau giữa ba thừa. Vì quyền nên Đức Phật phân biệt mà nói là ba, làm cho các chúng sinh đều vì rốt ráo mà tự mong cầu sự chứng đắc, mau ra khỏi sinh tử. Như không có ba thứ xe mà nói có ba thứ xe khiến cho các đứa con ưa thích thú vui và nô đùa tranh nhau ra khỏi nhà lửa, Cõi trời không có hạnh phúc thường hằng mà nói có hạnh phúc thường hằng giống như dùng lá vàng dụ cho đứa trẻ nín khóc. Đó đều là dùng Pháp môn nói dối một cách khéo léo để làm việc lợi ích.

Hai là “Kinh v.v...” trở xuống là dẫn kinh để chứng minh: Trong kinh các pháp Vô hành, lúc Văn-thù nói về pháp môn bất động tướng xong,có hàng muôn vị trời trong hư không khen ngợi rằng: “Bạch Thế Tôn! Văn-thù gọi là Vô ngại Thi-lợi, Bất nhị Thi-lợi v.v...” Văn-thù nói với các vị trời rằng: “Hãy thôi! Hãy thôi! Này các vị trời! Các ông không nên chấp đắm sự phân biệt. Ta chẳng thấy các pháp Thượng, Trung, Hạ. Ta là Thi-lợi tham dục v.v...”. trích dẫn đầy đủ thì như bản sớ ngày nay. Các vị trời chỉ lấy pháp môn Tánh thiện để khen ngợi Văn-thù. Vả lại, lẽ nào Đãn trung của Biệt giáo lại chẳng phải là tánh thiện? Nếu phải dứt trừ chín căn đó mới chứng đắc thì đó là thấy có Thượng,

Trung và Hạ đối với pháp. Vì Văn-thù muốn làm sáng tỏ lý Viên đốn có đủ thiện ác và đều là pháp giới nên đặc biệt dùng ba độc để gọi. Nhưng ba độc v.v... tuy đều là Tánh cụ, chẳng khác mà khác. Đều là quyền của Thật, đều là pháp phương tiện mầu nhiệm. Vì vậy mỗi câu so với Thật mà nói là chẳng đúng, thành nghĩa nói dối. Tuy là nói dối nhưng đều là tánh Pháp môn sẵn có. Sự giảng giải của quan điểm ngày nay là vừa nghe về giả của người là liền nói chẳng phải tính. Tôi biết rằng người ấy chưa sinh khởi được sự giải ngộ về Viên.

Kế là “Đem v.v...” trở xuống là nói về ý nghĩa của Phạm: Giống với đoạn “Dùng nêm để tháo nêm” ở văn trước.

Kế là “Trước v.v...” trở xuống là kết thắng. Năm lần “Lại nữa v.v...” trở xuống là nói về giới uống rượu, có hai:

Một là Chỉ bày về sự lý.

Hai là “Phù v.v...” Là nói về Thiên, Viên, gồm có:

- Người và Trời, như sau:

- Rượu thuộc sự ở cõi người, có hai:

Một là y theo giáo lý để nói về lỗi. Ba mươi sáu điều sai là xuất xứ từ kinh Sa-di giới. Đại luận chỉ nói ba mươi lăm lỗi. Kết thành bài tụng rằng: “Tài sản mất vời bệnh (3). Lõa lồ, xấu phơi bày (2). vô trí, được là mất (2). Nói giấu, phá sự nghiệp (2). Lúc tỉnh sầu, thân yếu (2). Sắc hoại, khinh cha mẹ (2). Sa-môn, Bà-la-môn (2). Và chú bác tôn trưởng (2). Không kính Phật, Pháp, Tăng (3). Gần kẻ ác xa hiền thiện (2). phá giới, không hổ thẹn (2). Không tình cảm, theo sắc (2). Người ghét, thân thuộc bỏ (2). Làm ác, bỏ pháp lành (2). người trí không kính tin (1). Xa Niết-bàn, cuồng si (2). Khi chết đọa đường ác (1). Làm người thường ngờ nghệch (1) rượu có ba mươi lăm lỗi là nói trong Đại luận có việc này.

“Năm trăm đời không có tay”: Kinh Phạm Võng nói: “hoặc là Phật tử, hoặc tự tay đem rượu cho người uống thì suốt năm trăm đời không có tay. Huống chi là tự mình uống”. Phục, giấu đều là ẩn. Vì tự nói điều kín đáo nên gọi là phát.

Hai là “Sai v.v...” trở xuống là tố cáo người tôn sùng. “Dẫn mãn”: Phú của Tả tư, Thục đô đời Tấn viết: “Hợp chén thúc chiếu. Dẫn đầy phạt nhau. Vui uống đêm nay. Một say nhiều tháng” Chú: Vì cuộc rượu sắp tàn nên cùng hợp chén uống rượu, kép chiếu lại gần. Dẫn là nắm giữ. Giữ cho đầy để phạt nhau. Vì rượu nồng, niềm vui cực độ nên say lụy cả tháng.

Tam quốc chí: Thượng thư nước Ngụy là Từ Mạc lén uống rượu

đến say khướt. Lúc đó, đang cấm rượu. Hiệu úy Triệu Đạt hỏi về việc của Tào hỏi. Từ Mạc nói: "Đạt là Thái tổ của Bạch". Thái tổ rất giận. Tướng quân Tiển Vu Phụ vượt qua Từ Mạc, tiến lên nói: "Tuy khách nói về rượu rằng: "Trong sạch là bậc Thánh, nghèo cùng là hiền nhân tánh của Mạc vốn cẩn thận, lời nói ấy tình cờ vì say mà nói". Cuối cùng Từ Mạc được khỏi tội.

Đời Tấn, Tất Trác làm Sử bộ. Nhà bên cạnh gầy rượu đã chín. Sau khi Trác say, đêm ấy lại ăn cắp rượu dưới vò mà uống. Người giữ rượu bắt trói. Sáng mai mới biết là Sử bộ họ Tất. "Tự ký tên là Tửu đồ": Tức là lấy Tửu đồ làm hiệu. Như Nguyên Kết đời Đường tự xưng là Tửu đồ. Bì Nhật Hưu tự xưng là loại Túy sĩ.

Tam Quốc Chí: Thái Trung Đại phu nước Ngô là Trịnh Tuyền, tự là Văn Uyên, người ở quận Đông. Ông là người học rộng, có chí lạ, tánh thích uống rượu. Đến lúc mất, ông nói với mọi người rằng phải chôn ta bên cạnh nhà làm đồ gốm. Khoảng một trăm năm sau thân thể ta biến thành đất, họ sẽ lấy đất ấy để làm bình đựng rượu.

"Trúc Bạch ghi chép": Sử chí đều ghi những việc ấy. Đời xưa ai cũng đều ghi lời nói việc làm trên thẻ tre, thêu vào lụa là vì chưa có giấy. Đời sau gọi là Cố thật. Vì vậy, Gọi Sử tịch là tre, lụa. "Xưa nay ca hát": Người xưa nay không tố cáo sự sai lầm của rượu mà lại thường làm nhạc, làm thơ để khen ngợi nó. "Không nên làm mà làm": Bậc Thánh Dẫn mãn. trong là việc trong bình rượu của tửu đổ đều là say xưa, buông lung. Sự sai lầm của rượu quả là rất lớn.

Sự khuyến cáo, răn đe về rượu trong thượng thư vô cùng rõ ràng, vậy mà bốn kẻ Hiền ấy làm ngược lại. Đó là việc mà người quân tử không nên làm mà làm. "Không nên hát mà hát": Người hiền xưa nay lẽ ra nên chỉ trích lỗi lầm của rượu, vậy mà họ lại dùng lời ca, thơ phú để khen ngợi nó. hoặc làm, hoặc ca hát, nếu chẳng phải là lỗi lầm của rượu thì là của ai?

Kế là "giải thích v.v..." trở xuống là rượu hoặc của ba cõi, có hai: Một là Chỉ bày riêng, có hai: Một là Dẫn luận để nói về say thuộc kiến, tức là văn quyển tám của Thích luận. Vua tức vua ở nước Nam Thiên Trúc.

Lừa dối: Nhĩ Nhã nói: Lừa dối tức là cuồng. Chữ Chu-Trương do phản.

Kế là "Lại v.v..." trở xuống là y theo dụ để nói về vấn đề say thuộc ai?

Kế là "ba v.v..." trở xuống là tổng kết.

Kế là Nhị thừa, có hai:

Một là Đoạn thông, Theo Biệt để nói về chủ thể say. “Chín mươi tám Sử”: Kiến hoặc có tám mươi tám tư hoặc có mười, “Bốn Trụ”: Kiến thuộc ba cõi hợp thành kiến trụ. Tư thuộc ba cõi, làm Tam Trụ địa. “Chưa nhổ hết gốc Vô minh”: Tức là dụ rượu với hoặc. “Người nửa sốt rét”: Bốn trụ đã dứt, nhưng Vô minh vẫn còn. Nửa lành nửa bệnh như người bị sốt rét. Đây cũng là dụ ở Đại kinh.

Hai là gồm phàm bác Tiểu để nói về cái mê. “Dẫn người say trở về”: Nghĩa là Đức Phật dẫn người say để dụ cho sự trở về Nhị thừa. Nghiên cứu trong phẩm Ai Thán, ta thấy các Tỳ-kheo nói ví dụ say để dụ cho phàm phu trôi lăn thấy vô thường là thường như người say. Vì Tiểu thừa tu tưởng vô thường nên như người tỉnh. Đức Phật liền dùng dụ ấy để ví dụ cho Tiểu thừa. Nghĩa là đối với Chân thường mà lại thấy là vô thường tức là nghĩa của say. Vì vậy, Tiên sư mới dẫn văn say quay về. Người hợp làm văn. “Thế gian v.v...” trở xuống là văn từ tỉnh lược. Bốn đảo, bốn đức mỗi loại đều nêu lên hai để làm sáng tỏ lẫn nhau.

Kế là Bồ-tát, có hai:

Một là y theo Giáo đạo quán đều gọi là Không hoàn toàn, có ba:

Kế là Pháp. Sự đạt đến cùng cực của Biệt giáo chỉ phá mười hai phẩm Vô minh. Vì vậy, đối với Phật tánh, sự thấy không rõ ràng. Lại nữa, từ sơ tâm không biết năm trụ tức là Pháp giới, không gọi là Phật pháp, là hạnh Bồ-tát. Vì vậy, không có được sự thấy biết trọn vẹn đối với Phật tánh.

Kế là “Như v.v...” trở xuống là dụ. Thông thường, nêu năm việc xong xuôi để dụ cho sự thấy tánh không được trọn vẹn. Tàu buồm tức là thuyền lớn. Dụ này xuất xứ từ Đại kinh. Nhưng cả mười ví dụ kia đều dụ đối với Viên. Vì phân chia lược bỏ cùng cực nên nói là “Thấy hoàn toàn không trọn vẹn”. Nay dụ cho Biệt là có hai ý.

Một là Quả cùng cực của Biệt giáo chỉ ngang với hạnh thứ hai của Viên giáo. Vì vậy, Thấy hoàn toàn không trọn vẹn.

Hai là Tức là hai giáo lý đồng đắc ý, đức của nó là Đãn trung thuộc Thất ý. Nay vì y theo Thất ý nên dùng để dụ cho Biệt. Mười Dụ ở kinh Như Lai tạng cũng như vậy. Chỉ quán tại Biệt, Thập lục quán sớ giải mà lại sáng tỏ ở Viên.

Kế là “Như v.v...” trở xuống là hợp. Hai là “Vì vậy v.v...” trở xuống là nói ngoài sự giải thoát của Viên, tất cả đều gọi là tà kiến, vì chưa đạt được Chánh kiến của Trung thuộc về Viên.

Kế tiếp là Viên, như sau:

- Nêu bày về tướng, gồm có:
- Chỉ bày rõ về hành tướng, có hai:
- Đắc ý trì, có hai:

Một là Vì xứng tánh mà quán nên được gọi là tỉnh ngộ. Ý của đoạn văn này là dùng quả đức mà làm hạnh của Thỉ một cách tức khắc, thấu suốt. Nếu chúng ta không nhận thức rõ ràng về thức thứ sáu là tánh ác thì làm sao hàng Sơ tâm tu tập được hạnh Như Lai tức là quán ngay kho bí mật? Mắt thường chính là Phật, không bao giờ thay đổi phép quán mà thấy Mâu-ni bình đẳng với Diệu đức. Đại sư Kinh Khê chỉ bày đích xác là phải nghe tánh ác mới tu tập tánh hạnh, không thể xem thường lời ấy.

Hai là "Là v.v..." trở xuống vì chế phục tròn đầy nên gọi là pháp trừ rượu. Chánh và Tập của năm trụ cùng ở trong một niệm. Chính hoặc là quán, ngoài quán không có Cảnh v.v... như mặt đất bị lật thì làm sao cây cỏ tồn tại được. Cũng như ánh sáng mặt trời không thể ở chung với bóng tối. Vậy pháp của rượu nào mà không dứt trừ được? Người ấy trì giói khinh, trọng, v.v... thuộc về Sự, cùng thực hành với giới thuộc về lý ở trên trong từng niệm mới được gọi là rốt ráo.

Kế là "Viên v.v..." trở xuống là Đắc ý phạm, có hai:

Một là Nói về vấn đề vì có trí lớn nên say thuộc về Lý. Thế nào gọi là Trí lớn? Đó là trực nhận về nhân quả của Chín cõi thuộc Tánh cụ. Vì vậy, Tiên sư gọi là Pháp môn uống rượu. Chân không thật tướng như luận Khởi Tín nói: "Một là tánh Chân như có hai thứ đức. Một là Như thật bất không. Vì thể của nó có đủ hằng sa số cùng đức, không thiếu sót một điều gì". Vì giữ gìn tất cả sai lầm nên không giống như cái bình. Vì đức dụng không ngăn ngại nên không giống như rượu. Nhưng hằng sa tánh đức tức là Pháp môn Viên dung của mười pháp giới. Chín cõi chính là Phật thành ra tướng trì ở trước. Cõi Phật chính là chín thành tướng phạm của hiện nay. Vì vậy, tướng Phạm nói: "Biến hóa năm đường, tuyên dương gầm, rống". Việc làm ấy như cái dụng của say rượu.

Hai là "Sáng v.v..." trở xuống là nói rõ vì có đại bi nên say thuộc về Sự. Ba-tư-nặc, Hán dịch là Hòa duyệt (Vui hòa). Sau khi uống rượu, việc đáng chết mà phán định sống nên gọi là nhiều ân đức.

Mạt-lợi là Chánh hậu của vua Ba-tư-nặc. Vua thường sân hận muốn giết người làm bếp. Các quan bàn với nhau rằng trong nước chỉ có người ấy, nếu giết rồi thì sẽ không có người biết làm bếp hợp với ý vua. Lúc ấy, hoàng hậu Mạt-lợi liền bày biện rượu thịt ngon. Bà tắm gội bằng hương thơm nổi tiếng, điểm trang thân thể, đem các kỹ nữ đi

đến nơi ở của vua. Vua thấy hoàng hậu tâm sân liền biến mất. Hoàng hậu liền phái người dối truyền sắc chỉ của vua là không giết người làm bếp. Sau này vua Ba-tư-nặc đem việc ấy hỏi Phật: "Hoàng hậu là người giữ năm giới, mỗi tháng ăn chay sáu ngày, trong một ngày mà phạm hai giới là uống rượu và nói dối. Trong tám giới thì phạm đến năm giới. Đó là ăn quá ngọ, trang phục hương hoa, làm việc ca xướng, nằm giường cao rộng, uống rượu và nói dối. Vậy tội phá giới ấy là khinh hay trọng? Đức Phật nói: "Phạm như vậy là có công đức lớn. Vì sao? Vì là việc lợi ích! Xuất xứ từ kinh Vị Tằng Hữu quyển hạ. Đi vào quán rượu, tức là Cư sĩ Tịnh danh. Ba người trên đều là người ở vị trí cao, đều trụ ở pháp môn quyền phương tiện khéo léo của tánh ác nên đối với trì, Phạm mà có được sự tự tại, chúng ta không thể chỉ đem vấn đề từ niệm để giải thích. Nếu không có tánh nhiễm thì lẽ nào lòng từ lại là Vô duyên?

Kế là "Phù v.v..." kết được, bác bỏ mất: Nếu đạt được cái cửa của thiện ác thuộc tánh cụ thì nghịch thuận gì cũng đều đảm đương được. Mất cái cán quan trọng ấy thì dù trì hoặc phạm đều sai, như cầm lưỡi dao tự hại mình. Vấn đề quan trọng của được và mất chúng ta chẳng thể không thấu đáo.

Kế là "Trước v.v..." trở xuống là kết thúc về hơn: Nếu thiện ác đối đãi chia đường rẽ lối thì lẽ nào say và tỉnh lại là một? Chư Phật đã thể nhập cùng tận thì lẽ nào lại có sự nghiêng lệch?

Kế là "Phép quán trên v.v..." trở xuống là giải thích về quán tâm. Lẽ nào giới thuộc lý do sự luận bàn của Viên lại chẳng phải quán tâm. Nhưng vì văn trước là giải thích theo Giáo, mục đích chính là vì khai mở sự giải thích. Nay rút lấy một niệm tâm của người giữ năm giới thành tựu ở quán tâm; chính vì, lập hạnh ngay ở sự nghe mà tu. Môn sự tu phát thì người nói nên trao. Nếu không như vậy thì đến châu báu nào có lợi ích gì? Vấn đề này được chia làm hai:

Một là Phụ kèm với câu hỏi về Đế trí ở trên. Sự quán sát bốn Đế ở trên, mỗi phép quán đều phát ra giác biết nên nói là bốn Đức Phật. Nay nói về năm giới cũng có thể quán để thành năm Đức Phật hay không? Ý của câu hỏi là như vậy.

Hai là "Quán năm v.v..." trở xuống là y theo giới thể của nay để đáp. Nếu quán năm giới là Thật tướng của năm giới là cảnh được quán, cảnh của năm giới phát hiển trí gọi là năm Đức Phật. Thật tướng vô tướng mà còn khó nói là một thì lẽ nào lại chắc chắn là năm? Do phụ với năm giới, mỗi giới đều thấy thật lý nên dường như chia làm năm. Thật lý là gì? Đó là Bổn giác. Vì giác thể này vô duyên từ nên gọi là

Bất sát. Không lấy nên không trộm cắp. Không nhiễm nên không dâm dục. Vì chân thật nên không luống dối. Vì hiểu rõ nên không uống rượu. Nay, hành giả của Viên dùng ba đế vượt ngoài thuận tánh để tu về Từ. Cho đến quán thuận tánh tu về Trí. Nói thì như vậy nhưng tu thì đồng thời, cho nên được gọi là quán Thật tướng của năm giới. Quán nối nhau thì toàn thể bản giác phát triển thành Thỉ giác gọi là năm Đức Phật. Danh tự quán, năm quán hạnh đã dứt trừ đều được gọi là phát.

Kế là "Tiếp theo v.v..."trở xuống là giải thích về văn của phiền não như sau:

Một là Phân tiết để nêu văn kinh.

Hai là "Trên v.v..." trở xuống là đối biện thượng và hạ, gồm có:

- Đối thượng hạ định thể, có hai:

Một là Đối quả báo ở trên nói về nghĩa tiện lợi: Báo phần nhiều y theo Sắc. hoặc thì chỉ ở tâm. Vì vậy, Tiên sư nói "Nghĩa tiện lợi".

Hai là "Báo v.v..." trở xuống là cùng với nghiệp hạ mà nói về sự thể khác nhau, có hai:

Một là Khởi câu hỏi: Vì danh từ nghiệp Tham, Sân, Si trong mười điều ác giống như phiền não, làm sao phân biệt được?

Hai là "Số v.v..." trở xuống là giải thích chung, có hai:

Một là Dẫn số người để giải thích.

Hai là Cùng là số người nhưng dùng nhẹ nặng để phân chia đối với hoặc nghiệp.

Kế là sự giải thích của sự ngày nay, có hai:

Một là y theo tâm để nêu bày: Tâm v.v... chắc chắn phát động thân miệng, chiêu cảm quả báo gọi là Nghiệp; Vì dị phiền não không quyết định.

Hai là "Nếu v.v..." trở xuống là nhân sự nêu bày mà sinh nghi, có hai:

Một là nghi: nếu chắc chắn tâm phát động thân miệng gọi là nghiệp, sao xấu v.v... là cảnh bên ngoài, sao lại gọi là Nghiệp chướng? Nay chỉ bày về thể của Túc nghiệp. dưới sẽ nói về tướng của túc nghiệp. Nếu nói về lúc làm khởi thì lẽ nào lại không phải là Tâm, Sắc?

Hai là "Nếu v.v... trở xuống là đối thượng hạ nói về Chuyển. Hai chướng ở nhân, vì vậy dễ chuyển. Vì chướng của quả báo đã thọ nên khó chuyển. Nếu khó mà lại chuyển được thể thì phải dứt bỏ.

Kế là "Chung v.v..." trở xuống là y theo văn để nêu bày tướng! Gồm có hai:

Một là chung, Riêng: nói về chung thì có thể thấy. Nếu nói riêng

thì kiến hoặc chấp ngã ái chỉ là chấp về Sự. Hai thứ hoặc này đều có đủ ba độc. Ba độc của chấp ngã nếu không được toại nguyện thì sợ có nhiều lo buồn. Ba độc thuộc chấp đắm về Sự đã không chấp ngã, nhưng chỉ sợ không toại nguyện thì chắc chắn không lo buồn.

Hai là "Nay v.v..." trở xuống là chỉ cho rộng: Ký lục của Đại sư Chương An không thể nói rộng về tướng kiến tư. Từ đây về sau người giảng sẽ nói từng vấn đề. Cho nên Tiên sư chú "v.v...".

Kế là "Ba sự phá v.v..." trở xuống là giải thích nghiệp chướng, có hai:

Một là chia tiết kinh.

Hai là giải thích nghĩa, có ba:

Một Định văn là nghĩa: Nghiệp đã làm sắp chiêu cảm ác báo. Vì vậy, có tướng khác để nói lên việc ấy. Nghiệm thì biết rằng câu này nói về nghiệp chướng.

Hai là "ác v.v..." trở xuống là giải thích khái lược về văn kinh. "có khách tinh riêng": Vì năm tinh tú, hai mươi tám vì sao thường xuất hiện thì không phải sao xấu. "Cũng là v.v..." trở xuống là y theo tinh tú thường hằng: Mất hành độ thứ lớp của tinh tú cũng gọi là sao xấu. "Một phương có bảy": Giác, Kháng, Thị, Phòng, Tâm, Vỹ, Ky. Phương Đông có Thương long Thất Tinh. Phương Bắc có Huyền vũ thất tinh, Khuê, Lũ, Vi, Mão, Tất, Chủy, Sâm. Phương Tây có Bạch hổ thất tú. Đông tỉnh có quỹ liễu thất tinh. Trương, Dực, Chẩn. Phương Nam chu điểu thất tú. Thông thường, vì sao của bốn phương đều là số nghịch. Tú âm là Tú về "Mất phần dã": Chu quan nói: "Thiên tinh đều có phận dã của cả quốc gia. Giác, Kháng, Thị là Duyên châu. Phòng, Tâm là Dự châu. Vỹ, Ky là U Châu. Đẩu khiên ngưu, Vu nữ là Dương châu. Hư, Nguy là Thanh châu. Doanh thất, Đông bích là Tịnh châu. Khuê, Lũ, Vị là Từ châu. Mão, Tất là Dực châu. Chủy, Huề Sâm là Ích châu. Vinh hoặc là Hỏa tinh. Hán Thư Âm Nghĩa chép: "Tinh tú yêu mị gọi là Bột tinh, Cửu tinh, Trường tinh. Cũng gọi là Sàm trưởng". Thích danh nói: "Ánh sáng kéo dài giống như cái chổi. Ý nói rằng ánh sáng của nó loang loáng tựa như cái chổi đang quét. Lại giống như đang mải mê nên còn gọi là Ma Chửu". Tả truyện: Thông thường, lửa người gọi là lửa. Nước trời gọi là Tai". Nay chỉ lấy sự trái thời tiết của gió, mưa, tuyết, sương mà đều gọi là Tai. Pháp tà là nói về kinh sách của ngoại đạo. "Cổ đạo" giải thích theo Sư thì đó là trên quỷ độc hại đối với người. Cổ là loài vật hại người. Thuyết văn nói Cổ là Cổ trong bụng. Lăng-nghiêm nói: "Tham, Sân là tội, tội người ấy hết rồi gặp Trùng giới hình gọi là Cổ

độc quỷ”. Giải theo Lý thì đó là ba độc của tự tâm gọi là Cổ. Loại cổ này thường hại thân trong trăm, ngàn, muôn kiếp. Pháp thân tuệ mạng là đối tượng bị nó làm hại mãi mãi, so với sự làm hại của quỷ thì quỷ độc rất ít. Thân hình, âm thanh hôi thối xấu xa, ai thấy nghe đều sợ hãi. Không thích ý là không vui hòa.

Ba là “Phù v.v...” trở xuống là khuyên chánh tín, có hai:

Một là nói về tướng thấy, biểu thị cho năm tội, có hai:

Một là y theo văn hiện nay để biểu thị. Thân, Lý tức là thân thiết, kiện tụng đấu tranh. Ngay trong tối tăm bị gia hại bởi pháp vua. U gọi là cảnh tối tăm.

Hai là“Kỳ v.v...” trở xuống là thông lệ cho các tướng khác cũng giống như vậy.

Hai là “Hành v.v...” trở xuống là răn đe hành giả hỏi với thầy tà. Lễ ký nói: “Rùa gọi là bói, Thi gọi là Đồng bóng. Bói và con đồng là để giải quyết sự nghi ngờ, định sư do dự”. Nay nói rằng “Bẻ cật tre”, Cật tre là nói đến Cật trúc. Tức là đếm cỏ thi, lấy quẻ, bẻ cật trúc làm văn. “Quản Công Minh”: Người đời Ngụy, tên là Lộ, Tự là Công Minh. Ông là người bói, hỏi đồng giỏi. Những người đến nhờ bói đều hiệu nghiệm. Nếu biết rằng quả báo ác là do tội mà kết, tội lại do tâm. Nếu sửa tâm cho chính đáng thì tội báo tự tiêu sạch. Không tu tập đức bên trong thì bói và hỏi đồng để làm gì? Ngô Thị Xuân Thu nói: “Lúc Tống Cảnh Công có sao Huỳnh hoặc trong tâm. Ông ta cho gọi Tử Vỹ đến hỏi lý do. Tử Vỹ nói: Đại vương sắp bị họa. Tuy thế, cũng được chuyển đến chỗ vị Tể tướng. Ông ấy nói: Tể tướng là người được sửa đổi cho quốc gia. Có thể thể dời sang người dân. Ông ấy nói: Nếu dân chết thì quả nhân làm vua với ai đây? Ai cho rằng ta là Vua? Tử Vỹ nói: Lời nói của Đại vương có ba điều chí đức. Như vậy, chắc chắn trời sẽ phù hộ cho Đại vương. Huỳnh hoặc phải dời đi ba nhà. Mỗi nhà phải đi chừng bảy dặm. Một dặm mất một năm. Như vậy, Đại vương sẽ kéo dài tuổi thọ thêm hai mươi mốt năm. Quả thật, Huỳnh hoặc dời ba nhà”. Huống chi người có thể nội quán pháp tánh, đạt được vốn không, bình đẳng giữa chúng sinh và Phật ở trong tâm, khởi từ bi nơi pháp giới thì lo gì sự biến động của sao xấu không bị diệt. Vì vậy, ở đoạn văn kế Tiên sư nói về phương pháp.

Kế là “Từ v.v...” trở xuống là nêu phương pháp: Nếu y theo sự khai mở đầu tiên thì chia làm bốn chương. Ở đây hợp với phương pháp năng phá thứ ba. Nay y theo trùng khoa.

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 2
(Phần cuối)

Từ "Các căn không đủ v.v..." trở xuống là trình bày về phẩm Không. Văn chia làm hai:

Một là ba bài rưỡi là nói về điều ác bị dứt bỏ. Tức là văn nói về ba thứ chướng. Hai bài rưỡi tiếp theo là nói về phương pháp năng phá. Tức là văn hiện nay. Nhưng, giải thích xong một bài rưỡi, Tiên sư lại y theo khai chương đầu tiên lấy một bài cuối làm bốn sự kết thành. Nhưng lấy nghĩa thành phân chương mà chia như sau:

Một là Chia kinh lập ý để thuận với trùng khoa nói là: "Năng không".

Hai là "Trước v.v..." trở xuống là y theo ý để giải thích kinh, gồm có:

Một là Lập ý. Nhương tức là tạ. Lại, trừ tai ương là tế.

Hai là "Tẩy v.v..." trở xuống là giải thích kinh, có hai:

Một là Giải thích về ba câu trước: Vì muốn biết trí ở tại lời nói nên lấy việc nghe kinh làm Bát-nhã. Lại nữa, vì nghe kinh có trí tuệ, vì tâm có nhiễm ô nên dụng không tự tại. Nay đã thanh tịnh nên thành tựu sự giải thoát.

Hai là "trước khiến cho v.v..." trở xuống là giải thích ba câu sau: Cảnh của dốc lòng tức là hành xứ sâu xa. Nếu không nghĩ đến nơi ấy thì làm sao được gọi là dốc lòng?

Kế là "Phù v.v..." trở xuống là khuyến tín, có hai:

Một là y theo thân để trình bày về loại. Ba nghiệp đời nay là thân của biểu pháp. Nó vốn là thân máu huyết không sạch, kế là nêu lên hai ví dụ là gỗ thơm Chiên-đàn và Cây Y-lan có mùi hôi. Đại kinh nói rõ trường hợp vua A-xà-thế gây ra tội. Sau khi được thấy Phật, tội được tiêu trừ nên vua liền tự bày tỏ rằng: "Con thấy ở thế gian, từ hạt Y-lan mà sinh ra cây Y-lan, chứ chưa hề thấy Y-lan mà mọc cây Chiên-đàn. Hôm nay, con mới thấy từ hạt Y-lan mà sinh ra cây Chiên-đàn. Hạt Y-

lan là con. Cây Chiên-đàn là Vô căn tín trong tâm con".

Hai là "Nay v.v..." trở xuống là y theo hạnh để mong cầu. Tuy ba nghiệp là gần mà ba đức là xa, nhưng nếu hành giả tu đúng khuôn phép thì sẽ thành tựu cái xa ngay nơi cái gần. Quy (hình) tròn, Cũ (hình) vuông. Mạnh Tử nói: "Thợ giỏi dạy người phải dùng khuôn phép".

Kế là "Tẩy v.v..." trở xuống là Hạnh thành phá được chướng. Nếu đối với tắm gội v.v... mà không có sự quán sát của ba đức thì làm sao từ tạ tội ác của ba chướng?

Kế nữa là "Tự là v.v..." trở xuống là kết thành, có ba:

Một là Phân tiết để chỉ bày văn kinh.

Hai là "Năng v.v..." trở xuống chính là giải thích nghĩa kinh.

Ba là "Tịch v.v..." trở xuống là nói chi tiết về ý kinh, có bốn:

Một là Y theo văn hiện nay để chỉ bày về pháp: Tịch diệt là âm Hán. Niết-bàn là tiếng Phạm. Danh từ Niết-bàn mời gọi thể của ba đức. Vì vậy, chúng ta biết rằng Tịch diệt là sự thành tựu của ba đức.

Hai là "Trước v.v..." trở xuống là y theo hạnh thành thì đức hiển. Ba nghiệp đã tu tập hạnh của kinh Kim Quang Minh, thành trì khế hợp với lý của ba đức. Tu ở Danh tự quán hạnh tương tựa, đến giai vị phần chân đều đạt được gọi là chuyển chướng thành đức. Nếu không như vậy thì lẽ nào lại nói là thực hành kinh Phương đẳng?

Ba là "Báo v.v..." trở xuống là nói về sự chuyển chướng thành đức.

Bốn là "Trước gửi v.v..." trở xuống là nói kinh khéo léo khó hiểu được.

Kế là nói về lưu thông nói rõ giáo tướng: Sớ chỉ đại lược ở trên.

Kế là Nói về niệm nghi, có hai:

Một là Giải thích tựa đề của phẩm Thọ Lượng.

Hai chính là giải thích, có hai:

- Y theo ba vị Phật khó suy nghĩ để giải thích như sau:

Một là Phật vốn không có ba, chẳng những chỉ có Phật thuộc về pháp thân chẳng có thân, tuổi thọ mà ngay cả Báo và Ứng cũng không thể nói là ba. Vì, tất cả các pháp lìa tướng danh tự, nói năng.

Hai là "tùy thuận v.v..." trở xuống là tùy thế gian mà lập. Nếu chúng sinh có nhân duyên được lợi ích thì chư Phật liền tùy theo thế gian mà lập ra các danh, tướng. Chẳng những chỉ có Đức Phật thuộc Ứng thân là có lập ra thân và tuổi thọ mà ngay cả Pháp thân và Báo thân cũng có thể nói về ba loại này. Chúng ta phải biết rằng dầu không có ba nhưng không thể bớt một pháp nào. Tuy lập ra ba nhưng ba cũng

không làm tăng thêm một pháp nào. Bởi hữu và Vô đều là Pháp giới. Vì vậy, Chân thì không, tục thì có, chân thì có, tục thì không, đều là Tất-đàn, đều làm cho ba thân đạt được bốn lợi ích. Văn ở đây chia làm hai:

Một là nêu ba thứ thân, mỗi thứ đều có ba thân.

Hai là giải thích ba Đức Phật, ba nghĩa, có hai:

Một là y theo nghĩa để phân biệt, có hai:

Một là Y theo tính chất dùng nhiếp, chính là của lý mà lại theo hai của tu, một của tánh khiến cho nghĩa dễ sáng tỏ. Pháp là Bổn giác, Báo là Thỉ giác. Thỉ Bổn hợp nhất mới có dụng của Ứng. Nói lượt đầu thì dường như Dọc. Người nói thì nên dùng đoạn văn chẳng phải Dọc, chẳng phải Ngang của tính chất dung nhiếp khéo thể hội ý nghĩa này. Đoạn văn “Khiến cho người nghe biết được ba thân viên mãn” gồm có:

Một là “Pháp thân v.v...” trở xuống là Đức Phật của Pháp, có hai:

Một là Giải thích riêng, có ba:

Một là Thân: Trí thuộc quả báo của Thỉ giác y theo Bổn giác mà thành. Vì vậy, Tiên sư dùng Pháp tánh làm thầy, nghiên cứu đến cùng cực thì Thỉ và Bổn vốn chỉ là một giác. Vì vậy, “Lại lấy pháp tánh làm thân”, cho nên ngài Mã Minh quy mạng Tam bảo. Tức là lấy thân Phật và Thể tướng v.v... làm pháp bảo. Các thứ thân ấy chẳng phải là thân được thu nhiếp bởi ba khoa là phần đoạn, Biến dịch, Sắc chất và Tâm trí. Chúng là do sự tu tập của các pháp năm ấm, v.v... thuộc thường trụ. Pháp này chẳng có tướng, chẳng thể nói khai thí. Vì chúng sinh nên Đức Phật gắng gượng gọi là Pháp thân.

Hai là “Pháp tánh v.v...” trở xuống là nói về thọ lượng: Sắc và tâm hòa hợp liền có quả báo tuổi thọ được giữ gìn nối tiếp. Thân đã chẳng phải ấm thì lẽ nào lại có mạng căn? Vì vậy mà gắng gượng chỉ bày rằng không dời đổi là tuổi thọ.

Ba là “Tuổi thọ này v.v...” trở xuống là nói về Lượng: Vì lượng y theo thân và thọ nên cũng đồng với sự gắng gượng.

Kế là “Đây tức là v.v...” trở xuống là giải thích chung. “Thân, Thọ và Lượng ở trên nói là chẳng phải là không vô”: Nếu y theo văn tiếp theo thì nghĩa hợp với “Cả hai đều không”. Vì Pháp thể của thọ lượng lìa hai bên và vượt hẳn Báo và Ứng. Gắng gượng đối với lý này mà lập ba thứ danh tự là Thân, Thọ và Lượng khiến cho chúng sinh mất tình thức.

Kế là "Báo thân v.v..." trở xuống là nói về Đức Phật của Báo, có như sau:

- Xưng Pháp có Báo, có hai:

Một là Dẫn kinh: Ở đây y theo sự thuận tu xứng hợp với lý Sự mà nói. Cái cảm được do tu hành giải thích nghĩa của Báo. Văn của Pháp Hoa chứng minh cho vấn đề báo của trí đức. Vì kinh ấy nói: "Ánh sáng của trí tuệ chiếu sáng vô lượng". Nên văn của Niết-bàn chứng minh cho báo thuộc dức dứt, vì nói là đại Niết-bàn.

Hai là "Như v.v..." trở xuống là giải thích về nghĩa Báo của hai thứ do tu hành cảm được, đó là sự hợp nhất của Thỉ giác và Bổn giác. Tức là lấy Thỉ và Bổn làm Cảnh trí. Vì hai thứ giác ấy chẳng phải hai nên gọi là Như. "Mỗi loại đều hai Như": Vì Như của Trí như Cảnh, Như của Cảnh như Trí. Lại gọi Bồ-đề là Như Như trí, làm chủ thể thầm hợp với Pháp tánh gọi là đối với Cảnh của Như như làm sự thầm Ứng hợp thuộc chủ thể lấy sự hợp nhất của nắp và hộp ở trước dụ cho nghĩa của tương xứng. Tuy nắp và hộp hợp nhau nhưng vẫn còn khe hở. Lại dùng nước và sữa dụ cho sự âm thầm. Đây là sự biến mất cả mà thành một tướng. Nghĩa của Thỉ giác và Bản giác là hai, nhưng Thể chỉ là một, thật sự giống như hai ví dụ đó.

Kế là "pháp thân v.v..." trở xuống là nói về sự y theo Báo mà lập ra ba loại: Tức là Thân, Tuổi thọ và Lượng. " Trong ba thứ ấy, mỗi loại đều nói Pháp thân". Vì sự thầm hợp của trí thuộc Báo vốn lìa pháp không có Báo cho nên là thân đầu tiên. "Nói không có thân": Chẳng phải là Đức Phật thuộc Ứng không có thân thuộc phần hạn. "Không phải không có thân": Chẳng phải Đức Phật thuộc Báo không có cái thân phần hạn. Lại nữa, không có thân tức là Phi hữu. Chẳng phải không có thân tức là Phi không. Pháp thân của Trung đạo là thể của Bổn giác. Thỉ giác thầm hợp với điều đó, chủ thể thầm hợp cũng mất vì tựu thành phép quán nên gượng gọi là Báo trí.

Kế là Thọ.

Kế là Lượng.

Tất cả đều như cái hang, tiếng vọng; lớn hay nhỏ là tùy theo âm thanh. Vì vậy, cả ba thứ này đều gọi là giống thuộc Ứng.

Kế tiếp là "Trí cùng v.v..." trở xuống là nói về y theo hai mà có Ứng, có ba:

Một là Pháp: Bất giác mất chỗ. Thỉ và Bổn như một. Vì vậy, nói là trí cùng thể thầm khế hợp. Vì thể của giác tự tại nên nói rằng "Có năng lực khởi phát công dụng vượt hơn".

Hai là “Như nước v.v...” trở xuống là dụ cho vàng thật màu sắc tốt nhất: Phải hòa với thủy ngân mới bôi vào vật. Nếu thiếu một điều kiện ấy thì Vàng không có công dụng của bôi.

Ba là “Công đức v.v...” trở xuống là hợp công đức của Báo Trí để hợp với thủy ngân. pháp thân hợp với Vàng. Ứng hiện khắp nơi hợp với bôi vào sắc tượng.

Kế là “Có thể làm v.v...” trở xuống là nói về Ứng thân hiện hữu khắp cả ba vùng đất, có hai:

Một là nói về cả Báo và Ứng.

Hai là “Có lượng v.v...” trở xuống là chỉ khai thị về Ứng thân. “Nghĩa đầu tiên”: Báo do ở trên nói là chỉ nói về sự thầm hợp với pháp. Tức là Thọ dụng. Vàng là nói về sự hiện ra Ứng để người khác thọ dụng, là Ứng thuộc thường trụ. Vì vậy mà nói về cả Thân và Phi thân v.v... Thân tức là Sinh thân, vì có tướng của phần hạn nên gọi là Thân. Phi thân là Báo. Vì không có phần hạn nên gọi là Phi thân. Tiểu Bát-nhã nói: “Phật nói không có thân mới gọi là thân lớn”. Thân lớn tức là thân thuộc Tha thọ dụng. Vì thân không có phần hạn thì cho mạng là thường hằng nên là vô lượng. Tuổi thọ của thân có phần hạn thì vô thường nên có hạn lượng. Hai dụng của Ứng này là y theo hai lý của Chân và Trung mà trụ. Căn cơ thì y theo hai thức của Sự Nghiệp mà thấy. Vấn đề trụ lý rộng thì như sự giải thích của văn bản thuộc phẩm Trụ.

Hai là tức được trình bày rõ trong luận Khởi Tín. Vì ý luận quan trọng là ở Sự thức, vì nếu thấy thì nắm lấy phần hạn của sắc nên gọi là Ứng Phật. Nếu Nghiệp thức thấy thì sẽ lìa bỏ tướng của phần hạn. Vì vậy, đó là Báo thân. Hành giả nên biết rằng thân thường hằng nhiều vô lượng, Ứng với cả ba vùng đất. Vô thường có lượng chỉ Ứng với Đông cư. Vì sao? Vì căn cơ của thật báo chứng từng phần nên chỉ nói về thân tha thọ dụng. Hành giả của cõi phương tiện chỉ nhờ vào Biệt và Viên. Tướng Đức Phật mà họ thấy tuy nhỏ nhưng chẳng phải Sinh thân mà đều là Phật thuộc báo. Nếu cõi Đồng cư có Cơ thuộc bốn thứ giáo thì người căn cơ Biệt và Viên sẽ thấy được Phật thuộc báo. Vì vậy, Pháp Hoa nói rõ là thường ở tại Linh Sơn. Hoa Nghiêm nói pháp đến cùng tận thời gian vị lai. Và các vị Đại thừa thì được thân tôn đặc của Pháp tánh ngay nơi ứng tướng. Vì vậy, chúng ta biết rằng thân thường hằng ứng hiện khắp cả ba vùng đất, nếu là thân vô thường thì chỉ ứng hiện ở Đồng cư để đáp ứng với căn cơ thuộc Tạng và Thông cùng với chúng phàm phu. Nghĩa tiếp theo chia làm hai.

Một là Nói về hai nghĩa của Hữu lượng: “Ngoài Tự thọ dụng lại

có thân ở ba vùng đất” đã được nói trên kia đều gọi là Ứng thân. Tha thọ dụng khác của nó tuy y theo căn cơ để gọi là Ứng thân, nhưng đó là sự chiêu cảm của Thật nhân khắc phục mà gọi là Báo, chứ chẳng phải là dụng sai biệt hợp với căn cơ. Nếu nói về sự trục vật, tùy duyên, ngắn dài so le, Thân, Thọ và lượng thì phải đặt chân ở dụng thuộc vô thường của Đồng cư. Vì vậy, nay nêu riêng về tướng của Ứng thân. Nhưng, ở nơi hữu lượng mà mở ra hai thứ Lượng. Vì hai thứ lượng này y theo Đãn không của Sự thức để thấy nên chỉ thuộc về vô thường. Nếu y theo Bất không thuộc Nghiệp thức mà thấy thì ngay nơi toàn thể vô thường là thường. Như vậy thì hai dụng thường và vô thường cũng chính là lẫn nhau, hai con chim cùng bay đi. Nếu là hai vùng đất trên thì Cơ dừng, Ứng chuyển, cũng là vô thường. Vì chẳng phải là tám tướng mà lại nói là Thường. “Bảy trăm v.v...”: Kinh Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội nói:

“Bồ-tát Kiên Thủ hỏi:

- Đức Phật sống được bao lâu?

Đức Phật bảo Bồ-tát ấy:

- Đi về hướng Đông, qua ba mươi hai ngàn cõi Phật, ở cõi nước Trang nghiêm, hỏi Đức Phật Chiếu Minh Trang Nghiêm Tự Tại Vương.

Đức Phật ấy đáp:

- Tuổi thọ của ta cũng giống như Đức Phật Thích-ca, ông muốn biết ư? Ta sống đến bảy trăm A-tăng-kỳ kiếp.

Bồ-tát Kiên Thủ trở lại cõi Ta-bà bạch với Phật.

A-nan nói:

- Đức Phật ấy là tên gọi khác của Đức Phật Thích-ca.

Tuy căn cơ thù thắng thấy lâu dài, nhưng bảy trăm vẫn còn có thể đếm. Vì vậy, cũng là lượng của hữu lượng. Nếu là người và trời của Phật A-di-đà thì chẳng thể đếm. Vì vậy, tuổi thọ của họ là vô lượng của hữu lượng.

Kế là “Ứng Phật v.v...” trở xuống là kết Ứng Phật cũng giống như vậy: Đức Phật nào cũng đều đã Ứng viên mãn ba thứ thân. Ứng thân vào chúng sinh kia, tuổi thọ của chúng sinh có dài ngắn thì lẽ nào Đức Phật lại không thuận theo mỗi loại chúng sinh mà thị hiện hai thứ lượng. Vì vậy, Đức Phật A-di-đà hiện dài mà cũng có thể hiện ngắn. Đức Thích-ca hiện ngắn nhưng cũng có thể hiện dài, cho nên, Đại luận quyển ba mươi sáu chép: “Nên nhớ rằng Đức Phật Thích-ca cũng có cõi nước thanh tịnh như cõi Phật A-di-đà. Đức Phật A-di-đà cũng có cõi nước không trang nghiêm thanh tịnh như cõi Phật của Đức Thích-ca”.

Lại nữa, quyển ba mươi tám: “Vì cõi Diêm-phù này xấu ác nên Đức Phật Thích-ca ứng hiện ngắn, vì các nơi khác tốt đẹp nên tuổi thọ của Phật Ứng hiện dài”. Vì lẽ đó, phẩm thứ ba mươi hai kinh Niết-bàn nói: “Phương Tây cách đây ba mươi hai hằng hà sa, có cõi nước Vô thắng. Những sự trang nghiêm mà cõi nước ấy có được giống như thế giới Cực lạc. Ta từ cõi nước ấy mà xuất hiện ở thế gian”. Đó đều là tùy theo căn cơ chúng sinh.

Hai là “Nhưng, đó v.v...” trở xuống là y theo tính chất dung nhiếp và chính là của Lý, có hai:

Một là y theo sự dung nhiếp thuộc Lý: Ba thứ thân ở trên, cả ba đều là ở Tánh tức là cùng. Hai là Từ tu có tức là Biệt, không chia ra tu và tánh tức là một. Ba không dung nhiếp nhau tức là Dị. Vì là Biệt và Dị nên thuộc về Dọc. Vì cùng là một nên thuộc về Ngang. Nếu như vậy thì sai đối với Pháp thể được giải thích. Nếu chứng đạt được mầu nhiệm thì chỉ là một Pháp tánh. Nếu có khả năng thành tựu tánh thuộc một và Tu thuộc hai thì gọi là Ngay nơi một mà là Ba. Tu và tánh có đủ ba loại thân, một Tánh là Ngay nơi ba mà là một. Đó được gọi là “Toàn tánh tại tu. Toàn tu tại tánh”. Tánh không có cái bị dời đổi, Tu thường uyển chuyển mới hợp với văn mầu nhiệm thuộc chủ thể giải thích.

Hai là “Vì thế, dưới v.v...” trở xuống là dẫn văn để chứng minh. Văn kinh nói đủ rằng: “Nếu đi vào kinh này tức là đi vào Pháp tánh”. Như Pháp tánh sâu xa tức là đối với kinh Kim Quang Minh này mà được thấy Đức Thích-ca Mâu-ni. Vì vậy, trong Đại kinh nói rằng ba thứ Đức chẳng phải Dọc, chẳng phải Ngang gọi là Đại Niết-bàn. Nay ta an trụ trong ba pháp như vậy. Vì chúng sinh nên nói là nhập Niết-bàn”. Do đó, chúng ta biết rằng nếu không đạt được sự dung nhiếp mầu nhiệm của ba và một thuộc ba thân thì chẳng thể gọi là thấy Phật. Sự giải thích về ba Đức Phật của hôm nay đã được sự dung tức, mới hội được văn mầu nhiệm của kinh này.

Kế là “Chỉ tin v.v...” trở xuống là nói về sự khéo léo của hai chữ tựa đề, có như sau:

- Nói về ý, có hai:

- Từ “Ứng Phật dung nhiếp cả ba mà giải thích, có hai:

Một là Nói rõ vì Thiên mà nghi về sự thấy thể của Viên: Nghi của Thiên là tám mươi tướng là Ứng, có Lượng. Bốn Đức Phật nêu dụ nói về vô lượng của Ứng. Vô lượng đã phá mối nghi của hữu lượng tức là đạt được Pháp và Báo chẳng phải lượng cũng chẳng phải vô lượng. Đó là do chỗ nghi của Thiên mà thấy đối với thể của Viên.

Hai là "Nếu theo v.v..." trở xuống là giải thích về theo thể của Viên, không thiên đề, có hai:

Một là Chỉ về tướng thiên đề của Thiên.

Hai là "Mà nay v.v..." trở xuống là chỉ bày về ý của sự luận bàn của Viên: Vì không Thiên đề nên ba là hai chữ thọ lượng có thể giải thích.

Kế là "Lấy ý v.v..." trở xuống là y theo sự dung nhiếp của Đức Phật thuộc về Báo Phật, có ba:

Một là Nói về thể của Đức Phật thuộc Báo là Viên Dung: Ở trên y theo tựa đề của phẩm, hai chữ Thọ Lượng không nghiêng lệch Hữu hoặc Vô. Như vậy thì gồm nhiếp hai thứ Ứng. Có khả năng hiển bày Pháp và Báo theo chỗ tiện lợi của văn. "Nếu theo sự tiện lợi của nghĩa": Văn nay đã lấy quả đức làm Tông, dùng sự hợp của Báo thân để giải thích đối với mục lục của phẩm. Lấy Báo thân ở trên thầm hợp với Ứng ở dưới thì nghĩa của ba thứ thân tự nhiên thành tựu. Vì vậy, hai chữ chính là ở báo thân.

Hai là "Lượng nghi v.v..." trở xuống là nói về nhân nghi mà đạt Viên, nghĩa Báo thân được sáng tỏ. Do bốn Phật dùng Ứng trường thọ để giải thích về nghi đoản thọ nên khiến cho Tín Tướng đạt được đối với Báo trí có đủ ba thân.

Ba là "Nhà chuyển về kinh v.v..." trở xuống là nói về từ Viên mà đề phẩm. Tựa đề gọi Thọ lượng, chính là ở Báo thân. Ở đây theo cái thấy được viên giải của Tín, Tướng. Tế giống như đang. Nêu một của Báo thân đối với các của ba thân.

Kế là "Từ đây v.v..." trở xuống là nêu bày về lập đề, gồm có:

- "Lại nữa, một v.v..." trở xuống là nói về sự giải thích lượt hai, lại có:

Một là Nêu bày về sự giải thích khác về thời. Vì Đại sư chẳng những một hồi giải thích cho nên đối với "Một thời" lại lập ra danh nghĩa riêng. Đại sư Chương An đã "Nghe" nên ghi chép cả.

Hai là "Cũng làm v.v..." trở xuống là nói về sự giải thích khác về tướng, có hai:

Một là Nêu bày về Chương môn: Huyền nghĩa: Văn Tuyển nói: "Tuấn triết huyền giám". Chú: Huyền là Thông, ý nói rằng lìa văn khai thị chung về nghĩa của nó nên gọi là Huyền nghĩa. "Dẫn chứng": Vì dù diệu ngộ đối với nghĩa nhưng lại thông hội với kinh nên dẫn văn làm chứng, giúp cho người sinh khởi niềm tin. "Trở về nguồn": Phẩm đề là giòng phái, mục lục của kinh là nguồn. Ba thân làm sáng tỏ thọ lượng.

Không lìa Pháp tánh, nguồn Kim Quang Minh; nhiếp trở về nguồn này, khiến cho nghĩa được rốt ráo.

Hai là "Huyền nghĩa v.v..." trở xuống là y theo Chương đề giải thích như sau:

- Huyền nghĩa, có hai:
- Nêu thẳng về thọ lượng của ba thứ thân, có ba:

Một là Ứng thân, có ba:

Một là Thọ.

Hai là "Dài ngắn v.v..." trở xuống là Lượng.

Ba là "Giải thích này v.v..." trở xuống là kết. Nhân duyên: Cảm và Ứng làm nhân duyên lẫn nhau.

Kế là lại nữa, "Thọ v.v..." trở xuống là Báo thân, có ba:

Một là Thọ: Ngoài trí không có Cảnh, ngoài Cảnh không có Trí gọi là cùng đựng nhận. Vì đã dứt bặt chủ thể và đối tượng nên không phân biệt hộp và nắp. Đương thể của tuyệt đối gọi là Đại.

Hai là "Lượng v.v..." trở xuống là giải thích về Lượng. Cảnh và Trí đều hiện hữu khắp nơi gọi là tương ưng. Sự tương ứng này thật sự không có khe bờ. Nghĩa là nói đối với lượng.

Ba là "Giải thích này v.v..." trở xuống là kết.

Kế là "Lại nữa, Thọ v.v..." trở xuống là Pháp thân. Gồm có ba:

Một là Thọ: Pháp thân không thay đổi, không có quá khứ, vị lai và hiện tại; đó là nghĩa của chân thường, vĩnh cữu. Y theo nghĩa hằng cửu này mà giải thích về thọ của Pháp thân.

Hai là "Lượng là v.v..." trở xuống là Lượng. Cân nhắc cũng như đo lường. Tuổi thọ của Thường thật sự khó đo lường, gượng dùng "Cả hai đều chẳng phải" để đo lường. "Không nhiều v.v..." là đưa ra tướng của sự đo lường. Đầu tiên là chẳng phải số nhiều hoặc ít, kế là chẳng phải biết hoặc không biết. Thứ ba là chẳng phải nói hoặc không nói. Đó là làm sáng tỏ Pháp, Thọ là Cảnh không thể suy nghĩ bàn luận. Vì vậy. Đại luận nói: "Không thể suy nghĩ bàn luận tức là không quyết định". Nếu lìa có thể nói mà cho rằng Pháp, Thọ quyết định không thể nói thì gọi là quyết định chẳng phải là không nghĩ bàn. Ý của "Cả hai đều không" Ở trên cũng giống như vậy. Đo lường như vậy gọi là sự đo lường của thường hằng vĩnh cữu. Lại nữa, số nhiều hoặc ít đo lường đối với Pháp, Thọ chẳng phải là dụng của dài và ngắn; cái biết cùng tận hay không cùng tận đo lường Pháp, Thọ thì thể của chúng chẳng phải là im lặng hay nói năng.

Ba là "Sự giải thích này v.v..." trở xuống là kết, có hai:

Một là “Lược v.v...” trở xuống là liền tạo ra ba thứ “Cả hai để hiển bày: Vì trước đã trực tiếp lấy Cảnh trí dài ngắn cùng nghĩa của cả hai đều không để nêu bày về ba thứ thọ lượng. Nhưng sợ rằng vẫn khó giải thích nên nay mỗi loại đều dùng hai nghĩa đo lường là vì muốn giúp cho hành giả biết tướng của Đức Phật. Văn chia làm ba. Lượt thứ nhất là hai nghĩa của Ứng Phật, lượt thứ hai là nghĩa của Báo Phật, Cảnh không phân biệt chứ chẳng phải nói là cảnh không ngơ, hoàn toàn không có tri giác. Đó là chỉ cho tâm thể vốn lìa niệm gọi là vô phân biệt. Ở đây lìa tâm niệm toàn thể giác ngộ, gọi là trí có phân biệt. Cảnh và Trí này rốt ráo xứng hợp nhau. Ngoài trí không có Cảnh, Cảnh có phân biệt. Ngoài cảnh không có trí, trí không có phân biệt. Cho nên cảnh chiếu nơi cảnh, trí vắng lặng nơi trí. Dùng hai nghĩa ấy làm sáng tỏ tướng của Báo thân. Lượt thứ ba là hai nghĩa của Pháp và Phật. Vì thể vốn không có tướng nên chẳng thể nói. Vì y theo nguồn từ để làm sáng tỏ đức nên có thể nói.

Kế là Dẫn chứng, gồm có:

- Dẫn văn ngày nay, có ba:

Một là Dẫn hai văn để chứng minh hai nghĩa của Ứng thân.

Hai là Dẫn ba văn để chứng minh hai nghĩa của báo thân. Hư không dụ cho sự giữ lấy thông với ở trước. Bất hoại dụ cho Ứng của vô lượng. Nay là dùng Vô tướng để chứng minh cho tính chất vô niệm của Cảnh.

Ba là Dẫn ba văn để chứng minh cho hai nghĩa của Pháp thân.

Hỏi: Ở trước nói rằng bốn dụ đều dụ cho Ứng thọ, đều là vô lượng. Vậy, tại sao nay lại trích dẫn để chứng minh cho Báo và Pháp.

Đáp: Chẳng phải toàn bộ Pháp, Báo là Ứng thân. Ứng thì chắc chắn đoạn diệt đâu thể ngắn dài không hề dừng nghỉ. Nay vì muốn hiển bày sự dung nhiếp mầu nhiệm của ba thứ thân nên phải dùng Ứng để chứng minh cho Pháp và Báo. Nếu người học không hiểu được ý ấy thì chẳng thể nào biết nhận sâu sắc về các thân đối cơ của Đại thừa.

Kế là Dẫn bản mới, có hai:

Một là chứng minh riêng về hai nghĩa của Ứng thân. Bà-la-môn Kiều-trần-như kia muốn có được xá-lợi Như Lai như hạt cải, hạt lúa. Đó là vì ông biết chín tuần nữa Như Lai sẽ diệt độ nên mới mong cầu. Điều ấy có thể chứng minh rằng tám mươi là hữu lượng. “Vương tử v.v...” trở xuống là Vương tử Lật-tỳ đáp Bà-la-môn. Tuy tức là Pháp, Báo nhưng lại từ phước báo để chứng minh thắng Ứng.

Hai là chứng minh chung về bốn nghĩa của Pháp và Báo. Tri tức

Báo thân, Cảnh tức là Pháp thân; có đủ bốn nghĩa, có biết và không biết, nói hoặc không nói nhưng chỉ nêu một để ngang bằng với ba nghĩa khác. Vì cả bốn nghĩa đều dứt bặt suy nghĩ nên có thể dùng chung cảnh giải thích là khó nghĩ bàn để chứng minh. Vì khiến cho nói lại ý này nên Trần Sư chú thích rằng v.v...

Kế là trở lại nguồn, gồm có:

Một là nói chung về ý: Nhưng Pháp, Báo và Ứng cùng Kim, Quang và Minh đều là danh của Pháp tánh đương thể; chúng vốn không có sự hơn kém. Vì kinh này chính thức dùng kim v.v... để nói lên Pháp tánh nên Đức Phật đề xướng đầu tiên để làm con mắt của kinh. Vì lẽ đó, Kim Quang Minh được làm tông, nguồn. Tất cả ba pháp đều thành dòng phái. Kim giải Thọ lượng nên phải y theo ba thân. Vì sợ rằng có sự giải thích riêng cho nên chỉ bày sự trở lại Tông.

Hai là "Lượt đầu tiên v.v..." trở xuống là chỉ bày tướng quay trở lại, có ba:

Một là Ứng trở lại.

Hai là "Thứ hai v.v..." trở xuống là Báo trở về Quang: Báo chắc chắn thầm hợp với Pháp. Vì vậy, ở mỗi câu đều trình bày cả Pháp và Báo. Đó là nêu lên trí thuộc đối tượng được thầm khế hợp, toàn là Pháp tánh, vắng lặng mà thường chiếu soi.

Ba là "thứ ba v.v..." trở xuống là Pháp trở về Kim: Lúc nói thường im lặng, lúc im lặng vẫn thường nói. Bốn đức tròn đầy mầu nhiệm, đâu có gì tổn hoặc ích. Toàn là Pháp tánh, đáng tôn trọng. Hợp lại để nói về tính chất dung nhiếp và chính tà, vì theo thông lệ ở trước nên lược bỏ.

Kế là "giải v.v..." trở xuống là y theo thông lệ tất cả: Nếu giải nghĩa Kim Quang Minh thuộc thể thì lẽ nào chỉ có nghĩa của ba thân quy về ba chữ? Vì tất cả Pháp tướng đều trở về nguồn này nên được một ngàn từ không tức là mười ngàn hoặc.

Kế là "Đã là v.v..." trở xuống là nói về gồm cả ý của Lục này. Thuyết hai thời đều làm sáng tỏ Diệu lý. Người học đời sau biết từ đầu để được khai ngộ? Vì muốn chỉ bày ý ấy nên chú: "v.v...".

Kế đến là "Phẩm này v.v..." trở xuống chính là nói về nghi niệm, có hai:

Một là Tựa, nhập chánh phẩm để chỉ thuyết trên.

Hai là "Từ vua v.v..." trở xuống là lại theo ý của Tựa để giải thích về văn này, có hai:

Một là phân tiết văn kinh.

Hai là theo văn giải thích như sau:

- Nêu ra người. Gồm:

Một là nêu ra nơi chốn.

Giải thích theo Sự, như thông tự quán giải thích ra danh.

Hai là "Bồ-tát v.v..." trở xuống là nói về Vị: Phiên danh gọi là đạo tâm. Lại thường xuyên giáo hóa người khác nên gọi là đạo tâm lớn. Công hạnh này dù bao trùm ba giáo trước. Vị của nay là ở Viên.

Ba là "Tín Tướng v.v..." trở xuống là nêu ra danh từ, có hai:

Một là Y theo danh để giải thích: Tín có cả Chân và Tự. Đã nói là Tín Tướng, tín thì chẳng phải Chân. Vì Tự tín là thật sự vì chứng minh cho tướng ở trước. Tam Hiền của Biệt giáo là Tự tín vị. Sơ địa trở lên mới được Chân tín. Bước lên trụ của Viên giáo thì liền được Chân tín. Tức là lấy Thập tín gọi là Tự tín. "Nói Thiết luân": Kinh Bổn Nghiệp Anh Lạc dùng sáu thứ, luân để dụ cho sáu Nhân vị. Thiết luân là Thập tín, Đồng luân là Thập trụ, Ngân luân là Thập hạnh. Kim luân là Thập hướng. Lưu ly luân là Thập địa. Ma-ni luân là Đẳng giác. Tín dứt trừ kiến - Tư, được gọi là Thiết luân.

Hai là "Văn dưới v.v..." trở xuống là dùng tướng để xem xét. Cây gỗ dựng đứng tức là cây gậy của cái trống. Có chỗ viết là cái dùi trống.

Kế là "Lại nữa, Chân v.v..." trở xuống là nói về Tự Thông thượng vị. Phổ hiền v.v... giác cùng cực gọi là Tự. Vì vậy lập danh từ Hiền.

Kế đến là "Tín Tướng v.v..." trở xuống là nói về sự khó đo lường được cao hay thấp.

Tiếp là "Người vấn nạn v.v..." trở xuống là lập câu hỏi để nghiệm xét về Chân thật, như sau:

- Hỏi vặn về vị cao không có nghi, gồm:

- Vặn hỏi, có hai:

"Đây cũng v.v..." trở xuống là giải thích, có hai:

Một là y theo Quyền và Thật để giải thích: Vì người khác mà phát khởi là nghi, thuộc về sự chỉ bày của Quyền, chưa Biết rõ được Phật địa là nghi thuộc hạnh của Thật.

Hai là "Pháp Hoa v.v..." trở xuống, là dẫn hai kinh để chứng minh. Bổn và Tích của Pháp Hoa đều do sự hoài nghi của Di-lặc mà sinh khởi câu hỏi. Vì Bồ-đề của Bồ-tát Đại tập chưa cùng cực nên nói là "Chưa hoàn toàn". Bản tánh Bồ-đề huân vào tâm làm khởi nghi, vì nghi nên cầu giải nghi, do đó nói là Bồ-đề dứt trừ kiến thì không có nghi, có hai:

Một là câu hỏi.

Hai là Đáp chung: nghi làm chướng ngại Chân. Trong chướng nghi của Biệt. Chưa đạt đến cùng cực của Trung đạo thì làm sao không nghi ngờ được.

Kế là "Quán giải v.v..." trở xuống là y theo nơi chốn để giải thích về Quán: nay nêu ra tên người thì quán làm sao theo nơi chốn được? Vì Quán và Pháp đều từ ấm mà khởi. Vì lấy thành Vương xá để cho ấm là tiện lợi nên nói theo nơi chốn. Dùng vua thiện ác để quán xét ngôi nhà vô ký. Chủ thể và đối tượng chẳng hai, Người và Pháp đều không, cái được làm sáng tỏ do hai hình thái không tức là Đại Niết-bàn. Đề phòng năm trụ mà chẳng chế ngự quân địch của hai hình thái chết thì lẽ nào thành lại hơn đây? Sơ tâm thuộc Danh tự quán, Niết-bàn thuộc về ấm, hậu tâm thuộc Diệu giác Niết-bàn rốt ráo. Ý của hôm nay là giải thích về Trụ xứ của sơ tâm. Nói về hậu tâm là chỉ bày về Diệu quán này giống như quả trí.

Kế là khen ngợi bốn thứ đức, gồm có:

- Khoa phán, có hai:

Một chính là chia khoa kinh.

Hai là Phán lại Vị: Thực là Gieo giống. Quý là hổ (thẹn), " v.v...": Khiến y theo sự khen ngợi về đức để xếp là đồng với Phổ hiền.

Kế là "Cúng dường v.v..." trở xuống là tùy theo để giải thích, có hai:

Một là Cúng dường Phật theo cách bên ngoài, có hai:

Kế là y theo Tài và Pháp để giải thích: Đại kinh nói: "Trong các sự cúng dường thì cúng dường Pháp là cao quý nhất. Cúng dường tiền của thì có cùng tận, còn cúng dường Pháp thì không cùng tận".

Kế đến là y theo quán hạnh để giải thích. Một niệm vô minh toàn thể giác ngộ tâm giác ngộ ấy được gọi là Phật. Có đủ tư lương của nhân và duyên là nghĩa cúng dường Phật. ba ví dụ có thể thấy.

Tiếp là "Chủng thiện v.v..." trở xuống là hạt giống cội lành ở bên trong, như sau:

Một là Nói trực tiếp về ý nghĩa hạt giống lành, thể vốn là tâm giác ngộ gọi là đất Pháp tánh. Quán tánh Thỉ giác gọi là hạt giống. "Gieo các hạt giống lâu ngày ý nghĩa có thể biết. "Năm gốc lành ": Đối với bản Pháp tánh sinh khởi Tín, Tiến, Niệm, Định, Tuệ bất động; cả năm đều không động gọi là năm căn. Gốc này sinh tướng của tự vị này cao nên gọi là thêm lớn.

Hai là "Thêm lớn v.v..." trở xuống là dùng việc gặp Phật để giải thích về hoàn thành, có hai:

Một là Nêu ba việc để thí dụ:

Hai là “Ví dụ về gió v.v...” trở xuống là dùng ba luân để phối hợp. Luân thuộc về Thân hiện thần thông làm kinh động tâm. Luân thuộc ý quán sát căn cơ, ánh sáng của trí chiếu soi. Luân thuộc về miệng giảng nói giáo lý, nước pháp nhuần gội.

Kế là “Lăng-nghiêm v.v...” trở xuống là nói về sự thêm lớn của ba thứ nhân: Lăng-nghiêm là quyết định nhân. Bát-nhã là tuệ liễu nhân. Pháp tánh là lý chánh nhân.

Kế là Sự tu, một là tánh chiếu phát nương lẫn nhau. Do tu mà chiếu tánh, do tánh mà phát khởi sự tu. Ba thứ nhân ấy thêm lớn, chuyển tự đi vào Chân, ở Chân mà Đạo thêm lớn. Tất cả đều được gọi là nói thêm về sự chuyển biến và hiển bày.

Kế đến là “Gieo trồng v.v...” trở xuống là kết thúc sự hoàn thành về đức của hai thứ.

Kế là “Từ là v.v...” trở xuống chính là nói về nghi ngờ đối với Tựa, có hai:

Một là Phân tiết kinh.

Hai là “Do có v.v...” trở xuống là tùy theo để giải thích, như sau:

- Lý do của sự sinh nghi, gồm có:

Một chính là đưa ra lý do nghi: Xa thì do chín mươi ngày trước nói về ma để mong diệt. Kinh này là phần sau cùng của hệ Phương Đẳng. Gần thì do nghe Đức Phật xướng lời tựa trong định ở Linh Sơn. Vì đã khởi động sự suy nghĩ nên liền sinh tâm niệm nghi ngờ. Tuy có hai lý do nhưng vì không có lời thề đánh vào nên sự nghi ngờ này không sinh.

Hai là “Do đâu v.v...” trở xuống là giải thích do nhân duyên gì? Gồm có hai:

Một là y theo ba tánh để phân chia nhân duyên. Nói chung về ba loại thì Chánh, Liễu và Nhân gọi là ba thứ nhân. Cùng ở Lý tánh, vì tu về Duyên và Liễu; mỗi loại trong ba loại đều là Duyên. Văn nay nói tất là “Nhân nào, Duyên nào”. Phải hợp Tánh ba, chỉ gọi là Chánh để tương xứng với nhân. Duyên và Liễu trong Tu hợp với sáu mà làm hai. Vì đối nhân nên hợp với hai, làm Duyên để tương xứng với Duyên. Y theo nhân và duyên đó mà sinh ra nghi ngờ.

Hai là “Chính nhân v.v...” trở xuống là y theo Nhân duyên mà nghi về tuổi thọ: Chánh nhân thường hằng, mãi mãi nên là lý được làm sáng tỏ. Cảnh thuộc lý đã thường hằng thì toàn cảnh phát trí để làm chủ thể sáng tỏ. Như thế, lẽ nào Cảnh lại vô thường? Vì chủ thể làm sáng tỏ gồm cả Phước mà trí lại là Chính nên chỉ nói về Trí. Cảnh này, trí

này đều chiêu cảm tuổi thọ thường hằng. Vì vậy, nghi tám mươi là nhân duyên gì.

Kế là "Vuông tám v.v..." trở xuống là giải thích về vuông tám mươi, có ba:

Một là Chỉ bày chung về tuổi thọ thuộc thế gian: "Phương dưới v.v..." trở xuống là đặc biệt nêu bày về phương giữa để biểu thị: Sự ứng hóa đều y theo lý để hiển hiện. Vì vậy, ngoài sự chắc chắn là trong biểu thị cho lý. Lẽ nào tuổi thọ thuộc phương giữa lại không nói lên bốn thứ đức. Tuy rằng ý của Phật rất nhỏ nhiệm, nhưng nay, Đại sư Trí Giả dựa vào bốn vị Phật sau để y theo Ứng mà làm sáng tỏ về thường. Vì vậy, Đại sư lấy cái được làm sáng tỏ để xem xét về chủ thể biểu thị. Như vậy là biết được ý của Phật.

Tiếp là "Tín Tướng v.v..." trở xuống là vì không biết về ý biểu thị nên nghi ngờ. Nếu Tín Tướng đạt được ý biểu thị ở trên thì sẽ thấy được ba thân có đủ cả bốn đức. Như thế, lẽ nào Tín Tướng lại nghi rằng Tích của Ứng chắc chắnlà ngắn hoặc dài để nghi ngược lại ràng "Nhân nào, Duyên nào?".

Kế chính là sinh nghi, lại có:

- Y theo sự tương hỗ của Lý và Giáo mà nghi, có hai:

Một là Chấp giáo nghi Lý.

Hai là Chấp Lý nghi Giáo. Những điều do Đức Phật nói là Giáo thuộc chủ thể giải thích. Nhân quả của sống lâu là lý thuộc về đối tượng được giải thích, tức là đạo lý. Văn và nghĩa của sự chấp chặt lẫn nhau làm thành nghi hoặc rất dễ hiểu.

Kế là "Có hai v.v..." trở xuống là y theo văn kinh để chỉ bày đầy đủ, có:

- Giải thích về sự có hai nhân duyên, có hai:

Một là Đối với trước để giải thích về khác. "Trước" tức là kinh nói "Nhân gì, Duyên gì". Sự giải thích ở trước đã lấy Chánh tánh làm nhân, tức là lấy Duyên và Liễu trong sự tu tập mà làm Duyên. Nay nói rằng sống lâu có hai nhân duyên. Đã là Phật tu, hai thiên Chỉ và Hành, mỗi thiên đều có đủ Duyên và Liễu. Tức là duyên thuộc chủ thể hiển rõ của văn trước. Nay đối với duyên trước tự làm nhân duyên. Vì vậy, khác với nhân duyên ở trước.

Hai là "Mười điều lành v.v..." trở xuống là y theo sự giải thích của nay, gồm:

- Y theo mười điều lành để giải thích sơ lược, như sau:

- Chính là trình bày về nhân duyên, có:

- Đối với mười điều lành, mỗi điều lành đều nói về chỉ và hành, có hai:

Một là Nêu lên sự chỉ bày.

Hai là "Không sát sinh v.v..." trở xuống là giải thích về tướng, có hai:

Một là y theo không sát sinh, không trộm cắp để giải thích, có hai:

Một là y theo sự phối hợp đầy đủ của hành tướng.

Hai là "Sự giải thích nay v.v..." trở xuống là nói về sự nêu chung của kinh này.

Kế là "Nếu có đủ v.v..." trở xuống là y theo thông lệ của tám mà nói về mỗi phần: Hai điều lành của Chỉ và Hành, mỗi điều đều có ba thứ khác nhau. Đó là Tự, Tha và Cộng.

Một là Tự hành: như văn nói: "Không sát sinh là Chỉ. Phóng sinh là Hành. Không sát sinh là Chỉ, Bố thí thức ăn là Hành".

Hai là Chỉ và Hành thuộc sự giáo hóa kẻ khác: như văn nói: "Nếu không ngăn đoạt là Chỉ, phương tiện khuyến tu là Hành". Nếu nói đầy đủ về mười loại chỉ hành, tức là không sát sinh, không trộm cướp như sớ đã nói. Tám loại tức là không dâm là phạm hạnh, không nói dối là Thành thật ngữ, không nói lời thêu dệt là Chất trực ngữ, không nói hai lưỡi là Hòa hợp sự tranh kiện, không ác khẩu là Thường thực hành lời mềm mỏng, không tham là Bất tịnh quán, không sân là Từ tâm quán, không si là Nhân duyên quán; tất cả đều là tự tu về Chỉ và Hạnh. Cả Tự và Tha cùng nói rõ: Tự thân không gây ra mười điều ác gọi là Chỉ, khuyên bảo người khác không gây mười điều ác gọi là Hạnh.

Kế là nay y theo v.v... trở xuống là đối với chỉ và hành mỗi thứ điều nói về nhân duyên, có hai:

Một là Nêu lên.

Hai là mạng v.v... trở xuống là giải thích, như sau:

- Y theo không sát sinh để nói về bốn thứ, gồm có:

Một là Nhân duyên thuộc chỉ và thiện: Nhân là gốc của thiện, Duyên là giúp đỡ. Vì thành tựu từ tâm nên dứt bỏ dụng cụ sát sinh.

Hai là thực v.v... trở xuống là nhân duyên để thành thiện: Y cứ theo chỉ thì rất dễ hiểu.

Kế là Không sát sinh v.v... trở xuống là theo thông lệ của chín điều lành đều như vậy.

Kế đến là Gồm có v.v... là kết sự chỉ bày về số của nhân duyên thuộc Chỉ thiện.

Kế tiếp là "Những điều đó v.v..." trở xuống là kết thành niệm nghi.

Kế là "Ở đây y theo v.v..." trở xuống là y theo năm thừa để giải thích đầy đủ, có hai:

Một là Kết trên khởi nay: Nếu chỉ nói về nhân quả của mười điều lành thì đó là lời nói cạn cợt một đường, đối với kinh thuộc Phương đẳng chưa được gọi là thỏa lòng. Đây là kết phần trên. Nay đúng ra nên y theo Chỉ Hành của Thế gian, xuất thế gian, Tiệm và Đốn mới gọi là nhân của Phật. Đó là khởi nay.

Hai là "người, trời v.v..." trở xuống là nói về sự chỉ bày chi tiết của nay như sau:

Kế là nói về giáo nghĩa, gồm có:

- Không sát sinh, có hai:
- Nói về hành tướng, có hai
- Chỉ bày về tướng, chia làm hai:
- Chính là chỉ bày, có hai:

Một là Chỉ bày chung về Mạng, Sát của năm thừa, nếu chỉ có năm sát sinh thì báo có được là mạng căn, điều lành này vô cùng cạn cợt. Nay giải thích về mạng của sự tu nhân thuộc năm thừa nên bao trùm cả sâu. Tiếng Phạm Ma-la, Hán dịch là Sát. Đó là vì nó thường hại điều lành, thuộc Thế gian và xuất thế gian của con người. "Đoạn v.v..." trở xuống là các Mạng, đều là nghiệp của ma.

Hai là "Nếu ngăn cản v.v..." trở xuống là nói riêng về Chỉ và Hành của người tu. Gồm bảy:

Một là người, trời: Sự này tức là Thiện của giới.

Hai là Nhị thừa thuộc Tam tạng giới.

Ba là Bồ-tát thuộc về Sự: Vì không thể đạt được Thể của ba luân là không nên việc thực hành sáu Độ đều được gọi là Sự.

Bốn là Nhị thừa thuộc Thông giáo.

Năm là Bồ-tát thuộc Thông giáo: Sai lầm của nói pháp gọi là Phi (Sai). Phế bỏ khiến không học gọi là Bác bỏ. Dưới chữ "Thể không" lẽ ra nên gọi là sáu Độ mới khác với Nhị thừa; có thể bị thoát hoặc bị lược bỏ.

Sáu là Bồ-tát thuộc Biệt giáo.

Bảy là Bồ-tát thuộc Viên giáo, có hai:

Một là Thuận hạnh cũng đoạn mạng của Phật, vì hàng Sơ tâm của giáo này tức là cõi Phật.

Hai là "Hành giả của Viên v.v..." trở xuống là nghịch hạnh, có

hai:

Một là Nói về Nghịch: Hiểu được thuận, nghịch tu tức là tánh của nghịch và Thuận. Vì tánh không có khác nhau nên gọi là Một tướng. Vì vậy, Sát sinh thuộc sự của Tiên dự, là sát sinh thuộc Lý của quả Phật; Vì tức là Tánh nên điều là cái nhân của trường thọ. Duyên của Tiên dự thì như đã được giải thích trong năm giới ở trước.

Hai là "Đó đều là v.v..." trở xuống là nói về lý của thuận: người thuộc ba giáo trước đều là Hành thuộc Tiểu, là bởi Hành của bậc Sơ thuộc Biệt cũng giống với Tiểu. Vì vậy, tất cả họ đều không thể ngay nơi nghịch mà thuận.

Hai là "Như trên v.v..." trở xuống là giải thích chi tiết: Đầu tiên là từ người, trời, cuối cùng đến Viên giáo, Chỉ và Hành nếu không có nhân duyên thì điều lành không thành tựu. Nhưng lại y theo không sát sinh, phải trải qua chín điều còn lại, và tất cả pháp đều phải luận ở nhân duyên của Chỉ và Hành. Vì vậy mà nói là "Như biển".

Kế là "Vì vậy, Đại v.v..." trở xuống là dẫn chứng: Nếu không nói như trên thì lẽ nào mỗi Độ đều có thể bố thí cho chúng sinh vô lượng tuổi thọ ư?

Kế là "tôi v.v..." trở xuống là thành niệm nghi:

Kế tiếp là Nói về cho thức ăn, lại có:

- Nói về Hành tướng, có hai:

Một là nói về Quyền và Thật của Pháp thuộc Sự, có hai:

Hai là nói về Thể của thức ăn thuộc Sự pháp, có hai:

Một là nói về tính chất nặng nhẹ của thức ăn thuộc Sự. Thực của y báo thì nhẹ, thực của Chánh báo thì nặng.

Hai là "Kinh nói v.v..." trở xuống là nói về Quyền và Thật của thức ăn thuộc pháp: Kinh tức là kinh này. Phẩm Lưu Thủy nói: "Đời vị lai, nên bố thí pháp thực". Thế gian tức là người và trời, xuất thế gian là ba thứ giáo, Thượng thượng tức là Viên dụng.

Hai là "Bồ-tát v.v..." trở xuống là nói về tướng bố thí của Bồ-tát, gồm có:

Một là nói chung: "Xoay tà về chánh": Khiến cho có niềm tin chân chánh đối với nhân quả. Manh nha tức là mở đầu. Tức là mới mở hạt giống, là gọi chung các thứ cỏ. Nuôi tức là dưỡng. Đại luận quyển bảy nói: "Như con của vị Quốc vương đứng ở chỗ cao và nguy hiểm, không thể cứu giúp, muốn tự mình rơi xuống đất. Vua liền sai người bày nệm gấm dày, lúc rơi xuống đất không bị chết".

Hai là "dùng để trao v.v..." trở xuống là chỉ bày riêng, có bốn:

Một là trao món ăn thuộc người, trời.

Hai là "Đã giữ v.v..." trở xuống là trao món ăn thuộc ba tạng.

Ba là "Đã vào v.v..." trở xuống là ban cho món ăn thuộc Thông và Biệt.

Bốn là "Bày cái đói v.v..." trở xuống là ban món ăn thuộc Viên giáo: Vì không có thức ăn thuộc pháp Đại thừa nên gọi là nước đói. Pháp Viên đốn như món ăn của vua, chẳng phải là món ăn của người phổ thông. Thiện thiện là thức ăn ngon. "Phiền não v.v..." trở xuống là quán hoặc chính là trí. Như củi giúp cho lửa. Nhân của trí, duyên của hoặc nên sẽ thành tựu thức ăn bốn đức, khiến cho đệ tử thuộc bốn mươi mốt vị đều đạt được sở thích thuộc từng phần.

Kế là "Như vậy v.v..." trở xuống là kết thúc sự chỉ bày.

Kế tiếp là "Mỗi pháp v.v..." trở xuống là kết về nhân duyên của Chỉ và Hành.

Kế là "Đây, các v.v..." trở xuống là thành nghi niệm.

Kế là Nêu về quán hạnh: Nói chính xác về Vô minh tham ái của tâm ta, có thể sinh ra tất cả con cháu phiền não nên gọi là Cha mẹ. Nếu chúng ta chẳng thể rõ biết hai thứ đó là tánh ác thì phải dứt trừ và phá hủy mới gọi là Nghịch thuộc giáo. Nếu chúng ta quán Chính là tánh thì không lìa Si, ái mà toàn thể vẫn sáng sạch. Chủ thể quán và đối tượng được quán đều không thật có. Đã như hư không thì Si và ái đều vắng lặng. Vì thế gọi là Thiện thuộc Chỉ. Vì nơi vắng lặng mà quán sát khắp các tâm sở đều làm chúng được sáng sạch nên lại được gọi là Thiện thuộc Hành. Đó là quán tâm để thấy thuộc tính thường hằng của tất cả pháp. Lẽ nào lại không cảm được quả thường hằng của ba thân ư?

Hai là "Thân ta v.v..." trở xuống là giải thích về cốt tủy của thân ta, như sau:

- Nói về hành tướng, gồm có:

- Phân biệt Sự theo Pháp, có hai:

Một là Thân thuộc Sự, đối tượng được phân biệt: Đứng ở Sự để nói về thân thì có ai không hiểu. Vì vậy, nay sẽ phân biệt. Trí suy đến chín cõi đều chẳng phải là thân ta. Huống chi là quả báo sắc chất của con người.

Hai là "Thân ta v.v..." trở xuống là Pháp thân, cái được lấy: Đối tượng được lấy đã sâu nên suy nghiệm về cái được phân biệt ở trước chẳng những là quả báo thuộc về người. Nhưng, nếu có khả năng hiểu rõ được sắc tâm, Pháp giới mà xả thân thuộc về Sự thì chính là cái được lấy của nay. Nay phân biệt sự không thể hiểu rõ việc xả bỏ của Pháp

giới gọi là chẳng phải thân ta. "Phải biết rằng Thật tướng là thân ta": Đây là nói chung. Nếu y cứ theo Thích luận thì y theo Thân thật tướng mà nói về giới, định, tuệ và tâm mầu nhiệm, thiện là da, máu, cốt, tủy. Tuy chia ra giới v.v... nhưng mỗi phần đều là toàn phần của Thật tướng.

Kế là "Vì kẻ khác v.v..." trở xuống là y theo Pháp để nói về Thí, lại có:

- Thí thân thuộc về Thật, có năm:

Một là thí da: Vì kẻ khác mà truyền bá giới của Thật tướng. Ngăn che tội lỗi của hai bên, tu phước Trung đạo. Loại giới này không có tướng nên ngay cả trì còn khó được, lẽ nào lại lưu giữ nơi phạm. Thể đã vắng bặt cả hai nên gọi làbờ kia của Thi-la. Nói về giới như vậy mới gọi là bố thí da của Pháp thân. Huyết v.v... theo thể lệ như vậy.

Hai là "Nói các v.v..." trở xuống là bố thí Huyết: "Các thiền định": Tức là chín loại Thiền, cũng là tất cả Thiền định thuộc hữu lậu, vô lậu đều đạt được thật tướng, đều thành vô ký hóa hóa Thần thông. Cho nên, đối với Diệt định mà hiện ra thân của mười cõi. Gọi là các uy nghi theo mô thức trước hợp lại mà nói rằng "chẳng định chẳng loạn".

Ba là "Nói không v.v..." trở xuống là bố thí xương: Vì công thuộc chủ thể Chiếu không còn nên nói là chẳng phải trí. Vì toàn bộ hoặc thành trí nên gọi là "chẳng phải ngu". Loại trí này sinh khởi việc nói hoặc không nói đều được. Vì chủ thể nói đã diệu nên khiến cho đối tượng nói đều đạt đến mảnh đất trí. "Mảnh đất trí": Trí tức là đất, tức là Trí của Bản giác. Mảnh đất nơi trí y cứ là trí thuộc Thỉ giác. Tu và Tánh hợp nhất, hai nghĩa đều thành.

Bốn là "Đàn nhẫn v.v..." trở xuống là y theo thông lệ là nên bố thí thịt: Luận chỉ nói về ba học và lý được làm sáng tỏ. Về mặt nghĩa, Đại sư thêm ba pháp là Đàn, Nhẫn và Tiến nên thành ra nghĩa sáu Độ để tiêu giải về cốt, tủy, máu, thịt của kinh nay; khi ấy nghĩa mới được thứ lớp, đầy đủ. Người giảng nói nên mô phỏng theo ba học ở trước để làm sáng tỏ về tướng của "cả hai đều không phải".

Năm là "Nói vô cùng v.v..." là bố thí tủy: Sự nói về giới v.v... ở trước đã đều là "Cả hai đều chẳng phải" thì lẽ nào lại không dứt trừ đối với con đường của ngôn ngữ và suy nghĩ. Nhưng, đó là bàn luận về hạnh, nay lại nói về lý. Tuy đều là thật tướng nhưng phải phân biệt chủ thể khế hợp và đối tượng được khế hợp. Sáu Độ tức là toàn bộ sóng của tánh ướt. Thiện tâm mầu nhiệm là tánh ướt ở trong sóng.

Kế là "Đem điều đó.. ". trở xuống là nói về bố thí thân thuộc về

quyền, có ba:

Một là kết thật mở quyền: Dùng món ăn của pháp thuộc về viên để bổ sung bảy phương tiện đói khát của chúng sinh. Ngoài viên đốn ra, các pháp ngôn có được đều được gọi là thức ăn món uống dư thừa. Đó là lấy hơn so với kém.

Hai là “Tức là v.v...” trở xuống chính là nói về tướng của bố thí: Văn lược bỏ không nói. Bồ-tát thuộc ba thứ giáo, sáu Độ của Biệt giáo có thể gọi là Thức ăn thừa. Tủy là Trung đạo thì dứt khoát là thân của ta. Vì vậy, Tủy thừa chỉ ở Chân-đế.

Ba là Dẫn Pháp hoa để chứng minh cho “Thị giáo lợi hỷ”: Đại luận quyển năm mươi chín của nói: “thị” là chỉ bày cho người về sinh tử, Nếu bàn về ba thừa, sáu Độ giáo: Tức là dạy bảo rằng ngươi nên bỏ ác, làm lành. “Lợi”: Vì chưa đạt được mùi vị của pháp lành thì tâm sẽ lui sụt nên nói pháp lợi để dẫn dắt giúp người tu ra khỏi Hỷ (vui): Tùy theo điều được làm mà khen ngợi khiến cho tâm người tu được vui mừng. Dùng bốn việc ấy để trang nghiêm sự nói pháp.

Kế là “Như Lai v.v...” trở xuống là thành nghi niệm: Tùy theo ý và ngôn ngữ của người khác để bố thí món ăn thức uống thuộc quyền. Tùy theo tự thân mà bố thí thật.

Kế là Từ Đại v.v...”trở xuống là nói về lời tựa của sự hiện điềm lành, có:

- Kết trước mở sau, có hai:

Một là Phân tiết kinh.

Hai là “dốc lòng v.v...” trở xuống là giải thích về ý, lại có:

- Kết phần trước, có hai:

Một là nói về dốc lòng. Chí cũng như cùng cực. Tâm và Phật cùng một nguồn. Nay vì muốn niệm Phật nên phải đạt đến điểm cùng cực thật tế của tâm mình.

Hai là “Quán tâm v.v...”trở xuống là nói về niệm Phật: Quán tâm đã cùng cực nên sẽ đạt được trọn vẹn công đức của niệm Phật, không sát sinh, v.v... tất cả đều ngang bằng với hư không. Vì quán quá sâu nên liền thành niệm nghi. Hai là nói về sự mở ra phần sau: máy móc mầu nhiệm Ứng thì tướng lành liền hưng khởi. Hai chính là nói vế sự ứng hiện điềm lành, có hai: Một là trình bày về ý và chia văn, có ba:

Một là trình bày về ý, có hai: Một chính là trình bày “vì nhĩ.. “: Nhĩ tức là người biểu thị cho sự thêm lớn về phần nhân chân thật và cảm quả rốt ráo.

Hai là “Hỏi..” trở xuống là liệu về tác giả, có hai:

Một là hỏi.

Hai là đáp.

Kế là phân biệt người giảm, có hai:

Một là hỏi.

Hai là đáp, có hai:

Một là phân biệt thông theo Biệt.

Hai là "Tuy nhiên v.v..."trở xuống: Căn bản của lợi ích là ở người khác. Tín Tướng đã là người phát khởi tức là đồng với chư Phật mà làm. Vì là chủ thể Ứng nên biết rằng chủ thể cảm vốn ở tại các loại căn cơ. Vì vậy, Ứng với một người là Ứng với số nhiều.

Kế là Phân văn.

Kế là "tướng riêng v.v..." trở xuống là sắp xếp về Tướng, lại có:

- Chính là phán, có hai:

Một là y theo mười nhân, một quả để phán.

Hai là "Lại nữa v.v..." trở xuống là y theo Thập địa, Nhất địa để phán.

Kế là "Hỏi v.v..." trở xuống là liệu giản, gồm có:

- Y theo Tông chỉ của kinh để liệu giản, có:

Một là hỏi.

Hai là đáp.

- Y theo Tự vị để phân biệt, có hai:

Kế là hỏi: Sự phán định về Tợ vị ở trước có hai ý nghĩa:

Một là y theo Thập Tín Tợ đối với Chân thuộc từng phần.

Hai là y Theo thể thức Tợ của Phổ hiền đối với Diệu giác. Như tướng lành của nay chắc chắn biểu thị cho Thập địa. Vậy, lẽ nào lại khiến cho Thập Tín bước lên Pháp Vân ngay? Lẽ nào lại khiến Phổ hiền đi vào Sơ địa?

Kế là Đáp: chúng ta nên biết rằng hai lần trở xuống, trong mỗi địa đều có đủ công đức của các Địa. Thập Tín phát khởi Chân thật, gặt hái được mười công đức của Thập (Địa). Đẳng giác cũng tiến mười đức của Hậu tâm. Đó là trước và sau đều thấm nhuần lợi ích của Thập (Địa). Vì vậy, y theo chiều Ngang và Dọc mà sắp xếp một cách tự nhiên.

Kế là "Tướng riêng v.v..." là y theo văn để giải thích về Tướng, có hai:

Một là Phân tiết văn để nói về mười tướng.

Hai là y theo biểu phát để giải thích về Tướng, có hai:

Một là chỉ bày lại về khuyến giới. Âm "Phỉ" Tức là Văn vẻ. Ý nói có thể dùng mười đoạn văn kinh để làm sáng tỏ về Chỉ. Y theo vào sự

bình luận, nghĩ nghị mà mô phỏng tương tợ. Chứ không thể nói đầy đủ về hành tướng của nó. Vì vậy, nên nói “Chẳng thể dùng sự hoàn bị tất cả để trách cứ.”

Hai là “Căn phòng của v.v...” trở xuống là y theo Tướng để biểu thị cho đức, có hai:

Một là chiều Dọc biểu thị cho công đức Thập địa. “Thập địa, Địa này khai mở đầu tiên”: Đại phàm, Tiểu Thánh bị che lấp bởi Vô minh nên cảnh giới hạn cuộc và hẹp. Nay, vì phá hoại hoặc này nên dùng rộng để biểu thị.

Hai là “Đây đối với Giới”: y cứ mười Độ của Hoa nghiêm để đối với Địa thì Sơ Địa tương đương với Quyền. Văn lược bỏ không nói. Các Địa đã có đủ theo tính chất tương xứng nhau thì mười Độ đều dung nhiếp nhau.

Kế là “Chỉ có Nhục mà nhẫn tăng”: Không bị khuất nhục thì làm sao có thể làm sáng tỏ về sức của nhẫn. Bốn là “Đốc xuất các hạnh”: Đốc tức là thúc đẩy. Các hạnh tức là các Độ. Vì thúc đẩy các hạnh đạt đến quả cùng cực nên lấy toà ngồi cao để tượng trưng cho Tinh tấn. Hạnh năm, sáu, bảy, tám, chín đều nhận thấy được. “Mười tùy cấp bậc mà Viên mãn”: Vì hạnh lấy trí làm người dẫn dắt nên tùy theo cấp bậc, vị trí. Các hạnh Viên mãn từng phần là do căn cơ chúng sinh đầy đủ. “Chú v.v...”. Nên nói về tướng trạng của triển khai và qui nạp của sáu độ và mười độ. Nhưng, Độ thứ sáu có cả cả Đại và Tiểu, còn độ thứ mười thì chỉ ở Đại thừa. “Mười độ”: Vì ở trong Thiền có Nguyện trí lực nên mở ra thành Nguyện độ. Có thông lực của thiền nên mở ra Lực độ. Căn bản định thiền giữ Thiền độ gốc. Bát-nhã có trí Đạo chủng nên thành phương tiện độ có trí Nhất Thiết chủng nên mở ra thành Xuất Trí độ. Trí Nhất thiết giữ tên gọi Bát-nhã gốc.

Kế là “Lại nữa v.v...” trở xuống là Ngang, biểu thị cho công đức của một Địa như sau:

- Nói chung về công đức của một Địa, gồm có:

- Y theo Sơ địa, có:

Một là mở bày chung.

Hai là “Kỳ v.v...” trở xuống là nói bày riêng, có mười:

- “Nhà sạch” là biểu thị cho trí, là có:

Một là nói về công năng của ấm, vì căn phòng có khả năng che đậy nên biểu thị cho năm ấm. Muốn làm sáng tỏ tướng của Trí thì phải hiểu rõ về ấm. Vì đạt được Trung với ấm nên “Không cả hai” hai bên. “Không làm v.v...” trở xuống là giải thích về Tự nhiên: Trí của Trung

chẳng bị trói buộc bởi hai bên là do loại trí này không tạo ra hai bên. Vì vậy, giác tánh xưa nay hiện tiền một cách tự nhiên. "Không được v.v..." trở xuống là giải thích về rộng: Chỉ có một mảy may sở đắc là bị hạn cũ và hẹp. "Không trực tiếp v.v..." trở xuống là giải thích về sự trang nghiêm: Trí của Tiểu thừa vô thường, chỉ lìa sai lầm mà thôi, cuối cùng vẫn trở về với sự tro tàn và đoạn diệt. Sự giác ngộ của Đại thừa vốn có vô số công đức, tự nhiên được trang nghiêm.

Hai là "Sự của trang nghiêm tức v.v..." trở xuống là giải thích về thể tướng của ba thứ trí. Căn phòng biểu thị cho Nhất tâm, sáu chữ "Tự nhiên, quảng bác, nghiêm sự" biểu thị cho ba thứ trí mới bắt đầu tu tập Viên mãn, ngày nay mới giác ngộ tức khắc và thấu suốt.

Kế là "Màu xanh của trời v.v..." trở xuống là "Không gian châu báu" là biểu thị cho cảnh, có:

Một là Biểu thị trực tiếp về ba đế.

Hai là "Nhất địa v.v..." trở xuống là nói lên cả Viên dung, chính là: Một địa ở trong phòng có ba tướng này để biểu thị cho cảnh cao siêu. Ba và một tức nhau: Hành giả nên biết danh của Trí thuộc Đế là khác nhưng thể của chúng là giống nhau. Vì muốn làm sáng tỏ về sự tu chứng nên gương kiến lập chủ thể và đối tượng.

Ba là "Có mầu nhiệm v.v..." trở xuống "Diệu hưởng" biểu thị cho Từ bi. Cảnh và trí của Nhất tâm có thể cho và nhổ tức gọi là Từ bi. Cảnh và Trí cao rộng, cho và nhổ tương xứng. Vì vậy, khiến cho Từ bi Dọc thì cao, mà Ngang thì rộng. Cả ba đều không khác nhau nên thường hiện hữu khắp trong ba khoa của tất cả chúng sinh.

Bốn là "Cái phòng v.v..." trở xuống là giải thoát. Tịnh tức là Bát-nhã. Vì ba thứ đức có đủ tính chất hỗ tương. Vì là chỗ y cứ, dựa nương rốt ráo của Phật nên dùng chỗ ngồi để biểu thị.

Năm là "Có bốn v.v..." trở xuống là "tòa ngồi của Phật v.v..." biểu thị cho Giác trí vốn có bốn đức, tức là ba trí dùng để làm tòa ngồi. Tu được bốn đức tức là ba trí dùng đó làm chủ thể ngồi. Vì vậy, dùng Đức Phật để biểu thị.

Sáu là "Phóng lớn v.v... trở xuống là phát ra ánh sáng v.v..." là biểu thị cho Tự và Tha: Vì, ánh sáng chiếu soi vùng đất này tức là thường chiếu soi vùng đất khác. Nó có thể dùng để biểu thị cho việc tự thực hành và giáo hóa các chúng sinh khác.

Bảy là "Mưa các v.v..." trở xuống đến "Mưa hoa v.v..." là biểu thị cho Bốn biện. Tri giải được tất cả ngữ ngôn Đà-la-ni, dùng Pháp, Nghĩa, Từ và Nhạo thuyết để phân biệt. Một và Nhiều bàn luận một cách dung

nhiếp, từ bi rót vào vô tận, không ai nghe mà không vui mừng, dùng hoa để biểu thị. Vì tánh của Văn tự vốn lìa nên mưa trong hư Không. Giải thích như thế mới có thể mở bày về diệu lý.

Tám là "Làm trời v.v..." trở xuống đến "Niềm vui của trời v.v..." là biểu thị cho Bốn nhiếp: Bố thí, ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự. Bốn thứ này nhiếp hữu tình cũng như nhã nhạc làm người khác vui thích.

Chín là "nhân của trời v.v..." trở xuống đến "Nhân niềm vui v.v..." là biểu thị cho niềm vui của Pháp. Nhất tâm ba trí, chính nơi vắng lặng mà là chiếu soi, không có pháp nào không biết. Ở đây nói là thanh sạch hóa thần tính, thọ nhận niềm vui của Nghĩa thiên.

Mười là "Căn thiếu v.v..." trở xuống đến "Căn đầy đủ" là nói lên sự dùng đầy đủ theo tính chất hỗ tương: Vì đã phân chia và phá bỏ nghiệp thức, chuyển thức và hiện thức nên thấy, nghe, hay và biết, mỗi căn đều có đủ.

Kế là "Sơ địa v.v..." trở xuống là khen ngợi chung về sự không cùng tận của công đức Pháp tánh. Vì Địa này tương xứng với đức sáng tỏ của Pháp tánh nên khiến chư Phật chẳng thể nào nói hết được. "Mười tướng của Chỉ": Là do nhà chuyên về kinh nêu lên đại khái. "Ngạnh giới": Giới ( ) nên viết là khái ( ). Đó là sự nhẫm lẫn của âm thanh. Nói Ngạnh khái tức là nói là sơ lược.

Kế là "Sơ địa v.v..." trở xuống là theo mô thức của các Địa khác. Từ đây đến Cửu địa, Địa nào cũng giống như vậy. Nhập ngang vào Dọc, không có Dọc nào không là Ngang.

Hai là "Lại nữa v.v..." trở xuống là nói riêng về Tự và Tha của một Địa, có:

- Y theo Sơ địa, có hai:

Một là trình bày sơ lược: Công đức của việc tự thực hành là nhân quả của sự thực hành. Công đức của sự giáo hóa người khác tức là chủ thể và đối tượng thuộc về việc giáo hóa người khác. Điều này giống với ý của Mười mầu nhiệm trong kinh Pháp Hoa.

Hai là "Căn phòng của v.v..." trở xuống chính là biểu thị, có hai:

Một là năm thứ trước biểu thị cho việc tự thực hành. Nếu phối hợp năm loại này với mười mầu nhiệm thì: Pháp thân là mầu nhiệm của Cảnh, Bát-nhã là mầu nhiệm của trí, giải thoát là mầu nhiệm của hạnh, Nhân thành là mầu nhiệm của Vị, thành Phật là mầu nhiệm của ba pháp. Đó là nhân quả của việc tự thực hành. Nếu Cảnh, Trí và Hạnh đối với Lý tánh v.v... trụ ở ba loại chính ở trước thì ở đây là y theo sự gắng gượng để y theo tu mà so sánh theo nguyên tắc riêng. Nếu nói về

thể của pháp thì vị trí chân thật vốn không thiếu sót.

Hai là năm thứ sau biểu thị cho sự giáo hóa người khác. Ý luân soi xét căn cơ tức là mầu nhiệm của Cảm và Ứng. Khẩu luân là sự mầu nhiệm của nói pháp. Thân luân là sự mầu nhiệm của thần thông. Lại nữa, “Biểu thị v.v...” trở xuống là được niềm vui của trời, căn thiếu hay đầy đủ đều đã chuyển được chướng nạn nên sẽ so sánh chung với hai thứ mầu nhiệm là quyến thuộc và lợi ích. Đây là chủ thể và đối tượng thuộc sự giáo hóa người khác.

Hai là “Sơ địa v.v...” trở xuống là y theo lệ chung của các Địa khác.

Hai là “Từ một v.v...” trở xuống là hiện tướng chung, có hai:

Một là biểu thị có cả việc không hiểu về ý. “Nói ý sơ lược”: Vì chỉ nằm tại mười nghĩa. “Ý rộng”: Vì ngôn từ “tất cả” vốn bao gồm tất cả.

Hai là “Tất cả v.v...” trở xuống là y cứ theo văn để biểu thị chung:

Kế là Bao gồm. “Mười pháp giới”: Tâm, Phật, chúng sinh, cả ba pháp ấy đều có đủ trong con người. Sự đầy đủ tuy không khác nhau, nhưng xét về Mê và Ngộ thì có khác nhau. Phật đã chứng ngộ trong lúc tâm và chúng sinh đang ở trong mê tối. Toàn là mê tối thì gọi là mười cõi thuộc phạm trù Lý tánh. Tín thuyết thì gọi là mười cõi thuộc phạm trù danh tự. Niệm niệm thể đại thì gọi là mười cõi của quán hạnh. Sáu căn chiếu soi khắp nơi gọi là mười cõi thuộc Tương tự. Chứng mười khởi ứng gọi là Thập giới của rốt ráo. Tâm ta hợp với Thể và Dụng mười cõi của Phật, cũng thấy mười cõi của chúng sinh đồng với Phật. Đó là nay biểu thị cho nghĩa của mười cõi thuộc phạm vi quả nhưng không tan tác nên thứ kiến giải này mà chỉ nói rằng “tất cả bao gồm cả mười cõi”. “Ba thứ thế gian”: tức là Giả, Thật và Y-Báo.

Chấp thật thành giả, danh tự khác nhau tức là chúng sinh thế gian. Sắc và Tâm của thật pháp bị chấp có sự gián cách tức là năm ấm thế gian. Chỗ nương dựa của chánh báo, sự khác nhau của y báo tức là cõi nước thế gian. “Chưa từng có” là phần chứng bản thuộc mười, chia ra mười tích. Tuy được viên dung nhưng nếu so với quả cùng cực thì sự khác nhau giữa sáng và tối là rất nhiều. Như kinh Hoa Nghiêm nói rằng “Công đức mà vị Bồ-tát Quán đảnh đạt được là như một nắm đất. Công đức của bậc Diệu giác thì như đất của bốn châu”. Vì vậy, nhân tròn đầy, Lý sáng tỏ. Nào là Tự, nào là Tha, ba mươi loại thế gian, mỗi thế gian đều rốt ráo thanh tịnh, đều tự tại chưa từng có. “cõi nước v.v...”

trở xuống là phối trí ba loại thế gian để với ba đức mà theo nghĩa thì lại tiện lợi. “cõi nước v.v...”: là Mê, giả và Thật đã y theo cõi nước. Về quả thì trí và đoạn hoàn toàn y theo Pháp thân. Vì vậy, y theo cõi nước để nói về sự tròn đầy của Thật tướng. “Chúng sinh v.v...”: Thích luận nói “Chúng sinh vô thượng là Phật”, Phật dịch là Giác. Thỉ giác là Không của Người, Chung giác là Không của Pháp. Vì vậy, đối với thế gian thuộc chúng sinh để nói về sự tròn đầy của Bát-nhã. “Năm ấm v.v...”: Thích luận nói: “Pháp vô thường là Niết-bàn”. nhân diệt loại sắc này mà gặt hái được loại Sắc thường hằng”. Thọ, Tưởng, Hành và Thức cũng giống như vậy. Hai thứ chấp đã hết, năm ấm được tự tại. Vì vậy, đối với thế gian thuộc năm ấm mà nói về sự tròn đầy của giải thoát. Dùng ba so sánh với ba. Chúng ta nên biết về ý ấy. Vì đối với ba thứ đức thì nêu một loại chính là ba loại. Làm sáng tỏ một loại thế gian trong ba thế gian đều tròn đầy, cùng khắp, dung nhiếp theo tính chất tương hỗ. Nay y theo thiên mục mà loại suy ra rất dễ biết. “Thật tướng là căn bản”: Thật tướng không có tướng, quả cùng cực đều là hoàn toàn mất đi tướng trạng. Vì vậy mà gọi là Tự tha của Thật tướng tròn đầy.

Kế là “Theo Tín v.v...” trở xuống là Tựa của nghi thuộc về sự mặc niệm, có hai:

Một là phân văn.

Hai là “Hoan hỷ v.v...” trở xuống là tùy theo văn để giải thích, có hai:

Một là Hoan hỷ do thấy tướng.

Hai là “Theo đến v.v...” trở xuống là trình bày về nghi ngờ của mặc niệm, có ba:

Một là nói về ý của nghi: Chứa nghi mà bất đằng, sợ rằng sẽ thành Nghi cái.

Hai là “Niệm thích v.v...” trở xuống là chỗ nghi của chính thức đằng. Tất cả công đức đều y cứ theo tuổi thọ mà được đình trụ. Tuổi thọ của thân đã ngắn thì các loại đức làm sao đình trụ được. Vì vậy tất cả đều không nghi chỉ nghĩ nhớ về tuổi thọ ngắn. Sự che đậy không đằng này chẳng thể nào giải quyết được.

Ba là “ba nhưng v.v...” trở xuống là nói về ý nghĩa mặc niệm. Vì uy đức, tôn quý nên im lặng. Vì cầu giải quyết điều nghi nên nghĩ nhớ (niệm). Dựa vào trước thì sẽ thấy được.

Kế là “Theo ngươi v.v...” trở xuống là tự của chính thức nghi, như sau:

Một là phân văn.

Hai là "Nghi cái v.v..." trở xuống là y theo văn giải thích, lại có:

- Chính là làm dứt nghi, có ba:

Một là ý của sự dứt nghi. "Nghi cái che tâm": Trong số năm cái thì Nghi cái có cái khác nhau làm che đậy Thiền và Tuệ. Vì sao phải dự phòng làm cho đình chỉ? Bởi nếu chưa giải trừ thì lúc tâm hợp sẽ dẫn đến nghi ngờ. Đã thấy được uy đức, tôn quý thì đó là nơi để giải quyết điều nghi. Nếu vẫn chấp chặt niệm nghi thì khó khai mở được quán tuệ. Vì vậy, cần phải dứt niệm nghi, lắng tâm để nhận pháp. "Chẳng hạn như v.v...": Nghi là kiến hoặc, thường che chướng Chân-đế. Dứt nghi, thấy đạo mới tiến bước để tu tập về chân được. Nghi về đằng của Tín Tướng có thể là Quyền, có thể là Thật. Đức Phật làm dừng mối nghi thì khiến cho cả Tự và Tha đều được lợi ích.

Hai là từ "Ngươi v.v..." trở xuống chính là làm dứt Nghi, có ba:

Một là đại dụng không thích ứng: tuổi thọ tám mươi là toàn thể pháp giới khởi đại dụng để ứng với chúng sinh. vì vậy, chúng ta không nên lấy sự ngắn hạn của Định để nghi ngờ.

Hai là pháp tánh không thích ứng: Biển tánh mà Đức Thích-ca chứng đắc là vô cùng sâu xa. Lẽ nào người học lại đem tâm suy niệm thuộc ngắn dài để so lường?

Ba là Trí độ không thích ứng: Hai thứ Chân tín và Chân trí đều có khả năng biết và khả năng chứng. Ngươi nay chưa có đủ thì không nên so lường. Ba việc không nên này là y theo ba thân mà làm thành ý của dứt. Cũng có thể hai không nên đấm trước là y theo đối tượng được suy nghĩ mà dứt, một không nên cuối là y theo chủ thể suy nghĩ để dứt.

Kế là "Thích luận v.v..." trở xuống là dẫn chứng để kết: Tất cả các pháp mà Đức Phật có được đều là Vô lượng. Nếu chúng ta dùng tâm suy lường để cân đong đo đếm các pháp của Phật thì chắc chắn sẽ bị che chắn và chìm đắm nơi biển nghi ngờ. Vì vậy, bốn Đức Phật dùng ba điều không nên để dứt niệm nghi của người nghe.

Kế là "dùng cái gì v.v..." trở xuống là giải thích về việc dứt nghi ngờ như sau:

- Giải thích về "Không nên thuộc pháp tánh", có hai:

Một là nói về tám chúng nhiếp Bồ-tát: Tuy kinh đã nêu rõ ràng về tám chúng, nhưng vì thiếu Bồ-tát nên y theo Sinh, Pháp, Quyền, Thật để chỉ bày về vấn đề đó. "Vùng đất Pháp tánh": Tức là Phương tiện và Thật báo. Vì đã không ở đó nên tồn tại ở ngôn ngữ.

Hai là "Nếu, Phàm v.v..." trở xuống là nói về vấn đề không nên so lường tánh: Chỗ mà Như Lai đi là pháp tánh sâu rộng. Nơi ấy còn

vượt hẳn chỗ đi thanh tịnh của Bồ-tát, huống chi là phàm phu và Tiểu thừa mà lại cân đo, đong đếm được sao!

Kế là "Chỉ trừ v.v..." là giải thích về "không nên thuộc Trí độ", có hai:

Một chính là giải thích về sự giáng sinh của Phật khó so lường. Chỉ có Đức Phật và Phật mới xét mét cùng tận, trí thuộc về nhân làm sao biết được?

Hai là "Xưa dùng v.v..." trở xuống là chỉ bày về pháp được Đức Phật biết, có hai:

Một là xưa giải thích có thể biết cho nên là vô thường. "Nói lời ấy": Chỉ trừ câu "Như Lai". Thọ lượng đã là đối tượng được nhận biết của trí thì đó là pháp có thể suy tư nên chúng ta nghiệm ra rằng nó là vô thường.

Hai là "Thiên thai v.v..." trở xuống là nói về sự giải thích của ngày nay: Trí của thường hằng biết được thường hằng. "Vô lượng thường trí": Hoàn toàn không biết mới là biết đầy đủ. Loại biết này xứng hợp với tánh thể, vì toàn trí của Bản mà thành trí của Phật. Nếu đã biết về bản tánh thì tánh há lại là Vô thường. Vì các Sư thời xưa không hiểu nên cho rằng có biết là trí Phật.

Kế là "Trí tánh v.v..." trở xuống là khiến cho biết về đại dụng theo nguyên tắc tỷ giáo: Cái trí của sự không biết đã thầm hợp với pháp tánh thì dụng căn bản của pháp tánh phát hiện đầy đủ. Hiện dài hay ngắn gì cũng đều gọi là tuổi thọ thường hằng. Vì là toàn tánh nên kinh giải thích là trí của tánh. "Lược về đại dụng": cho là có thể hiểu.

Kế là từ "Thời v.v..." trở xuống là nói về nhóm họp chúng, gồm có:

- Chính là giải thích văn kinh, có hai:

Một là đối với trước và sau của kinh khác.

Hai là "Thời ta v.v..." trở xuống là y theo kinh ngày nay để giải thích, lại có:

- Chính là nói về chúng của thất này, có hai:

Một là giải thích sơ lược về Thời, Chúng.

Hai là "Tín Tướng v.v..." trở xuống là nói về ý của sự nhóm họp chúng: Tức tuổi thọ tám mươi tuổi làm sáng tỏ về sự thường hằng của ba thân. Lẽ nào chỉ ích lợi cho một mình Tín Tướng mà thôi ư? Vì vậy, Đức Phật dùng thần lực để nhiếp những người có duyên khiến họ nghe về Viên và Thường mà đạt được ích lợi của bốn Tất-đàn. Nói chỗ lợi ích nhiều thì lẽ nào chỉ có một thất. Chúng này sau khi nghe liền giảng

nói tại chỗ.

Kế là "Chúng, có v.v..." trở xuống là nói về chúng của kinh này: Chính thức nói về căn phòng này có đủ bốn chúng. Phụ thêm câu "Các phẩm đều có bốn chúng", có ba:

Một là nói về kinh này có đủ bốn chúng: "Chúng ảnh hưởng", tức là chư Phật và pháp thân Đại sĩ thuở xa xưa ẩn sự chứng đắc tròn đầy, cùng cực của mình để giúp cho việc giáo hóa của Đức Phật, làm bạn, thờ phụng chủ như ảnh bóng theo hình, tiếng dội tùy theo âm thanh. Danh và nghĩa của bốn chúng được nói đầy đủ trong Pháp hoa sớ.

Hai là "Kinh này v.v..." trở xuống là nói về vấn đề chúng trong kinh này giống như các kinh khác. Sự nhóm họp trời rồng trong kinh này nào khác với Hoa Nghiêm. Ở bản dịch mới, phẩm này có nói rằng "Vô lượng chúng Bà-la-môn". Lại nữa, ở phẩm Sám hối, Tín Tướng ra khỏi thành cùng vô lượng, vô biên trăm, ngàn chúng sinh đều đến Linh thứu lẽ nào đều là quỷ thần? Vì lẽ đó, chúng ta nghiệm ra rằng sự tập trung chúng của kinh này giống như các kinh khác.

Ba là "Cùng thừa sự v.v..." trở xuống là làm dứt sự giải thích hạn cục của thường tình. Lẽ nào chúng ta lại lấy sự kiện sơ lược trong văn của bản dịch xưa về phẩm này mà quy kết ngay rằng chỉ nhóm họp chúng trời, rồng thôi ư?

Kế là "Điềm lành chung v.v..." trở xuống là giải thích về ích lợi của pháp trong kinh bộ, có hai:

Một là khác với Pháp Hoa thuộc hệ Phương Đẳng. Tất cả thế gian hợp lại bao gồm mười cõi, không hề có việc mà đều đã hiện ra đầy đủ. Hợp với mười cõi đều làm sáng tỏ ba đức. Vậy mà, Đức Phật lại chưa trao lời thọ ký cho Nhị thừa. Qua đó, chúng ta nghiệm ra rằng chưa thể giống với bộ Pháp Hoa. "Chỉ y theo Thông giáo đối với lợi căn": Nói về đặc tính Thường của ba thứ thân, giải thích về Pháp tánh của Viên, cùng với hai thứ bơ của chúng mà bàn luận về sự không khác của Viên. Đã là tựa đề đầu tiên của kinh nên không nêu tên Bát-nhã. Hai chỗ trong bộ tương xứng với cái tên Phương đẳng. Vì thế, sự phán giáo của ngày nay là thuộc về Phương đẳng. "Mà trong bộ này có được lợi ích của Viên": Tự đối với mười cõi, chứng đắc một cách mầu nhiệm về tân y. Cũng được gọi là việc chưa từng có. Tất cả đều xuất hiện đầy đủ.

Hai là "Trong này v.v..." trở xuống là phải dựa vào giới để làm sáng tỏ sự lợi ích của chúng. "Bốn câu của giới":

Một là Thừa và giới đều gấp.

Hai là Thừa và giới đều thư thả.

Ba là Thừa gấp rút còn giới thì thư thả.

Bốn là Thừa thư thả còn giới thì gấp rút. Trước là, hành giả phải nhận biết về thể tướng của Thừa và giới. Lại nói về mười loại Giới và chỉ giữ lấy không thiếu, không phá, không xuyên và không tạp. Bốn thứ Giới này tuy chia ra Định và Tán nhưng tất cả đều là nhân của người, trời, là giới của nay. Bất thủ, Tùy đạo, Vô trước, Trí sở tán, Tự tại, tùy định cụ túc. Vì sáu thứ này tuy gọi là giới nhưng thể là ba thứ quán nên tự thân của chúng thuộc về Thừa. Đối với Thừa thì nói về năm thừa nhưng chẳng lấy người và trời. Vì hai thứ người và trời tuy gọi là Thừa, không động không xuất, nhưng thể của chúng là Thiện, là Sự thuộc Hữu lậu, nên thuộc về Giới. Chỉ lấy ba thừa bao gồm cả bốn thứ giáo. Đó là vì tuy đi vào Lý có chia ra sâu cạn nhưng cả ba thừa ấy đều khuấy động phiền não, ra khỏi sinh tử nên được gọi là thừa. Nay dùng bốn thứ giới để so sánh với ba thừa, luận bàn về tính chất gấp rút và thư thả để tạo thành bốn câu. “Cả Thừa và Giới đều gấp rút”: Tức là người và trời ngày nay đang đến nghe Pháp. “Cả Thừa và Giới đều thư thả”: tức là các rồng, quỷ nhóm họp theo quan điểm ngày nay. “Thừa thư thả còn Giới thì gấp rút”: tức là theo quan điểm của ngày nay, các vị trời chấp đắm niềm vui, loài người ưa thích tình dục v.v... “Không dự trù điều ấy”: Đều là loại của chúng. Lại phải biết rõ. “nhóm họp ngày nay”: Tuy nói rằng Thừa gấp rút nhưng Thừa vốn có Quyền và Thật. Kẻ đời trước tu tập gấp rút đối với Tạng và Thông thì nay ở trong căn phòng mà nhìn thấy sự khác nhau của các Đức Phật trong số bốn Đức Phật và chỉ thấy Phật thuộc Ứng hóa. Dẫu có nghe nói về sống lâu đi nữa rồi cũng phải trở về tro tàn, diệt tận. Sau khi diệt rồi thì không sinh nữa. Nếu là người đời trước tu tập gấp rút về Biệt và Viên thì nay thấy cả bốn Đức Phật đều là thân tôn đặc, một thân, một trí. Nghe núi, rìu v.v... tuy là tuổi thọ của Ứng nhưng họ vẫn biết rằng đó chính là Pháp thân và Báo thân. Ba thân và một thân khó mà nghĩ bàn được gọi là thấy thân thường hằng. “Quyền, Thật v.v...”: trong chúng sinh thuộc bốn thứ gấp rút và thư thả ấy có kẻ là thật hạnh, có người là thị hiện theo nguyên tắc Quyền. Quyền có khả năng dẫn ra Thật để làm hạt giống nóng thoát, nhân duyên gần xa. Cho nên nói là “Các việc”. “Ghi riêng”: Tức là Pháp Hoa sớ, Tịnh danh sớ và Chỉ quán. Nay y theo những lời “Ghi riêng” ấy mà chú thích rằng: “ v.v...”. Ba là “Cùng loại đó v.v...” trở xuống là phán thuộc về đoạn lời tựa.

■

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 3
(Phần đầu)

Tiếp là từ “Lúc bấy giờ v.v...” trở xuống là phần Chánh tông của đoạn lớn, như sau:

- Chỉ bày chung về Văn nghĩa, có hai:

Một là chỉ bày về sự khởi diệt của văn kinh. Toàn bộ ba phẩm là Sám hối, Tán thán, Không, cùng với nửa phẩm Thọ lường này đều là Chính thuyết.

Hai là “Thông thường, ba v.v...” trở xuống là giải thích về nghĩa lớn của ba chương, lại có:

- Nói về Sư khác, có hai:

Một là trình bày.

Hai là “Tiếp theo là v.v...” trở xuống là Phá chương an: Vì bản này không chép rằng Sư và Thiên Thai nên biết là sự phá riêng. “Không tuy là Trung” tức là ở giai đoạn nhân, dùng Trung để phá chấp. Vả lại, cũng không phải thể của Trung được làm sáng tỏ về mặt quả. Tuy pháp không giống nhau nhưng Dụng làm sáng tỏ sự khác nhau của nghĩa. Vì các vị xưa không hiểu được điều này nên nay không dùng.

Kế là “Tam tạng v.v...” trở xuống là nói về Chân-đế, có hai:

Một là nói về “Hư không v.v...” Phẩm Phân Biệt ba thân của bản dịch mới chép: “Bồ-tát Hư Không Tạng bạch Phật: Làm sao các vị Bồ-tát đối với kho bí mật sâu xa của Như Lai mà đúng như pháp tu hành”. Chỉ vào câu ấy mà làm tựa.

Hai là “Trực tiếp là v.v...” trở xuống là Phá Chương An: Mỗi tiết của các kinh đều có sự phát khởi câu hỏi, lẽ nào tất cả các tiết ấy đều gọi là Tự? Vì thế nên nói là “Nghĩa yếu”.

Kế là “Sư nói rằng v.v...” trở xuống là sự bỏ và lấy của Sư ngày nay. Tuy Bồ-tát Hư Không Tạng kia y theo nhân để hỏi nhưng Đức Phật liền đáp rằng “Tất cả các Đức Như Lai đều có ba thân” thì lẽ nào lại chẳng phải là nghĩa của quả. Vì vậy, Sư ngày nay bỏ ba tạng mà lấy nhà

đầu tiên. Có thể biết đối với vị sư tiếp theo.

Kế là “Mới cũ v.v...” trở xuống là nói về ý của ngày nay, lại có:

- Y theo bản dịch mới để nói về tông thể, có ba:

Một là bốn Đức Phật nói về Tích để làm sáng tỏ Bổn, quét sự nghi của Ngắn đối với tám mươi. Nói về Ứng của Dài như số giọt nước biển. Đã nghe nói rằng Ứng hóa có Dài và Ngắn thì tất nhiên sẽ biết rõ sự phi sinh diệt của Pháp và Báo. Bổn và Tích đã dung nhiếp nhau thì sự nghĩ bàn liền dứt bặt. Bậc Thượng căn chỉ nghe về Tích của ba thân thì cũng ngộ được cội nguồn. Đây là tương đương với vòng thứ nhất.

Hai là “Nếu chưa v.v...” trở xuống là Vương tử thị hiện Bổn để giúp cho người nghe tỏ ngộ về Tích. Trong phẩm Thọ Lượng của bản dịch mới, lúc bốn vị Phật nói xong về vấn đề tuổi thọ làm lợi cho chúng sinh rồi, có Bà-la-môn Kiều-trần-như vì muốn sinh lên cõi trời nên cầu xá-lợi của Phật như hạt cải, hạt lúa. Vương tử Lê-xa-tỳ nói kệ đáp rằng: “Dù cho gót chân của muỗi và ve có thể làm thành và lầu thì thân vắng lặng của Như Lai cũng không có việc gọi là xá-lợi, sừng thỏ làm thang leo, từ đất được lên cõi trời. Nghĩ sai về xá-lợi Phật thì công đức không có. Chuột leo lên thang sừng thỏ, Ăn mặt trăng trừ Tu-la. Nương xá-lợi để dứt hết hoặc. Giải thoát là không có”. Người Trung căn trực tiếp nghe về lý của Pháp thân vốn không sinh diệt thì liền ngộ Báo ứng có khả năng Thường hoặc Vô thường. Lý và Sự đã dung thông thì nghĩ bàn liền dứt bặt. Đây tương đương với vòng thứ hai.

Kế là “Nếu chưa v.v...” trở xuống là Đức Phật Thích-ca hai lần luận bàn để cho tất cả đều hiểu biết. Hạ căn đã chậm lụt nên nếu bàn luận có tính cách nghiêng về Bổn và Tích đi nữa thì họ cũng không thể tri giải về ý của tính chất dung nhiếp lẫn nhau. Vì lẽ đó, Đức Thích-ca mới giảng nói đầy đủ về ba thân là Pháp thân, Ứng thân, và Hóa thân. Như dựa vào bầu trời mà có điện, dựa vào điện mà có ánh sáng. Pháp thân là Lý. Ứng thân là trí. Trí đã ứng với Lý thì liền sinh khởi hóa thân. Ba thân thầm khế hợp làm một nhưng một cũng không chắc chắn là một, nên ba thân vốn rất linh động. Cho nên phẩm Tựa Đề là Phân biệt ba thân. Pháp và Ứng là Bổn. Hóa thân là Tích. Một thời mà đều nói về cả ba thì sẽ sinh ra sự hiểu biết vượt hơn. Cố nhiên là tính chất nghĩ bàn sẽ dứt bặt. Ở đây tương đương với vòng thứ ba. Ba phen này đều nói về Tông thường hằng của Như Lai để làm sáng tỏ thể tánh. Ý của việc nói ấy là làm cho người nghe phát trí, chứng lý.

Kế là “Phẩm Hối v.v...” trở xuống là phán định rằng cả ba phẩm đều giải thích rõ về Dụng. Tông của Phật trí làm sáng tỏ Thể của Pháp

tánh. Đó được gọi là Tông của Kinh, Thể của Kinh. Tất cả chúng sinh đều lấy Tông và Thể này làm tâm của mình. Nếu sám hối, khen ngợi, tu tập về hai thứ Không thì nhờ đó mà diệu dụng của Phật sẽ sinh khởi toàn thể, khiến cho chúng sinh này diệt điều ác sinh ra điều lành và phát khởi dụng của Không mà dẫn thành hai thứ dụng. Cho nên nói là "Cả ba phẩm đều là Dụng của kinh".

Kế là "Nay v.v..." trở xuống là giải thích về việc bản kinh này lược bỏ hai phen. Vì hai phen đều làm sáng tỏ về ba thân nên chẳng khác với điều được làm sáng tỏ bởi một phen này của hôm nay. Vì thế, Sư Đàm-vô-sấm thuận với sở thích mà lược bỏ Cơ, không dịch hai phẩm sau.

"Văn là v.v..." trở xuống là chia văn để giải thích, như sau:

- Văn, có hai:

Một là chia văn.

Hai là Giải thích, gồm có:

- Bốn Đức Phật nói về Dụ, có hai:

- Phân biệt về thân và thuyết, có hai:

Một là hỏi.

Hai là đáp, có hai:

Một là Giải thích về thuyết: bổn tương xứng với Cơ nghi. Chung và Riêng không tồn tại.

Hai là "Thấy cũng v.v..." trở xuống là giải thích về thân: Giải thích tựa đề, phán giáo rằng kinh này thuộc Thông. Giáo lý này nói rằng thân Phật cao một trượng sáu. Thân tôn đặc chỉ có một mà thấy khác nhau. Cho nên gọi là thân phối hợp. Nay, trong thất này có chúng của cả ba thừa. Trong ba thừa, Bồ-tát lợi căn quán sâu về Không, thấy được lý Bất không. "Lý Bất không": Tức là chúng sinh và Phật có cùng một tánh giác. Vì vậy, tuy rằng thấy Phật nhưng Phật không đến từ bên ngoài, tùy Đại tùy Tiểu đều không có bờ mé. Cho nên nói: "Bốn Đức Phật đều có cùng thân tôn đặc. Sự ứng dụng của thân và trí là một, là thường hằng". Lẽ nào chỉ có chư Phật mới là không hai, không khác nhau? Ngay cả với các vị đệ tử của Phật cũng không khác nhau. Vì vậy nên nói "Chúng (là) một". Tuy chưa khai mở, phế bỏ nhưng người căn tánh lanh lợi thì thấy giống nhau. Nếu là Bồ-tát độn căn và người Nhị thừa thì chỉ thấy Không. Đó là thấy bốn Đức Phật từ bên ngoài đến. Chấp đắm phần hạn của Sắc nên chỉ thấy Ứng hóa. Như thế thì ngay cả các Đức Phật còn khác nhau huống chi đệ tử mà giống nhau ư! Vì ba thừa khác nhau nên nói là "Chúng (là) đông".

Kế là chia làm tám v.v... trở xuống là chia văn giải nghĩa, có hai:

Một là nói về sự chia văn của hai nhà.

Hai là "Xưa nói rằng v.v..." trở xuống là theo vị Sư Đại thừa để giải thích về nghĩa, lại có.

- Bốn bài kệ lập lại lời thề, có hai:
- Bác bỏ xưa, có hai:

Một là trình bày.

Hai là "Nghĩa đó v.v..." trở xuống là bác bỏ. Vì chư Phật nói pháp không sai lầm về ba thời nên cả Thượng, Trung, Hạ đều là Thiện. Vì chủ thể giải thích Pháp hữu nên lời nói của Phật khéo léo. Vì điều được giải thích lìa tình thức nên nghĩa của nó sâu xa. Nếu ngang bằng với vô ý thì làm sao ngộ được Tông của Thường hằng. Vì vậy, chúng ta biết rằng vị sư xưa hoàn toàn không hiểu được ý chỉ của kinh này.

Kế là "Lại làm v.v..." trở xuống là giải thích của ngày nay, gồm có:

- Khai chương, trình bày về ý, có hai:

Một là khai chương: Những lời giải thích của Đại sư chứa đựng nghĩa lý vô cùng. Tương xứng với căn cơ để giải thích văn mà lại chỉ bày về ba ý.

Hai là "Tứ đế v.v..." trở xuống là trình bày về ý, có hai:

Một là nói về ba thứ nhân quả: bốn đế là Lý, Nhân quả là chỗ dựa chung. Bốn niệm là Hạnh, Tu bốn niệm là ở nhân. Bốn đức vốn có, chứng bốn đức là ở quả. Nếu không có ba nghĩa ấy thì không thể nào làm sáng tỏ tông thường hằng được.

Hai là "Nếu luận v.v..." trở xuống là nói về lý do của ba tướng: Nói về quả là do nhân. Nhân quả là do ở Đế. Muốn thành tựu về nhân quả thì việc trước tiên là phải hiểu biết về Đế.

Kế là "Trên lấy v.v..." trở xuống là dựa vào Chương để giải thích về nghĩa, như sau:

- Y theo Tứ đế để giải thích, có hai:
- Dùng bốn đế để giải thích về kệ, có hai:
- Nói theo tính chất sâu kín về nghĩa của Đế, có hai:
- Nói về nghĩa bốn đế, có ba:

Một là đối với trên để nói về Cảnh và Trí: Trên thì nói về Người thuộc chủ thể nói, nên đối với trí. Ở đây nói về Pháp thuộc đối tượng được nói, hợp đối với Lý.

Hai là "Xưa đọc v.v..." trở xuống là bác bỏ người xưa chỉ giải quyết về Sự. Nói "Đọc văn" tức là nói về văn, giải thích Chánh biến tri

trong số mười danh hiệu ở Đại luận cuốn ba.

Vì vậy, luận hỏi rằng: “Thế nào gọi là Chánh biến tri?

Đáp: Biết khổ đúng như tướng của khổ v.v...”. Người xưa đọc đoạn văn này, tuy dùng chữ Như mà giải thích là chẳng khác nhưng không hiểu được rằng ba tạng lấy việc biết về Sự xứng với Lý mà giải thích là chẳng khác. Trong Ma-ha-diễn, lấy việc biết Sự tức Lý mà giải thích là không khác. Đến nỗi các vị làm cho sự giải nghĩa chỉ dừng ngang ở Sự mà hoàn toàn không làm sáng tỏ lý. Lại nữa, đoạn văn này giải thích Chánh biến tri rằng: Biết chân chánh đối với chân. Biết cùng khắp đối với Tục.

Ba là “Nay nói rõ v.v...” trở xuống là nói về chánh nghĩa của Sư ngày nay, có hai:

Một là y theo Nhị đế.

Hai là y theo Tam đế, có hai:

Một là “Giải về ý”: Ví bốn là khổ v.v... là cảnh thuộc nhân quả của thế gian và xuất thế gian. Nếu không nhận thức rốt ráo đối với bốn cảnh ấy thì Chính là chân, Chính là Tục và Không, Giả và Trung, chẳng được gọi là Đế. Nhưng nếu hiểu được Nhị đế (thì) lấy Trung mà làm chân. (Đối với) ba (thì) nói về Không và Giả, ý lại ở Đế, Trung là vì muốn hành giả đối với nhân quả của mười cõi trong phạm vi mê và ngộ mà đều thấy được Trung, Pháp nào cũng đều là vô tác mới được gọi là tướng thế gian thường trụ. Nếu Lý của chúng chẳng như vậy thì biết lấy gì để quét sạch mối nghi của Tín Tướng. Hai câu đều trước tiên là y theo khổ đế để giải thích.

Hai là làm thông lệ cho các đế khác mà kết.

Kế là “Nói về thức v.v...” trở xuống là nói về so sánh với ý của đế.

Kế là “Tất cả v.v...” trở xuống là dùng Đế để giải thích Văn. Gồm:

Y theo nhân trước quả sau để lấy nước, núi, đất và không gian so sánh với Tập, Khổ, Đạo và Diệt. Theo thông lệ đều chia làm ba.

Một là chỉ bày.

Hai là dẫn chứng.

Ba là Giải thích về kết. “Trong Khổ đế dẫn Tiểu Bát-nhã”: Tức là Kim cương Bát-nhã. Đối với Đại phẩm v.v... thì gọi kim cương Bát-nhã là Tiểu. Vì xét về văn thì ít nhưng lý thì giống với bộ lớn. kim cương Bát-nhã lấy Tu-di để dụ cho thân Phật. Nay chứng minh rằng khổ giống với nghĩa nhóm họp chứ chẳng phải do sự vời lấy của Tập. Nhưng, sở

dĩ lấy quả báo của Phật để chứng minh cho quả báo của chúng sinh là vì muốn làm sáng tỏ Khổ, Vô tác, ấm và Nhập đều là Như. Không có Khổ để xả bỏ là vì ngay nơi sinh mà thành tựu Diệt. Bàn trĩ tức là quay quanh. Trĩ tức là đứng. Có vị viết là (Bàn) có bộ thạch, viết như vậy là sai. Trong Đạo đế, sở dĩ dẫn Trí địa của Pháp Hoa là vì lấy đất dụ cho đất, đã đến Trí địa Trung Đạo. "Hai đường là đường thủy và đường bộ". Đường bộ chỉ đưa đến bờ này của biển. Hình ảnh này có thể ví dụ cho sự tu tập chung về đạo phẩm của cả ba thừa; chưa độ được biến dịch thì vẫn còn nấn ná ở bờ này. Đường thủy có thể đi đến được bờ bên kia của biển. Hình ảnh này có thể ví dụ cho sự tu tập riêng về đạo phẩm của Nhất thừa, có công năng đến bờ của ba đức ngay nơi hình thái chết. Cho nên trong Diệt đế, có dẫn Pháp Hoa là vì dùng không gian dụ cho Không. Loại Không này vốn rốt ráo nên gọi là "cuối cùng v.v..." "Năm màn che": tức là Khói, Mây, Bụi, Mù và Tay của Tu la. "Ba ánh sáng": đó là Mặt trời, Mặt trăng và Sao. Lý của Diệt thuộc phạm trù Thường trụ, xưa không bị ngăn che nên nay cũng không thanh tịnh.

Hỏi: Khổ dụ núi với thân Phật, đạo dùng đất dụ cho trí địa, Diệt dùng không gian dụ cho cái không vượt lên; ba thứ đó đã có giáo lý "Chính là Lý" thì có thể luận bàn đối với Pháp thân là đối tượng được chứng đắc. Nếu Tập đế của phần đầu có dẫn chứng để giải thích về kết mà chỉ nói về phiền não thì đâu được gọi là pháp thân?

Đáp: Mỗi Đế trong bốn đế thuộc phạm trù vô lượng đều là Trung. Nếu chẳng phải tất cả đều hướng về phiền não thì làm sao được gọi là "Chính là Trung" được? Vì "Chính là Trung" nên Khổ đế gọi là Pháp thân. Đạo đế là Trí địa, Diệt đế gọi là Không vượt hơn. Do đó, chúng ta biết rằng trực tiếp dùng phiền não giải thích về Tập đế để chỉ bày về Pháp thân. Ý hướng ấy của Tiên sư quả là độc đáo, hành giả nên biết.

Kế là nói về Tứ đế để giải quyết mối nghi, có hai:

Kế là chỉ bày về vấn đề hiểu lý thì nghi sẽ dứt trừ, có hai:

Một là chỉ bày về lý để làm sáng tỏ Tướng. Ở trên, lúc giải thích về điềm lành chung, tiên sư dùng việc chưa hề có của tất cả thế gian đều xuất hiện đầy đủ để nói lên Giả, Thật, Y báo của mười cõi đều làm sáng tỏ ba thứ đức. Nay nói về một Tứ đế của Giả, Thật, Y báo thuộc mười cõi, Đế nào cũng là ba thứ đức. Lý ấy hiện hữu khắp các hình tướng nên gọi là Pháp thân. Biết được lý ấy gọi là Báo. Khởi Dụng gọi là Ứng, Ứng thì có dài, ngắn.

Hai là "Tín Tướng v.v..." trở xuống là chỉ bày về tướng dứt nghi. Gồm ba.

Một là Nghi về chỗ dứt.

Hai là “Bốn Đức Phật v.v...” trở xuống là pháp năng dứt. Dụ cho bốn thứ là để làm sáng tỏ tính chất dài của Ứng. Đại sư đặc biệt dùng bốn đế để giải thích vấn đề ấy. Nếu chẳng phải tuổi thọ của Ứng hoàn toàn là Pháp thân thì làm sao chúng ta lĩnh hội được hai lý thuyết của Sớ về vấn đề “Ba thân một thể”. Vì vậy, đầu tiên, chỉ bày rằng lời lẽ của Đại sư rất khéo léo mà ý nghĩa lại rất sâu. Nếu cứ nhất mực dụ cho một thân thì lẽ nào lời lẽ lại là khéo kéo? Nếu ba thân hoàn toàn cách biệt thì lẽ nào lại nói là Lý rất sâu?

Ba là “Nêu Ứng v.v...” trở xuống là khen ngợi sự khéo léo của ý: Văn thì dụ cho tính chất dài lâu của Ứng mà ý thì làm sáng tỏ về Báo và Pháp. Vì Tín Tướng đạt được ý nên nghi ngờ bỗng nhiên được hiểu rõ.

Kế là “Giải thích v.v...” trở xuống là khen ngợi tính chất độc đáo của sự giải thích để khuyến khích suy nghĩ: Bốn Đức Phật khéo léo dẫn dụ, dứt trừ mối nghi của Tín Tướng. Trí giả giải thích độc đáo nên phát khởi được sự hiểu biết của hành giả. Nay, chúng ta gặp được thì lẽ nào lại không suy nghĩ một cách thấu đáo, kỹ càng ư?

Kế là “Bốn bài kệ v.v...” trở xuống là y theo bốn niệm để giải thích: “Niệm” tức là ba phép quán vượt hơn của Không, Giả và Trung. “Xứ” là bốn cảnh vượt hơn của Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Nếu không có Quán và Cảnh này thì ba thân không được hiển ra. Mà như vậy thì chẳng thể nói là luận bàn về thường hằng. Sự giải thích này được chia làm ba.

Kế là dùng kệ để đối với pháp, có ba:

Một là bỏ riêng theo chung. Vì Thân, Thọ, Tâm và Pháp chỉ là năm ấm nên bốn niệm vốn ở tại Khổ đế. Thế nhưng, sự tu tập về Quán thuộc về Niệm xứ lại có cả cả bốn thứ Giáo. Nay chỉ y theo Viên, tức là quán bốn đặc tính Tịnh, Bất tịnh, Phi tịnh và Phi bất tịnh của Thân. Cho đến quán Pháp, Ngã trải qua Ngã, Phi ngã, Phi Vô ngã đều thành ba đế.

Hai là “Tất cả v.v...” trở xuống là theo khuôn phép chung để giải thích theo nguyên tắc so sánh: “Niệm xứ của Tưởng, Hành”: Chỉ là Niệm của Pháp hợp với hai ấm. Nay, vì Đại sư muốn phối trí với Địa nên giữ lại tên gọi của ấm. “Tưởng giữ lấy sự vận hành của hành”: Tưởng chấp lấy tướng mạo. Hành là sự chuyển động, trôi chảy. Cho nên Đại sư nói là “Sự vận hành của Hành”. Dưới chữ Hành là bình thanh.

Ba là “Nếu quán v.v...” trở xuống là so sánh với lý do của kệ: Nếu nhân quả của tuổi thọ thường hằng mà không có niệm xứ của viên

thì không có lý do để thành tựu. Vì vậy, Đại sư dùng (Quán) để so sánh với kệ.

Kế là "Nếu quán v.v..." trở xuống là là dứt trừ nghi ngờ, lại có:

- Nói về nhân quả của Niệm xứ, có hai:

Một là Tướng của sự tu tập nhân. Bốn trạng thái khô khan tức là không, bốn trạng thái tươi tức là Giả, "Cả hai đều không" tức là Trung, nói thì có thứ lớp nhưng tu tập thì không có trước sau; đó là một tâm ba quán. Vì lẽ ấy, cho nên Đức Phật đối với bốn trạng thái khô, bốn trạng thái tươi mà nhập Niết-bàn giữa hai cây (Sa-la) là vì ngài muốn chính thức nói lên một tâm ba quán ấy.

Hai là "Thành năm v.v..." trở xuống là tướng của sự đạt được quả, lại có:

Một là nói về tướng của tính chất dung nhiếp, chính là của ba đức: Chính là khô, Chính là tươi, Chính là chẳng phải khô và tươi được tu tập ở một sát-na. Sát-na nào cũng nghĩ nhớ tràn đầy, không dừng nghỉ. Trải qua cả năm phẩm, phát khởi tựa để chứng chân. Đến giai đoạn quả vị thì ba hoặc hoàn toàn dứt sạch. Trăm giới, năm ấm được tự tại vô ngại gọi là năm hình thái giải thoát. Trăm giới, năm ấm thanh tịnh như hư không gọi là năm thứ Bát-nhã. Trăm giới, năm ấm tuyệt đối khó suy nghĩ được gọi là năm thứ Pháp thân. Vì trí thầm khế hợp với năm ấm, Lý là thứ thầm khế hợp nên gọi trí là lý. Tuy thể là một, không phân mà phân. Bát-nhã là chủ thể thầm khế hợp. Pháp thân là thứ thầm khế hợp. Vì tướng thầm khế hợp nên khởi sinh ra dụng giải thoát. "Tuy ba v.v..." trở xuống là giải thích về nghĩa Bí tạng. Vấn đề này như thường được nói.

Hai là "nhân vương v.v..." trở xuống là nói về tướng thường trụ của năm ấm. Tánh là không thay đổi. Tức là trăm giới, năm ấm, tám tướng chẳng thay đổi, hiện hữu khắp cả mười phương. Nhưng chẳng phải cuối cùng của Sự mới có riêng ấm của Tánh mà chỉ có ấm của Thiện ác làm dơ bẩn, ô nhiễm ấm v.v... Đương thể của ấm vốn thường trụ nên gọi là ấm của Tánh. Mong người học cẩn thận, không nên tìm cầu riêng. "ấm, đó là v.v..." trở xuống là nói về Thể, Dụng và Tướng của ba thân: Cả Pháp và Báo đều chẳng phải, toàn bộ thể sinh khởi Dụng, chủ thể thường vô thường. "Dụng của Thường thì dài v.v...". Dài thì bốn ví dụ, Ngắn thì tám mươi. Đã đều là tuổi thọ của ứng thì tất cả đều là Vô thường. "Nay dùng dài và ngắn để chia ra Thường và Vô thường: Do núi, cái rìu v.v... có thể làm sáng tỏ thường hằng. Nếu chẳng phải thường hằng thì làm sao khiến cho có dụng của Ứng làm cho người

và trời không tính đếm được. Vì vậy, Tín Tướng nghe nói tám mươi diệt mà nghi rằng tuổi thọ là Vô thường, nghe bốn ví dụ về dài mà ngộ được thể thường trụ. Do đó, Đại sư nói “Dụng của thường thì dài, dụng của Vô thường thì ngắn”.

Kế là “Tín Tướng v.v...” trở xuống là dùng quả của dụng để dứt trừ nghi ngờ, có ba.

Một là Nghi thuộc sở bị phá.

Hai là “Bốn vị Phật v.v...” trở xuống là pháp thuộc chủ thể phá.

Ba là “Tín Tướng v.v...” trở xuống là đạt được tướng của giải trừ. Ba điều này chẳng khác về ý với sự dứt trừ nghi ngờ về bốn đế ở trước. Nhưng, chúng ta phải nghiên cứu thật sâu.

Kế là “Bốn bài kệ v.v...” trở xuống là giải thích y theo Tứ đế, có hai:

Một là dùng kệ đối với đức, nghiền đất thành bụi mà còn chưa có tướng của tịnh thì lẽ nào lại lưu giữ tướng của uế. Vì vậy đối với đức của tịnh mà dụ cho tịnh của lý, tịnh là đối với tịnh, và uế.

Hai là “Bốn thứ đức v.v...” trở xuống là dùng đức để dứt trừ nghi, có hai:

Một là làm sáng tỏ về dụng của Đức: người học cần phải phân biệt bốn đức là Thường v.v... vốn giống tên gọi nhưng thể thì khác nhau.

Hai là thể của Thường, Lạc, Ngã và Tịnh do Bồ-tát lập ra là Vô minh.

Kế là Thể của Thường, Lạc, Ngã và Tịnh do Đức Phật chứng đắc là Trung đạo. Nay, vì cả bốn đức tính ấy đều là trung cho nên đều dùng “Cả hai đều Không” để làm sáng tỏ. Đứng về lý thì phải Không cả mười hai hình thái điên đảo. Nay, các tên gọi như Thường và Phi thường, Phi vô thường v.v... là giống nhau nhưng Thể của chúng thì khác nhau. Bốn đức, “Cả hai đều không”, tức là pháp thân. Bốn đức thường thầm khế hợp với Trí tức là Báo thân. Pháp và Báo đã thầm khế hợp chủ thể ứng với chúng sinh sinh ra Thường và Vô thường. Cho đến Tịnh và Bất tịnh đều ứng dụng tự tại.

Kế là “Tín Tướng v.v...” trở xuống là dứt nghi ngờ, có ba:

Một là Nghi thuộc sở phá.

Hai là “Bốn Đức Phật v.v...” trở xuống là pháp thuộc năng phá.

Ba là “Tín Tướng v.v...” trở xuống là đạt được tướng của dứt nghi. Nếu người học biết được ý của sự dứt nghi thuộc bốn đế thì sẽ hiểu được ba điều này.

“Trăm ức v.v...” trở xuống là một bài kệ phối hợp với ví dụ, có

hai:

Một là nêu lên hai sự sai lầm của bản giải thích xưa.

Hai là "Xưa nói v.v..." trở xuống là nói về ý của người đời nay để bác bỏ xưa, như sau:

- Bác bỏ sự chấp văn một cách hẹp hòi, có:

Một là nêu ra lời giải thích xưa: người xưa chỉ cho văn như nhau chứ không hiểu ý chỉ bày một cách khéo léo của bốn Đức Phật.

Hai là nói về ý của người thời nay, có hai:

Một là chỉ bày về ý sâu của kinh này, bốn là dụ cho có hạn lượng. Trăm, ngàn là số. Điều ấy có ai mà không biết? Người học phải hiểu sự nêu lên số Lượng huống chi là vô lượng, vô số.

"Ngươi đã v.v..." trở xuống là bác bỏ người xưa vu khống kinh: Nói có Túng và Đoạt. Dẫu Túng có hiểu về Ứng Hóa đi nữa thì Đoạt vẫn mê mờ về Báo và Pháp. Báo và Pháp là Thể và Gốc của Ứng Hóa. Văn thì sâu mà sự giải thích lại cạn. Tức là tự hủy hoại mình và hủy hoại người khác, tự thân đã vời lấy lỗi lầm mà còn làm cho người khác chê bai giáo lý.

Hai là phá sự chấp đắm nghĩa có tính cách nghiêng lệch: Nghĩa là Hóa thân, Ứng thân và Báo thân được giải thích. Ba thứ thân ấy đều có đủ bốn câu, tức là Thường, Vô thường, cả hai cũng là và cả hai đều không phải là, làm sáng tỏ ba và một không thể là một hoặc khác để suy nghĩ và giảng nói. Người xưa không hiểu hóa thân này chắc chắn là vô thường. Hoặc nghe Hóa thân tức là pháp nên là Thường. Cũng như nói rằng Pháp là Thường, Hóa là Vô thường, là vì không hiểu được chữ "Chính là". Vì thế, luận Khởi Tín nói: "Tùy theo cái được ứng của nó mà thường trụ trì, không hủy diệt, không mất đi". Lời ấy làm sáng tỏ Hóa thân có cả hai nghĩa.

Kế là "Bởi vì v.v..." trở xuống là kệ dứt nghi, có hai:

- Nhắc lại Nhân để giải thích nghi, có hai:

- Dùng sự hạnh để tiêu Văn, có hai:

Một là y cứ theo nhân duyên để giải thích: Nhân thô thân, Duyên thì sơ. Không giết, giữ mạng sống là nhân của sống lâu, đó là nghĩa của duyên gián tiếp.

Hai là "Nếu cho rằng v.v..." trở xuống là giải thích theo hai thứ duyên: Không sát sinh có hai thứ: không sát sinh là chỉ Thiện; phóng sinh là hành Thiện. Không trộm cướp có hai thứ: "Không trộm cướp là chỉ Thiện; bố thí thức ăn là hành Thiện". Vì vậy, mỗi điều lành trong mười điều lành đều có Chỉ và Hành, tất cả đều có hai thứ duyên. Xuyên

qua cả hai thứ Thiện mà nêu lên có tính cách tương hỗ về Chỉ và Hành. Mỗi loại Chỉ và Hành đều là hai thứ duyên của sống lâu. Phát tâm Bồ-đề mới gọi là Nhân.

Sở dĩ gọi là Pháp tánh vì bốn lời thệ nguyện thuộc phạm trù Vô tác đều do Pháp tánh sinh khởi, là nhân của sống lâu. Hai duyên của đủ loại đã giúp đỡ cho đạo tâm chân chính. Như thế thì chúng ta hiểu được Pháp và Báo chẳng phải là Thường, cũng chẳng phải Vô thường, có năng lực sinh khởi Thường và Vô thường của Ứng và Hóa. Ba thân là một thể, đó mới là sự thường hằng siêu việt.

Kế là "Món ăn của pháp v.v..." trở xuống là nói về Pháp môn chỉ thượng: Nếu đứng về pháp môn để nói về sự bố thí thức ăn và không sát sinh v.v... thì giống như những điều được nói đầy đủ trong phần Tựa của về niệm Nghi.

Kế là "Tu nhân v.v..." trở xuống là y theo quả để dứt nghi: dùng dài giải thích về ngắn thì sự nghi thuộc Vô thường được dứt trừ. Tuổi thọ thường trụ làm sáng tỏ kinh này. Vì vậy, Đại sĩ tức chỉ cho Như Lai, như nói "Vô thượng sĩ". Do đó, trong bản mới của Pháp sư Nghĩa Tịnh, đến câu này Ngài dịch rằng: "Vì vậy, Đại giác tôn".

Kế là "Vì vậy, người nay v.v..." trở xuống là dùng một bài kệ để kết thành.

Kế là "Lúc bấy giờ v.v..." trở xuống là Tín Tướng hoan hỷ, có hai: Một y theo điều được nghe để giải thích về sự giải ngộ của Tín Tướng: "Nói Bổn và Tích tức muốn nói Thể là Bổn, Dụng là Tích. Nghe tuổi thọ Vô Lượng mà hiểu được dụng của Tích là Thường, tức là dài của chẳng phải dài. Do đó liền nhận thức rằng dụng của Tích có thể ngắn; chẳng phải ngắn mà ngắn thì cái nghi tám mươi có tính chất một chiều được dứt bỏ từ khi ấy. "Thâm tâm": là giác ngộ được Bản thể cao sâu của Pháp và Báo. Bản thể này vượt ngoài Lượng cho đến vô lượng.

Kế là "hớn hở v.v..." trở xuống là y theo sự mà đi vào vị trí để giải thích về hoan hỷ: Chân tín giải phát nhập vào giai vị hoan hỷ. Biệt ở Sơ địa, Viên ở Sơ trụ. Cả hai đều phá vô minh gọi là Nghi ngờ. Từ đó trở đi đều là nội phàm nhưng giải thích là Tự Vị. Bước lên Thập địa đảnh nếu không lập Đẳng giác thì tức là địa thứ mười, phá hoặc thuộc Vô minh, sau khi bước lên Hậu tâm thì vị trí này gọi là đảnh Chúng phục. Vì kim cương dụ định đã bị Vô minh sau cùng làm động nên sinh ra trạng thái vui mừng hớn hở.

Kế là từ "Nói v.v..." trở xuống là sự đắc đạo của người đương cơ. "Thượng căn ngộ đầu tiên": tức là dùng ba lượt ý của bản kinh mới

dịch. Trần-như xin Xá-lợi là Trung căn, phân biệt ba thân là Hạ căn. A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, dịch là Vô thượng Chánh đẳng giác. Tức là giác tánh xưa nay của tất cả chúng sinh chứ chẳng phải bước lên quả vị cùng cực mới gọi là Vô thượng và Chánh đẳng này. Tâm giác ngộ này phát là chung đối với năm, tức là phần chân của nay.

Kế là từ "Thời v.v..." trở xuống là bốn Đức Phật quay về gốc, có hai:

Một là Giải thích về nhân duyên: Giác tánh của một loại cơ duyên là Tín Tướng v.v... vừa hợp và hưng khởi thì bốn Đức Phật không hiện mà hiện ngay. Sở dĩ bốn Đức Phật hiện ra là vì sự phát tâm. Vì tâm đã phát nên không quay về mà quay về.

Hai là giải thích về quán hạnh. "Đế cảnh": tức là Bổn giác của ba đế, một cảnh. "Giác tuệ" tức là Thỉ giác của ba trí, một tâm. Toàn Bổn sinh khởi ra Thỉ gọi là phát. Thỉ hợp với Bổn gọi là Tương ưng. Tương ưng với thiện thì chắc chắn tiêu mất cả hai. Không tiêu mất tức là trong thông suốt mà khởi sự bít lấp. Vì biểu thị cho sự vắng lặng nên không hiện khởi.

Kế là giải thích phẩm Sám Hối, lại có:

- Nói về nghĩa lớn, có bốn:
- Giải thích về danh từ sám hối, có ba:

Một là đối với các kinh khác: Kinh Phương đẳng đà-la-ni nói về pháp sám hối của bốn chúng. Kinh Phổ Hiền Quán Pháp nói về pháp sám hối sáu căn. Đại kinh thì nói về sự sám nghi của vua A-xà-thế, kinh Thỉnh Quán Âm phong tỏa và điều phục ba thứ chướng. Quán môn của các kinh đều có công năng diệt tội, có Pháp nào chẳng phải là Sám? Nhưng, công hạnh của Bồ-tát là vị chuyển nghiệp đời trước thành duyên của việc lợi tha nên nói về ba pháp sám hối là Vô sinh v.v... Thanh văn vì tự độ nên dù có nói về Sám hối đi nữa thì phần nhiều là ở tại pháp cầu thoát ra ba đường. Vì thế, nay chỉ đối với các kinh của Đại thừa để nói về Tán và Chuyên.

Hai chính là giải thích về danh từ, gồm có:

Một là y theo chế phục để giải thích phần đầu. Nhưng, hai chữ Sám hối là nêu lên cả hai âm. Chữ Phạn là Sám-ma. Hán dịch là Hối quá. Do hối ngộ điều sai lầm nghĩa của năm loại Thủ phục v.v... Nay vì nêu cả hai âm Hoa và Phạm nên Đại sư dùng Thủ để giải thích về Sám và lấy Phục để giải thích về hối. Cho đến dùng hổ thẹn để giải thích Sám Hối. Mục đích của Đại sư là muốn làm cho người vâng theo hai chữ mà tu hạnh Thủ phục và hổ thẹn v.v... Vì đó là tướng của khéo

léo nói pháp nên chúng ta không thể lấy sự hỗ huấn của Hoa và Phạn để quở trách. Đầu tiên là y theo Thủ để giải thích. Thủ âm là Thú, tức là tự trình bày tội lỗi.

Hai là y theo Đen và Trắng để giải thích. Ngóng tức là trông mong. Chuộng cũng như tôn quý, sùng thượng.

Ba là y theo vứt bỏ, cầu tìm để giải thích. Hẹp hòi tức là xấu hổ, Ô là Hiềm hận.

Bốn là y theo Lộ đoạn mà giải thích: Phát lộ quá khứ và hiện tại, dứt sự nối tiếp đến vị lai.

Năm là y theo hổ thẹn để giải thích, có hai:

Một là giải thích chung, trực tiếp dùng hổ thẹn để giải thích về Sám hối. Vì chưa chia ra thứ nghĩa giữa người, trời nên gọi là giải thích chung.

Hai là "Tàm thì v.v..." trở xuống là giải thích riêng, tức là chia ra người, trời và sự khác nhau của sự lý thuộc bốn thứ giáo.

Kế là y theo người, trời để giải thích: Người thì mắt thường nên chỉ thấy chỗ rõ ràng của hổ thẹn, các vị trời thì có mắt Trời đạt được do quả báo nên thấy được chỗ ẩn mật. Người ấy hổ thẹn gọi là Sám Hối.

Kế là "lại nữa v.v..." trở xuống là y theo bốn thứ giáo để giải thích. Bởi kinh này có cả sự sám hối của cả ba thừa. Vì ba thừa nhiếp cả bốn thứ giáo. Nghĩa của hỗ thẹn đã bao gồm cả bốn thứ giáo thì lẽ nào bốn thứ là Thủ phục v.v... lại không bao gồm cả bốn thứ giáo hay sao? Người nói pháp y theo nghĩa thì nên giảng nói cho rõ ràng. Lại nữa, vị trí Hiền của bốn thứ giáo đều phải gia công, bậc Thánh thì tự nhiên có thể loại suy. Quả báo của người, trời thì tác ý tự nhiên. Lại nữa, Hiền thánh của bốn thứ Giáo có tu, có chứng. Lý của bốn thứ Giáo vốn chẳng phải do sự tạo tác. Vì vậy, còn được gọi là bốn giáo của người và trời.

Kế là ba tạng, có hai:

Một là Hiền thánh. Hiền tức là bảy loại Hiền, Thánh tức là bốn bậc Thánh. Đãi tức là Cập (đến).

Hai là "Lại nữa, Hiền v.v..." trở xuống là Sự Lý.

Kế là "Lại nữa, Tâm v.v..." trở xuống là Thông giáo, có hai:

Một là Hiền thánh. Vì Bồ-tát của giáo này có cùng sự dứt hoặc như Nhị thừa nên cả ba thừa đều là Thánh.

Hai là hình ảnh "Lại nữa, ba v.v..." trở xuống là Sự Lý.

Kế là "Lại nữa, ba v.v..." trở xuống là Biệt giáo, có hai:

Một là Hiền thánh: Vị trí Thánh của Thông giáo chỉ dứt trừ kiến tư. Ba bậc Hiền của Biệt giáo có thể sứt Trần sa và lại chế phục Vô

minh. Vì thế, Đại sư nói "Còn sai".

Hai là "Cuối cùng v.v..." trở xuống là Sự Lý. Ở đây lấy Đãn trung làm Đệ-nhất-nghĩa.

Kế là "Lại nữa, ba v.v..." trở xuống là Viên giáo, có hai:

Một là Hiền, Thánh: Dứt bỏ ba mươi tâm thì đều chứng Pháp thân đều hiện ra tám tướng. Vì vậy, Đại sư xếp vào Thánh. Thập tín giã biệt hẳn biển khổ nên được gọi là Hiền.

Hai là "cuối cùng đó v.v..." trở xuống là Sự Lý: Lấy Trung thuộc đầy đủ đức làm Đệ-nhất-nghĩa.

Ba là "Hợp mười v.v..." trở xuống là hợp mười số: Lấy Trung của hổ thẹn mà chia ra chung và riêng, chung là một mà riêng là năm, và bốn thứ như thủ phục v.v... Vì vậy, thành ra mười phen giải thích về danh từ sám hối.

Hai là nói về nơi sám hối, có bốn.

Một là nói về Sám thì phải có nơi chốn. Nơi nương tựa của Sám như tình trạng nguyên liệu thô phác nếu không có dùi nện thì không thành đồ dùng. Lấy gì làm dùi nện? Đó là một thật tướng, không có thật tướng khác. Tức là tướng tội. Nếu đạt được nơi chốn này thì tất cả tội đều tiêu diệt, tất cả đức đều sáng tỏ. Phần này tự chia như sau:

- Dẫn kinh để nói về nơi chốn, lại có:

- Dẫn các kinh, có hai:

Một là dẫn hai đoạn văn của Đại kinh: "Lời nói thô tháo, lời nói mềm mỏng": Đối với giáo lý thuộc về bảy phương tiện thì phải dứt trừ ba thứ chướng, phải tu tập các công hạnh. Nhưng, vì chủ thể và đối tượng vẫn còn nên gọi là "Lời nói thô tháo". Nếu là Viên giáo thì tất cả tu ác đều chính là tánh ác, đối tượng bị phá đã vắng lặng nên chủ thể phá tự mất. Ngôn ngữ của Vô ngôn gọi là "Lời nói mềm mỏng". Vì ở nơi "Thô tháo" và "Mềm mỏng" ấy mà Đương xứ vẫn vắng lặng nên Đại sư nói là "Đều trở về Đệ-nhất-nghĩa". "Bốn Chân-đế": Vì hai khổ Chết, Tập của năm trụ, chính là tánh nên không có một loại nào để xả bỏ. Vì Đạo thuộc muôn ngàn hạnh, Diệt của ba đức chính là tánh nên không có Tu, không có Chứng. Nhưng sở dĩ nói dứt trừ sinh tử là đứng ở Chính mà nói về dứt. Dứt trừ của không dứt trừ thì tất cả đều được dứt trừ hết, cũng là miệng dứt trừ ở khổ thuộc tánh đức. Bốn thứ dứt này dứt bặt suy nghĩ, suy niệm, đều là Đệ-nhất-nghĩa. Hành giả biết được như thế thì được gọi là "Có được nơi chốn".

Hai là dẫn hai đoạn văn của Pháp Hoa: Đi khắp gọi là Hành, trực tiếp tu tập gọi là gần. Hai việc này phải y theo nơi chốn gọi là Nhất

Thật. Muốn nhẫn với cái nhục của chúng sinh thì phải trụ vào đất lý. Đất ấy là tâm thì phải thực hành và phân biệt điều gì? Đồng thời, cũng không nói rằng thực hành pháp không phân biệt. Nếu chẳng như vậy thì làm sao gọi là “Có được nơi chốn”. “Chỗ châu báu ở gần v.v...”: Tức chỉ ra chướng tức là đức thì lẽ nào lại có cái gần nào hơn như thế. Nhưng, vì phải quán chiếu nên Đại sư nói là “Tiến lên trước”. Phế bỏ tình thức thuộc Quyền gọi là “rời bỏ hóa thành”. Thể của Quyền là thật, gọi là “Chính là đến đảo châu báu”.

Kế là dẫn kinh này, có hai:

Một là dẫn: Ngã tức là ngã chân thật, lìa Nhân thì chẳng có pháp. pháp tức là năm ấm thường trụ. ấm này là nhà che khắp tất cả chúng sinh. Vua A-xà-thế nói kệ giải thích Đệ-nhất-nghĩa gọi là quay về với Thế Tôn. Nay, kinh này nói rằng “Ta là nơi chốn quay về”. Kia cảm, đây ứng, nghĩa ấy biến mất.

Hai là “Nơi quy y là v.v...” trở xuống là giải thích. Kinh nói: “Ta làm chỗ nương”. Vậy, thể của ngã như thế nào? Đại sư lấy pháp tánh Đế lý, Diệu cảnh, Phật sự và Bí tạng để làm bằng chứng giải thích. “Mười phương v.v...”: Bậc Thánh trụ trong cả Phần và Mãn. Tức là lấy nơi chốn này để giúp cho chúng sinh an trụ. Sơ tâm có thể trụ gọi là “Đạt được nơi chốn”.

Kế là “Nếu đạt được v.v...” trở xuống là kết thúc sự mở bày nơi chốn phải có. Gốc của thật tướng lập thì sẽ sinh ra con đường diệu sám tịnh tín của Vô sinh. Nếu hành giả không thể nhập các pháp chính là tánh thì sẽ ở nơi mảnh đất bình thản của Trung đạo mà sinh khởi tám hình thái điên đảo gọi là sự sa đọa của điên đảo. “Như người mù bẩm sinh v.v...”: Vô minh của bốn thứ mắt, làm mù mắt Phật. Vào nơi giáo lý nghiêng lệch, các kiến như bụi gai, xúc chạm con đường thành trở ngại. Những việc ấy đều do không “đạt được nơi chốn”.

Kế là “Vì vậy, Phổ v.v...” trở xuống là nói về vấn đề “Đạt được nơi chốn”, Sám diệu, gồm có:

Một là y theo mầu nhiệm để nói về sám, có ba:

Kế là dẫn kinh để chỉ bày về mầu nhiệm: “Ngồi ngay ngắn”: Tức là oai nghi của Thân. Thiền ba-la-mật đưa ra đầy đủ các cách thức ngồi, người tu nên xem xét. “Niệm thật tướng”: tức là phép quán sám hối tội lỗi. Thật tướng vốn không có tướng. Vậy, hành giả phải niệm thế nào? Do đó, người tu dứt khoát phải lấy niệm của Vô niệm để niệm tướng của vô tướng, dùng tướng của vô tướng để xem xét niệm của Vô niệm. Nếu ngoài niệm mà có thật tướng riêng, ngoài thể có niệm riêng thì

chẳng phải là “Niệm thật tướng” của kinh này. “Các tội v.v...”: Tức là lý do dứt trừ tội. Bởi vì, sự nghĩ nhớ đến Thật tướng ở trước, thể của tu ác chính là tánh ác. Tánh ác chiếu sáng thì đó mới gọi là Mặt trời trí tuệ. Tu ác vốn rỗng không như sương, móc tiêu tan. “Tâm ta v.v...”: Cũng xuất xứ từ kinh này. Tâm tánh xưa nay tức là Không, Giả và Trung. Lìa sự nhiễm ô của ba hoặc gọi là không tự thân. Tội phước, hai ngã trong mười cõi khó đạt được, ai là chủ tể? Đạt được như thế gọi là Vô sinh sám. Vì lẽ đó nên khiến Như Lai lập ra ba tên.

Hai là “Vô tội v.v...” trở xuống là nói về Diệu y theo nghĩa: Lấy ba thứ tên để so sánh với ba đế thì sẽ nhận biết được nghĩa của chúng. Nếu phân biệt cả ba đế để giải thích thì đó là thứ lớp quán chứ chẳng phải là nghĩa mầu nhiệm của hôm nay. Sự mầu nhiệm của nghĩa của hôm nay là: Không tức là ba đế, Giả và Trung cũng giống như vậy. Đó gọi là ngay nơi một là ba. Tam đế đều là Không. Giả, Trung cũng như vậy. Đó là ngay nơi ba mà là một. Hành giả nên biết điều này. Ba và một chính là nhau là làm sáng tỏ nơi chốn sám hối, dứt bặt suy nghĩ và bàn luận. Nếu dùng lời nói này để làm thêm lớn tư tưởng thì hành giả mãi mãi không rõ biết về nơi chốn sám hối.

Kế là “Các v.v...” trở xuống là y theo người để làm sáng tỏ mầu nhiệm: pháp mà bậc Đại nhân học không thể là thấp cạn.

Kế là “Nếu biết v.v...” trở xuống là kết tên gọi Diệu sám: dứt trừ được Kiến tư thì tâm chính là kho tàng của ba đức. Rễ của tội đã vắng lặng thì pháp của Sám tự mất. Chủ thể và đối tượng đã tiêu mất thì sao lại dùng danh từ để đặt để. Có chăng chỉ gọi theo cách gượng gạo là “Nơi này là tuyệt đối mầu nhiệm”!

Kế là “Đại kinh v.v...” trở xuống là nói về vấn đề Sám mầu nhiệm, người tôn quý, có hai:

Một là dẫn kinh sách để chỉ bày, nên nghĩ nhớ sự sâu rộng của nó là như biển lớn. Đứng từ quan điểm sám hối này mà gọi nó là tắm gội. Nhiếp tất cả muôn vạn công hạnh gọi là dùng các thứ nước. Hình ảnh ấy dụ cho sự sám hối đạt được Bát-nhã. Nghiệp ác từ vô thỉ trói buộc hành giả như chủ nợ. Thấy được thật tướng của nghiệp gọi là nương gần với vua. Nghiệp tùy theo sự quán sát mà chuyển gọi là cúng dường ngược lại. Đây là dụ cho sám hối đạt được giải thoát. Tâm tánh vô thượng cũng như bức tường. Sơ tâm đạt được tánh như cỏ nương ở chỗ cao; Hạnh và Vị tuy thấp nhưng đã có khả năng vượt qua đảnh của bảy phương tiện. Đây là dụ cho sám hối đạt được Pháp thân. Sách Thư nói là Lưu Tử.

Hai là “Hành giả v.v...” trở xuống là nêu hành giả để kết thúc.

Kế là “Hành giả v.v...” trở xuống là khuyên trước nên tìm nơi chốn sám hối. Nhưng nơi chốn sám hối thì ai cũng sẵn có, có pháp nào là tạm sai đâu? Chỉ vì mê gốc nên cả mắt đều không thấy, cả tâm đều không biết. Vì vậy, ở đoạn dưới, Đại sư nói “Ở trước mười lực mà không biết chư Phật”. Khuyên và cầu mong người tìm kiếm phải thân gần gũi thầy giỏi, phải nương tựa vào giáo lý vượt hơn, siêng năng nghe và hỏi, đọc và suy nghĩ kỹ. Nếu làm được như vậy thì chắc chắn đối với chủ thể giải thích và đối tượng được giải thích sẽ thong dong ngoài tư lự, không dùng tên gọi mà gán ghép. Đó là đạo lý của pháp tánh là cái được tìm kiếm. Lý ấy thật vô cùng vượt hơn, là chỗ y cứ của pháp sám hối. Vì vậy, Đại sư gọi là “Nơi chốn”. Nếu y theo nơi chốn ấy để lập ra Hạnh môn thì mới được gọi là sám hối Đại thừa.

Kế là “Tiếp theo, làm sáng tỏ v.v...” trở xuống là nói về pháp sám hối. Đây là sự chỉ bày về Pháp thuộc chủ thể sám hối. Gồm:

Một là khai chương: Chánh và trợ ở đây cũng gọi là Tuệ hành và Hạnh hành. Nếu y theo lớn thì đó chính là Duyên nhân và Liễu nhân, là pháp của tu đức.

Hai là “Chánh pháp v.v...” trở xuống là chỉ bày về tướng, có:

- Chánh pháp, có hai:

Một là chỉ bày sơ lược, trong sự phân biệt về nơi chốn ở trên tuy lời là chủ thể quán nhưng ý tức là dùng quán để làm sáng tỏ về nơi y cứ. Nay nói chủ thể quán thì ý chính là lấy nơi chốn để làm sáng tỏ quán thuộc Chủ thể quán. Vì pháp không đứng một mình nên phải đeo níu nhau. Dứt trừ mà không lẫn lộn nhau mới dụng tâm được.

Hai là “Pháp tánh v.v...” trở xuống là chỉ bày về chi tiết, lại có:

- Nói về tướng của sự tu tập về quán, có hai:

- Đứng ở nội tâm mà tu quán, có hai:

Một là nói về quán tùy theo cảnh. Pháp tánh tức là Thật tướng các pháp. Tên là Như Lai tạng thì đầy đủ các đức. Tuy có các đức tính ấy nhưng vốn vẫn lìa niệm nên nay mới nói rằng “Vốn dứt bặt niệm mà quán”. Vì vậy, loại quán này cũng có tất cả công đức của Pháp tánh. Do đó, Đại sư kết rằng “Quán tuệ cũng như vậy”.

Hai là “Cảnh, Trí v.v...” trở xuống là nói cảnh và quán chẳng phải hai, lại có:

- Dung nhiếp Cảnh và Quán, có hai:

Một là chỉ bày về tướng: Cảnh là Bổn giác, Trí là Thỉ giác. Tuy chia ra Bổn và Thỉ nhưng vốn là một loại Giác. Cảnh và Trí đã vậy mới được gọi là tướng thầm khế hợp với Pháp không hai. Vì vậy, Đại sư nói

câu “Như như chẳng khác”. Như và Danh chẳng khác tức là Cảnh chẳng khác với Trí, Trí chẳng khác với Cảnh, cũng gọi là Nhất, Hợp. Vì thể của Cảnh và Trí là một nên mới thầm khế hợp.

Hai là “Kinh nói v.v...” trở xuống là dẫn chứng: Kinh tức là Nhân Vương Bát-nhã. Trí là Bát-nhã. Nơi chốn là thật tướng. Trí thuộc chủ thể quán và nơi chốn thuộc đối tượng được quán đều là Bát-nhã, tức là ngoài trí chẳng có cảnh. Cả hai đều là thật tướng tức là ngoài cảnh không có Trí. Tướng trạng thầm khế hợp với nhau của Cảnh và Trí là như vậy.

Hai là “Nói Như v.v...” trở xuống là hội nói và im lặng. Lại do hai tướng nói và im lặng chẳng khác nhau nên làm sáng tỏ về cảnh trí nhất thể và thầm khế hợp. Nếu không do Cảnh và Trí của vô tướng thì làm sao sinh khởi được lời nói thuộc sự im lặng? Nếu không do lời nói thuộc sự lìa bỏ của tánh thì chẳng thể làm sáng tỏ được Cảnh và Trí không hai. Vì vậy, sau Cảnh và Trí, chúng ta phải bàn về nói và im lặng. Do đó, Chỉ Quán Nghĩa Lệ nói rằng “Vì vậy cảnh không thể suy nghĩ bàn luận tức là Quán”. Cho nên được nói rằng Cảnh chiếu Cảnh, Cảnh chiếu Trí, Trí chiếu Trí, Trí chiếu Cảnh. Người chiếu soi mới chiếu soi, chẳng phải lời nói cùng tận được. Người nói nên chiếu, chẳng phải lời nói mà xong được”. Vì vậy, chúng ta biết rằng nghĩa của Chỉ quán chẳng khác với ở đây.

Kế là “Lấy cái đó v.v...” trở xuống là dùng tâm thanh tịnh đi qua pháp, có hai:

Một là theo thông lệ tiêu mất và thanh tịnh của nội tâm: Ở trên, lúc nói về diệu quán, Đại sư đã đứng ở nội tâm để nghiên cứu diệu cảnh nhiếp tất cả pháp. Nếu thành tựu quán cảnh thì có khả năng dùng loại quán này để trải qua khắp cả ba khoa cho đến nghiệp hoặc, tự nhiên hành giả đều thấy được cảnh không thể suy nghĩ bàn luận. vì vậy, Nghĩa Lệ nói: “Tu tập thứ lớp của quán thì trước phải từ nội tâm. Nếu nội tâm thanh tịnh thì hành giả dùng tâm thanh tịnh ấy mà trải qua khắp các pháp, tự nhiên được thầm khế hợp”.

Hai là “Vì thế, nói rằng v.v...” trở xuống là dẫn giáo chỉ bày tướng của dung nhiếp, có hai:

Một là y theo pháp để khai thị.

Tỳ-lô-giá-na, Hán dịch là Hiện hữu ở khắp mọi nơi, đó cũng là trải qua tất cả. Lại trải qua riêng đối với sáu thứ tạo tác, sáu thứ thọ nhận. Hai thứ tạo tác là đi và đứng phải bao gồm bốn thứ tạo tác là ngồi, nằm, nói và im lặng. Đó gọi là sáu thứ tạo tác. Sáng và tối là nêu

sơ lược việc mắt thọ Sắc. Hợp với thông lệ của chấp lấy âm thanh cho đến ý và pháp. đó gọi là sáu thứ thọ nhận. Vì vậy, Đại sư tổng kết rằng "Đối tượng đối lập với sáu căn". Tuy kết sáu thứ thọ nhận nhưng thân chắc chắn là sáu thứ tạo tác. Đối với tạo tác và thọ nhận ấy mà thường được thấy Phật. Phật chắc hẳn có ba thân. Nay, do nội tâm mà thành ba thứ quán mầu nhiệm. Cho nên đối với tạo tác và thọ nhận mà thường thấy ba đức, ba đế của Như Lai. Do đó, Đại sư kết rằng: "Đều là Phật pháp".

Hai là "Giả-bà v.v..." trở xuống là dẫn Sự để dụ, có ba.

Một là Kỳ-bà dụ cho sư phá chung một cách tự nhiên.

Hai là dùng Ma-nam dụ cho sự sinh thiện tự nhiên.

Ba là dùng Na luật dụ cho làm sáng tỏ về lý một cách tự nhiên. Ba phần này chỉ bày riêng về ba phép quán trải qua tất cả, tự nhiên thường khế hợp với ba pháp mầu nhiệm. Nói thì có trước sau nhưng chiếu soi thì không có dọc và ngang.

Kế là "Nếu như v.v..." trở xuống là nói về tướng của sự diệt tội. Đã ở nội tâm, lại trải qua cảnh thuộc duyên, thầm khế hợp giữa Đế và quán, tức là đạt được tính chất không có chủ tể của tội và phước trong mười cõi. Toàn thể tánh của việc tu ác, tu thiện tức là tánh ác, tánh thiện. Đó gọi là thấy được thật tướng của tội và Phước. Vì vậy, kinh Pháp Hoa nói: "Đạt sâu tướng tội phước, chiếu soi khắp mười phương". Mười phương tức là mười cõi. Mười cõi đều là thật tướng. Tướng nào cũng linh động. Một thâu nhiếp tất cả. Mỗi một của tất cả đều thâu nhiếp đối với tất cả. Các tất cả ấy đều là thật tướng. Vọng tưởng đều là thật thì thật cũng tự tiêu mất. Đó chính là sám hối rộng lớn.

Kế là "giúp đạo v.v..." trở xuống là pháp giúp đỡ, có:

Một là nói về dụng giúp cho ý: Tu hai thứ sám là Chính và Trợ thì y theo căn và duyên, tự có một hướng tu tập đối với Chánh đạo bước thẳng lên Trụ của Viên. hoặc nội phàm, ngoại phàm tự có một bề tu tập đối với giúp đạo. Như ngài Nam Nhạc có lập Hữu tướng an lạc hạnh. Vì không đi vào Tam-muội mà chỉ tụng trì nên cũng thấy được sắc thượng diệu. Biểu tượng cho hai thứ ấy, tùy căn mà tu nhập, không giống như lúc ngộ được Lý thì chắc chắn phải xả bỏ cả hai. Tự có chính và trợ bao gồm nhau mà tu thì hoặc là chính trước trợ sau, hoặc trợ trước chính sau, hoặc tu tập đồng thời. Ý của pháp được lập ở hôm nay là tại sự cùng tu. "Nếu đối với ba câu mà đều không nhiếp", tức là người mà thân trâu.

Hai là "Điều được nói v.v..." trở xuống là nói về pháp giúp đạo, có hai:

Một là Dụ dụng trợ cho ý: Nước trong dụ cho Chính, Tro v.v... dụ cho trợ. Vì cấu bẩn khó dứt, chỉ có nước thì không thể, có tro đem trợ với nước mới hữu dụng.

Hai là “Nói sơ lược v.v...” trở xuống là chỉ bày về pháp giúp đạo. Trợ vốn là giúp đỡ cho Chính. Cho nên chánh quán không mở bày được là vì bị hoặc thuộc lý che đậy. Vì vậy, hành giả tu tập trợ hạnh để đối trị với màn che của Sự. Nếu màn che của Sự đã dứt thì không nhờ vào hoặc của lý. Vì thế, hành giả làm cho chánh kiến khai mở để nhập vào cửa Lý. Nói đầy đủ về sáu Độ, lược nêu lên sơ lược về ba nghiệp. “Cái sách tấn quán”: hoặc dùng năm pháp để sách tấn đối với chánh quán, cũng giúp sức cho việc mở cửa. hoặc là sách tấn phép quán thuộc Sự. đó là năm môn thiền, mỗi môn đều có đối trị để giúp đỡ cho việc khai mở chánh quán.

Kế là “Nếu thuận v.v...” trở xuống là nói về dụng để giúp đỡ cho công: Chánh giải như thuận dòng nước. Chánh quán như thuận theo gió. Hai hình ảnh ấy ví dụ cho chánh đạo có năng lực hướng về Diệu lý. Cây sào, mái chèo dụ cho điều lành như bố thí v.v... nước giúp cho gió, thì lẽ nào con thuyền lại không đi nhanh?

Kế là “Như vậy v.v...” trở xuống là tổng kết.

Kế là nói về địa vị của sám hối, có:

- Sự giải thích khác bị hạn cục và cạn cợt, có hai:

Một là trình bày về người khác.

Hai là “Đây v.v...” trở xuống là bác bỏ sơ lược.

Kế là “Vì vậy, mới v.v...” trở xuống là sự giải thích của ngày nay có cả cả sâu, lại có:

- Chính là giải thích, có hai:

Một là tạo nghịch: Cúc (nuôi) cũng là dưỡng. Vũ (vỗ) tức là Vỗ. Duy duy là vẻ thương con. Trong thì sáu, năm giáo cùng số và tên của phương hướng. Chú thích rằng: “Phương là Đông, Tây”. Sát nghịch. Sát hoặc viết là thí đều cùng âm Thí. Tức là kẻ dưới giết người trên. Dịch nói: “Thần giết vua, con giết cha”. “Trời tuy v.v...” trở xuống là nói trời đất không thể làm ngơ với sự thọ sinh. Vì vậy, phải đọa vào địa ngục. Dùng năm tội nghịch chiêu cảm năm loại Vô gián; có hai: “Phật là v.v...” trở xuống là nói về phá giới thiên đầu bốn trọng, nhóm sau là Cát-la. Nếu nói về năm thiên thì Sơ và hậu đều là Thiên, sáu nhóm thì đầu cuối đều là nhóm. Văn thêu dệt hiện ra cùng nhau. Vì vậy, Đại sư nói “Sơ Thiên, Hậu Tụ”. Ba vị Sư là Hòa thượng và hai A-xà-lê là yết-ma và Giáo thọ. “Bảy vị tăng ấn chứng truyền giới”: Đây là y theo số

lượng mười người thuộc Trung Quốc. "Biển Phật": Phật pháp như biển. Phạm giới trọng như xác chết. Vườn hoa có thể mở. Nói Phạm trọng tức là phải ra khỏi chúng thanh tịnh.

Hai là "Nặng về sân v.v..." trở xuống là nói về ba đường: Tâm đã nặng về sân v.v... thì động tác của thân, miệng trở thành nghiệp sân. Vì vậy mà đọa làm rắn, rít. Vì nêu gốc để nhiếp ngọn nên nói là nặng về sân". Nặng về dục v.v... ở dưới là tất cả đều có thể dùng nặng về sân làm lệ chung.

"Rắn. Rắn hổ mang": Nhĩ Nhã nói: "Rắn độc hổ mang rộng ba phân, đầu to như ngón tay cái". Quách Phát nói: "Thân rộng ba phân, đầu như ngón tay cái", đó đều gọi là rắn độc hổ mang. "Siểm": Trang Tử nói: "Ý ít mà dẫn đến lời nói gọi là Siểm". "Ngạ quỷ đang đói v.v..." là Nêu sự khó chịu đựng của quả, cần phải sám hối.

Kế là "Trong cõi người v.v..." trở xuống là người và trời, có hai:

Một là Người có "tám thứ khổ": Sinh, già, bệnh, chết, Oán tắng hội, ái biệt ly, cầu bất đắc và năm ấm lừng lẫy.

Hai là Trời "Năm thứ suy": Áo quần hôi dơ, hoa trên đầu héo, thân thể hôi bẩn, dưới nách tiết ra chất bẩn, không thích chỗ ngồi cũ. "Bốn thứ tâm": Tức là Thọ, Tưởng, Hành và Thức. "Cái lồng, cái lồng chim": Cái lồng chim là bờ rào. Kinh Thi nói: "Lượn lờ con ruồi xanh đậu trên bờ rào". Nay, chúng sinh ở trong ba cõi như ở trong cái lồng, rào dậu, không thể tự thoát ra được.

Kế là "Khổ ra v.v..." trở xuống là nói bốn thứ giáo đều sám hối, gồm có:

- Ba tạng, có hai:
- Thanh văn, có hai:

Một là bảy bậc hiền. Đầu tiên là năm đình tâm. Đó là bất tịnh dứt Tham, Từ bi dứt sân, Nhân duyên dứt si. Sổ tức dứt Giác quán. Giới phương tiện dứt sự chấp ngã. Nếu năm thứ phiền não là tham v.v... ngăn trở tâm, làm cho tâm không được dứt thì hành giả phải sám hối. "dứt v.v..." trở xuống là nối tiếp chữ tâm.

Tiếp theo là bốn niệm xứ: Dùng để đối với đạo phẩm thuộc về Vị. "Bốn điên đảo": tức là chấp thân là Tịnh, Thọ là Lạc, Tâm là Thường và Pháp có Ngã. Bốn niệm đối trị bốn điên đảo này. "Bốn chánh cần": Hai điều ác đã sinh thì làm cho chúng diệt, chưa sinh thì làm cho chúng không sinh, hai điều thiện đã khởi thì làm cho chúng tăng trưởng, chưa sinh thì làm cho chúng phát sinh.

Bốn Như ý túc là Dục, Tinh tấn, Tâm, tư duy.

Năm căn là Tín, Tấn, Niệm, Định và Tuệ.

Năm lực: Danh từ giống với Căn, nhưng vì dùng Bất động để dứt Chướng nên chia thành hai khoa. Pháp Hoa Văn Cú dùng bốn khoa là Chánh cần, Như ý túc, Căn và Lực để so sánh với Noãn, Đảnh, Nhẫn và Thế Đệ nhất vị. “Noãn, Đảnh khác với ở đây” hoặc là văn nhầm lẫn. hoặc là có ý riêng.

Hai là “Khổ nhẫn v.v...” trở xuống là bốn quả: “Khổ nhẫn nói về Pháp”: Kiến đạo có mười sáu tâm. Đó là bốn đế ở dưới cõi Dục. Mỗi Đế khởi pháp nhẫn, Pháp trí. Bốn đế của hai cõi ở trên là Sắc và Vô sắc. Mỗi đế đều khởi loại nhẫn, loại trí. Tám đế của Thượng và hạ ấy cộng lại là mười sáu tâm, dứt trừ tám mươi tám Sử kiến hoặc. Nay nói khổ nhẫn tức là Khổ pháp nhẫn của cõi Dục, khổ đế trở xuống, nói phát được khổ pháp trí. Quán Khổ đế của cõi Dục rồi thì hành giả quán ngay Khổ đế của cõi trên, đạt được Loại nhẫn trí. Ba đế còn lại theo nói theo lệ chung. “Tuy không v.v...” trở xuống là vì không thấy nên hoặc sinh khởi ngang trái. Vì vậy không đọa vào đường ác. “Bảy lần sinh cõi Dục”: Chín phẩm Tư hoặc thuộc cõi Dục nhuận bảy lần sinh. Đó là, Thượng thượng phẩm nhuận hai lần sinh. Thượng trung, Thượng hạ, Trung thượng, mỗi phẩm nhuận một lần sinh. Đó là nói về Sơ quả. “Tuy dứt dục v.v...” trở xuống là nói về Nhị quả.

Năm hạ phần là Thân kiến, Giới thủ kiến, Nghi, Tham và Sân. Tham tuy chung với Thượng nhưng không chỉ ở thượng. Chỉ một Sân ở hạ không chung với thượng, dù hành giả có dứt tham v.v... cho đến Vô sở hữu xứ nhưng do thân kiến v.v... mà lại quay trở về với cõi Dục. Vì vậy, năm thứ này gọi là hạ phần. Ba phẩm còn lại thọ một đời sống gọi là “Một lần qua lại”. Tuy dứt năm hạ nhưng gọi là người thuộc ba quả hướng. Còn một phẩm là phẩm thứ chín. Cũng gọi là một hạt giống Na-hàm. “Tuy dứt Sắc v.v...” trở xuống chính là nói về người thuộc ba quả: Chín phẩm đã hết, không đến cõi Dục mà tiến lên dứt Thượng hoặc. “Tuy nhập v.v...” trở xuống là Vô học, hai thứ Bích-chi-phật: Vì chưa thể dứt trừ hết sự xâm nhập của Tập khí nên phải sám hối. Nói “Cũng vậy” là vì theo lệ chung sám hối tập khí của La-hán ở trên. Bồ-tát chưa dứt mà lại ở tại người, trời.

Kế là “Nếu cần v.v...” trở xuống là Thông giữa: Giáo giải thích thể không khác với Chiết Diệt ở trước. Không ngậm chứa Trung đạo là pháp môn Đại thừa. Bậc lợi căn mới thấy nên thuộc hai thứ giáo lý sau. Nay, Đại sư đặt chân ở Nhị thừa và Bồ-tát độn căn để nói về sám hối. “Bích-chi-phật không đạt được văn tự”: Tức là không thể nói pháp để

giáo hóa kẻ khác. Nhưng, Bích-chi-phật có khác nhau giữa Bộ hành và Lân dụ. Bộ hành đôi khi cũng có thể nói pháp. Nay nói theo Lân dụ, ngộ một mình, đi một mình dụ như đầu lân một sừng. Vì vậy gọi là Lân dụ.

Kế là "Thập tín v.v..." trở xuống là Biệt giáo: "Thập tín chỉ có tin": Tín có công năng tạo ra tâm. Vì nó là Phật tánh "Chưa thể xứng hợp với Lý": Vì dùng tâm của Phật tánh để tu tập riêng về Không. Vì vậy, khiến cho Thập trụ chứng một cách nghiêng nặng về lý của Không, Thập Hạnh chỉ nêu ra Sự thuộc sự kiến lập; đã cùng hai thứ quán cùng phá và lập lẫn nhau nên chưa thể đi vào Trung. Thập hướng không nghiêng nặng nhưng chỉ tu chứ chưa chứng. Nhưng, do tiệm tu, lúc bước lên Địa thì đốn chứng. Ở trước tuy sáng tỏ nhưng sau sau vẫn còn bị che chướng. Vì vậy Đại sư nói là "Địa nào cũng có chướng". Đến Đẳng giác mà vẫn có vị chưa đạt được Vô học". Cho nên hạng phàm thánh này đều phải sám hối.

Kế là "Lại nữa, mười v.v..." là nói về Viên giáo: Loại căn cơ này đầu tiên giải ngộ được Trung có đủ hai bên, Không và Giả tức trung. Vì vậy, có thể tu chứng ba trí một tâm. "Không nói danh tự và năm phẩm": Tức là so sánh cao với thấp. Thập tín mà còn sám huống chi giai vị trước đó. "Chỉ là v.v..." trong Pháp Hoa, lúc nói Đà-la-ni, tuy có cả cả Sơ và hậu nhưng tự vị đạt được. Tướng của sự đạt được ấy rất rõ.

Một là Triền đà-la-ni xoay vần theo Giả mà nhập vào Không. Đây ngang với Thất tín.

Hai là trăm, ngàn, muôn, ức Đà-la-ni xoay vần theo Không mà ra Giả. Đây là tương đương với Bát tín trở lên.

Ba là Pháp âm phương tiện Đà-la-ni: dùng hai thứ quán làm phương tiện để chuyển nhập vào pháp âm của Trung đạo. Đây là tương đương với Thập tín. "Khuôn, thành quách v.v...". Ba hình ảnh này dụ cho trí đoạn của Pháp thân, vì đều chưa nghiên cứu đến cùng tận nên đều phải sám hối.

Kế là "Ngang với đây v.v..." trở xuống là bác bỏ hạn cuộc: Vì dưới thì từ gây ra nghiệp Vô gián, trên thì thấu đến Đẳng giác của Viên giáo nên Đại sư nói "Vị dài". Các vị nói theo chiều ngang, mỗi vị đều có sự khác nhau của tám chướng phiền não, đầu số, kết nghiệp, lưu loại, khổ báo v.v... Vì vậy, Đại sư nói là "Nghĩa rộng". Vì sao người xưa chỉ hạn cục ở phàm phu?

Kế là "Vì vậy v.v..." trở xuống là dẫn kinh để chứng kết: Đại sư vốn dùng Tam-muội, tổng trì để nói về vị trí sám hối bao gồm cả phàm

và thánh, tự nhiên so sánh tính toán hợp với kinh kia, thật chẳng phải tìm kinh để tạo ra sự sắp bày như thế. Hành giả biết điều ấy.

Kế là "Nếu người v.v..." trở xuống là nêu điều lợi để khuyến tu, có bốn.

Một là nói về sự gieo trồng đời trước của người nghe.

Hai là "Nói v.v..." trở xuống là người nghe đạt được quả báo. "Quả báo": Sám này đến lý thì công đức đạt đến quả cùng cực, đó là sự cung kính lẫn nhau với chư Phật.

Ba là "Nghe trực tiếp v.v..." trở xuống là nghe huống chi là giải đã xứng với Lý thì tu tập sẽ thành hạnh. Như thế thì quả chứng của Phần, Mãn sẽ không xa.

Bốn là "Đã nghe v.v..." trở xuống kết, nói về sự quy kính. Ân đức của Phật đã như vậy, người muốn báo đền thì chỉ nên đúng theo lời dạy mà tu hành. Quy mạng lễ Phật, một trong năm thứ sám hối. Tại sao lại không tu tập bốn thứ sám hối còn lại.

Tiếp chính là giải thích phẩm đề, như sau:

- Giải thích về nghĩa của hai chữ, có hai:
- Y vào chữ để huấn thích, có hai:
- Giải thích về sám, có hai:

Một là Nói về tìm gương soi.

Hai giải thích về hối, có hai:

Một là nói về chủ thể phế bỏ.

Hai là nói về đối tượng được phế bỏ. "Ý nói là mười điều phế bỏ": Ý như bậc quân vương. Thân miệng như quan, vua đã khắc kỷ thì quan liền chấm dứt sự bạo ngược. Vì vậy ý bao gồm cả mười.

Kế là "Lại nữa, Pháp v.v...." trở xuống là y theo Pháp môn để giải thích các loại.

Kế là "Sám hối v.v..." trở xuống là nói về ba thứ sám hối, gồm có:

- Nói về ba thứ tướng mạo, có hai:

Một là nêu tên gọi để chỉ bày: là ba loại tên gọi để chỉ bày rằng sự thông cả Đại và Tiểu.

Hai là "Tiểu thừa v.v..." trở xuống là y theo tưởng để giải thích, có hai:

Tiếp là nói về tiểu, lại có:

Một là tác pháp: Tỳ-ni, Hán dịch là Luật. "Hai mươi Tăng": đây là y theo sự Sám hối tội Tăng tàn. Nhưng đối trị có bốn pháp.

Tiếp theo là trị sai lầm thuộc tình của che giấu, đó là thực hành

Ba-lợi-bà-sa, Hán dịch là Phú tàng. Hoặc dịch là Biệt trụ, tức là ở riêng một phòng, không được ở chung một chỗ với Tăng. Dù có vào trong Tăng chúng cũng không được bàn luận và không được đáp. Thực hành pháp này phải đủ một trăm ngày. Vì không nhớ số ngày đầu tiên của Phú tàng nên bàn một trăm ngày làm kỳ hạn.

Hai là trị tội Phú tàng: đó là phạm rồi che giấu thì mắc tội Đột-cát-la, không che giấu thì phạm tội tăng tàn. Nếu người che giấu trước sám hối tội Đột-cát-la, sau đó cho ở riêng.

Kế là trị Tăng tàn tình quá tội: tức là thực hành Ma-na-đỏa trong sáu đêm. Ma-na-đỏa, Hán dịch là ý hỉ, trước tuy là tự ý hoan hỷ nhưng cũng làm cho chúng tăng vui mừng. Do niềm vui ở trước nên cùng ít ngày tức là sáu đêm, nên gọi là ý hỉ. Tăng chúng khen rằng “Người này sửa đổi thành thanh tịnh”, cho nên nói “Chúng tăng hoan hỷ”.

Kế là trị Tăng tàn: tức là ở trong hai mươi vị tăng mà bạch bốn lần yết-ma nêu tội ra. Nhưng, che giấu không nói về tướng mà thực hành ngay về Ma-na-đỏa, sau đó mới đi vào chúng để nêu tội ra. “hoặc nửa tháng tác pháp”: tức là lúc đang thực hành biệt trụ. Mỗi lúc gặp kỳ nửa tháng thuyết giới thì người ấy phải bạch với Tăng chúng rằng: “Tôi phạm Tăng tàn”. “Đối thú tác pháp”: Tức là sám hối tội Đột-cát-la nặng. Trách tâm tức là sám hối tội Đột-cát-la nhẹ. Luận Ma-di nói: “Cố ý làm thì đối thú nói một lời, lỡ làm thì trách tâm mà hối lỗi”. Tiểu thừa phạm Ma-di cũng có sám pháp. Sở dĩ sớ văn không dẫn ra là vì sám rồi đã là Sa-di học hối nhưng vẫn chứng quả Thánh. Vì thế, chẳng phải là nghĩa của khôi phục sự thanh tịnh căn bản ở trong đây. Do đó Đại sư Kinh Khê nói: “Tiểu thừa học hối rồi nhưng vẫn chướng quả thánh, tội nặng chưa mất”.

Kế là “A-hàm v.v...” trở xuống là chấp tướng: Trên là nói Tác pháp chỉ làm cho ba nghiệp thuận với chế pháp của Phật, pháp thành thì tội diệt, nếu là tán tâm tội diệt cũng còn cạn thấp. Nay nói chấp tướng thuộc về định tâm. Tưởng thành tướng khởi, diệt tội thì sâu. Vì vậy, tưởng miệng rắn thành thì lẽ nào chỉ có tội dâm được diệt trừ? Ngay cả dâm dục cũng không sinh khởi.

Kế là “cũng có v.v... ” trở xuống là vô sinh, “nói về quán không”: tức là chia chẻ pháp để làm sáng tỏ không. Quán tâm tạo tội vốn không có chủ tể. Niệm niệm vô thường, không có ai là năng tác, không có nghiệp báo ấy. Nếu ngã kiến tiêu vong thì các sử sẽ vắng lặng hẳn. Nếu thành tựu được phép quán này thì dứt được bốn đường và ra khỏi ba cõi. Tướng của ba phép sám của Tiểu thừa giản lược hơn.

Kế là nói về Đại thừa, có ba.

Một là tác pháp.

Hai là chấp tướng.

Ba là vô sinh. Hành giả nên biết rằng Vô sinh là chủ đích của ba thứ sám và hai thứ kia là trợ duyên. Vì vậy, sớ trước nói: “Nước tro, cỏ đen giúp cho nước trong”. Nếu thiếu phép quán siêu việt thì không gọi là Đại thừa mà giống như khổ hạnh chẳng lợi ích gì đồng như ngoại đạo. Hành giả phải gần gũi với thầy tốt để học về nơi sám hối” và “Pháp sám hối” mới thực hành được sự nghi Đạo tràng. Vì thế, đối với các sự, hành giả đều phải dùng phép quán siêu việt để chiếu soi mà dẫn dắt khiến cho tác pháp v.v... đều thuận với thật lý, đều là các nhân của Phật. Có vị cho rằng hành pháp được tu tập bởi đạo tràng nhưng thuộc về trị sự. Hành giả phải đối với mười thừa, trước tu tập sáu pháp, sau mới giúp khai mở. Tuy nói vậy nhưng vị ấy chẳng biết rằng sáu phép trước là để dùng trong đạo tràng. Như nay nói về sám có bàn luận đầy đủ ba loại thì lẽ nào lại bỏ sự thực hành thuộc sự ư? Lại nữa, có một quyển Pháp Hoa Tam-muội lưu hành riêng ở đời. Đại sư xếp đó chính là pháp sám hối hối tội chướng đạo của người sơ tâm, nhờ đó mới tu các thứ Tam-muội. Lại nữa, cánh cửa của các khổ hạnh tịnh tiến đều tùy theo sự ưa thích, hàng sơ tâm có thể tu. Nhưng vấn đề là phải dùng Vô minh quán của Viên làm chủ, kèm người dẫn dắt khiến cho mỗi hạnh đều ngay tu là tánh, không tu không đắc. Được thế thì thành công hạnh của Viên. Lẽ nào các sự hành, Diệu quán, Diệu cảnh, Diệu tu, Phát đại tâm, An tâm v.v... đều là sự tu tập siêu việt ư? Nếu quả như vậy thì trong tùy tự ý trải qua ba tánh kia hoàn toàn không có mười Thừa, làm sao gọi là Tam-muội. Nếu tự mình chưa am hiểu thì nên y theo sự khai mở, dẫn dắt và sách tấn tu tập của bạn lành mới thành tựu lợi ích sâu xa. Lại nữa, chúng ta phải hiểu rõ trong loại sám của Đại thừa thì một loại cuối cùng tuy có thể tu đơn độc. nhưng nếu không có sự tiến bộ thì hành giả phải mượn hai thứ trước. Hai thứ trước không thể tạm lìa loại Vô sinh. Đạt được ý ấy mới nói và thực hành ba loại sám pháp được. Tác pháp đầu tiên, “Tám trăm v.v... kinh Hư Không Tạng nói người biết pháp lại bảo quét dọn nhà xí tám trăm ngày. Ngày nào cũng nói với họ rằng “Ngươi làm việc bất tịnh. Một lòng chùi rửa tất cả các nhà xí, chớ cho người khác biết. Sau khi lau chùi xong, tắm rửa rồi lạy ba mươi lăm Đức Phật, xưng danh Hư Không Tạng. Hướng về mười hai bộ kinh mà gieo năm vóc sát đất, tự nói tội lỗi v.v...” “chín mươi ngày v.v...” kinh Bát Chu nói” “Có bốn điều kiện mau được ba thứ Tam-muội này”.

Một là không được có tư tưởng thế gian, như tướng chỉ ngón tay, trong khoảnh khắc mà đã ba tháng.

Hai là không được nằm trong suốt ba tháng, như khoảnh khắc chỉ ngón tay quyện vào nhau.

Ba là kinh hành không được dừng nghỉ, không được ngồi trong ba tháng, trừ thời gian ăn uống.

Bốn là nói kinh cho người nghe không mong được áo quần, thức ăn uống của người. Đó là bốn điều kiện? Bát-chu, Hán dịch là Phật lập. Lúc Tam-muội thành tựu, hành giả thấy chư Phật khắp mười phương đứng ở trong hư không, nên gọi là Phật lập. "Tro, nước sôi v.v... " trở xuống là nói mỗi hành pháp ở trên đều làm sạch ba nghiệp. "Xoay vần tụng v.v..." trở xuống là mỗi pháp trong các pháp đều so hạn lượng của chế độ triển tụng, phương đẳng là cần thiết nhất. Xoay vần một trăm hai mươi vùng tụng đãn, trì chú một trăm hai mươi biến. Một triển là một chú, không chậm không nhanh. Triển xong liền ngồi để suy nghĩ về chính không của Trung đạo. Vì dẫn dắt nghi quỹ này nên gọi là Tác pháp.

Kế là "chấp tướng mười hai mộng vua": Phương đẳng Đà-la-ni nói: Trước là cầu mộng lành, gồm mười hai thứ. Hễ được một tướng thì cho phép sám hối". Kinh Phạm Võng nói: "Nếu phạm mười cõi, lúc thấy hoa v.v... là liền được diệt tội. "Xướng âm thanh v.v..." trở xuống là kinh kia nói hành giả ở trong mộng nếu ngồi thiền mà hiện ra Bồ-tát này, dùng ấn Ma-ni mà ấn vào cánh tay của hành giả tạo thành chữ diệt tôi; hoặc nghe âm thanh diệt tội. Nếu khởi được tướng ấy thì biết chắc chắn tội sẽ diệt". "Tuy không v.v..." trở xuống là vì tại đạo tràng chẳng phải không tác pháp. Đều từ ưu thắng mà lập danh là chấp tướng. "Nói sự dụng": Tức là tác pháp.

Kế là vô sinh: dùng niệm của Vô niệm mà niệm thật tướng của tội, chủ thể và đối tượng của niệm khác nhau về danh từ đối với thật tướng. Thật tướng của tội chủ thể và đối tượng của niệm và thật tướng khác nhau về danh từ nhưng thể vốn không hai. Tướng như vậy, tội tướng của niệm đã mất thì thật tướng cũng không còn. Thứ tuệ này như mặt trời làm tiêu tan sương mù tội lỗi. Duyên của vô duyên, rốt ráo là không, chẳng có tướng của Trung và biên. Lý này không sai lầm nên gọi là tối thượng v.v... "Tuy không v.v..." trở xuống là ba thứ này tu tập đồng thời. Vì vô sinh là chính, hai thứ kia là trợ duyên nên đại sư nói là: "gồm cả hai". Nay thì cỏ chính và trợ đều hợp nhất mà thực hành. Như cao thì càng sáng nên việc Ứng lý lại càng nhanh.

Kế là “Tác pháp v.v...” trở xuống là nói về ba thứ công năng, gồm có:

- Chỉ bày về công năng, có hai:
- Nói về dứt ác, có hai:

Một là bốn phen thông với với Tiểu để giải thích: Nói thông với Tiểu là vì dùng bốn phiên này để giải thích ba thứ sám. Ý là ở Đại nhưng lại chưa làm rõ về tướng khác với Tiểu. Vì vậy, khiến cho lời nói về sự dứt ác ở Đại và Tiểu đều không trở ngại nhau. Vì thế, Đại sư nói là “Thông với Tiểu. Trong bốn phen ấy, đầu tiên là y theo Tánh già để giải thích, có ba.

Một là Tác pháp, Vô tác tội: Thuở xưa, lúc nhận giới của Phật, nhờ tác pháp nên phát khởi được thể của Vô tác. Nếu hủy phạm thì mắc ba tội trái nghiệp. Nay nhờ tác pháp mà được phá tội này. Nói tánh tội tức là nói về mười điều ác, bất luận là nhận hay không nhận, tánh của Phạm tự nó là tội. Như Phạm v.v... trở xuống là nói: “Chặt cây lớn, giết súc vật. Hai thứ tội trái với chế định đều đã dứt nhưng việc giết súc vật thì phải thường mạng thì vẫn còn.

Hai là chấp tướng: Do đó định tâm tưởng thành tướng thù thắng, năng lực huân tu mạnh nên có năng lực chuyển đổi nghiệp ác. Vì vậy nên diệt được hai tội Tánh và Già. “Như chặt v.v...” trở xuống: Cành, lá dụ cho tội Tánh già. Rễ gốc dụ cho Vô minh. hoặc của tâm còn thì có thể tạo tội lại như sự tiếp tục sinh ra của cành và lá. Vì đối với già và tánh mà giải thích Vô minh, nên loại Vô minh này có cả ở giới nội và giới ngoại. Đây là tướng thông với Tiểu.

Ba là Vô sinh.

Kế là “Lại nữa v.v...” trở xuống là y theo ba học để giải thích. Vì Tác pháp đề phòng sai quấy nên là tội diệt Giới. Vì chấp tướng chuyên ý nên là tội diệt Định. Vì Vô sinh quán chiếu nên là tội diệt Tuệ. Sự Sai lầm là tội của Giới gia. Tán loạn là tội của Định gia. Sự tăm tối của hoặc là tội của Tuệ gia.

Kế là “Lại làm v.v...” trở xuống là do pháp mà đạt được. Vì vậy, Tác pháp có thể trừ. Quả báo của đường người nửa khổ nửa vui. Vì sự chiêu cảm điều lành nên chấp tướng có thể diệt. Quả báo của thời thuộc ba cõi so với nhân đều là Định, không có khổ, chỉ có vui; Vì sự cảm vời của ba thứ lậu nên vô sinh có thể diệt.

Kế tiếp là “Lại nữa v.v...” trở xuống là giải thích về trừ ba nghiệp: Theo lệ chung của quả báo là nhận biết được chủ thể cảm và đối tượng được cảm mà chia ra hai sự giải thích.

Kế là “Lại làm v.v... ” trở xuống là hai phen chỉ giải thích về Đại: Bốn phen giải thích trước là có cả cả Đại và Tiểu thừa. Vô sinh dứt trừ hoặc thì chưa giản lược về chung và riêng. Tác pháp hoặc chấp là sự chế định của Tỳ-ni.

Kế là giải thích về Vô minh trong phá chướng của vô sinh. hoặc chung bất sinh là chấp tướng của ngày nay. Qua đó, chúng ta xét biết rằng ở đây chỉ đặt chân ở Đại thừa để giải thích, có hai.

Một là giải thích về phiền não của biệt: Sợ hãi thuộc về Tư, lo buồn thuộc về kiến. Nay tác pháp thành tựu, thì giai vị năm phẩm có khả năng chế phục loại hoặc này. Vì chỉ có chế phục mà gọi là phá nên nói “Cũng là” chấp tướng sáu thành ở giai vị Thất Tín. Vì vậy diệt bốn trụ, vì đã thấy Chân-đế. So với Trung gọi là tướng nên gọi là chấp tướng. Quán vô sinh thành thì giai vị là bước lên sơ trụ. Đối tượng được trụ là ở vô minh căn bản. Vì vậy, chúng ta biết rằng sự giải thích này là đặt chân riêng vào Đại thừa để làm sáng tỏ về ba thứ sám.

Hai là “Lại nữa, ba v.v...” trở xuống là có cả cả ba thứ chướng để giải thích “Cùng trừ quả báo”: Đó là quả báo hiện tại, sinh thân của cha mẹ đạt được sáu căn thanh tịnh. Chuyển báo thật sự ở tại sự phối hợp giữa Chánh và trợ để thực hành. Nếu chỉ lý quán thì tuy đi vào Chân và Tựa nhưng cũng có vị không có được sáu căn thanh tịnh. Cho nên nói “Ba thứ sám cùng trừ chướng của quả báo. “chấp tướng trừ nghiệp”: Tức là y theo “Ra khỏi Giả mà nói. Có thể dùng vô lượng nghiệp chủng của đời trước làm duyên độ sinh mà nghiệp không thể ngăn vướng, tự đại đối với nghiệp gọi là trừ nghiệp chướng. Vì chưa thật sự ra khỏi giai vị Giả nên thấy Tục đế vẫn còn gọi là chấp tướng. Nghĩa của Vô sinh dứt hoặc rất dễ hiểu.

Kế là “Lại làm v.v...” trở xuống là nói về sinh thiện: “Vẫn y theo dụ để làm sáng tỏ năm loại đá”: Đó là bạch anh, Tứ anh, Thạch cao, Chung nhũ, thạch chỉ.

Năm chi là cỏ Linh Chi năm màu. Gừng và Quế còn dụ cho cho tác pháp của Tiểu thừa nên chưa sinh thiện. Nếu là tác pháp của Đại thừa thì sinh thiện quả là không ít. Năm loại đá và năm chi là dụ có cả sự sinh thiện thuộc về cả sự và lý của Đại và Tiểu.

Kế là “Như vậy v.v...” trở xuống là khuyên người tu học: Nói phải biết tức là nói người học phải biết Tiểu và Đại đều có công năng dứt ác, sinh thiện, phải biết tu cả ba thứ ấy mới được lợi ích. Nếu chỉ nói mà không tu là có tội.

Kế là “Văn nay v.v...” trở xuống là nói rằng kinh có ba thứ sám,

có hai:

Một là chỉ bày kinh có ba đoạn văn.

Hai là kết rằng sám là dụng của kinh.

■

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 3
(Phần cuối)

Tiếp theo là “Từ đây v.v...” trở xuống là giải thích về văn, gồm có:

- Đối phán chia văn, có hai:

Một là đối phán: Nói về lực dụng của kinh chỉ có cả ba phẩm. “Từ phẩm này v.v...” trở xuống là dùng phẩm này đối với phẩm Tán Thán để nói về chê bai và chánh pháp.

Hai là “Phẩm này v.v...” trở xuống là phân văn.

Kế là “Mộng v.v...” trở xuống là y theo văn đề giải thích về nghĩa, lại có:

- Nói về sự thấy nghe trong mộng, có hai:
- Mộng thấy trống vàng, có hai:

Một là giải thích về mộng: Sự giải thích ở trước ở trong sớ nói về Bồ-tát Tín Tướng ở tự vị của ngài, hoặc là tự của lân cực, hoặc tự của lân chân: ở vị trí ấy mà mộng thấy trống vàng thì lẽ nào lại là giấc mộng mê mờ tăm tối của Bát địa ư? Cho nên dùng hai nghĩa để giải thích chữ mộng. Đầu tiên gọi là Tam-muội được gọi là như mộng. Do đạt được tính cụ, tu đức không công, nhân biện quả sự, như mộng thân cố gắng, cho nên gọi là Như mộng Tam-muội. Kế là “Lại nhập vào v.v...” trở xuống là lấy sự có mộng có tỉnh của người phàm để dụ cho phép quán, pháp quán có vào có ra, đó là lấy sự nói và im lặng mà làm sự ra vào. Cả hai sự giải thích đều chỉ bày rằng mộng là trí quán. Đầu tiên là giải thích hơi hẩn.

Hỏi: Mộng là pháp điên đảo, tăm tối đối với chân. Quán là pháp trí của giải thích? Mê mờ và hiểu biết khác nhau như trời vực, làm sao dung hội được? Phật địa hết mê, phàm phu chưa liễu giải, cả hai đều không nói về quán. Đối với mê được sự giải gọi là quán trì. Vì thế, luận Khởi Tín nói: Vì y theo nghiệp thức mới nói là thấy Phật. Nếu lìa nghiệp thức thì không được thấy”. Nay vì nói về sự giải ngộ của tự

chiếu soi pháp tánh nên gọi là nhập quán, y theo nghiệp thức nên nói quán là mộng. Chưa đạt đến điểm cùng cực của trí giải thì sao lại không mộng. Mộng của chiếu soi pháp tánh lẽ nào lại chẳng phải là quán trí. Nếu không nắm được ý ấy thì không thể tiêu giải được đoạn văn này.

Hai là "Như pháp tánh chính là v.v..." trở xuống là giải thích về cái trống, có hai:

Một là trực tiếp biểu thị về ba đức: Trí thuộc chủ thể quán dùng mộng để chỉ bày về mộng thì chắc chắn là thấy tướng. Vì vậy, dùng trống vàng để biểu thị cho cái được quán, tức là pháp tánh. Vì thể của cái trống có tiếng kêu của không thuộc viên, nên có thể biểu thị cho ba thứ đức. Hình dáng của trống đẹp và to nên lại hiển bày cho tính chất sâu xa vô lượng của ba đức.

Kế là "Đẹp và lớn v.v...." trở xuống là cả ba đức đều sâu xa. Vì mỗi đức trong ba đức đều là toàn thể của Pháp tánh. Nêu lên một đức là đều có đủ hai thứ kia, được gọi là ba thân, ba trí và ba giải thoát. Nếu không như vậy thì làm sao có thể nói rằng cả ba loại đều là vô lượng sâu xa.

Kế là "Đây v.v...." trở xuống là kết sự chỉ bày: Tức là ba đức của cái trống đối với ánh sáng thì chỉ là pháp thân được chiếu soi. Ngay cả pháp thân này thâu nhiếp cả Báo và Ứng là ba đức ở trên, cho nên nói "Quán một mà thấy ba Đức Phật".

Tiếp theo là "Từ v.v..." trở xuống là thấy ánh sáng của trống: Toàn bộ lý thuộc về đối tượng được chiếu soi khởi các trí thuộc về chủ thể chiếu soi. Vì vậy, đức của pháp tánh đều trở thành đức của trí. Vậy lẽ nào đặc tính tròn, không, tiếng kêu và ánh sáng của trống lại chẳng giống như vậy ư? Ba đặc tính của trống là đẹp, lớn và ánh sáng cũng giống như vậy. Chúng ta nên nhớ rằng thể của pháp tánh là bổn giác, trí là thỉ giác. Chỉ là một thứ giác nhưng do Bất giác nên chia ra Bổn và Thỉ khác nhau. Đã thành tựu quả lớn, tức là đã lìa bất giác. Vì vậy, Thỉ thầm khế hợp với Bổn gọi là Pháp Báo hợp nhất. Vậy, lẽ nào Thỉ giác lại khác đối với Bổn? "Bản mới được dẫn có cùng Thể, có cùng ý và có cùng sự": Vì Pháp Báo đã hợp nên không hại không khác đối với chư Phật. "Đây tức v.v..." trở xuống là thấy được ánh sáng của trống chính là biểu thị cho trì của Báo. Trì này thầm hợp với Pháp. Vì pháp có đủ cả ba nên báo cũng là ba. Cũng là báo này trên thì thầm hợp với pháp, dưới thì rũ Ứng. Vì vậy mà nói "Có đủ cả ba".

Kế là "Lại nữa, đối với v.v..." trở xuống là thấy Đức Phật ở trong ánh sáng, có hai:

Một là y theo Văn để biểu thị về nghĩa. Nói “Ánh sáng từ v.v...” tức là đối với hai thân ở trên, đây là biểu thị có cả Ứng. Cho nên Đại sư nói “Giống về Sự” Ứng không đứng một mình, chắc chắn có đủ cả ba thứ thân. “Lưu ly v.v...” trở xuống là Pháp. “Tòa ngồi của Phật v.v...” trở xuống là Báo. “Đại chúng..” trở xuống là Ứng.

Hai là “Đây tức là v.v...” trở xuống là kết nghĩa về Viên, có hai:

Một là kết riêng về ba điều này: Vì toàn bộ pháp và Báo là Ứng thân. Vì thế, văn kinh biểu thị đủ cả ba vị Phật.

Hai là “Nhìn thấy v.v...” trở xuống là kết chung về nghĩa trên: Nói “Ba vị Phật”: Tức là cái trống biểu thị cho pháp Phật. Cả ba vị Phật đều có đủ cả ba nghĩa. Tức là pháp nào, cũng có đủ ba. Lược thì mười thứ ba pháp, đầy đủ thì tất cả đều là ba. Các pháp này thuận với sự giải thích về thí dụ. Như vậy thì Kim Quang Minh của thế gian là cái để ví du cho ba pháp. Nếu đứng trên văn phụ kèm thì nên giải thích về thể đều là Pháp Kim Quang Minh. Vì mỗi loại đều có đủ cả ba là nghĩa của đáng quý, đáng trọng, vắng lặng mà thường chiếu soi, nghĩa của nhiều lợi ích. Vì nghĩa đã như vậy nên kinh này có tên là Kim Quang Minh. Nghĩa được biểu thị ở đây là do Đại sư đạt được Triền Tổng trì. Trong cái một mà giải ngộ được vô lượng, trong vô lượng mà giải ngộ được một. Vì lẽ đó mà sự giải thích, phải tiêu giải văn mới viên dung đến thế. Mong rằng kẻ thấy người nghe nên dứt bỏ, sự chấp đắm của tình thức để suy nghĩ, tu tập.

Kế là “Thấy có v.v... ” trở xuống là mộng thấy đánh trống, gồm có:

Một là Phân văn.

Hai là Phát ra âm thanh lớn.

Ba là “Âm thanh của cái trống v.v...” trở xuống là sự giải thích do âm thanh, có hai:

Một là “Cái trống là v.v...” trở xuống là nói về tự trí hội Pháp khởi dụng: Cái trống nói trên biểu thị cho ba thứ ánh sáng, ba vị Phật v.v... ba chỉ là một. Ba của nay là đối tượng được quán của Trí thuộc về cơ của Trí tướng, hợp ba là một, chỉ gọi là pháp thân. Bà-la-môn biểu trưng cho Tịnh hạnh thuộc Chân và Tự. Vì thế Lân chân nên kinh gọi là Tự. Vì Tự của viên có khả năng chế phục hoặc nhiễm của Đồng thể nên gọi là Tịnh trí. Lấy tịnh trí ấy hội nhập với Thường lý tức là do vị cam lồ và Tương tự tương ưng, có thể dùng âm thanh mầu nhiệm làm cho hiện hữu khắp tam thiên đại thiên thế giới. Vì diệt khổ sinh lạc nên khiến cho văn kinh lấy hình ảnh đánh trống để biểu thị cho ba thân của Tự vị.

Nếu không như vậy thì bản tánh của Tín Tướng và Phật tuyệt đối khác nhau, Ứng dụng của Phật chẳng phải là cảm của Tín Tướng. Hành giả nên rõ biết Thích-ca và Tín Tướng cùng hưng khởi giấc mộng này. Cho nên có sám pháp làm lợi ích cho chúng sinh.

Hai là "Trống là v.v..." trở xuống là nói về dùi trống và trống hợp thành ba thứ thân.

Kế là Từ "Thời v.v...." trở xuống là giác ngộ rồi nói về thấy nghe, có hai:

Một là chia văn.

Hai là "Lúc bấy giờ, Tín Tướng v.v..." trở xuống là tùy thích, như sau:

- Đến chỗ Phật, có hai:
- Giải thích giấc mộng: Lại gồm có hai:
- Theo giáo để giải thích: Sở có hai cách giải thích:

Một là y theo nhập quán và xuất quán: Đây là đứng trên pháp để giải thích theo chiều ngang. Kế là y theo chế phục hoặc và dứt trừ hoặc: đây là y theo giai vị để giải thích theo chiều dọc. Vì nhập quán vốn để mong cầu bước lên các địa, dứt hoặc, cho nên chúng ta biết rằng ý của hai cách giải thích ấy đều cần nhau. Nói "ba mươi tâm" tức là dùng Biệt để làm rõ Viên.

Hai là giải thích về quán: Nói "Quán hạnh vị" tức là đối Phần Chân tức năm Phẩm, Thập tín đều gọi là Quán hạnh. Vì chưa chứng Chân và Tự, mà được gọi là quán, pháp thụy miên của Vô minh thuộc vị trí nội và ngoại phẩm hoàn toàn chưa phá. Cho nên quán ba thứ thân như cái được thấy ở trong mộng. Vị trí chân đã phần phá, đã rõ biết đối với Lý. Vì vậy, quán ba thân như trời đã sáng: "Ra khỏi nhà của vua, v.v..." Ở giai đoạn nhân chưa lìa năm ấm thuộc biến dịch như đang ở tại nhà của vua. Nay đã ra khỏi ngôi nhà đó là biểu thị sẽ đến quả. Đã nói về pháp quán có nhập Phần Chân và phần cực quả nên dự đoán biểu thị về nó.

Kế là "Đến kỳ v.v..." trở xuống là giải thích, đi đến: Vương thành và Linh Thứu tuy đều là đất, nhưng vì núi là chỗ cư trú của Phật nên biểu thị cho giai đoạn quả; Tín Tướng ở tại thành hợp với sự biểu thị cho giai đoạn nhân. Nay vì đi đến để biểu thị cho nhân hướng về quả.

Kế là "Lúc bấy giờ v.v..." trở xuống là chung với duyên.

Tiếp đến là bày tỏ sự cung kính: "Tín đầu là quý": Nhờ Tín mà được nhập vào biển cả Phật pháp. Tín là nhân, người. Vì trên cầu nên như cái đầu là đáng quý nhất. "Từ bi là thấp hèn": Nhổ gốc khổ ban

cho niềm vui là hạ hóa của quả, người, cho nên như hai chân là thấp hèn. “Lấy quý tôn kính thấp hèn”: Tức là lấy tín để giảng lấy Từ. Trong kinh, lúc lạy xong đi nhiễu theo chiều bên phải là nói lên sự lưu luyến, kính mến.

Kế là từ “Lấy...” trở xuống là nói về mộng, có hai:

Một là chia văn, “Đều nói là hành giả”: Người xưa lấy mười bảy chữ thuộc Tán thuyết làm hành. Kệ tụng có hai v.v... bốn, năm lời thì bốn câu là một bài. Bảy lời thì hai câu là một bài. Bởi vì các sư ngày xưa lúc chia kinh đều lấy số hàng làm chuẩn. Đời nay vì biến loạn nên khiến cho chế độ thêm bớt số chữ bị mất khuôn phép ban đầu. Lẽ nào vì bản sớ xưa chia kinh có trồi sụt rồi cũng làm cho mục lục, số trang không có chuẩn mực hay sao? Tôi gửi lời đến bậc có hiểu biết rằng y cứ và chế định của người xưa. Hai v.v... trở xuống là giải thích về nghĩa, như sau:

- Nói chung về mộng: lại có:
- Thấy cái trống vàng: có ba:

Một là thấy hình trạng của trống.

Hai là “Ánh sáng của nó v.v...” trở xuống là thấy ánh sáng của trống.

Ba là “lại, nhân v.v...” trở xuống là thấy Đức Phật ở trong ánh sáng.

Cả ba phần này đều là ý của ba thân được nói lên bởi văn xuôi. Vì trống tuy có đủ cả ba nhưng đều là cái được chứng nên hợp thành pháp thân. Vì ánh sáng có đủ ba của trống, toàn lý là trí nên hợp thành báo thân. Cảnh và trí cùng sự nhiếp cơ của chư Phật cũng có đủ ba thứ thân gọi là Ứng. Ở đây hợp với chín và ba, tức là như cảnh được quán của Tam-muội như mộng. Tam-muội là quán.

Kế là “Thấy bà v.v...” trở xuống là nói về đánh trống: Ba của hợp chín do văn ở trên biểu thị tuy là Phật pháp. Nhưng vì đã cùng với pháp của tâm và pháp của chúng sinh không có sự khác nhau nên là cảnh thuộc tâm tánh của Tín Tướng. Nay ở trong mộng đã thấy Tự trí của mình hội với Pháp thân của Tánh khởi sự Ứng với căn cơ dùng để nói kệ sám hối. Đây là Tín Tướng cùng với Như Lai khởi sinh lực dụng của kinh.

Kế nữa là “từ đó...” trở xuống là nói riêng về mộng, gồm có:

- Nói về trống vàng có năng lực dứt ác, sinh thiện, có:
- Chia riêng kinh, lại có:

Một là diệt trừ nhân quả khổ của thế gian: Hai bài trước là diệt trừ

quả. “Các loại Hữu”: tức là ba hữu. Một bài sau là diệt trừ nhân. “Các loại não”: tức là ba thứ hoặc.

Hai là “Dứt trừ chúng.. “ trở xuống là sinh ra nhân quả vui xuất thế gian: Hai bài trước là quả xuất thế gian. “Dứt trừ sợ hãi của mọi người”: Tức là lìa năm việc sợ hãi. Đó là sự sợ hãi thuộc đường ác, sự sợ hãi thuộc tên gọi ác, sự sợ hãi của cái chết, sự sợ hãi vì không có kế sống, sự sợ hãi vì uy đức của đại chúng. Đạt được vô sở úy có bốn.

Một là Vô sở úy thuộc Nhất thiết trí.

Hai là Vô sở úy thuộc lậu tận.

Ba là Vô sở úy thuộc thuyết chướng đạo.

Bốn là Vô sở úy thuộc thuyết tận khổ đạo.

Lìa bờ này của hai hình thái chết, đến bờ kia của ba thứ trí. Một bài sau là nhân xuất thế gian. Định tức là Lăng-nghiêm. Loại định này có cả tuệ, tức là chánh đạo hạnh của quán cảnh chẳng thể nghĩ bàn v.v... giúp đạo tức là đối trị hạnh thuộc Độ và thuộc Sự.

Kế là “Cái trống ấy v.v...” trở xuống là có công năng khiến cho chúng sinh tự và tha đều đầy đủ. Một bài rưỡi trước là sự đầy đủ của tự tu hành. Hai bài rưỡi sau là sự đầy đủ của giáo hóa người khác. “Hai phiền não là phá nhân, “dứt khổ” là phá quả. Hai câu dưới là giải thích trên. “Tham sân, si” là giải thích một chữ Đẳng của phiền não ở trên. “Tất cả các khổ đều khiến cho được vắng lặng”, đó là chính thật giải thích về nghĩa năng hại, tiêu trừ ở trên.

Kế đến là “Nếu có...” trở xuống là có công năng dứt trừ chướng nạn của qủa báo và kiêm luôn cả sự đạt được Túc mạng. Vì giới thư thả nên ở tại địa ngục. Vì Thừa cấp bách nên nghe tiếng trống vàng. Không chỉ ra khỏi ngục gồm cả túc mạng, ngàn, muôn, ức sinh thiện biết được việc ấy. Vì thế, nhớ nghĩ chân chánh về chư Phật, lại nghe pháp âm viên mãn mầu nhiệm của chư Phật.

Kế là “Vàng này...” trở xuống là có công năng khiến cho chúng sinh đạt được các pháp môn. “Trước là đạt được ít”: lại y theo một loại pháp lìa ác tu thiện. “Sau là đạt được nhiều”: Tùy suy tư, tùy nguyện ước, tất cả đều khiến cho được thành tựu.

Tiếp là “Nếu có v.v...” trở xuống là có năng lực phá tám nạn trôi lăn của chúng sinh. Tức là kinh nói rằng “Các nạn”.

Tám nạn: ba đường gồm có ba. Trong cõi người có bốn.

Một là mù, điếc, câm, ngọng.

Hai là thế trí biện thông.

Ba là trước Phật sau Phật.

Bốn là Bắc châu. Trên trời có một, đó là Vô tưởng, hoặc trời Trường thọ.

Kế là "Giải thích điều này v.v..." trở xuống là chỉ bày chung về nghĩa: Kinh chỉ ra sáu đoạn văn. Tuy lợi ích có bao gồm hiện diện khắp nơi nhưng lời lẽ vẫn còn chung, sơ lược nên khó giải thích cho đầy đủ. Vì vậy, Đại sư khuyên người giải thích nên y theo sáu đoạn văn này để nói rõ từng phần. Từ khổ mà được vui, lậu đạt được vô lậu, bỏ Tiểu đi vào Đại, từ quyền mà đi tới Thật. Từ nhân đến quả, tiết nào cũng đều nói về sự phá ác, sinh thiện. Giải thích đầy đủ như hai mươi lăm Hữu đều được quả báo, nhân hoa. Cỏ nhỏ, cỏ trung, cỏ đại; cây nhỏ, cây lớn một thật sự phương tiện, thật báo mười phen lợi ích mới cùng tận cái tướng diệu âm giải thích bị cho chúng sinh được xuất ra từ cái trống vàng. Nếu nói đủ thì như Diệu Huyền và Thỉnh quán âm sớ.

Kế là "Từ một v.v..." trở xuống là nói về giáo mới gọi là pháp sám hối, như sau:

- Chia văn, có hai:

Một chính là chia văn kinh.

Hai là trình bày ý sinh khởi "Tà đảo che chướng lý": đối với thân của quả khổ mà khởi tám hình thái điên đảo để che chướng bốn đức: Đây là nói về chướng của quả báo, hai thứ dưới dễ nhận biết. "Bậc Thánh v.v..." trở xuống là y theo ở trên, Đức Phật Thích-ca tự trình bày rằng: "Nay ta nên giảng về pháp Sám hối v.v...". Nay nói "Bậc Thánh" tức là chỉ cho Bổn sư, giúp cho đạt được ba thứ chướng chính là ba đức, là chỉ bày về sự nêu bày chung của sám hối. Ba câu cuối là chỉ bày riêng, là chỉ bày rằng báo chướng thuộc về đạo, lý chính là pháp thân; chỉ bày rằng nhân quả phiền não chính là Bát-nhã, ba thứ quán là nhân, ba trí là quả; chỉ bày hạnh lành kết nghiệp tức là giải thoát, "Phải nguyện chỉ quy": dùng nguyện để dắt dẫn hạnh đến rốt ráo.

Kế là "Tự sám v.v..." trở xuống là giải thích nghĩa, gồm có:

- Dạy về tự nói tội lỗi sám hối, có hai:

Một là chia văn.

Hai là "phù, pháp v.v..." trở xuống là giải thích nghĩa, có:

Một là nói về pháp thân là nơi y cứ. Vì hợp với sự tu nên chỉ gọi là pháp thân. Nhưng, vì tánh vốn thường lìa nên có ba đức. Ba đức này rất tôn quý nên còn gọi là Tam bảo. Pháp gọi là Bất giác, Phật gọi là Giác. Vì thể tánh của vắng lặng - chiếu soi này vốn sẵn đủ các pháp nên hiện hữu ở tất cả mọi nơi của tu đức. Dùng nghĩa hòa này gọi đó là Tăng. Tuy phàm phu, Tiểu thừa mê tối nhưng toàn bộ thể tánh chính Là. Vì

vậy, tức là Bồ-tát thuộc Sơ, Trung và Hậu tâm của Viên giác đều lấy pháp thân làm chỗ quy hướng, làm cội gốc. Nếu cội gốc ấy đã lập thì ba thứ trí, ba thứ thân, ba thứ giải thoát, tất cả đạo pháp đều sinh khởi một cách tự nhiên. Kinh nói: “Ta là bình đẳng”. Tánh đức của chúng sinh hoàn toàn là quả Phật, ngã thuộc về chân như.

Hai là “Trong vốn v.v...” trở xuống là thỉnh Phật che chở, bảo vệ. “Sự tôn quý của hai việc đầy đủ trong kinh”. Đại kinh nói về hai sự giải thích trong mười hiệu.

Một là y theo đường lành thuộc người, trời thì phước trí đầy đủ là quý hơn Phật, bậc tôn quý trong người, trời.

Hai là y theo sự đầy đủ về Phước và Tuệ mà còn gọi là “Đầy đủ cả hai”. Ở đây cũng như khoảnh khắc. Phù sơ tức là thịnh vượng. Phong là sum suê. Thuyết văn nói: “Phù sơ tức là cành và lá bủa ra bốn hướng”.

- Chính là nói về sám hối, có hai:

Một là chia văn.

Hai là giải thích nghĩa, lại có:

Một là nói rõ chung về sám hối:

“Sám riêng...” trở xuống là nói riêng về sám hối, có hai:

Một là chia văn.

Hai là giải thích nghĩa, như sau.

- Sám hối phiền não chướng, gồm có:

- Giải thích văn, có ba:

Một là giải thích: “Không biết được mười Lực của chư Phật”:

1. Thị xứ phi xứ lực.
2. Nghiệp lực.
3. Định lực.
4. Căn lực.
5. Dục lực.
6. Tánh lực.
7. Chí xứ đạo lực.
8. Túc mạng lực.
9. mắt Trời lực.
10. Lậu tận lực.

Mười loại này gọi chung là lực: Tức là dụng của trí như thật do chư Phật thông đạt được tất cả, hoàn toàn rõ ràng; Vì không có gì phá hoại được, không gì hơn được nên gọi là Lực. Đại Bồ-tát cũng đạt được từng phần đối với lực này, nhưng vì so với Phật thì kém hơn nên không

gọi ngay tên mà gọi Đức Phật là Thập Lực. Mười lực ấy, Phật thuộc Pháp thân vốn sẵn có, Phật thuộc báo chứng đức và Phật Ứng dụng nó. Toàn thể sắc tâm, y chánh và nhân quả của chúng sinh tức là ba Phật, mười lực. Chỉ vì chúng sinh mê tối nên toàn bộ trí là hoặc, gọi là Phiền não chướng mà Độc đầu Vô minh là hạt giống của phiền não. Vì xúc xứ mà không rõ biết được Pháp thân nên dụ cho mắt của trâu, dê, chim sẻ, không biết thiên tử và tượng gỗ. Vì không liễu ngộ được nên ba tế, sáu thô khởi lên mạnh mẽ. Nói "tượng gỗ" tức là kết đất và gỗ mà làm tượng Phật; nhưng người thì biết kính sợ, còn chim sẻ thì không. hoặc dẫn các đế của chánh cung chu lễ, chẳng đúng ý ở đây.

Hai là giải thích về ân đức của cha mẹ, kinh Tịnh Danh nói: "Khéo léo quyền biến là cha của phương tiện, Trí độ là mẹ của Bồ-tát. Tất cả các bậc Đạo sư đều từ đó mà sinh ra". Vì không rõ biết được sự tương ưng của Độc đầu hoàn toàn là hai thứ trí, nên Pháp ẩn diệt bất sinh.

Ba là giải thích không hiểu được pháp lành, các điều lành giúp đạo có thể hoàn thiện Ứng thân, vì không hiểu được nên không tu.

Kế là "Ba vị Phật.. " trở xuống là kết thúc sự chỉ bày, là nêu lên sự không biết, không hiểu để làm sáng tỏ sự hiểu biết, sự biết hôm nay là sám hối mầu nhiệm.

Kế là "Tự cậy v.v..." trở xuống là sám hối báo chướng, gồm có:

Một là y theo sự để giải thích về họ. "Ngạo nghễ người khác": Tức là dùng sang ngạo với hèn. Họ Sát-đế-lợi, Bà-la-môn ở Ấn Độ là sang. Họ Tỳ-xá, Thu-đà là hèn. Hai phần khác rất dễ hiểu. Hai thứ thiện báo này nếu buông thả thì chướng ngại đối với việc tu đạo, nếu không buông thả thì sẽ giúp cho đạo.

Hai là nay lại y theo Pháp để giải thích, có hai:

Một là y theo ba học: Tức là dùng ba thứ sự để biểu thị cho ba học. Nhờ tuệ mà đạt đạo nên như sự tôn quý của họ. Vì định bồi bổ cho tuệ nên như tài bảo. Vì Giới chế phục sai phạm nên như năm tháng sung mãn. "Nhiễm điều ấy v.v..." trở xuống là tướng của Chướng. Đại luận chép: "Vì Pháp của tự thân ái nhiễm nên chê bai pháp của người khác. Tuy có trì giới cấm nhưng vẫn không thoát khỏi sự đau khổ của địa ngục". "Không cầu Pháp: Pháp vượt hẳn Niết-bàn mà còn hoàn toàn như huyễn thì vì lẽ nào lại dùng pháp nhiễm của tự thân để khinh mạn người khác? Không thấy ta và người mới gọi là cầu pháp.

Hai là "Pháp Hoa v.v..." trở xuống y theo ba loại giáo: trong ba ví dụ ấy lại dùng một loại dụ là "Năm tháng đầy đủ" mà bao gồm cả hai thứ giáo. "Cùng tử dọn phân" nên "biết kho tàng" trải qua dần dần ba

thứ mùi vị. Tâm hai bên mạnh đều gọi là thiếu niên, tráng niên. Phật ở Đạo hậu, rốt ráo vô vi mới gọi là già yếu. “người phàm v.v...” trở xuống là muốn nói về pháp tráng niên và lại nêu lên Tráng niên thuộc về Sự. Tạng giáo Nhị thừa, Thông giáo ba thừa, tuy Chiết và Thể khác nhau nhưng đều dùng cái mạnh của không để giày xéo cái yếu của Hữu. Tuy chia làm ba loại quán nhưng công duyên vào Vô lượng. Vì thế, cậy vào Pháp nhãn để dày xéo đối với Tuệ nhãn. Tất cả những trường hợp ấy đều gọi là sự buông lung lúc tuổi tác cường thịnh. Sự trải qua giáo lý của Chủng tánh và tài bảo cũng giống như vậy.

Kế là “Chấp chặt điều ấy v.v...” trở xuống là kết luận phải sám hối. “ba học ba giáo gọi là Báo chướng”: Loại tâm này thành tựu là do sự huân tập đời trước mà cảm sự hy vọng. Sau ở nhân so với trước là quả. Vì vậy, được gọi là ở nơi báo mà khởi xướng. Vì chướng nên phải sám hối.

Kế là “Theo tâm v.v...” trở xuống là sám hối nghiệp chướng, có ba:

Một là phần tiết kinh để chỉ bày về nghĩa, có hai: “Một...” trở xuống là tùy theo văn để giải thích khái lược về mười chín đoạn: Như sớ đã nêu “Cũng là dạy người khác”: Tức là chỉ cho sự gây ra nghiệp ác của miệng. Nghĩa là tự mình gây ra điều sai lầm, đồng thời lại xúi giục người khác thường làm tất cả điều ác. Đã tùy theo tâm ngu si thì lẽ nào lại soi chiếu trở lại được? Kinh Tâm Sinh Phẫn Nộ, cầu năm dục thì giận người khác không cho. Có năm dục thì giận vì người khác chiếm đoạt. Phẫn tức là nộ. Kinh nói: “Gần gũi người chẳng phải bậc Thánh thì gọi là ngoại đạo”. Vì ngoại đạo tự cho mình là bậc Thánh nên đệ tử Phật chỉ ra đó là chẳng phải Thánh. Keo kiết tức là tiếc lẫn tiền của, ghen ghét tức là ganh tỵ với người Hiền. Nay dối trá nói là gian xảo, ma mị gọi là dua nịnh. Nói “ruộng kính Đời không có Phật” vì Bích-chi-phật ra đời lúc không có Phật. Vì Bồ-tát nhiều kiếp không câu thúc ở hình tướng, tùy căn cơ mà giáo hóa chúng sinh lúc đời không có Phật “Ruộng ân đức”: Ruộng có ba thứ. Tam bảo gọi là Ruộng tôn kính, cha mẹ gọi là Ruộng ân đức, nghèo cùng gọi là Ruộng từ bi. Sở dĩ gọi chung là ruộng bởi tất cả đều có thể gieo trồng phước đức. Về “Kiêu mạn”, Câu-xá nói: “Mạn là nêu lên đối với tâm người, kiêu là do pháp nhiễm của “bản thân”.

Tiếp theo là “Tạo nghiệp v.v...” trở xuống xuống là chỉ bày sự giải thoát để giải thích pháp: Y theo sự vâng thuận giáo lý của nay thì người là Thỉ. Nếu đối tượng được sám hối phần nhiều thuộc bốn đường

thì nghiệp được gây ra bởi hoặc thuộc Thông gọi là nghiệp hữu lậu, nghiệp được tạo ra bởi hoặc thuộc biện gọi là nghiệp vô lậu, nghiệp của các thứ Đại Bi không thể suy nghĩ bàn luận v.v... Vì vậy, Bồ-tát Đẳng giác lại đều phải sám hối.

Kế là từ "Ta v.v..." trở xuống là nói về sự cúng dường chư Phật, có hai:

Một lập ý chia văn.

Hai là y cứ theo văn để giải thích nghĩa, có hai:

Một là nói về sự cúng dường thuộc tiền của. "Nay ta v.v..." tức là nói về sự cúng dường tiền của của ngay nơi Pháp. Vì sao? Vì trong tâm tam thiên đại thiên thế giới có có trăm ngàn ức vị Phật, huống chi là chư Phật của Vô lượng vô biên Đại thiên. Nếu tiền của có hạn thì làm sao có thể cúng dường khắp nơi được. Bởi vì, do rõ biết được thể của vật cúng dường được cung phụng ấy là Pháp giới, sinh ra vô tận, mỗi vật đều hiện khắp mọi nơi. Vì vậy, trước tất cả cõi nước, tất cả các Đức Phật đều có sự cúng dường vượt ngoài sáu trần, chẳng những là hiện hữu rộng khắp mà chúng còn tồn tại mãi (để) làm Phật sự cho đến tận Vị lai. Vì nói pháp môn tu hành của đoạn tiếp theo nên ở đây gọi riêng là cúng dường tiền của. Chúng ta phải biết rằng thể của hai thứ cúng dường vốn tương tức. Nhưng vì sự khác nhau của pháp môn nên chia làm hai.

Hai là cúng dường Pháp, có hai:

Một là chia văn lập ý: Giáo hóa người thì dùng từ. Đó là Vô dyên từ không lìa ba thứ trí. Tự hành thuận trí, đã là trí của Phật thì lẽ nào lại lìa ba loại từ? Vì giúp cho người học dễ hiểu hơn nên nói theo tương đối. "Pháp cúng dường (là) bậc nhất": Bởi nó thường làm cho tuổi thọ của Đức Phật thường trụ, không dứt mất, biến hóa kỳ diệu vô cùng. Lại nữa, nếu có Pháp thì hai thứ cúng dường đều được thành tựu. Nếu không có Pháp thì sự cúng dường tiền của cũng bị phế bỏ. Do đó, sự cúng dường Pháp được gọi là vượt hơn.

Hai là y theo văn để giải thích nghĩa, có hai:

Một là nói về việc giáo hóa người khác cúng dường Pháp, như sau:

- Giáo hóa người khác khiến họ tu hành, có hai:

Một là chia văn.

Hai là giải thích về nghĩa, có bốn.

Một là "ta nên v.v..." trở xuống là nói khởi đầu sự giáo hóa lấy đại bi để nhổ bỏ gốc đau khổ.

Hai là "Ta nên đặt v.v..." trở xuống là khuyến khích công hạnh của Thập địa thuộc nhân chân chính.

Ba là "đã được v.v..." trở xuống là khuyến khích Bồ-đề đại giác thuộc quả chân chính.

Bốn là "Làm một v.v..." trở xuống là khuyên tinh tấn, đốc suất khiến cho thành tựu công hạnh.

Kế là "chúng v.v..." trở xuống,

Một là Giáo nghĩa.

Hai là Quán hạnh. "Một niệm tâm": Tức là nêu lên một niệm, dùng ba phép quán siêu việt điều phục làm cho vọng tức là chân gọi là ánh sáng của chân phát khởi, hoặc là đến Sơ trụ, hoặc là đến sáu căn, hoặc thành năm phẩm, tất cả đều được gọi là thành quả chân thật. Cho nên nghĩa của Chỉ quán làm lệ có cả ví dụ của đạo, cây. Quán cảnh của ấm v.v... thành không thể suy nghĩ bàn luận gọi là sinh mầm. Từ Sơ phẩm trở lên đều gọi là sinh ra quả. Trên kia tu chỉ quán sinh ra mầm, quả và ánh sáng của Chân, quả chân thật thuộc quán tâm có sự tương ưng giữa Dụ và Pháp ở đây. "Điều phục tất cả v.v...": Tức là quán của một tâm thành trải đi khắp tự nhiên hỗn hợp. Ý của chúng cũng giống nhau.

Kế là "Tiếp đến, bốn v.v...." trở xuống là giáo hóa người, giúp cho họ sám hối, có hai:

Một là Lập ý chia văn.

Hai là y cứ văn để giải thích nghĩa, có ba:

Một là Muốn nói về Sám.

Hai là "ngàn Thích v.v..." trở xuống chính là nói: Lúc thiệp nhập đã nhiều thì gây tội lại càng nặng. Nếu rõ biết rằng tội thuộc Nghịch tức là Kim Quang Minh (thì) toàn bộ đối tượng có đầy đủ lý là Chủ thể quán quán sát. Do đó mà hiển bày ra kim v.v... thuộc về Pháp tánh gọi là nhổ bỏ tai nạn của vua. Chương chuyển thành đức thì có tội gì để trói buộc được? Vì thế năm tội Vô gián đều là tướng của giải thoát. Đó gọi là "Chính thức nói cho nghe về sám.

Ba là "nay ta v.v..." trở xuống là đã nói xong về sám.

Kế là từ "Ta v.v..." trở xuống là nói về việc tự hành sự cúng dường Pháp, có hai:

Một là chia văn lập ý: trước là từ "Hạ vấn", "Thì như" v.v... trở xuống là đáp là dùng thí dụ kèm theo pháp để trả lời. Thợ kim hoàn dụ cho Trống Vàng, tức là hóa chủ Thích-ca. "Mới tập" thì lúc bắt đầu phát Tăng na. Đầu trắng dụ cho cho quả nay sau thị hiện. Từ khởi dầu

cho đến nay chưa lúc nào tạm bỏ việc nói về hạnh, về sám. “Thiêu đốt nhau” dụ cho nói về Hạnh ngay nơi sám. “Đánh nhau” dụ cho nói về Sám ngay nơi Hạnh. Trí và Đoạn cũng giống như vậy. “Đồ dùng thành tựu” dụ cho căn cơ của một phen. Vì từ nhân đạt được qủa nên chưa đạt được quả. Phải tính đếm sự thiêu đốt và đánh thì cần gì phải chê bai nói lại. “Nay là v.v...” trở xuống là giải thích về khác: Tuy tính đếm sự thiêu và đánh nhưng mỗi ví dụ đều có pháp môn của nó.

Hai là “Ta nên v.v...” trở xuống là y theo văn để giải thích nghĩa, như sau:

- Tự mình tu hành, gồm:

Một là nêu chương.

Hai là “chân báu v.v...” trở xuống là tu nhân. “Cẳng chân”: sớ có hai cách giải.

Một là dùng Thập địa làm cẳng chân của quả.

Hai là dùng Thập độ làm cẳng chân của Thập địa. Nói Thập độ là ngoài sáu độ ra còn giải thích thêm Phương tiện, Nguyện, Lực và Trí. “Đối với (Các độ) còn lại v.v... trở xuống là giải thích sự đưa ra mười độ là ý của đất, chân: Phẩm Thập Địa trong kinh Hoa Nghiêm nói đầy đủ về tướng trong ba quả v.v... trở xuống là nói về sự thành tựu quả: “Chỉ câu đầu của kinh là chung. Ba hàng, ba câu là riêng. Công đức là sự trang nghiêm của phước. Quang Minh là sự trang nghiêm của trí. Cho nên không lìa ánh sáng của sắc mà nói về ánh sáng của Trí là vì Sắc và Tâm của chúng hoàn toàn chẳng phải hai. “Trong ba hàng, sớ không giải thích”: Nay lược nêu để giúp cho người học khỏi xem xét, tìm kiếm trong pháp tạng. Vì phải nói về tám vạn bốn ngàn đều là Bí mật, nên gọi là công đức sâu xa. “Đó là sự thành tựu do sáu độ, muôn hạnh”: Nói khái lược là muôn ngàn đức hạnh. Nói chi tiết thì là Vô lượng. Nhất-thiết-chủng-trí tức là Trí của Trung đạo, trung thì chiếu soi cả hai. Ba thứ trí của nay là cùng cực tròn đầy. Thiền tức là đạt Thiền. Vì đạt được căn bản đều là pháp giới. Định tức là Lăng-nghiêm. Hai thứ gồm Bản tánh, Tưởng mạnh mẽ là hai thứ định thuộc sự và lý của Đại thừa. Vì đối với tất cả các pháp đều trong sáng yên lặng nên nêu chung là trăm, ngàn.

Căn là năm Căn, Lực là năm lực. Tức là Tín, Tấn, Niệm, Định và Tuệ.

Năm Pháp này có năng lực sinh ra tất cả các pháp lành nên gọi là căn (rễ). Cố gắng càn quét năm thứ chướng; tức là dùng năm Căn để che ngăn năm thứ Nghi, biếng nhác, tà loạn và Si này nên gọi là lực.

Năm lực này giống với danh xưng của năm căn ở trên nhưng dụng thì khác nhau.

Giác là bảy giác phần.

1. Trạch pháp giác phần.
2. Tinh tấn.
3. Hỷ.
4. Trừ.
5. Xả.
6. Định.
7. Niệm.

Bảy pháp này thường giúp cho định tuệ được quân bình, nên gọi chung là giác phần là vì có phần đi đến sự giác trí của quả cùng cực. Đạo là tám Chánh đạo.

1. Chánh kiến.
2. Chánh tư duy.
3. Chánh ngữ.
4. Chánh nghiệp.
5. Chánh mạng.
6. Chánh tinh tấn.
7. Chánh niệm.
8. Chánh định.

Vì tám pháp này lìa Thiên tà, đi chung đến Niết-bàn nên gọi là Chánh đạo. Tuy tu tập về đạo phẩm của căn v.v... là đại nhân nhưng chứng đắc là đều ở quả đức.

Đà-la-ni, Hán dịch là Ngăn giữ. Ngăn tất cả các pháp ác và giữ tất cả các pháp lành. Xét về số thì có thể là năm trăm, tám vạn bốn ngàn v.v... tất cả để biểu thị cho sự dứt bỏ Phiền não. Nếu nói về phương tiện chân thật của chúng thì tất cả Pháp đều có năng lực Ngăn giữ.

Mười Lực thì như phần ghi ở trước đây đã nêu. Đây là tướng trước sau của tự tu hành.

Tiếp là "từ các v.v..." trở xuống là sự tu tập sám hối, có hai:

Một là chia văn.

Hai là giải thích nghĩa, có hai:

Một là thỉnh Phật.

Hai là "Mười ở sau v.v..." trở xuống là nói về sám, như sau:

- Chia văn, có hai:
- "Trăm kiếp v.v...." trở xuống là giải thích về nghĩa, có năm.
- Sám Báo chướng, có hai:

Một là nêu ra tướng của Báo chướng. Trăm kiếp làm các thân, thân gây ra các tội ác. Ác làm nhân duyên sinh ra sự lo buồn và đau khổ. Chủ thể sinh và đối tượng được sinh đều là Báo chướng. Vì Báo được năm ấm của điều ác. Vì vậy, Sớ và kinh đối với năm ấm, đã đều gọi là ấm thì sao lại chẳng phải là Báo? Phải hiểu rõ rằng năm ấm tạo tác các điều ác mới gọi là Báo chướng. Nếu làm các điều lành thì lẽ nào lại gọi là Chướng?

Hai là "Mười phương v.v..." trở xuống là xin trừ dứt ác: "Nguyện Đức Phật nhận sự sám hối" tức là trừ diệt. Nếu không dùng Trợ và chính giúp đỡ và dẫn dắt thì dù Đức Phật có sức đi nữa cũng không làm sao trừ chướng được. Vì biết được ý nên sớ không giải thích lại.

Hai là sám phiền não chướng, có hai:

Một là chia văn.

Hai là Giải thích nghĩa, có hai:

Một là nêu ra tướng. Nghiệp bẩn: Nghiệp gọi là động tác. Tâm phiền não động thành ra cấu nhiễm. Cũng có thể vì phiền não sinh ra từ nghiệp nên gọi là cấu bẩn của nghiệp.

Hai là "Cúi mong v.v..." trở xuống là xin sự thanh tịnh.

Nước Đại Bi: Bi thuộc Đồng thể gọi là Đại. Loại Bi này làm nước thì tẩy sạch tất cả. Tuy rằng bi là đồng thể, nhưng nếu chẳng có duyên thì không khởi. Ba thứ sám làm duyên, không tẩy mà tẩy.

Kế là sám hối nghiệp chướng, có hai:

Một là chia văn.

Hai là tùy thích, lại có:

Một là nói theo chiều dọc về sự tạo nghiệp của ba đời.

Hai là đối với quả báo để chỉ bày: "Sắc tâm hiện tại gọi là Chánh thọ": Lúc chưa thành quả báo thì có (loại) thuộc chủ thể. Nếu tu tập các thứ thiện, thiền, vô lậu đạo thì báo của kiếp sau hiện ra các nghiệp tướng, hoặc kín đáo làm chướng. Nếu không y theo ba thứ sám Pháp của Đại thừa thì loại chướng ấy không bị trừ diệt.

Tiếp là lập ra câu hỏi để giải thích, có hai:

Một là lập chưa có trả lời.

Hai là nói về sự phủ nhận để khởi lên lời đáp, có ba:

Một là giảng kinh luận để chứng minh: Nhà chuyên về số là Tỳ-bà-sa. Nhà chuyên về luận là thành thật. "Ngăn ngừa vị lai": Tức là dứt trừ tâm nối nhau. Nếu không ngăn ngừa, dứt trừ thì chắc chắc sẽ khởi lên thời ở thời vị lai. Vì vậy, trong sám tội của Phẩm trừ sạch nghiệp chướng ở bản kinh mới y theo Bồ-tát ở khắp ba đời mà đều nói rằng:

"Tội đã làm, nguyện được trừ diệt. Không dám làm điều ác ở đời vị lai". Đó là đồng thời ngăn ngừa ở vị lai.

Hai là "Nay lại v.v..." trở xuống là dẫn việc hiện tại để làm lệ chung: Tại gia làm lệ có cả lúc tạo tội. Từ bỏ gia đình làm lệ có cả lúc tu tập sám hối. Nếu không ngăn ngừa và dứt trừ thì dứt khoát không có chuyện phải thay đổi lại, đến nơi chính thức có.

Ba là "Vị lai v.v..." trở xuống là y theo nghĩa để kết thúc sự trả lời. Hết giống như giải tán.

Kế là nói về sinh khởi mười điều ác một cách ngang trái.

Kế là "xa lìa v.v..." trở xuống là sám hối nghiệp quá khứ. Nếu mười điều ác, mười điều lành chỉ y theo ba đường, người và trời để giải thích thì lẽ nào lại đặt mười trụ ngang với mười lực? Nếu đạt được ý của Trì và Phạm thuộc năm giới ở trước thì nghĩa của nay có thể hiểu được nghĩa của nay. Hai giáo lý là Biệt và Viên có thể làm rõ về mười trụ và mười lực. Nghĩa của trì và Phạm nghĩa của nay rất dễ hiểu. Vì vậy, từ giai đoạn nhân đến quả về sau, mỗi tiết mỗi luận về mười điều ác và mười điều lành.

Kế là nói về hồi hướng: Đây là sám hối tội mê đắm nhân quả. (Chỗ) khác lấy cõi nước này và các thế giới khác làm nơi chốn của pháp lành để người của cả năm thừa tu tập. Vì y theo nơi chốn để nói về Người nên Đại sư nói là "Tùy hỷ". Nay nói về điều lành do ta ở cõi này và thế giới khác tu tập. Nay, tất cả đều nhiếp lấy hồi hướng chúng sinh chứng đạo Vô thượng. Tiếng dụ cho các điều lành. Cái sừng dụ cho sự hồi hướng. Xa gần đều biết được. "Phương tiện lực rộng lớn": Nếu khéo hồi hướng thì thành đại phương tiện, công đức của nó ngang bằng với hư không. Nhưng, nếu chẳng hiểu rằng Thiện tức là Pháp giới thì chẳng được coi là Hồi hướng.

Kế là "Giải thích về tám v.v..." trở xuống là sám hối hai nạn là thiện và ác, như sau:

- Trình bày về sự chia văn. Một bài rưỡi tiếp theo là sớ giải thích về nghĩa của việc chính thức dùng điều lành để ngăn cản đạo, có hai:

Một là "Bốn v.v..." trở xuống là giải thích.

Hai là tùy theo văn giải thích nghĩa, có hai:

Một là chỉ ác là nạn: Đầu tiên là văn giải thích về hiểm nạn của các Hữu.

Hai mươi lăm hữu: Vì bốn đường và Bốn châu, sáu tầng trời cõi Dục, Đại phạn, Tứ thiền, Vô tưởng báo, Tứ không xứ Na-hàm; Vì tất cả đều chưa dứt bặt lậu nghiệp nên gọi là Hữu. Phần giải thích về nghĩa

của Báo chướng đã nói đầy đủ ở bản sớ trước.

Kế là giải thích về hiểm nạn của sinh tử: Nghiệp là hiểm nạn cho đến loại định Phi phi tưởng. Báo là hiểm nạn cho đến cõi trời Hữu đảnh. Uất-đầu-lam-phất là điển hình của các hiểm nạn ấy. Hiểm nạn của nghiệp báo ở dưới rất dễ hiểu.

Kế là Giải thích về hiểm nạn của dâm dục.

Kế tiếp là Giải thích về hiểm nạn của khinh suất, thô tháo, có hai:

Một chính là nêu bày tướng trạng của khinh suất, thô tháo: Tức là, Sơ tâm là ở duyên gọi là Giác. Tế tâm phân biệt gọi là Quán; Cả hai cũng đều là tâm Tầm Tứ. Vì là tâm của ấm nên thuộc về pháp của Báo.

Hai là "Như Lai v.v..." trở xuống là dẫn Thánh Phàm làm điển hình, có hai:

Một là Thánh: "Ra khỏi quán": tức là ra khỏi Định. Vì y theo Vô học để giải thích về sự không có hoặc nghiệp nên suy, nghiệm là thuộc pháp của Báo.

Hai là Lại nêu kẻ hạ phàm là "Hồi chuyển, đổi vết": Như học kinh chưa thuộc mà lại muốn học luật, học luật chưa xong mà lại muốn học Luận. Người vụt chạc, thô tháo ấy rốt cục không thể thành tựu được công nghiệp. "Không thành nghiệp chương". Chương nên làm là bởi sự sai lầm của chữ.

Kế là giải thích về nạn của việc gần bạn ác. "Như dời nhà xí. Xí, âm là nhà cứu ngựa. Tức là nơi nhóm họp của ngựa. Phó pháp tạng truyện nói: "Gần gũi bậc Hiền thiện, lắng nghe chánh pháp: Như thưở xưa ở nước Hoa Thị có một con voi trắng, sức lực mạnh mẽ. Nếu có người tội thì bảo voi dẫm chết. Sau đó, cái chuồng bị lửa thiêu cháy nên con voi trắng ấy được dời đến chỗ gần một Tịnh xá. Ở đó, có một vị Tỳ-kheo tụng kinh Pháp cú. Có câu kệ: "Làm điều lành thì sinh lên cõi trời. Làm điều ác thì rơi xuống vực sâu". Voi trắng nghe câu ấy nên tâm trở nên nhu hòa. Sau đó, lúc xua đến người tội thì nó không giết mà chỉ ngửi và liếm thôi. Vua gọi các quan có trí hiểu biết đến để bàn về sự việc ấy. Một vị tâu với vua rằng "vì con voi này được buộc gần Tinh xá. Tất nhiên, nó được nghe pháp mầu, nên mới xảy ra sự việc như vậy. Nay, nếu chúng ta buộc nó ở gần nơi giết mổ thì vì nhìn thấy sự giết hại nên tâm ác của nó sẽ bùng dậy". Vua liền sai buộc voi ở nơi lò mổ. Con voi thấy cảnh giết chặt nên ác tâm bùng lên dữ dội và càng tàn hại hơn trước". "Gần nơi khóc lóc, buôn bán": tức là ở nghĩa trang thì bắt

chước tiếng khóc, ở gần chợ thì học buôn bán. Kinh Thái thị hóa thanh nói: "Hàng hóa tức là thay đổi". Vì dễ biến hóa". Vì thế, chữ ấy có chữ Hóa. Lại gọi là Tài, Sử ký nói: "Mẹ của Mạnh Kha đến ở gần nơi có mộ. Mạnh Kha thường than thở ở chỗ mộ. Bà mẹ nói: "Đây không phải là chỗ để con ta ở". Và liền dời đến ở bên cạnh chợ. Mạnh Kha lại lấy việc buôn bán làm trò chơi. Bà mẹ lại nói: "Nơi này con ta không thể ở". Nói rồi bà lại dời đến ở bên cạnh trường học. Mạnh Kha liền tới lui có lễ phép. Bà mẹ nói: "Đây quả thật là nơi con ta ở". Sau này, Mạnh Kha trở thành một bậc Đại nho, có soạn bảy thiên sách.

Kế là giải thích về hiểm nạn của ba độc. Sớ chia khoa nói rằng: "tám nạn Thiện ác, thiện nói có bốn nạn" kinh sớ rất dễ hiểu. Nay, đối với hiểm nạn của ác, dường như kinh nêu cả bảy. Y theo đâu mà nói là bốn? Vì y theo nghĩa của ba thứ chướng có cả "gồm" và "chỉ một". Một "gồm" ba, "Một mình" tức là thành ra bốn nạn. Vì sao? Vì hiểm nạn thuộc sáu đường, hiểm nạn của ba hữu và hiểm nạn của hời hợt, thô tháo. Ba loại này tuy là ba nạn nhưng chỉ ở tại Báo chướng. Hiểm nạn của dâm dục, ngu si và ba độc, chỉ thuộc phiền não. Hiểm nạn thuộc về gần bạn ác chỉ thuộc nghiệp chướng. Nếu đối với hiểm nạn sinh tử thì sớ có hai cách giải thích. Vì thể bao gồm cả nghiệp báo nên nghĩa của nghiệp ác trong ba loại chướng tương xứng với bốn thứ hiểm nạn. Nhưng, chúng ta phải hiểu rõ rằng ác là Tánh ác. Vì vậy, loại ác này tức là quán vô sinh. Sám hối như vậy là tiêu trừ các nạn một cách hoàn toàn và tức khắc.

Tiếp là "Gặp không v.v..." là chỉ thiện mà gọi là nạn, như sau:

- Nói Thiện và ác đều có thể là hiểm nạn, có hai:

Một là đồng thời nói về hai nghĩa.

Hai là "Gặp không v.v..." trở xuống là y theo Thiện để giải thích về văn bản, có bốn:

Một là giải thích về hiểm nạn của sự gặp không.

Hai là Nhị thừa ra khỏi nhà đến chỗ không sợ hãi. Vì tướng của không nạn nên nêu lên làm lệ chung. Tạm vui với người, trời mà tự cho là không có nạn là đều nằm trong phạm vi của loại hiểm nạn này.

Kế là giải thích về nạn của sự tu tập công đức. "Như nhất v.v...": Đại Luận quyển tám nói: "Thuở Đức Phật Ca-diếp ra đời có hai anh em xuất gia cầu đạo. Một người chuyên giữ giới, tụng kinh và ngồi thiền. Một người cầu tất cả các Đàn-việt tu tập các phước nghiệp. Đến lúc Đức Phật Thích-ca ra đời thì một người sinh vào gia đình Trưởng giả, một người đọa làm con voi trắng cố gắng phá giặc.

Người sinh làm con của vị Trưởng giả xuất gia học đạo và chứng được quả A-la-hán, có sáu thứ thần thông. Nhưng do phước mỏng nên lúc khất thực lại khó có được vật phẩm. Ngày khác, lúc ôm bát đi vào thành khất thực, nhưng đều không được gì. Vị ấy đi đến chỗ chuồng giữ voi thì thấy Vua cúng dường cho con voi đủ loại thức ăn.

Vị ấy liền bảo voi rằng: "Ta và người đều có tội cả".

Con voi cảm động nên bỏ ăn ba ngày.

Người giữ voi sợ quá nên đi tìm vị đạo nhân ấy. Lúc tìm thấy, ông ta hỏi rằng: "Ngài làm phù phép gì khiến con voi trắng của vua bị bệnh mà không ăn uống như vậy?"

Vị ấy đáp: "Con voi ấy là thân trước của con ta. Cả ta và nó đều xuất gia học đạo vào thời Đức Phật Ca-diếp. Ta chỉ giữ giới, tụng kinh và ngồi thiền chứ không thực hành hạnh bố thí. Do em ta chỉ tìm các Đàn-việt để làm các việc bố thí nên nay có dư dả các thức ăn món uống. Vì ta chỉ hành đạo mà không tu hạnh bố thí nên nay tuy đắc đạo nhưng khất thực lại không được gì".

"Diệu trang nghiêm": Pháp Hoa sớ nói: "Thuở xưa, vào thời Mạt pháp của Phật có bốn vị Tỳ-kheo vô cùng kính trọng kinh Pháp Hoa, họ xem kinh ấy như Cam lồ chưa được thấm nhuần.

Do đó, bốn vị Tỳ-kheo ấy liền giao hẹn với nhau vào núi để tu đạo. Vì ở trong núi lâu ngày nên thức ăn và áo quần bị cạn kiệt.

Một vị nói: "Ba huynh chỉ nên dốc toàn bộ mạng sống của mình cho đạo, chứ không nên nghĩ gì vào buổi sáng. Tôi xả bỏ sức khỏe của thân để cung cấp cho ba huynh những điều cần thiết".

Ba người được hoàn thành công nghiệp. Một người do bao phen lội vào nhân gian, gặp lúc vua xa giá, nên yêu thích sự vinh hoa của vua. Nhờ công đức huân tu nên được sinh lên làm người, trời và thường được làm vua.

Ba vị kia bàn nhau rằng: "Sở dĩ chúng ta thoát được lao ngục là do công của vua. (Vì) vua đắm đuối quả báo nên nuôi lớn pháp Hữu vi, do đó mới chìm trong hầm lửa. Chúng ta nên khai báo với vua".

Một người nói: "Vị vua ấy đã dính mắc vào dục lại có tà kiến nữa. Nếu không có lưỡi câu ái thì không thể nào nhổ bỏ được!" Một người làm người vợ xinh đẹp. Hai người làm hai đứa con thông minh. Lời nói của con và vợ thì chắc chắn vua sẽ nghe theo. Nếu chúng ta mở rộng sự giáo hóa thì chắc chắn vị vua ấy sẽ sử đổi tà kiến". Vợ tức là Bồ-tát Diệu Âm, hai con tức Dược vương và Dược thượng, vua tức là Hoa Đức.

Ba là giải thích về hiểm nạn của sự gặp lúc tốt. Như kiếp sơ, người ở Diêm-phù sống lâu tám vạn bốn ngàn tuổi, người ở Bắc châu sống lâu một ngàn tuổi. Tất cả đều vì sống lâu, hưởng thọ an vui nên không tu đạo.

Uất-đơn-việt, Hán dịch là Thù Thắng. Vì hơn hẳn các châu khác.

Bốn là giải thích việc gặp Phật cũng khó. Kinh Hưng Khởi Hạnh nói: "Đồng nữ Đa Thiệt độn chày gỗ vào bụng, đến trước mặt ta mà nói: "Tại sao Sa-môn không tự nói về việc nhà mà lại nói chuyện khác. Nay ngươi tự mình hưởng an vui mà không biết gì về nỗi khổ của tôi? Trước đây, ngươi đã thông đồng để làm tôi có thai. Nay đã gần đến lúc sinh nở. Đúng ra, người phải chu cấp dầu bơ để nuôi dưỡng đứa bé và thường xuyên chu cấp cho tôi".

Thiên đế hóa thành con chuột chun vào trong áo đồng nữ cắn dây buộc làm cho cái chày gỗ rớt xuống đất. Lúc ấy, đất nứt ra, thân hiện tại của Chiên-già đọa vào ngục A tỳ v.v...".

Phẩm Ca-diếp trong kinh Niết-bàn có nói rằng Thiện Tinh là đệ tử Phật, khi Phật là một vị Bồ-tát. Sau khi xuất gia thọ trì và giảng nói mười hai bộ kinh, ông ấy phá bỏ kiết sử cõi cõi Dục, đạt được bốn Thiền. Nhưng, vì gần gũi bạn ác nên lui sụt Tứ thiền và sinh tà kiến xấu ác. Ông ấy nói rằng không có Phật, không có Pháp, không có Niết-bàn. Thấy Phật đi từ xa đến là sinh tâm ác tà. Do đó mà bị rơi vào địa ngục A-tỳ. Điều-đạt là em chú bác với Đức Phật mà lại tự gây ra ba điều nghịch là làm cho thân Phật chảy máu, phá hoại Tăng xoay bánh xe pháp và giết hại A-la-hán. Xúi giục vua A-xà-thế giết cha và gây thêm hành vi giết mẹ. Lại dùng tâm ác tẩm thuốc độc dưới móng tay muốn cào chân, chích chân Phật để hại Phật. Lúc sắp đi đến Kỳ sơn, vừa ra khỏi thành thì đất nứt ra, ông ấy rơi vào địa ngục Nê-lê lúc đang còn sống. Hai trường hợp ấy là gặp Phật mà thành đại nạn. Nhưng thể của ba câu trên là thiện thuộc hữu lậu. Vì chúng chướng ngại đối với việc tu tập vô lậu nên gọi là nạn. Câu này là gây ra tội nghịch nên dường như không cùng loại với câu trên. Đoạn gây tội nghịch ở đây dường như không cùng loại với ở trên. Nhưng, gặp được Tam bảo được gọi là điều thiện cao nhất, vì nghịch nào mà thành ra nạn? Do đó, nó cũng là điển hình cho ý nghĩa điều thiện ngăn chướng Thánh đạo ở trên.

Kế là "Nếu đọc v.v..." trở xuống là nói về cách đọc văn của hai thanh là Bình và Khứ, như sau:

Một là nói về chữ đọc có cả cả Bình.

Hai là "Lại y cứ v.v...." trở xuống là y theo kinh thì thuộc khứ.

Ba là “Từ các.. “ trở xuống là xưng tán, có hai:

Một là lập ý chia văn.

Hai là loại cúng dường để so sánh với Thân và Ý. Vì đã không nói cho nhau nên chưa tiết lộ. Vì ba nghiệp không đủ nên chưa hoàn bị. Nay vì thêm khẩu nghiệp, đã sáng tỏ mà lại đủ nên thành thứ lớp. Trước tuy tự tha tu hạnh tu sám, nhưng vì bồi bổ cho tuổi thọ của Phật nên gọi là pháp môn cúng dường. Nay tuy khen ngợi ba thân Phật nhưng do có thể thành tựu pháp quán của hành giả nên gọi là pháp môn niệm Phật. Tuy pháp có đủ lẫn nhau nhưng tăng hơn nên lập ra hai pháp môn.

Kế là “Nêu các v.v...” trở xuống là tùy theo văn để giải thích nghĩa, lại có:

Một là nêu lời khen.

Hai là loại tu tập của Báo, Ứng là sự của toàn bộ Lý. Một tánh của Pháp thân là Lý của toàn bộ Sự. Phật nào ở mười phương và ba đời cũng có ba thân. Nếu nêu chương như vậy thì có gì mà không được xếp vào. “Ta y chỉ”. Đã nói Pháp tánh một Thể mà ba thứ Phật thì chúng ta suy nghiệm để biết rằng vị Phật khác là Phật của tâm tánh. Đây là y theo Bổn giác mà sinh khởi Thỉ giác và cũng là ba đế phát khởi ở ba loại trí. Nếu không có sự y chỉ này thì pháp sám hối vượt ngoài không thành tựu. Vì vậy, hàng sơ tâm của viên gọi là tu tập hạnh Phật. Bốn thứ mắt nhập vào Phật nhãn v.v... là văn trong Đại Luận. Mười loại trí và Như trí, tổng cộng là mười một loại trí. Mười loại trí thì có cả Nhị thừa, chỉ có Như trí là chỉ Phật mới có.

Mười trí:

1. Pháp trí.
2. Tỷ thí.
3. Tha trí.
4. Thế trí.
5. Khổ trí.
6. Tập trí.
7. Diệt trí.
8. Đạo trí.
9. Tận trí.
10. Vô sinh trí.

“Như vật ném, v.v...”: Thạch mật rất ngọt, nước biển rất mặn. Vật ném xuống nước thì liền mất mùi vị. Thể pháp tức là tánh, không (vật) gì không vượt hơn. Lẽ nào lại không quy kính đối với biển Phật này?

Kế là “Y theo chính v.v...” trở xuống chính là khen, có hai:

Một là chia văn.

Hai là “lược khen v.v...” trở xuống là tùy văn giải thích, như sau:

- Gửi lời hoan hỷ, có hai:
- Lược khen, lược so sánh, có hai:
- Giải thích về lược khen, có hai:
- Tướng mạo của sắc vàng, có hai:

Một là dùng kim loại khác để so sánh với màu: “Vàng Diêm-phù”: Đó là tên của con sông ở Ấn Độ. Sông ấy nằm gần cây Diêm-phù. Loại vàng này sinh ra từ con sông kia. Con sông ấy do cây mà gọi tên. Vàng do sông mà có tên.

Hai là “Lại nữa, Phật v.v...” trở xuống là lấy sự chiếu sáng đồ vật mà làm sáng tỏ về ánh sáng.

Kế là “sông, vàng v.v...” trở xuống là khen ngợi lý do của Vàng, có hai:

Một là nói “là chỗ y cứ của chúng”.

Hai là “Vàng có v.v... ” trở xuống là nói về ví dụ bốn đức.

Kế là “Cũng giống như v.v....” trở xuống là giải thích sự so sánh khái lược.

Kế là khen ngợi đầy đủ, so sánh đầy đủ, lại có:

- Khen ngợi đầy đủ, có hai:

Một là chia văn.

Hai là “Từ kỳ v.v...” trở xuống là tùy văn giải thích: Ngôn từ thì khen ngợi sắc của Ứng nhưng ý lại làm sáng tỏ Pháp và Báo. Sắc tướng là bên ngoài. Trí chứng là bên trong. Tuy chia ra ngoài và trong nhưng lẽ nào lại khác thể? Vì vậy, bốn đức nói trong bản mới dịch thuộc về ba thân. Tức là, Pháp thân có Thường và Ngã, Ứng thân có Tịnh, Hóa thân có Lạc, Tròn đầy từng phần riêng biệt. Dung nhiếp biệt là Viên. Vì vậy, ba thân của Viên, thân nào cũng có bốn đức. “Được ý của chúng”: là hiểu bốn đức của Ứng của nay tức là bốn đức của Pháp và Báo. Người học nên lấy ý ấy để suy tìm kinh và sớ. Văn gồm có bốn:

Một là khen ngợi đức của Ngã.

Hai là Từ “thiện v.v....” trở xuống là khen ngợi đức của Tịnh.

Ba là từ “Công v.v...” trở xuống là khen ngợi đức của Thường; kinh “Vòi vọi”: là dáng vẻ cao lớn. Pha-lê: Hán dịch là Thủy vương.

Bốn là Từ “Ba v.v...” trở xuống là khen đức của Lạc. Lạo (nước ngập) âm là lão. Tức là nước chảy. “cúi đầu”, Thuyết văn, nói là cúi đầu. Thủ tức là đầu. Khổng An Quốc nói: “Khể thủ tức là đầu (sát) đất.

Kế là từ như “như v.v...” trở xuống là tùy văn giải thích, có hai:

Một là chia văn.

Hai là công đức của Phật trở xuống là tùy văn giải thích, có hai:

Một là so sánh đầy đủ: Bốn câu này là dụ cho sự nêu lên bốn Đức Phật ở trước. Đại sư giải thích về vấn đề này có khi dụ cho Ứng thân có hạn lượng và vô hạn lượng, hoặc dụ cho bốn đế, bốn đức của Pháp và Báo. Trong huyền văn tự làm sáng tỏ rằng Phật của Kim Quang Minh là không thể dụ được. Bởi vì ba và một của ba thứ thân là tự tại. Vì vậy, bốn ví dụ có khi là riêng ở tại một, có lúc làm sáng tỏ chung về ba. Văn ở đây thật sự giống với sự so sánh về bốn đức ở ở trước. Vì biển không thêm bớt nên là Thường. Thể của đất là Tịnh. Hình thế của núi cao trội như Ngã. Vì hư không chẳng có sự ngăn ngại nên gọi là Lạc.

Kế là hợp ví dụ.

Kế là từ “Một v.v...”trở xuống là dứt bặt sự khen và lời nói, có hai:

Một là chia văn.

Hai là “Tất cả v.v...” trở xuống là tùy văn giải thích, có hai:

Một chính là dứt bặt lời khen.

Hai là “Lại điệp v.v...” trở xuống là điệp dụ thiếp hợp.

Hỏi: Sớ giải thích gửi lời và dứt bặt lời đều rời bỏ sự suy nghĩ, nói năng. Như thế là giống hay khác?

Đáp: Tính chất bí mật của bốn đức vốn lìa bỏ sự bám níu của tâm. Nay, sở dĩ khen ngợi là vì muốn làm cho chúng sinh đi vào tạng bí mật. Vì thế, gửi lới hay dứt bặt lời đều làm sáng tỏ đặc tính lìa niệm. Gửi lời thì dùng bốn thứ để dụ cho bốn đức. Dụ đã không có số thì tức là làm sáng tỏ đức vốn mất sự bám níu. Bốn thứ ở trong dứt bặt ngôn ngữ không thể dùng làm ví dụ cũng là làm sáng tỏ bốn đức mất sự bám níu, suy nghĩ. Vì Đại sư thấu đạt sâu đối với ý chỉ mầu nhiệm của văn kinh nên giải thích cả hai đoạn văn đều dứt bặt suy nghĩ và nói năng.

Kế là Từ “Tướng v.v...” trở xuống là tổng kết.

Kế là Từ “Ngã v.v...” trở xuống là nói về phát nguyện, có hai:

Một là Lập ý chia văn: “Như trâu không người cầm cương”: Tức là mục đồng. Đã lập nguyện thì dẫu nhiều hay ít cũng không được đánh mất ý của bốn thệ nguyện rộng lớn. Nhưng bốn thệ nguyện rộng lớn này phải y theo bốn đế. Nguyện mà không y theo Đế thì gọi là nguyện suông. Nay nói theo Viên thì y theo Đế thuộc Vô tác nên tuy là hai thứ nhân quả thế gian và xuất thế gian nhưng đều rõ biết được “Chính là Tánh (thì) không có khổ đế để độ, không có Tập đế để dứt, không có

Đạo đế để tu và không có Diệt đế để chứng. Được như vậy thì sẽ độ khắp, đoạn tận, tu trọn và chứng diệu. So với sự chưa thoát khỏi tình trạng nguyện rộng thuộc ba giáo trước (thì) tiêu giải các nguyện của nay. Nếu không đánh mất ý nghĩa ấy thì chẳng phải là hành giả của Viên.

Kế là tùy văn giải thích về nghĩa, lại có:

- Nói về Phát nguyện, có hai:
- Tự phát nguyện, có hai:
- Quả của nguyện viên mãn, có bốn:

Một là "Ta dùng v.v...." trở xuống là ý luân của nguyện viên mãn: Vì bậc Đại giác tròn sáng nên thuộc ý nghiệp.

Hai là "giảng nói v.v..." trở xuống là viên mãn khẩu luân.

Ba là "Xô dẹp v.v..." trở xuống là viên mãn Thân luân. ấm tử, thiền tử phần nhiều y theo Thân. Phiền não thuộc về ý. Nay y theo phần nhiều.

Bốn là "Trụ tuổi thọ v.v...." là viên mãn nguyện từ bi. Nếu chẳng phải là Từ thuộc Vô duyên thì không thể trụ tuổi thọ được như vậy. Hai nhân của nguyện viên mãn, có hai:

Một là chia văn.

Hai là tùy văn giải nghĩa, gồm có:

Một là "Ta nên.. " trở xuống là nguyện công đức hữu vi tròn đầy: thành tựu sáu độ, đây là y theo nhân chân chính phá sáu màn che. Từ Đoạn mà chính thức luận. Vì là trí đức nên gọi là Hữu Vi.

Hai là "dứt trừ các v.v..." trở xuống là nguyện công đức vô vi tròn đầy. Đây là y theo sự hiện Ứng thân để điều phục chúng sinh trong chín đường của chân vị; Tự nhiên không tương ưng với khổ của hoặc và khổ. Vì đó là Dức dứt nên gọi là vô vi. Vì vậy, Pháp sư Hải Đông nói: "Thỉ giác dứt trừ chướng. Đó là sự dứt trừ của thật sự dứt trừ. Bổn giác dứt chướng là sự dứt trừ của không dứt trừ? Nghĩa của Pháp sự giống với nghĩa hai đức của Trí giác của nhà chú thích ngày nay.

Ba là "Ngã v.v..." là nguyện túc mạng, nghĩ nhớ đến Phật tròn đầy. Nhớ về giáo (lý) túc mạng, thấy Phật quá khứ đồng thời cũng nhớ chánh pháp do các Đức Phật giảng nói. Xa lìa điều ác, tu tập điều lành, thành nhân của Trí và Đoạn.

Kế là vì người khác mà phát nguyện, có hai:

Một là chia văn.

Hai là "Tất cả v.v..." trở xuống là giải thích nghĩa, có hai: Một nguyện làm vua thuốc để nhổ gốc khổ.

Kế là nguyện làm vua Châu ngọc để cho niềm vui. Chủ thể nhổ và chủ thể cho này là vô duyên từ bi. Đối tượng được nhổ, đối tượng được cho phải nói về mười phen; đó là quả báo tu nhân, Thanh văn, Bích-chi, bốn giáo, Bồ-tát, phương tiện và Thật độ. Nay, vua cây thuốc nhổ mười gốc khổ của hành giả. Vua châu ngọc cho hành giả mười thứ vui. Người học nên dùng ý ấy để tiêu giải văn nói về cho và nhổ. Đầu tiên tự chia làm bốn.

Một là nhổ chung các thứ khổ.

Hai là "Nếu phạm v.v..." trở xuống là nhổ gốc khổ thiếu căn.

Ba là "mười phương v.v..." là nhổ gốc khổ của bệnh.

Bốn là "nếu phạm v.v..." trở xuống là nhổ gốc khổ bị nạn của vua.

Tiếp theo là cho niềm vui, có hai:

Một là chia văn.

Hai là "Văn trên v.v..." trở xuống là tùy văn giải thích, lại có:

Một là cho quả niềm vui của thế gian. Trải qua sự Cổ xúy xưa nay chú thích là cây sáo ngắn. Ưu-bát-la, Hán dịch là màu đen xanh. Tức là hoa sen xanh. "Thường vào ba thời": Ba thời thuộc ban ngày.

Hai là Từ "Nguyện v.v..." trở xuống là cho nhân niềm vui xuất thế, có hai:

Một là chia văn.

Hai là "Duyên của người v.v..." trở xuống là tùy văn giải thích, như sau:

- Khiến tu hành có đủ duyên ngoại, có hai:

Một là gặp Tam bảo.

Hai là lìa tám nạn.

Kế là khiến tu hành có đủ nội nhân, có hai:

Một là chia văn.

Hai là "Nhân thuộc người v.v..." trở xuống là tùy thích, có hai:

Một là sinh vào nơi tôn quý.

Hai là nhiều tài bảo.

- Năm sự ngăn ngại:

1. Không làm Phạm vương.
2. Không làm Đế Thích.
3. Không làm Luân vương.
4. Không làm Ma vương.
5. Không được làm Phật.

Kế là từ "nếu v.v..." trở xuống là kết thành, có hai:

Một là chia văn.

Hai là giải thích kinh, có hai:

Một là kết về tự.

Hai là kết về tha.

Kế là từ "Nếu (điều) đó..." Trở xuống là y theo nguyện tùy hỷ, có hai:

Một là chia văn.

Hai là giải thích kinh, có hai:

Một là tùy hỷ (người) khác.

Hai là Tùy hỷ tự (thân).

Kế là từ "Nếu có v.v...." trở xuống là kết thành, có hai:

Một là chia văn.

Hai là giải thích kinh, có ba:

Một là kết thành về dứt trừ ác.

Hai là "Các điều lành..." trở xuống là kết thành sự sinh ra điều lành.

Ba là "không phải ở v.v...." trở xuống là kết thúc việc gặp dược Phật.

Kế là giải thích về phẩm Tán Thán, như sau:

- Giải thích tựa đề, có hai:
- Y theo nghĩa để giải thích chung, có hai:
- Chỉ bày về ý của bốn Tất-đàn, có hai:

Một là nêu.

Hai là giải thích: Gồm:

Một là thế giới: "Suy nghĩ tuổi thọ của Phật": Tức là kinh trước nói: "Vì suy nghĩ như thế nên tâm sinh ra sự nghi ngờ". "Một lòng tin hiểu": Tức là sự khai ngộ. Tức là điều mà kinh nói rằng: "Tín Tướng nghe bốn vị Phật đó giảng nói về tuổi thọ nên tâm tin hiểu sâu xa". "Người ấy": Tức là Tín Tướng. "Bổn sự": Việc làm của hôm nay đều do lời nguyện thuở xưa. Nay vì chúng sinh hoan hỷ nên thuộc về thế giới.

Hai là từ "Thân người v.v...".

Ba là từ "Diệt v.v..." trở xuống là Đối trị, càng (nhiều) tội: Vưu là (càng) tức là vô cùng, rất. Do đức thù thắng, ân nặng nên sự phá hủy tội là rất nhiều. Sự phá hủy của miệng gọi là Thề. Cũng gọi là mắng. Bốn, từ "Sổ v.v..." trở xuống là Đệ-nhất-nghĩa. Nói rằng chư Phật vô cùng tôn quý, sâu xa vô lượng là vì: từ Sơ trụ trở lên của Viên thì lấy pháp tánh bao gồm thể tướng của thân. Diệu giác thì hoàn toàn lấy Pháp tánh sâu rộng làm Thể tướng của thân. Vì vậy, luận Thư Khởi tín nói: "Thân

của chư Phật, Như Lai đều là pháp thân trí tướng". Đệ-nhất-nghĩa đế vốn lìa bỏ sự tạo tác thi vi. Nay sở dĩ xưng tán thân ấy là vì muốn cho người tu đi vào Lý.

Kế là "Nếu muốn v.v..." trở xuống là giải thích danh từ khen ngợi, có hai:

Một là chia chữ, giải thích nghĩa, cũng phân biệt lẫn nhau. Lấy việc nói lại đức làm khen ngợi. Áo dụ là Thán, chỉ khiến tự nói, tay áo xứng với nghĩa thành, đối chữ không hiện hữu.

Hai là dẫn luận chứng thành. Sự khen ngợi kia chứng minh cho ví dụ của áo. Hai là "Phẩm này v.v..." trở xuống là kết thúc sự chỉ bày về làm sáng tỏ riêng: Tuy có ba nghiệp nhưng khẩu nghiệp là chính. Vì thế gọi là làm sáng tỏ riêng.

Kế là kết thúc (phần) này... "trở xuống là y theo bốn Tất-đàn để làm sáng tỏ riêng: Bốn nghĩa chỉ cho người v.v... thuộc về chủ thể khen ngợi. "Phẩm này..." trở xuống là nói về sáng tỏ riêng. Trong bốn Tất-đàn chính là ở sinh thiện. Vì đối với Phẩm sám ở trước chính là dứt ác.

Kế là giải thích văn.

Một là chia văn.

Hai là tùy vào để giải thích, lại có:

- Văn xuôi, có hai:

- Giải thích, về đối trị là nói với người, có hai:

Một là y theo sự giải thích đối trị: kinh Thụy Ứng nói: "Phật bảo với Ma vương. Ta nhờ tích lũy công đức nên nay được thành Phật" Ma nói: "Chứa nhóm công đức ai làm chứng". Lúc ấy, Đức Phật chỉ tay xuống đất nói: Người ấy biết ta. "Người ấy" là chỉ cho Thần đất. Lúc ấy, Thần đất vọt lên làm chứng.

Hai là "Lại nữa, đối v.v..." trở xuống là y theo vì người mà giải thích. Giữa hư không trở lên đều là trời nam. Nửa hư không trở xuống đều là trời nữ. Sở dĩ quả báo quỷ thần gọi là trời vì có lực dụng tự nhiên nên lấy trời để khen ngợi. Mời gọi quỷ thần đến lấy trời mà gọi, không chỉ có (tên) đó. Thật ra trí là căn bản của pháp lành. Nay khen ngợi người giác ngộ sinh Thật trí của người nên bảo với người thiện nữ. Lại nữa, vì tên khác là Kiên Lao nên chứng minh việc đã qua. Xứng lý nghĩa là không hoại v.v...

Kế là giải thích về Kim Long Tôn là pháp y cứ cho pháp môn Kim Quang Minh. Kim Quang Tôn khế hợp với hạnh, nào là pháp, nào là hạnh, tất cả đều là Tánh một, tu hai. Cho nên Kim là lý, chủ thể khen ngợi là Long (rồng). Vì thường làm lợi ích nên là Tôn. Nay vì chứng lý

nên khởi hai sự tu của dụng mà đối với một tánh. Đương thể gọi là Kim Long Tôn.

Kế là kệ tụng, có hai:

Một là chia văn.

Hai là tùy văn giải thích, lại có:

- Khen Phật ba đời, có năm:

- Tán chung, có ba:

Một là y theo sự lý để nói chung về ba đời. Cảnh quả tâm ý thức thuộc mười phương gọi là sự. Làm gì có một sự nào không hiện khởi từ lý? Kinh nói: “Vắng lặng là nghĩa Niết-bàn, gọi là mầu nhiệm, là đại diệt độ. Như vậy làm sáng tỏ ba đức chẳng phải dọc, chẳng phải ngang, gọi là kho bí mật. kho bí mật hiện hữu tròn đầy, không riêng thời gian hoặc không gian. Thời gian và không gian tự nhiên đều là ba đức. Chẳng dùng hai tướng mà thấy cõi nước của chư Phật là nói cho trường hợp này phải chăng? Không có mầu nhiệm hơn sự khen chung này.

Kế là “Lý chung v.v...” trở xuống là y theo ba pháp để nói rõ chung: “Pháp thân”: Tức là nói tánh (Vốn) một. “Báo Ứng”: là nói về Tu (vốn là) hai. Toàn tu ở tại tánh, hợp ba mà làm Báo, hợp ba mà làm Ứng. Cho nên gọi là Báo Ứng chung. Tất cả ba pháp đều như vậy. Lại nữa, Pháp thân bao gồm ba vùng đất. Vì thật báo v.v... đều là Tịch quang. Báo thân bao gồm hai vùng đất. Vì phương tiện, đồng cư nhìn thấy thân Đặc tôn. Ứng thân gồm hai nơi Đồng cư là Tịnh và Uế. Vì Phàm phu và Nhị thừa thấy sinh thân. Nếu phân biệt thì đặc tính Thắng và Liệt của ba thân và vùng đất không lẫn lộn. Nếu xét theo quan điểm dung nhiếp thì đặc tính nghiêng lệch, hạn cuộc của ba thân, ba vùng đất cùng thu nhiếp lẫn nhau. Dùng đặc tính dung nhiếp để khen ngợi Phật thì không bỏ sót đức của Phật.

Kế là “Như vậy v.v...” trở xuống là y theo bốn đức để nói chung: kinh nói: “Chư Phật thanh tịnh”. Đó là đứng về mặt quả để làm sáng tỏ về đức. Trong quả, các đức đều nhóm họp. Nêu một đức tịnh đều có cả Thường, Lạc và Ngã; bốn đức đều tròn đầy, mầu nhiệm. Nếu một là thâu nhiếp tất cả. Vì vậy, bốn đức này là đức của ba thân. Vì ba thân dung nhiếp nhau nên bốn đức trang nghiêm khắp nơi. Do đó mà ba thân đều là bốn đức. Chung (như) thế là khen ngợi cùng cực Thể và Dụng của Phật. Nay vì chỉ bày cho nên chú rằng v.v...”.

Kế là Từ “sắc v.v...” trở xuống là khen riêng, lại có:

- Chia văn lập nghĩa, có hai:

Một là chia văn. “Tướng lớn” tức là chỉ cho ba mươi hai tướng.

"Tướng nhỏ" là nói về tám mươi tướng đẹp phụ. "Đều gọi là biển". Vì dù là lớn hay nhỏ đều chẳng có bờ mé, đều là sự hiển hiện của toàn thể Pháp giới. Vì vậy, mỗi tướng đều là biển pháp. Y theo khen chung sự thanh tịnh mầu nhiệm của chư Phật vắng lặng, dùng chung bày riêng, mỗi tướng tốt đều là kho bí mật. Vì Đại sư thấy được chỗ đắc ý kia nên khi giải thích về tướng tốt đều lập ra danh từ "biển".

Hai là "Sở dĩ v.v... " trở xuống là lập nghĩa, có hai:

Một là nói về trí khéo léo của chủ thể khen ngợi.

Hai là "Phù v.v..." trở xuống là nói về đức sâu xa của đối tượng được khen, có hai:

Một là Qua các loại giáo để phân biệt.

Hai là y theo đặc tính dung nhiếp, chính là của Viên: người học nên biết rõ về hai ý ấy. Bao gồm lời văn sâu kín của kinh luận. Lập ra hướng đi sâu của Giáo quán. Làm sáng tỏ về sự không lẫn lộn của Hóa tích. Bày rõ sự chiếu soi tức khắc và toàn diện của căn cơ thuộc Viên. Vì sao? Vì phân biệt nên từ Thắng mà chỉ bày riêng. Vì dung tức cho nên xúc cảnh (là) thâu khắp. Đạt được sau sau thì sẽ được trước trước. Đạt được trước, trước sẽ được sau sau. Vì không biết sau thì nghĩa của đang phân thành tựu. Vì biết được trước nên nghĩa của khóa tiết được sáng tỏ. Nếu hiểu được trong chân cảm ứng, hai thực thấy Phật thì sự thâu nhận chọn lựa của hai ý này đều không sót. Về "Hai thức", luận Khởi Tín nói: "Dụng của Phật có hai thứ.

Một là y theo thức phân biệt sự: thân do phàm phu, Nhị thừa thấy được gọi là Ứng. Vì chẳng biết rằng đó là thân do chuyển thức hiện ra nên thấy từ bên ngoài đến. Vì chấp đắm phần hạn của sắc, không thể biết đến chỗ cùng tận.

Hai là y theo Nghiệp thức: thân thấy được do tâm của Bồ-tát sơ phát ý cho đến Bồ-tát địa rốt ráo gọi là Báo; Thân có vô lương sắc, sắc có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp quý. Quả thuộc về đối tượng trụ, đối tượng y cứ cũng vô lượng. Đủ trong trang nghiêm tùy theo đối tượng được chỉ bày. Tức là không có Hữu biên, không thể cùng tận. Lìa tướng phần hạn, tùy theo cái được Ứng mà thường trụ trì, không bị hủy hoại, không mất đi. Nói tóm lại, tất cả đều là cái được thành tựu trong sự huân tập của công hạnh vô lậu thuộc các Ba-la-mật và sự huân tập của không thể suy nghĩ bàn luận. Tướng của sự thọ nhận an vui ấy gọi là Báo thân". Đó tức là Như Lai dùng dụng của Pháp giới để thuận theo hai thức là sự nghiệp của chúng sinh mà hiện ra Ứng Thân và Báo thân. Ứng thân là sinh thân theo cách gọi ngày nay. Báo thân là thân

tôn đặc và pháp tánh theo cách gọi ngày nay. Người y theo sự thức thì chỉ thấy Ứng thân mà không thấy hóa thân. Vì thức ấy cạn thấp, không vươn đến chỗ sâu xa tận cùng. Người y theo Nghiệp thức thì thấy Báo thân mà cũng có thể thấy cả Ứng thân. Vì biết Chân như sinh khởi hai thứ dụng. Hành giả nên biết hai điều ấy. Dụng của Chân như hiển hiện thân tướng Phật, đại khái có ba phẩm:

Một là Như kinh Hoa Nghiêm nói về số của tướng quý có mười vi trần thế giới Liên hoa tạng.

Hai là Như kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói về tám vạn bốn ngàn tướng quý, sáng chói.

Ba là Như kinh này và Pháp Hoa, Bát-chu v.v... nói về ba mươi hai tướng quý và tám mươi tướng phụ. Tướng trong ba phẩm này đã là dụng của toàn thể Chân như, dù nhiều hay ít cũng đều không có bờ mé, giới hạn. Vì thế, tất cả các tướng đều được gọi là biển, đều là tôn đặc. Tuy nhiên cũng có thông và cuộc. Vì Tạng thì lập bày cả tám vạn, nhưng hạn cuộc ở cái thấy của nghiệp thức ba mươi hai tướng của thân (Phật) có cả cái thấy của sự thực gọi là Ứng. Nếu là cái thấy của Nghiệp thức thì tức là không có bờ mé, không thể cùng tận. Lìa tướng của phần hạn gọi là tôn đặc, thuộc về Báo thân. Điều đó như tướng được khen ngợi của kinh này đối với ba mươi hai. Vì Kim Long Tôn quy tựu về bốn đức mầu nhiệm, vắng lặng của Phật mà làm lời khen chung. Vì lấy chung để làm sáng tỏ riêng nên ba mươi hai tướng đều là Bí tạng. Do đó, mỗi tướng đều lìa phần hạn như sự vô biên của hư không, thường tru và không hoại diệt. Sớ y theo đó mà giải thích đặc tính dung nhiếp. Chính là khen ngợi thân tôn đặc. Nếu không biết sự khen chung của Long tôn là y theo nghiệp thức mà thấy Ứng tức là Báo thì lẽ nào Viên quang một tầm của ba mươi hai tướng được gọi là tôn đặc ư? Nói "cảm ưng của đạo Chân, Trung" là bởi Như Lai hiện thân thuộc Ứng hóa, thị hiện trụ ở Thiên chân mà nói về sinh diệt và pháp Vô sinh để gia bị chơ căn cơ thuộc Tạng và Thông. Hiện thân tôn đặc trụ ở Trung đạo để giảng nói về Vô lượng và pháp vô tác mà che chở cho căn cơ thuộc Biệt và Viên. Vì vậy, Văn cú nói: "Phật thuộc thân một trượng sáu trụ ở Chân-đế. Phật của sự phối hợp hai thân là một trượng sáu và tôn đặc trụ cả ở Chân và Trung. Phật thuộc thân tôn đặc trụ ở cả Tục và Trung. Phật thuộc pháp thân trụ ở Trung đạo". Bản sớ có sáu chỗ giải thích về Ứng hóa, tôn đặc, tất cả đều y theo Cảm Ứng ở trong của Chân và Trung mà phân biệt. Như sự khen ngợi Phật của Pháp Hoa. Văn kinh làm sáng tỏ rằng: "ba mươi hai tướng quý, tám mươi tướng phụ". Vì pháp thân có đầy đủ.

Vì trang nghiêm Pháp thân. Đó là tướng thuộc tôn đặc. Bởi vậy, Đại sư Kinh Khê xếp cùng loại với Hoa Nghiêm, nghĩa là "Mỗi tướng quý ngang bằng với Hư không v.v...". Lại nói: "Mỗi tướng đều là biển pháp giới. Mỗi một đặc tính quý đều gọi là Biển". Sớ giải thích văn nay rằng tướng lớn hoặc tướng nhỏ đều gọi là biển. Tướng lớn và nhỏ ở đây hoàn toàn khác với chín mươi bảy tên của Hoa Nghiêm. Mỗi tướng đều có sự khác nhau của danh mục ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp thuộc thứ lớp trong Pháp giới. Lại nữa, phẩm Sám Hối khen ngợi ba mươi hai tướng tướng, tám mươi vẻ đẹp của Phật. Vậy, lẽ nào sự khen ngợi thuở xưa của Long tôn và những lời khen ngợi do Trống Vàng của ngày nay lại có hơn, kém" vì thế, chúng ta biết rằng chỉ đứng trên lập trường cảm Ứng của Trung đạo, mà gọi là tôn Đặc chứ không phải là thêm số lượng của tướng quý mới gọi là tôn Đặc. Bởi vậy, trong Hoa Nghiêm, mười thứ thân của chúng sinh nghiệp báo v.v... đều là Lô-xá-na, Xá-na chẳng phải là Báo, lẽ nào Báo lại không phải tôn đặc? Nếu đánh mất ý nghĩa này thì đừng nên luận nghị về tông chỉ của ngày nay! Sinh thân của cha mẹ tức là thân một trượng sáu. Thàn tôn đặc được cảm bởi hạng độn căn của ba tạng và Thông tức là quả báo của Tha thọ dụng. Thân pháp tánh được cảm bởi hạng lợi căn của Thông giáo và Biệt giáo là Pháp thân. Thân được cảm bởi hành giả của Viên là đại dụng cảu Pháp giới Như Lai. Vì đối với ba loại căn cơ mà hiện ra ba thân nên tướng thuộc chủ thể trang nghiêm cũng chia ra ba loại. Lực dụng của ba thân cũng có hơn kém khác nhau. Chẳng những chỉ thị hiện thân tướng thuộc pham vi quả là khác nhau mà cũng thị hiện ba nhân thuộc phạm vi công hạnh khác nhau. Vì sự thấy Phật của ngày nay đều là căn cơ kết duyên lâu đời. Như thị hiện nhân của tích Luận về tướng của bốn thứ tu tập, hành sáu độ, v.v... "Chính là không", hoặc ra tu tập thuộc phạm vi thứ lớp, hoặc sự tu tập thuộc phạm vi Viên đốn thị hiện sự tu không giống nhau nên làm cho sự kết duyên của các thứ căn cơ có khác nhau. Do vậy, hôm nay chiêu cảm và thấy ba thân không giống nhau.

Tiếp theo là "Ba thứ thân v.v..." trở xuống là giải thích riêng, lại có:

- Giải thích tướng của ba thân, có ba:

Một là Giải thích tướng của Sinh thân.

Lâm-vi-ni: Hán dịch là chỗ giải thoát. "Đưa tay vịn vào cây": Tức là phu nhân Ma-da vịn vào cây Ưu-đàm mà sinh ra thái tử từ hông bên phải. A-di cũng gọi A-tư-đà. Hán dịch là Vô tỷ (không so sánh), là tên vị tiên, nghĩa là Mở ra. Sau khi Thái tử đã sinh được ba ngày đã lấy vải

chiên màu trắng làm y nội. Vua cho mời vị tiên đến xem tướng. Do vậy, vị tiên liền mở tấm vải Chiên để xem thân hình của Thái tử. “Tướng nào cũng rõ ràng”: Tức là nói ba mươi hai tướng hiển bày rõ ràng. “chắc chắn thành thật”: tức là lời vị tiên tâu lên vua. Ý nói rằng tuy Luân vương có ba mươi hai tướng nhưng tướng nào cũng không rõ ràng. Nay do thấy tướng nào của thái tử cũng rõ ràng nên chắc chắn sẽ thành Phật mà không làm Luân Vương. “Buồn không nói thành tiếng”: Tức là vì vị tiên tự than mình già cả, không thấy được ngày Thái tử thành Phật nên rơi nước mắt. Không tiếng mà nước mắt tự rơi gọi là khóc. Nay nói rằng: “Buồn không nói thành tiếng” tức là khóc. “Đó là sinh thân”: Tuy sớ nêu lên rằng “Sinh thân của cha mẹ phải hiểu ý nghĩa của nó”. Nhưng lẽ náo hai thân sau lại hoàn toàn không có cha mẹ? “Nay đặc biệt nói”: Tức là làm sáng tỏ vấn đề Đức Phật của Tạng và Thông trụ ở Thiên Chân. Vì lí của Thiên Chân không có năm ấm khiến cho thân Phật từ chánh tập tạo ra. Nếu cơ duyên hết thì sẽ thành tro tàn đoạn diệt, chìm đắm trong không, không bao giờ thị hiện. Do đó, lấy cha mẹ để làm sáng tỏ sự có sinh của thân, lấy sự kiện căn cơ hết trở về không để làm sáng tỏ sự có diệt của thân. Tuy rằng Thông là huyễn hữu nhưng cũng phải mãi mãi không. Nếu y theo giáo thì sự phân biệt về tướng trạng cũng giống như vậy.

Hai là “Như Thích v.v...” trở xuống là giải thích về tướng tôn đặc. “Vòi vọi”: Tức là cao. “Đường đường”: Tức là rạng rỡ. Sỡ dĩ nói Tôn sùng, kỳ đặc vì đó là thân do căn cơ Biệt và Viên nhìn thấy: “Thân thường hằng, ánh sáng thường hằng”: Tức là thân được thấy bởi phàm phu và Nhị thừa. Song người học nên biết rằng thân tướng cao và rạng rỡ có hai ý, có lúc phải hiện khởi, có lúc không hiện khởi gì cũng đều là do Như Lai quán sát năng lực của cơ tiến không có năng lực trung đạo mà đối với người phải hiện thì vì họ mà hiện. Như kinh Phạm Võng nói: “Mới ngồi đài hoa sen. Phô bày tướng Hoa Nghiêm”, “Thân nhờ Tu-di chiếu xuống biển lớn” do kinh Duy-ma nói “tám vạn tướng quý, thân là Vô biên” của kinh Quán Vô Lượng Thọ.

Các đoạn kinh ấy đều nói về sự hiện khởi của tướng tôn đặc. “Có khi không hiện khởi”: Tức là chỉ dùng năng lực để gia trì khiến cho thấy được tính chất không phần hạn nơi thân hèn kém; tạo ra dáng vòi vọi, sáng láng mà hiểu, dùng không thể suy nghĩ bàn luận mà quán. Điều ấy như sự khen ngợi về ba mươi hai tướng là thân pháp tánh của tôn đặc trong kinh này. Pháp Hoa dùng ba mươi hai tướng để trang nghiêm pháp thân, tướng nào cũng đều ngang với hư không v.v... các cơ duyên này

đều dùng nghiệp thức mà thấy, dùng trí của Trung mà quán. Liệt tức là vô biên, sắc tức là Tánh trí. Vì thế, không cần phải hiện khởi mà gọi là tôn đặc. Nếu không như vậy thì ba mươi hai tướng được Long Tôn khen ngợi, sớ nói rằng “dung nhiếp ba chính là khen ngợi tôn đặc” làm sao dung hội được? Đối với vấn đề này, người học nên khéo nắm bắt.

Ba là giải thoát về tướng của pháp tánh: Đây là thân trí tướng thuộc Đệ-nhất-nghĩa đế của chư Phật. Ngay tên gọi mà phàm phu và Nhị thừa còn không thấy thì lẽ nào lại thấy được tướng. Nếu nói về sự chứng đắc cùng cực thì Đẳng giác cũng không đạt đến chỗ cùng cực. Lại nữa, vì Sơ địa không biết được Nhị địa cho nên thần cây buồn khóc rơi nước mắt như mưa thỉnh Phật hiện thân chính là thân này. Đều có tên là chẳng phải Địa dưới nhìn thấy được. “Chỉ nên độ v.v...”: Đó là Đệ-nhất-nghĩa Tất-đàn của Đại Thừa “Cơ ứng hợp với Phật”: Tức là dùng thân này Ứng hiện để cho được thấy. Tức là sớ trước giải thích là “Nghĩa trong nhất thời? Nhất-thiết-chủng-trí và Nhất thời của Trung đế”. “Không có thân v.v...”. Tức là chẳng phải thân sắc chất, có ngăn ngại mà là thân mầu nhiệm; chẳng phải tướng sai biệt là tướng của tịnh trí. Vì Nhất thiết trí là thủ lãnh của muôn ngàn hạnh nên lấy nó làm đầu. Vì Đệ-nhất-nghĩa là vượt hơn trong các pháp nên lấy nó làm Đỉnh kế. Tám vạn trần lao chuyển thành Pháp môn, số nhiều gọi là tóc. Đại bi làm mắt, thấy khổ là nhổ bỏ.

Sợi lông trắng Trung đạo không nghiêng lệnh, không ô nhiễm. Vô lậu là công đức ngửi mùi. Lưỡi mười tám hình thái không nếm khắp mùi vị của Lý. Bất cộng là răng đều có bốn mươi cái. Đại luận dùng mười tám pháp Bất cộng, mười Lực, bốn Vô sở úy, đại Từ, đại Bi và ba Niệm xứ v.v... là bốn mươi; Vì tất cả đều không chung với các Địa dưới. Bốn thệ nguyện rộng lớn là vai mang vác không ngừng. Chỉ và Tán của Tam-muội như eo cột áo. Tam-muội của Viên chỉ là ba quán, không tức là quán pháp của Không, Vô tướng tức là phép quán Giả, vì chẳng được tướng không, Vô nguyện tức là quán Trung, vì hai bên không tạo tác nguyện cầu. Như Lai tạng (là) bụng, vì ngậm chứa ba ngàn trí của quyền và thật (là) tay. Vì nhổ bỏ (cho) tất cả chúng sinh Định tuệ v.v... (là) chân, vì bước trên mảnh đất Lý. Thân thứ ba của nay cùng với sự trình bày ở các chỗ khác chẳng phải là không có đôi chút khác nhau. Như bản sớ kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói: “Nghĩa của thân thuộc sắc tướng tương đương với sinh thân và Tha thọ dụng đồng là Ứng thân”.

Tiếp theo là thân của Pháp môn. Tức nghĩa của đủ loại pháp môn

tương đương với Báo thân do sự nêu lên của ngày nay, tức là Tự thọ dụng.

Kế là thân Phật tướng: Tức là dùng Lý được trang nghiêm bởi Pháp môn làm thân thứ ba. Nay thì phối hợp hai thân là Lý và Trí kia mà làm thân pháp tánh, mở bày Ứng thân mà làm sinh thân tôn đặc. Mở mang và phối hợp lẫn nhau nên ba thân không thiếu. Lại nên biết rằng đầu v.v... của thân pháp tánh nay là tướng được Long Tôn khen ngợi. Vì tâm chính là sắc, nên gọi là hai thân trước. Vì sắc tức là tâm nên gọi là Pháp môn. Nhưng nay qua các giáo, đứng trên lập trường phân biệt môn tùy theo cái thấy của căn cơ. Vì trước không thấy sau cho nên sau sau từ thù thắng mà đặt tên. Do đó khiến cho ba thân có tướng hơn và kém. Lại nữa, thân tôn đặc và Pháp tánh đều là cái thấy của nghiệp thức. Vì tướng tôn đặc bao gồm cả sự tu tập của biệt nên y cứ theo tính chất cao và sáng của thân tướng mà chỉ bày. Phật Pháp tánh của nay tức là ở tu mà làm sáng tỏ về tánh. Vì thế, ẩn sắc tướng theo Pháp môn (mà) nói, người giảng, người học nên hiểu rõ.

Kế là "Hai thứ v.v..." trở xuống là giải thích về nghiệp của ba tướng. Đây là theo lúc Như Lai làm thanh tịnh cõi nước Phật, tùy theo cơ duyên kia mà thị hiện sự tu tập không như nhau. Vì vậy mà chia ra làm ba loại:

Một là giải thích về nghiệp của sinh thân: Tuy thông với Thông giáo nhưng nay là ở tạng. Vì Thông giáo là pháp môn của Đại thừa. Vì hạng lợi căn thấy được hai Đức Phật sau. Nay y theo sự tu tập của tạng mà thực hành Độ thuộc về Sự là nhân của tướng tốt. Nói "Tu một trăm phước thành một tướng": Luận có nhiều cách giải thích nhưng nay chỉ nói một cách. Chúng sinh thuộc Đại thiên gặp duyên lẽ ra phải chết nhưng tất cả đều được cứu sống, đó là một phước. Phước này đến một trăm mới thành một tướng. Đây là chỉ cho sự thành tựu Độ sự của chế phục hoặc. Khiến cho chúng sinh kia mô phỏng theo để tu tập, (nên) nay thấy được Sinh thân.

Hai là "nếu lấy không v.v..." trở xuống là giải thích về nghiệp của tôn đặc. Cho nên nói "Không tuệ" là vì tuệ của thể pháp, tức không là cái mà cả ba thứ giáo cùng tu tập, kẻ độn căn chỉ không hóa được Hữu, hạng lợi căn biết không chẳng những là không hóa cái hữu mà cũng có thể không hóa cả cái không. Nay, phân biệt môn nói về nghiệp tôn đặc, tuy có thể không hóa cả hai nhưng ở Biệt giáo. Tuệ của Đãn Trung hướng dẫn nghiệp của các tướng. Các nghiệp không ra khỏi sáu độ ở trước. Vì biết về Trung nên không trang nghiêm mà trang nghiêm. Tức

là có khả năng trang nghiêm thể của Đệ-nhất-nghĩa khiến cho chúng sinh kia bắt chước theo đó mà tu tập, (nên) nay thấy thân tôn đặc không có phần hạn.

Ba là "Nếu dùng Thật v.v..." trở xuống là giải thích về nghiệp của Pháp tánh: "Thật tướng": Tức là lý Trung đạo. Toàn bộ thật lý của Trung là Tuệ thuộc chủ thể quán sát. Cho nên gọi là tuệ của Thật tướng là vì Thật tướng tức là Tuệ, chứ chẳng phải có một thứ tuệ nào khác. Từ sự chiếu soi của tuệ mà có được tên gọi thật tướng. "Dẫn dắt thành các nghiệp": lẽ nào các nghiệp lại lìa sáu độ ở trước. Vì tu tập tròn đầy, vì mỗi độ chính là tánh nên tất cả đều là Thật tướng. Vì thâu nhiếp tất cả nên đều là Pháp giới. Vì thế, Tán Chí nói: "An trụ trong tánh như của tất cả các pháp. Đối với tất cả Pháp (mà) ngậm chứa, thọ nhận tất cả Pháp". Tu như vậy là dứt bặt tình thức của ba giáo, gọi là nghiệp không thể suy nghĩ bàn luận. Vì khiến cho các loại chúng sinh kia bắt chước theo đó mà tu (nên) nay thấy Phật Pháp thân ngang bằng với tướng hư không.

Kế là "Ba thân v.v..." trở xuống là y theo dung nhiếp. Chính là của Viên, có ba:

Một là chính thật dụng nhiếp, Phật thuộc Viên đốn chứng được ba thân, ba tướng. Đồng thời cũng có thể chỉ bày tức khắc thấu suốt về ba tướng của tu tập. Nếu là căn cơ Viên giáo thì sẽ tu tập về nghiệp của ba tướng ở một niệm, có thể ba thân, ba tướng ở trong một thân. Vì hiểu được ba thân là Bí tạng nên sinh thân chắc chắc có đủ tôn đặc và Pháp tánh, tôn đặc chắc chắn có đủ Pháp tánh và sinh thân, Pháp tánh thì có đủ sinh thân và tôn đặc. Thấy thân đã như vậy thì việc tu nghiệp cũng giống như vậy. Được như vậy mới dứt trừ tình tưởng của dọc ngang, một khác. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, mầu nhiệm và vắng lặng thì ý nghĩa đó mới thành tựu. Kim Long Tôn vương xưa là người tu tập theo Viên giáo nên đốn tu đốn thấy. Toàn triệt của Hành giả thuộc về Viên. Vì thế, ở trong một thân mà khen ngợi tướng của ba thân. Vì muốn làm sáng tỏ ba tướng là Bí tạng nên gửi lời để khen ngợi, sau đólại dứt bặt lời khen ngợi là vì muốn làm cho chúng sinh nhìn thấy và tu tập một cách Tròn đầy.

Hai là "Kinh nay v.v..." trở xuống là nói về sự khéo léo khen ngợi: Từ ngữ khen ngợi của kinh y theo ba mươi hai tướng tức là chỉ bày về sự dứt bặt nói năng. Đó là làm sáng tỏ vấn đề chủ thể trang nghiêm tức là không trang nghiêm mà trang nghiêm, trang nghiêm thể của Đệ-nhất-nghĩa. Vậy, lẽ nào thân tướng tôn đặc lại không như vậy? Cũng có

thể nói rằng chẳng phải chúng sinh, chẳng phải pháp mà là chúng sinh mà là pháp. Trên thì bao gồm Pháp tánh. Dưới thì nhiếp sinh thân; ý của kinh này là ở đó. Đó tức là ý của sự khéo léo khen ngợi của Long Tôn.

Ba là "Mỗi một v.v..." trở xuống là giải thích về diệu dụng: Tuy y theo Viên thì ba tướng, ba nghiệp đều chính là nhau, nhưng do che chở cho chúng sinh mà thành khác nhau, trải qua sự phân biệt của Giáo mà chính là khác với dung nhiếp. Đầu tiên là tướng An bình, Sinh thân thì tiêu biểu, ma tà không lay động được. Ma tức là hoặc của ái, tà tức là hoặc của kiến. Đã trụ ở thiên chân thì hai thứ ma này không lay động được. Nếu là Phật tôn đặc trụ ở cả Tục và Trung thì tức là bốn đế thuộc phạm trù vô lượng. Vì vậy, phàm phu thì Hữu, Nhị thừa thì vô, hai hạng ấy không lay động được. Nếu là Phật Pháp tánh thì chỉ trụ trong Trung đạo nên đương xứ của tà ngoại, ba giáo và tất cả hai bên đều là trung; Có bên nào mà lay động được? Nhục kế của tối hậu gồm cả Vô kiến đảnh. Vì vậy, lấy sự không lễ lạy làm đối tượng được biểu thị. Nói "Pháp không lễ lạy" tức là nói Pháp nhĩ. Vì sinh thân ra khỏi hai thứ tà ái và Kiến nên tự nhiên không lạy người phàm phu. Vì tôn đặc ra khỏi hai thứ trần sa của giới nội và giới ngoại nên tự nhiên không lễ lạy bậc chứng Trung đạo theo từng phần. Đầu tiên và cuối cùng đã vậy. Lẽ tất nhiên, nói về Duy của ba mươi hai tướng của Trung là rất dễ hiểu. Song, vấn đề không lễ lạy đối với phàm và thánh là bao gồm nhân mà nói chứ không chuyên nhất ở quả. Đại sư có đưa ra ý riêng và chú v.v... là chỉ cho các đoạn văn giải thích đầy đủ về tướng quý.

■

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 4
(Phần đầu)

Giải thích nghĩa theo kinh để, có sáu.

Một là khen ngợi biển của bảy tướng lớn: Ba mươi hai tướng là lớn, tám mươi tướng quý là nhỏ. Vì mỗi tướng quý đều là pháp giới, đều là vô biên và không có đáy nên gọi là Biển. Tức là, câu đầu tiên khen ngợi tướng thứ mười bốn là sự mầu nhiệm của Kim Quang. Vì vậy, Đại sư nói là "Sắc trên hết".

Hai là câu tiếp theo khen ngợi tướng thứ mười lăm là ánh sáng của thân.

Ba là một bài khen ngợi tướng thứ hai mươi tám là sự sâu xa của Phạm âm.

Bốn là một bài khen ngợi tướng thứ bảy mươi chín, là tóc màu xanh ngọc.

Năm là một bài khen ngợi tướng hai mươi hai là có đủ bốn mươi cái răng.

Sáu là một bài khen ngợi tướng hai mươi chín là mắt.

Bảy là một bài khen ngợi tướng chiếc lưỡi lớn mỏng, le ra phủ kín mặt đến mí tóc,

Tám là một bài tụng khen ngợi ba mươi mốt là tướng sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày. Trong tám đoạn này, một đoạn là tướng nhỏ và bảy đoạn là tướng lớn.

Kế là "Lông mày nhỏ nhiệm v.v..." trở xuống là khen ngợi biển của hai tướng nhỏ.

Một bài đầu là khen ngợi tướng thứ ba, lông mày như hình trăng non.

Một bài tiếp theo là khen ngợi tướng thứ hai, mũi cao đẹp, lỗ không hiện ra. "Tu dương": Tu là dài, dương là đưa lên. Tức là lông mày cao mà dài. Diện môn là miệng.

Ba là hai câu khen khắp cả biển của tướng lớn: Đã gọi là "thứ lớp

tối thượng" tức là khen ngợi khắp cả ba mươi hai tướng.

Bốn là "Đạt được mùi vị v.v..." trở xuống là khen ngợi về biển của tướng lớn.

Tiếp theo là hai câu khen ngợi tướng thứ hai mươi sáu, nước bọt trong cổ họng là đạt được mùi vị trên hết trong các mùi vị.

Hai là hai câu khen ngợi tướng thứ mười ba, lông hướng lên trên, màu xanh, mềm mại và xoay về bên phải.

Ba là "Cánh tay dài v.v..." trở xuống là bốn câu khen ngợi tướng thứ chín, lập tướng tay Ma-đằng.

Bốn là bốn câu "vầng Ánh sáng hình tròn, rộng một tầm v.v..." trở xuống là khen ngợi tướng thứ mười lăm, ánh sáng của thân và mặt, mỗi thứ phát ra xa một trượng. Ở đây nói một tầm là nói theo Đức Phật. Tuy đã là Ma-đằng tức là tương đương với mặt, mỗi thứ đều một trượng. Ánh sáng này đã là ánh sáng thường hằng, cho nên chúng ta suy nghiệm để biết rằng các tướng đều là tướng thường hằng. Nói "Khen ngợi tôn đặc": Tức vì không cần phải có thân lớn, tướng nhiều mà chỉ cần do nghiệp thức y theo lý của Trung mà hiện khởi thì thân được nhìn thấy gọi là tôn đặc. Người học nên biết về điều ấy. Nếu đo lường thân trượng sáu này thì không đạt được bờ mé, nếu không đo lường vì cái được thấy là Như. Như căn phòng của Tịnh danh chỉ rộng chừng một trượng nhưng dung chứa được cả trăm ngàn người, trời, lại có thể dung chứa ba mươi hai ngàn tòa sư tử mà mỗi tòa cao đến tám mươi bốn ngàn do tuần.

Do-tuần, kích thước đầu tiên của căn phòng ấy không thay đổi là nhờ năng lực của ba giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận làm nên. Nay vì khen ngợi tướng tôn đặc ngay nơi thân thường trụ thì lẽ nào nghĩa lại không như vậy. Lời nói "vắng lặng nhiệm mầu" ấy qủa là không sai. Văn kinh trừ bốn tướng lớn ấy ra có khi lại khen ngợi các tướng như phát ra ánh sáng, nhổ gốc khổ, cho niềm vui, nhân của hạnh nghiệp và quả của công đức, tất cả đều như văn kinh nhưng đều phải giải thích theo lợi ích mười phen. Dù cho có hai tướng nhỏ đi nữa thì cũng vì sự làm sáng tỏ của văn. Điều mà sớ không chỉ ra tức là vẻ mặt như vầng trăng là tướng thứ bốn mươi mốt mặt sạch như trăng tròn, thân không dơ bẩn tức là tướng thứ mười một thân sạch sẽ.

Năm là hai câu "Cánh tay thẳng đều v.v..." trở xuống là lại khen ngợi về biển của một tướng nhỏ, tức là tướng thứ mười bốn, ngón tay dài mịn và tròn, tức là đều, thẳng. Còn âm là dung. Sáu, hai câu "Tay chân v.v..." trở xuống là lại khen ngợi về biển của một tướng lớn: Tức là tướng thứ tư, tay chân mềm mại hơn hẳn các phần khác của thân. Ba

mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp có đủ thứ lớp của pháp giới Như. Tuy trí tuệ khéo kéo của Long Tôn lược bỏ nhưng cùng khắp.

Từ “Đi v.v...” trở xuống là khen ngợi khắp các loài: Sở dĩ số cát bụi của ba đời mà nói là một, bởi quá khứ không diệt mất, vị lai không sinh và hiện tại không dừng trụ. Pháp thân bình đẳng, Báo và Ứng chẳng khác nhau, một không lìa Nhiều, Nhiều không lìa Một. Chúng sinh và Phật mà còn chính là nhau thì lẽ nào Phật và Phật mà lại khác nhau. Vì thế, mà sư khen ngợi một loài ở trong tất cả. Đoạn văn này lại là đoạn văn khen ngợi thân tôn đặc. Vì sao? Vì bản sớ ở trước nói rằng: “Nếu thấy bốn đức “Phật đều là tôn đặc, một thân, một trí tuệ thì đó là thấy thân thường trụ. Vì chúng đệ tử chỉ có một, nếu thấy bốn vị Phật khác nhau thì tức là Ứng hóa. Vì chúng đệ tử nhiều. Như thế, ta biết rằng sớ chỉ y theo một thân, một trí và nghĩa của thường trụ là tướng của tôn đặc chứ chẳng cần phải nói về sự hiện khởi thân cao lớn. “Văn-thù hỏi Bát-nhã: chữ hỏi là sai, lẽ ra nên viết là nói. Nhà chú giải ngày nay y theo hai kinh để nói về Tam-muội Thường Tọa.

Một là Văn-thù nói Bát-nhã, hai là Văn-thù hỏi Bồ-đề. Văn được trích dẫn hôm nay là văn nói về Bát-nhã.

Từ “Bày biện v.v...” trở xuống là dứt bặt nói năng, khen ngợi, có hai:

Một là chia văn.

Hai là “mà có v.v...” trở xuống là giải thích theo văn, có hai:

Một là dứt bặt ngôn từ khiến bặt luôn cả tâm:

Kế phen là vẫn y theo môn phân biệt. Sự hơn kém của ba thân không lìa phân biệt mà có ý nghĩa dung nhiếp. Người học nên biết!

Kế là “Từ...” trở xuống là hồi hướng:

Một là xoay lại sự để hướng về lý tức là thật tế.

Hai là xoay lại Tự mà hướng về tha, tức chúng sinh tế.

Ba là xoay nhân để hướng về quả, tức là Bồ-đề tế. Nay thiếu Thật tế Bồ-đề bao gồm. Đó là đạo Vô thượng, vì bản tánh vốn là Vô thượng.

Kế là từ “Như v.v...” trở xuống là phát nguyện đời sau, có hai:

Một là chia văn lập ý. “Đến tại không xa”: Tức là Phẩm Thọ ký ở dưới. Một vạn Thiên tử đến từ cõi trời Đao-lợi.

Hai là tùy theo kinh để giải thích nghĩa, lại có:

Một là đêm nằm mơ, ngày nói về nguyện.

Hai là “Ta nên v.v...” trở xuống là vì người mà giữ lấy lời nguyện tịnh độ: Không tu sáu độ, không nhổ gốc khổ cho chúng sinh thì cõi

nước không nhờ đâu được thanh tịnh. Nên biết rằng bốn sự tu tập và bốn tướng làm cho người tu thấy được ba thân của ta ở đời vị lai.

Ba là "dâng hiến v.v..." trở xuống là đều mong được thọ ký: Vì trống có nghĩa là tròn, rỗng và kêu. Nay khen ngợi một thể ba thân của Như Lai gọi là trống vàng, khen ngợi nhân duyên của Phật. Dùng nhân duyên ấy để hướng về quả địa gọi là dâng hiến chứ không nói về hình dáng của trống vàng thuộc về sự tướng.

Bốn là "Nếu có v.v..." trở xuống là lời nguyện "dưới hóa".

Năm là "Ta chưa v.v...." trở xuống là lời nguyện "trên cầu". Hai lời nguyện này đều giải thích về hai thứ lợi ích là Dứt ác, sinh thiện. Người học có thể thấy ở văn.

Từ "Tín v.v..." trở xuống là kết, hội ý việc của hai đời để giải thích về phẩm Không, như sau:

- Giải thích tựa đề, có hai:

- Y theo sự giải thích về có ở cả bốn thứ giáo để chỉ bày. "Không được nói về" tức là lấy sự phá hủy tướng làm nghĩa. Vì vậy, bốn thứ không trong giáo lý của một đời chẳng giống nhau. Nếu người học không phân biệt vấn đề này thì sẽ bị mê muội đối với danh và Lý. Vấn đề này lại chia làm hai.

- Y theo bộ để nêu ra bốn thứ, có hai:

Một chính là định về bốn thứ không "Diệt sắc nhập vào không": Tức là giáo lý của ba tạng. Lại gửi (vào) sắc mà nói các pháp đều diệt. Đó là nói (nếu) phá kiến và ái (thì) ấm liền bất sinh. Để giải thích Thật hữu phải diệt mới nhập vào không. "ngay nơi sắc là không": Tức là Thông giáo. Thể nhập nhân quả chẳng phải do bốn tánh sinh ra. Vì đã giải thích Huyễn hữu nên ngay nơi sắc là không. "Diệt bờ mé nhập vào không": Tức là Biệt giáo. Trung đạo là không, chẳng những "Không hóa hữu mà cũng không hóa cả không nữa. Nhưng vì không biết rằng Trung có ở không và Hữu cho nên từng bước dứt bỏ hai bên rồi mới đi vào Không của Trung. "Chính biên là "không": Tức là Viên giáo. Trung đạo có đủ đức tánh. Vậy, có Biên nào mà chẳng phải là Trung. Chỉ có giả, chỉ có không, cả ba đều bặt đối đãi, phá hủy tức khắc, dứt hết các tướng gọi là không của ngay nơi Biên.

Hai là "Kinh này v.v..." trở xuống là y theo bộ thì phải (có) bốn thứ: Phán giáo thuộc về Thông, ba thừa đều cùng sám hối. Trước thâu nhiếp ba tạng, sau có cả cả Biệt và Viên. Cái không của sự dẫn đến thành tựu, hợp lại mà nói về bốn thứ. Vì vậy, Tuệ của bốn thứ chẳng được không sáng tỏ.

Kế là “mà nay v.v...” trở xuống là xếp phẩm chỉ là Viên, lại có:

- Chỉ bày thẳng về vấn đề. Chỉ là Viên, có hai:

Một là y theo Lý để chỉ bày: Dùng bốn thứ để nhiếp cơ, đó là con đường phổ thông. Phẩm ở tại không của Viên thì đó mới là ý chỉ. Vì vậy, không của Trung được chỉ bày ở ngay nơi Biên.

Hai là “Vì sao v.v...” trở xuống là dẫn văn để chỉ bày: Các bộ Bát-nhã chỉ bày về không tuệ của ba giáo rất đầy đủ. Đồng thời lại lấy ba tạng làm phép quán của giúp đạo. Đó là vì người lợi căn của Văn trì mà nói rộng về tướng không, cơ của không tuệ này xét về Nghĩa trì tuy là lanh lợi nhưng vì Văn trì căn độn nên không nói rộng về bốn tướng không mà chỉ nói về một loại không tuệ của Trung ở ngay nơi biên.

Kế là “Lại nữa, không v.v...” trở xuống là chỉ bày sơ lược về tướng của Viên: Trung thọ nhận có danh của không nhưng ý lại là quét sạch tướng. Phàm phu chấp hữu tự nhiên ngăn ngại. Nhị thừa chứng Vô nên diệt độ như tro nguội trở về vắng lặng. Trung quán dứt bặt cái không niệm khiến cho hai biên hoàn toàn sạch hết. Y theo thứ lớp và không có thứ lớp mà chia ra Biệt và Viên, ở đây thì không thứ lớp.

Kế là “trực tiếp làm v.v... ” trở xuống là theo sáu câu so sánh với Trung để phân biệt, có hai:

Một là nói về ý nghĩa dùng câu: Nếu trực tiếp nói không là nghĩa của Trung đạo thì chẳng thể không hóa cả hai bên. Cho nên tà giáo Tiểu thừa và Biệt giáo đều nói song phi không đối với Hữu và Vô. Vì thế, kẻ mê tên gọi cho rằng “không” ấy giống với nay thì làm sao siêu ngộ được hai bên tức là không của Trung? Lại nữa, vì sợ họ cho rằng Viên và Thật hợp bàn về Trung đạo, đâu chỉ gọi là không nên Đại sư tạo ra tướng để phá tướng. Tướng của tu tức là ba cặp sáu câu để phân biệt. Nếu kẻ bị lẫn lộn về danh tướng của các pháp tướng mà không có sáu câu này thì chẳng thể phân biệt sự khác nhau và giống nhau.

Hai là “Không phá v.v...” trở xuống chính là dùng cú để giản biệt, có hai:

Một là nêu sáu câu: Song phi là Trung. “Chìm ở Trung gọi là lưu giữ song phi”: Vì tên gọi Trung đạo, tà giáo, Tiểu thừa ít thiết lập. Nếu là tên gọi song phi thì nơi nào cũng đều có. Vì thế, Đại sư đặc biệt dùng Trung đạo để so sánh với không của Viên hôm nay để phân biệt về vấn đề giống và khác. Lại nữa, Thể của không cú và song phi của ngoại đạo, Tiểu thừa và Biệt giáo là có thể nghĩ bàn, là Pháp có thể hủy hoại. Nếu song phi và không của Viên giáo mà lập thì nghĩa của các giáo đều bị diệt. Do đó, hai tên gọi của Viên thay nhau phá hủy hai tên gọi

của các thứ giáo. Lại nữa, hai tên gọi của các tu tập thay nhau tu tập về Viên. Hai là trong hai thứ bơ mà ngoại đạo và Bồ-tát đi vào Viên. Nhị thừa, sơ tâm cũng có nghĩa tu tập. Hai thứ song này có hai, tên gọi các giáo đối với Viên có hơn kém khác nhau. Một song thứ ba thuộc giáo lý đương cơ của Viên. Vì khác tên nhưng giống Thể nên tức là nhau mà không nói về tu phá.

Hai là "Không phá v.v..." trở xuống là giải thích tướng của câu, gồm có:

- Giải thích tướng phá câu, có hai:
- Không phá Trung, có hai:

Một là chỉ bày khái lược: Vì lý quyết định giải thích, không gặp gọi là hoặc. Lẽ nào nghe về Song phi lại là thật lý. Bởi vì có thể hiểu rõ Thể của song phi thuộc phàm và tà là kiến hoặc, song phi của Nhị thừa là chỉ chứng Thiên chân, song phi của Biệt giáo là đã giữ gìn giáo đạo rồi mà còn chưa dung nhiếp với ba (giáo kia). Nếu lập ra cái không của Viên thì tất cả các loại Song phi ở trước đều bị tiêu diệt. Vì thế, Đại sư nói là "phá".

Hai là "Phàm, Tà v.v..." trở xuống là giải thích chi tiết, như sau:

- Phá Song phi của Phàm, Tà, có hai:
- Chỉ chung tướng của thấy, có hai:

Một chính là chỉ bày.

Phức tứ: Phức cũng như trùng. Đó là đối với một câu lại quan niệm về Hữu và Vô. Tức là Chấp Hữu là Hữu, chấp Hữu là Vô. Cho đến song phi là Hữu, song phi là vô. Cái thấy có đủ, quan niệm của nó càng trở nên tinh xảo. Vì vậy, đối với mỗi câu đều sinh ra bốn niệm.

Hai là "Tuy đơn v.v..." trở xuống là kết sự sai lầm. Tuy ba loại bốn câu chuyển thành tinh xảo, nhỏ nhiệm nhưng vì chấp một loại Thật, còn các loại khác đều là nói dối nên kiến và ái càng dữ dội, nghiệp và khổ không bờ bến, mênh mông như biển.

Kế là "Tuy quan niệm v.v..." trở xuống chính là phá hoại thứ tư, có hai:

Một là chỉ bày về quan niệm nghiêng lệch bị phá: Song phi là hoặc, không đi vào Thật của chân và trung là luống dối.

Hai là "Vì thế, là v.v...." trở xuống là nói về có thể phá không của Viên.

Kế là phá song phi của Nhị thừa, có hai:

- Nói rộng về tướng chứng đắc, có hai:

Một là nói về tướng chứng đắc: Song phi của Nhị thừa tuy cẳhng

phải là thật của Trung nhưng quan điểm Đoạn, Thường đối với Chân lý. Chưa đến đảo châu báu, chỉ đến hóa thành thì làm sao an ổn được? “Phạm hạnh v.v...”: Vô học bốn trí, trong bốn chỉ thiếu “Sự sinh của ta đã chấm dứt”. Cho sự diệt độ v.v... là đầy đủ. Do ôm ấp quan niệm ấy nên không tìm cầu cái biết cùng khắp.

Hai là chỉ bày về bốn môn. A-tỳ-đàm: Hán dịch là Vô tỷ pháp, giải thích pháp quán của Hữu Môn. Năm vị là câu lân v.v... và một ngàn hai trăm vị A-la-hán đều đi vào môn này. Luận Thành Thật giải thích pháp quán của không môn. Tu-bồ-đề đi vào môn này. Côn-lặc: Hán dịch là Khiếp tạng. Luận này giải thích pháp quán của “Song diệu”. Vì vậy, đại luận chép: “Nếu không đạt được Bát-nhã ba-la-mật đa mà đi vào A-tỳ-đàm thì bị rơi vào Hữu và vô”. “Na-đà v.v...”. Thích luận nói về Phật diệt độ, A-nan hỏi Xa-nặc, Phật đáp: “Sau khi ta Niết-bàn, tánh ác của Xa-nặc sẽ dần dần điều phục. Ông nên nói kinh Đà-na-ca chiên diên cho ông ấy nghe”. Đó chính là song phi môn. Pháp quán của bốn môn là giả, người vốn là không. Tuy bốn môn chẳng khác nhau nhưng bốn tướng của Thật pháp lại khác nhau, Hữu môn thì niệm niệm sinh diệt. Không môn thì ba giả phù hư. Song diệc môn thì Hữu vô ung dung. Song phi môn thì cả hữu và Vô đều bị dứt diệt. Tùy căn cơ để y theo một loại quán thì sẽ phát khởi được Chân (Như). Ý của bốn môn thuộc ba tạng, đại khái là như vậy.

Kế là “lìa đoạn v.v...” chính là chỉ bày về sự phá hoại Trung, như sau:

- Chỉ bày về giả danh, Trung là đối tượng bị phá. Tên gọi Trung đạo đại khái có hai thứ:

- Lìa đoạn Thường gọi là Trung đạo: Hai thứ này có danh mà không có thể, thuộc hai thứ giáo ở trước.

Hai là Phật tánh gọi là Trung đạo: Loại này có thật thể, thuộc hai thứ giáo sau. Nay nói về hai cái thấy là Đoạn và Thường của song phi có được tên gọi Trung đạo. Nhưng thật sự thì hoàn toàn không phải là sắc tâm mầu nhiệm. Vì thế, chúng không có cái thể của Trung. Do đó mà tình tưởng không mất đi, ôm cái nghiêng lệch mà chấp chứng. Ở đây thì dùng cát, sạn mà nói là ngọc Lưu ly.

Tiếp là “Vì thế, là...” trở xuống là chỉ bày rốt ráo chẳng phải là chủ thể phá hủy. Đây là không tức Biên của Phẩm này. Nếu phát khởi được loại không này thì Trung thuộc giả danh bị hoại diệt. Đó chính là không phá chẳng phải hữu, chẳng phải vô.

Ba là Phá môn song phi của Biệt giáo, gồm có:

- Chỉ bày về cửa mê khởi sai lầm, có hai:

- Mê khởi sai lầm, có hai:

Một là Nêu ý: Căn tánh của hành giả thuộc biệt, so với Viên gọi là Độn. Chẳng phải bốn mà nói bốn gọi là khéo léo.

Dụ như chiếc bè: Ý của bốn môn nằm ở chỗ đi vào Lý. Ý của bè là vượt sông. Nếu chấp đắm môn để sinh khởi sự tranh đấu thì cũng như kẻ vác bè mà chạy trên đường. Vì thế, kinh Phật dụ nói: “Pháp còn nên xả bỏ huống chi là chẳng phải Pháp”.

Hai là “Không được v.v...” trở xuống là nói về sai lầm: Sai lầm đối với sự dung nhiếp là một mà chẳng phải ba.

Kế là “Niết-bàn v.v...” trở xuống là chỉ bày về tướng của bốn môn: vừa là sắc vừa chẳng phải sắc, là Song diệc môn. Chẳng phải sắc, chẳng phải là chẳng phải sắc là song phi môn.

Kế là “Nếu mỗi v.v...” trở xuống là nói vì sai lầm cho nên phải phá: Sự tranh chấp này là sai, tức biên chẳng có cách gì để phá được.

Kế là “bản mới dịch v.v...” dẫn chứng để chỉ bày về tướng sai lầm: kinh nói về vấn đề Sơ địa che chở cho địa tiền. “Đều có bốn môn”: Kinh nói: “Bồ-tát Sơ địa muốn thực hành con đường Hữu tướng”. Tức là Hữu môn: “Đối với pháp Vô tướng phải dụng nhiều năng lực” tức là không môn; “Một ý thì muốn nhập Niết-bàn, một ý thì lại muốn vào sinh tử” tức là song diệc môn; “Chưa tu hành đủ đối với Tạng mầu nhiệm và bí mật” tức là song phi môn. “Đại kinh... “ trở xuống là giải thích về sự đạt được của ngày nay để làm sáng tỏ sự sai lầm ở trước: Trước là thuộc Biệt môn, là tà kiến của tranh chấp chứ chẳng phải là tà kiến của ngoại đạo.

Kế là “Phi hữu v.v...” trở xuống là nói rõ trung phá không.

Tiếp là nói về câu của cùng tu, lại có:

Một là nói về các loại không tu tập của viên, cái thấy không của Phàm và tà, sự chứng về không của Nhị thừa và không môn của Biệt giáo đã tùy theo hai bên, nếu nghe về Trung của Viên thì tất cả đều phải quán Trung đạo ngay nơi Biên.

Hai là các loại song phi tu không của Viên: Nếu Tà, Tiểu và Biệt giáo thì dù nói là Song phi nhưng thành sự chấp tướng thì phải tu ba đế đều là không, gọi là rốt ráo không. Vì các loại song phi và các câu của không chẳng phải là con đường rốt ráo mà là chín pháp giới, cho nên tất cả đều phải tu tập pháp quán siêu việt của không và Trung thuộc Viên giáo để quy hướng về kho bí mật.

Ba là giải thích về câu của tướng tức tuy các kinh luận nói về

không, nói về Trung, nhưng trong số lượng danh tướng nhiều ít, nếu cái không của tức Biên dứt sạch ba đế thì một thể khác tên của Viên giáo ở đây là nghĩa tương tức, không cần phải phá lẫn nhau và tu lẫn nhau.

Đầu tiên, nói về tính không hai của không và Trung thuộc Viên giáo, có hai:

Một là chỉ bày trực tiếp về không hai.

Hai là dẫn Bát-nhã để kết: Ba thứ Bát-nhã là Thật tướng, Quán chiếu và Danh tự. Vì ngay nơi ba là một nên là một pháp. Ngay nơi một là ba nên đặt tên làm sao đạt đến cùng cực. Nếu đạt được ý ấy thì tất cả sự khác nhau của danh từ đều là tức nhau.

"Nhưng, Bất v.v..." trở xuống là nói phẩm nay nói lược gọi là không, lời văn đơn giản mà nghĩa dồi dào v.v... Vì che chở cho người căn tánh linh lợi của Nghĩa trì nên dùng tên gọi đơn giản để nêu mục lục của phẩm.

Kế là "Phẩm này v.v..." trở xuống là nói về ý sau này, như sau:

- Dẫn đạo thành Thượng phẩm, có hai:
- Chính là chỉ bày, có hai:

Một là Dẫn dắt hai thứ dụng: Nếu người tu không nhận biết được ngay nơi biên là không thì sám chẳng phải là Vô sinh nên không phá hết điều ác, thì khen ngợi không xứng hợp với tánh, nên sự sinh khởi điều lành không được sâu. Vì điều lành không sâu nên lẽ nào lại thành trí đức? Ví không hết điều ác thì lẽ nào lại thành Dức dứt? Vì kẻ độn căn chưa liễu ngộ đối với ở trước nên đối với Phẩm nay mà thường nói về không tuệ để dẫn đoạn Sám và khen ngợi ở trước thành hai thứ dụng.

Hai là "Cũng là v.v..." trở xuống là thành ba chương. Sám và khen ngợi là dụng, như ở trước đã nói, "Dẫn dắt thành tông": Nhân của muôn ngàn hạnh nhờ Vô sở đắc mới chứng được ba thân. Nếu không có loại rốt ráo không thì lẽ nào lại có vô sở đắc. Do đó, không của Viên dẫn dắt muôn ngàn hạnh thành tông chỉ của quả đức. "Dẫn dắt thành thể": Pháp tánh rộng sâu, hiện hữu khắp tất cả các pháp. Và hai thứ Ngã nên sinh tử rộng mênh mông. Nay dùng hai thứ không dẫn dắt tất cả các Pháp mà làm thành thể của kinh.

Kế là "Vì vậy, giải thích v.v..." trở xuống là dẫn chứng: Luận nói rằng tất cả lấy Thể, Tông và Dụng mà gồm nhiếp trọn vẹn.

Kế là "Lại nữa, Thường v.v..." trở xuống là khai ngộ cho kẻ độn căn: không của Viên có đầy đủ đức, tất cả đều thanh tịnh. Vì vậy mà Đại sư bàn về nguồn cội của Thường và làm sáng tỏ về sự giác ngộ Thể. Hai thứ dụng của Sám và khen ngợi đều là pháp tuyệt đối thanh tịnh, thì

lẽ nào lại có một câu rời không của Viên? Như nói rằng "Tất cả chúng sinh đều là Bát-nhã" là chỉ có ý nghĩa ấy. Bậc lợi căn thì giải ngộ được nghĩa của không ở trên sự nghe. Nay, vì người độn căn chưa hiểu biết mà đặc biệt nói về sinh, pháp, Cảnh và quán đều không thể giúp đỡ cho họ thành tựu nghĩa trên.

Kế là giải thích về Văn, có hai:

Một là chia văn.

Hai là giải thích văn, có hai:

- Giải thích về vấn đề "Muốn nói về không", có hai:
- Giải thích, có tám.
- Giải thích về việc nói đầy đủ của các kinh khác, có hai:

Một là chỉ bày chung về tướng để làm sáng tỏ ý.

Hai là "Nếu chỉ cho v.v..." là nói riêng về chỉ cho nghĩa ở trước, có hai:

Một là y theo sự sai trái của thứ lớp các bộ.

Hỏi: Đại kinh nói: "Từ bơ sống sinh ra bơ chín" là dụ cho từ Phương đẳng mà sinh ra Ma-ha Bát-nhã. Vì vậy, ta biết rằng Bát-nhã có sau Phương đẳng. Kinh này đã thuộc Phương Đẳng thì lẽ nào lại chỉ rằng Bát-nhã đã được nói xong?

Hai là y theo phần sau cho đến hết là đáp, có hai:

Một chính là trả lời chung, có hai:

Kế dẫn giáo để trả lời chung, có hai:

Một là lập chung ý: Vì kinh này sau Phương đẳng nên Tín Tướng nghe chỉ ba tháng nữa Phật nhập diệt nên mới nghi ngờ. Do đó mà Đại sư chỉ vào Bát-nhã mà gọi là "Đã nói".

Hai là "Lại nêu v.v... " trở xuống là dẫn ba quyển kinh, như sau:

- Dẫn A-hàm, có hai:

Một chính là dẫn "Ở trước Phật mà đi": Tức là bảy ngày trước khi nhập diệt. Sa-di Quân-đầu là đệ tử ngài Thân tử.

Hai là ở Linh Sơn chỉ có Pháp Hoa thọ ký cho Thanh văn thành Phật.

Kế là "Lẽ nào không v.v...." trở xuống là kết luận sự chỉ bày.

Kế là Dẫn Đại Phẩm, có hai:

Một chính là dẫn.

Hai là "Nên biết v.v..." trở xuống là kết luận sự chỉ bày, có hai:

"Lấy đó v.v..." trở xuống là xác định rõ ràng về sự kết luận là bác bỏ. Có hai:

"Kinh này trở xuống là chỉ bày về không ngại hai: Giải thích sơ

lược mà giải thích, có hai:

Kế là chỉ bày về sự đầy đủ và sơ lược của danh nghĩa thuộc Giáo môn, có hai:

Một là chỉ bày hai môn.

Hai là "Nên làm v.v..." là nói về bốn câu, có hai:

Một là chỉ bày trực tiếp về ba câu: "mười tám không v.v...": Thể của không chỉ có một nhưng do dứt trừ các cảnh nên tùy theo cảnh mà đặt tên. Như lửa là một nhưng tùy theo vật bị đốt mà có các tên gọi khác nhau. Nghĩa ở dưới danh từ tất nhiên cũng phải khác. Vì vậy, do không có pháp bên trong mà gọi là Nội không, do không có pháp bên ngoài mà gọi là Ngoại không, không có mười tám cảnh gọi là mười tám không. Hai mươi không, hai mươi bốn không cũng giống như vậy. Do đó, danh và nghĩa đều lập đầy đủ về danh từ của một loại không. Chỉ giải thích sự dứt sạch cho nên danh nghĩa đều lược. Như pháp tánh, v.v... đều đặt tên rất nhiều, chỉ giải thích nghĩa của Bản tánh.

Hai là "Chỉ bày linh động về nghĩa thứ tư, có hai:

Một là nêu sự chỉ bày.

Hai là "Đến từ.. " trở xuống là chứng minh lời giải thích: Chỉ lập hai thứ Không gọi là sơ lược. Danh từ này mời gọi là nghĩa khắp cả mười cõi. Vì từ Phàm đến Phật đều có chúng sinh và năm ấm.

Hỏi: Vị trí đến Thanh văn thì sinh và pháp đã không, vì sao Thích Luận nói rằng đến quả vị Phật vẫn còn chúng sinh và Pháp? Lẽ nào chỉ mình Phật là còn? Như thế, ý nghĩa của tên gọi Vô thượng là thế nào?

Đáp: Tuy Tiểu thừa bàn về không nhưng cuối cùng cũng trở về nguội thân bặt trí. Vì vậy, nhập Vô dư thì Sinh và Pháp dứt hẳn. Đại thừa nói về không thì thể của không là thường trụ, lại không chỉ có một loại giác tánh thường trụ, nên biết rằng tất cả Sinh và Pháp đều Thường trụ. Vì thế, Sinh và Pháp chưa không hóa thì phàm phu thô lậu yếu kém; nếu sinh và Pháp đã trở thành không thì cao hơn, rộng lớn hơn. Do vậy quả cùng cực thì không gì hơn sinh, Pháp. Đó gọi là sự rốt ráo của Không. Vì thế, Đại sư Kinh Khê nói: "Quả ba ngàn thành tựu đều gọi là Thường lạc. Nếu thiếu ba ngàn thì làm sao có Sinh, Pháp, Y và Báo".

Kế là "Nay nói v.v..." trở xuống là giải thích danh thì sơ lược mà nghĩa thì đầy đủ của phẩm ngày nay, như sau:

- Giải thích chúng sinh căn độn, có hai:
- Xác định đầy đủ, sơ lược, lợi và độn, có hai:

Một là y theo Văn-thù để lập: Hợp với đầy đủ là Lợi, hợp với sơ lược là Độn.

Hai là “Lời nói ấy v.v... ” trở xuống là y theo Nghĩa trì để lật lại: Thân tử mới gặp A-kỳ nói kệ giải thích nghĩa của ba đế là khổ, tập, diệt khiến cho được mau chóng chứng đắc, nên không nói đạo đế. Thân tử vừa nghe liền ngộ được Sơ quả. Đến khi Thân tử nói lại cho Mục-liên thì nhờ nghe lại lần hai mới ngộ về Đạo đế. Nói một lần là sơ lược. Nói lại là đầy đủ. Điều ấy lẽ nào lại không phải sơ lược của Nghĩa trì là lợi mà đầy đủ là Độn ư?

Kế là “Kinh này v.v...” tro là chỉ bày về lợi và độn của cơ ngày nay, có hai:

Một là nói về ý của kinh: Tự thân không thể nắm giữ đầy đủ về sự giải thích danh và số, nên gọi là Độn căn.

Hai là chỉ bày về cơ ngày nay: Nếu nói về nghĩa thì nghe sơ lược mà ngộ gọi là Lợi căn. Kinh Vô Kiến chép: “Chúng sinh căn tánh độn” tức là nói rằng căn cơ ngày nay không thể ngộ được. Đối với Vô Lượng nghĩa cũng không ít hơn đối với trí tuệ, cũng y theo trí Văn trì ở đây cũng giống với luận Khởi Tín chép “Tìm kiếm ở luận đầy đủ, văn dài rườm rà. Vì người thích lời văn ít mà thâu nhiếp nhiều nghĩa nên soạn luận này”. Lại, “Cuối cùng, vì nghĩa sâu xa, rộng lớn của Chư Phật mà tôi đã thuận theo Tổng trì để nói phẩm này. “Nói sơ lược về Vô Lượng nghĩa không” đồng với “Tổng trì kia.” “Nói về nghĩa sâu xa v.v...”.

Kế là giải thích về nghĩa của Vô lượng không, có hai:

Một là y theo Chân và Trung để phân biệt Thiên chân và Đoạn diệt, không có sắc tâm. Đó là nghĩa không hữu lượng: Trung đạo có đủ sắc tâm vi diêu, sinh ra không cạn kiệt và dung nhiếp không bỏ sót, là thuộc về nghĩa không Vô lượng.

Hai là đứng ở lập trường kinh này để chỉ bày, đã nói về Pháp tánh mà tánh thì không thay đổi. “Đó là thật tướng của thường đức”: Tức là tướng của Trung, của Thật. Phẩm này nói: “Mong cầu Pháp thân chân thật ở Như Lai”. Bản dịch mới nói: “Pháp thân là thường hằng, là Thật”. Thật là ngã đức, sự tự tại của nó là vô cùng. Đã có Thường và Ngã thì lẽ nào lại thiếu Tịnh và Lạc? Bốn đức càng làm sáng tỏ nghĩa của không thuộc Vô lượng như sau:

- Giải thích phương tiện lạ lùng và mầu nhiệm.
- Giải thích về việc khởi các tâm Đại bi.
- Giải thích về “nay Ta giảng nói”.
- Giải thích về “Đều thấy được ý tưởng của chúng sinh.
- Chính là nói về Không, có hai:
- Chia văn lập ý, có hai:

Một là chia văn.

Hai là lập ý, có hai:

Một là chỉ bày trực tiếp: "Không có cảnh v.v...": Cảnh của sinh và Pháp đều là ba đế siêu việt. Vì thế, Đại sư nói "Phép quán của hai thứ không" và Cảnh sinh ra pháp khởi sự quán sát thì sự quán sát ấy mới chân chính. Sự quán sát siêu việt chiếu soi thì cảnh ấy mới hiển bày. Nói đầy đủ về Cảnh và Quán khiến cho được chân chính, được sáng tỏ.

Hai là Dẫn chứng mười phen để xem xét: "Cảnh trí": Cảnh tức là mười cảnh, Trí là mười thừa. Nói mười cảnh là:

1. Cảnh của ấm và Nhập.
2. Cảnh phiền não.
3. Cảnh bệnh hoạn.
4. Cảnh nghiệp tướng.
5. Cảnh của việc ma.
6. Cảnh Thiền định.
7. Cảnh của các thứ quan điểm.
8. Cảnh của Tăng thượng mạn.
9. Cảnh Nhị thừa.
10. Cảnh Bồ-tát.

Ấm là hiện tiền, còn Chín cảnh khác thì phải đợi đến sự phát khởi. Dẫu là hiện nay hay đợi phát thì tất cả đều phải tu tập quán trí của mười thừa. Nói mười thừa là:

1. Quán sát cảnh không thể suy nghĩ bàn luận.
2. Y theo Cảnh để phát tâm Bồ-đề.
3. Khéo an định chỉ quán.
4. Phá pháp cùng khắp.
5. Biết thông suốt và bít lấp.
6. Điều phối Đạo phẩm.
7. Đối trị giúp khai.
8. Biết thứ lớp, vị trí.
9. An nhẫn.
10. Vô pháp ái.

Mười thừa này đều là mười thứ cảnh dứt bặt đối với sự nghĩ bàn. Vì vậy, năm phẩm có được quán sát dứt bặt của quán hạnh, Thập Tín đạt được sự dứt bặt của Tương tự luận, bốn mươi bốn vị dứt bặt Phần chứng luận, Diệu giác dứt bặt Cứu cánh luận. Văn ở dưới chép: "Tức là Tán chi tự nói gọi là nghĩa Mật", đó gọi là Cảnh và trí đều không

thể suy nghĩ bàn luận. Bản mới dịch nói "Pháp là Cảnh, Như là không khác." Đều là nhắc lại. Bởi, Cảnh và Trí vốn không khác nhau nhưng vì tình thức mà khác nhau, nay lại không khác nhau. Đại sĩ Đông Dương nói:

Một là như thuộc bản tánh.

Hai là như sự dứt trừ kiến sử.

Vị trí không khác với cảnh nên gọi Như Như pháp. Vì cảnh không khác với trí nên gọi là Như Như trí. Nay đều nói đối với ý của không thể suy nghĩ bàn luận.

Kế là "Nói về không v.v..." trở xuống là theo văn giải thích nghĩa, gồm có:

Một là nói về cảnh của Không, có hai:

Một là chia văn lập ý, có hai:

Một là chia văn.

Hai là Lập ý, có năm:

Một là Chỉ bày trực tiếp về hai tướng: "Nói thật pháp": đối với "Tịnh giả tướng là bất tịnh" là phép quán thuộc Sự. Nay vì đều quán sát về lý đối với năm ấm và người thuộc giả huyễn nên gọi là Thật pháp. "Thân tuy v.v..." trở xuống là nêu ra nghĩa giả tưởng.

Hai là "Cũng gọi v.v..." là chỉ bày về hai tên khác nhau. "Hạnh hạnh": Trên hạnh của Tuệ lại thêm hạnh của việc tu tập thuộc sự. Vì vậy, Đại sư gọi là "Hạnh hạnh". "giúp đạo" là dùng tưởng bất tịnh phá tham ở trong sự. Vì giúp cho chánh quán phá trừ chướng và hoặc thuộc Lý nên gọi là giúp đạo.

Ba là "Tiểu thừa v.v..." trở xuống là nói Đại Tiểu đều tu tập, có hai:

Một là Nói về ba thứ giải thoát của Tiểu thừa: không nói về Vô ngại giải thoát vì người của Câu thoát thấu đạt Điển tịch trong ngoài được gọi là Vô ngại. Nay vì nói về Chánh và Trợ nên lại nói về hai thứ.

Hai là Nói về Đại Tát-bà-nhã: Đại luận dịch là "Nhất thiết trí du hý thần thông". Vì ở trong ba cõi mà đạt được Tự tại nên gọi là "Du hý". Vì tu được thần thông nhiều hơn sự khởi phát của Cửu tưởng, Bối xả v.v... nên dùng Giả tưởng làm Pháp giúp đạo. Xe lớn của pháp hoa độ đủ cả trâu trắng nên gọi là Chánh đạo, dẫn dắt gọi là giúp. Chánh tuệ của Niết-bàn xa lìa mười tướng là sắc, thanh, hương vị, xúc, sinh, trụ, hoại, tướng nam và tướng nữ; Vì chủ thể xa lìa được sâu xa nên đối tượng được xa lìa chẳng phải là nhẹ "Lại nữa, để v.v..." trở xuống

là giải thích về giúp đạo: Thiền thuộc Sự của tướng xương trắng v.v..., v.v.... tức là dùng ba phép quán đối với Cảnh của thiền thuộc sự để phá chướng ba hoặc, hiển bày ra Ngã tánh thành Tam-muội vương. Phối hợp tu tập giữa Chính và Trợ gọi là Pháp giới của đạt thiền và thấy thiền.

Kế là "Các kinh v.v..." trở xuống là nói về vấn đề kinh luận có đầy đủ, có sơ lược.

Kế tiếp là nói hai nghĩa của phẩm này đều sơ lược.

Kế là "Thật pháp v.v..." trở xuống là tùy thích, như sau:

- Nói cảnh thật pháp, có hai:

Một là chia văn.

Hai là Tùy văn giải thích, lại có:

- Nói về cảnh của quả khổ, có ba:
- Cảnh của sinh không, có hai:
- Giải thích: Thân là luống dối, có hai:
- Vì đó là quan niệm sai lầm cho nên thuộc về luống dối, có hai:

Một là Cho rằng nhóm họp ấm mà có thân: "Bám níu ấm mà thành thân". Năm ấm hòa hợp giả gọi là thân. Như nhóm họp năm ngón tay mà gọi là nắm tay. Phàm phu không nhận biết, chấp cái tên gọi là Giả ấy để làm ngã, v.v... Nếu nói đầy đủ thì có hai mươi sáu loại:

1. Ngã.
2. Chúng sinh.
3. Thọ giả.
4. Mạng giả.
5. Sinh giả.
6. Dưỡng giả.
7. Chúng số.
8. Nhân.
9. Tác giả.
10. Sử tác giả.
11. Khởi giả.
12. Sử khởi giả.
13. Thọ giả.
14. Sử thọ giả.
15. Tri giả.
16. Kiến giả.

Nay sở dĩ Đại sư nói sơ lược là năm vì: Ngã ở trong pháp của ấm v.v... nếu tức là hoặc, nếu lìa hoặc mà cho rằng có cái Thật của Ngã và Ngã sở. Nhân: Ở trong ấm mà quan niệm sai lầm về Ngã, Nhân.

Chúng sinh: thì đối với ấm vọng chấp là ngã sinh ra.

Thọ giả: Đối với pháp của ấm v.v... mà quan niệm sai lầm rằng ta thọ quả báo trong một thời gian.

Tuổi thọ giả: Đối với các pháp ấm v.v... mà quan niệm sai lầm rằng mạng căn được liên kết, duy trì, không chấm dứt. Vì chấp như vậy nên mới chấp rằng có thân ta, gọi là "Thân kiến được sinh khởi".

Hai là "Nếu Thể v.v..." trở xuống là thể vốn luống dối, không thể đạt được Vọng chấp có sinh nhưng sinh thật bất sinh. Vì thế, Sinh gọi là luống dối. Đã vốn bất sinh nên chấp thân vắng lặng. Lại giống như như không thể.

Kế là "Lại nữa, xem xét v.v..." trở xuống là xem xét lý do hoàn toàn luống dối, có hai:

Đầu tiên chính là kiểm chứng, có hai:

Một là Kiểm chứng về giả danh: "Do một niệm Vọng tưởng": Đó là, lúc con trai gá vào thai thì thấy mẹ là cảnh chấp lấy, thấy cha là cảnh bị cạnh tranh; đối với mẹ thì khởi lòng tham, đối với cha thì khởi tâm sân; chất chảy ra của cha thì lại cho là của mình. Do niệm tưởng sai lầm ấy mà gá vào thai. Con gái thì trái lại, có nói đầy đủ như trong Đại kinh. "Khởi đầu của giả danh", tên gọi nam nữ là do vọng tưởng này làm khởi đầu.

Hai là "Đó cũng v.v..." trở xuống là xem xét về lý do của Thật pháp, có hai:

Một là (Huyết) đỏ, (Tinh) trắng tức là di thể.

Ba tánh: tức là Thiện, ác và Vô ký.

Hai là "Lại nữa, Tinh v.v..." trở xuống là sáu đại, năm ấm: sáu đại là lý do mà Thật pháp y cứ. "Nếu hai thứ quán này v.v..." trở xuống là kết thúc sự chỉ bày: Thân là huyễn chất. Danh là giả danh. Đã do vọng tưởng và từ Tinh, huyết thì nghiệm ra thân được thành tựu kia gọi là luống dối.

Kế là Giải thích về "Giống như sự nhóm họp của Không". Nghiệm lực Vô minh, nghiệp tức là Hành, đó là Vô minh duyên Hành, hoặc lúc mới gây nghiệp, hoặc lúc gá vào thai như trước đây nói về thức của trai hoặc gái khởi tham sân đối với cha mẹ, lấy chất chảy ra của cha mẹ mà cho là của mình, do vọng niệm đó mà được gá thai. Thể tức là di thể, tức là đỏ và trắng.

Kế là từ "sáu v.v..." trở xuống là thể hội cảnh của pháp không, gồm có:

- Lập ý chia văn, có hai:

Một là Lập ý.

Hai là chia văn.

- Theo văn giải thích, có hai:

- Giải thích sáu nhập, có bốn:

- Giải thích về sáu nhập, lại có:

Một là Giải thích hai tên.

Hai là "xem xét v.v..." trở xuống là kiểm chứng về ba việc: "Mạng, Noãn, Thức": kinh Đại Tập chép: "Giai đoạn Ca-la-la có ba việc". "Hơi thở vào ra" gọi là tuổi thọ. "Không thối không hư hoại" gọi là Noãn. Tức là do nghiệp giữ gìn Hỏa đại, sắc mềm thuộc Địa, Thủy v.v... không bị thối, nát vữa. Trong đây, tâm và ý gọi là Thức, tức là giác biết trong tên gọi là Sát-na. Ba pháp hòa hợp, từ lúc sinh ra cho đến lúc lớn lên không thêm, không bớt. "Bảy ngày thay đổi một lần": Tức là nói lúc đang ở trong thai, bảy ngày đầu tiên gọi là Tạp uế trạng, như chất bơ đặc lại. Bảy ngày thứ hai gọi là Bào trạng, như bọc ung mụt. Bảy ngày thứ ba gọi là Ngưng kết trạng, như máu đọng. Bảy ngày thứ tư gọi là Ngưng lậu, vì đã hơi cứng. Bảy ngày thứ năm gọi là Hình vị, vì tứ chi khác nhau. Bảy ngày thứ sáu gọi là Mao phát trảo xỉ vị. Bảy ngày thứ bảy gọi là Cụ căn vị, vì đã đầy đủ năm căn, cộng với thức trước là ý căn thành đủ cả sáu căn.

Kế là "Thức y cứ v.v..." trở xuống là giải thích xóm làng.

Ba là "Trần đi theo v.v..." trở xuống là giải thích: Sự chấm dứt của Giặc kiết sử, do trần mà khởi kiết. Vì hại luôn tuệ mạng nên nói là giặc kiết sử.

Bốn là "Mắt thấy v.v..." trở xuống là giải thích "Vì không biết nên rình rập nhau".

Kế là Từ "Mắt v.v..." trở xuống là giải thích mười hai nhập, có bốn:

Kế là y theo sự mở ra để phân biệt vô số: "Mở rộng Sắc thành mười": Tức là năm căn và năm Trần. "Phần ít": Tức là pháp nhập nhiếp vào hai thứ pháp.

Một là Tâm pháp: trừ tâm vương ra chỉ lấy các tâm sở thuộc tương ưng.

Hai là Phi tâm pháp: Tức là pháp quá khứ, hiện tại, vị lai và các hành thuộc Tâm bất tương ưng cùng ba pháp vô vi. Ở đây nói "Phần ít" tức là chẳng phải sắc thuộc quá khứ, vị lai ở trong tâm pháp. "Mở rộng tâm thành hai": Đó là ý nhập và pháp nhập. Nhưng đối với pháp, Nhập cũng chỉ là phần ít. Tức là đối với hai thứ là pháp và Nhập thì chỉ nhiếp

tâm pháp. Nay nói hai tức là nêu lên toàn bộ số.

Kế là “Trần Nhập v.v...” trở xuống là nói về tên gọi chung và riêng.

Kế tiếp là “Tương đương với một v.v...” trở xuống là giải thích về mỗi loại tự duyên.

Kế nữa là “Căn khác v.v...” trở xuống là giải thích về sự không duyên với loại khác.

Kế là “Theo tâm v.v...” trở xuống là giải thích về mười tám giới, có hai:

Một là phân biệt về số để giải thích danh từ.

Hai là Tùy theo văn để giải thích nghĩa, có ba:

Một là nói về thức hiện hữu ở các Căn: Truy tìm và duyên với quá khứ, dự toán đến vị lai. Trì sính giống như rong ruổi. “Như người v.v...” trở xuống là nêu điển hình: Ngồi yên trong một căn phòng mà tâm suy nghĩ khắp nơi trong thiên hạ. ái nhiễm trần duyên gọi là ngồi mà rong ruổi. Nếu tự chẳng phải cái không siêu việt thì chẳng thể dứt các tưởng rong ruổi. “Vì ngu v.v...” trở xuống là giải thích việc bị sáu tên cướp làm hại: Như Đại kinh chép”: Phẩm Đức Vương nói “Thí như có vị Vua đựng bốn con rắn độc trong cái hũ nhỏ rồi sai người chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu làm cho một con tức giận thì ta sẽ y theo pháp mà tru lục. Người giữ gắn liền vứt bỏ cái hũ nhỏ mà chạy trốn. Vua lại sai năm gã Chiên-đà-la cầm đao đuổi theo. Một kẻ giấu đao giả làm người thân thiện, nhưng người giữ rắn ấy không tin mà chỉ chạy vào một ngôi làng để trốn. Lúc vào làng rồi thì chẳng thấy người và vật nữa. Người ấy ngồi dưới đất và nghe trong hư không có tiếng nói rằng: “Đêm nay sẽ có sáu tên cướp hung ác đến đây”. Người ấy sợ hãi, liền bỏ chỗ đó mà đi. Trên đường đi gặp một dòng sông, nước sông tuôn chảy cuồn cuộn. Người giữ rắn liền dùng cây cỏ làm thành một chiết bè, cắt dòng chảy mà đi. Qua được bên kia sông rồi thì được yên ổn, không lo lắng nữa. Bồ-tát cũng giống như vậy, nghe kinh Niết-bàn mà quán sát thân như cái hũ nhỏ, bốn đại như rắn dữ, năm gã Chiên-đà-la tức là năm ấm, kẻ giả thân thiện tức là tham ái, xóm làng hoang vắng tức là sáu nhập; sáu tên cướp tức là sáu trần, sông tức là sông phiền não, chiếc bè tức là Đạo phẩm, đi đến bờ kia Thường, Lạc, Ngã Tịnh.

Hai là “Tâm thường v.v...” trở xuống là nói về tính chất thường tồn tại của Thức: Căn và Trần vừa đối liền biết”: Tức là đối trước trần liền biết. Dẫn luận để chứng minh cho nghĩa “liền biết” đã nói “tâm muốn nghe” tức là biết thức ở căn.

Ba là "Tâm xứ v.v..." trở xuống là nói thức thường đi về: "Chợt ra chợt vào": Vì đối trước trần nên đi ra, không đối thì lập tức đi vào "Xuất nhập gián quan": Pháp sư ứng nói: "Đó là nói về ra vào". Cũng là dáng vẻ bày biện, sắp đặt". Trang tử nói: "Tiểu trí phân biệt" Tức là cách trở, ngăn ngại. "Mổ một bỏ một": Bỏ một mắt lại mổ lấy một mắt lưới. "Cách trở, ngăn ngại khó ra, được nói là Thường trụ": Vì trần vừa đối diện thì biết ngay.

Kế là từ "Thân v.v..." trở xuống là kết về hai cảnh, có hai:

Một là nêu bày.

Hai là "Thân không v.v..." trở xuống là giải thích, có hai:

Một là Giải thích về hai câu đầu tiên để kết cảnh của sinh không: nuôi lớn tức là Dưỡng dục kiến, một trong mười sáu thứ kiến. Quan niệm sai lầm rằng ta có khả năng nuôi dạy người khác, lại quan niệm rằng ta là bậc cha mẹ nuôi dạy.

Hai là "Cũng không v.v..." trở xuống là giải thích hai câu sau để kết luận về cảnh của pháp không, có hai:

Kế là giải thích xa về không có chủ tể, có hai:

Một là kiểm chứng riêng: Tâm làm chủ tất nhiên là có khả năng chế tác và được tự tại. Đã bị người khác làm não hại thì cố nhiên là hai nghĩa chế tác và tự tại bị phá. Qua đó, chúng ta biết rằng tâm chẳng có chủ tể.

Hai là "hoặc có lúc v.v..." trở xuống là cùng suy về chủ: "Bốn thứ vi tế". Tức là Sắc, Thanh, Hương vị và Xúc. Đại luận chép: "Địa có Sắc, Hương, Vị và Xúc. Nhưng vì đất nặng nên không tạo tác gì. Thủy ít có Hương nên động tác hơn hẳn Địa, Hỏa ít có Hương, Vị nên thế hơn hẳn Thủy. Phong có ít Sắc, Hương và Vị nên động tác hơn hẳn Hỏa". "Tâm không ngang bằng": Vì tâm so với bốn đại là không mượn sự sâu kín và hơn hẳn cho nên là chủ. Nhưng, nếu nói về làm não hại thì lại không thành chủ tể.

Kế là Giải thích tùy theo sự không tranh luận: Tuy do nhân duyên hòa hợp mà thành các pháp, nhưng vốn chẳng có Tư và Niệm thì làm gì có sự tranh đấu, kiện tụng, vì đều do quan niệm của tính thức mà bốn đại trở nên như rắn, sáu trần thành như cướp. Nếu quán vốn không thì các pháp đều vắng lặng, có ai là người tranh chấp, kiện tụng. Vì vậy, Đại sư dùng không tranh tụng để kết thúc Cảnh của pháp không.

Từ "Các v.v..." trở xuống là nói về cảnh của Tập nhân, có hai:

- Chia văn đối biện, có hai:

- Chia văn, đối biện, có hai:

Một là đối với giả tưởng để phân biệt: "Ba ở trước: Tức là Cảnh của Tập này tự lập ra ba khoa. Đó là tướng của Tập khởi là cảnh của chánh quán thuộc Tuệ hành. Một khoa sau là Giả tưởng, là cảnh của giúp đạo quán thuộc Hạnh hành. Chín hàng văn kinh này đã có sự nối liền nhau mà lại nói "Vì bốn đại dường như khó phân biệt" nên Đại sư so sánh ba khoa trước với một khoa sau mà nói về chánh và trợ để phân biệt chúng ta. "Lại nữa, một khoa trước": Tức là lấy một khoa đầu tiên trong số ba khoa của Tập cảnh với Giả tưởng của khoa sau để nói về sinh diệt. Vì một khoa ở trước nói rằng "Từ sự hòa hợp của nhân và duyên mà có" đồng thời cho rằng "đất, nước, gió, lửa nhóm họp mà thành lập", một khoa sau nói "Lúc hạt giống nước, lửa và gió tản mát, diệt hoại"; như vậy, lẽ nào lại chẳng phải tướng sinh diệt của bốn đại ư? Nhưng sở dĩ nói rằng "Sinh diệt đều từ sự vô minh của hạt giống" là vì muốn làm sáng tỏ sự sinh diệt này không lìa mê tối và luống dối. Do đó, đối với giai đoạn sinh ở trước thì nói là "Vì vọng tưởng nên sinh khởi"; đến giai đoạn Diệt ở sau thì nói là "Lúc tản mát và diệt hoại là chết"; đến phần phối hợp của chi thì nói "lo buồn khổ não", đó là quả Vô minh và cũng là nhân vô minh. Vì vậy, luận chép: "Già chết có quả, đó là Vô minh, Vô minh có nhân, đó là chỉ cho già chết". Do đó, sinh diệt đều xuất phát từ vô minh.

Hai là "Nếu trực tiếp v.v..." trở xuống là đối với Tiểu thừa mà nói: Vô minh sinh diệt như đã nói ở trên thì giáo lý nào mà không như vậy? Nếu muốn biết rõ thì phải nói về Tiểu và Diễn. Tiểu thừa nói rằng bốn đại thật sự sinh ra từ Vô minh và từ Vô minh mà diệt. Giảng nói bốn đại cùng có, vì thế của bốn đại thuộc Thông giáo trong ba loại giáo vốn là không. Vốn chẳng sinh diệt, do Vô minh nên thấy có sinh diệt; sinh của như huyễn, diệt của như huyễn. Thể của bốn đại thuộc Biệt giáo là Phật tánh. Do Vô minh nên bốn đại sinh diệt; Tánh chẳng sinh diệt nhưng tướng thì có sinh diệt, thể của bốn đại thuộc Viên giáo cũng là Phật tánh. Nhưng tánh vốn có đủ cả chín cõi, vì là bốn đại. Chín và bốn đại hoặc sinh hoặc diệt đều là pháp giới. Do đó, cả tánh và tướng đều bất sinh diệt, sinh diệt này không thể suy nghĩ bàn luận. Vì thế, kinh Pháp Hoa nói rằng "Tướng thế gian thường trụ". Nghĩa của câu ấy đã như vậy thì giải thích ba giáo đều được sáng tỏ về "Vốn bất sinh mà sinh, Vốn không Diệt mà diệt. Sinh diệt chẳng hai mà hai". Nay đã chẳng phải Thông và Biệt thì tất nhiên là nói theo Viên.

Kế là Từ "Các v.v..." trở xuống là tùy theo văn để giải thích nghĩa, có ba:

- Nói về tướng tập khởi, có hai:

- Y theo Sinh và Pháp để giải thích, có ba:

Một là phân biệt khổ từ Tập: Khổ là quả thế gian, Tập là nhân thế gian. Nhân quả đó đều sinh ra từ nhân duyên. Sự giải thích của hôm nay tuy liên quan đến quả khổ nhưng thật ra ý của sự giải thích ấy là làm sáng tỏ về nhân duyên của Tập.

Hai là "Ba loại trước v.v..." trở xuống là chia câu đối nghĩa.

Ba là "Tiểu thừa v.v..." trở xuống là phá nhân duyên của Tiểu thừa, có hai:

Một là nói về Tiểu thừa: Câu-xá nói: "Cực vi chẳng phải là vàng, cây, cỏ, dê, trâu, bụi v.v..." Tiểu thừa Hữu nên cho là Cực vi. Vì bắt đầu có mười phương phần nên chẳng phá Lân hư. Lấy đó làm nhân duyên.

Hai là "nay nói rõ v.v..." trở xuống là bác bỏ sai lầm. "Bụi nhỏ cũng hết": Lân hư cũng phá. Hai trần đã phá nên nhân duyên cũng không thành.

Kế là "Nói nhân v.v..." trở xuống là y theo Sinh và Pháp để giải thích, có:

- Nhân duyên của giả danh, có ba:

Một là giải thích: Từ các thứ nhân duyên này nên dùng luận Khởi Tín để nói: "Vô minh làm nhân sinh ra ba tế, cảnh giới làm duyên ra sáu thô mới trọn vẹn. Ý của Sớ nói ba tế là Nghiệp tướng, Chuyển tướng và Hiện tướng. Tức là căn bản bất giác huân tập chân như sinh ra ba tướng. Vì vậy, Đại sư nói: "hoặc bên trong của Vô minh là nhân". Nói sáu thô tức là nói về trí tướng, tương tục tướng, chấp thủ tướng, kế danh tự tướng, khởi nghiệp tướng và nghiệp hệ khổ tướng. Tức là Chi mạt bất giác khởi lên trí tướng v.v... đối với cảnh giới bên ngoài. Hai thứ chấp là Sinh và pháp gọi là ái nhiễm, đắm nhiễm đối với sự xúc chạm ở bên ngoài. Vì hai thứ bất giác huân tập vào hai thứ tâm chấp đắm thành khởi nghiệp. Vì thế, Đại sư nói "Do Vô minh nhuận ái tập mà nghiệp khởi lên". Bỗng nhiên đều không phân biệt được, mê pháp giới của một mà thành Vô minh. "Nội hoặc, v.v..." lẽ nào có khả năng làm sáng tỏ không tuệ của Trung đạo hôm nay.

Hai là "Vì nghiệp v.v..." trở xuống là giải thích về hòa hợp mà có: "Vì nghiệp khởi": Tức là khởi lên nghiệp tướng. "Thì có v.v..." trở xuống tức là nghiệp hệ khổ tướng. Ở đây nói quả của khổ tức là "Bám víu vào ấm mà thành người thuộc giả danh".

Ba là "Một này v.v..." trở xuống là giải thích: "Không chắc, Thật. Do vô minh, ái": Hai thứ bất giác làm nhân, tức là tâm thuộc chủ thể

Sinh. Một niệm gá thai là quả Bất giác, gọi là tâm thuộc đối tượng được sinh. Chấp đắm nhân quả gọi là Bổn và Mạt. Đã là bất giác thì lẽ nào lại Chân Thật. Vì thế, Đại sư nói "Đều là luống dối không chắc, thật".

Kế là "Vọng tưởng v.v..." trở xuống là Thật pháp, nhân duyên cũng là vọng tưởng: Một niệm gá thai so với trước là chẳng khác. Nhưng, trước thì Thành đối với người thuộc giả danh mà nay thì Thành đối với thật pháp. Giả và Thật hòa hợp mà thành một báo thân. Nhờ tu tập hai thứ không mà phá được hai thứ chấp nên chia làm hai cảnh. "Chủ của máy móc": Như sự chuyển động của người giả bằng tượng gỗ có máy móc. Chủ tức là người điều khiển máy móc. Vì thế, dùng nghiệp nhân dụ cho tượng gỗ là cái được điều khiển. Lấy ấm quả dụ cho Sắc. Vì ấm giống như hình chất của tượng gỗ nên nói là đầy đủ máy móc. Ba ấm như động tác đi, lại của tượng gỗ. Ấm như người xem, cho nên nói là "Để tự vui đùa".

Kế là "Tùy thời v.v..." trở xuống là nói về sự cắn nuốt, của Tập tướng, có hai:

Kế tiếp là Nhân quả đối thích, lại có:

Một là giải thích: "thêm bớt tàn hại, chiều dọc y theo mười thời": Đại kinh chép:

1. Đắc dị của Ca-la-la.
2. Thời dị của A-phù-đà.
3. Thời dị của Bế thủ.
4. Thời dị của Pháo.
5. Thời dị của Sơ sinh.
6. Thời dị của trẻ thơ.
7. Thời dị của Đồng tử.
8. Thời dị của Niên thiếu.
9. Thời dị của thanh niên.
10. Thời dị của già chết.

Lại, niệm niệm sinh diệt tuy ở tại tâm, nhưng chúng ta phải biết rằng bốn đại cũng có thêm bớt. Lại, vì các căn mới gọi là lúc sinh, nên lúc các căn chết lại ăn uống để bồi bổ máu, thịt làm mắt, nước mắt, lỗ tai v.v...

Kế là "Thí như v.v..." trở xuống là giải thích về "Bốn con rắn trong một cái hũ nhỏ, lại có:

- Nói về bốn con rắn, có hai:

Một là y theo quả báo rắn để nói về bốn tướng: Rắn có các thứ quả báo như lực, đối địch, ốm và tuyệt v.v... có thể làm thí dụ cho bốn

tướng thêm bớt của sinh, già, bệnh, chết.

Hai là "Như đó v.v..." là y theo nhân của rắn để nói về bốn phần: Bốn phần phiền não đều có độc hại tức là rắn. Do nhân đó mà chiêu cảm bốn tướng của bốn đại, như sau:

- Chỉ bày riêng về sự chiêu cảm quả báo của bốn phần, có hai:

Một là Nói về sự sinh ra bốn đại.

Hai là "điềm lành v.v..." trở xuống là nói về bốn tướng: kinh nêu ra ba tướng. Sớ dùng Đẳng phần làm lệ chung đến tướng sinh.

Kế là Tổng kết về nghiệp của Tập đưa đến khổ. Sự giải thích về bốn con rắn ở trên tuy có nói về quả báo của khổ, nhưng vì ý là nói về nhân duyên của tập nên Đại sư Tổng kết rằng "Tướng của tập nghiệp là cắn". Khiến cho Đại thêm bớt, công được quy về tập, là ý chính của kinh.

Kế là Nói về "Cùng một hũ nhỏ", có hai:

Một là y theo Thân là hũ nhỏ. Thích tức là làm độc. Kinh nêu bốn con rắn để dụ cho bốn đại, ý là để sáng tỏ bốn phần có nghĩa của độc hại. Một phần có hai muôn một ngàn, bốn phần có tám mươi bốn ngàn, từ vô lượng kiếp đến nay sở dĩ tuệ mạng của pháp thân bị mất là do chúng. Đó là ý "Thân giữ bốn đại, Đại không khởi Tập, rắn không có nghĩa của độc, như chim ở trong lồng" mà Đại kinh có nói. Văn tiếp theo sẽ nêu lại. Vì giải thích sơ lược nên chú "v.v...".

Hai là "Lại dùng v.v..." trở xuống là y theo nghiệp là cái hũ nhỏ: Vì Túc nghiệp vẫn còn nên bốn đại chưa tan rã. Lại nêu cái lồng chim để làm sáng tỏ về nghiệp, cái hũ nhỏ. Chúng ta nên biết rằng ý của bản sở ngày nay nêu nghiệp, giữ gìn Đại là làm sáng tỏ về Tập nhân, vì thế gọi là chim tâm. Chim dụ cho bốn phần rong ruổi theo sáu trần bên ngoài, thường tìm cầu sinh tử chứ không an định pháp thân. Nếu niệm nào của người cũng nghĩ đến việc phá giới tức là mong cầu địa ngục, tiêu diệt hẳn năm phần, nghiệp người của đời trước vừa hết thì rơi hẳn vào Nê-lê.

Thứ đến giải thích về tánh của Đại đều khác nhau, có hai:

Một là y theo một thân để giải thích. "Tánh khác v.v...": Tuy nói rằng bốn đại hòa hợp làm thành thân, nhưng vì tánh của đại đã khác nhau thì làm sao hợp thành được? Đây là làm sáng tỏ vấn đề trong thành lập tức có hoại. Vọng tình chẳng biết đối với hoại nên chấp sự hợp thành, bao bọc và chấp mắc Tập của Sinh. "Bốn Đại đối với bốn phương": làm sáng tỏ về bốn Đại ở bên trong có Tánh của bốn phương. Vì bốn phương Thăng và Giáng nên chúng ta nghiệm ra rằng Đại trái

ngược nhau. Ý của "Đối với thời, Đối với Duy" cũng giống như vậy. Vì thể Tánh của bên trong cùng thời, phương ở bên ngoài vốn là một. Vì thế, nghĩa của Y, Chánh, Sắc, Tâm, Chiêu cảm thành nghĩa. Do vậy, kinh nay đặc biệt dùng bốn đại để làm rõ về nghiệp của Tập.

Hai là "hoặc nói v.v..." trở xuống là y theo sáu căn để giải thích: Bởi sáu căn đều là bốn đại tạo sắc.

Kế là Giải thích về diệt tất cả không còn dư. Cho đến "Cũng lấy người chết thì bốn đại phân tán liền nói rằng hơi thở, gió, hơi nóng, khí lực đã trở về phần trên; xương, thịt, máu, mồ hôi thì quay xuống dưới". Cho đến "Tìm kiếm đều không có chỗ đi, vì vốn không đến. Nếu có đến, đi thì chẳng phải giáo lý của nay.

Tiếp là "Nếu quả v.v..." là kết do nghiệp của Tập: kinh nêu lên sự thăng trầm của bốn đại càng lắm chính là muốn nói về Thiện ác của Tập cảnh khác đường. Vì bốn đại không chỉ là ác mà còn có cả thiện hữu lậu.

Kế là nói về cảnh Thiện ác của Tập, có ba:

Một là Giải thích tâm thức: Người học về Tông nay phải biết về Cảnh và Quán. Nếu nói về Quán thì phải hiểu rõ ba Thức, là Thức thứ chín là Yêm-ma-la, là thức bất động. Thức này tương đương với Chánh nhân, Phật tánh. Có thể làm phép quán của trung. Thức thứ tám là A-lại-da, là thức vô ký vô minh. Tánh của Vô minh là Liễu nhân Phật tánh, có thể thực hành phép quán Không. Thức thứ bảy là A-đà-na, là thức phân biệt, vì là tánh của hoặc nên tương đương với Duyên nhân Phật tánh, có thể thực hành phép quán về Giả. Ba thức này đã không hai, không khác với ba đức nên là kho bí mật. Do đó chúng thâu nhiếp tất cả các pháp và hiện hữu khắp nơi. Người tu tập phép quán của Viên chắc chắn biết được không có một tâm, một trần nào chẳng phải là ba thức. Tức là Lý siêu việt thuộc đối tượng được hiển ra lại là phép quán siêu việt thuộc chủ thể quán. Nếu nói về Cảnh thì chỉ quý cái gần, cái chủ chốt, chỉ lấy thức của kiến tư thuộc thức thứ sáu để làm cảnh giới. Vì biết ba thức siêu việt chưa bao giờ tạm lìa một kiến, một tư, nên ngay nơi tâm này mà lập ra ba phép quán vượt hơn để làm sáng tỏ về ba đế siêu việt. Tuy chỉ là một thứ Thức nhưng chẳng hề không dùng ba Thức mà làm phép quán, chưa từng không dùng ba Thức để làm Cảnh. Nếu nói rằng Tông chỉ của nay không làm sáng tỏ về ba Thức mà chỉ làm sáng tỏ về Lý của ba đế đối với Thức thứ sáu thì sự giải thích tựa đề của nay và sự mầu nhiệm kia chỉ bày về ba thức là ba phép quán vượt hơn làm sao có thể dùng được? Thì lấy cái gì ở một thức tâm mà làm ba đế

ba quán. Vì vậy, nếu không có cái thấy thuộc thông suốt thì khó bàn về Tông chỉ của Viên. Nay vì làm sáng tỏ cảnh của Tập nên dẫn Lý có cả cả Tiểu của luận văn. Chỉ phân biệt một pháp có ba khả năng của tâm, ý, thức mà lập ra ba tên gọi. "Đối số gọi là Tâm": Vì đối với tất cả số, các Đại đi chung v.v... nên gọi là Tâm Vương. "Thường sinh gọi là Ý": Ý là chỗ nghiệp y cứ. Nghiệp y theo ý nên thường sinh khởi tất cả nhân quả. Vì nó có đủ ba Tánh, "Phân biệt gọi là Thức": Vì nó nhận thức được về cảnh thuộc sở duyên nên gọi là Thức. "Lại nữa, nói v.v..." trở xuống tuy chỉ là một thứ Thức nhưng y theo sự khác nhau của ba thời mà lập ra ba tên gọi, không giống nhau với nghĩa, chỉ y theo một thời có đối số thường sinh ra sự phân biệt của sự giải thích ở trước. Trước là giải thích theo nguyên tắc chiều ngang. Ở đây giải thích theo nguyên tắc chiều Dọc. Đầu tiên là sinh khởi Cực vi, kế là khởi sự chấp đấm dần dần. Sau cùng, khởi sinh lại càng rõ ràng hơn. Như vậy lẽ nào lại chẳng phải chiều Dọc?

Kế là giải thích về hai tánh: Tánh có hai nghĩa:

Một là Chân Lý không thay đổi gọi là Tánh.

Hai là theo duyên nhiễm tập gọi là Tánh. Sự nói về Tánh ở đây là y theo Tánh thuộc Nhiễm tập. Hai tánh ấy hiện hữu khắp tâm, ý, thức. Mỗi loại đều có hai tánh ấy.

Thiện là giải thích về thô tháo, loạn động, có hai:

- Chính là giải thích về thô tháo, loạn động.

Một là y theo tâm Vương và tâm Sở để giải thích.

Hai là "Lại nữa, như v.v..." là y theo sự lôi kéo của nghiệp để giải thích, có hai:

Kế là nói về sự lôi kéo của nghiệp, có hai:

Một là Nói về hai thứ lôi kéo.

Hai là "Cũng là v.v..." trở xuống là giải thích theo lệ chung về tùy nghiệp, tức tương đương với bốn câu. Nếu hiểu được hai thứ lôi kéo tức là biết được thọ báo.

Kế là "Thủy, hỏa v.v..." trở xuống là nói về Cảnh của giả tưởng, có hai:

- Chính là giải thích về tướng, có hai:

- Giải thích lúc tản mát, hoại diệt, có hai:

Một là giải thích Bất tịnh của Đại và Tiểu: Vì phá được dục tình giúp cho Chánh quán được lập ra nên gọi là giúp đạo.

■

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 4
(Phần cuối)

Hai là “Nếu chính v.v...” trở xuống là nói về công năng, lại có:

- Nói về việc phá dục để giúp cho Chính, có hai:

Một là Chỉ bày sơ lược.

Hai là Chỉ bày chi tiết, có ba:

Một là dẫn Thích luận để làm rõ về Chính: “Ba thứ giải thoát”: Đó là Không, Vô tướng, Vô tác. Từ ba quả được chứng mà gọi là cửa giải thoát. Giải thoát và Niết-bàn tuy là hai tên gọi nhưng thể chỉ có một. “Đạo phẩm là pháp mở cửa”. Tiểu thừa thì dùng mười sáu phép quán làm ba cửa giải thoát. Phẩm ngày nay thì lại Chính là Không, Chính là Giả, Chính là Trung để làm ba cửa giải thoát. Muốn mở cửa này thì hành giả phải dùng Đạo phẩm điều phối mà tu tập. Như dùng bốn thứ Niệm xứ để tu tập Chính là Không, Chính là Giả, Chính là Trung và bốn Chánh cần. Cho đến điều phối tám Chánh để tu tập cũng giống như thế. Nghĩa của sự điều phối bảy khoa thuộc ba thứ giải thoát ở Tiểu thừa cũng giống như vậy. Nghĩa là đều lấy đạo phẩm làm pháp mở cửa. “Chín thứ tưởng là”:

1. Tưởng trương phình.
2. Tưởng hư hoại.
3. Máu loang lổ.
4. Mủ rửa nát.
5. Bầm tím.
6. Ăn.
7. Tản mát.
8. Xương.
9. Thiêu đốt.

Nếu theo Tiểu thừa thì có hai thứ người:

Một là Người thuộc Hoại pháp, chỉ cầu dứt khổ thì chỉ tu đến loại tưởng thiêu đốt, thành người của Tuệ giải thoát.

Hai là Người thuộc bất hoại pháp, chỉ trụ ở tưởng xương mà không tiến đến tưởng thiêu đốt, có xuất ra ánh sáng v.v... có đầy đủ công đức, thành người thuộc Câu giải thoát. Nay nói về Bồ-tát thấy Thật tướng của Thiền gọi là tu đạt thiền, khác hẳn với Tiểu thừa. Tuy Đại, tiểu có khác nhau nhưng đều dùng Bất tịnh để giúp cho sự khai mở ba cánh cửa giải thoát.

Kế là chỉ bày sự tiến tu để nói về sự lớn lao của lực. Đầu tiên là tu tập bất tịnh, tiến lên tám bối và hoàn toàn Bất tịnh. Sở dĩ nói lớn là vì nếu chỉ quán Chánh báo của thân mình và thân người thì gọi là bất tịnh ở phạm vi nhỏ, tức là chín quán tưởng. Nếu quán cả y báo gọi là hoàn toàn bất tịnh. Đó là "Nhà như gò mả", "Tiền bạc như rắn chết", "canh như nước tiểu", "cơm như dòi tửa" "áo như da hôi thối", "Núi như đống thịt", "Ao hồ như sông mủ", "Vườn rừng như xương khô", "Sông biển như giòng nước ô uế" v.v... Tất cả đều hoàn toàn bất tịnh, cùng còn gọi là "Xả bỏ hoàn toàn". Bối tức là quay lưng với năm thứ dục tinh khiết. Xả là xả bỏ tâm chấp đắm.

Kế là dẫn sự làm sáng tỏ về đối trị của Đại kinh để nói về muốn được giải thoát, năng lực đối trị mạnh thì mau chóng phát khởi vô lậu.

Kế đến là "Không này v.v..." trở xuống là nói về Trợ và Chính của hai không, có ba:

Một là Y theo nghĩa để chỉ bày chung.

Hai là dẫn kinh để chỉ bày riêng. "Tám thứ sắc xuất ra ánh sáng": Đó là tám thứ sắc gồm đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ và trắng. Pháp Giới Thứ Đệ nói: "Thấy sắc của đất như đất Vàng, Xanh trong sạch, thấy sắc của nước như nước sâu lắng trong, thấy sắc của Lửa như lửa không khói thanh tịnh, thấy sắc của gió như gió không bụi trong sạch, Thấy sắc của màu Xanh như núi Kim Tinh, thấy sắc của màu Vàng như hoa Bồ-bặc, thấy sắc của màu đỏ như ráng đỏ vào sáng mùa Xuân, thấy sắc của màu trắng như tuyết kha bối.

Ba là "Đó là y theo v.v..." trở xuống là kết thành trợ chính, để đối trị dục: Tu tập thiền mà dùng Chánh quán của Nhị không để biết rõ cảnh bất tịnh. Vì là pháp giới nên chẳng thấy người giả và thật pháp ở xương, ánh sáng. Phối hợp Chính và Trợ này để tu tập mới là pháp giúp đỡ cho sự khai mở của Đại thừa.

Thứ đến là nói về quán nhị không của Sinh và Pháp, lại có:

- Chia văn lập nghĩa, có hai:

Một là chia văn.

Hai là Lập nghĩa, gồm có:

- Nói về đế và duyên vốn là đại, có hai:
- Nói về thông với đại, có bốn:

Một là y theo chuyên ở Tiểu để hỏi: Nay nói về không của Viên thì làm sao được dùng bốn đế của Thanh văn và Nhân duyên của Bích-chi-phật?

Hai là y theo chung với đại để đáp: Đức Phật nói về Đế và Duyên là che chở có cả Nhị thừa, Bồ-tát của Đại và Tiểu. Vì chúng có ở cả bốn thứ giáo. Như con đường lớn của thế gian, những người nhỏ kém cùng đi chung chứ không nhất định là thuộc người nhỏ bé.

Ba là Hỏi lại tức là ý chung "Thế nào là bốn chữ".

Bốn là "Niết-bàn v.v..." trở xuống là giải thích chi tiết, có hai:

Một là Nói về đặt tính chung của bốn đế: "Thuở xưa, ta v.v...": Thuở xưa là lúc còn là phàm phu, vì đối với ba thừa Đức Phật không thấy chân lý của bốn thứ bốn đế nên lại trôi lăn trong sinh tử phần đoạn. Vì văn của kệ chưa hoàn tất nên nay dẫn ra đầy đủ. Do đó, Đại sư chú, "v.v...". Phàm phu có khổ nhưng không có Đế": Tuy bị đau khổ dữ dội nhưng lại không cho đó là điều đáng lo lắng, vì họ không nhận biết rằng đó là khổ. Do đó, Thanh văn vừa có khổ, vừa có Đế. Đây là tương đương với sự không hiểu được Vô sinh của ba tạng, cho nên nói là khổ. Vì có thể xét biết nên gọi là Khổ đế. "Bồ-tát v.v...": Ba thứ giáo là Thông v.v... đều đạt được Như huyễn, đều thoát được khổ, ở chỗ không có khổ. "Nhưng có Chân-đế. Sớ của Chương An nói: "Chân là Chân thật, vì vậy, biết chính là hai thứ chân thật của thứ lớp và không thứ lớp. "Chư Phật v.v...": Quả Phật là Tròn đầy, cùng cực, rốt ráo thật. Qua đó, chúng ta biết rằng trí bốn thứ giáo tuy có cạn, sâu nhưng đều y theo bốn đế. "Sở dĩ v.v..." trở xuống là lại trích dẫn hai thứ bốn đế để giải thích thành hai ý trước. "Nhị thừa v.v..." có hạn lượng: Vì Tạng và Thông chẳng biết Như Lai tạng nên bốn đế được quán sát cuối cùng thành có hạn lượng. Vì Bồ-tát thuộc Biệt và Viên biết được Tạng tánh nên bốn đế được quán sát đều là vô hạn lượng "Nhưng gồm có hạn lượng": Vì sâu thì chắc chắn biết được cạn. Hành giả Biệt giáo quán lượng và vô lượng theo thứ lớp. Hành giả của Viên quán sát bốn thứ bốn đế trong một niệm.

Hai là "Đại kinh v.v..." là nói về nhân duyên chung với bốn đế: Vì đều quán sát mười hai nhân duyên nhưng do trì có sâu cạn khác nhau nên đạt được đạo Bồ-đề có bốn thứ cao thấp. Ý của bốn trí ở kinh kia là làm sáng tỏ về bốn giáo. Vì vậy, chúng ta biết rằng nhân duyên không thuộc về Tiểu thừa.

Kế là "Lại có v.v..." trở xuống là nói chỉ có Đại, gồm có:

- Nói về vấn đề chỉ là pháp của Bồ-tát, có hai:

Một là Dẫn kinh: "Nho đồng": Nho tức là Nhân (lòng nhân). Tức là nói đồng tử Nhân, Hiền. "Tập-Ứng": Tức là tu tập ứng hợp với vô tướng. Bốn đế, Nhân duyên, mỗi loại đều nêu lên đầu và cuối mà đều lược bỏ phần giữa. Vì vậy, Đại sư nói "Cho đến Đế Duyên". Đã là pháp nhẫn là pháp tương ưng của Bồ-tát nên chúng ta suy ra rằng Nhị thừa của Lý sâu không sánh bằng ba loại Thông và Diễn. Nay dùng sự tương ưng của Đế, Duyên thuộc Viên giáo mà làm thành Không tuệ ngày nay.

Hai là "Nên biết v.v..." trở xuống là kết thúc sự chỉ bày.

Kế là Nói về cái thấy cạn cợt của Nhị thừa, có ba:

Một là Nói về Thanh văn: Nếu so với nhân duyên thì tức là dùng bảy chi mà làm chung một thứ khổ, vẫn dùng năm chi làm chung một tập. Lại nữa, Khổ và Tập không chia ra quá khứ, vị lai mà chỉ sơ hiện tại có tính cách chung. Vì căn tính chậm lụt nên Pháp tướng sơ lược chung.

Hai là Nói về Bích-chi-phật: mở ra tướng chung của Thanh văn thành tướng riêng. "Năm của hiện tại": là Thức, Danh sắc, sáu nhập, Xúc và Thọ. "Hai thuộc Vị lai": là Sinh và già. Chết là Khổ thuộc tướng riêng. "Hai thuộc quá khứ": đó là Vô minh và Hành. "Ba thuộc hiện tại": Đó là ái, Thủ và Hữu. Đây là Tập thuộc tướng riêng. Lại mở rộng ba đời không chỉ có hiện tại. Vì vậy, Đại sư nói "Sơ lược quả và Nhân, trong phần mở rộng có thể so sánh ba thứ". Như vậy thì ba đời đều có mười hai chi. Vì dùng phước để tài bồi cho Trí nên được quán riêng.

Ba là "Tuy là v.v..." trở xuống là bác bỏ về cạn, có hai:

Một chính là bác bỏ Nhị thừa: Vì ba môn học được tu tập là không vì chúng sinh, không thành tự pháp của Phật nên gọi là tự điều phục, tự độ. Đại luận chép: "Giới của Nhị thừa gọi là tự điều phục. Định gọi là Tự độ, Tuệ gọi là tự thanh tịnh. Duyên giác tuy có chút phần Từ bi nhưng vì không thể làm lợi ích rộng lớn nên cũng gọi là Tự.

Hai là "Cùng Bồ-tát v.v..." trở xuống là so sánh để làm rõ vấn đề Bồ-tát chưa chia ra Quyền và Thật mà chỉ là Bồ-tát khác với Nhị thừa.

Thứ đến là "Nay nêu v.v..." trở xuống là nói về tích và Thể khác nhau, có hai:

Một là y theo cùng ở ba thừa để nói về quán thuộc tích.

Hai là y theo Bồ-tát thuộc không cùng chung để nói về quán thuộc Thể: Thật sự có dứt trừ không là tích, Hữu thuộc huyễn chính là không,

gọi là Thể, các bản văn có nói. Nay nói Hữu thuộc Huyễn chính là Trung gọi là Thể, tức là dùng Thật diệt và Không của huyễn để gọi là tích. Vì chưa đạt được thật thể của các pháp nên nghĩa của Thể không thành tựu. Do nói rằng các pháp cuối cùng là vô thường nên chỉ là nghĩa của Chiết. Nay nói mỗi pháp trong các pháp đều Thường trụ. Đã thấy được thật thể của pháp nên gọi là Thể siêu việt. Nghĩa đầu tiên chia như sau:

- Giải thích riêng, có hai:
- Y theo Nhị thừa để nói về quán, có hai:
- Phép quán Sinh không, có hai:

Một là Nêu thí dụ để suy.

Hai là "Ngã nhân v.v..." trở xuống là đứng về pháp để xem xét: Vì mỗi loại đều suy về không nên dẫu có hợp lại cũng là không. Vì nhóm họp hư không để làm thành Sắc. "Chính là ấm v.v..." trở xuống là lại xem xét ngay nơi lìa khiến khó được.

Kế là "Tuy cầu v.v..." trở xuống là pháp quán không, có hai:

Một là Nói pháp tồn tại: Nối tiếp thí dụ trước để làm sáng tỏ về người không còn nhưng Pháp vẫn hiện hữu.

Hai là "Lại phải v.v..." trở xuống là dùng quán để phân tích, có hai:

Một chính là nói về loại suy Pháp không: Trước khi chính thức xem xét Pháp không thì đầu tiên là phân tích Sắc ấm. Kế đó, "Niệm trước v.v..." trở xuống là phân tích bốn ấm, không có Tưởng và Thọ là vì xếp chúng vào Hành và Thức.

Hai là "Đã không v.v..." trở xuống là kết cả hai thứ không: Tuy có trí nhưng nếu không có cảnh thì trí sẽ tự mất. Vì vậy, cả cảnh và trí đều nói là "Không đạt được".

Kế là "Chung với Bồ-tát v.v..." trở xuống là lấy Bồ-tát để làm lệ có cả kết: Trước đây nói về quán của tích là Pháp của ba tạng. Vì đối với phẩm này, quán của Thể thuộc về Viên nên xếp Bồ-tát độn căn của thông giáo chẳng thể thể nhập Trung, cũng thuộc vào phép quán của tích. Do đó, Đại sư nói "Bồ-tát cũng như vậy".

Kế đến là "Đó là v.v..." trở xuống là tổng kết vì sao nói tự hành, vì người khác khác nhau" là bởi Bồ-tát Thông giáo đối với hai thứ quả của Nhị thừa mà chia thành hai hạnh.

Thứ đến là y theo Bồ-tát thuộc về không chung để làm sáng tỏ phép quán của Thể, lại có:

Một là Chỉ bày chung về sự khác với trước: Nói khác Bồ-tát không

có nghĩa là Biệt giáo mà là hành giả của Viên khác với Thiên và Tiểu nên gọi là Biệt. Vì thế, Đại sư nói là “khác hẳn nhau”.

Hai là “Như thấy v.v...” trở xuống là nói kỹ về tướng của quán, có:

- Nói về Pháp của thể thuộc về không siêu việt, có hai:

Một là Lập dụ để làm sáng tỏ: Nhưng văn Ví dụ gương mà bóng có lạm với Thông. Người học phải biết là ý của Viên. Thông của có sáu cõi để làm gương và bóng. Biệt và Viên gồm mười cõi để làm gương và bóng. Tuy Biệt là mười cõi nhưng chín cõi là do tu mà thành. Vì tu mà thành là không thật nên giống như gương và bóng. Viên thì biết rằng Tánh đức của mười cõi là sẵn có. Vì sẵn có, đoạt sự tu thành không có công đức nên như gương và bóng. Môn không hai chép: “Nhân của Huyễn đã tròn đầy nên quả của gương và bóng tròn đầy. Vì giải như thế nên nói “Huyễn thể, Thể chỉ là giải”. Trong gương ngoài gương”: Giải thích do nhân duyên hình thành tức là nắm tay trong gương chỉ cho không thật. Cũng giải nhân duyên thuộc năng thành tựu tức là nắm tay ở ngoài gương chỉ cho tính không thật.

Hai là “Chúng sinh v.v...” trở xuống là đứng ở pháp quán, lại có:

- Nói về Sinh và Pháp đều không, có hai:

Một là nói về quán: Nào là Giả, nào là Thật đều vốn bất sinh. Không thì đều là không.

Hai là “Như đại v.v...” trở xuống là dẫn chứng: Ngã là Giả nhân, Sắc là Thật pháp. Hai tánh đều là không, Nhân và Pháp chẳng khác nhau. Vì thế gọi là “Như”.

Kế là “Đời nay v.v...” trở xuống là cả nhân và quả đều vắng lặng, có hai:

Một là Nói về quán: Năm thứ quả đã là cái được sinh do nhân duyên nên có thể hợp với nắm tay ở trong gương chỉ cho tính không thật. Hai thứ nhân đã là nhân duyên thuộc chủ thể sinh, có thể hợp với nắm tay ở ngoài gương chỉ cho tính không thật.

Hai là “Văn ở dưới v.v...” trở xuống là dẫn chứng: Đương thể của Giả và Thật tức là Không, Giả và Trung gọi là bản tánh vắng lặng. Từ Vô thỉ gắng gượng chấp chặt gọi là giả thật sinh ra, gọi là do vô minh nên có. Đã biết nhân diệt thì lẽ nào quả lại không diệt.

Tiếp theo là “Tuy bất v.v...” trở xuống là chỉ bày về trí của ba đế siêu việt. Ngay nơi Không, Giả và Trung mà quán không. Vì chính là không nên chẳng đạt được Sinh và Pháp của sáu cõi. Vì chính là Giả nên không đạt được Sinh và Pháp của Nhị thừa. Vì chính là trung nên chẳng

đạt được Sinh và Pháp của Bồ-tát, Phật. Vì quét sạch hoặc của mười cõi nên cả Cảnh và Trí đều gọi là "chẳng đạt được". Nhưng có thể xem xét kỹ lưỡng về Sinh và Pháp của mười cõi hai thứ Cảnh, hai thứ trí đều gọi là thông đạt hoàn toàn. Cảnh là Tục siêu việt, vì không có tướng nên không có cái bị nhiễm. Trí là không siêu việt; vì không có duyên nên chẳng có cái để làm cho trong sạch. Vì không nhiễm, không trong sạch là xứng với hợp với tính chất lìa niệm của Bổn nên cả hai bên cùng biến mất, chính thức đi vào Trung đạo tự nhiên cùng soi chiếu.

Kế là kết sự hiển bày ra tròn đầy của ba đế. Ba đức, ba đế khai sáng ngay nơi Niệm. Nêu một là có đủ cả ba. Thể không có thứ lớp, làm sáng tỏ tính chất không trước sau, không giác ngộ mà giác ngộ, gọi là bậc đại giác ngộ.

Kế đến là "Cùng với đó v.v..." trở xuống là tương ứng với thể của kinh: Đức Phật chỉ bày hai thứ không để làm sáng tỏ Thể của Pháp tánh. Nếu không chiếu soi ba đế thì lẽ nào lại xứng với tính chất vô lượng sâu xa của pháp tánh? Vì thế, chúng ta biết sự giải thích của hôm nay tương ưng với Tánh. Tánh này gọi là kho báu Kim cương. Nếu Chiếu soi nghiêng lệch thì đức không có đầy đủ.

Kế là "Đó là v.v..." trở xuống là y theo người để chỉ bày: Vì vậy, chúng ta biết rằng Thể của nay không chỉ là thể không mà phải thể nhập ba đế mới được gọi là Thể riêng.

Kế là "Các Tiểu v.v..." trở xuống là phê bác sự sai lầm về ý của các sư, lại có:

- Chính là bác bỏ sự sai lầm, có hai:

Một là Bác bỏ các sư Tiểu thừa: Hữu môn của Tỳ-đàm nói là giữ Lân hư. Không môn của Thành thật nói là phá lân hư. Dẫu là giữ hay phá cũng đều là chia chẻ để diệt hai thứ hoặc là kiến và ái. Người mở mang truyền bá sai lầm về ý nên mỗi môn đều sinh ra quan niệm cố định. Vì khởi lên Kiến và Tư nên thuộc về Đoạn và Thường giống như người ngoại đạo kia hoàn toàn chẳng phải là tích thật sự.

Hai là Bác bỏ các sư Đại thừa: Các kinh Bát-nhã v.v... nói về tất cả các pháp như huyễn tức là không. Rốt ráo không này, ba đế lanh lợi, các sư không thấu đạt nên giải thích là Đãn không. Vì chẳng phải chính là giả nên không thể du hý thần thông. Vì chẳng phải trung nên không thể giải thích về tri kiến của Phật. Vì chẳng phải là cái biết của Phật nên không đạt được ba trí một tâm. Vì chẳng phải là cái thấy của Phật nên chẳng thể có đủ năm thứ mắt. Tuy y theo giáo Lý của Đại thừa nhưng Lý thì ngang với Tiểu thừa. Ở trong Tiểu thừa mà giống

với người phá hoại pháp. Tiến tu thiêu tưởng hoại diệt xương người, đã không thực hành quán luyện huân tu thì không cách nào thành tựu được ba minh, sáu thông. “Ba minh”: mắt Trời, Túc mạng, Lậu Tận. Cộng thêm Thiên nhĩ, Tha tâm, Thân như ý thì thành sáu thông. “Nguyện trí đảnh thiền”: Vì thiền siêu việt, vô cùng cao thượng nên gọi là Đảnh. Nguyện muốn biết sự việc ba đời, tùy nguyện cho nên biết, được gọi là Nguyện trí đảnh.

Kế là Dẫn kinh để chỉ bày. Thủ là mở đầu kinh. Tụ là cuối kinh. Pháp thân Như Lai tức là pháp thân về mặt quả, Trí và dứt đều có đủ. Nay, dùng niệm hiện tiền của hai thứ không để tìm cầu. Thể của Niết-bàn vô thượng có đủ ba đức. Đều không hai, không khác với pháp tánh tánh của vô lượng sâu xa. Vì thế, cái được giải thích ở đầu và cuối vô cùng sâu rộng.

Tiếp là “Lẽ nào có thể v.v...” trở xuống là kết luận không dùng: Tà kiến của người đời tức là Chấp đoạn của “Cái không ngu si” và Ngoại đạo chấp đoạn. tích của Tiểu thừa tuy là Chính giáo nhưng vì không có phương tiện Bát-nhã nên rơi vào Đoạn và Thường. Thể pháp của Đại thừa tuy trọn vẹn, đầy đủ nhưng các sư chỉ làm cái Thể của thiên không. Nếu đã đồng với phép quán của Tuệ giải thoát ở Tiểu thừa thì làm sao hiểu được không của chính tức Biên?

Kế là “Thiện nữ v.v...” trở xuống là y theo nghĩa để giải thích văn, gồm có:

- Nói về tu tập nhân. Hai không quán Gồm có:
- Y theo khổ và tập để nói về quán không, có hai:
- Sinh không, có hai:

Một là chia văn.

Hai là giải thích nghĩa, lại có:

- Đối cáo khuyến phát, có hai:
- Giải thích về Thiện nữ, có hai:
- Y theo bốn Tất-đàn để giải thích. Gồm:

Một là Thế giới.

Hai là “Lại nữa, thời v.v...” trở xuống là vì người.

Ba là “Lại nữa, Nam v.v...” trở xuống là Đối trị.

Bốn là “Lại nữa, Phật v.v...” trở xuống là Đệ-nhất-nghĩa.

Kế là “Đó là v.v...” là kết thành nhân duyên. Giải thích về “Nêu quán”.

Kế là “Các pháp v.v...” trở xuống là chỉ cho cảnh ở trên, có hai:

Một là Giải thích các pháp: “Danh mục tuy lược”: Chỉ nói “Các

pháp” tức là đã gồm nhiếp tất cả các cảnh nói ở trên.

Hai là Giải thích về “Như thị”, có hai:

Một là nêu ba nghĩa: “Chính thức nói về quán sát chung”: Hai thứ không quán ở dưới đi qua cảnh của Đế và Duyên để làm sáng tỏ riêng về sự tu tập quán thuộc Không, Giả và Trung. Ba thứ quán này đều được gọi là Cảnh của Đế. Nay, một loại “Như thị” là chỉ bày chung về ba thứ quán. “Có ba nghĩa”. Nêu ở ba pháp, tức là tương đương với nghĩa như của ba quán.

Hai là “Như sự v.v...” trở xuống là chỉ ra và giải thích ba nghĩa, có hai:

Một là Chỉ ra và Giải thích: Tức là chỉ Thượng, Hạ ở trong văn để giải thích tướng của ba pháp. Giả tưởng chỉ cho Thượng, hai thứ khác chỉ cho Hạ. Vì cả Thượng và Hạ đều là Cảnh không thể suy nghĩ bàn luận nên đều chỉ ra là pháp như.

Hai là “Lại nữa, sự v.v...” trở xuống là Dung nhiếp, đầu tiên là Tục, là Trung chân thật. Kế là Trung, tức là Tục chân thật. Sau cùng là Chân, chính là Tục và Trung. Vì dùng ba đức siêu việt làm ba đế nên ba loại này chẳng phải một, chẳng phải khác. Vì Như thị nói là thị nên được gọi chính là giải thích về phép quán chung. Lấy “cũng là một, khác” mà làm các pháp. Đã lấy chẳng phải một, chẳng phải khác làm phép quán thuộc năng quán thì vừa là một, vừa là khác mà là Cảnh thuộc sở quán. Cảnh và quán không hai, cuốn lại và duỗi ra không ngăn ngại nhau.

Kế là “Nơi nào v.v...” trở xuống chính là quán, gồm có:

- Giải thích chung về bốn câu, có ba:
- Y theo hai câu để nói về quán không, có hai:
- Giải thích câu đầu tiên, có hai:

Một là đứng ở năm ấm để quán: Nói “chỉ ra” tức là đã dùng “Như thị” để chỉ bày chung về ba phép quán. Nay vì dùng bốn câu để chỉ bày ba phép quán nên đều nói là “chỉ ra”. Nay vì xem xét không có nghĩa của Người nên tương xứng với lý quán.

Hai là “Lại nữa, Quả v.v...” trở xuống là quán nhân quả.

Kế là “Người đã v.v...” trở xuống là điển hình câu tiếp theo.

Kế nữa là “Bản tánh v.v...” trở xuống là y theo câu thứ ba để nói về trung quán: “Chẳng lấy Bản tánh làm chủ thể quán”. Tức là chẳng phải Trung quán. Nghĩa là tất cả các pháp chẳng phải Lý, chẳng phải Sự gọi là bản tánh. Vì, chẳng có riêng nên Pháp Hoa nói rằng: “Từ xưa đến nay, tự thân các pháp thường là tướng vắng lặng”. Bát-nhã tán

chép rằng: “Pháp giới bình đẳng chân thật. Phật không độ chúng sinh”. Vì vốn chẳng có Vô minh thì lẽ nào lại có chúng sinh? Vốn chẳng có Không tuệ thì lẽ nào lại có Phật? Đã không có chúng sinh và Phật thì làm gì có cái gọi là Độ. Chẳng phải pháp, chẳng phải lập, Song Phi cũng mất gọi là Vốn vắng lặng.

Tiếp là “Vô minh v.v...” trở xuống là y theo câu thứ tư để nói về Giả quán, gồm có:

- Do mê mà lập, có hai:

- Chính là giải thích, có hai:

Một là y theo trực tiếp của Sự và Lý để giải thích: Tuy các pháp tức là bản tánh vắng lặng nhưng do có tánh nhiễm nên khởi lên ô nhiễm thuộc về sự. Do phá nhiễm thuộc Sự nên lập ra không Tuệ. Vì muốn làm tiêu mất cả nhiễm và Tịnh nên lập ra tức Trung. Thuốc và bệnh này đều do Vô minh.

Hai là “dùng hữu v.v...” trở xuống là y theo mê ngộ để giải thích: Sinh và Pháp là sự thành tựu của quả. Vì hoặc nghiệp nên Đại sư nói rằng “Vì có Vô minh v.v...”. “Đã có v.v...” trở xuống là muốn không hóa cả Sinh và Pháp thì phải nói về ba phép quán. “Giúp cho phép quán thuộc về Sự”: Sự thuộc giúp đạo là phép quán thuộc về Tưởng. Tức là Bất tịnh, Lưu dật v.v... Cái giúp cho chính đạo đó tức là phép quán khế Lý của hai thứ không. Tu tập cả hai thứ Chính và Trợ là để làm sáng tỏ một tánh. Vì thế, Đại sư lập ra phép quán chẳng phải Sự, chẳng phải Lý. “Sự đó v.v...” trở xuống là dùng ngày nay để biết về ba mà nghiệm ra rằng Vô minh là sự không biết, thuộc về Sự. “Cả ba đều là Sự”: Tức là ở sự tu tập. Môn không hai chép: “Tuy tu đủ cả chín”.

Kế là “Tịnh danh v.v...” trở xuống là dẫn chứng: Vì bệnh thật sự của chúng sinh mà sinh ra bệnh quyền biến của Bồ-tát. “Thị hiện ý của bệnh”: Tức là vì muốn nói về thuốc của Pháp.

Kế nữa là “Nếu biết v.v...” trở xuống là do ngộ mà đều tiêu mất: Nếu biết không bị bệnh thì dùng ba món thuốc để làm gì. Đó là ý tiêu mất của phẩm Không.

Lại nữa, “Nhưng Ngã v.v...” trở xuống là giải thích riêng về câu thứ nhất, lại có:

- Nói về sự chấp thuộc Người là cái được phá, có hai:

Một là Chỉ bày chung về tướng Ngã: (Ngã) là pháp đầu tiên trong năm trụ, là chủ của ba cõi. Nếu người phá được Ngã thì dù có khởi lên kiết sử đi nữa cũng không đọa vào bốn đường. Vì vậy, Đại sư nói “Sâu nặng”. Tiểu thừa, Đại thừa đều quý trọng Vô ngã. Nếu không dứt trừ

Ngã thì Thánh hiền của bốn giáo đều không có đường nhập vào. Vì vậy, Đại sư nói: “Chướng lớn” “Phàm phu v.v...” trở xuống là nói về chỗ sinh khởi Ngã: Đầu tiên là cùng khắp sáu tác, kế là cùng khắp sáu độ.

Hai là “Nếu nhóm họp v.v...” trở xuống là chỉ bày riêng về lợi độn, có hai:

Một là Độn: “Bám vào di thể của kẻ khác để khởi”: Đó là hoặc thuộc Câu sinh. Cùng sinh ra với thân gọi là hoặc Câu sinh. Như các loài bò bay máy cựa thật sự không tìm tòi về Lý nhưng vẫn giương càng, vểnh râu, trợn mắt tự cho là vĩ đại. Thấp bé, phàm hèn vì sao lại thường chấp cái thấy. Đi, đứng, ngồi, nằm đều khởi tâm Ngã. Vì lúc nào cũng tự khởi nên gọi là Sơ độn.

Hai là “Nếu chấp v.v...” trở xuống là lợi, có hai:

Một là nói về Lợi thuộc một: “Khởi chấp thuộc pháp trần”: Tức là hoặc thuộc phân biệt. Vì đối với ý căn nên gọi là Pháp trần. Vì phân biệt nên sinh ra loại hoặc thuộc mê lý. Đây gọi là Lợi sử. Sơ quả của Tạng, Kiến địa của Thông, Sơ trụ của Biệt và Sơ tín của Viên, đều dứt trừ loại hoặc này.

Hai là nói về tướng trạng, gồm:

- Nói sơ lược về mười Sử, có hai:

- Chính là giải thích về tướng của Sử, có hai:

Một là nói mười là Cành, Lá: “Chấp một pháp”: bất luận là Tà, Chánh, Đại, Tiểu, Thiên, Viên, nếu chỉ chấp một câu tức là sinh ra mười sử. Năm thứ Sử trước là Lợi, năm thứ Sử sau là độn, tức là độn ở trong lợi.

Hai là “mười sử v.v...” trở xuống là nói Ngã là căn bản.

Kế là “Dẫu làm cho v.v...” trở xuống là chỉ bày cả về nhân, có hai:

Một là Nói về có đủ loại tuệ của tà thiền: Trường Trảo tức là Câu-hy-la, là cậu ngài Thân tử. Vì siêng nang học hỏi đến nỗi không rảnh để cắt móng tay nên người đương thời gọi Phạm chí Trường Trảo (Móng tay dài). Ông ấy là người có căn tánh lanh lợi và là bậc cao hiển nhất trong số những người ngoại đạo nên kinh nêu ra. “Diệp phúc” (Bụng có che lá sắt): luận Kim Thất Thập nói: “Trong số ngoại đạo của Ưu-lâu Tăng khư có một người đứng đầu đến nước kim địa. Đầu ông ta đội thau lửa, bụng quấn lá sắt để luận nghị với Tăng”. “Hỏi vặn về đá”: Đại luận quyển hai mươi sáu chép: “Tát-già Ni-kiền-tử vặn hỏi người” v.v... cho đến “Cây, gỗ, ngói, đá chảy mồ hôi v.v...” “Đến Phi tưởng”: Như Uất-đầu-lam-phất vì đã đến Hữu đảnh nên gọi là “Sắp ra”. Vì bị

đọa vào loài chồn bay nên gọi là “Lại quay trở lại”.

Hai là “Như thế v.v...” trở xuống là nói về vấn đề chẳng thể phá Ngã: Còn chẳng phải là nội phạm của Tiểu thừa thì lẽ nào lại ngang với sự phá hủy Ngã của hàng Sơ quả. Hai Lại nói đầy đủ về Ngã kiến: Đó là, tức Sắc là Ngã, lìa sắc có Ngã, Ngã lớn sắc nhỏ, Sắc ở trong Ngã. Sắc lớn Ngã nhỏ, Ngã ở trong Sắc; Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng giống như vậy. Mỗi loại ấm trong năm ấm đều có bốn thứ Ngã kiến nên có hai mươi Ngã kiến.

Kế là “Nếu một v.v...” trở xuống là nói về không tuệ thuộc năng phá, có hai:

- Nói chung về Không tuệ, có hai:
- Đứng ở lập trường cảnh và trí để nói về Sinh không, có hai:
- Chỉ bày riêng, có hai:

Một là tìm ở Cảnh của ấm. Lại đứng ở bốn câu gồm: tức là ấm, lìa ấm, Trung ấm có Ngã, trong Ngã có ấm để tìm kiếm: “Ngã đó không đúng”: Tức là Phép quán thuộc năng phá. Y theo sự phối hợp của nghĩa thì phải nói là cùng khắp hai mươi loại. Vì năng thể quán là tâm ở bên trong. Vì thế, ấm thuộc sở quán gọi là Cảnh ở bên ngoài chứ chẳng phải là thân khác.

Hai là “Nhưng chúng v.v...” là nói về sự kiểm chứng của trí quán sát: năm ấm thuộc sở quán sát đã lập ở năm thì trí thuộc chủ thể quán tự nhiên mà thành năm. Mỗi ấm trong năm ấm đều có bốn thứ trí thì lẽ tất nhiên là sẽ chấp đắm Ngã. Vì thế, hành giả cũng phải phá cả hai mươi thứ thân kiến.

Kế là “Trong và Ngoài v.v...” trở xuống là tổng kết: Lấy Số để làm sáng tỏ quán khiến cho Trí không mất đi.

Kế tiếp là “Tỳ-đàm v.v...” trở xuống là y theo Đại, Tiểu để quán về người và Pháp, có ba:

Một là Tỳ-đàm: “Ngã kiến là nhân của Cộng v.v...” Tức là Cộng nghiệp, Biệt nghiệp. Hợp lại có bốn câu, nói sơ lược thì “Cộng v.v...” là Hữu môn, nói về sự tìm cầu Ngã ở trong ấm. Ngã thì không, ấm lại có; Ngã và Pháp chia ra hai. Vì vậy, ngã kiến suy nghĩ trước sau mà khởi. Ngã tức là chúng sinh. Tư là Thật Pháp. Vì thế, ngộ được Sinh không nhưng chưa được Pháp không.

Hai là Thành thật: Không môn này nói về vấn đề nhóm họp ấm mà thành Ngã. Vì thế, Ngã kiến suy nghĩ khởi lên Thời của không khác. Do đó mà Ngộ cả Sinh không Pháp không.

Ba là Đại thừa: “Ngã kiến có đủ các pháp”: Tục tức là Trong chân

thì pháp nào chẳng có. Tánh của Ngã như Tánh của Sắc, Sinh không tức là Pháp không.

Kế là "Phá hai v.v..." trở xuống là nói riêng về ba quán: Đã nói "Ngã kiến có đủ các pháp" hợp với ba đế mà phá Ngã kiến. Cho nên Đại sư dùng ba câu ở trên để phá, có:

- Chính là phá Nhân ngã, có ba:

Một là y theo Lý quán để kiểm chứng.

Hai là "Nếu làm v.v..." trở xuống là y theo chẳng phải Sự, chẳng phải Lý để kiểm chứng: Ngã kiến tức là Trung thì lẽ nào lại lưu giữ bốn mươi chấp thuộc Cảnh và Trí.

Ba là "Nếu làm v.v..." trở xuống là y theo Sự quán để kiểm chứng: Vì Văn kinh đã nói là "Vô minh", cho nên kẻ có tâm ái chấp mạnh thì phải thực hành quán giúp đạo Bất tịnh. Quán tà kiến, tâm ác là ấm bẩn ác. Nếu là người có tâm lành, thẳng thắn thì hổ thẹn với Nghĩa thiện của bậc Thánh nhập vào phương tiện vị, chưa hiểu rõ Chân lý là làm ẩn tàng, chìm mất ấm. Thiện ác tuy khác nhau nhưng điều chứa phá được kiến thì lẽ nào lại có cái tâm của kiến không y theo Sắc? Vì sắc sẽ bại hoại nên Đại sư nói là "Bất tịnh". Cảnh Bất tịnh thì nơi nào mà gọi là có Người. Nghĩa vị phương tiện của nay tương xứng với năm phẩm.

Kế là "Nếu đạt được v.v..." trở xuống là lại tìm về Ngã, Pháp, có hai:

Một là nói về được ngộ, tìm kiếm Pháp để phá Tư: Tuy quán tu tập viên mãn nhưng hoặc thô thiển thì lại có các hoặc không trừ. Nếu dùng ba quán để xem xét quả thì khó đạt được. Người dứt được kiến hoặc thì đi vào Sơ tín. Kẻ lại ở nơi ba đế mà tu tập hai mươi quán thì phá được Pháp Chấp tức là tư hoặc. Từ vị Nhị tín mà tiến đến Lục tín.

Hai là "Nếu chưa v.v..." trở xuống là nói về chưa ngộ thì tìm Pháp để phá kiến, như sau:

- Chuyển sang Chấp Thật pháp, có hai:

Một chính là nói về Vượt mà đi vào: Phép quán siêu việt phá trừ kiến nhưng chưa trừ kiến hoặc. Tuy chưa trừ được kiến nhưng sự quán sát đã có sức mạnh nên điều phục được ái hoặc đối với giả danh như Ngã chấp vượt mà nhập vào Thật pháp.

Hai là Dẫn kinh và sự việc: "Trùng khuất bộ": Phải do chân trước dời được chân sau mới giả gọi là phục. Hoặc lại khởi kiến đối với Thật pháp như con trùng kia.

Kế là "Phải thật v.v..." trở xuống là khuyên lại tu về quán: nên thực hành hai mươi quán ngay nơi năm ấm để làm sáng tỏ bản tánh của

ngã, làm cho không tuệ sáng ra. Tùy độ đi vào xứ để quán theo gọi là "Thực hành khắp nơi".

Kế nữa là nói về Pháp không, gồm có:

- Y theo văn kinh để giải thích về sự thành tựu ba quán, có hai:

- Chính là giải thích, có hai:

Một là Lập ý chia văn: Ngã kiến chính là có đủ các pháp thì lẽ nào quán về Sinh không mà lại chẳng hóa thật pháp. Vì hạng độn căn chưa hiểu nên nói nay nói lại.

Hai là "Như thị v.v..." trở xuống là tùy theo văn để giải thích nghĩa, lại có:

Trước là nói về ngay nơi pháp là không, có hai:

Một là khi thì về Cảnh và Quán.

Hai là "nếu bốn v.v..." trở xuống là nói về tu quán, gồm:

- Đứng ở pháp để nói về không, có hai:

Một chính là nói về Không: Đuổi theo một để tìm cầu sự kiểm chứng. "Không nên động v.v...". Đất động thì thành tánh của gió. Hơi nóng thì thành tánh của lửa. Sử ký nói: "Dương tiềm phục nên không thể phát ra. Âm ép ngặt nên không thể bốc lên, do đó mà có động đất". Chú: "Chứng tức là bay lên". Mùa Đông tức là hơi nóng ở trong đất. Vì thế, Lễ Ký nói: "Người xưa vào mùa Hè thì làm tổ, mùa Đông thì làm hang". Núi vững chắc thì thành tánh của đất, vì sóng động nên thành tánh của gió. Trinh tức là bền chắc. Tro lửa bền chắc thì thành tánh của đất. Chạm vách rồi ngừng thì thành tánh của nước.

Hai là Dẫn kinh để chứng minh: "Tánh của nước không dừng trụ": Tức là không giữ ẩm thấp. "Lửa từ duyên mà sinh": Đã nương duyên mà sinh thì chẳng thể giữ tánh nóng của nó. "Tánh của gió là không ngăn ngại". Vì không ngăn ngại nên không thể giữ sự chuyển động của nó. "Mỗi một v.v..." trở xuống là vì bốn đại đều không có bản tánh nên đều đi vào bờ mé của như thật. Hai giáo trước lấy không làm như thật. Hai giáo sau lấy Trung làm Như thật. Nay lấy Thật tế của Trung thuộc Viên làm chính.

Kế là "Kiểm chứng phần trên v.v..." trở xuống là đối với Sinh để giải thích về quán.

Hai là "Vốn tự v.v..." trở xuống là nói về ngay nơi Pháp là Trung, như sau:

- Pháp của hai câu vốn tựa Trung, có hai:

Một là giải thích về tánh không sinh diệt: Vì trung đầu tiên chưa chia ra ba làm sáng tỏ đối với Tánh là Trung đạo. "Vốn không có bốn

đại”: Tức là chẳng phải nói rằng chỉ có một mà hoàn toàn không có bốn đại. Bởi vì cả Đại và ấm đều là Như Lai tạng. Vì tánh thể thường trụ, vốn không có tướng sinh nên gọi là “vốn không”. Đã chẳng có pháp Sinh thì sẽ hội hợp với cái gì để gọi là hòa hợp và không hòa hợp. Vì thế nên không thể tan rã, hoại diệt. Do vậy mà chẳng nói về không. Nghĩa của sự bàn luận về Trung như vậy được sáng tỏ.

Hai là “Vốn tự v.v...” trở xuống là nói rằng chẳng phải do quán mà khiến được như vậy: Tướng của thế gian xưa nay vốn thường trụ thì lẽ nào lại dùng trí của quán để chấm dứt sinh diệt, sau đó mới có bất sinh diệt? Đó được gọi là ngay nơi sự là Lý. Cũng gọi là ngay nơi Biên mà là Trung.

Kế là Ba câu làm sáng tỏ do quán để giải thích, có hai:

Một chính là chỉ bày: Tánh tuy vốn vậy nhưng muốn dứt mê thì phải nhờ quán. Sở dĩ nói tánh của Nhân duyên là bởi Dục là nhân, thầy và giáo là duyên. Nhân duyên thành quán đạt được ba đế thuộc bản tánh. Các Đại tức là Không, Giả và Trung. Vì, Từ xưa đã bất sinh.

Hai là Dẫn chứng: Vô minh chuyển liền biến thành minh, gọi là đèn Bồ-đề. Nếu không nhờ năng lực của nhân duyên cảm ứng thì lẽ nào lại dứt trừ Vô minh? Vì thế, chúng ta biết rằng thành Phật hoàn toàn do mượn nhân duyên.

Kế là “Hòa hợp v.v...” trở xuống là nói về ngay nơi pháp là giả, có hai:

Một là Thành sự trái với lý.

Hai là “Pháp đó v.v...” trở xuống là thành sự tu tập thuộc về chiếu soi tánh: “Vì pháp đó có”: Tức là nhân quả của mê mờ đối với hoặc, “Thể có v.v...” Là ba đế. “Tức là Không v.v...” trở xuống là ba phép quán. Cảnh và Quán đều do sự hòa hợp của nhân quả thuộc sự mê mờ đối với hoặc mà có.

Kế là “Ba quán v.v...” trở xuống là kết về quán: Ba đoạn văn kinh hợp với ba quán. Biết Tông chỉ của ngày nay khế hội với tâm của Phật thì lẽ nào chúng ta lại không tin?

Tiếp theo là “Lại thực hành v.v...” là vì hạng độn căn mà lại phá về pháp chấp: Trước đây, lúc giải thích về Sinh không đã nói về vượt mà nhập vào Thật pháp. Có thể hạng lợi căn hiểu nhưng sợ rằng kẻ độn căn vẫn còn mê mờ, cho nên Đại sư lại lấy Vô duyên từ để nói lại về tướng của chúng, như sau:

- Nói về Pháp chấp, có hai:

- Dựa vào Báo để khởi tâm ái kiến, gồm có:

Một là Y theo Đại và ấm để khởi lên bốn chấp: Tất cả ngoại đạo và hành giả của bốn chấp này.

Hai là "Bốn chấp v.v..." trở xuống là do bốn Chấp mà sinh ra thì cả bốn thứ đều thuộc về Hữu. Kiến đã y theo Sắc thì sự hòa hợp tương đương với chính là lìa, Sắc ngã, Ngã sắc. Kiến y theo bốn ấm tức lìa cũng như vậy.

Ba là "Ngã sinh v.v..." trở xuống là y theo Ngã kiến mà sinh ra mười sử. Như trong "Sinh không" nói bốn phương chiêu cảm trở xuống là nhân mười sử mà cảm vời sinh tử. Dẫu y theo Đại và ấm thuộc tánh cụ của Viên giáo để khai mở bốn môn đi nữa, nhưng nếu ai chấp đắm một cửa mà sinh Ngã kiến, khởi hoặc tạo nghiệp chiêu cảm khổ ở vị lai thì chẳng khác gì sinh tử của ngoại đạo kia. Đại sư chính vì hành giả đương thời mà trình bày về bốn chấp.

Kế là "hoặc, đó v.v..." trở xuống là chỉ cho tâm của kiến gọi là ấm ô uế. Năm ấm này đều trở thành kiến chấp. Vì thế, tất cả đều ô uế. Nhất định quy về Hữu thì lẽ nào lại là Pháp không?

Kế là "Tâm không v.v..." trở xuống là nói về không quán, có ba:

Một là Nói về không y cứ là quên bốn chấp, tức là tâm không y theo ấm. Bốn giáo cũng như vậy. Nay nói về Tông chỉ của Viên để luận về không y cứ. Tức là ấm bẩn dơ là trí thuộc chủ thể quán. Như thế thì có ấm nào để y cứ, có chấp nào để phá và ai là chủ thể quán, đồng thời cũng không có điều được nguyện. Vấn đề tâm không y theo ấm nay lược nói.

Hai là "vắng lặng v.v..." trở xuống là nói rằng khế hợp với Lý thì có các đức: Ba thứ Bát-nhã cùng với ba thân của Mâu-ni ở Kim quang minh là chẳng hai, chẳng khác. Nếu chẳng dùng ba loại Bát-nhã ấy để làm ba loại quán thì không cách gì thấy được.

Ba là "Hành giả v.v..." trở xuống là nói loại quán ấy nhanh chóng phục hồi căn bản. Quán Sinh và Pháp đều dùng ba quán một niệm để quán là cũng như ôm ngọc, khôi phục lại lý của Pháp tánh thuộc Kim quang minh giống như hướng về đất nước cũ. Trong hai thứ ba đời có thể bước lên Trụ của Viên, có thể dùng để bảo nhậm.

Kế là nói về Nhị không quán là sinh và Pháp thuộc mười hai nhân duyên, lại có:

- Chia văn lập ý, có hai:

Một là chia văn: mười hai chi này chia ra Sinh và Pháp là vì thuận theo văn kinh ở đây. Chi đầu tiên đã gọi là Vô minh thì vì danh tức là giả danh nên thuộc cảnh của Sinh. Vô minh tức là Ngã chấp. luận Khởi

Tín nói: "Chấp đắm tướng danh tự". Từ đây trở xuống là chỉ trực tiếp cho Sắc và Tâm. Vì từ Hành đến già và chết đều không ra khỏi Sắc và Tâm của năm ấm. Vì tuy nghĩa đã rõ nhưng vẫn sợ người học không tin nên Đại sư dẫn Thích luận theo từng đoạn để chứng thành ai là người già, chết. Nếu hỏi rằng "Ai? "thì đáp là "Tôi". Vì thế, chúng ta biết rằng cả Ai và "Tôi" đều là giả danh. Kinh nói "Gọi là v.v..." thầm hợp với luận. Luận đã gọi là Sinh không thì lẽ nào kinh lại không như vậy? Như thế, cái gọi là già chết đó tức là chỉ ngay cho Sắc và tâm, là Pháp của già và chết. Kinh chẳng nói là Danh cũng hợp với luận.

Hai là "Nhưng mười v.v..." trở xuống là lập ý, lại có:

- Phân biệt chung về tướng mạo nhân duyên, có hai:

Một là Nêu lên.

Hai là "ba đời v.v..." trở xuống là giải thích, có ba:

Một là ba đời. "Quá khứ phá thần thường": Vì quá khứ đã diệt nên không thường tru.Ở "Hiện tại phá thần ngã" Vì năm thứ quả đều do sự hòa hợp của năm ấm nên không có ngã. "Vị lai phá thần đoạn". Vì vị lai có quả nên chẳng phải đoạn diệt. "Đều nói là Thần": Bên ngoài chấp thân, "thần có Đoạn, Thường v.v...". Vì ý nghĩa của ba đời này thế gian đều truyền bá. Đại sư nói: "Người thường sử dụng".

Hai là Quả báo: Vì mười nhân duyên trước thuộc về hiện tại, hai nhân duyên sau thuộc vị lai. Hai đời hợp lại thành mười hai. Nhưng, văn nói: "Khởi đầu và cuối cùng của một kỳ hạn". Lại y theo Vô minh, Hành tại thời điểm khởi đầu của một kỳ hạn, vì theo nhau nên nói là "Khởi đầu và cuối cùng chứ không phải chỉ nói "Ở trong một đời". Nhân duyên thuộc quả báo này xuất xứ từ kinh Đại tập. Bởi vì, ở thân Trung ấm, đối với cha mẹ mà sinh tâm tham ái là Vô minh. Hơi thở ra vào là Hành. Từ chi Thức trở đi nghĩa giống với ba đời.

Ba là Một niệm, có:

Một là Giáo lý được y cứ.

Hai là "Như nhãn v.v..." là nói về Hành tướng, có hai:

Một chính là giải thích về tướng, có hai:

Một là Đối với Trần để giải thích trực tiếp: "Sáu Xứ sinh tham": Vì Nhãn thức ô nhiễm nên âm thầm lôi kéo các thức đều có tâm tham. Do đó, Phổ Hiền quán nói: "Vì tham mùi thơm nên các thức phân biệt, chỗ nào cũng đều nhiễm trước". "Một ngày v.v..." Một căn đối trước trần liền khởi lên mười hai nhân duyên. Sáu căn nối nhau đối trước trần suốt cả ngày đêm thì có niệm nào mà không khởi lên mười hai nhân duyên. Mỗi nhân duyên thành nhân thì tất cả nhân duyên đều vời lấy

quả. Xoay lăn như bánh xe, trói buộc như lưới.

Hai là “Nay lại v.v...” trở xuống là lại tìm về sự sinh khởi của nhân: “Phép quán của nhân duyên có cả cả ba đời”: Ý suy tìm Vô minh của quá khứ là nhân sinh ra quả hiện tại. Trên quả hiện tại lại khởi nhân của hoặc. Vì Đại sư muốn Vô minh không khởi ngay bây giờ nên tìm hai nơi khởi lên tướng Vô minh là quá khứ và hiện tại. Văn gồm có hai:

Một là nghịch suy nhân của quá khứ: “Từ Danh và Sắc mà khởi”: Tức là vì đầu tiên của năm loại quả, vì năm ấm đã có đủ. Vì Chi Thức chưa có đủ năm ấm nên không nói. Cùng cực của nhân quá khứ là ở Vô minh. Nay quán Vô minh là ý muốn làm cho quán trở thành loại tri giác ngộ hoàn toàn. Nhưng, nói rằng Vô minh chắc chắn là có, v.v... thì trí thuộc chủ thể phá lại chuyển thành Vô minh, thuốc trở thành bệnh. Vì vậy, Đại sư nói “Chấp đắm bốn câu đều là Vô minh. Lẽ nào Vô minh làm duyên mà lại không sinh ra Hành, Thức ư? “Như nói ở trước”: sáu nhập đến già, chết đều đã được nói như văn ở trước chỉ bày trực tiếp.

Hai là “Lại nữa, quán v.v...” trở xuống là thuận quy về quả hiện tại: “Đối với thọ v.v... đó”: Vì Chi Thọ là chi cuối cùng của năm quả. Vì vậy mà hành giả quán đến đó. Nếu sinh tâm chấp đắm thì thành ra một niệm mười hai nhân duyên. “Hoặc có Thọ v.v...”: Tức là tâm Vô minh không hiểu biết. Các chi Hành, Thức v.v... một niệm thành tựu.

Kế là “Như thế v.v...” trở xuống là than rằng khó biết: Tuy suy tìm, xem xét Nghịch thuận là ở một niệm nhưng mười hai chi của Nghịch thuận tự nhiên có đủ. Vì thế mà cành ngọn hiện hữu khắp các hữu giống như đại thọ còn không thể biết huống chi là có thể chặt? Nói “Đại thọ” là: Bà-sa nói: “Hai chi của quá khứ là rễ, năm chi của hiện tại là Chất, ba chi ở hiện tại là Hoa, hai chi ở vị lai là Quả”. “Bố quán”: Văn tuyển chú: “Bố quán” là dáng vẻ dài và nhiều. “Từ” là nói từ nước mà cùng thông suốt. Hán Thư nói: “Bố quán giống như bố lộ, tức là chỗ thiếu sót thì đều bày ra”.

Tiếp là “Kinh nay v.v...” trở xuống là chỉ bày sơ lược về Cảnh Quán của kinh nay, có hai:

Một là Nói về ý của kinh: “Chỉ nêu Sinh và Pháp làm cảnh”: Tức là dùng Vô minh của giả danh làm cảnh của Sinh không; dùng Hành, Thức, Sắc, Tâm, v.v... là cảnh của pháp không. Hai cảnh của Nhân duyên này có cả cả bốn thứ giáo quán. Ý của nay là ở Viên.

Hai là “Nhân dùng v.v...” Là chỉ bày về Cảnh và Quán, có:

- Chỉ bày về Cảnh, có hai:

Một là Lập dụ.

Hai là Pháp hợp: "Dính mắc vào Giả danh": Không đạt được ba đế mà khởi lên cái chấp luống dối về Ngã; Giống như xoay đầu cây nhang thành vòng tròn. Vì thế, Đại sư nói là "Không dừng nghỉ". Vòng tròn do lửa mà có. Và, giả danh do thật pháp mà có. Vì mê tối nên không thấu đạt rằng Sắc tâm tức là Không, Giả và Trung gọi là mê mờ đối với ấm và Nhập. Nói "Lửa củi" tức là nói về tàn lửa.

Kế là "Nếu biết v.v..." trở xuống là chỉ bày về quán, có hai:

Một là Lập dụ.

Hai là "Vòng lửa v.v..." trở xuống là hợp Pháp: Quán sinh, quán pháp đều là Không, Giả và Trung, tức là Nhị không quán của vòng lửa, cả hai đều không.

Kế tiếp là "Sinh không v.v..." trở xuống là y theo nghĩa để giải thích văn, như sau:

- Nêu ra tướng của cảnh, có hai:
- Cảnh của sinh không, có hai:

Một là chia văn.

Hai là giải thích về nghĩa, lại có:

- Dùng ba phép quán của Sinh không ở trước để giải thích nghĩa. Vì thế, Sớ không có lời văn.

Kế là "Hành thức v.v..." trở xuống là cảnh của Pháp không: "Theo lệ chung thì lẽ ra có ba loại". Hành chính là Không, Giả và Trung cho đến già chết chính là Không, Giả và Trung. Vì lời nói của Phật khéo sơ lược, so với trước thì có thể nhận biết.

Kế nữa là "Các thứ khổ v.v..." trở xuống là đưa ra tướng của quán, có:

- Y theo văn kinh để chỉ bày về quán, có hai:
- Chính là chỉ bày, có hai:

Một là Chỉ văn.

Hai là "Các thứ khổ v.v..." trở xuống là giải thích về nghĩa, có ba:

Một là Nói về Trung quán: "Hành nghiệp của các thứ khổ" là chỉ cho Sinh và Pháp ở trên. Vì thể hiện tiền siêu việt nên không thể nghĩa bàn. Cả Sinh và Pháp đều chẳng phải là Không hay Hữu. Thấu đạt được như vậy gọi là Trung quán. Loại quán này không thấy sự trôi lăn của sinh tử là có bờ mé. Có lúc dừng nghỉ. Vì sinh tử chính là pháp giới nên không có bờ mé. Vì sinh tử đều là thường trụ nên không dừng nghỉ.

Hai là "Vốn không v.v..." trở xuống là nói về quán Không.

Ba là "Không khéo v.v..." trở xuống là nói về quán Giả: Sự không

khéo suy nghĩ ở trước tức là hai chi của quá khứ. Sự không khéo suy nghĩ ở đây tức là ba chi của hiện tại. Kinh, “tâm hành”: Tức là suy nghĩ ở trên. Nay là nêu bệnh thì tất nhiên là phải đối với thuốc. Nhờ vậy mà quán Giả được sáng tỏ.

Hai là “Tuy gọi v.v...” trở xuống là kết khuyến, danh thì nghiêng lệch nhưng nghĩa thì trọn vẹn: Danh thì chỉ nói là không, nhưng nghĩa lại là chính là Không, Giả và Trung, vì nghĩa đã nhất định tương xứng nên Đại sư nói là khế hợp một cách tự nhiên với kinh. Danh và nghĩa của sinh không, Pháp không đều như vậy. Vì thế, Đại sư khuyên người tu nên chấm dứt nghi tình. Nhưng phải biết rằng toàn bộ kho bí mật là Sinh, là Pháp. Vì thế, Sinh và Pháp đều là ba đức. Do vậy, Hành giả quán chủ thể và đối tượng của Sinh và Pháp đều là ba đức. Tên gọi của cảnh và quán tuy khác nhau nhưng thể của chúng là một. Bởi thế, hai của chủ thể và đối tượng tức là chẳng phải hai. Đó là quán Nhị không của kinh này.

Kế là vì người căn tánh độn mà nói lại, có hai:

Một là Đặc biệt chỉ bày về quán không, có hai: Riêng chỉ cho Giả và Trung. Bởi vì, người Sơ tâm đối với Giả thì gọi là Thật pháp. Khởi kiến và ái càng mạnh, việc chướng đạo lại nặng. Do vậy, Đại sư đặc biệt trình bày về quán không mà không nói về Giả và Trung. Đây giống với ba con đường của quán và giải trong phần giải thích tựa đề. Chánh quán của chánh quán thì chỉ nêu danh mà thôi. Nhưng, đối với ba độc, sáu tác của Giả và Thật thì lần lượt phá hủy bốn tánh, từng bước hiển bày hai không. Bởi vì người mới thực hành tinh tấn càng dày nên Đại sư chỉ bày về Chân không để làm yếu thuật. Văn đầu tiên gồm có:

- Chỉ bày, có hai:
- Suy tìm về Nhân và Pháp, có hai:

Một là Suy tìm về Nhân. “Nếu Giả danh v.v...” trở xuống là đối với Thật pháp mà xô dẹp không có bốn tánh. “Nay v.v...” trở xuống là bốn tánh bị xô dẹp, sự chấp đắm có mỏng đi đôi chút. Chỉ gọi là Giả danh nhưng lại phải đối với bốn tánh mà xem xét sự khó được của bây giờ. Nhân thuộc đối tượng được chiêu cảm đã không có tướng sinh thì bốn tánh của danh tự thuộc chủ thể chiêu cảm cũng biến mất. Ý nghĩa của sự chỉ bày sơ lược về Nhân chẳng phải như vậy.

Hai là Quán pháp, có hai:

Một là Suy tìm rộng: dùng danh sắc hiện tại so sánh với nghiệp của nhân thuộc các Hữu đã được tạo ra từ vô thỉ là không có hạn lượng. Vì không có sự gội nhuần của hoặc nên không thọ thân đời sau. Do đó,

Đại sư nói là "bất sinh". Mỗi việc đều có v.v... "Như hòa hợp hai cái không thì lẽ nào lại sinh ra một Sắc"?

Hai là "Đã không v.v..." trở xuống là suy tìm theo chiều dọc: Cái chấp do quan niệm về pháp giống như sự xả bỏ

Một là nắm lấy một của con trùng gập chân. Vì sinh bị phá nên liền chấp vô sinh. Như vậy cũng là tánh chấp. Chấp Song diệc và Song phi cũng đều y theo Sinh. (Sinh) đã không có Lý lại chấp là Diệt, cũng thành bốn Chấp. Tám câu trên đều nói rằng "Bất đắc" tức là quán Không. "vô diệt vô sinh": Kiểm chứng về Diệt và Sinh đều không có mới được gọi là Vô sinh của Thật pháp.

Hai là "Vì vô sinh v.v..." trở xuống là nói về sự thành tựu của quán, có hai:

Một là Nói về sự vắng bặt của hai chấp, chấp ấm thành người. Vì thật sự vô sinh nên giả danh thì hoại. Đối với Giả Vô ngã, các kiến đều mất. Thật đã không có nhân thì làm sao không hoại được?

Hai là "Đã không v.v..." trở xuống là nêu hai ví dụ để chỉ bày: "Không nhen lửa dụ cho không chấp pháp không có khói dụ cho Thật pháp bất sinh. Múa trong mặt trời dụ cho không Tâm nắm lấy Pháp. Đó cũng không bánh xe dụ cho bất sinh ra ngã kiến.

Trước là "Là lược v.v..." trở xuống là kết.

Kế là "Trung quán v.v..." trở xuống là chỉ riêng về Trung và Giả. Nói "thọ ký v.v...": nói đủ thì như trong "Chỉ quán Giả Trung phá pháp", Hành giả nên biết. Nay nói về ba quán tu đầy đủ về hai không. Chỉ vì kiến hoặc của kẻ độn căn quá nặng nên Đại sư chỉ riêng về không để đối trị với loại hoặc này. Nếu loại hoặc này mất thì hai đế sẽ tự hiển bày. Vì thế, đối với Trung và Giả thì chỉ chỉ bày riêng mà thôi.

Kế nữa là "Ngã đoạn v.v..." trở xuống là giải thích về dụng của hai thứ không về mặt quả, có hai:

Một là chia văn.

Hai là "Tất cả "trở xuống là giải thích về nghĩa, như sau:

- Nói về sự thành tựu tự hành, có hai:
- Nói về sự tròn đầy của bốn đức, có hai:

Một là giải thích về Nhân và Pháp.

Hai là Sự thành tựu về quán, có hai:

Trước là y theo Nhân và Pháp để giải thích văn, có hai:

Một là Nói về sự thành tựu của phép quán không. "Giải thích về mười triền": Sân, Phú, Thụy, Miên, Hý, Trạo, Vô tàm, Vô quý, Khan, tật. Phẫn nộ. Tức giận gọi là Sân, Che giấu tội của mình gọi là Phú, Ý

thức hôn mê gọi là Thụy, Năm giác quan tối tăm gọi là Miên, Vui đùa gọi là Hý, Ba nghiệp thô tháo, vọng động gọi là Trạo. Khởi lầm lỗi ở chỗ khuất mà không tự hổ thẹn gọi là Vô tàm. Làm điều sai ở chỗ công khai mà không sợ thẹn với người khác gọi là Vô quý. Không bố thí tiền của và Pháp là san. Tâm tư bực bội vì sự vinh hoa của người khác gọi là Tật. Phiền não tức là tư hoặc. Tuy kiến và Tư đều gọi chung là phiền não nhưng nay Đại sư lấy Tư hoặc làm đại biểu là để tránh bớt phiền phức.

Hai là "Nhị thừa v.v..." trở xuống là y theo Đại và Tiểu để giải thích về sự dứt trừ, có hai: nói về sự dứt trừ hết hay không hết của Đại và Tiểu, có hai:

Một là Nói về Nhị thừa đoạn chung dư riêng: Danh số của tất cả phiền não thuộc giới nội đều chung với giới ngoại. Nhưng dùng cái làm chướng ngại Không và Trung để phân chia thì biết được cái chung, cái riêng. Thiên nữ rải hoa trong thất ngài Tịnh Danh, Thanh văn thì bị hoa dính trên thân, còn Bồ-tát thì không. Vì vậy, Thanh văn bị quở trách rằng "Vì chưa hết kiết sử nên hoa dính vào thân". Đó là mới đoạn phần chung chứ chưa dứt phần riêng.

Hai là "Mà nói v.v..." là nói về vấn đề đối với Phật địa thì chung và riêng đều dứt sạch, có hai:

Một chính là chỉ bày: Tuy nói rằng Bồ-tát có khả năng dứt trừ hết kiến hoặc thuộc phạm vi riêng nhưng thật ra thì chưa dứt trừ rốt ráo như Đức Phật. Nếu đạt đến địa vị Phật thì chẳng những dứt hết phần riêng mà còn dứt hết cả phần chung. Vì sao? Vì kiến và Tư là cái được thành tựu của hạt giống, tập khí khác nhau của chúng sinh trong sáu đường ở khắp các cõi nước trong mười phương. Nhân địa chưa dứt trừ tận bờ mé, chỉ có Phật mới hoàn toàn dứt trừ đầy đủ. Vì vậy, Đại sư nói: "Cả Chung và Riêng rốt ráo đều ở tại Phật".

Hai là Dẫn chứng: Bản thể của Sinh và Pháp thuộc Tánh đức là vô thường, vì hai thứ chấp là chung và riêng mà thành thấp kém. Bậc Diệu giác đã dứt sạch hai thứ chấp nên đều là vô thường. Vì thế, Đại sư nói là "Giả và Thật của vô thường là điều mà ở giai vị Phật không bị mê hoặc".

Kế là "Kinh luận v.v..." trở xuống là giải thích về có dứt trừ hay không dứt trừ của Phật địa, có hai:

Một là Nói về có dứt trừ: Trí thì lấy sự giác ngộ tuyệt đối làm Thượng thượng. hoặc thì dùng sự mê muội cùng cực làm Thượng thượng. Nay do sự mê tối sắp hết, chỉ còn lại sự nhỏ nhiệm nên gọi là Hạ hạ.

Bởi thế, luận Khởi Tín nói: “Tâm giác ngộ vừa khởi v.v... Tâm không có tướng đầu tiên (Sơ)”. Vì xa lìa niệm sâu kín nên tâm thường trụ. Vì hoặc sâu kín nên khó phân biệt, khó dứt trừ. Do vậy, bậc trí thượng thượng mới đoạn hết hoặc thuộc hạ hạ. “Năng lực Vô minh rộng lớn”: Tuy hoặc nhỏ nhiệm nhưng có công năng ngăn chướng Diệu giác. Do đó, kinh Hoa Nghiêm nói rằng công đức mà vị Bồ-tát Quán đảnh có được là như một ụ đất, công đức của bậc Diệu giác thì như đất của bốn thiên hạ. Sự ngăn chướng do Vô minh sau cùng như thế thì lẽ nào năng lực của nó lại không lớn? Nếu trí Phật không phát khởi thì loại hoặc ấy không tiêu mất. “Tuệ thuộc một niệm tương ưng”: Tức là sự giác ngộ hoàn toàn. “Chính và Tập đều hết”: Bao gồm cả chung và riêng.

Hai là “Có người nói v.v...” trở xuống là nói về sự không dứt trừ “Thượng sĩ thuộc Hữu”: Tức là Đẳng giác. Ở giai vị này, hành giả phải tu loại Thiền thanh tịnh tịnh, dứt niệm sâu kín. Do vậy Đại sư gọi là “Đoạn”. Thượng sĩ thuộc Vô”: Tức là giai vị Diệu giác. Đã không còn tu, chứng thì có gì để dứt trừ?

Kế là “nay là v.v...” trở xuống là dùng Tất-đàn để điều phối. Vấn đề có dứt hay không này mỗi phần đều đọc thấy ở văn của giáo. Nhân sư chấp đắm nên tranh luận mãi không dứt. Nay dùng ý hợp với căn cơ của bốn thứ Tất-đàn để điều phối khiến cho sự tranh luận không còn lý do sinh khởi. Cõi nước là cảnh vực. Tức là hợp với thế giới, nơi ở của căn cơ; Tùy nơi ở mà thích nghe về trí Phật có dứt hay không dứt để sinh tâm hoan hỷ. Thời tức là Đối trị; Tùy thời hợp với nghĩa của có dứt hay không dứt để phá ác. Người tức là Vi nhân; Tùy người nên dùng dứt hay không dứt để sinh điều lành. Ngộ tức là Đệ-nhất-nghĩa; Tùy ngộ dứt hay không dứt mà đi vào Lý. Vì bốn thứ căn cơ ấy mà nói là có hai nghĩa. Luận bàn về trí của Phật thì không thể nói năng, suy nghĩ.

Kế nữa là “Chứng Vô v.v...” trở xuống là nói về sự tròn đầy của hai con đường chính và trợ. Chứng được Sinh và Pháp Vô thượng từ hai thứ Không gọi là con đường Vô thượng. Do sự phối hợp tu tập giữa công hạnh của trợ thuộc về Sự và Chính nên được gọi là công đức mầu nhiệm.

Tiếp là “Mở của cam lộ v.v...” trở xuống là nói về sự tròn đầy của dức dứt, có hai:

Một là Giải thích sơ lược về Cam lộ: Lấy bốn thứ là Mạng v.v... theo thứ lớp để so sánh với Thường, Lạc, Ngã và Tịnh.

Hai là “Nhưng đây v.v...” là giải thích đầy đủ về các loại bốn câu.

Trước là đối với bốn vị trí của Hoa nghiêm, có hai:

Một chính là đối: Tuy Hoa nghiêm gồm cả Biệt, nhưng nay chỉ lấy Viên của nó. Bởi vì ba mươi vị của Biệt chưa có được Cam lộ.

Hai là "Hạ địa v.v..." trở xuống là giải nghi: Vì sợ người sau nghi ngờ nên Đại sư giải thích, giáo hóa, khiến cho người khác có sở đắc giống như mình.

Kế là "Lại nữa, Thông v.v..." trở xuống là đối với bốn trí của Bát-nhã: Tuy luận giải thích nhiều nhưng vẫn còn chung với cả ba giáo. Bốn giáo của nay đều từ Cam lộ mà nói nên chính xác là ở Viên. Lấy Nhất tâm ba trí quyết trạch tất cả tướng gọi là Đạo Tuệ mở cửa. Nhất tâm ba trí lập ra tất cả Pháp gọi là Đạo chủng tuệ nêu bày đồ dùng. Nhất tâm ba trí cùng phủ nhận sự quét sạch vè lập bày gọi là Nhất thiết trí đi vào thành. Nhất tâm ba trí cùng chiếu soi cả quét sạch và thiết lập gọi là Nhất-thiết-chủng-trí ở trong phòng. Do bốn thứ trí ấy mà trụ nơi Niết-bàn, làm cho chúng sinh đạt được bốn thứ trí ấy gọi là "Ăn mùi vị".

Kế nữa là Đối với "Đại sự" của Pháp Hoa: Tri kiến của Phật ở Pháp Hoa là Cam lộ ở đây khai v.v... của Pháp Hoa đối với bốn câu ở đây. Chỉ có Ngộ, Nhập là có khác đôi chút với Nhập, Xứ. Nhưng, xét về nghĩa thì giống nhau.

Kế tiếp là Đối với bốn đức Niết-bàn: Trước đây dùng bốn đức để giải thích về nghĩa Cam lộ. Nay dùng bốn đức để đối với văn của khai v.v... Có sự khác nhau đó.

Thứ đến là "suy đại v.v..." trở xuống là nói về sự thành tựu của giáo hóa kẻ khác, như sau:

- Chia văn lập ý, có hai:

Một là chia văn.

Hai là "Các kinh khác v.v..." trở xuống là lập ý, có hai:

Một là Nói về Trí định tướng thành. "Trước hiện thần thông": Tức là khiến cho kẻ khác trọng pháp thích nghe. "Sau hiện thần thông": Tức là làm cho kẻ khác y theo pháp để tu hành. Vì vậy, trước nói là để mở sau, sau nói là để thành tựu trước.

Hai là "Tu nhân v.v..." trở xuống là nói về Nhân quả đồng loại. Chánh đạo của hai không thuộc về trí đức. giúp đạo của hai không thuộc về Dức dứt. Tức là hai thứ nhân là Duyên và Liễu. Nếu chẳng có hai nhân này thì làm sao chứng được hai quả.

Tiếp là "nói pháp v.v..." trở xuống là y theo nghĩa để giải thích văn, lại có:

- Nói về việc xoay bánh xe pháp giáo hóa người khác, có hai:

- Nói về nói pháp, có hai:

Một là Chỉ bày chung.

Hai là "Thổi ốc v.v..." trở xuống là giải thích riêng, lại có:

Một là Giải thích riêng về con ốc, cho nên gọi: Đại kinh nói: "Thổi vỏ ốc", tức là biết thời. "Phàm tánh thuộc khổ Nhẫn": Tức là Nội phàm Thượng trong Nhẫn vị đối với khổ đế trở xuống là lưu lại một hạnh một duyên. Đó là phàm tánh. Chánh tánh của bậc Thánh gọi là Sơ quả. "Nói về pháp Đại thừa": Tức là chỉ dùng Viên giáo làm Đại thừa. Đổi tánh nghiêng lệch của phàm và Thánh. Lục địa của Thông giáo là Thánh, Thập Hướng của Biệt giáo, Thập tín của Viên giáo là Nội phàm. Vì chưa hiển lý nên tất cả đều gọi là Tánh nghiêng lệch. Thất địa của Thông giáo đến đây thì được biết về Viên, tất cả đều được đổi tên vị trí. Ba người đều phá Vô minh, thấy Tánh viên dung của Trung đạo.

Hai là "Kích đại v.v..." trở xuống là nói về sự đánh trống răn đe người tiến tới": Tức là phép của quân trận. Binh quyền nói: "Nghe tiếng thì tiến lên. Nghe tiếng kim loại thì ngừng lại". Trống thì làm trang nghiêm quân chúng khiến họ tiến lên phía trước, là đốc suất, là dẫn dắt. "Vị trí ở Tu đạo": Tức là Sơ quả tiến lên Nhị quả của nay. "Vị trí của Thông giáo là ở Bát địa". Trước đây giải thích đổi hiệu là Thất địa phá Vô minh. Nay tiến lên Bát địa là tăng Đạo tổn sinh. Biệt giáo nên nói là Nhị địa, Viên giáo nên nói là Nhị trụ mới gọi là tiến lên Tu đạo. Nay sở dĩ nói Thập hạnh, Sơ trụ là vì sợ người học nhầm lẫn, hoặc là Đại sư có ý riêng. "Chân thật tu đạo": Tức là Bát địa thuộc Thông, Nhị địa thuộc Biệt và Nhị trụ của Viên. Vì vậy, Đại sư nói "hoặc tiến v.v...". Địa luận cho Sơ địa là Kiến đạo, Nhị địa đến Thất địa gọi là Tu đạo. Bát, Cửu và Thập địa là Vô học đạo. Địa luân tuy là vị trí của Biệt nhưng theo lệ chugn của Viên thì có thể biết.

Ba là Giải thích về đốt đuốc: Thông giáo trở xuống đều dùng giáo lý tương đương để giáo hóa giai vị khác. Ở đây nói Bát địa là chẳng phải lấy sự nhận và tiếp mà chỉ y theo giáo lý phù hợp ý của Thập hướng cũng giống như vậy. Vì trong thì tu tập Trung quán mà ngoài cũng ra khỏi Giả. "Viên tại Sơ trụ": Vì trăm cõi làm Phật phổ môn thị hiện. Viên nói theo thắng thì lấy chân thuộc từng phần. Chỉ quán gọi là "Vị trí Chân ra khỏi Giả, "Đều là v.v..." trở xuống là kết luận sự chỉ bày về ba vị trí. Đạo là nói về sự giáo hóa người ngoài. Quán là nói về sự thực hành bên trong. Đây là bao gồm cả sự bất đồng của ba giáo. Các văn khác chỉ nói ở lập trường của Thông.

Bốn là Giải thích về tuôn xuống cơn mưa: Phù sơ tức là Sum suê.

Thời trạch tức là Lúc mưa. Đại hằng là sông Căng-già.

Kế là "Nếu được v.v..." trở xuống là theo điển hình của bốn kinh ở trên.

Kế nữa là "Một loại này v.v..." trở xuống là lấy Ngang và Dọc để kết. "Dọc thì bắt chước vị trí các kinh". Tức là, ở trước tuy tên gọi bốn kinh là rời, nhưng là vị trí của Viên thuộc Trụ, Hạnh, Hướng và Địa. Vì thế, Đại sư gọi là Dọc. "Ngang thì nói về tất cả các vị trí": Tức là nhiếp các vị trí của Phàm, Thánh thuộc cả bốn giáo như sự giải thích văn ở trước. " v.v...": Vì Bộ là ở Phương đẳng nên vấn đề giáo hóa người khác ở đây phải bao gồm cả bốn ích lợi. Ý chỉ của vấn đề Ngang thì nhiếp tất cả các vị ở trong ấy.

Kế tiếp là "Trong này v.v..." trở xuống là giải thích chung về nghĩa chính: Ba thứ trước gọi là Đại. Một loại sau gọi là Thắng. Vì Thắng cũng là Đại nên Đại sư nói là "Đều nói là Đại". "Con đường phổ thông v.v..." trở xuống là nếu lấy tên gọi chung thì chỉ ở pháp của Đại, nhưng xét về nghĩa thì cùng trở về Viên. Đối với bốn bản kinh thì nghĩa của chúng lại càng hợp.

Thứ đến là "nay ta v.v..." trở xuống là nói về Thần thông, như sau:

- Nói về sự phá bỏ oán, có hai:

Một là nói về phiền não là oán.

Hai là "Ma là v.v..." trở xuống là nói về Thiên ma là chính.

Kế là nói về Dọc, cờ phướn "Cao vượt hơn các công hạnh": tức là cờ Pháp Tam-muội. Công đức muôn hạnh đều là quyến thuộc, đều quy về nguồn cội. Vì là Tam-muội của muôn hạnh nên so sánh với các công hạnh. "Binh so với Mao": Tay chỉ gọi là Mao.

Thượng thư nói: "Tay trái cầm cái búa lớn màu vàng. Tay phải cầm chén rượu."

Binh quyền nói: "Tướng quân bèn cầm v.v..." là chỉ vào quân chúng mà thề". Lại nói: "Nghe tiếng trống thì tiến lên. Nghe tiếng kim khí thì dừng lại. Tùy theo sự chỉ đạo mà Năm trân được điều chỉnh".

Kế là "Ba đức v.v..." trở xuống là nêu ra thể của Tam-muội: Nếu Thể của Tam-muội chẳng phải Dọc, chẳng phải Ngang thì làm sao xuất ra các công hạnh, làm sao xô dẹp được năm trụ, làm sao phá được Thiên ma? Thể và Dụng của loại Vô ký thần thông là như vậy.

Tiếp là "Từ Độ v.v..." trở xuống là nói về sự giáo hóa người của bốn thệ nguyện rộng lớn, có hai:

Một là Sự chỉ bày về nghĩa của các văn còn lại. "Tuy lại v.v...":

Đã y theo bốn đế mà lại vận dụng bốn hoằng. Bốn đế đã thường hằng thì lẽ nào Thệ nguyện lại dừng nghỉ. Ý của người thuộc nhân cầu thành Phật là ở sự lợi sinh. Nay đã thành tựu được điều mong cầu thì lẽ nào lại quên sự cho và nhổ. “Bốn hoằng là v.v...” trở xuống là chỉ bày về Thệ nguyện có chỗ y cứ: Thệ nguyện tức là Vô duyên từ bi. Cảnh là bốn đế Vô tác, hành tướng của Vô duyên và Vô tác như thế nào? Thế độ chúng sinh, Vì sinh tử là Niết-bàn. Thề dứt phiền não, vì phiền não là Bồ-đề. Thề học Pháp môn, vì ngay nơi hoặc mà thành tựu Trí. Thề thành Phật đạo, vì thành tựu Diệt ở ngay Sinh. Nếu không vận thì làm sao độ được tất cả và mong cầu mãi mãi?

Hai là “Vượt các v.v...” trở xuống là tùy theo nghĩa để giải thích văn, có bốn:

Một là khiến cho vượt qua khổ đế: Kinh nói dứt trừ hẳn ba thứ ác tức là ba con đường. chúng ta phải y theo mười phen để nói về vượt qua, nói về dứt trừ.

Hai là khiến cho dứt trừ Tập đế: chúng ta phải hiểu rõ rằng năm trụ đốt cháy chúng sinh của mười cõi.

Ba là làm cho chứng Diệt: chúng ta phải chia ra để nói về bốn thứ Cam lộ. Quy nạp mà giải thích thì chỉ có một loại là Viên, Thường.

Bốn là Làm cho an trụ nơi Đạo đế, gồm có:

Một là y theo Đàn để nói về Đế: Không chỉ thực hành về Đàn là có đủ bốn đế mà cả năm Độ khác cũng đều có đủ. Năm loại không y theo Đế thì bất động lưu xuất. Như vậy thì làm sao có Độ? Hành giả lại phải biết rằng nay y theo Vô tác.

Hai là “Vô lượng v.v...” trở xuống là giải thích văn kinh.

Ba là “Luận nói v.v...” trở xuống là Đàn nhiếp sáu độ: Đại luận quyển mười hai giải thích về Đàn độ rằng: “Nếu Bồ-tát thực hành đàn độ thì sẽ sinh ra sáu độ. Lúc ấy, gọi là Sự tròn đầy của Đàn độ. Thế nào gọi là Bố thí sinh ra Đàn độ? Vì có Hạ, Trung và Thượng. Nếu lấy thức ăn, món uống thô dở để bố thí thì gọi là Hạ. Lấy áo quần, vật báu mà bố thí thì gọi là Trung đàn. Nếu đem đầu mắt, máu thịt, đất nước, tài sản, vợ con để bố thí thì gọi là Thượng. Thế nào gọi là Bố thí mà sinh ra Thi-la Độ? Bồ-tát suy nghĩ rằng vì chúng sinh chẳng biết bố thí, đời sau nghèo cùng nên làm điều ác. Nếu thực hành bố thí thì đời sau có phước không bị thiếu thốn thì nên Trì giới. Vì sao gọi là bố thí sinh Nhẫn độ? Lúc Bồ-tát bố thí, người giận ghét mắng; hoặc là cầu xin quá nhiều, hoặc xin không đúng lúc, hoặc không nên xin mà xin. Lúc bấy giờ, Bồ-tát nên nghĩ rằng: Sự bố thí của ta hôm nay là vì mục đích tìm

cầu con đường của Phật, không do ai xúi giục ta bố thí cả mà do ta tự làm. Vì vậy, ta lại sinh tâm sân hận? Suy nghĩ như vậy rồi Bồ-tát liền thực hành nhẫn nhục. Thế nào gọi là bố thí sinh Tấn độ? Lúc bố thí, Bồ-tát thường thực hành tinh tấn, muốn thực hành hai thứ Thí. Bồ-tát siêng năng tìm cầu Tài và Pháp để mong sao cho được đầy đủ. Thế nào gọi là bố thí sinh Thiền độ? Lúc Bồ-tát bố thí thì sẽ dứt trừ tham lẫn mà thực hành Nhất tâm, dần dần dứt được năm cái. Đó gọi là Thiền độ. Lại nữa, Tâm y theo bố thí mà đi vào Sơ thiền cho đến Diệt định. Thế nào gọi là bố thí sinh Trí độ? Lúc Bồ-tát bố thí, biết là có quả báo mà không nghi ngờ, phá được Tà kiến, Vô minh. Lại nữa, Bồ-tát lại phân biệt Tinh và bất tinh, quả báo có được của sự bố thí khác nhau. Đó gọi là Sinh ra Trí. Do đó gọi là nghĩa của Đàn nhiếp sáu độ. Năm Độ còn lại cũng thu nhiếp lẫn nhau. Vì chẳng phải ý của văn nay nên lại nói về Đàn. Vì bố thí là đầu của sáu đàn nên thuộc về sinh tiện lợi.

Bốn là "Xả thân v.v..." trở xuống là lấy bờ kia để kết: Sinh tử là bờ mé trước, Niết-bàn là bờ mé sau. Thân mạng và tài sản, ba thứ này thuộc về Sự. Vì quán sát ba thứ này và tâm thuộc chủ thể quán, cảnh thuộc đối tượng quán. Ngay nơi ba luân tức là không, giả, trung cho nên bằng với ba đức của Niết-bàn. Ở đây dùng nhân thường để ghi nhận quả thường, nếu không như thế thì đâu được không hoại thường trụ. Thực hành Đàn như thế gọi là Ba-la-mật. Ba đức vô lượng cho nên Đàn ca theo chiều dọc. Ba đức vô lượng cho nên Đàn rộng theo chiều ngang. Căn cơ này thích sơ lược, cho nên Như Lai khéo nói một đàn vâng tu các hạnh, nên biết rõ điều đó. Nói quả rồi thì thực hành Đàn để làm lợi ích chúng sinh, chẳng lẻ hành nhân nghe mà không tu ngay hay sao?

■

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 5
(Phần đầu)

Đại chương Lưu thông có hai:

Một là giải thích tên phẩm Bốn vị Trời, có hai:

- Nhân duyên giải thích, có hai:
- Y theo chỗ mà giải thích người, có hai:

1. Nói về chỗ hai mươi tám tầng trời đều bay lên, đây là đứng đầu. Trời chia ra ở ba cõi, ở cõi dưới thì đây là thứ nhất, ở nửa núi Tu-di là chỗ nương của sáu tầng trời cõi Dục.

2. Hai là trời ở trên núi, trời Đạo-lợi ở trên đỉnh, trời Tứ vương ở giữa núi. Tiếng Phạm gọi là Tu-di, Hán dịch là Diệu Cao. Từ mặt nước vọt lên cao tám mươi bốn ngàn do-tuần, cấu tạo bằng bốn chất báu. Hai là từ Đông Hoàng v.v... trở xuống là nêu ra người. Trì quốc là giữ gìn cõi nước. Càn-thát-bà, Hán dịch là Tầm Hương Hành, là Thần âm nhạc của Thiên đế. Phú-đan-na, Hán dịch là Xú (mùi thúi) là loài quỷ cao nhất trong các loài Ngạ quỷ. Hoặc gọi là quỷ chủ nhiệt bệnh. Tăng trưởng là làm cho gốc lành của mình, của người đều thêm lớn. Cưu-bàn-trà, Hán dịch là Ung hình (hình cái lu), lại dịch là Đông qua, là quỷ yểm mỵ. Tiết-lệ-đa, Hán dịch là Tổ phụ quỷ, là loài quỷ kém nhất trong các loài ngạ quỷ. Tạp Ngữ là có khả năng làm các thứ tiếng. Tỳ-xá-xà, Hán dịch là quỷ ăn tịnh khí người, ăn thịt người và năm giống lúa gạo, tinh khí cũng gọi là Điên Cuồng. Tỳ-sam-ôn, Hán dịch là Đa Văn, có phước đức vang khắp bốn phương. Dạ-xoa, Hán dịch là Khinh Tiệp, bay trên hư không rất nhanh. La-sát, Hán dịch là khả úy, cũng dịch là Bạo Ác.

- Từ: Thử tứ trở đi là ý nói Phẩm đến.

Giải thích quán Hạnh, ba thứ pháp quán đều (nhờ ở Sự), vì cảnh trí mỗi cảnh nhờ Sư mà lập. Phải biết gá Sự phần lớn đều gồm Pháp Tướng. Như thành Vương xá mà quán năm Ấm, núi Kỳ-xà-quật mà biểu ba Đức, năm và ba này nào khác bốn đế. Nhưng đây là nhờ việc nương gá cảm ứng, mà nói về Cảnh quán, chia làm hai: 1- là Bày tướng quán.

Từ bốn đế bốn trí cho đến đế trở xuống v.v... đều nói về Kiến tư, giáo nào chẳng nói. Nay giải thích nghĩa giáo đã chỉ y theo Viên, cho nên chỗ nói quán chẳng liên quan đến ba giáo. Bốn vị trời là biểu thị cho Đế lý Vô Tác, bốn Vương biểu thị cho Diệu Trí Vô Duyên. Chiếu (xét) Sự tức lý thì gọi là cảnh hộ đế, thoát khỏi trói buộc được giải thoát gọi là Hộ tâm sở, nói cho người nghe thì gọi là Hộ Thế. Kiến Tư Chung Riêng đồng thể là chướng gọi là quỷ thần. Pháp Hoa chỉ đây v.v... là đều hơi khác. Dùng quỷ thần để dụ cho năm lợi, và lấy chim sâu để dụ cho năm Độn nay thì lợi độn đều giống như quỷ thần, chỉ lấy phần đồng.

- Nếu không v.v... trở xuống là nói lợi ích, mà trước nói chẳng quán có tổn, xâm hại Tâm Vương Diệu Trí chẳng phát, cảnh giới hủy tổn Đế Lý chẳng bày. Tâm vương đều tan là bày mê ba đức mà thành ba Chướng, tuy nói ba Chướng mê do phiền nào. Cho nên nói đều bị quỷ thần làm não. Năng quán trở đi chính là nói quán có ích. Vô minh tức minh là Trí năng quán. Quán này quán khổ sinh tử tức là Niết-bàn, quán này quán tập phiền não tức là Bồ-đề. Khống Ngự v.v... là bất động các kiến mà tu Đạo Phẩm, chẳng dứt si ái mà khởi các minh thoát, khống ngự như thế đâu riêng chẳng bị xâm hại, mà hiển Lý đủ đức. Hiển Lý cho nên Đế cảnh nước yên, đủ Đức cho nên tâm sở dân yên. Vì chuyển tám muôn trần lao thành tám muôn Định tuệ. Tự làm thông suốt đã như thế thì khiến người khác tu chứng đâu chẳng như thế ư? Mượn Sự của Hộ Thế Vương mà tu quán được lợi ích thì tướng nó tóm lược như thế.

- Giải thích mười ba phẩm Văn kinh, có hai:

- Lập ý chia chương, có hai:

1. Lập ý. Quý là cuối, là che chướng.

2. Hễ là v.v... trở xuống là chia chương, có ba:

Một là khai lưu thông bảy chương. Phương quỹ là phương pháp, khuôn phép.

Hai là Thiên Vương trở xuống là nêu Thiên Thần năm đoạn, vì vị đất màu mỡ thỉnh nên chỗ nói chỗ. Cao du là ruộng đất tốt. Sử ký chép: Đông là vùng đất màu mỡ là đó. Du trở xuống phần nhiều là chữ vị. Lại Thiên Vương trở xuống là từ Tăng Thắng mà nói đủ mỗi vị đều có năm khả năng.

Ba là Bốn vị trời v.v... trở xuống chỉ phẩm này sáu phen.

Kế là chánh thức giải thích văn kinh, lại có:

- Đoạn chia làm năm:

- Lại chia làm sáu:

- Là nói lại khả năng Hộ quốc, có hai: một là bốn vị trời bạch

Phật, có hai:

1. Là kinh gia nêu trước. Thiên Vương Bắc phương, là Tây Trúc đệ tử đến phải vén y bày vai phải để nói lên sự làm việc.

2. Chính là bạch Phật có hai, một là chia văn lập Nghĩa.

- Pháp Tánh trở xuống là dùng nghĩa giải thích văn, lại có:

- Khen kinh, có:

1. là Khen lễ, chỗ che chở của Phật vô lượng sâu xa. Ngang nhiếp khắp pháp, dọc thâu hết pháp. Lý chẳng như thế đâu gọi là Kinh vua.

Hỏi: Văn nói lỳ này nên gọi là Kinh vua. Ấy thì Văn kinh chỉ là Năng Thuyên, còn vua chỉ ở Lý, giải thích tựa đề sao văn gọi là Kinh vua, giáo nhiếp các sách, chỉ văn chỉ Lý hai chỗ khác nhau làm sao hòa hợp?

Đáp: Nếu ba giáo trước Văn Lý chẳng họp thì đây là ngại. Nay là từ Viên pháp đều chẳng hai. Ngoài văn không có lý, ngoài lý không có văn. Giải thích tựa đề nêu văn. Nếu đứng riêng thì đâu gọi là vua. Sớ này chỉ ra lý mà không nhiếp văn: dịch ra thuộc giáo trước, tín văn lý hợp, kinh này là vua Nghĩa rất sâu mầu không thể dùng tình mà cầu. Nay Kinh Vương Khen Thể không khác với phẩm Tựa.

2. Y theo Thể trở đi là khen tông kinh. Y theo thể mà tu hành thì Thể là Bản giác khởi thành thỉ giác, mới được gọi là y theo thể tu hành. Thể đủ hai nghiêm nhân quả của cõi Phật, toàn thể thành tu hai nghiêm vô tác, gọi là không trang nghiêm mà trang nghiêm. Nay dùng hai nghiêm của cực quả làm Tông kinh. Thế thiên hạ chép: các trời bao gồm đây có ba. Nhưng lẽ ra có bốn, e văn nói lầm, hoặc có thể Thiên vương vốn là sinh Thiên cho nên Sớ chẳng nêu. Tên bốn vị trời này nghĩa trích từ Đại Kinh. Phẩm Đức Vương nói: một là trời thế gian, như là vua các nước, hai là sinh thiên, là từ Bốn vị trời cho đến Phi phi tưởng, ba là Tịnh thiên, tức là bốn quả Bích-chi-Phật, bốn là Nghĩa thiên, là Bồ-tát Thập trụ, vì thấy tất cả pháp là nghĩa không. Đại Luận nói có ba thứ Thiên: một là giả danh Thiên, tức là Thế Thiên (tức các vua chúa thế gian), hai là sinh Thiên, ba là Thanh tịnh thiên, cho nên gồm cả ba thừa.

3. Lại trở xuống: là sau khen dụng của kinh, trên đến Bồ-tát, kinh không nói Bồ-tát. Đã nói diệt tất cả khổ não của chúng sinh, thì chỉ có cả chín cõi, mới gọi là tất cả. Văn kinh có bốn: 1- Thiên thú (cõi trời) đem đến cho chúng sinh vui sướng, là chúng sinh ở trên cõi trời. Kế kinh này trở xuống là nói ba đường ác. Ba đường các sông chìm đắm cũng như sông lớn. Đốt cháy khô cạn, là dứt khổ ba ác. Có trải qua trên khô

cạn lại thêm hai chữ khiến cho là sai.

- Dứt trừ sợ hãi. Ấy là cõi người. Trước nói tất cả sợ hãi là gồm chung. Kế nói phá riêng ba chướng ác. Ba tai là báo chướng, kẻ thù tức là đao binh đều đói khát, dịch bệnh là ba tai. Sao xấu là nghiệp chướng, nghiệp đến đòi quả báo cho nên sao xấu hiện ra. Ưu não là chướng phiền não.

- Toàn thể v.v... trở xuống đều chỉ cho chúng sinh chín cõi.

- Theo Thế v.v... trở xuống là nói về năng hộ, có hai:

1. Chia văn.

2. Hộ quốc v.v... trở xuống là giải thích nghĩa, có hai: một là trong đem pháp hộ trì nước, có bốn: một là lý do hộ quốc, hai là dùng pháp hộ quốc, tức là nói lý do hộ quốc, không có pháp làm sao hộ trì cõi nước được, mà lý do thì có trong, có ngoài. Ngoài là Thế pháp, trong là Tâm pháp. Nếu chỉ làm và nói pháp thế gian thì kinh này chẳng phải là giáo phương Đẳng. Thiên Vương toàn là tâm miệng phàm phu, cần phải biết văn văn đều có ý nghĩa thế gian và xuất thế gian. Chỉ vì câu này hiển bày nghĩa bên trong tiện lợi cho nên nói tương ưng với quán tâm. Như phẩm Tán Chi quỷ thần ở dưới. Và Thuận pháp thế gian mà bàn luận, cho đến tự thuật lý do có tên ấy, thì toàn là bỏ sự mà hiểu, cho nên nói hiện thấy Trí cảnh không thể suy nghĩ bàn luận, quang trí không thể suy nghĩ bàn luận. Cho đến nói ta có thể an trụ trong tất cả pháp như tánh. Đối với tất cả pháp gồm thọ tất cả pháp. Cảnh trí như thế nên gọi là mật, mới có khả năng bên ngoài hiện quỷ thần Đại Tướng, đâu chẳng phải có lý mật rỉ. Nay văn kinh tuy chẳng hiểu rõ, nhưng Đại Sư đắc ý, bèn dùng pháp hành nói đế trí mà làm lý do hộ trì an dân. Tâm sở chẳng hành v.v... toàn thể tâm, tâm sở pháp tức là phương tiện Bát-nhã. Tâm Vương tà vạy cho nên thường hành cảnh tà. Nay vua đã chính là dẫn dắt khiến chẳng làm, thì chẳng làm mà làm, làm sâu Bát-nhã đến bờ kia. Ba trời cùng đẳng hộ quốc, ý đồng với vừa nói. Đảng nghĩa là bè đảng, tức là tám Bộ, Đảng là bọn, soái là dẫn. Như vua Chuyển luân v.v... trở xuống là giải thích sự. Dụ Luân vương hàng phục bốn phương với Thiên vương ngăn các ác quỷ. Bảy báu tức là xe voi ngựa, con gái, châu báu, quan, binh. Bốn là mắt Trời Hộ quốc, vì quả báo được mắt Trời không phải do tu mà được. Được thân trời thì mắt thấy suốt không bị ngăn che. U là tối, Chúc là chiếu sáng, là mầm hạt giống mới phát. Đổ là lấp, nghĩa là dùng mắt Trời mà chiếu suốt đề phòng mầm mống gốc họa, lấp ngăn các nguồn ác.

- Từ nếu v.v... trở xuống là ngoài dùng sách hộ quốc, có hai: một

là nêu khoa nói ý, hai là nêu khoa. Hai là nếu v.v... trở xuống là nói ý. Có ba: một là nói khuyên nghe nhân duyên hòa hợp. Có hai: một là khuyên pháp Sư làm duyên bên ngoài. Mặt trời mọc buổi sáng: Nhĩ Nhã nói: Sơn Đông gọi là Triệu Dương, Sơn Tây gọi là Tịch Dương. Phân là khí xấu. Lã Thị Xuân Thu nói: Đông đến Hạ thấy hơi sương mù mịt. Xuân Thu Nguyên Mạng Bao nói: Sương mù là khí âm dương. Âm Dương giận thì làm gió, loạn thì làm sương mù. Nay dụ mặt trời mọc cho hoằng kinh, khí xấu mù hết là dụ cho ba tai tiêu hết.

- Kế là vua v.v... trở xuống là khuyên vua nên tụ nội nhân. Bỉnh pháp, bỉnh là cầm, nắm giữ, một người tức là vua. Khánh là Thiện. Vua có Thiện thì có dân ở khắp nơi. Thị là cậy nhờ. Tức Thượng Thư nói: một người có điềm lành thì dân nhờ. Cho nên Vua nhận sách (pháp) ấy, mà trị nước yên. Kinh nói đói kém, Nhĩ Nhã nói năm giống thóc không mọc nên đói, rau cải chẳng chín nên đói rau. Quốc ấp quận huyện, vua chế rằng ở trong bốn biển, chín châu vuông vức ngàn dậm. Một Châu lập ra có nước một trăm dặm, hoặc nước ba mươi, bảy mươi dặm, hay nước sáu mươi, năm mươi, hai mươi dặm gồm có hai trăm mười nước. Gồm chín châu, có một ngàn bảy trăm bảy mươi ba nước. Xuân Thu Tả Thị Truyện nói: Ấp có miếu hoang thờ các vua trời trước thì gọi là Đô (kinh đô), không có tông miếu thì gọi là ấp. Lại nói Thượng đại phu cai trị là huyện, Hạ đại phu cai trị là quận. Hai là khuyên cung cấp bốn chúng nhân duyên. Kinh nói Ưu-bà-tắc, Hán dịch là Cận sự nam, Ưu-bà-di, Hán dịch là Cận sự nữ. Để thành tựu giới có thể kham việc gần gũi phục vụ hai chúng xuất gia. Lưu diễn là diễn đạt. Ba là khuyên nhân duyên Năng tán và Sở tán. Đức hạnh của Tiên Vương, tức là hạnh đạo đức của Tiên vương. Nếu làm ở thân thì có thể là nghi phạm phong tục. Lời pháp tức là lời nói lễ pháp của bậc Thánh trích từ các điển cáo. Nên nói từ miệng thì có thể để dạy người dân. Vua đã không theo đây cho nên dân trong nước không nghe theo lệnh. Nước gần không khen ngợi Đức. Nay khuyên v.v... trở xuống tức là khuyên vua trọng Đạo tôn Sư, tu công sửa lỗi. Thân ý cung kính khuyên nhường tự chăn dắt mình, tức là thực hành đạo đức. Khen ngợi ở miệng tức là pháp ngôn Điển ngữ. Phù cao v.v... trở xuống là nói ý khiêm nhường. Vua cao mà dân thấp làm nước, là lấy người làm gốc, phải hết lòng mà khiến nhóm họp. Nói lấy mọng làm thầy. Nội là nội chiếu biết xét thanh tịnh, nên ngoài thì dứt căng sức, tức đại biện nhược nội, cho nên hay vì tục mà nói nhỏ là thầy. Bình thường tu thân trị nước mà còn như thế, huống chi nay hỏi pháp xuất thế, cầu phước cho người dân đâu được chậm trễ kiêu mạn

ư? Nho lễ thờ ba lão huynh như cha, sự năm canh Khuất vương tôn kính làm thầy. Nho Thích một mối.

Văn Tâm Điêu Long của Vũ Hịch chép: Hịch là kiểu (sáng tỏ), nói bày ra ngoài cho sáng tỏ. Hoặc gọi là Lộ bố, vì lộ bày trên bảng, không đóng kín để khắp thấy nghe. Nhan Sư Cổ chú Hán Thư Cao Kỷ nói: Hịch là dùng thẻ gỗ mà viết dài một thước hai tấc dùng để trưng triệu (sai khiến, mời gọi) nếu có việc gấp thì cắm thêm một lông chim để bày việc nhanh gấp. Nay nói Vũ Hịch gọi là khen tức là dùng văn từ mà nói cho thật sáng tỏ rõ ràng. Nhĩ Nhã nói: ngung ngung ngang ngang là nói lên đức của vua rõ ràng. Luận ngữ nói Đức phong của quân tử, Đức Thảo của tiểu nhân. Gió trên cỏ thì rạp, thảo lại là cỏ lê.

- Là Dụng giải thích văn, có ba. Phải lấy ý trên đối kinh mà giải thích nên nói có thể thấy.

- Như lai thuật lại thành tựu, có hai: một là chia văn, hai là bốn vị vua Trời v.v... trở xuống là giải thích nghĩa. Có hai:

1. Hợp thuật khen kinh. Bốn vua khen Thể, Tông, Dụng của kinh, đã hợp Phật chứng ba đức diệu lý, cho nên thuật thành. Các Phật từ pháp ấy mà sinh. Ba thứ Thể, Tông, Dụng đã là pháp tánh, đâu có một Phật chẳng từ đây sinh.

2. Từ đây v.v... trở xuống là nói về năng hộ quốc. Có hai:

Một là chia văn.

Hai là Pháp hộ v.v... trở xuống là giải thích nghĩa, lại có:

- Nói về pháp Hộ quốc, gồm có:

1. Là nói lý do Hộ quốc. Phát tâm rốt ráo là xưa gieo trồng gốc lành là phát tâm, nay nghe kinh được ít là rốt ráo.

2. Là tâm so sánh giống ấy xưa thật khó cho nên Phật thuật lại thành tựu, khen ngợi hạt giống xưa. Song các lời phát tâm này tức là Đại Kinh Ca-diếp nói kệ khen Phật. Cho nên Phật sơ tâm chỉ dùng lời ấy để thành ý nay. Hộ Thế v.v... trở xuống v.v... là đây tương ưng với quán Tâm như nghĩa trước đã nói.

3. Từ ông v.v... trở xuống là siêu thuật Thiên đảng Hộ quốc.

4. Từ ông v.v... trở xuống là truy thuật Thiên Đãng Hộ quốc.

- Từ ông v.v... trở xuống là nói Trí Nhãn Hộ quốc. Trước nói sách, nay nói Trí Nhãn, cùng thấy văn sách ấy tức Trí mưu. Trí năng soi sáng gọi là nhañ. Nói hòa hợp tức là trước nói trong nhân ngoài duyên. Nhân duyên hòa hợp sau mới cầu tai ác tiêu trừ v.v... là trước bạch Phật thì ba đoạn riêng sáng, nay thì một phen thuật chung để bao gồm riêng trước. Phen thứ hai bạch Phật nói về việc hộ quốc. Có hai:

1. Chia văn.

2. Đây là v.v... trở xuống là giải thích nghĩa. Có hai: 1- là bạch Phật, có hai:

Một là vua vâng pháp người trời trừ tai ương. Kinh nói luật trời trị đời. Sư xưa trị dân tức là trời hành hóa, phạt thì đúng tội, thưởng thì đúng công gọi là luật trời. Nước gần và binh trời khiến cứ lùi. Xích là đuổi. Kinh nói bốn binh là voi, ngựa, xe, bộ. Qua lại thảo phạt, quy là cầu. Thảo là giết. Truyện so sánh rằng có chuông trống gọi là phạt. Chiết là làm nhục. Đưa ra vàng mà chuộc lỗi. Về quân là mười hai ngàn năm trăm người gọi là quân. Vua có sáu quân, chư hầu có ba quân.

Hai là Phật thuật lại thành tự, gồm:

1. Nêu khoa.

2. Từ đây v.v... trở xuống là tùy giải thích. Có hai: một là thuật lại thành tựu ý trước. Không đấu tranh kiện tụng nhau gọi la Tăng, không đấu tụng tức là hòa hợp. Hai là thuật lại thành tựu ý sau, có hai: một là chánh dùng đẳng từ mà nói cứ lùi. Dự là an.

3. Lại khuyến v.v... trở xuống là khuyên các nước đều giữ bổn nghiệp. Tham xí, xí là trông mong. Phật bảo Đế Thích. Là Văn Đại Kinh. Kinh Sở Thát, Sở là một hình phạt đánh bằng gậy. Thát là đánh. Quãng Nhã nói ốc thấp là tốt đẹp, cũng là nhu, là đất tốt. Thời tiết chẳng vượt thứ lớp là bốn mùa điều hòa. Tâm không tham tiếc. Vì không tham nên chẳng cầu nhiều, không tiếc nên thường bố thí. Hậu phi thể nữ: Vua có một Hoàng hậu, ba phu nhân, chín tần phi, hai mươi bảy thế phụ, tám mươi mốt ngự nữ. Phong tục nói chung Thể nữ là chọn các cô gái có nhan sắc. Phen thứ ba bạch Phật, bày các khuôn phép, có hai: một là chia văn, hai là giải thích văn nghĩa, có hai: một là nêu nguyện, muốn có sáu văn như Sớ trình bày. Hai là bày các khuôn phép, có sáu mỗi thứ đều như sớ nêu. Trên sáu nguyện bá lương là tên Điện đời Hán. Lửa trời gọi là tai. Nhà Hán lấy cái đuôi con cá si dưới biển để cúng tế điện, lấy xương sống để cầu giảm tai ương thì tai ương liền dứt. Đời không biết lý do bèn gọi là Si vẫn. Tám hoành là tám phương. Hưu là tốt, đẹp. Tự lệ là khuyên mình cố gắng. Bốn biển, Bác Vật Chí chép: Trời đất bốn phương đều là biển nước thông nhau, đất ở giữa không có bao nhiêu, bảy Nhung sáu Loan chín Di tám Địch hình loại khác nhau, gồm chung mà nói. Nghĩa là bốn biển đều nói ở gần biển. Kế là Phật v.v... trở xuống, là thuật lại thành tựu, có hai: một là chai văn lập ý.

- Phật bảo v.v... trở xuống là dùng ý giải thích văn, có hai: một là thuật riêng, có hai: một là thuật thành sáu pháp, có sáu: một là thuật

thành phương pháp an thân. Vũ Nghi, Hán Thự Cao Kỷ nói: Kỷ Tín ngồi xe vua Hoàng ốc tả? Man chú rằng: Dùng lụa vàng bao bên trong, là mao vũ tràng. Tại thừa dư xa hành tả phương thương chú thích. Thái Ung nói đuôi con trâu Ly làm như cái đấu, hoặc ở đấu, hoặc ở đầu phi, hoặc ở tại Hành. Vì là mao vũ tràng làm nghi trượng của vua, nên gọi là Vũ nghi. Kinh nói Cung xuất. Cung là thân.

- Từ lại v.v... trở xuống là nói về thuật lại thành tựu phương pháp an quốc. Nạn sinh tử như thế. Kiếp số như thế gặp Phật.

- Nói lại thành tựu phương pháp làm yên ổn vợ con.

- Nói về thành tựu phương pháp làm yên Vương lãnh.

- Từ thường v.v... trở xuống là thuật lại thành tựu phương pháp cung điện.

- Từ tại v.v... trở xuống là thuật lại thành tựu phương pháp nhiếp phước.

- Từ ông v.v... trở xuống là thuật lại thành tựu sáu nguyên dục. Sáu đoạn như sớ nói. Binh khí gai góc.

- Từ ông v.v... trở xuống là thuật chung bạch Phật là thứ tư bạch Phật, thứ tư nêu cầu yếu pháp lợi, có hai:

1. Chia văn, từ cuối đoạn thứ ba, do trước Thế Tôn thuật lại thành tựu rằng phải trở về đây được phần công đức tối thắng cho các ông và các quyến thuộc. Bốn vị vua do đây bèn cầu ích của yếu pháp lợi.

2. Giải thích nghĩa. Có hai: một là bạch Phật, có hai:

Một là Nhân Vương vận tâm.

Hai là Nhân Vương v.v... trở xuống là tướng cõi trời hiện ra. Có hai: một là giải thích thờ vua đến chỗ Kim quang là tâm tồn, tức ba trí Kim quang minh đến chí Điển tức là ba đế Kim quang minh. Trí đế họp thì khởi sự dụng Kim quang minh. Vì sắc tâm chẳng hai nên hương về Trí hồi thí khắp trở xuống, là ý Thiên vương nói: Nếu dùng pháp lợi mà thí cho chúng ta thì chúng ta đều được. Cho nên dùng ánh sáng chiếu sáng cung trời làm tiêu biểu. Rồng cũng thuộc súc sinh, đối với trời và quỷ thành ba pháp giới. Nói pháp giới là nay từ giải thoát. Hương được đốt chẳng phải là pháp giới làm sao có thể trùm khắp. Thể của ba đường chẳng phải là pháp giới thì làm sao thọ nhận được .

- Quán giải thích chỗ nói trên, tuy nói Đế Trí cũng là y theo giáo, bày lực dụng của kinh, không nói về quán hạnh. Nay chỗ luận nghiên tâm khiến quán đến lý. Cho nên Kinh Khê nói. Bảng tuy lâu xa, Viên Đốn tuy Thật, Đệ-nhất-nghĩa tuy Lý mà thấy quán thuộc về Sự. Ở đây là mượn sự quán tâm, nhờ nghĩa thành hạnh.

- Trí diệu giải như lửa năng đốt, ba đế dung tâm như hương lìa mùi hôi, khởi ba học hạnh như khí nhân luân vì chân bản giác chiếu, nên gọi là Kim quang vì hạnh ngầm chân nên vô ngại mà chiếu, chỉ hẹn quán hạnh khế với Kim quang minh. Công dụng tự nhiên tướng cùng khắp sa giới. Chỉ cốt tướng hợp, nội quán chẳng tu, tâm duyên năm trần ma được dịp làm hai, hãy cẩn thận, cẩn thận.

Kế là Phật trình bày, có hai: một là nêu khoa, hai là tùy giải thích. Có hai: một là thuật thành Hương quang trùm khắp. Kinh nói Ma-hê-thủ-la, Hán dịch Đại Tự Tại Kim cương Mật Tích. Kinh Chánh Pháp Niệm chép: Xưa có vị vua, phu nhân sinh ngàn người con muốn thử ở đương lai thứ lớp thành Phật, cho nên Câu-lưu-tôn được thẻ thứ nhất, Thích-ca được thẻ thứ tư. Cho đến Lâu-chí được thẻ thứ một ngàn. Phu nhân thứ hai sinh con, người thứ nhất nguyện làm Phạm vương thỉnh ngàn người anh xoay bánh xe pháp, người thứ hai nguyện làm thần Mật tích kim cương, giúp ngàn người anh truyền trao giáo pháp. Đời truyền Phật Lâu-chí hóa thân là không đúng, đó chính là vương tử Pháp Ý. Y theo kinh chỉ một người nay thờ ở trước cửa chùa mà thành hai tượng. Phàm ứng biến vô phương nhiều cũng không lỗi. Ma-ni-bạt-đà, Hán dịch là Oai Phục Hành. A-nậu-đạt, Hán dịch là Hàm Hải (biển mặn). Kinh nói một trăm bá ức trời Phi phi tưởng, trăm ức tức là đại thiên thế giới, chỉ đồng một Tứ thiền và bốn Vô sắc. Tam thiên thống lãnh trung thiên giới, nói theo đại thiên thì có một ngàn Tam thiền. Nhị thiền thống lãnh tiểu thiên thế giới thì có một trăm muôn Nhị thiền. Chỉ bốn châu đến Sơ thiền thì có một trăm ức. Nay Phi tưởng cũng nói một trăm ức. Trở xuống trông lên mà nói. Lại sợ là dịch sai. Vì Nghĩa Tịnh dịch lại không có chữ trăm ức Phi tưởng.

Kế nữa là Từ các v.v... trở xuống là thuật lại thành tựu Thí thiện hộ tán, có hai: một là khen nhân, hai là khen quả. Khéo Năng v.v... trở xuống là phá hoại ngoại đạo, hàng ma oán là xoay bánh xe pháp. Đây đều là việc trên quả như kinh Thụy Ứng nói rộng. Bạch Phật lần thứ năm là nêu Hưng suy. Có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa. Có hai: một là bạch Phật, có ba: một là nêu Hưng mà khuyên, có bốn: một là nói về mở rộng kinh, bốn vua nghe nhận. Ba là Đại phạm v.v... trở xuống là nói Thích phạm tám Bộ đều nhóm họp. Kinh nói Thích Đề-hoàn Nhân, gọi đủ là Thích-ca Đề-bà Nhân-đạt-la, Hán dịch là Năng thiên đế.

- Thế Tôn v.v... trở xuống là nói vua cõi người Thiện tri thức.

- Vị ngọt v.v... trở xuống là nói được lợi hộ quốc càng siêng.

- Kế nêu Suy mà khuyên, có hai: một là chia văn, hai là giải thích theo văn, có bốn: một là nói: Trời mất Pháp thực, hai là nói trời thần lìa bỏ, ba là nói ác quỷ gây tai ương. Kinh nói Lưu Tinh. Tinh nói rằng mất dấu mà đi là bôn tinh, dấu sáng liền nhau gọi là lưu tinh. Bạc thực: Xét Hán Thư Thiên Văn Chí nói làm nhật nguyệt bạc thực. Mạnh Khang chú rằng: Mặt trời, mặt trăng không có ánh sáng gọi là bạc. Vi Chiêu nói khi đến bức ép là bạc, thiếu mất gọi là Trùng. Kinh Phòng Dị truyện chép: Nhật nguyệt đỏ vàng là bạc. Thích Danh chép: Nhật nguyệt thiếu là trùng. Nghĩa là nói bị ăn dầy như sâu ăn lá cây. Hồng (sáng trời, cầu vòng): Nhĩ Nhã nói Điệp Lan là Hồng vậy. Nhĩ Nhã Âm Nghĩa nói: Cả hai vùng hiện ra tươi đẹp là Hùng tức là Hồng. Tối tăm là Thư, thư tức là nghê. Giang Đông gọi là giáng, tục gọi là người đẹp, Thích Danh nói Hồng là đánh, nghĩa là thuần Dương Công đánh âm. Bốn xoay vần thành tai.

Kế là Chánh khuyên, có hai: một là chia văn, hai là tùy giải thích, có sáu: một là muốn được hiện lợi, hai là trời ưa thích pháp thực, ba là nêu ra lỗi, bốn là Vi-đà, tức sách vở người ngoài. Kinh Ma-đăng-già nói: có người tên là Phạm Thiên soạn một Vi-đà, kế có Tiên tên Bạch Tịnh biến thành bốn: một là Tán Tụng, hai là Tế Tự, ba là Ca vịnh, bốn là cúng tế trừ tai. Kế có người tên Phất-sa có hai mươi lăm đệ tử, đều một Vi-đà, có khả năng phân biệt rộng, bèn thành hai mươi lăm Vi-đà. Người kế tên là Anh Võ, người kế tên là Thiện Đạo và đệ tử dần dần thêm rộng nhiều xoay vần mở mang có một ngàn hai trăm lẻ sáu Vi-đà. Nay nói bốn là theo cội gốc làm tên, đều là nói Phạm Sự xa lìa dục nhiễm, cho nên gọi Phạm Thiên nói là xuất dục luận. Luận Tỳ-già-la đây gọi là ký luận, Bà-ni-ni soạn ra, nói các thứ kinh sách và các lời tạp. Lại gọi là Tự Bản. Hà Tây nói là gốc văn tự của thế gian, nói về điển tịch âm thanh, nói thông bốn biện, quở trách thế pháp, khen ngợi Pháp xuất gia, lời lẽ thanh nhã, nghĩa lý sâu xa. Tuy là ngoại luận mà không tà pháp, chẳng phải là Đại sĩ Thiện quyền soạn ra. Tăng-khư, Hán dịch là Số Luận, các pháp từ số mà khởi, vào kiếp sơ do Tiên Hoàng Đầu soạn ra. Vệ-thế-sư, Hán dịch là Thắng Luận, nghĩa là hơn hết trong các luận về Thắng nhân soạn ra. Lặc-sa-bà, Hán dịch là khổ hạnh, chưa biết có ở đời lúc nào, lấy tên người mà gọi tên luận. Ba là vị Tiên này nói không có lậu tận thông, chỉ có năm Thông. Bốn là trước sau được lợi ích. Do Đức Như Lai Chánh Biến Tri nói là hiệu thứ hai trong mười hiệu. Năm là giáo chủ cao quý. Kinh nói vì năng lực Đại Bi nên bình đẳng, dùng Vô duyên đại bi mà che phủ khắp pháp giới. Vượt hơn bốn

Đẳng tâm v.v... của Phạm vương dùng khổ hạnh khó nghĩ bàn chứa nhóm từ nhiều kiếp mà lợi ích chúng sinh, cho nên vượt hơn nhân mười điều lành của Đế Thích v.v... Sáu là gốc của các pháp. Kinh nói tất cả chúng sinh bình đẳng là: Thế gian thì có năm giới, mười Thiện, mười hai môn Thiền v.v... Xuất thế gian là pháp môn bốn giáo ba thừa tu chứng. Quốc Sự là các việc lễ nhạc chinh phạt trị đời nuôi dân. Soạn Thế Luận là ba luận như trên và chánh luận v.v... Đều do kinh này là ba thứ kinh giáo, hạnh, lý. Cho nên bản mới dịch nói muốn sinh lên cõi người, cõi trời, muốn được bốn quả Bích-chi-phật, muốn được thành Phật đều y theo kinh này. Sám hối diệt chướng mới được thành tựu, nếu nắm lấy hóa ý, tức là đối với Nhất Phật thừa mà chia ra nói ba, chỉ vì kinh này thuộc giáo Phương đẳng, cũng thuộc về Thông lý, nên ở đường người chưa thoát khỏi đường khác, muốn cho bình đẳng nói tùy năm thừa mà được an vui.

Phật nói có hai: một là chia văn, hai là tùy giải thích, có hai: một là nêu hưng suy mà khuyên, hai là chánh khuyên. Thứ sáu là nói kệ khen đức, có hai: một là chia văn, hai là Phù có ba, v.v... trở xuống là giải thích nghĩa, như sau:

- Là nói kệ khen, có ba:

- Khen ba thân, lại có:

1. Y hiện văn riêng đối ba thân. Không là pháp thân: Kinh chẳng có chữ không, vì mặt trời, mặt trăng phải nương trên hư không. Lại văn sau nói: Chân pháp thân của Phật cũng như hư không. Thế nên Sớ dùng ba thứ Không, Nhật, Nguyệt đối với ba thân. Không chẳng có tối vô minh, Nhật nguyệt cùng nương là dụ riêng cho thể pháp thân vốn trùm khắp. Mặt trời có công năng phá tối dụ riêng cho Báo thân dứt hết ba hoặc. Mặt trăng (Nguyệt) tròn khuyết nên dụ riêng cho Ứng thân tùy cơ hơn kém. Đây là riêng đối với viên dung ở dưới mà làm gốc.

2. Thông ý v.v... trở xuống là dùng nghĩa dụ có cả ba thân, có hai:

1. là dụ Hiển Viên, nếu dùng ba dụ riêng đối với ba thân, thì sợ nói ba thân thể nó cách lìa. Cho nên nay dùng việc năng dụ, nghĩa nó không hạn cục, mỗi dụ đều có đủ ba nghĩa. Như dụ mặt trời, trên phải nương hư không, dưới phải hiện trên nước. Ba nghĩa này thì hiện Báo Trí Viên Cụ ba thân. Đây thì ba Bát-nhã nói ba thân. Dụ mặt trăng cũng thế, có thể hiển Ứng dụng đầy đủ ba thân. Ở đây thì ba Bát-nhã nói ba thân, hư không rộng lớn là khoảng không mặt trời nương, mặt trời trên trời, mặt trời đáy nước, đương thể đều ở trong như hư không, ba thứ

không này hiển bày pháp thể đầy đủ ba thân. Mặt trăng cũng thế. Mặt trăng nương trên hư không, mặt trăng trên trời, mặt trăng đáy nước cũng đều ở trong hư không, cũng nói lên pháp thể đầy đủ ba thân. Không khắp mặt trăng, mặt trời hai nói ba thân, bèn y theo Song chiếu Trung đạo mà hiển bày. Đây thì ba quỷ mà nói về ba thân.

2. Y v.v... trở xuống là dùng kết văn mà bày, đây là văn kết khen: hễ nêu ba dụ là lửa mặt trăng chiếu hóa, ba sự nghĩa này đều hợp đủ ba. Như dụ mặt trăng trên thì nương hư không, chắc chắn là hiện dưới đáy nước. Đây là Ứng thân đầy đủ ba thân. Văn nêu như ánh lửa, ánh lửa phải nương mặt trời, mặt trời phải nương trên hư không. Đây là Báo thân đầy đủ ba thân. Văn nêu như hóa, hóa có thuật gọi là Hóa pháp. Thuật phải ở người tức là Hóa chủ, nó biến hóa vật gọi là hóa sự. Đây tức là Pháp thân đầy đủ ba thân.

3. Tuy lại v.v... trở xuống là dùng văn kết để dung thông biệt. Kinh đã hiển bày rằng không có chướng ngại, nếu chẳng phải dùng pháp mà định ở dụ. Mỗi mỗi viên dung nói trong đây là thuyết vô chướng ngại, phải dùng ý này để dung thân tướng, khiến mỗi tướng đều nghiêm ba thân, thành tướng mật tạng.

- Là khen tướng thân, có hai: một là chia khoa giải thích kinh, có hai: một là chia khoa, hai là giải thích kinh, gồm có:

1. Là hai tướng trên.

2. Là khen Trí đoạn. Câu một, hai là nêu chung, có dụ có Pháp. Bốn câu kế là khen riêng, hai câu là Trí, hai câu là đoạn dứt biển sâu. Quản tử nói: nước từ đất ra mà chẳng chảy đi gọi là vực sâu. Ba là khen hai tướng sau, bốn là dứt lời khen, năm là hết khen hai phu. Tướng v.v... trở xuống là nêu chung thân tướng, có ba: một là trang nghiêm chung, ba thân tướng tốt chẳng riêng Ứng thân, Báo pháp cũng thông. Như nay nêu lên rằng mắt lưới để lệ trên dưới, hai mươi tám tướng có công năng trang nghiêm chung cả ba thân. Vì thân tướng là một, mà tùy thấy thành ba. Trang nghiêm thân cha mẹ sinh. Vì người Tạng Thông chỉ nói Thiên không, tướng Phật được thấy gọi là do Chánh tập, cấu tạo mà thành tướng, chẳng phải kỳ đặc, chỉ hơn thân Luân vương một chút thôi. Vì chẳng biết tâm hiện mà thấy từ ngoài đến. Chấp giới hạn của sắc đều gọi là sinh thân. Đây là Như Lai khúc thuận, phàm tiểu mà hiện bày thân này nên gọi là Ứng thân. Thân trang nghiêm tôn đặc, là người Biệt giáo kính tin Trung đạo diệu sắc diệu tâm, tùy duyên biến tạo. Tướng Phật thấy được biết từ tâm hiện không có giới hạn. Hoặc hiện thân lớn mười Liên Hoa tạng thế giới trần tướng, hoặc hiện tám muôn bốn

ngàn tướng tốt hoặc có lúc chỉ là ba mươi hai tướng trượng sáu, khiến cơ duyên không thấy giới hạn, chẳng đồng với thân giới hạn của Tạng thông, nên gọi là Tôn đặc. Đây là do Như Lai tu đạo mà được nên gọi là Báo thân. Pháp môn trang nghiêm, vì người Viên giáo hiểu thân lớn nhỏ và tướng nhiều ít, đều là tánh sẵn có, chẳng phải do công tu đức. Tướng tuy là sắc mà sắc tức là tâm. Cho nên luận Khởi Tín nói: Sắc tánh tức trí nên gọi là Trí thân, trí tánh tức sắc nên gọi là Pháp thân. Nay từ tức trí gọi là pháp môn nên lấy tám muôn bốn ngàn Đà-la-ni làm tóc, bèn đến Định tuệ làm chân. Vì tức sắc nên được gọi là Pháp thân tướng tốt. Đây là tướng tốt tùy giải mà chuyển, nên làm cho trang nghiêm ba thân tướng ấy có khác, hai thứ trung hạ này bày riêng pháp môn. Đây là chỉ kinh trí sâu xa vô biên mà thành trí đức, trăm ngàn Tam-muội mà làm dức dứt. Hai đức này gồm thâu tất cả pháp môn trang nghiêm. Nếu người học đối với sắc tâm phân cách mà hiểu nghĩa này thì chẳng bao giờ biết Pháp thân tướng tốt. Ba văn v.v... trở xuống là văn bày viên dung. Trên đây phân biệt tướng của Pháp, Báo, Ứng vì muốn cho dễ hiểu nên phải đối với căn cơ cạn sâu hơn kém phải hiểu trước, trước chẳng biết sau. Sau phải hiểu sau, sau phải thấy trước. Trước do lấy thô trước mà diệu sau. Nay bốn vị vua trời là Đại Bồ-tát y theo viên mà khen ngợi, thấy ba thân tướng cùng ba đức diệu chẳng hai chẳng khác. Ứng là giải thoát đâu cách ngăn hai đức. Báo pháp y cứ theo mà biết muốn bày nghĩa này cho nên nói riêng không có chướng ngại. Nếu biết ý này mới là hiểu sâu Pháp môn Kim Quang minh.

3. Đầu kệ v.v... trở xuống là kết khen, có hai: một là nêu thẳng văn kinh, có hai: một là nêu văn, kết mặt trăng Phật là ba thân. Hiện văn chỉ có không cùng mặt trăng trong nước hợp với mặt trăng trên trời, có thể dụ cho ba thân, nói Phật hóa thành bốn thân, là pháp thân, diệu sắc mà Hóa pháp. Hai thân Báo, Ứng chiếu lý soi cơ mà làm Hóa chủ. Khúc Thuận cơ duyên hiện thân chín giới mà làm hóa sự. Nay dùng hóa sự hiện đủ ba thân trên nên luận bốn thân đều đủ ba, bốn. Thú nêu một thân tức ba tức bốn, các thứ đều như thế mới gọi là vô ngại. Hai phẩm đều v.v... trở xuống là kết diệu, có hai: Một là nói trước sau, đều có ba. Ba chương là Pháp, ba thân là người. Chấp pháp làm người thì người không lìa pháp. Cho nên nói lời khác mà nghĩa đồng. Mặt trăng Phật thanh tịnh. Dùng câu kệ đầu thành ba thân nay. Ba khen trời biện dứt diệu, một là khen ba chương rằng: Kim quang minh là kinh điển mầu nhiệm, nói lên chẳng ngang dọc. Nay kết ba thân mà nói không chướng ngại, cũng chẳng phải dọc ngang. Dùng trước dùng sau mà nói lên

khoảng giữa, mỗi câu đều nói kho bí mật. Đại Sư khen diệu ấy ở đây. Hai khoa giản Cơ ứng trên nói ba thân không có chướng ngại, nghĩa ấy sâu kín cũng lo người học ba tướng chẳng mất mà tình có phân trương. Nay nói ba thân cho đến Sở bị đều là Pháp giới, pháp giới không ngoài, đâu có kia đây.

Một là hỏi đáp: nói ngoài pháp không sót. Nói pháp chẳng làm ra báo hay phi báo. Phi báo là Ứng.

Hỏi: Ba thân chỉ một, pháp giới đâu có Năng tác làm ra sở tác mà nói nương theo pháp, là đồng y này nương mà lại tức dụng toàn thể. Dụng lại y thể.

Một là hỏi đáp, báo tức pháp giới, ảnh là Ứng thân, phi ảnh là Hóa thân, vì hiện chín giới chẳng phải tượng Phật. Pháp giới v.v... trở xuống chú v.v... Lại nên nói Ứng là pháp giới ba đồng Bí tạng, đâu có một thân nào chẳng phải pháp giới?

- Lại cùng v.v... trở xuống là hỏi đáp: Nói ngoài cơ không ứng ba thân một thể, người hoặc tin theo, nói đối cơ phần nhiều gọi là Cảnh khác. Cho nên nay hiển bày khiến mất nghi này. Có hai: Một là chỗ lập đều hiển. Động là dụ cho căn cơ chúng sinh không thể thấy Ứng, bất động dụ cho cơ trục căn cơ thuần thục sẽ thấy ứng. Nước là dụ cho Chánh nhân. Tánh an vui tức Đại Niết-bàn đã là ba đức, tánh là diệu dung đâu chẳng phải pháp giới. Cho nên môn Tự Tha không hai nói: Vật cơ vô lượng chẳng ngoài tam thiên, năng ứng tuy nhiều mà chẳng ngoài mười cõi vật cơ phải khế với Thân cõi không nghiêng lệch, đồng với Thường tịch quang đều là pháp giới. Nếu mê muội ý này chớ nên bàn tông ngày nay.

- Lại tịnh v.v... trở xuống là dẫn văn làm chứng, nhân cảm xuất thế do chúng sinh mà thành Phật. Người đều cùng biết bốn giáo đều như thế. Nay theo Viên mà nói mới cùng hết ý kinh. Bởi vì tánh tự tha vốn chẳng hai, mới có năng cảm và năng tư. Nhân cảm xuất thế, tức là mười cõi Cơ cảm, mười cõi là Ứng, vì chúng sinh địa ngục, và Phật địa ngục tánh chẳng hai, cho nên mới cảm thấy Ứng của địa ngục, cho đến cảm Phật cũng giống như thế. Điều tông này đã nói cảm ứng đầy đủ mười pháp giới là nói lên không hai. Nếu nghĩa chẳng thế đâu chỉ chúng sinh chẳng thể cảm Phật hay cũng mười chỗ chẳng thành pháp giới. Phải nghiên cứu kỹ, nghiên cứu kỹ. Do chúng sinh mà thành Phật, là chúng sinh năng làm thắng duyên tốt thành Phật, hoặc thuận hoặc trái đều giúp thành Phật. Mà ác nghịch thì công rất mạnh. Nếu không có Đạt-đa thì Phật đâu thành đạo. Song nếu pháp ác vốn chẳng phải Phật tánh thì

làm sao giúp Bồ-tát thành Phật. Bồ-tát chẳng quán chúng sinh là pháp giới chẳng phải Bi Đồng Thể, chẳng phải hạnh vô tác thì đâu thể thành tựu quả Bồ-đề. Nếu ngoài Phật ấy có một chúng sinh thì chẳng phải Phật pháp giới. Ngoài chúng sinh có Phật pháp giới chẳng thành, chẳng có sự hiểu này thì chưa vượt ngoài ba tạng, huống chi là Thông biệt. Ba Phật ba kệ đáp, có hai: một là lập ý chia văn, có hai: một là lập ý, có hai: một là chánh lập pháp. Năng thành Phật là quỹ pháp của chư Phật mới thành nhân quả. Vì pháp thường cho nên chư Phật Thường, suy ra Lạc, Ngã, Tịnh cũng giống như thế.

- Bát-nhã v.v... trở xuống là dẫn chứng, pháp năng thành lập tất cả phàm thánh, vì pháp vôn đủ mười pháp giới nên tùy duyên nhiễm tịnh mà thành Phàm Thánh. Phàm phu tuy mê mà trong mê ấy giả thật Y chánh không hề lìa tánh. Phải biết duyên nhiễm huân ở tánh nhiễm mới thành pháp nhiễm. Duyên tịnh huân người tịnh đều cùng biết. Tánh nhiễm tánh Tịnh thể nó vốn dung, toàn thể mà khởi, theo duyên nhiễm thì nhiễm tịnh đều nhiễm, theo duyên tịnh thì nhiễm tịnh đều tịnh. Cho nên môn Bất Nhị nói: Tam thiên ở lý đồng gọi vô minh. Tam thiên quả thành đều gọi Thường Lạc. Tánh của nhiễm tịnh là Kim quang minh. Kinh nói Diệu thể là Như Lai, nay nói là tịnh duyên, cho nên khen ngợi để đáp Thiên vương. Hai là chia văn, dụng ý giải thích văn, có ba: một là khen thể của kinh.

- Mười Lực v.v... trở xuống là khen kinh tông.

- Cho nên v.v... trở xuống là khen dụng của kinh. Ở đây mở như sau:

- Ba hạnh có cả chúng sinh mà nói sinh thiện dứt ác.

- Diêm-phù-đề v.v... trở xuống là mười hai bài rưỡi riêng y cứ về nhân vương. Nói sinh thiện dứt ác có ba:

1. Ba bài rưỡi nói nguyện dục (mong muốn).

2. Ưng đương v.v... trở xuống là ba bài rưỡi nói lập hạnh.

3. Thí như v.v... trở xuống là năm bài rưỡi nói được lợi ích. Ba là vàng này v.v... trở xuống là hai bài rưỡi y theo Thượng thánh hộ niệm nói sinh thiện dứt ác.

- Nếu có v.v... trở xuống là bốn bài rưỡi y theo Sư đệ nói nghe, nói sinh thiện dứt ác.

- Bốn vị vua vui mừng phát thệ. Kinh nói Bi Hỷ, Bi là buồn xưa chẳng được nghe, Hỷ mừng là nay được nghe. Bi là buồn người khác không nghe, Hỉ là mưng mình được nghe. Nước mắt chảy quanh. Đề là Thể, đề tức là nước mắt, ngang là giao ngang. Xưa vốn gọi hoành lưu

chẳng cần phải đổi thành chữ giao. Đại kinh cũng như thế. Vô-sấm dịch thường gọi là Hoành lưu. Bài phú Vương Xán Đăng lâu Phú nói: Buồn quê cũ cách xa, lệ chảy ngang không dứt. Di giải, Di là hòa vui, giải là cởi bỏ tan hết.

- Phẩm Đại Biện: có hai:

Một là giải thích Tên.

Hai là giải thích Đại Biện lại có:

- Pháp môn Sở trụ có hai:

1. là nói bốn biện đặt ra bốn giáo, Tạng không nói Đại mà chỉ nói Vô lậu, cho nên gọi là Tiểu Biện. Thông giáo nêu giả thuyết nói về giới nội, trần sa tám môn gọi là vô lượng biện, Biệt giáo nói về hai thứ trần sa giới nội, giới ngoại nên gọi là song biện. Viên nói mười cõi mỗi pháp đều trung, hai bên tình mất, các pháp cùng khắp, chân tục rõ ràng, ba Đế một Đế gọi là Đại Biện.

2. Thiên này v.v... trở xuống là nói pháp Sở trụ. Tối Thắng Vương nói: Thiên nữ Đại Biền tài ở trên đỉnh núi cao, cắt tranh làm nhà, kết cỏ làm áo, ngồi nhón một chân, Không, giả, Trung Trí nhất tâm mà được, phá hoặc căn bản, trang Nghiêm pháp thân, tâm đã dung thông nói được tự tại, tức tự trụ vào Đại biện.

Kế là Dĩ tự v.v... trở xuống là năng dùng bốn tất, Viên bàn sâu mầu, hay nói thô cạn tùy cơ mà trao. Không có quái ngại mới gọi là Đại Biện. Cho nên Sớ đem vui để đối Ngộ mà nói bốn Tất khiến được bốn Vui cho đến bốn Ngộ. Đây thì một tất nói về bốn giáo. Cũng là bốn giáo đều có bốn ích. Thiên nữ Đại Biện Tài, có lực dụng như thế.

- Đối Phật v.v... trở xuống là nói ý phẩm.

- Giải thích văn, như sau:

- Chia văn giải thích nghĩa, có hai:

- Chia văn, có hai:

- Gia v.v... trở xuống là giải thích nghĩa, có ba:

1. Là Gia Pháp sư thêm Viên bốn biện, tự năng gồm có ba, tức bốn thứ trước có bốn mươi sáu ích. Ưa nói biện là đối với một chữ mà nói tất cả chữ, trong một lời mà nói tất cả lời, trong một pháp mà nói tất cả pháp. Tùy người được độ mà có lợi ích. Từ biện là các thứ trang nghiêm nói năng khéo léo. Nghĩa biện là biết nghĩa các pháp nơi chốn trở về. Pháp biện là trí tuệ thông suốt tên gọi các pháp.

2. Nếu có v.v... trở xuống là thêm hóa đạo. Trước thêm bốn biện là Đạo Năng hóa, nay thân người là căn cơ được hóa. Hai thứ này hòa hợp thì hóa đạo vô cùng.

3. Từ phục v.v... trở xuống là thêm nghe, kinh nói kỹ thuật. Hai là kết bày ích sâu.

Kế là Phẩm Công Đức Thiên, có hai: một là giải thích tựa đề có hai: một là giải thích công đức, trong hai Nghiêm thì đây là phước đức, phước năng giúp trí để trang nghiêm gốc lý. Trí là ba Bát-nhã, Phước là ba giải thoát, Sở hiển Sở Nghiêm tức là ba quỹ, hoặc chung hoặc riêng đều là Kim quang mình một thể này khác tên. Nên biết Đại Biện và trời Công Đức đều là chứng nhập Pháp môn Kim Quang Minh, đều nhiếp khắp tất cả pháp. Dẫn vật riêng tốt gọi là hạnh khác nhau. Ở đó nhiếp tất cả lấy trí làm đầu, ở đây nhiếp tất cả lấy phước làm đầu, năng nhiếp, sở nhiếp đối trí khác nhau. Cho nên ở thế giới này, cần gì không thiếu năng sinh chánh niệm. Tức là ở người tự dụng nghĩa sâu phá được cạn. Tức là ở đối trị khiến cho mau ngộ bản tánh Bồ-đề ở Đệ-nhất-nghĩa.

- Thử Thị v.v... trở xuống là nói ý phẩm.

- Giải thích văn, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có sáu: một là nguyện cung cấp bốn việc, tức trải qua chỗ nêu là y phục, ăn uống, đồ nằm, thuốc men và các thứ tài sản khác, tức là ngoài bốn việc, tất cả vật giúp sinh các vật (ruộng vườn v.v...). Hai là nói lý do phước đức, nói đời quá khứ gặp Phật tu chứng pháp môn Kim Quang Minh, nên ngày nay đối với việc hoằng kinh có mong cầu đều ban cho. Tám chữ Bảo Hoa v.v... là biệt hiệu (tên riêng) Như Lai v.v... là hiệu chung. Không luống dối gọi là Như Lai do ruộng phước gọi là Ứng Cúng, biết pháp giới gọi là Chánh Biến Tri, đủ ba minh gọi là Hạnh Túc, chẳng trở lại gọi là Thiện Thệ, biết chúng sinh cõi nước gọi là Thế Gian Giải, không ai bằng gọi là Vô Thượng Sĩ, điều phục tâm người khác gọi là Điều Ngự Trượng Phu, làm mắt cho chúng sinh gọi là Thiên Nhân Sư, biết ba nhóm gọi là Phật. Đủ mười hiệu này gọi là Thế Gian Tôn. Trồng các gốc lành là dùng trí chiếu Kim quang minh mầu nhiệm làm gốc các điều lành. Bích là ngọc đã mài bóng rồi. Chu Lễ nói lấy ngọc xanh mà lễ trời là đó. Kha bối là vỏ ốc, ba là khuyên hãy thực hành pháp, có hai: một là khuyên bày lược, hai là khuyên bày rộng. Ở đây mở ra sáu, một là bày chỗ thường ở. Kinh nói A-ni-man-đà, dịch là có tiền của. Hai là bày xưng danh cúng dường. Ba là nói tụng trì thần chú. Bốn là nói khen chú Khuyên Trì. Quán Đảnh Chương Cú là dùng nước pháp tánh mà tưới trên đảnh Thập địa, thọ nhận chức Pháp vương. Nay ngầm nói pháp này nên gọi là Quán Đảnh, chắc chắn là đức Bát-nhã, cát tường là đức giải thoát, chân thật bất hư là đức pháp thân, dùng ba đức này mà khen ngợi nghĩa Quán Đảnh. Đẳng hạnh nghĩa là làm đủ các hạnh.

Trong gốc lành gọi là Hạnh nhất hạnh. Tám giới tức là người ở tại gia trong một ngày một đêm, đối với năm giới trên lại thêm ba giới: Chẳng đeo hoa hương, chẳng xem nghe ca múa, chẳng nằmgiường cao. Đó là tám giới, chẳng ăn quá ngọ là trai. Năm là khuyên hồi hướng Bồ-đề, đó là dâng cúng và tụng mật ngôn cầu thỉnh ý. Nếu vì mình hưởng năm dục lạc mong cầu tiền của thì tức là nghiệp luân hồi, các bậc Thánh đều quở trách. Tôn Thiên thà ủng hộ khiến vì mình người mau thành Bồ-đề chỗ được chẳng phải là nhân sinh tử, nên y văn này mà tu Pháp hạnh này. Sáu là khuyên trang nghiêm nơi chốn phục vụ. A-lan-nhã, hán dịch là Vô tránh, tức chỗ ở không tranh cãi, giành giật với đời, tức là chỗ ở xa xóm làng năm dặm. Lại có Đạt-ma A-lan-nhã là nói các pháp xưa nay thanh tịnh, vì gọi chỗ ấy là pháp A-lan-nhã. Tức kinh Hoa Nghiêm thước nói A-lan-nhã là pháp Bồ-đề tràng, chỗ kinh này chỉ là bao gồm cả hai. Bốn là thệ lâm ảnh hưởng, năm là yêu cầu đồng hành, sáu là riêng bày quy kính.

Hỏi: Trong đại kinh nói: Chị Công Đức là chủ, em là hắc ám theo sau, chủ nhân hữu trí cả hai đều chẳng thọ. Nay khiến phụng cúng với đó rất trái, chỗ nói hai kinh sao hòa hội được?

Đáp: Tôn Kinh lập pháp lấy bỏ nhiều đường, Đại quyền rủ hình nói lên quả báo chẳng phải một. Nó đối với hắc ám tiêu biểu cho sinh phải có chết, bốn tướng theo nhau. Đây đối với Đại Biện mà tiêu biểu phước giúp Trí, hai nghiêm cùng hiển. Bốn tướng là nói bất song khu, hai nghiêm là công lý hợp đều tiến. Phước mà có Trí thì sinh tử tự mất, Trí mà có phước thì sẽ chứng Bồ-đề. Nay là nói nghe kinh Kim Quang Minh, cho nên nhờ trời giúp vật cần dùng, phải biết nay dùng mất cả sinh tử. Tâm mở rộng kinh chiêu cảm trời Công Đức tư tài đạt được, lìa ngã, ngã sở. Chị còn chẳng đấm trước, thì em há lại đến. Đây là hoằng kinh kia chuyên tu quán. Dùng xả mà nói về ích, đi ở há đồng. Lại như vua chúa, quan lớn, quan trưởng, Pháp Hoa khiến lìa, Niết-bàn khiến gần. Cho nên biết lập pháp đều có Dị môn đâu vì kinh ấy hỏi chỗ mà nay nói. Bốn, Phẩm Kiền Lao Địa Thần, có hai: Một là giải thích đề, có hai: một chính là giải tên, có hai: một là Trí Sở biểu mà lập bốn Tất. Kinh Tịnh Danh nói Trí độ là mẹ Bồ-tát, phương tiện là cha, dẫn dắt tất cả chúng, đều do đây mà sinh. Trên là thiên thần, Thiên là Dương cho nên như cha, đây là Địa thần, Địa là âm cho nên như Mẹ, là một nghĩa. Cha mẹ chẳng đồng nên thuộc thế giới. Thiên Dương nên che ở trên, Địa âm nên ở dưới chở. Mãng là tên chung các loài cỏ, mộc là gọi chung các loài cây. Trí độ v.v... trở xuống là hợp dụ, các điều lành dụ

cho cỏ cây. Đều có v.v... trở xuống là như Bố thí phá san tham, cho đến Thiền chủ phá tán. Năm thuộc nhân duyên cho nên chưa mất hết. Trí phá sinh pháp mới không có danh tướng, là bậc nhất trong phá ác, nên gọi là đối trị. Trí độ lại vốn phá lập đều mất, vì không ai trên nên gọi Đệ-nhất-nghĩa. Đây là Trí độ lập bốn Tất-đàn.

- Pháp môn Trí độ v.v... trở xuống là nêu tên bày bốn đức. Kiên lao tức là đức Thường, Địa là Lạc Tịnh, không chịu khổ nên giữ kỹ tất cả, lìa nhiễm trước cho nên sinh ra vô tận. Thần là đức Ngã, oai đức lực dụng đều tự tại.

- Phẩm này v.v... trở xuống là nói ý phẩm. Hai là giải thích văn, có hai: một là chia văn, hai là tùy giải thích, có ba: một là thề phun vị đất, có ba: một là nói thân mình thêm lớn, có hai: một là sinh khởi tám sự, hai là tùy sự giải thích kinh nên y theo thứ lớp sinh khởi mà nêu. Kinh nói xóm làng, núi sông, dưới có nước thì gọi là đầm ao. Túc Vệ là chỉ cho túc vệ hộ, năm quả này do ăn mà được.

- Từ sông v.v... trở xuống là nói quyến thuộc thêm lớn, có hai: một là sinh khởi năm việc, hai là tùy việc mà giải thích kinh. Năm đều như sinh khởi. Kinh nói túng quảng: Nam bắc gọi là Tung, Đông Tây gọi là quảng.

- Tùng thế v.v... trở xuống là nói Báo ân thêm lớn, có hai: một là sinh khởi sáu việc, hai là tùy sự giải thích kinh, cũng như sinh khởi.

- Phật thuật lại thành tựu, có hai: một là nêu văn, hai là tùy giải thích có hai: một là thuật lại thành tựu xoay vần thêm lớn.

1. Y cứ văn kinh v.v... trở xuống là thành nghĩa xoay vần. Cố chọn lấy v.v... trở xuống là khoa xuất thế. Ngày đêm hưởng vui là ở văn kế.

2. Nói thành tựu cúng dường thêm nhiều. Kinh nói cúng dường là ở đời người. Người này v.v... trở xuống là đến cõi trời. Nhật dạ v.v... trở xuống là xuất thế. Tuy được vui cõi trời mà ở Lạc pháp giới cho nên không có chỗ thọ. Vì thế gọi là vui sướng mầu nhiệm không thể suy nghĩ bàn luận. Ba là phát thệ hộ trì kinh, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có ba đều như chia văn.

- Phẩm Tán Chỉ, có hai: một là giải đề, hai là giải thích tên, có hai:

1. Dịch tên.

2. Mật hữu v.v... trở xuống là bày nghĩa. Mật danh thuận thế giới, mật hạnh là vì người, mật Trí năng đối trị, mật lý là Đệ-nhất-nghĩa, đều y cứ ba pháp chẳng dọc, chẳng ngang, Thiên Tiểu phàm hạ không thể biết được, cho nên gọi là Đẳng, đều gọi là Mật. Chú thích rằng v.v... ý

chỉ là ở đây.

Kế là Cái thử v.v... trở xuống là nói thuộc lãnh, có hai: một là nói chỗ thuộc, có hai:

1. Chính là nói chỗ thuộc.

2. Dư có ba v.v... trở xuống là gồm nói ba tướng. Hai quản lãnh v.v... trở xuống là nói chỗ lãnh gồm:

- Là nêu Bộ số, có hai:

1. là y theo phương duy nói số. Sáu phương là bốn phương và trên trời, dưới thế gian. Bốn duy là bốn góc.

2. Lại nói v.v... trở xuống là y cứ năm Đại nói số. Năm thứ này đều có Thần chủ chấp.

- Tuần du v.v... trở xuống là chỉ bày công năng.

- Văn kinh v.v... trở xuống, là nói ý phẩm. Chú v.v... là tuy ba vị Thiên vương đều có Thần Tướng, Tán chỉ là đầu, cho nên nêu riêng tên để giải thích ý này.

- Văn v.v... trở xuống là giải thích văn, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, lại có:

1. Nêu kinh. Duy Nhiên, Lễ đối gọi là Duy, dã đối gọi là A.

2. Thuật lại v.v... trở xuống là Thuật, có hai: một là tiết câu lập ý.

- Thần ký v.v... trở xuống là giải thích nghĩa chung riêng, như sau:

- Giải thích chung, lại có:

1. Y theo tên gọi mà nêu nghĩa. Chỗ làm của Đại quyền có Bản có Tích. Dùng trí chứng chân gọi đó là Bản, tùy Tình lập tục gọi đó là Tích, tuy chia ra Bản Tích nhưng chỉ lập một tên. Xưa từ Mật bản mà duỗi ra mật Tích, nay từ Mật tích mà hiển bày Mật bản, chỗ Thùy tích đây là mật danh. Chỉ nói thế tục thống lãnh các thần có ở Mật mưu. Nay đối Thế Tôn kể hộ kinh đức mà phải hiển Bản. Đây là mật danh hợp nói lý trí, Hiền thánh thiên tiểu chẳng thể biết được nên gọi là mật. Tán Chỉ Bản Tích đã làm sáng tỏ ở đây, vì nghiệm bốn vương các Thiên Thần v.v... đều từ Bản mà thùy Tích Hóa. Cho nên nay giải thích nói rõ nghĩa mật, đâu riêng hiển Bản Tích các trời, cũng là năng bày Thể, Tông, Dụng của kinh.

2. Nếu Trí v.v... trở xuống là y tên mà giải thích nghĩa, như sau:

- Là y theo Cảnh trí mà giải thích, có hai:

- Là giải thích, có ba: Trí là ba trí năng quán, Cảnh tức là ba đế sở quán. Chánh là nói lên Cảnh trí chẳng phải tà, Năng Sở dung nhau,

Tà Chánh chẳng hai. Mật danh hiển Đức là ở đây. Một là năm câu đầu nói Trí mật, có hai:

- Chọn giai cấp chẳng cạn sâu. Riêng ba Trí trước là không, kế là quả, sau là Trung. Đây có thể nói nghĩa sau là nói về mật.

- Tức một v.v... trở xuống là hiển mật, có hai:

1. Là y cứ ba trí dung nhau chẳng ngoài ba, một câu đầu là một trí tức ba trí, là trí diêu không. Câu kế là ba trí tức một Trí, là Trí Diệu quả. Hai câu sâu chẳng phải là ba một song chiếu ba một, là Trí Diệu Trung. Nếu chỉ các pháp là tất cả thì chưa hẳn đều đủ vì không giả Trung là tất cả, không còn dư sót.

2. Nếu được v.v... trở xuống là phụ Văn nói lên dung chứa năm câu. Tức ba Trí phối hợp giải thích như sau.

- Năm câu kế là nói Cảnh mật có hai:

Một là phân biệt chẳng phải Trí. Trí có thể nghĩ, miệng có thể nói bàn, làm sao thành mật?

Hai là không thể v.v... trở xuống là bày mật, gồm có:

1. Chính là bày. Cảnh chẳng phải ngoài Trí, đâu thể dùng trí thiên tiểu mà biết được. Đây là nói dứt nghĩ suy. Cảnh lìa danh tự đâu thể lấy các pháp danh tự mà gọi. Cảnh lìa nói năng đâu dùng bốn câu nói năng mà nói. Đây là nói dứt luận bàn.

2. Mà y cứ v.v... trở xuống là phụ văn. Trước ba Trí nói duy số chỉ mật. Nay tuy năm câu, mỗi câu đều nói không thể suy nghĩ bàn luận, tức là chỉ số chỉ mật.

3. Năm câu sau là nói chánh mật, có hai:

Một là Phân biệt chẳng phải, giới nhĩ đối đãi đều chẳng phải Trung chánh, là thô hiển pháp, mật nghĩa chẳng thành.

Hai là Tức tà v.v... trở xuống là bày mật, có hai: một là ngay lý mà bày chánh tà, trung biên thú nêu một, thâu hết các pháp, muốn cùng ai nói về đối đãi. Muốn cho hiểu rõ nên gượng nói Trung chánh.

- Dẫn kinh Tư ích mà chứng tâm có cả chân vọng, nay vì phân biệt có không mà chia. Nói phân biệt là chia ra tà chánh khác với trung biên, khiến cho các pháp chẳng chánh trong đó về lỗi đã như thế thì lợi ích rất dễ hiểu.

- Ngã hành v.v... trở xuống là kết.

- Lại đây v.v... trở xuống là y theo ba nghiệp mà giải thích. Có hai: một là giải thích. Nói một vãng, đã Trí cảnh chánh ngoại bàng hiển bày nghĩa này. Tán chỉ nay ở mật danh mà hiển bản, bản mật có ba, tức là thân, miệng, ý. Nếu chẳng thế, thì làm sao có thể thị hiện thần tướng ba

nghiệp, khiến cho chúng chẳng biết. Cho nên chưa hiển bày bản, trước chẳng phải đồng thể thì đều chẳng thể lường. Ở đây là ba mật khiến cho như thế.

- Sở dĩ v.v... trở xuống là kết. Tuy đối với ba nghiệp nói lại chẳng bày, lại là nghĩa mật. Như Tiên-đà-bà chẳng phải là điều mà vị quan có trí chẳng hiểu.

- Như thế v.v... trở xuống là kết trước sinh sau.

- Thế Tôn v.v... trở xuống là giải thích riêng. Trước đem năm câu cùng nói Trí mật. Chỉ vì Trí v.v... mà bày tên gọi mật, nên phải giải thích chung. Nay ở năm câu đầu chia đối ba quán, cho nên năm câu sau chia đối với ba thân, cho nên giải thích riêng có hai.

- Trước Đại Sư dùng ba pháp để giải thích, có hai:

- Chính là giải thích riêng, có hai: một là y theo năm câu riêng đối với ba quán, có ba:

1. nhắc lại văn bày nghĩa, thực hành quán mà giải thích. Đó là nêu hạnh bản tu của tán chỉ.

2. Biết một v.v... trở xuống là y nghĩa mà giải thích câu có hai: Một là hai câu bày cảnh, năng sinh sở sinh đều nói tất cả pháp. Như mười hai chi đều là năng sinh, đều là Sở sinh giúp năng sinh. Năng sinh là nhân, năng tư hay giúp là duyên, nhân duyên chẳng hết, sinh pháp vô cùng đây đều là cảnh Sở quán.

3. Rõ một v.v... trở xuống là ba câu bày ba quán, lại có:

Một là câu quán không, hiểu rõ hư vô, đều từ nhân duyên không có thật, tánh là dối, lìa danh tướng nên là vô. Rốt ráo không thật có mới gọi là liễu pháp.

Hai là biết pháp v.v... trở xuống là câu kế nói quán giả, hiểu rồi không có tánh tướng gọi là biết không, chẳng ngại duyên khởi gọi là phi không, dùng tất cả Đạo mà khởi tất cả chủng gọi là Trí đạo chủng, Trí này phân biệt mười cõi giả danh hải ấn sum la mà có khác nhau. Viết chữ Vô là lầm.

■

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 5
(Phần cuối)

Ba là Như pháp v.v... trở xuống, là câu sau nói về Trung quán, dùng hai quán v.v... là nói hành tướng An trụ. Nói đủ ba quán. Nếu chẳng phải một tâm quán Thể thì là tung, nếu chẳng dùng hai làm phương tiện thì trung là chân thật, quán thể là hoành. Nay nói ba quán chẳng dọc, chẳng ngang, như thế mà tu, liền sinh ra pháp an trụ mười cõi. Như ở biển tánh, thì tức là tu thành tánh, công phu do năng lực một tâm ba quán. Nên Kinh Khê nói vì dùng Chánh quán mà an cho nên Thế đế mới thành không thể suy nghĩ bàn luận. Đây thì ngăn cả Trung đạo, chiếu cả hai đế nên gọi là đều nhận chịu, ngăn là ngăn tình, chiếu là chiếu tánh, bên tình đã mất thì hai Đế đều Trung. Trung đã chẳng nghiêng lệch, cho nên không giả đều gồm tất cả. Kinh nói đối với tất cả pháp thọ nhận tất cả pháp. Chẳng dùng song chiếu Trung đạo để giải thích, vì ý kinh chẳng hiển bày.

- Nếu ba v.v... trở xuống là kết quán tên mật, có hai:

1. Phân biệt về chẳng đúng.

2. Tức nhất v.v... trở xuống là bày mật. Tức một mà ba nên chẳng phải một, tức ba mà một nên chẳng khác. Dọc ngang đều khác, chẳng phải so sánh mà biết. Muốn biết v.v... là gồm dùng miệng mật để kết văn này.

- Y theo năm câu kế đối riêng ba thoát. Ở đây là nói Tán Chi tự hiển bày bản địa. Đã chứng giải thoát mà gồm ba đế, đã chứng giải thoát là do thấy đế.

- Trước nhắc lại văn bày nghĩa.

- Hiện thấy v.v... trở xuống là y nghĩa giải thích câu, có ba:

1. Câu một là bày viên tịnh, thật trí chiếu Chân-đế không thể suy nghĩ bàn luận, là thể của Chân-đế, là tánh đức Bát-nhã, toàn tánh khởi tụ gọi là Thật trí. Đế chẳng phải Bát-nhã làm sao phát Thật trí. Đế này lìa trói buộc liền thành phần mãn viên tịnh giải thoát, phải phân biệt lý

quả trước sau như một.

2. Ba câu bày phương tiện thanh tịnh, tùy cơ khuất khúc nhân quả hưng phế, đều là quyền trí chiếu tục đế không thể suy nghĩ bàn luận. Tục đế thể là tánh đức giải thoát. Toàn tánh khởi tu thì gọi là quyền trí. Lìa phược liền thành phần mãn phương tiện thanh tịnh giải thoát. Lý quả chẳng hai y theo trước có thể biết.

3. Một câu sau là trình bày tịnh tánh. Trước nói Trí quang cho đến Trí tụ, bốn tên chỉ vời Trí năng chiếu. Chỉ trí cảnh này cũng nêu Trí Thể là nghĩa đế lý sẽ được chiếu. Cho nên kinh pháp được dẫn là Trí như như. Trí này thầm như như với pháp, ý này và Cảnh trí như chẳng hai. Song đây nói người đều biết, chỗ giải thích trọn thành hai phân biệt bỏ ngoan cảnh và vọng tâm Thiên tiểu giả lập Chân như. Cảnh này làm sao là một với trí được. Nay y theo minh mà lập Cảnh Thể, đó gọi là Bản giác, còn Trí Thể gọi là Thỉ giác, nên luận Khởi Tín nói: Nói nghĩa giác, nghĩa là Tâm thể lìa Niệm, lìa Niệm tướng, như hư không chẳng đâu chẳng khắp, đâu có một thời, một trần, một tâm nào chẳng phải là Bản giác và thỉ giác ư? Cho nên được nói: ba đời mười phương sinh Phật y chánh là Trí năng quán. Cảnh Trí tên khác nhưng thể nó chẳng khác. Cho nên năng sở hai mà chẳng hai. Cảnh chiếu ở cảnh, cảnh chiếu ở Trí, Trí chiếu ở Trí, Trí chiếu ở cảnh. Bốn câu này nói tức không nói mà nói. Cảnh trí này gọi là không thể suy nghĩ bàn luận ư? Trí Cảnh này phải nói về sáu tức, ở đây là Phần chân, rốt ráo hai vị.

- Nếu ba v.v... trở xuống là kết thoát gọi là mật, có hai:

1. Phân biệt về không phải.

2. Vì bất v.v... trở xuống là bày Mật, đều lệ ở trước, ba là y cứ năm câu sau riêng đối ba thân, lại có:

1. là nhắc lại văn bày nghĩa.

2. Chánh giải v.v... trở xuống là y nghĩa giải thích câu, có ba:

Một là hai câu bày báo, chính là giải thích thể năng hiển v.v... ở đây giống như giải thích thể hiển bày chân. Chân thể là tánh đức Bát-nhã. Đã được hiển phát tức là năng quán. Vì hiểu vô minh căn bản nên gọi là chánh quán. Mà nói Báo thân là ở tâm thì gọi là quán, ở thân thì gọi là báo, bốn mươi hai vị đều được nói.

Hai là Đắc chánh v.v... trở xuống là hai câu bày Ứng, phân biệt y theo pháp mà biết thuốc bệnh. Giải duyên y theo cơ chưa thành thục mà sinh. Không phải phân biệt này thì không có Ứng thân, cho nên Ứng thân đối cơ chưa thuần thục mà xuất ra, hiện ra, sinh ra, gọi là đãi thời. Đã phát rồi mới xuất ra thì gọi là quá thời, kêu mổ cùng lúc là tướng

Ứng cơ.

Ba là Một câu bày pháp vô giác v.v... Nghĩa bày phải đối Báo Ứng mà phân biệt. Chỉ một Đại giác mà có tịch chiếu và phi tịch chiếu ba thứ khả năng, nên gọi là ba thân. Giác là Chiếu giác. Lý năng chiếu, tức là Báo thân, vô giác tức bệnh giác mà năng hiện hành, tức là Ứng thân. Nay nói vô giác là bất giác, tức chẳng phải chiếu, chẳng phải tịch giác, năng song vong, song dụng nên gọi là rốt ráo giác, tức là pháp thân. Cho nên ba thân gọi là ba Phật. Ba thứ liễu cũng giống như thế. Ở thân thì gọi là giác, ở tâm thì gọi là Liễu, ba nghĩa rõ ràng.

Kế là Như thế v.v... trở xuống là Kết thân, gọi là Mật, có hai:

1. Phân biệt về chẳng phải.

2. Phi nhất v.v... trở xuống là y cứ họp đối Đề, có hai:

Một là họp ba Đức. Đối đề văn ở trên, y theo Chánh là nói về ba thân. Quán là nói ba quán. Thoát là nói ba thoát.

Kế là ba đều có thế đối với Kim quang minh. Đây là nói Lìa. Nay họp ba thân thành một pháp thân, chỉ đối chữ Kim mà hợp ba quán thành một Bát-nhã. Chỉ đối chữ quang hợp với ba thoát thành một giải thoát. Chỉ đối với chữ Minh. Các kinh các luận dùng ba đức v.v... làm tu hai tánh một để nói. Người viên giáo hiểu là hợp ba nghĩa. Ý này rất mầu nhiệm, người học nên biết.

2. Ba Đức v.v... trở xuống là nói năm chương đều mật. Ba đức là chỗ Phật chứng Mật tạng. Vì trùm các căn cơ nên nói kinh Kim Quang Minh là giáo vi mật. Tán chỉ vốn nhờ bẩm Mật giáo này mà sinh mật giải, tức là nghe tên mật, trụ Lý chính là tu Mật tông, lợi tha chính là khởi mật dụng. Chẳng nói giáo là đồng với Phật.

- Lại nữa v.v... trở xuống là nói thông nhau. Tuy là ba thân, ba thoát, ba quán, ba tiết giải mà mười lăm câu mỗi câu đều là biển Kim quang minh thể lượng cao rộng, cho nên khiến danh nghĩa xoay vần mà giải thích nhau như trăm câu giải thoát trong Niết-bàn, vì mỗi câu đều là ba đức Tạng vi mật. Cho nên Đại Sư giải thích mỗi câu đủ trăm thành muôn. Nay nêu Chánh giải đủ mười bốn câu hay đủ thành mười lăm câu. Họp rằng do Chánh giải nên Chánh quán, do Chánh giải nên được Chánh phân biệt, do Chánh giải nên được Chánh giải. Đối với duyên do Chánh giải nên chành năng giác liễu, do Chánh giải nên bất tư nghì Trí quang, cho đến do Chánh giải nên đối với tất cả pháp bao gồm lãnh thọ tất cả pháp. Dùng một câu chánh giải làm đầu đã thế. Các câu khác làm đầu cũng so sánh theo đây, thành một trăm bảy mươi lăm câu. Vì thể lượng nhất quán cho nên tướng Danh nghĩa thành. Sớ ở ba, năm đều

nêu câu đầu so sánh với bốn cầu đều thành mười lăm câu. Chú v.v... khiến đây tiêu thích.

- Lại làm v.v... trở xuống là dùng năm tánh để giải thích Sở dụng. Năm thứ đều gọi là Phật, là quả đức nên đều gọi như thế. Tánh là không thay đổi. Nếu dùng năm thứ này đối nghĩa ba tiết thì năm câu này là năng hiển tán chỉ bản, chứng viên thường, tích dụng cùng khắp. Hộ kinh đức diệu, lợi người càng sâu. Đây chính là các nhà hiện nay đối mà giải thích ý.

Văn có hai:

1. Đại Sư đối năm câu đầu, có hai: một là bày năm tánh đồng khác, có hai: một là nói ba thư chẳng khác, Chánh là Trung Chánh, Duyên là trợ duyên, Liễu là giác Liễu. Ba Danh nghĩa này thầy lập đồng nên nói là chẳng khác.

2. Lại một v.v... trở xuống là nói hai tánh hiện ra và mất đi, có hai: một là hai nhà lập khác, có hai:

1. nói tướng khác. Quả tánh là duyên sở khắc trí dứt quả. Cảnh quả là Duyên liễu sơ chuyển cảnh giới, tức là Ấm v.v... mười thứ Cảnh. Quả và quả quả là, quả thì riêng ở Trí Đức, quả quả thì ở dức dứt cho nên nói quả quả. Hai thứ này đều gọi là tánh, đều lấy thường trụ chẳng thay đổi làm nghĩa. Cảnh giới chẳng đổi, là tu ác tức Tánh ác.

2. Nếu làm v.v... trở xuống là nói khai hợp. Mỗi cảnh giới là duyên, thuộc về duyên nhân. Mười cảnh như ấm v.v... là Chánh quán cận phương tiện pháp, thân phát liễu nhân nên có thể thuộc về Duyên nhân. Một quả quả tánh là thuộc về quả tánh. Trí đoạn tuy khác đều gọi là quả.

- Tuy khai v.v... trở xuống là năm số chẳng thiếu.

- Nay dùng v.v... trở xuống là y theo năm câu đối tánh, có hai: một là đối với Nhà đầu, năm tánh an vui tánh tức Chánh nhân Phật tánh. An vui chính là nghĩa Niết-bàn đầy đủ ba pháp. Nay nói theo hợp thì chỉ gọi là Chánh nhân. Thế gian, xuất thế gian v.v... thì sáu đường là nhân quả thế gian, ba thừa là nhân quả xuất thế gian. Nói nhân Phật tánh, là tánh cảnh giới, chỉ bằng chín giới mười như, pháp ấy đối với Phật là nhân. Vì cõi Phật mười như là pháp vọng chín nên gọi là quả, đều thuộc năng quán, chẳng gọi là cảnh giới. Cho nên luận Khởi Tín chỉ dùng chín tướng mà làm cảnh giới. Cho nên nghiệp tướng gọi là Tế của Tế, là Cảnh giới Phật. Lại nói: Vì y chuyển thức nên gọi là Cảnh giới, mà chứng này thì chẳng có cảnh giới nào để nói. Cho nên biết cảnh giới là chín pháp giới, nếu thế sao gọi là Phật tánh? Bởi vì quả người riêng

thành tựu mười pháp Phật giới, cũng có khi thành tựu mười pháp, chín giới. cho nên ngàn pháp chúng sinh tuy có đủ Thể, Dụng nhưng chẳng hiển bày, chỉ có Phật là rốt ráo viên dung tự tại. Do đó nhân pháp là quả nhân tánh.

- Nếu làm v.v... trở xuống là đối nhà kế. Năm tánh cảnh giới đã dùng hợp mà vào nhân duyên bèn lấy câu biết giới hạn pháp, mà làm quả tánh, biết hết thật tướng gọi là Trí chiếu rõ ràng, thấy giới hạn là không giới hạn. Như nói biển lớn Trí độ Phật biết tận đáy, há không phải không đáy mà làm đáy ư? Bèn lấy an trụ các pháp như tánh tất cả đều làm thọ tất cả, đồng gọi là quả quả tánh. Đây thì quả sau nhậm vận, mãi mãi song già song chiếu.

- Nếu thế v.v... trở xuống là Chương An lệ năm câu, có hai:

1. Lệ trên họp đối.

2. Sư tuy v.v... trở xuống là y theo nghĩa để giải thích. Năm tánh chỉ là khai ba pháp, ba phen năm câu đã nhiều phen đối với ba pháp, cũng hợp với từng phen đối với năm tánh. Hai phen sau Đại Sư chẳng giải thích, ý nói là thấy. Chương An sợ người học đời sau chẳng biết nên lược chỉ rằng nghĩa lệ phải như thế. Lại khiến người giảng giải thích rõ nghĩa ấy, cho nên cần phải giải thích ra. Trong phen thứ hai, Trí Quang là Liễu nhân tánh. Trí cảnh không xen lạm như đuốc chiếu vật. Trí hạnh là tánh nhân duyên, trí tụ là tánh quả, trí cảnh là tánh chân nhân. Nếu y theo Sư kế thì có tánh của một cảnh giới, cho nên Trí cự làcảnh giới nhất tánh, Trí cự là quả quả tánh, vì Dức dứt đối với cơ chẳng lạm. Trong phen thứ ba, Chánh giải hiển thể là Liễu nhân Tánh. Chánh quán thể hiện đáng là Báo thân, hợp thành quả tánh. Chánh phân biệt là cảnh giới tánh. Chánh giải ở duyên là duyên nhân tánh, Chánh năng giác liễu là chánh nhân tánh. Nếu y theo thầy thứ hai là cảnh giới nhất tánh thì dùng chánh năng phân biệt làm quả quả tánh, quả sau ứng cơ nhậm vận rõ ràng.

- Thế Tôn đã bày v.v... trở xuống là kết.

- Từ thế v.v... trở xuống là phát thệ làm ích lợi, có hai: một là chia văn bày tốt, hai là y theo đây giải văn, lại có:

- Ích Năng hóa kinh, có ba:

1. Thế Tôn v.v... trở xuống là lợi ích khẩu nghiệp.

2. Chúng vị v.v... trở xuống là lợi ích Thân nghiệp.

3. Tâm tấn v.v... trở xuống là lợi ích ý nghiệp.

- Cho nên v.v... trở xuống là lợi ích kinh Sở hóa, có ba:

1. là chưa gieo trồng khiến gieo trồng.

2. Nếu có v.v... trở xuống là đã trồng khiến chín.

3. Vô lượng v.v... trở xuống là đã chín khiến giải thích thoát.

Hỏi: Đã được nhóm trí lại nhiếp nhóm phước đây chính là hai thứ trang nghiêm chân tự. Hợp ở phương tiện và cõi Thật báo. Sao kinh nói chỉ vô lượng ngàn kiếp hưởng vui cõi người, cõi trời?

Đáp: Phải biết mười ích đều chẳng lìa hai mươi lăm hữu. Trong đây chính là phương tiện trời, người, Thật báo trời, người. Cho nên kinh Nhân Vương Bát-nhã chép: Ngoài ba cõi lại có cõi chúng sinh. Ở đây ngoại đạo có nhiều kinh nói phải biết bốn Độ hoặc ngang hoặc dọc chỉ ở một chỗ ba cõi mà nói, người học phải xét. Bốn. Từ Nam v.v... trở xuống là quy Kính Tam bảo. Tất cả chúng sinh kinh sợ đều quy kính, nghĩa là kết tập kinh đều nói quy kính ở lời tựa chung ở trước. Trung quốc ưa lược bỏ nên người dịch bớt đi. Cũng có người còn giữ, như Tát-già Ni-càn Tử nói: Quy mạng Đấng Đại Trí Hải Tỳ-lô-giá-na Phật. Chú thích rằng: Tất cả kinh nước ngoài ở đầu đều có câu này. Các luận v.v... trở xuống tức là người soạn luận nói lời quy kính, như Trí độ, khởi Tín v.v... Tam bảo tức là Phật, Pháp, Tăng nên biết. Công Đức Đại biện tức Bồ-tát lý hòa Tăng. Nam-mô, Hán dịch là quy mạng.

- Chánh luận thiên tập là nói vui cõi người ngày xưa thông kinh, như sau:

- Phẩm Chánh Luận, có hai:

- Giải thích tựa đề, có hai:

- Là chánh giải thích tựa đề, có hai:

1. Giải thích thẳng hai chữ, Thế Thánh (bậc Thánh thế gian) là Luân vương. Kinh Dịch nói Bí vật trí dụng lập công thành khí, cho là làm lợi ích thiên hạ không gì hơn bậc Thánh. Quản Tử nói: Bậc Thánh như trời vô tư che trùm, như đất vô tư chuyên chở. Đây đều là nói bậc Thánh thế gian. Bậc Thánh Xuất Thế tức là người chứng quả ba thừa, dứt hoặc chứng chân gọi là Thánh. Hạch: Thuyết văn nói là khảo tìm sự thật. Hạch Sự thật thì Thế gian chánh luận có thể trị nước, Hạch lý thật thì xuất thế gian chánh luận có thể đến Đạo.

2. Phẩm này v.v... trở xuống là nói rõ bốn Tất. Nghĩa là chánh luận Thế gian mà có bốn ích, đều dẫn Hiếu kinh kết thành nghĩa ấy. Văn có bốn:

1. Thế giới, pháp xưa của Tiên Vương tức là sự thật thế gian đời đời chẳng giống nhau, tức là ý thế giới.

2. Vương hành v.v... trở xuống là người. Trăm giống lúa, vật lý luận của Dương Tuyền chép: Lương là tên chung của các loại lúa thóc,

thúc là tên chung của các thứ đậu, ba thứ cốc đều có hai mươi, thành sáu mươi thứ. Sơ là hạt của trái, trợ cốc đều có hai mươi, nên thành trăm giống lúa. Xã Tắc, Hiếu Kinh nói: Xã là chủ đất, Thổ địa rộng chẳng thể kính hết nên phong Thổ làm xã để đền ơn. Tắc là lớn nhất của năm giống thóc, các thóc chẳng thể khắp cúng tế nên lập thần Tắc để cúng tế. Lễ ký nói con của họ Lệ Sơn là Trụ và Chu, bỏ mà làm thần Tắc. Con của họ Cộng là Hậu Thổ làm Xã. Dân dụng Hòa mục là người dân kính phục giáo ấy nên sống hòa mục có tôn ty trên dưới không thù oán nhau.

3. Đối Trị: Nội gian tức là loạn thần tặc tử. Khổng An Quốc nói: bên trong gọi là gian, bên ngoài gọi là Cừu. Họa loạn v.v... trở xuống là Họa, nghĩa là người lành gặp tai ương. Loạn nghĩa là bề tội nghịch loạn. Tai họa trái trời thì gió mưa không điều hòa. Hại trái với đất thì nước khô hạn, hại mầm móng lúa.

4. Đệ-nhất-nghĩa: Kinh Kim quang minh này tức là phẩm Tứ Vương nói làm việc nước, tạo luận đời đều nhờ kinh này. Chí Đức yếu Đạo, Chí là Lý cùng cực, yếu là nghĩa lấy một gồm đông. Tức Chánh luận này là pháp cũ của Tiên vương, là cùng cực của Đức, chí yếu của Đạo. Ba thứ trước đều thuộc Thế gian, lại chưa giải thích. Nay cái thứ tư này gồm cả xuất thế, cho nên cùng nói nghĩa gốc ngọn, khiến người nghe giải ngộ được hai thứ Đệ-nhất-nghĩa. Độn là chỉ được yếu đạo thế gian, đây là ngọn. Lợi là ngộ yếu Đạo xuất Thế. Đây là gốc. Tăng ích Thiên Đức cũng phải hai phần. Từ ngọn lợi ích gốc chỉ là sinh thiên, từ gốc lợi ích ngọn thì đến Nghĩa thiên, cũng gồm các Tịnh Thiên. Vì Kim Quang Minh thuộc về Thông giáo.

- Văn này v.v... trở xuống, là ý nói về Minh Thánh tức các trời là Minh Thánh. Cho nên Pháp Hoa Tam-muội chép: Tất cả minh không, như sau:

- Giải thích văn, có hai: một là chia văn, hai là tùy giải thích, lại có:

1. Văn xuôi. Kinh trời được vị quán Đảnh là kinh Hoa Nghiêm quyển ba mươi chín chép: vua Chuyển luân sinh ra thái tử, mẹ là Chánh hậu thân tướng đầy đủ. Vua Chuyển luân ấy khiến thái tử này ngồi tòa Diệu kim trên voi trắng, giăng màng lưới lớn, dựng cờ pháp lớn đốt hương tán hoa tấu nhạc. Đựng nước bốn biển lớn trong bình vàng. Vua chế nước trong bình lên đầu thái tử, lúc đó gọi là nhận chức vua, trong số quán Đảnh Sát-lợi có thể thực hành đầy đủ mười điều lành, cũng được gọi là Chuyển luân Thánh vương.

2. là Kệ tụng, có hai: một là chia văn, hai là tùy giải thích nghĩa, có:

1. Tập chúng có ba như phân khoa.

2. Thứ tư v.v... trở xuống là thưa hỏi, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, chiavăn, ba là kết hỏi khai đáp, bốn là Phạm Thiên đáp, như sau:

- Thuật ý chia văn, có hai:

1. Thuật ý. Phật kinh giải thích nghĩa Thiên tử. Văn này rất rõ. Nếu Nho giáo thì gọi vua, là cha trời mẹ đất, là con trời. Viện Thần Khế nói trời che đất chở gọi là thiên tử (con trời). Hai là chia văn.

2. Tùy văn giải thích nghĩa có hai: một là lược đáp, lại có:

Một là Hứa đáp.

Hai là đáp: nghĩa vương, nên kinh gọi là Nhân vương. Thụy Pháp nói: Đức Tượng trời đất nên gọi là Đế, nhân nghĩa sinh ra nên gọi là vương. Bạch Hổ Thông nói Vương là đến, tức Thiên hạ quay về với Vua.

Ba là Đáp Thiên v.v... trở xuống, là Đáp hỏi nghĩa Thiên, có hai:

1. là chỉ ra ba nghĩa, chưa vào v.v... là một nghĩa, phân Đức là một nghĩa, thêm sức là một nghĩa.

2. Dĩ hộ v.v... trở xuống là Đáp. Ba là hỏi, có ba: một là dùng Hộ thai mà đáp câu hỏi thứ hai. Chưa nhập Hộ là cũng ở Trung Ấm. Đã nhập Hộ là đã ở trong Thai tạng. Trong hai lúc này phần nhiều bị quỷ hại cho nên giả nhờ trời hộ độ. Hai là dùng phân đức mà đáp câu hỏi một, ba là dùng sức thêm đáp câu hỏi ba và bốn. Câu hỏi thứ ba là ở điện cung vua, sao gọi là Thiên? Cho nên nay trong đáp tuy ở cung người mà trời thêm sức tự tại như trời là đáp câu hỏi thứ ba. Ngăn ác khuyên thiện giúp người sinh lên cõi trời là đáp câu hỏi thứ tư. Bốn. Từ nửa v.v... trở xuống lại đáp câu hỏi nghĩa Vương, có hai: một chính là nói ba nghĩa Nhân Vương, có ba: một là chấp Nhạc gọi là Vương. Vương chấp nhạc này là nắm giữ Lễ nhạc để cai trị dân. Hiếu kinh nói: Lễ Nhạc mà dắt dẫn dân khiến hòa mục. Nhạc Ký nói: Đại Nhạc thì dễ, Đại Lễ sẽ đơn giản. Nhạc chí thì không oán, Lễ chí thì chẳng tranh. Tập Nhượng mà trị Thiên hạ là nói Lễ Nhạc. Khiến Thiên hạ khứ là nói nhạc chi hóa thành. Kinh phòng Dịch hầu nói: Thời Thái Bình cứ mười ngày có một trận mưa, một năm có ba mươi sáu trận mưa, đây là ứng với điềm thời tốt đẹp. Phong Thổ Ký nói: kịch nhưỡng thì dùng gỗ mà làm, trước rộng sau nhọn dài một thước ba, bốn tấc hình dáng như chiếc giày, Tiết tháng chạp trẻ nhỏ dùng làm trò chơi. Dật Sĩ truyện, thời vua

Nghiêu có ông già kích nhưỡng ở ngoài đường bảo rằng: Lúc mặt trời mọc thì ta làm, mặt trời lặn thì nghỉ, đào giếng mà uống, cày ruộng mà ăn. Vua đâu tốn sức có nhọc gì ta. Há chẳng phải là Đức của Chí Thánh làm ra mà bất tể huyền công khen vận, cho nên trăm họ hằng ngày chẳng biết trẻ em đùa ngựa tre (gậy tre). Vì Nhân Vương chấp Nhạc trị nước được thiên hạ hòa bình già trẻ đều ưa tánh mình.

- Nói ngăn ác gọi là vương. Tức kinh nói: La-sát ăn thịt v.v... vì ngăn bạo ác, cũng gọi là La-sát khôi quái. La-sát đứng đầu các quỷ nên các quỷ không dám làm quấy.

- Nói cha mẹ gọi là vương tức vua, là cha mẹ của dân, dạy răn họa phước, nghĩa là trái nhân nghĩa thì chịu hình phạt, đó là họa ác, Ghi chép nhân nghĩa mà trao tước lộc, là phước lành. Chế Lễ để xem xét dấu vết, làm Nhạc để hòa tâm. Nên Nhạc ký nói: Nhạc là đồng, Lễ là khác. Đồng thì thân nhau, khác thì kính nhau. Dân biết cấm là dân biết có lệnh cấm.

- Năng vi v.v... trở xuống là nói về ba nghĩa Thiên tử. Trong Nhân mà nói quả, là dùng lễ nhạc mà dạy dân sẽ sinh lên cõi trời. Cho nêu từ nếu v.v... trở xuống là đáp rộng, như sau:

1. Chia văn, giải thích nghĩa có hai:

Một là nói rộng về lỗi phi pháp, có sáu nghĩa.

Hai là nói Đắc Chánh trị, có sáu nghĩa. Sáu nghĩa này Văn Kinh trước sau đếu nói sơ mà ở đoạn trước đều chẳng chia rõ, người giảng phải dùng sáu nghĩa được mất đối văn mà tiêu, Lý nó tự hiểu.

Ba là trong đây v.v... trở xuống là bày quán nói Bản, có hai:

1. Khiến suy nghĩ nghĩa quán mà tự xét người bẩm thọ tông này phải biết ba pháp tu quán. Cho nên sớ chẳng bày khiến tự nghĩ. Nay sợ kẻ hậu học chưa thể phân biệt nên chẳng khỏi lược nói. Ba thứ này đều nhờ Sự mà quán. Nghĩa là nhờ Thế thiên mà nói Đế Cảnh, nhờ Nhân Vương quán trong nghĩa Thiên Hộ để nói Diệu quán. Ngay nơi một niệm này tánh là Nghĩa Thiên. Nương vào thiên này khiến cho quán này chẳng khởi biên đảo, gọi là Thiên Hộ Nghĩa Trung quán. Quán họp Thiên nghĩa mà đồng Thiên Đức, chẳng phân mà phân gọi là Thiên Phân Đức là không quán. Nghĩa Thiên thần lực gia thêm Diệu quán nên trải qua các cảnh đều được viên dung, là giả quán. Lại mượn Nhân Vương mà tu Lý quán, là toàn Đế khởi quán, Trung quán song chiếu tức nghĩa cha mẹ là không quán. Phục hoặc tức là nghĩa khôi quái là giả quán. Lập pháp tức nghĩa Chấp Nhạc. Đế này, quán này đều lìa dọc ngang, chỉ ở tâm mà đủ sáu nghĩa này.

2. Đặt câu hỏi là nói về Bản, có hai:

Một là lập câu hỏi, phẩm Tứ Vương ở trên nói: Các vị vua chúa trong Diêm-phù-đề làm việc nước, soạn Thế Luận đều nhờ kinh này, đâu chẳng phải Chánh Luận lấy Kim quang minh làm gốc, muốn cho đáp bày gốc ngọn, cho nên nêu lên câu hỏi này.

Hai là Thiên giả v.v... trở xuống là đáp bày, có:

1. Chánh bày chỗ hỏi của phương Đẳng: đâu có một sự chẳng gốc ở Lý như ở Tán chỉ dịch là mật thường để xưng gọi, đâu biết tạo nên ba pháp kín mầu. Nay ở sách này tự nói tên mật mười lăm cú nghĩa. Ở đây bày rõ gốc thế danh, Chánh luận này là Phạm vương nói gốc Phạm vương. Các kinh mở làm Bồ-tát Pháp thân. Bồ-tát Pháp thân tùy chỗ ở là Thường Tịch Quang. So sánh thân với miệng hễ có nói gì đều là Bí tạng. Nay Chánh luận đã lấy Kim quang minh làm gốc, thì đâu thể sự ngọn mà trái lý gốc, nước sóng bình vàng gốc ngọn đồng thời. Vì kim quang minh có đủ pháp Thế gian tức thế danh mà nêu bày gốc. Tự đây chia làm hai:

- Nói ngọn tức là gốc, gồm có:

1. Đối với Thiên tử ba nghĩa mà bày gốc, phải nên hiểu biết trước Kim quang minh này là pháp chẳng phải dụ. Vì Pháp, Báo, Ứng là tên khác của Kim quang minh. Thiên là Đệ-nhất-nghĩa Thiên. Tử là người xưa nay chúng sinh vô thượng. Dùng Kim quang minh Diệu Tam bảo pháp làm người giả này. Người nay y chỉ vào Đệ-nhất-nghĩa thiên, vốn lìa tám Đảo là nghĩa Thiên hộ. Người này Trí quang ngầm hợp với Pháp thân. Kim Đức và pháp đồng làm nghĩa phân Đức. Người này Ứng Ích gọi là minh, là năng lực của Nghĩa thiên đã gia thêm.

2. Lại cha v.v... trở xuống là y theo ba nghĩa Nhân vương mà bày gốc Thể của Diệu giả nhân là Vàng cho nên đủ cả quyền thật, cùng với tất cả mà làm thể cha mẹ. Là quang cho nên chiếu, hoặc vốn không, tức là nghĩa ngăn ác, thể là minh cho nên sinh ra các điều lành, là đã có nghĩa chấp lạc.

3. Do đây v.v... trở xuống là ngọn từ gốc mà lập. Như trên đã nêu sáu nghĩa bày gốc. Nhân quả sáu vị đều là nghĩa này. Nghĩa này làm gốc tất cả Sự thế gian và xuất thế gian. Nay tức gốc này mà nói Chánh luận, Cơ viên giáo nghe việc trị nước mà thấu suốt gốc, bèn đốn trị bốn thứ nước.

- Như bán v.v... trở xuống là so sánh kết luận. Kinh ở một người mà đặt tên hai thứ trời, người ý nói luận này không có Thế gian và xuất thế gian.

- Giải thích phẩm Thiện Tập, như sau:
- Giải thích đề, có hai:
- Chính giải thích đề, có hai:
- Giải thích tên Thiện Tập, có hai:
- Y theo tên gọi mà rộng tập sáu Đạo Sư Thiện Hải, cho là Thuyền Sư dưới biển. Pháp lành tuy nhiều nhưng không ngoài sáu thứ này. Phụ văn tập riêng Đàn Trí, có hai:

1. Nói nhiếp sáu đàn năng nhiếp sáu trí, năng dắt dẫn năm thành tựu hai nghiêm cho nên nêu hai thứ này.

2. Đề như v.v... trở xuống là bày văn kinh, có hai:

Một là chánh bày kinh. Kinh nêu hai tướng sâu rộng này, Báu đầy bốn châu, hết sức kính thờ Tam bảo, hưng long Sự rộng, chắp tay lắng nghe. Kim quang minh chứng ngộ lý sâu.

Hai là Đàn trí v.v... trở xuống là so sánh với các hạnh khác. Tâm Vua này nhiều tập hợp thiện, chẳng khinh Đàn Trí rộng sâu. Ở văn đã thế thì nghiệm các tu khác đều như thế.

- Sáu này v.v... trở xuống là dùng Tất-đàn mà lập phẩm nêu chung sáu Độ, danh số chẳng đồng là thế giới, năm độ so với Trí lại ở Sự thiện là thuộc người. Trí Chiếu năm độ phá bỏ tướng ác, thuộc Đối trị đạt đến sáu pháp giới dứt nghĩ bàn đều đến bờ kia, gọi là Đệ-nhất-nghĩa. Vua này tập đủ Thiên bốn Tất-đàn, cho nên lấy tên ấy mà lập phẩm mục.

- Phẩm này v.v... trở xuống là nói ý đến. Luận trị quốc là Chánh Kiến ở đời, nghe Kim quang minh là thượng thượng Chánh kiến xuất thế gian. Đêm ngủ trong mộng nghe công đức Phật là cảm động Thánh và thấy Tỳ-kheo tên là Bảo. Minh là cảm động Hiền trong nhập phần Chân so với Phật gọi là Hiền, hai là giải thích văn, có hai: một là chia văn giải thích nghĩa, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có hai: một là bảo Thần đất, có hai, Phật dùng kệ nói, có hai: một là nói chung nhân Địa Hạnh đàn, hai là nói riêng khéo nhóm hợp hai Thí, nghĩa là thí tài bảo cho bốn Thiên hạ mà thỉnh nói kinh này, khiến vô lượng chúng nghe Thí pháp của Kim quang minh. Đây riêng chia làm sáu như chia văn dùng nghĩa mà giải thích. Kinh có thế Trị Chánh, tức là Thế hóa độ, như vật tạp dưới biển, là lấp đầy, là tên gọi chung các thứ vải lụa. Mạn-đà-la, Hán dịch là Thích ý, Mạn-thù-sa dịch là Nhu nhuyến. Xưa lớn nhỏ trắng, lớn nhỏ đỏ, chẳng có trống mà đánh trống. Hy di là vui vẻ. Quý là đá đẹp, kế ngọc kỳ là tên ngọc. Đang là ngọc đeo ở tai nên viết là nhĩ đang. Thương Hiệt nói: Châu đeo ở tai.

- Y theo đây v.v... trở xuống là chỉ quy ba pháp. Y theo phẩm này

mà nói về kim quang minh, ở chỗ nói này mà nói về ba pháp môn. Sớ văn chỉ nói Luận Kim quang minh, nghiệm ra ở pháp này mà đặt ba tên, thật chẳng theo thí dụ. Vì văn trước sau đều như thế. Người giảng người học đều phải biết. Nhưng vì các câu đối ba chữ, cho nên ba là pháp tánh rộng sâu, tên của Đương thể. Pháp Tánh đáng tôn đáng quý nên gọi là kim. Pháp tánh vắng lặng mà thường chiếu nên gọi là quang. Pháp tánh có công năng làm nhiều lợi ích nên gọi là minh, chẳng hai chẳng khác với các ba pháp. Nếu chỉ Sự Lý y Chánh trong phẩm tức ba thứ này thì giúp cho người tu hiểu những điều giải thích, chẳng dọc, chẳng ngang dứt hết nghĩ bàn luận bàn, thì sách này mới được gọi là Kinh vương (kinh vua) là biết đối ba sâu có lý do. Từ đây có ba:

Một là ở Thiện tập luận mà dịch Ba-la-mật gọi là Đáo Bỉ Ngạn, là chỗ về nên gọi là Kim. Bát-nhã dịch là Trí nên gọi là Quang, năm Độ là hạnh nên gọi là Minh. Đây là đối với Trí, Hạnh, quả là ba cặp Kim Quang Minh.

Hai là Y theo Bảo minh thầm luận. Quật (hang) là chỗ nương nên gọi là Kim, trăng tròn chiếu soi nên gọi là quang, đọc tụng là hành nên gọi là minh. Đây là y cứ chánh đối với ba pháp ba là y theo hai người mà nói về Bảo minh, y theo chánh và Vương hai báu đối với ba pháp. Người tu nên biết: chỉ một pháp tánh gọi là Kim quang minh, đâu thể quang minh tạm lìa kim, đâu thể kim quang tạm lìa minh. Nay dùng ba tên chia đối y Chánh tự tha nhân vật là khiến cho biết y không lìa chánh, tự chẳng lìa tha, nhân chẳng lìa vật. Vì kim quang minh nêu một tức ba, toàn ba là một, chẳng dọc, chẳng ngang, vừa cao vừa rộng, mọi vật đều là biển Kim quang minh, tâm tâm đều là ba Đức Bí Tạng. Nếu chẳng thế sao gọi là kinh vua.

Ba là Phẩm Quỷ Thần, như sau:

- Giải thích đề, có hai:
- Chánh giải Đề, có hai:
- Giải thích Quỷ thần, có hai:

1. Chính là giải thích Quỷ quy. Thi Tử nói: Người chết gọi là quy v.v... Kinh Quán Phật Tam-muội nói: Tu-la đánh nhau với Thiên đế, ở trong hư không có xe đao phóng xuống, Tu-la và quân binh thân chi đứt lìa rơi xuống, sợ hãi chạy trốn trong ngó sen. Nếu giải thích, theo thế tục thì Trịnh Huyền nói: Tinh khí của bậc Thánh gọi là Thần, Tinh khí của người Hiền Trí gọi là quy. Lễ ký nói: minh thì có Lễ Nhạc, u thì có quỷ thần.

2. Giải thích Thần.

- Phẩm này v.v... trở xuống là đối với ở trên mà đề tên phẩm.

- Phẩm kế v.v... trở xuống là nói vì nguyên nhân, hai là giải thích văn, gồm có:

- Văn xuôi, có hai:

- Chánh giải thích nghĩa, có hai:

- Nêu, hai là giải thích, có hai:

1. Nêu sự, riêng Phật theo v.v... là chứng quả rồi Từ bi huân pháp hiện hình nói Pháp hóa độ người. Đây là Ứng thân, Phật trùm khắp các căn cơ từ Bản giác như mà khởi Thỉ giác Trí họp, Bản chân như gọi là Báo thân Phật, là Thỉ giác. Tất cả các pháp vốn là chỗ dạo đi của chư Phật, tức là Pháp thân Phật, là Bản giác. Ba Phật trải qua khác nhau là tu hai tánh một năng khởi sở khởi, năng hiển sở hiển thì rõ ràng khác nhau. Sự cúng khác nhau: là bốn sự cúng dường giúp giữ gìn Ứng Phật, trí xứng lý hiển phát pháp Phật, giúp thành hiển phát, đều là nghĩa cúng dường. Ba Phật đã khác, ba cúng cũng khác. Hai viên cúng dường trước có Lý Trí vì trải riêng nên chê bai là sự. Nay nghe kinh vì sự dung tức nên khen ngợi là pháp. Cúng dường Bậc nhất là không thể suy nghĩ bàn luận cúng. Năng Thính Sở thính thể chẳng phải hai, chỉ ở văn tự mà hiển rõ ba thân Năng Thuyết ứng với đức giải thoát. Năng thuyên là báo đức Bát-nhã. Sở Thuyên là đức cầu Pháp thân, chẳng hiểu tân y, chỉ nói về Năng Sở, đâu hiển bày được Viên Phật và Viên cúng ư? Văn tự nếu không phải kho bí mật sao sinh tâm cung kính chư Phật. Chẳng phải bí diệu thì đâu thể viên cúng Phật ba đời. Chú v.v... khiến như thế nào mà giải thích.

2. Lại khác v.v... trở xuống là nói nghe lại, có hai:

Một là Nêu bày, tức là bốn nguyện một khuyên.

Hai là Nếu muốn v.v... trở xuống, là giải thích ra, lại có:

1. Nói ra bốn nguyện. Muốn hỏi kinh chỉ bày người tu hành, muốn dùng vật tốt đẹp mà cúng Phật ba đời và biết chỗ hành xứ sâu xa của Phật khác. Vì sao Đại Sư dùng chữ Tri (biết) mà làm Báo Phật. Sở tri là pháp, hai hẳn thùy hình. Cho nên ba thân đều thuộc hành, nhân đã lạm quả, trái nghĩa cúng dường. Lời giải này trái kinh làm sao giữ tín? Đáp: Trước phân biệt Sự khác chính là trái với tình này. Kinh nói muốn biết đâu chẳng phải chỗ xâu xa của người tu hành. Đã là tâm của pháp thân Năng tri thì không phải, Báo Phật văn trị ứng hiện cũng chỉ tâm, nếu chúng sinh và Phật rõ ràng thì Năng sở khác hẳn. Đây xuất xứ từ Tiểu giáo, làm sao dự Viên tông. Nay ở Viên Tông mà giải thích bốn nguyện dục. Nếu mê thì ba thân của chư Phật ba đời đồng ở sát-na,

pháp giới sáu trần mau hiển bày. Diệu giải là có thể nghĩ bàn thì chính là trái kinh.

2. Nghe kinh v.v... trở xuống là nói một việc đủ bốn, Chư Phật ba đời giác trí là mạng sống, mà cùng chúng sinh đồng một tâm tánh. Thiếu huân tu nên chẳng thọ nhận cúng dường, tuổi thọ chư Phật chẳng sinh mà sinh, vì hiển là sinh. Người tu phải hiểu. Chúng sinh và Phật không khác, nghe kinh thì trí sinh, tức chư Phật hiện, vì Như Lai đồng một trí. Quán hạnh tương tự Phật phần chân cùng Phật rốt ráo không hai không khác. Lại hiển trí sinh tức ba Phật sinh, tức một mà ba chẳng dọc, chẳng ngang. Đây là muốn cùng muốn biết chư Phật ba đời. Chỉ nghe kinh một việc bốn Nguyện đều đủ.

3. Kệ tụng, có hai:

Một là Chia văn.

Hai là Cổ Đạo v.v... trở xuống là tùy giải thích khoa tiết, đều như chia văn. Chỗ nêu kinh, nếu nhập vào kinh ấy thì một lời nói của kinh sẽ có ba thứ, tức là giáo, hạnh, lý hiểu được ba thứ này là ba pháp mầu gọi là nhập kinh ấy. Nếu chẳng như thế làm sao được nhập vào kinh, tức là vào pháp tánh vô lượng sâu xa. Ba nghĩa đầy đủ gọi là Kim Quang Minh. Xứng đây an trụ nên gọi là Như, tức thấy Đức Thích-ca ba thân diệu thể phải luận quán hạnh tương tự phần chân nhập vào kinh thấy Phật. Kinh nói nếu trong trăm do-tuần đầy khắp lửa dữ mà phải đi qua đó thì cũng phải vì pháp quên mình mà đi qua. Kinh gọi Văn-thù-sư-lợi là Diệu Đức, Di-lặc là Từ Thị, thuyết văn gọi là đa lực. Năm là Nêu năng lực đến nỗi trời rồng khuyên tu có hai: Một là lại hiện văn sớ từ Ma-hê v.v... trở xuống vua Diêm-ma-la hoặc Diêm-ma-la-xã, Hán dịch là Song vương. Diêm-ma là Song, La-xã là Vương, anh và em gái đều làm chủ địa ngục. Anh coi việc nam, em coi việc nữ, nên gọi là song. Na-la-diên, Hán dịch là Câu-tỏa Lực Sĩ. Nan-đà dịch là Hỷ. Bạt-nan-đà dịch là Hiền Hỷ là hai anh em, Rồng lo việc mưa gió đúng lúc, khiến cho người vui. Hiền là tánh, lại hiền là thiện. Tỳ-ma-chất-đa dịch là Tịnh Tâm. Kinh Chánh Pháp Niệm dịch là Hưởng cao, cũng dịch là Huyệt cư. Gọi đúng là Phê-ma-chất-trớ-lị, dịch là Khỉ Hoạch, lại dịch là Bảo Sức, là xá-chi cha vợ của Đế Thích. Khư-la-khiên-đà dịch là Quảng tỳ. Thoát nhân tức giải đoạn đầu Thoát nhân v.v... Đoạn đầu văn nói khiến cho tất cả chúng sinh giải thoát, vượt khỏi vô lượng khổ, biển lớn các Hữu. Đã nói tất cả chúng sinh giải thoát vượt qua các biển Hữu. Phải ở giới nội cho đến giới ngoại đều thoát ba chướng, cho nên dùng nhân quả mà đối lại nghiệp báo. Các Hữu do hoặc nên bị phiền

não. Kinh nói: Hoa Ưu-bát-la v.v... trở xuống là bốn câu bốn sắc. Ưu-bát-la là hoa sen xanh, Ba-đầu-ma là hoa sen đỏ, Câu-vật-đầu là hoa sen vàng, Phân-đà-lỵ là hoa sen trắng.

■

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 6
(Phần đầu)

Giải thích phẩm Thọ Ký, có hai:

- Giải thích đề, có hai:

- Chánh giải thích, có năm: Một là nói: nay là hai thứ bốn thứ thọ ký. Kinh Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội nói:

Phật bảo Kiên Ý: Ký có bốn thứ:

1. Chưa phát tâm ký, hoặc có người trôi lăn trong sáu đường rồi sinh làm người, ưa thích Phật pháp, qua trăm ngàn muôn ức kiếp sẽ phát tâm, qua trăm ngàn muôn ức A-tăng-kỳ kiếp hành đạo Bồ-tát, cho đến cúng dường Phật giáo hóa chúng sinh đều phải trải qua vô số kiếp như thế sẽ được Bồ-đề.

2. Vừa phát tâm thọ ký, người này nhiều kiếp lâu xa đã trồng các gốc lành, ưa thích Đại Pháp có tâm Từ bi, phát tâm liền trụ địa vị Bất thoái, cho nên gọi là phát tâm thọ ký.

3. Mật ký, có Bồ-tát chưa được thọ ký mà thực hành sáu độ công đức đầy đủ, trời, rồng tám bộ đều nghĩ rằng: Bồ-tát này không bao lâu sẽ được Bồ-đề, về kiếp, tên nước, số chúng đệ tử ra sao thì Phật làm cho dứt nghi này, mà thọ ký cho. Cả chúng đều biết, chỉ có Bồ-tát này chẳng biết.

4. Vô sinh nhẫn ký, ở trong đại chúng công khai thọ ký. Nay là hai thứ, tức vừa phát tâm ký và vô sinh ký.

- Thọ giả v.v... trở xuống, là y theo hai chữ Huấn giải thích.

- Trong đây v.v... trở xuống là nói người được ký.

- Cũng gọi v.v... trở xuống là giải thích ký tên khác.

- Từ Phật v.v... trở xuống là nói thọ, phi thọ.

- Đây là v.v... trở xuống là nói về nguyên nhân. Xưa người thực hành kinh, vua Kim Long Tôn khen Phật phát nguyện mà làm hạnh, được mười ngàn con cá bị cạn nước nghe pháp huân tu mà thực hành hạnh. Kinh lấy đó làm nhân cũng như tướng. Nay được thọ ký tương lai

sẽ thành Phật mà chứng nghiệm. Ngày nay nếu đích thân mở rộng kinh hoặc làm ngoại hộ thì chẳng bao lâu sẽ được thọ ký thành Phật, không luống dối.

Kế Giải thích văn, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có hai:

1. Thọ ký, lại có:

- Thọ ký cho ba vị Đại sĩ, có hai: Một là Đồng duyên, là nhóm họp ở quá khứ có đồng duyên với kinh này chẳng nói hoặc thấy kinh kia hai chánh thọ ký. Thế giới chuyển danh là Tịnh tràng. Nêu nói bốn câu: một là tên chuyển cõi chẳng chuyển, chuyển gọi là Tịnh tràng, hai là độ đổi tên chẳng chuyển, như xưa Đức Thích-ca lấy tên cõi Ta-bà, nay Đức Thích-ca cũng gọi Ta-bà. Ba là tên và cõi đều đổi. Như Quán Âm là Bổ xứ của Di-đà. Bốn là tên và cõi đều chẳng đổi, như nay Ngân Quang là Bổ xứ của Phật Kim Tràng Quang Chiếu. Tên gọi thế giới như gốc chẳng khác. Trong đây là một, hai lần mà hợp thành hai. Ba là thọ ký cho mười ngàn Thiên tử có hai: một là chia khoa, hai là giải thích nghĩa, có hai: một là nghe kinh sinh hiểu biết hoặc tương tự hiểu hoặc Phần Chân hiểu. Kinh xếp không nhất định nên phải từ từ. Kinh nói Tâm không cấu lụy đều như v.v... trở xuống là giải thích nghi trong Sớ mà nói. Hai là Chánh thọ ký. Đã nói do đó thế giới không có tên khác, tức là vẫn gọi là Ta-bà. Đây chính là cõi chuyển mà tên chẳng chuyển. Một câu chú v.v... là khiến như vừa giải thích.

Hai là Nghi ký, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có:

1. Nghi hỏi, có ba:

Một là Hạnh cạn ký sâu.

Hai là Như dự v.v... trở xuống là y theo quyền nghi Thật, cầm dùi chỉ đất, nghĩa là không có đất cắm dùi, chẳng phải là chỗ bỏ thân mạng. Từ giả vào không chẳng phải chỉ nương một người. Bồ-tát Tánh Địa phải trải qua ba thời kỳ tu sáu độ. Trực hạnh đẳng v.v... là trải qua Biệt Tiệm thì tướng thứ lớp như thế.

Ba là Vì chúng nêu câu hỏi. Đại quyền giải Đốn, tự mình sẽ không nghi, vì người khác mà hỏi.

Kế là Phật đáp có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, lại có:

1. Nêu hiện hạnh, có bốn:

Một là nói ba sự hòa hợp.

Hai là chứng minh công đức nghe kinh, Thuận ba giáo trước, trên

cầu dưới hóa, cũng gọi là tu pháp cúng dường. Chỉ vì Thiên tiệm nên phải trải qua nhiều kiếp, một khi nghe kinh này sẽ đốn đạt điệu tánh. Một nhiếp tất cả nên gọi là chân pháp cúng dường. Đã sinh Viên giáo nên Phật ba đời đều thọ nhận cúng dường, biết được hành xứ sâu xa của Chư Phật. Ba thân đốn hiển. Nay muôn vị Thiên tử đến đây nghe kinh, nếu chẳng có đủ bốn thứ nguyện dục làm sao được thọ ký thành Phật mà nghiệm biết phẩm trước nói chẳng luống dối.

Ba là Văn ký v.v... trở xuống là nói xưng kinh ngộ người, không có người nào thành Phật mà chẳng đủ ba thân. Quả của ba thân do ngày nay nghe Kim Quang Minh mà làm diệu nhân. Từ pháp tánh mà nói sinh tâm ân trọng, là nhân của Ứng thân. Từ pháp tánh Quang mà khởi tâm vô cấu, là nhân của Báo thân. Từ Pháp tánh Kim mà khởi tâm hư không, là nhân của Pháp thân. Kim quang minh này và ba đức ấy không hai không khác. Ba đức là gốc của vô lượng công đức trang nghiêm. Hoặc tự hoặc chân hiển bày ba đức này. Thế nên Như Lai thọ ký cho quả lợi ích của nghe kinh, tướng ấy như thế.

Bốn là Dĩ tùy v.v... trở xuống là chỉ nhân duyên xưa nay. Kinh nói đều do nhân duyên một lần nghe mà được thọ ký, chẳng lẽ không nhân duyên. Đây là nêu chung có gốc lành tốt. Nêu Riêng nhân duyên xưa, vì tùy tướng tu mà nêu riêng nhân duyên hiện tại. Nói nhân duyên là cảm ứng. Hoặc Tâm trong giáo ngoài mà làm nhân duyên. Vì sao? v.v... trở xuống là giải thích xuất hiện hạnh nhân duyên. Tùy thật tướng mà tu là dùng quán mười thừa làm hạnh. Cảnh không thể suy nghĩ bàn luận gọi là thật tướng, ngay nơi cảnh thực hành quán thì quán này thuận cảnh, gọi là tùy tướng tu, chẳng phải là ý tông ngày nay. Câu này chẳng tiêu, nhưng mười quán này tu có ba căn, Thượng căn một quán, Trung căn hai đến bảy, Hạ căn dùng đủ mười. Nay mười ngàn Thiên tử một lần ngồi nghe kinh, hoặc chỉ dùng một hoặc trong hai, ba là Tín Hạnh Căn. Y lời mà tu thì vào giai vị tự chân. Có gốc lành tốt v.v... trở xuống là giải thích có nhân duyên xa. Thiện đã nói diệu, chính là xưa nghe Viên mà làm gốc lành. Cho nên nói viên thật tướng mà làm gieo trồng gốc lành.

- Từ cũng v.v... trở xuống, là nêu duyên xa. Kinh nói thệ nguyện nhân duyên, thì phẩm Lưu Thủy nói đời vị lai sẽ thí pháp thức. Bèn lấy văn này đối với hai phẩm dưới mà làm lược rộng.

- Giải thích trừ bệnh lưu thủy, có:

1. Giải thích phẩm Trừ Bệnh, có hai:

Một là Giải thích đề, có hai: một là nói về nguyên nhân, tức rộng đáp duyên xa bốn chữ. Ý chung với văn Lưu Thủy ở trong đây.

Hai là Do ế v.v... trở xuống là giải thích tựa đề Phương đẳng. Kinh vua nêu trừ bệnh mắt chẳng phải chỉ ngăn trừ quả báo bệnh khổ. Nghĩa họp dụ gồm thâu nghiệp ác phiền não mười thứ bệnh. Cho nên văn sau nói: trị các chỗ bị bệnh khổ của chúng sinh đều khiến dứt hết. Ý văn gồm nhiếp mười thứ người tu. Cho nên phẩm Chánh luận Sớ nói rằng: phân nửa gọi là Thế luận, phân nửa gọi là Xuất thế luận, nay há chẳng như thế. Lại Khế Kinh chép: Thượng căn thì ở hạt giống cảnh mà sinh quả. Cho nên văn nói: nghe thẳng lời ấy thì bệnh liền dứt hết. Vi Trung căn Hạ Căn lại phải cầu pháp sau. Cho nên văn nói: Đến chỗ Trưởng giả mà hợp các thuốc. Cho nên biết chẳng phải chỉ trừ bệnh quả báo, hai là giải thích văn, có hai: một là thông phần văn của phẩm sau, hai ở phẩm hai mà giải thích nghĩa, gồm có:

1. Duyên gốc.

2. Theo tượng v.v... trở xuống là duyên xa, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, lại có:

1. Nói về cha.

2. Thiện nữ v.v... trở xuống là sinh con, được thọ tánh thông minh, mẫn đạt. Hiếu kinh nói: Tham chẳng thông minh làm sao biết đủ.

3. Lúc ấy v.v...: là người trong nước bị bệnh.

4. Thiện nữ v.v... trở xuống là con thỉnh. Có ba:

Một là thấy người bị bệnh.

Hai là làm việc ấy trở xuống v.v... trở xuống là suy nghĩ. Kinh nói già yếu, Thuyết văn nói suy giảm là hao tổn. Quảng nhã nói mại là trở về, tức trai khỏe là đã đến. Lễ ký tám mươi nói mao, chú thích mạo là già yếu mờ tối, quên mất, rối loạn, run rẩy tay chân, ngồi thì dựa ghế, đi thì chống gậy.

Ba là liền đến v.v... trở xuống chính là hỏi, có bốn: một là hỏi bốn đại thêm bớt, hai là hỏi ăn uống phạm xúc, ba là hỏi phương thuốc trị bệnh, bốn là hỏi thời tiết bệnh động, năm là cha nói cho con nghe, có hai: một là chia văn, hai là tùy giải thích kinh, có bốn: Một là bốn đại thêm bớt, có hai: một là Phật kể cha là thầy thuốc muốn đáp, hai là chánh đáp về thời tiết, có năm: Một là giải thích thời tiết, có hai: một là y Tục pháp, tức là mạnh-trọng-quý. Trọng là giữa, quý là cuối. Hai là theo Phật pháp thì một năm có ba mùa, bốn tháng là một mùa. Thế nào là mùa Thu? vì phá hạ gồm có hai, một là phá chấp Thường, hai là vì khai Ca đề. Vì Thu là thâu thành, vật đều kết hạt. Dễ khởi lời lẽ không rõ ràng bảo trước cho nên chẳng nói thu. Vì ở an cư, vì sau an cư mọi người tiếp tục kiết, khiến thành người tiền an cư. Khai ca đề là tháng.

Trong luật có ba thứ an cư, đó là Tiền-Trung-Hậu. Ngày mười sáu tháng tư là Tiền an cư, mười bảy v.v... trở xuống đến mười lăm tháng năm gọi là Trung An Cư, mười sáu tháng năm là Hậu an cư. Nếu ngày mười sáu tháng tư là kết thì đến cuối đêm ngày mười lăm tháng bảy gọi là xong Hạ. Đến khi mặt trời mọc là ngày mười sáu đến mười lăm tháng tám v.v... trở xuống gọi là tháng Ca-đề. Luận Minh Liễu chép: vốn có Ca-hy-la vì nói tắt nên gọi Ca-đề, dịch là Công Đức Y. Vì nghĩa Tiền An Cư ngồi hạ có công đức nên dùng năm điều lợi để thưởng đức. Trong luật nói thọ y này một là chứa nhiều tiền, hai là lìa y ban đêm, ba là bội thỉnh, bốn là ăn riêng chúng, năm là trước sau khi ăn đến nhà người. Tây Vực Ký dịch Ca-đề là sao ngang, vì sao ngang ngay sao này. Trong tháng sao ngang được thọ y công đức. Cho nên biết chẳng trong một thu hậu an cư thì chẳng gọi là ngồi Hạ. Vì người Hậu an cư đến mười lăm tháng tám mới giải.

Kế Giải thích nếu hai hai mà nói, có ba:

1. Y Tục pháp Độ ký tứ quý thì các tháng ba, sáu, chín, mười hai đều có mười tám ngày, bốn quý cộng bảy mươi hai ngày, chỉ là hai tháng âm dương, đều dùng Ký số làm Dương, ngẫu số làm Âm. Dương Độ Âm Độ là Từ Đông Chí một Dương sinh làm Dương Độn, tháng mười hai, tháng ba là Dương Độ. Từ Hạ Chí một âm sinh làm Âm Độn, tháng sáu, tháng chín là Âm Độ. Nếu nói trở xuống hai Dương Độ, hai Âm Độ, cũng là hai mươi hai, gia thêm Bản nguyệt thánh gốc thì đầy đủ sáu thời.

2. Theo Phật pháp thì đều bắt đầu từ ngày mười sáu, nó lấy ngày mười sáu làm sóc (mồng 1).

3. Lại nói v.v... trở xuống là lại y theo tục pháp, đều lấy số ký ngẫu mà chia ra Âm Dương. Ba là giải thích ba, ba vốn nhiếp có như sau:

- Là chánh giải thích, có hai:
- Y theo Tục pháp có hai:

1. Là lấy mạnh làm gốc.

2. Lại nói v.v... trở xuống là y cứ năm Hạnh.

Kế, Y theo Phật pháp là ba thời, ba tháng làm gốc, đều nhiếp một tháng nên nói ba, ba gốc nhiếp. Nếu y theo Phật pháp thì dùng ba, ba làm gốc năng nhiếp, bèn lấy ba, một làm tháng sở nhiếp. Cũng được gọi là ba, ba gốc nhiếp. Bốn, giải thích tùy thời tiêu tức tin tức, có hai: một là y theo Tục pháp, hai là y theo Phật pháp. Cuối Hạ đầu Đông theo thế tục gọi là Thu, tùy theo hai khoảng tin tức này mà châm chước. Năm,

giải thích Đại Tạ tăng tổn, có hai: một là thông trong ngoài mà giải thích. Xuân động thì bệnh gan v.v... Can tạng thuộc về mộc. Mộc xuân vương thì trị được. Tỳ thuộc Thổ, mộc khắc Thổ, cho nên Tỳ khó trị. Tâm Tạng thuộc Hỏa. Hỏa Hạ vương thì có thể trị. Phế thuộc Kim, Hỏa khắc kim cho nên phế khó trị. Kim Thu vương thì có thể trị. Kim khắc mộc cho nên gan khó trị. Thân thuộc thủy. Thủy mùa Đông vương thì có thể trị. Thủy khắc Hỏa cho nên Tim khó trị. Hai là y theo Phật pháp khoa giảm, có hai: một là Hỏi, hai là Đáp ý. Pháp do Phật chế chẳng phải để nuôi thân, chỉ vì tu tâm mà cấm túc, có hai: một là y cứ phá Thường. Đáp: phàm phu bốn Đảo Thường, Lạc, Ngã, Tịnh chấp điên đảo. Gá các duyên mà thành cho nên bỏ Thu thì khiến các đệ tử chẳng giữ Thường, Lạc, hai là y theo Hạ tọa đáp đã khai Hậu An Cư mà miễn ngồi Thu, thì người Tiền An Cư được lập tháng Ca-đề mà bỏ ý mùa Thu là hai duyên này.

Kế, Từ có v.v... trở xuống là đáp phạm xúc lại có:

1. Chính là nói phạm xúc. Trong đó trước nói sáu thứ phạm xúc. Người thường đi đứng, ỷ là đứng.

2. Nếu hỏa v.v... trở xuống là bốn đại động bệnh hỏa ít mà đàm nhiều, vì hỏa giảm nên thủy tăng. Ẩm thực v.v... trở xuống là nói chung về sáu thứ phạm xúc. Quá lượng v.v... là Phong Quân Đạt nói: Thể mệt nhọc ăn uống thường ít, làm việc nhọc chớ quá mức, ăn uống ít chớ quá dối, thường nên bỏ béo nồng mà giảm tiết độ mặn chua, giảm nghỉ lo tổn, bớt mừng giận, bỏ rong ruổi, cẩn thận việc phòng the, khổ phân biệt ngại thực, hai là lược nói sáu Đại. Bạch Hổ Thông nói phủ là ruột già, ruột non, dạ dày, bàng quang, tam tiêu, mật. Phủ là tạng cung phủ. Vị là Tỳ phủ, Bàng quang là phế phủ, phủ của phổi, tam tiêu là phủ của thân, mật là phủ của gan. Ruột già ruột non là tâm phủ phủ của tim. Trong sớ nói hai bàng quang chỉ một tạng. Huỳnh Đế mạch Kinh chép: Thương tiêu là từ đầu xuống đến tim, trung tiêu là từ tim xuống đến rún, Hạ tiêu là từ rún xuống đến chân. Quảng nhã nói Bàng quang là bọng đái, là thủy phủ trong bụng. Tam Thương nói: Chỗ đựng đầy nước tiểu gọi là phao (bọng đái).

3. Từ nhiều v.v... trở xuống là đáp bệnh khởi. Khi thời tiết sinh và khởi, tướng khác nhau, vi phát là sinh, động dụng là khởi, vì trước khác nhau. Ngày Hạ v.v... là bốn bệnh bốn thời từ đó sinh khởi.

4. Từ có v.v... trở xuống là đáp về phương pháp trị bệnh, có hai:

Một là Chia văn.

Hai là Phong bệnh v.v... trở xuống là tùy giải thích, có ba:

1. Thuốc phòng chưa bệnh.

2. Bào thực v.v... trở xuống chính là dùng thuốc trị. Chỉ nêu bệnh phát, dùng bệnh mà bày thuốc, phải đối bệnh mà dùng thuốc hay trị liệu.

3. Phong sơ v.v... trở xuống bệnh lui thì thuốc bổ.

- Trong đây v.v... trở xuống là bày nêu chỗ trích văn. Vì Chân-đế thiên nhàn thế thuật gồm có thần thông nêu văn này toàn dựa vào sớ ấy.

- Thiện nữ v.v... trở xuống đã biết khắp trị, như sau:

1. Chia văn sự giải thích, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có hai:

Một là bệnh nhẹ nghe nói liền hết.

Hai là Kinh nói Thiện Nữ v.v... trở xuống là bệnh nặng uống thuốc mới hết. Phẩm này nói việc thuộc ý gồm thuốc pháp, trừ bệnh không phải một, chẳng nêu hết. Kế là bày quán tâm lược nêu ý, văn ấy ở tức nên chú v.v...

Kế là Giải thích quán. Phẩm này nói Phật tự kể việc đời trước tự làm nhân thanh tịnh cõi Phật. Trong văn tuy giải thích quả báo trừ bệnh, nhưng ý chính là kết chung cơ duyên bốn giáo. Cho nên Đại Sư sau khi Sự giải liền bày pháp quán tâm, nói ý kết duyên của Lưu Thủy kia. Như Quán Âm Sớ đã giải thích ở bảy nạn thiếp văn chỉ ở trong Sự. Hỏa v.v... đến giải thích quán hạnh mới nói ba Chướng bốn giáo nay chẳng lẽ không đúng.

Hỏi: Đã kết bốn giáo, căn cơ sanh độ, vì sao chỉ y cứ phương tiện dừng tâm mà nói quán tâm?

Đáp: Lời giống như pháp dừng tâm của ba tạng, ý ấy không đúng. Vì sao? Vì bốn phần danh thông sổ tức bốn thứ giới nội ngoại, người tu bốn giáo đều tu chứng. Nay quán giải y theo đây mà nói để hiểu ý trừ bệnh kết duyên, có ba: một là nói thuốc bệnh của quán. Ba Độc là tham, sân, si khởi riêng. Nói Đẳng phần là ba độc đều khởi. Song tham, sân, si tánh vốn trái nhau chẳng phải ba tâm một lúc cùng khởi, chỉ là bất định tạp nhạp mà sinh, nên gọi là Đẳng phần, một phần có hai mươi mốt ngàn phần, cộng chung có tám mươi bốn ngàn môn trần lao. Đây là tâm bệnh của chúng sinh mười cõi, đối quả báo trước là thân bệnh vì là bên ngoài. Nay bốn phần gọi là bệnh bên trong. Sổ tức v.v... bốn thứ đối trước các thứ thuốc cay ngọt đều là Sự trị. Nay bốn quán này gọi là thuốc pháp.

Kế là Tuyên văn v.v... trở xuống là nói về căn tánh của hạnh. Tự

có chúng sinh nghe nói bốn quán bốn bệnh đều hết. Người tu thuộc về Tín, tự có nghiên tâm tu bốn quán này, bốn bệnh mới hết, gọi là người pháp Hạnh. Tín Hành thì là người học đọc, pháp hạnh thì là người ngồi Thiền. Nay nói hai người này đều thông bốn giáo ba nhãn. Thị v.v... trở xuống là nói đối bệnh dùng thuốc, có hai: một là nói tướng khởi của bốn phần, hai là nói Tướng trị của bốn quán: Phần một có bốn:

1. Y cứ khi năm căn đối nhau, đây là y theo năm hạnh đối năm Tạng. Tạng đứng đầu năm căn, căn thuộc bốn thời mắt, tai, mũi, riêng thuộc một thời lưỡi, thân có ở cả bốn thời như thường nói.

2. Diệu bảo v.v... trở xuống là nói năm dục gây bệnh. Vì năm Dục thô diệu riêng chung, đối căn khác nhau khiến sinh ra bốn phần thêm bớt khác nhau. Phải biết năm dục khắp cả cõi trong ngoài, cho nên khiến bốn phần chung riêng khác nhau. Ca-diếp đoạn chung nên nói là ít muốn, chưa dứt riêng nên nghe tiếng đàn thì đứng dậy múa. Kinh Thỉnh Quán Âm chép: Dứt trừ gốc ba độc thành Phật Đạo chẳng nghi ngờ. Đã nói ba Độc thì đâu chẳng phải đẳng phần. Bốn thứ này cũng do Thật báo năm dục thô diệu riêng chung đối căn mà khởi.

3. Nói ba thọ phạm xúc: trái ý thì khổ thọ, thuận ý thì lạc thọ, chẳng trái chẳng thuận thì bình bình thọ, ba thứ này khởi riêng. Chung ba khởi Đẳng phần gọi là giác quán, duyên lự lăng xăng.

4. Man thời v.v... trở xuống là nói người bệnh của bốn phần, năm dục ba thọ đã từ cảnh ngoài, bởi là duyên trợ phát của bốn phần. Nay nêu mạn v.v... là tập ác nội tâm thì chính là nhân thân phát của bốn phần tâm mạn phát sân cho đến buông lung phát ra giác quán, đều là phạm xúc đấm không giới ngoại, so với năm dục mà nói.

Kế là Từ tâm v.v... trở xuống là nói tướng trị của bốn quán. Trước nói duyên ngoài cho đến nội nhân khởi tâm bốn phần đều là cảnh Sở quán, tức là tướng bệnh. Nay nói bốn quán chính là nói bốn thứ thuốc pháp năng quán. Từ tâm trị Sân, Sân đã thông ở giới nội giới ngoại. Năng trị từ quán, chẳng riêng quán tưởng làm cha mẹ chúng sinh, mà ban vui cho thế gian. Quán tất cả pháp không, vô tánh, vô tướng, có công năng ban vui Niết-bàn cho chúng sinh, quán tất cả pháp đều là pháp giới, có công năng ban vui rốt ráo cho chúng sinh. Do đây mà trị ba thứ tâm Sân. Cho nên giải thích luận nói ba thứ Từ. Bất tịnh trị tham, chẳng riêng Tu Thật tướng giả tưởng, phá nhiễm y chánh của phàm phu cũng có thể phá nhiễm Niết-bàn của Nhị thừa, cũng phá được nhiễm ba Đế của Bồ-tát chấp thứ lớp. Cho nên luận Khởi Tín chép: Thỉ giác năng phá sáu thứ nhiễm. Nhân duyên trị si, chẳng riêng quán nhân quả

vô thường ba đời mà phá si đoạn, thường của phàm phu. Cũng năng thư lớp quán ba Đế, mười hai nhân duyên, phá si có không của Nhị thừa. Lại năng một tâm quán, bốn thứ mười hai nhân duyên phá si tung hoành của Bồ-tát. Cho nên Đại kinh nói quán mười hai nhân duyên đủ bốn thứ trí. Sổ Tức nói dứt trị giác quán. Chẳng riêng quán Sổ Tức sinh diệt mà phá phàm phu, đắm mê tán loạn. Cũng tu sổ tức, tu Tam-muội Tục đế, vào sâu duyên khởi, phá thiên không loạn ý của Nhị thừa. Lại thể Sổ tức, mỗi tức đều trung, các pháp thú tức, phá hai bên loạn ý của Bồ-tát. Cho nên Thỉnh Quán Âm ở pháp Sổ tức mà được đạo ba thừa. Trụ thân Thủ-lăng-nghiêm như lỗ lông lưu ly mà thấy Phật. Nhưng bốn trị này có thể bốn người đều tu một pháp, vì bốn pháp ấy đều gồm ba quán người tự có thể y thứ lớp, không y thứ lớp mà trị ba hoặc, hoặc có thể bốn trị chỉ đối với ba quán. Từ tâm là giả quán, bất tịnh là không quán, Nhân duyên là song chiếu trung quán. Sổ tức song ngăn trung quán, ba thứ này tự có thể y theo thứ lớp hay không thứ lớp. Lại bất định hoặc có thể có ba người đều một hoặc một người trước sau, hoặc không thứ lớp, là chỉ một người một niệm mà tiến. Trong Quán Âm Sớ còn dùng ba độc đối thẳng ba quán mà nói thứ lớp hoặc không thứ lớp, huống chi bốn thứ Từ v.v... chẳng phải là ba quán ư? Nếu người Viên ấy thanh tịnh y theo bốn phần riêng chung mà phát khởi, thì tức là một tâm dung diệu ba quán đối bệnh mà dùng, tức là ý thắng biệt trong chỉ quán.

- Phẩm Lưu Thủy, có như sau:

- Giải đề, có hai:

- Gồm trừ bệnh mà giải thích tên, có hai:

- Giải thích Lưu Thủy, có hai: một là dẫn văn nêu hai tên, hai là tiếp kinh dịch hai nghĩa, có hai:

- Giải thích hai nghĩa, có hai:

- Giải thích riêng hai nghĩa, có hai:

Một là Giải thích cho nước.

Hai là Giải thích Lưu Thủy: một là đại Từ cho vui, hai là đại Bi cứu khổ. Một lại có hai:

1. Nêu hai thứ nước.

2. Giải thích hai thứ nước. Nay đây một thứ vui thế gian lại ích lợi đối quả báo, xuất thế chỉ nói ích một Thật. Nếu luận thời này kết duyên Tịnh quốc hợp khắp người trời cho đến bốn giáo.

Kế là Giải thích nước chảy, lại có:

1. Nêu hai thứ nước. Lưu trừ, Lưu là đi, nước trôi tức là nghĩa trừ.

2. Lưu trừ v.v... trở xuống là giải thích hai thứ nước. Nói nghiệp

nhân, là ở ngoài quả báo chín ích đều có thể trừ nghiệp nhân. Nay mười hiệu v.v... bèn dùng năng trừ để hiển bày sở trừ. Kinh Thập Nhị Nhân Duyên gọi là nghiệm sâu xa.

3. Quy về mười hiệu đều là Viên thuyết, Sám gốc tuy không có văn ba quy. Kinh Tối Thắng không có ngài Chân-đế dịch ra thì cũng có nghi thức trao pháp, không thể thiếu được.

- Thỉnh cha v.v... trở xuống là thành cả hai nghĩa.

- Ký hữu v.v... trở xuống là bày riêng tựa đề, có hai: Một là hỏi, hai là trong văn v.v... trở xuống là Đáp. Văn kinh và Đề hai tên cùng khéo hiểu chẳng gì hơn đây.

- Giải thích Trưởng giả, tử trong Pháp Hoa Sớ nói có đủ mười đức thì được gọi là trưởng giả: một là dòng họ tôn quý, hai là địa vị cao, ba là giàu có, bốn là oai đức mạnh mẽ, năm là trí sâu, sáu là tuổi cao, bảy là hạnh thanh tịnh, tám là lễ đầy đủ, chín là người trên khen, mười là người dưới quay về. Từ tử v.v... trở xuống, là cũng như Vương tử, công tử. Cho nên kinh nói: Trưởng giả Trì Thủy về sau trong nhà sinh một người con tên là Lưu Thủy.

- Văn này v.v... trở xuống là dùng Thọ ký nêu ý.

- Giải thích văn, gồm có:

1. Nói lý do thứ ba là kết duyên gần, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có hai:

1. Lộng dẫn có hai: một là thi ân bố đức, hai là người trong nước khen ngợi.

2. Thiên nữ v.v... trở xuống, chánh nói lý do gồm:

Một là nói về quyến thuộc.

Hai là Lúc đó, con của trưởng giả v.v... trở xuống là dùng duyên xem cá, tức đeo đuổi cầm thú. Lúc ấy, trưởng giả bèn v.v... trở xuống là chánh thức cứu cá. Riêng mở làm hai: một là nói nhân duyên, có hai:

1. Lưu Thủy đau buồn.

2. Bấy giờ có v.v... trở xuống là duyên thần cây bày số.

Kế Thiện nữ v.v... trở xuống là cho nước cho ăn, lại có:

Một là Cho nước, có:

1. Lấy nhánh cây che mặt trời mà nương tựa.

2. Che mát rồi v.v... trở xuống là biết nguồn nước, quyết nắm bắt, quyết bỏ nước, quyết âm là huyệt. Quảng nhã nói là xuyên qua. Thuyết văn nói là Hạ lưu. Chu Dịch xét quyết khác nhau cũng gọi là huyệt (hang).

Bấy giờ Trưởng giả v.v... trở xuống là mượn voi của Đại vương

nhốt trong chuồng ngựa. Thích Danh nói Cứu là nhóm họp, là chỗ ngựa nhóm họp.

- Thời, Trưởng v.v... trở xuống là cho ăn, có hai:

1. Cá đói mà buồn. Quảng Nhã nói là tỷ ỷ (dọn nhà ở nhờ chỗ khác?) Còn gọi là bồi hồi.

2. Thiện Nữ Thiện v.v... trở xuống là lấy cơm cho.

Kế là Từ vị v.v... trở xuống là nói kết duyên thứ tư. Có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có bốn: một là phát thệ nguyện, hai là lại v.v... trở xuống là suy nghĩ nói pháp.

Kế nữa là Làm như v.v... trở xuống chính là nói pháp: Trước nói mười hiệu, kế nói nhân duyên. Mười hiệu ở Ngộ là ở quả. Nhân duyên, ở mê là ở nhân. Mê ngộ nhân quả tên ấy tuy khác mà Thể thì chẳng khác. Vì quả của mười hiệu là rốt ráo ba đức. Mười hai Nhân duyên là ba đức xưa nay. Ba đức chẳng thay đổi, nhân quả thì đâu có khác. Cho nên, Phổ Hiền Quán chép: Nhân Đại thừa là thật tướng các pháp, quả Đại thừa cũng là thật tướng các pháp. Các pháp là tu hai, thật tướng là tánh một, ba thứ này viên dung chẳng dọc chẳng ngang, toàn thể là nhân, toàn thể là quả. Chúng sinh tuy mê mười hiệu cũng không bớt, chư Phật ngộ cực mười hai vẫn không thiếu. Vì tướng thế gian là thường trụ. Cho nên nay trước nói quả, quả lý đã hiển bày thì khiến sinh giải. Trước gọi là Bảo thắng, bởi đó là tên riêng. Tên đối với một Phật Như Lai v.v... mười hiệu là tên chung, ba đời mười phương Phật đều có đủ. Nếu lấy chung từ riêng họp mà có tên là Bảo Thắng Như Lai, Bảo Thắng Phật, Bảo Thắng Thế Tôn. Ba thứ này đã thế, thì so sánh theo đây mà họp là Bảo Thắng Ứng Cúng, Bảo Thắng Chánh Biến Tri, cho đến Bảo Thắng Thiên Nhân Sư. Mười hiệu chung này Đại kinh Đại luận đều nêu tên, Thiên Thai Từ Ân đều nói nghĩa, tướng trạng đã rõ. Nay bên các giải thích lại y theo ba. Ba và một chung kết để nêu mười hiệu, khiến cho biết các pháp đều là bí tạng. Nghĩa này nếu nói thì chẳng làm nhục tên của người chứng quả. Một, ba đã lấy Như Lai làm đầu, tức là ba trong pháp thân. Như Lai là Chân như thuộc pháp thân. Ứng Cúng lợi sinh là giải thoát. Thiện Thệ năng thú cực là Bát-nhã. Hiểu ba thế gian mỗi pháp thường trụ là Pháp thân. Vì giải thoát ấy phải có đủ hai Đức. Sau ba lấy Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng phu nên đáng là Bát-nhã, Thiên Nhân Sư dạy bảo các căn cơ nên thuộc về giải thoát. Phật là Phục Bản, Đại giác là Pháp thân, vì Bát-nhã phải có đủ hai đức. Chín thứ này tức ba, ba thứ này tức một, một không tướng một, ba chín rõ ràng, ba ngàn thế gian, chín đời sát-na. Một là Đa-diên-xúc rốt ráo tự

tại nên gọi là Thế Tôn, mười hai nhân duyên bó lại thành ba đạo. Ba chi vô minh, ái, thủ thuộc về phiền não, hành có hai chi thuộc nghiệp đạo. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, sinh, già, chết thuộc Khổ đạo. Ở đây tuy hôn mê trói buộc trôi lăn mà toàn thể tức là ba nhân Phật tánh đều là chẳng thể nghĩ bàn. Tùy người quan sát hiển phát khác nhau. Cho nên Đại kinh nói Hạ Trung Thượng Trí quán, đây chính là ba thừa Bồ-đề. Nếu Thượng Thượng Trí quán thì được Bồ-đề của Phật. Trí ba giáo trước còn có thể nghĩ bàn. Cho nên quán mười hai nhân duyên chỉ được ba thừa. Chỉ có trí không nghĩ bàn của Viên giáo thể vô minh v.v... tức là tánh nhiễm, chẳng phải Phật, Trời, Người, A-tu-la làm ra, mỗi pháp thường trụ, đương xứ viên dung mới nói là trong nhân có tánh quả. Lại trong Huyền Văn thì ba đường ba thức tuy vốn có vị, nhưng cùng không hai không khác với ba đức của quả sau. Được ý này rồi mới phân biệt được mười hai tên riêng. Vô minh là không hiểu, sáu thọ là không, giả, trung. Hành nghĩa là y tâm chẳng hiểu, tâm động là nghiệp hạnh. Thức nghĩa là nghiệp kéo dắt thức trung ấm gá vào thai mẹ. Danh sắc nghĩa là hai giọt làm sắc tâm chỉ có tên. Nhập nghĩa là danh sắc lớn lên thành căn sáu nhập. Xúc nghĩa là sáu căn đối ngoài mà làm trần mà xúc. Thọ nghĩa là xúc rồi sinh ba thọ khổ, vui, bình bình. Ái nghĩa là mê ba thọ mà ưa thích đắm trước. Thủ nghĩa là ái nhiễm triền miên, bốn phương tìm kiếm. Hữu là do thủ tạo nghiệp phải có quả báo ở vị lai. Sinh, nghĩa là có nghiệp đã chín muồi, vị lai ấm sinh khởi: già, chết v.v... tức là sinh phải biến mất, buồn khổ buộc ràng. Mười hai chi này hoặc y cứ ba đời hoặc y cứ hai đời, hoặc y cứ một niệm. Tuy ba thứ khác nhau, đều dùng mười hai mà đối với ba đạo. Ngay nơi sự là lý, mỗi pháp rốt ráo thanh tịnh tự tại, chẳng dọc chẳng ngang vừa cao vừa rộng. Quán như thế thì được Bồ-đề của Phật. Lược về ba quy y, nghĩa đã đủ rồi. Bởi Tam bảo ba đức thể vốn chẳng khác. Đã gọi Nam-mô Bảo Thắng thì mười hiệu há chẳng phải quy mạng ba đức trong quả. Lại nói mười hai nhân duyên sâu xa, chính là tâm y theo ba đức trong nhân, mê ngộ cực tế ba đức không khác, một thể nghĩa đủ, ba đều đầy đủ. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh thật là quy y Tam bảo nghĩa thành rốt ráo. Phải biết Sấm sư ý thú sâu mầu. Bốn, Cá sinh lên trời mà báo ân, có bốn :

1. Cá báo sinh lên cõi trời do nghiệp lực của mình có ba ý nghĩ: một là tự biết chỗ mình đã chết, hai là tự biết chỗ mình sinh về, ba là tự biết trước làm nghiệp gì mà được sinh lên cõi trời. Đã biết việc xưa nên xuống trả ân.

2. Trời trả ân trở xuống, đại kinh nói lầu gác. Nhà có nhiều tầng

gọi là lầu, nói lầu đài là sai. Giải thích này có hai: Một là sự nhân duyên mười hiệu. Lại Năng thuyên thuộc ngôn giáo, đồng với nước uống cơm ăn nên gọi là sự. Hai là Lý chí ở bốn sự mà giải thích bốn đức, nên thành lý ích. Vì một muôn con cá do giới hoãn (chậm) nên làm thân có cá vảy. Do thừa (gấp) nên gặp Thiện trí thức chân thật Đại thừa đối với Sự mà chẳng hiểu được lý diệu. Nhận ăn rồi được sống tức nói lên Chân thường, nhận nước rồi được vui tức nói lên vui Niết-bàn. Ở mười hai rừng cây gai mà bỏ ngã tự tại. Y theo mười hiệu pháp được báo tiền của cõi trời, tính mạng ở đời hiểu là Đức tánh tịnh, bốn pháp ích nhân này Lưu Thủy đã được, nên đem bốn vạn chân châu anh lạc mà báo ân cúng dường bốn việc, đã biểu thị Lý ích, bốn muôn chân châu anh lạc đâu chỉ là sự cúng. Bởi y theo ngàn giới muôn như, mỗi pháp ấy đều có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, tức là bốn muôn chân châu anh lạc không nghiêm mà nghiêm, nghiêm ở Pháp thân. Đây là Tài cúng mà thành pháp cúng. Nếu chẳng thể thì đâu được gọi là có gốc lành tốt được duyên thọ ký ư?

3. Bấy giờ, Diêm v.v... trở xuống là vua thấy điềm sáng.

4. Trưởng giả theo số định mà đáp. Ba nói: Thứ năm kết hội xưa nay. Kinh nói La-hầu-la, Hán dịch là Phú Chướng, vì sáu nằm phải ở trong thai, do đó đặt tên là La-hộ-la, Hán dịch là Chướng nguyệt. Nhưng việc Bãn Tích chẳng thể xét biết, theo văn mà nghĩ kỹ, một muôn con cá xưa nay ắt là sở hóa, các thứ khác đều là Năng hóa. Năng Hóa này y theo các kinh Hoa Nghiêm v.v... đã nói đều là kiếp hải tu thật nhân ấy, thuần thục một muôn nay được giải thoát. Nếu lấy ý ngôi thành hóa hiện trong kinh Pháp Hoa thì đều là trong Tích, tiếp các căn cơ trong đây khiến nay được thọ ký. Tông này trong tâm người giải phải nên biết. Sáu là Giải thích phẩm Xả Thân, có hai: một là giải thích tựa đề, có hai:

Một là Hỏi bỏ nhiều nêu ít.

Hai là Dưới đây là đáp từ yếu lập đề, chỗ nhận phải là thân thể, vì cọp bị đói ép ngặt nên cần thân thịt, tuổi thọ tiền tài địa vị chẳng phải là điều mong cầu. Phàm hạnh môn vô lượng, căn do đời trước huân tập, bốn thứ Tam-muội được người ưa chuộng, tùy ý mình khéo thực hành sáu Độ. Người ưa bố thí thì ở thân mạng tiền của không luyến tiếc tự làm, hoặc dạy người khác làm hoặc tùy hỷ khen ngợi đều ở bố thí. Nếu gặp thầy tốt và y theo thật giáo mà tu Bố thí hiểu tâm Năng thí, cảnh thọ thí, và vật thí tức là không, giả, trung. Sự hành Lý quán hợp nhất mà tu giúp đạo. Chánh tu giúp nhau mà tiến, đã gọi quen xưa nên ưa thích

làm. Hoặc do Sự rốt hạnh xưa duyên hội, hoặc nhiều năm qua yếu thệ giúp cho quán thành, hoặc nói lên sở nguyện khiến vật công hiệu, hoặc theo dõi tâm mình, dứt chê bai người khác, vì tâm Bi là trọng mà thầm hiển tâm từ là trọng, hiển bày chân thật thì bốn Tất-đàn đều thành, nếu tâm dối trá thì hai lợi đều mất. Nhưng Phật nói Bản Sự khiến người so sánh thực hành. Cho nên Sớ chép: dẫn tổn thân (bỏ thân) xưa để khuyên nay, thầy trò chớ tiếc pháp tài.

Hỏi: Đại Luận nói bỏ thân thì dễ, bỏ tâm thì khó. Luận người muốn làm hay bỏ tâm chấp đắm cho nên khen khó, muốn dứt sự thí cho nên chê dễ. Sao chẳng y theo luận mà lìa bỏ chấp tâm. Người ngày nay vì sao thích bỏ thân mạng?

Đáp: Ức dương, chê khen đều vâng theo Phật giáo, đều phó tâm người, Phật nói chánh phụ khác nhau, người ham lý sự không đều nhau. Nay phẩm riêng bày việc bỏ thân mạng đâu được dùng luận khó dễ mà chê. Lại đối với không mà nói xả tâm, chấp mình thấy, chấp chặt tự thể một sợi lông không nhổ bỏ, chê người khác bỏ thân là quấy. Đã trái tâm tùy hỷ đấu tránh lỗi ganh Hiền. Nguyện nghe Phật nói tùy khả năng vâng làm. Hai là giải thích văn, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, lại có:

Một là hỏi: Tiểu nhân là người trong nước bệnh, tiểu trùng là một muôn con cá mắc cạn, cá liên quan đến lời thề vị lai pháp thực mà được thọ ký thành Phật. Bệnh hết thì chắc chắn ở đời sau có cơ hội giải thoát, cho nên đều mong lợi ích hai đời. Cảm sâu khế tốt, là kiến giải không hai mà dẫn dắt hạnh khó làm, cảm này rất sâu, bỏ thân mạng tiền của và đời sau v.v... đây là khế duy cực. Chúng nghe được lợi ích chính là vào lúc này, thế nên thần cây thừa cơ mà hỏi, hai là đáp, có hai: một là chia khoa, hai là giải thích nghĩa, mười đoạn đều như khoa nêu.

Hai là Tựu bản v.v... trở xuống chính là nói về bỏ thân, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có hai:

1. Văn xuôi, có bốn: một là nói gốc quyến thuộc, có hai: một là chia khoa, hai là giải thích nghĩa, năm đoạn như chia khoa nêu.

2. Từ làm v.v... trở xuống là phương tiện xả thân, lại có:

Một là thuật quán giải, hai là khởi thệ nguyện, nguyện hạnh giúp nhau. Hạnh là quán giải, chẳng phải quán giải này thì không thành nguyện. Không có thệ nguyện, thì hạnh sẽ lui. Sớ nói mới sinh bảy ngày đến thần cây đếm cá v.v... Văn này truy giải văn thấy hổ đẻ thứ tư ở trước. Sớ nói rất dễ hiểu. Kinh từ nghĩ rằng v.v... trở xuống là nói về quán giải. Quán có hai thứ: một là Trợ quán, hai là Chánh quán. Từ

xưa rất gắt, có thể nhàm chán là quán giúp đạo. Dùng giả tưởng của ba tạng giáo mà đối trị tâm đắm mê Y Chánh. Do đó nên nay ta v.v... trở xuống là nói Chánh quán cho đến không có trần lụy v.v... tức là quán không. Từ Vô Lượng Thiền định đến chư Phật khen ngợi là giả quán. Từ chứng thành như thế cho đến pháp lạc tức là Trung quán. Nói chính trước sau tu là một Tâm.

Hai là Từ đó Vương tử v.v... trở xuống là nói về thệ nguyện. Trước nói Phương tiện, kế nói lời thệ, sau chính là khởi thệ. Sáu câu chẳng ngoài bốn thệ nguyện sâu nặng. Câu một, hai là y Diệt đế mà phát nguyện thành Phật. Câu ba, bốn là y Đạo đế mà phát nguyện Bi Trí. Câu năm là y theo Khổ đế mà phát nguyện Độ sinh. Câu sáu là y theo giới ngoại Tập đế mà phát nguyện dứt hoặc. Đây là y giới ngoại Diệt đế làm đầu mà phát khởi viên tâm.

Ba là Chánh xả thân, có hai: một là khoa, hai là thích. Kinh nói sáu thứ rung chuyển, đó là ba thứ động, khởi, dũng là hình, ba thứ chấn, hống, kích là tiếng. Nay ở hình tướng nói lược hai thứ nên nói rung chuyển.

Bốn là xả thân sau bi luyến, có hai: một là khoa, hai là thích, như văn. Hai là kệ tụng, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có:

1. Nói chung hạnh xưa.

2. Ta nghĩ v.v... trở xuống là tụng riêng văn xuôi, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có năm: một là Tụng Bổn quyến thuộc ở trên, hai là tụng phương tiện xả thân ở trên, ba là tụng chánh xả thân ở trên, bốn là tụng quyến thuộc sầu khổ ở trên. Năm là tụng cha mẹ sầu khổ, lại có:

- Kinh nói lúc ấy Vương tử sẽ bỏ đi, là khi thấy tướng thì sầu khổ, có:

- Vương phi sầu khổ, có hai:

1. Thấy tướng.

2. Bấy giờ v.v... trở xuống là nói về tướng.

có sáu:

1. chính là nói về tướng có.

2. Bấy giờ v.v... trở xuống là nói đã mê muộn (ngất xỉu).

3. Vua nghe v.v... trở xuống là vua tôi buồn khổ.

4. Bấy giờ v.v... trở xuống là người trong nước kinh ngạc.

5. Bấy giờ v.v... trở xuống là vương phi nói về đức.

6. Ngã sở v.v... trở xuống là xét tướng mất con.

Kế là Bấy giờ v.v... trở xuống là Đại vương tìm thấy con, có hai:

Một là Khuyên dỗ Vương phi.

Hai là Nhà vua v.v... trở xuống là tìm thấy con.

- Tiên sở v.v... trở xuống, là tụng biết đầu cuối buồn khổ, có như sau:

- Sứ giả trở về thưa, có hai:

1. Trước khiến an ủi vua, có hai: Tu-du v.v... trở xuống là sau khiến nói thật.

2. Bấy giờ v.v... trở xuống là nhà vua ngất xỉu.

3. Lại có v.v... trở xuống là vua đón hai con, có ba:

Một là Quan nói về thất chí.

Hai là Bấy giờ v.v... trở xuống là vua đều suy nghĩ một mất hai còn đối diệu đều thổn thức. Người mất không thể tìm, kẻ còn phải giữ.

Ba là Bấy giờ v.v... trở xuống là đón con an ủi mẹ.

Kế là Từ Phật v.v... trở xuống là kết hội, có hai: một là khoa, hai là thích, gồm có:

1. Kết hội người. Kinh nói Du-đầu-đàn hoặc Duyệt-đầu-đàn, Hán dịch là Tịnh Phạn. Ma-da dịch là Thiên Hậu, Điều-đạt cũng dịch là Đề-bà-đạt-đa, Hán dịch là Thiên Thọ. Cha mẹ từ trời xin con, được trời trao cho, là em họ của Phật. Cù-di dịch là Minh Nữ. Tất-đạt có ba vị phu nhân: Một là Cù-di, hai là Da-du, ba là Lộc-dã, đều có hai muôn thể nữ. Năm Tỳ-kheo là Kiều-trần-như, Át-bệ-bạt-đề, Thập lực Ca-diếp, Thái tử Câu-lị. Trần-như và Thập lực Ca-diếp hai người này thuộc họ bên ngoại mẹ, ba người kia thuộc bên nội cha. Xá-lợi-phất dịch là Thân tử vì bà mẹ có thân hình đẹp, vì mẹ tên Thân nên con bà ấy gọi là Thân Tử (con bà Thân). Mục-kiền-liên dịch là Họ Hồ Đậu. Đời Thượng cổ có vị tiên ở trên núi thường hái đậu ăn, do đó lấy làm họ. Tôn giả là ông ấy sau này.

2. Kinh nói bấy giờ v.v... trở xuống là kết hội tháp, nói đủ là Tháp-bà, dịch nghĩa là Phương phần, hoặc dịch là Tụ tướng, nghĩa là chất đá gỗ và báu cao lên làm tướng. Trà-tỳ Hậu phần nói: Tháp Phật cao mười ba tầng, trên có hình bánh xe, tháp Bích-chi-phật cao mười một tầng, tháp La-hán bốn tầng, tháp Luân vương không có tầng, vì chưa ra khỏi ba cõi. Kinh Thập Nhị Nhân Duyên nói tám thứ tháp đều có lộ-bàn. Đã ngoài bốn thiền cũng lạm sơ quả. Thản tuần tiêu diệp, chế để hỏa châu khởi chiếm chức Thượng Thánh lại công hiệu. Xá-lợi, Hán dịch là Thân cốt.

3. Kinh nói bấy giờ v.v... trở xuống là kết hội thệ nguyện.

Thuyết thị v.v... trở xuống là Đại chúng được lợi ích.

4. Thọ thần v.v... trở xuống là kết ý hỏi. Kinh nói Bố Cứ, Quãng Nhã nói là sợ hãi. Tiêu Trớ là nhanh, yêm hốt thì hốt là điều đốt. Sồ là chim con. Thuấn là nháy mắt. Vân là lau chùi. Bích là đảo, ngã. Động là buồn quá, biện là mệt mỏi. Bảy là Phẩm Tán Phật, một là giải đề, có hai: một là nói Năng Tán Sở Tán, lại có:

1. Đại Sư y theo người khen quả giải thích. Năng Tán là ba phen Bồ-tát, một là kinh trước bày chúng, hai Tín Tướng là người phát khởi, ba là Thần cây Thiện nữ. Đây tuy chúng gồm đạo tục mà hình lẫn lộn trời người, đã phát đại tâm đều gọi là Bồ-tát. Sở Tán là một Phật Thế Tôn, tức ở Phật Thích-ca giáo chủ. Ở đây muốn khác phẩm Tán Thán ở trước. Năng Tán là Kim Long một người đời trước, Sở Tán là chư Phật cực quả ba đời. Nhưng y theo trước giải thích Đề mục phẩm, đều gồm bốn Tất. Nay văn lược bày muốn nói tướng ấy nên nói: Đề nêu nghĩa Tán Phật gồm Năng Sở, tức thế giới Hoan Hỷ.

2. Năng Tán thiện sinh ắt gá mượn duyên mà khởi, bậc nhất trong duyên chẳng gì hơn khen Phật, cho nên ba Bồ-tát năng tán tức là sinh thiện cho người.

3. Sở Tán là Năng Tán, bèn ấn thành ba Bồ-tát nói không dối nhầm, tức phá ác đối trị.

4. Như Lai khen thần cây quyết nói quả địa đại Thể, đại Trí, đại Dụng, tức vào lý Đệ-nhất-nghĩa. Đề gồm bốn nghĩa, Văn lý như một. Nay sớ sơ lược đều vì lẽ ấy. Bởi đề tán Phật thật có cả Năng sở. Sở tán là quả Phật lại khen nhân người. Sinh thiện phá ác cả hai đều chẳng tiện. Nhưng hoặc do Sở tán làm Năng tán mà sinh nghiệp lành cho người, phá nghiệp ác cho chỉ người. Sao đây chẳng thể nên biết là lược.

Kế là Tự là v.v... trở xuống là Chương An y theo nhân quả mà khen ngợi, giải thích lẫn nhau. Nói một Phật là Năng tán, là kinh nói: Lành thay, lành thay! Thiện nữ Thọ Thần! Hôm nay các người thích nói lời ấy. Kinh tuy riêng khen thần cây mà ý gồm hai ở trước, cho nên nói ba phen là sở tán (ba phen được khen ngợi). Nói ba phen là đương Phật v.v... là giải thích nghi. Sợ người nghi nên nói đã khen thì gồm năng sở, đâu chỉ đề là tán Phật (khen Phật) cho nên giải thích rằng: Phật có cả ở hiện tại vị lai đều là khen Phật mà thôi.

■

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 6
(Phần cuối)

Thứ lớp v.v... trở xuống là nói thứ lớp của phẩm, có như sau:

Nói chỗ trở về của các phẩm, là lý do có phẩm này. Vì sao v.v... trở xuống là giải thích thứ lớp các phẩm. Phẩm Tựa nói về Đại thể v.v... là y sớ này mà giải thích, kinh nói có năm chương. Nay chỉ nói thể bởi chỉ cực quả sở du sở khế vừa cao vừa rộng. Pháp tánh là sở chứng của địa vị Phật, là Đại thể của kinh này. Sau Thọ Lượng đến các phẩm Công Đức đều chẳng nêu đại Trí, đại Dụng. Nói cùng nguồn là lý trong Diệu giác đã cùng tột, việc bờ mé cũng cùng tột. Cho nên Chủng Trí mất chiếu, muôn hạnh đều thôi. Ấy chỉ là một tánh, không có gì khác, cho nên nói là Đại thể của kinh. Thọ lượng quả Địa hai trí đã tròn cho nên nói thể sâu rộng mà khởi dụng dài ngắn. Sấm khen không dẫn dắt đâu vượt đại dụng, các phẩm công đức không trái với ứng thể. Cho nên sau đó nói đều là năng lực của Kim Quang Minh. Như vậy v.v... trở xuống là bày ý khen văn này nói lý do lợi ích của mười bảy phẩm trên. Cho nên có v.v... trở xuống là lời khen có sáu mươi hai bài. Khéo từ đầu đến cuối, trước sau đều tốt. Ba phần như tựa v.v... đều được lợi ích. Cho nên ba Bồ-tát biết ân Phật mà ngợi khen, do đó mà có phẩm Tán Phật, khiến cũng là tốt. Ba là giải thích văn, có hai: một là nêu khoa, hai là giải thích nghĩa, có hai:

1. Kinh gia trình bày, Văn Sớ rất dễ thấy. Kinh chép: Từ đây đến nước Kim Bảo Cái là muốn nêu Bồ-tát có nhiều trong chúng đều khen Đức Thích-ca giáo chủ. So đây thấy có người chẳng hiểu ý này cho là khen Phật kia, Kinh sớ chẳng tối nghĩa sao chỉ một mình mê muội. Hoặc sợ người học sau tùy người khác giải thích, giải thích sai văn kinh. Nay lược dẫn sớ chỉ bày. Lý do có phẩm Tán Phật là vì ba phen Bồ-tát đều từ nghe kinh trên mà được lợi ích cho nên khen Phật và giáo đâu liên quan đến Phật khác. Huống chi là sớ chép: một Phật là Năng Tán. Nếu cho rằng khen Phật là khen một Đức Phật thì đâu chỉ nói Phật Thích-ca.

Kinh sớ đều không nói cho nên chẳng trích dẫn.

2. Chính là nói kệ, lại có:

- Chia văn giải thích riêng, có hai:

Một là Chia văn, tức Trí giả ở tựa đề chia kệ, cho nên hợp sáu mươi lăm bài rưỡi chia thành ba, tức lấy văn kinh Như Lai xuất định khởi ba hạnh hợp với đoạn thần cây, cho nên nói hai mươi tám bài rưỡi thần cây nói. Văn chia rất dễ thấy. Sớ không giải thích cho nên chú v.v... phải nói sáu mươi lăm bài rưỡi. Văn có hai: một là sáu mươi hai bài rưỡi ba phen Bồ-tát nói.

Hai là ba hàng sau là Như Lai xuất định, nói từ Định dậy. Cho nên sau đó Chương An giải thích chung, bèn nói văn ấy có bốn tức là nghĩa này. Đầy đủ như v.v... trở xuống là giải thích.

Kế là Giải thích nghĩa có ba, nhưng lời khen của ba phen Bồ-tát Sớ chẳng chia ra giải thích. Người hiểu ắt lợi ích đều sáng. Sợ kẻ mới học chẳng hiểu, nay giải thích sơ lược: một là các Bồ-tát khen, có như sau:

- Mượn gởi lời khen, có ba:

- Khen Năng Thuyết giáo chủ tự làm công đức, có ba:

1. là khen tướng lớn Kim Sắc quang (Ánh sáng và sắc vàng rồng). Kinh nói thân Như Lai là nêu khởi. Ba câu như Sắc vàng mầu nhiệm v.v... là khen một tướng lớn của sắc vàng mầu nhiệm thứ mười bốn.

2. Thân thanh tịnh v.v... trở xuống, hai bài rưỡi là khen thân thanh khiết ba tướng nhỏ. Kinh nói thân thanh tịnh tức là một tướng nhỏ thân thanh khiết thứ mười một. Mềm mại là khen một tướng nhỏ thân mềm mại thứ mười hai. Hai câu Viên Túc vô cấu là khen tướng thân đầy đủ thứ hai mươi cũng là khen dung nghi đầy đủ.

3. Âm thanh ấy trở xuống v.v... hai bài là lại khen Phạm âm là một tướng lớn. Cũng là gồm khen tiếng nói sâu xa là một tướng hải. Phạm thinh là ví tiếng Phật sâu xa. Tiếng sư tử rống là ví tướng Phật vô úy (không sợ). Đại lôi chấn thinh (tiếng sấm sét lớn) là ví tiếng Phật phá mê. Nói sáu thứ tiếng, các văn đều nói tám âm: Một là rất hay, hai là dịu dàng, ba là êm tai, bốn là tôn tuệ, năm là chẳng phải nữ, sáu là chẳng sai lầm, bảy là sâu xa, tám là chẳng cạn. Người dịch thêm bớt chẳng cần hòa hợp. Cũng có thể trước nêu diệu như phạm thinh (tiếng phạm) là tiếng Phật sâu xa trong tám âm. Sư tử hống, đại lôi chấn tức là âm không phải nữ. Vì Phật trụ trong định Thủ-lăng-nghiêm thường có đức của thế hùng, xa lìa tâm yếu hèn, cho nên tiếng nói ra đều khiến người nghe kính sợ. Thiên ma ngoại đạo đều quy phục. Trên đã nêu hai

thứ tiếng, dưới chỉ nói sáu thứ tiếng, tức là nêu sáu thứ tiếng như Ca-lăng-tần-già, chim công v.v.... Vì Ca-lăng-tần-già, Hán dịch là cực hảo thinh (tiếng rất hay).

Kế là Thanh tịnh v.v... trở xuống một bài rưỡi là khen tôn đặc. Trên dùng tướng lớn nhỏ mà khen bởi cảm thân tướng lớn nhỏ đều khắp. Lời ý tuy chứa tôn đặc mà chưa bày. Cho nên nay lại khen thân tướng ánh sáng đều vô hạn. Kinh nói oai đức là tướng uy nghiêm vòi vọi.

Kế nữa là Trí tuệ v.v... trở xuống hai câu là khen công đức trí đoạn. Hai câu trên là khen trí đức, một câu dưới là khen đức dứt.

Tiếp là Thế Tôn v.v... trở xuống là kết chung tôn đặc. Đại luận nói thân Phật Tôn đặc là uy nghiêm vòi vọi ví như núi Tu-di sừng sững sáng rỡ giữa biển khơi, các tướng tốt lớn nhỏ cũng đều nguy nga vòi vọi. Nhưng Như Lai tự hạnh đầy đủ công đức ba thân, các Bồ-tát chỉ khen ngợi là tôn đặc. Trên hợp dưới ứng đã nhiếp ba thân. Đây khen là Trí xảo. Người học hãy suy nghĩ.

- Vị chư v.v... trở xuống sáu bài rưỡi là khen lợi ích giáo pháp độ người, có hai:

- Nói lý nói giáo, ở văn thấy rõ. Kinh bản dịch mới chép: vì muốn lợi ích các chúng sinh nên thường thực hành pháp thí, cho đến khiến được Đại quả chứng Thường, Lạc. Hai là khen chỗ nói giáo pháp, có hai: Một là hai câu từ Như Lai v.v... trở xuống, là khen Tông thể của kinh. Thể chỉ phẩm tựa Như Lai đã dạo chơi rộng sâu không giới hạn, vượt các nhân lý nên gọi là nghĩa sâu bậc nhất, nêu sâu gồm rộng tức là sâu xa vô lượng. Tông chỉ Thọ lượng Cực quả đã được thì hơn các Bồ-tát nên gọi là bậc nhất. Pháp Báo Thể là một, nghĩa sâu nên biết. Hai là khen Lực Dụng của kinh, có ba:

1. Hai câu như Năng linh v.v... trở xuống là khen phẩm Sám ở trên dứt ác. Vắng lặng là diệt hết các hạnh nghiệp ác, diệt hết các quả báo khổ.

2. Hai câu như Năng cho v.v... trở xuống là nói phẩm Tán ở trên sinh thiện. Trên là Như Lai nói xưa Long Tôn khen Phật, ý là đương cơ ngày nay sinh thiện cho nên đem đến vô lượng niềm vui.

3. Khen phẩm Không dẫn dắt, có hai:

Một là Năng diễn v.v... trở xuống một bài là khen năng dẫn dắt pháp không mầu nhiệm. Kinh nói Cam Lộ tức là thuốc mãi mãi không chết, văn giải thích trung Đạo Diệu không Thật Tướng Chân-đế, vượt qua hai chết mê biến sinh ra bốn đức thường thân. Cho nên lý không

này tức gọi là Cam lộ, nhưng do thể Nhiễm vốn là tịnh không nên gọi là pháp mầu. Theo đây mà vào gọi là pháp môn.

Hai là Năng nhập v.v... trở xuống hai bài là khen sâu dứt ác sinh thiện. Sám được không này thì quả báo ác hoạn của chết liền hết thì sẽ vào nhà ba Đức Niết-bàn, nói giải thoát có hai ý. Nếu giải thoát được ràng buộc của hoặc nghiệp thì tức là phá ác, nếu lấy thanh tịnh vô nhiễm tự tại tức là sinh thiện. Độ ba hữu v.v... là phá ác sinh thiện rất dễ hiểu. Ba là kết khen người pháp. Là công đức trí tuệ là kết trên khen giáo chủ Năng Thuyết là người tôn diệu. Từ bi tinh tấn là kết trên khen giáo pháp Sở Thuyết là pháp sâu rộng Tông Dụng của pháp như thế, đây đều là Từ Bi tinh tấn tạo nên.

Kế là dứt lời khen, có ba:

1. như thệ vô lượng v.v... trở xuống một bài là dứt lời khen, cho nên chẳng thể xưng kể, nói dụ.

2. Các vị trời, người đời v.v... trở xuống hai bài là dứt lời khen. Cho nên nghĩ suy hết mức chẳng thể biết được phần nhỏ như một giọt nước biển khơi.

3. Nay ta lược khen v.v... trở xuống một bài là chỉ rộng kết khen, dễ dàng thấy rõ.

Kế là nếu công đức ta v.v... trở xuống một bài là khen xong mà hồi hướng. Hồi hướng có ba nghĩa, hiện văn có hai, lý gồm có ba rất dễ thấy.

Kế là nói Tín Tướng, có hai: một là nhà dịch kinh kể, hai chính là nói kệ, có hai:

1. Thế Tôn v.v... trở xuống một bài là khen chung tướng hảo công đức. Số ngàn là nêu số lớn.

2. Khen riêng tướng hải lớn nhỏ, có năm: một là khen riêng hai thứ tướng sáng, có hai:

Một là Sắc tịnh v.v... trở xuống bốn bài là khen sắc tướng sáng màu vàng ròng thứ mười bốn. Ánh sáng rực rỡ v.v... trở xuống tức là tướng ánh sáng phát ra từ thân thứ mười lăm. Nhưng hai tướng ánh sáng này nếu theo sinh thân thì đều có giới hạn. Như nói thân quang mỗi phía đều phát ra xa một trượng. Nay nói sáng như ngàn mặt trời cho đến đều chiếu xa đến vô lượng cõi Phật. Cho nên biết Tín Tướng xưa là Long Tôn khen Phật tôn đặc. Phát nguyện ở vị lai được gặp Đức Thích-ca. Ngày nay khen Phật chẳng lẽ lại quên gốc xưa. Ấy là tướng lớn tướng nhỏ đều nhờ tôn đặc mà khen.

Hai là năng diệt v.v... trở xuống một bài, là nói ánh sáng đầy đủ

để ban cho và nhổ gốc khổ là Long Tôn khen thân Phật phát ra ánh sáng rực rỡ mà diệt hết tất cả khổ trong ba cõi giúp các chúng sinh đều được vui sướng. Ngày nay khen Phật lại khen ánh sáng cứu khổ ban vui, trong văn dễ thấy rõ.

Kế Các căn v.v... trở xuống một bài là khen chung các căn tướng tốt, như trong tướng lớn có thân đoạn thực, da mỏng mịn, lưỡi lớn che trùm cả mặt răng trắng khít khao đều đặn, mắt như kim tinh, lông mi như trâu đầu đàn, trong tướng nhỏ có mũi cao đẹp hai lỗ kín, dái tai tròn dài, thân thơm sạch mềm mại, các căn chiêm ngưỡng đều không thỏa mãn.

Kế lại ví khen, tướng nhỏ có hai:

1. Tóc xanh hồng v.v... trở xuống một bài là khen tướng tóc. Khổng tước Đảnh phong vương tóc đều có màu xanh. Như trong tám mươi vẻ đẹp thì có màu tóc như châu xanh đẹp đẽ.

2. Thanh tịnh v.v... trở xuống một bài rưỡi là nói công đức thanh tịnh, từ bi vô lượng, thiền định đều trang nghiêm từ lâu, cho nên tóc đẹp mềm mại.

- Lại nói tướng tốt công đức, có:

1. Nói tướng tốt đủ công đức, có hai:

Một là Tướng tốt v.v... trở xuống một bài là nghiêm thân được quả dụng, rất dễ thấy rõ.

Hai là Như Lai v.v... trở xuống hai bài là nói công đức nhiếp sinh cảm tán, hoặc tướng tốt, vẻ đẹp, tùy lớn tùy nhỏ đều có khả năng điều phục khiến tâm nhu nhuyến hưởng các vui sướng, cho nên được chư Phật khen ngợi.

- Ánh sáng ấy v.v... trở xuống hai bài là nói ánh sáng đủ công đức. Công đức cao rộng cũng như núi Tu-di xuất hiện trên biển lớn.

- Răng trắng v.v... trở xuống hai bài rưỡi là lại ví khen răng tốt hai tướng lớn.

- Thần cây nói, có hai:

1. Người dịch kinh kể. Nói thân cây Bồ-đề Đạo tràng, tức nơi Như Lai thành đạo ở dưới cây này. Nhưng cây vốn tên là Tất-bát-la Phật ngồi dưới cây đó mà được trí quả Bồ-đề nên đặt tên này. Vì thế nay Thiên nữ nương cây này mà trụ, cũng lấy đó làm tên. Tây Vức Ký nói: Xưa Phật ở đời, cây này cao mấy trăm thước bị chặt phá nhiều cũng còn cao bốn, năm trượng, thân cây màu vàng trắng, nhánh lá xanh rờn, Đông Hạ không tàn, xanh tươi không đổi màu. Mỗi năm đến ngày Như Lai Niết-bàn thì lá héo rụng, khoảnh khắc rồi lại như xưa. Cây này ở

nước Ma-kiệt-đà Trung Ấn Độ nằm về phía Tây Nam thành bốn trăm dặm, cách chỗ tu khổ hạnh không xa đều có cây này.

2. Chánh nói kệ, lại có:

Một là hai câu khen chung. Nam mô là từ ngữ quy mạng. Thanh tịnh thì luận Phật Tánh nói có hai thứ: một là tánh tịnh, vốn không có hoặc nhiễm. Hai là tướng tịnh, đối trị lìa tướng. Nay khen chung Như Lai Trung Biên Trí mãn, pháp thân, Báo thân, Ứng thân tròn đầy, nên gọi là Vô thượng Chánh giác.

Hai là khen riêng, gồm có:

- Khen rộng giáo chủ Năng Thuyết, có ba:

Một là Sâu xa v.v... trở xuống một bài rưỡi là ở Sở giác mà hiển bày khen Pháp thân Phật. Diệu pháp sâu xa là pháp tánh cao rộng, các pháp dung diệu, Viên trí viên giác khắp tất cả chỗ, các chướng tà nhiễm vốn tự xa lìa. Như Lai thuận theo lý này mà giác liễu hiểu rõ tánh ấy. Tất cả ngoại ma Niết-bàn chẳng phải pháp. Thiền giới phi đạo chẳng phải đạo cũng như cây lớn rễ sâu đất dày, chỉ có đại trí Kim cương của Phật mới cứu giúp nhổ lên được. Thành Phật Chánh giác gọi là Đại pháp thân cởi mở ràng buộc. Nhưng y theo viên Phật Đại Trí hiểu rõ Bản tánh chẳng phải pháp chẳng phải Đạo, phải lìa bảy phương tiện của ba thừa. Niết-bàn chẳng phải là pháp, giới định chẳng phải là đạo mới gọi là xa lìa tất cả. Pháp tức là quả báo sở sinh. Đạo tức là Nhân Đạo Năng sinh. Nếu chưa lìa Tướng phần vô minh thì đều gọi là chẳng phải.

Hai là Biết có v.v... trở xuống hai bài rưỡi là ở Nang giác Trí Hạnh mà khen Báo thân Phật có ba: một là y cứ pháp. Biết có v.v... trở xuống hai câu là khen báo Trí. Biết (tri) là chiếu. Hữu tức là tục, phi hữu tức chân, Bản tánh thanh tịnh tức trung. Dùng trí Nhất thiết chủng mà xét chiếu ba đế, thì thầm khế hợp sâu rộng sự lý cùng tột, gọi là Phật Vô Thượng Báo Trí. Ít có v.v... trở xuống hai câu ít có là khen công đức trợ hạnh của Phật. Lại nói ít có ít có là trịnh trọng khen tốt. Sau đều lệ theo đây. Trong nhân giới định muôn hạnh có năng lực bài dẹp chướng địch chống ác nên gọi là Công. Giúp phát Đại Trí thành Đại quả Phật nên gọi là đức. Kinh Pháp Hoa nói: Tu nghiệp lâu mà được tức là Vô Thượng Báo, nên gọi là Như Lai công đức.

Tiếp là Ít có v.v... trở xuống một bài là y cứ Dụ, tức dụ Báo thân Trí hạnh ở trên. Biển lớn là dụ cho Trí, Tu-di dụ cho hạnh, trí ấy thầm hợp với lý, cùng tột đáy thật tướng mới gọi là Biển lớn. Thích Luận gọi là Trí độ, Biển lớn Phật biết tận đáy trong nhân muôn hạnh chứa nhiều công đức, Dụ nói Tu-di kia như Hoa Nghiêm Niết-bàn, đều nói chẻ

xương viết kinh chất đầy như núi Diệu cao.

Ba là Ít có v.v... trở xuống một bài rưỡi là ở thùy thế hình ích mà khen Ứng thân Phật. Hoa Ưu-đàm, gọi đầy đủ là Ưu-đàm-bát-la, đây là nói điềm lành, cũng gọi là điềm linh. Khi Luân vương ra đời thì cảm có hoa này nở. Kinh nói trong Diêm-phù-đề có cây chúa đáng tôn quý tên là Ưu-đàm-bát-la, có hạt mà không hoa, cây Ưu-đàm-bát-la có hoa vàng thì thế gian có Phật. Cho nên nói: chỉ hiện ra một lần. Vô Lượng Đại Bi là thùy ứng Bản, vì đại Bi nên không trụ Niết-bàn.

Kế là Thích-ca v.v... trở xuống một bài rưỡi là lược khen giáo pháp được nói. Như Lai sắp muốn nói pháp ý nghiệp liền xét cơ như mặt trời chiếu vật đều khắp. Vì muốn lợi ích, y theo lực dụng của Kim Quang Minh phải nói mười thứ lợi ích mới hết ý ra đời nói pháp. Ba là thỉnh Phật xuất định, có hai: một là lành thay v.v... trở xuống hai bài là đối với quả Phật khen chỗ nhập định. Các căn vắng lặng. Vì hiểu tánh của mắt v.v... nên thường đủ không giảm tu. Các hoặc tử sinh đều đã vắng lặng cho nên thường ở tịch định. Mà còn du nhập là đem pháp luân biểu thị cho không nói dối. Lại Phật ba đời nói phải nhập định. Cho nên Kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: Tuy biết các pháp thường là tướng định mà chỉ bày chúng sinh các thiền khác nhau. Nói thiện tịch là chánh khen chỗ nhập định, tức hướng về pháp tánh Tam-muội của kinh, nếu nhập vào định này thì khó hiểu các pháp. Vì vắng lặng đều là pháp tánh nên phòng quấy sinh tử mà chế ngự Niết-bàn. Tức Trung đạo thiện tịch mà gọi là thành lớn. Cũng gọi là Tam-muội Vô cấu thanh tịnh v.v... Đã là cảnh giới Phật mà được gọi tên Vô cấu thanh tịnh, vì là chỗ làm của chư Phật.

Kế là Nói hành tướng năng không của Tam-muội. Kinh này tuy là kết về Phương đẳng nhưng nói ra sau thời Bát-nhã, Sám khen thiện ác đều suy ra không đạo. Cho nên phẩm Không gọi là vô lượng. Các kinh khác đã nói rộng về Không, cho nên trong kinh này cũng nói không, là môn nhập Lý. Phật du Tam-muội cũng từ Không mà vào. Hàng Thanh văn tuy từ không mà vào nhưng còn bị thân quả buộc ràng. Như Lai trí không nên thấy rõ quả trí Thanh văn tánh tướng đều không. Cảnh giới chư Phật cũng không, như thế tất cả vô lượng các pháp, chỉ trên là tự tha y quả quốc Độ tịnh uế mà suy ra Tánh Tướng chẳng thấy khác nhau, tất cả cảnh giới Y Chánh của chúng sinh cầu tìm tánh tướng đều đồng chân tịnh, không có gì khác lạ. Song suy tánh tướng, tức là không quán mà yếu môn trái tình hiển lý. Một nhà nói quán các chỗ cùng luận như người giảng học cũng lắm mê muội. Nay ta nhân Dụng thì y Trung Luận,

Trí luận, y theo Lý, y theo Nghĩa mà khai thác quán môn, cho nên đối với quyền giáo, Thật giáo, Sự quán lý đều sáng tỏ, người học phải biết. Lại như tánh tướng hai không vốn là một không quán pháp đủ khiển tình chấp, cho nên có hai phen hành tướng. Thế mới biết nếu khéo tu một không quán thì khiển được hai thứ chấp tánh. Kinh khê nói phải vô tánh tánh vô tánh tướng. Các văn là luận về tánh tướng, mượn trước nói sau, cho nên dùng hai Đế mà chia. Bèn nói bốn câu song tánh chẳng thấy tánh là Thế đế phá tánh. Bốn cú suy tên chẳng thấy tên là Chân-đế phá tướng. Tướng phá tức tướng không. Kinh khê giải thích rằng: nếu có tánh chấp đời mà không phải Đế, phá tánh chấp đời rồi gọi là Đế, cho đến gọi là Thế đế phá tánh. Tánh chấp phá rồi chỉ có tên gọi. Tên thì là giải giả tức tướng ấy là Tướng không, cho nên quán lý chứng chân gọi là Chân-đế phá tướng. Không chẳng có trước sau, hai Đế đồng thời. Cho nên biết tánh chấp phá rồi, tuy gọi là Thế đế. Sơ chẩn quán ấy tức phải quán chân. Bốn là Câu suy tánh tuy chẳng chấp tánh, nếu như hoặc còn thì chuyển chấp tên ấy. Đã chẳng thấy lý chỉ gọi Thế đế. Nếu vẫn pháp tánh chân lý phá tướng danh trị. Tướng chấp phá rồi mới chứng chân ấy. Cho nên gọi là Chân-đế phá tướng. Hoặc mới quán Chân-đế bốn câu, suy tánh liền hiểu ấm giới sắc tâm danh tự không có tướng bốn câu, tức gọi là Chân-đế phá tánh phá tướng, há đợi chuyển quán phá tướng mới dùng Chân-đế? Nếu thế, suy tánh vì sao lại gọi là chẳng tự tha cùng bằng nhau. Suy tướng tự gọi là chẳng có trong, ngoài, khoảng giữa v.v... Cú pháp đã khác hiển Lý Dụng quán tự khác, sao bảo chỉ mười bốn câu quán không phá hai thứ chấp?

Đáp: Vừa bảo mượn trước nói sau đối chỗ phá Chấp tướng cho nên suy tánh thì bảo chẳng tự tha v.v... Suy tướng bèn nói chẳng trong ngoài v.v... thì khảo sát quán môn đâu có đường khác. Cho nên Kinh khê nói: trong chỉ là nhân, ngoài chỉ là duyên, huống chỉ quán nói tánh không quán xong. Bèn dẫn Trung luận bốn câu: Các pháp chẳng tự sinh v.v... làm chứng, đến khi nói tướng quán không xong. Cũng dẫn luận này bốn câu các pháp chẳng tự sinh v.v... Lấy đây mà chiếu xét thì phải không có quán khác. Lại chỉ quán chỉ gọi chung một không quán, tức là hai không quán.

Hỏi: Pháp Hoa Sớ y cứ chân tục giả thật mà nói sinh không, pháp không. Kinh Khê giải thích rằng: Chân-đế tức pháp không, Tục đế tức sinh không. Tục giả chân thật bèn dẫn Huyền Văn Thế đế phá tánh. Chân-đế phá giả, giả phá tức tướng không, tánh phá tức tánh không làm chứng. Nếu dùng tánh tướng hai không chỉ một không quán, sao lại dẫn

Nhân không, pháp không mà đối hiển hai Đế? Vì khi nhân không thì cũng chưa pháp không, cho nên Tánh không tướng không. Nếu lệ Nhân pháp đều không thì hai chẳng phải khác. Sao bảo tánh không chưa hiển Lý thì tướng không chẳng khác quán?

Đáp: Tiểu thừa khi được nhân không thì cho chưa được pháp không. Như nói thấy hoặc nếu phá thì được quả Tu-đà-hoàn, gọi là được sinh không. Đây thì ít hiển Chân lý, phải tiến lên phá tư hoặc mới được pháp không, Lý đó hiển bày rốt ráo. Còn Đại thừa nhân pháp cảnh dung, quán Đạo chẳng khác. Như Đại Phẩm nói: Sắc tánh như ngã tánh, ngã tánh như sắc tánh, bốn ấm như ngã dụng, quán cũng như thế. Dẫu có hoặc phần thô tế chấp phá trước sau, khi dụng quán thì không khác. Mà pháp Hoa Sớ y cứ nhân không pháp không gọi là hai Đế, là đối Sở phá mượn chia Chân tục. Cho nên dẫn Thế đế phá Tánh gọi là tánh không, Chân-đế phá tướng gọi là tướng không làm chứng. Còn Dụng quán hành tướng rõ ràng thì phải đối với ngã nhân mà sinh cảnh phá tánh, phá tướng mới được sinh không. Lại đối với pháp ấm, giới, nhập mượn tục mượn chân, suy hai không này biết chân lý này thì gọi là Pháp không, mới gọi là Dụng quán hành tướng đều rõ ràng. Nên chỉ quán nói: Đối với tánh tướng mà tìm ấm, giới, nhập chẳng thể được, là pháp không. Nhưng sớ dùng Tục đế đối với Sinh không, là bởi sinh không này thể là pháp chấp, cho nên dùng Tục Đế hiển Tướng không này. Cho nên nói Tục giả, giả tức là luống dối. Pháp chấp nếu phá vọng nhiễm dứt hết thì mới gọi là Chân-đế. Cho nên nói Chân thật. Thật tức rốt ráo, Kinh khê hiểu ý này của Sớ, lại dùng Huyền Văn mượn Thế đế nghĩa tánh không v.v... mà làm chứng. Cho nên nói Chân tục chẳng hai, hai không đồng lúc.

Hỏi: Đã nói hai Đế chẳng hai, hai không đồng lúc thì là một Lý một không, sao lại chia ra hai Đế và nói hai không?

Đáp: Thật ra chỗ hiển Lý là một, năng quán quán cũng một, là đối Sở phá chấp nên chia ra hai mươi hai không. Vì hiển không cạn sâu mà nương gá hai đế, thế nên trong tánh tướng không, tánh không y cứ Lý, lý đã chưa hiển chỉ gọi là Thế đế nói về không, không cũng chưa cùng tận, chỉ gọi là tánh không, vẫn đối với thế pháp lại quán Chân-đế phá chấp này gọi là Tướng, Tướng nếu phá rồi Lý hiển thì mới gọi là Chân-đế, quán thành mới gọi là Tướng không. Cho nên mượn hai Đế mà hiển tướng hai không, đối sở phá mà chia chân tục, thì là mượn hai đế nói hai không nhân pháp. Y cứ theo lý cũng thế. Ấy là nhân không không chưa thật, bèn mượn tục mà hiển bày. Cho nên nói Tục đế tức sinh không.

Pháp không không đã xong tịnh mà mượn chân hiểu, cho nên nói Tục đế tức sinh không. Pháp không không đã xong, tịnh mà dùng chân hiển, cho nên nói Chân-đế tức là pháp không. Huống chi lại tuy Dụng sinh quán pháp cùng dung nhau mà chiếu cảnh Chân tục chẳng hai, như chúng sinh từ vô thỉ thường sinh đắm cảnh, khởi chấp Ngã, quán chẳng hai cũng ở sinh cảnh thì trước phải dụng. Cho nên khi phá nhân chấp lại gọi là sinh không. Đã có pháp chấp lại quán pháp ấy vốn không có chấp, lìa tướng bốn câu mới gọi là pháp không. Cho nên Đại sư bảo thỉ giác nhân không, chung giác pháp không. Nhưng hai đế này hiển tướng hai không, giáo Thông viên hành tướng cũng đồng, nhưng thông dụng quán ấy chỉ chiếu chân lý, cho nên mượn tục mượn chân để hiển tánh hiển tướng, nói hai không này chỉ ở Chân lý mà giáo viên thật thể sinh thể pháp, suy tánh suy tướng, chỉ là Trung đạo pháp tánh, pháp tánh là vô sinh, vô tánh gọi là Thế đế phá sinh phá tánh. Sinh này tánh này tức là pháp. Pháp Thể vốn không gọi là Chân-đế, phá pháp phá tướng. Chỉ mượn hai đế đều dùng Trung đạo để bày hai không. Thông không có quán này, người học nên suy nghĩ. Nhưng nói rõ hai không, suy Sở chấp Năng, Nhân chấp tùy pháp chấp mà mất, đủ như văn trong Sở phẩm không ở trước đã nói.

Kế là Phàm Ngu v.v... trở xuống hai câu đã chỉ, phàm ngu chẳng rõ thỉnh hiện, ở trên khen Phật đã dạo Tam-muội không Trí, khắp hiểu các Hữu khác nhau, thảy đều mất hết, chỉ có Chân trí riêng còn lại, không có nhiễm khác. Thần cây phần hiểu thương xót, phàm mê cuồng loạn ngu si, chẳng hiểu tánh tướng đều không, cho nên thỉnh Phật xuất định.

Kế nữa là nhớ xưa thường nguyện thấy, là chánh thỉnh xuất định, có bốn: một là con thường v.v... trở xuống năm hàng là chánh thức kể lại nguyện xưa thỉnh hiện. Con thường niệm Phật. Niệm là tên khác của quán chiếu, Tâm dạo pháp giới thường chiếu ba thân. Kể quán lực xưa chưa đủ, muốn cầu thân chứng cho nên giúp dùng thệ nguyện, chắp tay quỳ lạy vô cùng kính mến khóc lóc như mưa, tu hạnh đại Bi là giúp quán thường niệm. Nói tối thượng đại Bi, tức là vô duyên Bi, chánh trợ gồm tu nên gọi là Tối thượng.

Hỏi: Thần cây trong hội nói thấy Như Lai nhập định nói pháp, sao nay mới nói là muốn thấy Phật?

Đáp: Có hai ý:

1. Như Lai nhập định vốn là để nói kinh. Nói kinh xong rồi thì phải xuất định, muốn xuất định thì phải có người thỉnh. Cho nên Phật xuất

định ấn chứng ba phen nói ra lời gì đều thật. Đã một hẹn xong xuôi. Thần cây hết lòng thỉnh mời. Cho nên nói xưa thường nguyện thấy, lại thêm nguyện hạnh, muốn khiến vị lai cũng được thấy Phật. Cho nên nói nguyện thân con thường được thấy Phật.

2. Thần Cây từ lâu đã phần thấy chân thân Như Lai, muốn thêm quán niệm Phật nên lại cầu trên chứng, cho nên mượn thỉnh Phật xuất định mà thường muốn thấy. Nếu được Như Lai đáp lời thỉnh hiển bày thân, tức trong tâm mình chân Phật hiển phát rõ ràng. Cho nên sau kết rằng: Cúi mong Từ Bi vì con hiện thân, hai là y cứ đầy đủ Từ Bi thỉnh hiện, có ba:

a. Thế Tôn v.v... trở xuống hai bài là nói Từ Bi che chở tối tăm. Thân cây tự mê muội chân thân thượng vị của Như Lai, cho nên thỉnh Phật che chở, khiến thân con thường được thấy Phật. Lại thương người khác mê mờ không thấy được chân thể của Phật, nên nói Thế Tôn thường che chở tất cả. Tâm khát ngưỡng muốn thấy, liền dẫn dắt mình và người thỉnh Phật hiện thân.

b. Thanh văn v.v... trở xuống một bài rưỡi, là y theo Thánh phàm chưa phát tánh sáng. Tức Thần cây nay thỉnh Phật xuất định. Phật tuy ở trong định nhưng biết rõ tánh tịnh, giống như lưu ly trong ngoài thông suốt. Chiếu cơ khởi ứng đều chẳng động vắng lặng. Như Lai tuy rõ biết đã lâu, như chúng sinh kia chưa phát định trên. Cho nên thần cây thỉnh xuất hiện để phát ngộ cơ này. Bèn nêu sáu dụ hiển sắc thể Thanh văn, chẳng phải là tánh minh thể. Chân lý đã chưng vắng lặng vô tri, như hư vô của không, cũng như khói lửa của đèn. Như huyễn của ảo thuật, như vang của tiếng, như sự biến hóa của thần thông, như trăng đáy nước, đều chẳng phải thật tánh, không thể tức tịnh tức hiện. Tánh của chúng sinh là luống dối hiện tại như việc thấy trong mộng đều không có thật tướng.

c. Y theo Phật nói thấy thỉnh hiện, chính là nói chỗ Phật nhập định đủ tâm thương xót chiếu soi, cho nên thỉnh Như Lai xuất định khiến con và chúng sinh được an vui.

Kế là Tất cả v.v... trở xuống một bài rưỡi, là thương phàm Thánh chẳng biết thỉnh hiện. Thần cây vì phàm phu Tiểu Thánh cùng mê, chẳng biết chỗ Phật dạo cảnh giới, cho nên thỉnh Phật hiện thân. Tức khiến nói thấy chỉ tâm Phật hiện. Kinh nói Thần tiên có năm thông, là riêng nêu người có thuật thành tiên phát được năm thông, tuy có tha tâm túc mạng mà không biết định mà Phật dạo chơi. Y theo lý khởi ứng chẳng lìa tâm thể chúng sinh. Nhị thừa Vô Lậu tuy có ba minh sáu

Thông cũng mê muội cảnh Phật duy tâm, cho nên nói cũng chẳng thể biết rõ. bốn là nay ta v.v... trở xuống một bài là chỉ đã tin không nghi mà thỉnh hiện. Thần cây nói xong, đối với chỗ Phật hiểu rõ hoàn toàn không chê chướng ngại. Tuy cùng mê muội cảnh Phật thật có động tịnh cho nên liền thỉnh xuất định rằng: Cúi mong Từ Bi vì con hiện thân.

Hỏi: Nay Phật vào định nói pháp, khởi lễ xá-lợi, đã có tới lui người trong hội cùng thấy, Thần cây đâu biết Như Lai trụ định chưa xuất mà hết lòng thỉnh ư?

Đáp: Thần Cây đại quyền từ lâu cùng Phật đồng sự (cùng làm việc). Xưa vì Lưu Thủy cứu cá. Thần cây hiện nửa thân chỉ bày đếm số. Trưởng giả đã thành Phật rồi, Thần cây há còn làm phàm phu. Cho nên nay một động một tịnh đều phò Phật giáo, giúp Phật hóa độ, sao chẳng biết có. Huống chi xuất định, nhập định đều có nghi tiết. Phật tuy đứng ngôi tới lui, nếu chưa bày tướng xuất định, Thần cây đến thỉnh liền khuyên mới hiện tướng xuất. Tướng ấy là: trước phải lay thân nhè nhẹ, sau mới súc miệng hà hơi, rồi từ từ đứng dậy, mới biết Như Lai chỉ bày tướng xuất định. Cho nên Pháp Hoa an tường mà đứng dậy, kinh này nói phát tiếng mầu nhiệm, cho nên biết định khởi đều có tướng.

Hỏi: Kinh mới dịch nói: Bấy giờ, Bạc-già-phạm vào lúc xế chiều xuất định quan sát đại chúng mà nói tụng rằng:

Pháp mầu Kim quang minh
Hơn hết các kinh vua.

Nay vì sao Chi Sấm nói ba phen khen xong mới nói là xuất định. Hoặc người dịch thấy chẳng đồng còn tập kinh bản Phạm lời văn sao như thế?

Đáp: Bản văn tiếng Phạm không giống còn chẳng biết thì người học làm sao hiểu kinh? Nay thử lược phê bình. Đối với lý nên mong không ẩn riêng. Lại kinh này vị sư xưa bảo là giáo của phương riêng, tức trong nhất thời phó cơ mà nói, cho nên ngài Thiên Thai kết luận là thuộc bộ Phương đẳng. Đây là do cơ chia ra Đại Tiểu, ứng phó quyền Thật. Phó quyền là Tiểu, là khiến thấy Phật từ Định xuất mà nói pháp. Ứng Thật là Đại, cho nên biết Phật ở trong Định mà nói. Cũng như trong Hoa Nghiêm khiến thấy thân nữ mà nhập vào Chánh thọ, còn trong thân nam xuất định mới nói. Khi ấy ứng Phật có khác. Cho nên Tập kinh hoặc nói xuất định mới nói, hoặc bảo nói rồi mới xuất định. Nhưng Phật diệt độ, sau Tập Kinh lại chẳng phải một đường, cũng có kết tập trong hang ngoài hang, cũng nói tiếng Phạm có xa có thiết v.v... đến nỗi người dịch kinh thấy tiếng Phạm khác nhau. Như Ngài Chi Sấm có

đến năm xứ Thiên Trúc chắc chắn có thấy bản tiếng Phạm chánh gốc, thấy nói Phật ở trong định mà nói thì sẽ tin nhận kính dịch. Còn Tịnh Sư vốn mở rộng kinh Tiểu Thừa, gặp văn Phạm rất muộn thì thấy Phật xuất định rồi mới nói thì hợp với tông, cho nên biên dịch không thay đổi. Còn nêu chúng Thanh văn, Bồ-tát thì đều nói lúc mặt trời xế bóng thì Phật xuất định, đến chỗ Phật hội. Các sư xưa có suy ra người dịch chưa nhã thì nên tin cũng có. Cho nên việc làm của Thánh Sư ắt không uổng, kẻ phàm phu mới học không xem xét lý do thiếu sót, tìm lỗi thì có lỗi. Người học hiểu mà nghĩ kỹ.

Hỏi: Đại Sư đã y theo bản dịch của Sấm, vì sao lại nói nhập vào pháp tánh mà nói ra kinh vua?

Đáp: Như Lai thường ở trong định pháp tánh, ứng cơ thuận vật mà bày tướng nhập định. Tuy tâm dạo trong lý vắng lặng mà miệng nói ra lời ấy. Cho nên gọi là nói ra kinh vua. Bởi tịch chẳng ngại chiếu, nói chẳng ngại định, nên chẳng nói thân ra khỏi định. Đáp thỉnh xuất định, có như sau:

1. Bấy giờ v.v... trở xuống một bài là nói nhà dịch kinh nói xuất định. Bấy giờ là lúc thần cây thỉnh xong, Phật liền bày tướng xuất định. Bèn nói dùng tiếng mầu nhiệm mà khen ngợi, tức tiếng êm ái dịu dàng hai tốt mà làm vui bốn chúng.

2. Lành thay v.v... trở xuống hai bài là nói Phật xuất định khen ngợi, Phật khen Thần cây ý hợp với trước, vì các Bồ-tát và Diệu Tràng khen giáo do Phật nói đều là lời vui. Như Lai trong phẩm tựa v.v... trở xuống nói Đại Thể, Đại Tông, Đại Dụng là ba pháp mầu của Kim quang minh. Cho nên nói ưa nói lời ấy. Nếu chúng sinh nghe ba pháp này thì sẽ phát hiểu, chứng ngộ minh liễu thường trụ. Cho nên nói nhập vào pháp môn Vô sinh cam lộ.

3. Chương An giải thích chung, lại có:

- Y cứ nghĩa Phật khen, có hai:
- Y cứ quả định mà khen nhân, có hai:
- Chánh nói nghĩa khen nhân gồm có:

1. Bày nghĩa. Đây nói v.v... trở xuống là giải thích chung. Văn ấy có bốn. Trước Đại sư chia khoa chỉ có ba đoạn, dùng văn Như Lai xuất định ba hàng hợp với đoạn Thần cây. Cho nên chú là v.v... Nay Chương An giải thích mới là tận lý, văn rất dễ thấy.

2. Dẫn chứng: hai là bày Ấn thành khen giáo. Ba phen Bồ-tát đều trước khen Phật, kế là khen nói giáo, tức khen Như Lai từ phẩm Tựa đến đây là nói Bồ-tát tu nhân Đại Thể, Đại Trí, Đại Dụng của một kinh. Vì

sao? Vì phẩm Tựa nói dạo trong pháp tánh, Phật chỉ chỗ dạo là các vua các kinh ba phen tức là Phật nói Đại thể của một kinh. Thọ Lượng nói quả Thường của Phật, ba phen là Phật nói Đại trí của kinh. Trí tức là tông. Đàm-vô-sấm khen phẩm Không, tức Phật nói Đại dụng của kinh từ Tứ vương cho đến phẩm Xả Thân đều là nói Bồ-tát tu nhân. Ba phen khen giáo. Đã khen chỗ Phật nói nên Như Lai xuất định ấn thành. Tức là khen Thần cây mà ưa nói lời ấy.

3. Khen chung ba nghiệp: Chương An nói kinh này Phật xuất định, hay khen người nhân thích nói. Xem lại văn trên của kinh. Cũng có nghĩa quả thân lễ xá-lợi. Xá-lợi, Hán dịch là Cốt phần, tức là Nhân thân này. Phẩm Sám thì Phật khen Đại Sấm, phẩm Tán thì Phật khen Long Tôn, là lời nói lớn, đều nói là Đại, là một Sám một Tán v.v... Pháp Tánh Đại Thể, biết tội phước tánh không. Phẩm Tứ Vương năng thỉnh, phẩm Thiện Tập năng nói, phẩm Quỷ Thần năng nghe, phẩm Xả Thân năng làm. Đều là ưa thuyết, đều năng hiểu giáo Kim Quang Minh. Năng Thuyên Sở Thuyên là ba thứ Thể, Tông, Dụng, tức tất cả ba pháp, cho nên đều gọi ưa nói. Tín Tướng Long Tôn Tứ Vương v.v... đều là người nhân. Cho nên nhân miệng nói ra. Chữ Sẵn là hiện, thân, miệng chẳng phải ý chẳng làm cho nên nói Nhậm vận lệ thành.

Kế là Y theo nghĩa xuất định, có hai:

1. Y theo khởi mà hỏi vào, hai là đáp đầu cuối ở định, có hai: một là nói Trụ Định pháp tánh.

Hỏi: Các kinh nói trước phải nhập định, xuất định rồi mới nói, nay vì sao các kinh một bề nói ở trong định mà nói có sở thuyết?

Đáp: Nếu nói về pháp tánh Thượng Định thì đâu có xuất nhập, nói nín khác nhau. Đã bày định ấy là do thuận theo căn cơ chúng sinh. Căn cơ chúng sinh thì ưa thích khác nhau. Các kinh bày đồng là các Phật xưa trước đều nhập định, lý lịch pháp duyên đối trị tán tâm vọng có chỗ nói. Cho nên phải nhập định, xuất định rồi mới nói. Kinh này đầu đuôi ở trong định mà năng nói. Ý đồng hướng về Lý. Lại chỉ bày Kim Quang Minh vô lượng sâu xa tự tại vô ngại, tịch chiếu dung biến. Cho nên nói xuất định rồi ấn thành ba phen, quyết thọ lãnh pháp của Như Lai đã nói.

2. Bày pháp tánh viên dung. Nếu nói nhập vào pháp tánh thì hiển Lý bao gồm chẳng trở ngại ra vào định. Trên nêu pháp tánh vô lượng sâu xa, một xuất một nhập có nói có nín, đâu vượt pháp tánh, cho nên nói pháp tánh tự tại. Nói bốn Phật tức là Phật bốn phương. Năm Phật là kể cả Phật Thích-ca. Đều ở đồng một chỗ, các chỗ v.v... là nhà Tín

Tướng và núi Linh thứu tuy khác nhau nhưng nếu hiểu Duy tâm, chỉ thấy Diệu Độ thì chúng đệ tử là một. Cho nên năm Phật cùng một thân một trí, ấy thì bốn không tới lui, một không đi ở. Do chấp quyền giáo mà chúng đệ tử có khác, nghĩa là Diệu Tràng và Phật ở núi Kỳ đâu cách nhiều dặm. Cho nên bốn Phật năm Phật không chỉ các nơi mà còn thấy thân khác. Trí khác thật tới, thật lui, thật ở. Tuy đây khác nhau mà không lìa pháp tánh. Cho nên tùy người thấy đều không chướng ngại.

Kế là Y cứ quán mà giải thích, có hai: một là nói Sự ba nghiệp cảnh. Nói quán tâm là nêu quán mà giải thích. Trước nói các Bồ-tát khen đủ ba nghiệp là cảnh Diệu quán. Song khen tuy ở miệng, mà thân cũng cung kính, Tâm vẫn tôn trọng. Ba nghiệp đều vận dụng thì nghĩa khen mới thành. Hai là nói Lý ba quán thành, có hai:

1. Nói ở Sự quán Lý. Nói ba quán tâm, là mượn các cảnh như thân v.v... mà bày Không, giả, trung, năng quán ba quán tâm. Gần đây có người giảng chẳng biết liền cho là người sau vọng thêm chữ Tâm, cũng do mê Tâm làm Sở quán, đến nổi lộn xộn thật lầm chẳng thể nói. Nhưng như kinh Thập Lục quán vốn nói quán Phật. Sớ nói: Tâm quán làm tông. Có người chẳng thấy ý này bèn dối xuyên tạc. Nay người học phải suy nghĩ kỹ. Quán thân chẳng thật có thân, là trước nói thân quán, chỉ xem xét bốn Đại vốn không thật tánh, gọi là pháp tánh không. Nhưng có danh tự tức là thân tướng. Danh tự có nhiều thứ, đã học sáu Độ, mười Độ v.v... Như thân hành bố thí thì gọi là Đàn, thân lìa các lỗi gọi là Giới, thân chịu Nhục gọi là Nhẫn, thân siêng làm hạnh trước gọi là Tiến, Thân hay an tịnh gọi là Thiền, Thân hiểu thể không gọi là Tuệ, thân làm khéo léo gọi là phương tiện, thân lập thệ gọi là nguyện, thân làm lợi ích người khác gọi là Lực. Thân ra khỏi sinh tử gọi là Trí v.v... Cho đến thân thực hành tám muôn trần ra pháp môn. Hành giả tùy thọ danh tự, đạt được danh vô danh gọi là Thân tướng không. Xem xét tánh tướng tuy không, mà sắc tâm các pháp rõ ràng, cho nên không chẳng nhất định không, giả chẳng nhất định giả, chẳng không chẳng giả đều là Diệu tánh chân thật gọi là Hiển Trung Đạo. Quán thân đã thế thì miệng ý lệ theo đây mà hiểu. Hai là nói sự lý thành, có ba: một là nói không có quán đều lỗi, Thân v.v... là cảnh năng phát quán, quán ấy thành cảnh hiện Sự Lý, theo nhau chùi núi vàng thì mới hiểu được.

2. Lấy y vật làm lệ, ba y là Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, sáu vật là gồm cả Ni-sư-đàn, Bát-đa-la và dãy lọc nước. Thế mới biết ngoài sáu không ba, cũng như bốn Thiền, tám Định, ngoài Định không có Thiền. Bởi y tên thì cục vật tên hơi thông. Y là nghĩa ngăn

che, che đậy. Bát-đa-la là không ngăn che, nên thông với đặt tên vật. Cũng như Vô sắc bốn xứ thọ tưởng lự mất thì chẳng có tên chi lâm vui mừng, cho nên có chung tên Định. Bốn xứ cõi Sắc tuy chung với Tịnh lự, Thọ tưởng chuộng hành thì riêng có tên là Thiền. Cho nên hiểu biết thì Sự ba Lý sáu đều sáng, mê muội thì ba, sáu, bốn, tám đều tối. Ba là được Lý đều thành, Cảnh do quán hiển. Lý quán nếu thành thì ba thứ thân, miệng, ý gọi là Diệu sắc tâm, nên cũng gọi là sáu quán, cũng gọi là Sự Lý Thành. Không sáu thì cũng ba, là nhắc trên lệ với giữa. Nếu văn nào chẳng hiểu thì rất dễ thấy.

Xưa, Tiên bẩm Đại Sư pháp Trí có soạn ký giải thích Kinh Sớ, mới xong mười bảy phẩm thì viên tịch. Phẩm Tán Phật sau cùng thì y kinh sâu xa, sớ lại quá tóm tắt, mà câu nghĩa câu kín chắc chắn cũng khó. Tôi tuy không thông minh nhưng từ lâu cũng đích thân giảng nói bèn thâu nhặt các bài nghe cũ mà đặt ở cuối sách, cũng là giúp cho người đọc, há chê là của tặng thêm điêu.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 139

KINH
KIM QUANG MINH SỚ

SỐ 1787

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1787

KINH KIM QUANG MINH SỚ

Sa-môn Cát Tạng soạn

Pháp thân vắng lặng, tuổi thọ không ngắn dài, bậc Chí nhân dứt lo, có cảm thì có thông. Đại quyền phương tiện gặp cơ ứng nói. Cho nên bốn Đức Phật hiện ra trong thất, giảng nói y chỉ thường trụ. Bồ-tát đều mộng thấy nói pháp sám hối. Nhân gồm hai thiện, bao trùm muôn hạnh, quả lên linh giác, tuổi thọ bằng hư không. Do đó Thập Địa vâng tu lý này, bốn vua khen ngợi giữ gìn đức của kinh. Ý kinh giảng nói chướng nạn tiêu tan, mượn pháp nguyện cầu phước lạc tùy tâm. Cho nên kinh này dùng Chánh pháp Trung đạo làm thể, ba điểm bốn đức làm tông. Nếu giữ nguyên chánh âm Thiên-trúc, lẽ ra nói là Phật-đà-bàn-già Tu-bạt Na-bà-la-bà-tu Tu-đa-la. Phật-đà, Hán dịch là giác. Bàn-già là nói mà lược hai mục Tu-bạt, Na-bà-la-bà-tu là Kim Quang Minh. Tu-đa-la: Hán dịch có năm nghĩa, lấy nghĩa kinh mà đại diện. Kinh là dạy về pháp, dạy về Thường. Cũng là lý do của kinh nên gọi là kinh Kim Quang Minh.

Kinh Kim Quang Minh thuộc về tạng Đại thừa Bồ-tát rốt ráo, là Đốn giáo. Nói về Tông thì biểu thị cho ba thứ ba pháp, một là biểu thị cho ba Thân quả Phật, hai là biểu thị cho ba Đức Niết-bàn, ba là biểu thị cho ba thứ Phật tánh.

1. Biểu thị cho ba thân là thể Kim chân thật dụ cho Pháp thân Phật, Dụng của quang (ánh sáng) chiếu soi là dụ cho ứng Thân Phật; Minh (sáng) là lợi ích cùng khắp cũng dụ cho hóa thân Phật.

2. Dụ cho ba đức: dùng thể Kim (vàng) có bốn nghĩa dụ cho bốn đức của Pháp thân, sắc không thay đổi như Thường. Thể không Nhiễm

như Tịnh, chuyển thành Vô ngại như Ngã, giúp người giàu sang như Lạc. Kế là quang có hai nghĩa, một là chiếu soi năng trừ như Bát-nhã, hai là nói có hai đạo như nghĩa không tối tăm và sâu rộng, không có các hoạn nạn tại họa.

3. Tiêu biểu cho ba thứ Phật tánh, thể Kim (vàng) vốn có như Chánh nhân của đạo trước, Dụng của quang mới có như Liễu nhân trong Đạo. Minh là không tối, như chí quả của bậc Đạo. Dùng ba nghĩa như Kim v.v... dụ cho ba thứ ba pháp, cho nên nói kinh Kim Quang Minh, cùng với phẩm Tựa như thường giải thích. Ba thứ ba nghĩa này có trong bảy quyển. Trong quyển bốn này chia làm ba đoạn:

Một là phẩm Tựa, tức phần nói về Tựa.

Hai là từ phẩm Thọ Lượng đến hết phẩm Xả Thân là phần Chánh Thuyết.

Ba là phẩm Tán Phật, là phần Lưu thông.

Sở dĩ có ba đoạn là do hai nghĩa, một là nói theo Hóa chủ, nếu không nói Tựa thì người chẳng sinh tín tâm, nếu không có tín tâm mà chợt nói cho nghe thì chúng sinh chẳng nhận. Cho nên Như lai có lỗi không nói, cho nên có Tựa nói. Đã tin Như lai không nói thì có lỗi mất cơ, cho nên có chánh thuyết. Chánh Thuyết đã rõ, nếu không có phần lưu thông thì Như lai có lỗi không Đại Bi, cho nên có thuyết lưu thông. Hai là nói theo Sở hóa. Chúng sinh vào Đạo thì tín tâm làm đầu cho nên có nói Tựa, ý Tín mà sinh hiểu biết nên có Chánh nói. Y theo hiểu mà khởi Hạnh, nên có nói lưu thông.

Trong phần nói Tựa có hai: Tôi nghe như vầy là Tựa Chứng tín. Một thời trở đi là tựa phát khởi. Khoa chọn hai Tựa như trong Niết-bàn nghĩa Sớ chép. Trong tựa phát khởi có hai: Ba câu như Thời v.v... phát khởi chung. Lúc ấy, Như lai v.v... trở xuống là phát khởi riêng, vì v.v... trở xuống chính là nói các phẩm. Chung là duyên khởi nên gọi là Chung. Riêng là duyên khởi nên gọi là Riêng. Trong phát khởi chung phải có người đồng nghe, chẳng lập là do có ba nghĩa:

1. Là phẩm Thọ Lượng là do bốn Đức Phật nói, là nói trong Thất của Tính Tướng, chẳng cùng một ngàn hai trăm người đồng nghe.

2. Phẩm Sám Hối là Tín Tướng thấy nghe trong mộng, cũng không phải một ngàn hai trăm người cùng nghe.

3. Trong phẩm Tán Phật ở sau là Đại Sĩ ở cõi khác đến cõi khác khen Phật, cũng không phải một ngàn hai trăm cùng ở.

Vì có ba nghĩa này nên không lập chúng đồng nghe. Ở đây thì nói kinh này có bốn thời ba chỗ. Ba chỗ là Tín Tướng Thất, núi quật, cõi

khác cho là ba chỗ. Bốn thời là hai ngày một đêm và lúc khen Phật ở cõi khác. Núi Quật là ở thành Vương xá như thường giải thích. Riêng phát khởi thì tựa và tựa các kinh có khác, vì lấy thẳng ba ngầm che chở làm Tựa. Ba mật là thân mật, miệng mật, ý mật. Ý niệm pháp tánh và bốn Đức Phật che chở cho đến các pháp như sám hối v.v... là ý mật. Lại sắp muốn nói pháp sâu xa này tức là khẩu mật. Dùng ba mật này mà ngầm che chở Tín Tướng. Cho nên Tín Tướng nghi niệm cảm quả Thọ Lượng Phật bốn phương. Và do ba mật này mà Tín Tướng cảm mộng nói các pháp như sám hối.

Bốn vị vua trời v.v... phát nguyện mở rộng kinh cho đến nói phẩm Xả Thân, nên nói ba mật là tựa phát khởi. Trong tựa Biệt khởi có hai: một là mười chín bài kệ, chính là nói soạn lời tựa; hai là nay ta sẽ nói v.v... trở xuống chín bài rưỡi kệ là lưu thông làm tựa. Trong một có hai:

1. Tám bài kệ Thọ Lượng v.v... trở xuống là thể của kinh, bốn phẩm làm Tựa.

2. Các căn chẳng đủ v.v... trở xuống mười một bài kệ là phẩm Tứ Thiên vương v.v... trở xuống là lực dụng của kinh, mười hai phẩm làm tựa. Lại trong một có hai: một là năm bài kệ là phẩm Thọ Lượng làm tựa. Hai là nay ta sẽ nói v.v... trở xuống có ba bài kệ, phẩm Sám Hối v.v... trở xuống là ba phẩm làm Tựa. Nói lúc ấy, là có ba lúc: một là lúc Như lai muốn nói pháp, hai là lúc chúng muốn nghe, ba là lúc tâm đại chúng không cao thấp. Như lai thì có ba Như lai: một là Pháp thân, hai là Ứng thân, ba là Hóa thân, Pháp Thân Như lai, Đạo trước không đổi khác gọi là Như, Đạo sau hiển hiện gọi là Lai. Ở đây nói Như lai chính là Ứng thân và Hóa thân. Nói Ứng thân soi chiếu Pháp thân thường lạc v.v... là nói theo Hóa thân. Sống trong vô lượng, là Thể của Pháp thân không có hạn lượng kia đây nên nói là Vô lượng. Ứng thân trí tuệ chiếu lực có sống nên nói là sống trong pháp tánh sâu xa. Pháp là pháp thân, tánh là tự tánh, tự tánh chân thật nên nói là pháp tánh. Pháp tánh này rất sâu khó đến đáy nên nói là sâu xa. Ứng thân chư Phật có khả năng thực hành cùng tột, cho nên nói “là chỗ làm của Phật”, hơn các địa vị Hữu học nên nói hơn các Bồ-tát. Lại không khác cảnh trí, hai chướng lìa hẳn nên nói việc làm thanh tịnh. Ấy là Kim Quang Minh, đứng đầu các kinh. Kinh này gọi là nói Pháp thân thường trụ, cũng biểu thị cho ba thứ ba nghĩa, nên đặt tên này. Hơn Tiểu thừa nên nói là Vương (Vua). Nếu có người nghe v.v... trở xuống là kế khen dụng của kinh. Nếu có người nghe thì sinh ra Văn tuệ, vì năng suy nghĩ nên sinh tư tuệ, nghĩa

Vô thượng nhiệm mầu sâu xa thì sinh tư tuệ. Kinh điển như thế v.v... trở xuống là nói người năng thuyết. Nói Phật bốn phương là hiển bày Chư Phật Đạo đồng. Chỉ nói có bốn là muốn nói lên bốn Đức, nên chẳng phải năm chẳng phải sáu. Phương Đông Bất động là nói lên Đức thường, Phương Nam Thật Tướng, Thật Tướng là châu Như ý có năng lực tự tại, biểu thị cho đức Ngã. Phương Tây Vô Lượng Thọ là nước An lạc, biểu thị cho đức Lạc. Phương Bắc tiếng mầu nhiệm, tiếng không nhơ bẩn, biểu thị cho đức Tịnh. Từ pháp tánh trên nên tên kinh, Dụng kinh có thể nói các pháp như thế v.v... đều là cảnh giới ý niệm Như lai muốn sống trong đó. Nay ta sẽ nói v.v... trở xuống là tựa thứ hai, có ba:

1. Một bài rưỡi là tiêu biểu, hai bài kế là giải thích, một bài rưỡi sau là kết.

2. Nói sám hối là nêu phẩm Sám Hối v.v... các pháp v.v... trở xuống tức là hai phẩm sau. Cũng có thể sám hối là nên sám hối trong năm pháp. Đẳng pháp, là lấy Đẳng mà khuyến thỉnh tùy hỷ hồi hướng phát nguyện. Kế là trong phần giải thích, một bài đầu là nói Nhân hạnh, tức là sinh thiện dứt ác, lại một bài kế là nói quả đức, các pháp khác không thêm nên gọi là vô thượng. Cũng khiến lìa khổ dứt ác nên nói là hoại hết. Đây là không hạnh nào chẳng đủ, không lỗi nào chẳng hết. Nhất-thiết-chủng-trí cũng lấy các pháp sám hối này làm căn bản, ngoài ra các công đức khác cũng là các pháp sám hối trang nghiêm. Đây tức là hai thứ trang nghiêm công đức, trí tuệ. Dứt trừ các khổ, nhổ hết hai thứ sinh tử phần đoạn, Biến dịch. Đây là kết lìa lỗi.

Cho vô lượng vui là hai thứ vui Bồ-đề, Niết-bàn. Đây là đức đủ, các căn chẳng đủ v.v... trở xuống một đoạn lớn là Tựa thứ hai là Lực Dụng của kinh. Lại có hai: Một là sáu hàng tựa trước chánh nói về kết phẩm Xả Thân. Nói mở rộng kinh là được lực dụng của kinh. Hai là Hộ Thế Tứ Thiên vương v.v... trở xuống năm bài kệ là tiếp theo Tựa Tứ Thiên vương cho đến hết phẩm Tán chỉ là nói lực dụng của kinh rất lớn. Trong đây muốn trình bày việc mở rộng kinh trên có đức thì được Thiên Thần che chở, sau trong phần chánh thuyết là nêu lý do trời ủng hộ mà được mở rộng kinh. Trong phần tựa chánh, trước sau khác nhau. Ở phần một có hai:

1. Ba bài rưỡi là nói chỗ dứt ác.

2. Hai bài rưỡi là nói hạnh năng diệt.

- Lại trong một có hai:

1. Hai bài một câu là nói do hiện sự mà sinh ra ác sầu.

2. Năm câu là nói Nhân chưa hiện mà việc sinh não, việc ác thế

gian chẳng ngoài hiện và chưa hiện.

Cho nên dùng hai thứ này mà nhiếp tất cả. Trong một v.v... trở xuống có một câu là thông khiến thuộc tám câu trên. Như nói các căn chẳng đủ. Sầu lo sợ sệt vì các trời xa lìa nên sầu lo sợ sệt, cho đến tiền của hao tổn cho nên sầu lo sợ sệt như thuộc thông khiến. Trong Ác tinh thứ hai là quái trên trời, trùng Đạo là quái của quỷ thần, Ác mộng là quái của tướng mộng. Nếu có ba chướng ác sự như thế, nếu tịnh tâm nghe kinh thì sẽ được tiêu hết. Nói ba chướng chẳng đủ là nhân khổ tổn giảm, lìa bỏ là báo chướng, giận dữ đấu tranh cho đến sầu khổ là nghiệp phiền não chướng. Lại thêm tổn hao tai quái ác mộng là duyên khởi nghiệp phiền não. Nếu mở rộng kinh này thì diệt khổ sinh vui cho nên lìa Báo chướng, dứt ác sinh thiện tức là lìa nghiệp chướng, dứt hoặc nghe lầm sinh hiểu rõ là lìa phiền não chướng. Tựa kinh thứ hai là năng Lực Lớn có thể hiểu.

Trong Tựa Lưu thông có hai: 1. Tám bài rưỡi là Lưu Thông phẩm Thọ Lượng làm tựa, một bài kệ là Lưu thông phẩm Sám Hối làm tựa. Hỏi: Trong đây Phật tự khen kinh, trong phẩm Tán Phật kia chỉ khen công đức của Phật. Nếu được làm Tựa thì giải thích rằng: Kinh sở dĩ được tôn quý là vì nói công đức của Phật. Cho nên Tán Phật này ở đầu có bốn:

1. Một bài rưỡi là khen được gặp.
2. Bốn bài là nói mở rộng kinh được quả.
3. Hai bài là khuyên tu hành.
4. Một bài là kết thúc người mở rộng kinh.

Tám bộ kính Phật, Bồ-tát che chở là nói quả ngoại hộ. Kệ nói Vô Lượng phước tụ là nói Chánh báo của nội tâm. Từ Tâm cúng dường là nói vì chúng sinh cho tâm ưa vui cúng dường. Kinh này như trong Kinh Tịnh Danh vì Bồ-đề mà khởi Từ tâm, ở đây cũng thế. Cúng dường có ba thứ: Một là lợi dưỡng cúng dường, hai là cung kính cúng dường và ba là Tu hành cúng dường. Cúng dường trong đây chỉ là cung kính và Tu hành. Nhập Thân là khác với thân khác, nhân Đạo là khác với Đạo khác. Chánh mạng khác với Tà mạng. Nghe kinh cúng dường là phước tuệ đầy đủ, vượt hơn người khác nên nói là khéo được. Tựa thứ hai là nhân môn rất dễ hiểu. Chẳng nói Lưu Thông Tứ Thiên vương v.v... trở xuống là Tựa lực dụng của kinh. Cho nên nói riêng. Hai là trong chánh thuyết có hai là từ phẩm Thọ Lượng cho đến hết phẩm Không là nói Nhân quả thường trụ tức là Thể của Kinh. Hai là Từ phẩm Thiện Vương cho đến hết phẩm Xả Thân là nói khen kinh khuyên học, tức là lực dụng

của kinh. Trong phần một lại có hai: Một, Phẩm Thọ Lượng là nói ba thân thường trụ. Đây tức là quả. Ba, Phẩm Sám Hối v.v... trở xuống là nói tu đạo, tức là Nhân hạnh.

Nói Thọ Lượng là dùng vô lượng làm lượng. Chân Như thật tướng lấy vô tướng làm tướng. Thật tế bờ cõi lấy vô tế làm tế. Ở phẩm này có ba:

1. Tín Tướng nghi, nghĩ rằng bốn Đức Phật giáng hiện, giáng xuống nhà hiện điềm lành nên gọi giáng hiện.

2. Bấy giờ, Tín Tướng v.v... trở xuống là nói Tín Tướng thưa hỏi bốn bốn Phật giảng nói.

3. Văn xuôi sau kệ là nói tọa chúng được lợi ích, bốn Đức Phật chẳng hiện. Phần một ở trước nói nghi niệm, từ lúc nghĩ nghĩa ấy v.v... trở xuống là kế nói giáng hiện. Nói Tín Tướng, đây là Bồ-tát Địa Tiền. Đối với lý quyết định nên gọi là Tín, người này từng cúng dường chư Phật gieo trồng sâu các nhân lành, cho nên nương vào ba mật của Phật mà ngầm nghi Phật tám mươi.

Hỏi: Kinh này là lúc nào nói nghi Phật tám mươi?

Giải thích rằng: Chưa Niết-bàn trước bốn mươi chín ngày thì nói, do đó mà biết. Từ Như lai ra đời đến thời Pháp Hoa thì chưa có từ ngữ tám mươi. Nói Pháp Hoa xong rồi mới bảo ma Vương rằng: ba tháng sau sẽ Niết-bàn. Lúc này chúng sinh mới biết là tám mươi. Do đây mà biết thuyết chín mươi ngày. Trong chín mươi ngày chưa biết nói là ngày nào mới là sắp. Vào ngày mười lăm tháng hai đã vào tám mươi mà chưa đủ nên gọi là sắp. Lại nghĩ rằng v.v... trở xuống là nói nghĩ nhân nghĩ quả. Bất sát chính là nhân của sống lâu như sinh mẫu (mẹ ruột). Thí Thực là duyên nhân, như mẹ nuôi. Trong giáng hiện ở trước nói bốn Đức Phật giáng xuống nhà. Phát ra ánh sáng rực rỡ v.v... trở xuống là hiện điềm lành mong được lợi ích. Vì sao biến nhà nhỏ thành lớn rộng trang nghiêm thanh tịnh? Ngầm hiểu ngắn (yểu) tức là dài (thọ) cũng như nhà này uế mà tức tịnh. Các thứ khác rất dễ hiểu.

Bấy giờ, Tín Tướng v.v... trở xuống là đoạn lớn thứ hai. Trong đó, trước nói Tín Tướng bày nghi thưa hỏi. Khi ấy, bốn Đức Phật v.v... trở xuống là nói bốn Đức Phật giảng nói. Trong đó có ba: một là thử sắc lược biểu lúc bốn Như lai v.v... trở xuống là Tập hội thứ hai giải thích rộng. Cho nên Đại Sĩ v.v... trở xuống là song kết thứ ba. Trong phần một, trước là thử. Vì sao thế v.v... trở xuống là lược nêu Thường trụ. Trong phần hai, trước là nói nhóm chúng.

Bấy giờ, bốn Đức Phật v.v... trở xuống là dùng kệ giải thích rộng.

Các thứ trước, Tu-di, đất bằng, hư không tuy khó biết, nhưng đều là pháp có tướng. Có thể dùng ý mà biết, có thể dùng lời mà nói. Nhưng ba thân quả Phật, ba mà thường một, một mà thường ba. Cho nên không phải một, không phải ba. Thể chẳng thể dùng Trí mà biết, Tướng chẳng thể dùng lời mà nói, không có số lượng nào tính kể được. Lại Pháp thân vốn không có sinh diệt, Báo Phật tương ưng, cũng không sinh diệt. Cho nên Đại Kinh nói thầy của chư Phật là pháp. Vì pháp thường nên chư Phật cũng thường. Lại Hóa thân Như lai dùng hai Phật làm thể, lấy chúng sinh làm Duyên. Thể vô tận nên Hóa thân cũng vô tận. Cho nên nói ba thân thường trụ, như trong kinh loại bảy quyển có nói. Hai Ứng thân, Hóa thân là nối tiếp thường. Vì Bồ-tát nghiệp thức in bóng quang minh nên ba mươi hai tướng mà gọi chung là Báo Phật, đồng tương ưng với nhân cho vui. Nói theo thể thì thật là Hóa thân. Cho nên nói niệm niệm nối nhau là Thường. Nếu nói Báo tương ưng với Lý thì là bất động thường trụ. Vì sao bốn Đức Phật chẳng hiện, vì nói lên pháp thân chẳng khác, Tích tuy có bốn mà chỗ về không khác.

Ba phẩm từ phẩm Sám hối v.v... trở xuống là nói về thể của kinh. Thứ hai là nói về môn Tu đạo, quả chẳng tự được thì phải nhờ tu Đạo cho nên nói kế đó. Tức là Tông trong nhân môn nói là Duyên nhân. Nếu nói về chánh nhân trong kinh loại bảy quyển thì ở phẩm Tam Thân. Kinh này lược bỏ không có. Ở Nhân môn này có hai Đoạn. Hai phẩm đầu là nói môn Công Đức tức là Đạo phương tiện, một phẩm sau là nói môn trí tuệ tức là Đạo Bát-nhã. Vì sao nói hai thứ này? Vì tất cả nhân hạnh chẳng ngoài công đức, trí tuệ, cho nên dùng hai môn này mà nhiếp hết. Y nhân tu hai mà được quả ba thân, nghĩa nó thế nào? Vì tu công đức nên chẳng phải hạnh Nhị thừa, tu trí tuệ nên chẳng phải hạnh phàm phu. Vì chẳng phải hạnh phàm phu nên không ở trong sinh tử. Không phải Hạnh Nhị thừa nên chẳng trụ Niết-bàn, tức là được hai ứng thân Hóa thân. Chẳng ở sinh tử nên tức là pháp thân rốt ráo. Cho nên nói được quả ba thân. Lại còn tu công đức nên lìa nghiệp chướng, tu trí tuệ nên lìa phiền não chướng. Cho nên tương ưng với Lý thì được Ứng thân, lìa nghiệp chướng nên tùy vật vô ngại, tức có Hóa thân. Hai chướng đã lìa thì quả báo địa ngục liền diệt chẳng khởi. Thể của Pháp thân rốt ráo hiển hiện. Cho nên muốn được ba thân thì phải tu công đức và trí tuệ. Đối ba điểm ba tánh so sánh theo đây có thể biết. Hai phẩm trong môn công đức tức là hai Đoạn. Phẩm Sám Hối là Tín Tướng thuật lại lời Phật nói. Phẩm Tán Thán là Tín Tướng nói lúc xưa. Nay Phật thuật lại vì sao nói hai thứ này, là vì nói về Đạo cảm ứng. Việc thấy nghe trong mộng

của Tín Tướng là do Như lai ứng. Cho nên Tín Tướng hướng về Phật mà thuật. Nay chỗ thuật khen Phật xuất nguyện là do Tín Tướng chiêu cảm. Cho nên nay Phật đối Tín Tướng mà thuật là muốn nói lên thấy nghe chẳng dối. Vì vậy nói cảm ứng phù hợp nhau. Vì sao trong mộng mà thấy nghe, vì muốn nói đạo Bồ-tát giác mộng chẳng khác. Lại nói lên Phật sự Như lai chẳng ở ngày đêm, lại do nguyện lực của Tín Tướng mà được.

PHẨM SÁM HỐI

Sám hối, tiếng Phạm là Sám-ma-tỳ, Hán dịch là Yểm ly (chán lìa) cũng dịch là cải hối. Hồ, Hán ghép chung nên gọi là Sám hối. Trong phẩm này nói đủ năm pháp. Sám hối đứng đầu nên từ đầu làm thứ lớp. Trong phẩm này có hai: một văn xuôi là lời kinh, kệ sau là Tín Tướng tự nói. Ở văn xuôi có hai: một là nói trong mộng Tín Tướng thấy nghe. Hai là từ mộng thức dậy v.v... trở xuống là nói Tín Tướng thức rồi đến chỗ Phật mà nói. Trong phần một có hai: Một là thấy Như lai ứng, hai là thấy có một người là nói thấy chúng sinh chiêu cảm. Tức ở đêm ấy là đêm nói Thọ Lượng xong. Trống vàng dụ cho Pháp thân, thù gọi là khéo, khéo thoát ra danh tướng sinh tử. Đại là khắp gồm muôn đức nên gọi là Đại. Y theo pháp này thì thân thành Ứng thân, Ứng thân chiếu khắp nên nói như ánh sáng mặt trời, sáng tức là quang, không phải là sáng trong ánh sáng, nên cũng như Ứng thân, chẳng phải dụ cho Hóa thân. Lại ở trong ánh sáng v.v... trở xuống là nói thấy Hóa Phật tức là sáng trong ánh sáng. Ở đây thì nói thấy pháp thân và Báo thân chỉ dụ cho vô pháp. Trong thân có pháp không dụ, mà vì nói pháp là nói chỗ nghe. Giống Bà-la-môn, là Bồ-tát Tín Tướng vị ở Địa Tiền chưa được Địa Thượng Chân giải nên nói là giống. Tín Tướng dùng dùi đánh trống pháp thân khiến phát ra tiêng Hóa thân, nói các pháp sám hối là nói dùng dùi đánh trống cho đến nói kệ tụng. Lời văn đoạn thứ hai rất dễ hiểu.

Trong kệ có hai: 1. Bốn bài kệ là nói bày chỗ thấy. 2. Thấy tướng này rất dễ hiểu.

Trong tiếng trống trở đi là kế nói chỗ nghe. Trong đó có hai: 1. Một bài rưỡi kệ là nêu chung. 2. Năm mươi bảy bài rưỡi kệ là nêu riêng. Trong đó có bốn: 1. Bảy mươi sáu hàng là nói hạnh lìa lỗi. 2. Chư Phật Thế Tôn là chỗ nương cậy của con v.v... trở xuống, gồm bảy mươi hai bài rưỡi kệ là nói hạnh nhiếp Thiện. 3. Nếu có kính lễ trở đi sáu bài rưỡi kệ là nêu lợi khuyên tu. 4. Chẳng phải ở một Phật hai bài rưỡi là nói kinh khó được nghe. Tướng sinh rất dễ hiểu. Ở phần một có hai lệ: 1). Hai mươi hai bài kệ là nói khen giáo thắng dụng, khen dụng cao quý của giáo. 2). Không nương y không qui về v.v... trở xuống năm mươi bốn bài kệ là nói về thể của hạnh lìa lỗi. Ở phần một có ba: 1). mười bài kệ đầu là Dụng cứu khổ cho vui. 2). Nếu có chúng sinh ở địa ngục v.v... trở xuống tám bài kệ là nói đức dứt ác sinh Thiện. 3). Từ nếu có chúng sinh Đọa Đại địa ngục v.v... trở xuống bốn bài kệ là kết.

Lại ở phần một gồm có: 1). Hai bài kệ đầu là nói cứu ba thứ khổ. 2). Trông ấy xuất ra v.v... trở xuống tám bài kệ là nói cho ba thứ vui. Ba thứ khổ là: một là ba đời khổ, tức khổ dài vì ở ba đời chịu khổ dài, hai là ba đường khổ tức là khổ nặng vì khổ này rất thô trọng, ba là ba cõi khổ, nghèo hèn là khổ của loài người và các khổ là khổ trên trời, là trong ba cõi khổ đủ hai khổ cả hành và Hoại. Đây tức là khổ sâu. 3). Trong ban vui, hai bài kệ đầu là nói cho vui vô úy (không sợ sệt) Kế là chư Phật bậc Thánh v.v... trở xuống năm bài kệ là nói cho vui Bồ-đề, một bài kệ sau là nói cho vui vắng lặng, tức là vui ngừng dứt. Kinh ấy trị chung các duyên bức ép, tất cả sợ hãi, khiến được không sợ như Phật. Kế là nói vui Bồ-đề tức vui giác trí, trong đó một bài đầu là trước nói chỗ chư Phật chứng, là muốn nói lên kinh này khiến chúng sinh như chỗ chứng của chư Phật, được chứng như chư Phật. Kế là bốn bài kệ, nói về cho vui Bồ-đề. Trong đó hai bài rưỡi kệ đầu là nói tự lợi Bồ-đề, một bài rưỡi sau là nói lợi tha Bồ-đề. Như thế công đức mà được chúng sinh là nói được như chư Phật. Chúng sinh được định và giúp đạo như biển. Định là bốn không, Giúp đạo là ba mươi bảy phẩm v.v... vượt các hạnh Ba-la-mật, vượt cả giúp đạo nên nói Và. Cũng có thể định là chứng đạo, nghĩa là giác đạo vượt Bất Trung đạo, cho nên nói Và, một bài này nói Nhân Viên Bồ-đề. Nhân hạnh đã viên thì quả Bồ-đề mãn. Cho nên nói khiến được Phạm âm quả tốt đẹp. Phạm âm là có năm đức là: Một là sâu như sấm sét. Hai là trong suốt nghe xa. Ba là Đế liễu dễ hiểu. Bốn là chúng sinh kính yêu. Năm là người nghe không chán. Có năm đức này gọi là Phạm âm. Đây là Hóa thân Bồ-đề. Quả tốt đẹp, đây là hai thân pháp, báo Bồ-đề. Nói thẳng Hóa Phật Phạm Âm Thể tướng tức là Tự lợi cho nên dùng Hóa thân cũng gọi là Tự lợi Bồ-đề. Ba thân đã đủ chuyển pháp mầu Vô thượng, trao cho chúng sinh trụ vô lượng kiếp vì nói chánh pháp lợi ích rốt ráo. Ba là nói vui vắng lặng là vui Vô Vi, văn tướng rất dễ tìm thấy. Trong Dứt ác sinh Thiện thứ hai có bốn: hai bài kệ đầu là nói sinh Tín, hai bài kệ kế là nói khiến mãn nguyện. 1). Nói sinh Tín, là nếu chúng sinh ở trong địa ngục chịu khổ nghe trống vàng này phát tiếng nói giáo được sinh Tin lễ Phật huống chi là trời người mà chẳng được lợi ích, cho nên nêu khắp người địa ngục. Nói sinh tín hiểu là khiến biết nhân quả Thiện ác đời trước, cũng khiến chánh niệm chư Phật nghe pháp Vô thượng phân biệt tà chánh. Nói sinh hạnh là nói khiến gặp duyên chư Phật tu Đạo, lìa các nghiệp ác. Khiến mãn nguyện là đều đầy đủ tín giải hạnh nguyện trọn vẹn. Vì đã đầy đủ nên các điều ác chẳng tin tự nhiên diệt hết. Cho nên nói dứt ác sinh thiện. Trong kết

luận thứ ba chỉ kết cứu khổ. Ngoài ra lược qua chẳng hết. 1). Nói địa ngục khổ nặng. 2). Nêu trôi lăn khổ dài. 3). Nêu ba đường khổ nặng và khổ sâu trong ba cõi. 4). Là nêu tiếng trống, kết chung diệt khổ.

Từ vô y vô quy v.v... trở xuống là Đoạn lớn thứ hai nói về hạnh lìa lỗi. Hạnh lìa lỗi, thể chẳng ngoài năm thứ. Năm thứ này, cái gọi là Sám hối là khiến thỉnh tùy hỷ hồi hướng phát nguyện. Vì sao Bồ-tát phải thực hành năm pháp này? Là muốn trái với tâm khởi ác căn bản, khởi tội căn bản cũng có năm thứ: Một là tâm không biết hổ thẹn, hai là tâm không ưa pháp Phật, ba là tâm ganh ghét, bốn là tâm tham đắm ba cõi, năm là tâm biếng lười. Bồ-tát sám hối lấy tâm hổ thẹn làm thể, cho nên đối lại tâm thứ nhất. Nhưng hổ thẹn có ba hạng người, một là hổ thẹn với thầy bạn chỗ thấy thì không phạm, chỗ chẳng thấy thì phạm, đây là người bậc hạ. Hai là hổ thẹn với Phật trời, lúc nhớ thì không phạm, lúc không nhớ thì phạm, đây là người bậc trung. Ba là hổ thẹn với chính mình, đồng tánh với Phật mà chư Phật đã chứng được, riêng tánh mình chưa được cho nên tủi thẹn với tự thân chẳng làm các điều ác. Đây là người bậc Thượng. Ba là khuyến thỉnh, lấy tâm ưa Phật cầu pháp làm thể, cho nên đối lại tâm thứ hai. Ba là tùy hỷ, lấy hỷ trong bốn tâm bình đẳng làm thể để đối lại tâm thứ ba. Bốn là hồi hướng, lấy tâm Bồ-đề làm thể đối lại tâm thứ tư. Năm là phát nguyện vì lấy tâm lợi ích mình người làm thể, nên đối lại tâm thứ năm. Cho nên Thích Luận nói: Bồ-tát trong sáu thời thực hành năm pháp. Trong đoạn này có ba: 1). Mười chín bài kệ là y theo nhân duyên khởi ác để nói Sám hối. 2). Nay ta cúng dường v.v... trở xuống hai mươi bảy kệ rưỡi là nói làm ác để Sám hối. 3). Nếu cõi nước này v.v... trở xuống bảy bài rưỡi là y theo làm ác và quả báo phải chịu để nói Sám hối. Có ba chướng chẳng ngoài nhân duyên, thời gian và nơi chốn, cho nên ba thứ này, nhiếp hết tất cả. Ở phần một, hàng là kệ đầu là nói phát nguyện tức là diệt tội ở nhân bên trong, kế hai bài là nói khuyến thỉnh tức diệt tội ngoại duyên. Từ nay vốn làm v.v... trở xuống mười sáu bài kệ chính là nói Thể Sám hối. Vì sao phần một ở trước nói phát nguyện, là Bồ-tát tu hành phải dùng tâm Bồ-đề làm chỗ nương, chỗ tu các hạnh khác với phàm phu Nhị thừa. Cho nên Nhiếp Luận nói: Bồ-tát Ba-la-mật y chỉ vô đẳng, cho nên trong đây vì các chúng sinh không có chỗ nương khởi nguyện làm chỗ nương. Kế nói khuyến thỉnh, tuy có diệt tội nhân bên trong không ngoài duyên tốt tội ấy khó trị. Cho nên phải thỉnh chư Phật làm chủ Hối Hóa. Như người thế gian trước thỉnh Hối Chủ vì nhân duyên đã đủ. Kế là nói hổ thẹn sám trách. Trong đó một bài kệ đầu là sám chung, từ chẳng biết

chư Phật v.v... trở xuống là sám riêng. Trong đó một bài kệ đầu là nói nhân bên trong chẳng khác ngu si, duyên ngoài tốt đẹp, nghĩ nghiệp lành mà tạo các điều ác. Kế một bài kệ là nói nhân bên trong tham sân, duyên năm dục bên ngoài. Một bài kệ kế là nói nhân bên trong kiêu mạn, biếng nhác dật buông lung, duyên ngoài chủng tánh tài niên. Một bài kệ kế là nói ba nghiệp nhân bên trong, duyên ngoài chẳng thấy lỗi ấy. Kế một bài kệ là nói nhân bên trong ngu si, duyên ngoài gần bạn ác. Kế một bài kệ là nói nhân bên trong tham, sân duyên năm dục bên ngoài. Một bài kệ kế là nói nhân bên trong san tật gian siểm, duyên ngoài không phải Thánh và nghèo cùng. Một bài kệ kế là nói nhân bên trong sợ hãi, ngoài thì lệ thuộc người khác. Kế một bài kệ nữa là nói nhân bên trong ba đôc khát ái, duyên ngoài là các pháp. Kế một bài kệ là nói các kiết nhân bên trong, duyên ngoài là cơm áo, nữ sắc. Một bài kệ kế là nêu chung ba nghiệp mà quở trách. Hai bài kế là nói nhân bên trong ba độc kiêu mạn một duyên ngoài Tam Bảo Tam Thừa. Kế một bài kệ rưỡi là nói nhân bên trong vô trí, duyên ngoài chánh pháp, cha mẹ thầy dạy: 1). Năm bài kệ là nêu chung kết sám. 2). Thời tiết sám hối, có ba: 1- 4). Năm bài kệ đầu là phát nguyện làm nhân bên trong vì nhân bên trong phát nguyện. 2). Chư Phật Thế Tôn v.v... trở xuống bảy bài kệ là nói chư Phật làm duyên ngoài. 3). Các điều ác ở quá khứ v.v... trở xuống sáu bài kệ chính là Sám hối. Sinh khởi lệ với ở trên có thể thấy. Ở phần đầu có ba: Một bài kệ đầu là nói nguyện trên cúng dường chư Phật. Hai là Ta sẽ cứu giúp v.v... trở xuống tám bài rưỡi kệ là dưới nguyện hóa chúng sinh. Ba là Ta sẽ an chỉ v.v... trở xuống năm bài kệ là nói nguyện được quả Phật. Ở nguyện thứ hai có: bốn bài đầu là nguyện khiến lìa khổ được vui. Bốn bài rưỡi kế là nguyện khiến dứt ác sinh thiện. Ở phần đầu có ba: một bài kệ đầu là nói khiến lìa khổ, hai bài kế là khiến được vui, một bài kệ kế là kết lìa khổ. Ở dứt ác thứ hai có ba: một bài đầu là xin giảng nói Hối pháp. Hai bài kệ kế là dạy phương pháp sám hối. Năm bài kệ là khen sức kinh có công năng diệt chướng. Ở phần nguyện được quả Phật thứ ba có hai: hai bài đầu là lược nêu nguyện trên được quả Phật dưới hóa độ chúng sinh. Ba bài kế là giải thích rộng. Trụ Thập địa tức là mười thứ pháp giới làm thể. Mười thứ châu báu là mười hạnh Ba-la-mật này hợp với mười thứ pháp giới gọi là Cước túc. Cũng có thể lấy mười Ba-la-mật làm nhân túc. Vì kiến lập quả Phật nên gọi Cước Túc. Pháp Tạng sâu xa là lý Phật biết rất sâu xa có vô lượng đức. Nhất-thiết-chủng-trí là nguyện được quả trí tuệ. Trăm ngàn thiện định v.v... trở xuống là nguyện đến quả công đức.

Ở đoạn lớn khuyến thỉnh thứ hai có ba: một bài đầu là nêu, bốn bài rưỡi hàng kế là giải thích, một bài rưỡi sau là kết. Ở giải thích có hai: hai bài rưỡi kệ đầu là nói: con có ác sợ hãi nên thỉnh, hai bài kế là nói Phật có Đại bi năng trị nên thỉnh. Kết thỉnh rất dễ hiểu. Ở phần Chánh Hối quá thứ ba, có ba: hai bài đầu là ở ba đời, hai bài kế là nói có ác, hai bài kế nữa là nêu chung kết sám.

Ở đoạn lớn thứ ba nói sám hối có hai: hai bài đều là nói Hồi Hướng, năm bài rưỡi kế chính là nói sám hối. Vì sao trước nói Hồi hướng, là nguyện ở thế gian làm ác chịu báo vốn do đắm mê ba cõi, cho nên phát tâm hồi hướng để đối lại căn cơ ấy.

Ở phần thứ hai có hai: ba bài đầu là Sám chung, hai bài rưỡi kế là Sám riêng. Ở phần một có hai: một bài rưỡi đầu là nêu nghiệp ác sáu đường mà sám chung. Một bài rưỡi kế là nêu sinh tử phiền não mà sám chung. Ở phần Sám khinh riêng tham nạn, nghĩa là tâm vô chủ tức là tán loạn phiền não, nếu phối với tám nạn tức là thế trí. Nạn gần bạn ác, tức là duyên ác. Nếu phối với tám nạn tức là ngoại đạo như trời Vô tướng v.v... Nạn ba hữu hiểm nghi, tức là chỗ khởi ác, nếu phối với tám nạn tức là Uất-đơn-việt vì không có ý cầu xuất thế. Nạn ba độc tức là nhân bên trong khởi ác. Nếu phối với tám nạn thì tức là ba đường, nhiều si nên sinh làm súc sinh, năng về tham nên đọa làm ngạ quỷ, nặng về sân nên đọa vào đọa ngục. Vô nạn nạn tức là ác báo, nếu phối với tám nạn tức là nạn căn chẳng đầy đủ. Nạn gặp thời tốt v.v... trở xuống là nói lúc làm ác, nếu phối hợp với tám nạn là nạn trước Phật sau Phật. Từ trên đến đây là phần thứ nhất nói hạnh lìa lỗi. Trong ba đoạn sám hối, tuy sám đủ ba chướng. Nếu ẩn hiển nói lẫn nhau đoạn thứ nhất là lấy phiền não làm Tông, đoạn thứ hai lấy nghiệp làm Tông. Đoạn thứ ba lấy chướng làm Tông. Nên dùng ba chướng mà phán văn cũng được. Lại trong năm pháp thì chỉ có bốn pháp là sám hối, khuyến thỉnh, phát nguyện hồi hướng mà không có Tùy hỷ. Nếu theo nghĩa mà nói thì gồm nhiếp trông nguyện dưới hóa độ chúng sinh cho nên chẳng nói riêng. 1) Chư Phật, Thế Tôn chỗ con nương cậy v.v... trở xuống là đoạn lớn thứ hai nói về hạnh nhiếp thiện. 2). Tướng tốt trang nghiêm v.v... trở xuống bốn mươi tám kệ rưỡi là phát nguyện. 3). Nếu cõi Diêm-phù-đề này v.v... trở xuống hai bài kệ là nói Tùy hỷ. 4). Nay con dùng v.v... trở xuống hai bài kệ là nói Hồi hướng. Chỉ có bốn pháp sám hối là không có. Vì trong đây chánh là nói hạnh nhiếp thiện. Ở trong văn thứ nhất không có lời chánh khuyến thỉnh, chỉ có lời khen ngợi, vì ở đây làm nghĩa Thể, nên có đảnh lễ ngợi khen. Ý nói thỉnh trụ thế nói pháp nên gọi

là khuyến thỉnh. Văn có hai: Mười bốn bài rưỡi kệ là khen đức của Phật. Kế là như nước biển lớn v.v... trở xuống năm bài rưỡi kệ là nói khen. Chẳng thể được v.v... trở xuống là khen thứ nhất. Trong văn chẳng ngoài Ứng thân và Hóa thân, nếu văn khen sắc tức là khen Hóa thân. Nếu khen Đại Trí Đại Bi v.v... tức là khen Ứng thân, văn tướng rất dễ tìm thấy. Kế là trong Tương tốt trang nghiêm có năm: Một bài kệ đầu là không thực hành tự tha phát nguyện. Văn nói khiến chúng đều được, là nói con và chúng sinh đồng một chúng. Hai là Con vì nghiệp lành v.v... trở xuống chín bài kệ là riêng thực hành tự phát nguyện. Kế là tất cả thế giới v.v... trở xuống ba mươi bốn bài kệ rưỡi là riêng thực hành tha phát nguyện. Văn có hai: Trước mười hai bài kệ rưỡi là nói nguyện cứu khổ. Kế, chúng sinh tướng hiện v.v... trở xuống hai mươi hai bài kệ là nguyện cho vui. Bốn, từ nếu con hiện tại v.v... trở xuống hai bài kế là kết luận thực hành Tự phát nguyện. Năm, từ nếu các chúng sinh v.v... trở xuống hai bài kệ là kết luận thực hành Tha phát nguyện. Tùy hỷ hồi hướng văn tướng rất dễ biết nói hạnh nhiếp thiện xong. Dưới đây là sáu bài kệ rưỡi là đoạn lớn thứ ba nêu lời khuyên tu, có hai: hai bài đầu là nói tu nhân lìa lỗi, bốn bài rưỡi sau là nói tu nhân được quả. Đoạn lớn thứ tư là khen ngợi kinh khó được nghe, tướng văn rất dễ hiểu.

PHẨM TÁN THÁN

Nói là thứ ba trong môn Công Đức: xưa Tín Tướng nói nay Phật thuật lại. Ý đến có hai: một là chứng trong mộng thấy nghe của phẩm Sám Hối ở trên. Do năng lực khen ngợi phát nguyện của Tín Tướng ngày xưa mà có, hai là khen ngợi trong mộng thấy nghe ở trên không phải là tướng luống dối vọng tướng, hai nguyện này cảm ứng phù hợp nhau. Đại ý trong phẩm này đều nói đủ năm pháp chỉ khen ngợi ở đầu, nên từ đầu trong phần gọi là phẩm, có ba:

1) Văn xuôi nêu người năng khen ngợi.

2) Sáu mươi bài kệ rưỡi là nói Tín Tướng ngày xưa khen Phật các việc.

3) Hai bài cuối là nói kết hội xưa nay.

Vì sao riêng đối với Thần đất mà nói việc của Tín Tướng, vì Thần đất này có duyên nên riêng đối. Trong kệ có ba: một là ba mươi ba bài kệ nói khen ngợi, đây là khuyến thỉnh, hai là nay con dùng lễ v.v... trở xuống hai bài kệ là nói hồi hướng, ba là Vua cõi người Như thế v.v... trở xuống hai mươi lăm bài kệ rưỡi là nói phát nguyện. Nếu tùy nghĩa Nhiếp thì Tùy Hỷ ở trong văn hồi hướng phát nguyện. Về Sám hối trong các văn nguyện khác. 1). Trong Tán Thán có ba: 1). Một bài đầu là khen chung. 2). Chư Phật thanh tịnh v.v... trở xuống hai mươi sáu bài kệ rưỡi là rộng khen riêng. Đoạn ba: nếu lấy trăm lưỡi v.v... trở xuống năm bài rưỡi là nói khen chẳng thể hết. Trong khen rộng thứ hai có hai: 1). Hai mươi ba bài kệ rưỡi là nói chánh khen. Kế ba bài kệ là nói ba nghiệp cúng dường. Trong rộng chánh khen là nêu sắc tiếng răng mắt lưỡi, tướng sợi lông trắng, mày nhỏ, mũi cao được vị mao sinh, đều dùng một bài kệ mà khen. Từ lúc sống v.v... trở xuống là nêu riêng lúc sinh phát ra ánh sáng lợi chúng sinh, sắc thân mặt mày sáng đẹp oai nghi, viên quang thân Phật mầu nhiệm, ánh sáng Phật vòi vọi, mặt trời Phật chiếu khắp v.v... mỗi thứ đều khen ngợi. Như thế Vua cõi người v.v... trở xuống là thứ ba nói phát nguyện, trong đó một bài đầu là kết trước khởi sau. Sau hai mươi bốn bài rưỡi là nói về phát nguyện. Trong đó, có mười nguyện tức là mười đoạn:

1) Có hai kệ là trong mộng thấy trống vắng được nghe tiếng Sám hối.

2) Nay chỗ khen ngợi v.v... trở xuống, một bài kệ là nguyện được khuôn mặt thanh tịnh của Như lai.

3) Công đức Chư Phật trở xuống có hai kệ là nguyện mộng thấy

Như lai ban ngày nói Như thật.

4) Con sẽ đầy đủ v.v... trở xuống là thứ tư, có hai bài kệ là nói nguyện thực hành sáu Độ trước người sau mình, riêng có nguyện được văn cú của Phật. Trong đây nguyện thành Đạo là ý trước người sau mình.

5) Kính dâng trống vàng v.v... trở xuống có hai bài kệ rưỡi là nguyện gặp Đức Thích-ca được thọ ký.

6) Nếu có chúng sinh v.v... trở xuống ba bài kệ là nói nguyện làm chỗ nương tựa cho chúng sinh.

7) Ta ở vị lai v.v... trở xuống có hai bài kệ rưỡi, là nguyện biển nghiệp phiền não đều dứt hết. Trong đó, bài kệ đầu thề hành đạo, một bài kệ rưỡi sau chính là nguyện.

8) biển công Đức v.v... trở xuống có năm bài kệ rưỡi là nguyện được đầy đủ các đức của Như lai.

9) Sẽ độ chúng sinh v.v... trở xuống một bài kệ là nguyện cứu khổ chúng sinh, ban vui cho chúng sinh.

10) Đời sau nhiều kiếp v.v... trở xuống có ba bài kệ là nguyện được thanh tịnh cõi nước cũng như chư Phật: một bài kệ đầu là thề hành đạo, hai bài kệ sau chính là nguyện, ở đầu các nguyện đều phải thề hành đạo, chỉ có văn lược không có mà thôi. Ba là Tín Tướng phải biết v.v... trở xuống hai bài kệ là kết tội xưa nay. Tướng Bạc v.v... là ở phẩm Thọ Ký sau, tức là tướng Bạc ánh sáng bạc.

PHẨM KHÔNG

Là nói về Bát-nhã để dẫn dắt công đức trước. Có bốn mươi lăm bài kệ chia làm ba:

1) Bốn bài kệ rưỡi là tựa lược nói ý.

2) Từ Thân luống dối ấy v.v... trở xuống hai mươi tám bài kệ là nói về lý không.

3) Từ con dứt tất cả v.v... trở xuống mười hai bài kệ rưỡi là nói lợi ích quán Không để khuyên tục.

Ở phần một có ba:

1) Một bài đầu là tiêu biểu nay nói lược.

2) Một bài rưỡi là giải thích ý lược nói.

3) Hai bài là nói ở đây nói lược khiến được căn cơ chúng sinh. Vô lượng các kinh khác là chỉ cho trong các kinh Bát-nhã nói rộng có không, các pháp trong ngoài đều không thanh tịnh nên gọi là nói rộng. Nay trong kinh này chỉ có pháp trong không và trong pháp không nên gọi nói lược. Ý rộng lược cũng chẳng thể nhất định. Nếu nói theo Lý thì rộng là lợi căn, lược là độn căn. Nếu đối với giáo mà không chia ra giáo hay lý luận thì rộng là Độn căn, lược là Lợi căn. Lại chớ hỏi giáo và lý, thì rộng là lợi căn, lược là độn căn. Những người độn căn thì không có năng lực Tổng Trì và ít trí tuệ. Nay ở đây ý lược ở câu thứ ba. Trong phần ba, một bài đầu là biết căn Cơ, một bài kế là nói giáo. Phương tiện khác lạ mầu nhiệm, là nói nay nói lược khác xưa nói rộng, công đức xứng với căn cơ chúng sinh nên nói khác lạ mầu nhiệm. Các thứ nhân duyên nghĩa là khác sự nói ở văn sau, nếu nói rộng không lợi, nói lược có ích nên nói khởi Đại Bi. Như sự hiểu biết của con là nói nay kinh mầu này như chứng mà nói.

Chỉ biết ý chúng sinh ưa lược nên chẳng thể nói rộng. Thân ấy luống dối v.v... trở xuống là thứ hai, chánh nói lý không, ở đâu có hai:

1) Hai mươi mốt bài kệ là nói người không.

2) Từ như thế các đại v.v... trở xuống, bảy bài kệ là nói pháp Không.

Ở phần một có: 1). Mười chín bài rưỡi kệ là nói riêng năm môn phi thường, là nói thân chúng sinh vô ngã vô thường, khổ, không, bất tịnh. Đây là quán Tục-đế năm môn phi thường, tức là năm đoạn: 1) Bốn bài kệ rưỡi là nói môn vô ngã, thân cũng như nhóm không, kết giặc mà nương không có thật chủ, tức là trái với lìa ngã, tất cả các căn đối với tự tánh không thể biết nhau, các duyên tự cảnh không thể duyên lẫn nhau,

không có tự tại, đây tức là khiển ngã. 2) Từ Tâm như huyển hóa v.v... trở xuống. Năm bài kệ là nói môn Vô thường. Tâm thức như huyển, tự sinh tự diệt đuổi theo phân biệt sáu trần gây hại, lại thường nương tựa sáu căn và cảnh, ở chỗ rình xét thì mất không thể đến chỗ khác, như chim mắc lưới thì chết. 3) Từ thân không luống dối v.v... trở xuống là hai bài kệ rưỡi là nói về không. Nói thân luống dối tuy có ăn mặc nhưng không thể nuôi lớn, cũng không có tự ngã, tranh giành với người khác, cũng không có tự tánh làm chánh chủ của thân, chỉ do nhân duyên vọng tưởng khởi lên như người máy. 4) Từ đất, nước, lửa, gió v.v... trở xuống bốn bài kệ là nói môn khổ, bốn đại trái nhau lửa gió bay lên, đất nước đi xuống. Lại tánh lửa, gió là Dương, hướng Đông, hướng Nam. Tánh của đất nước là âm, huớng về Tây và Bắc. Nói các phương cũng có hai. 5) Từ thức hai tánh tâm v.v... trở xuống ba bài rưỡi kệ là nói môn bất tịnh, một bài rưỡi đầu là nói hạt giống bất tịnh, tâm là thức a-lay-da (A-lại-da?), là sáu mươi hai thức tháo động, khởi nghiệp phiền não hạt giống bất tịnh. Chịu thân sáu đường nên nói hạt giống bất tịnh. Một bài kệ kế là nói rốt ráo bất tịnh. Hai là Thiện nữ phải quán v.v... trở xuống là nói Chân-đế. Văn rất dễ hiểu. Các đại như thế v.v... trở xuống là đoạn lớn thứ hai nói về pháp không.

Ở phần một, hai bài kệ là nói Sắc pháp không, kế năm bài kệ là nói Sắc tâm pháp không. Tánh không hòa hợp là nói bốn đại vốn bất sinh, vì không thật có nên gọi là giả danh. Vô minh là tìm thể vô minh, tức là Chân Như tịnh Tâm, đâu có chỗ nào có thể tướng vô minh riêng, nên lấy giả danh gọi là Vô minh, cũng như sóng lìa nước chẳng khác. Từ ta dứt tất cả v.v... trở xuống, là đoạn lớn thứ ba: Nêu ích lợi khuyên tu. Trong đó có hai: 1) Tám bài rưỡi kệ là nêu quả ích để khuyên tu. 2) Ở vô lượng kiếp v.v... trở xuống, bốn bài kệ là nêu nhân ích để khuyên tu. Ở phần một có hai: 1) Hai bài kệ đầu là nói quả tư lợi. 2) Sáu bài kệ kế là nói quả lợi tha. Ta dứt tất cả, tức là Phật Thích-ca chứng quả do quán lý không, dứt các triền, dứt các phiền não. Các ông muốn dứt phiền não phải tu quán không nên gọi là khuyên tu. Đây là Đoạn Đức v.v... trở xuống ý khuyên giống như đây dễ tìm. 1) Nhà cửa năm Ấm v.v... trở xuống một bài là nói quả đức trí tuệ, hai là nói quả lợi tha. Trong đó có hai: 1) Hai bài rưỡi đầu là nói quả chuyển pháp luân. 2) Kế bốn bài kệ là nói quả nhiếp hóa chúng sinh. Ở phần một có hai: 1) Một bài rưỡi đầu là ở Lý nói chuyển. 2) Kế một bài kệ là y theo giáo nói chuyển. Các câu mở môn Cam lộ v.v... là nói theo người năng hóa, một là lược nói tên, mở ủy đều phân biệt chỉ bày. Cam lộ ví cho quả Niết-

bàn. Như người thế gian do ăn Cam lộ trời mà bị quả sinh tử. Niết-bàn cũng giống vậy. Vào thành Cam lộ v.v... trở xuống bốn câu là nói theo người sở hóa. Một câu đều nói Văn tuệ, Văn tuệ chưa chứng gọi là vào thành, Tu tuệ gần chứng gọi là ở nhà, Tu tuệ chứng được gọi là ăn vị. Đồng với Khai Thị, Ngộ nhập trong kinh Pháp Hoa. Khai thị của kinh ấy tức đồng với khai thị của kinh này. Kinh ấy nói nhập thì kinh này gọi là nhập xứ, kinh ấy nói Ngộ thì kinh này nói ăn vị. Thổi loa pháp là như người thế gian muốn đổi niên hiệu thì phải thổi loa. Như lai cũng như thế. Muốn đổi danh tự chương cú Tiểu thừa thì phải nói pháp Đại thừa. Đánh trống pháp là như trống thế gian, tiếng trống gần xa đều nghe mà đồng tâm phá địch. Giáo pháp Đại thừa cũng như thế, khiến tất cả người nghe tiến vào thắng cảnh phá địch phiền não, nên gọi là đánh trống. Đốt đèn pháp: như đèn thế gian chiếu sáng muôn vật khiến tất cả đều thấy. Phật cũng như thế, nói Đại thừa để hiển rõ các pháp, khiến được Nhất thiết trí nên gọi là Đốt đèn. Rưới xuống mưa pháp: như mưa thế gian khiến lúa thóc thêm lớn. Giáo pháp Phật cũng thế, khiến gốc lành thêm lớn, y theo luận Pháp Hoa mà hiểu rõ như thế. Ta khiến tồi phục v.v... trở xuống là thứ hai, nói về quả đức lợi tha, trong đó một bài đầu là nói đức Tồi tà tức là hàng phục Thiên ma. Ba bài kế là nói đức cứu khổ, tức là hóa độ sáu đường. Trong vô lượng kiếp v.v... trở xuống là đoạn lớn thứ hai nói nhân ích để khuyên tu, trong đó có hai: 1). Hai bài kệ là nói khó làm mà làm được, trong đó nửa bài kệ là nói tu dài lâu, nửa hàng kế là nói tu cung kính, nửa hàng kế nữa là nói tu Vô gián, nửa hàng kế là nói tu các hạnh khác, tức là bốn tu trong Nhiếp luận. 2). Có hai bài kệ nói khó bỏ mà bỏ được. Ba câu đầu là nói nội thí, một câu kế là nói ngoại thí, một bài kệ sau là nói ngoại thí.

PHẨM TỨ THIÊN VƯƠNG

Trên đây phẩm thứ nhất là nói thể của kinh xong, mười hai phẩm từ phẩm này trở đi là nói Lực dụng của kinh, hiển bày đủ nhân quả thường trụ. Sức đâu chẳng phải lớn, cho nên nói là kế. Trong đây có hai: một là năm phẩm trước nói năng lực lớn của kinh, khuyên chúng sinh mở mang, kế là bảy phẩm như phẩm Chánh Luận về sau nói người hay mở mang được năng lực kinh này để thành ý trước. Đối với năm phẩm trước có hai: Một phẩm đầu nói bốn vị vua trời nguyện mở rộng kinh này, bốn phẩm kế là nói tám Bộ lợi ích người mở rộng kinh. Lại bốn vị vua trời ở bốn phía núi Tu-di gọi là núi Na-can-ha-la, cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, mỗi bề đều như thế. Trên có bốn vị vua trời, Vị vua Trời phía Đông tên là Đề-đầu-lại-tra. Ở đây dịch là Trì quốc thống lãnh các trời. Hai bộ quỷ thần Càn-thát-bà và Tỳ-xá-xà. Vị vua Trời phía Nam tên là Tỳ-lư-lặc, Hán dịch là Tăng Trưởng chủ lãnh các chúng trời và hai bộ quỷ thần Cưu-bàn-trà, Miệt-lệ-đa. Vị vua Trời phía Tây tên là Tỳ-sa-môn, Hán dịch là Đa Văn, thống lãnh chúng trời và hai bộ quỷ thần rồng, Phú-đơn-na. Vị vua Trời phía Bắc tên là Tỳ-sa-môn, Hán dịch là Đa Văn, thống lãnh chúng trời và hai bộ quỷ thần Dạ-xoa, La-sát nên gọi là phẩm Tứ Thiên Vương. Trong phẩm có ba: Một là nói Tứ Thiên vương nguyện hoằng, Như lai thuật thành năng lực lớn của kinh cho nên Tứ Thiên vương nguyện hoằng. Nguyện hoằng họp lý nên Phật thuật lại. Hai là nói kệ đã xong v.v... trở xuống là nói Tứ Thiên vương khen Phật, kinh năng thành tựu cho người nên Phật khen kinh. Ba là Văn xuôi sau kệ nói Tứ Thiên vương vui mừng cúng dường phát nguyện, vì nghe năng lực lớn của kinh nên sinh tâm vui mừng cúng dường Phật mà phát nguyện. Ở phần một có ba:

1) Nói người năng hoằng.

2) Bạch Phật v.v... trở xuống là khen pháp được hoằng.

3) Kim quang minh v.v... trở xuống là nói pháp được người hoằng. Trong phần thứ ba có hai: một là khen Kinh Đức trọng, Đức trong nên có nhiều tài. Ở phần một có ba: một là chư Phật ái trọng, là nói kinh này hiển bày Nhân của Tánh đức, hai là các vị trời lễ kính, là nói kinh sinh ra Đạo tu đức. Ba là Tứ Thiên vương khen Phật là nói kinh thành quả tu đức. Ở phần đầu là khen pháp. Như Kim quang minh, Pháp thân tánh nhân như kim (vàng) Bát-nhã tánh nhân như Quang, giải thoát nhân như Minh. Ví như Phật tánh của ba thân cũng được, kế là chư Phật, Thế Tôn v.v... trở xuống là nói người. Người là Ứng thân của chư Phật, lấy pháp

làm thầy nên nói là hộ niệm. Như Đại kinh nói: Thầy của chư Phật gọi là Pháp. Ở phần hai cũng trước khen pháp, pháp năng sinh ra Đạo của hạnh Bồ-tát, cho nên nói trang nghiêm công đức sâu mầu của Bồ-tát. Kế là nói người, người năng nói đạo tu hành nên được các vị trời cung kính. Ba, Năng khiến v.v... trở xuống cũng trước là khen pháp. Pháp thành bốn đức khiến các trời nguyện ưa thích nên nói vui mừng. Kế là nói người, tâm người vui mừng cho nên miệng khen ngợi. Nên nói cũng là khen ngợi. Ở phần hai khen kinh có nhiều công năng, có ba: một là sinh trí tuệ, hai là cho vui sướng, ba là diệt khổ. Trong đó có hai: một là nói riêng. Nêu chỗ quan trọng v.v... trở xuống là kết chung. Trong riêng có bảy khổ là ba đường, sợ hãi, oán tặc, đói kém, bệnh tật, sao xấu, buồn khổ. Từ Thế Tôn là kim quang minh v.v... trở xuống là đoạn lớn thứ ba nói về pháp, là người hoằng có hai:

1) Nói Tứ Thiên vương nghe kinh được lợi.

2) Tứ Thiên vương chúng ta có khả năng giảng nói chánh pháp v.v... trở xuống là phát nguyện hoằng thông. Phát nguyện mở rộng, do đó được lợi ích. Tâm tiến lên mạnh mẽ là nói trí tuệ.

Trong phần hai có năm phen, đại là hai riêng, có hai: Phen đầu là nói Tứ Thiên vương tự nguyện ủng hộ, Phật liền thuật thành. Bốn phen kia khuyên người khác mở rộng, Như lai thuật thành. Ở phần một có hai: một là Tứ Thiên vương nguyện hộ, hai là Như lai thuật.

Ở phần đầu lại có: 1) Tứ Thiên vương tự nói có đức mở mang giữ gìn. 2). Nếu cõi nước này v.v... trở xuống chính là phát nguyện. Hay nói là hay nói mười hai bộ. Tu hành là sáu Độ, hai câu này nói đức xuất thế. Là Pháp vương thế gian v.v... trở xuống là nói đức thế gian. Trong chánh phát nguyện thứ hai có hai: Một là nguyện hộ nước. Hai là như các quốc vương v.v... trở xuống là nguyện hộ người.

Kế là trong phần Phật kể lại có: 1) Là khen. 2) Nói chánh pháp v.v... trở xuống là nói chánh thuật. Trong phần một nói Tứ Thiên vương ở quá khứ cúng dường chư Phật. Tứ Thiên vương nay lên vị Sơ địa, ba A-tăng-kỳ kiếp thực hành hạnh gieo trồng các gốc lành hơn tâm người đời như kinh Đại Tập nói: Sơ địa làm Tứ Thiên vương, Nhị địa làm vua trời Đạo-lợi, Tam địa làm vua trời Diêm-ma, Tứ địa làm vua trời Đâu-suất, Ngũ địa làm vua trời Hóa-lạc, Lục địa làm vua trời Tha hóa, Thất địa làm vua trời Sơ thiền, Bát địa làm vua trời Nhị thiền, Cửu địa làm vua trời Tam thiền, Thập địa làm vua trời Tứ thiền, Thập hồi hướng làm vua Kim luân, vua bốn thiên hạ, Thập hạnh làm vua Ngân luân vua ba thiên hạ, Thập giải làm vua Đồng luân vua hai thiên hạ, Thập tín làm

vua Thiết luân vua một thiên hạ. 3) Trong chánh thuật gồm có: 1) Thuật thành có Đức, vì nghĩa ấy nên dưới thuật thành Nguyện hộ, chẳng thuật nghe pháp được lợi. 2) Trong thuật nguyện hộ trước thuật hộ người. 3) Các ông nếu có thể v.v... trở xuống lại thuật hộ nước, văn rất dễ hiểu. Hai là bốn phen khuyên người khác mở rộng, trong đó có ba: Phen đầu khuyên người khác mở rộng kinh. Kế hai phen là bày phương pháp mở rộng kinh. Một phen sau là nói được mất để kết khuyên Bồ-tát chẳng những tự hành mà còn muốn hóa tha nên trước khuyên người khác mở rộng kinh. Mở rộng kinh phải có phương pháp cho nên kế là bày phương pháp. Đã biết phương pháp mà chẳng làm thì mất, làm thì là được nên kế là nói được mất. Trong phen đầu: 1) Tứ Thiên vương khuyên. 2) Như lai thuật.

Trong Tứ Thiên vương khuyên có hai: 1) Khuyên quốc vương mở rộng kinh. 2) Vì nhân duyên ấy v.v... trở xuống là nói Tứ Thiên vương ủng hộ.

Trong đó có hai: 1) Tứ Thiên vương nghe pháp được lợi, việc được lợi như trên. 2) Cho nên chúng con v.v... trở xuống là nói vua cõi người được hộ.

Trong đó có ba: 1) Là nói hộ pháp. 2) Kế cũng phải v.v... trở xuống là hộ người. 3) Lại cõi khác v.v... trở xuống là hộ nước. Hộ nước có ba: 1) Là biểu. 2) Có vua cõi người v.v... trở xuống là giải thích. 3) Khởi các sợ hãi v.v... trở xuống là kết.

Hỏi: Kinh và Tứ Thiên vương vốn là lợi tha vì sao lại khiến nước ấy có khổ?

Giải thích rằng kinh và Tứ Thiên vương không có tâm chung ấy, nhưng cõi này mở rộng kinh thì cõi này có đức, vua ấy ác ý thì trái với có đức này nên điều ác tự đến. Như người tâm ác thì trái Phật và cha mẹ. Văn có thể hiểu. Kế là trong phần Phật thuật có hai: Một là hai mươi hàng trước thuật Tứ Thiên vương ủng hộ. Hai là nếu ở đời vị lai v.v... trở xuống là thuật đức vua mở rộng kinh.

Trong phần một có ba: 1) Thuật thành Hộ pháp. 2) Từ các Vua cõi người v.v... trở xuống là thành hộ người. 3) Từ lại hay ủng hộ v.v... trở xuống là thuật thành hộ cõi nước. Hộ cõi nước có ba: 1) Lược thuật. 2) Từ Tứ Thiên vương phải biết v.v... trở xuống là thuật rộng. 3). Từ nhân duyên ấy v.v... trở xuống là kết, văn rất dễ hiểu. Kế là thuật thành: 1) Vua cõi người mở rộng kinh. 2) Từ vua ấy tức là v.v... trở xuống là Thiên vương được lợi ích. 3) Các Vua cõi người ấy v.v... trở xuống là khuyên. Vua cõi người v.v... trở xuống là khuyên Vua cõi người mở

rộng kinh. 4) Từ nhân duyên ấy v.v... trở xuống là khuyên Thiên vương hộ thành. Văn rất dễ hiểu. Ở đoạn lớn thứ hai có hai phen, phen một là nói phương pháp mở rộng kinh, phen thứ hai là phương pháp dụng tâm.

Ở phần một có hai: 1) Tứ Thiên vương khuyên. 2) Như lai thuật.

Trong phần một lại có hai: 1) Nêu quả báo. 2) Từ Vua cõi người như thế v.v... trở xuống là nói tu nhân.

Trong đó có hai: 1) Nói trọng pháp. 2) Từ người nói pháp v.v... trở xuống là nói kính người. Văn rất dễ hiểu. Kế là Trong phần Phật thuật chỉ nói về thực hành nhân, không nói về được quả. Trong phần thuật nhân ở trước nói kính người. Thứ đến Từ thầy nói pháp v.v... trở xuống là thuật trong pháp. Văn rất dễ hiểu.

Trong phen hai có hai: 1) Tứ Thiên vương khuyên. 2) Như lai thuật.

Ở phần một có hai: 1) Bày nghe pháp vận Tâm. 2) Từ Thế Tôn là các Vua cõi người v.v... trở xuống là bày cúng dường vận tâm.

Hỏi: Tứ Thiên vương là Sơ địa trở lên vì sao nói Vua cõi người thuật thiện.

Giải thích rằng: Đây là Ứng Tích khiến vật kính ngưỡng sinh Thắng Phước. Văn rất dễ tìm. Tiếp là trong phần Phật thuật chỉ nói về cúng dường vận tâm, không nói về nghe pháp vận tâm. Trong thuật có hai: 1) Cõi này Đức Thích-ca thuật, Vua cõi người cúng dường. 2) Từ chư Phật, Thế Tôn nghe âm mầu ấy v.v... trở xuống là nói chư Phật khen bốn chúng mở rộng kinh.

Ở phần một có hai: 1) Nói chẳng phải chỉ chiếu cung trời mà còn xa đến đại thiên, cũng đến khắp cõi Phật mười phương. 2) Trong tám tha phương thứ hai có hai: 1) Là nói nghe thấy khởi thần biến. 2) Từ khác miệng đồng tiếng v.v... trở xuống là khen ngợi, trong đó có hai: 1) Khen bốn chúng mở rộng kinh. 2) Từ bấy giờ mười phương v.v... trở xuống là khen bốn chúng được quả, trong đó có hai: 1) Khen sẽ được. 2) Từ các người đã hay ngồi v.v... trở xuống là khen đã được. Trong nhân nói quả nên gọi là được. Mười hai thứ hạnh là pháp Tiểu thừa. Trống pháp vô thượng tức là pháp Đại thừa. Đoạn lớn thứ ba dùng một phen để nói được mất. Trong đó có hai: một là Tứ Thiên vương, hai là Như lai thuật. Ở phần một có hai: Một là nhắc lại việc Vua cõi người mở rộng kinh ở trên, hai là từ ta vì kính niệm v.v... trở xuống là nhắc lại trên trời nghe nhân. Cùng một hạnh là nói Vua cõi người mở rộng kinh cùng Tứ Thiên vương, đồng hạnh Đại thừa, nên gọi là một hạnh. Không có trái

nhau gọi là Hạnh tương ưng. Lại Vua cõi người ấy mở rộng kinh lợi ích Tứ Thiên nên gọi là Thí chủ. Hai là Từ nếu có Vua cõi người v.v... trở xuống là kết khuyên.

Trong đó có ba: 1) Nói nếu chẳng mở rộng kinh thì nước sẽ thất bại. 2) Từ nếu có Vua cõi người muốn được tự hộ v.v... trở xuống nói có hoằng kinh thì có đắc là đất nước thịnh vượng. 3) Từ do nhân duyên đó v.v... trở xuống là kết khuyên tu hành.

Ở phần một có bốn: 1) Nói chẳng mở rộng kinh này. 2) Từ Tứ Thiên vương chúng ta v.v... trở xuống là nói bốn vị vua mất lợi. 3) Từ bọn ta Tứ Thiên vương v.v... trở xuống là nói các trời bỏ nước. 4) Từ nước ấy sẽ có v.v... trở xuống là nước bại vọng.

Kế là mở rộng kinh thì được có bốn: 1) Nói Vua cõi người muốn được cả nước yêu mến. 2) Từ Vua cõi người ấy v.v... trở xuống là khuyên Vua cõi người mở rộng kinh. 3) Chúng ta Tứ Thiên vương v.v... trở xuống là nói Tứ Thiên vương được lợi ích. 4) Từ như các Phạm Thiên v.v... trở xuống là nói nước an ổn.

Trong đó có ba: 1) Nói kinh này dụng hơn ba luận kia. 2) Từ như thế vô lượng công đức v.v... trở xuống là người nói kinh này hơn người nói luận kia. 3) Từ nếu Diêm-phù-đề v.v... trở xuống là nói lý kinh này hơn lý ba luận kia. Nói muốn luận là bốn Vi-đà kinh nói việc Phạm thiên lìa dục. Nói Đế Thích khéo luận là luận Già-la nói về mười điều lành. Nói luận thần tiên là luận Già-thế-sư-di nói về thuốc tiên năm thần thông. Vì sao pháp này hơn ba luận kia? Vì kinh này Như lai Đại Bi rộng làm lợi ích tất cả chúng sinh mà cho vui cứu khổ nên hơn các luận ấy. Năng lực Đại Bi hơn Phạm thiên, năng lực khổ hạnh hơn Đế Thích.

Đây là cùng nêu một bên. Kế đến Trong thuật có hai: 1) Là thuật hộ Vua cõi người. 2) Từ nếu có người v.v... trở xuống là thuật hộ chúng. Văn rất dễ hiểu. Nói kệ xong v.v... trở xuống là đoạn lớn thứ hai, trong phần khen ngợi có hai: một là Tứ Thiên vương thỉnh Phật, hai là Như lai khen kinh.

Ở phần một có ba: 1) Là hai câu nêu. 2) Sáu bài kệ khen. 3) Hai bài kệ là kết. Trong hai có hai:Một là bốn bài rưỡi kệ là khen hai Ứng thân, Hóa thân. Hai là một bài rưỡi kệ sau là khen Pháp thân.

Ở phần một có hai: 1) Ba bài là lược. 2) Một bài rưỡi là rộng. Trong lược có hai:Một là một bài rưỡi là khen Hoa thân sắc sáng, mặt mắt răng trắng. Kế là một bài rưỡi là khen Thân công đức trí tuệ Tam-muội.

Trong rộng có hai: 1) Một bài là nói rộng Hóa thân. 2) Nửa hàng là nói rộng Ứng thân. Trong phần khen pháp thân, nửa hàng đầu là khen thể của Pháp thân.

Trong phần hai Như lai khen có bốn: 1) Năm bài kệ là khen năng lực rộng lớn của kinh. 2) Từ cõi Diêm-phù-đề v.v... trở xuống mười hai bài rưỡi kệ là khuyên Vua cõi người mở mang. 3) Từ Kim Quang Minh ấy v.v... trở xuống bốn bài là khiến Tứ Thiên vương giữ gìn. 4) Từ nếu có được nghe v.v... trở xuống ba bài là kết luận ba nghĩa ở trên. Ở phần một có hai: Một là hai bài là khen Thể. Kế ba bài là khen dụng. Trong phần một, một bài là nói pháp, kế một bài là nói người. Trong dụng, một bài đầu là nói cho vui. Kế một bài là nói Sinh thiện, một bài sau là cứu khổ.

Ở đoạn hai, trong hai mươi hai bài rưỡi có hai: 1) Bốn bài rưỡi là khuyên mở mang. 2) Từ kinh ấy năng làm v.v... trở xuống mười tám hàng là nói được lợi ích. Trong phần mở rộng, hai bài rưỡi đầu là nói người mở mang có lợi, hai bài sau chính là khuyên được lợi ích có hai: 1) Hai bài rưỡi là nói về pháp, có ba: một bài rưỡi đầu là nói sinh Đạo Thiện, một bài kế là nói cứu khổ sinh tử, một bài sau là cho nhân an vui. 2) Là ví dụ nói có ba: 1) Là cây báu. 2) Nước mát lạnh. 3) Châu báu. Văn rất dễ hiểu. Ở phần Thiên hộ thứ ba có bốn: Một bài đầu là các trời cúng dường. Một bài kế là nói Tứ Thiên vương che chở, đây chính là hộ pháp. Một bài là nói chư Phật hộ niệm, một bài kế là nói quỷ thần ủng hộ, hai thứ này chính là hộ người.

Đoạn lớn thứ tư là kết luận ba nghĩa trên, có ba: 1) Một bài là kết khen năng lực rộng lớn của kinh. 2) Một bài kế là kết luận Vua cõi người nghe nhận. 3) Một bài cuối là kết luận các vua trời ủng hộ. Văn xuôi sau kệ là đoạn lớn thứ ba nói người nghe kinh ưa thích rải hoa cúng dường, nguyện mở rộng kinh. Nói pháp vắng lặng là lãnh hội, hiểu rõ thể Pháp thân ở trên.

PHẨM ĐẠI BIỆN

Bốn phẩm dưới đây là đoạn lớn thứ hai, nói Nhân hộ lợi ích cho người mở rộng kinh tức là bốn thứ khác nhau. Một phẩm đầu và phẩm Công Đức là nói lợi ích tiền của. Phẩm Địa Thần cho ăn uống, phẩm Tán Chỉ là lợi ích trí tuệ. Nếu không có biện tài, tiền của, y phục, ăn uống, trí tuệ thì chẳng thể mở mang chánh pháp, cho nên bốn vị Thần thứ lớp làm lợi ích. Đại Biện Thần tích này ở trên cõi trời. Thần vốn là Bồ-tát Cửu địa có đủ bốn biện nên gọi là phẩm Đại Biện.

Văn có hai: 1) Lợi ích người nói. 2) Từ sẽ khiến v.v... trở xuống là lợi ích chúng nghe. Ở phần một có hai: Một chính là nói lợi ích người nói. Hai là Từ nếu có chúng sinh v.v... trở xuống là khuyên vì người khác nghe. Lại trong một có hai: một là lợi ích bốn biện, ba câu đầu là ưa thích nói biện, hai câu kế là Từ (lời) biện, một câu sau là nói hai biện pháp, nghĩa. Kế là Từ nếu trong kinh ấy v.v... trở xuống là lợi ích của năng lực Tổng trì. Trong phần khuyên vì người khác nói có hai: Một là nói người được giáo hóa có gốc lành. Hai là Từ người nói pháp ấy v.v... trở xuống là khuyên nói cho người khác nói. Trong đoạn lớn thứ hai lợi ích cho chúng nghe có ba: Một là lợi ích phước tuệ, trước cho trí tuệ, sau lợi ích phước báo. Hai là Từ khéo biện luận v.v... trở xuống là cho bốn biện khéo hiểu phương tiện, tức là Từ Biện, hay khéo biện họp các luận là ưa biện luận. Khéo biết kỷ thuật tức là hai biện pháp, nghĩa. Ba là Từ ra khỏi sinh tử v.v... trở xuống là nói được quả Phật.

Phẩm Công Đức Thiên: Thần Tích này là vua Thần cây, hễ đến chỗ nào cũng đều cho người niềm vui thù thắng, nên gọi là Công Đức. Tiếng nước ngoài gọi là Thần, cũng gọi là Thiện (Trời) Thần này vốn là Sơ Địa. Sơ Địa đầy đủ Đàn ba-la-mật nên có tiền của làm việc tự tại. Phẩm có hai: 1) Cho người nói chỗ cần dùng. 2) Từ ta ở quá khứ v.v... trở xuống là cho chúng nghe tiền của. Trong phẩm này cũng cho ăn uống, nhưng cho tiền của chính là. Trong một có hai: Một chính là cho điều gì cần cho đến khiến tìm được kinh. Hai là Từ nếu có chúng sinh v.v... trở xuống là khuyên khiến mở rộng kinh. Trong đó trước nói gốc lành được hóa độ là nói pháp, sau chánh khuyên mở rộng kinh, các chúng sinh ấy v.v... trở xuống là nói sở hóa được lợi ích. Đoạn lớn thứ hai cho người nghe tiền của, trong đó có hai: 1) Nói Đức có thì cho. 2) Nếu có người v.v... trở xuống là nói ban cho điều gì cần. Trong phần một, trước là nói gốc lành gieo trồng đời trước. Cho nên ta nay v.v... trở xuống là nói nay thân được quả báo tùy ý. Cho nên dùng tâm từ tùy chỗ nghĩ nhớ, dùng

Thiên nhãn chỗ nào cũng nhìn thấy, dùng thân thông đến bất cứ chỗ nào đều khiến cho chúng sinh được vui bảy báu đầy đủ.

Ở đoạn lớn thứ hai là nói điều gì cần có ba: 1) Lược nói. 2) Từ phương Bắc này v.v... trở xuống là nói rộng. 3) Từ phải nên dốc lòng v.v... trở xuống là kết khuyên. Trong phần một có hai: Một là khuyên tu Nhân ấy. Tu nhân là khen Kim Quang Minh là trời Công đức cúng dường chư Phật, riêng dùng hương hoa cúng dường Thiên thần. Hai là Phải biết người ấy v.v... trở xuống là nói được quả. Được quả tức là tài bảo, vị đất lúa thóc rau quả sum suê sinh ra các vật; đoạn hai cũng có hai: một là khuyên tu nhân, hai là từ đây ngày đêm v.v... trở xuống là nói được quả. Trong phần một có ba: Một là bày chỗ ở. Hai là nếu có muốn được v.v... trở xuống chính là khuyên tu Nhân. Ba là Từ thực hành thệ nguyện ấy v.v... trở xuống là nói trời đến.

Trong phần hai tu nhân có bốn:

1) Tu trị trong ngoài, chỗ ở quét trước thanh tịnh là ngoài, mặc áo thoa thân là trong.

2) Vì ta trí thân v.v... trở xuống là nói cúng dường Tam bảo.

3) Từ lúc đó sẽ nói v.v... trở xuống là nói đọc tụng chú.

4) Từ bảy ngày bảy đêm v.v... trở xuống là nói tu hành phát nguyện. Nói chương cú quán Đảnh tức là thần chú. Nói thần chú gồm có bốn thứ: Một là khen công đức chư Phật. Hai là nói Đệ-nhất-nghĩa đế. Ba là nói cây thuốc. Bốn là nói tên quỷ thần. Trong đây là nói công đức chư Phật. Nói công đức chư Phật để rưới trên đầu Tín tâm của chúng sinh mà lên ngôi vị Pháp vương. Từ dụ làm tên nên nói Quán đảnh. Nương vào sức chú này sẽ được quả lành nên nói cát tường chẳng dối. Đẳng đồng chúng sinh là muốn thực hành pháp này phải có người đồng hành. Gốc lành bậc trung, nếu hạ căn thì tâm ít tụng, chẳng được sức chú, Thượng căn thì đức dày chẳng nương vào sức chú. Vậy phải là Trung căn. Tu hành phát nguyện rất dễ hiểu. Ba là trong phần trời đến, trước là khiến khởi niệm. Từ chỗ ở v.v... trở xuống là nói Thiên thần đến. Trong đoạn lớn thứ hai được quả: 1) Nói chỗ cần không tin, đây là vui. 2) Nếu vì mình v.v... trở xuống là nói trước sau phò hộ. Đây là dứt khổ, hai là kết duyên rất dễ hiểu.

PHẨM KIÊN LAO ĐỊA THẦN

Phẩm thứ ba này là bố thí thức uống ăn lợi ích người tu. Thân có khả năng giữ gìn đất đai chẳng để hư hoại, do công đức mà được gọi tên. Thần này cũng là tích ở Thần đất, vốn là từ Sơ địa trở lên cho nên có hạnh thí thức uống ăn tự tại. Trong phẩm có ba: một là nói Thần đất cúng dường người mở rộng kinh. Hai là Từ ta lúc ấy v.v... trở xuống là nói do cúng dường nên được mở rộng kinh. Ba là Từ các chúng sinh ấy v.v... trở xuống là nói do mở rộng nên được quả tốt đẹp cao quý tốt đẹp. Trong phần một có ba: 1) Là biểu thị chỗ ở. 2) Từ Thế Tôn kinh điển v.v... trở xuống là nói về cúng dường. 3) Từ Ta nghe pháp rồi v.v... trở xuống là nói nghe pháp được ích. Một và hai rất dễ hiểu. Trong ba có hai: 1) Nói Thần đất được ích. 2) Từ đất bằng này v.v... trở xuống là nói chúng sinh được lợi ích. Trong đó có ba: 1). Nói đọc tụng đất phì nhiêu thêm lớn trăm vị nuôi sống thân sức, dung nhan đẹp đẽ. Đây là tài lợi. 2) Từ thành tựu như thế v.v... trở xuống là nói pháp lợi ích. 3) Từ cho nên thế gian v.v... trở xuống là kết. 1) Kết tài lợi. 2) Từ các chúng sinh ấy v.v... trở xuống là kết pháp lợi. Văn rất dễ hiểu. Trong đoạn lớn thứ hai nói mở rộng kinh có ba: 1) Nói Thần đất thỉnh nói kinh này. 2) Từ vì sao thế v.v... trở xuống là nói kinh lợi ích chúng sinh. 3). Thế nên Thế Tôn v.v... trở xuống là khuyên người nghe nhận. Một và hai rất dễ hiểu. Trong ba: 1) Nói giáo niệm dạy nghĩ nhớ. 2) Từ Ta sẽ v.v... trở xuống là khuyên nghe nhận. 3) Từ đã nghe nhận rồi v.v... trở xuống là nói vui mừng có năm việc: 1) Mừng nghe pháp. 2) Từ Đã là nhiếp lấy v.v... trở xuống là mừng nhiếp công đức. 3) Từ gặp được v.v... trở xuống là mừng gặp chư Phật. 4) Từ ba Ác v.v... trở xuống là mừng được khơi đường ác. 5) Từ đời vị lại v.v... trở xuống là mừng được sinh lên làm trời, làm người. Ở đoạn lớn thứ ba nói mở rộng kinh được quả, trong đó có ba: một là Thần đất nói về được quả, hai là Như lai dạy bảo, ba là Thần đất kinh đáp. Trong phần một có hai: một là nói mở rộng kinh, một là Dụ, trong kinh có nói về một thí dụ, một là Duyên, trong kinh có nói một nhân nguyện sự, duyên sự. Hai là Từ Thế Tôn v.v... trở xuống là nói được quả. Đất mầu mỡ, vật sum suê tươi tốt, chúng sinh được vui là nói Báo quả. Nhiều tiền của v.v... trở xuống là nói Tập quả. Trong phần Phật thuật thứ hai có hai: 1) Nói người nghe được báo. 2) Từ Thần đất v.v... trở xuống là nói người cúng dường được quả báo. Trong phần kính đáp có hai: 1) Nói Thần đất cúng dường người nói. 2) Từ nếu có chúng sinh v.v... trở xuống là nói chúng sinh lắng nghe. 3) Từ các chúng

sinh ấy v.v... trở xuống là nói chúng sinh được quả: 1). Nói được báo vui. 2). Từ gặp gỡ v.v... trở xuống là nói được quả. Văn rõ ràng không cần giải thích.

PHẨM TÁN CHỈ QUỶ THẦN

Đây là đoạn lớn thứ tư nói về cho trí tuệ. Tiếng nước phạm là Tán-chỉ-tu-ma, Hán dịch là Mật thần, tích ở quỷ vương, vốn là Thập địa. Cho nên có thể dùng khí lực trí tuệ mà lợi ích người mở rộng kinh. Trong phẩm có ba:

1) Nói làm lợi ích người mở rộng kinh.

2) Do cớ ấy v.v... trở xuống là người nói được ích nên mở rộng kinh.

3) Từ Nam-mô v.v... trở xuống là quy y các Thánh.

Do năng lực quy y các Thánh nên có hai tài năng ấy. Trong một có hai: 1) sức Thần ủng hộ dứt ác. 2) Từ nhân duyên nào v.v... trở xuống chính là nói dùng khí lực trí tuệ mà tăng ích người nói. Trong một có ba: 1) Nói người năng hộ. 2) Từ kim quang minh ấy v.v... trở xuống là nói pháp được hộ. 3) Từ Ta sẽ v.v... trở xuống là nói việc thủ hộ. Trong đó, một là hộ người nói, hai là hộ chúng nghe, ba là hộ cõi nước.

Văn rất dễ hiểu. Ở đoạn lớn thứ hai có hai: 1). Nói có công năng làm lợi ích. 2) Từ Thế Tôn Tán v.v... trở xuống là nói lợi ích chúng sinh, có ba: 1) Nói đức có công năng biết hai Đế. 2) Từ Ta hiện thấy v.v... trở xuống là nói có Đức biết được hai trí. 3) Từ ta đối với các pháp v.v... trở xuống là song kết hai việc trên. Nói hai Đế đều có Sự Lý, vọng pháp sai khác là Sự Tục-đế. Duyên Tập luống dối là Lý Tục-đế. Chân pháp hằng sa là Sự Chân-đế. Hằng sa tức như thế là Lý Chân-đế. Ta biết tất cả pháp tức là biết Sự Tục-đế. Tất cả duyên pháp tức là Lý Tục-đế. Trong phần một, hai chữ ta biết chung cho hai câu dưới. Hiểu rõ tất cả pháp là biết giới hạn của pháp. Đây là lại hiểu biết giới hạn của pháp mà nói. Cho nên nói rõ tất cả pháp là hiểu ở câu đầu. Biết pháp thế đế lấy luống dối làm giới hạn, nên nói giới hạn của pháp hiển bày ở câu sau. Tất cả pháp như tánh, tức là Lý Chân-đế. Lý không hai nên gọi là Như, chẳng thay đổi gọi là tánh. Cũng là tánh tức là cụ thể. Đối với tất cả pháp đều chứa đựng tất cả pháp tức là Sự Chân-đế. Trong mỗi đức nhiếp tất cả đức nên nói chứa đựng. Trong phần một, bốn chữ Như pháp An Trụ chung cho hai câu dưới. Như lý mà chứng, như Sự mà biết, không có công dụng động tâm nên nói là như pháp an trụ. Trong phần hai nói biết hai Trí thì bốn câu đầu là nói biết thể của trí một câu sau là nói biết dụng của trí. Nói Trí quang là nói Thật Trí. Đương pháp mà chiếu không có tối ngại như ánh sáng mặt trời. Nói đuốc trí là nói Trí phương tiện tùy duyên mà chiếu như ánh sáng của đuốc. Nói Trí hạnh

là nói hai trí sau dưới chẳng làm mà làm. Trí tụ, là nói hai trí trên các đức chứa nhóm nên gọi là Tụ. Nói Trí thể xong rồi thì nói Trí Cảnh, là y hai trí trên làm cảnh biến hóa. Như hóa thân nên gọi là cảnh. Nên Đại Kinh nói: các cảnh giới Phật đều vô thường. Cả trí thể, trí dụng này đều không tên không hình tướng. Không hình tướng nên chẳng thể nghĩ, không tên nên chẳng thể bàn. Quỷ vương chứng biết không phải là cảnh tướng của vọng tâm, cho nên nói hiện thấy. Ở trong kết thứ ba chánh giải, là biết sự thế đế chẳng phải tà nên nói chánh giải, chẳng phải Tỷ lượng nên gọi chính là quán, chẳng phải biết tướng chung nên gọi chính là phân biệt. Đã là kết luận ở trên biết sự thế đế. Chánh giải đối với duyên là kết ở trên biết Lý Tục-đế. Chánh có công năng giác liễu. Đây là kết chung biết Sự Lý Chân-đế và cảnh của trí thể, trí dụng. Ở đoạn lớn thứ hai chánh nói lợi ích chúng sinh, có hai: 1) Nói ích Sự, tức là đầy đủ năm việc: biện tài, thân lực, bén nhạy, trí tuệ và ức niệm. 2) Từ Tâm không v.v... trở xuống là nói ích tướng, tức là không có ba việc mỏi mệt, thọ vui, hoan hỷ. Trong đoạn lớn thứ hai nói người nói được ích nên có khả năng mở rộng kinh, trong đó có bốn: 1) Người nói có Trí năng thuyết. 2) Từ nếu có chúng sinh v.v... trở xuống là nói người nghe khéo kham nhận. 3) Từ người nói pháp v.v... trở xuống là khuyên vì vật nói thành một thứ trên. 4) Từ Vô lượng chúng sinh v.v... trở xuống Là nói người nghe được lợi. Đó tức là năm thứ lợi ích trí tuệ, công đức, thọ vui, Bồ-đề và lìa khổ. Đoạn lớn thứ ba là quy y rất dễ hiểu.

PHẨM CHÁNH LUẬN

Phẩm sau là đoạn lớn thứ hai, nói người mở rộng kinh được năng lực kinh này. Trong đó, có hai: một là ba phẩm đầu nói người mở rộng kinh được như ích, hai là bốn phẩm sau nói được quả ích. Ba phẩm đầu là ba đoạn.

- Phẩm Chánh Luận nói Bồ-tát Tín Tướng giảng nói.
- Phẩm Thiện Tập nói Thích-ca giảng nói.
- Phẩm Quỷ Thần nói bốn chúng giảng nói.

Nói chánh luận là Tứ Thiên vương và Phạm Thiên hỏi đáp nói về Trị Hóa chánh pháp, nên gọi là phẩm Chánh Luận.

Hỏi: Trị quốc chánh pháp là luận Thế gian vì sao nói mở rộng kinh này được nhân ích?

Giải thích rằng: Đức Trị Hóa tức là Tâm Bát-nhã, Đại Bi, Bình Đẳng, nếu không kinh tu hành thì do đâu mà được chẳng chọn oán thân, bình đẳng trị hóa. Phẩm này có hai: 1) Khuyên khởi. 2) Từ thế nào là v.v... trở xuống chính là nói về thuyết giới.

Trong đó có ba: 1) Hai bài kệ đầu là giới hứa. 2) Từ các Vương hòa hợp v.v... trở xuống bốn bài kệ là thỉnh nói. 3) Từ Hộ Thế Tứ Thiên vương v.v... trở xuống bảy mươi sáu bài kệ là giải thích. Giới hứa là vua cha Tín Tướng Thái Tử hứa nói chánh luận. Trong phần thưa hỏi thứ hai có hai: 1) Hai bài kệ đầu là Tứ Thiên vương khen thỉnh. 2) Hai bài kế là Tứ Thiên vương khen thỉnh.

Trong đó có hai: một bài đầu là hỏi, một bài sau là kết. Trong phần hỏi, có ba việc: 1) Hỏi vì sao người mà gọi là trời. 2) Một câu kế hỏi vì sao người mà gọi riêng là vua. 3). Một câu sau hỏi vì sao vua mà gọi là Thiên tử. 4) Một bài cuối là kết chung. Hỏi rằng có phải ở trong loài người dùng chánh pháp cai trị thế gian nên gọi là trời hay chăng? Đây là kết câu hỏi một; câu hỏi hai và ba bỏ chẳng kết. Trong giải thích thứ hai có hai: 1) Hai bài rưỡi là hứa nói. 2) Từ Nhân tập nghiệp v.v... trở xuống bảy mươi ba bài rưỡi chính là đáp. Trong đó có hai: 1). Sáu hàng là đáp lược câu hỏi về Thể chánh luận. 2) Từ gọi Vua cõi người nửa tên gọi v.v... trở xuống sáu mươi bảy bài rưỡi là rộng đáp hiển bày tướng Chánh luận. Ở phần một có ba: 1). Một bài đầu là đáp câu hỏi hai rằng tuy đồng là người mà thống lãnh cõi nước thì gọi là Vua. 2) Từ ở trong thai v.v... trở xuống ba bài rưỡi là đáp câu hỏi thứ ba. Trong đó, hai bài đầu là nói ở trong thai được trời hộ vệ nên gọi là Thiên tử. Một bài kế nói ra ngoài thai là trời nuôi dưỡng nên gọi là Thiên tử. Nửa

hàng sau là kết. Được năng lực Thiên thần che chở nên được tự tại mà gọi là trời. 3 Từ xa lìa pháp ác v.v... trở xuống một bài rưỡi là truy đáp câu hỏi một. Trong đó có ba: 1) Nửa hàng đầu là nói dùng luật trời mà dứt ác nên gọi là trời. 2) Nửa hàng sau là nói dùng luật mà sinh ra điều lành nên khiến sinh lên cõi trời mà làm Trời. 3) Nửa hàng cuối là nói dùng luật trời khiến sinh lên cõi trời, nên gọi là trời. Vua cõi người nửa tên gọi v.v... trở xuống là đoạn lớn thứ hai nói rộng. Trong đó có hai: 1) Ba bài là người đức rộng cai trị giáo hóa. 2) Từ nếu có việc ác v.v... trở xuống sáu mươi bốn bài rưỡi chánh luận là rộng cai trị giáo hóa. Trong phần một có hai: 1) Một bài rưỡi là y tên hiện đức. 2) Một bài rưỡi kế là giải thích nghi hiển bày Đức. Vua cõi người nửa tên gọi là nói một bên tên gọi trời, một bên tên gọi người, nên gọi là nửa, hai tên trời người là một cặp cũng gọi là người chấp nhạc là người cầm lễ nhạc ở đời. Vì dạy người an vui nên gọi là người chấp nhạc. Cũng gọi La-sát là người làm ác. Đối với vua mà sinh sợ nên gọi La-sát, hai tên cho vui và sinh sợ là một cặp. Nói khôi cối, cúng cá gọi là cối, cúng heo gọi là khôi, cải bằng cá thì Điển tể gọi là cối, của cải bằng heo Điển Tể gọi là khôi. Chú nguyện vua nước dứt ác và quấy nên nói làm ngăn các điều ác. Tên gọi cha mẹ là dạy tu pháp lành nên gọi cha mẹ. Đây là ngăn ác dạy thiện là một cặp. Y tên gọi biện đức đã xong. Bỏ nghi bày đức thứ hai có hai: 1. Nghi. Nghi rằng: Nếu vua cõi người như La-sát cối khôi khiến cho người sợ, vì sao lại được làm trời mà che chở?

Giải thích rằng: Vua cõi người thị hiện làm ác thì bị quả báo nên có đánh đập khiến sợ hãi mà bỏ tâm ác. Làm trời mà hộ là nói thị hiện quả báo các trời che chở. Các nghiệp thiện ác v.v... trở xuống là giải thích cái nghi thứ hai. Nghi rằng:

Nếu đánh đập các khổ chỉ khiến sợ hãi, còn đây hiển bày khổ không nhân mà được ư?

Giải thích rằng: Nghiệp thiện ác thì quả ở hiện tại và vị lai. Các khổ đánh đập là quả báo hiện tại chịu khổ, chẳng phải không có nhân. Nếu có việc ác v.v... trở xuống là đoạn thứ hai nói rộng trị hóa chánh pháp. Trong đó có ba: 1) Ba mươi lăm hàng là nói Vua cõi người nếu buông lung làm ác thì họa sinh nước bại. 2) Nếu được các trời hộ sinh v.v... trở xuống hai mươi mốt bài rưỡi là nói: Nếu Vua cõi người tu điều lành thì phước sinh nước thịnh. 3). Từ vì nhân duyên ấy v.v... trở xuống tám hàng là kết khuyên bỏ ác làm lành, ở phần một có bốn: 1) Sáu bài rưỡi là nói người dân làm ác. 2) Từ gió bão chợt nổi lên v.v... trở xuống mười hai bài rưỡi là nói vua làm ác. 3) Từ các người được yêu thương

v.v... trở xuống mười ba bài kệ là kết chung đều do vua ấy. Trong phần Một, hai bài đầu là nhân làm ác, ba bài kế là bị quả khổ, tức là mưa gió chẳng hòa, sao đổi ngôi, rau cỏ chẳng mọc ba thứ quả. Hai, Từ do vua bỏ chánh v.v... trở xuống ba bài kệ là nhân làm ác. Ba, Từ Vi Trời giận v.v... trở xuống tám bài kệ là nói rộng quả ác. Trong đó một bài rưỡi kệ là nói chung nước bại. Kế bảy bài rưỡi là nói riêng quả ác. Đó là tật bệnh, nước bại, quyến thuộc chia lìa tai quái, ác tặc, đói kém, chết chóc, chánh tài vật hao tán, sao đổi ngôi v.v... Ở đoạn lớn thứ ba bầy tôi làm ác có ba: 1) Hàng đầu là bầy tôi làm phi pháp. 2) Từ làm ác như thế v.v... trở xuống hai bài kệ là nói Vua cõi người cho phép. Cho phép nghĩa là bầy tôi ác được vua kính yêu, bầy tôi hiền suy diệt cũng chẳng lãnh ghi. 3) Từ nên khiến thế gian ba tai ương v.v... trở xuống mười hàng, là bị quả báo khổ. Trong đó, hai bài đầu là mở chương môn. Tám hàng sau là giải thích. Trong một lại có hai: một bài đầu là nói bị tướng ác. Tướng ác là ba dị cùng nổi lên. Ba dị là sao đổi ngôi, bão tố và mưa dữ (mưa đá). Kế một bài là nói có quả ác. Quả ác là hư hoại chánh pháp xuất thế, hư hoại, chúng sinh chánh báo và địa phì y báo của thế gian. Trong phần giải thích có ba: 1) Nửa hàng đầu là nêu Nhân ác. 2) Từ cho nên trời giáng mưa đá v.v... trở xuống sáu bài rưỡi là nói bị quả. Bị quả tức là mưa đá, đói kém, bệnh tật, chết chóc. Lúa thóc cây trái héo hết, bệnh tật dẫy đầy cả nước, cây trái ngọt giảm cây trái đắng tăng. Chỗ dạo chơi v.v... trở xuống là giải thích rộng, rất dễ hiểu. 3). Từ có nhiều bệnh khổ v.v... trở xuống, một bài là kết. 4) Từ nếu có Vua cõi người v.v... trở xuống là nói đều do vua mà như thế. Trong đó có ba: 1). Một bài đầu là nói khiến vua dân làm ác. 2) Hai câu là nói khiến bị khổ. 3) Một bài rưỡi sau là nói đều do vua mà như thế. Từ nếu là các trời v.v... trở xuống là đoạn hai nói Vua cõi người tu điều lành thì phước đến nước thịnh. Trong đó có ba: một bài rưỡi đầu là nói Vua chẳng làm ác thì người dân làm lành sinh lên cõi trời. Từ người làm bất thiện v.v... trở xuống hai bài rưỡi là nói người dân làm ác bị khổ, do vua làm ác chẳng trị. Ba là Từ khởi các gian ác v.v... trở xuống mười bảy bài rưỡi là nói nước vua trị thì liền được vui nước thịnh. Các phần khác rất dễ hiểu. Trong ba có ba: 1) Năm bài rưỡi đầu là răn ác khuyên thiện chung. 2) Từ chẳng nên làm ác v.v... trở xuống bốn bài là riêng nói làm ác thì nước bại. 3) Từ dùng Thiện trị nước v.v... trở xuống tám hàng là riêng nói làm lành thì nước thịnh. Ba kế dùng nhân duyên v.v... trở xuống tám hàng là đoạn lớn thứ ba là kết khuyên bỏ ác làm lành. Văn rõ ràng chẳng phiền giải thích.

PHẨM THIỆN TẬP

Thiện Tập tức là bản thân Phật Thích-ca. Bảo Minh tức là bản thân Phật A-súc. Trong phẩm chính nói việc vua Thiện Tập, đều lấy đó làm tên. Trong phẩm có hai: 1) Văn xuôi là biểu, sau dùng kệ giải thích. Trong kệ có hai: 1) Năm mươi mốt bài rưỡi là nói Nhân. 2) Từ bấy giờ vì Vua nói pháp v.v... trở xuống mười hai bài rưỡi là nói được quả. Trong phần làm nhân có hai: 1) Bốn bài là nói hạnh Bố thí. 2) Từ lại đời quá khứ v.v... trở xuống mười bảy bài rưỡi là nói hạnh trí tuệ. Hạnh bố thí có bốn: 1) Một bài là xả thí đất nước thành quách. 2) Kế một bài là xả bỏ châu báu. 3) Một bài là xả quyến thuộc. 4) Kế một bài là xả thân mạng. Trong phần ba, được trí tuệ có hai: 1) Mười tám hàng là nói nhân duyên cầu pháp. 2) Từ lúc đó Bảo Minh v.v... trở xuống hai mươi chín bài rưỡi là nghe pháp. Trong đó có bốn: 1) Mười một bài là nói nhận lời thỉnh. 2) Từ lúc đó Bảo Minh v.v... trở xuống tám hàng là nói kinh. 3) Bấy giờ, Đại Vương v.v... trở xuống hai bài rưỡi là nói nghe pháp vui mừng. 4) Từ vì muốn cúng dường v.v... trở xuống tám hàng là nói Báo ân cúng dường. Ở phần ba nói pháp được quả có ba: 1). Hai bài kệ là kết hội xưa nay. 2) Từ ta lúc ấy v.v... trở xuống tám bài rưỡi là nói được quả. 3) Từ Công đức có được v.v... trở xuống ba bài là kết hợp nhân quả.

PHẨM QUỶ THẦN

Phẩm này nói bốn chúng nghe nhận thì có Thắng Thiện là quỷ thần ủng hộ, nên do đó đặt tên là phẩm Quỷ Thần. Trong phẩm có ba: 1) Từ hai mươi sáu kệ đầu phẩm là khuyến chúng nghe nhận. 2) Từ Đại phạm Thiên vương v.v... trở xuống bốn mươi tám bài rưỡi kệ là nói tám Bộ thủ hộ. 3) Từ kinh điển ấy v.v... trở xuống hai mươi bảy bài rưỡi là nói đủ các quả tốt đẹp. Ở phần một có hai: 1) Văn xuôi và hai bài kệ là khuyên nghe nhận. 2) Từ kinh điển diệu ấy v.v... trở xuống hai mươi bốn bài kệ là khen kinh có công năng lớn. Ở phần một có hai: văn xuôi và kệ trong văn xuôi: 1) Nêu công đức cúng dường chư Phật. 2) Nêu Trí. Chỗ Phật làm là Đệ-nhất-nghĩa xứ. Sau khuyên rằng: muốn biết được công đức trí tuệ thì trên phải nghe kinh ấy. Kệ tụng rất dễ hiểu. Ở phần hai khen năng lực kinh có hai: 1) Chín bài kệ chính là khen năng

lực kinh. 2) Từ tùy chỗ đến v.v... trở xuống mười lăm bài kệ là nêu ích khuyên nghe. Trong phần một có hai: 1) Hai bài khuyên năng lực cứu khổ. 2) Từ kinh ấy sâu xa v.v... trở xuống bảy hàng là khen sinh phước tuệ. Trong phần một, một bài là khen năng lực kinh, một bài nói về cứu khổ não. Phần hai cũng thế. Hai bài rưỡi đầu khen Đức của kinh. Trước, giữa, sau đều lành là nói ba thứ giới, định, tuệ, cũng có thể là ba thứ tựa, chánh thuyết, lưu thông. Hai, Từ nếu vào kinh ấy v.v... trở xuống bốn bài rưỡi là nói sinh phước tuệ. Trong một, hai bài là nói sinh trí tuệ. Vào pháp tánh là nói chứng Pháp thân. Được thấy ta tức là thấy hai Ứng thân, Hóa thân, kế hai bài rưỡi là nói sinh công đức. Ở phần hai Ích khuyên nghe có hai: 1) Hai bài chính là khuyên chịu khổ mà nghe nhận. 2) Từ nghe kinh ấy v.v... trở xuống mười ba bài là nói nghe kinh có ích, trong đó có ba: 1) Một bài rưỡi là nói người nghe diệt tướng ác. 2) Từ ở chỗ nói pháp v.v... trở xuống năm bài kệ là người nói được tướng tốt. Tướng tốt là nói nếu ở dưới pháp tòa là Đại chúng thì ở trên pháp tòa cũng thấy sắc tượng của Phật Bồ-tát và các hình sắc khác như trước không khác. Nói lúc đó vốn không có tướng này thì khi mất rồi cũng không phải như trước. 3) Từ thành tựu như thế v.v... trở xuống sáu bài rưỡi kệ là khiến được quả tốt đẹp. Quả tốt đẹp là nói trong thì có chư Phật khen ngợi oai đức, tên gọi, ngoài thì phá oán địch ác mộng, ác nghiệp, nói bày các việc hơn người khác. Kế là tiếng khen vang khắp v.v... trở xuống hai bài kệ là hết. Ở đoạn lớn thứ hai nói tám Bộ che chở có bốn: 1) Bốn bài rưỡi đầu là nói cúng dường. 2) Từ sinh không nghĩ bàn v.v... trở xuống năm bài rưỡi là nói cung kính. 3) Từ Đại Bi như thế v.v... trở xuống bốn bài là nói khen ngợi. 4) Từ chúng sanh ấy, v.v... trở xuống ba mươi bốn bài tụng là nói về sự ủng hộ Văn rất dễ thấy. Từ kinh điển ấy v.v... trở xuống hai mươi tám bài kệ là đoạn lớn thứ ba nói đủ các quả tốt, trong đó có hai: 1) hai mươi sáu hàng là nói riêng tám việc. Tám việc là một hạnh trước nhất là một câu tăng sắc lực, cú tăng sắc lực. 2) Hai bài là nói trừ tai họa. 3) Bốn bài là nói đất mầu mỡ. 4) Hai bài là nói chúng sinh vui sướng. 5) Ba bài là nói sinh lúa thóc cây cỏ. 6) Ba bài ba câu là nói sinh hoa đẹp. 7) Tám hàng là nói lợi ích ánh sáng chiếu soi. 8) Hai bài là nói âm dương điều hòa. 9) Hai bài kệ là kết chung thứ hai.

PHẨM THỌ KÝ

Ba phẩm trước là nói được lợi ích về nhân. Từ đây trở xuống bốn phẩm là đoạn lớn thứ hai, nói người mở rộng kinh được quả. Trong đó có hai: 1) Một phẩm là nói được quả. 2) Ba phẩm sau là nói nghĩa nêu duyên tu nhân thành được quả. Từ phẩm Chánh Luận ở trước tuy nói người được quả nhưng chưa nói về thọ ký, nay một phẩm này là nói được thọ ký. Được thọ ký là do nhân tốt. Và ba phẩm sau là trình bày rộng nghĩa nhân xưa thành được thọ ký. Thọ là cho, ký là quyết chắc. Chân Tín Tướng v.v... chắc chắn được quả Phật nên gọi là phẩm Thọ Ký. Trong phẩm có bốn: 1) Nói chúng được thọ ký nhóm họp. 2) Từ Phật bảo v.v... trở xuống là nói thọ ký, trước nói thọ ký Tín Tướng, kế là nói thọ ký hai con, sau nói thọ ký các vị trời. 3) Từ Khi ấy Đạo tràng v.v... trở xuống là nói Thần cây sinh Nghi, có ba: 1) lược biểu. 2) Từ Thế Tôn v.v... trở xuống là nói giải thích rộng. 3) Từ Thế Tôn là Thiên Tử v.v... trở xuống là kết thỉnh. 4) Từ bấy giờ Phật v.v... trở xuống là Như lai giải thích nghi. Trong đó có ba: 1) Lược biểu. 2) Từ vì sao thế v.v... trở xuống là giải thích. 3) Từ Thế nên v.v... trở xuống là kết. Nhân duyên là nói Thiên tử trong có tu hành nhân lành, ngoài có duyên Như lai bản nguyện nên gọi là Nhân duyên. Lại có người lành nghe kinh sinh tâm thanh tịnh, y duyên nghe Đại Sĩ thọ ký nên được thọ ký. Dùng tùy tướng mà tu tức là sáu hạnh Ba-la-mật, là nói Thiên tử này ở quá khứ tùy duyên tướng tạo mà tu hành.

PHẨM TRỊ BỆNH

Từ đây đến ba phẩm sau là đoạn lớn thứ hai nói về nghĩa nêu nhân tu xưa thành mà được quả. Tức là nói rộng nhân duyên thọ ký khiến giải thích nghi trên. Trong đó có hai, tức hai phẩm đầu chính là thành phẩm thọ ký, phụ hiển bày phẩm Thọ Lượng. Phẩm Xả Thân sau chính là thành phẩm Thọ lượng mà phụ thành phẩm Thọ Ký. Hai phẩm đầu chánh nói một vạn vị trời làm cá, nhờ nghe pháp này mà nay được thọ ký, cho nên nói chánh thành Thọ ký. Tức nói lên Thích-ca từng làm Trưởng giả, tu hạnh Từ bi khiến được thành Phật, nên nói phụ hiển bày Thọ Lượng. Một phẩm sau là nói Đức Thích-ca từng làm Vương tử tu nhân Đại Bi nay được thành Phật, nên nói chánh hiển bày Thọ Lượng. Phật đã tu nhân được quả, Tín Tướng vì sao không như thế. Cho nên nói phụ thành Thọ Ký. Trong hai phẩm, Phẩm Trị Bệnh này là nói duyên xa được Thọ ký. Phẩm Lưu Thủy là nói duyên gần được thọ ký, gần xa rất dễ tìm thấy. Phẩm này nói Đức Thích-ca ngày xưa Đại Bi trị bệnh nên gọi là phẩm Trị Bệnh. Trong phẩm có hai: 1) khuyên răn hứa nói. 2) Từ quá khứ v.v... trở xuống chính là nói. Chánh nói có hai: 1) là thuật Bản sinh. 2) Từ lúc ấy trong nước v.v... trở xuống là nói Bản Sự. Ở một có hai: Một là nói không gian và thời gian của Bản sinh. Hai là Từ trong vương quốc ấy v.v... trở xuống chính là nói Bản Sinh. Trong Đoạn lớn hai nói về Bản Sự có hai: 1) Từ hết kệ đầu và một bài rưỡi văn xuôi là nói về thể Từ Bi. 2) Từ lúc đó Trưởng giả Tử v.v... trở xuống là nói dụng từ bi. Ở phần một có năm: 1) Là nói người trong nước bị bệnh. 2) Từ Thiện nữ Thiên v.v... trở xuống là nói suy nghĩ muốn cứu. 3) Từ lúc ấy, trưởng giả Tử v.v... trở xuống là nói thỉnh hỏi phương thuốc. 4) Từ lúc ấy Trưởng giả v.v... trở xuống là cha nói. 5) Từ Thiện Nữ Thiên v.v... trở xuống là nghe nói được hiểu. Một, hai rất dễ hiểu. Trong phần ba, trước dùng văn xuôi phát khởi, kế bốn bài chính là hỏi. Chánh hỏi có bốn việc: một bài đầu là hỏi nhân duyên bệnh. Kế một bài là hỏi về việc ăn uống của người bệnh. Một bài kế là hỏi thuốc men trị bệnh. Một bài kế nữa là hỏi thời tiết. Nhân duyên bệnh là duyên bốn đại, năm tạng. Bốn đại chẳng điều hòa. Năm Tạng thương tổn khiến các căn bị bệnh. Như gan xấu thì bệnh mắt, thận xấu thì bệnh tai. Duyên sinh bệnh rất nhiều như ngồi nhiều, ngủ nhiều là bệnh thủy, đi nhiều dựa nhiều nói nhiều là bệnh phong, ngồi nhiều thì sinh bệnh nóng, nặng về dâm thì sinh tất cả bệnh, là đẳng phần bệnh. Lại lửa ít thì khiến đàm ẩm nhiều, nếu hỏa nhiều thì khiến nhiều hơi nóng. Nếu gió nhiều thì sinh

lửa thêm nóng, nước nhiều thì tăng đàm và lạnh. Bệnh ăn uống có sáu: một là ăn quá độ, hai là ăn thiếu kém, ba là ăn quá thời, đói quá mới ăn, bốn là ăn trái thời, năm là ăn phương ngại, ăn thịt xong rồi uống sữa sống, sáu là vật chưa từng ăn mà ép ăn. Như người phương Nam uống nước trái cây ép, người phương Bắc uống sữa. Lại tô mật v.v... uống vào thì chết. Lại rau đắng hòa mật ăn vào thì bất lực, đều là thức ăn có hại cả. Lại người bệnh phong mà ăn đồ lạnh ướt thì giảm thọ, nếu bệnh nóng mà uống rượu, ăn lúa mì sống với thịt trâu thì làm cho người mất ngủ ói ra máu. Nếu bệnh đàm mà ăn béo ngọt chua cay thì khiến nghẹt mũi và nhiều nước mũi. Văn nói thân hỏa chẳng diệt, nếu bệnh nhiệt mà ăn no phải thở mà không thở là bị bệnh cũ. Nước nhiều thì tổn phổi tức là bệnh đàm. Thuốc trị Bệnh: Bệnh khó có bốn: một là gió, hai là Đàm, ba là nóng, bốn là Đẳng phần. Bốn thứ này đều có ba trường hợp. 1) Có thể trị được, đây là bệnh mới, bốn đại còn mạnh. 2) Trị hoài không hết, đây là bốn đại quá thương tổn. 3) Chẳng trị được, thấy có tướng ắt chết. Nếu nói về thuốc thì như văn sau nói. Bệnh thời tiết tháng bốn đến tháng năm là thời gió sinh, tháng sáu tháng bảy là thời bệnh gió khởi, tháng tám tháng chín là thời nóng bức khởi, tháng mười đến tháng giêng là thời nóng bức diệt. Kế tháng mười đến tháng giêng là thời nước sinh, thàng hai tháng ba là thời bệnh nước khởi, tháng tư đến tháng bảy là thời bệnh nước diệt.

Ở đoạn lớn thứ tư là đáp, có hai: 1) Hàng đầu là thời Phật tự kể lại cha đáp, mười sáu hàng sau là cha đáp. Trong đó có: 1) Ba bài đầu là định thời tiết. 2) mười ba bài sau là là phương thuốc trị bệnh. 3) Ba bổn nhiếp, giải có hai thầy: 1). Giải thích rằng một năm có bốn mùa là Xuân Hạ Thu Đông. Xuân là đầu khí, Đông là cuối khí. Trong một mùa đều có ba giai đoạn là mạnh, trọng, quý. Tháng giêng là mạnh xuân, tháng hai là trọng xuân, tháng ba là quý xuân. Ba mùa sau cũng so sánh theo đây. Tháng giêng là Bản nhiếp, hai tháng sau đều thuộc về Hạ phân. Tháng bảy là Bản nhiếp, hai tháng sau đều thuộc Thu phân. Tháng mười là Bản nhiếp, hai tháng sau đều thuộc Đông phân. Bốn mùa đều có ba tháng nên nói là ba ba. Tháng đầu là Bản nhiếp ba tháng sau, nên nói ba ba Bản nhiếp. Đây là Bản nhiếp cuối. Lại nói tháng một, tháng hai chính là mùa xuân, Vua ở trong Mộc, trong Hỏa, trong Kim, Mộc Vương trong đó, Thổ mượn tháng ba thuộc về mùa Xuân. Tháng tư tháng năm chính là mùa Hạ, Vua ở trong hỏa, Thổ mượn tháng sáu nhiếp thuộc mùa Hạ. Tháng bảy tháng tám chính là mùa Thu, Vua ở trong kim, trong Hỏa, trong Kim, trong đó Kim Vương, Thổ mượn tháng

chín thuộc về mùa Thu. Tháng mười, tháng mười một chính là mùa Đông, trong đó Thủy vương, Thổ mượn tháng chạp thuộc về mùa Đông. Thổ mượn bốn quý (bốn tháng cuối mùa) dùng chánh mùa làm gốc. Mỗi ba tháng đều cùng nhiếp trong Thổ nên nói ba ba Bản nhiếp. Đây là chủ nhiếp khách. Khách là độ (cõi).

Giải thích rằng: Y theo Phật pháp một năm có ba mùa là Đông, Xuân, Hạ. Đông là đầu khí, Hạ là cuối khí. Trong mỗi mùa đều có bốn tháng, bỏ mùa Thu ba mùa kia đều có một tháng Nhiếp thu. Trong một mùa có bốn tháng bốn ngày, nên nói ba ba Bản nhiếp. Chữ ba đầu là nêu ba tháng mùa Thu. Chữ ba Bản kế tức là trong Đông, Xuân, Hạ vốn là ba tháng. Trong bốn mùa vì sao chỉ bỏ mùa thu?

Giải thích rằng có hai nghĩa: 1) Phá chấp bảo vệ thường, muốn phá chấp ấy nên bỏ mùa Thu. 2) Mở Hậu An Cư lập tháng Ca-đề, an cư vốn gọi là Hạ tọa. Nửa tháng tám trở lại nếu là mùa Thu thì thành Thu tọa, cho nên phải bỏ. Hai là Hiện thời, cũng có hai cách giải thích:

Giải thích một rằng: Trong bốn mùa, cứ hai tháng hai ngày dùng làm chánh mùa. Thổ mượn bốn quý đều dùng ngày tháng nhiếp thuộc Âm Dương hợp thành sáu thời. Sáu Thời, tháng giêng tháng hai là thời vua mộc, hiện thời vua mộc hiện, tháng tư tháng năm là thời vua Hỏa hiện. Tháng bảy tháng tám là thời vua kim hiện, tháng mười, tháng mười một là thời vua Thủy hiện. Tháng mười hai tháng ba là Dương Thổ mượn vua ký vương. Tháng sáu, tháng chín là Ẩm thổ. Vượng gọi là Hiện, nên nói hai hai, Hiện thời đầy đủ sáu Thời.

Giải thích hai rằng: y pháp ba mùa, mùa có sơ phận hiện bốn tháng, đều có chia đều phần sau hợp thành sáu thời. Sáu thời là từ ngày mười sáu tháng chạp đến rằm tháng hai, hai tháng này là mùa Xuân phần đầu hiện, từ mười sáu tháng hai đến rằm tháng tư, hai tháng này là mùa xuân phần sau hiện. Từ mười sáu tháng tư đến rằm tháng sáu, hai tháng này là mùa Hạ phần đầu hiện. Từ mười sáu tháng sáu đến rằm tháng tám, hai tháng này là mùa Hạ phần sau hiện. Từ mười sáu tháng tám đến rằm tháng mười, hai tháng này là mùa Đông phần đầu hiện. Từ mười sáu tháng mười đến rằm tháng chạp, hai tháng này là mùa Đông phần sau hiện. Cho nên nói: Nếu hai hai nói đầy đủa sáu thời. Phần hai là Đáp có hai: Mười một bài rưỡi đầu là nói tùy thời mà phát bệnh. Kế một bài rưỡi là nói trái thời tiết thì bệnh sinh.

Ở phần một có bảy: 1) Một bài là hỏi đáp bệnh ăn uống thứ hai ở trên. 2) Một bài là hỏi đáp nhân duyên bệnh thứ nhất ở trên. 3) Một bài rưỡi là hỏi đáp thuốc thang thứ ba ở trên. 4) Hai bài là hỏi đáp bệnh thời

tiết thứ tư ở trên. 5) Hai bài rưỡi là lại hỏi đáp trị bệnh thứ ba trên. 6) Hai bài là lại hỏi đáp việc ăn uống của bệnh thứ hai ở trên. 7) Hai bài rưỡi là lại hỏi đáp thuốc trị bệnh thứ ba ở trên. Do đó, qua ba lần lại hỏi đáp về thuốc trị bệnh: Một đoạn đầu là nói khi chưa bị bệnh nên dùng thuốc mà ngăn ngừa. Đoạn kế là nói khi bị bệnh mà dùng thuốc để trị. Đoạn cuối là nói trị bệnh rồi thì dùng thuốc bổ. Sở dĩ hai lần đáp câu hỏi hai: Lần một, nói ăn có công năng nuôi thân không bệnh. Lần hai nói ăn dục tổn thân thì sinh bệnh. Thứ nhất, văn bảo: Nói thuốc men tức là trong cỏ cây có các phương thuốc ăn uống đúng cách và không đúng cách. Không đúng cách thì chẳng nương theo. Trong phần hai nói Đại trường tăng tổn, nghĩa là bốn mùa tới lui, bốn đại tăng tổn. Ba là nói sáu Đại tức là sáu phủ: 1. Đại Tràng. 2. Tiểu Tràng. 3. Tỳ. 4. Tam Tiêu. 5. Phế. 6. Hai bàng quang. Trong bốn nói bệnh Phong mùa Hạ thì động. Mùa Hạ thì lỗ lông mở lớn thông gió bên ngoài vào. Bệnh nóng mùa Thu thì động. Mùa Thu thì lỗ chân lông đóng lại, nhiệt núp bên trong chẳng thông ra ngoài. Ba là bệnh Đẳng phần phát vào mùa Đông. Mùa xuân động nước, bệnh phổi chẳng lành. Đến mùa Thu động Nhiệt, bệnh nóng không bớt. Đến mùa Đông thì động đủ tất cả bệnh. Bệnh phổi mùa Xuân tăng vì tháng hai, tháng ba là hai, Âm là lúc bệnh thì kéo Đàm. Phần năm nói về bệnh Phong. Hạ phục phì nị v.v... là tháng Hạ thì lỗ chân lông mở nên phải dùng phì nị mà lấp lại. Gian tặc tánh nóng tiêu mất nước, khiến cho thể cứng chắc khiến gió chẳng vào. Lạnh ngọt tức là bơ sữa v.v... trị được bệnh nóng. Đẳng phần thì mùa Đông (núp), ngọt cay phì nị. Phì nị trị phong. Bệnh phổi phục phì nị là lỗ lông làm cho nước chẳng vào, cay nóng tiêu mất nước nên trị được bệnh phổi. Trong phần sáu nói ăn no bị bệnh phổi. Ăn no thì ruột và dạ dày đầy ắp nên phát bệnh phổi. Lúc tiêu phát nhiệt mới ăn thì nhão nát, đốt nóng thì tiêu thức ăn. Sau gió nhóm chỗ trống, nên phát ra bệnh gió. Phần bảy nói phong dùng Tô nị, vì phong hư sơ nên lấy nị mà bổ, thế nóng chưa hết muốn hốt thuốc thang trị tim gan nên phải uống thuốc đưa xuống. Bệnh Đẳng phần phải dùng Tô Nị mà trị phong, dùng chất ngọt mà trừ nóng, dùng cay trừ nước. Bệnh phổi là nước nên phải uống thuốc nôn ra. Kế một bài rưỡi là trừ bệnh trái thời, thì y theo tin tức trước. Từ khi ấy trưởng giả tử v.v... trở xuống là Đoạn lớn thứ hai. Trong đó có ba: một là khéo lời an ủi khuyên bảo, bệnh nhẹ thì lành, bệnh nặng thì cho thuốc mới lành. Ba là họp kết. Văn rất dễ thấy.

PHẨM LƯU THỦY TRƯỞNG GIẢ TỬ

Đây là phẩm thứ hai nói Nhân gần của việc thọ ký khác với ba phẩm trước:

1. Trước là đồng loại con người sinh tử, còn ở đây là dị loại súc sinh sinh tử (Trước là Từ bi với loài người, đây là Từ bi với loài vật).

2. Trước là từ trị bệnh thân, đây là từ trị bệnh tâm.

3. Trước nói từ của thế gian, đây là nói từ xuất thế gian.

- Có ba điều khác nhau này nên phẩm này gọi là nói về nhân gần của thọ ký. Phẩm này có ba:

1. Khen đức trừ bệnh.

2. Nói công đức cứu đàn cá.

3. Kết hội xưa nay.

- Ở phần đầu có hai:

1) Nói việc Trưởng giả trừ bệnh.

2) Từ hết bệnh v.v... trở xuống là nói chúng sinh tu phước, cung kính khen ngợi để báo ân.

- Ở đoạn hai cũng có hai:

1) Nói trưởng giả cứu đàn cá.

2) Từ say rượu nằm v.v... trở xuống là nói một muôn con cá báo ân.

- Ở phần một có hai:

1) Nói Bản sinh của vợ chồng và hai con. Từ đó Trưởng giả Tử v.v... trở xuống là nói việc Bản sinh. Trong đó, có hai: một là nói trưởng giả thấy đàn cá, Thần cây dạy sinh tâm Từ bi mà cứu tức là nói Thể của Từ bi.

2) Từ lúc ấy ở ao v.v... trở xuống là nói dụng của Từ bi.

- Trong đó có hai:

1) Nói về tài thí.

2) Từ cho cá ăn v.v... trở xuống là nói pháp Thí.

- Ở đoạn lớn thứ hai là báo ân, có ba:

1) Nói sinh lên cõi trời.

2) Từ lúc đó v.v... trở xuống là nói về báo ân.

3) Từ lúc ấy cõi Diêm-phù-đề v.v... trở xuống là nói nhà vua thức tỉnh giác ngộ. Văn rất dễ hiểu.

PHẨM XẢ THÂN

Phẩm này nói Phật Thích-ca khổ hành để thành quả Thọ lượng, phụ hiển bày việc thọ ký. Trong phẩm có hai: trước hỏi sau đáp. Trong đáp có ba:

1. Hiện tháp báu.

2. Từ bấy giờ Thế Tôn v.v... trở xuống là nói nhân duyên tháp báu.

3. Từ đó gọi là lễ tháp v.v... trở xuống là kết đáp câu hỏi ở trên.

- Trong phần một có hai:

1. Nói hiện tháp chúng mừng, vị thần hỏi, Phật giải thích.

2. Từ bấy giờ Phật bảo v.v... trở xuống là nói hiện xá-lợi khen ngợi lễ bái.

- Trong đoạn lớn thứ hai nói về duyên khởi có hai:

1. Từ hết kệ đầu là nói xá-lợi nhân duyên.

2. Từ trong văn xuôi sau kệ.

Trong văn xuôi có hai: 1. Kính nêu. 2. Từ A-nan v.v... trở xuống là Như lai nói. Trong đó có hai: 1. Nói Bản sinh. 2. Từ ba vương tử ấy v.v... trở xuống là nói Bản sự. Trong đó có ba: 1. Nói nhân duyên xả thân. 2. Từ bấy giờ vương tử v.v... trở xuống là nói về xả thân. 3. Từ lúc đó vương tử một v.v... trở xuống là nói quyến thuộc buồn khổ. Trong một có ba: 1. Nói dạo núi cũng bàn. 2. Từ khi ấy các vương tử v.v... trở xuống là thấy Hổ cũng bàn. 3. Từ bấy giờ vương tử thứ ba v.v... trở xuống là nói suy nghĩ xả thân. Do đâu được biết mới sinh con bảy ngày, có bốn nghĩa: 1. Hổ con trên trán có bảy chấm. 2. Thấy mắt mới mở. 3. Hổ đói gần chết là biết bảy ngày không ăn. 4. Quỷ thần nói như Thần cây dất một vạn con cá chỉ đi qua mà không hiện ra. Đoạn ba nói suy nghĩ xả thân có ba: 1- Suy nghĩ xả thân nếu gặp dịp. 2. Từ vì sao thế v.v... trở xuống là suy nghĩ muốn xả thân. 3. Từ mạnh mẽ nhậm vận v.v... trở xuống là phát khiển hai anh.

Ở phần hai muốn xả thân có hai: 1. Suy nghĩ xả thân tu nhân Niết-bàn. 2. Từ lại nữa nếu v.v... trở xuống là suy nghĩ xả thân cầu quả Niết-bàn. Ở phần này có hai: 1- Suy nghĩ thân này có bốn thứ phi thường. 2. Từ ngày nay ta v.v... trở xuống là suy nghĩ tu nhân. Trong một, trước là nói khổ. Từ nhưng lại chẳng khởi v.v... trở xuống là nói vô thường. Từ thân ấy chẳng bền v.v... trở xuống là nói không, vô ngã. Từ có thể ác như cướp v.v... trở xuống là nói Bất tịnh. Trong thứ hai nói về nhân trước nói tự làm (tự lợi). Đối với sinh tử v.v... trở xuống là nói hạnh hóa

tha.

Trong phần hai là cầu quả Niết-bàn, có hai: 1. Nói suy nghĩ thân bệnh hoạn. 2. Từ cho nên ta nay v.v... trở xuống là cầu quả Niết-bàn. Trong một, trước là nói khổ, vô thường. 2. Từ chỉ có v.v... trở xuống là nói không, vô ngã. 3. Từ Thân ấy bất tịnh v.v... trở xuống là nói Bất tịnh. Trong phần hai là cầu Niết-bàn, có hai: 1. Nói Tự chứng. 2. Từ chứng thành như thế v.v... trở xuống là nói hóa tha.

Ở trong một có hai: 1. Nói chung cầu Niết-bàn. 2. Từ lìa hẳn v.v... trở xuống là riêng nói cầu ba điểm, có ba: 1. Cầu giải thoát. 2. Từ không v.v... trở xuống là cầu Bát-nhã. 3. Từ đầy đủ v.v... trở xuống là cầu pháp thân. Ở đoạn lớn thứ hai nói về xả thân, có hai: 1. Nói về vương tử phát nguyện xả thân hiện các điềm lành. 2. Từ bấy giờ hổ ấy v.v... trở xuống là nói bị hổ ăn.

Ở đoạn lớn ba nói về quyến thuộc buồn khổ, có ba: 1. Nói hai anh buồn khổ. 2. Từ Tiểu vương tử v.v... trở xuống là nói người hầu buồn khổ. 3. Từ bấy giờ Vương phi v.v... trở xuống là nói cha mẹ buồn khổ.

Ở đoạn lớn là hai kệ tụng, có ba: 1. Hai bài là nói chung ý lớn xả thân. 2. Từ ta nhớ v.v... trở xuống chính là tụng văn xuôi ở trên. 3. Từ Phật bảo v.v... trở xuống năm bài rưỡi kệ là nói kết hội xưa nay. Văn đã rõ không cần nói nhiều.

PHẨM TÁN PHẬT

Đoạn lớn thứ ba nói về phần Lưu thông, y theo bản kinh loại bảy quyển có hai phẩm, một phẩm đầu là khen ngợi công đức người Năng thuyết, tức là khen ngợi lưu thông. Một phẩm sau là nói giáo pháp được hoằng hóa, tức là phó chúc dặn dò lưu thông. Bốn quyển kinh này chỉ có phần khen khen ngợi lưu thông mà không có phó chúc. Trong phẩm có hai: 1. Nói Bồ-tát cõi khác khen ngợi Phật cõi khác. 2. Nói Đại sĩ cõi này khen ngợi Phật cõi này.

Vì sao kia đây đều khen? Vì khen để hiển bày công đức người năng thuyết, kia đây không khác nhau. Ở cõi khác khen ngợi thì trước là văn xuôi khen ngợi người năng thuyết, còn kệ sau khen việc được nói. Trong đó có hai: 1. mười chín hàng là khen ngợi. 2. Một bài là hồi hướng.

Trong phần một có ba: 1. Hàng đầu là khen sắc thinh. 2. Từ trí tuệ vắng lặng v.v... trở xuống bảy hàng sau là khen trí tuệ. 3. Từ Như lai Thế Tôn năm hàng là hợp kết. Trong phần một có ba: 1. Ba bài rưỡi đầu là khen tướng sắc hảo. 2. Một bài rưỡi kế là khen âm thịnh. Sáu thứ thanh tịnh: 1. Đại Bi Quán Thế Âm. 2. Âm thanh tiếng đại từ êm dịu. 3. Âm thanh đại phạm thanh tịnh. 4. Âm thanh đại quang chiếu khắp. 5. Âm thanh Sư Tử Vô Úy. 6. Âm thanh Thiên nhân trượng phu. Kế hai bài là kết. Trong đó một bài là kết thanh, một bài là kết sắc.

Trong thứ hai khen phước tuệ có hai: 1. Một bài rưỡi đầu là khen đức bên trong. 2. Từ vì các chúng sinh năm bài rưỡi sau là khen đức ngoại hóa. Trong đức bên trong một bài rưỡi đầu là khen trí tuệ, nửa hàng kế là khen công đức, nửa hàng sau là nói thí dụ. Trong khen ngoại hóa thì một bài đầu là tiêu biểu, nửa trên là tiêu biểu cứu khổ, nửa dưới là tiêu biểu cho vui. Sau bốn bài rưỡi là giải thích rộng. Trong đó, một bài rưỡi đầu là nói thể cứu khổ cho vui. Trong đoạn lớn thứ ba hợp kết thì hai bài đầu là nói công đức của Phật vô lượng. Kế hai bài là nói không ai biết được. Sau một bài là nói khen chẳng thể biết. Văn rất dễ hiểu.

Ở đoạn lớn thứ hai là phần Đại sĩ này khen, có hai: 1. Tín Tướng khen. 2. Thần cây khen. Ở Tín Tướng khen có hai: 1. Mười bài rưỡi đầu là khen riêng. 2. Từ Như lai đều biết gồm sáu bài rưỡi sau là khen chung. Trong một có ba: 1. Tám hàng là khen sắc thân. 2. Một bài rưỡi kế là khen phước tuệ. 3. Một bài sau là kết. Trong một có hai: 1. Bốn bài là khen thể của sắc thân. 2. Khen Phước tuệ, rất dễ thấy. Trong phần thứ

ba kết chung, trên là kết sắc thân, dưới là kết phước tuệ. Đoạn lớn thứ ba kết chung thì hai bài đầu là khen phước tuệ, bốn bài rưỡi kế là khen sắc thân. Trong phần hai, có hai: một bài khen ngoại hóa, một bài khen đức bên trong. Ở sau cũng có hai: hai bài đầu là ngoại hóa, một bài khen đức bên trong. Văn rất dễ thấy. Trong phần hai, Thần cây khen: 1. Nói người năng khen. 2. Từ Nam-mô v.v... trở xuống là nói việc được khen. Trong đó có hai: 1. Hai mươi lăm bài rưỡi đầu là Thần cây khen. 2. Hai bài sau là Như lai thuật. Trong một lại có ba: 1. Mười chín bài rưỡi đầu là họp khen hai Ứng thân, Hóa thân. 2. Từ Thân Thanh văn v.v... trở xuống năm hàng sau là khen riêng Pháp thân. 3. Từ Ta nay chẳng nghi v.v... trở xuống một bài là kết thỉnh. Trong một có hai:1. Mười hai bài rưỡi đầu chính là khen. 2. Từ Ta thường niệm Phật v.v... trở xuống bảy hàng là nói khát ngưỡng. Trong một có hai: 1. Bốn bài rưỡi là khen thể của ba thân. 2. Từ Phật ra đời v.v... trở xuống tám hàng là khen dụng. Trong một có hai: 1. Hai bài rưỡi là khen trí tuệ. 2. Hai bài kế là khen công đức. Trong một có hai: một bài là nêu khen, bài rưỡi kế là giải thích. Phi pháp tức là Tà pháp. Phi đạo tức là tà đạo. Biết hữu là biết Thế đế, biết không là biết Chân-đế. Bản tánh thanh tịnh là biết Nhất Thật đế. Trong phần khen dụng thứ hai có hai: 1. Một bài đầu là nêu chung xuất thế ít có. 2. Bảy hàng kế là nói việc ít có, trong đó có hai:

1. Hai bài đầu là khen đức hóa độ bên ngoài.

2. Từ hay thay v.v... trở xuống năm hàng là khen đức nội chứng.

- Trong đó có hai:

1. Hai bài là nói Trí năng chứng.

2. Từ tất cả v.v... trở xuống ba bài là nói lý sở chứng.

Các căn vắng lặng là nói trong các phiền não chẳng khởi là số diệt vô vi. Thành lớn vắng lặng là nói Đại Niết-bàn tức là đức diệt vô vi. Tam-muội sâu xa tức là thiền định. Vào chỗ đi của chư Phật tức là trí tuệ, trí tuệ thiền định này tức là đức Bồ-đề. Đối với lý sở chứng thứ hai có ba:

1. Một bài đầu là nói Thánh đạo không.

2. Một bài kế là nói muôn pháp không.

3. Một bài sau là nói chúng sinh không.

Thân đều vắng lặng là nói Nhị thừa Đạo không. Hành xứ cũng không là nói Đạo Đại thừa là chỗ thục Hành của Như lai, Đạo không này cũng không. Tánh Tướng cũng không là nói chân thật y tha lìa không vì thế là không, phân biệt vô tướng nên tướng cũng không. Ở đoạn lớn nói khát ngưỡng thứ hai có hai: 1. Bốn bài đầu là nói khát ngưỡng nguyện

thấy. 2. Từ cúi mong v.v... trở xuống là nguyện Phật Từ Bi nhiếp thọ. Trong một, thì một bài đầu là nêu nguyện Phật Từ Bi nhiếp thọ. Trong một, thì một bài đầu là nêu Niệm Phật thiện để nguyện thấy. Hai là một bài kế là nêu lễ bái thiện để nguyện Thấy. Ba là một bài kế là nêu tu Bi hạnh để nguyện thấy. Bốn là một bài kế là nêu khát ngưỡng lửa ưu để nguyện thấy. Ở phần hai nguyện Phật nhiếp thọ thì một bài đầu là nguyện nói nước pháp, khiến diệt lửa ưu. Một bài kệ là nguyện Phật hiện thân khiến con thường thấy. Một bài kệ kế là kết thỉnh. Đoạn lớn thứ hai khen riêng pháp thân, có hai:

1. Ba bài đầu là khen Pháp thân trí sâu.

2. Từ Như lai hành xứ v.v... trở xuống hai bài là nói người chẳng thể biết.

- Ở một có hai:

1. Một bài rưỡi đầu là nói sinh tử luống dối.

2. Từ Như lai v.v... trở xuống một bài rưỡi là nói pháp thân chân thật.

Tịnh như lưu ly là nói thể Pháp thân lìa muôn tượng nên gọi là tịnh, tức là lý tánh ba không. Ở đoạn lớn thứ ba là kết, nửa trên là kết pháp thân, Ưng thân. Phật là Ứng thân, chỗ thực hành là Pháp thân, nửa dưới là thỉnh hiện hóa thân.

LỜI BẠT VỀ KINH KIM QUANG MINH SỚ

Quyển Sớ kinh Kim Quang Minh trên là do Đại sư Gia Tường đời Tùy giải thích kinh bản dịch loại bốn quyển của ngài Đàm-vô-sám, văn gọn mà nghĩa rõ, khoa tiết rất tinh, giúp ích cho người học, có người đến xin khắc bản in ra để truyền rộng. Than ôi, văn này tuy xưa truyền trong nước nhưng thất lạc đã lâu, nay hiện ra để diệt tà thuyết. Tiếc rằng bản chép lại có nhiều lỗi, bèn tìm bản gốc khảo sát sửa đúng lại theo lời bàn, giao cho người in ở cuối quyển mà biết được năm tháng. Niên hiệu Chánh Đức đổi tên, năm Tân mão, đầu Đông. Núi Tỷ Duệ, Sa-môn Tuấn Tịnh ở Đông Khê, viện Bản giác kính ghi lời bạt.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 139

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG KINH SỚ

SỐ 1788
(QUYỂN 1 → 5)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1788

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG KINH SỚ

Tam Tạng, Pháp sư Nghĩa Tịnh đời Đường vâng chiếu dịch.

Sa-môn dịch kinh Tuệ Chiểu soạn.

QUYỂN 1

Các Đức Phật đầy đủ ba đức
Chánh điều ngự của chúng sinh
Diễn bày chân giáo chứng đạt
Cùng các pháp môn sâu mầu.
Học theo các thánh hiền tăng
Quy y thanh tịnh kính tin
Nay con khen ngợi kinh này
Hoằng pháp lợi ích tự tha.
Hồi hướng đại đạo Bồ-đề
Cùng chúng bước lên Diệu giác
Ba nghiệp kính thành lễ lạy
Cúi mong các Phật che chở.

Giải thích kinh này trước hết chia ra năm phần:

1. Nói về Nhân sinh khởi của kinh.
2. Nói về Tông Thể của kinh.
3. Nói về lợi ích đương thời của kinh.
4. Nói về lý do đặt tên kinh.
5. Giải thích theo khoa mục.

Thứ nhất là Nhân sinh khởi: của kinh, lại có hai:

1. Nhân sinh khởi thông thường.

2. Nhân sinh khởi riêng biệt.

Thông là chung cho các kinh, riêng là chỉ hạn cuộc ở kinh này.

Đầu tiên là nhân chung: Tất cả Như lai lìa các phân biệt, tâm chứng nhập biển định, trí bình đẳng như như, chúng sinh và ngã đều mất, hình và tiếng cùng vắng lặng, nhưng nhân tu túc nguyện nhậm vận cơ duyên, như hình ảnh hiện trong gương tròn, như tiếng phát ra hang trống trong. Cho nên có ứng hóa thùy tích, chấn động tùy loại âm, giáo tuy muôn vàn khác nhau nhưng duyên phát khởi chỉ có hai:

1. Lưu xuất từ đại bi của Như lai.

2. Cảm ứng từ tánh dục của hữu tình.

Nhưng trong các giáo tùy cơ nêu ra không cố định, như kinh Vô Lượng Nghĩa chỉ nêu ra sự cảm ứng từ tánh dục của chúng sinh, cho nên kinh đó nói: "Pháp vô lượng là do chúng sinh có tánh dục vô lượng, pháp do giáo đó nói cũng lại vô lượng".

Kinh Pháp Hoa quyển một chép: "Nay Ta cũng giống như vậy, biết các chúng sinh có các thứ dục bám sâu trong tâm, tùy theo bản tánh của họ mà dùng các nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, năng lực phương tiện mà nói pháp cho họ nghe".

Phẩm Mộng Kiến Sám Hối trong kinh này chép: "Trú thọ không thể suy nghĩ bàn luận số kiếp, tùy theo căn cơ nói pháp lợi ích chúng sinh".

Trong Nhiếp luận của ngài Thiên Thân chép: "Y theo Bi mà nói đại bi lưu xuất mười hai bộ kinh, Nhiếp luận của ngài Vô Tánh thì y theo căn cơ chủng tánh mà nói rằng từ năng lực gốc lành thức tâm khởi lên".

Nhị Thập Duy Thức hợp lại nói chung, bài tụng nói về Nhân sinh khởi chép: "Năng lực xoay vần tăng thượng, hai thức thành quyết định".

Giải thích rằng: Vì các thức nối tiếp còn lại khác nhau nên khiến cho các thức nối tiếp khác nhau sinh. Ở đây nói nối tiếp là thân, khác nhau là giáo; ý này từ Phật thân thức hiện ra danh cú nghĩa, khiến cho thức của người nghe phát sinh danh cú nghĩa, đó là nhờ căn cơ chúng sinh thành thục là năng cảm, Như lai đại bi là năng ứng. Phần nhiều y cứ theo đại bi, cho nên lợi tha lại có hai duyên:

1. Pháp tồn tại lâu dài.

2. Lợi ích hữu tình.

Kinh Pháp Hoa quyển một chép: "Các thứ nhân duyên dùng vô

lượng thí dụ soi sáng Phật pháp khai ngộ chúng sinh”. Soi sáng Phật pháp là khiến cho pháp tồn tại lâu dài, thuộc về đại trí. Khai ngộ chúng sinh là lợi ích cho chúng sinh, thuộc về đại bi.

Kinh này cũng vậy, phẩm Sám Hối nói: “Trú mạng không thể suy nghĩ bàn luận số kiếp tùy theo căn cơ nói pháp lợi ích chúng sinh, thuộc về đại bi”.

Như phẩm Phú Chúc chép: “Các thầy, vị nào có thể phát tâm giữ gìn, giảng nói truyền bá rộng rãi, có thể khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài ở thế gian, thuộc về đại trí.

Có chỗ cho rằng, làm cho pháp tồn tại lâu dài lợi ích cho chúng sinh thuộc về đại bi. Có chỗ khác cho rằng, lợi ích chúng sinh khiến cho pháp tồn tại lâu dài thuộc về đại trí. Cũng khiến cho người nghe tu tập hai lợi ích, khiến cho pháp tồn tại lâu dài nên tu tự lợi, vì lợi ích chúng sinh nên tu lợi tha”.

Luận Du-già quyển tám mươi hai chép: “Nếu có năm phần nói pháp như năm phần vui như vậy thì sẽ khiến cho tự tha phát sinh vui mừng vô cùng, lại có thể dẫn phát lợi ích của tự tha”. Giải thích năm phần này đầy đủ rõ ràng như trong Nhân Vương Bát-nhã Sớ. Lại có ba duyên:

1. Làm cho sinh dục lạc.
2. Khiến cho tu hành.
3. Khiến cho dứt chướng.

Tức là nói rằng: Pháp mà chúng sinh muốn nghe không ngoài ba thứ:

1. Nguyện cầu quả cao siêu, đồng thời lợi ích chúng sinh.
2. Các hạnh được Tu tập.
3. Các chướng được dứt trừ.

Như Thiện Hiện Sở Vấn trong kinh Bát-nhã chép: “Có nhiều người phát tâm thú hướng Bồ-tát thừa, làm sao an trú?”. Biết rằng phát thú những thừa khác cũng có ba thứ, trong Nhân Thiên thừa tuy không dứt hạt giống, cũng có khả năng chế phục các chướng trong ba đường ác được sinh lên cõi trời, cõi người, vì vậy đều có ba thứ, đây là do cơ cảm.

Lại có bốn duyên:

1. Người chưa lìa khổ muốn làm cho lìa khổ, người chưa được yên vui muốn làm cho được yên vui, người chưa thể phát tâm dứt ác làm lành muốn làm cho dứt ác làm lành, người chưa thành Phật nguyện sớm thành Phật.

Đây là do bi nguyện. Cho nên kinh Pháp Hoa quyển ba chép: “Người chưa độ khiến cho độ. Độ nghĩa là lìa khổ. Người chưa hiểu làm cho được hiểu. Hiểu nghĩa là dứt ác làm lành. Người chưa an làm cho an, an nghĩa là giúp cho được yên vui. Người chưa Niết-bàn làm cho họ đạt đến Niết-bàn, nghĩa là chưa thành Phật nguyện thành Phật. Tức là như thứ lớp nương vào bốn thệ nguyện rộng lớn lần lượt hóa độ chúng sinh”.

Kinh Pháp Hoa quyển ba chép: “Chúng sinh thường khổ não tăm tối, không có người dẫn đường, không biết con đường hết khổ, không biết mong cầu giải thoát”, cho đến nói: “Nay Phật đạt đến con đường vô lậu an ổn tối thượng, chúng ta và trời người được lợi ích rất lớn”. Ý ở đây thường khổ não là khổ đế, tăm tối không người dẫn đường là tập đế, không biết con đường hết khổ là đạo đế, không biết mong cầu giải thoát là diệt đế. Rõ ràng trước đây không hiểu, nay Phật ra đời chỉ bày thức tỉnh khiến cho hiểu rõ, khiến cho biết Khổ, dứt tập, Chứng diệt, Tu đạo.

Lại có năm duyên, như kinh Tư Ích quyển hai chép: “Nếu người thông suốt thuận theo văn tự ngôn thuyết chương cú Như lai đã nói”, cho đến nói: “Có thể biết Như lai vì sao nói pháp, vì sao nói tùy nghi, vì sao nói phương tiện, vì sao nói pháp môn, vì sao nói đại bi? Phạm thiên hay Bồ-tát có thể biết Như lai dùng năm năng Lực này mà nói, thì Bồ-tát đó có thể thực hiện Phật sự”.

Vì sao nói pháp? Tức là nói về pháp thể.

Thế nào là tùy nghi? Tức là tùy theo cơ nghi để ứng hiện.

Thế nào là phương tiện? Tức là nêu rõ giáo pháp lợi ích vui mừng, ở nơi không có danh ngôn mà phương tiện khéo léo nói các pháp.

Thế nào là pháp môn? Nghĩa là nói rõ các môn đối với một pháp.

Thế nào là Đại bi? Nghĩa là ba mươi hai thứ đại bi.

Như nói các pháp vô ngã, mà các chúng sinh không thể tin hiểu, do đó Như lai khởi đại bi nói làm cho tin hiểu. Rộng như trong ấy nói. Bốn thứ đầu tức là đại trí, thứ năm tức là đại bi. Lại bốn thứ đầu là sở khởi, thứ năm là năng khởi. Ở đây chúng sinh là năng cảm, Như lai là năng ứng. Vì tuy là ngu mê không tin không hiểu, nhưng có gốc lành chiêu cảm Phật nói cho nghe.

Tùy theo pháp mà trong kinh này nói, mà chúng sinh không thể tin hiểu thì Phật phát khởi đại bi mà giảng nói cho chúng sinh nghe. Nếu không thể hiểu rõ tuổi thọ của Như lai, Như lai thương xót nên vì chúng

sinh nói rõ, y theo đó mà biết tâm đại bi của Như lai như thế nào. Ba phần trước thuộc về quán văn phân biệt, sợ rườm rà nên không nêu ra. Lại có sáu duyên, như luận Bát-nhã của Vô Trước chép: "Vì sao thượng tọa Tu-bồ-đề hỏi?

Giải thích có sáu nhân: vì dứt nghi, vì sinh lòng tín, vì nhập vào pháp xâu xa, vì không lui sụt, vì sinh vui mừng, vì chánh pháp tồn tại lâu dài. Cho nên Thế tôn trả lời cũng là sáu điều đó". Luận ấy giải thích ý rằng: Nếu có người nghi thì được dứt nghi, nếu đã dứt nghi thì có vui mừng phước đức, nhưng tâm chưa thành tựu.

Các vị Bồ-tát nghe nhiều phước đức, đối với kinh Bát-nhã sanh tâm tin hiểu. Người đã thành tựu tâm thì nhập vào nghĩa sâu sa. Người đã có thể không tự khinh thường mình, do ham thọ trì tu hành nên có nhiều công đức không còn lui sụt. Người đã thuận theo thâu nhiếp và tâm thanh tịnh thì đối với pháp tự đi vào, và chúng sinh trông thấy sinh vui mừng, có thể khiến cho giáo pháp Đại thừa trong tương lai được tồn tại lâu dài. Ý này tức là đối với người an trụ trong tu trì hàng phục có những nghi ngờ xin nói để dứt nghi. Tuy được dứt nghi tâm vui vẻ phước đức nhưng căn cơ chưa thành thục.

Nghĩa là đối với người trì tụng kinh này không có nhiều công đức, nên nói so với trì kinh phước nhiều giúp sinh tin hiểu. Người đã sinh tin hiểu thành tựu tâm ấy, thì có thể đi vào hiểu rõ nghĩa sâu xa. Đã nhập sâu vào nghĩa thì biết tự mình sẽ có khả năng tu hành đắc quả, không tự khinh thường, ưa thích nhiều công đức thọ trì, tu hành không còn lui sụt. Đã chắc chắn không còn lui sụt, đến quyết định chọn lựa giai vị dần dần đi đến thấy đạo, gọi là thuận theo thâu nhiếp và tịnh tâm, cho nên đối với pháp tự ngộ và thấy người khác đi vào sinh khởi vui mừng, từ đó có thể khiến cho pháp tồn tại lâu dài bất diệt.

Nay kinh này cũng có sáu nghĩa, như trong phẩm Như lai Tuổi thọ, Bồ-tát Diệu Tràng nói: "Cũng lại suy nghĩ, Thích-ca Như lai có vô lượng công đức, chỉ sinh tâm nghi ngờ đối với tuổi thọ vì sao ngắn ngủi chỉ có tám mươi năm?" Bốn Đức Phật nói cho nghe; tức là người có nghi thì khiến được dứt nghi. Lại như văn dưới chép: "Trong trăm ngàn đại kiếp tu hành sáu độ mà không phương tiện, không bằng phước đức do nghe kinh này sinh ra".

Còn trong phẩm Vô Đắm nhiễm Đà-la-ni chép: "Nếu như A-tăng-xí-da Tam thiên Đại thiên thế giới, trong đó đầy khắp bảy báu dâng cúng các Đức Phật, và đem các loại y phục, thức ăn ngon quý nhất cúng dường trải qua vô số kiếp; nếu lại có người, đối với Đà-la-ni này dù cho

chỉ thọ trì một câu, phước sinh ra từ đó gấp nhiều lần so với phước kia". Ý này tức là hạn cuộc tâm ưa thích phước đức nhưng căn cơ chưa thành thục, nghĩa là trì kinh này không có nhiều công đức, nên nói so sánh tâm trì kinh phước nhiều, khiến sinh tin hiểu thọ trì đọc tụng.

Như phẩm Không Tánh nói: "Lúc các đại chúng nghe Đức Phật nói tánh không sâu xa này có vô lượng chúng sinh đều tin hiểu rõ thông suốt tánh của bốn đại, năm uẩn đều không, sáu căn, sáu cảnh vọng sinh trói buộc v.v..." liền có thể đi sâu vào hiểu rõ nghĩa sâu xa.

Phẩm Y Không Mãn Nguyện nói: "Có ba ngàn ức Bồ-tát đối với A-nậu Bồ-đề được không lui sụt", tức là đã nhập sâu vào pháp, biết tự mình có khả năng tu hành đắc quả không tự xem thường, ưa thích nhiều công đức thọ trì không lui sụt.

Phẩm Không Tánh chép: "Nguyện xả bỏ luân hồi chánh tu xuất ly, thâm tâm vui mừng đúng như pháp vâng giữ thọ trì", tức gọi là đã được thuận theo thâu nhiếp, đối với gốc lành, làm sao biết được? Đã nói rằng: "Nguyện xả bỏ luân hồi", nhưng biết chưa đăng địa. Lại nói "Chánh tu xuất ly thâm tâm vui mừng"; tức là cầu an trụ trong duy thức chân thắng nghĩa tánh, gọi là chánh tu xuất ly, vì thường ưa thích chăm chỉ nên tâm hết sức mừng vui.

Phẩm Tịnh Địa Đà-la-ni chép: "Lúc nói pháp này có ba muôn ức Bồ-tát Ma-ha-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn". Phẩm Y Không Mãn Nguyện chép: "Vô số vị vua chúa, thần dân xa lìa trần cấu, đạt được pháp nhãn thanh tịnh", đây là nhập vào tịnh địa, từ đó tự vui mừng thấy nhập vào cũng vui mừng, cho nên cũng có thể khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài. Như các phẩm nguyện lưu thông ở dưới, đều thuộc về ý này, từ đây cũng thành tựu nghĩa Xoay bánh xe pháp. Vì sao? Vì tự mình đã nghe pháp dứt nghi được hội nhập, cho đến đạt được Thánh vị, thành tựu sơ chuyển, thấy người được hội nhập tâm sinh vui mừng, lại giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài, truyền bá rộng khắp, tức là giúp cho người dứt nghi nhập vào pháp, cho đến đạt được Thánh vị, cho nên được gọi là Xoay bánh xe pháp.

Lại nói theo tám nghĩa, nghĩa là muốn nói Đại pháp v.v... thì nghĩa phải y cứ theo sự dẫn giải, sơ lược dựa vào một văn từ, ngoài ra phải y theo đó mà biết. Trên đây là Nhân khởi chung. Về nhân khởi riêng: theo luận Trí Độ giải thích nhân sinh khởi của kinh, tùy theo các pháp đã nói trong kinh này tức là nhân sinh khởi, như nói về tuổi thọ, ba thân, khác nhau, sám hối, tịnh địa, tất cả các pháp đều là biệt nhân sinh khởi. Nhưng Phật nói pháp bao trùm văn nghĩa, trong một

văn nghĩa đều hiện rõ vô lượng. Ở đây tạm thời trình bày sơ lược có sáu nghĩa:

1. Nói về quả Bồ-đề, Niết-bàn vô lậu.
2. Nói về nhân bất thiện phải dứt bỏ.
3. Giúp cho thoát khỏi báo ứng bất thiện.
4. Dạy cho tu tập nhân Bồ-đề, Niết-bàn vô lậu.
5. Dạy tu tập nhân thiện hữu lậu.
6. Giúp cho đạt được sự vui sướng ở cõi trời, cõi người.

Quả cao quý vô lậu thế gian và xuất thế gian. Các Đức Phật xuất hiện ra đời vì việc lớn ấy. Cho nên trước phải nói, giúp cho vui mừng. Kế đến muốn giúp cho người cầu học giáo pháp sám hối, dứt bỏ nhân bất thiện. Nhân bất thiện không còn thì quả bất thiện sẽ không có, nếu không như thế thì không thể nào cầu quả vô thượng.

Đã sám hối dứt bỏ nhân quả bất thiện thì kế phải tu tập nhân quả vô lậu. Nhưng trong nhân này có chánh duyên, hạnh hữu lậu trợ duyên cho vô lậu, vì là chánh nhân của hữu lậu. Tiếp đến nghĩa thứ năm nói về nhân hữu lậu, bởi vì nhân hữu lậu đạt được báo quả vui sướng ở cõi trời, cõi người. Tiếp theo thứ sáu nói về quả hữu lậu.

Lại, chủng tánh hữu tình khác nhau, vì có tánh Đại thừa nói ở hai môn trước, vì quyết định Tiểu thừa và vô chủng tánh nói ở hai môn sau.

Lại người tu lâu có thể đạt được hai môn trước, người bắt đầu tu thì đạt được hai môn sau. Nhân quả bất thiện hợp chung thành hai minh, vì tánh hữu lậu và tu lâu mau đều có khả năng thực hành.

Lại nữa, với nhân bất thiện nếu trước không sám hối thì không thể phát tâm thuận theo Vô thượng giác. Chỗ này lại sơ lược nương theo sáu phần trong kinh Đà-la-ni để nói về nhân sinh khởi.

Phẩm Thọ lượng Tam Thân nói về quả vô lậu. Phẩm Sám Hối Diệt Chướng nói về dứt trừ tất cả nhân quả bất thiện. Từ phẩm Tịnh Địa về sau nói về nhân vô lậu. Phẩm Tứ Thiên Vương Quán Sát về sau, đều nói về nhân quả hữu lậu và vô lậu đạt đến Vô sinh nhẫn, xa lìa bụi nhơ, được Pháp nhãn thanh tịnh v.v... là nhân quả vô lậu, hướng về phía trước là quả, dựa vào phía sau là nhân, trì chú cầu phước đạt được tài vật thức ăn, những loại này cũng là nhân quả hữu lậu, văn trích dẫn rất dễ hiểu.

Thứ đến là nói về Tông Thể của kinh:

1. Nêu tông của kinh.
2. Nêu thể của kinh.

Nói tông của kinh: Truyện Chân-đế giải thích rằng: "Kinh này nói ba thân vốn có, hiển bày bốn đức vô sinh, khai quả quả quên duyên, giải như như chân thật". Lại có, chỗ nói rằng: "Nhân quả Bồ-đề, Niết-bàn là Tông của kinh này". Suy xét thông suốt hai quả bổn và thỉ hiển bày đầy đủ nhân duyên và chánh nhân, cả hai đều có lỗi.

Ban đầu nói ba thân vốn có, dựa vào nhân có thể như thế, nói quả thì chẳng phải. Vì sao? Vì lẽ nào Báo thân, Hóa thân chưa tu đã đạt được, như ở nhân vị gọi là Như lai tạng, chẳng thể gọi là Pháp thân. Bốn đức vô sinh là nói theo Pháp thân, lý tức là chánh nói theo báo, hóa thì chẳng phải định, vô sinh.

Như kinh Niết-bàn chép: "Như lai có tám thứ Ngã tự tại". Nói theo biến kế thì lý cũng không trái. Có thuyết nói nhiều về hai quả bổn và thỉ để nói về nhân duyên và chánh nhân, lý cũng có lỗi. Vì sao? Vì chân như tuy là vốn có nhưng ở nhân không thể nào gọi là quả, báo và hóa chắc chắn phải nhờ sự tu tập mà thành, đâu gọi là hai quả bổn và thỉ.

Lại tuy có duyên nhân và chánh nhân nhưng các thuyết xưa phần nhiều lấy chân như làm chánh nhân của ba thân, chỗ này không hợp lý, như trong luận Năng Hiển Trung Biên Tuệ Nhật có nói rộng. Ở đây phân tích về Tông kinh, đại khái có hai giải thích.

Một nói rằng: Chỉ lấy nhân quả Bồ-đề làm chánh tông của kinh. Vì sao? Vì chỉ nói đến tuổi thọ và ba thân khác nhau. Còn trong quyển bốn của kinh này chỉ hỏi về nhân của tâm Bồ-đề, Đức Phật trả lời chỉ nói về hạnh của mười độ.

Còn trong phẩm Phú Chúc chép: "Các thầy nên biết, trong vô lượng vô số đại kiếp ta siêng năng tu tập khổ hạnh, đạt được pháp sâu xa. Chánh nhân Bồ-đề đã nói cho các thầy nghe, vì thế biết rằng chỉ lấy nhân quả Bồ-đề làm chánh tông của kinh".

Thuyết khác nói rằng: Cũng lấy nhân quả Niết-bàn làm tông. Trong phẩm Thọ lượng dùng ba lần "Lại nữa" đều có mười nghĩa, cho nên nói là Niết-bàn; đồng thời phân tích về mười thứ hạnh mà Như lai đã nói: "Này người thiện nam nên biết như thế! Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói có vô biên chánh hạnh như thế; các thầy nên biết! Đó gọi là tướng chân như Niết-bàn".

Còn trong phẩm Thập Phương Bồ-tát Tán Thán chép: "Thường giảng nói Đệ-nhất-nghĩa cho nghe giúp chứng đạt Niết-bàn chân như vắng lặng. Phật nói pháp cam lộ cao quý có thể cùng nghĩa với cam lộ mầu nhiệm, dẫn dắt đi vào thành cam lộ Niết-bàn, giúp cho hưởng được

niềm vui cam lộ vô vi".

Hỏi: Nếu Niết-bàn cũng là tông kinh thì vì sao sau phẩm Thọ lượng lại nêu rõ ba thân, phẩm Tối Tịnh Địa trở xuống nói về nhân Bồ-đề, và phẩm Phú Chúc Đức Thế tôn tự nói về nhân quả Bồ-đề, sao không nói lại nhân quả Niết-bàn?

Đáp: Vì hai nhân không khác cho nên kết hợp lại mà nói, chỉ hướng về nhân quả đó mà chia ra nảy sinh. Nhân-thể đã đồng, cho nên không nói khác. Quả không nói lại, bởi vì thể Pháp thân tức là Niết-bàn. Trong phẩm Thọ lượng chép: "Thể pháp thân của Như lai là chân thật gọi là Niết-bàn". Lại nói: "Không tánh tức là Pháp thân chân thật nên gọi là Niết-bàn".

Hỏi: Nếu như vậy thì pháp thân tức là Niết-bàn, hai nghĩa khác nhau chỗ nào?

Đáp: Nói về Pháp thân là y theo công đức nương theo nghĩa biên, nói Niết-bàn là chọn lấy nghĩa dứt hẳn các khổ, vì vậy hai nghĩa có khác nhau. Đồng thời tương tự như nhau cho nên không nhắc lại, mặc tình lấy bỏ, nhưng cùng giữ lấy chỗ cao siêu. Vì sao? Vì nói tuổi thọ ba thân tức là lấy Bồ-đề làm tông, đã nói Niết-bàn, vì sao không lấy Niết-bàn làm tông?

Có chỉ nói trong kinh chỉ nói đạt được chánh nhân Bồ-đề của pháp sâu xa mà không nói về chánh nhân Niết-bàn, do đó biết rằng chỉ lấy Bồ-đề làm tông kinh. Nếu vậy thì Niết-bàn lìa nhân Bồ-đề, phải tu pháp nào khác để làm nhân Niết-bàn, cho nên nhân Bồ-đề cũng là nhân Niết-bàn. Còn quả Bồ-đề hướng về Niết-bàn cũng được gọi là nhân. Như luận Du-già quyển chín mươi lăm nói về việc xoay bánh xe pháp, có năm thứ tướng:

1. Được sở đắc, sở duyên.

2. Phương tiện của đắc sở đắc.

Phương tiện là tướng ba chuyển đều là phương tiện. Phương tiện tức là nhân, trước làm nhân cho sau, đã chuyển lần thứ ba cũng gọi là phương tiện. Biết rõ Bồ-đề mong chứng Niết-bàn cũng được gọi là nhân, cho nên không nói riêng.

Tiếp theo nói về Thể của kinh:

Trước là nêu ra giáo thể, kế là phân tích nhóm họp, trong giáo thể đưa ra gồm năm môn:

1. Nhiếp tướng quy về tánh thể.

2. Nhiếp dư trở về thức thể.

3. Nhiếp giả trở về thật thể.

4. Tánh dụng luận riêng thể.

5. Nhiếp chung các pháp thể.

Trong năm môn này, đầu tiên nói về năm thể, kế đó nói về được, mất. Trước nói trong thể. Bốn môn trước như bản Pháp Uyển Tổng Liêu Giản Nghĩa Lâm có nói rộng.

- Nhiếp chung các pháp thể: Theo thực tế cũng là môn Tánh dụng luận riêng. Nay lại nói rộng ra, bởi vì chưa nói vậy. Du-già quyển tám mươi mốt chép: "Thế nào là Thể? Đó là Khế kinh, đại khái có hai loại: Một là văn. Hai là nghĩa. Văn là sở y, nghĩa là năng y. Hai loại như thế gọi chung cho tất cả cảnh giới sở tri".

Lại nói: "Như thế đã kiến lập văn nghĩa thể của các kinh, được gọi là nhiếp chung các pháp thể". Nói về văn nghĩa, luận rằng: "Văn có sáu loại:

1. Danh thân.
2. Cú thân.
3. Văn thân.
4. Ngữ.
5. Hành tướng.
6. Cơ thỉnh."

Chánh văn trong đây chỉ có văn thân, ngoài danh văn thì danh cú theo sở y, ngữ theo năng y, hành tướng theo sở hiển và năng thuyết, cơ thỉnh y theo năng khởi, tướng theo danh văn.

Luận nói: "Sáu loại như vậy đều hiển bày nơi văn. Y theo nghĩa năng hiển, nên gọi là văn", có mười nghĩa:

1. Nghĩa địa, như cửu định địa và thập địa v.v...
2. Nghĩa tướng, như thể tướng của các pháp.
3. Nghĩa tác ý, như các tác ý v.v...
4. Nghĩa y xứ, như sự y xứ, thời y xứ, sác thủ thú y xứ.
5. Nghĩa quá hoạn, nghĩa là pháp đáng quở trách.
6. Nghĩa thắng lợi, nghĩa là pháp đáng khen.
7. Nghĩa sở trị, là pháp tạp nhiễm.
8. Nghĩa năng trị, là pháp thanh tịnh.
9. Nghĩa lược.
10. Nghĩa rộng.

Y theo sở thuyên và sở vi trong đây đều gọi là nghĩa. Cả mười nghĩa đều là sở thuyên. Bổ-đặc-già-la trong y xứ cũng là sở vi. Vì các hữu tình này nói các pháp cho nên lại chọn lấy sở thuyên. Sáu văn mười nghĩa đều là thể của kinh, có ba nghĩa:

1. Khắc tánh thể.

2. Sở y thể.

3. Sở vi thể.

Văn là năng thuyên, nghĩa là sở thuyên. Trong năng thuyên, thể hai pháp danh và cú là năng thuyên, tức là khắc tánh thể, hai pháp văn và ngữ là sở y thể, nên Thành Duy Thức chép: “Danh giải thích tự tánh, cú giải thích khác nhau”. Văn tức là chữ, là hai sở y; ngữ đó là tiếng, bởi vì dẫn dắt danh cú nên gọi là ngữ, cho nên trong Thành Duy Thức chép: “Ngữ không khác với năng thuyên”.

Từ năng y danh, năng thuyên thể, hành tướng có cả hai. Nghĩa là khắc tánh sở y, chỉ dựa theo sở thuyên và người năng thuyết để phân tích hành tướng, cho nên thể hành tướng chính là thanh danh văn cú, cho nên có cả hai. Cơ thỉnh danh văn là do văn làm ra, hoặc là thỉnh khởi văn cho nên nói là cơ thỉnh danh, văn là thể sở vi, trong thể sở thuyên thì Bổ-đặc-già-la là y xứ.

Thông là khắc tánh và sở vi, cũng là từ Bổ-đặc-già-la này nói về Bổ-đặc-già-la kia. Nói Bổ-đặc-già-la kia tức là sở thuyên, chín y xứ phần ít còn lại đều là khắc tánh sở thuyên. Ở đây nói nghĩa không chỉ là đạo lý, nhưng sở thuyên ấy cùng được gọi là nghĩa, cho nên thể nhiếp chung có ba nghĩa này. Nhưng ba khoa pháp tướng xuất ra thể tánh ấy, đều thuộc về môn tánh dụng luận riêng.

Phần thứ năm này chỉ y theo Đại thừa, ba khoa pháp tướng có cả ba thừa cho nên lược bớt không nói tất cả về phân tích được, mất ấy như trong Duy Thức Nghĩa Đăng có nói.

Kế là phân tích nhóm họp, rộng như trong Pháp Uyển Tổng Chương Nghĩa Lâm và Duy Thức Nghĩa Đăng có nói rộng.

Thứ ba nói về lợi ích đương thời:

Lại chia làm hai phần:

1. Phần đầu nói về thời

2. Phần sau nói về lợi.

Trong Thời lại có hai:

Đầu tiên nói về thời gian Đức Thế Tôn bắt đầu nói kinh.

Phần sau nói về niên đại của đệ tử phiên dịch.

Trước tiên về thời gian Thế Tôn nói kinh lại chia làm hai:

1. Nói về thời gian khác nhau.

2. Nói giáo thuộc về thời.

- Nói về thời gian khác nhau:

Như Pháp Uyển Tổng Chương Nghĩa Lâm và Năng Đoạn Bát-nhã

Sớ cùng Tuệ Nhật Luận có nói rộng.

Phần trên nói về thời gian Thế tôn bắt đầu nói kinh.

Thứ hai nói về giáo thuộc về thời là thời thứ ba, vì sao biết điều đó? Vì văn sau cũng nói mười hai hành pháp luân. Lại trong phẩm Mãn Nguyện chép: “Tám ngàn ức Thiên tử, vua chúa quan dân lìa hẳn bụi trần, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh”.

Theo luận Du-già thì đạt được quả Dự lưu, Vô gián đạo xa lìa bụi, giải thoát đạo lìa bỏ nhơ, vì thế chung cho tất cả các thừa. Phần sau nói về niên đại của đệ tử phiên dịch: Kinh này nói về bí mật sâu xa của ba thân, nói về sự huyền diệu then chốt của bốn đức, là kiệu rồng vượt qua nơi bờ kia, là xe voi đến nơi làng đẹp, cho nên liên tục dứt bỏ ba chướng, thực hành đầy đủ hai nhân, là thành trì vững chắc bảo vệ vua chúa, là thanh kiếm bén, áo giáp quý, hàng phục ma quân. Từ đó cõi nước mười phương đón nhận đảm đương lưu hành, cho nên ở Trung quốc đã năm lần phiên dịch.

Tam tạng Đàm-vô-sấm bắt đầu truyền bá ở Bắc lương, Pháp sư Da-xá thời Hậu Chu xem xét lại ở chùa Quy Thánh, Đại sư Chân-đế tiếp tục phiên dịch ở Kiến Nghiệp, Đại sư Xá-na lại phiên dịch vào đời Tùy. Tuy mỗi vị đều y theo bản tiếng Phạm, đồng thời hết lòng chuyên thành, nhưng vì lá bối truyền văn thường có sự sơ sót, khiến cho người dịch thêm bớt khác nhau. Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh đã ngộ rõ, nêu ra những dấu hiệu khác lạ đối với thời kỳ cứu giúp đàn kiến, phong cách soi sáng đỉnh đạc phát sinh nổi trội nơi bến bờ tiến vào đầy đủ, bốn vi ba tạng sáng hơn mặt trời buổi sớm, năm thiên bảy lược rõ hơn mặt trăng về đêm, chí ôm ấp làm thuyền cứu độ, tình thiết tha tiếp nối hưng sùng, đem thân theo đạo quên hết nhọc nhằn nào có chối từ hao tổn máu xương, đến khắp nơi miền Tây hạ hơn hai mươi năm, cõi trời cung rồng khắp nơi đều tìm tới nghĩa lý sâu xa, tìm các bản tiếng Phạm khảo xét so sánh không bỏ sót, chống tích trượng quay về Đông độ vâng chiếu phiên dịch.

Năm Nhâm Dần, Niên hiệu Trường An năm thứ hai, được chép kinh này siêng năng không nghỉ. Đến năm ngày mùng bốn tháng mười Quý Mão niên hiệu Trường An thứ ba, sửa chữa xong thì viết thành mười quyển gồm ba mươi mốt phẩm, văn từ hoàn thiện nghĩa lý đầy đủ tinh hoa thực chất thảy đều trong đó, mới được kết châu cùng mở tháp báu, Phàm thánh vui mừng dâng thư tiến cử lên vua, tuyên bố dạy dỗ sâu rộng, sắc lệnh viết chép, trong đó thiếu từ đủ nghĩa đến phương minh. Đó chính là thời đại của đệ tử phiên dịch, hai thứ khác nhau đều

là phân biệt thời gian.

Thứ đến là nói về lợi: Lợi nghĩa là lợi ích. Kinh này làm lợi ích cho căn cơ chủng tánh nào, trong đó chia ra hai:

Đầu tiên là nói về căn cơ chủng tánh khác nhau, sau đó nói rõ những lợi ích của căn cơ chủng tánh. Phân tích về sự khác nhau:

Trong các giáo nói về cơ khác nhau tất cả đều có khác nhau, như kinh Niết-bàn chỉ nói một cơ, cho nên kinh đó nói: "Tất cả các loài có tâm đều sẽ thành Phật". Kinh này một mà hiểu nhiều nên nghe có, bàn có ẩn kín, không nói đều sẽ thành Phật. Kinh Pháp Hoa cũng giống như vậy, cho nên nói: "Nếu có người nghe pháp thì không một ai không thành Phật v.v...". Hoặc các kinh Thiện Giới, luận Địa Trì nói có hai căn cơ:

1. Hữu tánh.

2. Vô tánh.

Vì thế kinh ấy chép: "Tánh chủng tánh từ vô thỉ đến nay xoay vần nối nhau, pháp như thế đạt được sáu nơi tốt đẹp, đó là có tánh".

Lại nói: "Người hhông có chủng tánh, vì không có chủng tánh nên tuy phát tâm hành đạo Bồ-tát, nhưng không bao giờ đạt được Vô thượng Bồ-đề, đó là vô tánh", giải thích rõ ràng. Hoặc kinh Pháp Hoa nói có ba căn cơ, phẩm Tựa nói: "Vì người cầu Thanh văn nên nói pháp Tứ Đế, vì người cầu Bích-chi-Phật nên nói pháp mười hai Nhân duyên, vì các Bồ-tát nên nói sáu độ Ba-la-mật", cũng ngầm chứa vô tánh. Bởi vì hội này phần lớn đối với Bất định Thanh văn nên nói rằng đều thành Phật. Lại có nhiều loại, như Từ Ân Khu Yếu Kinh Pháp hoa sớ, và luận Tuệ Nhật, Năng Đoạn Bát-nhã sớ.

Nói về lợi ích của căn cơ chủng tánh ấy, đầu tiên nói về lợi ích của căn cơ, sau đó nói được một số lợi ích. Nói về lợi ích của căn cơ đại khái có hai cách giải thích:

Một nói rằng: chỉ đầy đủ căn tánh Đại thừa, có cả định và bất định tánh, vì có Thanh văn, cho nên không có định tánh Thanh văn phải chăng?

Đáp: Theo kinh Pháp Hoa và luận Đại Bảo Tích kinh thì: "Sở dĩ Thanh văn hỏi điều đó vì Thanh văn là người đã làm việc đó cho nên đầu tiên hỏi kinh này, chính là Bồ-tát Diệu Tràng, lại chỉ hỏi về tuổi thọ Như lai nói rộng ba thân cho nên biết. Nhưng là căn tánh Bồ-tát, nên sau này đạt được lợi ích gọi là xa lìa bụi nhơ v.v..." Theo Luận Đại Trang Nghiêm, được vào Sơ địa cũng nói là đắc pháp nhãn thanh tịnh, không chỉ có Thanh văn.

Chỗ khác nói rằng: Thời giáo thứ ba thì có cả năm thừa, đúng lúc các Thanh văn lại có xa lìa bụi nhơ, theo luận Du-già thì đạt được quả Dự Lưu, văn nói không nhất định cho nên có thể thông đầy đủ. Nhưng trong Chánh Tông chỉ vì Bồ-tát, phẩm Tứ Thiên Vương trở xuống có thể chung đủ những thứ khác, vì đều khiến cho đạt được quả trời người. Cách giải thích thứ hai hơn hẳn, có lẽ pháp luân thâu nhiếp ở thời thứ ba này. Tiếp đến nói được một số lợi ích lại chia làm hai:

Trước là nói rõ được lợi ích hiện tại.

Kế là nói được lợi ích về sau.

Lợi ích hiện tại là tự nhiên đạt được lợi ích, lợi ích về sau là đạt được sau khi Phật nói. Lợi ích hiện tại có hai thứ:

Một là được quả lợi ích.

Hai là được nhân lợi ích.

Quả có hai thứ:

- Một là quả xuất thế gian.
- Hai là quả thế gian.

Quả xuất thế có bảy thứ: Năm thứ là Đại thừa, hai thứ thuộc Tiểu thừa.

Phẩm Y Không Mãn Nguyện có đoạn chép: "Lúc bấy giờ, trong pháp hội có năm mươi ức vị Tỳ-kheo, thực hành hạnh Bồ-tát muốn lui sụt tâm Bồ-đề, liền được thọ ký. Các vị Tỳ-kheo trải qua ba mươi A-tăng-kỳ kiếp sẽ được thành Phật, kiếp tên là Nan thắng quang vương, nước tên là Vô cấu quang, cùng lúc thành Phật đều cùng một danh hiệu là Nguyện Trang Nghiêm Gian Sức Vương Như lai".

- Phẩm Thọ Ký có bốn:

1. Thọ ký cho Bồ-tát Diệu Tràng rằng: "Ông ở nơi thế giới Kim Quang Minh sẽ thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hiệu là Kim Bảo Sơn Vương Như lai".

2. Thứ hai nói: "Lúc bấy giờ pháp của Như lai này hoại diệt hết thì trưởng giả đó tên là Ngân Tràng, liền ở nơi cõi này sẽ được thành Phật, danh hiệu là Kim Tràng Quang Như lai".

3. Thứ ba nói: "Lúc tất cả giáo pháp của Như lai này thảy đều hoại diệt không còn, thì người con thứ của Ngân Quang sẽ được thành Phật, hiệu là Kim Quang Minh Như lai".

4. Thứ tư nói: "Lúc này mười ngàn vị Thiên tử nghe ba vị đại sĩ được thọ ký xong, lại nghe kinh Tối Thắng Vương như vậy, tâm vui mừng thanh tịnh, không còn cấu nhiễm, giống như hư không. Lúc bấy giờ, Như lai biết mười ngàn vị Thiên tử này gốc lành đã thành thục liền

thọ ký rằng: Các ông vào đời tương lai ở thế giới Tối thắng nhân-đà-la cao tràng, được thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đồng một chủng tánh, lại cùng một danh hiệu là Diện Mục thanh Tịnh Ưu-bát-la Hương Sơn, đầy đủ mười hiệu”. Như vậy lần lượt mười ngàn Đức Phật xuất hiện ở thế gian.

Kế, trong phẩm Tịnh Địa Đà-la-ni nói: “Vô lượng, vô biên vị Bí-sô, Bí-sô ni đạt được pháp nhãn thanh tịnh, đây là đắc sơ quả”. Nếu theo Đại thừa thì đạt được pháp nhãn thanh tịnh chính là địa vị Sơ Địa, tức là thuộc về nhân lợi. Và theo Du-già nói là Tiểu quả.

Tiếp theo trong phẩm Y Không Mãn Nguyện chép: “Lúc nói phẩm này có tám ngàn ức vị Thiên tử, vô số vua chúa, thần dân xa lìa bụi nhơ, đạt được pháp nhãn thanh tịnh”.

Kế là quả thế gian: Sơ lược nêu ra mười bảy loại. Như trong phẩm Như lai Tuổi thọ chép: “Tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, nhờ uy lực Phật được vui sướng mầu nhiệm, không có thiếu thốn, nếu thân không đầy đủ thì sẽ được đầy đủ, người mù sẽ nhìn thấy, người điếc sẽ nghe được, người câm sẽ nói được, người ngu được trí tuệ, nếu người tâm tư tán loạn sẽ được tâm ban đầu, nếu người không có mặc được áo quần, người bị ác tặc thì được mọi người đều kính trọng, người có thân cấu uế sẽ thanh tịnh, đối với tất cả lợi ích và những việc chưa từng có nơi thế gian này thảy đều hiển hiện”.

- Ở đây có chín lợi ích:

1. Được vui sướng đầy đủ.
2. Có đủ các căn.
3. Được công dụng về lưỡi.
4. Được trí tuệ.
5. Không đánh mất tâm.
6. Được y phục.
7. Được tôn trọng.
8. Thân thanh tịnh.
9. Được nhiều lợi ích.

Phẩm Tứ Thiên Vương Hộ Quốc phần cuối chép: “Lúc nói pháp này có vô lượng chúng sinh đều được đại trí, thông minh sáng suốt biện tài, được vô lượng nhóm công đức, xa lìa các ưu tư khổ não, phát tâm vui mừng, khéo hiểu rõ các luận”. Tám ích lợi trong đây, lời văn rất có thể hiểu. Thế giới trên đây đã bước lên đạo xuất ly, không còn lui sụt, mau chứng quả Bồ-đề, đây là nhân lợi xuất thế.

Tiếp là trong được nhân lợi, lại có hai: Trước đạt được nhân xuất

thế, sau là đạt được nhân thế gian.

Nhân lợi xuất thế có mười lăm thứ:

1. Trong phẩm Thọ lượng nói có hai loại: "Lúc bấy giờ, trong pháp hội có ba mươi hai ngàn vị Thiên tử đều phát tâm A-nậu Bồ-đề".

2. Lại chép: "Lúc nói phẩm Như lai Tuổi thọ này, vô lượng, vô số, vô biên chúng sinh đều phát tâm A-nậu Bồ-đề".

3. Phẩm Sám Hối nói: "Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, nghe danh hiệu Bảo Vương Đại Quang Chiếu Như lai này, thì được không lui sụt đối với Bồ-tát địa, đến khi đại Niết-bàn thì nghe nói được lợi ích này".

4. Cuối phẩm nói: "Bấy giờ, các đại chúng nghe Phật nói xong đều được lợi ích tốt đẹp, vui mừng vâng lời thực hành".

5. Phẩm Tịnh Địa Đà-la-ni chép: "Lúc nói pháp này có ba mươi ức vị Đại Bồ-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn".

6. Lại chép: "Vô lượng các Bồ-tát không còn lui sụt tâm Bồ-đề".

7. Lại chép: "Vô lượng, vô biên Bí-sô, Bí-sô ni đạt được pháp nhãn thanh tịnh".

8. Lại chép: "Vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-tát".

9. Phẩm Liên Hoa Dụ Tán chép: "Đại chúng nghe nói như vậy đều phát tâm Bồ-đề, nguyện hiện tại, vị lai thường thực hành theo pháp sám hối này".

10. Phẩm Trùng Hiển Không Tánh chép: "Khi các đại chúng nghe Phật nói về tánh không sâu xa này, có vô lượng chúng sinh đều được hiểu rõ thông suốt bốn đại, năm uẩn thể tánh đều không sáu căn sáu cảnh vọng sinh trói buộc, nguyện xả bỏ luân hồi, chánh tu xuất ly"

11. Phẩm Y Không Mãn Nguyện nói: "Lúc nói pháp này có ba ngàn ức Bồ-tát, không còn lui sụt đối với A-nậu Bồ-đề".

12. Lại chép: "Trong pháp hội có năm mươi ức vị Bí-sô, thực hành hạnh Bồ-tát sắp lui sụt Bồ-đề, khi nghe Bồ-tát Như Ý Bảo Quang Diệu nói pháp này, đều được đầy đủ các nguyện cao thượng vững chắc không thể suy nghĩ bàn luận, lại tiếp tục phát tâm Bồ-đề".

13. Phẩm Tứ Thiên Vương Hộ Quốc chép: "Vô lượng, vô biên chúng sinh đều bước lên đạo xuất ly, không còn lui sụt, mau chứng quả Bồ-đề, đầy đủ như trước đã dẫn".

14. Phẩm Lưu Thủy chép: "Các thầy đều phải siêng cầu xuất ly, đừng có buông lung! Đại chúng nghe xong thảy đều hiểu rõ, do đại từ bi cứu độ che chở tất cả, siêng tu khổ hạnh mới có thể chứng được Vô thượng Bồ-đề. Tất cả đều phát tâm sâu xa tin nhận vui mừng".

15. Phẩm Xả Thân chép: "Lúc nói về nhân duyên xa xưa này, vô lượng a-tăng-xí-da trời, người đại chúng đều rất vui mừng, khen ngợi chưa từng có, thảy đều phát tâm A-nậu Bồ-đề".

Kế là nói về đạt được lợi ích về nhân ở hiện đời: Phẩm Sám Hối chép: "Nếu có người nữ nghe danh hiệu Đức Phật này, lúc sắp qua đời được thấy Đức Phật ấy đến chỗ mình, thấy Đức Phật rồi thì rốt ráo không bao giờ còn làm thân nữ, đã nói cho mọi người nghe thì các người nữ nghe danh hiệu Đức Phật này hiện tại cũng đạt được nhân, ở đời sau không còn chịu quả báo làm người nữ".

Kế là nói về đạt được lợi ích đời sau: Tức là pháp hội Thứu phong đã nói kinh này, sau đó nương theo tu học đạt được những lợi ích ấy đều là lợi ích về sau.

Sơ lược nêu ra một số:

1. Nói về lợi ích nghe kinh: phẩm Tứ Thiên Vương Hộ Quốc chép: "Nếu có chúng sinh nào nghe kinh Kim Quang Minh này, thì trên đường tiến đến không còn lui sụt A-nậu Bồ-đề".

2. Nói về ích lợi tụng kinh: phẩm Đại biện Tài Thiên nữ chép: "Biện Tài Thiên nữ bạch Phật rằng: Bạch đức Thế tôn! Nếu có vị Pháp sư nào giảng nói kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương này, thì con sẽ làm cho vị đó tăng thêm biện giải trí tuệ đầy đủ ngôn thuyết trang nghiêm. Nếu vị Pháp sư ấy tất cả văn từ, câu nghĩa trong kinh này, quên mất thì con đều giúp cho nhớ kỹ, thường khéo nghe hiểu, lại đối với Đà-la-ni Tổng trì vô ngại".

3. Nói về ích lợi thọ trì: phẩm Vô Đắm nhiễm Đà-la-ni chép: "Nếu có mười A-tăng-kỳ Tam thiên Đại thiên thế giới, trong đó đầy ngập bảy báu dâng cúng các Đức Phật, và dùng các thứ thức ăn ngon, y phục đẹp bậc nhất cúng dường trải qua vô lượng kiếp; nếu lại có người, đối với Đà-la-ni này dù chỉ thọ trì được một câu, phước người ấy tạo ra gấp nhiều lần đối với phước kia. Vì sao? Vì pháp môn sâu xa vô đắm nhiễm Đà-la-ni này là mẹ của các Đức Phật".

Ý nói từ kinh có công năng sinh ra các Đức Phật cho nên gọi là Phật mẫu.

4. Nói về lợi ích lưu thông: phẩm Tam Thân nói: "Nếu chỗ nào giảng nói kinh này, thì đối với cõi nước đó có bốn điều lợi ích:

Một là vua chúa, quân lính hùng mạnh không có các kẻ thù đối địch, lìa xa tật dịch, tuổi thọ kéo dài, tốt lành vui sướng yên ổn, chánh pháp hưng thịnh hiện bày.

Hai là ở trong cung các phi tần vương tử cùng các quan thần hòa

thuận vui vẻ không tranh cãi, lìa xa dua nịnh, yêu quý tôn trọng nhà vua.

Ba là các Sa-môn, Bà-la-môn và dân chúng trong nước, tu hành theo chánh pháp an vui, không bệnh tật, không chết đột ngột, đối với các ruộng phước thảy đều tu tạo xây đắp.

Bốn là trong ba thời bốn đại điều hòa thích hợp, thường được các vị trời càng thêm bảo vệ che chở, từ bi bình đẳng không có tâm giết hại, khiến cho các chúng sinh quy kính Tam bảo, tu tập hạnh A-nậu Bồ-đề".

Lại phẩm Tam Thân nói về lợi ích nghe kinh rằng: "Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đối với kinh Kim Quang Minh này lắng nghe tin hiểu thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la, thường ở cõi trời, cõi người không sinh ở nơi thấp kém, thường được gần gũi các Đức Phật, Như lai nghe nhận chánh pháp, thường sinh về cõi nước thanh tịnh của các Đức Phật. Vì sao? Vì được nghe pháp sâu xa này, các thiện nam, thiện nữ đó tức thời được Như lai thọ ký, sẽ được không lui sụt trên đường tiến đến A-nậu Bồ-đề, đối với pháp sâu xa vi diệu này một lần qua tai người ấy, thì nên biết rằng người ấy không vu cáo Như lai, không chê bai chánh pháp, không khinh thường Thánh chúng.

Tất cả chúng sinh chưa gieo trồng gốc lành thì làm cho gieo trồng, đã gieo trồng gốc lành rồi thì làm cho thêm lớn thành tựu, tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới đều siêng năng tu hành sáu độ Ba-la-mật-đa". Lại trong phẩm Sám Hối nói về lợi ích lưu thông rằng: "Nếu có bốn chúng, ở bất cứ nơi nào giảng nói kinh Kim Quang Minh vi diệu này cho người nghe thì, ở cõi nước đó đều được bốn thứ phước lợi gốc lành:

Một là vua chúa không bị bệnh tật, lìa xa các tai nạn hiểm nguy.

Hai là tuổi thọ kéo dài, không bị chướng ngại.

Ba là không có các kẻ thù đối địch, quân lính hùng mạnh.

Bốn là yên ổn giàu có vui sướng, chánh pháp truyền bá".

Lại nói: "Ở trong nước đó đại thần phụ tướng được bốn điều lợi ích:

Một là càng thêm gần gũi, hòa thuận, tôn trọng, yêu thương nghĩ nhớ về nhau.

Hai là thường được vua và dân chúng có tâm tôn trọng yêu quý, cũng được các Sa-môn, Bà-la-môn nước lớn, nước nhỏ kính trọng vâng theo.

Ba là coi nhẹ tài vật, tôn trọng chánh pháp, không mong cầu lợi dưỡng thế gian, tiếng tăm tốt đẹp đồn xa khắp nơi, mọi người đều khâm

phục và kính mến.

Bốn là tuổi thọ dài lâu, yên ổn, vui sướng.

Các Sa-môn, Bà-la-môn cũng được bốn ích lợi tốt đẹp:

Một là bốn sự không thiếu.

Hai là yên tâm suy nghĩ.

Ba là dựa vào núi rừng được cư trú an vui.

Bốn là tùy nguyện được trọn vẹn.

Nhân dân đều được giàu có vui sướng không có các tật dịch, người buôn bán đi lại được nhiều của cải quý báu, đầy đủ phước đức tốt đẹp".

Ngoài ra các phẩm nói về đạt được lợi ích tuy rất nhiều chủng loại nhưng chẳng qua cũng giống như vậy. Lợi ích đã nhiều, nếu có người nào nghe thì nên tu học đúng như pháp.

Thứ đến là nói vì sao kinh có tên gọi như thế:

Lại chia làm hai:

Trước nói chung về giải thích tên kinh kế là giải thích mục lục kinh này.

Trong phần đầu có hai:

Thứ nhất nói chung về giải thích tên kinh kế là phân tích giải thích ý. Ở đây đầy đủ như trong Pháp Hoa Nghĩa Quyết và Duy Thức Nghĩa đăng, kế là giải thích mục lục kinh:

1. Giải thích toàn bộ tên kinh.

2. Giải thích riêng về phẩm mục.

Giải thích toàn bộ tên kinh:

Trước dựa theo xưa, sau là nói theo hiện nay.

Giải thích theo xưa: Truyện Chân-đế chép: "tiếng phạm nói là Tu-bạt-noa, Hán dịch là Kim, Bà-pha-bà, Hán dịch là Quang, Uất-đa-ma, Hán dịch là Minh, Nhân-đà-la, Hán dịch là Đế, La-duyệt-na, Hán dịch là Vương.

Cho nên ở Tây độ xuất bản gọi là kinh Phật-đà, kinh Kim Quang Minh, kinh Đế Vương. Ý ở đây, kinh Phật-đà lấy sở thuyên làm danh, Kim Quang Minh là pháp và dụ hợp làm danh, cũng từ công dụng gọi là kinh Đế Vương, nhưng từ dụ xưng gọi là Kim Quang Minh. Ba chữ này biểu thị cho ba thứ ba vi là Thể của kinh:

1. Ba thân.

2. Ba đức (là Bát-nhã, Giải thoát, Pháp thân).

3. Ba vị (là đạo tiền, đạo trung, đạo hậu).

Đạo tiền tức là an trú trong tự tánh Phật tánh, đạo trung tức là dẫn

ra Phật tánh, đạo hậu tức là đến đắc quả Phật tánh, y theo cực giải thích cũng tức là ứng đắc Nhân, Gia hạnh nhân, Nhân mãn nhân.

Như dưới đây là phối hợp với ba thứ Phật tánh ở trước.

Thứ nhất là ba thân:

Một là Thể của vàng vốn có thật sự để dụ cho pháp thân.

Hai là ánh sáng thường soi chiếu để dụ cho ứng thân.

Ba là sáng ngời thường lợi ích khắp nơi để dụ cho hóa thân.

Thứ hai dụ cho ba đức:

- Một là Vàng dụ cho pháp thân, có bốn nghĩa:

1. Màu sắc không đổi như Thường.

2. Thể tánh không nhiễm như Tịnh.

3. Chuyển thành mọi vật không ngăn ngại như ngã.

4. Khiến cho người giàu có như Lạc.

- Hai là Ánh sáng, có hai nghĩa:

1. Thường soi chiếu tất cả.

2. Thường xua tan tối tăm, như Bát-nhã.

- Ba là Soi sáng, có hai nghĩa:

1. Không còn tối tăm.

2. Rộng xa, như giải thoát, đều không có các tai họa.

Thứ ba dụ cho ba vị: Vàng là vốn có như chánh nhân trước đạo, ý này dụng như cho là ba thân Phật, ánh sáng là bắt đầu có như liễu nhân trong đạo, ý này đối với duyên khởi tu công năng mới bắt đầu phát sinh, không phải là thể vốn có, cho nên hướng đến quả đức gọi là liễu nhân, soi sáng là không còn tối tăm như quả của đạo hậu.

Trong ba thân thì pháp thân thích hợp phân biệt nghĩa chân thật, hai thân còn lại không thật, bởi vì công năng mới bắt đầu phát sinh gọi là giả.

Trong ba đức, pháp thân thích hợp phân biệt bốn nghĩa vô nhiễm v.v... đầy đủ bốn đức mới là pháp thân.

Trong ba vị, pháp thân thích hợp với nghĩa ánh sáng vốn có, đối với duyên và quả là mới bắt đầu có.

Ý này thường trở lại dựa theo sự tu hành nói rõ, như bổn tánh không có ba thứ khác nhau. Nghĩa của khắc thủ, thể thủ, bổn hữu đã nói như trước.

Ba nghĩa này lần lượt trước sau: Đó là có nhân duyên tu nên đạt được quả, đạt được quả nên có ba đức, ba đức đầy đủ nên dùng ba thân giáo hóa chúng sinh. Ý này do có đạo tiền trong ba vị như cũ cho nên làm chánh nhân, đạo trung tu đầy đủ đến đạo hậu vị đầy đủ ba đức, ba

đức trọn vẹn nên mới được ba thân giáo hóa chúng sinh. Thứ lớp ngược lại, ba thứ ba vị trong ba thứ này làm chánh thể, cho nên phẩm Thọ lượng nói quả ở đạo hậu, phẩm Tam Thân nói nhân ở đạo tiền.

Phẩm Sám Hối về sau nói ở trong đạo. Ý này trong kinh chính thức nói rõ ba vị là Chánh Tông của kinh. Tam đế vương có ba nghĩa:

1. Nói về pháp thân thuộc Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm lấy pháp thân làm Thể.

2. Nói về trí tuệ quán Bát-nhã, Bát-nhã lấy trí tuệ làm Thể.

3. Nói về bốn đức thuộc Niết-bàn, Niết-bàn lấy Thường, Lạc, Ngã, Tịnh làm chánh thể.

Ý này do xuyên suốt ba nghĩa đó cho nên gọi là Đế Vương Kinh. Có ba loại chánh:

1. Chánh thuyết văn mười hai bộ.

2. Văn chánh hạnh trở xuống, nêu các hạnh.

3. Chánh quả là pháp của bốn đức.

Chánh thuyết sinh ra chánh hành, chánh hành sinh ra chánh quả.

Một là năng hiển bày.

Hai là năng thực hành.

Ba là năng đạt đến.

Cho nên đều gọi là Kinh.

Kinh nói ở đây chính là phần thứ nhất.

Kế là nói về hiện nay:

Âm tiếng Phạm xưa kia có sai sót, hiện nay nói đúng phải là Tô-bạt-na Bà-bà-bà Uất-đa-ma La-xà Tô-đát-lãm.

Tô-bạt-na, Hán dịch là Kim, Bà-bà-bà, Hán dịch là Quang, nói Quang Minh tức là nói tắt, Uất-đa-ma, Hán dịch là Tối Thắng, La-xà, Hán dịch là Vương, Tô-đát-lãm, Hán dịch là Kinh Đỉnh Sách, nên phải nói là Kinh Kim Quang Tối Thắng Vương.

Hai chữ Kim, Vương luôn luôn là dụ, Quang Minh Tối Thắng đều chung cho pháp và dụ.

Nay đối với đề mục này sơ lược đưa ra năm cách giải thích:

1. Giải thích theo bốn pháp Giáo, Lý, Hạnh, Quả.

2. Giải thích Tam bảo.

3. Giải thích Bồ-đề, Niết-bàn.

4. Giải thích theo Pháp, dụ.

5. Giải thích theo Nhân, pháp.

- Giải thích theo Giáo v.v... Giáo năng thuyên này dường như Quang minh, cho nên phẩm Tựa trong kinh Vô Cấu Xứng chép: "Giảng

nói pháp bảo quang”.

Luận Du-già bốn mươi bốn chép: “Lúc sắp nghe pháp thực hành năm thứ tưởng.

1. Tưởng là quý báu, vì rất khó được.

2. Tưởng là mắt, vì được sinh ra mắt tuệ.

3. Tưởng là sáng, vì đã được trí tuệ rộng lớn đối với tất cả mọi thứ đều soi chiếu.

4. Tưởng đại quả công đức cao quý, có thể đạt được Niết-bàn và Tam-bồ-đề, là nghĩa vô thượng diệu tích nhân tánh.

5. Tưởng vô tội rất vừa ý: đối với pháp hiện tại chưa được Niết-bàn và Tam-bồ-đề, đối với pháp như thật phân biệt chỉ quán, là nghĩa vô tội rất ưa thích nhân tánh”. Phân biệt nghĩa thứ ba bởi vì có thể hiển bày lý tương tự như ánh sáng. Nêu ra hai ánh sáng ấy ý hiển bày hai không, hoặc là phước, trí, hoặc Bồ-đề, Niết-bàn, đều có nhân quả, không như vậy thì quang và minh nêu lên bất cứ một thứ nào, đâu giả định là hai ư? Trong giáo thì tối thắng như vua, cho nên phẩm Phú Chúc nói: “Chính tôi nghe Đức Phật nói vô lượng các kinh điển, chưa từng nghe vua trong pháp thâm diệu như vậy”. Sự thắng diệu đó như thế nào? Như trong kinh nói các sự thắng diệu, sợ rằng rườm rà không dẫn ra, mở ra điều ấy cần phải nói, cho nên chỉ chọn lấy Kim và Vương làm thí dụ. Tạm thời chọn Kim là thí dụ sơ lược nêu ra bốn nghĩa:

1. Tánh vốn có.

2. Rất khó được.

3. Kim luân.

4. Quý giá nhất trong các thứ báu.

- Tánh vốn có: dụ cho giáo pháp này bị chân như làm cho trôi lăn, thâu nhiếp tướng trở về tánh cho nên đều là vốn có. Lại vì các Đức Phật nói không có bờ mé đầu tiên.

- Rất khó được: Trong phẩm Tựa chép: “Ta sẽ nói kinh này là chộ thực hành sâu xa của Phật, giáo bí mật của các Đức Phật ngàn muôn kiếp khó gặp được”.

Phẩm Phú Chúc chép: “Các ông nên biết rằng: Trong vô lượng, vô số đại kiếp ta chịu khó tu tập khổ hạnh, đạt được pháp sâu xa cùng chánh nhân Bồ-đề, đã nói cho các ông nghe. Lại như người nghèo cùng suốt đời không thể đạt được, cho nên phải có phước nhân”.

Trong phẩm Đại biện tài Thiên nữ chép: “Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương này, vì các hữu tình kia đã ở chỗ trăm ngàn Đức Phật gieo trồng các gốc lành xứng đáng thọ trì, trong Nam Thiện Bộ Châu

thực hành truyền bá rộng rãi khắp nơi cho đến giảng nói".

3. Kim luân: Như Luân Vương sử dụng vàng làm bánh xe, thường hàng phục những gì chưa hàng phục, thường trấn giữ những gì đã hàng phục. Kinh này cũng giống như vậy.

Phẩm Sám Hối Diệt Chướng và phẩm Tịnh địa nói về dứt trừ các chướng giống như hàng phục những gì chưa hàng phục. Trong các phẩm nói nghe rồi chứng được không lui sụt giống như giữ gìn những gì đã hàng phục, lý ấy thành tựu cùng cực, văn rườm rà nên không trích dẫn.

4. Quý giá nhất trong các thứ báu: Như vàng là bậc nhất trong bảy thứ báu, cho nên chỉ chọn lấy vàng thí dụ với kinh pháp này, sự quý giá nhất trong các thứ báu cũng giống như vậy.

Chọn Vương làm thí dụ cũng sơ lược nêu ra bốn nghĩa:

1. Nghĩa có khả năng phá tan kẻ thù.

2. Nghĩa nhóm họp các thứ báu.

3. Nghĩa thường hóa sinh khắp nơi.

4. Nghĩa khiến cho giai vị không mất.

Lại như Luân Vương có bốn nghĩa này:

1. Có ngàn người con cùng làm chủ quan binh cho nên thường buộc kẻ địch phải đầu hàng, dụ cho kinh này có pháp sám hối, và thực hành mười độ dứt trừ mười chướng, hai mươi hai vô minh v.v...

2. Nghĩa thường nhóm họp các thứ báu, các luận nói rằng nhóm họp phước đức vương định. Phẩm Mãn Nguyện trong kinh này chép: "Như vị vua ở thế gian bảy báu không diệt hết, nếu vua băng thì tất cả bảy báu tự nhiên diệt hết; kinh Kim Quang Minh vi diệu này, như đại chánh pháp bảo hiện ở đời thảy đều không hoại diệt. Lại như Luân Vương đã xuất hiện ở đời bảy báu lập tức hiện bày, kinh vương này đã giảng nói rồi, bảy thánh tài quý báu thảy đều hiển hiện".

3. Nghĩa thường hóa sinh khắp nơi: Như Kim Luân Vương biến hóa khắp bốn châu, kinh vương này biến hóa khắp bốn loài. Phẩm Thọ lượng chép: "Tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, nhờ vào uy lực của Phật được vui sướng tốt đẹp vô cùng, không có điều gì thiếu thốn".

4. Nghĩa khiến cho giai vị không mất: Như Kim Luân Vương nhất định truyền lại ngôi vị làm cho không thể dứt mất. Kinh này cũng giống như vậy, thường làm cho hạt giống Phật (chủng) nối nhau không ngừng dứt. Phẩm Thọ Ký đã thọ ký cho Bồ-tát Diệu Tràng và hai người con, mười ngàn vị trời nhờ nghe ba vị này được thọ ký mà khởi tâm ân cần

thanh tịnh cũng được thọ ký cho nên dụ là Vương.

Thứ là Y theo Lý: Trong phẩm Tam Thân chép: “Do ba thứ thanh tịnh nên gọi là Cực thanh tịnh:

1. Phiền não thanh tịnh.
2. Khổ thanh tịnh.
3. Tướng thanh tịnh.

Giống như vàng thật nung chảy đúc thành, đã đốt sạch không còn tạp chất, là nói lên tánh vàng vốn thanh tịnh. Thể của vàng thanh tịnh không thể cho rằng không có vàng”.

Cho đến nói: “Vì nói lên Phật tánh vốn thanh tịnh, không thể cho rằng vô thể”, đây là dụ cho Lý. Chân như sẵn có tự tánh thanh tịnh nhưng bị che lấp không hiện, lìa bỏ ngăn che thì liền hiển bày, chẳng phải bắt đầu có tịnh. Bởi vì lý chân như cao siêu, như vua là chỗ nương tựa cho nên có các công đức khác.

Kế là Y theo Hạnh: Trong phẩm Tam Thân chép: “Như những người thiện nam bạch với Đức Phật rằng: Bạch Thế tôn! Điều gì là thiện, điều gì là bất thiện, điều gì là chánh tu được hạnh thanh tịnh? Các Đức Phật Như lai và chúng đệ tử, liền nói cho họ nghe khiến họ hiểu được. Những người kia đã nghe xong chánh niệm ghi nhớ giữ gìn, phát tâm tu hành liền dứt trừ mười một chướng, được vào mười một địa”. Cho đến nêu thí dụ, giống như vàng thật nung chảy đúc thành.

Đây là thí dụ cho sự tu hành. Đã thiêu hủy sạch không còn tạp chất.

Đây là dụ cho sự đắc quả. Tức là sự tu hành cũng được dụ cho vàng, cũng như quang minh, cho nên phẩm Tứ Thiên Vương Hộ Quốc chép: “Chúng con Tứ vương cùng quyến thuộc Dược-xoa ủng hộ kinh này và Pháp sư nói pháp, dùng ánh sáng trí tuệ để giúp đỡ, bảo vệ”. Đây tức là tu hành, người có khả năng tu hành cũng được gọi là Tối vương, như ngôi vương, vương tử. Lại còn trời người tám bộ tất cả các vua có khả năng thực hành kinh này thì cũng hơn hẳn trong các vua gọi là Tối Thắng Vương. Vì thế phẩm Quán Sát chép: “Sẽ khiến cho vị vua đó trở thành người đứng đầu trong các vị vua”. Đây tức là dựa theo Hạnh.

Tiếp là Y theo Quả: như trước đã giải thích theo xưa. Y theo ba thân, ba đức: Chính là ý này muốn hiển bày bốn thứ Giáo, Lý, Hạnh, Quả đều thù thắng, đều được gọi là Kinh. Do y theo Giáo thù thắng có thể hiển bày Lý thù thắng, căn cứ và Lý thù thắng có thể khởi Hạnh thù thắng, từ Hạnh thù thắng có thể đạt được Quả thù thắng, cho nên dựa vào tất cả bốn pháp để lập tên kinh.

Thứ đến là y theo Tam bảo giải thích tên kinh: Kinh này hoặc là y theo Phật bảo để lập danh, bởi vì nói về ba thân và tuổi thọ, hoặc y theo pháp bảo để lập danh, vì nói về Hạnh Thập địa, thường nhờ vào hạnh ấy chính là Tăng bảo, hoặc y theo toàn bộ Tam bảo để lập tên kinh, trong Mộng Sám Nguyện tám chép: "Con sẽ an trụ trong Thập địa là mười thứ châu báu để làm chân, thành Phật quang minh công đức vô thượng".

Năng an trú là Tăng, Thập địa sở trụ là Pháp, sở thành là Phật, công đức và ánh sáng có cả ba loại. Tam bảo quang minh vì sao gọi là thắng? Lại Phật quang minh như trong phẩm Diệt Nghiệp Chướng chép: "Lúc yên lặng suy nghĩ từ lỗ chân lông nơi thân phát ra ánh sáng rực rỡ, vô lượng trăm ngàn biết bao màu sắc, cõi nước của các Đức Phật thảy đều hiện rõ trong ánh sáng, mười phương hằng hà sa so sánh thí dụ không thể nào sánh được, cõi đời có năm thứ vẩn đục được ánh sáng soi chiếu thì các chúng sinh gây ra mười nghiệp ác, năm tội Vô gián, chê bai Tam bảo bất hiếu tôn thân, khinh mạn thầy tổ cùng Bà-la-môn nên phải đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, những hạng đó đều được ánh sáng chiếu đến nơi ở". Cho đến nói: "Nhờ năng lực ánh sáng cho nên đều được yên vui, sắc tướng khôi ngộ, tốt đẹp tuyệt vời, phước trí trang nghiêm đầy đủ, được thấy các Đức Phật".

Trong này có mười hai loại thù thắng khác ngoài ánh sáng:

1. Nhân thắng, từ yên lặng mà suy nghĩ.
2. Năng khởi phát thắng, là thân Phật.
3. Tự tánh tốt đẹp, là trăm ngàn màu sắc.
4. Năng hiện tốt đẹp, là các cõi nước các Đức Phật.
5. Giảo lượng tốt đẹp, thí dụ không thể sánh bằng.
6. Từ bi tốt đẹp, là soi chiếu năm thứ vẩn đục.
7. Diệt ác tốt đẹp, là gây mười nghiệp ác đến chúng Bà-la-môn.
8. Bạt khổ tốt đẹp, là đáng đọa địa ngục, cho đến nói, đến chỗ ở.
9. Dữ lạc, là nhờ năng lực ánh sáng cho nên đều được yên vui.
10. Trang nghiêm tốt đẹp, là sắc tướng khôi ngô, xinh đẹp tuyệt vời.
11. Bồ-đề tư lương tốt đẹp, là phước đức trang nghiêm.
12. Thân cận thắng, là được thấy các Đức Phật, Pháp, Tăng, ánh sáng rực rỡ, dẫn văn rất dễ hiểu.

Thứ ba là y theo Bồ-đề-Niết-bàn giải thích tên kinh: Hoặc là dụ danh, bởi vàng có ánh sáng rực rỡ nhất trong các thứ báu, như vua cõi trời thù thắng nhất trong cõi trời cõi người, tốt đẹp nhất ở cả hai nơi.

Kinh này cũng giống như thế, cho nên theo dụ mà đặt tên. Hoặc là pháp dụ danh, Kim Quang Minh là dụ, Tối Thắng Vương là pháp, cho nên phẩm Phú Chúc chép: “Chính Ta nghe Đức Phật nói vô lượng các kinh điển, nhưng chưa từng nghe pháp đứng đầu trong các pháp mầu nhiệm như thế”.

Hoặc lại là ánh sáng có cả pháp, và dụ, bởi vì ánh sáng pháp rực rỡ nhất trong các thư ánh sáng, phẩm Liên Hoa Dụ Tán Thán chép: “Nguyện ánh sáng nơi thân con sánh bằng các Đức Phật, phước đức trí tuệ cũng như vậy, tất cả thế giới xưng tụng tôn kính một mình con, uy lực tự tại không ai sánh bằng”.

Thứ đến là y theo người, pháp để giải thích tên kinh: Hoặc Kim Quang Minh là người, cho nên phẩm Thọ Ký chép: “Con là Ngân Quang trở về thế giới Kim Quang Minh sẽ được thành Phật, hiệu là Kim Quang Minh”.

Lại giải thích, Kim Quang Minh là tên pháp, bởi vì cõi nước đó tên là Kim Quang Minh. Còn trong phẩm Mộng Kiến Sám Hối chép: “Mơ thấy trống vàng phát ra ánh sáng rực rỡ, nơi trong ánh sáng này được thấy vô lượng các Đức Phật khắp mười phương”.

Còn phần thứ ba nói: “Phát ra ánh sáng màu vàng khắp mười phương cõi nước”. Uy lực kinh này, hoặc có cả nhân, pháp, bởi vì hai đoạn trước là nói sơ lược, tuy lý, sự khác nhau nhưng đều được gọi là pháp, lý cũng có thể có cả nhân, pháp dụ danh, ý chính là dùng pháp, dụ cho làm tên kinh. Y theo sáu cách giải thích ấy, thì kinh Tối Thắng Vương này hoặc kinh Quang Minh tức như Kim Quang Minh. Hoặc pháp Tối Thắng tức như Vương gọi là Kim Quang Minh Tối Thắng Vương. Theo trì nghiệp thích thì không muốn giải thích riêng Kim Quang Minh và Tối Thắng Vương, cho nên không trái nhau. Không muốn giải thích Kim Quang Minh, cho nên chẳng phải là hữu tài thích. Kim Quang Minh Tối Thắng Vương là lý sở thuyên, kinh là giáo năng thuyên, tức là y chu thích. Nếu đều là giáo thì Kim Quang Minh tức là Kinh, thuộc về trì nghiệp thích, đều là lý cũng giống như vậy, trong đó sự khác nhau lại có nhiều phần, e rằng rườm rà không kể ra.

Kế là phân biệt giải thích tên phẩm, lại chia làm bốn:

1. Nêu tên phẩm.
2. Nói về được tên riêng.
3. Nói về hữu vô khai hợp.
4. Nói về thứ lớp.

Kể ra tên Phẩm: Đó là phẩm Tựa, phẩm Thọ lượng, phẩm Tam

Thân, phẩm Mộng Kiến Sám Hối, phẩm Diệt Nghiệp Chướng, phẩm Tịnh Địa Đà-la-ni, phẩm Liên Hoa Dụ Tán, phẩm Kim Thắng Đà-la-ni, phẩm Trùng Hiển Không Tánh, phẩm Y Không Mãn Nguyện, phẩm Tứ Thiên Vương Quán Sát Nhân Thiên, phẩm Tứ Thiên Vương Hộ Quốc, phẩm Vô Đắm nhiễm Đà-la-ni, phẩm Như Ý Bảo Châu, phẩm Đại biện Tài Thiên nữ, phẩm Đại Cát Tường Thiên nữ, phẩm Đại Cát Tường Thiên Nữ Tăng Trưởng Tài Vật, phẩm Kiên Lao Địa Thần, phẩm Tăng Thận-nhĩ-da Dược-xoa Đại Tướng, phẩm Vương Pháp Chánh Luận, phẩm Thiện Sinh Vương, phẩm Chư Thiên Dược-xoa Che chở, phẩm Thọ Ký, phẩm Trừ Bệnh, phẩm Trưởng Giả Tử Lưu Thủy, phẩm Xả Thân, phẩm Thập Phương Bồ-tát Tán Thán, phẩm Diệu Tràng Bồ-tát Tán Thán, phẩm Phú Chúc.

- Nói về được tên riêng: Ba mươi mốt phẩm chia ra làm hai loại:

Một là Pháp làm tên có hai mươi phẩm.

Hai là Pháp làm tên có mười một phẩm. Trong loại một lại có bốn: Theo Sự làm tên có ba phẩm, đó là phẩm Tựa, phẩm Xả Thân, phẩm Phú Chúc, theo Pháp làm tên có mười phẩm, đó là phẩm Thọ lượng, phẩm Tam Thân, phẩm Mộng Kiến Sám Hối, phẩm Diệt Nghiệp Chướng, phẩm Tịnh Địa Đà-la-ni, phẩm Trùng Hiển Không Tánh, phẩm Y Không Mãn Nguyện, phẩm Vô Đắm nhiễm Đà-la-ni, phẩm Thọ Ký, phẩm Trừ Bệnh, theo dụ làm tên có một phẩm là Như Ý Bảo Châu; theo Nhân làm tên có sáu phẩm: Đó là phẩm Đại biện Tài Thiên nữ, phẩm Đại Cát Tường Thiên nữ, phẩm Kiên Lao Địa Thần, phẩm Tăng Thận-nhĩ-da Dược-xoa Đại Tướng, phẩm Thiện Sinh Vương, phẩm Trưởng Giả Tử Lưu Thủy. Trong loại hai lấy hai pháp làm tên lại chia làm hai: Pháp, Dụ làm tên có hai phẩm, đó là phẩm Liên Hoa Dụ Tán và phẩm Kim Thắng Đà-la-ni, Nhân, Pháp làm tên có chín phẩm, đó là phẩm Tứ Thiên Vương Quán Sát Nhân Thiên, phẩm Tứ Thiên Vương Hộ Quốc, phẩm Đại Cát Tường Thiên Nữ Tăng Trưởng Tài Vật, phẩm Vương Pháp Chánh Luận, phẩm Chư Thiên Dược-xoa Che chở, phẩm Thập Phương Bồ-tát Tán Thán, phẩm Diệu Tràng Bồ-tát Tán Thán, phẩm Bồ-đề Thọ Thần Tán Thán, phẩm Đại biện Tài Thiên nữ Thán Thán.

Ba là nói về Hữu vô khai hợp:

Một là Hữu vô khác nhau, Đàm-vô-sấm đời Tây lương dịch gồm có mười tám phẩm, thiếu mười ba phẩm, năm phẩm khai ra hãy còn thiếu tám phẩm. Chân-đế đời Lương dịch có hai mươi hai phẩm thêm vào phẩm Tam Thân, phẩmTịnh Chướng, phẩm Tối Tịnh Địa, phẩm Y Không Mãn Nguyện, trừ phần khai ra hãy còn thiếu bốn phẩm. Xà-na-

quật-đa đời Tùy nêu ra hai mươi bốn phẩm, thêm vào phẩm Ngân Chủ Đà-la-ni, tức là phẩm Vô Đắm nhiễm Đà-la-ni bây giờ, và phẩm Chúc Lụy, trừ phần khai ra còn thiếu hai phẩm. Tam tạng Pháp sư Trung Hưng đời Đại Đường, đối chiếu các bản tiếng Phạm dịch lại sơ lược, gom đầy đủ các phẩm và các tên các phẩm đó. Lại thêm phẩm Kim Thắng Đà-la-ni, phẩm Như Ý Bảo Châu, trong bản dịch cũ không có.

Kế là Khai hợp có khác: Ở bản cũ phẩm Quán Sát Nhân Thiên, phẩm Hộ Quốc hợp lại thành phẩm Tứ Thiên Vương, phẩm Đại Cát Tường Thiên nữ, phẩm Đại Cát Tường Thiên Nữ Tăng Trưởng Tài Vật hợp lại thành phẩm Công Đức Thiên nữ, phẩm Thập Phương Bồ-tát Tán Thán, phẩm Diệu Tràng Bồ-tát Tán Thán, phẩm Bồ-đề Thọ Thần Tán Thán, phẩm Đại biện Tài Thiên nữ Thán Thán hợp lại thành phẩm Tán Phật; nay đều tách ra, y theo sự tốt đẹp của người hoặc việc khác nhau cho nên thành ba mươi mốt phẩm.

Kế tiếp nói về Thứ lớp: Như lai nói pháp chắc chắn là có lý do, nếu đại chúng tề tựu các duyên hòa hợp, căn cơ phù hợp, chân thành khao khát, kính mến ý muốn ưa thích được nghe. Có nguyên nhân này mới có thể trình bày, cho nên có phẩm Tựa đầu tiên. Đại chúng đã nhóm họp và khát khao kính mến, thì phải ứng vật giảng nói, ý đại chúng mong mỏi ưa thích nhân quả vô thượng, cho nên có hàng Bồ-tát như Diệu Tràng để làm cơ duyên thưa thỉnh, nhân đây vì đại chúng nói về Bồ-đề, Niết-bàn, do đó bắt đầu có phẩm Thọ lượng.

Tuy nhiên bắt đầu nói chung chưa hề biết khác nhau, vì vậy nói riêng về Niết-bàn, Bồ-đề, dựa vào chung riêng khác với ứng biệt nói về ba thân Niết-bàn. Vì văn Niết-bàn ít nên dù là nói riêng vẫn nhập chung vào tuổi thọ. Văn ba thân nhiều vì Hư Không Tạng thưa thỉnh nên mới nói riêng.

Bắt đầu có phẩm Tam Thân đã biết quả tốt đẹp không thể luống thành, cần phải chờ nhân tu mới lĩnh hội được. Muốn tu hạnh thù thắng trước hết phải sửa đổi lỗi lầm vốn có, cố gắng thường sám hối tội lỗi đã qua, vì thế cho nên Phật thêm Diệu tràng khiến cho trong trong mơ thấy được sám hối lỗi lầm trước đó, do đó có phẩm Mộng kiến sám hối. Cho dù trong mộng có dứt trừ nhưng lỗi lầm chưa được rõ ràng, vì thế tâm dứt trừ chướng xấu ở nhân tốt đẹp, cho nên nhân Như lai phát ánh sáng kinh động đến Đế-thích, từ đó khởi thỉnh mong nói về cách thức sám hối.

Đã sám hối lỗi lầm trước đây rồi thì phải tu tập chánh hạnh, cho nên lời của bậc Sư tử phát ra gieo vào căn cơ u tối, Như lai đại bi lần

lượt giảng nói, phát tâm tu hành dứt chướng chứng thần chú che chở chân thật, cho nên có phẩm Tịnh Địa Đà-la-ni: Các thắng nghiệp này vời nhân diệu tràng, đại chúng muốn biết vì sao như vậy, do đó Đức Phật nói với đại chúng về nhân duyên xa xưa rằng: “Thuở quá khứ ngài tên là Kim Long Chủ, dùng hoa sen thí dụ khen ngợi các Đức Phật, nhờ nghiệp tốt đẹp ấy nên có thể phát huy tuổi thọ mở đầu phương pháp sám hối”.

Cho nên có phẩm Liên Hoa Dụ Tán. Đã nhờ cúng dường khen ngợi các Đức Phật làm nhân cho nên dạy trì chú để thường thấy Phật, vì thế có phẩm Kim Thắng Đà-la-ni. Tuy lại nói rộng về nhân quả khiến cho nguyện tu hành nhưng chưa hiển bày hai không, chưa trừ sạch tình chấp, đồng thời các phẩm trước phần nhiều dựa vào tục đế khuyên vật chúng sinh tu, nói về hai không thì nương theo thắng nghĩa đế khiến cho dứt sạch chấp trước. Trước tùy theo các nghĩa, tuy nhiên chỉ trình bày sơ lược, ở đây lại nói rộng ra khiến cho được khai ngộ, cho nên có phẩm Trùng hiển không tánh.

Trước đây đã nói nhiều về Hữu Hạnh, sợ rằng dính mắc vào Có mà không thể chứng được chân nên nay hiển bày rộng về hai Không, lại e rằng mê đắm Không mà chẳng tu hành, muốn khiến cho nương theo phương tiện để khởi hạnh, ngay nơi các hạnh mà quán xét không, y theo không thù thắng để chứng được chân, tức quán Không mà tu tập hữu, cả hai Không; hữu tiêu tan hoàn toàn không còn đắm trước, mới thành tựu hạnh thù thắng có thể chứng đến Bồ-đề, do đó có phẩm Y không mãn nguyện.

Trên đây là nói rộng về nhân quả Bồ-đề, Niết-bàn, quả cầu thì nhân tu tập, chân tục cùng quán sát, năng sự đã đủ nên ngay chỗ ngồi đạt được lợi ích. Muốn làm cho pháp lưu truyền để đời sau có kiến thức tu hành. Đời sau có nhiều chướng duyên sợ rằng khó tu tập, nếu không tiến hành bảo vệ giúp đỡ các duyên đó thì sẽ sinh ra chướng ngại nên không thể tu tập, pháp không có người tu tập thì nhờ đâu truyền bá ở đời?

Vì vậy nhờ phước lực của Tứ Thiên vương và uy thần của tám bộ chúng, trời người kính trọng mới được truyền bá rộng rãi, cho nên có phẩm Tứ Thiên Vương Quán Sát Nhân Thiên. Đồng thời nơi truyền bá kinh điển lợi ích rất nhiều, đến mọi nơi chốn đều được tôn kính cúng dường, tôn kính cúng dường khiến cho pháp phát triển rộng rãi, Thiên thần vui vẻ mà tiến hành bảo vệ, cho nên có phẩm Tứ Thiên Vương Hộ Quốc.

Nhưng sợ rằng người học mê đắm các cảnh giới, lui sụt tâm đại Bồ-đề, do đó nói thần chú, thường tụng thần chú khiến cho không còn mê đắm, ở trong luân hồi sinh tử cầu quả vô thượng mà tâm không lui sụt, cho nên có phẩm Vô Đắm nhiễm Đà-la-ni.

Tuy khiến cho không còn lui sụt nhưng vẫn có các nạn duyên, sợ rằng các nạn duyên bất ngờ ập đến làm trở ngại sự tu tập, cho nên nói thần chú trừ sợ hãi, chết oan uổng, không còn đe dọa người tu hành, vì thế có phẩm Như ý bảo châu. Đã không lui sụt lìa xa sợ hãi có thể tự tu hành, Bồ-tát vì hoài bão chắc chăn sẽ mở mang Phật pháp hóa độ chúng sanh, mở mang Phật pháp hóa độ chúng sanh chắc chắn nhờ vào thân an trú có đủ bốn biện tài, cho nên Thiên nữ Biện Tài nói chú bảo vệ giúp đỡ, đồng thời nhắc nhở tấm gội được biện tài, thân an vui, do đó có phẩm Đại biện tài Thiên nữ. Tuy được thân an trú, đủ bốn biện tài nhưng chắc chắn phải nhờ đến bốn việc, nếu thiếu duyên giúp đỡ thì mong cầu sẽ trở ngại trong việc mở mang Phật pháp hóa độ chúng sanh; tiếp đó là dạy cho biết dùng ít công sức mà có nhiều duyên giúp đỡ, cho nên có phẩm Đại cát tường Thiên nữ.

Người trì kinh tuy tự mình dồi dào về bốn sự không nhờ bên ngoài cầu mong, nhưng người nghe cũng cần phải cúng dường, hạnh học nghèo thiếu thì tâm mong cầu không toại nguyện, phước cao quý không nhờ đâu được sinh, cho nên chỉ dạy phương pháp để có đầy đủ phước, khiến nương theo để truyền bá Thánh giáo, vì thế có phẩm Đại Cát Tường Thiên Nữ Tăng Trưởng Tài Vật.

Cho dù tài vật đầy đủ, năm thứ lúa cốc dồi dào nhưng e rằng chẳng phải loại thơm ngon, muốn làm cho xứ sở truyền bá kinh điển có những ý vị tinh khiết thơm tho, do đó có phẩm Kiên Lao Địa Thần. Đồng thời truyền bá kinh điển lợi ích chúng sinh cần phải nhờ vào trí tuệ, thấu rõ tục, chân thường sinh đường lành, vì dạy cho được hai nhân này cho nên có phẩm Tăng Thận-nhĩ-da Dược-xoa Đại Tướng.

Lại còn thế lực của vua chúa có thể làm tổn hại đến lợi ích, nếu không thích hợp đạo lý thì nhiều tai biến sẽ phát sinh, các tà tâm lớn mạnh khó nghe được giáo pháp này, cần phải nhắc nhở các vua chúa chấn chỉnh đạo lý, mở mang kinh này, vì vậy có phẩm Vương pháp chánh luận. Tuy nói nhiều về hạnh nhưng e rằng không nương theo thực hành, nêu nhân xa xưa của mình khuyên gắng hội chúng lúc ấy, do đó có phẩm Thiện Sinh Vương.

Tuy có nêu ra việc trước đây để khuyên bảo hội chúng lúc ấy nhưng e rằng không chuyên tâm thường xuyên khích lệ tu học, lại nói

về khuôn phép tu học, nêu ra những việc trước kia để mở rộng công năng, lại biết rõ ý nghĩ kiên định cao xa đó của đại hội, cho nên có phẩm Chư Thiên Dược-xoa Che chở. Vì nói lên lợi ích rộng lớn của kinh được ích lợi rất nhiều, người nghe được chứng quả thọ ký Bồ-đề, nên càng làm rõ sự thọ ký đó. Nếu không thọ ký thì đại chúng sẽ nghi ngờ không thể nhất quyết tu học, cho nên nói sẽ thọ ký làm cho kính mến tu hành, vì vậy có phẩm Thọ Ký.

Mười ngàn vị Thiên tử tạm thời được nghe kinh, được Phật thọ ký, chúng sinh nghi ngờ gieo trồng gốc lành gì mà được thọ ký Bồ-đề? Vì sao Thế tôn nói pháp cho họ nghe? Cho nên nói về nhân duyên đã qua, có phẩm Trừ Bệnh và phẩm Lưu Thủy.

Đại chúng nghe việc Đức Thế tôn ở đời quá khứ chữa bệnh cứu cá bằng cách cho nước, cho rằng tu ít hạnh được chứng Bồ-đề. Phật nói rộng ra cho họ nghe, chẳng những chút ít như vậy mà trải qua nhiều vô lượng, sơ lược nêu ra một đời khổ hạnh bố thí thân cho cọp ăn, cho nên có phẩm Xả thân. Đại chúng nghe pháp thâm diệu lại nghe các nhân khổ hạnh, trong đại hội ai cũng vui mừng. Vì thế trước tiên Bồ-tát ở các cõi khác khen ngợi cho nên có phẩm Thập Phương Bồ-tát Tán Thán.

Các cõi khác khen ngợi xong thì Bồ-tát và các trời đất thánh thần ở cõi này cũng lại cùng nhau khen ngợi, cho nên có phẩm Diệu Tràng Bồ-tát Tán Thán và hai phẩm Bồ-đề Thọ Thần Tán Thán, Đại biện Tài Thiên Nữ Tán Thán.

Nói về việc khen ngợi xong đích thân được thọ ký, dạy phải thực hành, đại chúng vâng theo thực hành cho nên có phẩm Phú Chúc. Y theo chín phẩm này làm Chánh tông của kinh, sơ lược nêu ra đại ý, trình bày về thứ lớp, sự khác nhau trong đó không phải không có nghĩa khác. Y theo hai mươi tám phẩm làm Chánh tông của kinh, thứ lớp đều theo đúng.

Thứ đến giải thích theo văn khoa:

Kinh có ba mươi mốt phẩm, Đại sư Chân-đế chia ra làm ba phần:

1. Một phẩm là Tựa phần, mười chín phẩm là Chánh thuyết, hai phẩm cuối thuộc phần Lưu thông. Trong phẩm Tán Thán Phật nói về các đại sĩ ở các cõi khác trở về cõi của mình mà khen ngợi Đức Phật đó.

2. Văn mới nói về đại sĩ cõi này khen ngợi Đức Phật ở cõi này, nói pháp xong rồi Bồ-tát các cõi khác trở về các cõi mới nói phẩm này, cho nên chẳng phải là chánh thuyết, vì vậy phẩm này là do đại chúng lãnh hội khen ngợi người năng thuyết mà thôi, chẳng phải là ý chính

của kinh.

- Phẩm Như lai Phú chúc là pháp được mở rộng, chính là phần Lưu thông.

Hỏi: Các cõi khác quay về khen ngợi được trình bày ở sau phần Chúc Lụy, vì sao phẩm phú chúc đặt sau phẩm Tán Phật?

Giải thích rằng: Phải như vậy, nhưng đưa ra phần kiết tập, hợp hai phẩm này cùng một nơi, Chúc lụy phụng hành ở cuối cùng. Ở đây theo "bản dịch mới":

Đầu tiên Bồ-tát các cõi khen ngợi Đức Như lai này, không phải là về nơi đó mà khen ngợi Đức Phật ở đó. Hiện tại có hai giải thích: Một nói rằng: "Một phẩm thứ nhất xưa nay giống nhau, từ phẩm Thọ lượng đến phẩm Y Không Mãn Nguyện, chín phẩm này là phần Chánh tông của kinh, hai mươi mốt phẩm còn lại là phần Lưu thông. Vì sao? Vì ý của tất cả các vị như Diệu Tràng muốn nghe về quả và nhân của Bồ-đề; Trần-như nghi tình tuổi thọ vô cùng như thế nào, lại nói về việc nhập Niết-bàn, thỉnh nói về nghĩa chân thật của Niết-bàn, không như vậy bốn lần Phật đã vì Diệu tràng nói về lý do của Niết-bàn rồi. Vì sao Trần-như lại thỉnh Xá-lợi?

Cho nên vì nói về nghĩa Niết-bàn mà nêu câu hỏi ấy. Do đó trong bản dịch xưa nói rằng: "Như Đức Thế tôn nói về nghĩa ấy con đã nghe biết, vì vậy cúi xin Như lai mở rộng phân tích nghĩa chân thật, cầu Xá-lợi mở cửa phương tiện". Bản hiện nay văn sau nói rộng về nghĩa chân thật của Niết-bàn, bản xưa không có nói. Đã nghe Đức Phật nói về Tuổi thọ vô biên, Phật có ba thân nhưng chưa biết chỗ khác nhau, lại muốn thưa hỏi Phật tu học, vì Trần-như không hiểu sự khác nhau đó nên không biết nhân quả của sự chứng đắc. Trước tiên Đức Phật nói về ba thân khác nhau, tiếp đến dạy cho tu học. Tu học chính là dứt ác làm lành, dứt ác tức là sám hối tiêu trừ nghiệp chướng, tu thiện tức là y theo năm địa vị ba kỳ kiếp tu tập mười hạnh thù thắng, hạnh nương vào cảnh mà phát khởi. Phải biết rằng sau tục, chân lại tiếp tục trình bày về tánh của hai Không, Không, Hữu cùng tu tập, y theo Không mà đầy đủ các nguyện, vì vậy hạnh đầy đủ, quả hoàn thiện, cho nên chánh tông của kinh ý là ở đây.

Từ phẩm Tứ Thiên Vương Quán Sát Nhân Thiên trở xuống v.v... chỉ quán sát sự trì tụng, truyền bá kia, cho nên tất cả nơi chốn đều tham gia bảo vệ giữ gìn, thêm nhiều tài vật, khéo léo biện tài, giúp đỡ trí tuệ, tiêu trừ tai chướng, nói mình để khuyến khích người, ý khiến cho thực hành tu học, Bồ-tát nghe khen ngợi, được Như lai phú chúc, đều là phần

Lưu thông.

Tuy nhiên về sau mới có thọ ký Bồ-đề cho các vị như Diệu tràng, ý là nói về ích lợi của kinh, được thọ ký sẽ thành tựu, thường khuyến khích khơi bày cho đại chúng nương theo để tu học. Vì không như vậy cho nên trước là nói phẩm Thọ lượng cho đến hết phẩm Liên Hoa Dụ Tán liền thọ ký cho, vì sao đợi nói xong phẩm Chư Thiên Dược-xoa Che chở mới thọ ký cho? Từ lý do này nên biết là thuộc về phần Lưu thông".

Nhưng truyện Pháp Sư Chân-đế nói: "Nếu từ phẩm Tứ Thiên vương trở xuống xếp vào phần Lưu thông, điều này thật sai lầm. Vì sao tuổi thọ là nói về quả của Đức Thích-ca, làm sao thuộc về chánh thuyết? Thọ ký nói về quả của đệ tử, làm sao thuộc về phần lưu thông? Thiện tập, Xả thân nói về liễu nhân của Đức Thích-ca, sao bỗng nhiên lại là lưu thông? Các phẩm Sám hối, Không v.v... nói về liễu nhân của đệ tử, vì sao lại thuộc chánh thuyết? Còn phẩm Tam thân nói chung về chánh nhân của xuất gia và tại gia, làm sao là chánh thuyết? Vì vậy từ phẩm Thọ lượng cho đến phẩm Xả thân nói tóm lại là Chánh tông".

Người dịch ngày nay giải thích rằng: "Phẩm Thọ lượng tuy thuộc về quả của Đức Thích-ca nhưng chính là sở cầu. Phẩm Thọ ký tuy nói về quả của đệ tử nhưng ý là truyền bá kinh điển, nói rõ ích lợi để khuyến khích đại chúng, do đó thuộc phần lưu thông. Các phẩm Sám Hối v.v... tuy đúng là nhân nói cho đệ tử, nhưng nói về quả chính là bắt chước theo khiến cho thực hành nhân.

Các phẩm Tịnh Địa v.v... bao gồm nhân của các Đức Phật, không chỉ có đệ tử ngày nay. Cho nên các phẩm Sám hối v.v... thuộc về chánh thuyết, các phẩm Xả thân v.v... nói về việc quá khứ, nêu mình để khuyến khích người, chẳng phải bây giờ mới bắt đầu tự thực hành tu học, cho nên thuộc về lưu thông. Không như thế thì phẩm Liên Hoa Dụ Tán, Tán Phật Công Đức tức là chánh tông, Bồ-tát tán Phật vì sao lại thuộc về lưu thông? Còn như các phẩm Tứ Thiên Vương v.v... Đức Thế tôn chỉ dạy che chở các vị ấy, y theo chỉ dạy che chở chính là chánh tông; phú chúc cũng là dạy phải thực hành, sao lại thuộc lưu thông? Do phẩm Thọ Ký này tuy nói về quả tương lai, xả thân nói về nhân xa xưa, là khuyến khích đời sau cho nên thuộc về lưu thông".

Thứ 1: PHẨM TỰA

Trong phẩm Tựa có bảy thứ tròn đầy:

1. Tựa tròn đầy.
2. Tam-muội tròn đầy.
3. Thính chúng tròn đầy.
4. Thuyết nhân tròn đầy.
5. Thuyết thời tròn đầy.
6. Thẩm cơ tròn đầy.
7. Tiêu thuyết tròn đầy.

- Trong Tựa tròn đầy có hai loại thắng, đó là thành hơn thành khác, núi hơn núi khác, nói lên pháp môn và công đức trong kinh này là thù thắng, như Luận Pháp Hoa giải thích: Tam-muội tròn đầy, như trong kinh nói, các pháp giới sâu xa thanh tịnh nhất. Luận Phật Địa, quyển hai chép: "Đạt đến Vô nhị trú của Phật tức là đến bờ kia". Cho nên giải thích rằng: "Phật vô nhị trú tức là pháp thân chân như là thể, không có sự khác nhau, không hiện hành trong tất cả hai tướng phân biệt, duyên vào định cao quý và an trú trong đó, vì vậy gọi là trú, tức là Vô nhị trú là đến bờ kia. Đức Phật đã đạt đến cùng tận cho nên gọi là Đắc. Ý này chính là hiển bày pháp thân chân như không có thể riêng, chỉ khác nhau về Tánh và Tướng. Và khi chứng đến tận cùng gọi là đắc pháp thân; chân lý là rốt ráo nên gọi là đến bờ kia; do định đại trí thường duyên với sự chứng đắc nên gọi là trụ.

Đối Cơ bày tướng trở xuống, nói: "Lúc xế trưa xuất định, nếu chẳng phải định này thì từ định nào mà khởi?". Nguyện muốn được nghe nói về Nhân Tròn đầy, như kinh. Cùng với thính chúng là các đại Bí-sô v.v... tròn đầy.

Quán sát đại chúng là xét cơ tròn đầy, nếu Phật nói pháp thì hẳn dùng từ tâm bình đẳng mà quán, nhìn xem căn cơ chủng tánh của chúng sinh kia có ưa thích muốn nghe không, rồi theo đó khiến cho tất cả mọi người đều thấy rằng chỉ nghe nói cho mình. Nói tụng rằng trở xuống tức là phần nêu thuyết tròn đầy.

Bảy thứ tròn đầy này chia làm hai tựa: Từ loại đầu đến loại thứ ba gọi là tựa chung, cũng gọi là Chứng tín, còn lại là tựa riêng, cũng gọi là Phát khởi.

Hỏi: Trú định biệt tựa nên nói ở phần sau, vì sao lại nói chung với các loại trước , nói không thứ lớp như vậy?

Đáp: Bởi vì thân tâm đều an trú nên gọi là Trú. Lại vì hai nghĩa

hợp thành một nơi để nói.

Tựa chung có năm phần, như luận Phật Địa có phân định.

Văn kinh: Tôi nghe như vầy: Một thời, Đức Bạc-già-phạm ở tại đỉnh núi Linh thứu trong thành Vương-xá.

Tán rằng: Đây là tựa chung, văn đầu tiên trong bốn phần văn. Thứ tư nói về Xứ lại có hai thứ:

1. Sắc thân trú xứ.

2. Pháp thân trú xứ.

Thành Vương xá v.v... ở đây là sắc thân trú xứ.

Lại Cộng và Bất cộng. Thành Vương xá v.v... là nơi Thánh phàm ba thừa cùng cư trú.

Phần dưới nói về các Đức Phật không cùng cư trú. Cùng cư trú trước đây suy rộng như trong pháp hoa sớ của Từ Ân có phân tích.

Hỏi: Cần gì phải nói về xứ?

Đáp: Trong luận Công Đức Thí Bồ-tát Bát-nhã chép: Khiến cho biết nơi Thế tôn đến, khiến phát sinh cung kính tôn trọng trở thành phước cao quý.

Trí luận chép: Nói về thời, phương, do khiến cho phát sinh lòng tin. Ứng hợp hai nghĩa cũng thật là hay.

Văn kinh: Như lai cư trú trong pháp giới sâu xa thanh tịnh nhất của các Đức Phật.

Tán rằng: Nói về chỗ pháp thân Phật cư trú, phần y chỉ thành tựu, tức là phần Tam-muội thành tựu. Vì sao phải hiện phần Tam-muội như vậy?

Đáp: Như luận Kinh Pháp Hoa và luận Bát-nhã của Bồ-tát Vô Trước nói: Lìa hai chướng nên gọi là thanh tịnh nhất, không chung với hai thừa nên gọi là sâu xa, tự tánh các pháp gọi là pháp giới, tức pháp giới này là cảnh trí sở duyên của các Đức Phật. Bên tánh công đức tức là cõi Phật, pháp thân sở y là chỗ an trú của Như lai. Do đó, kinh Giải Thâm Mật, quyển năm, chép: "Như lai sở hành là tất cả thứ Như lai cùng có, đó là vô lượng công đức không thể suy nghĩ bàn luận, trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Tức là tướng bên nghĩa công đức gọi là tự tánh pháp thân, bởi vì tướng công đức tức là y theo chân như vậy, không lìa tánh nên gọi là trú".

Hoặc trong Trí nội chứng gọi là Như lai Cư. Còn trong luận Phật Địa chép: "Phật không có hai trú, tức là pháp thân chân như, là tự thể không có tướng khác nhau".

Lại giải thích rằng: "Chân như lìa chướng gọi là thanh tịnh nhất...

tức là Năng Chứng Trí thường chứng Như nên gọi là Trú”.

Vì vậy luận Phật Địa, quyển hai chép: “Đối với tất cả hai tướng phân biệt đều không hiện hành, duyên nơi thắng định kia thường trú trong đó nên gọi là trú”.

Trú tức là nghĩa cư. Tại sao phải nói về hai thứ trú xứ?

Đáp: Vì muốn hiển bày ba thân chẳng phải tức, chẳng phải lìa.

Hỏi: Theo văn sau nói về tuổi thọ Như lai tại thất Diệu tràng, vì sao ở tựa chung chỉ nói Thứu sơn.

Đáp: Theo văn thì từ Diệu tràng đến chỗ Đức Thích-ca đối trước Phật nhắc lại, Như lai ấn khả, A-nan được nghe cũng gọi là Phật nói. Do đó khi kiết tập chỉ nói trú nơi thành Vương xá. Còn ở Tịnh độ kia, hàng ba thừa không thể thấy được; ở đây, chỉ nói theo chỗ cùng thấy, đó là thành Vương xá.

Lại nữa, người xưa giải thích rằng: Bốn thời ba chỗ. Bốn thời:

1. Lúc bốn Như lai ở tại thất Diệu tràng.
2. Lúc Thế tôn ở tại Thứu phong.
3. Lúc Diệu tràng cũng đến nơi của Phật.
4. Lúc từ cõi khác trở về cõi nước mình.

Thất Diệu tràng ở Thứu sơn và tha phương cho nên nói bốn thời ba chỗ.

Người đời nay giải thích rằng: Chỉ là một thời một chỗ. Bởi vì Diệu tràng nghe bốn Đức Phật nói, cùng với đại chúng hướng đến chỗ Phật lần lượt nói lại. Bồ-tát mười phương đều khen ngợi Đức Phật này, chẳng phải hướng về cõi khác khen ngợi Như lai kia, cho nên chỉ một thời một chỗ. Nếu không như thế thì ở tại thất mộng thấy trống vàng thức dậy thưa vơi Đức Phật, tức là phải năm thời bốn chỗ.

Lúc mộng thấy trống vàng không nói thất tịnh, lúc nói tuổi thọ trở thành thất tịnh, nên là hai chỗ. Lúc mộng lúc nói sớm chiều khác nhau, kia đã không khác là thời, biết rõ ở tại thất bốn Như lai nói, không thể phân biệt là thời, chỗ. Hoặc có thể, hai thời hai chỗ. Diệu tràng ở tại thất mộng thấy không đối trước Đức Phật, không thể gọi là nói, vì vậy không phải là thời, chỗ.

Còn bốn Như lai ở tại thất Diệu tràng nói về tuổi thọ của Phật cho nên là thời, chỗ. Nhưng giải thích trước hợp lý hơn. Bởi vì A-nan xưng là tôi nghe “bốn Đức Phật nói về tuổi thọ”.

Lúc A-nan ở chỗ Đức Phật Thích-ca, không thể nói là tôi nghe. Nếu vậy thì như kinh Kim cương Hoa nói: “Tỳ-kheo A-nan đạt được Tam-muội Pháp tánh giác tánh tự tại vương, nhờ năng lực Tam-muội

mà biết rõ các kinh Phật đã nói đều luôn luôn nhớ giữ".

Còn trong kinh Quán Phật Tam-muội chép: "A-nan nhân nghe Đức Phật nói về niệm Phật, A-nan thấy Đức Phật liền nhớ đến kinh tạng của chín mươi ức Đức Phật đời quá khứ đã nói". Nhớ kỹ không quên nay cũng đâu ngăn ngại, Phật lực gia bị thấy Phật nghe kinh, đều thường ghi nhớ có thể nói là tôi nghe.

Đáp rằng: Không đúng. Nói về những kinh đó đều do xưa kia đã từng nghe, được các năng lực khác che chở thêm, cho dù luôn nhớ kỹ không quên, chẳng phải là người chưa nghe. Nay tại thất Diệu tràng bốn Đức Như lai nói, A-nan chưa nghe cho nên không thể nghĩ nhớ, duyên theo cảnh đã từng thọ nhận mới nói là nhớ.

Văn kinh: Cùng chúng đại Tỳ-kheo chín mươi tám ngàn vị.

Tán rằng: Giáo trùm khắp các căn cơ, phần chúng thành tựu có chia làm năm phần môn:

1. Nguyên nhân.
2. Quyền thật.
3. Bao nhiêu.
4. Hữu vô.
5. Giải thích văn.

Nguyên nhân có năm, như bản Kinh Pháp hoa Sớ; lại theo luận kinh Đại luận kinh bảo tích: "Có ba việc nên xếp vào chúng Thanh văn:

1. Đối với Đại thừa có nghi ngờ, khiến cho dứt trừ.
2. Có bất định, giúp cho thành tựu chánh tín.
3. Trừ tâm sở tác dĩ biện, khiến dứt trừ trí chướng, đạt được quả báo bậc thượng.

Vì có năm việc nên xếp vào chúng Bồ-tát:

1. Dứt nghi.
2. Ích lợi cho các hữu tình ở cõi này.
3. Khiến cho biết cõi khác có vô lượng Phật, khiến sinh tâm khao khát kính mến muốn được gần gũi.
4. Do Đức Thích-ca hóa độ.
5. Nói lên vì pháp từ các cõi xa xôi khác đến đây.

Các vị Bồ-tát này đã đạt đến địa vị Phật còn vì pháp mà đến, huống là đối với những hạng người còn lại.

Nói về Quyền thật: Theo luận kinh Phật địa chép: "Lúc Đức Thích-ca Mâu-ni nói kinh này, đại chúng Địa tiền thấy thân biến hóa ở cõi uế này vì họ nói pháp, đại chúng Địa thượng thấy thân thọ dụng ở

Tịnh độ Phật vì họ nói pháp, nghe tuy đồng mà thấy đều khác nhau."

Theo văn kinh này đã ở cõi uế vì chúng Địa tiền, tức Thanh văn là thật; các Đại Bồ-tát ứng ở Tịnh độ, cũng xếp vào trong cõi uế, tức là biến hóa. Nếu không như vậy thì các vị Đại Bồ-tát này từ Địa thứ tám trở lên thọ thân biến dịch, làm sao hữu tình cõi này thấy được.

Lại giải thích: Nói kinh này, Đức Phật đã dùng cả hai thân Biến hóa và Tha thọ dụng, do đó các vị Bồ-tát nếu thật thân thường ở nơi Tịnh độ Phật nghe kinh, người kiết tập không thể nêu ra cả hai, chỉ nói cõi ba thừa cùng thấy. Hoặc cõi rất thanh tịnh nơi Như lai an trụ, rõ ràng Bồ-tát đồng có khả năng trí chứng cũng ở cõi kia, tức thuộc về tịnh độ. Nhưng các vị Thanh văn theo luận Nhập Đại Thừa thì một ngàn hai trăm vị đều là biến hóa.

Theo nhiếp Đại thừa thì các vị như Xá-lợi-phất có ba loại:

1. Tánh bất định.
2. Tánh nhất định.
3. Biến hóa.

Luận chép: "Vô lượng vị Xá-lợi-phất cùng tên gọi, cho nên biết có nhiều loại".

Lại trong luận Bồ-đề Tư Lương chép: "Kinh Pháp Hoa có chép Xá-lợi-phất là do Phật, Bồ-tát biến hóa ra".

Đều là hóa. Kinh Pháp Hoa, quyển hai chép: "Xưa kia, ta từng ở chỗ hai mươi ức Đức Phật đều giáo hóa ông, nay ông quên hết rồi" tức là tánh bất định.

Luận Kinh Pháp Hoa chép: "Là hai loại Thanh văn, trừ tánh quyết định và tăng thượng mạn, vì căn cơ chưa thành thục".

Nay hội kinh này hoặc có thể có cả ba, các chúng còn lại quyền thật khó biết.

Kế là bao nhiêu: Sơ chúng thành tựu gồm có mười tám:

1. Chúng Thanh văn.
2. Chúng Bồ-tát.
3. Chúng Ly-xà-tỳ.
4. Chúng chư Thiên.
5. Chúng Long vương.
6. Chúng Dược-xoa tứ vương.
7. Chúng Yết-lộ-trà.
8. Chúng Hương tượng vương.
9. Chúng Kiền-thát-bà.
10. Chúng A-tu-la.

11. Chúng Khẩn-na-la.
12. Chúng Mạc-hô-lạc-già.
13. Chúng chư Thần.
14. Chúng chư Tiên.
15. Chúng Nhân vương.
16. Chúng Hậu phi.
17. Chúng Cận sự nam.
18. Chúng Cận sự nữ.

Đây là chúng ban đầu. Lại có bốn chúng:

1. Dưới đây nói: Bồ-tát Diệu tràng cùng vô lượng trăm ngàn Bồ-tát và vô lượng ức Na-dữu-đa trăm ngàn chúng sinh, tất cả cùng đến trên núi Thứu phong; đây là chúng nghe thọ lượng.

2. Phẩm Diệt Nghiệp Chướng chép: Lúc Đế-thích cùng tất cả thiên chúng và hằng hà nữ thần, cùng các đại chúng nhờ ánh sáng ít có đều đến chỗ Phật, đây là chúng muốn nghe sám hối.

3- Phẩm Thọ Ký chép: Lúc sắp thọ ký cho các vị Bồ-tát như Diệu tràng thì có mười ngàn vị Thiên tử, từ cõi trời đến đây muốn được thọ ký; đây là Chúng muốn được thọ ký.

4. Phẩm Thập Phương Bồ-tát Tán Thán chép: Lúc nói kinh này ở các thế giới mười phương có vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng Bồ-tát, đều từ cõi nước của mình đến núi Thứu phong nghe kinh khen ngợi Đức Phật, đây là Chúng nghe kinh khen ngợi.

Bốn là Hữu vô:

1. Trong chúng ba thừa không có chúng Độc giác.
2. Trong bốn bộ chúng không có chúng Tỳ-kheo-ni.
3. Trong hai vương không có chúng Luân vương.
4. Trong sáu đường không có chúng địa ngục.
5. Trong ba cõi không có chúng hai cõi trên, nhưng theo văn sau: Trời, người cõi Dục và cõi Sắc trong thất của Bồ-tát Diệu tràng lại cùng đến nhóm hội có chúng cõi Sắc.

Còn cuối phẩm mười lăm có chúng Tỳ-kheo-ni.

Hỏi: Nói kinh Nhân Vương Bát-nhã có chúng Độc giác và các tầng trời Vô sắc, nói kinh Pháp Hoa có hai hạng vương, đó là Kim Luân và Túc Tán, nói kinh Đà-la-ni có chúng địa ngục, hội này sao không có?

Đáp: Có lẽ lược bỏ không bàn đến. Y theo thực tế nên có thể có, như Tỳ-kheo-ni ở phẩm Tựa không xếp vào, xưa kia Kim Quang Minh nói chung không liệt kê chúng, há có thể không có sao? Hai là nói rằng:

Tỳ-kheo-ni và cõi Sắc ban đầu tuy không xếp vào nhưng văn sau nói có; Độc giác, Luân vương, địa ngục, Vô sắc ở trên văn sau không có, hoặc thời chưa thành thục, hoặc không thể thực hành cho nên không ghi vào.

Thứ là y theo văn giải thích: trước nêu ra mười tám chúng, sau nói về oai nghi. Trong phần trước lại có hai:

Đầu tiên nêu ra riêng sáu chúng, tiếp đó gồm nêu lên số còn lại; mười hai chúng hoặc có thể chia làm hai: Đầu tiên nêu ra Thánh chúng, sau nêu ra phàm chúng.

Trong phần nêu Thánh chúng, thứ nhất chúng Thanh văn, văn chia làm bốn:

1. Nêu loại và số.
2. Khen ngợi công đức.
3. Nêu tên gọi.
4. Nói về đến chỗ Phật.

Trước tiên nêu loại và số như bản Pháp hoa sớ có nói.

Văn kinh: Đều là bậc A-la-hán thường khéo điều phục như Đại tượng vương các lậu đã dứt sạch, không còn phiền não.

Tán rằng: Khen ngợi công đức theo luận Kinh Pháp hoa có mười sáu câu. Khen ngợi công đức La-hán. Nay kinh này thứ lớp văn tuy khác nhưng đại ý là giống nhau. Theo luận đó giải thích là mười sáu câu, luận ấy trích kinh nói: Đều là bậc A-la-hán các lậu đã sạch, không còn phiền não, được tự tại chân thật tức kinh này nói đạt được đại tự tại.

Khéo được tâm giải thoát, khéo được tuệ giải thoát, tức kinh này nói tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát. Tâm khéo điều phục tức kinh này nói có công năng khéo điều phục. Cũng như Đại long vương tức kinh này nói như Đại tượng vương. Đã làm những việc phải làm tức kinh này nói trú thanh tịnh giới. Dĩ biện sở biện thì kinh này nói việc đã làm xong, bỏ các gánh nặng, đến được tự lợi, sạch các hữu kiết. Khéo đạt được chánh trí tâm giải thoát tức kinh này nói chứng đạt tám giải thoát. Dốc lòng tự tại tức kinh này nói khéo léo phương tiện trí tuệ trang nghiêm. Khéo léo phương tiện cũng thuộc về trí tuệ cho nên là rốt ráo bậc nhất.

Đã đến bờ kia là kinh này nói đã đến bờ kia. Luận ba lần giải thích: Thứ nhất thượng thượng khởi môn, thứ hai tổng biệt tướng môn, thứ ba nhiếp lấy sự môn. Thượng thượng khởi môn: Nay tạm thời dựa theo luận chỉ ra phối hợp với văn đó, giải thích đầy đủ như Pháp hoa sớ giải. Hoặc do câu trên nên câu dưới được hiển bày, hoặc do câu dưới

mà câu trên được hiển bày, chẳng phải duy nhất cho nên gọi là thượng thượng khởi. Theo luận nay sẽ dùng câu thứ tư giải thích câu thứ nhất, dùng câu thứ sáu, thứ bảy giải thích câu thứ hai như Đại tượng vương, dùng câu thứ chín, thứ mười giải thích câu thứ ba, dùng câu thứ mười hai giải thích câu thứ tư, dùng câu thứ tư giải thích câu thứ năm.

Văn kinh: Tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, việc đã làm xong, bỏ các gánh nặng đến được tự lợi.

Tán rằng: Theo luận hai loại tâm giải thoát tuệ giải thoát trong văn, không dùng câu nghĩa trên dưới để giải thích. Việc đã làm xong theo luận thì ngay nơi câu tự giải thích. Bỏ các gánh nặng theo luận ở đây sẽ liên kết trên dưới để giải thích, dùng câu thứ tám, câu thứ mười ba để giải thích. Đến được tự lợi theo luận này sẽ dùng câu thứ chín giải thích câu thứ mười.

Văn kinh: Sạch các hữu kiết, được tự tại hoàn toàn, trú giới thanh tịnh, khéo léo phương tiện trí tuệ trang nghiêm, chứng đạt tám giải thoát, đã đến bờ kia.

Tán rằng: Sạch các hữu kiết theo luận ở đây nên dùng câu thứ mười giải thích. Câu thứ mười một được đại tự tại này theo luận lần lượt ứng với câu thứ tư. Nay ở câu thứ mười hai dùng bốn câu: thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy để giải thích.

Câu thứ mười hai trú thanh tịnh giới là theo luận lẽ ra phải là những việc phải làm đã làm xong. Giới học trọn vẹn thuộc về đạo đế, tức tịnh giới này là điều cần phải thực hành, theo luận cho rằng câu tự giải thích. Khéo léo phương tiện trí tuệ trang nghiêm hợp thành một câu. Vì cùng nhân trí y theo luận lẽ ra phải là dốc lòng tự tại.

Luận nói khéo vượt qua trí thấy đạo tu đạo, câu sẽ tự giải thích. Chứng được tám giải thoát y theo ở đây phải dùng câu thứ tư để giải thích. Câu thứ mười lăm đã đến bờ kia y theo luận ở đây phải dùng câu thứ mười lăm để giải thích. Câu thứ mười sáu theo đúng thì phải có bốn câu, vì câu dưới hướng lên câu trên để giải thích, nghĩa là câu thứ nhất dùng câu thứ tư để giải thích, câu thứ hai dùng câu thứ sáu, thứ bảy để giải thích, câu thứ ba dùng câu thứ chín, thứ mười để giải thích, câu thứ tư dùng câu thứ mười một để giải thích.

Kinh có sáu câu là câu trên hướng xuống câu dưới để giải thích, đó là câu thứ năm dùng câu thứ tư để giải thích, câu thứ mười dùng câu thứ chín để giải thích, câu thứ mười một dùng câu thứ mười để giải thích, câu thứ mười hai dùng câu thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy để giải thích, câu thứ mười lăm dùng câu thứ tư để giải thích, câu thứ mười

sáu dùng câu thứ mười lăm để giải thích.

Có ba câu sẽ tự giải thích, đó là việc phải làm đã làm xong, trú giới thanh tịnh, khéo léo phương tiện trí tuệ trang nghiêm. Có hai câu không giải thích, đó là tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát. Có một câu nối liền trên dưới để giải thích, đó là bỏ các gánh nặng. Bài tụng nói: Ở dưới giải thích ở trên có bốn câu, ở trên giải thích ở dưới có sáu câu, ba câu đơn, hai câu không giải thích, một câu chung cho trên dưới. Về Tổng biệt tướng môn: Đầu tiên A-la-hán là nghĩa Tổng ứng, mười lăm câu sau là nghĩa Biệt ứng. Do người Vô học thành mười lăm khác nhau ứng nghĩa ở dưới gọi là A-la-hán.

Nhưng theo luận thì văn theo thứ lớp khác nhau, lấy ý của luận đó dựa vào thứ lớp này để giải thích mười lăm ứng:

1. Ứng không nhanh không chậm; nói pháp như pháp tương ứng, không mệt mỏi cho nên như kinh nói có khả năng khéo điều phục.

2. Ứng tĩnh tọa nơi vắng lặng; thức ăn, đồ nằm, y phục tất cả của cải vật chất không chứa để, không gom góp, ít muốn biết đủ, cho nên như kinh nói như Đại Tượng Vương, tức là như kinh khác nói như đại long vương.

3. Ứng thọ các thứ thức ăn, đồ nằm cúng dường cung kính v.v... cho nên như kinh các lậu hoặc đã dứt bỏ.

4. Ứng giáo hóa tất cả đại chúng cho nên như kinh không còn phiền não.

5. Ứng hàng phục các thứ ngoại đạo cho nên như kinh nói tâm khéo giải thoát.

6. Ứng dùng trí tuệ mau chóng quán sát các pháp cho nên như kinh nói tuệ khéo giải thoát.

7. Ứng thực hành thánh hạnh không cho nên như kinh việc đã làm xong.

8. Ứng thực hành thánh hạnh vô tướng cho nên như kinh nói bỏ các gánh nặng.

9. Ứng thực hành thánh hạnh vô nguyện cho nên như kinh nói đến được tự lợi.

10. Ứng thực hàng phục tâm thiền tịnh thế gian cho nên như kinh nói sạch các hữu kiết.

11. Ứng vào trong các thôn xóm thành thị cho nên như kinh nói được tự tại hoàn toàn, tức là bản kinh dịch phần thứ tư đạt được tự tại chân thật.

12. Ứng luôn luôn thực hành thiện hạnh không mê đắm các thiền,

cho nên như kinh nói trụ trong giới thanh tịnh.

13. Ứng chứng đạt công đức Đệ-nhất-nghĩa, cho nên như kinh nói khéo léo phương tiện trí tuệ trang nghiêm.

14. Ứng phát khởi các công đức thần thông cao siêu cho nên như kinh chứng đạt tám giải thoát.

15. Ứng biết như thật chúng đồng sinh, đạt được các công đức làm lợi ích cho tất cả các chúng sinh, cho nên như kinh nói đã đến bờ kia.

Tụng nói: "Trung, tĩnh, thọ, tương, phục, dĩ, không, tướng, nguyện, hàng, nhập, hướng, chứng, khởi thông, như thật ứng, mười lăm". Nhiếp lấy sự môn: Theo luận Pháp hoa thì nhiếp lấy có mười thứ công đức, ở đây là mười một. Bởi trong các công đức loại thứ hai nhiếp lấy thuộc về ba câu, chia ra làm hai:

1. Hàng phục thế gian.

2. Hàng phục xuất thế gian.

Ở đây thứ lớp không giống với luận đó, mở rộng loại thứ hai thành hai công đức, vậy là gồm mười một loại:

1. Nhiếp lấy công đức không trái, thuận theo giáo hạnh của Như lai, như kinh có khả năng khéo điều phục.

2. Nhiếp lấy công đức thù thắng, như kinh như đại tượng vương.

3. Nhiếp lấy công đức như kinh các lậu đã dứt sạch không còn phiền não.

4. Nhiếp lấy công đức hàng phục người học xuất thế gian, như kinh tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát.

5. Nhiếp lấy đầy đủ công đức, đầy đủ địa hữu học, như kinh việc đã làm xong.

6. Nhiếp lấy công đức vượt qua tất cả: Một là vượt qua ái; hai là vượt qua cầu mong cúng dường cung kính, ba là vượt qua cõi trên dưới đã qua địa hữu học; như kinh bỏ các gánh nặng đến được tự lợi, sạch các hữu kiết.

7. Nhiếp lấy công đức hàng phục thế gian, như kinh nói được tự tại hoàn toàn.

8. Nhiếp lấy công đức cao quý, những việc phải làm, như việc cần làm đó là nương theo pháp cúng dường cung kính tôn trọng Như lai, như kinh nói trú trong giới thanh tịnh.

9. Nhiếp lấy công đức nên làm lợi ích cho chúng sinh, như kinh nói khéo léo phương tiện trí tuệ trang nghiêm.

10. Nhiếp lấy công đức thượng thượng, như kinh nói chứng đạt tám giải thoát.

11. Nhiếp lấy công đức thượng thủ, như kinh nói đã đến bờ kia.

Ở đây chỉ phối hợp sơ lược với văn kinh để giải thích văn như Pháp hoa sớ phân tích.

Tụng nói: "Bất vi, thắng, công đức, hàng, mãn, ba thứ lỗi, phục thế, việc nên làm, lợi ích, thượng thượng thủ".

Văn kinh: Tên các vị đó là: Cụ thọ A-nhã Kiều-trần-như, Cụ thọ A-thuyết-thị-đa, Cụ thọ Bà-niết-ba, Cụ thọ Ma-ha-na, Cụ thọ Bà-đế-lợi-ca.

Tán rằng: Sau nêu ra tên gọi. Có hai: Đầu tiên nêu ra người Vô học, tiếp đến chọn lựa người Hữu học. Trong hàng Vô học nêu ra mười một vị, các kinh nêu tên trước sau không cố định, ở đây phần lớn y theo thứ lớp xuất gia. Như kinh Báo Ân nói, đây chính là năm vị Tỳ-kheo đầu tiên. Trước là nhân duyên cứu độ và giải thích nêu gọi là Trần-như, như Pháp hoa sớ. Nói Cụ thọ là đầy đủ hai thứ phước, tuệ, nhưng bản dịch xưa phần nhiều gọi là tuệ mạng, ở đây nói lên cả hai đều thành tựu cho nên nói là Cụ thọ.

A-thuyết-thị-đa: A-thuyết, Hán dịch là Mã, Thị-đa, Hán dịch là Thắng; cũng nói là A-thuyết-bà-thị-đà, tức là người xưa nói Tỳ-kheo Mã Thắng.

Bà-niết-ba, Hán dịch là Khí Tức.

Ma-ha-na-ma, Hán dịch là Đại Danh, là người con thứ hai của vua Cam Lồ Phạn, vua có hai người con: Một là A-nê-luật-đà, hai là Ma-ha-na-ma.

Bà-đế-lợi-ca, Hán dịch là Thiện Hiền, là người con thứ hai của vua Bạch Phạn; vua có hai người con: Một tên là Nan-đề-ca, hai tên là Bà-đế-lợi-ca.

Văn kinh: Đại Ca-diếp, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Già-da Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp, Xá-lợi Tử, Đại Mục-kiền-liên.

Tán rằng: Sáu vị này như bản Pháp hoa sớ ghi.

Văn kinh: Chỉ có A-nan-đà trụ nơi địa hữu học.

Tán rằng: Phân biệt với người Hữu học.

Văn kinh: Các vị Đại Thanh văn như vậy.

Tán rằng: Kết thúc sự khen ngợi. Vì có đủ công đức ở mười sáu câu trước nên gọi là Đại Thanh văn.

Văn kinh: Vào lúc xế chiều các ngài đều xuất định đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, đi vòng quanh bên phải ba vòng lùi lại ngồi về một phía.

Tán rằng: Thứ tư đến chỗ Phật, văn chia làm bốn:

1. Đến lúc.
2. Xuất định.
3. Đến chỗ Phật.
4. An trụ oai nghi.

Ngoài ra đều theo như ở đây.

Văn kinh: Lại có Bồ-tát Ma-ha-tát trăm ngàn muôn ức vị đều đến.

Tán rằng: Nói về chúng Bồ-tát, mạch văn cũng chia ra làm bốn. Đây là nêu số loại, cũng như bản Pháp Hoa Sớ, Đại Bát-nhã quyển bốn trăm tám mươi sáu nói rộng về từ ngữ Ma-ha-tát. Các kinh luận nói về số lớn nhỏ khác nhau. Ở đây phải nói là trăm phần ngàn muôn ức Bồ-tát.

Thứ đến là khen ngợi đức có hai mươi lăm câu, văn kinh chia làm hai mươi hai loại đức:

1. Đức cụ đại thần thông.
2. Đức danh cao tha ủy.
3. Đức tu nhân tròn đầy.
4. Đức hiện tướng lợi sinh.
5. Đức cụ biện thuyết pháp.
6. Đức ly chư chướng nhiễm.
7. Đức thiệu Phật bất đoạn.
8. Đức hàng phục ma oán.
9. Đức tồi chư ngoại đạo.
10. Đức kế Phật tuyên dương.
11. Đức nghiêm tịnh Phật độ.
12. Đức tha lợi bất hư.
13. Đức tự lợi cụ nhẫn.
14. Đức thường nhiếp hữu tình.
15. Đức thị Phật bất diệt.
16. Đức hoằng thệ vô cùng.
17. Đức thâm thực thiện nhân.
18. Đức liễu pháp vô sinh.
19. Đức duyên cảnh bất cộng.
20. Đức thiện xảo hóa sinh .
21. Đức xiển dương thánh giáo.
22. Đức chứng pháp vô nghi.

Văn kinh: Có uy đức rộng lớn như đại long vương.

Tán rằng: Đức thứ nhất có đủ thần thông rộng lớn gọi là uy đức

rộng lớn, thường dứt trừ bất tín, luôn phát sinh gốc lành, giống như đại long, thường tuôn mưa đá dứt sạch bất tín, luôn rót mưa lành nảy sinh mầm thiện. Lại có uy lực, theo Du-già ba mươi bảy giải thích nhiều về uy lực, hoặc uy lực này là chung cho các câu, vì uy lực có nhiều loại.

Văn kinh: Tiếng tăm vang danh khắp nơi, mọi người đều biết.

Tán rằng: Đức thứ hai là tên tuổi vang lừng khắp vô lượng thế giới, tất cả chúng sinh đều biết.

Văn kinh: Thực hành giới thanh tịnh, thường ưa thích vâng giữ thọ trì.

Tán rằng: Đức thứ ba là thâu nhiếp toàn bộ sáu độ, nhân tu mới trọn vẹn; vô nhiễm tối thắng trong bảy tối thắng gọi là thanh tịnh, hoặc ba luân thanh tịnh như kinh Giải thâm mật v.v... Sáu Độ mỗi Dộ đều có mười thứ thanh tịnh, rộng như kinh kia nói. Thường xuyên tu tập không bỏ gọi là ưa thích vâng giữ, tức là ý thường ưa thích. Bảy tối thắng, sáu ý lạc, mỗi thứ đều nêu ra một để nói những thứ còn lại.

Văn kinh: Nhẫn nại thực hành tinh phải trải qua vô lượng kiếp.

Tán rằng: Đại tánh tinh tấn trong bảy đại tánh, cũng thâu nhiếp cả điều khác.

Văn kinh: Vượt qua các tịnh lự, hệ niệm hiện tiền, khai thông trí tuê, khéo tu phương tiện.

Tán rằng: Các Bồ-tát này từ Địa thứ tám trở lên niệm niệm gấp bội trước đây, và vượt qua hai thừa gọi là Siêu, thường ở trong định nên gọi là hệ niệm hiện tiền, phô diễn giương cao ngọn cờ giáo pháp gọi là mở rộng cửa tuệ.

Vì vậy luận Pháp Hoa chép: “Môn Trí tuệ đó gọi là A-hàm sâu xa”. Phân biệt thông hiểu gọi là khéo tu phương tiện. Lại nữa, các nguyện lực khéo tu phương tiện, hoặc lại tu tạo đầy đủ mười hai thiện xảo. Ý văn kinh này là thanh tịnh vâng giữ trải qua vô lượng kiếp đều liên kết với các độ. Sáu độ sơ lược phân tích như bản Vô cấu xưng sớ.

Văn kinh: Đến đi tự tại thần thông mầu nhiệm.

Tán rằng: Đức thứ tư, theo kinh Hoa nghiêm, Phật tử có mười thứ thần thông du hý, đó là:

1. Hiện đời xả bỏ tuổi thọ cõi trời.
2. Hiện thọ sinh.
3. Hiện làm đồng tử.
4. Hiện làm xuất gia.
5. Ưa thích khổ hạnh.
6. Hướng về cây Bồ-đề.

7. Hiện việc hàng ma.

8. Hiện việc ưa thích vắng lặng, thành vô thượng giác.

9. Xoay bánh xe pháp.

10. Nhập Niết-bàn.

Ý hiển bày các tướng làm lợi ích cho chúng sinh, rộng như trong hội Đại Bát-nhã tối thắng Thiên vương có giải thích.

Văn kinh: Đến được tổng trì, biện tài vô tận.

Tán rằng: Đức thứ năm, được bốn tổng trì và bốn biện tài, thảy đều vô tận, không chỉ một thắng bất đoạn tận trong bảy bất đoạn tận nên nói là vô tận, mà vì lợi tha không dứt nên đều là vô tận.

Văn kinh: Dứt các phiền não, lụy nhiễm đều không còn.

Tán rằng: Đức thứ sáu, ba thứ hoặc, nghiệp, khổ như phiền não lụy nhiễm dưới đây, hoặc trở lại não lụy là chủng hiện, nhiễm tức là thói quen đồng thời là sở tri chướng. Bởi vì phiền não đều đồng một tên gọi, đã đích thực dứt bỏ hết nên gọi là đều.

Văn kinh: Không bao lâu sẽ thành tựu Nhất-thiết-chủng-trí.

Tán rằng: Đức thứ bảy là nối tiếp Phật không dứt. Các vị Bồ-tát này vượt qua trước hai kiếp, hoặc ở địa vị pháp vân, đều bổ sung vào nhất sinh, gọi là không lâu. Bồ-đề ở tương lai, nên nói là đương sẽ thành. Đạt đến Tát-bà-nhã nói là Nhất-thiết-chủng-trí. Chủng là chủng loại, hoặc Không, hoặc Hữu, hoặc Lý, hoặc Sự gọi là Nhất-thiết-chủng. Ở đây đều thông suốt gọi là Nhất-thiết-chủng-trí, thuộc về y chủ thích. Nhất thiết chủng ở đây là cảnh thanh.

Văn kinh: Hàng phục chúng quân ma, đánh trống pháp.

Tán rằng: Đức thứ tám là hàng phục ma oán. Ma tức là bốn ma, quân là mười quân, rộng như Pháp Uyển phá ma chương có phân rõ. Ma quân thuận theo cảm hóa thắng địch trước kêu la, hiển bày thật, khai mở quyền là gióng trống pháp.

Văn kinh: Chế ngự các ngoại đạo giúp cho họ khởi tâm thanh tịnh.

Tán rằng: Đức thứ chín là dẹp tan các ngoại đạo, đầy đủ bốn Vô úy, dẹp tan các ngoại đạo, giúp cho sinh khởi chánh tín gọi là khởi tịnh tâm.

Văn kinh: Chuyển diệu pháp luân, độ chúng trời, người.

Tán rằng: Đức thứ mười là tiếp nối Phật tuyên dương. Đối với các tư lương năm vị chuyển, bốn vị, hai pháp luân không lui sụt, như bản Pháp hoa sớ phân rõ.

Văn kinh: Cõi Phật mười phương đều đã trang nghiêm.

Tán rằng: Đức thứ mười một là trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Đóng kín tất cả các cửa đường ác là nghĩa của Tịnh độ, như bản Vô cấu xưng sớ.

Văn kinh: Hữu tình trong sáu đường đều được lợi ích.

Tán rằng: Đức thứ mười hai là lợi tha không luống dối. Tiếng Phạm gọi là Đệ-lợi-cù-ni-đa, Hán dịch là bàng sinh. Tiếng Phạm gọi là Na-lệ-đa, Hán dịch là ngạ quỷ, cũng gọi là Bế-lệ-đa. Tiếng Phạm là Mạt-nô-sa, Hán dịch là nhân.

Tên của ba đường: Trời, Tu-la, Địa ngục và nghĩa của sáu đường, như Pháp hoa sớ có nói. Khéo biết căn tánh nên ở trong năm đường hiện bày thân hình, khéo léo phương tiện gắng sức hiện thân nói pháp, người thấy nghe ai cũng được lợi ích. Vì có khả năng thành tựu bốn pháp, có thể hóa độ chúng sinh đều được lợi ích.

Kinh Tư Ích một chép: "Một là Thường cầu lợi ích, yên ổn chúng sinh, hai là Tự xả bỏ niềm vui của mình; ba là Tâm tư hài hòa nhẫn nại, bốn là dứt bỏ diệt kiêu mạn".

Văn kinh: Thành tựu đại trí, đầy đủ bất nhẫn.

Tán rằng: Đức thứ mười ba là tự lợi đầy đủ nhẫn. Thành tựu trí tự lợi, đầy đủ ba đại nhẫn; tức là do tương ưng với bảy đại kia nên đều gọi là Đại. Hoặc là đại trí tức là trí đại tánh, hiểu rõ đầy đủ hai Không. Nhưng Du-già nhiếp dị môn phần chép: "Đại trí đó là tu hành trải qua vô lượng kiếp gọi là đại trí, tức là thời đại tánh trong bảy đại tánh".

Do đó, biết rằng nhẫn gọi là Đại, cũng đồng với Trí. Lại giải thích: Như luận Trí Độ sáu chép: Đại nhẫn thành tựu là vì hai loại đẳng nhẫn, pháp nhẫn này thêm lớn cho nên gọi là đại nhẫn, cụ túc tức là nghĩa thành tựu.

Lại có nhiều loại, hoặc có thể, thành tựu là đạt được, nghĩa là đạt được thắng phẩm gọi là Đại nhẫn. Cho nên luận đó giải thích rằng: Hai nhẫn này thêm lớn gọi là Đại nhẫn.

Lại giải thích: Nay nói đầy đủ tức là có đủ ba nhẫn là nại oán hại nhẫn, an thọ khổ nhẫn và đế sát pháp nhẫn. Nhưng theo kinh Vô tận ý: tức là nhờ đầy đủ Đại nhẫn sẽ thành tựu Đại trí. Kinh ấy chép: Tu bốn nhẫn sau đây sẽ đầy đủ trí tuệ:

1. Lúc cầu pháp nhẫn chịu người khác mắng chửi.
2. Không ngại lạnh nóng gió mưa v.v...
3. Vâng theo lời Hòa thượng xà-lê dạy bảo.
4. Lúc cầu pháp thực hành nhẫn không, vô tướng.

Y theo đây thì nên dùng câu dưới để giải thích Đại trí ở câu trên.

Văn kinh: An trụ trong tâm đại Từ bi, có năng lực rất vững chắc.

Tán rằng: Đức thứ mười bốn là thường nhiếp hữu tình, cho nên luận như Kinh Pháp hoa nói: "Nhiếp lấy chúng sinh phương tiện là như kinh dùng từ tu thân, đã có lòng Từ thì không vui ban cho vui, Bi có khả năng khổ thì nhổ gốc khổ, cho nên thường nhiếp lấy chung sinh". Đều nói Đại là khác với Nhị thừa, cho nên chẳng phải là Đại bi trong đức bất cộng của Phật, đức đó chỉ có Phật thành tựu gọi là bất cộng. Vì có năng lực rất vững chắc, thường thực hành không xả bỏ gọi là vững chắc.

Kinh Tư Ích một chép: "Bồ-tát có bốn pháp, làm vững chắc tâm mình mà không mỏi mệt:

1. Đối với chúng sinh phát khởi đại bi.
2. Tinh tấn không lười nhác.
3. Tin hiểu sinh tử như mộng.
4. Suy nghĩ hợp với trí tuệ của Phật."

Ý này do thương xót chúng sinh mà tinh tấn không lười nhác, thấy sinh tử khổ đau như mộng không thật, suy tư cầu trí Phật cho nên thực hành từ bi làm vững chắc tâm mình.

Văn kinh: Mãi mãi kính thờ các Đức Phật, không nhập Niết-bàn.

Tán rằng: Đức thứ mười lăm là hầu hạ Phật, không diệt độ. Đối với tất cả các Đức Phật thường tu tập chánh hạnh gọi là lần lượt kính thờ các Đức Phật. Vì cứu độ chúng sinh không có lúc nào ngưng nghỉ, không cầu nhập Niết-bàn. Luận Biện Trung Biên chép: "Vì lợi tha không ngưng nghỉ".

Văn kinh: Phát tâm hoằng thệ, tận mé vị lai.

Tán rằng: Đức thứ mười bảy là trồng sâu nhiều nhân lành, tức các kinh Pháp Hoa v.v... chép: "Ở chỗ các Đức Phật gieo trồng nhiều gốc đức". Tức là ở chỗ các Đức Phật tu mười cúng dường gọi là tịnh nhân. Sở cầu Bồ-đề, sở tu mười cúng dường, hai loại này đều là nhân, hoặc nhân của tịnh, hoặc nhân tức là tịnh.

Văn kinh: Đối với pháp ba đời, ngộ Vô sinh nhẫn.

Tán rằng: Đức thứ mười tám là hiểu các pháp là vô sinh. Chứng ngộ ba Vô sinh nhẫn, nương vào không tướng môn, giải thoát môn quán sát tánh biến kế, chứng ngộ bổn tánh Vô sinh nhẫn, nương vào vô nguyện thoát môn quán sát y tha khởi, ngộ tự nhiên Vô sinh nhẫn, nương vào Vô tướng môn, giải thoát môn quán sát viên thành thật, chứng ngộ hoặc khổ Vô sinh nhẫn.

Hỏi: Biến kế không có thể tánh, viên thành thật là thường trú, nay văn kinh này nói pháp ba đời, làm sao có thể nói quán sát ba tánh đạt

được ba loại nhẫn?

Đáp: Ở trên y tha khởi quán sát hai Ngã là không có, tức là trong y tha khởi cũng có Viên thành thật, chẳng phải tức, chẳng phải lìa. Vì thế bài tụng trong Biện trung biên chép: "Luống dối phân biệt có, hai thứ này đều không, Có, Không chỉ trong này". Đây là ý có luống dối phân biệt, ở trong đây hai Ngã đều không có, trong y tha khởi này chỉ có chân không. Cho nên ba đời chỉ nêu ra y tha khởi để hiển bày hai tánh còn lại.

Văn kinh: Vượt qua cảnh giới sở hành của Nhị thừa.

Tán rằng: Đức thứ mười chín là duyên cảnh bất cộng. Hành tướng duyên cảnh của Nhị thừa có thể đạt được, Bồ-tát không như vậy, cho nên trong luận Vô Tánh Nhiếp tám chép: "Trí vô phân biệt đối với cảnh chân như tương tự mà hành". Ý này là chân như không có tất cả tướng, trí xứng hợp với như cũng không có hành tướng, lại hiểu rõ hai không, kia chỉ hiểu có một cho nên vượt qua Nhị thừa.

Văn kinh: Dùng đại thiện xảo giáo hóa thế gian.

Tán rằng: Đức thứ hai mươi là thiện xảo hóa sinh. Nương vào sáu thần thông và mười hai phương tiện khéo léo, ngoài sáu loại thích hợp mà giáo hóa thế gian. Hoặc nương vào Đại thừa nói về các uẩn, giới v.v... dùng các cách khéo léo để giáo hóa thế gian, phân biệt Tiểu thừa nên gọi là đại thiện xảo.

Văn kinh: Đối với giáo pháp của Đại sư thường phô bày giảng nói.

Tán rằng: Đức thứ hai mươi mốt là mở mang Thánh giáo. Vì có thể nương vào giải thích pháp trong phần Nhiếp thích của Du-già tám mươi mốt, cho nên nói đối với giáo pháp của Đại sư thường phô bày giảng nói, trú ở Thiện Huệ địa.

Văn kinh: Pháp bí mật sâu xa không tánh đều đã rõ biết không còn nghi ngờ.

Tán rằng: Đức thứ hai mươi hai là rõ pháp không còn nghi. Bí mật gồm có bốn, tức ba không tánh gọi là sâu xa. Như luận Pháp Hoa giải thích: Trí tuệ của các Đức Phật có năm sự sâu xa, tánh của trí tuệ cũng gọi là trí tuệ:

1. Nghĩa sâu xa.
2. Thể.
3. Nội chứng.
4. Y chỉ.
5. Vô thượng.

Khác với cảnh Nhị thừa cho nên gọi là sâu xa, hậu trí có công năng hiểu rõ trí căn bổn, nghi ngờ về sự lý đã hết cho nên không còn mê hoặc.

Văn kinh: Tên các vị đó là Bồ-tát Vô Chướng Ngại Xoay bánh xe pháp, Bồ-tát Thường Phát Tâm Xoay bánh xe pháp, Bồ-tát Thường Tinh Tấn, Bồ-tát Bất Hưu Tức.

Tán rằng: Thứ ba là nêu ra tên họ của năm mươi ba vị, đức rộng danh cao thấy nghe được lợi ích, không thể nêu ra đầy đủ, nên lược nêu một số như vậy. Sự đặt tên ở đây, hoặc là thuận theo bổn nguyện, hoặc là thuận theo đức hạnh, tự tha ích lợi thù thắng để lập nên tên gọi đó. Đầu tiên hai vị nói pháp, sau đó hai vị tinh cần, nói pháp và tinh tu hợp nhau, đều bởi thường hàng phục hai bốn loại ma, cho nên Xoay bánh xe pháp không có gì chướng ngại, có thể nói không lui sụt cho nên có thể xoay bánh xe pháp không lui sụt, vì thế không có chướng ngại. Hoằng pháp không ngưng nghỉ, thương xót hữu tình, thường phát tâm vì chúng sinh mà chuyển pháp, có thể được lạc thuyết không lui sụt. Do được lạc thuyết biện tài không đuối lý, thường phát tâm chuyển tự lợi luôn luôn tinh cần, cho nên gọi là Thường Tinh Tấn, lợi tha thường sách tấn nên gọi là Bất hưu tức, hoặc tha lợi, tự lợi hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Từ Thị, Bồ-tát Diệu Cát Tường, Bồ-tát Quán Tự Tại.

Tán rằng: Từ thị, tiếng Phạm là Mai-đát-lệ-duệ, Hán dịch là Từ thị, hoặc dịch là Na, tức sinh trong họ Từ, hoặc bổn tánh hành từ, hoặc gọi là Duệ-ni, tức là trong giọng nữ, bởi vì mẹ mang lòngTừ. Mạn-thù-thất-lợi, Hán dịch là Diệu cát tường. A-phược-lực-chỉ-đế-ôn-đại-la-da, Hán dịch là Quán tự tại. Ba vị đầu tiên này tức là ban vui cứu khổ, Cát tường ban vui, Quán âm cứu khổ, ban vui, cứu khổ hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Tổng Trì Tự Tại Vương, Bồ-tát Đại biện Trang Nghiêm Vương.

Tán rằng: Ở Địa thứ chín xa lìa được hai thứ ngu, đầy đủ bốn biện tài, cho nên Tổng trì tự tại; đầy đủ bảy biện tài, thường thực hành Đại thừa gọi là Đại biện trang nghiêm. Trì pháp và nói pháp hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Diệu Cao Sơn Vương, Bồ-tát Đại Hải Thân Vương.

Tán rằng: Trí tuệ khó mong cầu như núi Chúa diệu cao, định đó không thể lường giống như biển lớn, trí, định tự tại đều giống như vương. Trí cao và định sâu hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Bảo Tràng, Bồ-tát Đại Bảo Tràng, Bồ-tát Địa

Tạng, Bồ-tát Hư Không Tạng.

Tán rằng: Hiểu rõ hữu cao xa quý giá như cờ báu, hiểu rõ không cao xa quý giá gọi là Đại bảo tràng, hiểu hữu, hiểu không hợp nhau. Đại bi gánh vác biên địa là Tạng, thường dùng hư không để làm Bảo tạng; đại bi và đại trí hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Bảo Thủ Tự Tại, Bồ-tát Kim cương Thủ, Bồ-tát Hoan Hỷ Lực, Bồ-tát Đại Pháp Lực.

Tán rằng: Ở đây có hai hợp nhau. Tay sản sinh ra châu báu thường pháp trừ nghèo khốn, tay trí tuệ có công năng phá diệt hai chướng tự tha, gọi là Kim cương thủ. Cứu nghèo và phá chướng hợp nhau. Vui mừng thích ý thường thực hành khó khuất phục gọi là Hoan hỷ lực, thực hành pháp Đại thừa, thường hàng phục các chướng vô minh khác, hoặc tự nương theo pháp dứt trừ các chướng nên gọi là Đại pháp lực. Khó khuất phục và hàng phục người khác hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Đại Trang Nghiêm Quang, Bồ-tát Đại Kim Quang Trang Nghiêm.

Tán rằng: Dùng ánh sáng Đại trí của định để tự trang nghiêm gọi là Đại trang nghiêm quang, đem kinh Kim quang minh tối thắng vương để lợi ích cho mọi người gọi là Đại kim quang trang nghiêm, phân biệt lợi mình, lợi người nên gọi là Đại. Tự trang nghiêm và trang nghiêm người khác hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Tịnh Giới, Bồ-tát Thường Định, Bồ-tát Cực Thanh Tịnh Tuệ.

Tán rằng: Ba thứ nhân ba học này đều được hoàn thiện, y theo chân thật cùng tu, y theo bổn nguyện mà nói. Đại phước và đại trí hợp nhau. Giới phước và tuệ trí, hai thứ định, thông, hoặc từ nơi trí, có công năng phát sinh trí.

Văn kinh: định, thông Kiên Cố Tinh Tấn, Bồ-tát Tâm Như Hư Không, Bồ-tát Bất Đoạn Đại Nguyện.

Tán rằng: Do ba điều rèn luyện răn nhắc, không lui sụt gọi là kiên cố tinh tấn; tâm đó không ngăn ngại như hư không, bốn không nguyện rộng bỏ gọi là bất đoạn đại nguyện. Không lui sụt và thường tu hợp nhau, như hư không có cả hai.

Văn kinh: Bồ-tát Thí Dược, Bồ-tát Liệu Chư Phiền Não Bệnh, Bồ-tát Y Vương.

Tán rằng: Cho thuốc là chữa trị thân bệnh, chữa trị phiền não là dứt trừ tâm bệnh, thầy thuốc chữa khỏi tất cả. Chữa trị bệnh thân và chữa trị bệnh tâm hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Hoan Hỷ Cao Vương, Bồ-tát Đắc Thượng Thụ Ký.

Tán rằng: Nếu thấy chúng sinh mỉm cười, trước nói khiến cho sinh vui mừng, nên được tự tại gọi là Cao vương; ở nơi địa vị quán đảnh được thọ ký trước. Tha tiến và tự tiến hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Đại Vân Tịnh Quang, Bồ-tát Đại Vân Trì Pháp, Bồ-tát Đại Vân Danh Xưng Hỷ Lạc, Bồ-tát Đại Vân Hiện Vô Biên Xưng.

Tán rằng: Mây đại pháp trí chứa mưa các đức gọi là Đại vân, còn lại đều y theo đây. Trí có công năng trừ sạch dơ bẩn, tối tăm gọi là Tịnh quang, tham các công đức gọi là Trì pháp. Trừ ám và trì pháp hợp nhau. Tiếng tốt, khắp nơi nghe danh đều ưa thích, lạc âm ngũ hiếu phản danh, trùm khắp mười phương gọi là hiện vô biên xưng, vui của người và nghe xa hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Đại Vân Sư Tử Hống, Bồ-tát Đại Vân Ngưu Vương Hống, Bồ-tát Đại Vân Cát Tường, Bồ-tát Đại Vân Bảo Đức.

Tán rằng: Việc làm quyết định gọi là Đại sư tử hống, thường dẹp tan kẻ thù gọi là đại vân ngưu vương hống. Trên đây hai thứ năng tác và năng hàng hợp nhau. Có công năng sinh ra phước lợi to lớn gọi là Cát tường; thiện pháp tự trang nghiêm gọi là Bảo đức, người được lợi ích, mình được lợi ích hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Đại Vân Nhật Tạng, Bồ-tát Đại Vân Nguyệt Tạng, Bồ-tát Đại Vân Tinh Quang, Bồ-tát Đại Vân Hỏa Quang.

Tán rằng: Phá trừ tối tăm bất thiện giống như mặt trời, thường giúp cho yên vui giống như mặt trăng. Phá ác và chứng chân hợp nhau. Các thứ ánh sáng soi chiếu như các vì sao, tùy theo tình hình thành tựu như ánh lửa. Năng chiếu và năng thành hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Đại Vân Điện Quang, Bồ-tát Đại Vân Lôi Âm.

Tán rằng: Trong đêm dài sinh tử thường làm ánh sáng chiếu soi, hiện bày chánh đạo gọi là Điện quang. Nói pháp kinh động sắc bén giống như tiếng sấm. Thị đạo và kinh ngộ hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Đại Vân Tuệ Vũ Sung Biến, Bồ-tát Đại Vân Thanh Tịnh Vũ Vương.

Tán rằng: Pháp có công năng sinh ra trí gọi là Tuệ vũ, pháp có công năng dứt trừ tai chướng gọi là thanh tịnh vũ. Có uy lực cho nên giống như mưa, thảy đều lợi ích cho nên đầy khắp. Sinh thiện và diệt ác hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Đại Vân Hoa Thọ Vương, Bồ-tát Đại Vân Thanh

Liên Hoa Hương, Bồ-tát Đại Vân Bảo Chiên-đàn Hương Thanh Lương Thân.

Tán rằng: Nhân hạnh đã đầy đủ, sắp được quả Giác, gọi là Thọ hoa vương. Thường giảng nói lý mầu mở mắt cho chúng sinh, công đức vang xa khắp nơi gọi là Thanh liên hoa hương. Được pháp thân thanh tịnh, đầy đủ năm phần hương gọi là Bảo Chiên-đàn hương. Thân thanh lương ở Pháp vân địa đạt được pháp thân trọn vẹn các công đức. Thành nhân và hiện quả hợp nhau. Hai vị đầu là nhân, dùng hoa đạt được quả. Một vị sau là quả, gọi là Lương thân.

Văn kinh: Bồ-tát Đại Vân Trừ Ám, Bồ-tát Đại Vân Phá Ế.

Tán rằng: Thường xua tan ngu si tăm tối gọi là Trừ ám, thường phá trừ hai chấp gọi là Phá ế. Phá ámvà trừ chấp hợp nhau.

Văn kinh: Vô lượng các vị Đại Bồ-tát như thế.

Tán rằng: Tổng kết.

Văn kinh: Đều lúc xế chiều xuất định, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi lùi lại ngồi về một phía.

Tán rằng: Đoạn văn đến chỗ Phật có bốn phần, như trước giải thích.

Văn kinh: Lại có năm ức tám ngàn vị đồng tử Lê-xa-tỳ.

Tán rằng: Đoạn văn thứ ba chia ra làm bốn phần. Phần nêu bày loại số này, xưa nói: Lý-xa hoặc nói Ly-cô-tỳ, nay nói Lợi-xa-tỳ phẩm Vô Cấu Xứng trong kinh Duy-ma nói là năm trăm vị trưởng giả, không nói vương chủng, hoặc Vương chủng này cũng gọi trưởng giả, như trưởng giả Kỳ-vực.

Văn kinh: Tên của họ là Đồng tử Sư Tử Quang, Đồng tử Sư Tử Tuệ, Đồng tử Pháp thụ.

Tán rằng: Thứ hai là nêu ra tên gọi, có hai mục: Đầu nêu ra, sau kết thúc. Có quyết định trí quang, có quyết định tuệ, có khả năng trao chánh pháp cho các hữu tình. Như dưới đây phối hợp cả ba.

Văn kinh: Đồng tử Nhân-đà-la Thụ, Đồng tử Đại Quang, Đồng tử Đại Mãnh, Đồng tử Phật Hộ, Đồng tử Pháp Hộ, Đồng tử Tăng Hộ.

Tán rằng: Xin Thiên đế, Thiên đế trao cho gọi là Nhân-đà-la thu, thường dùng lửa trí phá tan tăm tối của tự và tha gọi là Hỏa quang. Mạnh mẽ nhất quyết tu đạo gọi là đại mãnh, nghĩ đến Phật Pháp Tăng gọi là Phật hộ v.v...

Văn kinh: Đồng tử Kim cương Hộ, Đồng tử Hư Không Hộ, Đồng tử Hư Không Hống, Đồng tử Bảo Tạng, Đồng tử Cát Tường Diệu Tạng.

Tán rằng: Giải thích theo đúng như tên gọi.

Văn kinh: Các vị như thế là bậc Thượng thủ.

Tán rằng: Kết thúc.

Văn kinh: Thảy đều an trú Vô thượng Bồ-đề, đối với Đại thừa tin sâu hoan hỷ.

Tán rằng: Khen ngợi công đức, đến địa vị không lui sụt nói là an trú Bồ-đề, lại làm thành lũy hộ pháp, trụ trì chánh pháp gọi là an trú Bồ-đề, chứng được niềm tin không hoại diệt, phát sinh vui mừng sâu sa.

Văn kinh: Đều vào lúc xế chiều đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi lùi lại ngồi về một phía.

Tán rằng: Đến chỗ Phật.

Văn kinh: Lại có bốn mươi hai ngàn vị Thiên tử, tên của họ là Thiên tử Hỷ Kiến, Thiên tử Hỷ Duyệt, Thiên tử Nhật Quang, Thiên tử Nguyệt Kế, Thiên tử Cát Tường. Các Thiên tử này đều là bậcc Thượng thủ, đều phát thệ nguyện rộng lớn che chở Đại thừa, tiếp nối hưng long chánh pháp, làm cho không dứt mất. Đều vào lúc xế chiều đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi lui lại ngồi về một phía.

Tán rằng: Tiếp theo nêu ra các vị trời cũng có bốn phần, như trước. Phần nhiều là ở cõi trời Tam thập tam và cõi trời Tứ vương, đem gần nêu ra trước, thế tục đặt tên không thể giải thích đầy đủ được. Trong phần khen ngợi công đức có chia ra hai phần:

1. Phát bốn thệ nguyện rộng lớn.
2. Bảo vệ Đại thừa.

Bảo vệ Đại thừa tức là giữ gìn chánh pháp, giữ gìn chánh pháp có khả năng gánh vác bốn trọng trách. Như kinh Thắng-man chép: "Cho nên thường tiếp nối hưng long chánh pháp". Chánh pháp có ba, đó là chánh chứng, chánh hạnh, và chánh giáo, tự mình có khả năng giúp cho người khác nương vào chánh giáo phát khởi chánh hạnh, chứng đạt chánh quả.

Luận Di-lặc Vấn có năm pháp, nhiếp lấy pháp mầu:

1. Báo ân Phật.
2. Tự thân khiến cho pháp mầu tồn tại lâu dài.
3. Cúng dường các Đức Phật.
4. Muốn làm lợi ích cho chúng sinh.
5. Diệu pháp khó đạt được.

Theo kinh Bảo Vũ quyển mười thì thành tựu mười pháp sau đây

có công năng nhiếp lấy chánh pháp:

1. Vào thời mạt pháp không ai có khả năng thọ trì, người có khả năng thọ trì đại Tố-đát lãm được cung kính cúng dường.
2. Nói pháp cho người nghe.
3. Thấy ai có khả năng tu học thì sinh tâm vui mừng.
4. Lắng nghe chánh pháp không có tâm mong cầu.
5. Đối với Pháp sư nghĩ là người dẫn đường.
6. Đối với chánh pháp nghĩ là cam lồ.
7. Đối với chánh pháp khởi tưởng như vị thuốc.
8. Đối với chánh pháp khởi ý tưởng là vị thuốc tốt.
9. Chỉ cầu chánh pháp, không màng đến thân mạng.
10. Mong cầu chánh pháp khởi ý tưởng tu hành.

Văn kinh: Lại có hai mươi tám ngàn vị Long vương: long vương Liên Hoa, long vương, Ế-la-diệp-năng, long vương Đại Lực, long vương Đại Hống, long vương Tiểu-ba, long vương Trì Sử Thủy, long vương Kim Diệp, long vương Như Ý, các long vương ấy đều là bậc thượng thủ, đối với pháp Đại thừa thường ưa thích thọ trì, phát tâm tin tưởng sâu sắc, xưng dương ủng hộ, đều vào lúc xế chiều đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi lùi lại ngồi về một phía.

Tán rằng: Văn cũng có bốn phần, như trước. Liên hoa đây là nương vào hoa ở trong hồ; Ế-la, Hán dịch là Thọ (cây), Bát-noa, Hán dịch là Diệp (lá), nương vào lá cây này mà trú; hoặc ăn lá cây này tức là long vương Thiện Trụ, cho đến Như ý dựa vào châu mà gọi tên. Khen ngợi công đức có ba thứ:

1. Thọ trì chánh pháp.
2. Khởi tâm tin tưởng sâu xa.
3. Khen ngợi sự giữ gìn.

Văn kinh: Lại có ba mươi sáu ngàn các chúng Dược-xoa, Thiên vương Tỳ-sa-môn, là bậc Thượng thủ, tên của họ là Dược-xoa Am-bà, Dược-xoa Trì-am-bà, Dược-xoa Liên Hoa Quang Tạng, Dược-xoa Liên Hoa Diệu, Dược-xoa Tần-mi, Dược-xoa Hiện Đại Bố, Dược-xoa Động Địa, Dược-xoa Thôn Thực, các Dược-xoa này thảy đều ưa thích chánh pháp của Như lai, tâm sâu xa bảo vệ giữ gìn không sinh mệt mỏi lười nhác, đều vào lúc xế chiều đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi lùi lại ngồi về một phía.

Tán rằng: Nêu ra chúng Dược-xoa, văn cũng chia làm bốn phần. Dược-xoa, Hán dịch là Dũng kiện, cũng dịch là Tiệp tật, cũng thuộc về

các La-sát-bà Địa hành. La-sát-bà, Hán dịch là Bạo ác. Khen ngợi công đức có ba thứ:

1. Yêu thích chánh pháp.
2. Có khả năng che chở.
3. Không hề mỏi mệt.

Văn kinh: Lại có bốn mươi chín ngàn vị Yết-lộ-trà vương, Hương Tượng Thế Lực vương làm Thượng thủ.

Tán rằng: chúng Điểu vương, Hán dịch là Diệu sí. Dưới đây thuận theo bản dịch cũ cũng gọi là Kim sí; chim và voi khác chủng loại, tức là Hương tượng vương.

Văn kinh: Và còn Kiện-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Mạc-hô-lạc-già v.v... tất cả thần tiên núi rừng sông biển cùng tất cả các đại vua chúa, hậu phi trong cung, tịnh tín nam nữ đại chúng trời, người thảy đều tề tựu.

Tán rằng: Nêu chung các chúng còn lại.

Văn kinh: Đều nguyện ủng hộ pháp Đại thừa vô thượng, đọc tụng thọ trì, viết chép truyền bá khắp nơi.

Tán rằng: Khen ngợi công đức có bốn loại:

1. Phát nguyện ủng hộ.
2. Tự mình trì tụng.
3. Viết chép.
4. Truyền bá khắp nơi.

Văn kinh: Đều vào vào lúc xế chiều đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi lùi lại ngồi về một phía.

Tán rằng: Đến chỗ Phật.

Văn kinh: Các Thanh văn, Bồ-tát, đại chúng trời người, tám bộ rồng thần như thế đã nhóm họp đều dốc lòng chắp tay cung kính chiêm ngưỡng tôn dung Đức Phật, mắt không hề rời khỏi.

Tán rằng: Tổng kết có hai phần: Trước kết thúc, tiếp theo là nghi quỹ. Cầu pháp chuyên tâm chân thành cho nên dốc lòng. Bày tỏ sâu xa những gì đã nói cho nên chắp tay. Tôn sùng kính mến gọi là cung, rất cung gọi là kính. Nhìn thấy tướng nghiêm trang biểu hiện mong cầu thành tựu Phật quả, cho nên chiêm ngưỡng tôn dung, không còn ánh mắt nào khác một nên nói không tạm rời bỏ.

Văn kinh: Nguyện ưa thích muốn nghe pháp mầu cao siêu.

Tán rằng: Nói về Nhân thành tựu. Vì đại chúng muốn nghe, Phật mới có thể nói.

Văn kinh: Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn vào lúc xế chiều ngài xuất định, quán sát đại chúng.

Tán rằng: Tựa phát khởi có hai phần. Đây là phần đầu Thời thành tựu và nói pháp dựa vào Oai nghi thành tựu, tức là xét cơ nghi. Có chỗ gọi là Thuyết nghi tròn đầy, vì bao gồm đầy đủ ý nghĩa.

Văn kinh: Nên nói tụng rằng: Pháp mầu Kim quang minh, vua các kinh tối thắng, sâu xa khó nghe được, cảnh giới của các Phật, nay nay nói kinh này, cho đại chúng được nghe.

Tán rằng: Đây là nêu thuyết thành tựu, có hai mươi bốn bài tụng đại khái chia làm ba: Đầu một bài rưỡi nêu chung về sự thâm diệu, hứa giảng nói cho đại chúng nghe.

Kế hai mươi bài rưỡi là nêu riêng về sở thuyết, khen ngợi tốt đẹp dạy bảo tu tập. Sau cùng có hai bài tổng kết lợi ích thù thắng, khen ngợi người khuyến khích tu học, đây chính là mở đầu. Tụng, xưa gọi là kệ, tiếng Phạm là Già-tha, lầm lẫn nên gọi là kệ, nghĩa là khen ngợi sự tốt đẹp, tức ở đây là phúng tụng. Trước chưa có văn Văn xuôi thì làm tụng.

Hỏi: Phúng tụng và ứng tụng khác nhau thế nào?

Đáp: Tụng trong ứng tụng là giáo, tụng trong phúng tụng là lời nói.

Hỏi rằng: Vì sao phúng tụng là ngôn, Ứng tụng là giáo?

Đáp: Trong Du-già tám mươi mốt chép: Ứng tụng là nói văn xuôi, sau tuyên lại Già-đà. Ý nói Già-đà này trực tiếp giải thích các nghĩa. Về phúng tụng, luận chép: Nghĩa là dùng câu mà nói. Ý nói dùng câu để nói những điều nói kia. Trong một bài rưỡi thì hai câu đầu nêu ra giáo năng thuyên, hai câu tiếp nêu ra nghĩa sở thuyên, hai câu sau hứa sẽ nói cho nghe. Vì có khả năng giải thích và nhân quả mầu của Bồ-đề, Niết-bàn kia nên gọi là tối thắng, là đứng đầu các kinh. Trong sở thuyên y cứ theo Đại thừa trang nghiêm kinh luận chép: "Cầu pháp có bốn nhân duyên: Một vì Sắc, hai vì Phi sắc, ba vì Thần thông, bốn vì Chánh pháp. Vì Sắc là nhân tướng tốt, vì Phi sắc là nhân để dứt bệnh phiền não, vì Thần thông là nhân của tự tại, vì Chánh pháp là nhân của vô tận".

Như kinh Phạm Thiên Vương Vấn chép: "Bồ-tát cầu pháp đầy đủ bốn ý tưởng: Một là như báu mầu, nghĩa là tưởng khó được, hai là như thuốc hay, là nghĩ này hết bệnh, ba là như tài vật, nghĩa là tưởng không phân tán, bốn là như Niết-bàn, nghĩa là tưởng khổ diệt". Vì pháp là nhân của tướng tốt trang nghiêm cho nên tưởng như báu mầu. Vì pháp

là nhân để dứt bệnh phiền não cho nên tưởng như thuốc hay, vì pháp là nhân của thần thông tự tại cho nên nghĩ là tài vật. Vì pháp là nhân của chánh pháp vô tận cho nên nghĩ là Niết-bàn. Nay kinh này sâu xa khó được nghe, nêu ra ba nhân đầu, đều khó đạt được, cảnh giới của các Đức Phật, là nêu ra nhân thứ tư. Bởi vì đại Niết-bàn chỉ có Phật và Phật mới có khả năng rốt ráo tận cùng, là chỗ Phật đã đạt đến nên nói là cảnh giới Phật. Đây là nêu sở thuyết ở dưới. Nhân, quả thế gian và xuất thế gian đều hoàn toàn như vậy, đó là ý chỉ chung của kinh này.

Văn kinh: Đồng thời bốn Đức Phật ở bốn phương, uy thần cùng che chở, phương Đông Phật A-súc, phương Nam Phật Bảo Tướng, phương Tây Phật Vô Lượng Thọ, phương Bắc Phật Thiên Cổ Âm.

Tán rằng: Hai mươi bài rưỡi ở dưới nêu riêng về sở thuyết. Trong đó chia làm bốn:

1. Ba bài rưỡi đều nêu ra tuổi thọ, xuống hết phẩm Mãn nguyện là phần Chánh tông của kinh, chính là pháp được nói rõ, gồm hai nhân hai quả.

2. Sau "Chúng sinh thân bất cụ" trở xuống có sáu bài tụng, nêu phần Chánh tông khuyến khích tu học.

3. Sau "Hộ thế tứ vương chúng" trở xuống có năm bài tụng, nêu ra sự tu hành thích hợp trong phẩm Quán sát trở xuống cho đến phần Phú chúc lưu thông.

4. Sau "Nếu có người nghe kinh này" trở xuống có sáu bài tụng, nêu ra sự khen ngợi khuyến khích trì đọc trong các phẩm.

1. Trong ba bài rưỡi đều lại chia làm bảy: Một là một bài rưỡi nêu ra phẩm Thọ lượng. Hai là một câu "Ta lại giảng nói diệu pháp", nêu ra phẩm Tam thân. Ba là hai câu "Cát tường rất cao quý trong các sám v.v..." nêu ra phẩm Sám hối. Bốn là Hai câu "Trừ sạch các nghiệp ác v.v..." nêu ra phẩm Diệt Nghiệp Chướng. Năm là câu "Thường đem đến vô lượng điều vui" nêu ra phẩm Tịnh Địa, phẩm Liên Hoa Dụ Tán, phẩm Kim Thắng Đà-la-ni. Sáu là Câu "căn bản của Nhất-thiết-trí" nêu ra phẩm Trùng hiển không tánh. Bảy là Câu "Các công đức trang nghiêm" nêu ra phẩm Y không mãn nguyện.

Đây chính là mở đầu. Đức Thích-ca và bốn Đức Phật đồng nói kinh này cho nên gọi là cùng bốn Đức Phật ở bốn phương. Nhân duyên của bốn Đức Phật như kinh Quán Phật Tam-muội hải quyển bảy chép: "Bốn Đức Phật như Phật A-súc v.v... nói: Ta nhớ thuở xưa đã từng xuất gia học đạo với Đức Phật Không Sinh, lúc bốn Tỳ-kheo cùng là bạn đồng học. Sau khi Đức Phật Niết-bàn nhập tháp quán tượng, thấy tướng

giữa hai đầu chân mày như Đức Phật không khác, nguyện dứt trừ tội lỗi của mình, như núi lớn sụp đổ, năm vóc cúi rạp sát đất sám hối mọi tội lỗi. Nhờ nhân duyên này mà tám mươi ức A-tăng-kỳ kiếp về sau không đọa vào đường ác, thường gặp các Đức Phật, ở chỗ các Đức Phật thọ trì Tam-muội niệm Phật sâu xa, đạt được Tam-muội rồi các Đức Phật hiện tiền thọ ký riêng cho Ta.

Phương Đông có cõi nước tên là Diệu hỷ, Đức Phật đó hiệu là A-súc, tức là vị Tỳ-kheo thứ nhất.

Phương Nam có cõi nước tên là Hoan hỷ, Đức Phật đó hiệu là Bảo Tướng, tức là vị Tỳ-kheo thứ hai.

Phương Tây có cõi nước tên là Cực lạc, Đức Phật đó hiệu là Vô Lượng Thọ, tức là vị Tỳ-kheo thứ ba.

Phương Bắc có cõi nước tên là Liên hoa trang nghiêm, Đức Phật đó hiệu là Vi Diệu Âm, tức là vị Tỳ-kheo thứ tư".

Hỏi: Vì sao bốn Đức Phật cùng nói kinh này?

Đáp: Vì làm sáng tỏ bốn đức và Phật Thích ca, tức là nói lên quả Phật quả vốn có năm pháp, đó là bốn trí chân như vậy, thâu nhiếp cùng tận Bồ-đề, Niết-bàn.

Văn kinh: Ta lại nói diệu pháp, cát tường cao quý trong các hối, thường diệt tất cả tội, trừ sạch các nghiệp ác.

Tán rằng: Thứ hai, ba, bốn. Lại giảng nói pháp mầu nêu ra ba thân Vô thượng Bồ-đề, cho nên gọi là pháp mầu. Cát tường cao quý trong các sám, nương vào nguyện ba thân mà thực hành sám hối, thù thắng trong các pháp sám hối. Thường diệt trừ tất cả tội lỗi, đó là quả khổ và ba phiền não của ba đời, ba nghiệp, ba cõi, vì có khả năng chiết phục dứt trừ, phần sau kinh nói: "Trống Kim quang minh phát ra âm thanh rất hay, vang khắp tam thiên đại thiên thế giới, thường diệt trừ tội lỗi cực nặng trong ba đường cho đến các khổ đau ách nạn của trời, người". Nói trừ sạch các nghiệp ác nêu ra phẩm Diệt nghiệp chướng ở dưới. Nghiệp và nhân của nghiệp đều gọi là nghiệp ác, vì thế trong luận Duy thức chép: "Quyến thuộc của nghiệp cũng đặt ra tên gọi là nghiệp; hoặc nhân ác phát khởi nghiệp cảm, nghiệp của ác quả cũng gọi là nghiệp ác. Bởi vì có thể là ác cho nên ba cõi đều như vậy; hoặc không có chủng tánh, chỉ trừ nghiệp trong ba đường tám nạn".

Văn kinh: Và tiêu trừ các khổ nạn, thường cho vô lượng vui, cội gốc Nhất thiết trí, các công đức trang nghiêm.

Tán rằng: Câu đầu là nêu ra phẩm Diệt nghiệp chướng. Câu trước các nghiệp ác là nhân, đây là chiêu cảm quả ác chung cho quả ba cõi.

Nếu y cứ theo vô tánh chỉ có ba đường tám nạn và một ít phần trong tám khổ, không lìa xa khổ sinh, già, chết và khổ năm uẩn hừng hực. Thường cho vô lượng vui- nêu ra ba phẩm Tịnh địa, Liên hoa tán, Kim thắng ở dưới, tu hạnh sáu Độ đạt được mười quả vương và Phật vị, vô tánh lạc, nhân thiên lạc, hữu tánh và Phật vị v.v... cội gốc của Nhất thiết trí nêu ra phẩm Trùng hiển không tánh, vì lý chân như là tánh chân không, gọi là Như lai tạng. Cùng các công đức là nương theo để thọ trì. Luận Bảo tánh giải thích: Vô thỉ thời giới, giới (cõi) là nhân của pháp, tức là dùng chân như làm nhân của các pháp, nhân là gốc cho nên là gốc trí. Dùng Nhất thiết trí chứng chân như cho nên chỉ nói cội gốc của Nhất thiết trí. Dựa vào thực tế hiểu rõ tục đế từ đó chứng Chân-đế, cũng là gốc của Nhất-thiết-chủng-trí. Y theo chứng trí nói sơ lược về chủng trí đó, hoặc Nhất thiết trí không phải là Nhất thiết trí trong hai trí. Đây là nói chung về tất cả các trí, tức là mười trí, bốn trí v.v... gọi là Nhất thiết trí. Như thế đều là gốc cho nên nói cội gốc của Nhất thiết trí. Các công đức trang nghiêm nêu ra phẩm Y không mãn nguyện, do dựa theo chân lý để khởi tu, đã chứng đức bổn, cho nên có thể trọn vẹn đầy đủ tất cả công đức chân thật trang nghiêm. Như kinh Bát-nhã chép: Cõi trang nghiêm thân trang nghiêm đều khiến cho quán xét lý mới bắt đầu được trọn vẹn, kinh này cũng giống như thế.

Văn kinh: Chúng sinh Thân không đủ, tuổi thọ sắp hoại diệt, các tướng ác hiện bày, trời thần đều lìa bỏ.

Tán rằng: Ở dưới nêu ra sự khuyến khích tu học trong phần Chánh Tông, trong đó chia làm hai: Ba bài rưỡi đầu nêu ra các khổ nạn, khiến cho nảy sinh chán ngán lìa bỏ; hai bài rưỡi sau đó nói kinh có công năng dứt trừ khiến cho vui mừng tu học. Phần đầu lại chia làm hai: Hai bài đầu nói về quả ác, một bài rưỡi sau đó nói về nhân khổ. Trong hai bài đầu lại chia ra làm hai: Một bài trước nói về khổ trong thân, một bài sau nói về khổ duyên bên ngoài. Đây chính là nội thân. Thân không đầy đủ thiếu sót các căn, tức là thuộc về khổ sinh, hoặc thuộc về khổ bệnh. Tuổi thọ sắp hoại diệt, nghiệp hết, duyên không còn, hoặc oan uổng ngang trái mà bỏ mạng, tức là khổ chết. Các tướng ác hiện ra như chim kêu những việc quái lạ, hoa trên đều héo úa, bốn đại rối loạn, sắc tướng suy hao thay đổi, tức là khổ lão bệnh. Như các khổ sinh, chết, già, bệnh dưới đây. Tuổi thọ chưa hết là vì tu phước nghiệp, các thần hộ vệ các nghiệp hết. Nếu hiện tiền không thể tu điều lành thì thiện thần lìa bỏ.

Văn kinh: Bạn thân giận ghét, quyến thuộc đều chia lìa, kia đây chống trái nhau, tài sản đều mất mát.

Tán rằng: Khổ duyên bên ngoài, bạn thân có tâm giận ghét là khổ oán ghét mà gặp nhau quyến thuộc đều xa lìa là khổ thương yêu mà chia lìa, kia đây chống trái nhau, kia đây chống trái nhau, tài sản đều mất mát là khổ cầu mong không được.

Văn kinh: Sao xấu hiện điềm lạ, hoặc bị tà độc hại, lại lắm khổ lo buồn, các khổ đều ép ngặt.

Tán rằng: Nói về nhân khổ, một bài đầu là nhân khổ bên ngoài, nửa hàng sau là nhân khổ bên trong.

Văn kinh: Nằm ngủ thấy ác mộng, do đó sinh phiền não.

Tán rằng: Đây là khổ nhân bên trong.

Văn kinh: Người này nên tắm gội, nên mặc áo sạch mới, đối với kinh vương vi diệu mà Đức Phật hết lòng khen ngợi này, chú tâm không tán loạn, đọc tụng, nghe và thọ trì.

Tán rằng: Dưới đây nói về năng lực của kinh có thể trừ dẹp, khiến cho vui mừng tu học, có ba. Nửa hàng đầu là oai nghi tu học, một bài tiếp theo là hạnh chánh tu, một bài sau là tóm kết công lực của kinh. Hai câu đầu trong hạnh chánh tu nói về pháp tu học, hai câu sau nói về hạnh chánh tu. Đối với việc đọc và tụng, hoặc nghe và thọ trì đều phải chuyên chú tâm ý không để tán loạn, tức là đọc tụng v.v... phát sinh văn tuệ, thọ trì phát sinh tu tuệ, theo đó hiển bày tư tuệ. Hoặc tâm chuyên chú không tán loạn, phát sinh suy nghĩ, còn lại là văn tu, đầy đủ ba tuệ. Đồng thời tắm gội, mặc y sạch là giới học, chuyên chú là định học, đọc tụng v.v... là tuệ học, khiến cho nương vào kinh này mà tu ba học đó.

Văn kinh: Do uy lực kinh này, mà lìa các tai họa, và dứt các nạn khổ, tất cả đều dứt trừ.

Tán rằng: Tóm kết về năng lực công đức.

Văn kinh: Bốn vị vua trời che chở thế gian và đại thần quyến thuộc, vô lượng các Dược-xoa, đều một lòng ủng hộ. Tán rằng: Dưới đây nêu ra phần Lưu thông có năm bài. Nêu các pháp tu hành thích hợp, ở đây nêu ra phẩm Quán Sát Nhân Thiên, phẩm Tứ Thiên Vương Hộ Quốc, phẩm Vô Đắm nhiễm, phẩm Như Ý.

Văn kinh: Thiên nữ Đại biện Tài, thủy thần sông Ni Liên, mẫu thần Ha-lợi-đề, các địa thần Kiên Lao.

Tán rằng: Một bài này nêu ra phẩm Đại biện Tài Thiên nữ, phẩm Cát Tường Thiên nữ, phẩm Thêm lớn Tài Vật, phẩm Kiên Lao Địa Thần. Ha-lợi-đề, Hán dịch là Thanh Sắc, là mẹ của quỷ La-xoa, có năm trăm người con, hết lòng ủng hộ Tam bảo và trẻ nhỏ trai gái.

Văn kinh: Phạm vương Đế-thích chủ, Long vương Khẩn-na-la, chim đầu đàn cánh vàng, A-tô-la Thiên chúng, các vị Thiên thần ấy, cùng đem quyến thuộc mình đến giúp đỡ người này, ngày đêm thường không lìa.

Tán rằng: Nêu ra phẩm Tăng Thận-nhĩ-da Dược-xoa Đại Tướng, phẩm Vương Pháp Chánh Luận, phẩm Thiện Sinh Vương, phẩm Chư Thiên Dược-xoa Thủ Hộ. Lại giải thích: Chánh biết rõ có nêu trong thần mẹ Ha-lợi-đề, hoặc phẩm Thiện Sinh Vương trong Vương Pháp Chánh Luận đều được nêu trong bài tụng của kinh này mà ta sẽ nói, bởi vì cùng là Phật nói cho nên nêu lên một chỗ.

Văn kinh: Ta sẽ nói kinh này, chỗ Phật hành sâu xa, giáo nghĩa bí mật của các Đức Phật, ngàn muôn kiếp khó gặp.

Tán rằng: nêu ra phẩm Thọ Ký trở xuống, hành xứ của Phật sâu xa, nêu Phẩm Thọ Ký, phẩm Liệu bệnh, phẩm Trưởng Giả Tử Lưu Thủy, phẩm Xả Thân, Vô thượng Bồ-đề chỉ có Phật mới hiểu rõ, nên gọi là chỗ thực hành của Phật. Các phẩm như phẩm Liệu Bệnh v.v... là nhân hạnh của Phật. Hai câu "giáo bí mật của các Đức Phật..."nêu ra các phẩm ở dưới, các Đức Phật che chở muốn căn cơ Đại thừa thành thục nên mới ban cho gọi là Bí, thâm diệu khó hiểu gọi là Mật. Do vậy ngàn muôn đời kiếp khó được nghe đến, cho nên nay được nghe đọc, ngợi khen đồng thời phó chúc.

Văn kinh: Nếu người nghe kinh này, thường giảng nói cho người, nếu tâm sinh vui theo, hoặc bày lễ cúng dường.

Tán rằng: Sáu bài dưới là đoạn thứ tư nêu ra sự khuyến khích ngợi khen trì tụng trong các phẩm của phần Lưu thông, trong đó chia làm ba: Một bài đầu nêu lên sự khuyến khích trì đọc, ba hàng tiếp theo nói về lợi ích đạt được, hai bài sau dạy về thứ lớp tu trì. Đây là mở đầy. Luận Biện Trung Biên có tụng về mười pháp hành, đó là: cúng dường, viết chép, giúp người, lắng nghe, mở đọc, thọ trì, mở bày giảng nói, phúng tụng, suy nghĩ và tu. Một là cúng dường, hai là viết chép, ba là giúp người, bốn là lắng nghe, năm là mở đọc, sáu là thọ trì, bảy là giảng nói, tám là phúng tụng, chín là suy nghĩ, mười là tu tập. Tám việc đầu là văn tuệ, suy nghĩ là tư tuệ, tu tập là tu tuệ. "Nghe kinh này" ở đây là lắng nghe, "giảng nói" tức là mở bày giảng nói, "cúng dường" tức là hạnh đầu tiên, sơ lược nêu ra ba hạnh: Lắng nghe và cúng dường là tự lợi, giảng nói nói là lợi tha, cho nên nêu ba hạnh, thực tế có mười hạnh. Vui theo đó là đối với mười pháp hành đều có bốn loại:

1. Tự mình thực hiện mười pháp hành.

2. Dạy bảo người.

3. Vui mừng khuyến khích.

4. Vui theo.

Ở đây nêu lên các thứ dễ để làm sáng tỏ những thứ còn lại.

Văn kinh: Những người như vậy, trong vô lượng kiếp, sẽ thường được các trời người, rồng thần cung kính.

Tán rằng: Thứ hai là nói về lợi ích đạt được có ba: Thứ nhất là được hộ vệ, đây là thứ nhất.

Văn kinh: Nhóm phước này vô lượng, số hơn hẳn hằng sa, người đọc tụng kinh này, sẽ được công đức ấy.

Tán rằng: Thứ hai là thành tựu nhân tốt đẹp.

Văn kinh: Cũng được Phật mười phương, các Bồ-tát hạnh sâu, ủng hộ người trì kinh, khiến lìa các khổ nạn.

Tán rằng: Thứ ba là các Thánh che chở.

Văn kinh: Người cúng dường kinh này, như trước tắm gội thân, thức ăn và hương hoa, ý thường khởi từ bi, hoặc muốn nghe kinh này, khiến tâm tịnh không bẩn, thường sinh niệm hoan hỷ, nuôi lớn các công đức.

Tán rằng: Dạy thọ trì kinh quỹ, chia làm hai: Một bài đầu là dạy lợi tha, một bài sau là tự lợi.

Văn kinh: Nếu với tâm tôn trọng, người lắng nghe kinh này, hoặc sinh làm thân người, xa lìa các khổ nạn, gốc lành người ấy thành, các Phật đều khen ngợi, mới được nghe kinh này, cho đến pháp sám hối.

Tán rằng: Tổng kết khuyến khích có hai: Một bài đầu kết thúc khuyến khích đạt được quả tốt đẹp, một bài sau kết thúc khuyến khích thành tựu nhân tốt. Đạt được quả có hai: Một là quả hữu lậu sinh trong loài người, xa lìa các khổ nạn chẳng những chỉ xa lìa các nạn mà còn xa lìa tám nạn, nếu nói đến quả cao siêu sợ rằng người sơ cơ không thể nào tin được.

■

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG KINH SỚ

QUYỂN 2
(Phần đầu)

Phẩm 2: NHƯ LAI THỌ LƯỢNG

- Phẩm Như lai tuổi thọ lược chia theo ba môn:
1. Vì sao có phẩm này
2. Giải thích tên gọi.
3. Giải thích câu hỏi.
- Nói về vì sao có phẩm này đại khái có năm phần:
1. Giúp phát sinh hiểu đúng.
2. Giúp đạt được Bồ-đề.
3. Giúp đạt được Niết-bàn.
4. Giúp khởi lên diệu hạnh.
5. Vì cơ cảm.

- *Nói phát sinh hiểu đúng:* từ phẩm này về sau đến phẩm Y Không Mãn Nguyện là chín phẩm, nói về Chánh tông của kinh, hai phẩm đầu nói về quả, năm phẩm tiếp theo nói về hạnh, hai phẩm sau nói về cảnh. Lại giải thích: Hai phẩm đầu nói chung và riêng về quả, khiến cho vui thích, tiếp đến phẩm Mộng Kiến Sám Hối về sau là muốn khiến cho tu hành, căn bản của sự tu hành không ngoài bỏ ác làm lành.

Hai phẩm Sám Hối và Diệt Chướng là dứt ác, trở về sau là tu thiện. Trong sự tu thiện đầu tiên là tịnh tu các địa.

Kế là phẩm Liên Hoa Dụ Tán là dứt nghi nói về nhân, phẩm Kim Thắng Đà-la-ni khiến cho thấy các Đức Phật khiến hạnh không lui sụt, phẩm Trùng Hiển Không Tánh muốn làm cho hạnh phù hợp với chân, phẩm Y Không Mãn Nguyện chứng được lý hạnh trọn vẹn. Nay phẩm này chính là nói chung về Bồ-đề, Niết-bàn và nói riêng về Niết-bàn. Nếu đại chúng không nghe Như lai vì đó nói về Bồ-đề, Niết-bàn tức là

không thể nào hiệu đúng, đã không hiểu đúng thì làm sao có thể cầu tu tập thắng quả Bồ-đề, Niết-bàn vô thượng, do đó chỗ này trước hết nói về quả, khiến phát sinh hiểu biết, cho nên văn sau nói: "Vì muốn lợi ích cho chúng sinh này và các hạng ngoại đạo, khiến cho các hạng người ấy sinh ra hiểu đúng".

- *Khiến đạt được Bồ-đề:* Các Đức Phật ra đời mục đích là muốn cho chúng sinh đạt được quả Bồ-đề, quả đạt được không luống dối, chắc chắn nhờ vào nhân thực hành, nhờ nương vào cảnh phát sinh thực hành mới đạt được vị. Nếu trước tiên không nói về quả thì không thể khiến cho khởi tâm vui mừng, tâm vui mừng đã sinh ra tức là nguyện tu hành, đã khiến cho tu hành thì kế là nói về cảnh. Trước đã kể rõ lý do khiến cho tất cả đều mong mỏi khao khát được nghe kinh. Đức Thế tôn sẽ nói cho đại chúng nghe về Tông, trước là nói về tuổi thọ Như lai, muốn làm cho người nghe chứng được Bồ-đề, cho nên tiếp theo sau nói: "Vì muốn lợi ích cho các chúng sinh và các hạng ngoại đạo, khiến cho các loại như thế phát sinh hiểu đúng, mau chóng thành tựu Vô thượng Bồ-đề". Vì vậy sau phẩm Tựa có phẩm này phát sinh.

- *Khiến đạt được Niết-bàn*: Ở dưới nói: "Nhưng Đức Như lai đó muốn giúp cho chúng sinh thấy Niết-bàn rồi thì nghĩ là khó gặp v.v...". Còn trong luận Nhiếp Đại Thừa chép: "Phật vì những người thấy Như lai thường không ưa thích Niết-bàn, mà hiện Niết-bàn khiến cho ưa thích viên tịch", vì vậy sau phẩm Tựa nói về tuổi thọ của Như lai.

- *Khiến phát khởi diệu hạnh*: Văn sau nói: "Đối với kinh giáo các Đức Thế tôn đã nói, mau chóng nên thọ trì đọc tụng thông thuộc, giải thích cho người nghe, không sinh chê bai, vì thế cho nên Như lai hiện tuổi thọ ngắn ngủi tức là khiến cho phát khởi hạnh". Vì vậy phát sinh phẩm này.

- *Vì cơ cảm:* Ba mươi hai ngàn vị Thiên tử nghe nói về tuổi thọ đều phát tâm Bồ-đề, là nhờ cơ cảm nên nghe, nghe liền được lợi ích, các lợi ích khác theo đó có thể biết. Nói về giải thích, ba thân của các Đức Phật đều gọi là Như lai. Thọ tức là mạng, Lượng nghĩa là hạn lượng; hoặc nói là lượng độ, tức là giới hạn đo lường mức độ tuổi thọ của Phật, tức là số lượng tuổi thọ của Như lai, hoặc là mức thọ của Như lai, đều là y chủ thích, tức là nhậm vận pháp tánh mà bất động. Tùy theo nguyện duyên mà nối nhau, ứng với căn cơ chúng sinh nên không đứt quãng, thọ đức khó đo lường, tức là nương theo pháp tánh giữ lấy tướng công đức.

Quyết định ngưng trụ sâu xa là mạng căn của Pháp thân. Giống như Phật và cõi, tánh tướng có khác nhau, ở đây lẽ ra cũng phải như

vậy. Hoặc ngay nơi tướng công đức tự bất động nên có thể giữ gìn tự thể gọi là tuổi thọ. Nương vào cảnh trí chủng tùy thuộc vào đại nguyện chủng lực khiến cho bốn trí phẩm quyết định nói nhau cùng tận các cõi chúng sinh, là tuổi thọ của Báo thân. Từ đại bi chủng lực tùy theo cơ duyên cảm ứng của chúng sinh mà hiện bày thân sắc uẩn có giới hạn nhất định, là tuổi thọ của hai thân Tha Thọ dụng và Biến Hóa. Thể có khả năng giả lập cho nên suy nghĩ cũng thuộc về nguyện, không trái với duy thức, do nghiệp dẫn dắt. Về những câu vặn hỏi.

Hỏi: Phật có ba thân, nay nói tuổi thọ của thân nào?

Đáp: Nói đủ cả ba thân, cho nên Trần-như Lãnh Giải nói: "Tánh Pháp thân thường trú, tu hành không khác nhau, thể các Đức Phật cùng đồng, pháp đã nói cũng vậy", đó là Pháp thân các Đức Phật vô tác, lại cũng vốn là vô sinh, giải thích rằng: Các Đức Phật vô tác là không tạo tác nghiệp phiền não, lại cũng vốn là vô sinh không có phiền não sinh ra. Luận Bát-nhã của ngài Thiên Thân nói về báo Phật thọ lạc rằng: "Lìa xa các lậu và pháp hữu vi". Lìa xa các lậu tức là vốn vô sinh, và pháp hữu vi chính là vô tác ở đây nói. Hoặc có thể, không gây ra nghiệp hữu lậu, không phát sinh phiền não.

Lại nói: Thể Kim cương của các Đức Phật thích ứng hiện bày nơi Hóa thân tức là Hóa thân, cho nên xuyên suốt cả ba thân Phật.

Hỏi: Ứng hóa và hành pháp do hai nhân chiêu cảm, thấy có điểm đáng nghi; tự tánh chẳng phải do nhân sinh ra, thân tự thọ dụng chẳng phải ngoài cảnh thấy, không nghi ngờ ở điểm đó cần gì phải nói về Thọ?

Đáp: Tự tánh tuy chẳng phải từ nhân sinh ra nhưng do nhân mà chứng; tự thọ dụng thân tuy chẳng phải ngoài cảnh thấy nhưng nói hai là muốn khiến cho kính mến mong cầu, Diệu Tràng nghi ngờ về giả hóa sinh, Phật do đó nói đầy đủ về ba thọ.

Hỏi: Vì sao Đức Thích-ca hiện thân ở cõi này không tự mình nói về thọ mà khiến người khác nói?

Đáp: Chúng sinh nên nghe mới hiển rõ bốn đức, dứt nghi thù thắng. Nếu chỉ tự mình nói thì người khác chẳng quyết đoán.

Hỏi: Bốn Đức Phật nói về thọ, Diệu Tràng đã hiểu rõ, sao lại nhờ ngài Thích-ca lần lượt nhắc lại?

Đáp: Diệu quả Vô thượng Bồ-đề, Niết-bàn, nếu như không nói nhiều lần thì không thể hiểu rõ được, vì vậy bốn Đức Phật lần lượt nói và ngài Thích-ca nhắc lại, Trần-như lại hỏi, vui mừng thấy càng rõ ràng. Bốn Phật tức là biểu trưng cho bốn đức, ba lần nói tức là ba thân,

y theo nhiều nguyên nhân không chỉ là nói một lần.

Hỏi: Theo văn mà suy xét về lý thì chỉ nói đến Bồ-đề, vì sao ở đây nói cũng trình bày về viên tịch?

Đáp: Y theo kinh này văn sau nói: "Lúc nghe tuổi thọ mọi người được lợi ích". Còn Diệu Tràng nói: "Tự mình ở trước Phật và bốn Đức Như lai cùng hai Đại Sĩ, các vị Thiên tử nghe nói về tuổi thọ của Đức Thích-ca Mâu-ni Như lai xong bèn đứng dậy khỏi chỗ ngồi bạch rằng: Vì sao trong kinh nói có Niết-bàn và xá-lợi của Phật". Đây chính là lúc mọi người được lợi ích. Lại nói là nói xong, tức là nói rõ ở trước Phật nghe xong về tuổi thọ rồi, nay lại thưa hỏi thuyết có Niết-bàn. Đức Phật lại trả lời rằng: "Như vậy nên biết có mười pháp, có thể hiểu rõ nghĩa lý chân thật của Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói có rốt ráo đại Nhập Niết-bàn". Còn theo Luận Kinh Pháp hoa của Bồ-tát Thiên Thân giải thích: "Văn trong phẩm Thọ lượng trước tiên nói về Tuổi thọ để làm rõ Bồ-đề vô thượng, nói thí dụ thầy thuốc để làm rõ Niết-bàn vô thượng. Nay trong kinh này đầu tiên nói về sự sống lâu để làm rõ Bồ-đề. Lại nói thí dụ về cha mẹ, tài vật v.v... để làm rõ Niết-bàn.

Hỏi: Nếu vậy vì sao hai thí dụ khác nhau?

Đáp: Sự việc kia y theo trừ ác cho nên thí dụ thầy thuốc, ở đây dụ cho sinh lên cõi trời cho nên thí dụ là cha mẹ. Lại nữa, thầy thuốc và cha mẹ là thí dụ tuy khác nhau, nhưng thị hiện bất diệt khiến cho sinh lòng kính mến thì ý nghĩa tương tự nhau.

Hỏi: Bốn Đức Như lai ở trong thất của Diệu Tràng nói thì Bấy giờ Khánh Hỷ đang ở núi Thứu Phong, vì sao lúc kiết tập lại nói: "Tôi nghe v.v..."?

Đáp: Theo văn dưới nói: "Bồ-tát Diệu Tràng cùng vô lượng đại chúng đến núi Thứu Phong đảnh lễ dưới chân Phật, đem những việc như trên bạch lên Thế tôn". Vì thế cho nên có thể nói: "Tôi nghe như vầy".

Hỏi: Trong văn đã có chung riêng khác nhau, vì sao không xếp Niết-bàn vào phẩm riêng như ba thân?

Đáp: Bởi vì văn không nhiều, sự tướng như nhau cho nên kết hợp thành một phẩm.

Văn kinh: Lúc đó, trong thành lớn Vương xá, có một vị Bồ-tát Ma-ha-tát tên là Diệu Tràng.

Tán rằng: Ngay trong phẩm này toàn văn chia làm hai.

1. Nói chung về Bồ-đề, Niết-bàn.

2. "Lúc đó, Bồ-tát Diệu Tràng tự mình đối trước Đức Phật" về sau

là nói riêng về Niết-bàn.

- Văn phần một có năm:

1. Diệu Tràng nghi ngờ tuổi thọ ngắn ngủi của Phật.
2. Các Đức Phật khác nói về mạng thọ vô cùng.
3. Đức Thích-ca tự nói về thường an.
4. Hỷ Kiến lại trở thành bất diệt.
5. Bấy giờ, đại chúng hiểu rõ, đạt được lợi ích thành thật.

- Văn phần một có ba:

1. Nêu ý nghĩ cầu thỉnh người.
2. Nói về cảnh nghi ngờ.
3. Kể lại nguyên nhân nghi ngờ.

- Văn phần một lại có ba:

1. Nói về trú xứ.
2. Nêu ra tên gọi.
3. Sơ lược khen ngợi công đức.

Văn phần thứ hai: Thắng trí rất tuyệt vời, một mình vượt hẳn mọi biểu tướng, giả dụ lập ra tên gọi là Diệu Tràng. Tiếng Phạm là Cù-lô-chỉ-la, Hán dịch là Diệu, Kê-đầu gọi là tràng; Sao Tuệ gọi Tràng, xưa dịch là Tín Tướng. Tướng ấy tiếng Phạm gọi là Da-sắc-trí, nay đã gọi Cù-lô-chỉ-la; vì là Kê-đầu cho nên gọi là Diệu Tràng. Tin tánh là thanh tịnh, diệu nghĩa tương tự như Tràng, là cao hiển, cho nên lầm gọi là Tướng.

Văn kinh: Đã ở nơi vô lượng câu-chi na-dữu-đa trăm ngàn Đức Phật quá khứ kính thờ cúng dường, gieo trồng các gốc lành.

Tán rằng: Khen ngợi công đức. Câu-chi, theo luận Câu-xá thì: Mười ức là một câu-chi. Theo phẩm Tâm Vương Bồ-tát Vấn Tăng-kỳ trong kinh Hoa Nghiêm thì: Vạn muôn là một ức, ức ức là một câu-lê; câu-lê là câu-chi, âm hơi khác mà thôi. Vô lượng là tên số, dùng số vô lượng đếm câu-chi na-dữu-đa. Đích xác mười ngàn là một muôn, trăm ngàn là mười muôn, tức là vô lượng số câu-chi na-dữu-đa ngàn muôn Đức Phật. Nên trong luận Câu-xá cho rằng mười muôn là một ức, luận Đại Trí Độ cho ngàn muôn là một ức, Kinh Hoa Nghiêm cho vạn muôn là một ức. Số này có ba hạng, đó là tiểu, trung, đại. Luận Câu-xá, luận Đại Trí Độ, kinh Hoa Nghiêm như thứ lớp, y vào số tiểu, trung, đại ở đây thì điều này bất định. Thừa sự tức là gần gũi; cúng dường là tu mười cúng dường; gốc lành tức là phước trí; thực nghĩa là gieo trồng.

Văn kinh: Lúc đó, Bồ-tát Diệu Tràng ngồi một mình nơi vắng lặng, nghĩ rằng vì nhân duyên gì Đức Thích-ca Mâu-ni Như lai có tuổi

thọ ngắn ngủi chỉ trong tám mươi năm?.

Tán rằng: Cảnh nghi ngờ.

Văn kinh: Lại nghĩ rằng, dường như Phật đã nói có hai nhân duyên khiến được tuổi thọ lâu dài.

Tán rằng: Nói về lý do nghi ngờ, có ba:

1. Nhắc lại nguyên nhân nghi ngờ.
2. Mượn vi trưng thích.
3. Trở thành ý nghi ngờ lúc trước.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Sao nói là hai? Một là không hại sinh mạng, hai là giúp thức ăn uống cho người.

Tán rằng: Mượn vi trưng thích.

Văn kinh: Nhưng Đức Thích-ca Như lai trong vô lượng trăm ngàn muôn ức vô số đại kiếp không hề hại đến sinh mạng, thực hành mười điều lành, thường ban thức ăn uống cho tất cả chúng sinh đói khát, cho chí máu thịt xương tủy thân mình cũng ban cho khiến chúng sinh được no đủ, huống là những thức ăn uống khác.

Tán rằng: Đây trở thành ý nghi ngờ ở trước. Theo văn kinh này và kinh Niết-bàn, thì Nhân duyên sống lâu, chính là muôn hạnh, cho nên đạt được ba thân. Nhưng nêu ra ban cho thức ăn và không sát sinh, thì thông với ở đây. Vì nhân duyên tuổi thọ của hữu tình nên cố ý nêu hỏi, sợ rằng chúng sinh thấy Phật thọ tám mươi năm lại càng nghi ngờ, không sát sinh và bố thí thức ăn uống chẳng chiêu cảm gì đến sống lâu, muốn khiến cho nương vào thân nuôi lớn đạo, tiếp nhận mọi vật dễ dàng.

Văn kinh: Tức thì Bồ-tát kia lúc Thế tôn nghĩ như vậy.

Tán rằng: phần Thứ hai là các Đức Phật khác nói về tuổi thọ vô cùng có sáu:

1. Phật khác hiện thân.
2. Diệu Tràng vui mừng thưa hỏi.
3. Đức Phật ấy trả lời.
4. Diệu Tràng hỏi lại.
5. Phật lại nói rõ.
6. Nói xong liền biến mất.

- Đây tức là "Phật khác hiện thân" thứ nhất, văn chia làm tám:

1. Lập tức hiện rõ.
2. Biến ra cõi thanh tịnh.
3. Tòa báu trang nghiêm.

4. Thân Phật cao lớn.
5. Phát ra ánh sáng chiếu soi cảnh giới.
6. Ánh sáng hiện bày sự tốt lành.
7. Ánh sáng lợi ích chúng sinh.
8. Chỉ bày sơ lược về tổng kết.

Đây là mở đầu.

Vì Phật nói pháp không có bốn điều sai trái, cho nên ứng vào lúc Bồ-tát nghĩ đến mà hiện bày.

Văn kinh: Nhờ uy lực của Phật, ngôi gthất đó bỗng nhiên rộng lớn trang nghiêm thanh tịnh, lưu ly xanh của trời Đế-thích, các thứ chất báu nhiều màu rực rỡ trang sức giống như tịnh độ của Phật, có hương thơm vi diệu hơn hẳn các hương cõi trời, ngào ngạt sực nức.

Tán rằng: Hai là biến ra cõi thanh tịnh có bốn:

1. Nêu ra người năng biến.
2. Nói về mức độ của cõi biến.
3. Tướng của cõi sở biến.
4. Nói về hương xông thơm ngát.

Hỏi: Đây là Phật nào biến hiện?

Đáp: Một giải thích là do Phật Thích-ca biến hiện, như kinh Pháp Hoa, muốn hóa Phật nhóm họp nên Phật Thích-ca biến hiện. Có chỗ giải thích là do bốn Đức Phật biến hiện, cũng như Diệu Âm sắp đến cõi này trước tiên hiện bày các thứ hoa hương, tòa ngồi v.v... Hai cách giải thích đều đúng. Vì sao? Vì phát ra ánh sáng hiện bày điềm lành khiến sinh lòng yêu thích ở dưới đều là do bốn Đức Như lai. Vì thế biết rằng Tịnh độ cũng là do bốn Đức Phật biến hiện. Nói lưu ly xanh của Đế-thích là thứ báu lưu ly màu xanh của trời Đế-thích, là thứ báu tốt đẹp trong các thứ báu cho nên cố ý nêu ra. Tâm hữu lậu hạn cuộc, tâm vô lậu thông suốt, cho nên rộng lớn thanh tịnh. Do trí vô phân biệt cho nên có lưu ly xanh của trời Đế-thích, thất của Diệu Tràng thanh tịnh giống như tịnh độ của Phật, có đủ năm phần hương, đọc phần văn giải thích có thể biết.

Văn kinh: Ở bốn phía đó đều có tòa sư tử tốt đẹp do bốn thứ báu hợp thành, dùng y báu cõi trời mà trải trên đó, lại trên tòa này có hoa sen xinh đẹp các loại quý báu dùng để trang nghiêm đẹp đẽ, lượng bằng với Như lai tự nhiên hiển hiện.

Tán rằng: Ba là biến hiện tòa báu có bốn:

1. Thể của tòa bằng bốn thứ báu là biểu thị cho bốn loại chúng sinh đều được thành Phật cho nên dùng bốn thứ báu tạo thành, như nơi

chốn của sư tử đầu đàn.

2. Nói bốn thứ báu đó là: một là vàng; hai là Bạc; ba là pha lưu ly, bốn là pha-chi-ca, biểu thị cho bốn vô úy. Dùng y báu cõi trời các thứ đó là thứ hai nói về sự trần thiết trang hoàng, biểu thị cho tịnh mạng.

3. Lại ở nơi các tòa này là thứ ba nói về sự trang nghiêm, biểu thị ra khỏi sinh tử được hoa bảy giác, châu báu để làm đẹp cũng là sự trang nghiêm của bảy thứ tài sản của bậc Thánh.

4. Vì lượng tòa báu xứng hợp với thân cho nên lượng bằng với Như lai. Không do năng lực của Diệu Tràng nên nói tự nhiên hiển hiện.

Văn kinh: Ở trên hoa sen có bốn Đức Như lai, Bất Động Như lai ở phương Đông, Bảo Tướng Như lai ở phương Nam, Vô lượng Thọ Như lai ở phương Tây, Thiên Cổ Âm Như lai ở phương Bắc, bốn Đức Như lai này đều ở nơi tòa đó ngồi kiết già.

Tán rằng: Bốn Đức Như lai giáng xuống ngồi trên hoa sen dụ cho pháp thân. Bốn Đức Phật biểu thị cho bốn đức. Vì sao bốn phương mỗi phương đều hiện một vị Phật, biểu thị cho bốn đức phải không?

Đáp: Như trong kinh nói: "Bốn phương dụ cho Sinh, Trụ, Dị, Diệt, đây là tướng hữu vi. Bốn đức ngược lại với bốn phương, không Sinh, Trụ, Di, Diệt cho nên bốn phương hiện rõ".

Hỏi: Trong bốn oai nghi đều có thể nói pháp, vì sao phải hiện tướng ngồi kiết già?

Đáp: Tùy theo sự ưa thích của cơ nghi đó mà hiện bày. Theo luận Du-già ba mươi nói có năm nhân duyên:

1. "Do thân thâu nhiếp, thúc liễm mau phát khinh an.

2. Do ngồi yên ổn có thể qua thời gian lâu.

3. Do ngồi yên vui như vậy chính là pháp bất cộng.

4. Do ngồi yên ổn nên hình tướng đoan nghiêm.

5. Do ngồi yên ổn như vậy nên Phật và đệ tử cùng một nơi chốn."

Theo Đại Trí Độ Luận vì đó là hàng ma, cho nên luận đó nói: "Thấy dáng ngồi kiết già, ma vương tự kinh sợ, huống là người nhập đạo, ngồi thẳng không ngã nghiêng". Luận Bát-nhã của Vô Trước chép: "Chỉ người ngồi yên lặng, thường biết nói các pháp". Đây là nghĩa trú định vì thuận theo tướng ngồi, là tỏ rõ khả năng hiểu biết các pháp, khả năng nói về các pháp, cần phải y theo sự đạt định mà đạt định là do ngồi.

Văn kinh: Phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp thành lớn Vương xá và tam thiên đại thiên thế giới này cho đến hằng hà sa các cõi nước

của các Đức Phật khắp mười phương.

Tán rằng: Năm là phát ra ánh sáng chiếu soi cảnh giới. Theo luận Già-da Sơn Đảnh Kinh chép: "Phát ra ánh sáng có bảy nghĩa:

1) Khiến cho phát sinh niềm tin thanh tịnh, biết là người thù thắng; 2) Phá tan tăm tối ngu si buông lung. Đầy đủ như Pháp Hoa Sớ có nói. Ánh sáng có ba tiết: a) Vương xá; b) Đại thiên; c) Mười phương muốn hiển bày ba thân cho nên hiện rõ ba bậc.

Lại nói về được thấy ba thân lần lượt, vì thế đầu tiên thấy Hóa thân, tiếp đến thấy Ứng thân, sau cùng thấy Pháp thân. Nêu ra hằng hà sa có năm ý của nó, cũng như Pháp Hoa Sớ. Cảnh giới đại thiên số lượng không nhất định, xem trong Du-già Sao.

Văn kinh: Các hoa cõi trời tuôn rải như mưa, trổi các nhạc trời.

Tán rằng: Sáu là ánh sáng hiện bày tốt lành. Hoa tuôn rải như mưa có năm nghĩa như Pháp Hoa Sớ, trỗi nhạc biểu thị cho được nghe pháp vui mừng.

Văn kinh: Bấy giờ, trong Thiệm Bộ Châu này và tam thiên đại thiên thế giới tất cả chúng sinh nhờ vào uy lực của Phật được vui sướng thắng diệu không hề thiếu kém.

Tán rằng: Bảy là ánh sáng lợi ích chúng sinh có hai loại: Đầu tiên được vui sướng, sau đó lìa khổ đau. Đây là mở đầu.

Hỏi: Ánh sáng soi chiếu cõi này, cõi này nhìn thấy ánh sáng đạt được lợi ích cũng đến mười phương, sao mười phương không được lợi ích?

Đáp: Lẽ ra đều được lợi ích, nhưng lược bỏ không nói.

Văn kinh: Nếu thân không được đầy đủ đều được đầy đủ, người mù được nhìn thấy, người điếc được nghe rõ, người câm nói được, người ngu được hiểu biết, nếu người tâm tán loạn đạt được tâm định ban đầu, nếu người không có áo mặc sẽ được áo mặc, người bị ác tặc được người khác cung kính, người bị dơ bẩn thì thân được sạch sẽ.

Tán rằng: Lìa khổ đau, tuy lúc lìa khổ ngược lại được vui lại nói lìa khổ ở đây; lìa chín khổ, theo văn có thể biết. Theo luận Du-già: "Các Đức Phật Như lai đều phát sinh uy lực thường khiến cho hữu tình thấy được chính là lợi ích". Nếu thân không đầy đủ nghĩa là thiếu hụt tay chân, hoàng môn hai hình v.v... những quả báo xấu như vậy nhân đó có thể biết. Nhưng luận Đại Trí Độ tám và các kinh Nghiệp Báo Khác nhau v.v... đều có nói rộng.

Văn kinh: Tất cả việc lợi ích chưa từng có trên thế gian này thảy đều hiển hiện.

Tán rằng: Lược chỉ bày tổng kết.

Văn kinh: Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Tràng thấy bốn Đức Như lai và sự việc ít có nên vui mừng hớn hở, chắp tay một lòng chiêm ngưỡng tướng thù thắng của các Đức Phật.

Tán rằng: Thứ hai là Diệu Tràng vui vẻ thưa hỏi. Trong đó có hai:

1. Các Đức Phật và hữu tình đều vui.
2. Cầu xin dứt trừ nghi ngờ.

Đây là mở đầu. Hiện bày thanh tịnh ngồi trên hoa sen phát ra ánh sáng, lợi ích muôn vật và những sự việc hiếm có. Quán sát tướng đại nhân của bốn Đức Như lai gọi là tướng thù thắng.

Văn kinh: Cũng lại suy nghĩ về vô lượng công đức của Đức Thích-ca Mâu-ni Như lai, chỉ đối với tuổi thọ sinh tâm nghi ngờ vì sao Như lai có công đức vô lượng mà tuổi thọ ngắn ngủi chỉ có tám mươi tuổi.

Tán rằng: Cầu xin dứt trừ nghi ngờ có hai:

1. Tâm nghi ngờ.
2. Thỉnh cầu.

Tướng tốt đồng với các Đức Phật, tình huống sinh nghi ngờ, tuổi thọ khác với Phật Di-đà v.v... cho nên nói chỉ đối với tuổi thọ sinh tâm nghi ngờ.

Văn kinh: Lúc đó, bốn Đức Phật nói với Bồ-tát Diệu Tràng rằng: Nay thiện nam! Nay ông không nên suy nghĩ về tuổi thọ dài ngắn của Như lai. Vì sao? Này người thiện nam! Chúng ta không thấy các vị trời, thế gian, Phạm ma, Sa-môn, Bà-la-môn, người và phi nhân có khả năng tính biết tuổi thọ của Phật, biết được giới hạn đó.

Tán rằng: Thứ ba là Đức Phật đó trả lời, có ba:

1. Lược nêu khó nghĩ suy.
2. Nhóm họp đại chúng để giải thích.
3. Kết thành nhân quả khuyên nhắc đừng sinh tâm nghi ngờ, ba bài tụng sau, đây là mở đầu. Có hai:

1. Người khác không thể đo lường.
2. Chỉ riêng Phật mới biết được. Trong phần một có ba:

1. Ngừng sự sai trái.
2. Kết thúc.
3. Để giải thích.

Văn kinh: Chỉ riêng bậc Vô thượng Chánh giác mới biết điều đó.

Tán rằng: Chỉ có Phật mới biết được.

Văn kinh: Bấy giờ, bốn Đức Như lai muốn nói về tuổi thọ sẵn có của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, nhờ vào uy thần của Phật tất cả các tầng trời cõi Dục, cõi Sắc, các rồng quỷ thần, Kiền-thát-bà, A-tu-la, Yết-lộ-trà, Khẩn-na-la, Mạc-hô-lạc-già cùng vô lượng trăm ngàn ức na-dữu-đa Bồ-tát Ma-ha-tát đều đến nhóm họp đồng đủ vào trong thất tịnh Diệu của Bồ-tát Diệu Tràng.

Tán rằng: Nhóm hợp đại chúng để giải thích. Trước tiên nhóm họp đại chúng, sau đó mới nói. Nhóm hợp đại chúng ở đây, trước đó tuy nêu ra có tám bộ chúng nhưng có chúng đến, có chúng không đến. Nay nhân Phật phát ra ánh sáng cộng thêm uy lực kêu gọi mới có thể nhóm họp đầy đủ.

Hỏi: Kinh khác phát ra ánh sáng, chúng đều lập tức nhóm họp, vì sao chúng ở đây gặp ánh sáng không đến?

Đáp: Đến, có trước sau, tuy gặp ánh sáng soi chiếu ban đầu không thể đến được, nhân đó Phật lại tăng thêm mới bắt đầu có thể đến, hoặc uy lực của Phật chính là ánh sáng vẫy gọi.

Văn kinh: Bấy giờ, bốn Đức Phật ở trước đại chúng muốn hiển bày tuổi thọ sẵn có của Đức Thích-ca Mâu-ni Như lai nên nói tụng rằng.

Tán rằng: Để giải thích có hai:

1. Nói tựa kiết tập.
2. Phật vì đó nói cho đại chúng nghe.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Với nước trong tất cả các biển thì có thể biết được số giọt, nhưng không ai có thể đếm biết tuổi thọ của Đức Thích-ca. Chia chẻ các núi Diệu Cao thành những hạt cải cũng có thể biết được số lượng hạt cải đó, nhưng không ai có thể đếm biết tuổi thọ của Đức Thích-ca. Đất tất cả mặt đất cũng có thể biết được số hạt bụi của nó, nhưng không ai có thể đếm biết tuổi thọ của Đức Thích-ca.

Dù cho đo lường hư không có thể cùng tận được bờ mé, nhưng không có ai đếm biết được tuổi thọ của Đức Thích-ca.

Tán rằng: Phật nói cho người đó nghe, chia làm hai: Bốn bài đầu là phần thí dụ, thứ năm một bài là phần tính toán. Trong bốn bài thí dụ, tương truyền có hai cách giải thích: Một nói rằng: “Bốn bài như dưới đây hiển bày bốn đức thường lạc ngã tịnh, như lần lượt có thể dứt bỏ bốn chướng bất tín, chấp ngã, sợ khổ, bỏ tâm. Một nói rằng: “Dùng bốn thân Phật để hiển bày tuổi thọ, đó là Hóa thân, Ứng thân, vừa Ứng vừa Hóa, chẳng phải Ứng chẳng phải Hóa.

Như thứ lớp là dụ cho Hóa thân ẩn đây hiện kia, cho nên lấy nước làm thí dụ, Hóa thân nương vào Ứng thân mà hiện rõ như nước chảy ra khỏi núi, cho nên lấy núi làm thí dụ; toàn câu tự thọ dụng như mặt đất là nơi nương vào của núi và nước; câu thứ tư dụ cho pháp, vì không có hình tướng.

Văn kinh: Nếu người trụ ức kiếp, ra sức thường tính đếm, lại cũng không thể biết, tuổi thọ của Thế tôn.

Tán rằng: Là phần tính toán.

Văn kinh: Không hại mạng chúng sinh, ban cho thức ăn uống, do hai thứ nhân này, được tuổi thọ lâu dài, cho nên Đấng Đại Giác, tuổi thọ khó đếm biết, như kiếp không giới hạn, tuổi thọ cũng như vậy.

Tán rằng: Kết thành nhân quả, khuyên nhắc đừng sinh nghi ngờ. Hai bài tụng này kết thành hai nhân, chiêu cảm quả sống lâu.

Văn kinh: Diệu Tràng ông nên biết, không nên sinh nghi ngờ, tối thắng thọ vô lượng, không ai đếm biết được.

Tán rằng: Khuyên nhắc đừng sinh nghi ngờ.

Văn kinh: Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Tràng nghe bốn Đức Như lai nói về tuổi thọ vô hạn của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nên bạch với Thế tôn rằng: Vì sao Như lai thị hiện tuổi thọ ngắn ngủi như thế?.

Tán rằng: Thứ tư là Diệu Tràng lại thưa hỏi: Thật ra tuổi thọ dài lâu của Phật con đã hiểu sơ qua, có lý do gì mà Ngài hiện bày tuổi thọ ngắn ngủi như vậy? Trước đó chỉ trả lời là lâu dài, nhưng chưa giải thích lý do tuổi thọ ngắn ngủi, vì thế nay lại thưa hỏi. Theo Du-già quyển tám mươi mốt chép: “Giải thích vặn hỏi, nếu tự mình hoặc người khác vặn hỏi đều nên giải thích”. Nên biết rằng vặn hỏi này sơ lược do năm tướng:

1. Vì chưa hiểu rõ nghĩa nên được hiểu rõ ràng, như nói văn này có nghĩa gì?

2. Vì lời trái nhau, như nói vì sao trước đây nói khác.

3. Vì đạo lý trái nhau, như có nghĩa hiển bày trái với bốn đạo lý.

4. Vì không quyết định hiển bày, như nói vì sao đối với một loại nghĩa lại hiển bày nhiều loại dị môn khác nhau.

5. Vì rốt ráo chẳng đúng lý hiện đang thấy, như nói trong ta có thể tánh gì, có sắc tướng gì mà nói là thường hằng v.v...

Đối với năm thứ vặn hỏi này không thuận theo, lần lượt cần phải giải thích, nghĩa là đối với vặn hỏi không hiểu rõ nghĩa nên phương tiện hiển bày rõ ràng, đối với vặn hỏi lời nói trái nhau nên hiển bày ý thì thuận theo thông suốt. Như vậy đối với vặn hỏi không quyết định hiển

bày, đối với vặn hỏi rốt ráo chẳng đúng lý hiện đang thấy, nên biết rằng cũng thế. Đối với vặn hỏi trái với đạo lý, hoặc dùng ngu giáo mà phán quyết; ý này không hiểu rõ, nương vào Tiểu thừa mà nói gọi là Ngu giáo.

Hoặc y theo đạo lý, hoặc vì đó tăng phần quả, hoặc vì đó tăng phần nhân, ý ở đây là hoặc tùy chuyển, hoặc phương tiện, vì dứt ác làm lành, tất cả nhân quả nói có trái ngược, nhưng lý thật không trái. Nhưng vặn hỏi tuy có năm thứ, theo Du-già giải thích trong mỗi vặn hỏi đều có năm ý:

1. Vì không hiểu.
2. Vì nghi ngờ.
3. Vì thử nghiệm.
4. Vì khinh xúc.
5. Vì lợi lạc.

Nay trong năm vặn hỏi là vặn hỏi vì lời nói trái nhau, Đức Thích-ca nói là ngắn ngủi, bốn Đức Phật nói là dài lâu. Có sự trái này nên nêu ra để vặn hỏi. Trong năm ý, đây là ý lợi ích cho nên hỏi.

Văn kinh: Lúc đó, bốn Đức Thế tôn bảo với Bồ-tát Diệu Tràng rằng: Này người thiện nam! Lúc Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đó xuất hiện nơi cõi có năm thứ vẩn đục.

Tán rằng: Thứ năm là Đức Phật đó nói rộng ra. Văn chia làm ba:

1. Tiêu.
2. Thích.
3. Thành.

"Này người thiện nam! Các Như lai này" trở xuống là phần đầu. Trong đó nêu ba thứ:

1. Nêu hiện thời đoản thọ.
2. Nêu nguyên nhân hiện bày ngắn ngủi.
3. Kết thúc nêu đoản thọ.

Đây là nêu ra Thời. Ý nghĩa của năm thứ vẩn đục như Pháp Hoa Sớ có giải thích, cũng chính là nêu chung về năm thứ vẩn đục.

Văn kinh: Người sống trăm tuổi, bẩm tánh thấp kém, gốc lành ít ỏi lại không tin hiểu.

Tán rằng: Nêu nguyên nhân hiện bày ngắn ngủi. Nguyên nhân có hai:

1. Là diệt ác, tức là xả bỏ sinh tử.
2. Là sinh thiện, tức khiến đạt được Bồ-đề.

Ở đây là diệt ác, cũng giải thích riêng về năm thứ vẩn đục, vẩn đục có năm thứ, trong này nêu ra bốn:

1. Mạng trược, đó là người sống trăm tuổi.

2. Vẩn đục về Hữu tình .

Trong hữu tình trược có ba: Một là ý vui không rộng lớn, đó là bẩm tánh thấp kém; hai là vốn không có phước tuệ, đó là gốc lành ít ỏi, ba là có nhiều u mê ngu muội, đó là không tin hiểu.

Văn kinh: Các chúng sinh này có nhiều ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh, thọ giả, nuôi lớn các tà kiến, ngã, ngã sở kiến, đoạn kiến, thường kiến v.v....

Tán rằng: Đây là kiến trược. Trong các kinh luận đã nói về ngã kiến có nhiều thứ khác nhau, như Thành Duy Thức Nghĩa Đăng có nói rộng, nay chỉ dựa vào văn giải thích sơ lược. Nói về ngã trong Du-già quyển tám mươi ba gồm có tám thứ, ở đây chỉ nêu ra năm thứ.

1. Luận Ngã Kiến chép: "Y theo năm thủ uẩn, ngã, ngã sở kiến, hiện tiền lưu hành". Nay văn này đã nói riêng về ngã, ngã sở kiến, tức là chung riêng khác nhau; Du-già y theo chung, ở đây gồm cả chung, riêng. Ở đây nói ngã kiến tức là Vô ngã, ngã sở. Nhân kiến tức là hữu tình kiến, nghĩa là các bậc thánh hiền biết rõ ràng như thật chỉ có pháp này không có pháp nào khác; lại vì có ái trước.

Chúng sinh kiến tức là Sác thủ thú kiến, nghĩa là thường thường hướng đến các đường, không hề biết thỏa mãn. Hai thứ này theo La-thập dịch gọi là ngã nhân, chúng sinh, thọ giả kiến, tức trong Du-già gọi là mạng giả, nghĩa là chính thọ hòa hợp hiện tại còn hoạt động cho nên gọi là mạng. Theo luận Bát-nhã của Bồ-tát Thiên Thân chép: Ngã chúng sinh mạng giả, giải thích rằng: Thấy năm uẩn khác nhau, mỗi mỗi ấm là ngã, như thế vọng giữ lấy gọi là ngã kiến. Ý này tính chung ba đời năm uẩn khác nhau là ngã kiến, thân nối nhau không xen hở gọi là chúng sinh. Ở đây tính năm uẩn từ trước đến nay nối nhau không xen hở cho nên gọi là chúng sinh. Một báo mạng căn không ngừng an trụ, là mạng. Ở đây chấp hiện tại đang có mạng, sau khi mạng căn chấm dứt sinh vào sáu đường, đó gọi là thọ. Ở đây thấy vị lai sinh thọ lại khởi lên. Đây là y theo năm uẩn chung riêng khác nhau.

Dưỡng dục tức là nuôi sống hiện tại, có thể được sĩ phu sử dụng, lại có thể thêm lớn sự nghiệp sau này. Tà kiến tức là tà kiến trong năm kiến, ngã, ngã sở kiến nghĩa là dựa vào năm uẩn khởi lên mười lăm kiến v.v... Đoạn kiến, thường kiến chính là biên kiến. Đoạn là bảy đoạn diệt, thường là bốn biến thường v.v... lại nói Đẳng là đẳng thủ kiến,

giới thủ kiến và tùy phiền não. Lược bỏ không có kiếp trược, bởi vì ngoại cảnh chẳng phải là cảnh sở hóa, chẳng phải ác thể cho nên lược bỏ không nêu.

Văn kinh: Vì muốn làm lợi ích cho các loài chúng sinh này và các ngoại đạo, giúp các loài như thế sinh khởi hiểu đúng, mau đạt được sự thành tựu Bồ-đề vô thượng.

Tán rằng: Vì muốn giúp cho sinh thiện, đạt được Bồ-đề. Dị sinh, ngoại đạo tức là vì người, phân biệt với các chúng Đại Bồ-tát nhập địa, từ Sơ địa trở lên lại thấy là dài lâu, chẳng phải không hiện diệt.

Văn kinh: Cho nên Đức Thích-ca Mâu-ni Như lai thị hiện tuổi thọ ngắn ngủi như vậy.

Tán rằng: Kết thúc nêu lên đoản thọ.

Văn kinh: Này người thiện nam! Nhưng Đức Như lai đó muốn làm cho chúng sinh thấy Niết-bàn rồi sinh ý tưởng khó gặp, ý tưởng lo buồn khổ sở v.v...

Tán rằng: Dưới đây là phần thứ hai giải thích. Văn chia làm ba:

1. Pháp thuyết.
2. Dụ hợp.
3. Kết thuyết.

- Đầu tiên trong pháp thuyết lại chia làm năm:

1. Giải thích.
2. Giả trưng.
3. Vị thông.
4. Hỏi vặn lại.
5. Giải nạn.

- Ở đây giải thích có ba:

1. Khiến đối với Phật khởi tâm mong mỏi kính mến.
2. Khiến đối với pháp sinh ý nghĩ tu tập.
3. Khúc kết.

Đây là mở đầu. Do đó kinh Pháp Hoa chép: “Nếu Ta an trú lâu dài chúng sinh không thể sinh ra ý tưởng khó gặp, khởi lên các tâm khát khao”. Ý đồng với ở đây. Nhưng hiện Niết-bàn theo Đại Bát-nhã Tối Thắng Thiên Vương Hội có một nhân, “Vì các hữu tình thích nghe viên tịch cho nên hiện Niết-bàn”. Luận Pháp Hoa chép: “Vì dứt trừ, đối với Đại thừa không nhóm hợp gốc lành khởi tăng thượng mạn, vì đối trị nên nói thí dụ về thầy thuốc này”. Thị hiện Như lai Nhập Niết-bàn lượng, trong Nhiếp Luận của ngài Vô Tánh nói có sáu nguyên nhân, Như lai hóa thân không trụ nơi rốt ráo, đầy đủ như luận ấy giải thích rõ. Theo

kinh Pháp Hoa chép: "Phật sự rốt ráo đã có mười nghĩa, thị hiện đại Niết-bàn:

1. Nói tất cả hành đều là vô thường.

2. Nói tất cả hữu vi chẳng phải an ổn.

3. Nói hướng đến Niết-bàn là an ổn nhất.

4. Nói Niết-bàn xa lìa tất cả sự sợ hãi.

5. Vì các trời người say đắm sắc thân mà nói sắc thân là vô thường, là pháp hoại diệt, khiến cho tất cả cầu pháp thân thanh tịnh, chỗ này thích hợp với nghĩa thứ hai trong Nhiếp Luận.

6. Nói sức mạnh của Vô thường không thể nào chuyển đổi.

7. Nói pháp hữu vi không tự tại.

8. Nói pháp trong ba cõi đều giống như đồ vật hư hoại, không vững chắc.

9. Nói Nhập Niết-bàn là chân thật nhất, không thể hư hoại.

10. Nói Nhập Niết-bàn xa lìa sinh tử, không còn sinh diệt".

Dùng mười nghĩa này để thị hiện Niết-bàn. Nay văn kinh này tóm lại có:

1. Khiến phát sinh hiểu đúng.

2. Mau chóng được thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

3. Khiến cho thấy diệt độ rồi đối với các Đức Phật khởi lên ý tưởng khó gặp.

4. Khiến đối với lời Phật dạy mau chóng tu hành. Tức là văn nêu ở trước và văn giải thích này có đủ bốn nghĩa như vậy, cũng là vì khiến cho gieo trồng các gốc lành khởi tu tin hiểu, dứt bỏ tà kiến.

5. Lưu lại xương cốt xá-lợi khiến chúng sinh cúng dường được các phước đức, tức là ở sau Trần-như thỉnh xá-lợi Phật, cho đến cuối kinh Phật trả lời Diệu Tràng rằng: "Hoặc lúc thấy có người Nhập Niết-bàn, đó là phương tiện quyền biến, và để lại xá-lợi khiến cho các hữu tình cung kính cúng dường. Hoặc người cúng dường ở đời vị lai xa lìa tám nạn, được kính thờ các Đức Phật, gặp các bậc Thiện tri thức, không mất tâm lành, phước báo vô cùng".

6. Khiến cho hữu tình chứng được viên tịch, tức sau cuối nói: "Mau được ra khỏi, không bị sự ràng buộc của sinh tử". Ở đây, theo Nhiếp Đại Thừa cũng vì người ưa thích thường, không mong cầu viên tịch mà thị hiện Niết-bàn.

Văn kinh: Đối với kinh giáo của Phật Thế tôn nói hãy mau chóng thọ trì đọc tụng thông thuộc, giải thích cho người nghe, không sinh chê bai.

Tán rằng: Hai là khiến đối với pháp khởi lên ý nghĩ tu tập có mười pháp hành, ở đây lược nêu bốn thứ:

1. Thọ trì.
2. Mở đọc.
3. Tụng tán.
4. Giảng nói.

Đầu tiên là ba hạnh tự lợi, sau đó là một hạnh lợi tha, phỏng theo hiển bày các hạnh khác. Trong mười pháp hành mỗi pháp đều có bốn, đó là tự tác v.v... Ở đây nói không chê bai tức là phát sinh vui theo, đối với kinh giáo Phật đã nói sinh tâm vui theo là nói nơi người trì tụng cũng phát sinh vui theo mà không chê bai, tạm thời nêu ra các hạnh dễ hành.

Văn kinh: Cho nên Như lai hiện bày đoản thọ.

Tán rằng: Kết thúc hai phần.

Văn kinh: Vì sao?.

Tán rằng: Giả trưng. Vì sao thấy Đức Phật Niết-bàn lại sinh ra ý tưởng khó gặp, khởi tâm trì pháp, v.v...

Văn kinh: Các chúng sinh kia nếu thấy Như lai không Nhập Niết-bàn thì không sinh ý tưởng cung kính khó gặp.

Tán rằng: Ba là thông suốt. Đây là sinh ra ý nghĩ khó gặp.

Văn kinh: Kinh điển sâu xa Như lai đã nói cũng không thọ trì đọc tụng thông suốt, không giảng nói cho người nghe.

Tán rằng: Đây là chung khởi tâm trì pháp.

Văn kinh: Vì sao?.

Tán rằng: Bốn là vặn hỏi. Nếu thấy Như lai không nhập Niết-bàn, không khởi ý tưởng khó gặp và trì pháp. Lý do là vì như thế.

Văn kinh: Vì thường thấy Phật nên không tôn trọng.

Tán rằng: Đây là giải thích lời vặn hỏi. Nếu thấy Phật diệt độ sợ rằng không còn gặp nên sinh ý tưởng khó gặp. Đã thấy an trụ lâu dài thì cho rằng thường tồn tại, không sinh ý tưởng hiếm có khó gặp, tâm muốn cúng dường nên không tôn trọng đối với Phật, đã không tôn trọng đối với pháp đã nói, cũng không gọi là mong mỏi được nghe, vì thế không tu hành.

Văn kinh: Này người thiện nam! Giống như có người thấy cha mẹ họ có nhiều tài sản châu báu đầy đủ liền đối với tài sản đó không sinh ý tưởng hiếm có khó được.

Tán rằng: Hai là dụ hợp, có hai:

1. Dụ cho an trụ lâu dài không mừng.

2. Dụ cho thấy diệt độ yêu quý.

Trong phần một có hai: 1) Dụ; 2) Hợp. Trong phần một là Dụ có ba: Đầu là Dụ; tiếp theo là Trưng, sau cùng Giải thích. Người dụ cho dị sinh ngoại đạo, cha mẹ dụ cho Phật. Vì có khả năng sinh ra và lớn lên thân phước trí nên có nhiều tài sản, dụ cho Phật an trụ lâu dài pháp tài đầy đủ nên không thể sinh ra ý tưởng khó gặp. Theo văn chỉ đối với pháp không thể sinh ra ý tưởng khó gặp, thật ra làm hiển bày Phật. Do đó, trong hợp ở dưới là riêng hợp với Phật. Trong giải thích có cả hai.

Văn kinh: Vì sao? Tán rằng: nêu ra.

Văn kinh: Vì đối với tài vật của cha mẹ sinh ra ý tưởng thường còn.

Tán rằng: Giải thích. Nên cho rằng cha mẹ thường còn, đối với tài vật của cha mẹ sinh ý tưởng thường còn. Hai nghĩa kết hợp rõ ràng. Hoặc do thí dụ trước đây chỉ dụ cho đối với tài vật không sinh ý tưởng khó gặp. Nay cũng nêu ra và giải thích đối với tài vật.

Văn kinh: Này người thiện nam! Các chúng sinh kia cũng giống như vậy, nếu thấy Như lai không nhập Niết-bàn thì không sinh ý tưởng hiếm có khó gặp. Vì sao? Vì thường thấy.

Tán rằng: Hợp. Văn cũng có ba: đầu là Hợp; tiếp theo là nêu ra; sau cùng là giải thích. Ba văn khác nhau.

Văn kinh: Này người thiện nam! Thí như có người cha mẹ nghèo khổ, tiền của thiếu hụt.

Tán rằng: Thấy diệt độ nên yêu quý, văn dụ có hai, như trước. Văn dụ có năm:

1. Dụ Phật thị hiện diệt độ.
2. Dụ kính Phật khó gặp.
3. Dụ quý pháp cầu học.
4. Nêu ra.
5. Giải thích.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Nhưng người nghèo khó kia hoặc vào nhà vua, hoặc nhà quan lớn thấy kho tàng của họ các loại châu báu tài vật thảy đều đầy đủ nên sinh tâm hiếm có nghĩ rằng khó gặp.

Tán rằng: không có sự cứu giúp che chở này cho nên khởi tâm yêu quý mong cầu, đây chính là dụ cho kính Phật khó gặp. Nói "nhưng người nghèo khó" kia là dụ cho chúng sinh ngoại đạo, tâm của họ kém cỏi, gốc lành mỏng manh. "Hoặc vào nhà vua" là dụ cho giác ngộ mới đối với Thế tôn khởi ý tưởng khó gặp, cho nên như vị vua chúa. "Hoặc

nhà quan lớn” là giống như Đại Bồ-tát, tuổi thọ cũng lâu dài vì chúng sinh hiện bày nhân ngắn ngủi cũng giác ngộ.

Văn kinh: Bấy giờ, người nghèo khó kia vì muốn cầu tài vật nên lập ra nhiều phương tiện siêng năng không lười biếng.

Tán rằng: Dụ cho yêu quý pháp cầu tu học.

Văn kinh: Vì sao? Vì lìa bỏ nghèo khó, được vui sướng.

Tán rằng: kinh nêu ra có thể biết.

Văn kinh: Này người thiện nam! Các chúng sinh đó cũng giống như vậy, nếu thấy Như lai nhập Niết-bàn nên sinh ý tưởng khó gặp, cho đến các tướng buồn rầu đau khổ.

Tán rằng: Đây là hợp. Hợp này dụ cho Phật thị hiện diệt độ.

Văn kinh: Lại nghĩ rằng: Trong vô lượng kiếp các Đức Như lai xuất hiện ra nơi thế gian như lúc hoa Ưu-đàm-bát vừa xuất hiện thì các chúng sinh đó phát tâm ít có khởi lên ý tưởng khó gặp, giống như thấy Như lai tâm sinh ra cung kính tin tưởng.

Tán rằng: Kết hợp dụ cho kính Phật, khó gặp. Văn có ba phần, đó là pháp, dụ, hợp.

Văn kinh: Nghe nói đến chánh pháp sinh ý tưởng thật ngữ, tất cả kinh điển thảy đều thọ trì không sinh chê bai.

Tán rằng: Kết hợp dụ cho yêu quý pháp cầu tu học.

Văn kinh: Này người thiện nam! Vì nhân duyên này nên Đức Phật đó không an trụ lâu dài ở thế gian mà mau chóng nhập Niết-bàn.

Tán rằng: Kết thúc dụ.

Văn kinh: Này người thiện nam! Các Đức Như lai đó dùng những phương tiện khéo léo như vậy để thành tựu chúng sinh.

Tán rằng: Cuối cùng thành tựu.

Văn kinh: Bấy giờ, bốn Đức Phật nói lời này xong, bỗng nhiên biến mất.

Tán rằng: Thứ sáu là nói xong biến mất. Trên là nói chung về các Đức Phật cõi khác nói về tuổi thọ vô cùng.

Văn kinh: Lúc đó, Bồ-tát Diệu Tràng cùng vô lượng trăm ngàn vị Bồ-tát và vô lượng ức na-dữu-đa trăm ngàn chúng sinh đều cùng nhau đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong núi Thứu Phong, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng về một phía.

Tán rằng: Đức Thích-ca tự nói về sự thường an ổn. Đoạn văn này có bốn phần:

1. Diệu tràng đến.
2. Bạch Phật điều đã nghe.

3. Bốn Đức Phật đề nghị nói rõ.

4. Đức Thích-ca vì đó nói.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Lúc đó, Bồ-tát Diệu Tràng đem mọi chuyện như trên bạch lên Đức Thế tôn.

Tán rằng: Bạch lại điều đã nghe.

Văn kinh: Lúc đó, bốn Đức Phật cũng đến núi Thứu Phong, chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cư trú và đều tùy theo phương của mình đến tòa mà ngồi.

Tán rằng: Bốn Đức Phật đề nghị nói rõ. Văn chia làm ba:

1. Bốn Đức Phật đều đến.

2. Sai sử trình bày.

3. Thị giả truyền lệnh.

Đây chính là mở đầu.

Hỏi: Bốn Đức Phật sắp đến, nơi thất của Diệu Tràng bỗng nhiên trở thành chỗ ngồi, đến núi Thứu Phong không nói rời chỗ ngồi, bốn Đức Phật an tọa như thế nào?

Đáp: Trong này phải là Đức Thích-ca biến hóa tòa báu, văn lược bỏ không nói.

Hỏi: Vì sao đến trong thất của Diệu Tràng, bốn Đức Phật tự biến hiện; đến nơi núi Linh Thứu thì Đức Thích-ca biến hiện?

Đáp: Người dưới không ngờ người trên đến, cho nên bốn Đức Phật tự biến hiện; Đức Thích-ca có thể biết các Đức Phật đến cho nên biến hiện tòa báu an tọa.

Văn kinh: Bảo thị giả Bồ-tát rằng: Này người thiện nam! Nay ông có thể đến chỗ Đức Thích-ca Mâu-ni hỏi thăm giúp ta rằng, ngài ít bệnh ít lo, cuộc sống thanh thản an vui lợi ích hay không?.

Tán rằng: Phần hai, sai thị giả hỏi thăm, có ba:

1. Hỏi chung.

2. Thưa hỏi.

3. Vui theo.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Lại nói như vậy: Hay thay! Hay thay! Đức Phật Thích-ca Mâu-ni bây giờ hãy giảng nói về pháp yếu sâu xa của kinh Kim Quang Minh để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, trừ bỏ mất mùa đói kém, khiến cho được yên ổn vui sướng, ta sẽ vui theo.

Tán rằng: Thưa hỏi vui theo.

Văn kinh: Bấy giờ, các vị thị giả ấy đều đến chỗ Đức Phật Thích-

ca Mâu-ni đảnh lễ dưới chân Phật rồi lùi lại đứng về một phía, đồng bạch Phật rằng: Đấng Thiên Nhân Sư đó gởi lời thăm hỏi Đức Vô Lượng ít bệnh ít lo, cuộc sống có thanh thản an vui lợi ích hay không, lại nói như vậy: Hay thay! Hay thay! Đức Phật Thích-ca Mâu-ni bây giờ Ngài hãy giảng nói về pháp yếu sâu xa của kinh Kim Quang Minh, vì muốn lợi ích cho tất cả chúng sinh, trừ bỏ mất mùa đói kém, khiến cho được yên ổn vui sướng.

Tán rằng: Sứ giả truyền lệnh.

Văn kinh: Bấy giờ, Đức Thích-ca Mâu-ni Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác bảo với các vị Bồ-tát thị giả đó rằng: Hay thay! Hay thay! Bốn Đức Như lai đó mới có thể vì các chúng sinh được nhiều lợi ích an vui khuyến khích đề nghị ta giảng nói chánh pháp.

Tán rằng: Đức Thích-ca vì đó nói, văn chia làm hai mục:

1. Khen ngợi.
2. Nói rõ.

Đây là khen ngợi.

Văn kinh: Lúc đó, Đức Thế tôn liền nói rằng: Ta thường ở Thứu Sơn, giảng nói kinh này, vì thành tựu chúng sinh, thị hiện nhập Niết-bàn.

Tán rằng: Tiếp theo là nói rõ, văn chia làm hai mục: Hai câu trước nói về Pháp thân, Báo thân thường trụ, dùng Báo thân để hiển bày Pháp thân; trong cõi Báo thân, Pháp thân ở Linh Sơn không trú xứ cố định mà thị hiện. Hai câu sau hiện bày Hóa thân diệt độ.

Văn kinh: Phàm phu khởi lên tà kiến không tin lời ta nói là vì thành tựu điều đó cho nên thị hiện nhập Niết-bàn.

Tán rằng: Một bài sau lại nói về thành tựu hóa thân diệt độ, vốn vì chúng sinh lựa chọn Đại Bồ-tát.

Văn kinh: Lúc đó, trong đại chúng có vị Bà-la-môn họ Kiều-trần-như là Pháp sư thọ ký cùng với vô lượng trăm ngàn Bà-la-môn chúng cúng dường Đức Phật xong.

Tán rằng: Thứ tư là Hỷ Kiến nhắc lại thành tựu bất diệt, văn chia làm tám mục:

1. Trần-như nhờ dấu tích cầu nguyện.
2. Như lai phương tiện lặng lẽ.
3. Phật thêm vào Hỷ Kiến khiến nêu ra.
4. Trần-như trả lời thỉnh cầu xá-lợi.
5. Hỷ Kiến riêng bày tu phước.
6. Trần-như lại cố thỉnh cầu.

7. Hỷ Kiến không trả lời được.

8. Trần-như hiểu nghĩa thường trụ.

Trong này, người hỏi đáp và pháp đã nói giống như kinh Đại Phương Đẳng Vô Tướng Đại Vân quyển bốn.

Kinh ấy người năng thỉnh tên là Thiện Đức, người năng đáp là Nhất Thiết Chúng Sinh Lạc Kiến, đồng thời nói túc duyên đời sau thấy biết danh tự xưa nay, vì vậy kinh đó nói: "Bấy giờ, Thiện Đức thỉnh nguyện, Thế tôn không trả lời. Lúc đó trong đại chúng có vị Ly-xa Tử, tên là Nhất Thiết Chúng Sinh Lạc Kiến, nói với Thiện Đức rằng: Như lai im lặng không hứa gì, nay ta sẽ trả đáp, tùy theo thắc mắc cứ hỏi.

Hỏi: Nếu có thể cúng dường xá-lợi Như lai nhỏ như hạt cải thì phước báo có thể bằng như người đứng đầu trời Đao-lợi chăng? Ly-xa vì đó nói Như lai có nói kệ gồm mười hai bài, ở Thiệm Bộ Châu này ít có cây nào có thể sinh ra quả Đa-la và Pháp. Hợp với hai bài khác nói, không làm y Tăng-già-lê, suốt ngày có thể tiêu trừ sạch hết duyên chuột băng và tầng bậc sừng thỏ, ở trên đó mà ăn mặt trăng; giả sử con ruồi có thể uống rượu ngon đọng lại nơi nhũ đá mê loạn mà chìm đắm, giả sử lá cây gai góc đầy dẫy khắp nơi tam thiên đại thiên thế giới, giả sử chiếc thuyền nhỏ có thể chở núi Tu-di vượt qua biển nước mênh mông".

Lúc bấy giờ, trong hội chúng có một Thiên nữ tên là Tịnh Quang, thưa hỏi Thế tôn rằng: Hai vị Hiền giả đó từ nơi nào đến đây, nguyện xin giảng nói. Đức Phật nói: "Từ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp về thuở quá khứ, bấy giờ có Đức Phật hiệu là Đồng Tánh Đăng, xứ sở của Ngài rộng lớn mênh mông dọc ngang sáu mươi tám ngàn do-tuần, có bảy mươi tám ngàn ngôi thành lớn.

Lúc ấy, thành lớn tên là Bảo Tụ, tức nay là thành Vương xá. Lúc Đức Phật Đồng Tánh Đăng nói kinh Đại Vân thì trong thành có vị vua lên là Đại Tinh Tấn Long vương, nhà vua có phu nhân tên là Hộ Pháp, có một vị đại thần tên là Pháp Lâm Thọ, thưa với Đức Phật: Xá-lợi Như lai có thể được chăng? Đức Thế tôn không trả lời.

Lúc đó, Đại vương vì chánh pháp nên cùng với tất cả đại thần luận nói về xá-lợi. Đức Phật có vị đệ tử tên là Ma-ha Nam, tâm sinh vui mừng, khen ngợi Đức Thế tôn. Nhà vua nghe khen ngợi rồi vui mừng phát nguyện: Nguyện con ở đời sau lúc chánh pháp của Đức Thích-ca hoại diệt, trong thời gian đó xuất gia vì chánh pháp nên không tiếc thân mạng. Đại thần cũng phát nguyện: Trong chánh pháp của Đức Thích-ca làm vua nước lớn giữ gìn pháp của Như lai.

Phu nhân cũng phát nguyện: Trong chánh pháp của Đức Thích-ca thường làm cho tà kiến khuất phục. Lúc đó Ma-ha Nam nguyện giống như vì ấy làm đại đệ tử của Đức Phật đó".

Đức Phật bảo với Thiên nữ: Bốn người ấy nay ở đời ta vì pháp lại gánh vác trách nhiệm nặng nề, không chỉ hôm nay mà còn ở vị lai về sau sẽ che chở chánh pháp của ta. Này Thiên nữ! Vị Đại thần lúc đó nay chính là Bà-la-môn Thiện Đức này, sau khi ta diệt độ một trăm hai mươi năm, vua cõi Diêm-phù-đề tự là A-thúc-ca trú trong thành Ba-lê-phất-la, họ Vô-da, đạt được một trong hai phần phước đức vốn có của Chuyển luân vương. Phu nhân của nhà vua lúc đó chính là ngươi Thiên nữ. Người được nghe trong chốc lát nay được gặp ta, xả bỏ hình tướng loài trời này liền dùng thân nữ đảm đương đất nước ngôi vị, đạt được một trong bốn phần lãnh thổ cai quản của Chuyển luân vương, giáo hóa quyến thuộc thọ trì năm giới, bảo vệ chánh pháp, dẹp tan ngoại đạo. Vị vua lúc bấy giờ nay chính là Ly-xa Tử Nhất Thiết Chúng Sinh Lạc Kiến, thông đạt sâu sắc chánh pháp, thường mở bày nghĩa lý vi diệu che chở chánh pháp không để tổn hại. Ma-ha Nam lúc đó nay chính là Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng, đạt được một trong hai phần chân thân của ta, biết ân báo ân, che chở chánh pháp nghĩa sâu không vướng mắc". Văn phần một chia làm ba:

1. Trần-như đến cúng dường Đức Phật.
2. Nghe Đức Phật nhập diệt buồn bã.
3. Nêu công đức của Phật làm lý do của sự cầu nguyện.

- Văn phần một này có bốn mục:

1. Nêu ra thời xứ.
2. Nói về tên họ.
3. Nói về đồng loại.
4. Trình bày việc cúng dường.

Nói Pháp sư thọ ký, Pháp sư là Phật, cùng với sự thọ ký đó, làm sáng tỏ công đức địa vị thù thắng, cho nên đặt cho thành tên gọi này. Địa vị này ở trong Hồi hướng thứ mười được Pháp sư thọ ký, vì vậy trú nơi Linh Sơn này đã là Hóa Phật, đối cơ có thể thỉnh cầu cho nên ở Địa tiền, lại giải thích: Đây là vào hàng Thập Địa do đó bản Chân-đế nói: "Như vậy thân Phật giống như nghĩa Như Thị mà Như lai đã nói. Tôi đã nghe biết là thỉnh cầu Như lai giảng rộng phân biệt về nghĩa chân thật, cho nên cầu xá-lợi, mở bày pháp môn phương tiện". Đã nói: Tôi đã nghe biết, rõ ràng là đã ngộ, chỉ vì lợi lạc cho nên ở nơi ấy thỉnh cầu cúng dường. Luận Đại Trang Nghiêm nói về "Phát tất cả mười đại

nguyện cúng dường tất cả các Đức Phật, cũng có ba cách:

1. Tất cả các Đức Phật không sót.

2. Cúng dường không sót.

3. Cung kính không sót.

- Cúng dường có ba thứ:

1. "Lợi cúng dường đó là những vật như y phục v.v....

2. Kính cúng dường đó là hương hoa.

3. Tu hành cúng dường đó là tu hành các giới v.v...".

Còn trong Du-già Bồ-tát Địa có mười cách cúng dường, toàn bộ thâu nhiếp trong ba cách này. Kính cúng dường không sót cũng có ba thứ:

1. Cung kính hầu hạ.

2. Cung kính đưa đón.

3. Cung kính tu hành. Nói cúng dường ở đây tức là đầy đủ ba nghĩa trước đó, một Đức Phật tức là tất cả các Đức Phật.

Văn kinh: Nghe Đức Thế tôn nói nhập Niết-bàn, nước mắt nước mũi tuôn trào lẫn lộn.

Tán rằng: Nghe Đức Phật nhập Niết-bàn nên buồn bã. Đây chính là nghe thị hiện nhập Niết-bàn trước đó và cũng bày tỏ sự tướng, nghĩa là Phật sắp nhập Niết-bàn cho nên tức thời rơi nước mắt. Như kinh Niết-bàn quyển một nói về các tướng buồn khổ: "Chảy ra từ mũi là nước mũi, tuôn ra từ mắt là nước mắt, hai tướng chảy xuống lẫn lộn là đồng thời tuôn ra".

Văn kinh: Tiến đến lễ lạy dưới chân Phật, bạch Đức Phật rằng: Quả thật Như lai đối với các chúng sinh có lòng từ bi thương xót lợi ích vô cùng, khiến cho được yên ổn giống như cha mẹ, ngoài ra không ai sánh bằng.

Tán rằng: ba là nêu công đức của Phật làm lý do cầu nguyện lợi lạc. Trong đó có ba phần:

1. Quy thành kính lễ.

2. Kể về Phật có khả năng làm lý do thỉnh nguyện.

3. Tâm nguyện thỉnh cầu chính đáng.

Tiến lên đảnh lễ Phật chính là quy thành kính lễ. "Nếu thật Như lai" trở xuống là nói Phật có khả năng vì thưa thỉnh pháp. Trong đó có hai:

1. Nói về từ bi lợi ích của Thế tôn.

2. Nói về ba đức đầy đủ của Thế tôn, là lý do đưa ra thỉnh cầu.

Trong phần một có hai: Một là pháp; Hai là dụ. Do đại từ nên

thương xót ban cho niềm vui, do đại bi nên thương xót nhổ sạch gốc khổ. Theo Du-già quyển bốn mươi bảy "chỗ nương của lòng xót thương có năm thứ:

1. Hữu tình bị đau khổ.
2. Hữu tình làm điều ác.
3. Hữu tình buông lung.
4. Hữu tình tà hạnh.
5. Hữu tình phiền não tùy miên.

Tám nạn là có khổ đau, không có luật nghi là làm điều ác, đắm mê cảnh giới là buông thả, nương theo các vọng kiến, ác thuyết, xuất gia trong chánh pháp nhưng làm việc tà hạnh, phiền não có thể biết". Nói đại từ bi, trong Nhiếp luận chín của ngài Vô Tánh chép: "Hán dịch là Đại, là tư lương phước trí chứng đắc trọn vẹn do đó mà thoát khỏi ba khổ, thuộc về hành tướng. Hữu tình trong ba cõi là sở duyên, đối với các hữu tình tâm luôn bình đẳng, chắc chắn không có ai hơn đây, từ đó khiến cho được lợi ích an vui. Lợi ích an vui tức là quả thế gian và xuất thế gian, phước và trí theo đó ứng hợp không sai. Hoặc lợi tức là mười lợi, lạc gồm có năm lạc".

Lại nói "Thương xót có bảy thứ:

1. Không sợ hãi.
2. Như lý.
3. Không mệt mỏi.
4. Vô cấu.
5. Vô nhiễm.
6. Rộng lớn.
7. Bình đẳng.

Không vì sợ người đó mà thương xót, nương theo chánh pháp dạy dỗ là như lý, luôn luôn tạo ra nhiều lợi ích là không mệt mỏi, không đợi người kia yêu cầu mà thương xót họ gọi là vô cầu, không có tâm ái nhiễm cũng không mong cầu báo đáp là vô nhiễm, vì lợi ích hữu tình thà xả bỏ thân mạng không làm điều ác gọi là rộng lớn, đối với thế giới hữu tình không có phân chia giới hạn gọi là bình đẳng thương xót". Giống như cha mẹ là dụ, luận Đại Trang Nghiêm quyển mười hai chép: "Bồ-tát có bảy loại tương tự lợi ích:

1. Tựa như mẹ.
2. Tựa như cha.
3. Tựa như bạn tốt.
4. Tựa như bạn đồng hành.

5. Tựa như tôi tớ.

6. Tựa như Xà-lê.

7. Tựa như Hòa thượng.

- Giống như mẹ hiền đối với con trẻ làm năm việc lợi ích:

1. Mang thai.

2. Sinh đẻ.

3. Nuôi lớn.

4. Phòng tổn hại.

5. Dạy dỗ khuyên bảo.

- Năm sự nghiệp lợi ích chúng sinh của Bồ-tát cũng giống như vậy:

1. Tâm bình đẳng hướng về chúng sinh.

2. Sinh ra nơi thánh địa.

3. Nuôi lớn các gốc lành.

4. Phòng hộ các điều ác gây ra.

5. Giáo dục tập luyện để nghe nhiều.

- Giống như cha lành đối với con thơ tạo ra năm sự lợi ích:

1. Gieo giống.

2. Dạy dỗ tinh xảo.

3. Tạo dựng gia đình.

4. Gởi gắm bạn tốt.

5. Vì con cắt đứt nợ nần không làm cho sau này phải đền trả.

- Năm sự nghiệp lợi ích của Bồ-tát cũng giống như vậy:

1. Khiến cho khởi tín để làm hạt giống thánh thể.

2. Khiến cho học tập thêm lớn giới định để làm tinh khéo léo hơn.

3. Giúp cho được giải thoát vui sướng để làm gia thất, pháp hỷ là vợ.

4. Khuyến khích thỉnh cầu các Đức Phật để làm bạn lành.

5. Vì ngăn chặn các chướng nạn để làm dứt hết nợ nần".

Từ các nghĩa này cho nên ngoài ra không có ai sánh bằng.

Văn kinh: Thường làm nơi quy y cho thế gian giống như vầng trăng tròn đầy trong sáng.

Tán rằng: Đây là trình bày về ba đức đầy đủ. Đây tức là đoạn đức, như kinh Niết-bàn nói: "Tam-muội Nguyệt ái làm cho mát mẻ".

Lại nữa, Thi-la, Hán dịch là Thanh lương. Thanh lương chính là Niết-bàn. Từ giới có thể làm cho mát mẻ Niết-bàn nên gọi là Thanh Lương, do đó dùng vầng trăng thí dụ cho đoạn Đức Niết-bàn. Vì vậy

kinh tụng nói: “Pháp trở về phân biệt, thánh trở về Niết-bàn”. Luận Thập Địa chép: “Như các loài ong nương theo mùi mật; vì vậy làm nơi quy y cho thế gian tức là Niết-bàn, Niết-bàn chính là đoạn đức”.

Văn kinh: Dùng trí tuệ rộng lớn thường chiếu sáng cho tất cả giống như mặt trời bắt đầu xuất hiện.

Tán rằng: Hiển bày trí đức. Trí có công năng phá tan bóng tối giống như mặt trời bắt đầu xuất hiện.

Văn kinh: Quán sát tất cả chúng sinh, yêu mến không thiên lệch, đồng như La-hộ-la.

Tán rằng: Hiển bày ân đức.

Văn kinh: Chỉ nguyện Thế tôn cho con một nguyện.

Tán rằng: Tâm nguyện cầu Phật. Phật có từ bi, lại đầy đủ ba đức, thường thỏa mãn nguyện ước cho con, cho nên nay cầu nguyện.

Văn kinh: Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn im lặng.

Tán rằng: Phương tiện im lặng. Im lặng có năm ý:

1. Vì trừ cơ hiềm, sợ rằng được ngợi khen liền cho họ nguyện.
2. Vì nên nghe.
3. Tránh trái phạm nhau, trước nói nhập Niết-bàn, nay lại nói là thường không nhập Niết-bàn, trái phạm nhau cùng với lời trước.
4. Hiển bày của Đức Phật cao vời, đệ tử hãy còn có thể đáp hỏi, huống là Như lai.
5. Dứt các nghi ngờ khác, vì hơn hẳn các thuyết khác làm chứng.

Văn kinh: Nhờ uy lực của Phật nên ở trong chúng này có Lê-xa-tỳ đồng tử tên là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến.

Tán rằng: Ba là Đức Phật thêm câu hỏi của Hỷ Kiến. Trong văn chia làm năm:

1. Nêu ra nơi chốn.
2. Nói rõ dòng họ chủng loại.
3. Nêu ra tên gọi.
4. Hỷ Kiến hỏi rõ nguyện.
5. Hỷ Kiến nói có thể.

Đây là ba mục đầu tiên.

Văn kinh: Nói với Bà-la-môn Kiều-trần-như rằng: Này Đại Bà-la-môn! Nay ông theo Phật muốn xin nguyện gì, ta sẽ ban cho ông.

Tán rằng: Hai mục cuối.

Văn kinh: Bà-la-môn nói với đồng tử: Tôi muốn cúng dường Đức Thế tôn vô thượng, bây giờ theo Như lai cầu thỉnh xá-lợi nhỏ như hạt cải.

Tán rằng: Bốn là Trần-như trả lời sự cầu thỉnh xá-lợi. Mong muốn hiển bày, thường hy vọng cầu thỉnh xá-lợi, đầu tiên văn chia làm ba:

1. Trần-như trả lời ý nguyện.
2. Giả thiết ngoài điều nêu ra.
3. Trả lời lý do nguyện cầu.

Đây là phần đầu.

Văn kinh: Vì sao? Vì ta có nghe nói nếu người thiện nam, thiện nữ nào được xá-lợi Phật nhỏ như hạt cải cung kính cúng dường thì người đó sẽ sinh lên tầng trời Tam thập tam làm Đế-thích.

Tán rằng: Văn hai mục sau. Giả như tiếp cận việc lớn mong cầu nơi Hỷ Kiến, vì hiển bày nhân thường nên đạt được quả thường. Như kinh Bồ-tát Xử Thai, Vô Thượng Y Mật Tích Lực Sĩ Tây Vực truyện v.v... đều nói về cúng dường nhiều ít xá-lợi và công đức.

Văn kinh: Lúc đó, Đồng tử nói với Bà-la-môn rằng: Nếu muốn nguyện sinh lên cõi trời Tam thập tam thọ hưởng quả báo thù thắng, thì phải dốc lòng nghe kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương này.

Tán rằng: Hỷ Kiến phân tích nêu rõ về phước môn, tức là hiển bày nhân thường, văn xuôi trả lời bằng giải thích, trong tụng trả lời bằng lý. Văn xuôi có ba:

1. Dạy bảo nghe kinh này.
2. Nói rõ lý do.
3. Kết thúc tóm lược.

Đây là phần đầu.

Văn kinh: Thù thắng bậc nhất, khó hiểu khó hội nhập nhất trong các kinh, hàng Thanh văn, Độc giác đều không có thể biết rõ.

Tán rằng: Nói rõ lý do có hai:

1. Nêu rõ hai thừa không biết.
2. Có thể làm nhân thù thắng.

Ở đây không thể biết mà nhờ nghe kinh này có thể vì Báo thân, Pháp thân sinh hiểu rõ hai nhân. Như luận Bát-nhã của Bồ-tát Thiên Thân, v.v... chép: “Đối với pháp là liễu nhân, cũng là dư sinh nhân. Báo là pháp dư, hữu vi mới bắt đầu phát khởi cho nên làm sinh nhân, năng thuyên này hiển bày lý, hạnh, quả, nương vào thuyên khởi hạnh có thể chứng được Pháp thân, cho nên làm hai nhân”.

Văn kinh: Kinh này có công năng sinh ra vô lượng, vô biên phước đức quả báo cho đến thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Tán rằng: Có công năng là nhân thù thắng, có công năng sinh ra quả báo là nhân mười vương nhân, thành tựu Bồ-đề là nhân ba thân,

quả báo thù thắng chân thật ý là khiến cho người kia mong cầu.

Văn kinh: Nay ta vì ông nói sơ lược việc đó.

Tán rằng: Kết thúc tóm lược.

Văn kinh: Bà-la-môn nói: Hay thay! Đồng Tử! Kinh Kim Quang Minh sâu xa tối thượng khó hiểu khó vào này hàng Thành văn, Độc giác còn không thể biết được.

Tán rằng: Trần-như phương tiện lại càng kiên quyết cầu thỉnh, văn chia làm ba:

1. Khen ngợi kinh thâm diệu thù thắng không biết.
2. Chúng ta trí tuệ nhỏ nhoi không thể nào nương theo tu tập.
3. Thiết tha cầu thỉnh xá-lợi.

Đây là mở đầu.

Nói về lý của Bồ-đề không Niết-bàn không cho nên sâu xa, trừ sạch hai chướng cho nên vô thượng, trí này của phàm phu khó hiểu rõ, hiện trí khó lãnh hội, Nhị thừa định tánh không thể liễu ngộ, cho nên không thể biết được.

Văn kinh: Huống là chúng ta hạng người quê mùa dốt nát, trí tuệ cạn cợt mà có thể hiểu được hay sao? Tán rằng: Chúng ta kém trí không thể nương theo tu tập.

Văn kinh: Chính vì thế, nay ta cầu thỉnh xá-lợi Phật nhỏ như hạt cải mang về bổn xứ, đặt trong hộp quý cung kính cúng dường, sau khi qua đời được làm Đế-thích, thường được an vui.

Tán rằng: Sau cuối thiết tha cầu xá-lợi, chia làm hai:

1. Nói ra ý cầu thỉnh.
2. Nêu ra.

Vì sao không cầu xin cho ta; đây là nêu ra ý cầu mong, đáp rằng thường trú thật không có xá-lợi.

Văn kinh: Vì sao nay ông không thể cầu xin từ Đấng Minh Hạnh Túc cho ta một nguyện như thế? Nói lời này xong.

Tán rằng: Đây là nêu ra vì sao không cầu xin xá-lợi thân Phật cho ta, để ta cúng dường được quả thường vui.

Văn kinh: Bấy giờ, Đồng tử liền nói tụng cho Bà-la-môn nghe rằng: Sông Hằng chảy qua nhanh, đâu sinh hoa sen trắng?.

Tán rằng: Hỷ Kiến trả lời không thể được. Đại ý đoạn văn này, hoặc theo Nhân Duyên Duy Thức Vô Tướng Chân Như Tứ Chủng Quán Môn chép: Không có xá-lợi. Hoặc theo Tam Vô Tánh Quán chép: Không có xá-lợi. Hoặc Y Tam Tánh chép: Không có xá-lợi. Hoặc đều y theo ba Thân nói là Không, hoặc chỉ y theo Pháp thân, Ứng thân biết

là Không. Ý dứt bỏ tám đảo cho đến bốn chướng.

Nói về Bồ-đề, Niết-bàn có đủ bốn đức, cho nên thọ của ba thân đều không có giới hạn. Bởi vì Trần-như mượn cớ Phật từ nhân hữu lậu sinh ra, giống như báo thân thế gian chết đi để lại xương cốt lẽ ra là Vô thường. Nay đáp rằng không, y cứ theo đạo lý trước đây khiến cho hiểu rõ những điều khác, biết Phật thường trụ là thật sự an vui, hợp với lý mà tu tập là ý chính trong đoạn này. Có mười bốn bài tụng chia làm bốn phần: Ba hàng đầu nói về lìa ba tướng hữu lậu nên không có xá-lợi, ba hàng tiếp theo nói về có đủ ba đức Niết-bàn nên không có xá-lợi, ba hàng tiếp đó nói về bốn hạng người có chướng ngại, vì không được chân thật nên không có xá-lợi, bốn bài cuối nói về thân chân thật, có đủ bốn đức nên không có xá-lợi.

Đây là mở đầu.

Nửa hàng nói về tướng vô sinh của Pháp thân, hằng hà dụ cho chân lý. Kinh Niết-bàn và luân Bảo Tánh đều dùng sông Hằng dụ cho chân như. Chảy nhanh dụ cho Như, tự tánh không có cấu nhiễm, tự tánh giải thoát. Tự tánh trí tuệ không đồng với hữu vi, thường sinh ra các pháp cho nên không có xá-lợi, giống như dòng chảy nhanh không mọc lên hoa sen. Hoặc từ thân thọ dụng do đại bi Bát-nhã tín định thành tựu, giống như dòng chảy nhanh nối nhau trong từng sát-na suốt thời gian vị lai cho nên không có xá-lợi, không giống như thân kia sinh diệt thành tựu từ hoặc nghiệp hữu lậu có thể để lại thân cốt. Đây là theo Y tha, không tự nhiên sinh ra mà phải nhờ các duyên. Thân vô lậu này chẳng phải là nhân hữu lậu cho nên không thể có thân máu thịt.

Hoa sen trắng: Tiếng Phạm là Bôn-đồ-lợi-ca, vì vậy kinh mới dịch, xưa dịch đều gọi là hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Bát-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi, như thứ lớp bốn màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Nhưng bản dịch xưa chép: "Câu-vật, Hán dịch là Bạch Liên Hoa. Bởi vì trong dòng chảy nhanh đều không mọc ra, tùy đó nêu ra một chọn lấy văn để nói. Gặp nước nên sinh ra vật, dòng chảy nhanh còn không thể nào mọc ra, vô vi chẳng sinh, vô lậu chẳng nhiễm, trái với pháp nhiễm nên không có xá-lợi".

Văn kinh: Chim vàng biến màu trắng, quạ đen biến thành đỏ.

Tán rằng: Nói vô tướng không có biến dị cho nên không có xá-lợi. Chim vàng bản dịch cũ gọi là Câu-chỉ-la, Hán dịch là hoàng điểu, có lẽ là chim hoàng vĩ lâu ở xứ này. Lại giải thích: Dịch là Vô chánh tướng, Tây phương có loài chim này hình dáng như chim Bồ câu Hoàng điểu hình dáng bé nhỏ, dụ cho sắc uẩn lão không khắp ba cõi, phần

đoạn lão không khắp vô lậu địa. Hình dáng quạ hơi lớn dụ cho bốn uẩn lão ở khắp ba cõi, dụ cho biến dịch tử ở khắp vô lậu địa. Nay Pháp thân, Báo thân này hai uẩn lão đều không còn, do đó không có xá-lợi.

Văn kinh: Giả sử cây Thiệm bộ có thể sinh ra quả Đa-la, trong cành Khiết-thọ-la, thường mọc lá Am-la.

Tán rằng: Nói về tướng vô diệt của Pháp thân cho nên không có xá-lợi. Cây Thiệm bộ, ngoài biển lớn ở phía Bắc châu này có nhiều cây này, cây rất lớn, có thể ăn được, gốc cây dưới biển có nhiều vàng quý đẹp. Xưa nói "vàng Diêm-phù-đàn" là lầm. Trong luận Du-già chép: "Bên cạnh hồ Vô Nhiệt có cây Đại Thiệm bộ, châu này dùng tên cây đó để đặt tên". Cây Đa-la, truyện chép: "Hình dáng cao lớn, lá nhỏ và dài, tức là lá Bối-đa-la, các nước ở Tây Vực viết bằng lá cây này".

Khiết-thọ-la, Hán dịch cũng không phiên dịch. Xưa gọi là cây Khư-thọ-la, giống như cây Hán cô, bên trong có hạt nhỏ, hạt lớn như hạt táo, ăn có vị ngọt thơm. Truyện Tây Quốc nói: " Là cây nổi tiếng ở nước Ma-kiệt-đề, xứ khác cây này không nhiều". Am-la (Truyện nói: Hán dịch là cam tử, hạt nhỏ). Như vậy khác loại cho dù có sinh diệt, còn không có loại quả này diệt rồi mà sinh ra những loại quả đó, sao nói pháp vô vi có thể có diệt đi mà để lại xá-lợi? Nếu y theo tự tánh Pháp thân, luận Bát-nhã chép: "Ba tướng khác thể cho nên lìa kia đây chính là Như lai".

Văn kinh: Các vật hy hữu ấy hoặc có thể chuyển biến, xá-lợi của Thế tôn, rốt ráo không thật có.

Tán rằng: Hợp với pháp. Những thứ hữu vi kia dù có thể thay đổi biến hóa cho nên nói hoặc là bất định, nhưng Pháp thân Như lai chắc chắn không sinh diệt để lại xá-lợi, hoặc Báo thân, Hóa thân nghĩa y cứ theo đó có thể biết.

Văn kinh: Giả sử dùng lông rùa, dệt thành áo rất quý, lúc lạnh có thể mặc được mới cầu xá-lợi Phật.

Tán rằng: Đây là ba hàng sau nói về có đủ ba đức cho nên không có xá-lợi. Một bài đầu nói về Bát-nhã chân thật lìa xa luống dối, lông rùa vốn không có, dụ cho Bất Nhã không có cốt phần, dệt thành áo quý lạ dụ cho nhờ xá-lợi mà tu hạnh thù thắng; lúc trời lạnh có thể mặc được, dụ cho hy vọng sẽ đạt được quả thường còn, như tâm vọng tính toán cho là chân thân của Phật thật có xương thịt v.v... phần thân hữu lậu như lông, chấp mình có thể nương theo tu tập đạt được quả thật có như áo, là biến kế vọng, các vọng đã không có, cho nên tự tánh Bát-nhã thật sự không có xá-lợi. Hoặc có thể, chấp dùng máu thịt gân cốt gom

lại thành Pháp thân, giống như dùng lông rùa dệt thành áo quần sử dụng để ngăn giá lạnh. Vì những việc này không có cho nên không có xá-lợi, lìa tướng sinh ở trước.

Văn kinh: Giả sử chân ruồi muỗi, có thể dùng chân làm lầu quán, vững chắc không lay động, mới cầu xá-lợi Phật.

Tán rằng: Dụ cho pháp nhỏ nhiệm chân thật của Pháp thân, không thể chuyển dời thành máu thịt thô lậu của pháp hữu vi, do đó không có xá-lợi, lìa tướng khác nhau ở trước.

Văn kinh: Giả sử loài đỉa nước, trong miệng mọc răng trắng, dài lớn bén như gươm, mới cầu xá-lợi Phật.

Tán rằng: Dụ cho tự tánh giải thoát không thể đạt được từ pháp hữu lậu ràng buộc bởi máu thịt, như con đỉa mọc răng nên bị trói buộc ngăn ngại, đã không có sinh vì thế chắc chắn không có diệt, lìa xa tướng diệt. Hoặc là trước tiên dụ cho Địa tiền chân như, chẳng bị nhiễm bởi khách trần cho nên không sinh, cho nên kinh nói bất sinh bất diệt. Thập Địa chân như tuy là phần chứng tịnh, chẳng phải là chuyển từ nhiễm mà thành cho nên không khác, vì vậy kinh nói không thêm không bớt. Chẳng phải tùy theo công đức sinh mà thêm, chẳng phải tùy theo phiền não diệt mà bớt. Sau là dụ cho thân giải thoát của đạo hận, vì đã lìa bỏ ràng buộc cho nên không có xá-lợi. Lại giải thích: Ba hàng trước dụ cho sinh vô tự tánh tánh, ba hàng tiếp theo dụ cho tướng vô tự tánh tánh, tám hàng sau dụ cho thắng nghĩa vô tự tánh tánh, thứ lớp như vậy tức là đối với ba tánh y tha, biến kế, viên thành khiến tu quán hạnh.

Văn kinh: Giả sử dùng sừng thỏ, làm thành bậc thềm, có thể lên cung trời, mới cầu xá-lợi Phật.

Tán rằng: Bốn bài sau nói về bốn hạng người có chướng ngại không đạt được bốn đức. Ý này chính là nói về Pháp thân là thường vui v.v... Nay ở trong này lấy thỏ dụ cho Pháp thân, thường khởi ý tưởng vô thường như nương vào thỏ mà tìm sừng. Làm bậc thềm lên cõi trời dụ cho đức Thường của Niết-bàn, dùng tướng vô thường bước lên mong được vào cung điện Niết-bàn, thì không bao giờ có việc ấy. Từ đó biết rằng không có xá-lợi. Theo đây thì, muốn tìm Pháp thân xá-lợi rốt ráo không thể được. Đây là thứ nhất, tức là trừ tâm xả của Duyên Giác. Từ đó Đức Thế tôn thực hiện ý tưởng vô thường, muốn tâm xả mà nhập đại Niết-bàn thì chắc chắn không được, vì vậy biết rằng Pháp thân chắc chắn không vô thường. Thực hành quán vô thường như nương vào thỏ tìm sừng làm bậc thềm, hy vọng bước lên cõi trời thì chắc chắn không thể được, do đó Nhị thừa cho rằng được thì đó là phương tiện mà nói.

Như kinh Thắng-man chép: “Xả bỏ cõi Niết-bàn thì tạm nói là được Niết-bàn, thật sự không thể như thế được”. Nay khiến cho chúng sinh quán sát và thường tu tập đại bi, trừ bỏ chướng nơi tâm xả, có thể thực hiện nhân thường để chứng đạt đức thường của Phật. Lại nương vào Pháp thân quán có vô thường cốt nhục xá-lợi, mong cầu cúng dường là nhân của Pháp thân cũng chắc chắn không thể được, như nương vào Thỏ, tìm sừng làm bậc thềm để bước lên cõi trời, vì thế không thể đạt được. Trên đây là y cứ theo đảo quán, tự chướng ngại, không thể đạt được đức thường của Pháp thân. Đây là theo tà quán mong cầu xá-lợi Phật không được, đã không có xá-lợi thì nương vào đâu tu hành có thể làm nhân của thường?

Văn kinh: Chuột theo bậc thang này lên, trừ khử A-tô-la, thường che trăng giữa trời, mới cầu xá-lợi Phật.

Tán rằng: Trừ chướng ngại sợ khổ của hàng Thanh văn, hàng Thanh văn quán Pháp thân Phật nghĩ đến nỗi khổ hữu lậu, giống như đối với loài chuột, nương theo đức Lạc của Pháp thân để đi lên, không khác việc lấy sừng thỏ làm thềm thang. Suy nghĩ nhớ đến nỗi khổ này có thể trừ dẹp các chướng ngại, thường hàng phục các ma được Niết-bàn hoàn toàn, như chuột men theo thềm sừng thỏ lên cõi trời, trừ oán chắc chắn không thể được. Hoặc chuột dụ cho hàng Thanh văn, bậc thềm sừng thỏ dụ cho đức Lạc, tưởng là thật khổ. Thật ra không có khổ mà chấp là có khổ, có khổ nên liền có vô thường, nghĩa là có cốt nhục xá-lợi cho nên nay mong cầu, tức là dùng nhân này mong đạt được đức lạc, giống như men theo bậc thềm sừng thỏ dứt trừ A-tu-la không làm cho che chắn mặt trăng. Mặt trăng dụ cho Niết-bàn đã không xứng hợp với thực tế, nói rõ chắc chắn không thể được. Khiến cho tu tập đại định vì có thể chứng được nhân của đức Đại Lạc.

Văn kinh: Nếu ruồi uống rượu say, đi khắp trong thôn ấp, xây dựng nhiều nhà cửa, mới cầu xá-lợi Phật.

Tán rằng: Trừ chướng ngoại đạo chấp ngã. Bởi vì ngoài Đức Thế tôn ra, đối với những hữu lậu khác, quán có Ngã Lạc là do điên đảo, như ruồi uống say liền nằm ngay tại chỗ, không thể bay qua thôn ấp tạo nên những hang ổ. Pháp Thập Địa trong nhân như thành lũy, trạch diệt giống như xóm ấp. Đức Lạc Niết-bàn như nhà cửa, vì thế trong luận Trí Độ có dẫn ra: Có một ngoại đạo nói một bài tụng cho Xá-lợi Tử nghe rằng: “Ta uống rượu gạo canh, trộm mang đến một bình. Núi đất mọi cỏ cây, nhìn giống như màu vàng”. Đây là dụ cho ngoại đạo đối với pháp hữu lậu thực hành Bất không, Hữu tướng, Hữu nguyện. Ở đây y theo vô

vi, không thể gọi là xây dựng nhà cửa, chỉ gọi là trình độ (tạo nghệ). Hoặc dựa theo liễu nhân, giả dụ xây dựng nên nhà cửa, khiến dứt trừ vọng chấp điên đảo, cho nên tu Bát-nhã trí tuệ, giác ngộ rõ ràng, có thể đạt được Đại Ngã Niết-bàn của Như lai. Hoặc như ngoại đạo, tuy cho rằng Ngã thường nhưng có nghĩa của sự xả thân, thọ thân, cho nên nói rằng thân Thường Ngã của Thế tôn có xá-lợi, đã là điên đảo, cho nên không có xá-lợi.

Văn kinh: Dù làm màu môi lừa, đỏ như trái tần-bà, khéo làm chuyện múa hát, mới cầu xá-lợi Phật.

Tán rằng: Trừ chướng xiển-đề không tin. Do si mê không tin bốn đức của Pháp thân, vì ngu tối nên dụ cho môi lừa đen, vì không tin nên dụ cho không đạt được hoàn toàn thanh tịnh Niết-bàn của Như lai. Như màu đen của môi lừa không thể làm cho đỏ như trái Tần-bà. Xiển-đề không tin nên không thể đạt được trong Pháp thân có xá-lợi, khiến tu tập tin tưởng có thể làm nhân cho đức thanh tịnh chứng được thanh tịnh hoàn toàn. Bốn đức này đều nói theo tăng chướng, tăng nhân. Theo địa vị tu hành thì chỗ này ngược lại với thứ lớp. Y theo thứ lớp bốn đức cho nên trước tiên nói về các tâm xả. Khéo làm chuyện múa hát, hát dụ cho nói pháp, tức là lợi tha, hành động múa may dụ cho thực hành tự lợi. Theo văn kinh này tựa như toàn bộ dụ cho phần thứ tư. Y theo bản của ngài Chân-đế tức là từ "Thiện tác" trở xuống thông suốt kết hợp với bốn đức trước, bởi vì kinh đó nói: "Phàm phu và Nhị thừa có thể nói và có thể thực hành tự tha thì không bao giờ có việc đó cho nên tóm lại không thể nói đến bốn đức của Như lai và bốn nhân tu tập". Nhưng ý văn này hoặc là tạm thời không thể nói và tu hành, hoặc y theo Nhị thừa định tánh và xiển-đề vô tánh ngoại đạo nhưng có thể nói rằng vì bất định tánh và hữu chủng tánh để khiến cho dứt bỏ chướng ngại, tu nhân bốn đức, chứng được bốn đức. Hoặc có thể người định tánh không ngu dốt pháp cũng chứng được, vì đó nói khiến cho biết nên hóa tha chút ít. Hoặc có thể, văn này chỉ dụ cho kết thúc hạng thứ tư phỏng theo ba hạng người trước.

Văn kinh: Quạ cùng chim cú mèo cùng đi chung một nơi, kia đây thuận theo nhau, mới cầu xá-lợi Phật.

Tán rằng: Nói về Pháp thân chân thật đầy đủ bốn đức cho nên không có xá-lợi. Cũng chia làm bốn. Ở đây trước hết nói về đức thường thật không đồng nơi chốn với vô thường luống dối cho nên không có xá-lợi. Lại quán vô thường không thể đạt được đức thường, giả như đạt được thì có thể cầu xá-lợi, vì không đạt được cho nên không thể cầu.

Văn kinh: Giả sử lá Ba-la, có thể thành tàn lọng, thường che được mưa lớn, mới cầu xá-lợi Phật.

Tán rằng: Nói về đức Đại Lạc. Nếu cho rằng khổ giống như lá Ba-la. Lá cây Ba-la truyền thuyết nói rằng đều chia ra ba đường, không thể làm tàn che được mưa lớn. Mưa lớn dụ cho khổ biến dịch, Thanh văn cho là khổ nên không thể phá trừ biến dịch, nỗi khổ mưa lớn của bốn ma. Nhị thừa thực hành quán vô thường và khổ do đó không đạt được thường lạc.

Văn kinh: Giả sử tàu thuyền lớn, chứa đầy các châu báu, có thể đi trên bộ, mới cầu xá-lợi Phật.

Tán rằng: Nói về đức Đại Ngã. Dùng ngã Pháp thân như tàu thuyền lớn, có đủ hằng sa công đức như chứa đầy tài sản, châu báu, khiến di chuyển trên bộ dụ cho ngã kiến của ngoại đạo. Tâm ngã kiến của ngoại đạo không thể thấy được chân ngã. Chân ngã giống như tàu thuyền, không như nơi ngoại đạo chấp ngã như tàu thuyền có thể đi trên bộ.

Văn kinh: Giả sử con chim ri, dùng mỏ ngậm núi hương, lang thang khắp mọi nơi, mới cầu xá-lợi Phật.

Tán rằng: Nói về đức Đại Tịnh. Ngoại đạo không tin đức thanh tịnh của Niết-bàn, vọng tính toán rằng ngoài tịnh có thể đạt được đức chân tịnh của Niết-bàn, như con chim ri không thể ngậm núi Hương ngao du được. Núi Hương dụ cho đức thanh tịnh của Niết-bàn, chim dụ cho ngoại đạo, không tin lời Phật nói, chỉ dựa vào cái thấy và hành động của mình cho là đạt được chân tịnh, thì chắc chắn không được. Đã là chân Pháp thân thì không thể vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, rõ ràng biết xá-lợi chắc chắn không thể đạt được, cầu xá-lợi nương vào đó cúng dường, làm nhân an vui, thành tựu bổn nguyện ấy chắc chắn không thể nào đạt được. Cần phải quán Phật lìa xa ba tướng, thành tựu ba đức, trừ dẹp bốn chướng, tu tập bốn nhân, chắc chắn được thỏa mãn ý nguyện.

Văn kinh: Lúc đó, Bà-la-môn Pháp sư Thọ Ký nghe bài tụng này xong cũng dùng kệ, tụng trả lời đồng tử Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến rằng.

Tán rằng: Thứ tám là Trần-như hiểu rõ ý thường trụ. Văn có hai phần khác nhau: Ban đầu là nêu ra người sớ kinh, sau là chính thức hiểu rõ. Đây là mở đầu.

Văn kinh: Hay thay! Đại Đồng tử! Tốt lành trong chúng này, tâm phương tiện tuyệt vời, được thọ ký vô thượng.

Tán rằng: Trần-như chính thức hiểu rõ, có bài tụng bảy hàng chia

làm ba: Hai bài đầu khen ngợi công đức sắp kể ra, bốn bài tiếp theo chính thức nói về hiểu ngộ của mình, một bài cuối kết thúc thân Phật thường trụ. Văn phần đầu chia làm ba: Một bài đầu khen ngợi công đức của Hỷ Kiến, nửa hàng tiếp theo nêu lên sự thành tựu của Phật, nửa hàng tiếp đó bảo lắng nghe sắp nói. Đây tức là khen ngợi Hỷ Kiến, đầu tiên là khen ngợi chung, tiếp theo khen ngợi riêng. Khen ngợi chung là khen ngợi nói pháp trước đó và khen ngợi công đức bên trong. Bởi vì pháp đã nói trước đây nương theo trí vô nhiễm nói về bốn đức của Phật, khiến cho sinh ra việc trừ chứng, tu nhân, đương chứng vì thế khen rằng hay thay. Khen ngợi công đức bên trong tức là khen ngợi các công đức dưới đây, có sáu thứ công đức thù thắng:

1. Tương ưng thắng đức.
2. Sinh vị thắng đức.
3. Phát nguyện thắng đức.
4. Thiện xảo thắng đức.
5. Phương tiện thắng đức.
6. Nhiếp thọ thắng đức.

Nói là Đại Đồng Tử bởi vì tương ứng với bảy đại tánh. Như luận Bát-nhã của Bồ-tát Vô Trước chép: “Bồ-tát này tương ứng với bảy đại tánh cho nên gọi là Đại”. Nghĩa này đồng với kia. Nói Đồng Tử là hiển bày sinh nơi địa vị thù thắng, vì bước lên Sơ Địa, sinh trong nhà Như lai gọi là Đồng Tử, tức là nghĩa Phật tử chân thật. Chỗ này lại có bốn thứ:

1. Chứng tử thắng, tin đại pháp làm chủng tử.
2. Sinh mẫu thắng, lấy Bát-nhã làm mẹ sinh ra.
3. Thai tạng thắng, lấy thiền định làm bào thai.
4. Nhũ mẫu thắng, lấy từ bi nuôi lớn làm vú nuôi.

Tốt lành trong chúng này tức là Đại nguyện thắng, nghĩa là phát khởi mười nguyện lớn hay bốn nguyện rộng. Nói khéo léo tức là thiện xảo thắng, được tiến lên địa trên dễ dàng. Nói phương tiện tâm tức là phương tiện thắng. Nương vào hai lợi ích sinh ra:

1. Biết mình gần gũi Bồ-đề.
2. Biết lợi tha thuận tiện.

Nói được Phật thọ ký tức là nhiếp thọ thắng vì được phần nhiếp thọ ký của các Đức Như lai.

Văn kinh: Như lai oai đức lớn, thường cứu giúp thế gian, nhân thực dốc lòng nghe, nay tôi lần lượt nói.

Tán rằng: Hai câu trước khen ngợi trí, bi của Phật, đại oai đức là trí đức, đầy đủ các thứ thần thông; thường cứu giúp là bi đức, lợi ích cho

thế gian. Nay tôi lần lượt nói là kể rõ những điều sẽ nói. Những điều sẽ nói ấy tức là ba thân Phật. Trong Nhiếp Luận của ngài Vô Tánh, phần quả trí kia có chép: “ Nên biết rằng Pháp thân sơ lược có năm tướng:

1. Tướng Chuyển y.
2. Tướng Bạch pháp sơ thành.
3. Tướng Vô nhị.
4. Tướng Thường trụ tướng.
5. Tướng Bất khả tư nghị vi tướng.

Năm nghĩa này tôi sẽ lần lượt nói.

Văn kinh: Cảnh các Đức Phật khó nghĩ, thế gian không gì bằng, tánh Pháp thân thường trụ, tu hành không khác nhau.

Tán rằng: Bốn bài sau chính là nói về sự hiểu rõ của mình. Hai bài đầu hiểu rõ thường trụ, hai bài sau hiểu không có xá-lợi. Đầu tiên hiểu về thường trụ tức là phần quả trí kia. Phần quả trí kia lược có năm tướng: Cảnh giới các Đức Phật khó nghĩ là tướng không thể suy nghĩ bàn luận, thế gian không gì bằng là tướng chuyển y, tánh Pháp thân thường trụ là tướng thường trụ, tu hành không khác nhau là tướng bạch pháp thành tựu, thể các Đức Phật đều đồng một hạnh là tướng vô nhị vi. Ý ở đây cho các pháp như vậy vốn là nương theo mê-ngộ cho nên trước tiên nói về tướng không thể suy nghĩ bàn luận.

Đã biết nguồn gốc rồi, tiếp theo phân biệt về tướng chuyển y, đã chuyển y rồi tức đạt được Pháp thân, tiếp theo phân biệt rõ tướng Pháp thân thường trụ, thân từ nơi nhân mà chứng, tiếp tục phân biệt rõ tướng bạch pháp thành tựu, đã thành tựu bạch pháp không biết sự đồng dị, tiếp tục phân biệt rõ tướng vô nhị vị. Luận kia dùng năng y, sở y làm thứ lớp, cho nên thứ lớp nói khác nhau. Cảnh giới các Đức Phật khó nghĩ bàn tức là tướng thứ năm ở kia, luận ấy chép: “Nói là chân như thanh tịnh tự bên trong chứng đạt, chẳng phải các cảnh giới sở hành của suy nghĩ, các điều ngẫm nghĩ ấy chỉ nên tin hiểu, không nên nghĩ bàn gọi là khó nghĩ bàn”. Thế gian không gì bằng tức là tướng chuyển y thứ nhất, nghĩa là chuyển diệt tất cả các chướng tạp nhiễm phần, tánh y tha khởi chuyển được giải thoát tất cả các chướng, đối với pháp tự tại, chuyển hiện tiền thanh tịnh phần, tánh y tha khởi, ý chuyển y này đã đầy đủ nên thế gian không gì sánh bằng. Tánh Pháp thân thường trụ tức là tướng thường trụ thứ tư kia, luận đó nói: “Nói là tướng chân như thanh tịnh, bổn nguyện dẫn dắt, những việc nên làm không có lúc rốt ráo”. Vô Tánh giải thích rằng: “Đây là hiển bày tánh chân như thường hằng không thay đổi, hiển bày thành tựu quả Phật nói là Pháp thân, nếu tánh biến đổi thì chẳng

phải chân như, cho nên bổn nguyện thường trụ dẫn dắt, việc làm không có lúc rốt ráo do đó hiển bày Ứng Phật-Hóa Phật còn lại". Tu hành không khác nhau tức là tướng bạch pháp thành tựu thứ hai kia, nghĩa là sáu Ba-la-mật phần nhiều tròn đầy, được mười tự tại. Nghĩa của mười tự tại này, ở sau sẽ giải thích.

Văn kinh: Thể các Đức Phật đều đồng, nói pháp cũng như vậy, các Đức Phật không tạo tác, lại cũng vốn không sinh.

Tán rằng: Chính là tướng vô nhị vị thứ ba kia. Có ba thứ vô nhị:

1. Hữu vô, Vô nhị.
2. Vị vô, Vị vô nhị.
3. Nhất thiết Phật vô nhị.

Ở đây nói Đồng tức là nghĩa vô nhị (không hai). Thể các Đức Phật đều đồng tức là câu gồm chung, cũng chính là hữu vô vô nhị (hữu và vô không hai). Các Đức Phật vô nhị là câu tách biệt, nghĩa là hữu vô không hai làm tướng. Bởi vì tất cả pháp không thật có cho nên giải thích ý đối với Pháp thân ở trên, biến kế là không cho nên chẳng có tướng. Dùng không để hiển bày tự tánh cho nên chẳng phải vô tướng. Các Đức Phật không tạo tác trở xuống là hiển bày vi và vô vi không hai.

Lại cũng vốn không sinh là hiển bày Ứng thân, Hóa thân, không có hai tướng Hữu vi, Vô vi. Luận nói: "Do nghiệp phiền não chẳng phải là hành vi cho nên gọi là vô tác, vì chẳng phải phiền não tạo tác cũng chẳng phải hoặc nghiệp sinh ra cho nên nói là vô sinh, cũng hiển bày thể tự tánh Pháp thân sẵn có chẳng phải là mới sinh ra, mới tạo tác". Pháp được nói cũng giống như vậy là vì giải thích nói pháp, lại cũng không mê đắm, bởi vì các Đức Phật Như lai đồng một sự nghiệp. Lại giải thích: Văn này giải thích "thường cứu giúp thế gian" ở trước, nếu không nói pháp làm sao cứu giúp được, vì thế trong kinh này, phần nhiều nói kinh này truyền bá rộng rãi khắp trong thế gian được nhiều lợi ích.

Văn kinh: Thế tôn Thể Kim cương, quyền hiện ra Hóa thân, cho nên xá-lợi Phật, không nhỏ như hạt cải, thân Phật không máu thịt, sao nói có xá-lợi.

Tán rằng: Hai bài sau giải thích về không có xá-lợi; Một bài rưỡi ở đầu là sự lĩnh ngộ, nửa hàng sau hiểu là có. Đây là mở đầu.

Vì có ba nghĩa nên không có xá-lợi:

1. Vững chắc khó hủy hoại, bởi vì thể Kim cương khó bị phá hoại.

2. Là quyền biến hóa thân, các loài hóa sinh hãy còn không có thân hình khác, Phật quyền biến hiện thân, cho nên không có xá-lợi nhỏ

như hạt cải.

3. Chẳng phải là thân máu thịt làm sao có xá-lợi được.

Hỏi: Nếu nói quyền hiện vì sao Điều-đạt làm thân Phật chảy máu?

Đáp: Theo kinh Đại Phương Đẳng Vô Tướng Đại Vân, quyển bốn chép: "Vì Thiện Đức hỏi nên Thế tôn trả lời rằng: Thân máu thịt của Như lai quả thật không có máu chảy ra, Đề-bà-đạt-đa cũng không thể làm cho máu chảy ra". Nếu nói bóng cây có máu chảy là chuyện không thể có; thân của Như lai cũng giống như thế. Nếu nói chảy máu thì nên biết rằng chính là thiện quyền phương tiện không thể suy nghĩ bàn luận.

Văn kinh: Phương tiện để lại cốt, vì lợi ích chúng sinh.

Tán rằng: Nêu ra sự lãnh hội. Dùng thần thông trí lực phương tiện khéo léo, hiện để lại xá-lợi làm lợi ích cho chúng sinh.

Văn kinh: Pháp thân là chánh giác, pháp giới tức Như lai, đây là chân thân Phật, cũng nói pháp như thế.

Tán rằng: Thứ ba kết thúc thân Phật thường trụ. Chỗ sở y của công đức và do chứa nhóm nên gọi đó là Pháp thân. Thông suốt với cả ba thân cho nên giác tánh, giác tướng đều gọi là chánh giác, là nhân của các pháp, là nương vào các pháp cho nên gọi là pháp giới. Đây là chân thân Phật, có hai nghĩa:

1. Đối với xá-lợi ba thân đều chân thật.

2. Hướng về sự biến đổi của Ứng thân, Hóa thân chẳng phải là chân thật. Thân đã như thế, Phật nói cũng giống như vậy, để nói lên chứng và nói cả hai đều đồng nhau.

Văn kinh: Bấy giờ, trong hội chúng có ba mươi hai ngàn vị Thiên tử nghe nói về tuổi thọ dài lâu của Như lai đều phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, vui mừng hăng hái đạt được điều chưa từng có.

Tán rằng: Lúc hội chúng lãnh hội đạt được lợi ích. Văn chia làm hai phần:

1. Văn xuôi nghe pháp được lợi ích.

2. Kệ tụng bày tỏ sự lãnh hội đó.

- Văn phần đầu có bốn:

1. Nêu rõ được lợi ích, ba mươi hai ngàn vị Thiên tử.

2. Bày tỏ điều đã nghe, nghe nói về tuổi thọ của Như lai.

3. Đạt được lợi ích thù thắng, đó là phát tâm Bồ-đề.

4. Tâm vui mừng phát tâm Bồ-đề.

Kinh luận đã nói nhiều ít, rộng hẹp không giống nhau, nay sơ lược

chia thành bảy mục:

1. Nhân duyên phát tâm.
2. Phần vị phát tâm.
3. Nghi quỹ phát tâm.
4. Phát tâm hơn kém.
5. Phát tâm khác nhau.
6. Phát tâm thắng lợi.
7. Phát tâm thí dụ.

- Nói nhân duyên lại có ba thứ:

1. Do bốn nhân.
2. Do bốn duyên.
3. Do bốn lực.

Đầy đủ như Du-già quyển ba mươi lăm chép: Phần vị phát tâm, trong luận Đại Trang Nghiêm quyển hai và luận Hiển Dương quyển hai đều nói:

1. "Thế tục phát tâm.
2. Thắng nghĩa phát tâm".

- Y theo Du-già bảy mươi hai có mười thứ phát tâm, đó là:

1. Thế tục thọ phát tâm.
2. Đắc pháp tánh phát tâm.
3. Bất quyết định phát tâm.
4. Quyết định phát tâm.
5. Bất thanh tịnh phát tâm.
6. Thanh tịnh phát tâm.
7. Yếu kém phát tâm.
8. Cường thành phát tâm.
9. Vị thành quả phát tâm.
10. Dĩ thành quả phát tâm.

- Trong này có năm cặp đối nhau:

1. Địa tiền và Địa thượng đối nhau.
2. Thối và Không lui sụt đối nhau.
3. Hữu nhiễm và vô nhiễm đối nhau.
4. Bị tế bất tế đối nhau.
5. Nhân quả vị biệt đối nhau.

Thoái và không lui sụt y theo bốn địa vị mà hiểu, đó là tín không lui sụt v.v... nhiễm và bất nhiễm đối nhau y theo trước khi trụ không lui sụt. Trước khi trụ không lui sụt có khi tùy theo người khác, hoặc bị người khác ép ngặt, hoặc sợ hãi, hoặc cuồng loạn, hoặc cầu lợi dưỡng

thế gian, nên theo đó phát tâm gọi là nhiễm, trái lại với ở đây gọi là bất nhiễm. Trước noãn vị, đảnh vị các tham che lấp gọi là liệt, ở địa vị Đệ nhất nhẫn không bị các thứ kia che lấp gọi là thắng. Thập Địa gọi là vị thành quả, Phật địa gọi là dĩ thành quả. Về nghi quỹ, trong Du-già chỉ nói: "Phát tâm như thế, nói lời như thế, con nguyện chắc chắn sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề". Không nói về nghi quỹ nhưng phân biệt rõ hành tướng.

Y theo luận Hiển Dương hai chép: "Nói Như Thị, một là tùy theo người trí trước đó, cung kính mà trụ khởi ý tăng thượng phát lời thệ nguyện, nhớ nghĩ bậc trưởng lão, hoặc nói nhớ nghĩ bậc Thánh, hoặc nói Ô-ba-đà-da rằng: Con tên là v.v... kể từ hôm nay bắt đầu phát tâm A-nậu Bồ-đề, vì muốn lợi ích cho tất cả chúng sinh. Từ hôm nay về sau con thường nguyện tu tập sáu Ba-la-mật tất cả muôn hạnh, đều vì chứng được Vô thượng Bồ-đề. Nay con cùng với các vị Bồ-tát Ma-ha-tát hòa hợp xuất gia, nguyện Thế tôn chứng minh biết rõ, con là Bồ-tát".

Lần thứ hai thứ ba cũng nói như vậy. Đây là nói về nghi quỹ phát tâm của người thế tục, không thấy nói nghi quỹ phát tâm của người xuất gia. Thứ tư là phát tâm hơn kém, trong luận Đại Trang Nghiêm chép: "Đệ-nhất-nghĩa phát tâm có ba thứ thù thắng:

1. Giáo thọ thắng, bởi vì gần gũi Đấng Chánh Biến Tri.
2. Tùy tu thắng, là khéo chứa nhóm phước trí.
3. Đắc quả thắng, sinh khởi trí vô phân biệt.

- Lại có sáu thù thắng:

1. Sinh vị.
2. Nguyện.
3. Mạnh mẽ.
4. Tịnh y.
5. Dư xảo.
6. Dự xuất.

- Sinh thắng có bốn:

1. Chủng tử thắng, là tin đại pháp làm chủng tử.
2. Sinh mẫu thắng, vì Bát-nhã làm mẹ sinh ra.
3. Thai tạng thắng, vì đại thiền định an vui làm thai tạng.
4. Nhũ mẫu thắng, vì đại bi nuôi lớn làm vú nuôi.

Nguyện tức mười nguyện lớn đều phổ biến như luận kia trình bày.

Thứ năm là phát tâm khác nhau. Theo kinh Kim cương Bát-nhã nói có ba thứ, đó là vì sao nói trụ (Tức là muốn nguyện), vì sao nói tu

hành (tức vì nguyện cho nên tu hành), vì sao nói hàng phục tâm đó (tức là vì tu hành cho nên đoạn chướng), vì vậy kinh ấy chép: "Cần phải phát khởi tâm như thế". Du-già quyển ba mươi lăm nói có năm loại:

1. Tự tánh.
2. Hành tướng.
3. Sở duyên.
4. Công đức.
5. Tối thắng.

Tức là dùng chánh nguyện làm tự tánh, đối với Bồ-đề, Niết-bàn nhất định tự mình mong cầu, và cầu có khả năng làm việc nghĩa lợi cho hữu tình. Mong cầu là hành tướng lấy đại Bồ-đề và các hữu tình làm cảnh sở duyên. Phát tâm đầu tiên có thể thâu nhiếp tất cả Bồ-đề phần pháp gốc lành thù thắng, là những công đức thượng thủ tương ứng với chánh nguyện lúc đầu, là sự diệu thiện chánh trí bậc nhất đối với những mong cầu của thế gian và xuất thế gian. Luận Đại Trang Nghiêm quyển hai chép: "Bồ-tát phát tâm lấy gì làm cội gốc cho đến lấy gì làm rốt ráo? Nói chung có mười một thứ:

1. Lấy đại bi làm cội gốc.
2. Lấy lợi ích chúng sanh làm y chỉ.
3. Lấy pháp Đại thừa làm niềm tin.
4. Lấy chủng trí làm sở duyên.
5. Vì mong cầu điều đó cho nên lấy hy vọng thù thắng làm sở thừa.
6. Muốn vô thượng thừa cho nên lấy đại che chở làm sở trụ.
7. Trụ nơi giới Bồ-tát cho nên lấy ái làm chướng nạn.
8. Khởi tâm dị thừa cho nên lấy điều lành thêm lớn làm công đức.
9. Lấy phước trí làm tự tánh.
10. Lấy thói quen vượt qua làm xuất ly.
11. Lấy địa vị đầy đủ làm rốt ráo.

Bởi vì địa địa siêng năng phương tiện tương ưng với các thứ ấy". Theo văn kinh-thù Vấn Bồ-đề Tâm có mười thứ phát: "

1. Thân phát.
2. Khẩu phát.
3. Ý phát, khiến cho ba nghiệp thanh tịnh.
4. Nội phát, vì không luống phân biệt tất cả chúng sinh.
5. Ngoại phát, đối với tất cả phát sinh hạnh bình đẳng.
6. Trí phát, vì sẵn có trí Phật thanh tịnh.

7. Thanh tịnh quốc độ phát, vì nêu rõ tất cả cõi nước trang nghiêm của các Đức Phật.

8. Giáo hóa chúng sinh phát, vì biết thuốc trị bệnh tất cả phiền não, đây là biết pháp đối trừ.

9. Thật phát, bởi vì thành tựu nhóm định, đây là tùy căn cơ mà nói pháp.

10. Vô vi trí mãn túc tâm phát, vì không mê đắm ba cõi".

- Dựa theo luận Phát Bồ-đề Tâm có bốn phát tâm:"

1. Suy nghĩ về các Đức Phật nên phát tâm Bồ-đề.

2. Quán sát thân lỗi lầm hoạn nạn.

3. Thương xót chúng sinh.

4. Cầu quả tối thắng".

Trong bốn thứ phát tâm mỗi thứ đều có năm loại, đều mở rộng như hai luận kia đã trình bày. Nay trong bốn duyên phát tâm đây là duyên thứ nhất, bởi vì thấy nghe công đức thần thông của các Đức Phật, Bồ-tát, trong bốn nhân đây là nhân thứ nhất và thứ hai, vì sẵn có chủng tánh, vì các Đức Phật, Bồ-tát và bạn lành thâu nhiếp; trong bốn lực có thể đầy đủ cả bốn lực, bởi vì từ công năng thế lực của chủng tử, vì vốn có tu tập Đại thừa, do nghe người khác nói về lực, bởi vì gần gũi bạn lành. Vui mừng hớn hở, theo luận Văn-thù Sở Vấn Kinh chép: "Vì ba thứ nghĩa nên vui mừng phụng hành:

1. Người nói thanh tịnh, vì đối với các pháp được tự tại.

2. Pháp được nói thanh tịnh, vì pháp thể thanh tịnh như thật trí, lại vì tương ứng với mười thứ thanh tịnh thù thắng ở ba bậc Sơ, Trung, Hậu.

3. Dựa vào pháp đã nói đạt được quả thanh tịnh, vì đạt được cảnh giới tốt đẹp".

Ý này là nương theo giáo chứng lý đắc quả.

Văn kinh: Tất cả đồng thanh nói tụng rằng: Phật không nhập Niết-bàn, chánh pháp cũng không diệt, vì lợi ích chúng sinh, thị hiện có diệt tận. Thế tôn không nghĩ bàn, tướng diệu thể không khác, vì lợi ích chúng sinh, hiện tất cả trang nghiêm.

Tán rằng: Nói rõ sự lãnh hội. Một bài nói về lãnh hội sự thường trụ, một bài nói về lãnh hội sự hiện bày các tướng.

Văn kinh: Lúc đó, Bồ-tát Diệu Tràng ở trước Đức Phật và bốn Đức Như lai, hai vị Đại sĩ và tất cả Thiên tử, nghe nói về tuổi thọ của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni xong.

Tán rằng: Từ đây trở xuống đoạn văn thứ hai nói riêng về Niết-

bàn. Văn chia làm ba phần:

1. Nói rõ nghi ngờ bắt đầu thưa hỏi.

2. Phật giải thích.

3. Lĩnh ngộ được lợi ích. Văn phần một có hai:

Đầu tiên kết thúc những điều đã nghe trước đó, sau là thưa hỏi điều nghi ngờ.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Lại đứng dậy khỏi chỗ ngồi, chấp tay cung kính bạch Phật: Bạch Thế tôn! Nếu quả thật như vậy thì các Đức Phật Như lai không nhập Niết-bàn, không có xá-lợi?

- Tán rằng: Thưa hỏi có năm:

1. Thỉnh pháp nghi.

2. Nhắc lại những điều đã nghe.

3. Nêu vặn hỏi trái ngược.

4. Kết thúc ý nghi ngờ.

5. Thỉnh giải đáp.

Đây là mở đầu, có hai:

Văn kinh: Vì sao trong kinh nói có Niết-bàn và xá-lợi Phật, khiến cho các hàng trời người cung kính cúng dường các Đức Phật quá khứ, thân cốt hiện có truyền bá khắp nơi trên thế gian, trời người cúng dường được phước vô biên?.

Tán rằng: Nêu ra sự chất vấn trái ngược, có ba ý:

1. Vì sao gọi là Niết-bàn.

2. Vì sao không nhập.

3. Đã không nhập Niết-bàn vì sao lại nói để lại thân xá-lợi.

- Đây là nêu ra hai điều trái ngược:

1. Trái với lời dạy.

2. Trái với thế gian.

Thế gian tức là xá-lợi hiện có của các Đức Phật quá khứ.

Văn kinh: Nay lại nói không có, đến nỗi sinh ra nghi ngờ, cúi mong Đức Thế tôn thương xót chúng con mà giải thích rộng.

Tán rằng: Hai đoạn văn về kết thúc nghi ngờ thỉnh cầu phán quyết.

Văn kinh: Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Diệu Tràng và tất cả đại chúng rằng: Các vị nên biết rằng nói nhập Niết-bàn có xá-lợi là nói theo mật ý: Nghĩa như vầy nên nhất tâm lắng nghe.

Tán rằng: Đức Phật giải thích, văn chia làm ba đoạn:

1. Vì có nghi ngờ nên bảo lắng nghe.

2. Chính thức giải thích.

3. Diệu hạnh như thế các người siêng năng tu tập, trở xuống là phần kết thúc khuyên nhắc tu học.

Đây là mở đầu.

Nói có xá-lợi là nói mật ý. Theo luận Tạp Tập quyển mười hai chép: "Bí mật có bốn:

1. Khiến đi vào.

2. Tướng.

3. Đối trị.

4. Chuyển biến".

- Đối trị có tám:

1. Chướng khinh Phật.

2. Chướng khinh pháp.

3. Chướng biếng nhác.

4. Chướng vui mừng đối với gốc lành ít ỏi của mình.

5. Chướng tham hành.

6. Chướng chậm chạp thực hành.

7. Chướng gây ra điều ác.

8. Chướng bất định tánh.

Nay ở đây vì dứt bỏ hai loại chướng khinh Phật và biếng nhác cho nên vì vậy nói nhập Niết-bàn. Lưu thân xá-lợi gọi là mật ý. Nhất tâm lắng nghe là nhắc nhở lắng nghe, nghe âm tai chú ý, cho nên dứt sạch thâu nhiếp giữ gìn sinh ra ba tuệ.

Văn kinh: Này người thiện nam! Như vậy các Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết rằng mười pháp đó có thể hiểu được nghĩa lý chân thật về rốt ráo đại Nhập Niết-bàn mà Đức Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã nói.

Tán rằng: Chính thức giải thích có ba:

1. Giải thích về Thể Niết-bàn.

2. Nói về tướng Niết-bàn, tức là hiển bày không nhập.

3. Giải thích lý do không nhập Niết-bàn và để lại xá-lợi.

Đây là mở đầu.

Hỏi: Vì sao trước đây nói về Thể Niết-bàn, sau đó nói về Tướng Niết-bàn?

Đáp: Nói về Thể tức là hiển bày dựa vào ba việc nói rằng có Niết-bàn khác nhau, thân trí diệt xứ của Nhị thừa gọi là Niết-bàn. Nói về tướng tức là rõ ràng có đại bi trí khác nhau, Nhị thừa nhập vào nơi mãi mãi vắng lặng cho nên hạnh hy hữu. Nói về Thể có ba lần giải thích:

1. Giải thích theo ba việc, bốn Niết-bàn, đương thể v.v...

2. Giải thích dựa theo xoay vần chứng đắc.
3. Giải thích theo nhân viên năng chứng.
- Nghĩa của Niết-bàn sơ lược phân biệt theo năm phần:
1. Nêu và giải giải thích.
2. Đưa ra thể.
3. Phân biệt rõ người chứng đắc.
4. Phân biệt rõ thời gian chứng đắc.
5. Hỏi và đáp.
- Đầu tiên nêu và giải giải thích có hai mục:
1. Nêu ra.
2. Giải thích.
- Trong mục nêu ra có hai mục nhỏ:
1. Chung.
2. Riêng.

Chung là Nê-hoàn, có kinh gọi là Nê-hoàn, có kinh gọi là Nê-viết, đều do lầm lẫn từ tiếng Phạm, đúng phải gọi là Ba-lợi-ni-phược-bộ; đời Đường dịch là Viên Tịch, cũng gọi là Ba-lợi-thấp-bà-nam, lại cũng dịch là Diệt Độ, cũng dịch là Thanh Tịnh, cũng dịch là Bỉ Ngạn.

Trong kinh Niết-bàn cũng gọi nhiều tên như Vô Sinh, Vô Xuất, Vô Tác, Vô Vi, Quy y, Quật Trạch, Giải Thoát, Chuyển Y v.v... Nêu ra trên khác, có Duy Y Bất Cộng, trong phần Đoạn Quả của Nhiếp luận chỉ nói Vô Trụ. Trong kinh Niết-bàn và kinh này nói Đại Niết-bàn. Có nơi y theo người năng chứng đại, tiểu để phân biệt. Trong kinh Niết-bàn nói có hai thứ:

1. Tiểu.
2. Đại.

Sở đắc của Nhị thừa gọi là tiểu Niết-bàn, sở đắc của Đại thừa gọi là Đại Niết-bàn. Có nơi y theo chung, riêng đối nhau.

- Trong luận Thập Địa nói có hai loại:
1. Tướng chung.
2. Tướng riêng.

Tướng riêng tức là ba Niết-bàn khác. Có nơi nói theo nhân quả ba thừa đồng dứt bỏ phiền não, có hai. Trong kinh Thắng-man chỉ nói hai thứ, đó là Hữu dư y và Vô dư y.

Lại có nơi y cứ theo sự khác nhau giữa Chứng và Bất Chứng, chỉ nói hai thứ, tức trong Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép:

1. “Tự Tánh Tịnh, là loại đầu tiên trong bốn loại.
2. Phương Tiện Tịnh, là ba loại sau trong bốn loại”.

Có nơi y theo Cộng và Bất cộng nói có ba thứ, tức là ba thứ trong kinh này, đó là Hữu, Vô dư và Vô trụ xứ. Có nơi nói theo Chứng và Bất chứng, ba thừa chung riêng tận ý có bốn thứ, tức trong Nhiếp Luận dịch vào đời Lương, luận Thành Duy Thức v.v... nói:

1. "Tự tánh thanh tịnh.
2. Hữu Dư y.
3. Vô dư y.
4. Vô trụ xứ".

Giải thích tên gọi đúng là phải gọi Ba-lợi-ni-phược-nam, hoặc Niết-bà-nam, dịch đúng phải là Viên Tịch, Viên nghĩa là Tròn đầy, đầy đủ các công đức, trọn vẹn lý sở chứng, trọn vẹn năng sở chứng; Tịch nghĩa là Tịch tĩnh, tự thể sâu lắng lìa các ồn ào, cùng thông suốt năng chứng, sở chứng. Nhưng tùy theo công đức thù thắng tăng lên gọi là Viên, quả vị đầy đủ cho nên lý thể xứng hợp là Tịch, vốn là ngưng đọng. Bởi vì trọn vẹn nhiều đức mới chứng lý tịch tĩnh, nên gọi là Viên Tịch. Nếu hoàn toàn viên tịch tức là vừa viên vừa tịch gọi là viên tịch, là đó là trì nghiệp thích. Hoặc từ viên có thể chứng được tịch của viên gọi là viên tịch, tức là y chủ thích.

Lại nếu công đức năng viên năng tịch, hoặc sở y như sở viên, sở tịch, đều là trì nghiệp thích. Hoặc dựa theo Duy Thức, chỉ có lý chân như làm thể của Niết-bàn hoặc là tịch của viên, hoặc sở viên sở tịch. Nếu dựa theo kinh Niết-bàn thì nói ba việc gọi là Đại Niết-bàn, tức là trí như giải thoát đều viên tịch và được trì nghiệp. Vì trong kinh ấy nói chữ Như là chẳng phải một, chẳng phải khác, chung cho các pháp Giả, Thật, Tánh, Tướng đều gọi là viên tịch và trì nghiệp danh. Giải thoát là nghĩa giả, Bát-nhã là Tướng, Pháp thân là Tánh. Hoặc y theo nghĩa, ba tên gọi là ba việc, tức Bát-nhã là y chủ, còn lại đều là trì nghiệp. Nhưng tên gọi Niết-bàn là trì nghiệp thích. Nói Diệt Độ, Độ tức là đến, giải thích theo hai nghĩa:

1. Nói rằng chân như xưa nay vốn thanh tịnh, tánh là bỉ ngạn gọi là đến, vì thế trong kinh Duy-ma chép: "Tất cả chúng sinh tức là tướng Niết-bàn, không còn bị hoại diệt."

2. Cho rằng Diệt là Sở đáo, Độ là năng đáo, tức là Diệt của Độ là y chủ thích.

Lại nữa, năng diệt năng độ, sở diệt sở độ, độ là đến, cho nên có cả năng sở, năng diệt năng độ tức là tướng Niết-bàn, sở diệt sở độ tức là tánh Niết-bàn, cùng là ba việc của đại Niết-bàn mà thành tựu. Kinh Niết-bàn chép: "Không có nhân duyên cho nên gọi là vô sinh, vì vô vi

nên gọi là vô xuất, không tạo nghiệp nên gọi là vô tác, các tên gọi khác theo đó có thể biết”. Giải thích tên khác, chẳng do tuệ trạch, bản thể không nhiễm gọi là tự tánh thanh tịnh Niết-bàn, đồng với tự tánh thanh tịnh ở trước tức là Niết-bàn trì nghiệp thích. Dư nghĩa là khổ đế, là phần còn lại của Tập, Hữu nghĩa là chẳng không, Y là Sở y, có hai sở y:

1. Hiện thân vẫn dư hành khổ y.

2. Danh có dư y nói về Niết-bàn vẫn có sở y của khổ còn lại, tức là có sở y của khổ còn lại.

Niết-bàn đều là y Chủ thích. Khổ tập đều hết gọi là Vô dư, không còn khổ y khác, vô là không, chẳng có khổ y, tức là không còn sở y của khổ. Niết-bàn cũng đều là y Chủ thích, nhờ giải thích nên hiển bày.

Lại giải thích cách khác: Hữu dư vô dư năng chứng cho nên nêu kia để hiển bày đây, chính là chọn lấy sở y gọi là Niết-bàn, nghĩa là có sở y của khổ còn lại tức là Niết-bàn, không còn sở y của khổ còn lại tức là Niết-bàn, đều là trì nghiệp thích. Dựa vào Nhị thừa vô dư y không thể giải thích. Nếu bốn trí Đại thừa là vô khổ y, cũng có thể chứng, có thể được y chủ giải thích điều này là chính.

Do bi không trụ Niết-bàn, do trí không trụ sinh tử, bởi vì năng chứng đó như sự thấu suốt đều không trụ cho nên nói là vô trụ. Sở y tức là Niết-bàn, hoặc từ chân như ở sinh tử mà không dính mắc, ở Niết-bàn nhưng không đắm, Niết-bàn là tướng, chân như là tánh. Giống như tự tánh Pháp thân khác với tánh tướng chân như, ngay nơi tướng thuộc về tánh. Vô trụ Niết-bàn là y Chủ thích. Lại chính tướng này cũng đều vô trụ cũng có thể nói rằng vô trụ tức là Niết-bàn. Nhưng luận Duy Thức nói bốn Niết-bàn đều lấy Như làm thể, tức là nhiếp nghĩa quy tánh đều trì nghiệp thích.

Thứ đến nêu ra Thể, trước là trình bày theo lối xưa để nói rõ theo cách hiện tại. Trình bày về xưa, Pháp Sư Cơ ở đất Thục nói: “Pháp sư Đàm-vô-sấm và Pháp sư Đạo Lãng ở Hà Tây nói: Bởi lẽ Niết-bàn là thường lạc ngã tịnh làm nơi nhóm họp của tông nghĩa, mở bày rốt ráo huyền trí làm cội rễ của Niết-bàn. Đây là giải thích được nghĩa không phải chính thức nói về thể”.

Tam tạng Chân-đế nói: “Niết-bàn có bốn, ba loại là đạo quả, một loại không phải đạo quả, vì thành tựu Bồ-tát Bát-nhã đại bi Niết-bàn của Bồ-tát mà thành đạo quả, từ Sơ địa trở lên trí vô phân biệt là thể của Niết-bàn”. Cũng có chỗ nói: “Bi trí là thể, ở đây chỉ là tướng”. Đây là năng chứng, chẳng phải là chính. Kinh Niết-bàn chép: “Sở đắc của liễu nhân Niết-bàn chẳng phải sinh nhân đắc, nếu trí là Niết-bàn thì tức

là sinh nhân đắc". Đại sư Hà Sóc ở Nghiệp Thành, hoặc nói Niết-bàn có đủ bốn loại thể:

1. Lý diệt nghĩa là chân như pháp giới.

2. Sự diệt nghĩa là lìa ba chướng của diệt thường diệt.

3. Đức diệt nghĩa là công đức vắng lặng.

4. Ứng diệt nghĩa là ở song lâm thị hiện diệt độ đồng với chúng sinh vô thường.

Ba loại đầu có thể như vậy. Thành Duy Thức chép: "Đều lấy Như làm thể", tức là Lý diệt. Lại nói hai loại giữa thuộc về trạch diệt, tức là diệt của sở diệt. Nhưng ý người xưa, trạch diệt là sự sở biến của sự thức, tức chẳng phải Niết-bàn. Đại Nhập Niết-bàn, phần nhiều người xưa lấy Như thị Bát-nhã tánh nói Như là Bát-nhã, không khác với lý, chẳng nhọc phân biệt mà nói. Nếu theo ba việc gọi là Đại Niết-bàn, Bát-nhã tức là Đức diệt, nhưng không nói lý do trái với liễu nhân đắc, nói chẳng phải rốt ráo. Ở đây chính thức nêu ra thể có bốn loại:

1. Tánh tướng luận riêng thể.

2. Tánh tướng hợp luận thể.

3. Nhiếp giả tùng thật thể.

4. Giả thật hợp luận thể.

Về tánh tướng luận riêng thể, trong luận Thành Duy Thức nói bốn thứ Niết-bàn đều lấy chân như làm thể, đức hữu vi chẳng phải phi.

Lại thể nghĩa phần, tự tánh vô trụ tức là thể chân như vậy. Hai loại giữa đều là trạch diệt. Lại đoạn trí chướng có lẽ đạt được trạch diệt, tức là vô trụ xứ cũng thuộc về trạch diệt. Tuy là giả đối với tướng y tha đều được gọi là tánh, đều là liễu nhân đạt được thể, nghĩa đều thường hằng, do đó ba việc đại Nhập Niết-bàn đều chọn lấy nghĩa thứ ba, và lấy Như làm thể. Về tánh tướng hợp luận thể tức Bát-nhã giải thoát cho đến chân như đều là thể Niết-bàn, tức là ba việc trong kinh Niết-bàn gọi là Đại Bát. Nói chữ Như ấy cũng như ba mục, hoặc chỉ nói Như chỉ là một, chẳng phải khác.

Trong luận Tạp Tập chép: "Tướng diệt đế có nghĩa là chân như thánh đạo, phiền não không sinh, hoặc diệt y, hoặc năng diệt, hoặc diệt tánh, là tướng của diệt đế, tướng nghĩa là thể tướng năng diệt, sở diệt. Diệt diệt y đều gọi là diệt đế". Năng diệt tức là Bát-nhã, diệt não tức là giải thoát trạch diệt, diệt y tức là chân như. Nhưng luận đó lại chép: "Nghĩa là trong cảnh chân như hữu lậu không sinh gọi là diệt đế, tức là nói theo khắc tánh". Ở trước y theo tướng từ tánh mà hợp thuyết. Về nhiếp giả tùng thật thể tức là trong luận Duy Thức chép: Ở đây dựa

theo chân như lìa chướng mà thiết lập. Thể tức là thanh tịnh pháp giới. Bốn Niết-bàn đều lấy chân như làm thể. Về giả thật hợp luận thể tức trong luận Duy Thức chép: Trong bốn Niết-bàn hai loại đầu và cuối tức là chân như. Y theo thật thể thì hai loại giữa thuộc về trạch diệt. Trạch diệt là giả hoặc vô trụ xứ nói là trạch diệt, tức là ba giả một thật đều là thể của Niết-bàn. Lại theo luận Thành Duy Thức hai, chép: Vô Vi có hai loại:

1. Y thức biến.
2. Y chân như.

Bốn loại Niết-bàn cũng đã cho rằng ba loại sau thuộc về vô vi, cũng không qua thức biến. Còn sáu vô vi đều thừa nhận là thức biến. Thể tự tánh thanh tịnh chính là chân như, nên giống như trạch diệt cũng cho là thức biến. Lại giải thích, trong kinh Thâm Mật chép: "Các thức sở duyên duy thức sở hiện", có thể cùng cho là thức biến. Bởi vì Niết-bàn chẳng phải chân cho nên chẳng phải liễu nhân đắc, do đó các kinh luận không nói Niết-bàn cũng là thức biến. Nhưng Hữu dư, Vô dư tuy đều là trạch diệt hướng về nghĩa lại có phân biệt, chia làm hai loại, mà lại có năm cặp đối:

1. Phiền não và nhân quả đối, nhân phiền não không còn thì gọi là hữu dư, quả phiền não dứt sạch thì gọi là vô dư.

2. Đại và tiểu đối, sở đắc của Tiểu thừa gọi là hữu dư, sở đắc của Đại thừa gọi là vô dư, kinh Thắng-man chép: "Hàng A-la-hán dứt tập hữu dư, chứng diệt hữu dư".

3. Hai tử đối, phần đoạn diệt được hữu dư, biến dịch diệt gọi là vô dư, tức là cặp đối đại, tiểu trước đây.

4. Mãn và bất mãn đối, sở đắc của Bồ-tát gọi là Hữu Dư, sở đắc của Như lai gọi là Vô Dư, trong kinh Thắng-man chép: "Hậu thân của Bồ-tát bị vô minh che lấp, dứt tập hữu dư, chứng diệt hữu dư gọi là tiểu phần Niết-bàn", tiểu phần Niết-bàn tức là hữu dư.

5. Ba thân tương đối, kinh này có nói "Hai thân Ứng, Hóa gọi là hữu dư, Pháp thân gọi là vô dư", trong các kinh luận phần nhiều nói cặp đối đầu tiên là hai Niết-bàn, các loại nghĩa còn lại như Bổn Pháp Hoa và Duy Thức Sớ có phân tích. Nay trong văn này phần nhiều y cứ theo vô trụ gọi là Đại Niết-bàn, trong Nhiếp Luận phân tích quả đoạn kia cũng.

Theo kinh Pháp Tập một chép: " Bồ-tát Vô Sở Phát trả lời Bồ-tát Phấn Tấn Tuệ có mười pháp biết Như lai là thường, mười pháp biết Như lai là thật, mười pháp biết Như lai là Niết-bàn". Có ba lần lại nữa, chính

là đồng với chỗ này nhưng ít rộng, cũng có hai lần lại nữa, mười pháp biết hạnh Như lai, lần thứ nhất văn lược bỏ, lần thứ hai văn phần nhiều đồng với kinh này, nhưng văn rộng hơn đôi chút. Trong ba lần lại nữa nói về Niết-bàn, thì lại nữa lần thứ nhất văn có phần rộng hơn, chỉ có hàng thứ tư kinh kia nói: Không dứt còn kinh này nói ngừng dứt, Tam Tạng Phúc Kiểm cũng nói điều đó không biết, còn lại đều giống nhau.

Lại có mười pháp biết không, mười pháp biết tướng thí dụ v.v... Nhưng bốn lần lại nữa văn đều có bốn phần:

1. Tiêu.

2. Trưng.

3. Thích.

4. Kết.

Trong Tiêu, đầu tiên là đối cơ, tiếp theo là mở bày, cuối cùng là lựa chọn. Nói Bồ-tát là đối cơ, vì hàng Nhị thừa nói về giả Niết-bàn, vì hàng Đại thừa nói về Đại Niết-bàn. Mười pháp tức là mở ra thứ lớp nói có rốt ráo đại Nhập Niết-bàn, chọn sở đắc khác với Tiểu thừa nên Niết-bàn gọi là đại bát. Văn nói mười pháp ấy đáng lẽ gọi là mười nghĩa là Niết-bàn. Thường biết như thế tức là có thể hiểu rõ Niết-bàn Như lai đã nói. Đại ý trong này là tánh tướng Niết-bàn đều gọi là Niết-bàn, giống như Bồ-đề, Bồ-đề đoạn đều gọi là Bồ-đề. Ba việc trong kinh Niết-bàn đều là Niết-bàn, như các luận Thành Duy Thức v.v... Bốn Niết-bàn đều là chân như. Bốn trí tâm phẩm gọi là Bồ-đề là tánh tướng luận riêng môn. Mười pháp tức là mười đoạn, các lần tiếp theo đều suy nghĩ biết được.

Văn kinh: Những gì là mười?.

Tán rằng: Nêu ra.

Văn kinh:

1. Các Đức Phật Như lai cuối cùng dứt sạch phiền não chướng, các sở tri chướng cho nên gọi là Niết-bàn.

2. Các Đức Phật Như lai khéo léo thường hiểu rõ hữu tình vô tánh và pháp vô tánh nên gọi là Niết-bàn.

3. Thường chuyển thân y và pháp y cho nên gọi là Niết-bàn.

4. Đối với các loài hữu tình nhậm vận nghĩ ngơi, thay đổi nhân duyên nên gọi là Niết-bàn.

5. Chứng đắc tướng chân thật vô khác nhau bình đẳng pháp thân nên gọi là Niết-bàn.

6. Hiểu rõ sinh tử và Niết-bàn không có hai tánh nên gọi là Niết-bàn.

7. Đối với tất cả các pháp hiểu rõ cội rễ, chứng đạt thanh tịnh nên gọi là Niết-bàn.

8. Đối với tất cả các pháp không sinh không diệt cố gắng tu hành nên gọi là Niết-bàn.

9. Chân như pháp giới thực tế bình đẳng, đạt đến chánh trí nên gọi là Niết-bàn.

10. Đối với tánh các pháp và tánh Niết-bàn đạt được không khác nhau cho nên gọi là Niết-bàn.

Đó là mười pháp nói có Niết-bàn.

Tán rằng: Ba pháp đầu tiên giải thích theo ba việc. Cuối cùng dứt sạch phiền não sở tri tức là giải thoát, hiểu rõ hữu tình và pháp vô tánh tức là Bát-nhã, thường chuyển thân y và pháp y đó là Pháp thân, ba việc chẳng phải một, chẳng phải khác, gọi là đại Nhập Niết-bàn. Thân tức là lưu chuyển, hoàn diệt y thứ tám, pháp tức chân như, tức mê ngộ y.

Từ đó tạng thức giữ lấy chủng tử các chướng, nêu rõ sự tốt đẹp của Pháp thân nên chuyển thức thứ tám hợp với Như.

Ba pháp tiếp đó y cứ theo bốn Niết-bàn.

Thứ tư là thị hiện vô dư hóa sự nghỉ ngơi, tức là thân tám tướng thị hiện nhập vô dư. Theo kinh Pháp Tập chép: "Hóa sinh không nghỉ ngơi, tức Niết-bàn hữu dư".

Thứ năm tức là vô dư, vì nói chứng đắc. Hoặc thứ tư cũng đồng với kinh Pháp Tập chép. Hoặc là trong luận Biện Trung Biên chép: "Hai là tướng thật của tướng chân thật tự tánh thanh tịnh Niết-bàn không khác nhau". Tướng tức là trong luận Duy Thức chép: "Tướng chân như lý, ở hạng phàm phu không thể chứng đắc, các Đức Phật chứng được".

Thứ sáu là vô trụ Niết-bàn, hiểu rõ sinh tử cho đến Niết-bàn không có hai tánh. Tánh tức là tánh chân như không khác nhau cho nên hai cũng không khác, do đó không trụ vào sinh tử, Niết-bàn.

Thứ bảy trở xuống bốn nghĩa dựa vào ba tánh chung, riêng mà trình bày, nói rằng đối với tất cả các pháp hiểu rõ cội gốc, chứng được thanh tịnh cho nên là chung. Luận Biên Trung Biên chép: "Trong này vì sao nói cội gốc chân thật, đó là ba tự tánh sau khi đạt được năng chứng biến kế y tha thanh tịnh, bổn trí năng chứng viên thành thanh tịnh".

Thứ tám dựa vào biến kế biểu hiện nói đối với tất cả các pháp không sinh không diệt. Kinh Giải Thâm Mật chép: "Đối với tất cả các pháp không sinh không diệt, vì hiểu rõ tướng Chuyển chánh pháp luân, dựa vào biến kế nói hiểu rõ các pháp là không, nên thường đúng đắn tu hành".

Thứ chín là chọn lấy năng chứng chân như bình đẳng vô lậu chánh trí, dựa vào phần tịnh của tánh y tha khởi nói về tướng Niết-bàn, nên gọi là Niết-bàn, nhiễm chẳng phải là năng chứng cho nên chẳng phải Niết-bàn.

Thứ mười đối với hai tánh đó đạt được không khác nhau, ý là chọn lấy sở đắc. Đắc là chứng đạt lý không khác nhau, chứng tánh viên thành thật. Đó là các pháp biết kết hợp nói có Niết-bàn.

Văn kinh: Lại nữa, này người thiện nam! Các Bồ-tát Ma-ha-tát phải biết như thế. Lại có mười pháp có thể hiểu được lý thú chân thật mà Đức Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói có rốt ráo đạt Nhập Niết-bàn.

Tán rằng: "Lại nữa" lần thứ hai y theo triển chuyển thích. Đoạn văn như trước.

Văn kinh: Những gì là mười?.

Tán rằng: Dẫn ra.

Văn kinh:

1. Tất cả phiền não lấy lạc dục làm gốc, từ lạc dục phát sinh, các Đức Phật Thế tôn dứt trừ lạc dục nên gọi là Niết-bàn.

2. Vì các Đức Như lai dứt trừ các lạc dục không giữ lấy một pháp nào, vì không giữ lấy cho nên không đi không đến, không hề giữ lấy, cho nên gọi là Niết-bàn.

3. Vì không đi không đến và không gì giữ lấy cho nên Pháp thân không sinh không diệt, không có sinh diệt nên gọi là Niết-bàn.

4. Không sinh diệt này chẳng ngôn ngữ nào diễn đạt được, vì dứt bặt ngôn ngữ nên gọi là Niết-bàn.

5. Không có ngã nhân, chỉ có pháp sinh diệt được chuyển y nên gọi là Niết-bàn.

6. Phiền não tùy hoặc đều là khách trần, pháp tánh là chủ, không đến không đi, các Đức Phật hiểu rõ tất cả cho nên gọi là Niết-bàn.

7. Chân như là thật, còn lại đều là luống dối, thể thật tánh ấy tức là chân như, tánh chân như ấy tức là Như lai, gọi là Niết-bàn.

8. Tánh của thật tế không hý luận, chỉ có một mình Như lai chứng pháp thật tế, dứt hẳn hý luận gọi là Niết-bàn.

9. Không sinh là thật, sinh là luống dối, người ngu si trôi nổi chìm đắm trong sinh tử, thật thể Như lai không có luống dối gọi là Niết-bàn.

10. Pháp không thật, từ duyên sinh ra, pháp chân thật không theo duyên mà khởi, thể Pháp thân của Như lai là chân thật, gọi là Niết-bàn.

Này người thiện nam! Đó là mười pháp nói có Niết-bàn.

Tán rằng: Giải thích, tất cả phiền não lạc dục là gốc rễ, như kinh Niết-bàn chép: “Các pháp nhiễm tịnh đều lấy dục làm gốc”. Nhờ vào pháp lành lấy dục làn cội gốc; khởi các pháp nhiễm cũng nói giống như pháp tịnh, nên chọn lấy văn đó. Bởi vì Đức Phật có khả năng đoạn chứng, hiển bày lý gọi là Niết-bàn.

Kế là nói không giữ lấy pháp, tức là bởi vì không ham muốn đối với tất cả cảnh giới không sinh ra yêu đắm, đã không yêu đắm cho nên không còn sinh ra, không hướng đến nơi sinh đi, không quay lại nơi này sinh đến, sở thủ tức là năm uẩn. Trước y theo nhân mất ở đây y theo quả diệt. Lý đã hiển bày gọi là Niết-bàn.

Ba là dựa vào hữu lậu diệt tận, chân như hiện bày, đó là công đức y, gọi là Pháp thân, vì thế trong kinh Thắng-man chép: “Còn trong ràng buộc gọi là Như lai tạng, ra khỏi ràng buộc gọi là Pháp thân”. Không đi không đến là y cứ theo không có tướng hữu vi mà nói, còn không có sở thủ là dựa vào thể của sắc uẩn v.v... mà nói, hiển bày Vô sở này chính là Niết-bàn.

Bốn là theo thể Niết-bàn, lìa tánh ngôn thuyên, gọi là Niết-bàn.

Năm là lìa ngôn thuyên tức là chuyển y hai lý vô ngã. Vô ngã, vô nhân là không có sinh chấp, chỉ có pháp sinh diệt tức là hiểu rõ pháp vô ngã. Vì sao? Vì trong luận Bát-nhã của ngài Vô Trước giải thích rằng: “Nếu thuận theo pháp chấp thì có ngã chấp”. Vì thế nên nhờ hiểu rõ lý luận này mà đạt được chuyển y gọi là Niết-bàn, đây là thô trọng chuyển y.

Sáu là bởi vì hai chấp hoặc và trần là khách, có sinh diệt, đến đi; Chân như là chủ, vì thể thường trụ không có sinh diệt, đến đi. Nay Phật biết rõ tất cả chứng đắc chuyển y, tâm này chuyển y.

Bảy là nghi hoặc điên đảo sinh ra gọi là luống dối, nếu chẳng phải do điên đảo sinh ra thì gọi là thật, thật luôn không đảo loạn gọi là chân như, thể tánh chân như tức là Pháp thân của Như lai, cũng là tâm chuyển y, chỉ có chuyển thích là khác.

Tám là chân như Pháp thân tức là thực tế, lìa điên đảo luống dối mà hiển bày, cho nên không còn hý luận, Phật chứng được bờ mé chân thật nên không còn hý luận, gọi là Niết-bàn, tức là đạo chuyển y.

Chín là vì Phật đã dứt hẳn luống dối, hý luận do đó đạt được vô sinh này. Vô sinh là thật, hạng phàm phu ngu dốt chưa dứt bỏ được sinh luống dối cho nên trôi nổi đắm chìm trong sinh tử, Như lai không còn như vậy gọi là Niết-bàn, tức là quảng đại chuyển.

Mười là Hữu vi không thật, theo duyên sinh ra, thật thể Pháp thân không từ duyên sinh ra, nên gọi là Niết-bàn. Quy về viên thành thật là nơi trở về nương tựa của tất cả các pháp.

Văn kinh: Lại nữa, này người thiện nam! Các vị Bồ-tát Ma-ha-tát phải biết như vậy. Lại có mười pháp có thể hiểu được lý thú chân thật mà Đức Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói là có rốt ráo đại Nhập Niết-bàn. Những gì là mười?

1. Như lai khéo biết bố thí và quả bố thí là không có ngã và ngã sở, thí và quả thí này không phân biệt, dứt hẳn nên gọi là Niết-bàn.

2. Như lai khéo biết giự giới và quả giữ giới không có ngã và ngã sở, giới và quả giới này không phân biệt, dứt hẳn nên gọi là Niết-bàn.

3. Như lai khéo biết nhẫn nhục và quả nhẫn nhục không có ngã và ngã sở, nhẫn và quả nhẫn này không phân biệt, dứt hẳn nên gọi là Niết-bàn.

4. Như lai khéo biết tinh cần và quả tinh cần không có ngã và ngã sở, tinh cần và quả tinh cần này không phân biệt, dứt hẳn nên gọi là Niết-bàn.

5. Như lai khéo biết thiền định và quả thiền định không có ngã và ngã sở, định và quả định này không phân biệt, dứt hẳn nên gọi là Niết-bàn.

6. Như lai khéo biết trí tuệ và quả trí tuệ không có ngã và ngã sở, tuệ và quả tuệ này không phân biệt, dứt hẳn nên gọi là Niết-bàn.

7. Các Đức Phật Như lai khéo có thể biết rõ tất cả hữu tình và phi hữu tình, tất cả các pháp đều vô tánh, không phân biệt, dứt hẳn nên gọi là Niết-bàn.

8. Nếu người tự ái lại khởi lên tìm cầu, do tìm cầu nên phải chịu các khổ não, các Đức Phật Như lai dứt sạch tự ái, nên dứt hẳn truy cầu, không có truy cầu nên gọi là Niết-bàn.

9. Pháp hữu vi đều có số lượng, pháp vô vi có số lượng đều dứt bỏ, Phật lìa hữu vi, chứng pháp vô vi không số lượng nên gọi là Niết-bàn.

10. Như lai biết rõ thể tánh của hữu tình và pháp đều không, lìa không chẳng phải có, không tánh tức là chân Pháp thân nên gọi là Niết-bàn.

Này người thiện nam! Đó là mười pháp nói có Niết-bàn.

Tán rằng: "Lại nữa" lần thứ ba văn có bốn như trước. Dựa vào "nhân viên năng chứng" giải thích, tức là tu mười độ nhân đầy đủ sẽ chứng được đại Nhập Niết-bàn.

Đầu tiên sáu pháp đó tức là sáu độ trước, tu hành bố thí v.v... là

bảy điều tối thắng thâu nhiếp thành độ. Nay trong kinh này còn nêu ra phương tiện khéo léo một cách tối thắng, ba luân thanh tịnh hướng đến Niết-bàn thù thắng để hiển bày đối với các pháp khác; nếu tu không trọn vẹn không chứng được Niết-bàn, bởi vì bố thí tức là thấy có người thí, vật thí và quả sở thí, tức là thấy có quả là mong cầu báo ân và đẳng lưu dị thục để lìa sự trói buộc.

Ngã chấp pháp chấp này gọi là bất chánh phân biệt. Thấy năng thí, sở thí gọi là ngã chấp, thấy có vật thí tức là ngã sở, những điều này dứt bỏ hẳn, lý được hiển bày, hoặc ngay nơi tướng sáu Độ Niết-bàn đều gọi là Niết-bàn, còn lại y cứ theo đây mà giải thích.

Thứ bảy do phương tiện cứu giúp biết các hữu tình và tất cả các pháp đều không thật cho nên ba luân đều thanh tịnh, cho nên không phân biệt không đắm nhiễm cứu giúp.

Thứ tám nếu thấy tự thân vì cầu Bồ-đề, là ái chưa mất khởi lên truy cầu tức là nhiễm nguyện, chưa quên tướng cho nên phải chịu các điều khổ não. Ba luân đã rỗng lặng không còn ái trước tự thân, không nhiễm truy cầu tức là chánh nguyện đầy đủ.

Thứ chín là nhờ năng lực suy nghĩ lựa chọn biết pháp hữu vi có số lượng của nó, vì có sinh diệt, hình đoạn số lượng, pháp vô vi không như vậy, tức là xứng hợp với Như, không có năng sở nghĩ suy chọn lựa, nên nói là chứng pháp vô vi không còn số lượng.

Thứ mười là biết rõ hữu tình không, thành tựu hữu tình trí, biết rõ pháp không, thành tựu trí Phật pháp, tướng đều không còn nên đều là không, lìa không chẳng phải có tánh không. Lý sở chứng này tức là Pháp thân, gọi là Niết-bàn.

Văn kinh: Lại nữa, này người thiện nam! Lẽ nào chỉ có Như lai không nhập Niết-bàn? Thật là hy hữu! Lại có mười pháp ít có, là hạnh Như lai. Những gì là mười?.

Tán rằng: Nói về tướng Niết-bàn, Đáp không có Niết-bàn. Văn cũng chia ra bốn phần:

1. Tiêu.
2. Trưng.
3. Trạch.
4. Kết.

Đầu tiên nêu “không nhập Niết-bàn” tiếp theo “lại có mười thứ” về sau là nêu ra lý do không nhập. Văn trưng dẫn có thể biết.

Văn kinh:

1. Sinh tử sai lầm, Niết-bàn vắng lặng, bởi vì đối với sinh tử cho

đến Niết-bàn chứng được bình đẳng nên không có nơi nào trôi lăn, không trụ vào Niết-bàn, đối với các loài hữu tình không sinh tâm chán ngán rời bỏ, đó là hạnh Như lai.

Tán rằng: Giải thích sau. Thứ nhất là hạnh không trụ hai bên, có ba phần:

1. Nói về chứng sinh tử, Niết-bàn bình đẳng.
2. Không có nơi trôi lăn trở xuống là nói về không trụ hai bên.
3. Đối với các hữu tình trở xuống là nói về không rời bỏ hữu tình.

Như hàng Nhị thừa thấy sinh tử là sai lầm, thấy Niết-bàn là vắng lặng, liền có tâm chán ngán rời bỏ, vào nơi Niết-bàn.

Văn kinh: Hai là Phật đối với chúng sinh không khởi lên niệm như vầy: Các phàm phu ngu muội này thực hành điên đảo, sự nhìn nhận bị trói buộc, ép ngặt bởi các phiền não, nay Ta khai ngộ khiến cho được hiểu rõ.

Tán rằng: Hạnh luôn luôn cứu độ hữu tình. Trước tiên quán Không, sau đó quán Hữu, tức là hạnh từ Không phương tiện phát khởi mà Có.

Đây là mở đầu.

Giống như kinh Bát-nhã nên không có hữu tình nào được diệt độ.

Văn kinh: Căn lực từ thiện xưa kia đối với các hữu tình kia thuận theo căn tánh của họ, ý ưa thích sự hiểu biết thù thắng, không khởi phân biệt, nhậm vận tế độ, thị hiện giáo hóa, lợi ích vui mừng, tận mé vị lai không có cùng tận, đó là hạnh Như lai.

Tán rằng: Quán hữu. Bởi vì nguyện lực lợi tha xưa kia đã đầy đủ, như người biến hóa hiện bày bao nhiêu sự nghiệp, như ngọc châu như ý sinh ra biết bao vật loại, tùy theo căn hơn kém trí lực, tánh chủng chủng giới trí lực, ý lạc biến thú hành trí lực, hoặc ý lạc thắng giải, đều là thắng giải trí lực, mà không hề phân biệt, về thị hiện giáo hóa lợi ích vui mừng, như luận Hiển Dương quyển mười hai, Du-già quyển tám mươi mốt nói có năm loại:

1. Khiến cho ly dục, tức là trách mắng tất cả sai lầm của dục.
2. Thị tức là thị hiện bốn thứ đạo lý.
3. Giáo nghĩa là dạy dỗ chân thành khiến cho học hỏi.
4. Lợi tức là thấy lui sụt khuyến khích động viên lợi ích.
5. Hỷ tức là thấy tiến tới nên sinh ra vui mừng.

Tận mé vị lai v.v... là luôn luôn cứu độ.

Văn kinh: Ba là Phật không có ý niệm như vầy: Nay ta giảng nói mười hai phần giáo lợi ích hữu tình.

Tán rằng: Hạnh không thấy có sở thuyết. Đầu tiên là quán không.

Văn kinh: Căn lực từ thiện xưa kia đối với các hữu tình nói rộng cho đến tận mé vị lai không có cùng tận, đó là hạnh Như lai.

Tán rằng: Quán hữu. Giống như trống trời phát ra nhiều thứ âm thanh. Nói "nói rộng" cho đến lẽ ra phải nói rằng đối với với các hữu tình kia tùy theo căn tánh của họ, ý ưa thích sự hiểu biết thù thắng, không khởi phân biệt, nhậm vận tế độ, thị hiện giáo hóa lợi ích vui mừng, tận mé vị lai.

Văn kinh: Bốn là Phật không có ý niệm như vầy: Nay ta đến thành ấp, làng xóm kia, vào các nhà vua chúa và đại thần, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Bệ-xá-tuất-đạt-la v.v... để khất thực.

Tán rằng: Hạnh không nghĩ đến khất thực. Đầu tiên là hạnh quán không.

Văn kinh: Thân, miệng, ý xưa kia thực hành theo thói quen, cho nên nhậm vận đến đó vì việc lợi ích nên thực hành khất thực, đó là hạnh Như lai.

Tán rằng: Quán hữu. Du-già quyển tám mươi sáu chép: Do mười nhân duyên mà Như lai đi khất thực:

1. Vì hiển bày nhiều công đức bị che lấp.
2. Vì muốn dẫn dắt một phần kia khiến cho họ đi khất thực.
3. Vì muốn dùng đồng sự hạnh để thâu nhiếp một phần kia.
4. Vì cùng chúng sinh đời vị lai làm bậc đại minh.
5. Vì muốn dẫn dắt sự hiểu biết thô tệ kia của các ngoại đạo.
6. Vì kia nương theo thinh giáo mà khởi lên chê bai, nên hiện bày oai nghi diệu sắc vắng lặng, khiến cho đó kinh hãi than thở, tâm sinh hồi hướng.
7. Vì chúng sinh trong xứ kia, dùng ít công lao mà trồng nên nhiều phước đức.
8. Vì khiến cho hạng hoại tín buông lung sinh tâm hổ thẹn, tuy dụng công lao nhỏ bé mà gặt hái phước đức lớn lao v.v....
9. Vì chúng sinh đui điếc v.v... và các thứ tai họa kia đều khiến cho ngừng lại, tức là vào thành người thấy được lợi ích, như phẩm Uy Lực trong Du-già có nói.
10. Vì khiến cho vô lượng, vô biên uy đức rộng lớn của các hàng trời rồng, theo Như lai đến nhà mọi người, khiến họ sinh tâm ước ao kính mến thường xuyên thêm khách mà không bị phiền não.

Văn kinh: Năm là thân của Như lai không có đói khát cũng không

có tướng tiện lợi, yếu đuối mệt mỏi, tuy đi khất thực nhưng không hề ăn cũng không hề phân biệt.

Tán rằng: Hạnh không nghĩ đến cung cấp cho thân. Văn chia hai như trước. Đây là Không Hạnh.

Văn kinh: Nhưng vì nhậm vận làm lợi ích hữu tình nên thị hiện có tướng ăn, đó là hạnh Như lai.

Tán rằng: Quán về hữu. Theo luận Nhiếp Đại Thừa nói ăn có bốn thứ, ở đây thị hiện y chỉ trú thực.

Văn kinh: Sáu là Phật không có ý niệm như vầy: Các chúng sinh này có thượng trung hạ, tùy căn tánh đó mà nói pháp cho họ.

Tán rằng: Hạnh không nghĩ đến nói pháp. Trước đây không thấy có sở thuyết, ở đây không nghĩ đến sở độ. Văn chia hai như trước. Đây là quán Không.

Văn kinh: Nhưng Phật, Thế tôn không hề có sự phân biệt, tùy theo khí lượng đó khéo thích hợp cơ duyên nói pháp cho họ nghe, đó là hạnh Như lai.

Tán rằng: Quán về hữu.

Văn kinh: Bảy là Phật không có ý niệm như vầy: Loài hữu tình này không cung kính ta, thường đối với ta nói những lời mắng chưởi, không thể cùng bàn bạc với kia, loài hữu tình kia cung kính đối với ta, thường khen ngợi đối với ta, ta nên nói pháp cho họ nghe.

Tán rằng: Hạnh không nghĩ đến thiện ác. Văn chia làm hai như trước. Đây là quán không.

Văn kinh: Nhưng Như lai khởi tâm từ bi bình đẳng không khác, đó là hạnh Như lai.

Tán rằng: Quán hữu. Đây là ba niệm xứ.

Văn kinh: Tám là các Đức Phật Như lai không có yêu ghét, kiêu mạn tham tiếc, và các phiền não. Như lai thường vui vắng lặng khen ngợi ít dục, lìa các sự ồn ào náo, đó là Như lai hạnh. Tám là hạnh không nhiễm nhiều sự che lấp.

Văn kinh: Chín là Như lai không có một pháp nào không biết, không khéo thấu suốt, đối với tất cả nơi chốn hoàn cảnh trí hiện tiền không có phân biệt. Nhưng mà Như lai thấy sự nghiệp mà hữu tình kia làm ra, tùy theo ý họ mà chuyển thành phương tiện, dẫn dắt khiến cho được thoát ra, đó là hạnh Như lai. Chín là hạnh nhậm vận làm lợi ích. Không một pháp nào không biết là trí sở duyên, không một pháp nào không thấu suốt là trí sở liễu cảnh; nhậm vận thường thông suốt nhưng tùy ý chuyển đổi, căn tánh ý thích thành thục có trước sau, phương tiện

dẫn dụ giúp cho ra khỏi sinh tử.

Văn kinh: Mười là Như lai nếu thấy một phần hữu tình gặp lúc thịnh vượng không sinh vui mừng, thấy họ sa sút không khởi buồn thương; nhưng Như lai thấy hữu tình kia tu tập chánh hạnh không chướng ngại đại từ tự nhiên cứu giúp, hoặc thấy họ tu tập tà hạnh không chướng ngại đại bi tự nhiên cứu giúp, đó là hạnh Như lai. Mười là hạnh ban vui cứu khổ. Văn trích dẫn đều có chia làm hai, y theo trước có thể biết.

Văn kinh: Này người thiện nam! Nên biết rằng Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói có vô biên chánh hạnh như vậy, các vị nên biết đó là tướng chân thật của Niết-bàn.

Tán rằng: Tổng kết.

Văn kinh: Hoặc thấy có người nhập Niết-bàn đó là phương tiện tạm thời và để lại xá-lợi.

Tán rằng: Đây là giải thích thắc mắc về thị hiện diệt độ để lại xá-lợi. Đầu tiên lại thị hiện diệt độ và để lại xá-lợi, sau đó giải thích lý do.

Đây là mở đầu.

Không nói: "Hoặc lúc Phật thị hiện Niết-bàn và để lại xá-lợi" mà nói thấy là muốn hiển bày Phật thường trụ, thật không hề có xá-lợi, chỉ vì tâm chúng sinh chiêu cảm mà hiện. Như người từ nơi xa đến hỏi han chỉ đứng gần đài cao liếc nhìn hình bóng dung mạo mà mình kính trọng, cưỡi quyết chu (thuyền tốt như tuấn mã) mà trở về Đông, nhìn ao hồ lắng đọng chảy về Tây.

Văn kinh: Khiến cho các hữu tình cung kính cúng dường đều là căn lực từ thiện của Như lai.

Tán rằng: Giải thích lý do. Đầu tiên là việc làm, sau là được lợi ích.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Nếu người cúng dường ở đời vị lai xa lìa tám nạn, được gặp các Đức Phật, gặp được Thiện tri thức, không mất tâm lành thì phước báo vô biên, mau thoát khỏi không bị sự ràng buộc của sinh tử.

Tán rằng: Được lợi ích. Đạt được lợi ích có bảy thứ:

1. Xa lìa tám nạn.
2. Gặp dịp kính thờ các Đức Phật.
3. Gặp được Thiện tri thức.
4. Không mất tâm lành.
5. Gặt hái phước báo ở đời.
6. Chứng đến Niết-bàn.

7. Đạt được giải thoát.

Văn kinh: Diệu hạnh như vậy, các vị nên siêng năng tu tập đừng buông lung.

Tán rằng: Kết thúc khuyến khích tu học.

Văn kinh: Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Tràng nghe Đức Phật tự nói về việc không nhập Niết-bàn và hạnh sâu xa liền chấp tay cung kính bạch rằng: Nay con mới biết Như lai Đại sư không nhập Niết-bàn và để lại xá-lợi hầu làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, thân tâm phấn khởi vui sướng khen ngợi chưa từng có.

Tán rằng: Đoạn thứ ba lãnh ngộ được lợi ích. Đầu tiên là lãnh ngộ.

Văn kinh: Lúc Phật nói phẩm Như lai Tuổi thọ này xong có vô lượng vô số vô biên chúng sinh đều phát tâm Vô đẳng đẳng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Tán rằng: Được lợi ích.

Văn kinh: Lúc đó, bốn Đức Như lai bỗng nhiên biến mất, Bồ-tát Diệu Tràng lễ dưới chân Phật xong, đứng dậy khỏi chỗ ngồi trở về thất của mình.

Tán rằng: Đoạn lớn thứ tư trong phẩm- nghe xong tan hội. Chỉ nói bốn Đức Phật biến mất, Diệu Tràng trở về thất, không bàn đến chúng hội còn lại, là có hai cách giải thích:

1. Nêu ra vị thượng thủ đó ảnh hiện nơi số còn lại, hai bản dịch cũ nói là trong đại hội chỉ có Phật Thích-ca.

2. Chỉ có bốn Đức Như lai và Diệu Tràng trở về, những người khác hãy còn ở lại. Vì sao? Vì nói chưa hết cho nên ở dưới nói ba thân không còn tập hợp chúng. Sao lại nói Hư Không Tạng ở trong đại chúng đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

Hỏi: Vì sao chỉ một mình Bồ-tát Diệu Tràng trở về, trong lúc nói chưa xong?

Đáp: Bởi vì muốn phát khởi hạnh sám hối, nếu không trở về nhà ngủ nghỉ thì làm sao mộng thấy trống.

Hỏi: Sao không trực tiếp thỉnh cầu mà lại hầu hạ trong mộng vậy?

Đáp: Bởi vì khó thực hành cho nên mộng là cho biết trước, lại cơ duyên là như vậy.

■

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG KINH SỚ

QUYỂN 2
(Phần Cuối)

Phẩm 3: PHÂN BIỆT TAM THÂN

Phẩm Phân Biệt Tam Thân có chia ra ba phần:

1. Nói về lý do có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Nói rõ về chướng nạn.

Trong phần nói về lý do phẩm này có ba mục.

Thứ nhất phẩm Thọ lượng ở trước nói chung về hai quả Bồ-đề, Niết-bàn không thể phân biệt biết được. Trong phẩm Thọ lượng đã nói riêng về Niết-bàn đoạn quả, chưa phân biệt về Bồ-đề trí quả. Nay vì phân biệt ba thân khác nhau khiến cho khác nhau giải chướng, trị hữu biệt tu nhân mà chứng đắc.

Hư Không Tạng bạch Thế tôn: “Vì sao Bồ-tát đối với sự sâu xa bí mật của các Đức Như lai đúng như pháp tu hành?”.

Sâu xa bí mật tức là quả ba thân, đúng như pháp tu hành tức hỏi chướng trị nhân cho nên từ phẩm này mà có. Thứ hai nói rõ lý do đến, ở phẩm trước nói về viên tịch thì cho dứt chướng mà chứng, đoạn sở đoạn đã hoàn tất nên trí tuệ trọn vẹn.

Trong Bỉ Quả Trí Phần trong Nhiếp Luận của Vô Tánh chép: “Từ dứt sở đoạn được trí vô cấu vô quái ngại cho nên đoạn thù thắng không đứt quãng, tiếp đó nói về quả trí thù thắng”, vì thế sau phẩm trước có phẩm này sinh ra. Thứ ba nói rõ lý do đến là cơ nên nghe, từ bi vì đó mà nói khiến cho có được lợi lạc. Cuối phẩm này nói: “Trong bốn oai nghi, các Đức Phật Như lai thảy đều thuộc về trí, tất cả các pháp không có pháp nào không thuộc về từ bi”.

Không có pháp nào không vì lợi ích an vui cho các chúng sinh,

tức là dứt bỏ các khổ tám nạn, do đó văn dưới nói: “Lắng nghe tin hiểu không đi theo các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la, đây là lìa xa nạn bốn đường ác, thường ở nơi trời, người, lìa xa nạn biên địa; không sinh nơi hạ tiện, lìa xa nạn sinh ra đui điếc, luôn luôn được gần gũi, các Đức Phật Như lai, lìa xa nạn sinh trước Phật, sau Phật, lắng nghe thọ nhận chánh pháp, lìa xa nạn thế trí biện thông, thường sinh về cõi nước thanh tịnh của các Đức Phật, lìa xa nạn sinh về tầng trời Sống lâu, cho đến cõi nước có bốn thứ lợi ích v.v... đều là lợi ích an vui”, cho nên có phẩm này.

Kế là giải thích tên gọi, phân là chia đoạn, Biệt nghĩa là đặt biệt, tức là chia đoạn khác nhau về ba thân. Hoặc phân nghĩa là phân tích, biệt nghĩa là ký biệt. Ba là số thân nghĩa là y vào nghĩa thể và chứa nhóm, như luận Thành Duy Thức mười giải thích. Còn nghĩa chân thật trong Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: “Thân gọi là thật, không tổn hoại gọi là thật”. Hoặc nối nhau gọi là thân, trong Lương Luận chép: “Các Đức Phật ba đời nối nhau không khác, tùy theo ba nghĩa sở ứng của tự tánh là Pháp thân, thông thể và y thật gọi là thân”. Ứng Hóa có cả năm, khác với biến kế cho nên cũng được gọi là thật.

Lại chẳng phải thành tựu do máu thịt cho nên cũng gọi là thật. Nếu nói theo tự tánh Pháp thân thì không được gọi là thật. Nếu chỉ nói ba thân thì giải thích theo số hiện có. Đã nói phân biệt ba thân, thì phân biệt là năng phân biệt, ba thân là sở phân biệt. Nên nói về sự phân biệt ba thân gọi là phẩm Tam Thân Phân Biệt, là y Chủ thích. Nay thuận theo phương này nói là phẩm phân biệt Tam Thân. Phẩm này nói rộng về ba thân của các Đức Phật cho nên gọi là phẩm Phân Biệt Tam Thân. Ba là nói về chướng nạn.

Thứ nhất hỏi: Ba thân này đều vốn có hay mới sinh ra?

Đáp: Y cứ theo nhân thì đều là vốn có, nói về quả thì đều là mới thành. Bởi vì tự tánh của thân chẳng sinh diệt, do đó nói chung là mới thành tựu. Thể tự tánh Pháp thân tức là chân như, ở trong ràng buộc gọi là Tạng, không gọi là Pháp thân, hằng sa muôn đức tướng chưa hiện rõ cho nên chẳng phải là nơi y chỉ công đức của pháp. Thoát ra khỏi sự ràng buộc thì gọi là Pháp thân, hằng sa muôn đức tướng đã hiển hiện. Nói về công đức y theo tên gọi là Pháp thân, trong kinh Thắng-man chép: “Ở trong ràng buộc gọi là Như lai tạng, ra khỏi ràng buộc gọi là Pháp thân”. Luận Thành Duy Thức chép: “Ở Đại Mâu-ni gọi là Pháp thân”. Đã nói ở Đại Mâu-ni gọi là Pháp thân thì rõ ràng chẳng phải là tên gọi vốn có, cho nên là mới đạt được. Hai thân Ứng và Hóa về nhân

tuy là vốn có nhưng quả thì mới phát sinh. Lý đó rất thành tựu, không dẫn chứng rườm rà.

Thứ hai hỏi: Ba thân này là đồng nhất thể, nghĩa dụng chia làm ba làm nhân và thể khác nhau?

Đáp: Nhân và thể đều khác. Tự tánh Pháp thân tức là ứng được nhân đắc, ứng được nhân thể tức là chân như. Hai thân Ứng và Hóa nhờ gia hạnh nhân, tròn đầy nhân mà được. Phát tâm gọi là gia hạnh, tu tập đầy đủ gọi là tròn đầy, tức là sáu độ.

Thứ ba hỏi: Nếu ba nhân có thể riêng thì cũng khác nhau, vì sao văn dưới nói: Tuy có ba số nhưng không có ba thể?

Đáp: Nói theo tánh tướng thì chân như là tánh, ngoài ra là tướng, không có một pháp nào ra khỏi thế giới chân như mà có Thể tánh riêng nên nói là không có ba thể, thảy đều lìa Như, thể tánh không khác.

Lại y cứ theo nhiếp tướng quy về tánh thì Như, Thể tức là một, hoặc tướng dụng luận riêng về ba thể khác nhau, như luận Thành Duy Thức, Đại Trang Nghiêm, Nhiếp Đại Thừa v.v... đều có nói về điều đó.

Thứ tư hỏi: Nếu ba thể khác nhau thì ở dưới nói thí dụ quặng vàng không thành?

Đáp: Không hề trái nhau, vì lý chân như và vô lậu vốn có kết hợp dụ cho quặng vàng, được vàng ròng là hợp dụ cho quả đức, tùy ý chuyển đổi làm các vật dụng trang nghiêm, dụ cho tánh tướng công đức đều y như lý, căn lực giác chỉ y theo bốn trí mà khởi. Dưới đây phân biệt qua ba dụ vàng, nước, hư không đối với thể Pháp thân là có trước, mộng vượt sông dụ cho mới bắt đầu, biệt dụ cho bốn trí tâm phẩm, vì vậy ở dưới kinh nói: "Chẳng phải là vô tâm, vọng tưởng đã dứt bỏ là giác thanh tịnh; chẳng phải là vô giác, vàng, nước và hư không là vốn có không thay đổi, cho nên dụ cho tự tánh. Mộng không phải là chân giác, mộng biết rõ là không thật thì chân giác mới khởi, vì thế biết là Thể khác nhau". Các vị tôn đức xưa nay nói về thể ba thân, khác nhau không đồng nghĩa đến sau này sẽ phân biệt rõ.

Văn kinh: Bấy giờ, Hư Không Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong đại chúng liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, vén y bày vai phải, gối phải sát đất chắp tay cung kính đảnh lễ dưới chân Phật.

Tán rằng: Ngay trong phẩm này toàn văn chia làm bốn phần:

1. Bồ-tát thưa hỏi.

2. Như lai trả lời.

3. Này người thiện nam! Tri kiến như thế trở xuống là kết thúc

khuyến khích tu hành.

4. Bấy giờ, Hư Không Tạng trở xuống là lãnh ngộ thọ trì tu học.

- Trong phần đầu lại có hai:

1. Cúng dường.

2. Thân thỉnh.

- Cúng dường có hai thứ:

1. Nội cúng dường, tức là nghi thức thỉnh pháp.

2. Ngoại cúng dường, tức là biểu hiện thành tựu đương quả.

Đây tức là văn mở đầu.

Nội cúng dường này là nghi thức thỉnh pháp, trong luận Đại Trang Nghiêm quyển một có nói. Thứ nhất trong nghĩa phát tâm có sáu thứ thù thắng, nguyện thù thắng thứ hai tức là mười nguyện lớn.

Nguyện thứ nhất cung kính cúng dường tất cả các Đức Phật, trong đó có ba:

1. Tất cả Phật vô dư.

2. Cúng dường vô dư.

- Trong cúng dường vô dư có ba:

1. Lợi cúng dường, đó là các thứ y phục v.v...

2. Kính cùng dường, đó là các thứ hương hoa v.v...

3. Hành cúng dường đó là tu tập tín giới v.v...

- Cung kính vô dư, cũng có ba:

1. Chu cấp hầu hạ cung kính.

2. Đón đưa cung kính.

3. Tu hành cung kính.

Nay ở đây chính là tu hành cung kính, trong đó có hai: Đầu tiên nói về người thưa hỏi, sau đó nói về cúng dường.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát này tên là Hư Không Tạng?

Đáp: Nhất định các vị Bồ-tát đều có công năng phước trí địa vị tương tự đều phải như nhau, nhưng tùy theo nguyện tăng thêm nên có tên đều khác nhau.

Nay vị Bồ-tát này lập danh có hai cách:

1. Theo Sự.

2. Theo Lý.

Theo Sự lập danh, như kinh Đại Tập quyển mười lăm, cũng nói: “Bồ-tát Hư Không Tạng được năng lực thần thông của Như lai, ở trong hư không tùy theo sự cần thiết của chúng sinh, hoặc pháp, hoặc tài, tất cả thường ban cho đều khiến trở nên vui mừng, vì trí phương tiện này nên gọi là Hư Không Tạng”.

Còn trong phẩm Hư Không Tạng chép: “Thời quá khứ, có Luân vương tên là Sư Tử Biên, xuất gia không bao lâu đạt được năm thứ thần thông, kế thừa giáo pháp của Phật làm cho tà tâm của vua cha thay đổi, muốn giúp cha vào trong chánh kiến nên nhập định hiện hiện bày thần thông. Các tướng như thế làm cho tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, ở giữa hư không tuôn xuống các vật tốt đẹp quý giá như mưa, đều từ hư không lần lượt rơi xuống, đầy khắp cõi tam thiên.

Lúc bấy giờ, Địa Thần cho đến tầng trời Ca-ni-tra, vui mừng phấn khởi nói lời như vậy: Vị Đại Bồ-tát này tên là Hư Không Tạng. Lúc ấy Phật ấn khả tên là Hư Không Tạng”. Theo Lý lập danh ấy, trong kinh Hư Không Tạng Bồ-tát chép: “Hư Không Tạng nói với A-nan rằng: Thân ta tức là hư không, dùng hư không chứng biết tất cả, là hư không ấn chứng hư không”. Đây là theo Lý mà gọi tên, tức là lý thân. Mười địa chứng đắc mười thứ Pháp thân như trong Thắng Thiên Vương Bát-nhã chép: Còn nghĩa về ba thân trong Pháp Uyển có trích dẫn đầy đủ. Cũng như kinh Hoa Nghiêm, thân tướng Phổ Hiền giống như hư không, nương vào Như như, không dựa vào cõi Phật.

Hỏi: Bồ-tát này giai vị ở địa nào?

Đáp: Theo kinh Đại Tập nói là ở Địa thứ mười. Đứng dậy khỏi chỗ ngồi v.v... đều có sự biểu thị, suy theo đó có thể biết.

Văn kinh: Dùng hoa, cờ báu, phướn lọng vi diệu quý báu để cúng dường Đức Phật.

Tán rằng: Ngoại cúng dường tức trong ba loại cúng dường đây là kính cúng dường. Dùng vàng báu nhiệm mầu bậc thượng vi diệu kim bảo là biểu thị cho sự tu hành lâu xa, là dụ cho việc luyện vàng dưới đây. Nói hoa báu là biểu thị hãy còn ở nhân sẽ đạt được quả. Cờ báu biểu thị cho trí Bồ-đề cao vượt khỏi hàng Nhị thừa. Lọng báu biểu thị cho bốn tâm vô lượng che mát chúng sinh, cũng biểu thị cho nghe kinh này có thể làm nhân thù thắng đạt đến quả thù thắng.

Văn kinh: Bạch Đức Phật: Bạch Thế tôn! Vì sao nói Bồ-tát Ma-ha-tát đối với chỗ sâu xa bí mật của các Đức Như lai đúng như pháp tu hành?.

Tán rằng: Đích thân thưa hỏi, sâu xa bí mật là hỏi về quả, như pháp tu hành là hỏi về nhân. Khó có thể chứng đến tận cùng gọi là sâu xa, hoặc hàng Nhị thừa không biết nên gọi là sâu xa. Bồ-tát Địa tiền không thể hiểu rõ gọi là bí mật. Theo kinh Pháp Hoa nói về sâu xa có năm loại:

1. Nghĩa.

2. Thể.
3. Nội chứng.
4. Y chỉ.
5. Vô thượng.

Lại bí mật đó tức là tướng, và khiến hội nhập trong bốn bí mật. Ba tánh là tướng ba thân khiến hội nhập.

Văn kinh: Đức Phật nói: Này người thiện nam! Hãy lắng nghe và khéo nghĩ nhớ, ta sẽ phân biệt giải thích rõ cho ông nghe.

Tán rằng: Đoạn lớn thứ hai, Như lai trả lời. Văn chia làm bốn: Đầu tiên bảo lắng nghe và hứa nói; tiếp đến trả lời về quả; tiếp theo "Lại nữa, này người thiện nam" trở xuống là trả lời về vấn đề tu hành; sau cùng "Lại nữa, Thiện nam! Pháp thân" trở xuống là tổng kết nhân quả ở trước, nói rõ khiến cho biết.

Đây là mở đầu.

Nói hãy lắng nghe và khéo nghĩ nhớ, trong Công Đức Thí Bồ-tát Kim cương Bát-nhã Luận giải thích rằng: "Đế-thích là tâm chuyên chú vào một cảnh, Thiện là đối với nghĩa như lý phát sinh tin tưởng, không có nghi ngờ, Tư niệm là kính trọng giữ gìn không quên". Ngài Chân-đế giải thích rằng: "Đế-thích tức là phát sinh văn tuệ, văn tuệ lìa xa lỗi tán loạn, như kính mến tài năng, khó nghĩ là phát sinh tư tuệ, tư tuệ thường tôn trọng, lìa xa buông lung, như toàn vẹn đức độ. Niệm là phát sinh tu tuệ, tu tuệ thường nhiếp niệm, xa lìa điên đảo, như tài năng đức độ thanh tịnh.

Văn kinh: Này người thiện nam! Tất cả Như lai đều có ba thứ thân.

Tán rằng: Tiếp theo trả lời về quả đã hỏi. Văn chia làm bốn:

1. Nêu lên số đó.
2. Tùy số đưa ra.
3. Y theo số đưa ra.
4. Tùy số nêu ra giải thích.

Đây là nêu ra.

Văn kinh: Vì sao nói là ba?

Tán rằng: Trưng dẫn.

Văn kinh: Một là Hóa thân, hai là Ứng thân, ba là Pháp thân.

Tán rằng: Sắp xếp theo trưng dẫn. Trước tiên nêu ra tên gọi ba thân, sau đó hiển bày thâu nhiếp khuyến khích nên biết. Đây là nêu ra tên gọi ba thân.

Văn kinh: Ba thân như vậy nhiếp thọ đầy đủ, được A-nậu-đa-la

Tam-miệu Tam-bồ-đề, nếu đích thực hiểu rõ thì mau chóng thoát khỏi sinh tử.

Tán rằng: Hiển bày thâu nhiếp khuyến khích nên biết. Như vậy là chỉ cho ba thân nêu ra ở trước. Nhiếp thọ đầy đủ là hiển bày thâu nhiếp thân Phật, là đức vô vi, tự lợi lợi tha tất cả đều trọn vẹn. Nhiếp nghĩa là ôm lấy tất cả, Thọ là dung nạp. Nghĩa là ba thân này thâu tóm tất cả, dung nạp công đức thân Phật thảy đều trọn vẹn. Vì sao ba thân này chính là A-nậu Bồ-đề? Nói A nghĩa là Vô, Nậu-đa-la là Thượng, Tam là chánh, Miệu là Đẳng, Tam còn dịch là Chánh, Bồ-đề là Giác.

Theo đó nên nói Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây là thâu nhiếp năm pháp chân như và bốn trí. Như tức là Đoạn đức Niết-bàn, bốn trí tức là Trí Đức, dựa theo đây mà hóa sinh tức là ân đức, thâu nhiếp trọn vẹn Bồ-đề. Luận Bát-nhã của Bồ-tát Vô Trước chép: "A-nậu-đa-la hiển bày Bồ-đề Bồ-đề đoạn, là tướng giải thoát; Tam-miệu Tam-bồ-đề hiển bày riêng biệt về đạo Bồ-đề.

Bởi vì người bình đẳng, bởi vì Bồ-đề phần pháp. Đây là ý về tướng giải thoát, tức là ly cấu chân như. Đạo Bồ-đề là bốn trí tâm phẩm, bởi vì người bình đẳng, bởi vì người vô ngã lý ấy bình đẳng. Bởi vì có Bồ-đề phần pháp nên gọi là Phật, đối với vô thượng giác mà sinh chánh giác thì khác với phàm phu, đẳng giác khác với Nhị thừa".

Lại nói: "Chánh giác khác với Bồ-tát, bởi vì chữ Giác xuyên suốt tất cả bốn nơi". Đầu tiên là vô thượng giác, tức là lý chân như, giác tánh gọi là giác, cho nên kinh nói rằng: "Bồ-đề Bồ-đề đoạn gọi là Bồ-đề". Đầu tiên gọi là Vô thượng, trong kinh Bát-nhã chép: "Không có chút pháp nào có thể đắc cho nên gọi là A-nậu v.v...". Luận Thích chép: "Không một vi trần pháp nào có thể đắc". Đây là ý nói Nhị thừa chỉ dứt bỏ phiền não không dứt được sở tri, Bồ-tát thì dứt bỏ cả hai chướng, chủng trí không có chút nhiễm nào cho nên nói là Vô thượng Tam-miệu Bồ-đề v.v... Nói Vô thượng tức là vì hơn hẳn hạng phàm phu, Nhị thừa và Bồ-tát kia cho nên giác gọi là Vô thượng. Kinh Bát-nhã chép: "Pháp này bình đẳng không có cao thấp cho nên gọi là A-nậu Bồ-đề". Đây là ý nói do Phật và Phật ngang nhau, chứng đạt vô ngã ngang nhau cho nên gọi là Vô thượng, nếu có hơn kém thì không gọi là Vô thượng. Như trong luận Biện Trung Biên, phẩm Vô Thượng Thừa chép: "Tóm lại từ ba vô thượng nói là Vô Thượng thừa, đó là Chánh hạnh, Sở duyên và tu chứng Vô Thượng". Ý này tức là các hạnh đều tu, các cảnh đều thông, các quả đều chứng, cho nên gọi là Vô Thượng, rộng như luận ấy nói. Kinh Bát-nhã nói rằng: "Tu tất cả pháp lành tức đạt được hạnh

Bồ-đề vô thượng, đối với tất cả các pháp nên biết như vậy tức là cảnh vô thượng, tu chứng vô thượng tức là Bồ-đề, Niết-bàn". Luận ấy chép: "Chín là Phật địa tu chứng không còn hai chướng, do đó mười là thị hiện Bồ-đề, tu chứng không ngừng nghỉ". Nay ở đây cũng nói như vậy. Nếu đích thực hiểu rõ mau chóng thoát khỏi sinh tử ấy là khuyến khích đại chúng khiến cho hiểu rõ. Nghĩa về ba thân này phân biệt sơ lược có năm loại:

1. Giải giải thích.
2. Đưa ra Thể.
3. Khai hợp phế bỏ vị.
4. Nhân khởi tướng quả.
5. Các môn phân biệt.

- Thứ nhất giải giải thích, có hai:

Đầu tiên đưa ra danh, sau đó giải giải thích. Đưa ra danh, kinh luận đều khác nhau, ba thân đều có nhiều tên gọi. Hóa thân Phật lược có năm tên gọi:

1. Gọi là Hóa thân, trong Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: "Do năng lực tự tại bổn nguyện của Phật, giống như chúng sinh kia đổi thay hiển hiện gọi là Biến Hóa thân".

2. Là cha mẹ sinh thân, trong luận Trí Độ chép: "Phật có hai thân: Một là pháp tánh sinh thân; hai là cha mẹ sinh thân".

3. Tùy thế gian thân, nói rõ bi nguyện của Phật thị hiện giống như thế gian, vào ở trong thai thoát ra khỏi thai gọi là tùy thế gian, vì vậy trong luận Trí Độ chép: "Phật có hai thân: Một là Tùy thế gian thân, hai là Pháp tánh sinh thân".

4. Chỉ gọi là sinh thân, cũng thuộc về cha mẹ sinh ra, kinh Niết-bàn chép: "Phật có hai thứ thân: Một là Pháp thân; hai là Sinh thân".

5. Là giả danh thân, trong Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: "Giả danh thân tức là hóa thân, thị hiện thân này phân biệt, việc làm không chân thật gọi là giả danh thân" các tên gọi này tùy theo nghĩa nên biết.

- Thứ hai là Ứng thân, lược có sáu tên gọi:

1. Ứng thân, hằng sa đức thành tựu tương ưng với lý gọi là Ứng thân, trong Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: "Nếu lìa Pháp thân thì Ứng thân không thành tựu, hoặc đến cơ Bồ-tát thích hợp nên nói pháp, cho nên gọi là Ứng thân; hoặc vì thích ứng với nhân xưa kia".

2. Thọ dụng thân, là Thọ dụng tịnh độ Đại thừa pháp lạc, trong luận Thành Duy Thức chia ra Tự thọ dụng và Tha thọ dụng, Tự thọ dụng

là luôn luôn tự mình thọ dụng pháp lạc rộng lớn, Tha thọ dụng là giúp cho người khác thọ dụng pháp lạc Đại thừa.

3. Báo thân, dùng quả báo đền nhân gọi là Báo thân, trong luận Thập Địa gọi là Báo thân Phật, trong luận Bát-nhã gọi là Thọ lạc báo Phật.

4. Trí tuệ Phật, nói trong kinh Lăng-già.

5. Công đức Phật, cũng nói trong kinh Lăng-già.

6. Là pháp tánh sinh thân, trong luận Trí Độ chép: "Phật có hai thứ thân, một là pháp tánh sinh thân, hai là cha mẹ sinh thân". Đã nói pháp tánh sinh, rõ ràng không phải tự tánh Pháp thân, bởi vì hằng sa công đức tương ưng với pháp tánh, dựa vào pháp tánh mà khởi gọi là pháp tánh sinh.

- Thứ ba là Pháp thân, lược có năm tên gọi:

1. Pháp thân, thân mà công đức chân như vô cấu nương vào gọi là Pháp thân, trong Nhiếp Đại Thừa chép: "Thân này tương ưng cùng với pháp công đức cho nên gọi là Pháp thân". Luận Thành Duy Thức chép: "Chính tự tánh này cũng gọi là Pháp thân, là nơi y chỉ của các pháp đại công đức". Kinh này cũng giống như vậy.

2. Tự tánh thân: trong Nhiếp Đại Thừa dịch vào đời Lương chép: "Hoặc Phật xuất thế, hoặc Phật không xuất thế đều tự nhiên, gọi là tự tánh thân". Thành Duy Thức chép: "Đó là chân tịnh pháp giới thọ dụng biến hóa bình đẳng sở y của các Đức Như lai nên gọi là tự tánh thân".

3. Chân thật thân, Nhiếp Đại Thừa dịch vào đời Lương chép: "Thân có hai thứ: Một là chân thật thân; Hai là giả danh thân", trong luận Bảo Tánh gọi là thật Phật, kinh này cũng nói pháp thân là Phật.

4. Như như Phật, kinh Lăng-già nói Như như Phật.

5. Chỉ gọi là Pháp Phật: Chân như tự thể được gọi là Phật, như là Phật thể cho nên gọi là Pháp Phật. Trên đây đã nêu ra tên gọi. Giải thích tên gọi là giải rõ tên gọi chung trong đầu đề như phẩm trước. Giải thích tên riêng là dựa theo kinh này nói Hóa thân là hiện bày các thứ thân, đó gọi là Hóa thân. Bởi vì có thể dẫn dắt từ không mà chợt có, hiện rõ đó là Hóa, Hóa tức là thân, là trì nghiệp thích.

Hoặc riêng để phân biệt với chung là thân của Hóa, tức là y Chủ thích. Bởi vì thân xuyên suốt cho nên có chỗ gọi là Biến Hóa thân, Biến nghĩa là chuyển đổi hình dạng vốn có, Hóa tức là từ không mà chợt có, vừa biến vừa hóa, biến và hóa khác nhau, là tương vi thích. Biến Hóa tức thân là trì nghiệp thích. Ở đây bỏ chữ Biến, hoặc Hóa dụng thù thắng cho nên gọi là Hóa thân. Y theo đây thì Ứng là Ứng với phàm

phu, Nhị thừa, ứng là ứng thân, để phân biệt với Báo thân nên chỉ nói Hóa thân. Không đồng Báo thân, vì ứng với Bồ-tát nên được gọi là Ứng. Theo luận Thập Địa và kinh luận thì Báo thân gọi là Báo Phật, Hóa thân, Pháp thân, Ứng thân đều gọi là Phật. Theo các kinh luận phần nhiều trước đây nêu là Phật có bao nhiêu thân, trong nêu danh phần nhiều không có chữ Phật. Không như vậy thì nếu chỉ nói ba thân là tên gọi cho tất cả người khác, cũng gọi là thân. Lại y cứ theo mười hiệu, ba thân đều được tên gọi đó. Nhiều tên gọi của Phật tạm thời nêu ra một, cho nên ở đây cũng nói: Tất cả Như lai đều có ba thân. Nói về Ứng thân, theo văn kinh này có hai nghĩa gọi là Ứng:

1. Khế Ứng chân lý nên phát khởi thân này. Kinh chép: "Như thật tương ưng như như, trí như như bổn nguyện lực, thì thân được hiện bày". Đã nói như thật tương ưng như như đẳng trí bổn nguyện lực cho nên thân đó được hiện bày, do khế ứng với chân lý mới phát khởi gọi là Ứng thân. Trong Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: "Nếu lìa Pháp thân thì ứng thân không thành tựu, nên biết rằng hai thân này do năng y và sở y nên được tương ứng". Lại vì ứng đến căn tánh của Bồ-tát mà hiện bày thân này gọi là Ứng thân. Vì vậy kinh này chép: "Vì các Bồ-tát có khả năng thấu suốt cho nên nói về Chân-đế", cho đến chép: "Đó gọi là Ứng thân". Phú cơ gọi là Ứng, nhưng là tha thọ dụng, không phải là tự thọ dụng. Nghĩa trước có cả hai. Nói về Pháp thân là y theo luận Thành Duy Thức chép: "Là nơi y chỉ của pháp đại công đức". Luận Phật Địa chép: "Là nơi y chỉ của các pháp công đức và các năng lực vô úy". Công đức là năng y, thân là sở y, tức thể chân như là sở y của pháp công đức, cho nên gọi là Pháp thân, là y chủ thích.

Nhiếp Luận Đại Thừa của ngài Vô Tánh cũng giải thích đồng với ở đây. Lại chân như là công đức pháp thể, thể tức là thân, do đó pháp chính là thân. Luận Vô Tánh giải thích rằng: "Pháp tánh tức là thân, cho nên gọi là Pháp thân, là trì nghiệp thích". Nay văn kinh này có đủ cả hai nghĩa. Sau kinh này chép: "Vì sao nói Bồ-tát hiểu rõ Pháp thân? Vì dứt trừ các phiền não các chướng, vì đầy đủ các pháp công đức cho nên chỉ có như như, trí như như, đó gọi là Pháp thân". Vì dứt trừ các phiền não các chướng gọi là Pháp thân, tức là đã hiển hiện Báo thân, là trì nghiệp thích. Đầy đủ các pháp công đức gọi là Pháp thân, tức chính là năng y, là y Chủ thích. Ngoài ra như Pháp Uyển Tam Thân Nghĩa Lâm phân biệt rõ. Lại y theo kinh này phân biệt có ba thứ:

1. Liệt danh hiển thắng.

2. Xuất tam thân thể.

3. Chư môn phân biệt.

Phần đầu xong.

Văn kinh: Vì sao nói Bồ-tát hiểu rõ Hóa thân?.

Tán rằng: Đưa ra thể của ba thân. Tức chia ra ba đoạn. Đây là Thể Hóa thân:

1. Mượn để hỏi.
2. Phật trả lời.
3. Cả hai kết thúc.

Đây là mở đầu. Nói Bồ-tát là đối với cơ đã đầy đủ, Nhị thừa định tánh không thể vui mừng mong cầu, do đó hỏi Bồ-tát. Tuy ba thừa đều được gọi là Bồ-tát nhưng không phải đều là hỏi ý.

Hỏi Bồ-tát Đại thừa vì sao nói hiểu rõ vì muốn khiến cho ưa thích tu hành mà mong cầu, tức là hai lần hỏi:

1. Thế nào là Bồ-tát.
2. Thế nào là hiểu rõ.

Văn kinh: Này người thiện nam! Xưa kia Như lai còn ở giai vị tu hành vì tất cả chúng sinh tu các thứ pháp.

Tán rằng: Đây là Phật trả lời, lại có hai: Nhân và Quả.

Đây là nhân. Văn chia làm năm phần:

1. Gọi người thưa hỏi.
2. Tự nêu đức hiệu.
3. Nói rõ hạnh vị.
4. Nói ý tu tập.
5. Chính thức tu tập.

Xưa kia ở trong địa vị tu hành là nói về hạnh vị, tức là trừ chủng tánh địa trong bảy địa, vì chưa tu hành cho nên trong lời nói cũng phân biệt với trì nghĩa, vì tất cả chúng sinh là thứ tư nói về ý tu tập, tức là đồng với kinh Bát-nhã. Thế nào là trụ tâm? Vì tất cả chúng sinh đều muốn diệt độ, đây là sự rộng lớn bậc nhất. Tâm đó thường không điên đảo, bốn thứ tâm ích lợi tu các thứ pháp môn, tức là nhân của sự tu hành và dứt bỏ chướng. Văn kinh-thù Sở Vấn chép: “Bồ-tát đầu tiên quán pháp gì thực hành hạnh Bồ-tát, tức là việc làm, dựa vào pháp nào mà thực hành hạnh Bồ-tát, tức là tu đoạn. Văn-thù đáp rằng: Các Bồ-tát thực hành đại bi là vốn vì các chúng sinh”. Đây là mở đầu.

Tuy cũng tự lợi nhưng Bồ-tát lấy đại bi lợi tha làm trước tiên, lý thật cũng có tự lợi, hoặc ngay nơi lợi tha trở lại làm tự lợi. Vì thế kinh luận ấy chéo:

Lại hỏi: Đại bi lấy gì làm gốc?

Đáp: Lấy trực tâm làm gốc, đây là ý khiến xa lìa sợ hãi cho người khác.

Lại hỏi: Trực tâm lấy gì làm gốc?

Đáp: Lấy tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh làm gốc; đây là ý đối với tất cả các loài hữu tình oán thân tâm đều thương xót bình đẳng.

Lại hỏi: Đối với tất cả mọi nơi tâm bình đẳng lấy gì làm gốc?

Đáp: Lấy không hề khác nhau, xa lìa (Dị hạnh) làm gốc, đây là ý khiến cho lìa xa tâm Năng độ, Sở độ.

Lại hỏi: Không khác nhau, lìa khác nhau lấy gì làm gốc?

Đáp: Lấy tâm rất thanh tịnh làm gốc; đây là ý tuy là nhiếp tha nhưng đồng kỷ, khiến cho xa lìa tâm ái nhiễm và hoàn toàn vắng lặng.

Lại hỏi: Tâm rất thanh tịnh lấy gì làm gốc?

Đáp: Lấy tâm A-nậu Bồ-đề làm gốc; đây là ý tự lợi, bởi vì tự mình không cứu thì không thể lợi tha. Hoặc là cầu Bồ-đề tức là ba thứ tâm gọi là tâm Bồ-đề.

Lại hỏi: Tâm Bồ-đề lấy gì làm gốc?

Đáp: Lấy sáu pháp Ba-la-mật làm gốc, đây chính là vì đầy đủ sáu chủng tánh dùng làm gốc, hoặc do tu hành sáu độ làm gốc".

Hỏi đáp trong kinh đó đồng với ý kinh này. Vì tất cả chúng sinh tức là thương xót chúng sinh. Phát tâm Bồ-đề thương xót chúng sinh lại có năm việc:

1. Thấy các chúng sinh bị vô minh trói buộc.
2. Thấy các chúng sinh không tin nhân quả gây ra các nghiệp ác.
3. Thấy các chúng sinh rời bỏ chánh lý.
4. Thấy các chúng sinh gây ra nghiệp ác sâu nặng.
5. Thấy các chúng sinh không tu tập chánh pháp.

Năm việc đều có bốn thứ, rộng như kinh kia đã nói. Tu các pháp môn tức là mười độ sau và dứt bỏ các chướng.

Văn kinh: Tu tập như thế đến khi tu hành đầy đủ.

Tán rằng: Đắc quả. Đầu tiên là nói về nhân sở tu tròn đầy, kế là nêu lên quả sở đắc tròn đầy, sau đó tổng kết thân danh.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Nhờ năng lực tu hành nên đạt được đại tự tại.

Tán rằng: Nói về quả sở đắc trọn vẹn, có hai: Đầu tiên nói về quả đắc trọn vẹn, sau đó nói về khả năng lợi ích chúng sinh. Đắc quả chia hai:

1. Đắc quả.

2. Liễu cảnh.

- Đây là đắc quả. Mười đại tự tại gồm:

1. Nêu danh.
2. Xuất thể.
3. Biện nhân.
4. Phế lập.

- Nêu danh đó trong Nhiếp Luận 9 của ngài Vô Tánh chép: "

1. Tuổi thọ tự tại.
2. Tâm tự tại.
3. Chúng cụ tự tại.
4. Nghiệp tự tại.
5. Sinh tự tại.
6. Thắng giải tự tại.
7. Nguyện tự tại.
8. Lực tự tại.
9. Trí tự tại.
10. Pháp tự tại".

Về xuất thể thì mạng tức là mạng căn, như phẩm Thọ lượng ở trước đã nói.

Kinh Thập Địa chép: "Không thể nói, không thể nói, kiếp mạng trụ trì".

Nhưng kinh Tát-già-ni-kiền Tử quyển bảy và kinh Pháp Tập 3 chép: "Đạt được cam lộ tối thượng gọi là mạng tự tại. Cam lộ tức Niết-bàn, Niết-bàn chính là tuổi thọ của Pháp thân. Hoặc do chứng vô trú cam lộ này nên mạng của Ứng thân, Hóa thân hiện bày mạng tùy tâm kéo dài hay rút ngắn đều vô tận". Tâm tự tại, theo kinh Thập Địa thì "Tâm tức là trí định, do năng sở dắt dẫn", đồng với luận Tạp Tập đưa ra các pháp thể thông suốt trí định.

Kinh đó chép: "Đạt được tâm tự tại thì vô lượng tăng-kỳ hội nhập trí Tam-muội".

Hoặc chép: "Định này thường dẫn dắt trí, không nhất thiết giữ lấy trí tâm tự tại".

Theo kinh Pháp Tập chép: "Tất cả các pháp đều hiện khởi do tâm, gọi là tâm tự tại, tức là thông suốt thức thứ tám. Thức đó có công năng biết tất cả, đó là nhất tâm gọi là tâm tự tại, là thâu nhiếp tâm sở, quy về tâm vương".

Còn Nhiếp luận chép: "Ở trong tự tại chuyển vận tâm đó gọi là tâm tự tại. Sự chuyển vận này tức là thông suốt thức thứ tám, có khả

năng chuyển vận là định, hoặc cũng chung cho trí. Hoặc tâm tự tại chuyển vận tức là có cả tâm vương, tâm sở". Chúng cụ tức là bốn trần làm thể, ăn mặc tài vật tất cả mọi thứ gọi là chúng cụ.

Luận chép: "Đối với các thứ uống ăn, các điều kiện sinh sống đều đầy đủ, tùy ý ưa thích thường được chứa nhóm". Nghiệp tức là tư, cho nên chỉ tạo các nghiệp lành. Sinh tự tại, sinh chung cho năm uẩn, hễ sinh ra nơi nào đều được như ý muốn mà được thọ sinh. Thắng giải tự tại, trong kinh Tát-già-ni-kiền Tử gọi là như ý tự tại, tức là dùng thắng giải số làm thể.

Luận Vô Tánh chép: "Nghĩa là từ nơi đất cát phát khởi thắng giải khiến cho trở thành vật báu". Nguyện tức là lấy giải dục tín làm thể, kinh Tát-già-ni-kiền Tử chép: "Là tín tự tại hoặc trí hậu đắc làm thể của nguyện tự tại". Thần lực tự tại tức là sáu thứ thần thông, trong kinh Tát-già-ni-kiền Tử gọi là nguyện tự tại, tức là hiển bày thần thông biến hiện mọi vật khiến cho tùy nguyện thành tựu. Vì vậy kinh ấy chép: "Ngay lúc tâm sinh hiện tiền thành tựu tất cả các việc gọi là nguyện tự tại".

Luận Vô Tánh chép: "Nghĩa là tùy ý thích dẫn dắt phát khởi các thứ thần thông tối thắng". Trí tự tại là duyên trí âm thanh, lấy từ vô ngại giải làm thể, trong Vô Tánh chép: "Nghĩa là tùy tất cả các thứ ngôn ngữ âm thanh nên trí cảnh hiện bày". Pháp tự tại lấy pháp vô ngại giải làm thể.

Luận Vô Tánh chép: "Tùy ý ưa thích mà giảng nói hợp với kinh, ứng với tụng v.v..." Hoặc mười tự tại đều lấy trí làm thể, đều là trí dụng, bởi từ sáu độ thành tựu thắng trí này. Ba là biện nhân, theo luận Vô Tánh: "Do pháp thí, vô úy thí và tài thí trọn vẹn, như sở ứng đó nên đạt được quả này". Chính xác tức là như dưới đây thường cùng với Thọ, Tâm, Chúng cụ tự tại làm nhân. Như trong kinh Tát-già-ni-kiền Tử chép: "Mau lìa bỏ sát sinh, không còn tâm nóng giận độc hại, đó là nhân của mạng tự tại".

Nhiếp Luận y theo Pháp thân mạng, Tát Già y theo Ứng hóa mạng. Lại lìa bỏ các sự giết hại v.v... cũng là pháp thí. Từ bi là nhân của tâm tự tại, ý này chép: "Bởi vì từ bi nên thường thí vô úy". Giới là nhân của nghiệp sinh tự tại.

Kinh Tát-già-ni-kiền Tử chép: "Đem tâm Bồ-đề thâu nhiếp các gốc lành, đó là nhân của sinh tự tại". Nhẫn là nhân của thắng giải tự tại, kinh Tát-già-ni-kiền Tử cho rằng cúng dường bố thí làm nhân của thắng giải, ý nói yên lòng chịu khổ nhẫn nại có thể giải thoát, ý trong Nhiếp

Luận nói là Nhân xưa kia luôn thích tu nhẫn, tùy theo tâm ưa thích của các hữu tình mà chuyển, nay gặt hái được tùy thắng giải chuyển nơi các kim địa. Tinh tấn là nhân của nguyện tự tại, ý này là do siêng năng thành tựu đầy đủ sở nguyện.

Kinh Tát-già chép: "Thường nói về Tam Bảo giáo hóa chúng sinh, đó là nhân của tín tự tại". Đã nói là Thường Nói, cũng chính là siêng năng, khiến cho người khác sinh khởi niềm tin, không còn phỉ báng giáo pháp. Vô úy tĩnh lự tức là nhân của lực tự tại.

Kinh Tát-già chép: "Vừa sinh ra mong cầu tức thời liền ban cho, đó là nhân của nguyện tự tại". Bát-nhã là nhân của trí và pháp tự tại.

Luận Vô Tánh chép: "Do nhân xưa kia thường ưa thích tu hạnh tuệ, tùy theo âm thanh của loài đó mà nói pháp cho nghe, nay chứng được Bát-nhã thù thắng, khéo biểu đạt ngôn ngữ thanh âm tài tình giảng nói chánh pháp".

Hoặc kinh Tát-già chép: "Thường thực hành pháp thí không vì lợi dưỡng gọi là văn cung kính, là nhân của trí tự tại, thường nói cho chúng sinh nghe về pháp chân như bình đẳng của các Đức Như lai và các chúng sinh, tự thể Pháp thân không phải là thân ăn uống, đó là nhân của pháp tự tại". Ý đồng với Nhiếp Luận.

Về phế lập, trong kinh Pháp Tập quyển ba, kinh Tát-già quyển sáu đều chép: "Vì dứt trừ mười sợ hãi". Theo đây chính là vì có thể đối trị mười sợ hãi cho nên mong cầu mười tự tại.

Kinh Tát-già chép: "Đại Vương nên biết rằng đạt được mạng tự tại do đó đối trị tất cả mọi nỗi sợ hãi sinh tử, đạt được tâm tự tại do đó đối trị tất cả mọi nỗi sợ hãi phiền não, đạt được vật tự tại do đó đối trị tất cả mọi nỗi sợ hãi nghèo nàn, đạt được nghiệp tự tại do đó đối trị tất cả mọi nỗi sợ hãi đường ác".

Trong kinh Pháp Tập nói trừ nỗi sợ hãi ác hạnh, kinh đó y theo trừ Nhân, kinh này nói theo trừ Quả. Trong kinh Pháp Tập nói trừ nỗi sợ đường ác, kinh đó là nói theo Quả, kinh này nói theo sự trói buộc. Không được sinh trong tự tại, là vì sinh trong ràng buộc, đạt được sinh tự tại do đó đối trị tất cả nỗi sợ hãi sinh trong ràng buộc; đạt được như ý tự tại do đó đối trị tất cả nỗi sợ hãi tiến cầu, đạt được tín tự tại do đó đối trị tất cả nỗi sợ hãi phỉ báng báng chánh pháp, đạt được nguyện tự tại do đó đối trị tất cả nỗi sợ hãi tâm niệm trói buộc, đạt được trí tự tại do đó đối trị tất cả nỗi sợ hãi nghi ngờ, đạt được pháp tự tại do đó đối trị tất cả nỗi sợ hãi đại chúng.

Lại giải thích: Nói về pháp tự tại đó là nói pháp tự tại. Đã nói "tùy

theo ý chúng sinh" cho đến nói "Nói pháp tương ứng hiện các thứ thân", do đó biết rằng hiện thân nói pháp cho chúng sinh nghe khiến đạt được lợi ích, tức trong kinh Pháp Hoa chép: "Chỉ vì một việc lớn". Nói pháp tự tại có mười bốn thứ:

1. Nói pháp tự tại.
2. Thanh tịnh.
3. Lạc thuyết.
4. Trí.
5. Sinh.
6. Tam-muội.
7. Trú trì.
8. Quyến thuộc.
9. Kiến.
10. Văn.
11. Tỷ.
12. Thiệt.
13. Thân.
14. Tâm.

Kinh Pháp Tập quyển bảy chép: "Vì sao nói là nói pháp tự tại? Vì đối với tất cả ngôn ngữ không mê đắm, đây là không hòa vào pháp sở thuyết.

Thế nào là thanh tịnh tự tại? Vì đối với tất cả nơi chốn không nhiễm, không chỉ đối với pháp sở thuyết mà đối với tất cả đều không mê đắm.

Thế nào là Lạc thuyết tự tại? Nghĩa là y theo câu chữ của một pháp không hề ngưng nghỉ, trong trăm ngàn muôn kiếp nói không thể hết được, phân tích không hề hết được.

Thế nào là Trí tự tại? Đối với câu chữ của mỗi pháp năng thuyết, là trăm ngàn muôn pháp môn cho nên phân tích ý nghĩa rất dồi dào.

Thế nào là Sinh tự tại? Vì tùy theo lợi ích chúng sinh mà đối với nơi sinh ra tất cả mọi loài, tùy theo nơi chốn hiện bày thân. Hai lần nói Tùy theo nơi chốn là nói chẳng phải một, ngoài ra theo đây có thể biết.

Thế nào là Tam-muội tự tại? Vì ở trong từng niệm nếu muốn nhập Tam-muội liền có thể nhập Tam-muội.

Thế nào là Trụ tự tại? Vì tùy theo từng chỗ, từng chỗ trụ trì, đó là hoặc hươu nai hoặc chim thú hoặc cỏ cây, hoặc tường vách, có thể nói diệu pháp của các Đức Phật, tức là trụ trì ở đó khiến có thể nói pháp.

Thế nào là quyến thuộc tự tại? Nghĩa là vô lượng quyến thuộc không thể phá hoại quyến thuộc.

Thế nào là Kiến tự tại? Nghĩa là vì thấy được sắc màu vi diệu.

Thế nào là Văn tự tại? Nghĩa là vì nghe được âm thanh vi diệu.

Thế nào là Tỷ tự tại? Vì ngửi được tất cả hương chỉ là hương pháp vi diệu.

Thế nào là Thiệt tự tại? Nghĩa là vì ăn vị pháp không ăn vị của thức ăn.

Thế nào là Thân tự tại? Nghĩa là thành tựu Pháp thân, chẳng phải thân nuôi bằng thức ăn.

Thế nào là Tâm tự tại? Vì cho đến muỗi mòng, sâu kiến đều biết hạnh biết tâm của chúng. Vì vậy thấy sáu căn có dụng thù thắng.

Trong đây, hai thứ lớp tại đầu là Sở thuyết bất nhiễm, tiếp theo hai thứ là năng thuyết, tiếp theo một thứ là hiện thân, tiếp theo một thứ là nhập định, tiếp theo một thứ là thêm vào đầy đủ các điều khác, tiếp theo thứ một là tùy thọ Hóa thân, tiếp theo sáu là hiển bày các căn. Sinh ở trước là tổng tướng giả thân, sáu thứ sau này là biệt tướng thật thân. "Tùy ý chúng sinh, tùy hạnh chúng sinh" trong kinh này tức là tâm tự tại, tùy tiểu phần giới chúng sinh bởi vì giới có cả hai nghĩa, khiến cho giữ lấy cảnh nên nói là tiểu phần, tức là tùy nơi những lợi ích của chúng sinh mà hiện bày các thứ thân, tức là tùy theo nơi đó mà vì đó hiện thân.

Cùng xứ tương ứng, không đợi thời tương ưng, thuộc về Tam-muội tự tại, hành tương ứng tức thuộc về tâm tự tại.

Trong luận Nhiếp Đại Thừa quyển chín chép: "Lại nữa, Pháp thân do mấy thứ lớp tại mà được tự tại, sơ lược do năm thứ:

1. Do cõi Phật, tướng tốt tự thân, vô biên âm thanh, vô kiến đảnh tướng tự tại, bởi vì chuyển đổi theo Sắc uẩn.

2. Do không tội lỗi, rộng lớn vô lượng, lạc trú tự tại, bởi vì chuyển đổi theo Thọ uẩn.

3. Do biện thuyết tất cả danh thân, cú thân, văn thân tự tại, bởi vì chuyển đổi theo Tưởng uẩn.

4. Do hiện hóa, biến đổi dẫn nhiếp đại chúng, dẫn nhiếp tự pháp tự tại, do chuyển đổi theo Hành uẩn.

5. Do viên cảnh, bình đẳng, quán sát, thành sở tác trí tự tại, do chuyển đổi theo Thức uẩn". Giải thích rộng như trong luận ấy.

Văn kinh: Năng lực tự tại nên tùy ý chúng sinh, tùy hạnh chúng sinh, tùy cõi chúng sinh thảy đều biết rõ.

Tán rằng: Rõ cảnh biết ý, biết tâm thể. Hoặc là thắng giải biết hạnh chúng sinh, biết hạnh khác nhau, hoặc nghiệp, hoặc chúng sinh thú hướng cùng khắp. Hành chúng sinh giới tức là các loại tánh, đều có khả năng biết rõ.

Văn kinh: Không đợi thời, không quá thời, xứ tương ứng, thời tương ứng, hành tương ứng, nói pháp tương ứng, hiện bày các thứ thân.

Tán rằng: Giáo hóa chúng sinh. Không đợi thời là căn tánh chúng sinh thành thục nên lập tức hiện thân nói pháp không chọn lựa thời tiết. Không quá thời nghĩa là không vượt qua thời gian Ứng Hóa này. Xứ tương ứng v.v... là Như lai nói pháp lìa tứ phi, xứ tương ứng là lìa phi xứ, thời tương ứng là lìa phi thời, hành tương ứng là lìa phi cơ, nói pháp tương ứng là lìa phi pháp, nghĩa là ứng với xứ này, thời này, các căn tánh này, nên dùng pháp này chắc chắn tương ứng. Hiện các thứ thân tức là tám tướng, hoặc hiện bày thân Phật hiện tại và sau khi Niết-bàn. Không nói: Bởi vì biết bao ý của đệ tử nên hiện bày các thứ tướng. Trong bốn câu này nên nói: Hiện tại và sau khi Niết-bàn, dùng nguyện tự tại tùy duyên lợi ích, đó gọi là Hóa cho nên gọi chung là các thứ thân.

Văn kinh: Đó gọi là Hóa thân. Đó gọi là Hóa thân là kết thúc cả hai.

Văn kinh: Này người thiện nam! Vì sao nói Bồ-tát hiểu rõ Ứng thân?

Tán rằng: Nói về Ứng Phật trong toàn văn cũng có ba phần. Đây là bắt đầu hỏi.

Văn kinh: Nghĩa là các Đức Như lai muốn cho các Bồ-tát được thông suốt nên nói về Chân-đế.

Tán rằng: Trả lời dưới đây. Trong trả lời lẽ ra phải có Tu Nhân. Vì trong Hóa thân nói về Tu nhân cho nên ở đây lượt bỏ không nói, phỏng theo mà hiển bày, là vì câu chung cho nên cần phải phân ra giữ lấy văn đó. Nay chỉ nói về quả, trong quả chia làm hai:

Đầu tiên là nói pháp, sau đó hiện thân. Đây là nói pháp. Trong nói pháp có hai phần:

1. Lợi sinh.
2. Lợi pháp.

- Trong phần một có ba mục:

1. Nói về cảnh Chân-đế.
2. Nói về quả Niết-bàn.
3. Nói về nhân sở hành.

Bởi vì trước tiên nói về cảnh khiến cho thông suốt cảnh đó, thông

chân đạt chân tục.

Tiếp theo nêu rõ quả đó khiến cho người đó ưa thích mong cầu, sau cùng khiến cho dứt trừ chướng ngại, tu nhân khắc chứng. Đây là nói về cảnh. Cảnh là các Đức Như lai nói về người năng thuyết, các Bồ-tát rõ ràng là sở bị cơ, được thông suốt cho nên hiểu rõ ý nói. Nói Chân-đế là nói về sở thuyên, là khiến cho Bồ-tát phát khởi trí căn bản, chung khởi trí hậu đắc. Nói về Chân-đế là nói theo tối thắng, lý thật cũng là nói về tục đế, bởi vì chân, tục nương nhau mà kiến lập. Hoặc ở đây lại nói theo hai thứ nhân, pháp, ngoài ra đối với cái biết của Bồ-tát gọi là chân, đối với các ngã, pháp gọi là chân.

Văn kinh: Vì giúp cho hiểu rõ sinh tử, Niết-bàn là đồng một vị.

Tán rằng: Nói về quả. Quả chia làm hai thứ: Hữu vi và Vô Vi. Vô vi là gốc nên chỉ nói về nó. Quả chia làm bốn thứ, tức là bốn Niết-bàn. Tự tánh thanh tịnh không do đoạn chứng cho nên không nói, hoặc tức là thuộc về Chân-đế, hữu dư vô dư có cả ba thừa, chẳng phải tối thắng vì thế cũng lược bỏ không nói. Chỉ có vô trụ xứ là riêng Đại thừa đạt được, có lợi ích chúng sinh tốt đẹp, cho nên trong quả chỉ nói về loại này, nghĩa như trước đã giải thích.

Văn kinh: Vì dứt bỏ thân kiến, chúng sinh sợ hãi vui mừng.

Tán rằng: Nói về trừ chướng tu nhân. Bởi vì từ vô thỉ bị ngã kiến trói buộc do đó không thể hiểu rõ. Nếu như có thể hiểu rõ về sinh tử thì lại sinh sợ hãi, đối với Niết-bàn sinh ra ưa thích không thể lợi ích tất cả, lại vì ngã chấp là gốc của các chướng. Nhưng ngã kiến này tuy có cả hai thức sáu và bảy mà ý là trừ thức thứ quyển bảy, vì chướng ngại cho vô trụ thắng, lại là gốc của đấm nhiễm. Cho nên trong luận Thành Duy Thức giải thích về bình đẳng trí rằng: "Trí diệu quán sát kiến lập từ bất cộng, sở ý, vô trú, Niết-bàn, một vị nối nhau, cùng tận mé vị lai".

Văn kinh: Vì vô biên Phật pháp mà làm cội gốc.

Tán rằng: Đây là lợi pháp. Ý lợi sinh là làm cho pháp tồn tại lâu dài cho nên nói: Làm cội gốc.

Văn kinh: Như thật tương ứng, Như như, Trí như như, bổn nguyện lực cho nên thân đó được hiện bày.

Tán rằng: Dưới đây là hiện thân có hai: Đầu tiên là hiện thân, sau đó nói về trang nghiêm. Đây là hiện thân. Nói Như thật tức là chân như. Tương ứng là năng chứng sở chứng, đều không còn hai. Thủ là tương ứng, tương ứng nghĩa là tương tự. Đây là câu nêu chung, như như, trí như như là câu nêu riêng. Chân tánh hai không gọi lặp là Như như, trí thấu đạt hai Không gọi là Trí như như. Vì năng lực Bổn nguyện là nói về lý

do hiện thân. Trí như và cảnh Như đều không còn phân biệt, nhân đâu mà hiện thân? Nhân nơi năng lực bổn nguyện.

Thành Duy Thức chép: “Do ngày xưa tương ứng hạnh lợi tha, thành tựu nhân duyên cõi Phật thanh tịnh vô lậu v.v...”. Cõi đã do ngày xưa, hiện thân cũng giống như vậy.

Hỏi: Ứng thân này trong hai thân thọ dụng là thuộc về thân nào?

Đáp: Tha thọ dụng thân.

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp: Sơ lược có bốn điều chứng minh:

1. Văn này nói “Do như như, trí như như bổn nguyện lực, cho nên thân này có thể hiện rõ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vì như tự thọ dụng công đức tướng tốt thảy đều vô biên”.

2. Ở dưới nói: “Hai thân giả danh không thật, niệm niệm sinh diệt, bất định trú nên lần lượt xuất hiện, vì thế Tự thọ dụng không lần lượt xuất hiện”.

3. Dưới lại nói: “Thân Phật thứ hai vì ứng theo một ý của đệ tử cho nên hiện bày một tướng; Tự thọ dụng thân không đối với đệ tử”.

4. Dưới chép: “Ứng thân, chẳng phải Hóa thân là thân Địa tiền”.

Hỏi: Nếu là Tha thọ dụng vì sao nói “Dưới nói Ứng thân”, từ vô thỉ đến nay nối nhau không đứt quãng, tất cả các pháp bất cộng của các Đức Phật có thể nhiếp trì, chúng sinh vô tận, dụng cũng vô tận, thân tha thọ dụng đã thị hiện diệt độ, làm sao có thể nói vô thỉ nối nhau có thể nhiếp trì các pháp bất cộng?

Đáp: Nói nối nhau là nói theo phần nhiều, không giống như Hóa thân qua trăm ngàn kiếp mới xuất hiện một lần. Các Hóa thân trong văn cũng nói là “thường xoay bánh xe pháp”, há thường còn không diệt độ hay sao?

Hỏi: Nếu vậy thì Tự Thọ dụng há không phải là ba bất nhiếp ư?

Đáp: Không phải ba bất nhiếp, vì đó là Pháp thân.

Hỏi: Làm cho biết được?

Đáp: Đến trong phần Pháp thân sẽ dẫn chứng nói rộng hơn.

Văn kinh: Đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vầng ánh sáng tròn sau lưng.

Tán rằng: Nói về trang nghiêm.

Hỏi: Nếu là Tha thọ dụng thì tướng tốt phải nhiều, vì sao chỉ nói ba mươi hai tướng v.v...?

Đáp: Tha thọ dụng thân có hai thứ:

1. Thân ở địa vị bốn gốc lành nhìn thấy.

2. Thân do Bồ-tát Địa thượng nhìn thấy.

Nay ở đây chỉ nói đến thân ở địa vị bốn gốc lành nhìn thấy.

Hỏi: Nơi khác thường nói: “Vì Địa tiền hiện bày gọi là Hóa thân”, đâu gọi là thọ dụng?

Đáp: Vì Địa tiền hiện bày gọi là Hóa thân là nói về thân mà người trong ba thừa cùng thấy, không phải cái thấy của người bốn gốc lành và Bồ-tát. Nếu không phải là Địa tiền vì sao ở dưới chép: “Ứng thân chẳng phải Hóa thân là thân Địa tiền”.

Hỏi: Do đâu biết được thân Phật thấy được ở địa vị bốn gốc lành không phải là thân mà ba thừa cùng thấy?

Đáp: Theo kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới chép: “Nay ta là Lô-xá-na, đang ngồi đài hoa sen, ngàn cánh hoa xung quanh, lại hiện ngàn Thích-ca, một hoa trăm ức nước, mỗi nước một Thích-ca, đều ngồi cây Bồ-đề, cùng lúc thành Phật đạo”. Đã nói trên ngàn hoa lại hiện rõ ngàn vị Thích-ca, một hoa có trăm ức cõi nước, mỗi cõi nước có một Đức Thích-ca; nếu không phải cái thấy của hàng bốn gốc lành và Bồ-tát, thì có thân nào nói là ngàn vị Thích-ca?

Hỏi: Lô-xá-na này là Địa nào thấy?

Đáp: Có chỗ nói: Thân của Bồ-tát Sơ Địa nhìn thấy. Nay giải thích: Đây là thân của Bồ-tát Nhị Địa nhìn thấy:

1. Nói là Giới Ba-la-mật.

2. Nói là ngàn trăm ức cõi. Hoặc Bồ-tát Sơ Địa thấy “trăm ức” mà không thấy “thiên”.

Hỏi: Thập Địa, Du-già chép: “Nếu lúc tác ý thì thấy vô biên cõi nước” sao không thể nói “ngàn trăm ức cõi nước”. Nếu vậy vì sao nói “Bồ-tát Sơ Địa được thập bách môn?”?

Đáp: Nếu nói y theo tác ý thì ứng vô lượng cõi, đâu chỉ là ngàn trăm ức, huống gì lại là Bồ-tát Nhị Địa được trăm ngàn môn? Nay nói trăm ngàn ức, chính là tương đương với nhau, đâu nhọc gì phải hiểu khác.

Văn kinh: Đó gọi là Ứng Thân.

Tán rằng: Kết thúc.

Văn kinh: Này người thiện nam! Vì sao Bồ-tát Ma-ha-tát hiểu rõ Pháp thân?.

Tán rằng: Nói về Pháp thân. Văn có ba phần như trước. Đây là mở đầu, hỏi.

Văn kinh: Vì dứt các phiền não, các chướng, vì đầy đủ các pháp lành.

Tán rằng: Chính thức giải thích có hai phần: trước nói về những việc làm, sau nói về thân đạt được.

Đây là mở đầu.

Cần phải nói đến Tu nhân, văn lược bỏ không nói, như trước đã giải thích. Pháp thân này có hai thứ:

1. Tự Tánh Pháp thân.

2. Công đức Pháp thân.

Nay bao gồm cả hai. Vì dứt các phiền não, các chướng, rõ ràng là đạt được tự tánh Pháp thân. Vì đầy đủ các pháp lành cho nên nói là đạt được công đức tự tánh Pháp thân. Tức là tịnh pháp giới bốn trí tâm phẩm gọi chung là Pháp thân. Năng chứng, sở chứng hợp lại gọi là Pháp thân. Phật Giả, Phật Thật hai loại có khác nhau, chia ra Ứng Hóa. Không như thế thì nhóm hợp Ứng, Hóa cũng gọi là Pháp thân, vì vậy Thành Duy Thức chép: "Pháp thân như vậy có ba tướng khác nhau".

Văn kinh: Chỉ có Như như, Trí như như đó gọi là Pháp thân.

Tán rằng: Nói về đạt được Pháp thân. Như như tức là tự tánh Pháp thân. Trí như như tức là bốn trí tâm phẩm. Tuy về sự thì trí phẩm không duyên theo chân như, bởi vì lìa năng sở thủ, do trí như như khởi nên gọi chung là trí như như. Do đó tiếp theo ở dưới nói rằng "cho nên pháp như như, trí như như gồm nhiếp tất cả Phật pháp", nếu chỉ là Như thì không thâu nhiếp tất cả. Lại giải thích: Hóa thân như trước, Ứng thân xuyên suốt thâu nhiếp hai thân Tự thọ dụng và Tha thọ dụng; Pháp thân chỉ là Tự Tánh chân như. Nói Như như tức là Như thật tướng Bát-nhã.

Còn luận Đại Trang Nghiêm và Tam tạng Chân-đế nói có bốn giác: "

1. Ứng giác, tức là chân như.

2. Chánh giác, tức là trí tuệ.

3. Giác phần tức là nhân Bồ-đề.

4. Linh giác tức là Giáo năng thuyên".

Giới hạn (biên) các pháp thể gọi là Như như, giới hạn trí tánh gọi là trí Như như. Cho nên văn dưới nói "Ứng thân từ vô thỉ đến nay nối nhau không đứt quãng, thường nhiếp trì tất cả pháp bất cộng của các Đức Phật, chúng sinh vô tận, dụng cũng vô tận, vì thế nói Thường v.v...". Rõ ràng cũng chung với thân Tự thọ dụng.

Ở dưới nói: "Pháp thân chẳng phải hành pháp, không có tướng khác nhau, vì đó là căn bản giống như hư không, cho nên nói là Thường". Đã nói chẳng phải là hành pháp thì rõ ràng chẳng phải bốn trí, vì bốn trí sinh diệt là hành pháp. Lại giải thích: Theo văn trên dưới và Nhiếp Đại

Thừa v.v... thì nói chugn tức như trước đã giải thích, nay trong kinh này giải thích chung cả hai nghĩa. Nếu trong bốn câu v.v... tức là phần khác của Tự thọ dụng và Tha thọ dụng mà rõ ràng bốn câu không như thế, Ứng thân không phải Hóa thân đó là thân Địa tiền, Hóa thân cũng Ứng thân nghĩa là thân trụ nơi Niết-bàn hữu dư. Hoặc Tự thọ dụng không gọi là Hóa thân, cho nên Tự thọ dụng đồng gọi là Pháp thân. Vì chỗ này văn dưới chép: "cho nên Pháp thân là do tuệ thanh tịnh, là do diệt thanh tịnh, đó là hai thanh tịnh, vì thế cho nên Pháp thân đầy đủ thanh tịnh". Hoặc cả hai Trí, Lý hợp lại gọi là Pháp thân tức là Tánh Tướng hợp luận môn. Hoặc chỉ lấy Như gọi là Pháp thân tức là Tánh Tướng luận riêng môn. Hoặc Tự thọ dụng thuộc về Ứng thân, tức là Giả Thật Tự Tha thọ dụng nhị hợp luận môn. Hoặc Ứng thân chỉ là thân Tha thọ dụng, tức Giả Thật luận riêng môn. Vì vậy biết rằng nghĩa của các thuyết không trái nhau.

Văn kinh: Hai loại thân trước là giả danh mà có, thân thứ ba này là chân thật mà có, làm cội gốc cho hai thân trước.

Tán rằng: Dưới đây là các môn phân biệt, có chín môn: Thứ nhất Giả: Thật phân biệt môn, Nhị lợi phân biệt môn, Hữu dư vô dư đẳng phân biệt môn, Trị chướng phế lập môn, Tam thủ đồng biệt môn, Nhất đa phân biệt môn, Năng sở tương y môn, Thường vô thường môn, và Tứ cú phân biệt môn. Ngay nơi giả thật này văn chia làm năm:

1. Tiêu.
2. Thích.
3. Trưng.
4. Giải.
5. Kết.

Đây là văn hai phần đầu. Vì làm cội gốc hai thân trước, y theo trước giải thích về ba thân, Pháp thân đồng thời thuộc về trí, tức là phân biết rõ Biến Hóa thân về Tha thọ dụng, là giả danh Phật do Biến hóa khởi lên. Lấy Như làm gốc, từ trí biến khởi, cho nên làm cội gốc cho hai thân trước. Hoặc dựa vào Pháp thân chỉ thâu nhiếp như như, trí như như, là gốc không từ nơi khác khởi, cho nên được gọi là Thật. Ứng thân nương vào pháp mà khởi, Hóa thân nương vào ứng thân mà khởi, vì vậy hai thân trước đều là giả có.

Văn kinh: Vì sao như vậy?.

Tán rằng: Nêu câu hỏi. Vì lý do gì mà Pháp thân nương vào hai thân đó?

Văn kinh: Bởi lìa pháp như như, lìa trí vô phân biệt thì tất cả các

Đức Phật không có pháp khác.

Tán rằng: Giải thích. Trước trở lại giải thích, tiếp theo lần lượt thành tựu.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Tất cả các Đức Phật đầy đủ trí tuệ, tất cả phiền não diệt sạch tận cùng, đạt đến Phật địa thanh tịnh.

Tán rằng: Lần lượt thành tựu. Kinh Thắng-man chép: "Ở trong ràng buộc gọi là Như lai tạng, ra khỏi ràng buộc gọi là Pháp thân". Nay ở đây nói trí tuệ đầy đủ, tức là Trí như như, diệt sạch tất cả tức là Pháp như như; vì vậy có đủ hai thứ.

Văn kinh: Cho nên pháp như như, trí như như, thâu nhiếp tất cả Phật pháp.

Tán rằng: Kết thúc thành tựu. Có thể biết Pháp thân tịnh diệu của Như lai lại tức là chân như, là chỗ nương của ngộ, mê, cho nên là hai gốc.

Văn kinh: Lại nữa, này người thiện nam! Tất cả các Đức Phật lợi ích Tự, Tha đến chỗ rốt ráo.

Tán rằng: Thứ hai - Nhị lợi phân biệt môn. Trong đó có hai phần:

1. Phân biệt rõ hai lợi ích.

2. Này người thiện nam! Vì sao nói pháp như như trở xuống là giải thích tình ý nghi ngờ.

Trong phần một lại có hai: Đầu là pháp, sau là dụ.

Trong pháp có ba: trước tiên nêu ra, kế đến giải thích, sau cùng kết thúc. Đây là nêu ra. Nói lợi ích Tự, Tha đến chỗ rốt ráo ấy tức là từ Tự lợi cho đến Phật vị gọi là rốt ráo. Có hàng ba thừa khiến cho đạt được quả rốt ráo, người vô tánh thì đồng với cùng tận, không nhập Niết-bàn mà mà vì đó lợi ích cũng gọi là rốt ráo.

Văn kinh: Tự lợi ích là pháp như như, Tha lợi ích là trí như như.

Tán rằng: Giải thích. Đầu tiên giải thích về hai lợi ích, sau đó giải thích lý do.

Đây là mở đầu.

Như như ngưng tụ vắng lặng phần nhiều là tự lợi, như trí khởi động tác dụng phần nhiều là lợi tha. Trong Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: "Nếu lấy Pháp thân làm Ứng thân Phật, thì có nghĩa chúng sinh không có lợi ích; nếu đem Ứng thân làm Pháp thân Phật, thì có nghĩa hiện đời không có an vui".

Hỏi: Các thuyết về hại lợi có ba điểm khác nhau:

1. Luận Tạp Tập chép: “Hai lợi Tự Tha là sở y chỉ”, Duy Thức cũng thế: “Tự Tánh Pháp thân chính là chỉ có Tự lợi cũng bao gồm lợi tha, có cả hai lợi. Tự thọ dụng biến hóa là Sở y chỉ, Tự thọ dụng thân là Tự lợi, Tha thọ dụng biến hóa là Lợi tha, là vì người khác hiện bày”.

2. Kinh Vô Thượng Y và luận Bảo Tánh chép: “Pháp thân là Tự Lợi; Ứng, Hóa thân là lợi tha”.

3. Kinh này vì sao như thế?

Đáp: Tạp tập và Duy Thức chép: Tự Tánh Pháp thân chung cho hai lợi là dựa vào tất cả lý mà luận. Vô Thượng Y và Bảo Tánh là y theo Tự Tánh Pháp thân chính dụng, nên nói rằng Tự lợi, Ứng, Hóa lợi tha là dựa vào Tha thọ dụng gọi là Ứng Phật, vì vậy đều là Lợi tha. Như như trong kinh này đồng với kinh Vô Thượng Y. Trí như như lợi tha dựa theo Bình đẳng tánh và thành sự trí khởi lên hai thân Phật Tha thọ dụng và Biến hóa, nên nói là lợi tha. Luận Tạp Tập chép: “Ứng thân là tự lợi” đó là nói theo Tự thọ dụng gọi là Ứng thân. Luận Thành Duy Thức y theo Ứng thân có cả hai thọ dụng, do đó trở thành hai lợi, y theo một nghĩa đều không trái phạm nhau.

Hỏi: Lợi ích người khác là trí như như sao không nói là Ứng, Hóa?

Đáp: Có hai cách giải thích:

1. Nói rằng: Đưa ra Thể năng biến là hai trí, là thể lợi tha; thân sở khởi chỉ là sắc, vì cái dụng lợi tha do đó không bàn đến. Các luận như Duy Thức v.v... nói Tha dụng, Biến hóa gọi là Lợi tha, là y theo dụng mà nói về sở biến. Kinh Đại phẩm Bát-nhã chép: “Hóa Phật là vô tâm vì sao nói nghĩa phân biệt phá hoại các pháp, phá hoại sự mở bày”. Hoặc hai thân này là quả trí ấy nói về danh trí ấy, thật là Ứng, Hóa, nếu không như vậy thì ở phần dụ sau có đôi chút không giống nhau.

2. Nói rằng: Đây là y theo bốn trí cũng là Pháp thân, chân như nội tịch nói là tự lợi, trí có ngoại dụng, nói là lợi tha. Không nói về Ứng, Hóa nghĩa giống như thuyết trước.

Văn kinh: Có thể ở nơi sự lợi tha của tự tha mà đạt được tự tại, thành tựu các thứ công dụng vô biên.

Tán rằng: Giải thích lý do. Do ba thân này đối với lợi ích tự tha đều được tự tại, đều thành tựu các thứ công dụng vô biên. Vì vậy, trong luận Thành Duy Thức chép: “Như thế ba thân tuy đều đầy đủ công đức vô biên nhưng đều có sự khác nhau”. Nói “Mà đạt được tự tại”, tự tại có ba thứ, như luận Tạp Tập mười hai chép: “Y chỉ tự tại tu tập cũng có ba thứ:

1. Thân tự tại, tức là tự tánh thân và thọ dụng thân.

2. Hành tự tại, tức là Biến Hóa thân.

3. Thuyết tự tại, nghĩa là thường nói về sáu Ba-la-mật v.v...”.

Đã duyên đây, mong cầu đây, y chỉ đây, mong cầu đây, cho nên biết thân Phật có ba tự tại, vì thành tựu vô biên công dụng của hai lợi tự- tha.

Văn kinh: Vì thế cho nên phân biệt tất cả Phật pháp có vô lượng, vô biên các thứ khác nhau.

Tán rằng: Kết thúc. Tất cả Phật pháp tức là ba thân Phật. Kinh Đại Phẩm chép: “Ra khỏi ba cõi cho nên vô lượng, vượt quá mười phương do đó vô biên”. Nghĩa của dụng rất nhiều gọi là các thứ khác nhau.

Văn kinh: Này người thiện nam! Giống như y chỉ vào vọng tưởng suy nghĩ nói về các thứ phiền não, nói về các thứ nghiệp dụng, các thứ quả báo.

Tán rằng: Dưới đây nương vào thí dụ mà hiển bày có hai: Đầu tiên hai dụ là dụ cho hai lợi, tiếp đó một hiển bày sự trang nghiêm. Phần đầu lại chia hai: Trước một dụ hợp hiển bày công dụng lợi tha, như Kinh Pháp Hoa chép: “Trong hai mươi mốt ngày suy nghĩ việc như vậy”. Nói vọng tưởng là dụ cho Thật không suy nghĩ mà giả khởi suy nghĩ. Nói các thứ phiền não dụ cho Hóa thân, vì Nhị thừa nói về các thứ phiền não. Các thứ nghiệp là dụ cho khởi lên Ứng thân vì hàng Bồ-tát nói về các thứ nghiệp. Các thứ quả báo là dụ cho khiến người khác đã nghe pháp rồi đạt được quả thế gian và xuất thế. Hoặc dụ này nói về dứt trừ ba chướng, do đó thành tựu ba thân. Nói về các thứ phiền não khiến đạt được Ứng thân, nói về các thứ nghiệp khiến đạt được Hóa thân, nói về các báo khiến đạt được Pháp thân. Vì vậy văn dưới chép: “Hoặc chướng thanh tịnh thường hiện bày Ứng thân, nghiệp chướng thanh tịnh thường hiện bày Hóa thân, trí chướng thanh tịnh thường hiện bày Pháp thân”. Quả báo thuộc về trí chướng. Tuy trong luận Phật Địa nói hai chướng đều có nghiệp sở phát và quả sở đắc, nay nói quả báo là dựa vào thói quen, hoặc là quả báo không còn thói quen mới hết.

Lại giải thích: Theo toàn văn ở dưới, nói về các thứ phiền não là dụ cho Đại thừa, vì Đại thừa là dư nghiệp sẵn có, dường như có nghi ngờ, có nghiệp quả. Nghiệp quả như kế sau dụ cho hàng Độc giác, Thanh văn, trên có thể thay đổi dưới, như Duyên giác thừa hóa độ Thanh văn. Quả báo dụ cho Thanh văn thừa. Nhưng lúc Độc giác thừa sắp đạt được quả thì không cần ngôn giáo. Sơ giải của Phát tâm trong tu hành vị chắc chắn nhờ đến ngôn giáo, vì thế trong kinh Pháp Hoa đều nói rằng “Từ

Phật nghe pháp". Sơ giải dụ cho hiện thân, thứ giải dụ cho khiến đạt được thân, hậu giải dụ cho nói pháp cho người khác nghe. Đã quyết định là dụ cho lợi tha, ở đây giải thích tất cả lý lẽ. Trình bày rộng về lợi, dụng tức là có cả ba cách giải thích. Lại giải thích: Dụ hai lợi, dụng là chung, và dụ cho lợi tha tức là riêng, do đó có cả ba cách giải. Nhưng trong toàn văn chỉ hợp với lợi tha nói pháp, còn lại lược bỏ mà không hợp.

Văn kinh: Như thế, dựa vào pháp như như, dựa vào trí như như nói về các thứ Phật pháp, nói về các thứ Độc giác, nói về pháp Thanh văn.

Tán rằng: Pháp hợp. Người trong ba thừa căn tánh ý thích tất cả mọi thứ thảy đều khác nhau. Trong phương tiện vị thì chủng tánh, hành giải, thú nhập đều khác nhau, vì vậy nói rằng "các thứ Phật pháp".

Văn kinh: Nương vào pháp như như, nương vào trí như như, tất cả Phật pháp tự tại thành tựu đó là bậc nhất không thể suy nghĩ bàn luận.

Tán rằng: Dưới là dụ hợp. Hiển bày dụng về tự lợi chia làm ba: đầu là pháp, tiếp đó là dụ, sau cuối là hợp.

Đây là mở đầu.

Hỏi: Trong dụ về lợi tha sao không nêu pháp trước, tiếp đến dụ, sau cuối mới là hợp?

Đáp: Vì pháp ở trước bỏ nên nói gần hơn, đồng thời lại giản lược. Nay ở đây là vì xa rộng hơn, cho nên trước tiên phải là pháp, tiếp theo dụ sau cùng là hợp.

Hỏi: Trong tự lợi ở trước chỉ nói tự lợi, đó là pháp như như, vì sao ở đây dụ về dụng của tự lợi đều là trí như như?

Đáp: Trước đây y theo ngưng tịch, pháp như như tự lợi thêm chỉ nói như như, nay nói bao gồm cả lợi tha, trí như như cũng vậy. Lại nữa, trước đây y theo trí như như vì dụng người khác hiện thân nói pháp cho nên thuộc về lợi tha, ở đây y theo đoạn chướng nội chứng như như, tức là tự lợi, do đó không trái nhau, có giải thích ở phần kết trước, nghĩa cũng không trái.

Văn kinh: Giống như vẽ hư không để làm vật trang nghiêm thật khó mà nghĩ bàn.

Tán rằng: Dưới đây là dụ về trang nghiêm nêu ra dụ. Vẽ hư không để làm vật trang nghiêm như hư không không có tướng, vật trang nghiêm cũng không có tướng cho nên thật khó nghĩ bàn. Như như dụ cho hư không, trí như như dụ cho vẽ, hoặc như như là tánh, trí như như nghĩa là công đức, công đức trang nghiêm hư không đều là vô

tướng, thật khó nghĩ bàn.

Văn kinh: Như thế nương vào pháp như như, nương vào trí như như thành tựu Phật pháp cũng khó nghĩ bàn.

Tán rằng: Đưa ra pháp hợp. Như thế nương vào như như và nương vào trí như như thành tựu Pháp thân Phật pháp. Hoặc như như là tánh, trí như như nghĩa là công đức nghĩa. Công đức nghĩa chính là Pháp thân, nương vào Như mới có cho nên hợp cả hai để trình bày. Hoặc như Tam tạng Chân-đế giải thích: Dụ vẽ hư Không ở trước và nêu ra pháp ở trước đều là ngoại nghi, nghi rằng: Như như và trí đều không phân biệt, vì sao đạt được Ứng, Hóa nói lợi, giống như vẽ hư không trở thành vật trang nghiêm, rất là khó hiểu khó tin. Nghĩa cũng không trái.

Văn kinh: Này người thiện nam! Vì sao nói Pháp như như, trí như như cả hai không có phân biệt mà được tự tại thành tựu sự nghiệp?.

Tán rằng: Dưới đây giải thích tình ý nghi ngờ, có hai: Đầu tiếp tục nghi ngờ, sau thí dụ giải thích. Đây là tiếp tục nghi ngờ. Nghi ngờ có hai người:

1. Người xuất thế nghi.
2. Người thế gian nghi.

Lại là người học và người không học, cả hai người đều nghi ngờ.

Văn kinh: Này người thiện nam! Giống như Như lai nhập Niết-bàn, vì nguyện tự tại cho nên tất cả sự nghiệp đều đạt được thành tựu.

Tán rằng: Dưới đây thí dụ để giải thích, có bốn thí dụ: hai dụ đầu là người xuất thế, hai dụ sau là người thế gian. Vì người xuất thế đầu tiên đưa ra thí dụ Phật diệt độ, không có phân biệt mà thường lợi tha; sau đó đưa ra thí dụ "Liệt huống gì là thắng". Văn phần đầu có hai: Trước dụ, sau hợp. Đây là nêu ra thí dụ. Đưa ra hàng Nhị thừa ý là giải thích về Niết-bàn, nghĩa là Phật nhập diệt thì thân, trí không còn, cho nên đồng với Như như vô tướng, tin sau khi diệt độ thì sự nghiệp hóa độ được thành tựu. Giống như sau khi Niết-bàn lại khởi kim quan là hiện bày có đủ hai loại. Xá-lợi biến hóa các loại sự nghiệp nên đều được hiện bày, vì thế nêu ra làm thí dụ.

Văn kinh: Pháp như như, trí như như tự tại, thành tựu sự nghiệp cũng giống như thế.

Tán rằng: Pháp hợp có thể biết.

Văn kinh: Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát vào định vô tâm nương theo nguyện lực trước đây, từ thiện sinh ra thực hiện nhiều sự nghiệp.

Tán rằng: Thứ hai nêu ra thí dụ "Liệt huống gì là thắng". Văn cũng có hai, đó là dụ và hợp.

Đây là mở đầu.

Bồ-tát diệt định, sáu thức không còn hiện hành nên không có phân biệt, cũng có các thứ sự nghiệp biến hóa.

Hỏi: Vì sao không nêu thí dụ về hàng Nhị thừa kém cỏi?

Đáp: Nhị thừa vào diệt định không thể sinh ra sự nghiệp. Kinh Vô Cấu Xưng hai chép: Vô Cấu trách Xá-lợi-phất rằng: "Người ngồi an nhàn kia, không khởi diệt định mà hiện bày các oai nghi, đó là hạng ngồi an nhàn". Nghĩa của định diệt tận rộng như các kinh luận khác có phân biệt rõ. Diệt định dụ cho như như, tiền nguyện dụ cho bổn nguyện, tạo tác sự nghiệp dụ cho nghiệp dụng của Ứng, Hóa.

Văn kinh: Hai pháp như thế không còn phân biệt, tự tại thành tựu sự nghiệp.

Tán rằng: Hợp. Diệt định và sự nghiệp sinh ra, cả hai không còn phân biệt, sự nghiệp Hóa tha được tự tại thành tựu. Lại giải thích: Như vào diệt định tuy không còn phân biệt, nhưng được thành tựu hai sự nghiệp Ứng, Hóa. Lại giải thích: Hợp với pháp trước, trí như như không có phân biệt, tự tại thành tựu sự nghiệp. Theo ý vặn hỏi trước đây, ở đây giải thích là thắng, vì trước đây nghi rằng: Vì sao pháp như như, trí như như cả hai không còn phân biệt, sự nghiệp thành tựu, nay lại hợp như vậy?

Văn kinh: Này người thiện nam! Giống như mặt trăng, mặt trời không có phân biệt, cũng như nước, gương không có phân biệt, ánh sáng cũng không phân biệt, ba thứ hòa hợp có được hình ảnh sinh động.

Tán rằng: Dưới đây là dứt nghi ngờ của người thế gian không học, cũng có hai thí dụ: Đầu tiên nêu dụ về hữu thể, tuy không còn phân biệt nhưng có hình ảnh phát sinh, sau đó nêu dụ về vô thể, cho dù không còn phân biệt, cũng có hình ảnh phát sinh. Hai dụ trước cũng giống như vậy. Đã nhập Niết-bàn là nêu ra vô thể, nhập diệt định rồi là nêu ra hữu thể. Ở đây trong hữu thể có đầu dụ sau hợp, đây là dụ. Tam tạng Chân-đế chép: "Mặt trời, mặt trăng dụ cho như như, nước, gương dụ cho bổn nguyện từ bi, ánh sáng dụ cho trí như như, hình ảnh dụ cho Ứng, Hóa thân". Ở đây lại giải thích rằng: Theo văn hợp ở dưới, đã nói vì nguyện tự tại nên chúng sinh có cảm mà hiện bày thân Ứng, Hóa, dùng nước hiện bày ảnh, dụ cho pháp như như, tương ưng với định nguyện lực, dùng gương sinh ra ảnh dụ cho căn cơ chúng sinh, mặt trời, mặt trăng dụ cho pháp như như, ánh sáng dụ cho trí như như.

Theo luận Nhiếp Đại Thừa: Nước dụ cho chúng sinh có tánh nhuận hoạt Tam-ma-địa, do đó hiện bày những hình ảnh mặt trời, mặt

trăng, tức là nước, gương cả hai đều dụ cho căn cơ chúng sinh, tức là mặt trời, mặt trăng dụ cho pháp như như, trí như như, ánh sáng dụ cho bổn nguyện. Tuy không còn phân biệt nhưng do bổn nguyện và lực cảm ứng của chúng sinh, cho nên có Ứng, Hóa". Như vậy theo kinh nói: "Cũng như nước, gương không có phân biệt". Tức giải thích về Thắng trước đó. Theo văn Hợp ở dưới nói: "Vì nguyện lực tự tại nên chúng sinh có cảm ứng", tức giải thích về Thắng sau này, tùy ý lấy bỏ.

Văn kinh: Pháp như như, trí như như như thế cũng không có phân biệt, vì nguyện tự tại cho nên chúng sinh có cảm thân Ứng, Hóa hiện bày, như hình ảnh mặt trời, mặt trăng hòa hợp mà xuất hiện.

Tán rằng: Hợp.

Kinh Lại nữa, này người thiện nam! Giống như vô lượng, vô biên nước, gương, dựa vào ánh sáng cho nên hình ảnh hư không hiện bày các tướng khác nhau.

Tán rằng: Nêu thí dụ hư không vô thể. Đầu tiên nêu dụ trình bày, sau đó giải thích theo nạn. Nước, gương dụ cho căn cơ hữu tình, dựa vào ánh sáng dụ cho bổn nguyện lực, hư không dụ cho pháp như như, trí như như, hình ảnh hiện bày là thân Ứng, Hóa từ bổn nguyện lực, ánh sáng hợp với hư không là các pháp như như v.v... Ứng, Hóa hiện bày là vì các sự nghiệp lợi tha. Hoặc nói: "Hình ảnh hư không hiện bày giống như không có mây mù che lấp hư không, nhờ vào nước, gương mà được hiện bày hình ảnh. Nói hình ảnh hư không là hư không thế tục, cái thấy về bầu trời trong xanh; bầu trời trong xanh hiện rõ hình ảnh trong nước, gương. Hư không không có màu xanh, cái thấy về màu xanh đó như, là pháp như như và trí như như trước đây hiện bày nơi Ứng, Hóa. Hoặc chỉ thí dụ cho cơ duyên cảm ứng thì liền hiện bày, không phải như như lý hiện bày Ứng, Hóa thân. Đây là giải thích theo Duy Thức và sư An Huệ Vô Kiến Tướng.

Văn kinh: Hư không tức là vô tướng.

Tán rằng: Giải thích theo nạn, vì hư không không có hình ảnh màu sắc do đó dụ cho Pháp thân.

Văn kinh: Này người thiện nam! Như vậy các hàng đệ tử được giáo hóa đều là hình ảnh của Pháp thân.

Tán rằng: Hợp. Trước là nói về thân sở kiến, sau nói về lý do có thân, hợp thành không khác nhau. Nếu theo kinh do Chân-đế phiên dịch thì lẽ ra phải nói rằng: "Chúng được giáo hóa này là cơ năng cảm, các đệ tử v.v... tức là Bồ-tát, cũng thường hiện bày hai thân Ứng, Hóa. Hiện bày hai thân Ứng, Hóa là hình ảnh của Pháp thân". Như trước đây đầu

tiên nêu thí dụ Phật nhập Niết-bàn, sau đó nêu thí dụ Bồ-tát diệt định. Lại giải thích: Văn này như vậy, các đệ tử được giáo hóa là cơ năng cảm, là hình ảnh Pháp thân, trong văn này nói giản lược, lẽ ra phải nói rằng: "Ứng, Hóa mà các đệ tử nhìn thấy là hình ảnh của Pháp thân, vốn nghi ngờ Pháp thân Như lai không còn phân biệt, vì sao có thể sinh khởi hai thân Ứng, Hóa, đệ tử không nghi ngờ có thể sinh khởi". Nhưng pháp như như v.v... tuy không phân biệt, nhưng vì nguyện lực cho nên khiến trong tâm đệ tử thấy có, tức là Ứng, Hóa sự nghiệp mà sinh khởi.

Văn kinh: Vì nguyện lực cho nên đối với hai thứ thân hiện bày các thứ tướng, đối với Pháp thân không hề có tướng khác nhau.

Tán rằng: Nói về nguyên nhân vì sao có thân Ứng, Hóa thì hợp thành không khác. Không khác tức là phù hợp với tướng vô phân biệt của Pháp thân. Nói "đối với hai loại thân" đó là hai thân Ứng, Hóa. Hoặc do Phật hiện bày, hoặc do Bồ-tát hiện bày, gọi là hai thứ thân. Tuy hiện bày tướng khác nhau nhưng đối với Pháp thân không có tướng khác nhau phân chia khác nhau.

Văn kinh: Này người thiện nam! Dựa vào hai thân này tất cả các Đức Phật nói về Niết-bàn hữu dư y.

Tán rằng: Thứ ba-Hữu dư vô dư phân biệt môn, nói về ba thứ Niết-bàn, tức là ba đoạn. Đây là đoạn đầu nói về Niết-bàn Hữu dư. Trong bốn Niết-bàn, ngoại trừ tự tánh thanh tịnh Niết-bàn, không do đoạn chứng, tất cả cùng có cho nên không nói theo đây. Niết-bàn Hữu dư lẽ ra nên nói là Niết-bàn hiện bày từ hữu dư y, Niết-bàn hiện bày từ vô dư y, nay lược bỏ chữ y. Theo Du-già quyển năm mươi bảy chép: Hữu dư y địa có ba thứ thi thiết:

1. Địa thi thiết.
2. Tịch tĩnh thi thiết.
3. Y thi thiết.

Địa y cứ theo mười bảy địa. Tịch tĩnh có bốn thứ. Y thi thiết có tám thứ y:

1. Thi thiết y.
2. Nhiếp thọ y.
3. Trụ trì y.
4. Lưu chuyển y, tức là trú ở bốn thức.
5. Chướng ngại y, đó là thiên ma.
6. Khổ não y, là tất cả cõi Dục.
7. Thích duyệt y, đó là nương vào tĩnh lự.
8. Hậu biên y.

Y nghĩa là nơi nương vào. Thứ nhất là thi thiết y: ngã pháp là thi thiết thế gian, Thánh giáo mượn làm nơi thi thiết, nương vào thủ uẩn này tức là thủ uẩn làm sở y, nghĩa Dư theo đó thì biết.

Hỏi: Nói về Niết-bàn Hữu dư y có mấy dư y?

Đáp: Theo Du-già năm mươi trả lời rằng: Phải nói cùng một loại y, một bề tương ưng, nghĩa là hậu biên y. Nói theo ý hữu dư tức là hậu biên y. Hậu biên y nghĩa là A-la-hán nối nhau với các uẩn, rằng hậu biên y này tương ưng với sáu nhiếp thọ sự bất cộng. Những thứ còn lại chẳng phải tương ưng, chẳng phải không tương ưng, vì trong nhiếp thọ y có bảy thứ nhiếp thọ:

1. Cha mẹ mình.
2. Vợ con.
3. Tôi tớ.
4. Người sai việc.
5. Kẻ hầu.
6. Bạn bè.
7. Quyến thuộc.

Nghĩa là quả A-la-hán vẫn thuộc về cha mẹ (được nhờ). Giống như Như lai tự tay mình nâng quan tài của cha, lên tầng trời Đao-lợi đền đáp nỗi suy tư của mẹ v.v... Vì nhờ vào Phật thân có năng lực nhiếp thọ, ngoài ra không thể nhiếp thọ. Vì có thể trở lại dứt trừ lưu chuyển, vì có khả năng hàng phục các ma, cho nên không nương vào hai y này. Thi thiết y, trú trì y v.v... không phải luôn luôn nương vào thủ uẩn, Thánh giáo cũng là thi thiết dự lưu v.v... Ngã gọi là tương ưng, tâm vô chấp, chấp ngã, hữu tình v.v... gọi là không tương ưng, còn lại theo đây thì biết. Có các y hậu biên v.v... gọi là Hữu dư y. Niết-bàn đạt được nhờ các y còn lại gọi là Hữu dư y Niết-bàn. Nói Niết-bàn nghĩa là viên tịch, bởi vì Tịch là nhiều công năng đều đầy đủ nên gọi là viên tịch. Tịch tĩnh có bốn loại:

1. Khổ tịch tĩnh.
2. Phiền não tịch tĩnh.
3. Không não hại hữu tình tịch tĩnh, không gây ra các việc ác, tu tập các pháp lành.
4. Xả tịch tĩnh, nghĩa là trú trong sáu hằng xả. Có đủ bốn tịch tĩnh này gọi là viên tịch. Nhưng thân Ứng, Hóa hạn chế thị hiện nói các hậu biên y v.v... chẳng phải Phật thật có uẩn hậu biên. Hoặc Ứng thân Phật cũng thị hiện sinh diệt, do đây liền chứng, đều nói về Ứng thân, chẳng phải là tự thọ dụng, bởi vì thân tự thọ dụng không có hậu biên. Lại nếu

bốn trí cũng thuộc về Ứng thân thì nương vào đâu mà Pháp thân đạt được vô dư y. Nay Ứng, Hóa khác với Nhị thừa, chỉ là hiện hữu, dường như khổ y thân, hoặc vô lậu y gọi là hữu dư, như luận Thành Duy Thức chép: Tuy không thật nương vào nhưng hiện dường như có". Hoặc khổ y hết nên nói vô dư y, chẳng phải khổ y nên nói là hữu dư y. Nương vào hai thân đạt được Niết-bàn gọi là hữu dư y.

Văn kinh: Nương vào Pháp thân này nói về Niết-bàn vô dư. Vì sao? Vì tất cả các pháp khác rốt ráo đều hết.

Tán rằng: Dưới đây nói về Vô dư y, có ba: Đầu tiên nêu ra, tiếp đó gạn hỏi, sau cùng giải thích. Nói "Nương vào Pháp thân này nói về Vô dư" có hai cách giải thích:

1. Nói rằng: Dựa vào Pháp thân Như như không còn tất cả các y, gọi là Niết-bàn Vô dư y. Nếu như vậy thì Niết-bàn và Pháp thân đâu có khác nhau?

Đáp: Gần với nghĩa công đức sở y gọi là Pháp thân, gần với nghĩa các y tịch tĩnh gọi là Niết-bàn. Lại giải thích: Bốn trí tâm, phẩm là trí như như, tức là tự thọ dụng cũng gọi là Pháp thân. Nương vào tự thọ dụng này không thị hiện thác sinh, Song lâm tuyên bố diệt độ không còn tất cả các y gọi là Vô dư y, nương vào đây mà hiển bày gọi là Niết-bàn Vô dư y.

Hỏi: Niết-bàn Vô dư do bao nhiêu tịch diệt gọi là Niết-bàn?

Đáp: Do hai thứ tịch diệt, Du-già quyển năm mươi chép:

1. "Do tịch tĩnh tịch diệt.

2. Do vô tổn não tịch diệt".

Tịch tĩnh tịch diệt, nghĩa là trước tiên đối với hữu dư y đạt được xúc chứng bốn thứ tịch tĩnh, nay trong cõi Niết-bàn Vô dư y cũng có tịch thắng bốn thứ tịch tĩnh. Ý này là vì lại đạt được tịch tĩnh; nói do tịch tĩnh diệt vì:

1. Sác giáo tịch tĩnh.

2. Nhất thiết y tịch tĩnh.

3. Y y khổ tịch tĩnh.

4. Y y sinh nghi lự tịch tĩnh.

Nói Sác giáo tịch tĩnh, Sác là trí tuệ, nhân sác khởi giáo, giáo sinh ra từ sác gọi là sác giáo. Trong Vô dư y gọi là Ngôn tuyệt cho nên gọi là sác giáo tịch tĩnh. Nhất thiết y tịch tĩnh, như tám y trước không còn (Vô dư), đều vắng lặng gọi là nhất thiết y tịch tĩnh. Y y khổ tịch tĩnh, do tám y trước sinh ra các khổ cũng được dứt hẳn gọi là y y khổ tịch tĩnh, giống như nương vào y kia sinh ra y này gọi là Y y. Y y sinh nghi lự tịch

tĩnh: Nương vào tám khổ sinh ra hoài nghi lo lắng, không còn lại gì đều là vắng lặng, gọi là y y sinh nghi lự tịch tĩnh.

Hỏi: Niết-bàn Hữu dư y có bao nhiêu hữu dư mà nói là vô dư y?

Đáp: Có bảy loại:

1. Nhân quả dư, nhân nghi ngờ đã hết, quả khổ đau chưa mất, còn lại khổ y. Thành Duy Thức chép: "Niết-bàn Vô dư y chính là chân như, ra khỏi khổ sinh tử, phiền não đã sạch, dư y cũng diệt hết".

2. Bất thiện nghiệp dư, người Vô học đã sạch nghiệp không lành, còn lại nghiệp lành vô ký.

3. Khổ đế dư.

4. Tập đế dư.

5. Diệt thức dư.

6. Đạo đế dư.

Cho nên kinh Thắng-man chép: "Hữu dư sinh không hết nên hữu sinh có, phạm hạnh còn lại không thành tựu nên sự không thuần nhất, sự không rốt ráo nên sẽ có sở tác, không độ người khác cho nên sẽ có sở đoạn. Khổ diệt đạo tập tức là Vô tác tứ đế, nhằm đến bất định tánh hữu dư không hiểu rõ sẽ có thể tu đoạn v.v... chẳng phải hướng về định tánh".

7. Giả thật dư, bởi vì Ứng, Hóa là giả.

Văn kinh: Nương vào ba thân này nên tất cả các Đức Phật nói về Niết-bàn Vô trụ xứ.

Tán rằng: Dưới đây nói về Niết-bàn Vô trụ xứ. Văn chia làm năm:

1. Nêu ra.
2. Giải thích.
3. Hỏi.
4. Giải.
5. Kết.

Ở đây là Nêu ra.

Văn kinh: Vì hai thân cho nên không trụ Niết-bàn, lìa Pháp thân không có Phật riêng.

Tán rằng: Giải thích. Vì sao ba thân gọi là Niết-bàn Vô Trụ xứ? Vì hai thân cho nên không trụ, do đại bi cho nên vì chúng sinh hiện thân, không trụ Niết-bàn. Cũng nên nói là không trụ sinh tử. Trước nói về vô dư, đã nói không trụ sinh tử. Lại vì Phật xa lìa các lậu còn lại nên nói là Niết-bàn, vì vậy ở đây chỉ nói về bất trụ Niết-bàn, không nói trụ sinh tử. Sở dĩ không nói "Lìa Pháp thân không có Phật riêng" là vì Pháp thân là

nói theo Ứng, Hóa, tánh tướng hợp lại là không có Phật riêng. Hai thân kia không trụ cho nên Pháp thân cũng gọi là không trụ, vì vậy ba thân gọi chung là Vô trụ. Lại giải thích: Pháp thân và Niết-bàn đồng một thể nhưng nghĩa khác nhau, nếu lìa Pháp thân mà có Phật biệt thể đến trụ Niết-bàn thì có thể nói là trụ Niết-bàn. Đã lìa Pháp thân không có Phật riêng, tức là đồng một thể, tự không trụ nơi tự cho nên không trụ Niết-bàn. Trước đây giải thích là Thắng. Nói rằng "lìa Pháp thân không có Phật riêng", không nói "lìa Niết-bàn không có Phật riêng".

Văn kinh: Vì sao hai thân không trụ Niết-bàn?

Tán rằng: Hỏi. Hai thân vô lậu tức là lìa sinh tử, vì sao không trụ Niết-bàn?

Văn kinh: Hai thân giả danh không thật, niệm niệm sinh diệt, không trú nhất định, cho nên thường xuất hiện, không nhất định.

Tán rằng: Giải thích về lý do Ứng, Hóa thân không trụ. Đầu tiên thuận theo giải thích, tiếp đến là cùng thành tựu.

1. Giả danh chẳng phải thật.
2. Niệm niệm sinh diệt.
3. Thường xuất hiện.

Xuất hiện là vì chúng sinh, hoặc lúc thị hiện nhập diệt, hoặc lúc thọ sinh, do đó thường xuất hiện. Do không nhất định nên nói không trụ Niết-bàn.

Văn kinh: Pháp thân không phải như vậy, vì thế cho nên hai thân không trụ Niết-bàn.

Tán rằng: Trở lại thành tựu.

Văn kinh: Pháp thân không hai, vì thế cho nên không trụ Niết-bàn.

Tán rằng: Nói về lý do Pháp thân không trụ Niết-bàn. Pháp thân và Ứng hiện không hai cho nên cũng không trụ.

Văn kinh: Vì vậy nương vào ba thân nói Vô trụ Niết-bàn.

Tán rằng: Kết thúc.

Văn kinh: Này người thiện nam! Tất cả phàm phu vì ba tướng cho nên có ràng buộc, có chướng ngại, lìa ba thân không được ba thân.

Tán rằng: Thứ tư là Trị chướng phế lập môn, có hai phần: Đầu tiên y cứ theo cảnh, tiếp đó y cứ theo tâm. Đây là theo cảnh: Văn chia làm hai mục: Trước nói về có chướng ngại không đạt được ba thân; sau nói về dứt trừ đạt được. Văn trước chia làm bốn:

1. Nêu ra.
2. Gạn hỏi.

3. Liệt bày.

4. Giải thích.

Đây là nêu ra. Ba tướng tức là ba tánh là sở ưng tri cảnh tướng. Luận Nhiếp Đại Thừa chép: “Ba tánh này gọi là sở ưng tri thắng tướng”. Có ràng buộc dựa vào hiện tại, có chướng ngại y theo chủng tử. Đồng thời có ràng buộc tức là tướng ràng buộc, hoặc tương ưng với sở duyên; ở đây nói theo ba tánh, không hiểu rõ cho nên có ràng buộc, có chướng ngại. Chướng tức là ba chướng, do đó xa lìa không được ba thân.

Văn kinh: Những gì là ba?.

Tán rằng: Gạn hỏi.

Văn kinh: Một là Biến kế sở chấp tướng; Hai là Y tha khởi tướng; Ba là thành tựu tướng.

Tán rằng: Nêu ra ba tướng. Ba tướng chính là ba tánh, như các kinh luận khác có phân tích rộng rãi, nay giải thích sơ lược tên gọi, phân biệt rõ về thể. Nói Biến kế sở chấp tướng: Biến nghĩa là cùng khắp, kế là kế độ so lường, so lường khắp tất cả các cảnh cho nên gọi là Biến kế. Biến kế tức là năng biến kế, sở biến kế, đều gọi là Biến kế. Sở chấp là tánh câu chấp của Biến kế, trở thành tướng tức là tánh, cũng chính là tướng của cảnh. Nương vào các duyên khác nên có thể phát khởi nên gọi là y tha khởi, nghĩa của tướng như trước. Thành tựu trọn vẹn gọi là tướng thành tựu. Sở chấp: ngã là tánh biến kế, tâm, tâm sở, sắc, bất tương ưng là y tha khởi, chân như là thể thành tựu. Hoặc lậu, vô lậu môn, năm uẩn vô lậu cũng là viên thành thật, tánh hữu lậu đó cũng là y tha.

Văn kinh: Các tướng như thế vì không thể hiểu, vì không thể diệt, vì không thể thanh tịnh.

Tán rằng: Giải thích. Biến kế vô tướng nên không thể nói là đoạn, chỉ nói là không thể hiểu. Nhiễm nương vào nơi khác mà có nên nói là không thể diệt. Như nói bất tịnh, năng tịnh là trí, sở tịnh là như, lưu ý rằng thể của Như không nhơ không sạch. Hiện tại những điều đó chưa thể hiểu biến kế, diệt nhiễm y tha, tịnh viên thành thật.

Văn kinh: Vì thế cho nên các Đức Phật đầy đủ ba thân. Từ “thị cố v.v...” về sau là kết thúc: có ràng buộc có chướng ngại như vậy, cho nên không thể đạt đến ba thân.

Văn kinh: Bởi vì thường hiểu rõ, thường dứt trừ, thường thanh tịnh ba tướng như thế, cho nên các Đức Phật đầy đủ ba thân.

Tán rằng: Sau nói về dứt trừ đạt được, chia làm ba: Đầu lặp lại năng chướng; tiếp theo phân tích năng đoạn, sau cùng kết thúc. “Ba

tướng như thế” là lặp lại. “Năng giải, diệt, tịnh” là phân tích về năng đoạn. Do hiểu rõ tánh biến kế nên nói là có khả năng hiểu rõ (năng giải), tu tập trí vô phân biệt cho nên có khả năng dứt trừ (năng diệt), nhiễm y tha trí trước thường dứt trừ chướng ngại, do đó thường thanh tịnh (năng tịnh). Bởi vì hiểu rõ tướng biến kế sở chấp nên đạt được Hóa thân; do có sở chấp ngã tướng nên tình không đạt đến cảnh giới rốt ráo, không thể đạt được hiện thân Biến hóa. Tu tịnh y tha khởi trí dứt trừ nhiễm, cho nên đạt được Ứng thân, do lúc trí phát sinh có thể dứt trừ chướng ngại sót lại, nên thường thanh tịnh, chứng được tánh viên thành thật, hiển bày được Pháp thân, cho nên được ba thân.

Văn kinh: Này người thiện nam! Các phàm phu không thể dứt bỏ ba tâm này, vì thế lìa ba thân không thể đạt được.

Tán rằng: Nói về Trị chướng, trong này nói theo tâm, văn chia làm hai phần: Đầu tiên phân tích về chướng; từ “Nương các phục đạo v.v...” về sau là phân tích rõ về đoạn. Văn phần đầu chia làm ba:

1. Nêu ra.
2. Gạn hỏi.
3. Liệt kê.

Đây là nêu ra. Nói về Tâm có bốn nghĩa:

1. Trinh thật gọi là tâm, như Bát-nhã-đa tâm, tức là lý chân như cũng gọi là tâm, kinh Thắng-man nói tự tánh thanh tịnh tâm; nơi khác gọi là Kiền-lật tâm.
2. Duyên lự tâm, tức là thông suốt tám thức, nơi khác gọi là chất-đa.
3. Tích tập nghĩa gọi là tâm, cũng có cả tám thức, bởi vì chứa nhóm toàn bộ năng sở.
4. Tích tụ tối thắng nghĩa, gọi là tâm, tức là chỉ có một mình thức thứ tám.

Hiện tại hỏi ở đây chính là hai nghĩa duyên lự, tích tập gọi là tâm. Ba tâm là năng chướng, nếu dứt bỏ được thì đạt được ba thân, nếu không dứt bỏ thì lìa ba thân không thể được, không thể được Ứng, Hóa thân, không thể được Pháp thân.

Văn kinh: Những gì là ba?.

Tán rằng: Tùy nêu ra.

Văn kinh: Một là khởi sự tâm; hai là y căn bổn tâm; ba là căn bổn tâm.

Tán rằng: Tùy câu hỏi mà trình bày giải thích. Đây tức là liệt kê. Nói về ba tâm, Tam tạng Chân-đế giải thích rằng:

1. Khởi sự tâm: là sáu thức bên ngoài.

2. Y căn bổn tâm: là thức thứ bảy bên trong.

3. Căn bổn tâm: là thức A-lại-da chính yếu nhất.

Pháp Sư Duy Thức Từ Ân nói: Khởi sự tâm nghĩa là thấy tâm tương ưng với phiền não, do phiền não này gây ra các nghiệp, cảm đến quả dị thục gọi là tâm khởi sự. Vì là gốc rễ sinh tử nên chướng ngại cho tùy loại thân. Tâm khởi sự nương tựa thuộc về y chủ thích. Hoặc do tâm và phiền não cùng tương ưng đồng một sự nghiệp cũng gọi là khởi sự, tức là trì nghiệp thích. Hoặc tâm khởi sự tương ưng, nhưng chính khởi sự là phiền não, từ tâm vương tương ưng mà đặt tên, thuộc về lân cận thích.

Như vậy cách giải thích đầu tiên thích đáng hơn. Tâm tương ưng của nghiệp lành và không lành gọi là y căn bổn tâm. Nghiệp là cội gốc sở y sinh ra, vì thế tâm tương ưng, nương theo căn bổn. Cũng theo trước giải thích về tâm căn bổn, tâm tương ưng với quả khổ ba cõi gọi là tâm căn bổn, bởi vì cội gốc sinh tử là từ thể Tánh, quả dị thục chung riêng này có cả bảy thức, chỉ trừ thức thức bảy. Nếu là có quả thì phát nhân sinh khởi đền đáp gọi là quả khổ. Thông suốt đẳng lưu, dị thục tức là có cả tám thức. Nếu thật sự khác nhau thì gọi là quả khổ, là gốc sinh tử, tức là chỉ riêng thức thứ tám. Trong này ý nói đến các quả hữu lậu, cho nên kinh Niết-bàn chép: "Xả bỏ sắc tướng vô thường, đạt được sắc tướng thường hằng, thọ tưởng hành thức cũng giống như vậy". Lại giải thích: Phiền não chướng và nghiệp sở phát gọi là tâm khởi sự, sở tri chướng và nghiệp sở phát gọi là y căn bổn, là gốc sở y của phiền não; tâm căn bổn tức là quả đạt được từ hai chướng, hơn hẳn chỉ có thức thứ tám, các nghiệp sở y có khả năng giữ gìn chủng tử cho nên gọi là căn bổn. Kém hơn thì có cả bảy thức, nếu theo quả đẳng lưu thì có cả tám thức.

Văn kinh: Nương vào các phục đạo, tâm khởi sự hết, nương pháp đoạn đạo, nương tâm căn bổn hết, nương vào tối thắng đạo, tâm căn bổn hết.

Tán rằng: Dưới đây là phân biết rõ về đoạn, có ba phần: Đầu tiên nói về đoạn chướng, tiếp theo nói về đắc thân, sau cùng là kết thúc.

Đây là mở đầu: Nương vào các phục đạo thì tâm khởi sự hết, nghĩa là ba mươi tâm vị ở Địa tiền, trong kinh Nhân Vương Bát-nhã gọi là Phục Nhẫn, cho nên ở bốn gốc lành, phân biệt hai chướng, có khả năng hàng phục, không hiện hành gọi là y phục đạo, khởi sự mất hết, cho nên nhập thấy đạo mà không gây ra nghiệp mới, cảm quả sinh tử hiển bày, được tùy loại Hóa thân. Lại giải thích: Chung cho với

Thập địa Kim cương dụ định, trước đây tuy đã hàng phục phiền não, nhưng chưa dứt trừ chủng tử cho nên gọi là các phục đạo. Cuối cùng hàng phục, địa vị ở Kim cương dụ định ở địa vị không xen hở, mới vĩnh viễn khiến cho các hiện hành kia không thể khởi lên. Kinh Giải Thâm Mật chép: "Từ Địa thứ tám trở lên còn có Sở y, Sở tri chướng, đến quả vị Phật đạt được tùy loại thân". Cách giải thích này là hơn. Nương vào pháp đoạn đạo thì tâm căn bổn hết, nghĩa là tu tập Thánh đạo lần lượt sẽ dứt trừ các nghiệp, cho nên Sơ địa lìa xa đường ác, tạp nhiễm ngu tối, trong Nhị Địa lìa sự sai phạm ba nghiệp ngu tối. Hoặc có cả Thập địa dứt trừ sở trước chướng gọi là pháp đoạn đạo, bởi vì nương vào pháp không quán mới có thể dứt trừ, sở tri chướng đã dứt do đó có thể đạt được Ứng thân. Nương vào tối thắng đạo thì tâm căn bổn hết. Đang xả bỏ gọi là đoạn ở giải thoát đạo, hoặc sắp xả bỏ gọi là đoạn ở Kim cương định. Hai thuyết trong đây như luận Thành Duy Thức mười có nói. Do dứt trừ quả khổ, tất cả thói quen đều xả bỏ hẳn cho nên thường hiển bày Pháp thân.

Văn kinh: Tâm khởi sự dứt trừ cho nên được hiện bày Hóa thân, y tâm căn bổn dứt trừ cho nên được hiển hiện Ứng thân, căn bổn tâm dứt trừ cho nên đến được Pháp thân.

Tán rằng: Nói về Đắc thân. Hai thân trước là mới khởi cho nên gọi là được, Pháp thân vốn có nên nói đến được Pháp thân, y theo trước có thể biết.

Hỏi: Ba thân này đạt được lúc nào?

Đáp: Theo các luận như Đại Trang Nghiêm, Thành Duy Thức v.v... thì đều từ Kim cương về sau, Phật Địa mới khởi lên. Luận đó chép: "Ba thân Biến, Hóa nghĩa là các Đức Như lai nhờ trí thành sự nên biến hiện vô lượng tùy loại hóa thân". Luận Phật Địa chép: "Trí thành sở tác khởi lên ba nghiệp, thay đổi nương vào nghĩa bất chánh. Từ Sở Địa trở lên thì đạt được trí này. Nghĩa chính chỉ riêng chỗ Phật Địa được khởi lên, bởi vì ở Thập Địa nương vào căn hữu lậu mà phát khởi thức vô lậu, sáng suốt và mê mờ khác nhau cho nên không thể nào khởi lên Ứng thân; thân đã do bình đẳng cảnh trí mà khởi nên hợp lại gọi là Ứng thân, do đó Phật Địa khởi lên, không phải ở Thập Địa hữu cảnh trí". Pháp thân cũng giống như vậy, bởi vì ra khỏi nơi ràng buộc gọi là Pháp thân. Luận Thành Duy Thức chép: "Ở Đại Mâu Ni gọi là Pháp thân", đây là theo Tròn đầy đắc. Nếu y theo Phần đắc và Tương tự đắc thì địa vị có trước sau, ở địa vị Thập Tín là phần đắc Hóa thân, một số Bồ-tát đó thành tựu tám tướng cho nên từ Sơ địa trở lên được Ứng thân, Pháp

thân. Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã nói có mười thứ Pháp thân, trong Thập Địa mỗi địa đạt được một, Bồ-tát địa vị trên giáo hóa Bồ-tát địa vị dưới cho nên chia ra được hai thân.

Văn kinh: Vì thế cho nên tất cả Như lai có đủ ba thân.

Tán rằng: Đây là kết luận.

■

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG KINH SỚ

QUYỂN 3
(Phần Đầu)

Phẩm 3: **PHÂN BIỆT TAM THÂN** (Tiếp Theo)

Văn kinh: Này người thiện nam! Tất cả các Đức Phật ở thân thứ nhất đồng sự với các Đức Phật, ở thân thứ hai đồng ý với các Đức Phật, ở thân thứ ba đồng thể với các Đức Phật.

Tán rằng: Thứ năm là đồng dị phân biệt môn. Văn chia làm ba phần. Ba Phật khác nhau do đó Hóa Thân hóa độ Nhị thừa và phàm phu Địa tiền phần nhiều khởi dụng sáu thông, thành tựu sự nghiệp hóa độ. Do đó, các luận đều chép: "Chuyển năm thức thành sự trí. Phần nhiều dùng tám tướng hiện bày các sự nghiệp cho nên gọi là Đồng sự". Ứng thân là giáo hóa cho Bồ-tát Địa thượng khiến được pháp lạc, ý lạc giống nhau nên nói là Đồng ý; lại giống với ý giáo hóa Bồ-tát. Thể sở y của Pháp thân như như thì không khác với các Đức Phật cho nên nói là Đồng Thể. Vì vậy trong Nhiếp luận, chín của ngài Vô Tánh chép: "Pháp thân các Đức Phật nói là có khác nhau, nói là không khác nhau. Nương vào ý lạc thực hiện công việc không có sự khác nhau, cho nên nói là không khác nhau; vô lượng y thân hiện bày đẳng giác cho nên nói là có khác nhau. Như nói Pháp thân, thọ dụng thân cũng giống như thế. Ý lạc và nghiệp không khác nhau cho nên nói là không khác, không do y chỉ, không có khác nhau nên nói là không khác nhau, không do y chỉ vô khác nhau, vô lượng y chỉ khác nhau chuyển thành. Nên biết rằng Hóa thân như thọ dụng đã nói, tức là Pháp thân do cả ba không khác nhau, thọ dụng, biến hóa chỉ là ý lạc tác nghiệp". Ý phần này giúp cho biết rõ tâm hóa đồng, dị. Phối hợp ngược lại với ba thân này, văn đó tuy thông suốt mà nay trong kinh này đều y theo sự tăng thắng mà phối hợp riêng ba thân, lý cũng không lỗi. Năm thức khi ở trong nhân vị, sự nghiệp đều

khác nhau; ý thức thứ bảy thường chấp Ngã khiến cho tự tha khác nhau. Nay ở quả vị chứng lý bình đẳng, cho nên năm thức khởi phát Hóa thân đồng sự, thức thứ bảy phát khởi tha thọ dụng đồng ý.

Văn kinh: Này người thiện nam! Thân Phật thứ nhất này tùy theo ý chúng sinh có nhiều loại cho nên hiện bày loại tướng, do đó nói là nhiều.

Tán rằng: Thứ sáu là Nhất đa phân biệt môn. Văn cũng chia làm ba phần, phần trước nói về Thể, phần này nói về Dụng. Vì các chúng sinh thú hướng khác nhau, ý thú khác nhau, cách nhìn khác nhau nên nói là ý có nhiều. Tùy theo ý có nhiều cho nên hiện bày Hóa thân có nhiều loại tướng, hoặc nói tám tướng, hoặc tùy các thứ mà vì đó hiện bày hình tướng. Ví như hàng Nhị thừa đã đạt được quả Thánh cũng là một phần trong nhiều chúng sinh khác nhau. Sở tri chướng đang còn cho nên nói là tùy theo nơi chốn hóa độ, thuận ý chúng sinh.

Văn kinh: Thân Phật thứ hai vì đệ tử nhất ý cho nên hiện bày một tướng, do đó nói một.

Tán rằng: Bồ-tát Địa thượng do Ứng thân hóa độ được gọi là đệ tử. Chứng lý bình đẳng nên gọi là một ý. Hiện bày một tướng là chỉ hiện bày Phật tướng, không hiện ra tướng của sáu loài chúng sinh. Thân Phật hiện bày không phải không có đại tiểu, hơn kém khác nhau, bởi lẽ ở địa vị Thập Địa thấy có hơn kém khác nhau.

Văn kinh: Thân Phật thứ ba vượt hơn tất cả các loại tướng, không hề chấp tướng-cảnh giới, cho nên nói là chẳng phải một, chẳng phải hai.

Tán rằng: Bởi vì chân như diệu thể vượt lên trên tất cả các thứ tướng, nghĩa là không đi đến, không xanh vàng đỏ trắng, cùng tất cả các loại tướng. Không hề chấp tướng, cảnh giới là không có cảnh sở duyên của tâm chấp kia. Trong Duy Thức chép: "Viên thành thật thường xa lìa tánh trước, cho nên nói là chẳng phải một, chẳng phải hai. Một, hai giống nhau, trong chân bặt dứt đối đãi cho nên chẳng phải một, hai". Vì vậy, ý này khiến cho rõ thêm nghĩa hiện thân đồng khác.

Kinh: Này người thiện nam! Thân thứ nhất nương vào Ứng thân mà được hiển hiện, thân thứ hai nương vào Pháp thân mà được hiển hiện, Pháp thân là chân thật có, không hề nương vào nơi nào.

Tán rằng: Thứ bảy là Hữu y phi y môn. Văn cũng chia làm ba phần. Đây là ý khiến cho biết rõ đầu đuôi khác nhau, nghĩa là Biến hóa thân từ Ứng thân mà khởi, Ứng thân nương vào Như mà khởi, đồng thời tha thọ dụng từ nơi khác mà khởi Hóa thân. Kinh Hoa Nghiêm chép:

"Thị ma thố ma hóa", nghĩa là từ nơi khác mà phát khởi hóa hiện. Pháp thân vốn có, không nương vào nơi khác mà hiện bày, cho nên hoàn toàn chân thật. Nếu tự thọ dụng cũng gọi là Pháp thân thì không phải từ nơi khác biến hóa, do đó không có y xứ, lại cùng khắp pháp giới, cho nên không có nơi nào khác làm chỗ sở y, hoặc có thể nói môn này y cứ theo tánh tướng mà phân biệt, tự thọ dụng thân cũng thuộc về Ứng thân, như vì y trì nên ban đầu từ đó mà phát khởi. Duyên sinh không thật cho nên trong luận Đại Trang Nghiêm quyển ba chép: "Bình đẳng gọi là tự tánh thân bởi lẽ tất cả các Đức Phật đều không khác nhau. Thọ dụng thân gọi là thực thân. Thực thân do nương tựa mà phát khởi. Nên biết rằng thọ dụng thân lại là nhân của Hóa thân". Lại nói: "Thực thân lấy tự lợi làm tướng, Hóa thân lấy lợi tha làm tướng". Do đó có cả hai thuyết, luận chép: "Nói thực thân là bởi vì ở trong đại chúng thực hành pháp thực".

Văn kinh: Này người thiện nam! Ba thân như thế tùy theo ý nghĩa mà nói về thường; tùy theo ý nghĩa mà nói về vô thường.

Tán rằng: Thứ tám là Thường vô thường môn. Văn chia làm hai phần: Trước tiên nêu chung; tiếp đó giải thích riêng. Đây là nêu chung. Do có ý nghĩa mà nói là Thường có cả ba thân; nói Vô thường là bất biến pháp thân. Ở dưới nói: "Vì chẳng phải hành pháp, đó là cội gốc cho nên chỉ nói là Thường". Hoặc có thể, Trí như như hợp lại gọi là Pháp thân, bốn trí vô thường do đó nêu chung mà nói, hoặc nói là Vô thường. Ở dưới y theo Như như chỉ nói là Thường, chẳng phải là hành pháp; hoặc đại khái không phải phiền não là hành pháp nên nói rằng chẳng phải hành pháp.

Văn kinh: Hóa thân, thường xoay bánh xe pháp, khắp nơi tùy duyên phương tiện nối nhau không hề đứt quãng, vì thế cho nên nói là Thường.

Tán rằng: Dưới đây giải thích riêng. Ba thân chia làm ba: Đầu tiên nói về Hóa thân, tiếp đến phân tích về Thường, sau cùng là Vô thường. Đây là phân tích về Thường: Hóa thân có tám tướng chỉ nêu ra một tướng, gọi là xoay bánh xe pháp. Hoặc chỗ này là hướng về sinh; khiến đạt được lợi ích là xoay bánh xe pháp, các tướng hiện bày đều gọi là xoay bánh xe pháp, đều khiến cho càng nhiều hữu tình được giáo hóa. Tùy nơi sinh trú và tùy nơi Ứng hóa tất cả đều có nhiều gọi là chỗ chỗ tùy duyên. Tùy sở hóa duyên phương tiện, tùy năng hóa duyên phương tiện, mười hai thứ phương tiện đều nối nhau không ngừng, cho nên nói là Thường, tức là liên tục thường, như thường được an vui, thường cho ăn uống v.v...

Văn kinh: Chẳng phải là vốn có nên đầy đủ đại dụng, không hề hiển hiện nên nói là Vô thường.

Tán rằng: Nói về Vô thường, chẳng phải các pháp vốn có như tự tánh thân; đầy đủ đại dụng không hề hiển hiện, đó là công đức đã thành tựu, chẳng phải đột nhiên hiện khởi, tùy duyên lợi ích chúng sinh mới bắt đầu phát khởi. Như Tát-bà-đa chép: "Đức Thế tôn có pháp thọ dụng, đến lúc ban đầu mới thành Phật lập tức phát khởi được". Dụng không đột nhiên phát khởi ở đây cũng giống như vậy. Hoặc y cứ theo Hiện Niết-bàn cho rằng: "Dụng không hiển hiện, đó là dụng của Ứng thân".

Văn kinh: Ứng thân từ vô thỉ đến nay nối nhau không đứt quãng.

Tán rằng: Dưới đây nói về Ứng thân. Đầu tiên nói về Thường, sau đó nói về Vô thường. Đây là phần đầu nói về Thường. Trước hết nhắc lại tên gọi của thân, tiếp theo hiển rõ Ứng thể. Ứng thân nương vào Pháp thân mà khởi, Pháp thân là Ứng với bổn tánh do đó thuận theo bổn tánh gọi là Vô Thỉ. Vì vậy trong luận Nhiếp Đại Thừa chép: "Sở y thường hằng cho nên Ứng, Hóa cũng thường hằng". Do đó nay sở y vô thỉ thì Ứng thân cũng vô thỉ, nếu như vậy thì Hóa thân cũng nên nói là vô thỉ?

Đáp: Nên nói hay không nói ảnh hiện lẫn nhau, như tự thọ dụng nối nhau trong sát-na, như tha thọ dụng nơi này diệt đi, nơi khác lại nối tiếp.

Văn kinh: Cho nên tất cả pháp bất cộng của các Đức Phật thường thâu nhiếp thọ trì.

Tán rằng: Nói về pháp bất cộng như dụng, lực, úy v.v... của Pháp thân. Ứng thân thường thâu nhiếp làm y trì.

Văn kinh: Chúng sinh vô tận thì dụng cũng vô tận, cho nên nói là Thường.

Tán rằng: Nói về Thường. Cõi chúng sinh vô tận cho nên hiện bày mạng vô tận. Do đó nói là Thường. Đây là theo duyên, thường có tùy duyên, nên nói là Thường. Nhiếp Luận của ngài Vô Tánh chép: "Thọ dụng thân và Biến hóa thân của Phật đã là vô thường, vì sao kinh nói thân Như lai thường". Đây là câu hỏi. Hai thân này nương vào Pháp thân nên thường, còn thân Đẳng lưu và thân Biến hóa vì thường thọ dụng, không dừng nghỉ dứt bỏ nên không dứt hẳn. Trong Vô Tánh giải thích rằng: "Nghĩa là hai thân này tuy vô thường nhưng nương vào Pháp thân thường trú, mà Pháp thân vốn thường cho nên cũng nói là Thường. Nói thân thường, hoặc Thể là Thường, hoặc nương vào thường

thân nên gọi là thân thường, đó là Dị môn thường, chẳng phải Tự tánh thường". Cho đến chép: "Giống như thế gian nói thường thọ vui, cho dù không phải là luôn luôn thọ vui không hề đứt quãng, nhưng có thể nói rằng đây là thường thọ vui. Nên biết rằng Thân thọ dụng của Phật cũng giống như thế". Theo luận Đại Trang Nghiêm quyển ba chép: "Tất cả các Đức Phật thảy đều thường trụ. Do tự tánh thường nên tự tánh thân của tất cả các Đức Phật thường trụ. Do vô gián thường nên thực thân của tất cả các Đức Phật là thường trụ. Do nối tiếp thường nên Hóa thân của tất cả các Đức Phật thường trụ. Thực thân ở đây thâu nhiếp hai thân tự thọ dụng và tha thọ dụng mà nói, vì tự lợi tức là tự thọ dụng, vì người khác nói pháp gọi là thực thân, tức là tha thọ dụng, nên Nhiếp luận cũng giống.

Văn kinh: Chẳng phải vốn có nhưng bởi vì đầy đủ dụng không hề hiển hiện cho nên nói là Vô thường.

Tán rằng: Phân tích về Vô thường. Không hiển hiện nói đầy đủ như trước đã giải thích.

Văn kinh: Pháp thân chẳng phải là hành pháp, không có tướng khác nhau.

Tán rằng: Phân tích về Pháp thân thường. Đầu tiên phân tích về Thường, sau đó giải thích lời vặn hỏi. Trong phần đầu, trước hết nêu không có tướng khác; tiếp theo chính thức giải thích về Thường.

Đây là mở đầu. Chỉ theo Như như gọi là Pháp thân, nói chẳng phải hành pháp, không có tướng sinh diệt khác nhau. Lại giải thích như sau: "Dưới nói Pháp thân là do cả hai đều vô hiển bày. Hai vô ấy là hai tướng của bốn thứ phi hữu phi vô, lại chẳng phải hành pháp là chẳng phải phiền não, Hữu vi, hữu lậu hành pháp, năng chứng, vì trí vô phân biệt cũng là Pháp thân.

Văn kinh: Đó là cội gốc, vì giống như hư không cho nên là Thường.

Tán rằng: Chính thức phân tích về thường trụ. Như như là chân tánh của các pháp nên nói là cội gốc, không có hình tướng vì như hư không nên gọi là Thường, vì vậy nói là Thường. Tổng kết.

Văn kinh: Này người thiện nam! Lìa trí vô phân biệt thì không có một thắng trí nào hơn cả, lìa pháp như như thì không có một thắng cảnh giới nào hơn.

Tán rằng: Giải thích hàng phục lời vặn hỏi. Văn chia làm ba phần: Đầu tiên là giải thích câu hỏi; tiếp theo lần lượt giải thích; sau cuối là tổng kết thành tựu.

Đây là mở đầu. Vặn hỏi có hai: Trước hết là vì sao không dùng trí khác, pháp khác gọi là Pháp thân, mà dùng trí vô phân biệt và pháp như như kết hợp gọi là Pháp thân?

Đáp: Ý muốn nói rằng, lìa trí vô phân biệt thì không có ý một thắng trí nào hơn, lìa pháp như như cũng không có một thắng cảnh nào hơn, vì thế cho nên kết hợp cả hai gọi là Pháp thân.

Lại nói: Nếu như vậy thì năng duyên, sở duyên khác nhau, làm sao mà kết hợp gọi là Pháp thân? Tiếp theo lần lượt giải thích.

Văn kinh: Là pháp như như, là tuệ như như, là hai thứ như như, như như không phải một, không phải khác.

Tán rằng: Lần lượt giải thích. Trí và như là hai thứ không phải một, cũng không phải khác. Vì sao? Vì như là trí cảnh, trí là hữu vi do đó Trí và Như không phải một. Nhưng trí nhờ cảnh mà sinh, Như là tánh của trí, vì thế Trí không khác như. Nếu khác thì trí không phải là tánh đó. Như luận Phá Thắng chép: "Tánh của đất lẽ ra chẳng phải tánh nào khác, bởi vì khác với đất; như nước, lửa v.v... vì thế ở đây cũng giống như vậy. Cho nên luận Thành Duy Thức quyển tám chép: "Vì thế tánh này cùng với y tha chẳng phải khác, chẳng phải không khác, như tánh vô thường v.v...".

Văn kinh: Thế nên Pháp thân là tuệ thanh tịnh, là diệt thanh tịnh, là hai thứ thanh tịnh.

Tán rằng: Kết thúc thành tựu, trước là thành tựu; sau đó kết thúc. Thành tựu là nói: Do có năng chứng tịnh cho nên đạt được tuệ thanh tịnh, do có sở chứng thanh tịnh vì vậy đạt được diệt thanh tịnh. Thế nên Pháp thân là hai thứ thanh tịnh. Trong này, trước tiên chọn lấy hai thứ thanh tịnh, và chính nơi sự chọn lựa ấy mà Pháp thân là hai thứ thanh tịnh; nói cách khác, hai thứ thanh tịnh hợp lại gọi là Pháp thân.

Văn kinh: Vì thế cho nên Pháp thân đầy đủ thanh tịnh.

Tán rằng: Kết thúc. Nói đầy đủ nghĩa là tròn đầy, do trí và cảnh này cao hơn, không có thứ tịnh nào hơn, cho nên Pháp thân đầy đủ thanh tịnh.

Văn kinh: Lại nữa, này người thiện nam! Phân biệt về ba thân có bốn thứ khác nhau.

Tán rằng: Thứ chín là Tứ cú phân biệt môn, có hai:

1. Nêu tổng số.
2. Giải thích riêng.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Có Hóa thân không có Ứng thân, có Ứng thân không có

Hóa thân, vừa có Hóa thân vừa có Ứng thân, không có Hóa thân cũng không có Ứng thân.

Tán rằng: Mở ra bốn câu.

Văn kinh: Thế nào là có Hóa thân không có Ứng thân?.

Tán rằng: Giải thích riêng về bốn câu, chia làm bốn đoạn. Câu thứ nhất có ba phần:

1. Gạn hỏi.
2. Giải thích.
3. Kết thúc.

Đây là gạn hỏi.

Văn kinh: Đó là sau khi các Đức Như lai nhập Niết-bàn, theo nguyện tự tại nên tùy duyên lợi ích.

Tán rằng: Giải thích bốn câu. Đây là giải thích câu thứ nhất. Vị các Như lai là nói đến tất cả các Đức Phật, sau khi nhập Niết-bàn nghĩa là trong tám tướng, hiện bày tướng sau cùng là Niết-bàn. Theo nguyện tự tại, là năng lực tự tại của Đại bi nguyện vốn có từ trước, tùy duyên cơ cảm hoặc là giữ lại hình ảnh, hoặc hiện thân các loài khác mà không hiện thân Phật, hiển hiện thân hình không cố định mà làm lợi ích, là Hóa thân không có Ứng thân. Y theo thật chứng sau khi đạt được Niết-bàn, khởi lên tám tướng thành đạo của Hóa thân cũng là câu này; nhưng vì phân biệt với tha thọ dụng, trí bình đẳng phát khởi, chỉ căn cứ trên sắc tướng, Phật an trụ hữu dư y cũng là Ứng, Hóa thân, do đó nói là hiện bày các thứ tướng. Sau khi nhập diệt để lại những hình ảnh v.v... và để lại hình hài, xương cốt là Hóa thân, không phải Ứng thân. Vì vậy kinh chép: "Vì nguyện tự tại nên để lại thân cốt". Không như thế thì hai câu giữa nên nói rằng: "Sau khi nhập Niết-bàn chỉ là sự phát khởi sau khi chứng được quả vô thượng".

Văn kinh: Đó gọi là Hóa thân.

Tán rằng: Kết thúc.

Văn kinh: Thế nào là có Ứng thân không có Hóa thân? Đó là thân Địa tiền.

Tán rằng: Dưới đây giải thích sơ lược câu thứ hai. Đây là thân của hàng Địa tiền nhìn thấy, nghĩa là hiện hình tướng Phật ở Địa tiền. Bồ-tát ở địa vị bốn gốc lành nhìn thấy gọi là Ứng thân, không thị hiện hình tướng khác cho nên chẳng phải Hóa thân. Tức là trong kinh Phạm Võng chép: "Ngàn đài hoa xung quanh, một nước một Thích-ca, một đài có ngàn cánh". Trăm ngàn ức Thích-ca tức là một ngàn thế giới tam thiên đại thiên, một đại thiên thế giới có một Đại Hóa thân. Do đó kinh chép:

"Tam thiên đại thiên là cảnh giới hóa độ của Phật". Nếu hàng Nhị thừa nhìn thấy một vị Phật thì chỉ hóa độ một tứ thiên hạ, không phải là một đại thiên. Y theo thân tha thọ dụng của Địa thượng nhìn thấy đó cũng gọi là Ứng thân, chẳng phải Hóa thân. Nay lược bỏ không nói đến.

Văn kinh: Thế nào là vừa có Hóa thân vừa có Ứng thân? Nghĩa là thân trụ ở Niết-bàn hữu dư y.

Tán rằng: Giải thích câu thứ ba. Nghĩa là thân hiện bày vì hàng Nhị thừa làm trời, người cho nên là Hóa thân, thị hiện thành tựu chánh giác do đó gọi là Ứng thân, thân ở vương cung thị hiện thành Phật cho nên gọi là thân trụ ở Niết-bàn Hữu dư. Từ Sơ địa đến Thất địa được thân phần đoạn, thân Tha thọ dụng mà Bồ-tát nhìn thấy cũng thuộc trong câu này, nghĩa cũng không trái. Y theo đây thì nhiếp thâu gần hết các Đức Phật. Trừ Bát Địa trở lên, thân Tha thọ dụng được nhìn thấy không gọi là Hóa thân.

Văn kinh: Thế nào là chẳng phải Hóa thân cũng chẳng phải Ứng thân? Đó là Pháp thân.

Tán rằng: Giải thích câu thứ tư. Đầu tiên giải thích thẳng; sau đó giải thích lời vặn hỏi.

Đây là mở đầu: Chính là thân tự thọ dụng và tự tánh Pháp thân hợp lại gọi là Pháp thân. Nhưng ba thân Phật, các thuyết không nhất định. Như luận Phật Địa và luận Thành Duy Thức chép: "Bốn thân Phật có giới hạn không lẫn lộn". Số còn lại thì nói giống nhau. Như luận Nhiếp Đại Thừa chép: "Tự thọ dụng và tự tánh Pháp thân hợp lại gọi là Tự tánh Pháp thân, tha thọ dụng thân gọi là Ứng thân". Nói có trời, người, Bồ-tát, Thanh văn nhìn thấy lẫn lộn. Hoặc thân tự thọ dụng v.v... hàng Bồ-tát Đẳng giác còn không thể biết huống gì chúng sinh khác, giả như thân tha thọ dụng vì hàng Địa thượng mà thị hiện thì cũng không có hàng Thanh văn. Nói có điều đó như trong luận Phật Địa có ba cách giải thích về điều đó, cách giải thích thứ ba hợp hơn: Đó là hàng Nhị thừa hồi tâm hướng đại nên gọi bằng tên gọi đó. kinh Lăng-già cũng giống như vậy. Còn trong luận Nhiếp Đại Thừa: "Thân Phật mà ở địa vị bốn gốc lành nhìn thấy cũng thuộc về tha thọ dụng".

Hỏi: Vì sao có thể biết thân Tự thọ dụng cũng thuộc về Tự tánh Pháp thân?

Đáp: Trong luận đó quyển chín chép: "Nên biết Pháp thân tương ưng với mấy đức, đó là tối thanh tịnh, bốn vô lượng, giải thoát, thắng xứ v.v..." Quyển mười luận đó lại chép: "Pháp giới các Đức Phật chính là Pháp thân, nên biết rằng luôn luôn có thể thực hiện năm nghiệp

v.v...”.

Lại luận đó chép: “Nếu thân thọ dụng mà hàng Bồ-tát, Thanh văn và các chư Thiên, bao nhiêu chúng hội lẫn lộn có thể nhìn thấy đó, rõ ràng chẳng phải là tự tánh thân, bởi vì sắc thân có thể nhìn thấy”, lẽ nào Tự thọ dụng là thân vô sắc hay sao?

Đáp: Thân Tha thọ dụng chỉ có sắc gọi là hữu sắc. Không thể như vậy, phải nói rằng bởi vì năm uẩn cho nên chẳng phải là thân tự tánh, đâu chỉ nói là sắc. Chỉ có ba thân đó nghĩa đồng với kinh này.

Lại giải thích: Luận đó nói: “Tự thọ dụng và Tha thọ dụng hợp lại gọi là Thọ dụng, tự tánh Pháp thân chỉ có lý chân như nên nói pháp giới các Đức Phật chính là Pháp thân”.

Nói đầy đủ công đức là luận kia tự giải thích rằng: “Pháp thân của Phật do thành thật thắng nghĩa chân như hiện ra”. Đây chính là ý nói Pháp thân tương ưng với công đức tự tánh, nói thân khác nhau tương ưng không lỗi, theo ý này giống như kinh Thắng-man đã chép: “Ra khỏi ràng buộc gọi là Pháp thân”, cùng tương ưng với hằng sa tánh công đức, chẳng phải là tướng công đức. Nhân sáu đường nói về thọ dụng chẳng phải là tự tánh thân, và y theo tha thọ dụng, chẳng nói là tự thọ chẳng phải thuộc về thọ dụng. Theo điểm này tức là đồng với luận Đại Trang Nghiêm, luận Kinh Pháp hoa, luận Bát-nhã Kinh nói về ba thân, và khác với kinh này, vì thế đều thuận theo nhau.

Vả lại, luận Kinh Pháp hoa chép: “Hóa thân tức ở đây là vừa Ứng vừa Hóa, đồng với Ứng thân. Cũng có thể, tự thọ dụng và tha thọ dụng đều gọi là Ứng thân”, bởi vì nói tuổi thọ vô biên là ứng thân, Pháp thân chỉ là như, kinh đó nói “Chẳng phải thật, cũng chẳng phải hư v.v...” Nhưng các văn trên đều y theo phần nhiều, trong đó hoặc có nơi thuộc về thân tha thọ dụng thì nói là Tự thọ dụng, ở vào Tự thọ dụng thì nói là Tha thọ dụng; hoặc ở nơi pháp thân lại nói Ứng, Hóa thân, hoặc ở nơi Ứng, Hóa thân lại nói là Pháp thân. Do đó cùng ở nơi tánh tướng mà nói, văn có xen tạp lẫn nhau, theo đây nên biết.

Văn kinh: Này người thiện nam! Pháp thân đó từ “hai vô sở hữu” hiển hiện ra.

Tán rằng: Giả định để giải thích lời hỏi vặn. Ý vặn hỏi: Đã nói rằng chẳng phải Ứng thân chẳng phải Hóa thân đó là Pháp thân, như thế sao trước đây nói ở thân thứ nhất với đồng sự các Đức Phật, ở thân thứ hai với đồng ý các Đức Phật, ở thân thứ ba đồng thể với các Đức Phật?

Lại nói: Thân thứ nhất này nương vào Ứng thân mà được hiển hiện, thân thứ hai này nương vào Pháp thân mà được hiển hiện, Pháp

thân đã chẳng phải là hai thân Ứng, Hóa, như thế làm sao thành tựu? Như người thế gian thân mỗi người đều có khác nhau, cho nên sự nghiệp, ý thể mỗi người đều không giống nhau. Lại như trước đã nói: Mặt trời, mặt trăng, nước gương, nhờ ánh sáng mà hiện rõ hình ảnh, cũng không thành tựu được. Nay lại giải thích, văn chia làm bốn phần:

1. Nêu ra.
2. Gạn hỏi.
3. Giải thích.
4. Thành tựu.

Đây chính là phần nêu ra. Nêu ra Ý pháp thân tức là lìa không hai, lại do Như, Trí như như mà chứng mới hiển bày được, do đó thường làm nơi nương vào để phát khởi các sự nghiệp. Trước đây nói là khác nhau ấy là Tướng, Dụng luận riêng môn, nói giống như mặt trời, mặt trăng nhờ ánh sáng, nước, gương mà hiện rõ các hình ảnh là Tướng, Tánh hợp luận môn; hoặc nói Tự tánh Pháp thân hiển bày Ứng thân tức là Nhiếp tướng quy tánh môn. Vì vậy trong Nhiếp Luận của ngài Vô Tánh chép: "Pháp giới các Đức Phật chính là Pháp thân. Nên biết rằng thường có thể thực hành năm sự nghiệp, một là nghiệp cứu giúp tai họa bất ngờ, khiến cho người thấy Phật, nếu là người mù lòa liền được nhìn thấy, người điếc được nghe thấy, người điên được trí nhớ, tất cả các nghiệp như vậy v.v...".

Luận tự hỏi rằng: "Nếu nói Pháp thân chẳng phải là cảnh của sáu căn, vì sao nay nói mù lòa được nhìn thấy v.v... có thể thấy Pháp thân là Pháp thân nghiệp?"?

Đáp: Thấy Pháp thân là nhờ nguyện lớn xưa kia dẫn dắt phát ra thế lực, thành tựu hoàn toàn pháp thân lần lượt phát khởi công dụng của Biến hóa thân, từ đó giúp cho người mù lòa được nhìn thấy v.v... Do tư lương xưa kia dẫn dắt phát sinh thế lực, chứng được Pháp thân tùy ý khởi các công dụng, như bộ phận khởi động máy, đem ngọn quay về gốc. Nói thấy Pháp thân thật ra chỉ thấy Hóa thân, cho nên ở sau kết thúc thành tựu nói: "Vì thế cho nên biết rằng cảnh giới thanh tịnh, trí tuệ thanh tịnh không thể phân biệt, không có trong đó, là cội gốc của diệt, đạo cho nên đối với Pháp thân này có thể hiển bày các thứ sự nghiệp của Như lai". Nói về "Nhị vô sở hữu", Tam tạng Chân-đế nói: "Như năm loại nhị vô sở hữu dưới đây; sở hiển hiện cố là vượt ra ngoài hai cảnh của năm loại, gọi là hiển hiện, đối với năm thứ hai này là không vốn có. Trong phần nêu ra có cả hai:

1. Cảnh nhị vô sở hữu.

2. Trí nhị vô sở hữu.

Do Như cảnh thù thắng vượt trội năm thứ hai không này, do trí vô phân biệt lần lượt chứng năm thứ hai hai không cảnh này, cho nên Pháp thân hiển bày. Lược bỏ không nói về phương tiện hạnh, nguyện đại bi v.v... và những thứ còn lại. Như vậy, hai Không này tức là Sinh không và Pháp không, Trí tức là Sinh không, Cảnh tức là Pháp không, nhân nơi hai Không hiển hiện Pháp thân.

Văn kinh: Thế nào gọi là hai vô sở hữu?.

Tán rằng: Gạn hỏi.

Văn kinh: Đối với pháp thân, tướng và tướng xứ cả hai đều không có.

Tán rằng: Giải thích, chia làm hai: Đầu tiên là cảnh không có hai, sau đó nói về trí không có hai. Đây là cảnh không có hai: Trước là chung, sau là riêng.

Đây là chung. Tướng tức là nhân ngã, tướng xứ tức là pháp ngã. Do Nhân ngã kia nương vào Pháp ngã mà phát khởi nên gọi là tướng xứ. Vì thế trong luận Thành Duy Thức chép: "Như từ nơi cái ghế vân vân rồi bảo đó là người v.v...". Do đó, ngã thể của con người không có, chỉ do vọng tưởng mà thấy, giống như con mắt bị màng che nhìn thấy có vầng sáng tròn" . Do đó các kinh luận gọi Tướng là không có tánh. Bởi vì Pháp như như lìa "Nhị vô" nên nói rằng cả hai đều không có; luận Thành Duy Thức chép: "Viên thành thật từ nơi Y tha khởi kia, thường lìa tánh biến kế chấp trước đó".

Văn kinh: Chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải số, chẳng phải không số, chẳng rõ ràng chẳng tối tăm.

Tán rằng: Hiển bày riêng Nhị vô. Phi hữu phi vô (chẳng phải có, chẳng phải không) là bốn câu lìa bỏ có không:

1. Có.
2. Không.
3. Vừa có vừa không.
4. Chẳng phải Có, chẳng phải Không.

Chỉ nêu ra câu thứ tư để hiển rõ lìa ba câu trước. Chẳng phải một, chẳng phải khác là lìa bỏ bốn câu "một, khác" này:

1. Một.
2. Khác.
3. Vừa một vừa khác.
4. Chẳng phải một chẳng phải khác.

Cũng nêu ra câu thứ tư hiển rõ lìa ba câu trước. Chẳng phải số, chẳng phải không phải số là vượt quá tình số phân biệt gọi là chẳng phải số, là cảnh vô phân biệt gọi là chẳng phải không phải số, lại siêu vượt số lượng gọi là chẳng phải số, là thuộc về pháp nên là chẳng phải không phải số. Nói chẳng rõ ràng chẳng tối tăm tức là chẳng nhơ chẳng sạch trong các kinh thường nói, từ đầu thường lìa nhiễm không phải đến nay mới tịnh gọi là chẳng rõ ràng, giả như lúc ở trong nhiễm mà chẳng nhiễm gọi là chẳng phải tối tăm. Do tâm thắng diệu này nên dứt bặt ngôn từ.

Theo luận Nhiếp Đại Thừa thì không có ba thứ hai tướng:

1. Vô hữu không phải là hai tướng, chẳng phải hữu tướng là vì tất cả pháp biến kế sở chấp đều không có, do đó cũng chẳng phải vô tướng, từ không để hiển rõ cái có của tự tánh.

2. Hữu vi vô vi không có hai tướng là vì nghiệp phiền não chẳng phải là việc làm cho nên chẳng phải là tướng hữu vi, bởi có thể thị hiện như pháp hữu vi đạt được tự tại do đó chẳng phải là tướng vô vi.

3. Dị tánh Nhất tánh không có hai tướng là vì thể của Phật thân là đồng nhất cho nên chẳng phải là tướng khác nhau, vô lượng y chỉ thảy đều chứng đắc khác nhau do đó chẳng phải là tướng đồng nhất. Tất cả đều không có cho nên gọi là không có hai tướng.

Văn kinh: Trí như như ấy, không thấy tướng và tướng xứ, không thấy chẳng phải có, chẳng phải không, không thấy chẳng phải một, chẳng phải khác, không thấy chẳng phải số, chẳng phải không phải số, không thấy chẳng rõ ràng, chẳng tối tăm.

Tán rằng: Nói về Như lai như trí tức là trí vô phân biệt như cảnh mà chứng, do đó không thấy sự chung, riêng của năm điều không có này, tu tập đầy đủ đạo quả trọn vẹn.

Văn kinh: Cho nên biết rằng cảnh giới thanh tịnh, trí tuệ thanh tịnh, không thể phân biệt, không có trung gian.

Tán rằng: Dưới đây là kết thúc thành tựu. Đây là thành tựu bình đẳng hai thứ cảnh, trí cho nên hợp lại thành Pháp thân. Hai thứ cảnh, trí chẳng phải một, chẳng phải khác, không thể phân biệt, không có trung gian, kia đây khác nhau do đó cùng gọi là Pháp thân.

Văn kinh: Là cội gốc của Diệt đạo, cho nên đối với Pháp thân này thường hiển bày các thứ sự nghiệp của Như lai.

Tán rằng: Đây là kết thúc thành tựu Pháp thân là nơi Ứng, Hóa thân nương vào để có thể phát khởi các thứ sự nghiệp lợi ích. Cảnh thanh tịnh cho nên là cội gốc của Diệt đế, trí thanh tịnh do đó là cội

gốc của đạo đế. Do pháp Như như, Trí như như là cội gốc của diệt, đạo cho nên Ứng, Hóa thân nương vào nơi này phát khởi các thứ sự nghiệp. Như luận Nhiếp Đại Thừa nói lược về năm nghiệp cho nên gọi là chủng chủng, năm nghiệp ấy là:

1. Cứu giúp tai họa là sự nghiệp, vì thường giúp cho những người mù lòa được mắt sáng v.v....

2. Cứu giúp đường ác là sự nghiệp, vì phá sạch nơi chẳng lành, thiết lập nơi toàn thiện.

3. Cứu giúp chẳng phải phương tiện là sự nghiệp, vì giúp cho các hàng ngoại đạo dứt bỏ phương tiện sai lầm, cầu hạnh giải thoát, vào trong thánh giáo của Như lai.

4. Cứu giúp Tát-ca-da là sự nghiệp vì giảng dạy cho người kia có thể vượt thoát ba cõi; trong luận Vô Tánh giải thích rằng: nghĩa là ở trong đó thân luống dối bị chuyển đổi, tức là các pháp hữu lậu trong ba cõi. Đối với những người như thế, giảng giải chỉ dạy các pháp ra khỏi.

5. Cứu giúp Nhị thừa là sự nghiệp, cứu giúp các thừa Bồ-tát cõi Dục và các hàng Thanh văn bất định chủng tánh v.v... Ở nơi yên ổn, giúp tu tập hạnh Đại thừa.

Hỏi: Khiến cho đạt được Nhị thừa há chẳng phải nghiệp sao?

Đáp: Đây chính là nghiệp thứ ba và thứ tư.

Văn kinh: Này người thiện nam! với thân này, nhân duyên, cảnh giới, xứ sở, quả vị nương vào Gốc thật khó nghĩ bàn.

Tán rằng: Toàn bộ đoạn thứ ba trả lời về nhân, tức là hiển bày nương vào nhân mà đạt được quả. Trả lời về vấn đề tu hành, trong này còn phân biệt rõ thứ lớp đạt được quả, không nói về thứ lớp tu hành. Ý này khiến cho người tu nhân phải biết rõ thứ lớp. Thứ lớp nhân là do nương vào thứ lớp quả. Luận Biện Trung Biên ba chép: “Khí là dị thục, lực là sự tăng thượng của nó, ái lạc thêm lớn thanh tịnh như dưới đây tức là năm quả”. Luận giải thích rằng: “Khí gọi là thuận theo pháp lành, dị thục gọi là đạt được thân thù thắng để làm đạo khí, lực nghĩa là do lực tăng thượng của khí kia khiến cho các pháp lành thành tựu thượng phẩm tánh”.

Ý này là do nương vào thân thù thắng và năng lực lành ngày xưa hợp lại mà nay pháp lành thành tựu tăng thượng phẩm. Ái lạc nghĩa là khả năng tu lành của nhiều đời trước, đời nay đối với pháp lành phát sinh ưa thích sâu sắc. Thêm lớn nghĩa là những khả năng tu lành ở đời hiện tại, khiến cho gốc lành tu tập mau chóng được trọn vẹn. Tịnh nghĩa là dứt trừ chướng ngại, lìa hẳn sự ràng buộc.

Đây là năm thứ lớp tức là năm quả vị:

1. Dị thục (Tức là khí trước đây).

2. Tăng thượng quả tức là pháp lành thành tựu thượng phẩm, do năng lực tăng thượng của thiện dị thục cho nên pháp lành thành tựu thượng phẩm là quả tăng thượng.

3. Quả Đẳng lưu tức là do năng lực tu lành của nhiều đời trước, khiến cho đời này đối với pháp lành phát sinh ưa thích sâu sắc là quả đẳng lưu ở trước.

4. Quả Sĩ dụng, do năng lực tu tập ở đời hiện tại khiến cho gốc lành mau chóng được trọn vẹn, là quả sĩ dụng, đây là nói theo pháp sĩ dụng.

5. "Quả Ly hệ, do dứt trừ chướng ngại trước đây nên lìa hẳn ràng buộc, là quả ly hệ".

Nay ở đoạn này ý nói về nghĩa này, thứ lớp văn phân tích về quả khác nhau so với luận kia có mười thứ quả:

1. Quả Hậu hậu, đó là nhờ vào chủng tánh mà đạt được quả phát tâm, như vậy các quả lần lượt thay đổi, nên biết rằng ý này nói đến tiền tiền là nhân, hậu hậu là quả, bởi vì hậu hậu vị nhân nơi trước mà đạt được, do đó hậu hậu vị tính là tiền quả, đây là nói chung.

2. Quả Tối sơ, đó là đầu tiên chứng được pháp xuất thế gian, tức là Sơ địa.

3. Quả Sổ tập, đó là các địa vị hữu học từ đây về sau (tức là địa vị Thập Địa).

4. Quả Cứu cánh, đó là pháp vô học (tức là Phật Địa).

5. Quả Thuận theo, đó là dựa theo từng bước nên biết rõ tức là thuộc về hậu hậu quả.

6. Quả Chướng diệt, đó là có thể đoạn đạo, tức là quả tối sơ có thể diệt trừ chướng ngại, vì thế nói là diệt chướng (đây là ý nêu ra ban đầu để hiển rõ hậu trí cũng giống như thế).

7. Quả Ly hệ, đó chính là quả sổ tập và cứu cánh, cho nên địa vị hữu học và vô học như dưới đây lìa sự ràng buộc của phiền não.

8. Quả Thù thắng, đó là công đức thù thắng của các thần thông v.v...

9. Quả Hữu thượng, đó là Bồ-tát Địa vượt ra khỏi các thừa khác, nhưng chưa thành Phật.

10. Quả Vô thượng đó là Như lai địa, bởi vì bậc Thượng này trải qua tất cả các pháp thù thắng không còn sót lại pháp nào.

Ở đây, sáu quả sau là nói theo nghĩa khác nhau của bốn quả trước,

toàn văn chia là ba phần:

1. Nêu tổng quát.

2. Giải thích riêng.

3. Khuyến khích tu tập.

Đây là phần một, nêu ra có năm nghĩa:

1. Thân, tức là khí quả dị thục.

2. Nhân duyên, tức là nương vào sự tu điều lành trước đây của khí đó, là nhân duyên chính là quả tăng thượng do thiện thân khí làm năng lực tăng thượng giúp cho pháp lành thêm lớn.

3. Cảnh giới tức là nêu ra cảnh sở duyên của quả đẳng lưu, tức là Bồ-đề, Niết-bàn và các pháp lành đều là cảnh của nó, duyên theo pháp thù thắng này phát khởi ưa thích.

4. Xứ sở: tức là quả sĩ dụng, do luôn luôn tu thiện Bồ-đề mau chóng trọn vẹn là nơi mong cầu, đó là ý muốn đến đại Bồ-đề của Đại thừa.

5. Quả nương vào căn bổn là quả Ly hệ, "Quả Y Bổn": là quả ly hệ (lìa ràng buộc) này không lìa pháp như như. Vì khó nghĩ bàn: Tóm lại là khen ngợi khó nghĩ bàn được, chẳng phải là cảnh giới của hàng Nhị thừa.

Văn kinh: Nếu hiểu rõ nghĩa này thì thân này chính là Đại thừa, là Như lai tánh, là Như lai tạng.

Tán rằng: Dưới đây là giải thích:

1. Giải thích về khí quả dị thục.

2. Nương vào thân này giải thích nhân duyên, tức là quả tăng thượng.

3. Từ "Không lui sụt địa tâm v.v..." trở xuống là nói về sĩ dụng quả.

4. Từ "Này người thiện nam! Pháp thân ấy v.v..." Về sau là nói đến quả ly hệ. Cảnh giới đó là tất cả các pháp khác nhau trong mười quả này, là nghĩa khác nhau của năm quả này.

Đây là mở đầu. Nếu hiểu rõ nghĩa này, là đầu tiên đầu tiên nói chung về khuyến tín. Thân này chính là Đại thừa, là năng lực tăng thượng đạt được quả Đại thừa, do đó gọi là Đại thừa. Là Như lai tánh, tức nương vào thân này tu tập các pháp lành dần dần thêm lớn là Như lai tánh. Lại chưa hiện khởi các chủng tử vô lậu và thể chân như là Như lai tánh, sự tánh và lý tánh đều gọi là Phật tánh, là Như lai tạng, tức là quả thức dị thục, trong kinh Lăng-già chép: "Thức A-lại-da gọi là không Như lai tạng, huân tập đầy đủ các pháp vô lậu cho nên gọi là bất

không Như lai tạng, thức thứ tám hữu lậu luống dối vì thế gọi là không; thể của các chủng tử vô lậu trong thức gọi là bất không Như lai tạng, bởi vì lìa xa luống dối. Nói đầy đủ tức là có đầy đủ hai thứ chủng tử hữu lậu, vô lậu”.

Văn kinh: Nương vào thân này có thể phát khởi sơ tâm, tu hành địa tâm mà được hiển hiện.

Tán rằng: Sau là giải thích về nhân duyên, tức là quả tăng thượng. Do quả dị thục nên năng lực của thân tăng thêm, liền phát khởi sơ tâm, tu hành địa tâm.

Văn kinh: Không lui sụt địa tâm cũng hiện bày tâm Kim cương, tâm của hàng Nhất sinh bổ xứ.

Tán rằng: Nói về quả sĩ dụng. Có sự khác nhau trong quả sĩ dụng. Trong quả có tám quả:

1. Quả Hậu hậu.
2. Quả Tối sơ.
3. Quả Sác tập.
4. Quả Rốt ráo.
5. Quả Chướng diệt.
6. Quả Hữu thượng.
7. Quả Vô thượng.
8. Quả Thù thắng.

Không lui sụt địa này là quả tối sơ đạt được sơ địa chứng đến không lui sụt, do đó tập hợp làm quả sác tập và quả hữu thượng, quả hậu hậu chung cho Phật địa.

Văn kinh: Tâm Như lai thảy đều hiển hiện, vô lượng, vô biên diệu pháp của Như lai thảy đều hiển hiện.

Tán rằng: Quả cứu cánh thứ tư và quả vô thượng thứ bảy, trong đó trước tiên là nói chung, sau là nói riêng. Đây là nói chung.

Văn kinh: Nương vào Pháp thân không thể suy nghĩ bàn luận này mà đại Tam-muội được hiển hiện, nương vào Pháp thân này mà hiển bày tất cả đại trí.

Tán rằng: Nói riêng về quả cứu cánh và quả vô thượng. Trong đó lại có ba:

1. Đạt được định trí.
2. Hiện bày Ứng, Hóa.
3. Hiển rõ bốn đức.

Đây là đạt được định trí, cũng là đạt được quả chướng diệt, nên đạt được định trí.

Văn kinh: Vì thế cho nên hai thân nương vào Tam-muội, nương vào trí tuệ mà được hiển hiện.

Tán rằng: Hiện bày Ứng thân, Hóa thân.

Văn kinh: Pháp thân ấy nương vào tự thể nói thường, nói ngã, nương vào đại Tam-muội nên nói về lạc, nương vào đại trí nên nói thanh tịnh.

Tán rằng: Ba là Hiển rõ bốn đức: đầu tiên nói về riêng; sau đó kết thúc chung. Đây là nói về riêng. Tự thể như như cho nên nói là thường, vì thường nên nói là ngã. Nhờ Tam-muội nên được đại lạc. Kén chọn nhân và Nhị thừa gọi là đại Tam-muội. Từ trí đoạn chướng cho nên đạt được tịnh đức.

Hỏi: Trong luận Bảo Tánh và luận Nhiếp Đại Thừa đều nói Tín là nhân của tịnh đức, ở đây sao nói là trí?

Đáp: Bởi vì các luận đó loại trừ sự vẩn đục của bất tín và biệt nhân nên tín là nhân của tịnh đức. Đây là y cứ theo đoạn nhiễm, và thông thường trí là nhân của tịnh đức. Còn thường, ngã là nói theo thể, lạc, tịnh là nói theo nhân và thể mô phỏng nói lẫn nhau.

Văn kinh: Vì thế cho nên Như lai thường trụ tự tại, an vui thanh tịnh.

Tán rằng: Tổng kết. Tự tại tức là ngã đức.

Văn kinh: Nương vào đại Tam-muội, tất cả thiền định Thủ-lăng-nghiêm v.v... tất cả niệm xứ đại pháp niệm v.v... đại từ đại bi.

Tán rằng: Dưới đây nói về quả thù thắng: Văn chia làm ba: Đầu tiên là pháp, tiếp theo là dụ, sau cuối là hợp. Trong pháp có hai: trước hết nói về công đức thù thắng của định phẩm, sau đó nói về công đức thù thắng của trí phẩm. Nương theo định mà phát tuệ; vì thế trước tiên nói về định phẩm. Định phẩm chia làm ba: Đầu tiên nêu ra, tiếp đến liệt kê, sau cuối kết thúc; hoặc đầu tiên phân tích sở y, tiếp theo phân tích năng y, sau cuối kết thúc. Đại Tam-muội là tánh đạt được Tam-muội. Tuy nhiều nhưng chỉ có tám thứ:

1. Thiền.
2. Định.
3. Niệm xứ.
4. Đại từ bi.
5. Đà-la-ni.
6. Sáu Thần thông.
7. Tám Tự tại.
8. Tất cả pháp bình dẳng nhiếp thọ.

Đây là bốn thứ đầu tiên. Thiền tức là bốn tĩnh lự, Định gọi là bốn định vô sắc, vì thế kinh Tát-già-ni chép: "Như lai thiền định là gì? Đáp: Có thứ đệ định, và Thủ-lăng-nghiêm v.v... hoặc chính là Đại thừa Quang định, Tập Phước đức vương định, Hiện thủ định, Kiện hành định". Truyện nói: "Thủ-lăng-nghiêm tức là kiện hành định, chính âm là Tô-lăng-già-ma, Hán dịch là kiện hành, là nêu lên tính thượng thủ của nó. Định thực sự vô biên, cho nên nói là đẳng". Về chung riêng, sơ lược nêu ra thiền định là chung, Thủ-lăng-nghiêm là riêng.

Tất cả niệm xứ nghĩa là ba niệm xứ, bốn niệm xứ và sáu niệm v.v... nói đại pháp niệm tức là niệm pháp trong sáu niệm, vì pháp là thầy của Phật cho nên trước tiên nói về pháp niệm, có lẽ đây chính là hoại duyên pháp niệm trụ. Kinh Tát-già-ni quyển bảy chép: "Pháp niệm xứ nghĩa là quán sát nội pháp và ngoại pháp, nội pháp, ngoại pháp thực thi hai thứ ý tưởng, đó là thường và vô thường. Thường dùng Phật nhãn thấy tất cả đến ngồi nơi đạo tràng không hề bị thay đổi". Đây là nói theo quả, cho đến chép: "Không dùng nhục nhãn, Thiên nhãn, tuệ nhãn để quán sát. Vì sao? Vì ba thứ nhãn không có tướng mạo cho nên dùng pháp nhãn mà quán sát". Đây là nói theo thông nhân nêu ra một loại khác. Đại từ đại bi tức là bốn vô lượng, bởi vì ban vui bạt khổ thù thắng cho nên nêu ra để nói. Kinh Tát-già-ni quyển sáu có ba mươi hai loại đại bi quán. Kinh Tư Ích quyển hai có ba mươi sáu loại đại bi, rộng như các kinh đó đã nói.

Văn kinh: Tất cả Đà-la-ni, tất cả thần thông, tất cả tự tại, tất cả pháp bình đẳng nhiếp thọ.

Tán rằng: Thứ năm là đức Tổng trì. Tất cả thần thông là sáu thông đức. Như kinh Tát-già-ni quyển bảy chép: "Thiên nhãn thông là công đức tạo thành từ trí tuệ, thấy rõ hình sắc vốn có khắp mười phương, cho đến cũng nhìn thấy mọi hạnh nghiệp tu tập của Bồ-tát, Thanh văn, chúng sinh trong năm đường tất cả không sót loại nào". Cho đến năm loại còn lại đều như kinh đã nói. Tất cả tự tại tức là mười thứ lớp tại, như trên đã nói còn kinh Tát-già-ni quyển bảy chép: "Đạt được bốn như ý thành tựu bốn tự tại:

1. Mạng tự tại.
2. Thân tự tại.
3. Pháp tự tại.
4. Thần lực tự tại.

Mạng như trước đã giải thích. Thân tự tại là vì chúng sinh nên tùy tâm thực hiện thân, tùy tâm thực hiện sắc cũng hiện bày oai nghi;

hoặc muốn cùng với chúng sinh đồng thân tướng đó, thảy đều có thể thực hiện gọi là thân tự tại. Pháp tức là biết rõ các pháp thế và xuất thế, đạt được biện tài vô ngại, tùy theo ý chúng sinh mà nói giúp cho họ trụ trong chánh tín. Đó gọi là pháp tự tại. Thần lực tự tại là hiện bày đầy đủ các thứ thần thông". Tất cả pháp bình đẳng nhiếp thọ là vì đạt được pháp bình đẳng, chúng sinh bình đẳng, thường nhiếp thọ tất cả hữu tình. Trong luận Du-già quyển bốn mươi sáu chép: "Do năm thứ tướng rộng khắp đối với hữu tình, tâm đó bình đẳng:

1. Bồ-tát lúc đầu phát tâm nguyện đại Bồ-đề như thế cũng vì lợi ích cho tất cả mọi loài hữu tình cho nên khởi tâm bình đẳng.

2. Đối với các loài hữu tình tâm trụ trong thương xót, hoàn toàn bình đẳng.

3. Đối với các loài hữu tình thâm tâm phát khởi đều bình đẳng yêu thương như con đẻ.

4. Biết mỗi hữu tình vốn có pháp tánh, tức là pháp tánh của tất cả hữu tình, bởi vì pháp tánh bình đẳng nên tâm đều thực hành, đối với các loài hữu tình tâm trụ trong bình đẳng.

5. Như đối với một hữu tình thực hành hạnh lợi ích, đối với tất cả hữu tình thực hành hạnh lợi ích cũng giống như vậy, đem tâm lợi ích cùng đối với các loài hữu tình, tâm trụ trong bình đẳng".

Luận Đại Trang Nghiêm quyển bảy nói có năm thứ bình đẳng, luận Pháp Hoa và luận Nhiếp Đại Thừa đều có ba thứ bình đẳng. Hoặc có thể, tất cả pháp bình đẳng chỉ cho các định phẩm nhiếp thọ tất cả công đức pháp bình đẳng, hoặc nhiếp thọ này thuộc về văn kết thúc ở sau nói: "Nhiếp thọ Phật pháp như vậy thảy đều xuất hiện, từ sự bình đẳng này mà thường bình đẳng nhiếp thọ.

Văn kinh: Phật pháp như vậy thảy đều xuất hiện.

Tán rằng: Kết thúc.

Văn kinh: Nương vào đại trí, mười lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại biện này.

Tán rằng: sau đây nói về công đức thù thắng của trí phẩm. Văn chia làm ba như định, đây chính là nêu ra chung và nói về riêng. Đại trí tức là Nhất thiết trí làm cội gốc, mười lực v.v... tức là Nhất-thiết-chủng-trí; hoặc là đại trí, tức là chân như trí tánh, mười lực v.v... cả ba loại rộng như các nơi khác phân tích.

Văn kinh: Một trăm tám mươi pháp bất cộng, tất cả pháp hy hữu không thể suy nghĩ bàn luận thảy đều hiển hiện.

Tán rằng: Một trăm lẻ tám pháp Bất cộng y theo kinh Vô thượng

Y chép: "Đức Phật bảo A-nan: có một trăm lẻ tám pháp Bất cộng, đây là công đức thù thắng của Như lai, một là ba mươi hai tướng, hai là tám mươi vẻ đẹp". Hai phần này rộng như các kinh luận khác đã phân tích, nay chỉ nói sơ lược về ba mươi hai tướng, kinh Đại Bát-nhã ba trăm tám mươi mốt chép":

1. Tướng dưới chân Thế tôn có bằng phẳng.

2. Tướng dưới chân Thế tôn hình bánh xe ngàn căm.

3. Tướng tay chân mềm mại.

4. Tướng trong các kẽ ngón tay có da mỏng như màng lưới.

5. Tướng Các ngón tay chân tròn đầy dài và nhọn.

6. Tướng Gót chân đầy đặn tương xứng với mu bàn chân.

7. Tướng Mu bàn chân đầy đặn tương xứng với gót chân (Du-già không có tướng này).

8. Tướng Hai bắp vế Thế tôn như bắp chuối tròn.

9. Tướng Hai cánh tay dài duỗi thẳng, khi đứng dài quá gối.

10. Tướng nam căn ẩn kín.

11. Tướng Mỗi lỗ chân lông đều mọc một sợi lông.

12. Tướng Đầu lông tóc đều hướng lên trên.

13. Tướng Da thân láng mịn.

14. Tướng Da thân màu vàng thắm.

15. Tướng Bảy chỗ đầy đặn (hai tay, hai chân, hai vai và đỉnh đầu).

16. Vai và cổ tròn đầy.

17. Tướng hai nách đầy đặn.

18. Tướng Dung nghi của Thế tôn rạng rỡ trang nghiêm.

19. Thân tướng của Thế tôn cao lớn oai nghiêm.

20. Tướng Thể tướng của Thế tôn dọc ngang cân phân.

21. Tướng Ngực cằm và nửa thân trên của Thế tôn như sư tử đầu đàn.

22. Tướng Thân thường phát ra ánh sáng một tầm.

23. Tướng Răng trắng trong đều nhau dày khít và có bốn mươi chiếc.

24. Tướng bốn chiếc răng cửa sáng trắng.

25. Tướng Thường có được năm mùi vị.

26. Tướng lưỡi rộng dài mềm mỏng phủ le ra kín chân tóc.

27. Tướng Phạm âm hòa nhã mọi người đều thích nghe.

28. Tướng Lông mi xanh biếc ngay ngắn không tán loạn.

29. Tướng Mắt xanh biếc tươi sáng đỏ hồng, trong điểm thêm ánh

sáng trắng.

30. Tướng Mặt như trăng tròn, mày như chiếc cung.

31. Tướng Sợi lông giữa hai đầu chân mày sáng ngời, hơn xa ngọc báu.

32. Tướng Ô-sắc-nị-sa (nhục kế) giống như lọng trời”.

Nhưng khai hợp có khác nhau so với Du-già, trong Du-già tánh tướng rạng rỡ trang nghiêm thứ mười tám làm thân không cong vạy, lại tánh tướng thứ hai mươi ba làm răng không hở, răng sáng trong, tánh tướng cằm ngực thứ hai mươi mốt làm hai tướng. Kết hợp tướng mu bàn chân tương xứng với gót chân thứ bảy, kết hợp tướng bốn răng cửa vào tướng răng, kết hợp tướng cao lớn oai nghiêm thứ mười chín vào tướng đồng thanh đồng thủ thứ hai mươi, không có tướng mặt như trăng tròn thứ ba mươi. Đây là thuận theo thế tục nên nói về tướng không giống nhau, vì vậy nói có khác nhau.

Y theo các tướng nêu ra ở trước có bài tụng rằng:

Các tướng hiện bày mềm lưới nhọn
Gót mu chân vế cánh tay dài
Lông mọc một phía da bóng mịn
Sắc vàng bảy nơi vai tròn trịa.
Thể nghi cao lớn thật trang nghiêm
Sư tử ánh sáng răng bốn chục
Răng cửa vị lưỡi và âm thanh.
Mi mắt xoáy tròn mày lọng trời”.

Trong Du-già quyển bốn mươi chín chép: “Hóa thân khiến cho hữu tình phát sinh niềm hỷ lạc sâu sắc đối với các thứ nghiệp ác hiện hành của họ, như vậy các thứ nghiệp ác hiện hành là sở đối trị, cảm nhận tướng tốt tùy theo ý thích các thứ nghiệp lành là năng đối trị”. Lại chép: “Như vậy tất cả ba mươi hai loại trượng phu tướng không hề có sự khác nhau. Nên biết rằng đều sử dụng tịnh giới làm nhân mà cảm ứng được. Vì sao? Vì nếu các Bồ-tát hủy phạm tịnh giới, thân người thấp hèn còn không được, huống là có thể cảm đến tướng đại trượng phu sao?”

Kinh Đại Bát-nhã lại chép: “Như vậy Thiện hiện Bồ-tát Ma-ha-tát thực hành Bát-nhã sâu sắc, thường đem hai thứ Tài, Pháp bố thí thâu nhiếp các loài hữu tình, thật là pháp hy hữu vô cùng đặc biệt”.

“Lại do thực hành năm sự tu tập:

1. Phát tâm.

2. Lâu dài.

3. Không đứt quãng.

4. Thiết tha tôn trọng.

5. Sự cảm ứng được đầy đủ".

Kinh Y Bảo Nữ quyển bốn chép: "Tu nhân và tướng có chút khác nhau".

Kinh Vô Thượng Y quyển hai nói về sự tu nhân đồng với luận Du-già quyển bốn mươi chín: "Nói là tướng hơi khác nhau là do người phiên dịch mà thôi".

Lại nói tu hành bốn chánh nghiệp đạt được ba mươi hai tướng:

1. Quyết định không tạp, trong luận Du-già gọi là quyết định tu tác.

2. Quán xét tường tận tinh tế, trong luận Du-già gọi là Ủy tất tu tác

3. Thường xuyên tu tập không xen hở, Trong luận Du-già gọi là hằng thường tu tác

4. Tâm không điên đảo, trong luận Du-già gọi là vô tội tu tác.

Nghiệp thứ nhất đạt được tướng dưới chân bằng phẳng.

- Nghiệp thứ hai đạt được chín tướng:

1. Dưới lòng bàn chân có hình bánh xe.

2. Gót chân đầy đặn.

3. Mười ngón tay chân có màng lưới.

4. Da láng và mịn.

5. Bảy chỗ đầy đặn.

6. Hai vai bằng thẳng, hai nách đầy đặn.

7. Cánh tay tròn lẳn.

8. Lưỡi rộng dài.

9. Ngực như ngực sư tử.

- Nghiệp thứ ba đạt được năm tướng:

1. Ngón tay thon dài.

2. Gót chân dài.

3. Thân thẳng không khom.

4. Ngang dọc xứng nhau.

5. Dung mạo hoàn toàn thanh tịnh.

Nghiệp thứ tư đạt được các tướng còn lại, đồng với Du-già.

Trong luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa quyển sáu cũng nói về nhân của ba mươi hai tướng, kinh Tát-già Ni-kiền Tử quyển sáu cũng nói về ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp, phổ biến như các kinh luận khác đã giải thích. Tướng tốt đều sử dụng bốn căn y xứ mắt, lưỡi, thân, nam

và thiệt căn làm thể, nếu trong chủng tánh của các Bồ-tát chỉ có chủng tử thì nương vào thân mà an trụ, thắng giải hạnh địa mới có thể tu tập pháp khác, có thể đạt được phương tiện, tịnh thắng ý lạc địa mới gọi là Đắc (đạt được). Nếu ở ngoài các địa trên thì như vậy tướng tốt chuyển thành thắng thanh tịnh. Nếu ở Như lai địa thì nên biết rằng tướng tốt sẽ là thiện tịnh vô thượng.

Hỏi: Tại vì sao chỉ lập ba mươi hai loại này làm tướng đại trượng phu?

Đáp: Quyển bốn mươi chín chép: "Các tướng như vậy là có sắc cho nên chỉ là phẩm thắng trong liệt, vì thế các loài hữu tình dễ dàng nhận biết. Tuy có tất cả các thứ Phật pháp bất cộng đều được gọi là tướng đại trượng phu, nhưng chỉ lập các tướng này làm tướng đại trượng phu". Kinh Đại Bát-nhã quyển ba trăm tám mươi mốt chép: "Thế nào là tám mươi tùy hảo của Như lai? Này thiện hiện! Đó là:

1. Móng tay thon và dài.

2. Ngón tay ngón chân tròn thon và mềm mại.

3. Tất cả các ngón tay chân đều đầy đặn như nhau.

4. Tay chân tròn trịa sạch mềm như ý.

5. Gân máu chằng chịt ẩn kín không hiện.

6. Hai mắt cá đều ẩn kín.

7. Bước đi tiến thẳng như rồng chúa, voi đầu đàn.

8. Bước đi oai hùng thong dong như sư tử đầu đàn.

9. Bước đi an bình giống như trâu đầu đàn.

10. Bước nhẹ nhàng lại giống như ngỗng đầu đàn.

12. Quay cổ về bên phải như rồng đầu đàn, voi đầu đàn.

12. Chi tiết theo thứ lớp tròn trịa đẹp đẽ.

13. Khớp xương giao nhau giống như rồng cuộn.

14. Đầu gối tròn vạnh vững chắc đầy đặn.

15. Chỗ kín đẹp đẽ đầy đặn thanh tịnh.

16. Da trên thân trơn láng bụi bặm không dính.

17. Thân thể dung mạo chân thành nghiêm trang thường không yếu hèn.

18 . Thân thể vững chắc gắn bó với nhau.

19. Thân thể an định, chân thành tôn trọng, không hề nghiên lệch.

20. Thân tướng giống như tiên vương thanh tịnh uy nghiêm.

21. Vầng ánh sáng tròn quanh thân, thường tự chiếu sáng.

22. Bụng hình vuông không hề thiếu sự mềm mại.

23. Rốn sâu hướng về phía phải tròn trịa sạch sẽ.
24. Rốn dày không lồi không lõm rất đẹp đẽ.
25. Da dẻ không ghẻ lở, ung nhọt.
26 . Lòng bàn tay đầy đặn, dưới bàn chân bằng phẳng.
27. Đường chỉ tay sâu dài thẳng láng không tán loạn.
28. Màu môi đỏ thắm như quả Tần-bà.
29. Khuôn mặt không dài không ngắn, lớn nhỏ như nhau.
30. Lưỡi mềm mại mịn màng, rộng đài đỏ thắm.
31. Tiếng nói uy nghiêm, rõ ràng trong suốt.
32. Âm vận dịu ngọt lanh lảnh như tiếng vọng trong hang sâu.
33. Mũi cao dài thẳng không lộ hai lỗ.
34. Các răng của Thế tôn vuông vức thẳng tắp và sáng trong.
35. Các răng cửa tròn sáng trắng trong và sắc bén.
36. Mắt Thế tôn trong xanh sáng ngời.
37. Tướng mắt dài rộng như hoa sen xanh.
38. Mi mắt bằng thẳng dày dặn không thưa.
39. Mày dài không trắng, dày khít kín nhưng mềm mại.
40. Hai mày đẹp rạp xuống dài thon xanh biết.
41. Hai mày cao vút tươi sáng như trăng đầu tháng.
42. Lỗ tai dài rộng lớn như chiếc vòng rũ xuống.
43. Hai tai sáng đẹp bằng phẳng cân đối.
44. Người nhìn thấy dung nghi ngài không sinh tâm nhiễm ái.
45. Vầng trán rộng đầy đặn, hình tướng tuyệt đẹp.
46. Nửa phần thân trên như sư tử đầu đàn.
47. Đầu tóc dài, dày dặn xanh biết.
48. Đầu tóc thơm tho, tươi sáng xoay tròn.
49. Đầu tóc bằng thẳng không rối, không lẫn lộn.
50. Đầu tóc vững chắc không đứt, không rụng.
51. Đầu tóc láng bóng, bụi bặm không dính.
52. Thân thể khỏe mạnh hơn thần Na-la-diên.
53. Thân thể của Thế tôn cao lớn nghiêm trang.
54. Các lỗ nơi thân thể Thế tôn thanh tịnh tuyệt diệu.
55. Thân thể thế lực thù thắng không có ai bằng.
56. Thân tướng Thế tôn thích nhìn không chán.
57. Mặt tròn dài rộng như trăng tròn mùa thu.
58. Nhan sắc dung mạo thanh thản mỉm cười trước khi nói.
59. Nét mặt sáng ngời, không hề buồn bực.
60. Thân thể thanh tịnh không bẩn, không hôi.

61. Trong các lỗ chân lông thường phát ra mùi thơm đặc biệt.
62. Khuôn mặt thường phát ra mùi thơm thắng diệu.
63. Tướng đầu tròn đẹp giống như lọng trời.
64. Thân có màu sắc xanh biếc như cổ chim khổng tước.
65. Phát âm tùy theo mọi loài, hợp lý, không sai.
66. Tướng đỉnh đầu của Thế tôn không ai nhìn thấy được.
67. Ngón tay ngón chân đều đặn xinh đẹp.
68. Chân đi cách mặt đất bốn ngón tay mà dấu chân vẫn hiện rõ.
69. Tự giữ gìn, thân không hề dao động.
70. Uy đức vang xa, người thấy vui mừng xua tan sợ hãi.
71. Tiếng nói không cao thấp phát ra lời nói hòa nhã dịu dàng.
72. Tùy loại, mà nói tiếng, tùy ý thích mà nói pháp.
73. Giảng nói một loại âm thanh tùy mỗi loài đều hiểu được.
74. Nói thảy đều theo thứ lớp chắc chắn có nhân duyên.
75. Bình đẳng quán sát hữu tình, khen ngợi, chê bai đều hiện.
76. Làm việc gì trước tiên quán xét oai nghi, khéo léo thanh tịnh.
77. Tướng tốt của Thế tôn không thể nào quán sát hết được.
78. Xương đỉnh đầu của Thế tôn vững chắc trọn vẹn.
79. Nét mặt thường ít vui khi đi qua những nơi xa xưa.
80. Tay chân ngực bụng đều là đức tướng mừng vui".

Trong Du-già bốn mươi chín chép: "Đó là hai tay chân đầy đủ hai mươi ngón, cho đến đốt, móng thảy đều rất đẹp tức là hai mươi vẻ đẹp; hai tay hai chân trong ngoài tám chỗ thảy đều thù thắng, tức là tám thứ, hai mắt cá, đầu gối, đùi vế, sáu chỗ rất đẹp tức là sáu thứ, hai cánh tay, khuỷu tay, cổ tay tức là sáu thứ, eo, mông cùng có một thứ, hai hạch là hai thứ, âm tàng là một loại, hai mông là hai loại, ba chỗ ngực, bụng, rốn tức là ba vẻ đẹp, hai sườn, nách, vú là sáu vẻ đẹp, bụng, ngực, cổ, xương sống đều là một vẻ đẹp. Ngoài sáu mươi vẻ đẹp từ cổ trở xuống, răng, tóc trên dưới là hai vẻ đẹp, gò má là một, hai môi là hai, khóe miệng khéo đầy đặn là một vẻ đẹp, hai má là hai, hai mắt là hai, hai mi là hai, mũi hai lỗ là hai, trán đẹp là một, hai mai hai tai là bốn vẻ đẹp, đầu tóc là một, đầu có hai mươi kết hợp với trước là tám mươi, lược làm bài tụng rằng:

"Tay chân gồm hăm tám
Mắt cá gối đùi khuỷu
Cùng cổ tay mười hai
Eo mông hạt âm trôn.
Ngực bụng rốn có mười

Sườn nách vú là sáu
Bụng ngực cổ xương bốn
Sáu mươi cổ trở xuống.
Tóc gò má môi sáu
Má mắt mi mũi tám
Trán tóc mai tai năm
Đầu tóc thắng diệu một".

Kinh Vô Thượng Y lại có sáu mươi tám pháp, đầy đủ thành một trăm tám mươi. Nói sáu mươi tám pháp ấy tức là như Đại thừa đã chép: "Phật có mười tám pháp Bất cộng:

1. Không có sai lầm.
2. Không có âm thanh hung bạo.
3. Không có niệm sai trái.
4. Không có tâm bất định.
5. Không có các thứ tướng.
6. Không có bất trạch xả.
7. Dục không lui sụt.
8. Tinh tấn không lui sụt.
9. Niệm không lui sụt.
10. Định không lui sụt.
12. Trí tuệ không lui sụt.
12. Thắng giải không lui sụt.
13. Tất cả thân nghiệp trí làm tiền đạo tùy theo trí mà chuyển.
14. Ngữ nghiệp trí làm tiền đạo, tùy theo trí mà chuyển.
15. Tất cả ý nghiệp trí làm tiền đạo, tùy theo trí mà chuyển.
16. Biết rõ đời quá khứ không chấp trước, không trở ngại.
17. Biết rõ đời vị lai không chấp trước, không trở ngại.
18. Biết rõ đời hiện tại không chấp trước, không trở ngại".

Như Bổn Sư Vô Cấu Xưng kinh sớ có giải thích rõ, đồng thời như luận Câu-xá chép: "Mười lực, bốn Vô úy, đại bi, ba Niệm xứ cộng lại là mười tám pháp". Lại có kinh nói chỉ đạt được pháp là như kinh kia nói.

Chỉ có Như lai đạt được Như ý tự tại thần thông mau chóng, là một.

Chỉ có Như lai đạt được Thần thông biến hóa không có hạn lượng là hai.

Chỉ có Như lai đạt được Thần thông vô lượng vô tận là ba.

Chỉ có Như lai đạt được tâm pháp tự tại là bốn.

Tự tại vô biên, biết hóa tha tâm thông là năm.

Tự tại vô ngại Thiên nhĩ thần thông là sáu.

Biết chủng tử của chúng sinh ở cõi Vô sắc là bảy.

Thông đạt Thánh chúng sau khi nhập Niết-bàn là tám.

Trí tuệ rõ ràng không có trả lời điều gì bất định là chín.

Đại Ba-la-mật khéo léo thường trả lời câu hỏi là mười.

Phân biệt nói pháp không có sai trái là mười một.

Khai hóa chúng sinh không có sai lầm trống không là mười hai.

Chỉ có Như lai đạt được đệ nhất đạo thủ là mười ba.

Chỉ có Như lai đạt được bất khả hại diệt là mười bốn.

Chỉ có Như lai đạt được Kim cương Tam-muội là mười lăm.

Như lai hiểu rõ tất cả các pháp chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, tâm bất tướng ứng là mười sáu.

Vô ngại giải thoát là mười bảy.

Ba pháp bất nhiễm là mười tám.

Dứt bỏ thói quen là mười chín.

Nhất-thiết-chủng-trí là hai mươi.

Chỉ có Như lai đạt được Kim cương tụ thân là hai mươi mốt.

Không hề tác ý về tất cả sự nghiệp thành tựu là hai mươi hai.

Tất cả các tướng và xứ tương ứng rõ ràng thanh tịnh đầy đủ là hai mươi ba.

Sự thọ ký riêng biệt không có bất định là hai mươi bốn.

Đối với tâm hơn thua Phật không hứa không được thấy Phật là hai mươi lăm.

Chuyển Nhất thiết chủng thắng diệu pháp luân là hai mươi sáu.

Gánh vác chúng sinh có thể xả bỏ gánh nặng là hai mươi bảy.

Sau khi nhập Niết-bàn lại phát khởi tâm là hai mươi tám.

Chỉ có Như lai đạt được tu nhân tròn đầy không sót là hai mươi chín.

Chỉ có Như lai đạt đến quả tròn đầy vô dư là ba mươi.

Chỉ có Như lai đạt được lợi ích tha sự tròn đầy vô dư là ba mươi mốt.

Chỉ có Như lai đạt được biện tài vô tận là ba mươi hai.

Chỉ có Như lai đạt được việc nói tất cả pháp đều đúng như lý là ba mươi ba".

Giải thích rằng: Trong này tuy có ba mươi ba số, nhưng Bát-nhã chỉ lấy kết quả có ba mươi hai số, bởi vì tu nhân đầy đủ chẳng phải là quả đức, do đó chỉ có một trăm tám mươi pháp. Tất cả pháp hy hữu

không thể suy nghĩ bàn luận đều hiển hiện đó là kết thúc phần thứ ba. Nói là các công đức thù thắng hơn hẳn tất cả là hy hữu, siêu vượt các tình chấp biến kế gọi là không thể suy nghĩ bàn luận, nhưng theo Du-già quyển ba mươi sáu chép: "Vô thượng Bồ-đề có năm điều ít thấy:

1. Đối với các loài hữu tình chẳng có nhân duyên mà lại sinh ra thân ái.

2. Chỉ vì làm lợi ích cho các loài hữu tình nên thường ở nơi sinh tử chịu đựng vô lượng khổ đau.

3. Đối với nhiều phiền não khó điều phục của chúng sinh, khéo léo thường hiểu rõ cách điều phục.

4. Đối với nghĩa lý chân thật rất khó lãnh hội thường tùy theo đó mà ngộ nhập.

5. Đầy đủ năng lực oai thần rộng lớn, không thể suy nghĩ bàn luận".

Những điều hy hữu không thể suy nghĩ bàn luận này đều nương theo đại trí mà được hiển hiện.

Văn kinh: Thí như nhờ vào hạt châu như ý mà vô lượng, vô biên các loại châu báu thảy đều được hiện bày.

Tán rằng: Nêu thí dụ. Theo kinh Quán Phật Tam-muội Hải: "Hạt châu Như ý là trái tim của chim cánh vàng đầu đàn, Luân vương xuất thế lấy làm châu báu, nếu không có Luân vương xuống biển, thì Hải long vương lấy làm ngọc trấn giữ biển". Luận Đại Trí Độ chép: "Là xá-lợi của Phật vào thời mạt kiếp, biến thành hạt châu như ý để làm lợi ích chúng sinh, nhờ vào hạt châu có thể sinh ra tất cả mọi thứ cần thiết". Đại Trí định này cũng giống như thế.

Văn kinh: Như vậy nương vào hạt châu báu đại Tam-muội, nương vào hạt châu báu đại trí tuệ có thể công năng phát sinh nhiều thứ vô lượng, vô biên diệu pháp của các Đức Phật.

Tán rằng: Pháp kết hợp có thể biết.

Văn kinh: Này người thiện nam! Pháp thân, Tam-muội, trí tuệ như vậy.

Tán rằng: Dưới đây nói về ly hệ quả: Đầu là nêu ra, tiếp theo là giải thích, sau cùng là thành tựu. Đây là phần nêu ra. Pháp thân, Tam-muội, trí tuệ do định trí là năng chứng pháp thân sở chứng cho nên được giải thoát, tức là ba việc Niết-bàn, hoặc là thể, hoặc là nghĩa. Nhưng ở dưới nói tuy có ba số mà không có ba thể, hoặc nói theo nghĩa, hoặc pháp thân định tuệ và cùng với giải thoát chẳng phải nhất định là một hay khác, vì vậy không có ba thể, chẳng phải cho là chỉ có pháp thân.

Văn kinh: Vượt qua tất cả tướng, không chấp trước nơi tướng, không thể phân biệt, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, đó gọi là Trung đạo.

Tán rằng: Sau đây là giải thích. Vượt qua tất cả tướng thù thắng của tự thể cho nên lìa mười tướng, đó là sáu trần, nam, nữ, sinh, diệt. Không chấp trước nơi tướng vì vậy lìa các tình chấp, không thể phân biệt vì chẳng phải là tâm có thể nói, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, nên lìa hai bên. Trong này có bốn thứ:

1. Lìa bỏ các tướng.
2. Không hề chấp trước.
3. Chẳng phải cảnh tâm có thể nói.
4. Lìa hai bên.

Do bốn nghĩa ấy nên gọi là Trung đạo, cảnh phù hợp với chánh trí. Chánh trí gọi là trung đạo, cảnh của trung đạo cũng gọi là trung đạo.

Văn kinh: Tuy có phân biệt nhưng thể không có phân biệt, tuy có ba số mà lại không có ba thể, không tăng thêm, không giảm bớt.

Tán rằng: Tiếp tục giải thích về thành tựu. Tuy có phân biệt nhưng thể không có phân biệt là giải thích về vô phân biệt ở trước, tuy có Pháp thân, Tam-muội, Trí tuệ nhưng chẳng phải là phân biệt tâm duyên, chẳng phải là ngữ cảnh cho nên nói thể không có phân biệt. Tuy có ba số mà lại không có ba thể là giải thích về vượt qua tất cả các tướng, tuy có ba số Pháp thân, Tam-muội, Trí tuệ ba số mà không có thể riêng biệt rõ ràng. Không tăng thêm, không giảm bớt, là giải thích về chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, không tăng thêm vì chẳng phải thường còn, không giảm bớt vì chẳng phải đoạn diệt.

Văn kinh: Giống như huyễn mộng, cũng không có sở chấp cũng không có năng chấp.

Tán rằng: Giải thích không chấp tướng ở trước. Tam-muội, trí tuệ không có năng chấp, pháp thân không có sở chấp. Giống như huyễn mộng là thí dụ chẳng phải mộng không thể phân biệt, ý là chọn lấy cảnh giới nhìn thấy trong mộng.

Kinh: Pháp thể như như là nơi giải thoát, vượt qua cảnh giới sinh tử, vượt qua bóng đêm sinh tử.

Tán rằng: Thành tựu Trung đạo ở trước. Pháp thể như như là pháp thân, là nơi giải thoát sinh tử, tức là giải thoát. Vượt qua cảnh giới sinh tử, thoát khỏi quả hữu lậu, là xa lìa khổ đế, vượt qua bóng đêm sinh tử là lìa xa nhân của khổ đế, dứt bỏ tập đế cho nên thật là Trung đạo.

Văn kinh: Tất cả chúng sinh không thể tu hành nên không thể đến

được nơi trú xứ của tất cả các Đức Phật, Bồ-tát.

Tán rằng: Đây tức là phần khuyến tu, nói về không tu không đạt được, trái lại hiển rõ tu thì liền đạt được; đầu là pháp, sau là dụ. Đây là pháp, nói về chúng sinh không tu không đạt được đại Niết-bàn là nơi thường an trú của các Đức Phật, Bồ-tát.

Hỏi: Ở đây nói về thứ lớp đắc quả, không chia rõ thứ lớp tu hành, do đâu mà khuyến tu?

Đáp: Quả phát khởi nhờ vào ý muốn tu tập sinh ra sau thứ lớp tu hành, cho nên nói. Vì thế ý của thí dụ sau là kết hợp nói về nhân quả.

Văn kinh: Này người thiện nam! Thí như có người mong ước có được vàng nên cầu tìm khắp nơi cuối cùng tìm được quặng vàng.

Tán rằng: Dưới đây nói về thí dụ. Trước nói về năm quả, dụ cũng có năm. Thí như có người tức là giống như trước nhờ vào quả dị thục ở thân này, mong ước có được vàng dụ cho đạt được quả tăng thượng của sơ tâm phát khởi, khắp nơi tìm kiếm cuối cùng tìm được quặng vàng dụ cho quả đẳng lưu. Trước dụ cho tư lương vị trong tu hành địa tâm, nhờ vào giáo lực phát khởi tín tâm biết trong thân mình có Phật tánh. Hai tánh lý, sự của pháp thân đều đạt được giống như quặng vàng, bị chướng ngại bao phủ như tìm được quặng vàng.

Văn kinh: Đã tìm được quặng rồi tức thì đập nát để chọn lấy vàng ròng.

Tán rằng: Dụ cho gia hạnh vị trong tu hành địa tâm, tâm dần dần tu học dứt bỏ sở thủ, năng thủ, an trú trong duy thức quán, giống như chọn lấy vàng ròng.

Văn kinh: Nung luyện trong lò, được vàng thanh tịnh.

Tán rằng: Vì nung đốt kén chọn dụ cho tâm không lui sụt địa, tâm Nhất sinh bổ xứ, tâm Kim cương. Được vàng thanh tịnh dụ cho tâm Như lai địa là quả sĩ dụng.

Văn kinh: Tùy ý làm thành các thứ vòng xuyến, các loại trang sức, cho dù có nhiều công dụng nhưng tánh vàng không thay đổi.

Tán rằng: Mong muốn đạt được Niết-bàn là quả ly hệ. Đạt được thường, lạc, ngã, tịnh giống như làm thành các thứ vòng xuyến v.v..., nhưng mà không mất tánh chân như. Hoặc mong muốn Bồ-đề đều là quả sĩ dụng, các thứ vòng xuyến tức là định trí, phát sinh tất cả công đức, thường không mất định tuệ tánh, đều giống như vàng không thay đổi, toàn bộ đoạn văn trên đây giải thích về tướng mạo xem xét về hành tướng, dần dần đi sâu vào ý cầu mong xa hơn, cũng cần phải thích đáng. Nếu giải thích theo xưa thì thí dụ sau thuộc về tu hành, đầu là dụ, sau

là pháp, y theo trước đây có thể biết. Văn tu hành sau đây sẽ có thí dụ, do đó không y theo xưa.

Văn kinh: Lại nữa, này người thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu thắng giải thoát, tu hành điều lành thế gian.

Tán rằng: Toàn bộ đoạn văn thứ ba là trả lời về nhân, trong đó có hai phần: Đầu tiên phân tích quả; tiếp theo dưới đây là thứ lớp tu chứng. Theo các văn ví dụ nên trước tiên là tu nhân sau đó mới đắc quả, ở đây theo trước nên nói về ba thân, sau sẽ nói về lần lượt đắc quả. Tuy biết thứ lớp đắc quả nhưng nếu không tu hành thì làm sao đắc quả được, cho nên nay tiếp tục nói về thứ lớp tu chứng. Còn như Du-già quyển ba mươi tám chép: "Đã nói những nơi cần học của Bồ-tát, như vậy cần phải học, nay ta sẽ nói:". Đây là ý của phẩm Bồ-đề trước đây nói về hai đoạn hai trí. Bồ-đề tối thắng là những gì cần phải học, ý khiến cho sinh khởi mừng vui như thế cần phải học, tức là khiến cho vui mừng cầu mong phát khởi tu tập diệu hạnh. Nay ở dưới đây nói về thứ lớp tu hành, đem ý muốn hướng về quả từ bốn thứ năng lực:

1. Nhân lực.
2. Thiện hữu lực.
3. Tác ý lực.
4. Tư lương lực.

Bốn năng lực này là nhân tư lương, đã đầy đủ thì sẽ thành tựu chánh giác. Đây đều là quả. Nay trong văn này chia ra làm hai:

Đầu là pháp thuyết, sau là dụ thuyết.

Trong pháp thuyết như trước chia làm năm; đây tức là thứ nhất, trước nói về Nhân lực. Cầu được giải thoát là những học xứ Vô thượng Bồ-đề, Đại Nhập Niết-bàn vượt lên trên Nhị thừa, gọi là thắng giải thoát. Tu điều lành thế gian gọi là thiện pháp dục, lìa nhân gia hạnh, giấu kín chủng tánh kia nương nhờ duyên hiện hành để làm nhân lực. Theo Du-già quyển ba mươi tám: "Nương vào tám thứ thắng giải đó, tịnh tín thành tựu đầy đủ thì trước chắc chắn được hỷ lạc:

1. Nương vào nơi công đức thắng giải của Tam bảo.
2. Đối với uy lực của Phật, Bồ-tát.
3. Đối với nghĩa chân thật.
4. Đối với nhân.
5. Đối với quả.
6. Đối với ưng đắc nghĩa.
7. Đối với ưng đắc phương tiện.
8. Đối với thiện ngôn, thiện ngữ, thiện thuyết mà cầu thắng giải

thoát thì chắc chắn được hỷ lạc”. Luận Duy Thức sáu chép: “Đối với thật đức có thể đi sâu vào nhẫn chịu lạc dục, tâm thanh tịnh là tánh, nhẫn tức là tín nhân, lạc dục là quả, tâm thanh tịnh tin vào thể”. Ở đây nói cầu tức là nhẫn chịu lạc dục là cội gốc lành, dục là thường xuyên nương vào nhân để tu điều lành thế gian.

Văn kinh: Được thấy Như lai và chúng đệ tử được gần gũi rồi.

Tán rằng: Thiện hữu lực, văn chia làm bốn:

1. Được gần gũi.
2. Thỉnh cầu thắng pháp.
3. Nghe và suy nghĩ về pháp đó.
4. Chính thức giải thích.

Đây là mở đầu. Trong đây lẽ ra nói là tướng của bạn lành, bạn lành tác nghiệp, gần gũi bạn lành. Trước hết có hai như Du-già quyển bốn mươi bốn giải thích rộng. Gần gũi bạn lành, trong luận ấy chép: “Do bốn thứ tướng mới được gần gũi bạn lành trọn vẹn:

1. Đối với bạn lành bị bệnh hay không bị bệnh, lúc nào cũng cung phụng hầu hạ, thường xuyên phát khởi sự thương yêu kính trọng, hoàn toàn tin tưởng.

2. Đối với bạn lành lúc nào cũng cung kính thăm hỏi lễ bái hầu hạ đón tiếp chắp tay, ân cần tu nghiệp, hòa thuận cung kính, nên vì đó cúng dường.

3. Đối với bạn lành thường xuyên cúng dường y phục, thức ăn, đồ nằm, thuốc men chữa bệnh, cùng mọi vật dụng tùy thân đúng như pháp.

4. Đối với bạn lành nếu là chính thức y chỉ, đối với nghĩa lý chánh pháp hoặc phù hợp, hoặc xa lìa, tùy theo chuyển đổi tự tại, không có nghiêng động, như thật biểu hiện thực hành tâm phụng thờ cung kính, thường xuyên đi đến cung kính, phụng sự thưa hỏi nghe nhận.

Văn kinh: Bạch với Phật rằng: “Bạch Thế tôn! Điều gì là lành, điều gì là không lành, điều gì là chánh tu, được hạnh thanh tịnh.

Tán rằng: Thỉnh cầu thắng pháp. Trong Du-già quyển ba mươi tám chép: “Các vị Bồ-tát đó vào lúc cầu thỉnh chánh pháp nên cầu những gì, vì sao nói mà cầu, cố ý cầu nghĩa nào?”. Đầu tiên hỏi là cầu pháp nào, tiếp theo hỏi cầu nghi quỹ, sau đó hỏi cầu pháp làm gì. Cầu những gì là nên cầu năm minh. Cầu pháp quỹ nghi, nghĩa là các vị Bồ-tát đối với việc khéo nói pháp nên an trú hết sức mạnh mẽ và trân trọng cầu nghe chánh pháp, vì muốn lắng nghe khéo nói pháp, giả sử đường đi trải qua lửa dữ hừng hực đốt cháy mặt đất, không còn cách nào có

thể lắng nghe được khéo nói pháp này, lập tức phát khởi tâm mạnh mẽ trân trọng vui mừng mà đi vào, huống là muốn nghe nhiều nghĩa lý nói về pháp lành, vượt quá tự thân và mọi tiền của, vật dụng yêu quý vốn có gấp trăm ngàn muôn lần. Đối với khéo nói pháp thường ưa thích lắng nghe không hề có sự mệt mỏi cũng không hề thỏa mãn, tịnh tín sâu dầy, tánh tình hòa nhã, tâm thẳng thắn, thấy thẳng thắn, yêu kính đức độ, cho nên yêu kính pháp. Hướng về Pháp sư tâm không hề hỏi vặn hóc búa, có tâm kính trọng, không có tâm kiêu mạn, một bề vì cầu pháp lành, không phải biểu hiện đức độ của mình mà vì muốn an lập gốc lành cho mình và người, không vì nhân duyên lợi dưỡng cung kính, tâm không hề tạp nhiễm, lìa bỏ cao ngạo, lìa bỏ khinh mạn, lìa bỏ yếu hèn, kịp thời mà nghe, thiết tha trân trọng mà nghe, cung kính mà nghe, không vì tổn hại, không vì thuận theo, không tìm lỗi lầm, tâm cầu lãnh ngộ, tâm chuyên nhất hướng về, nghe rồi nhớ mãi giữ lấy những gì cần thiết. Lắng nghe chánh pháp, đối với pháp đã nghe thực hiện bốn thứ tướng:

1. Nghĩ là như vật quý báu tuyệt diệu, vì khó có được.
2. Nghĩ là như thuốc tốt quý hiếm vì có nghĩa trừ bệnh.
3. Nghĩ rằng như tài vật vì có nghĩa không phân tán.
4. Nghĩ rằng như Niết-bàn vì có nghĩa diệt khổ.

Bởi vì pháp là nhân của tướng tốt trang nghiêm, do đó khởi lên ý tưởng quý báu tuyệt diệu, bởi vì pháp là nhân dứt trừ phiền não, do đó khởi lên ý tưởng thuốc tốt quý hiếm, bởi vì pháp là nhân của thần thông do đó khởi ý tưởng giống như tài vật, vì pháp là nhân chân chánh vô tận do đó khởi ý tưởng Niết-bàn.

Tiếp theo nói về ý cầu nghe pháp. Lúc cầu nội minh là chân chính tu hành pháp, thực hành theo pháp, là mở bày rộng rãi, lợi ích giác ngộ đối với người khác. Lúc cầu nhân minh là muốn hiểu rõ như thật ngoại đạo tạo ra nhân luận tà ác ngôn thuyết, là muốn hàng phục các luận thuyết khác, đối với giáo lý chân thật người chưa hoàn toàn tin tưởng khiến cho họ tin tưởng hoàn toàn, người đã thật sự tin tưởng lại khiến cho họ càng tin tưởng hơn. Lúc cầu thanh minh là khiến cho chúng sinh tin tưởng ưa thích vào lời nói chuẩn mực, đối với thân Bồ-tát sinh tâm cung kính tin tưởng sâu sắc, là muốn hiểu rõ ngôn từ âm tiết của người xưa chỉ dạy. Lúc cầu y minh là chấm dứt các thứ bệnh tật của chúng sinh, là muốn làm lợi ích cho tất cả mọi người. Lúc cầu công xảo minh là dụng ít công sức mà chứa nhóm nhiều tài vật quý báu, là muốn lợi ích cho các loài chúng sinh, là phát khởi ý tưởng chúng sinh thật hiếm

lạ, là dùng trí khéo léo bình đẳng phân bố lợi ích nhiếp thọ vô lượng chúng sinh. Vì sao mà nói, vì nghĩa gì nói? Hợp với những điều nên cầu thì nói những điều như vậy, vì cầu nghĩa này nên nói nghĩa này. Đây là ý vì cầu lợi ích tự tha, lại muốn cho chúng sinh thực hành lợi ích tự tha, do đó mà nói. Nay nói thế nào là lành và không lành, đó là hỏi về pháp sở cầu; điều gì là chánh tu tức là hỏi về nghi thức phép tắc nghe pháp, lại hỏi điều gì đạt được hạnh thanh tịnh tức là cầu những gì.

Văn kinh: Các Đức Phật, Như lai và chúng đệ tử lúc thấy người kia hỏi liền suy nghĩ như vầy.

Tán rằng: Bạn lành suy nghĩ.

Văn kinh: Thiện nam, thiện nữ này muốn cầu thanh tịnh, muốn nghe chánh pháp liền nói cho họ nghe khiến người kia khai ngộ.

Tán rằng: Sẽ giải thích cho nghe, tức là bạn lành tác nghiệp. Chưa hiểu giúp cho hiểu rõ, đã hiểu thì giúp cho biết nhiều hơn là khai.

Văn kinh: Người kia đã nghe rồi chánh niệm nghĩ nhớ giữ gìn.

Tán rằng: Thứ ba là tác ý lực. Phát khởi ý nghĩ như lý nên chánh niệm gìn giữ không bỏ.

Văn kinh: Phát tâm tu hành đạt được tinh tấn lực, dứt bỏ lười nhác chướng ngại, dứt trừ tất cả tội lỗi.

Tán rằng: Thứ tư là tư lương lực, tức là trong ba đại kiếp tu tập muôn hạnh làm tư lương cho Bồ-đề. Đầu tiên trong năm vị gọi là tư lương, đó là tên khác được gọi chung, như các sắc xứ, bởi vì bắt đầu phát tâm cầu đạo Bồ-đề nên cùng gọi là tư lương, còn lại được gọi tên khác, vì hạnh thù thắng khác nhau. Trong tư lương lực này chia ra hai: Đầu là Địa tiền, sau là Địa thượng.

Đây là mở đầu.

Địa tiền có bốn:

1. Phát tâm tu hành.
2. Đạt được lực tăng thượng.
3. Trừ chướng.
4. Diệt tội.

Phát tâm tu hành là địa vị thập trụ, cho nên đầu tiên trong thập trụ gọi là phát tâm trụ, bởi vì bắt đầu phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Trước đây tuy phát nhưng chưa đi vào tăng-kỳ, nay bắt đầu đi vào tăng-kỳ cho nên được gọi là Phát. Phát tâm có nhiều thứ, pháp lành dục vị chủng tánh phát tâm trong giai vị thập trụ thì hạnh thắng giải phát tâm đi vào Sơ địa gọi là chứng đắc phát tâm. Nay ở đây thắng giải phát tâm đạt được tinh tấn lực.

Nhẫn vị thứ nhất đã đạt được năm lực tín là thường xuyên nương tựa vào, chẳng phải chính thức hàng phục các hoặc. Siêng năng có thể hàng phục các hoặc, cho nên ở đây nói. Trừ lười nhác chướng ngại đó là nêu ra hạnh tinh tấn trái nhau. Y theo thực tế thì phân biệt tất cả hai chướng ở địa vị này đều hàng phục. Đây là dứt trừ khổ nhân. Diệt tất cả tội lỗi đó là quả khổ. Đến tăng thượng nhẫn và thế đệ nhất vị, tất cả quả khổ trong đường ác tám nạn đều không sinh được. Phần nhiều nói về thấy đạo, lìa hai khổ này là nói theo đoạn chủng. Nơi đây y theo phục vị và quyết định đắc. Trong luận Thành Duy Thức chép: "Tuy thấy đạo phát sinh cũng dứt trừ các thứ nghiệp quả của đường ác. Nhưng nay lại nói có thể sinh khởi phiền não, vì đó là cội gốc". Lại chép: "Hai khổ trong đường ác tạp nhiễm ngu muội tức là các nghiệp quả của đường ác".

Văn kinh: Đối với các học xứ phải hết lòng tôn trọng, dứt trừ tâm trạo hối, bước lên Sơ Địa.

Tán rằng: Nói về bước lên Địa thượng. Thập địa là mười, văn mỗi địa đều có hai: Đầu tiên là trừ chứng, sau đó đạt được Địa. Do nơi Sơ Địa đạt được bốn chứng tịnh, đối với học xứ hết lòng tôn trọng, học xứ tức là giới, hoặc tất cả những điều cần phải tu gọi là học xứ, thể không lìa Tam bảo và lấy tịnh giới để chứng được tịnh, lìa tâm không tôn trọng, dứt bỏ hẳn phân biệt. Dứt trừ tâm Trạo hối vì nó là chướng ngại của dị sinh tánh, tuy chướng của dị sinh tánh thâu nhiếp tất cả hai chướng phân biệt nhưng do chướng của trạo hối mà định thêm lớn do đó ở đây dạy tu định, nhờ vào định phát khởi trí, kết hợp định trí này cho nên thành tựu pháp thân, vì vậy cố ý nói dứt trừ, lý thật sự thông suốt các thể còn lại. Còn sắp đoạn, đang đoạn đều được gọi là Đoạn. Địa vị sắp đoạn thêm lớn ở trước, địa vị đang đoạn thúc đẩy tâm đang đi vào Địa. Ở đây phần nhiều nương vào Sơ Địa mà nói đoạn chướng. Vì vậy trước tiên nói dứt trừ tâm trạo hối, sau đó nói đi vào Sơ Địa. Còn lại đều y theo đó mà biết.

Văn kinh: Nương vào tâm Sơ Địa, trừ chướng lợi ích hữu tình, đi vào Nhị Địa.

Tán rằng: Từ địa thứ hai, giữ giới Ba-la-mật. Trong giữ giới Ba-la-mật có ba sự khác nhau, Lợi ích cho hữu tình là thắng hạnh của Bồ-tát. Tâm Sơ Địa đã đầy đủ sắp đi vào Nhị địa nên lực tu giới tăng lên, sắp đoạn chướng đang hiện hành, cho nên có công năng phát sinh lợi ích. Nói trừ chướng của việc lợi sinh, tức là chướng tà hạnh, hàng phục chướng này rồi đi vào Nhị Địa.

Văn kinh: Ở trong địa này trừ chướng không ép ngặt, đi vào Tam địa.

Tán rằng: Tức là chướng ám độn. Trong luận Duy Thức v.v... chép, ngăn che tất cả văn tư thắng tuệ gọi là ám độn. Ở đây nói ngăn che nhẫn gọi là ép ngặt, hoặc nơi khác nói ngăn che vốn là ngu si cho nên gọi là ám độn chướng. Nếu y theo ngọn ngành của nó tức là các thứ tức giận v.v... gọi là ép ngặt chướng. Hoặc do ba nhẫn, bởi vì tham lam, thích thú các thứ vốn có không thể nhẫn chịu được khổ, tức là tham lam ép ngặt não loạn, thấy người khác oán hại nhưng không thể nhẫn chịu, tức là tức giận ép ngặt não loạn, nghe hai đế không thể nào hiểu biết nhẫn chịu, tức là ngu si ép ngặt não loạn. Lúc đi vào địa thứ ba đạt được ba nhẫn này, cho nên dứt trừ được chướng ép ngặt.

Văn kinh: Ở trong địa này, dứt trừ chướng tâm nhuyến tịnh, đi vào Tứ Địa.

Tán rằng: Tâm tịnh gọi là Bồ-đề phần pháp, nhuyến nghĩa là chướng phiền não nhỏ nhiệm hiện hành, tức phiền não nhỏ nhiệm chính là chướng của thanh tịnh này, hoặc phiền não này nương vào tâm vương cho nên thuận theo chủ, làm tên, gọi là tâm nhuyến tịnh chướng.

Văn kinh: Ở trong địa này, dứt trừ chướng thiện phương tiện, đi vào Ngũ địa.

Tán rằng: Địa này tu tập đạo vô khác nhau, tức là trí Vô khác nhau, sẽ chứng như vô khác nhau, cho nên đạt được chân tục không khác nhau. Sinh tử, Niết-bàn không khác nhau do đó dùng trí hậu đắc tu đại bi. Bát-nhã không trụ ở sinh tử, Niết-bàn gọi là phương tiện. Thể căn bổn của Niết-bàn và phương tiện tức là trí vô phân biệt, khởi dụng tức là bi trí. Thường chướng ngại phương tiện này tức là chướng Nhập Niết-bàn của hạ thừa. Niết-bàn chẳng phải là chướng, chán ghét sinh tử, ưa thích Niết-bàn, tâm ấy mới là chướng, chướng ngại phương tiện này. Ở đây dứt trừ chướng này được đi vào Địa thứ năm.

Văn kinh: Ở trong địa này, dứt trừ chướng thấy có chân tục, đi vào Lục địa.

Tán rằng: Nói về chân tục như thông thường đã phân biệt rõ, đều có bốn thứ. Trong các luận nói theo tướng chung, vả lại nói Ngũ địa thực hành quán sát bốn đế, nhưng có thể kết hợp hai đế chân tục mà quán sát, trừ chướng chân tục trái nhau. Nếu không như vậy thì không thể kết hợp quán sát chân tục, bởi vì thực hành quán sát bốn đế, nhưng chưa thể nào trừ hai tướng nhiễm tịnh, vì tướng nhiễm tịnh nương theo chân tục mà sinh. Nay theo căn bổn gọi là chướng chân tục, y theo thực tế tức

là chướng tướng thô hiện hành. Tướng nhiễm tịnh này hướng về tướng sinh diệt, nhiễm tịnh là thô, do tướng thô này chấp vào sở tri chướng hiện hành mà phát khởi nên gọi là chướng thô tướng hiện hành. Địa thứ năm sắp trừ, đi vào Địa thứ sáu đang trừ, hoặc dựa vào phương tiện, đi vào địa thứ năm trừ chướng chân tục trái nhau, cho nên có thể kết hợp quán cả hai, đi vào Địa thứ sáu, lần lượt phỏng theo nhau, vì thế ở đây nói là phân biệt.

Văn kinh: Ở trong địa này, trừ chướng thấy có hành tướng, đi vào Thất địa.

Tán rằng: Chướng thấy có hành tướng tức là chướng tế tướng hiện hành, chấp vào tướng sinh diệt, từ trong Địa thứ sáu thực hành quán duyên sinh, tuy trừ tướng nhiễm tịnh nhưng thấy có tướng sinh diệt, chướng đạo vô tướng, không thấy sinh diệt, đạo chướng diệu vô tướng, không thấy sinh diệt. Nay thấy có hành tướng này đang hiện diện tức là chướng. Đi vào Địa thứ bảy mới dứt, hoặc trong Địa thứ sáu thực hành quán duyên sinh, thấy sinh tử lưu chuyển mà không thấy có hữu vi, vô vi. Nay trong Địa thứ bảy dứt hai chướng ấy nên thường có thể thực hành quán vô tướng. Vì vậy trong luận Duy Thức chép: "Chấp có sinh là hãy còn giữ lấy tướng lưu chuyển tế sinh, chấp có diệt là hãy còn giữ lấy tướng hoàn diệt tế diệt". Các kinh như Bát-nhã Tâm Kinh cũng chép: "Không có vô minh cũng không có hết vô minh". Hết tức là diệt, diệt tức là vô vi, không thấy tướng diệt tức là đạo diệu vô tướng. Đưa ra không thấy diệt, ẩn chứa không thấy sinh, gọi là chướng tế tướng hiện hành. So sánh tướng thô ở trước, đây gọi là chướng tế kiến hành tướng, tức là nói theo Sở chấp. Hành tướng tức là hành tướng sinh diệt, là chướng của việc thấy có hành tướng.

Văn kinh: Ở trong Địa này, trừ chướng tướng không thấy có diệt, đi vào Bát địa.

Tán rằng: Diệt tướng tức là vô tướng. Bởi vì trong Địa thứ bảy phần nhiều chọn lấy tướng diệt, hoàn toàn trong vô tướng tác ý chịu khó tìm cầu, không thể ở trong cái không nhậm vận, khởi hạnh thù thắng, chướng ngại vô công dụng, diệu quán vô tướng. Không thấy tướng diệt đó là quán vô tướng. Đi vào Địa thứ tám chẳng những không thấy tướng diệt, mà hai tướng Tướng, Độ cũng không thấy, cho nên đối với hai tướng này cũng được tự tại. Do đó trong Địa thứ tám dứt hai thứ ngu muội:

1. Đối với vô tướng phát khởi công dụng ngu muội.
2. Đối với Tướng tự tại ngu muội.

Ở đây tạm thời đưa ra cái ban đầu để phỏng theo dứt trừ ở sau này.

Văn kinh: Ở trong địa này, trừ chướng không thấy có tướng sinh, đi vào Cửu địa.

Tán rằng: Không thấy có tướng sinh là đối lại với tướng diệt ở trước, lẽ ra đó là tướng sinh của các pháp, nhưng do vì đi vào Địa thứ tám thích quán vắng lặng cho nên không thấy có tướng duyên sinh là nói theo tướng chung. Song, Địa thứ tám đối với việc lợi tha vẫn còn chưa muốn thực hiện, tức là không thấy có chúng sinh, nên bỏ hạnh lợi ích chúng sinh. Trong luận Địa thứ tám chép: "Các Đức Phật khuyên nhắc bảy lần mới ra khỏi quán vô tướng, Địa thứ tám có khả năng hàng phục chướng không thấy chúng sinh này được đi vào Địa thứ chín". Lại giải thích: "Bởi vì không thấy có chúng sinh khác ngoài mình ra, chúng sinh kia tức là Ngã, không thấy ngoài thân có chúng sinh khác, vì thế cho nên có thể thường xuyên làm lợi ích". Nay ở Địa thứ tám ban đầu thấy ngoài thân có chúng sinh khác. Chướng ngại việc không thấy có tướng chúng sinh này, gọi là chướng không thấy có chúng sinh. Vì vậy trong luận Biện Trung Biên chép: "Vì thường lợi ích hữu tình cho nên quán tất cả đều là không". Luận Thành Duy Thức cũng chép: "Đối với sự nghiệp lợi tha, trong Địa thứ chín không muốn thực hành là chướng, đi vào Địa thứ chín có thể hoàn toàn dứt trừ.

Văn kinh: Ở trong địa này trừ chướng sáu thông, đi vào Thập địa.

Tán rằng: Tức là đối với các pháp, bị ngăn ngại khiến chưa được tự tại. Đối với pháp tự tại tức là sáu thần thông và đại pháp trí. Do có chướng này chướng ngại pháp tự tại kia. Hơn nữa, nêu ra sáu thần thông để nói đại pháp trí vân. Lại giải thích: Đối với các học xứ lìa bỏ không tôn trọng, ngừng dứt tâm trạo hối là nhắc đến tu nhân ở đoạn văn trước. Đi vào Sơ địa nói về quả Sở đắc, tức là quả hậu hậu do ở giai vị gốc lành xa lìa sự không tôn trọng Tam bảo và chánh pháp. Trừ chướng lười nhác, diệt tất cả tội lỗi. Lại đồng thời có thể lìa bỏ chướng tự tại cho nên ngừng dứt tâm trạo hối, tức trong luận Bát-nhã của Thiên Thân chép: "Đối với sự tu hành, trong tâm chấp ta là Bồ-tát, đây tức là chướng trong tâm, trái với đạo lý bất trụ". Bất trụ đạo tức là Sơ địa chấp rằng mình có thể tu ngược với đạo sơ địa. Trong luận Bát-nhã của Bồ-tát Vô Trước chép: "Trừ chướng hỷ động, từ cái gọi là mình có thể tu hạnh thù thắng phần nhiều sinh ra hỷ động, hỷ động tức là trạo cử, vì đây là chướng làm chướng ngại đi vào Sơ địa, do dứt trừ chướng này, đi vào

Sơ địa tức là lìa các tâm không tôn trọng v.v... đều là Địa tiền, chẳng phải là vào trong Sơ địa". Mười chướng dưới đây đều tùy theo đó mà biết. Ở trong Sơ Địa thực hành ba thí, có thể lợi ích hữu tình, trừ chướng trái nhau, được đi vào Nhị địa. Nhị địa giữ giới trừ chướng bất não hữu tình, đi vào Tam địa. Tam địa tu định, trừ chướng tâm nhuyễn tịnh, tâm tức là tâm học, trừ các chướng ngại của định, lìa tâm cứng cỏi gọi là tâm nhuyến tịnh, được đi vào Tứ địa. Vào trong Tứ địa, Tu-bồ-đề phần quán, gọi là thiện phương tiện, trừ xong chướng này được đi vào Ngũ địa. Vào trong Ngũ địa có thể khiến cho chân tục thuận theo lẫn nhau mà không trái ngược, do đó trừ chướng thấy có chân tục, đi vào Lục địa. Vào trong Lục địa, thực hành duyên sinh quán, trừ chướng thấy có hành tướng nhiễm tịnh của bốn đế, đi vào Thất địa. Lúc vào Thất địa thường thực hành vô tướng quán, trừ chướng thấy có tướng duyên sinh sinh diệt, được vào Bát địa. Vào trong Bát địa nhậm vận quán sát lý vô tướng, trừ tướng thêm bớt, lúc tịnh pháp sinh ra chân như không tăng thêm, lúc phiền não diệt đi chân như không giảm bớt, sinh tức là thêm. Đưa ra cái không tăng thêm đó y cứ theo làm sáng tỏ cái không giảm bớt, đi vào Cửu địa. Vào trong Cửu địa lẽ ra là nói chướng không muốn thực hành lợi ích hữu tình, tức là nơi mãn vị có khả năng hàng phục dứt trừ sự chướng ngại đối với sáu thần thông kia, nên nói là vào Địa thứ mười có khả năng dứt trừ chướng sáu thần thông. Bởi vì chướng thứ mười một là Địa vị thứ mười đã trọn vẹn nên có khả năng dứt trừ, nói Thập địa dứt trừ sở tri chướng, ẩn chứa chướng thứ chín do đó không bàn đến. Đây là giải thích thuận theo văn, trước đây là giải thích thuận theo lý, bao gồm y theo kinh xưa và cách giải thích sau này là hơn hẳn. Vì sao? Vì trong kinh xưa từng địa từng địa đều nói dứt trừ xong mới có thể hội nhập, rõ ràng chẳng phải là điều phục, hoặc có thể, điều phục hết sạch gọi là dứt trừ xong. Y theo hai cách giải thích tùy ý có thể lấy bỏ.

Văn kinh: Ở trong địa này, trừ sở tri chướng, trừ tâm căn bổn, đi vào Như lai địa.

Tán rằng: Sau đây nói về quả vị. Đầu tiên nói về trừ chướng đạt được Phật địa trọn vẹn, sau đó hiển rõ Phật địa vốn có ba thanh tịnh.

Đây là mở đầu.

Trừ chướng sở tri, vô gián đạo dứt trừ chủng tử nhỏ nhiệm và thói quen của hai chướng; trong Thắng Chướng Bồ-đề nói là dứt trừ sở tri chướng, trừ tâm căn bổn, tức là nơi nương tựa của chủng tử và thói quen. Trừ chủng tử nhiễm ô nơi thức thứ bảy, bởi vì hằng nhiễm cụ. Vô gián đạo dứt trừ điều lành hữu lậu và vô ký cùng tâm sở tương ưng nơi thức

thứ bảy gọi là tâm căn bổn. Thức thứ tám có cả hai y, sáu thức chỉ là chỗ nương của thói quen, đoạn ở đây có hai thuyết, như Duy Thức mười có nói rõ.

Văn kinh: Như lai địa do ba thứ thanh tịnh cho nên gọi là Cực thanh tịnh. Những gì là ba? Một là phiền não tịnh; hai là khổ tịnh; ba là tướng tịnh.

Tán rằng: Hiển rõ ba thanh tịnh. Trong đoạn văn chia ba phần, đó là nêu ra, Gạn hỏi, Liệt kê. Phiền não tịnh là hai chướng và nghiệp, khổ tịnh tức là hai thứ tử, tướng tịnh tức là thói quen. Do ba tịnh ấy lại không còn có gì cao hơn nên gọi là Cực thanh tịnh.

Văn kinh: Dụ như vàng ròng nung chảy gạn lọc đã sạch rồi không còn trở lại quặng giữa.

Tán rằng: Hiển rõ thí dụ. Hiển rõ thí dụ có bốn dụ: Ba thí dụ đầu dụ cho pháp như như, pháp thân vốn thanh tịnh, một dụ sau dụ cho trí như như hiện hành bắt đầu thanh tịnh. Pháp thân vốn thanh tịnh có ba thứ, tức là ba thanh tịnh ở trước. Ba thí dụ như sau: Hai dụ đầu cùng kết hợp một pháp, bởi vì hoặc nghiệp thuận theo hai tướng nhân quả cho nên kết hợp một pháp. Đồng thời ba thanh tịnh đó tức là ba nghĩa pháp thân, Bát-nhã, giải thoát. Pháp thân vốn thường như vàng, Bát-nhã soi chiếu như nước, giải thoát không ngăn ngại như hư không, đều nói theo nghĩa tánh đạt được nhất như. Thí dụ đầu chia làm hai: Trước là dụ cho hiện tại thanh tịnh, sau là thành tựu thanh tịnh vốn có.

Đây là mở đầu. Thí dụ như vàng ròng là dụ cho Như ở đạo tiền, nung chảy gạn lọc là dụ cho đạo trung, đã sạch sẽ rồi là dụ cho đạo hậu.

Văn kinh: Vì hiện rõ tánh chất của vàng vốn thanh tịnh. Thể của vàng là thanh tịnh không thể nói là không phải vàng.

Tán rằng: Dụ cho thành tựu thanh tịnh sẵn có. Giống như những văn này người xưa có lẽ nói rằng: "Ba thân hiện thường còn, hoặc sẽ thường còn, nung chảy gạn lọc là hiển rõ tánh vàng vốn thanh tịnh, thực hành sáu độ đối với pháp là liễu thân, trừ sạch cấu nhiễm cho nên được thể vàng thanh tịnh, không thể gọi là không phải vàng".

Văn kinh: Dụ như nước đục được gạn trong, không trở lại vẩn đục.

Tán rằng: Chia đoạn như trước đây, nghĩa có thể theo đó mà biết.

Văn kinh: Vì hiển rõ tánh của nước vốn thanh tịnh cho nên không thể nói là không phải nước.

Tán rằng: Dụ cho thành tựu thanh tịnh sẵn có.

Văn kinh: Như vậy pháp thân và phiền não xen lẫn nhau, khổ tập dứt trừ rồi, không còn trở lại những thói quen khác là hiển bày Phật tánh vốn thanh tịnh cho nên không nói là vô thể.

Tán rằng: Kết hợp theo dụ có thể biết.

Văn kinh: Dụ như hư không bị che phủ bởi khói mây, sương mù, nếu xua tan đi thì cõi hư không thanh tịnh, không gọi là không có hư không.

Tán rằng: Hư không tương tự như nhiễm ô ở đạo tiền, nếu xua tan đi thì như đạo trung, xua tan hết rồi thì cõi hư không thanh tịnh như đạo hậu, tương tự như kinh Thắng-man nói về dụ.

Văn kinh: Tất cả các khổ như vậy nơi pháp thân thảy đều không còn, cho nên nói là thanh tịnh, chẳng thể nói rằng vô thể.

Tán rằng: Pháp kết hợp với văn có thể biết.

Văn kinh: Dụ như có người ở trong giấc mộng thấy thân mình trôi nổi trên dòng sông lớn.

Tán rằng: Trên đây là dụ cho pháp như như, đang còn ràng buộc gọi là Như lai tạng, thoát khỏi ràng buộc gọi là Pháp thân, cũng chính là hiển rõ tánh chất Niết-bàn vốn thanh tịnh, cho đến, quả hiển bày thanh tịnh gọi là sở hiển đắc. Hiển bày do trí chứng, lần lượt phân biệt rõ trí tánh, cũng có từ vô thỉ. Lúc ở nhân vị gọi là Bất không Như lai tạng; đến địa vị không còn cấu nhiễm là đại Bồ-đề bốn trí tâm phẩm, là sở sinh đắc, sở sinh y theo hiện hành chẳng phải là chủng tử, chủng tử mới sinh là vốn có, cho nên văn sau chép: "Đó là giác thanh tịnh chẳng nói là vô giác", tức trong kinh Thiện Giới chép: "Tánh chủng tánh từ vô thỉ đến nay là pháp như vậy, đạt được sáu nơi thù thắng". Nói đến sáu nơi là có ýỳ nói trong sáu nơi ấy, ý xứ chứa đựng duy trì chủng tử. Tánh chúng tánh này từ vô thỉ vốn là pháp như vậy, để đắc được tánh này, phải nương vào sự tu hành đạt đến đại quả. Văn chia làm ba: Đầu là dụ, tiếp theo là hợp, sau cùng là kết thúc. Trong phần dụ có năm:

1. Dụ cho người có thể tu hành.
2. Dụ cho hiện ở trong vô minh.
3. Dụ cho chán sợ sinh tử.
4. Dụ cho tu hành mong mỏi thoát ra.
5. Dụ cho đạt quả biết rõ luống dối.

Trong đó có ba: Thí dụ như có người là dụ cho người có thể tu hành, ở trong giấc mộng là dụ cho hiện ở trong vô minh, vô minh đang che lấp giống như giấc mộng trong đêm, đây là nhân của sinh tử. Trong

luận Duy Thức dẫn chứng kinh chép: “Cho nên Khế kinh nói: Các loài dị sinh thường ở trong đêm dài vô minh tăm tối, mê mờ say đắm, trói buộc lấy tâm không hề thức tỉnh”. Thấy thân của mình trôi nổi trên dòng sông lớn dụ cho chán sợ sinh tử, thấy quả khổ đó như trôi nổi trên sông; hoặc dụ cho bốn dòng trôi sinh vào năm đường. Thấy nghĩa là tâm hiểu biết thức tỉnh sinh ra chán ngán sợ hãi.

Văn kinh: Vận động tay chân, ngăn chặn dòng chảy mà vượt qua đến bờ bên kia.

Tán rằng: Dụ cho tu hành mong muốn thoát ra. Cử động tay dụ cho tu tập diệu hạnh, chuyển động chân dụ cho xả bỏ ba chướng, sinh tử không tiếp nối dụ cho ngăn chặn dòng chảy. Địa vị Kim cương trọn vẹn nói là vượt qua, trong vô gián đạo Bồ-đề ở vị lai, nhân trọn vẹn có thể đến gọi là đến được bờ bên kia.

Văn kinh: Bởi vì thân tâm người đó không lười nhác lui sụt cho nên từ mộng tỉnh giấc đã không còn thấy có nước, bờ kia bờ này khác nhau.

Tán rằng: Dụ cho đạt quả biết rõ luống dối. Do nghĩa là nguyên nhân. Do ba đại kiếp tu tập ba nghiệp. Đưa ra hai hình ảnh thân tâm cũng biểu hiện cho cả ngữ nghiệp, thường xuyên thực hành không lười nhác cho đến lúc thành Phật. Cho nên đó là quyết định. Sở dĩ quyết định là do tinh tấn, không lười nhác, lui sụt. Từ mộng tỉnh giấc rồi, đối với đạo giải thoát, không còn thấy bờ này của dòng sinh tử, không còn thấy bờ kia của quả Niết-bàn, bởi vì như như, trí như như không còn là hai tướng, đều hoàn toàn bình đẳng. Bờ kia có năm thứ:

1. Cảnh.
2. Giáo.
3. Lý.
4. Hạnh.
5. Quả.

Đạt đến cùng tận năm thứ này gọi là đến bờ kia.

Văn kinh: Chẳng nói là vô tâm, sinh tử vọng tưởng đã dứt sạch không còn, đó là giác thanh tịnh, chẳng nói là vô giác.

Tán rằng: Pháp hợp. Chỉ hợp với đại ý, chẳng phải đoạn biệt hiệp. Chẳng phải là vô tâm, nhưng bởi vì vọng tưởng vô minh lớp lớp che chắn chướng ngại không thể nào làm cho sinh sôi được. Luận Thành Duy Thức năm dẫn lời kinh chép: “Tâm chân nghĩa đang sinh, thường hay bị chướng ngại, đến lúc siêng năng tu tập ba học, vọng tưởng dứt hết đạt đến địa vị Diệu Giác, đó là Giác thanh tịnh, không thể nói rằng

xưa nay không có tự tánh giác". Trước đây chép: "Chẳng phải không có tâm, tâm là nghĩa của chứa nhóm, có cả tên gọi của nhân quả", sau đó chép: "Chẳng nói không có giác, giác nghĩa là giác liễu, chỉ gọi y theo quả, đều dựa theo một nghĩa".

Văn kinh: Tất cả vọng tưởng như vậy trong pháp giới không phát sinh trở lại cho nên nói là thanh tịnh, chẳng phải các Đức Phật không có thật thể đó.

Tán rằng: Kết thúc. Pháp giới như vậy, pháp giới có cả lý sự cho nên trong luận Thật Tánh giải thích về kinh A-tỳ-đạt-ma rằng vô thỉ thời lai giới, tức là giải thích theo như lý. Nhiếp Đại Thừa và luận Thành Duy Thức nói bổn thức gọi là vô thỉ giới. Trong luận Thật Tánh dựa vào mê, ngộ theo đó mà nói. Các luận như Nhiếp Đại Thừa v.v... dựa vào lưu chuyển theo đó mà nói, tất cả đều nương vào một nghĩa cho nên pháp giới nói có cả hai loại. Nay ở đây nói về giới đã kết thành thứ tư, tức là chỉ cho hữu vi, vô lậu thứ tám. Nếu có cả kết thứ tư tức là có cả lý, sự, tất cả hữu lậu vọng tưởng không sinh khởi, bốn trí cùng khởi nói là thanh tịnh, chẳng phải là các Đức Phật vốn không có thật thể này, thể của vô lậu hướng đến hữu lậu đều gọi là thật.

Văn kinh: Lại nữa, này người thiện nam! Pháp giới này, hoặc chướng thanh tịnh sẽ hiện bày ứng thân, nghiệp chướng thanh tịnh sẽ hiện bày Hóa thân, trí chướng thanh tịnh sẽ hiện bày pháp thân.

Tán rằng: Toàn bộ đoạn văn thứ tư kết thúc nhân quả ở trước, nói rõ để biết. Lại chia làm ba: Đầu tiên là tiếp tục nói về nhân quả trước đây, khuyến khích khiến cho tin hiểu, tiếp theo từ "Này người thiện nam! Do nghĩa ấy" về sau là nhắc lại và nói rộng hơn, sau cùng từ "Cho nên các Đức Phật" trở xuống là kết thúc thành tựu thắng diệu.

Đây là mở đầu. Trong đó lại có hai: Đầu là nhắc lại nhân quả; sau là khuyến khích khiến cho tin hiểu. Trong mục đầu lại có ba: Trước hết nhắc lại môn xuất thể, tức là lìa bỏ chướng đạt được thân, tiếp đến nhắc lại môn thân tướng y khởi, sau cùng nhắc lại y nhân đắc quả. Trong phần đắc quả lại có đầu tiên là đắc quả, tiếp theo là bất dị. Đây là nhắc lại môn xuất thể: Thứ nhất nêu chung cho biết, thân tạo thành từ công đức của các pháp gọi chung là pháp thân; tiếp sau đó nói riêng về dứt chướng đắc thân, dứt các chướng và phiền não v.v... trọn vẹn được Pháp thân. Làm cho tâm không kiên quyết gọi là hoặc, thể của hoặc tức là chướng; hai quả đạt được từ phiền não căn bản và tùy phiền não là thể của phiền não chướng.

Nghiệp nghĩa là tạo tác, gọi là ba nghiệp hữu lậu, thể của nghiệp

tức là chướng. Trí là hai trí, căn bổn và hậu đắc vô lậu, thể của trí chẳng phải là chướng, hãy còn sở tri chướng ngăn ngại trí không sinh khởi gọi là trí chướng, chướng của trí gọi là trí chướng. Đây là thuận theo những chướng về trí để làm tên gọi. Nếu gọi là sở tri chướng mà sở tri chẳng phải là chướng, che lấp cảnh sở tri, ngăn ngại trí không thể sinh khở,i chướng của Sở tri gọi là sở tri chướng. Do hoặc chướng thanh tịnh, trí tuệ phát sinh là Ứng thân, do nghiệp chướng thanh tịnh, thần thông tự tại, đạt được Hóa thân, do sở tri chướng thanh tịnh, lý che lấp được hiển lộ nên hiện bày Pháp thân.

Văn kinh: Thí dụ như nhờ vào hư không phát ra điện, nhờ vào điện phát ra ánh sáng; như thế nương vào Pháp thân nên có thể hiện bày Ứng thân, nương vào Ứng thân cho nên có thể hiện bày hóa thân.

Tán rằng: Đây là nhắc lại y môn khởi thân: Đầu là Dụ, sau là pháp. Thể của hư không rộng khắp, thường hằng và tánh hư không vốn thanh tịnh, nên dụ cho pháp thân, Ứng Hóa không thường vì thế dụ cho điện và ánh sáng, nương vào đó mà khởi có thể biết.

Văn kinh: Do tánh thanh tịnh cho nên hiện bày Pháp thân, trí tuệ thanh tịnh hiện bày Ứng thân, Tam-muội thanh tịnh hiện bày hóa thân.

Tán rằng: Nhắc lại môn y nhân đắc quả. Đây là đắc quả.

Văn kinh: Ba thanh tịnh này là pháp như như, Bất dị như như, nhất vị như như, giải thoát như như, rốt ráo như như.

Tán rằng: Nhắc lại môn đắc quả trong đó tuy có ba số nhưng không có ba thể. Đầu tiên thâu nhiếp dụng quy về tánh, tiếp đó kết thúc bất dị.

Đây là mở đầu. Ba thanh tịnh này không lìa như như, cho nên đó là pháp như như. Thể của như như không phân biệt là bất dị như như. Cùng là vô lậu cho nên là nhất vị như như. Lìa khỏi ràng buộc cho nên là giải thoát như như. Chứng đầy đủ thực tế cho nên là rốt ráo như như.

Văn kinh: Vì thế cho nên thể của các Đức Phật không có khác nhau.

Tán rằng: Kết thúc chẳng phải khác. Do năm như như trước đây cho nên thể của các Đức Phật không khác nhau. Ý biểu hiện là giống như. Tu thì đều đạt được vì vậy nói thể của các Đức Phật không khác nhau.

Văn kinh: Này người thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nói rằng Như lai là bậc Đại sư của tôi, nếu người thực hành tin tưởng chắc chắn như vậy thì người này liền tùy theo thâm tâm hiểu rõ thân của Như lai không có phân biệt khác nhau.

Tán rằng: Khuyến khích khiến cho tin hiểu. Ý khiến cho tin hiểu là phương tiện tu tập. Nói này người thiện nam là gọi Bồ-tát Hư Không Tạng. Từ “Nếu có v.v...” trở xuống là tất cả nam nữ chỉ có thể nói rằng Phật là bậc thầy của tôi, đó là người tin tưởng chắc chắn, người này liền có thể hiểu rõ sâu sắc Như lai không có phân biệt. Hoặc nói: Như lai là bậc Đại sư của tôi, có thể tin tưởng chắc chắn tùy theo những gì đã nói, thâm tâm hiểu rõ. Hoặc khuyên nhắc hàng Địa Tiền, nên tin tưởng chắc chắn rằng Như lai không có khác nhau, hàng Bồ-tát Địa thượng thâm tâm hiểu rõ Như lai không có khác.

Văn kinh: Này người thiện nam! Bởi vì nghĩa này cho nên đối với các cảnh giới không thể thích hợp suy nghĩ, thảy đều dứt trừ, tức là biết rằng pháp đó không có hai tướng, cũng không phân biệt là sự tu hành của hàng Thánh.

Tán rằng: Dưới đây là nhắc lại và nói rộng hơn, có hai:

1. Nói rộng về nhân quả không khác trước đây.

2. Từ “Thấy biết như vậy v.v...” trở xuống là nói rộng về sự tin hiểu trước đây.

Ngay trong phần một chia làm năm:

1. Đối với cảnh phát khởi thắng hạnh.

2. Như như đối với cảnh đó không thể dứt trừ chướng ngại.

3. Tất cả như như về sau được đầy đủ nhân.

4. Pháp giới như như về sau được trọn vẹn quả.

5. Tất cả các chướng về sau là kết thúc không khác.

Đây chính là mở đầu. Bởi do nghĩa này là lời nêu ra, cảnh biết được từ nơi các cảnh giới, do cảnh giới này không chân chánh suy nghĩ cho nên thấy tướng khác nhau, vì vậy không thể tu hành. Có thể chân chánh suy nghĩ tức là biết không có hai cảnh, không có phân biệt tà vạy. Trí không có hai tướng thì có thể khởi tu, đó là sự tu hành của hàng Thánh.

Văn kinh: Như như đối với cảnh không có hai tướng, chân chánh tu hành cho nên tất cả các chướng như thế như thế thảy đều dứt trừ.

Tán rằng: Có thể dứt trừ chướng, có thể đối với các cảnh giới kia thấy không có hai tướng, cho nên nói là như như đối với cảnh đó, dứt trừ nhiều chướng, lại nói là như thế như thế, phát khởi nối nhau cho nên lại nhắc đến như trước.

Văn kinh: Tất cả chướng Như như đã dứt bỏ, pháp như như, trí như như như thế như thế đạt được vô cùng thanh tịnh.

Tán rằng: Đạt được nhân đầy đủ ở địa vị Kim cương định vô gián

đạo. Nhắc lại dứt bỏ mười chướng nói là tất cả chướng như như đoạn diệt; chứng được như như và trí, đạt đến địa vị Thập địa khác nhau, lại nói là như thế như thế.

Văn kinh: Như như Pháp giới, chánh trí thanh tịnh, như thế như thế, tất cả tự tại đầy đủ nhiếp thọ đều được thành tựu.

Tán rằng: Đạt được quả trọn vẹn ở giai vị giải thoát đạo. Tất cả tự tại tức là ba thân, bởi vì tất cả công đức không lìa ba thân nên nói là đầy đủ nhiếp thọ đều được thành tựu.

Văn kinh: Tất cả các chướng thảy đều dứt bỏ, tất cả các chướng đã được thanh tịnh cho nên đó gọi là tướng chân thật của chân như chánh trí.

Tán rằng: Kết thúc không có khác nhau. Bởi vì tất cả các chướng đã dứt bỏ nên được thanh tịnh, tất cả các chướng do đó chứng đến như như thanh tịnh. Chính sự thanh tịnh này mới gọi là tướng chân thật của chân như chánh trí. Tướng chân thật tức là không có hai tướng.

Văn kinh: Sự thấy biết như thế, gọi là sự thấy biết của bậc Thánh, đó mới gọi là thấy Phật. Vì sao? Vì như thật thấy pháp chân như.

Tán rằng: Mở rộng sự tin hiểu trước đây. Văn chia làm ba phần:

1. Khiến cho như thật chứng biết.

2. Từ “Cho nên các Đức Phật v.v...” trở xuống là nói về đồng với các Đức Phật.

3. Từ “Nhưng các Như lai v.v...” trở xuống là kết thúc thành tựu sự thấy biết chân thật.

Đây là mở đầu. Trước hết khiến cho chứng biết như thật, tiếp đó nêu hỏi nguyên nhân, sau cùng chính thức giải thích. Thánh là chân chánh, kiến là hiểu rõ. Có thể như sự chứng đắc mà biết rõ điều ấy tức là hiểu đúng. Hoặc vì phàm phu có thể tin hiểu đúng như sự chứng đắc, đồng với kiến giải chứng đắc của bậc Thánh, cho nên chân thật thấy Phật. Nêu câu hỏi và giải thích có thể biết.

Văn kinh: Thế nên tất cả các Đức Phật đều có thể thấy tất cả Như lai ở khắp nơi.

Tán rằng: Nói về đồng với các Đức Phật. Văn chia làm ba: Đầu tiên là Phật có thể biết tất cả; tiếp đó là hàng Nhị thừa không hiểu rõ; sau cùng là phàm phu không thể lường được. Đây là mở đầu. Bởi vì thấy lý như như trọn vẹn không hai, cho nên thấy tất cả các Đức Phật Như lai.

Văn kinh: Vì sao Thanh văn, Độc giác đã ra khỏi ba cõi cầu cảnh giới chân thật lại không thể thấy biết?.

Tán rằng: Hàng Nhị thừa không hiểu rõ. Đầu tiên nêu câu hỏi; sau đó giải thích. Vì sao? Vì chỉ có Phật biết rõ tất cả, hàng Thánh giả định tánh Nhị thừa tuy ra khỏi ba cõi nhưng không có chủng trí, giả sử cầu cảnh giới chân thật nhưng không thể dùng sự thấy biết của bổn trí, không thể dùng sự thấy biết của hậu đắc; hoặc không thể nào biết được hiện lượng, không thể thấy được tỷ lượng.

Văn kinh: Bậc Thánh như vậy không thể thấy biết, tất cả phàm phu đều sinh ra nghi ngờ, điên đảo phân biệt, không thể nào được độ thoát.

Tán rằng: Phàm phu không thể lường được. Đầu tiên là pháp, tiếp đó là Dụ, sau cùng là Hợp. Đây là Pháp. Phàm phu ngu muội tối tăm không thể suy lường được, hoặc trở lại nghi ngờ là chẳng có, hoặc điên đảo chấp chặt, nên cho rằng đây là ta.

Văn kinh: Như con thỏ bơi giữa biển chắc chắn không thể vượt qua. Vì sao? Vì sức lực yếu kém.

Tán rằng: Thí dụ. Đầu tiên nêu ra, tiếp theo gạn hỏi, cuối cùng giải thích. Bởi vì không có đại tánh chỉ có hữu lậu, nên trí lực yếu kém, nên không thể độ thoát. Kinh Giải Thâm Mật chép: "Ta không thể bày giảng nói đối với phàm phu ngu muội, sợ bọn họ phân biệt chấp là ngã". Các vị như Bồ-tát Hộ Pháp giải thích: Phàm phu nghĩa là không có tánh, ngu nghĩa là hướng đến vắng vẻ". Còn ở đây hoặc dựa vào nơi hàng phàm phu Nhị thừa, căn chưa thuần thục không thể nào hiểu rõ được, căn thành thục thì có thể biết. Hoặc như trong kinh Pháp Hoa chép: "Ba thừa không biết, dựa vào cái biết không toàn vẹn, chỉ có Phật mới biết hoàn toàn, nói người kia không biết, ông mong muốn thành tựu có thể nương theo lời mà hiểu thật là hiếm có".

Văn kinh: Hạng phàm phu cũng giống như thế, vì không thể thông suốt được pháp như như.

Tán rằng: Pháp hợp. Không có trí căn bổn cho nên không thể thông, không có trí hậu đắc cho nên không thể đạt.

Văn kinh: Nhưng các Đức Phật Như lai không có tâm phân biệt, đối với tất cả pháp được tự tại hoàn toàn, đầy đủ thanh tịnh, trí tuệ sâu sắc, cho nên đó là cảnh giới tự chứng, không cùng như người khác.

Tán rằng: Kết thúc thành tựu cái thấy chân thật. Bởi vì Phật không còn phân biệt, không thấy hai tướng nên chứng được pháp như như, đạt đến tướng không chân thật của pháp cho nên đối với tất cả các pháp được tự tại hoàn toàn, đạt được trí như như cho nên đầy đủ trí tuệ thanh tịnh sâu sắc. Do đó đây chỉ là cảnh giới Phật, không giống như cảnh giới

của người khác. Kinh Kim cương Bát-nhã chép: “Như lai nói Bát-nhã ba-la-mật-đa tức chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật-đa, đó mới là Bát-nhã ba-la-mật-đa”. Bồ-tát Thiên Thân giải thích rằng: Nói Ba-la-mật là chỉ riêng bờ bên kia của Phật, chẳng phải Ba-la-mật là chẳng phải bờ bên kia của những người khác; gọi là Ba-la-mật là cuối cùng đây là bờ bên kia của Phật”. Ở đây cũng giống như vậy.

Văn kinh: Thế nên các Đức Phật Như lai trong vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ kiếp không hề tiếc nuối thân mạng, chịu khó thực hành những hạnh khó làm mới đạt được thân tối thượng không ai sánh bằng không thể suy nghĩ bàn luận này, vượt quá cảnh giới nói năng, đó là thân nhiệm mầu vắng lặng lìa các sự sợ hãi.

Tán rằng: Kết thúc thành tựu thắng diệu. Từ “Trong vô lượng v.v... hành khổ hạnh” là nhân thực hành; không tiếc thân mạng, do bốn nhân duyên:

1. Vì cầu pháp, như Đồng tử Tuyết Sơn.
2. Vì báo ân, như vương tử Pháp Hộ v.v...
3. Vì cứu nghèo, như Kim Sắc Sư Tử v.v...
4. Vì cứu mạng, như Vương tử Tát-đỏa v.v...

Mới đạt được thân này là hiển bày đắc quả. Tối thượng không ai sánh bằng v.v... là khen ngợi quả thù thắng. Cuối cùng cho nên không gì trên, không có gì sánh ngang, nên gọi là không gì sánh bằng. Vượt quá tình hình suy nghĩ cho nên là không thể suy nghĩ bàn luận . Hơn hẳn lời nói giảng giải cho nên vượt ngoài cảnh giới nói năng. Đại Niết-bàn bởi vì đó là nhiệm mầu vắng lặng. Dứt sinh tử cho nên lìa năm sự sợ hãi, đó là sợ không có công việc, sợ chết, sợ đường ác, sợ tên ác, sợ đại chúng.

Văn kinh: Này người thiện nam! Như vậy thấy biết pháp chân như đó là không còn sinh, già, chết, tuổi thọ không giới hạn, không có ngủ nghỉ, cũng không có đói khát, tâm thường ở trong định không có loạn động.

Tán rằng: Cuối phẩm toàn bộ đoạn thứ ba kết thúc khuyến khích tu hành. Văn chia làm ba:

1. Kết thúc tin hiểu ở trước khiến nương theo thực hành.
2. “Nhưng các Như lai” trở xuống kết thúc đạt được quả khiến cầu chứng ở trước.
3. “Nếu thiện nam v.v...” trở xuống là thành tựu hai nghĩa ở trước.

Trong phần một có ba: Đầu tiên nêu ra lợi ích tin hiểu, tiếp đến có tổn hại vì không tin, sau cùng nói lợi ích khuyên thực hành.

Đây là mở đầu. Chỉ có thể một niệm như thế, thấy biết pháp chân như sẽ đạt được Bồ-đề, không bao giờ còn những thứ sinh, già, chết v.v... làm nhân xa xôi, cho nên chắc chắn sẽ đạt được. Vì vậy phẩm Dược Vương trong kinh Pháp Hoa chép: "Người nghe kinh này không già không chết, không bao lâu sẽ lấy đệm cỏ ngồi nơi đạo tràng". Hoặc trước nói về đức của Như lai, đã nói xong văn sau lại nói; do đó người nói này là người tin hiểu sẽ đạt được quả. Hoặc nhiều lần nhắc lại công đức của Như lai khiến cho phát sinh tin hiểu, đạt được thân Kim cương cho nên không có sinh, già, chết. Lìa xa năm cái nên không có ngủ nghỉ, phá diệt ma quân nên không có đói khát. Văn còn lại có thể biết, tuy nhiên giải thích ở trước kết thúc tốt đẹp.

Văn kinh: Nếu đối với Như lai khởi tâm tranh luận thì sẽ không thể thấy được Như lai.

Tán rằng: Có tổn hại vì không tin. Khởi tâm tranh luận không thể tin hiểu thì trong tương lai sẽ không thấy được và chứng được ba thân của Như lai, cũng không thể nương vào giáo pháp để thấy Như lai.

Văn kinh: Lời các Đức Phật đã nói đều được lợi ích.

Tán rằng: Nói lợi ích khuyên thực hành. Đầu tiên nêu ra, sau đó giải thích. Đây là nêu ra.

Văn kinh: Có người lắng nghe thảy đều giải thoát, không gặp các loài cầm thú hung ác, người ác, quỷ ác, do nghe pháp nên quả báo vô tận.

Tán rằng: Giải thích về được lợi ích. Đầu tiên đạt được Niết-bàn; tiếp đến khỏi sự tổn hại, sau đó là quả báo vô tận. Trong luận Bát-nhã chép: "Nơi Pháp là liễu nhân cũng là sinh nhân còn lại". Nghe kinh cho nên được giải thoát là liễu nhân; quả báo vô tận đó nghĩa là đạt được Bồ-đề là sinh nhân. Luận Biện Trung Biên chép: "Hành giả thực hành pháp này được nhóm phước vô lượng". Thù thắng cho nên vô tận, do đó lợi tha không ngừng nghỉ. Lắng nghe Đại thừa đạt được quả báo thù thắng vì vậy vượt xa Nhị thừa. Vì đại bi lợi tha không ngừng nghỉ cho nên vô tận, do đó các ác nạn đều không gặp.

Văn kinh: Nhưng các Đức Như lai không có việc gì không ghi nhớ, tất cả cảnh giới không có tâm muốn biết.

Tán rằng: Kết thúc đạt được quả khiến cầu chứng ở trước. Trong đó chia ra hai: Đầu tiên kết thúc sở đắc ý khiến cho sinh vui mừng; sau đó nói về nghe được lợi ích khuyến khích người tu học. Trong phần kết thúc, quả sở đắc có vô lượng chủng loại, chỉ kết thúc sở đắc ở trước trong mười tám pháp Bất cộng và đại Từ bi tự lợi, lợi tha để theo đó

hiển bày các công đức khác. Đầu tiên kết thúc mười tám Bất cộng, sau đó kết thúc từ bi. Trong phần đầu có năm: Một là "Không có việc gì không ghi nhớ" là thảy đều ghi nhớ rõ ràng không quên ý niệm. Ở dưới có bốn oai nghi trong đó thảy đều thuộc về trí, tức là trí làm tiền đạo. Hai là "Tất cả cảnh giới không có tâm muốn biết", tức là ý muốn không giảm bớt; hoặc tất cả cảnh giới đều nhậm vận mà biết, không nhờ vào sự tìm cầu mới biết.

Văn kinh: Sinh tử, Niết-bàn không có ý tưởng khác nhau, lời Như lai đã nói thảy đều quyết định.

Tán rằng: Ba là không có các thứ ý tưởng. Bốn là đạt đến trí ba đời không có vướng mắc ngăn ngại. Pháp đã nói thảy đều quyết định, và Nhất thiết chủng diệu trí thường biết rõ các uẩn, các pháp môn cho nên nói là quyết định; hoặc bốn vô úy hoặc là trí ngữ nghiệp làm tiền đạo cho nên nói quyết định.

Văn kinh: Trong bốn oai nghi của các Đức Phật Như lai thảy đều thuộc về trí.

Tán rằng: Năm là trí thân nghiệp làm tiền đạo, do đó thảy đều thuộc về trí.

Văn kinh: Tất cả các pháp không có pháp nào không thuộc về từ bi, không có pháp nào không vì lợi ích an vui chúng sinh.

Tán rằng: Kết thúc đạt được công đức lợi tha, đại từ đại bi ở trước. Lợi ích bạt khổ, an lạc cho vui, đại bi cho nên cứu khổ được lợi ích, đại từ nên cho vui được an vui. Đồng thời bổn nguyện của Phật chỉ muốn lợi tha tu đại từ bi, cầu quả vô thượng cho nên thực hiện công việc hoàn toàn là công việc. Thuộc về từ bi, lại nêu ra pháp Bất cộng là tự lợi thù thắng; nêu ra từ bi là lợi tha thù thắng. Vì vậy nói chung kết thành hai phần.

Văn kinh: Này người thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đối với kinh Kim Quang Minh này lắng nghe tin hiểu.

Tán rằng: Đây là nói về nghe được lợi ích khuyến khích người tu học. Văn chia làm bốn phần:

1. Nói về nghe được lợi ích.
2. Nêu ra.
3. Giải thích.
4. Thành tựu.

Trong phần đầu, đầu tiên là nghe kinh tin hiểu, tiếp đến nói về đạt được lợi ích. Lắng nghe là văn tuệ, tin tưởng tức là tư tuệ, hiểu rõ tức là tu tuệ. Hoặc đưa ra tiêu chuẩn kém nhất, chỉ nhờ vào văn tuệ có

thể tin, có thể hiểu; hoặc chỉ tin hiểu không phải là chứng ngộ hãy còn được phước ấy, huống gì là hạnh thù thắng.

Văn kinh: Không đọa vào các đường địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh, A-tu-la, thường sinh làm trời, người, không sinh nơi thấp kém, luôn luôn được gần gũi các Đức Phật Như lai, nghe nhận chánh pháp, thường sinh vào cõi nước thanh tịnh của các Đức Phật.

Tán rằng: Được lợi ích, lìa tám nạn. Đầu tiên là lìa ba đường ác tức là ba, A-tu-la nếu theo Tiểu thừa thì thuộc về loài quỷ súc, nếu theo Đại thừa thì thuộc về loài trời, tức là thuộc về biên địa. Sinh làm trời người, trước đây dịch là đường ác và biên địa. Không sinh nơi thấp kém tức là dứt bỏ các căn không đầy đủ, mù bẩm sinh, điếc bẩm sinh. Luôn luôn được gần gũi các Đức Phật là lìa nạn sinh trước sinh sau Phật. Lắng nghe chánh pháp là lìa nạn thế trí biện thông. Thường sinh về cõi nước các Đức Phật là lìa nạn các tầng trời Sống lâu. Theo luận Thành Thật thì bốn luận diệt hết tám nạn:

1. Ở nơi tốt lành gọi là Trung Quốc, dứt bỏ năm nạn đó là ba đường ác, trời Sống lâu, biên địa.

2. Nương theo người tốt lành gọi là gặp Phật, dứt bỏ nạn sinh trước và sinh sau thời Phật.

3. Phát nguyện chân chánh gọi là chánh kiến, dứt bỏ nạn tà kiến thế trí biện thông.

4. Gieo trồng gốc lành vốn có, dứt bỏ nạn căn không đầy đủ.

Nay nghe kinh này chỉ có thể tin hiểu đủ để từ bỏtám nạn, bởi lẽ là oai lực thù thắng; có công năng trừ chướng ngại, cho nên không những trừ chướng ngại mà còn mau chóng đạt được Bồ-đề. Được phân tích rõ trong phần giải thích thành tựu dưới đây.

Văn kinh: Vì sao?

Tán rằng: Nêu ra. Nghe kinh mà tin hiểu thì có công năng trừ bỏ tám nạn. Vì sao?

Văn kinh: Vì được nghe pháp vô cùng sâu xa này.

Tán rằng: Giải thích. Bởi vì thọ trì pháp Đại thừathì nhóm hợp mười công đức:

1. Thành tựu tất cả chủng tử gốc lành.

2. Lúc sắp qua đời tất cả đều vui vẻ.

3. Hễ muốn sinh về cõi nước nào thì được tùy ý.

4. Hễ sinh về chỗ nào đều được tự tánh niệm sinh trí.

5. Sinh về nơi nào thường được gặp Phật.

6. Luôn luôn ở bên Phật nghe pháp Đại thừa.

7. Thành tựu tín căn tăng thượng
8. Thành tựu tuệ căn tăng thượng
9. Được xa lìa hai chướng trí, hoặc.
10. Mau chóng thành tựu Bồ-đề vô thượng.

Vì lý do ấy cho nên xa lìa tám nạn.

Văn kinh: Thiện nam, thiện nữ đó đã được Như lai biết đến, nhớ đến, sẽ được không lui sụt trên đường tiến đến đối với quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Tán rằng: Thành tựu nguyên nhân ở trước. Người có thể nghe kinh này phát sinh tin hiểu, tức là Như lai đã biết danh thân, đã thấy sắc thân. Nói đến công đức của người này chỉ có Phật mới thấy biết, người khác không thể nào thấy biết. Nói biết thì được, còn thấy thì nhờ vào đâu mà nói là thấy? Nói là thấy cũng được, cần gì phải nói là biết?

Đáp: Theo luận Bát-nhã Kinh của ngài Thiên Thân chép: "Phật chẳng phải thấy quả mà biết, do nguyện trí mà hiện thấy". Nhưng nói biết, nghĩa là Phật thấy quả nhờ vào biết nhân cho nên nay nói là thấy. Thấy là nguyện trí, nêu lên tâm năng liễu. Nếu như vậy chỉ là thấy cần gì phải nói là biết, nghĩa là chỉ thấy sắc, nay cũng có thể biết thân bốn uẩn. Không làm ra nhưng Phật thấy biết, liền được Phật ghi nhớ. Lại nữa, sẽ đạt được Bồ-đề không lui sụt, tuy chưa đạt được liền nhưng sẽ chứng được. Tùy theo địa vị nào đó sẽ chứng đạt bốn thứ không lui sụt, đó là bốn thứ không lui sụt: Tín, Trú, Chứng, Hạnh. Tín không lui sụt là tâm thứ sáu trong Thập Tín. Trú không lui sụt là tâm thứ bảy trong Thập Trú, chứng không lui sụt là Sơ Địa, Hành không lui sụt là vào Bát Địa.

Văn kinh: Nếu thiện nam, thiện nữ nào đối với pháp sâu xa vi diệu này, được một lần nghe qua tai, thì nên biết rằng người đó không bài báng Như lai, không hủy phạm chánh pháp, không khinh chê thánh chúng.

Tán rằng: Tiếp tục nói rộng hơn nữa về sự thành tựu hai lợi ích thù thắng trước đây, muốn giúp cho nghe nhận tu hành kinh này. Có ba lợi ích thù thắng:

1. Không chê bai Tam Bảo.
2. Thêm lớn gốc lành.
3. Khiến cho thực hành sáu độ.

Đây là lợi ích thứ nhất. Bởi vì biết Phật thường trụ nên không bài báng Như lai, nói rằng cuối cùng cũng hoại diệt, biết nói quyết định cho nên không bài báng pháp, biết có thể đạt được thành quả cho nên không bài báng Tăng. Lại bởi vì nghe tin thường làm cho nhân kính tin không

hủy hoại, không chê bai khinh miệt Tam bảo.

Văn kinh: Tất cả chúng sinh chưa gieo trồng gốc lành khiến cho được gieo trồng, đã gieo trồng gốc lành thì khiến cho được thành tựu thuần thục.

Tán rằng: Làm cho gốc lành thêm lớn. Đây là chưa phát tâm cầu Bồ-đề khiến cho phát tâm cầu tức là khiến cho gieo trồng gốc lành. Đã phát tâm cầu khiến cho tăng thêm thắng giải hạnh vị ở tăng-kỳ thứ nhất, khiến cho lớn mạnh ở tăng-kỳ thứ hai, khiến cho thành tựu ở tăng-kỳ thứ ba. Nhưng hai loại trên chỉ nói người nghe kinh đạt được sáu Ba-la-mật khiến cho người khác thực hành. Đây là ảnh hưởng lẫn nhau, tự và tha đều như vậy.

Văn kinh: Tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới đều khuyến khích tu hành sáu độ Ba-la-mật-đa.

Tán rằng: Sau đó có thể khiến cho thực hành sáu độ. Ý này nói về tự mình nghe và tin có thể thành tựu ba điều này. Đã lắng nghe rồi sau đó cảm hóa người khác thực hành ba việc ấy. Lại có thể tin hiểu phá bỏ bốn thứ chướng. Đầu tiên không bài báng Phật v.v... dứt trừ chướng xiển-đề, bất tín, khiến cho gieo trồng gốc lành, dứt trừ chướng ngoại đạo, chấp ngã, đều thực hành sáu độ trừ Thanh văn sợ khổ, Duyên giác bỏ tâm. Đã có nhiều lợi ích cho nên cần phải tu hành thực hành tự lợi, lợi tha.

Văn kinh: Lúc bấy giờ, Bồ-tát Hư Không Tạng, Phạm vương, Đế-thích, Tứ Thiên vương, các chúng trời, người liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, vén y bày vai phải, chắp tay cung kính đảnh lễ dưới chân Phật.

Tán rằng: Toàn bộ đoạn văn thứ tư của phẩm này là lãnh hội trì học. Văn chia làm bốn phần:

1. Chí thành cung kính lãnh giải.
2. “Thế tôn! Chúng con v.v...” trở xuống là phát nguyện trì học.
3. Thế tôn ngợi khen ấn chứng.
4. Khuyến khích truyền bá rộng rãi.

Trong phần đầu: Thứ nhất chí thành cung kính; tiếp đó là lãnh giải. Đây là chí thành cung kính. Đã nghe pháp thù thắng biểu hiện tiến đến Bồ-đề, do đó đứng dậy khỏi chỗ ngồi hiển bày sẽ thành Phật. Hiện rõ hình tượng tốt lành nên vén y bày vai phải, tâm phù hợp với giáo lý cho nên chắp tay, tâm tôn trọng cho nên cung kính, cung kính càng sâu xa cho nên đảnh lễ dưới chân Phật.

Văn kinh: Bạch với Đức Phật: Bạch Thế tôn! Nếu ở nơi đó giảng nói kinh điển vi diệu Kim Quang Minh này, thì cõi nước ấy được bốn

lợi ích.

Tán rằng: Lãnh giải. Có bốn:

1. Đưa ra.

2. Nêu hỏi.

3. Giải thích.

4. Kết thành.

Đây là đưa ra. Bắt đầu lãnh ngộ biết thưa hỏi Thế tôn. Gọi tôn hiệu cho nên nói là Thế tôn. Chỉ ra sự lãnh ngộ rõ ràng nên nói nếu nói kinh Kim Quang Minh này. Nêu ra số lợi ích cho nên nói có bốn lợi ích.

Văn kinh: Bốn lợi ích là gì?

Tán rằng: Nêu hỏi.

Văn kinh: Một là vua chúa quân lính cường thịnh, không có kẻ thù đối địch, khỏi các tật bệnh, tuổi thọ dài lâu, tốt lành yên vui, chánh pháp hưng hiển.

Tán rằng: Giải thích. Thuận theo bốn loại đã nêu ra tức là chia làm bốn đoạn. Đây là đoạn đầu. Lợi ích của vua chúa đại thần có bốn, theo văn trong phẩm Sám Hối: "Ở cõi nước đó được bốn lợi ích tốt lành:

1. Vua không bệnh tật, hoạn nạn, tránh được các tai ách. Tức ở đây là không bệnh tật.

2. Tuổi thọ lâu dài, không có chướng ngại, tức ở đây là sống lâu.

3. Không có các kẻ thù, quân lính mạnh mẽ, tức ở đây là quân lính cường thịnh không có kẻ thù đối địch.

4. Yên ổn vui sướng, chánh pháp truyền bá, tức ở đây là tốt lành yên vui, chánh pháp hưng thịnh". Dựa theo văn trong phẩm Sám Hối mở ra thành tám thứ. Văn ở đây có sáu thứ, như văn có thể biết.

Văn kinh: Hai là các phi tần, hoàng hậu, vương tử, quan lại hòa thuận vui vẻ không tranh chấp, không nịnh hót nhà vua để được yêu quý, trọng vọng.

Tán rằng: Thứ hai người làm bề tôi có ba lợi ích:

1. Hòa thuận vui vẻ không tranh chấp; ở dưới nói: Lại cùng nhau thân thiết, đẹp lòng kính trọng, thương yêu nhớ nghĩ. Một là Lại cùng nhau nói năng tin tưởng tôn trọng và thương yêu nhớ nghĩ.

2. Không nịnh hót vì coi thường tài vật tôn trọng pháp luật, không cầu lợi ích thế gian cho nên không có nịnh hót, do đó danh tiếng tốt đẹp vang xa khắp nơi, mọi người đều kính mến.

3. Nhà vua yêu mến quý trọng, theo văn dưới cũng là nơi tôn

trọng kính ngưỡng của các vị Sa-môn, Bà-la-môn, nước lớn, nước nhỏ, nay nêu lên điều thù thắng ấy nên lược bỏ không nói những thứ khác. Đã được nhà vua yêu mến quý trọng, tất cả mọi người tôn trọng cung kính, cho nên cũng được tuổi thọ dài lâu, yên ổn vui sướng.

Văn kinh: Ba là Sa-môn, Bà-la-môn và nhân dân trong nước đều tu hành theo chánh pháp, không có bệnh tật, luôn yên vui, không có người chết oan ức, đối với các ruộng phước thảy đều xây đắp tạo dựng.

Tán rằng: Nhân dân trong nước có bốn lợi ích:

1. Tu hành theo chánh pháp, nghĩa là luôn luôn hiếu thảo dưỡng nuôi cha mẹ, phụng sự thầy dạy, tu hành mười điều lành, Tôn kính Tam bảo.

2. Không bị bệnh tật, không gặp bảy nạn, bảy nạn này trong kinh Dược Sư chép: "Nạn nước khác xâm chiếm, nạn trong nước phản nghịch, nạn mưa gió trái mùa, nạn gặp thời hạn hán, nạn nhân dân dịch bệnh, nạn các sao quái lạ, nạn mặt trời, mặt trăng che khuất". Do vua quan, quân lính cường thịnh nên không có nạn nước ngoài xâm chiếm, bề tôi phụ giúp hòa thuận vui vẻ lại không có nịnh hót nên không có nạn trong nước phản nghịch, tốt lành vui sướng, chánh pháp hưng thịnh nên không có nạn mưa gió trái mùa v.v...

3. Không có người chết oan ức, không gặp chín thứ chết ngang trái, chín thứ chết ngang trái ấy như kinh Dược Sư chép:

1. "Gặp phải bệnh hoạn đến nỗi mất mạng ngang trái
2. Bị pháp vua giết hại tan thân ngang trái
3. Bị loài phi nhân làm hại ngang trái.
4. Bị lửa dữ thiêu đốt ngang trái
5. Bị nước mạnh cuốn chết ngang trái.
6. Bị thú dữ ăn nuốt ngang trái.
7. Bị rơi xuống vực sâu núi thẳm ngang trái.
8. Bị các thứ thuốc độc giết hại ngang trái.
9. Bị đói khát, khốn đốn ngang trái".

Nay kinh Kim Quang Minh này truyền bá trong nước, nhân dân không bị chín thứ ngang trái nên không có cái chết oan ức. Nói đến ngang trái là không phải không có nhân đời trước mà thọ nhận quả ác. Nói theo đời này thì tuy không gây ra điều ác mà gặp phải có duyên như vậy, đó gọi là ngang trái. Nghe kinh thảy đều dứt trừ, Vua chúa lưu thông chánh pháp, bề tôi phò trợ, khinh tiền tài, trọng pháp luật, phi tần cung hậu hòa thuận vui vẻ không trở lại gièm siểm nịnh hót, mọi người tu hành theo chánh pháp cho nên dẫn đến phước ấy.

4. Xây dựng, gieo trồng ruộng phước.

Văn kinh: Bốn là trong ba mùa đều điều hòa thích hợp, thường được chư Thiên tăng thêm sự bảo vệ, tâm từ bi bình đẳng không hề giết hại, khiến cho các chúng sinh quy kính Tam bảo đều nguyện tu tập các hạnh Bồ-đề.

Tán rằng: Tóm lại là được chư Thiên tăng thêm sự bảo vệ, không chỉ tăng thêm bảo vệ cho vua chúa, thần dân, mà còn thực hành bảo vệ người trì kinh. Nếu không như vậy thì văn dưới lẽ ra không nên nói "Chúng con cũng thường vì mở mang kinh điển cho nên theo kính người trì kinh như thế, ở các trú xứ đó thực hành lợi ích giúp họ". Y cứ theo văn lẽ ra nên nói "Bốn là thường được chư Thiên tăng thêm sự bảo vệ, ở trong ba mùa bốn đại điều hòa thích hợp, tâm từ bi bình đẳng không hề giết hại v.v..." Theo lời văn thì sau mới nói bảo vệ, hoặc nhờ oai lực của kinh mà bốn đại điều hòa thích hợp, vì vậy chư Thiên tăng thêm sự bảo vệ chỉ thuộc về phần sau, chư Thiên lại khiến cho các loài chúng sinh cung kính Tam bảo, tu tập các hạnh Bồ-đề. Theo văn trong kinh dịch xưa "Khiến cho các chúng sinh thành tâm quy y, kính ngưỡng tam tôn". Văn đó hơi thiếu, văn chỉ nói đến trời, trời nghĩa là các vị Bồ-tát mà tất cả Như lai tôn trọng gọi là trời, do đó là chư Thiên ở các tầng trời cõi Dục, cõi Sắc và các vị Hiền Thánh thường che chở bảo vệ.

Văn kinh: Đó là bốn việc lợi ích.

Tán rằng: Kết thúc.

Văn kinh: Bạch Thế tôn! Chúng con cũng thường vì mở mang kinh điển cho nên thuận theo người trì kinh như vậy, ở các trú xứ đó thực hành lợi ích giúp họ.

Tán rằng: Thứ hai là phát nguyện trì học. Thuận theo người này có hai ý:

1. Vì nghe kinh.

2. Để bảo vệ.

Văn kinh: Đức Phật nói: Lành thay! Lành thay! Này người Thiện nam! Đúng thế! Đúng thế.

Tán rằng: Thứ ba Thế tôn ngợi khen ấn chứng có thể thực hành lợi ích, vì vậy khen ngợi "lành thay"; kể rõ lợi ích của kinh đó, thuận theo chánh lý cho nên liền nói "Đúng thế".

Văn kinh: Các người cần phải hết lòng chịu khó truyền bá rộng rãi kinh điển vi diệu tức là giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian.

Tán rằng: Thứ tư khuyến khích truyền bá rộng rãi.

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG KINH SỚ

QUYỂN 3
(Phần cuối)

Phẩm 4: MỘNG KIẾN SÁM HỐI

Phẩm Mộng Kiến Sám Hối có ba phần riêng biệt:

1. Nguyên nhân có phẩm này.
2. Giải thích.
3. Giải thích lời vặn hỏi.

Phần Nguyên nhân có phẩm này có bốn: Hai phẩm trước nói về quả sở đắc. Năm phẩm sau nói về hạnh sở tu, chia ra làm bốn: Hai phẩm đầu nói về hạnh của Địa tiền, một phẩm tiếp theo nói về hạnh của Thập địa, một phẩm tiếp theo nhân đó giải thích nghi ngờ giúp cho phát khởi nguyện hạnh, tiếp đến nói về hạnh hộ pháp, dùng Đà-la-ni bảo vệ người thực hành pháp, khiến cho không lui sụt đối với hạnh của Địa tiền. Đầu tiên là một hạnh phương tiện, sau đó là một hạnh chánh khởi. Tương lai mong cầu thắng quả chắc chắn trước đó phải tu hành.

Tu hành có hai thứ:

1. Dứt bỏ điều ác.
2. Tu tập điều lành.

Điều ác nếu chưa dứt bỏ thì khó mà tu tập diệu hạnh, cho nên trong kinh Lục Môn Đà-la-ni chép: "Các ma nghiệp vốn có của ta, nếu không trước tiên sám hối thì rốt cuộc không thể phát tâm thuận theo Vô thượng giác, vì vậy tất cả tội lỗi trước tiên cần phải sám hối dứt trừ". Lại như trong bốn chánh cần, hai việc đầu là dứt bỏ điều ác, hai việc sau là tu tập điều lành. Vì thế cho nên tương lai tu tập diệu hạnh trước hết chỉ dạy sám hối.

Nhưng tâm sám hối khó mà phát khởi ngay được. Nhờ vào giấc mộng thấy trống vàng nói pháp mà tỉnh ngộ, do đó văn sau nói: "Đây

là nghiệp thù thắng, cúng dường các Đức Phật trong quá khứ của ông và do uy lực của các Đức Phật che chở, vì muốn diệt trừ nghiệp chướng sai trái trước đây cho nên phát sinh phẩm này. Tuy trong phẩm này và phẩm Diệt Chướng cũng có sinh khởi điều lành gọi là những phát nguyện v.v..."

Bởi vì thuận theo những gì rõ ràng ngay thẳng gọi là thực hành dứt bỏ điều ác. Đồng thời đều thuận theo tên gọi ban đầu là phẩm Sám Hối Diệt Nghiệp Chướng, chẳng phải không có tu điều lành, hai là tu tập những hạnh thù thắng không có gì vượt hơn ba học, đó là giới, định, tuệ. Từ giới có thể làm nhân lìa xa đường ác, từ định có thể làm nhân thoát khỏi cõi Dục, từ tuệ có thể làm nhân lìa xa ba cõi.

Lại nữa, từ giới có thể giúp đầy đủ định, định làm hoàn bị tuệ, do giới làm cội rễ mới đạt được định tuệ. Trong kinh Di Giáo chép: "Nên biết rằng giới này là trú xứ an ổn của công đức các điều lành, thường sinh ra các thiền định và trí tuệ diệt khổ". Sám hối ở đây là giới học, bao gồm cả những ai bắt đầu tu học, do đó trước đây nói có phẩm này phát sinh. Ba là Phật có ba thân là Pháp thân, Ứng thân, Hóa thân, như dưới đây tức là Đoạn đức, Trí đức và Tuệ đức, nghĩa là do giới dứt trừ ác làm nhân của đoạn đức, định có thể phát khởi hóa hiện làm nhân của ân đức, tuệ có thể quyết đoán làm nhân của trí đức.

Pháp thân đoạn đức là cội gốc cho nên trước tiên nói về nhân đó, vì vậy phẩm này phát sinh. Bốn là vì cơ nghi:

1. Vì căn lực gốc lành vốn có của Bồ-tát Diệu Tràng đến chỗ Phật trình bày rõ ràng.

2. Vì tình hình đặc biệt lúc ấy nên trước tiên nghe nói về pháp sám hối mới có thể giác ngộ, do đó phẩm này phát sinh".

Dựa theo Đại sư Chân-đế giải thích thì có tám nhân duyên. Thứ hai là giải thích tên gọi. Tiếng Phạm gọi là Táp-noa-đạt-lợi-xá-noa-a-bát-để-đề-xá-na. Táp-noa, Hán dịch là Mộng. Đạt-lợi-xá-noa, Hán dịch là Kiến. A-bát-để, Hán dịch là Tội. Đề-xá-na, Hán dịch là Thuyết. Người có sai phạm cần phải hướng về người khác mà nói, tội lỗi liền được dứt trừ, nên gọi là thuyết tội.

Nhưng nói sám hối là thuận theo người xưa phiên dịch, không phải là chánh thuyết. Nếu nói là sám hối thì âm Phạn gọi là Sám-ma, nghĩa thích hợp ở đây gọi là dung thứ, hoặc quý tạ (hổ thẹn nhận lỗi), hoặc gọi là Sám-ma, Hán dịch là tri yểm ly, cũng có nghĩa là cải hối. Nói Sám Hối là âm không sai nên lược bỏ, đích thực nên gọi là phẩm Mộng Kiến Thuyết Tội; Mộng thấy nói về tội lỗi, mộng ấy là chung,

thấy là riêng, bởi vì riêng thuộc trong chung nên gọi là Mộng Kiến; nói về phẩm Mộng Kiến Thuyết Tội. Thứ ba, Giải thích văn hỏi.

Hỏi: Diệu Tràng nghe nói chưa xong, vì sao giữa chừng trở về nhà, nhân đó mộng thấy nghe nói sám trừ mới trở lại bạch rõ với Phật như vậy?

Đáp: Trống bắt đầu nhờ mộng nhìn thấy, duyên lành hối thúc khiến trở về nhà, nếu thân đang ở trong chúng không ngủ, mộng làm sao phát khởi.

Hỏi: Diệu Tràng thân đang ở nơi chỗ ngồi vì sao không trực tiếp nêu ra phương pháp sám hối, phải đợi về nhà ngủ trong giấc mộng mới hiện bày trống vàng chỉ dạy sám hối?

Đáp: Lúc mọi người vừa nghe nói mộng mới bắt đầu phát khởi sám hối; lại vì duyên đời trước nên Diệu Tràng nghe xong trong lòng thiết tha sám hối.

Hỏi: Duyên đời trước và uy lực của Phật hiện bày trống phát ra âm thanh sám hối, vì sao không hiện bày trống ở giữa mọi người mà chỉ riêng Diệu Tràng mộng thấy trong đêm?

Đáp: Chúng hội có cơ nghi khác nhau, nên sẽ lần lượt nghe. Lại vì Diệu Tràng nguyện nói xong cõi khác mới lãnh ngộ.

Hỏi: Trong mộng, Diệu Tràng có nghe nói về sám hối thì liền thành tự mình sám hối hay không?

Đáp: Đây là do nguyện đời trước nhờ mộng thấy kinh hãi tỉnh giấc mới có thể sám hối, không phải trong mộng nghe nói tức liền sám hối, do đó trong phẩm Liên Hoa Dụ Tán ở dưới chép: “Nguyện con sẽ sinh ở đời vị lai, nơi vô lượng, vô biên kiếp trong mộng thường thấy trống vàng to lớn được nghe rõ ràng âm thanh nói về sám hối”, cho đến nói: “Đêm mộng thường nghe âm thanh trống vàng, ngày liền thuận theo mà thực hành sám hối”. Tức là nói nguyện ban đêm nghe âm thanh sám hối, ban ngày liền theo đó sám hối. Rõ ràng là trước tiên nghe không phải là chánh sám hối, nếu không như vậy thì mộng trở thành việc sám hối, đâu cần lại nói phẩm Diệt Nghiệp Chướng.

Nếu nói khiến cho người khác phát tâm sám hối, há có thể mộng thấy sám tội đều dứt trừ hay sao? Trong phẩm này toàn văn chia làm bốn phần:

1. Diệu Tràng nằm mộng nghe sám hối được lợi ích.
2. Đến chỗ Đức Phật trình bày để giác ngộ người khác.
3. Thế tôn khen ngợi ấn chứng nguyên cớ đó.
4. Đại chúng nghe nói đều nguyện kính vâng thực lành.

Văn kinh: Lúc bấy giờ, Bồ-tát Diệu Tràng tự mình ở trước Đức Phật nghe diệu pháp xong, vui mừng hớn hở, nhất tâm suy nghĩ trở về nơi ở của mình.

Tán rằng: Thứ nhất, Diệu Tràng nằm mộng nghe sám hối được lợi ích chia làm hai: Đầu tiên là nghe pháp tâm vui vẻ suy nghĩ mà lui; tiếp đó trong đêm mộng thấy trống vàng nói âm thanh sám hối. Phần đầu là lời tựa của người sớ kinh, phần sau là Bồ-tát nằm mộng.

Đây là mở đầu. Nghe thọ vô lượng, nghi ngờ dứt hết tâm vui vẻ, nhất tâm suy nghĩ, Thế tôn đại bi quyền hiện phương tiện khéo léo, chúng con cũng sẽ thực hành tự lợi, lợi tha như thế.

Văn kinh: Trong đêm mộng thấy trống vàng to lớn ánh sáng rực rỡ giống như vầng mặt trời.

Tán rằng: Ở trong mộng thấy trống vàng nói pháp sám hối có bốn:

1. Mộng thấy trống vàng.
2. Nhân đó nhìn thấy Tam bảo.
3. Nghe trống vàng nói pháp.
4. Nghe xong nghĩ nhớ.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Trong ánh sáng này được thấy vô lượng các Đức Phật ở khắp mười phương ngồi tòa lưu ly dưới cội cây báu, vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh, mà vì đó nói pháp.

Tán rằng: Nhân đó nhìn thấy Tam bảo.

Văn kinh: Thấy một vị Bà-la-môn cầm dùi trống đánh trống vàng, phát ra âm thanh vang dội, trong âm thanh đó giảng nói bài kệ vi diệu nói về pháp sám hối.

Tán rằng: Nghe trống vàng nói pháp.

Văn kinh: Diệu Tràng nghe xong thảy đều nhớ kỹ, suy nghĩ chắc chắn.

Tán rằng: Nghe xong nghĩ nhớ.

Văn kinh: Đến lúc trời sáng cùng với vô lượng trăm ngàn đại chúng vậy quanh mang các vật dụng cúng dường ra khỏi thành Vương xá, đến núi Thứu phong.

Tán rằng: Đến chỗ Đức Phật để trình bày. Đầu tiên đến chỗ Đức Phật, sau đó trình bày. Đây là đến chỗ Đức Phật:

1. Thời gian đến.
2. Đồ chúng.
3. Mang các thứ cúng dường.

4. Đến chỗ ở.
5. Thấy Phật.
6. Thấy nghi dung.
7. Cúng dường.
8. Vòng quanh bên phải.
9. Lui lại mà đứng.

Đây là bốn phần đầu.

Văn kinh: Đến chỗ Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật xong, bài trí hương hoa, đi vòng quanh bên phải ba vòng, lùi về ngồi một phía. Tán rằng: Năm đoạn sau.

Văn kinh: Chắp tay cung kính, chiêm ngưỡng tôn nhan.

Tán rằng: Đây là chính thức trình bày. Đầu tiên xin trình bày, sau đó chính thức kể rõ. Trong phần đầu lại có hai: Trước hết xin theo nghi thức, sau đó xin được trình bày.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Bạch Phật rằng: Bạch Thế tôn! Trong mộng con thấy có vị Bà-la-môn tay cầm dùi trống đánh vào trống vàng tuyệt đẹp, phát ra âm thanh vang dội, trong âm thanh đó giảng nói bài kệ vi diệu, nói về pháp sám hối, con đều nhớ kỹ.

Tán rằng: Xin được trình bày có hai: Đầu tiên kể rõ những điều thấy nghe trong mộng, sau đó xin cho phép nói ra.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Cúi mong Đức Thế tôn ban cho đại từ bi, nghe những điều con nói.

Tán rằng: Xin cho phép nói ra.

Văn kinh: Liền đối trước Đức Phật mà nói bài tụng rằng: Con ở trong đêm qua, mộng thấy trống vàng lớn, hình dáng thật khác lạ, xung quanh có ánh sáng vàng, giống như vầng mặt trời, ánh sáng đều rực khắp, tràn đầy mười phương cõi, thảy đều thấy các Đức Phật, ở dưới cội cây báu, đều ngồi tòa lưu ly, chúng vô lượng trăm ngàn, cung kính cùng vây quanh.

Tán rằng: Chính thức trình bày. Đầu tiên là bài tựa của người sớ kinh, phần sau là chính thức trình bày, gồm có một trăm năm mươi sáu bài. Ở trong bốn bài đầu, mỗi câu có năm chữ, bốn câu là một bài tụng, tức là thành ra bốn bài tụng. Tiếp đó có hai mươi hai bài, mỗi câu bảy chữ hợp lại gồm mười một bài tụng. Tiếp đến có ba mươi tám tụng, mỗi câu năm chữ. Tiếp tục chín mươi hai bài, mỗi câu bảy chữ, hợp lại có bốn mươi sáu bài tụng. Nếu theo phương pháp soạn tụng của Tây

phương đều là bốn câu thành một bài tụng. Nói về câu thì có năm loại:

1. Câu giữa.
2. Câu đầu.
3. Câu sau.
4. Câu ngắn.
5. Câu dài.

Nếu câu tạo thành từ tám chữ thì tiếng Phạm gọi là Án-đa-chế-đa, Hán dịch là câu trung gian, không dài không ngắn; như vậy bốn câu làm thành một bài tụng gọi là Thất-lô-ca tụng, có ba mươi hai chữ. Nếu câu tạo thành từ sáu chữ trở lên gọi là câu đầu. Nếu câu tạo thành từ hai mươi chữ trở lên gọi là câu sau. Nếu câu tạo thành dưới sáu chữ gọi là câu ngắn. Câu tạo thành từ hai mươi sáu chữ trở lên gọi là bài tụng câu dài theo đó có thể biết. Nay trong kinh này, theo thực tế bản tiếng Phạm, hoặc có mười bảy chữ làm thành một câu, hoặc có mười lăm chữ thậm chí chỉ có ba chữ làm thành một câu. Nay như nơi câu dài tóm gọn lại làm thành bài tụng mỗi câu bảy chữ, như đối với câu ngắn sắp xếp thành tụng năm chữ, do đó gồm có chín mươi chín bài tụng, chia ra làm hai phần, bốn bài tụng đầu tiên sơ lược nêu ra những điều nghe thấy, chín mươi lăm bài tụng sau đó trình bày rộng về những điều nghe được.

Trong phần đầu chia làm ba: Một câu đầu tiên là nói về lúc nằm mộng, ba câu hai bài tiếp theo là nêu những điều thấy được, một bài tụng sau cùng nêu những điều nghe được. Trong những điều thấy được, sáu câu là thấy trống vàng, ba câu là thấy Phật, hai câu là thấy Tăng. Trong sáu câu thấy trống vàng, trong nửa hàng đầu là thấy hình dáng trống vàng, một bài thấy ánh sáng trống vàng. Nằm mộng thấy trống vàng đó là biểu trưng sắp nghe âm thanh Đức Phật nói pháp sám hối, bởi vì đáng quý trọng. Thấy hình dáng tuyệt đẹp là biểu thị cho âm thanh cõi Phạm của vị Đại sĩ này. Xung quanh có ánh sáng là biểu thị cho tánh của giáo năng thuyên thường hiển bày tất cả lý. Giống như vầng mặt trời tròn đầy là biểu thị cho dụng của giáo năng thuyên thường xua tan tất cả bóng tối không lành. Ánh sáng đều rực rỡ khắp nơi v.v... là biểu thị cho một âm thanh đồng nhất, oán thân bình đẳng. Còn lại thấy Phật và đại chúng tức là Phật bảo và Tăng bảo. Nghe trống vàng nói pháp tức là Pháp bảo, biểu thị nhân nghe giáo pháp được thấy Tam bảo, nên cũng sẽ thành tựu.

Văn kinh: Có vị Bà-la-môn, cầm dùi đánh trống vàng, ở trong tiếng trống đó, nói tụng vi diệu này.

Tán rằng: Nêu lên nghe pháp. Có hai: Nửa bài tụng đầu thấy người tự đánh trống, nửa bài tụng sau nghe trống vàng nói pháp. Có vị Bà-la-môn biểu thị cho cơ, giáo năng cảm, dùng dùi đánh trống biểu thị cho người nghe giáo pháp; dùng dùi gốc lành cảm ứng đánh vào trống giáo pháp năng thuyên của Thế tôn. Hoặc Bà-la-môn biểu thị cho đang thấy Phật; do đó trong luận Câu-xá nói: "Những gì nói về tánh Sa-môn cũng gọi là Bà-la-môn, cũng gọi là Phạm luân, bởi vì Chân Phạm sở thuyên". Theo đó biết rằng Thế tôn cũng gọi là Chân Bà-la-môn, chân tịnh hạnh. Dùng dùi đại bi đánh vào trống trí hậu đắc, truyền đi âm thanh giáo pháp, mượn âm thanh trên lập nên những bài tụng, đây tức là phúng tụng già-đà tụng.

Văn kinh: Trống vàng sáng rực phát tiếng hay, vang khắp tam thiên đại thiên giới.

Tán rằng: Phần sau trình bày rộng rãi những điều nghe được gồm có chín mươi lăm bài tụng. Toàn bộ chia làm hai phần "mười một bài tụng đầu nêu chung về lợi ích thù thắng, tám mươi bốn bài tụng tiếp theo nói riêng về lợi ích thù thắng. Trong phần nêu chung lại chia làm ba: Nửa bài tụng đầu nêu ra âm thanh thù thắng của trống vàng; bảy bài tụng rưỡi tiếp đó nêu riêng từng lợi ích thù thắng; ba bài tụng cuối nêu lên nhân thù thắng ở dưới".

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Thường diệt tội cực nặng ba đường, cho đến các khổ ách loài người, do uy lực tiếng trống vàng này, diệt hẳn tất cả phiền não chướng, dứt trừ sợ hãi được yên ổn, giống như Đấng Mâu-ni tự tại.

Tán rằng: Đầu tiên trong phần nêu riêng từng lợi ích thù thắng dưới đây, có ba lần lại nữa nói về các sám, nguyện v.v... Nhưng hai lần lại nữa đầu tiên phỏng theo lược nói lẫn nhau, lại nữa thứ ba cùng mở rộng các pháp sám v.v...

Nay bốn bài tụng rưỡi đầu tiên trong phần nêu ra này, kết hợp nêu ra hai lại nữa đầu sơ lược nói về lợi ích thù thắng của các pháp sám v.v... ba bài tụng tiếp đó nêu ra lại nữa thứ ba, ở dưới trình bày rộng về lợi ích thù thắng của các pháp sám v.v... Đoạn thứ nhất chia làm hai: Hai tụng rưỡi đầu nêu ra lìa khổ; hai tụng tiếp theo nêu về được vui. Trong phần lìa khổ đầu tiên một bài tụng rưỡi nói về lìa khổ, một bài tụng khen ngợi Phật. Đây là lìa khổ. Trong đó nửa bài tụng đầu là lìa quả khổ, một bài tụng tiếp theo là lìa nhân khổ. Nghiệp ác bậc thượng, trung chịu lấy báo ứng trong ba đường, gọi là tội cực nặng. Nghiệp ác bậc hạ vời lấy khổ báo trong loài người, tức là các loại ái biệt ly, già

bệnh chết v.v... Trong lìa nhân khổ, ba câu lìa nhân và một câu nêu ra thí dụ. Thí dụ có hai nghĩa:

1. Dụ cho chúng sinh được diệt trừ nhân của đau khổ như Đức Mâu-ni.

2. Dụ cho trống vàng cũng như Đức Mâu-ni thường nói Thánh Pháp, dứt trừ đau khổ cho chúng sinh.

Văn kinh: Phật ở trong biển cả sinh tử, chứa nhóm tu hành Nhất thiết trí, thường khiến chúng sinh hiểu mọi lẽ, cuối cùng đều về biển công đức.

Tán rằng: Khen ngợi Phật có hai: Nửa bài tụng đầu khen ngợi đức tự lợi; nửa bài tụng sau khen ngợi Đức lợi tha. Giác Phẩm đầy đủ là thường khiến cho chúng sinh tu tập đại Bồ-đề. Tương ứng quyến thuộc tất cả công đức thảy đều đầy đủ tức là đại Bồ-đề. Cuối cùng đều quy về biển cả công đức tức là đại Niết-bàn. Hoặc giác phẩm đầy đủ là khiến cho nhân tu hoàn toàn, quy về biển công đức là thường khiến cho đắc quả được đầy đủ.

Văn kinh: Từ trống vàng này phát tiếng hay, khiến mọi người nghe được Phạm âm, chứng được quả Bồ-đề vô thượng, thường chuyển diệu pháp luân thanh tịnh.

Tán rằng: Nói về được yên vui. Một bài tụng đầu được niềm vui tự lợi, một bài tụng sau được niềm vui lợi tha. Được niềm vui tự lợi này có ba phần:

1. Khiến được Phạm âm.

2. Chứng được Bồ-đề.

3. Đạt đến Niết-bàn.

Theo luận Du-già quyển chín mươi lăm chép: "Bởi vì xoay bánh xe pháp có tự, tha chuyển trong tự chuyển có năm tướng: Thứ nhất là đạt được cảnh sở đắc; Thứ hai là đạt được phương tiện; Thứ ba là đạt được sở đắc; Thứ tư là nối liền với người khác, khiến cho họ phát sinh tin hiểu sâu sắc đối với sở chứng của mình; Thứ năm là khiến cho họ phát sinh tin hiểu sâu sắc đối với sở chứng của người khác". Thường Chuyển diệu pháp luân ở đây chính là thứ ba là đạt được sở đắc. Quả đại Niết-bàn, bởi vì trước có Bồ-đề sau có tùy cơ nói pháp, xoay bánh xe pháp ở đây tức là Niết-bàn. Nghĩa của bánh xe pháp trong Kinh Pháp hoa Sớ có nói.

Văn kinh: Trụ thọ kiếp không thể nghĩa bàn, tùy cơ nói pháp lợi chúng sinh, thường dứt phiền não các thứ khổ, tham, sân, si thảy đều dứt trừ.

Tán rằng: Được niềm vui lợi tha:

1. Vì tuổi thọ chúng sinh.

2. Nói pháp cho nghe.

3. Dứt trừ phiền não.

Các dòng khổ tức là ba thứ hoặc, nghiệp, khổ. Dứt trừ sở duyên trói buộc này, sở duyên trói buộc không còn thì năng duyên tham v.v... cũng đều diệt theo, tức là dứt trừ năng duyên trói buộc, đã lìa bỏ các trói buộc, cho nên được yên vui.

Văn kinh: Nếu có chúng sinh trong đường ác, lửa dữ bừng cháy khắp toàn thân, nếu được nghe tiếng trống hay này, liền xa đau khổ quy y Phật.

Tán rằng: Ba hàng tụng sau nêu rộng về các pháp sám hối ở dưới, có hai: Một bài tụng đầu nêu ra có tội, nghe pháp, biết sám hối lìa khổ đau; hai bài tụng sau nhờ nghe tiếng trống mà được yên vui.

Đây là mở đầu.

Hỏi: Đây là Diệu Tràng tự nằm mộng thấy trống vàng người khác không nghe, làm sao có thể nói “Có nơi đường ác lửa dữ toàn thân nghe tiếng trống hay lìa khổ đau, quy y Phật?”

Đáp: Trước sau nói về người khác được lợi ích ở đây đều là do Bồ-tát Diệu Tràng nằm mộng mà thấy, quả thật không phải người khác được nghe tiếng trống. Ý ở đây chính là nói rằng nếu các loài chúng sinh được nghe Đức Phật nói sẽ đạt được lợi ích như vậy.

Văn kinh: Đều được thành tựu túc mạng trí, thường nhớ quá khứ trăm ngàn kiếp, thảy đều chánh niệm Đức Mâu-ni, được nghe giáo Như lai sâu xa, do nghe tiếng trống vàng hay ho, thường được gồm giữ chỗ các Đức Phật, đều luôn lìa bỏ các nghiệp ác, thuần tu thanh tịnh các phẩm lành.

Tán rằng: Nêu đạt được vui vẻ chia sáu: Nửa bài tụng đầu đạt được túc mạng trí; một câu tiếp đạt được chánh niệm; một câu tiếp theo là nghe pháp; hai câu tiếp đó là gần giữ các Đức Phật; một câu tiếp đó là lìa xa điều ác; một câu tiếp theo là tu tập điều lành.

Văn kinh: Tất cả trời người loài hữu tình, người thiết tha chí thành cầu nguyện, được nghe âm thanh trống vàng hay, thường khiến cầu gì đều đầy đủ.

Tán rằng: Ba bài tụng sau nêu rõ khiến cho người khác gieo trồng nhân tốt đẹp có ba: Một bài tụng đầu nêu lên nguyện được như ý muốn; một bài tụng tiếp đó nêu rõ được lìa khổ đau; một bài tụng tiếp theo nêu rõ đạt được yên vui.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Chúng sinh đọa vào ngục Vô gián, lửa dữ hừng hực đốt cháy thân, không có cứu giúp chịu luân hồi, người nghe thường khiến khổ dứt trừ.

Tán rằng: Nêu rõ được lìa khổ đau. Và còn y theo đó nhắc lại lìa khổ đau vô gián; hoặc có thể, nửa bài tụng đầu lìa khổ đau trong ngục Vô gián, nửa bài tụng sau lìa tất cả khổ đau của các nơi và các đường.

Văn kinh: Trong trời người ngạ quỷ súc sinh, tất cả hiện chịu các khổ nạn, được nghe trống vàng phát tiếng hay, thảy đều được lìa khổ được giải thoát.

Tán rằng: Nêu rõ đạt được yên vui. Nửa bài tụng đầu nhắc lại lìa các khổ đau, nửa bài tụng sau phân biệt rõ được các sự yên vui.

Văn kinh: Hiện tại mười phương cõi, đấng phước trí thường trụ, nguyện đem tâm đại bi, xót thương nghĩ đến con, chúng sinh không nương tựa, cũng không có cứu giúp, vì những loài như vậy, thường làm đại quy y.

Tán rằng: Dưới đây là tám mươi bốn bài tụng nói riêng về lợi ích cao quý, chia ra làm bốn phần: Hai mươi lăm bài tụng đầu là lại nữa lần thứ nhất, nói về các pháp sám, nguyện, tiếp theo "Cúi mong Phật mười phương" trở xuống mười ba bài tụng sau là lại nữa lần thứ hai nói về các pháp sám, nguyện tiếp đến bốn mươi ba bài tụng bảy chữ, sau đó là lại nữa lần thứ ba nói về các sám nguyện, tiếp tục "Nếu có người nam và người nữ" trở xuống bốn bài tụng sau là nói về dự thù thắng khuyến tu. Nhưng trong ba lần lại nữa nói về các sám, nguyện thì trong lần lại nữa đầu tiên nói nhiều về pháp sám phiền não chướng, lại nữa lần thứ hai nói nhiều về pháp sám nghiệp chướng, lại nữa lần thứ ba nói nhiều về pháp sám báo chướng.

Trong đó đại khái có nhiều sự khác nhau như vậy. Sám hối nói đúng phải là Thuyết tội, nên lấy điều lành để sửa đổi và phát khởi thiện ngữ nghiệp làm tánh, nếu bao gồm năng khởi thì cũng có ý nghiệp, nếu nói rõ lễ kính cũng có thân nghiệp. Đầy đủ nên lấy điều lành sửa đổi và phát khởi ba nghiệp làm tánh. Trong lần lại nữa đầu tiên có ba phần: Hai bài tụng đầu thỉnh cầu che chở nói rõ chính thức quy y; mười bốn bài tụng tiếp theo nói về sám hối; chín bài tụng sau nói về phát nguyện.

Trong phần đầu chia làm bốn: Hai câu đầu nêu ra nơi quy đầu (tìm về); hai câu tiếp thỉnh cầu rủ lòng nghĩ nhớ; Hai câu tiếp nói rõ không có nơi cứu giúp; Hai câu tiếp nữa thỉnh cầu làm nơi quy y.

Trong loài hữu tình có loài không có chân, nhiều chân, bốn chân, hai chân, trời người hai chân so với loài khác là hơn hẳn, Đức Phật đối với trời người hai chân lại càng tôn quý hơn. Thương loài đó có khổ, thương xót kẻ kia không yên vui, thể tức là từ bi, nguyện ghi nhớ không bỏ gọi là nhớ nghĩ. Đầu khởi (tìm đến) gọi là quy, nương tựa gọi là y; nhổ gốc khổ là cứu, ban cho yên vui là hộ.

Văn kinh: Trước con gây tội lỗi, các nghiệp ác cực nặng, nay đối trước mười lực, dốc lòng xin sám hối.

Tán rằng: Mười bốn bài tụng dưới đây nói về sám hối chia làm ba phần: Một bài tụng đầu nêu ra, mười hai bài tụng tiếp theo phân biệt rõ; một bài tụng cuối là kết thúc. Đây là phần đầu nêu ra. Tội là tên của sự chê bai lỗi lầm. Nghiệp ác cực nặng cũng là lời nói chê bai lỗi lầm. Nếu xem thường tội nhỏ cũng gọi là tạo tội nghiệp ác cực nặng, tất cả nói về ba nghiệp thảy đều sám hối gọi là giai (đều).

Văn kinh: Con không tin các Đức Phật, cũng không kính tôn thân, không tiến tu điều lành, thường gây các nghiệp ác.

Tán rằng: Dưới đây phân biệt riêng thành mười hai bài tụng. Bài tụng thứ nhất nói về sám hối tội không tin, không hổ thẹn v.v... và những nghiệp ác đã gây. Bất kính tức là không tôn trọng thánh hiền, không tiến tu điều lành, tức là không coi trọng điều lành, do đó mà gây các điều ác.

Văn kinh: Hoặc tự cậy tôn quý, dòng họ và địa vị, tuổi trẻ buông lung, thường gây ra các nghiệp ác.

Tán rằng: Bài tụng thứ hai sám hối về những tội kiêu căng ngạo mạn gây ra nhiều tội nghiệp xấu ác.

1. Cậy đức tôn quý cao vời.
2. Cậy dòng họ sang trọng hơn người.
3. Cậy có nhiều tiền tài.
4. Cậy quan quyền địa vị.
5. Cây tuổi trẻ và sống lâu không bệnh tật.

Tự đề cao mình lấn hiếp người khác tức là vì kiêu ngạo mà gây nghiệp ác, cậy đó say mê ngạo mạn. Chính là do cao ngạo mà tạo ác, lại ưa thích buông lung không thể phòng giữ tu sửa, do đó tạo ra nghiệp ác.

Văn kinh: Tâm thường khởi tà niệm, miệng nói lời xấu ác, không thấy tội sai trái, thường tạo các nghiệp ác.

Tán rằng: Bài tụng thứ ba sám hối hai nghiệp tâm, khẩu đã tạo nhiều nghiệp ác.

Văn kinh: Thường làm việc người ngu, vô minh che khuất tâm, thuận theo bạn không tốt, thường gây các nghiệp ác.

Tán rằng: Bài tụng thứ tư sám hối do ngu si mà tạo nhiều nghiệp ác.

Văn kinh: Hoặc vì các trò vui, hoặc ôm lòng sầu não, vì tham sân vây bọc, nên con tạo điều ác.

Tán rằng: Bài tụng thứ năm sám hối bởi vì tham sân cho nên gây nhiều nghiệp ác. Hý lạc thì tham, ưu não thì sân, tham sân tức là hạt giống, triền (vây bọc) tức là hiện hành; hoặc tám triền v.v... đưa ra hai để thâu nhiếp những thứ còn lại.

Văn kinh: Gần gũi người không tốt, và do ý san, tật, nghèo nàng làm dua nịnh, nên con gây điều ác.

Tán rằng: Bài tụng thứ sáu sám hối do gần gũi bạn ác và các tiểu tùy nghi ngờ. Tích chứa không bỏ mưu toan tham lẫn gọi là san, không chịu nổi sự hưng vượng của người khác nên ganh ghét gọi là tật, làm bưng bít người khác, nhìn ngó khom lưng thuận theo ý kẻ kia gọi là siểm, lòng dạ mưu mô khác thường, giả bộ hiện bày có đức độ gọi là cuống.

Văn kinh: Tuy không ưa các lỗi, bởi vì có sợ hãi, và không được tự tại, nên con gây điều ác.

Tán rằng: Bài tụng thứ bảy sám hối so sợ hãi nên gây nhiều nghiệp ác. Ý tuy không muốn tạo những lỗi lầm, hoặc sợ các tai nạn về thân mạng tài sản cho nên gây các nghiệp ác, hoặc ở nơi hèn kém bị người khác ép buộc không được tự tại cho nên gây các nghiệp ác.

Văn kinh: Hoặc vì tâm dao động, hoặc do sân, nhuệ, hận, và đói khát ép ngặt, nên con gây điều ác.

Tán rằng: Bài tụng thứ tám sám hối do các đại tùy nghi ngờ nên gây nhiều nghiệp ác. Vì đói khát ham muốn ép ngặt cho nên gây ra nghiệp ác.

Văn kinh: Do áo quần, ăn uống, và tham ái người nữ, lửa phiền não đốt thiêu, nên con gây điều ác.

Tán rằng: Bài tụng thứ chín sám hối vì tham nên gây các nghiệp ác.

Văn kinh: Với Phật, Pháp, Tăng chúng, không sinh tâm cung kính, gây các tội như vậy, nay con đều dám hối; với Độc Giác, Bồ-tát, tâm cũng không cung kính, gây các tội như vậy, nay con đều sám hối.

Tán rằng: Bài tụng thứ mười sám hối vì không cung kính Tam bảo nên gây các nghiệp ác.

Văn kinh: Vô trí báng chánh pháp, bất hiếu với cha mẹ, gây các tội như vậy, nay con đều sám hối.

Tán rằng: Bài tụng thứ mười một sám hối vì năm tội nghịch nên gây các nghiệp ác. Y theo kinh Đại thừa đã nói về năm tội nghịch, không phải cả ba thừa cùng nói. Nói năm tội nghịch, theo kinh Tát-già Ni-kiền Tử chép: năm tội nghịch là:

1. Không được phá hoại chùa tháp, thiêu đốt kinh tượng và dụng ý trộm cắp tài vật Tam bảo.

2. Bài bác pháp, mà ba thừa nói chẳng phải Thánh giáo, chướng ngại gây khó dễ, che đậy cất giấu.

3. Đối với tất cả người xuất gia hoặc thọ giới, không thọ giới, giữ giới, phá giới đều đánh mắng chưởi bới, nói lỗi lầm, cấm đoán, hoàn tục, thúc đẩy, tra hỏi khiến cho mất đi mạng sống.

4. Không được giết hại cha mẹ, làm thân Phật chảy máu, phá sự hòa hợp của Tăng chúng, giết A-la-hán.

5. Không được bài bác không có nhân quả, trong đêm dài tăm tối thường gây mười nghiệp chẳng lành”.

Nay bài báng pháp ở đây tức là điều nghịch thứ hai, bất hiếu với cha mẹ tức là điều nghịch thứ tư.

Văn kinh: Vì ngu si kiêu ngạo, và vì lực tham sân, gây các tội như vậy, nay con đều sám hối.

Tán rằng: Bài tụng mười hai sám hối vì ba bất gốc không lành nên gây các nghiệp ác. Nói kiêu mạn là căn không lành ngu si phát khởi cho nên cùng nêu. Lại theo phần đầu, một bài tụng này tóm kết “những điều đã gây đều xin sám hối” ở trước.

Văn kinh: Con ở mười phương cõi, cúng dường vô số Phật, sẽ nguyện cứu chúng sinh, khiến lìa các khổ nạn, nguyện tất cả hữu tình, đều khiến trụ Thập địa, phước trí tròn đầy rồi, thành Phật dẫn chúng sinh.

Tán rằng: Dưới đây là chín bài tụng phát nguyện. Nguyện dùng hậu trí hoặc dục thắng giải làm tự tánh của nguyện. Đã lễ kính trình bày cũng phát khởi ba nghiệp làm thể. Nhưng hậu trí dục nguyện là tự tánh của nguyện, thân giữ nguyện đã phát khởi, ý nghiệp nguyện tương ưng và đã phát khởi cho nên đều gọi là nguyện. Không như vậy làm sao thu nhiếp. Trong đó chia làm bốn: Hai bài tụng đầu tiên này là lợi sinh, một bài tụng nguyện khiến lìa đau khổ; một bài tụng nguyện cho được yên vui.

Văn kinh: Con vì các chúng sinh, khổ hạnh trăm ngàn kiếp, dùng

sức đại trí tuệ, đều giúp thoát biển khổ, con vì mọi hàm thức, giảng nói kinh thâm diệu, Tối Thắng Kim Quang Minh, thường dứt các nghiệp ác.

Tán rằng: Hai bài tụng tiếp theo là nguyện phát khởi hạnh, một bài tụng nguyện vì chúng sinh tu tập phước trí, một bài tụng nguyện vì chúng sinh giảng nói chánh pháp.

Văn kinh: Nếu người trăm ngàn kiếp, gây các tội rất nặng, tạm thời được phát lộ, các ác tiêu trừ sạch, theo Kim Quang Minh này, hành sám hối như vậy, do đó thường chóng hết, tất cả cnghiệp ác khổ, trăm ngàn thứ thắng định, tổng trì không nghĩ bàn, căn lực giác đạo chi, tu tập thường không chán.

Tán rằng: Ba bài tụng tiếp theo là nguyện người khác tu hành, hai tụng đầu nguyện khuyến khích người khác diệt trừ điều ác, một bài tụng sau nguyện khuyến khích người khác tu tập điều lành.

Văn kinh: Con sẽ lên Thập địa, nơi châu báu đầy đủ, công Đức Phật tròn đầy, tế độ dòng sinh tử. Con vào biển các Phật, cho công đức sâu xa, diệu trí khó nghĩ bàn, đều khiến được đầy đủ.

Tán rằng: Hai bài tụng tiếp theo là nguyện tự quả tròn đầy, một bài tụng đầu nguyện đầy đủ nhân lợi sinh, một bài tụng sau nguyện tròn đầy quả tự đầy đủ. Nói "Khiến cho" tuy có cả Tự và Tha nay ý chọn lấy khiến cho Tự đầy đủ, trước đây đã nguyện chúng sinh khiến cho trụ Thập địa, phước trí tròn đầy rồi thành Phật dẫn dắt tất cả chúng sinh.

Văn kinh: Chỉ nguyện mười phương Phật, quán sát hộ niệm con, đều đem tâm đại bi, thương nhận con sám hối.

Tán rằng: Dưới đây có mười ba bài tụng. Lại nữa lần thứ hai nói nhiều về sám hối nghiệp chướng. Văn chia làm bốn phần: Mười bài tụng đầu nói về sám hối, một bài tụng tiếp đó nói về vui theo; một bài tụng tiếp theo nói về phát nguyện; một bài tụng cuối cùng hồi hướng sám hối. Trong phần đầu chia ba: Một bài tụng đầu này là thỉnh hộ thuật y (thỉnh cầu hộ niệm theo những điều đã nói).

Văn kinh: Con ở trong nhiều kiếp, đã gây các nghiệp ác, do đó sinh khổ não, thương xót nguyện tiêu trừ.

Tán rằng: Tám bài tụng tiếp theo chính thức trình bày sám hối. Lại chia làm bốn phần, một bài tụng đầu này nêu chung về sám, nguyện.

Văn kinh: Con gây các nghiệp ác, tâm thường sinh lo sợ, ở trong bốn oai nghi, không hề nghĩ vui sướng.

Tán rằng: Tiếp theo một bài tụng kể rõ bản thân rất buồn.

Văn kinh: Các Đức Phật có đại bi, thường trừ sợ chúng sinh,

nguyện nhận con sám hối, khiến được lìa buồn khổ.

Tán rằng: Xin nguyện chứng minh sám hối.

Văn kinh: Con có phiền não chướng, cho đến các nghiệp báo, nguyện đem nước đại bi, rửa sạch khiến thanh tịnh.

Tán rằng: Tiếp theo năm tụng sau là nguyện sám hối khiến cho dứt trừ. Lại chia làm bốn: Một bài tụng đầu này là nguyện sám hối dứt trừ ba chướng. Phật dùng nước đại bi diệt sạch lửa ba chướng, lại rửa hết bụi dơ tội lỗi cho nên dụ như nước.

Văn kinh: Trước con gây các tội, và nay gây nghiệp ác, dốc lòng đều phát lộ, đều nguyện được dứt trừ, các nghiệp ác vị lai, giữ gìn không để khởi, giả như có trái phạm, hoàn toàn không dám dấu.

Tán rằng: Hai bài tụng tiếp theo là nguyện sám hối tội lỗi ba đời. Dứt cũng là trừ. Quá khứ, hiện tại đã tạo tội lỗi, sám hối nguyện được dứt trừ, vị lai chưa tạo, nguyện sám hối ngăn ngừa không để sinh khởi.

Văn kinh: Thân ba ngữ bốn thứ, ý nghiệp lại có ba, trói buộc các hữu tình, vô thỉ luôn tiếp nối, do đó hành ba loại, gây ra mười nghiệp ác, tội lỗi nhiều như vậy, nay con đều sám hối.

Tán rằng: Hai bài tụng tiếp theo nguyện sám hối tội lỗi ba nghiệp. Tức giống như luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa bốn đã nói về sám hối, rằng "Ba với ba hợp lại thành chín thứ thuận theo ba phiền não mà phát khởi. Hợp chín loại là tức ba nghiệp trước đây và ba đời cùng với ba nghiệp báo, nghĩa là thuận theo đời hiện tại sau đó phải chịu nghiệp báo, hợp lại là chín". Nay thêm vào ba chướng trừ ba nghiệp báo. Kinh này y theo phần chung, luận kia thuận theo sự nhận chịu có khác nhau, vì vậy đều thành chín thứ đều không trái nhau. Chín thứ này đều từ tham, sân, si mà khởi nên nói là thuận theo ba phiền não phát khởi.

Lại trong luận ấy hỏi trong ba thuận theo mà thọ nhận có định và bất định vì sao nói sám hối dứt trừ vậy?

Luận đó đáp rằng: Cũng không phải đều dứt trừ, nếu định báo nguyện được thân này để đền đáp. Ở đây cũng nói theo trên báo định, thời bất định, nếu thời báo đều định thì điều đó sẽ không bàn đến, theo trong luận kia nói có thể sám hối, nếu có thể tăng thượng sám hối thì tội lỗi đều dứt trừ. Kinh Niết-bàn nói chép: "Nếu vào trong ngã pháp thì không quyết định".

Còn trong luận Du-già chép: "Dựa theo người chưa giải thoát mà kiến lập định báo". Ý này y theo chưa gieo trồng giải thoát phần, dựa vào đó mà lập nghiệp định báo, nếu gieo trồng giải thoát phần thì đều bất định. Không như vậy thì hữu tình làm sao tu tập ba đời liền nhập

thánh, vì chẳng phải đều chỉ có định báo ba đời. Nghĩa của mười nghiệp đạo có giải thích ở chương khác.

Văn kinh: Con gây các nghiệp ác, nên tự chịu khổ báo, nay đối trước các Đức Phật, chí thành đều sám hối.

Tán rằng: Một bài tụng tiếp theo thuộc về tự mình kết thúc sám hối.

Văn kinh: Nơi Thiệm Bộ Châu này, và thế giới cõi khác, vốn có các nghiệp lành, nay con đều vui theo.

Tán rằng: Thứ hai là vui theo trong lại nữa lần thứ hai. Tùy là thuận theo. Hỷ là vui sướng. Tùy tức là lấy ba pháp tín, dục thắng giải làm thể.

Vì vậy trong luận Thành Duy Thức chép: "Nếu ấn chứng thuận theo thể tức là thắng giải, nếu vui sướng thuận theo thể tức là dục, nhẫn nại đã xong là tín nhân, dục chính là tín quả. Cho nên tín và nhân quả là tùy thể của nó". Hỷ tức là thọ (vui nhận), hoặc hỷ ở đây không nhất định là hỷ thọ, chỉ là tâm, tâm sở tổng hợp quy tụ giả định lập nên sự vui mừng gọi là hỷ, hoặc chính là không ganh ghét cho nên vui mừng vô lượng, lấy không ganh ghét làm thể. Giải thích cách này là chính đáng. Nhân thuận theo sinh vui mừng tức là tùy đó mà vui mừng, hoặc vừa thuận theo vừa vui mừng gọi là vui theo.

Văn kinh: Nguyện lìa mười nghiệp ác, tu hành mười nghiệp lành, an trú trong Thập địa, thường thấy Phật mười phương.

Tán rằng: Thứ ba là phát nguyện.

Văn kinh: Con đem thân, ngữ, ý, tu nghiệp các phước trí, nguyện theo gốc lành này, chóng thành vô thượng tuệ.

Tán rằng: Hồi hướng. Lấy hậu trí làm thể. Lại giải thích: Hai bài tụng đều là phát nguyện, đầu là nhân, sau là quả.

Văn kinh: Nay con tự đối trước Thập Lực, phát lộ rất nhiều việc khổ nạn.

Tán rằng: Bốn mươi hai tụng dưới đây là lại nữa lần thứ ba, nói rộng về sám nguyện, nói rộng về sám hối báo chướng. Văn chia làm năm: Bốn bài tụng đầu ăn năn lỗi lầm; mười một bài tụng tiếp theo khen ngợi công đức của Phật; hai mươi lăm tụng tiếp đó là phát nguyện; một bài tụng tiếp đó là vui theo; một bài tụng tiếp nữa là hồi hướng. Trong phần sám hối đầu tiên, văn lại chia làm ba; đây là nửa bài tụng đầu nêu chung về sự thành khẩn quay về.

Văn kinh: Nạn phàm phu mê hoặc ba cõi, nạn thường gây nghiệp ác rất nặng, nạn con đã chứa nhóm dục, tà, nạn thường khởi tham ái trôi

lăn, nạn đắm say nơi thế gian này, nạn tất cả người ngu phiền não, nạn cuồng tâm tán động điên đảo, cho đến nạn gần gũi bạn ác, nạn tham nhiễm ở trong sinh tử, nạn sân si ám độn gây tội, nạn sinh tám nơi luôn có ác, nạn chưa từng chứa nhóm công đức.

Tán rằng: Đây là ba bài tụng tiếp theo sám hối riêng các nạn. Ba bài tụng mười hai câu, một câu là một nạn:

1. Nạn phàm phu không dứt quả khổ.
2. Nạn lâu dài thường gây nghiệp ác.
3. Nạn do mưu tính chứa nhóm của mình.
4. Nạn do tham lam trôi lăn trong ba cõi.
5. Nạn đắm say nơi quả vui sướng thế gian.
6. Nạn do dựa vào thân phàm phu khởi mê hoặc.
7. Nạn do tà tâm tán động khởi điên đảo.
8. Nạn do bạn ác dụ dỗ.
9. Nạn sinh tử đắm nhiễm không dứt.
10. Nạn do nhân ba độc mà gây tội lỗi.
11. Nạn sinh nơi luôn có ác báo.
12. Nạn từ vô thỉ không gieo trồng nhân lành.

Ý này do nghiệp ác cho nên sinh mãi không dừng, do không tu điều lành cho nên gây các tội lỗi, vì thế nay đều sám hối.

Văn kinh: Nay con đều đối trước Tối Thắng, sám hối vô biên tội nghiệp ác.

Tán rằng: Đây là nửa bài tụng sau kết thúc sám hối các tội lỗi.

Văn kinh: Nay con quy y bậc Thiện Thệ, con lễ đấng Vô Thượng Đức Hải, như núi vàng lớn soi mười phương, xin nguyện từ bi thương tiếp nhận.

Tán rằng: Mười một bài tụng dưới đây khen ngợi công đức của Phật. Văn chia làm ba: Một bài tụng đầu nêu chung về quy y lễ tán; năm bài tụng tiếp theo khen ngợi công đức tùy theo mức độ mà nhìn thấy; năm bài tụng sau cùng khen ngợi hiển bày công đức vô cùng tận.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Thân màu vàng chói thật rực rỡ, mắt như lưu ly biếc thanh tịnh, an lành uy đức gọi Thế tôn, đại bi tuệ nhật xua đêm tối.

Tán rằng: Khen ngợi công đức tùy theo mức độ mà nhìn thấy. Khen ngợi mười ba thứ công đức, trong này có bốn: Một câu đầu khen ngợi công đức của thể vàng chói (Kim Quang); một câu tiếp khen ngợi công đức của mắt xanh thanh tịnh; một câu tiếp khen ngợi công đức của uy thế vang khắp; một câu tiếp khen ngợi công đức của bi, trí xua tan

bóng đêm.

Văn kinh: Ánh sáng Phật nhật thường chiếu khắp, thanh tịnh không nhiễm lìa các trần, trăng Mâu-ni soi thật mát mẻ, thường trừ nóng phiền não chúng sinh.

Tán rằng: Ở đây có hai công đức. Nửa bài tụng đầu khen ngợi công đức biến trí ly nhiễm, nửa bài tụng sau khen ngợi công đức linh chứng Niết-bàn Mâu-ni thường đem Niết-bàn mát mẻ dứt trừ cái nóng phiền não của chúng sinh.

Văn kinh: Ba mươi hai tướng khắp trang nghiêm, tám mươi vẻ đẹp đều tròn đầy, phước đức khó lường không ai bằng, như ánh mặt trời chiếu thế gian.

Tán rằng: Ở đây có ba công đức. một câu đầu khen ngợi công đức của ba mươi hai tướng, một câu tiếp khen ngợi công đức của tám mươi vẻ đẹp, nửa bài tụng tiếp theo khen ngợi công đức thành tựu hữu tình. Như Luận Đại Trang nghiêm chép: “Thí như mặt trời rực rỡ, bốn nhiếp tương ưng phát tâm cũng giống như vậy, như mặt trời thường chiếu làm thành tựu chúng sinh”.

Hoặc trong kinh Tăng Nhất A-hàm chép: “Mặt trời xuất hiện có bốn việc:

1. Lúc mặt trời xuất hiện các bóng tối đều tan biến.
2. Nhà nông đi làm việc.
3. Chim muông đều hót vang.
4. Trẻ thơ kêu khóc.”

Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu lúc mặt trời xuất hiện các bóng tối tan biến, dụ cho Phật xuất hiện ở thế gian xua tan bóng đêm si mê không nơi nào không sáng tỏ, soi sáng các loại nhân dân. Khắp nơi cùng nhau cày cấy, giống như đàn việt thí cung cấp kịp thời bốn thứ áo quần, ăn uống, giường chiếu, đồ nằm, thuốc thang theo bệnh. Muôn chim hót vang, giống như các bậc pháp sư cao đức thường nói pháp cho bốn chúng nghe vi diệu. Trẻ thơ kêu khóc, ở đây dụ cho các ma xấu ác thấy Phật xuất hiện ở thế gian nên tâm vô cùng sầu não.

Văn kinh: Sắc như lưu ly thuần thanh tịnh, giống như trăng tròn giữa hư không, lưới diệu pha lê chiếu thân vàng, các thứ ánh sáng để tô điểm.

Tán rằng: Ở đây có hai công đức. Nửa bài tụng đầu khen ngợi công đức tùy theo cảm mà ứng hiện, như Phẩm Nguyệt Dụ kinh Niết-bàn nói về thấy không hoàn toàn hay trọn vẹn v.v... nửa bài tụng sau khen ngợi công đức lưới sáng trang nghiêm, màu đỏ trắng pha lê tuyệt

diệu, như kinh Pháp Hoa chép: "Như giữa lưu ly thanh tịnh bên trong hiện tượng vàng vòng v.v...".

Văn kinh: Ở trong sinh tử khổ đau, sống trong già bệnh lo buồn, biển khổ như vậy khó nhẫn chịu, Phật nhật chiếu soi khiến cạn khổ.

Tán rằng: Một bài tụng này khen ngợi công đức dứt trừ sinh tử cho người. Nói bạo lưu tức là bốn bạo lưu:

1. Dục bạo lưu, tức là tu hoặc cõi Dục.
2. Hữu, tức là hai tu hoặc cõi trên.
3. Kiến, tức là phiền não của thấy đạo trong ba cõi.
4. Vô minh bạo lưu tức là kiến, tu, vô minh.

Theo chỗ này ba thứ trước đều dứt vô minh, nhưng trong các luận nói hoặc là bạo lưu y theo nhân, ở đây nói khổ sinh tử là bạo lưu tức là nói về quả. Hoặc có thể, nhân quả hợp lại gọi là sinh tử, hữu tình chìm nổi già bệnh lo buồn như bạo lưu, sâu rộng khó lường như biển khổ. Luận Du-già bảy mươi chép: "Năm pháp tương tự biển lớn sinh tử được gọi là biển lớn:

1. Xứ sở vô biên tương tự.
2. Vô cùng sâu xa tương tự.
3. Khó đo lường tương tự.
4. Không thể để ăn tương tự, đây là ý biển lớn toàn khổ đều không thể ăn, sinh tử giống như, đều không thể vui.
5. Đại bảo sở y tương tự, đây là ý tất cả các thứ quý báu đều nương vào biển, ở trong sinh tử mới được công đức ba thừa".

Trong năm nghĩa nay chọn lấy bốn nghĩa trước nói là khó nhẫn chịu, ánh sáng mặt trời trí tuệ của Phật rực rỡ khiến cho cạn khô.

Văn kinh: Nay con kính lạy Nhất Thiết Trí, đấng Tối Tôn thế giới Tam thiên, ánh sáng rực rỡ thân vàng tím, các thứ tốt đẹp đều trang nghiêm.

Tán rằng: Năm bài tụng dưới đây khen ngợi hiển bày công đức không cùng tận, chia làm hai. Đây là một bài tụng đầu khen ngợi chung về quy y đảnh lễ.

Văn kinh: Như nước biển lớn lượng khó biết, cát bụi đất bằng không thể đến, như núi Diệu Cao khó đo lường, cũng như hư không không giới hạn, công đức các Đức Phật cũng như vậy, tất cả hữu tình không thể biết, trong vô lượng kiếp suy nghĩ kỹ, không thể biết được bờ biển đức, hết các núi cao mặt đất này, nghiền thành cát bụi thường tính biết, mấy lông chấm biển còn lượng được, công đức của Phật không thể đếm, tất cả hữu tình đều khen ngợi, Thế tôn tên gọi các công đức, tướng

tốt thanh tịnh diệu trang nghiêm, không thể đo lường biết chừng mực.

Tán rằng: Bốn tụng dưới đây kể rõ công đức khen ngợi riêng. Bốn tụng là bốn đoạn: Một bài tụng đầu này khen ngợi công đức vượt quá phần thí dụ; một bài tụng tiếp theo khen ngợi công đức vượt quá phần tình ý suy nghĩ, một bài tụng tiếp theo khen ngợi công đức vượt quá phần tính toán, một bài tụng tiếp theo khen ngợi công đức vượt quá phần nói năng. Trên đại thể đồng với luân Kim cương Bát-nhã Kinh vượt quá bốn phần. Lại một bài tụng đầu hoặc chính là lần lượt khen ngợi bốn đức thường lạc ngã tịnh của Phật, hoặc khen ngợi tất cả công đức. Công đức đó có bốn thứ:

1. Đức sâu như biển.
2. Đức nhiều như cát bụi.
3. Đức cao như núi.
4. Đức rộng như hư không.

Hoặc theo kinh Bảo Vân thứ tư chép: “Bồ-tát lại có mười pháp, giống như biển lớn.

Mười pháp ấy là:

1. Là kho báu lớn.
2. Sâu rộng khó đo lường.
3. Rộng lớn không giới hạn.
4. Lần lượt sâu dần.
5. Không ở chung một nơi với phiền não.
6. Thuần tướng vắng lặng.
7. Các sông tranh nhau đổ về đều bao dung tiếp nhận.
8. Thủy triều dâng lên không sai thời gian.
9. Làm nơi nương cậy cho người khác.
10. Không hề khô cạn.”

Thế nào là kho báu lớn? Cũng như biển lớn các thứ quý báu sinh ra trong đó, người lấy không giảm bớt, Bồ-tát cũng, vô biên chúng sinh tín tâm tu hành, kho báu công đức lại cũng không sút giảm. Giống như biển lớn sâu rộng khó lường, Bồ-tát cũng, trí vượt biển lớn thiên ma ngoại đạo không thể nào đo lường được. Như biển cả bao la không giới hạn, Bồ-tát cũng, công đức trí tuệ rộng lớn không cùng tận. Như biển dần sâu, Bồ-tát cũng, thành tựu trí Nhất-thiết-chủng để dần dần chuyển đến sâu hơn.

Giống như biển lớn không chứa thây chết, biển pháp Bồ-tát không có thây chết của tất cả kiết lậu phiền não và ác tri thức cũng không cùng trú ngụ. Giống như biển lớn các dòng đều chảy vài đó, đều đồng

một vị, Bồ-tát cũng, tất cả công đức chảy đến biển chủng trí cũng chung một vị. Giống như biển lớn thường dung nạp các sông nhưng không hề thêm, bớt, Bồ-tát cũng, nghe nhận tất cả Phật pháp, nói cho mọi người nói nhưng không có thêm bớt. Giống như biển lớn thủy triều dâng lên không sai thời gian, Bồ-tát cũng, đối với sự thành tựu chúng sinh cũng phát khởi không vượt quá hạn định. Giống như biển lớn tất cả thân lớn nương vào làm nơi trú ngụ, Bồ-tát cũng, làm nhà cửa cho tất cả chúng sinh đại tâm nương cậy.

Giống như biển lớn không có cùng tận, Bồ-tát cũng, vì tất cả chúng sinh thuận theo nói pháp không có cùng tận. Theo ý văn này chính là nói về Phật. vì sao biết như thế? Vì nói chủng trí một vị, kết lậu thây chết đều không dung chứa, Bồ-tát còn hoặc đến khi hoặc đã sạch hết, chưa thành tựu Nhất-thiết-chủng-trí. Nói Bồ-tát là dựa vào nhân làm tên gọi, hoặc có cả nhân quả có mười nghĩa này, cho nên khen ngợi như biển. Nay trong kinh này lại theo "một nghĩa như biển" thứ ba, các nghĩa còn lại lược bỏ không nói đến.

Hoặc theo luận Đại Trang Nghiêm chép: "Giống như biển lớn, nhẫn Ba-la-mật tương ưng phát tâm cũng giống như vậy, những điều trái nghịch tâm không lay động. Giống như đất bằng, tối sơ phát tâm cũng giống như vậy, tất cả Phật pháp thường sinh ra vững chắc. Giống như núi chúa, thiền Ba-la-mật tương ưng phát tâm cũng giống như vậy, mọi vật không thể lay động, bởi vì không tán loạn". Luận kia có dụ về sáu độ, bốn nhiếp, bốn vô lượng v.v... ở đây sơ lược có dụ thứ ba, thứ tư. Như hư không, tức là câu "hư không giới tận" thứ ba trong câu "vô tận" của kinh Thập Địa, dùng để nói rõ những điều khác.

Văn kinh: Con vốn có rất nhiều lành nghiệp, nguyện được chóng thành Vô thượng tôn.

Tán rằng: Dưới đây là hai mươi lăm bài tụng phát nguyện, phân hai: Năm bài tụng đầu nguyện tự lợi, lợi tha; hai mươi bài tụng sau chỉ nguyện lợi tha. Trong phần đầu lại có hai: Ba bài tụng đầu phát nguyện cầu đắc quả; hai tụng sau phát nguyện cầu tu nhân. Trong phát nguyện cầu đắc quả có hai; đây là nửa bài tụng đầu nguyện cầu đắc quả tự lợi.

Văn kinh: Nói rộng chánh pháp lợi chúng sinh, đều khiến giải thoát các khổ đau; sức mạnh hàng phục chúng ma quân, sẽ chuyển vô thượng chánh pháp Vô thượng, trụ trong kiếp số khó nghĩ bàn, chúng sinh đầy đủ vị cam lộ, giống như các Đức Phật thời quá khứ, sáu Ba-la-mật đều tròn đầy, dứt các tham dục và sân si, hàng phục phiền não trừ các khổ.

Tán rằng: Đây là hai tụng rưỡi phát nguyện tự lợi cầu đắc quả. Ở trong nửa bài tụng đầu nguyện khiến đạt được trạch diệt. Nửa bài tụng tiếp theo nguyện khiến hàng phục thiên ma. Nửa bài tụng tiếp theo nguyện khiến đạt đến Niết-bàn. Nửa bài tụng tiếp theo nguyện khiến tu tập sáu độ. Nửa bài tụng tiếp theo nguyện khiến dứt trừ sáu chướng, y theo văn thì rõ.

Văn kinh: Nguyện con thường được trí túc mạng, thường nhớ trăm ngàn kiếp quá khứ, cũng thường nhớ nghĩ Đức Mâu-ni, được nghe pháp sâu xa của Phật; con nguyện đem các nghiệp lành ấy, kính thờ vô lượng đấng Tối Thắng, xa lìa tất cả nhân không lành, luôn được tu hành pháp vi diệu.

Tán rằng: Dưới đây là hai bài tụng phát nguyện cầu tu nhân, sơ lược có bốn nguyện: Nửa bài tụng đầu nguyện cầu trí túc mạng. Nửa bài tụng tiếp theo nguyện cầu sáu niệm, sáu niệm là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, ở đây nêu ra hai niệm. Nửa bài tụng tiếp theo nguyện cầu bạn lành. Nửa bài tụng tiếp theo nguyện lìa các điều ác tu điều lành.

Văn kinh: các chúng sinh Tất cả thế giới, thảy đều lìa khổ được yên vui, vốn có các căn không đầy đủ, khiến thân tướng đó được chu toàn.

Tán rằng: Hai mươi bài tụng dưới đây nói về nguyện lợi tha, có hai phần: Mười sáu bài tụng đầu nguyện người khác được quả thế gian; bốn bài tụng tiếp theo nguyện người khác được quả xuất thế. Trong phần đầu có hai: Mười bốn bài tụng trước nguyện được quả hiện tại; hai bài tụng sau khiến được quả vị lai. Quả hiện tại phân hai: Bảy bài tụng đầu nguyện khiến xa lìa đau khổ; bảy bài tụng sau nguyện khiến đạt được yên vui. Trong bảy bài tụng đầu có ba; đây là tụng đầu tiên, nêu chung về nhổ gốc khổ.

Văn kinh: Nếu có chúng sinh gặp bị bệnh khổ, thân hình gầy yếu không nương nhờ, đều khiến bệnh khổ được tiêu trừ, các căn sắc lực đều đầy đủ.

Tán rằng: Tiếp theo năm bài tụng rưỡi dưới đây trình bày riêng về lìa khổ, có năm phần. Đây tức là một bài tụng thứ nhất dứt trừ khổ đau của các bệnh tật.

Văn kinh: Nếu phạm pháp vua sẽ hành hình, các khổ ép ngặt sinh buồn lo, lúc họ chịu cực khổ như thế, không nơi nương tựa chẳng cứu giúp.

Tán rằng: Ba bài tụng dưới đây, là phần thứ hai là dứt trừ khổ đau

của hình phạt, có hai: Một bài tụng đầu nêu ra có khổ đau không người cứu.

Văn kinh: Nếu chịu đòn roi gông cùm trói, các loại khổ hình bức thân kia, vô lượng trăm ngàn nỗi lo buồn, ép ngặt thân tâm không hề vui, đều khiến được tránh khỏi giam cầm, cho đến đòn roi làm khổ sở, người sắp tử hình được toàn mạng, các khổ đều khiến mãi dứt sạch.

Tán rằng: Dưới đây là hai bài tụng nguyện vì người dứt trừ. Trong đó, một bài tụng rưỡi đầu khiến lìa xa khổ đau của gông cùm đòn roi, nửa bài tụng tiếp theo khiến lìa khổ đau của sự giết hại mất mạng.

Văn kinh: Nếu có chúng sinh bị đói khát, khiến được các thứ uống ăn ngon, người mù được thấy, người điếc nghe, người què đi được, câm nói được.

Tán rằng: Trong đây có hai: Thứ ba là khiến lìa đau khổ đói khát, Thứ tư là khiến lìa xa đau khổ của các căn không đầy đủ.

Văn kinh: Chúng sinh nghèo khốn được kho báu, kho tàng đầy ắp không hề thiếu, đều khiến được sung sướng yên vui, không một chúng sinh chịu khổ não.

Tán rằng: Dưới đây là nửa bài tụng đầu, Thứ năm khiến lìa sự khổ đau của nghèo khốn; nửa bài tụng sau là phần Ba kết thúc khiến lìa xa đau khổ.

Văn kinh: Tất cả trời người đều ưa thấy, dung nghi hòa nhã thật đoan nghiêm, thảy đều hiện rõ vui vô lượng, thọ dụng dồi giào đủ phước đức.

Tán rằng: Bảy bài tụng dưới đây là nguyện khiến cho người khác được vui sướng. Có mười hai điều vui sướng. Trong bài tụng này chia làm hai: Nửa bài tụng đầu khiến được niềm vui trời người cung kính yêu quý, nửa bài tụng sau khiến được dồi dào các đồ quý báu.

Văn kinh: Tùy chúng sinh kia muốn kỹ nhạc, được âm thanh mầu đều hiện bày, nghĩ nước liền hiện hồ mát mẻ, hoa sen nàu vàng đầy trong đó.

Tán rằng: Ở đây có hai điều vui: Nửa bài tụng đầu khiến được niềm vui kỹ nhạc tùy ý muốn, nửa bài tụng sau khiến được niềm vui ao hồ tùy tâm.

Văn kinh: Tùy chúng sinh kia tâm nghĩ gì, ăn uống áo quần và giường chiếu, vàng bạc châu báu diệu lưu ly, quý, anh lạc trang nghiêm đều đầy đủ.

Tán rằng: Ở đây có hai điều vui: Nửa bài tụng đầu khiến được niềm vui bốn việc tùy ý muốn, nửa bài tụng sau khiến được niềm vui

bảy báu châu ngọc anh lạc trang nghiêm đầy đủ.

Văn kinh: Không để chúng sinh nghe tiếng ác, lại cũng không thấy có trái nhau, dung mạo tất cả đều xinh đẹp, mọi người từ tâm yêu mến nhau.

Tán rằng: Ở đây có hai điều vui: Nửa bài tụng đầu khiến được niềm vui tên gọi đẹp và hòa thuận, nửa bài tụng sau khiến được niềm vui xinh đẹp từ ái.

Văn kinh: Vốn sinh thế gian đủ các vui, tùy tâm niệm luôn được trọn vẹn, tài vật có được không tiếc rẻ, chia đều giúp đỡ các chúng sinh.

Tán rằng: Ở đây có hai điều vui: Nửa bài tụng đầu khiến được niềm vui mọi việc đều tùy tâm, nửa bài tụng sau khiến được niềm vui không tham, ưa thích bố thí.

Văn kinh: Hương đốt, Hương bột và hương xoa, các hoa vi diệu chẳng một màu, mỗi ngày ba lần từ cây rụng, tùy tâm thọ dụng rất vui vẻ; nguyện mọi chúng sinh đều cúng dường, tất cả đấng Tối Thắng mười phương, thanh tịnh ba thừa diệu pháp môn, Chúng Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn.

Tán rằng: Ở đây có hai điều vui: Một bài tụng đầu khiến được niềm vui hương hoa tùy ý, một bài tụng sau khiến được niềm vui cúng dường Tam bảo.

Văn kinh: Thường nguyện chớ ở nơi thấp hèn, không đọa trong tám nạn không rảnh, sinh nơi luôn có đấng Trung Tôn, luôn được hầu cận Phật mười phương, nguyện được thường sinh nhà giàu sang, tài vật kho tàng đều đầy ắp, dung mạo tên gọi không ai bằng, tuổi thọ dài lâu nhiều số kiếp.

Tán rằng: Hai bài tụng dưới đây là nguyện người khác đạt được quả vị lai, có năm phần: Nửa bài tụng đầu khiến được niềm vui không sinh trong tám nạn, nửa bài tụng tiếp theo khiến được niềm vui thường gặp Thế tôn, nửa bài tụng tiếp theo khiến được niềm vui thường sinh nhà giàu sang, một câu tiếp đó khiến được niềm vui hình dáng đẹp đẽ danh tiếng đồn xa, một câu tiếp đó khiến được niềm vui tuổi thọ lâu dài.

Văn kinh: Đều nguyện người nữ trở thành nam, mạnh mẽ thông minh trí tuệ sáng, tất cả thường hành đạo Bồ-tát, siêng tu sáu độ đến bờ kia.

Tán rằng: Bốn tụng dưới đây khiến họ đạt được quả xuất thế, có sáu. Trong này có hai điều vui: Nửa bài tụng đầu khiến được niềm vui thân nam thông minh trí tuệ, nửa bài tụng sau khiến được niềm vui

thường thực hành giác phẩm.

Văn kinh: Thường thấy vô lượng Phật mười phương, ngồi thẳng dưới gốc cây bảo vương, nơi tòa sư tử diệu lưu ly, luôn được kinh thờ xoay bánh xe pháp.

Tán rằng: Ở đây có hai điều vui: Nửa bài tụng đầu khiến được niềm vui thấy Phật xuất hiện, nửa bài tụng tiếp theo khiến được niềm vui tự mình thừa kế giảng nói giáo pháp.

Văn kinh: Nếu ở quá khứ và hiện tại, luân hồi ba cõi gây các nghiệp vời lấy sự nhàm chán không lành, nguyện được tiêu diệt hẳn không còn, tất cả chúng sinh nơi biển hữu màng lưới sinh tử buộc vững chắc, nguyện dùng kiếm trí chặt dứt, lìa khổ mau chứng được Bồ-đề.

Tán rằng: Ở đây có hai điều vui: Một bài tụng đầu khiến họ được niềm vui dứt trừ đau khổ của chính mình, một bài tụng tiếp theo khiến họ được niềm vui dứt bỏ sinh tử.

Văn kinh: Chúng sinh ở trong Thiệm-bộ này, hoặc ở trong thế giới cõi khác, vốn làm các thứ nhân thắng phước, nay con thảy đều rất vui theo.

Tán rằng: Một bài tụng này là thứ tư vui theo trong phần thứ ba nói rộng về sám, nguyện.

Văn kinh: Đem việc vui theo phước đức này, và thân, ngữ, ý làm điều lành, nguyện thắng nghiệp này thường thêm lớn, mau chứng vô thượng đại Bồ-đề.

Tán rằng: Một bài tụng này là thứ năm nói về bốn hồi hướng tức là phương tiện thứ bảy trong mười độ. Phương tiện có hai:

1. Hồi hướng phương tiện.
2. Bạt tế phương tiện.

Đây là hồi hướng. Hậu trí làm thể. Câu trước tuy có lời nguyện, câu sau ý nói về phương tiện, nếu không như vậy thì có khác gì với phát nguyện ở trước. Trước đã phát nguyện rằng “Con vốn có rất nhiều nghiệp lành, nguyện được chóng thành vô thượng tôn v.v...” cho nên đây là phần hồi hướng.

Văn kinh: Tất cả lễ tán công Đức Phật, thâm tâm thanh tịnh không vết bẩn, hồi hướng phát nguyện phước vô cùng, sẽ vượt đường ác sáu mươi kiếp.

Tán rằng: Bốn tụng dưới đây, trong đoạn lớn thứ hai đặc biệt nói về sự thù thắng. Thứ tư là nói về sự thù thắng khuyến khích tu hành có năm. Một bài tụng đầu này nói về tu tập tiền nghiệp có công năng vượt qua ác đường.

Văn kinh: Nếu có người nam và người nữ, Bà-la-môn cùng các thắng tộc, chấp tay nhất tâm khen ngợi Phật, đời đời thường nhớ việc kiếp trước.

Tán rằng: Một bài tụng này nói về tu tập tiền nghiệp có thể đạt được túc mạng.

Văn kinh: Các căn thanh tịnh thân đầy đủ, công đức thù thắng đều thành tựu, nguyện nơi sinh đến trong tương lai, thường được trời người cùng chiêm ngưỡng.

Tán rằng: Nửa bài tụng đầu này nói về tu tập tiền nghiệp, được thân tốt đẹp phước trọn vẹn, nửa bài tụng sau được trời người yêu thích kính mến.

Văn kinh: Không ở nơi một Phật mười Phật, tu các gốc lành nay được nghe, nơi trăm ngàn Phật trồng gốc lành, mới được nghe pháp sám hối ấy.

Tán rằng: Nói về được nghe pháp này chính là cúng dường nhiều Đức Phật.

Ở đây ý nói: Chỉ được nghe pháp này chính là cúng dường nhiều Đức Phật, huống gì có thể nghe rồi mà tu hành. Điểm này đồng với kinh Bát-nhã và kinh Pháp Hoa, nên khuyến khích tịnh tấn tu tập.

Văn kinh: Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn nghe nói như vậy xong, khen ngợi Bồ-tát Diệu Tràng rằng: Lành thay! Lành thay!.

Tán rằng: Đoạn lớn thứ ba của cuối phẩm là Thế tôn khen ngợi ấn chứng, tức là văn chia làm ba, đây là phần đầu ngợi khen.

Văn kinh: Này người thiện nam! Như ông đã mộng thấy trống vàng phát ra âm thanh khen ngợi công đức chân thật của Như lai và pháp sám hối, nếu có người nghe thì được phước đức rất nhiều, lợi ích tất cả hữu tình, diệt trừ tội chướng.

Tán rằng: Tiếp theo là ấn chứng. Trong tụng trước đó Diệu Tràng nói: “Nghe pháp này diệt tội được phước”, e rằng người không tin, cho nên Đức Phật ấn chứng cho.

Văn kinh: Ông nay nên biết nghiệp thù thắng này đều là do nhân duyên quá khư khen ngợi phát nguyện tu tập vốn có và nhờ uy lực các Đức Phật che chở, do nhân duyên này ta sẽ nói cho ông nghe.

Tán rằng: Sau đó hứa nói về nhân của giấc mộng, tức là phẩm Liên Hoa Dụ Tán sau này.

Văn kinh: Lúc đó, tất cả đại chúng nghe pháp này rồi thảy đều vui vẻ tin nhận thực hành.

Tán rằng: Đoạn lớn thứ tư là đại chúng vui vẻ thực hành.

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG KINH SỚ

QUYỂN 4

Phẩm 5: DIỆT NGHIỆP CHƯỚNG

Phẩm Diệt Nghiệp Chướng có chia ra ba phần phân biệt:

1. Nguyên nhân phẩm này.
2. Giải thích tên gọi.
3. Giải thích vặn hỏi.

Nói về nguyên nhân phẩm này có ba:

1. Trong phần trình bày về diệt ác ở phẩm trước mộng nghe sám hối tội lỗi lấy làm cảnh giác.

Nay chính thức nêu rõ pháp sám hối diệt trừ, do đó sau phẩm trước có phẩm này phát sinh.

2. Nguyên nhân có phẩm này là Diệu Tràng gieo trồng gốc lành đã lâu do đó mộng thấy tự mình được sám hối, những người khác không thể tự hiểu được, Phật chỉ dạy mới hiểu rõ sám hối dứt trừ, cho nên lại phát ra ánh sáng cảm vời những ai có duyên đến. Do đó thỉnh Phật giải thích rộng, cho nên sau phẩm trước phát sinh phẩm này.

3. Muốn cầu quả tốt chắc chắn phải gieo trồng nhân lành, chướng nạn vẫn còn làm sao có thể khởi hạnh, muốn khởi hạnh mầu thì trước tiên làm cho chướng diệt trừ. Diệu Tràng chỉ kể rõ giấc mộng đó, chưa tự mình sám hối dứt trừ nên muốn tự phát lộ, vì vậy thỉnh Phật nói về pháp sám hối dứt trừ, do đó sau phẩm trước có phẩm này phát sinh. Về giải thích tên phẩm, ngài Chân-đế nói: "Phẩm nghiệp chướng diệt, đây là âm của Tây quốc, kinh này dịch là Diệt Nghiệp Chướng là y theo ngôn ngữ Hán. Tiếng Phạm là Yết-ma (hán dịch là Nghiệp) A-bạt-la-noa (Hán dịch là Chướng) Tỳ-na-xa (Hán dịch là Diệt).

Nghiệp nghĩa là tạo tác, Chướng nghĩa là chướng ngại, bởi vì làm điều không lành thường ngăn ngại Thánh đạo. Nghiệp tức là Chướng,

thuộc về trì nghiệp thích. Diệt chung cho năng sở. Hoặc năng diệt gọi là diệt, tức là sám hối v.v... cho rằng nhờ sự sám hối này có công năng dứt trừ nghiệp chướng, tức là diệt nghiệp chướng, thuộc về y chủ thích. Hoặc Sở diệt gọi là diệt, diệt là trừ. Do bốn cách sám hối khiến cho nghiệp chướng tiêu diệt, nghiệp chướng liền diệt, thuộc về trì nghiệp thích. Hoặc diệt nghiệp chướng đều thuộc về năng, tức là đối với năng diệt nói pháp sở diệt. Do bốn cách sám hối có công năng diệt trừ nghiệp chướng nên gọi là phẩm diệt nghiệp chướng.

Luận Như Lý Môn chép: "Đối với năng phá lập nên âm thanh sở phá". Về giải đáp vặn hỏi.

Hỏi: Chướng có nhiều thứ tạm thời gọi chung hoặc, nghiệp, khổ là chướng, nay sao chỉ nói diệt nghiệp chướng?

Đáp: Có hai cách giải thích:

1. Nói rằng cả ba thứ Hoặc Nghiệp, Khổ, được gọi là Nghiệp, như nói phiền não chướng chính là đại tùy hoặc.

2. Nghiệp phát khởi đồng thời đạt đến quả gọi chung là phiền não chướng, y cứ theo nghiệp nhân nghiệp quả gọi chung là Nghiệp.

Hỏi: Nếu vậy vì sao không nói là diệt hoặc khổ chướng?

Đáp: Nêu ra bất cứ một thứ nào đều có cái khó; hoặc có thể, nghiệp chướng ngại Thánh đạo, nên gọi là hoặc, bởi vì nghiệp có định nghiệp, trong hoặc không nói có định hoặc. Khổ từ nghiệp sinh ra, cho nên chỉ từ thẳng gọi là diệt nghiệp chướng.

Thứ nhất là nói:

Tuy hoặc, nghiệp, khổ đều được gọi là chướng, nhưng nghiệp chướng tăng mạnh chỉ sám hối về nghiệp, bởi vì nghiệp dẫn đến sinh thân đối với hoặc. Sau đó hỏi rằng "Đã có gây ra nghiệp chướng tội lỗi ấy làm sao sám hối", mà không hỏi về hoặc khổ. Lại nữa, nếu có nghiệp không lành rất nặng chắc chắn với lấy tai họa cho thân, không có con đường chứng quả Thánh. Kinh chỉ nói phẩm Diệt nghiệp chướng, giải thích trước đây là rốt ráo, văn sau có sám hối về hoặc nghiệp khổ.

Hỏi: Ba thứ hoặc nghiệp, khổ, thâu nhiếp cả hai chướng, chẳng biết sở tri chướng nay có sám hối hay không?

Đáp: Đã hướng về quả Phật thì hai chướng đều sám hối, cho nên nói rằng Tu hạnh bồ-đề tất cả nghiệp chướng đều sám hối.

Hỏi: Nghiệp của ba tánh là sám hối chung hay không?

Đáp: Ba tánh đều sám hối, vì từ hai chướng phát khởi nghiệp ba tánh, cho nên cảm vời lấy nghiệp trời người do đó cũng đều sám hối.

Hỏi: Phẩm này so với hai phẩm trước khác nhau chỗ nào?

Đáp: Trong truyện nói Đại sư Chân-đế có tám cách giải thích khác nhau:

1. Đầu tiên trong đêm Diệu Tràng mộng thấy, sau đó đại chúng ban ngày tu hành.

2. Nói đầu tiên là giải thích sơ lược, sau là giải thích rộng.

3. Đầu tiên là sám hối, sau đó tất cả tội tiêu diệt.

4. Đầu tiên là tạm thời hàng phục, sau đó là trừ hẳn.

5. Đầu tiên nói về kinh có công năng diệt trừ tội lỗi, sau đó nói về người mở rộng kinh này diệt trừ tội lỗi.

6. Đầu tiên nói về pháp thân thị hiện, sau nói về Hóa Thân.

7. Đâu chỉ ban đầu có Diệu Tràng nghe, vì sau đó đại chúng cùng cảm ứng.

8. Phẩm đầu do Diệu Tràng nguyện, phẩm sau do căn cơ đại chúng.

Trong tám cách giải thích này, ba cách giải thích thứ hai, bảy, tám là giải thích đúng, còn các cách khác không thích hợp. Nay giải thích không giống nhau, như phần Nguyên nhân có phẩm này phân biệt rõ.

Văn kinh: Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn trụ trong chánh phân biệt vào nơi tĩnh lự mầu nhiệm sâu xa.

Tán rằng: Trong phẩm này toàn văn chia làm bốn phần:

1. Phát ra ánh sáng nhóm họp đại chúng.

2. Thiên đế bắt đầu thỉnh cầu.

3. Như lai giảng nói.

4. Được lợi ích vui vẻ thực hành.

Sau đó "Lúc đó tất cả đại chúng nghe Đức Phật nói xong thảy đều được lợi ích thù thắng vui sướng vâng lời thực hành". Đây là mở đầu, văn chia làm ba: Đầu tiên nhập định phát ra ánh sáng, tiếp đó nói về ánh sáng và lợi ích, sau cùng tìm theo ánh sáng đến chỗ Phật. Phần đầu lại chia ba:

1. Nhập định.

2. Phát ra ánh sáng.

3. Soi chiếu cảnh giới.

Đây là phần nhập định. Các duyên của trí hậu đắc thường gọi là phân biệt, có thể xứng hợp với cảnh mà biết nên gọi là trụ chánh. Hoặc chánh nghĩa là cội gốc, phân biệt tức là hậu đắc. Rõ tục là nhờ chứng chân cho nên gọi là hậu đắc. Trụ nghĩa là y chỉ tức là trí hậu đắc nương theo bổn trí mà phát khởi. Tĩnh nghĩa là vắng lặng, lự nghĩa là xét nghĩ; tĩnh để giản hóa tán tâm, lự để phân biệt với vô tâm. Định các cõi trên

đều đầy đủ các chi, tuy cùng gọi là tĩnh lự nhưng Đức Thế tôn đã phát khởi nhiều về định thứ tư (tứ thiền), bởi vì là cao siêu. Nhập là chứng, Hậu trí rõ các căn cơ và đạt được pháp mà Nhị thừa không biết gọi là sâu xa. Vượt thoát ba cõi cho nên gọi là vi diệu. Biết rõ cơ pháp ứng vật bày tỏ chứng đắc, nên gọi là nhập. Lại giải thích: "Trụ chánh phân biệt, sạch khởi gia hạnh", vì lợi ích chúng sinh cho nên gọi là chánh phân biệt. Nhập tức là năng nhập, tĩnh lự là sở nhập. Vượt qua Nhị thừa gọi là sâu xa, hơn hẳn Bồ-tát gọi là vi diệu. Y theo thực tế phát ra ánh sáng là thân cảnh thông, thông nương vào tĩnh lự, do đó trước nói về nhập.

Văn kinh: Từ lỗ chân lông trên thân phát ra ánh sáng rực rỡ, vô lượng trăm ngàn các thứ màu sắc.

Tán rằng: Hai là phát ra ánh sáng, có ba: Đầu tiên xuất ra từ lỗ chân lông trên thân, tiếp đó phát ra ánh sáng rực rỡ, sau cùng thể ánh sáng có vô lượng các thứ màu sắc.

Văn kinh: Cõi nước các Đức Phật thảy đều hiện bày trong ánh sáng, hằng hà sa mười phương tính toán thí dụ đều không thể biết được.

Tán rằng: Ba là soi chiếu cảnh giới, có hai: Đầu tiên soi chiếu cảnh giới tất cả cõi nước của các Đức Phật đều hiện bày trong ánh sáng, tiếp đến là sự thù thắng tính toán thí dụ không biết được.

Văn kinh: Đời ác có năm thứ vẩn đục được ánh sáng chiếu soi.

Tán rằng: Thứ hai là nói về ánh sáng và lợi ích, có bốn:

1. Nói chung về thời xứ. Thời tức là cõi đời có năm thứ vẩn đục, xứ tức là cõi uế.

Văn kinh: Các chúng sinh đó gây mười nghiệp ác, năm tội vô gián, phỉ báng Tam bảo, bất hiếu với cha mẹ, khinh mạn thầy tổ và chúng Bà-la-môn nên phải đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh.

Tán rằng: Hai là nói về những cảnh giới soi chiếu tức là ánh sáng chiếu đến. Hợp với ý Phật là dứt trừ hoặc, nghiệp, khổ. Tất cả y theo tầng bậc nói về nói là soi chiếu năm trược, mười ác, năm nghịch và ba đường ác. Mười ác, năm trược và năm tội nghịch, phổ biến như các nơi khác có phân biệt rõ. Nói vô gián, trong Câu-xá quyển mười bảy nói: "Theo sự quyết định của quả dị thục, lại không có nghiệp khác, đời khác có thể làm cho đứt quãng, ngăn cách. Đây là nghĩa chỉ có nhân không đứt quãng, ngăn cách". Cho đến nói: "Kia có vô gián đắc, vô gián danh, hợp với vô gián pháp nên gọi là vô gián".

Văn kinh: Họ đều được ánh sáng soi đến nơi trú xứ.

Tán rằng: Ba là nói về ánh sáng thường chiếu soi.

Văn kinh: Các hữu tình đó thấy ánh sáng ấy rồi, nhờ năng lực ánh sáng cho nên đều được an vui xinh đẹp, thù thắng vi diệu, sắc tướng đầy đủ, phước trí trang nghiêm, được thấy các Đức Phật.

Tán rằng: Bốn là chính thức nói về ánh sáng và lợi ích. Trong đó lại có bốn:

1. Được an vui.
2. Được xinh đẹp.
3. Được phước trí.
4. Được thấy Phật.

Hỏi: Thấy ánh sáng được an vui rồi lìa xa chướng trước đó, sao lại vì đó nói lợi ích sám hối? Đương nhiên thấy ánh sáng nên tội tiêu diệt, liền được thấy ánh sáng, nên nghe pháp mà tội tiêu trừ tức là nói pháp. Hoặc nhìn thấy tạm thời sám hối khiến dứt hẳn, đồng thời ánh sáng là đời hiện tại, pháp thông suốt vị lai.

Văn kinh: Lúc đó, trời Đế-thích tất cả thiên chúng và vô số nữ thần cùng tất cả đại chúng được thấy ánh sáng hy hữu đến chỗ Phật đi quanh bên phải ba vòng, rồi lui về ngồi một phía.

Tán rằng: Đây là tìm theo ánh sáng đến chỗ Phật.

Văn kinh: Bấy giờ, Thiên Đế-thích nhờ uy lực Phật liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi sửa y bày vai phải, gối sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật bạch Phật rằng: Bạch Thế tôn!.

Tán rằng: Đế-thích bắt đầu thỉnh cầu, có bốn:

1. Nghi thức thỉnh cầu pháp.
2. Nơi thỉnh cầu chính.
3. Vốn vì cơ nghi.
4. Pháp thỉnh cầu.

Đây là hai phần đầu, trong phần một có ba:

1. Người năng thỉnh.
2. Năng lực được nhờ.
3. Nghi thức thích hợp.

Văn kinh: Vì sao thiện nam, thiện nữ nguyện cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tu hành Đại thừa tiếp nhận tất cả hữu tình tà đạo đã từng gây các nghiệp chướng tội lỗi? Vì sao sám hối sẽ được dứt trừ?.

Tán rằng: Đây là hai phần sau. Trong "Vốn vì cơ nghi" có hai: Đầu tiên là người năng hành pháp, tiếp đó là những lợi ích về nhiếp thọ. Trong đây, tu hành cũng từ sự tập quen, nhưng Bồ-tát vì hoài bão lợi tha là trước tiên cho nên chỉ đưa ra vì người khác, lý thật cũng là tự hành,

thỉnh pháp có thể biết.

Văn kinh: Đức Phật bảo trời Đế-thích: Lành thay! Lành thay! Này người thiện nam! Nay ông tu hành muốn vì vô lượng, vô biên chúng sinh khiến cho đạt được thanh tịnh giải thoát an vui, thương xót thế gian, phước lợi tất cả.

Tán rằng: Thứ ba Như lai giảng nói, có sáu:

1. Trả lời pháp thỉnh cầu.
2. "Nếu có tịnh tín v.v..." trở xuống là khen ngợi sự thù thắng, khuyến khích thực hành.
3. "Bấy giờ, Thiên đế v.v..." trở xuống là nương theo khuyến khích tu học.
4. "Ta nhớ thuở xưa v.v..." trở xuống là dẫn bản thân làm chứng thực.
5. "Nếu có Bí-sô v.v..." trở xuống là nói về lợi ích thực hành pháp.
6. "Bấy giờ, Thích, Phạm v.v..." trở xuống là Thích, Phạm kể rõ sự thành tựu.

Trong phần trả lời pháp thỉnh cầu có: Đầu tiên khen ngợi, sau đó trả lời. Trong khen ngợi, đầu tiên là khen ngợi chung, sau đó khen ngợi riêng. Trong khen ngợi riêng, đầu tiên khen ngợi tự lợi, nghĩa là "nay ông tu hành", tiếp theo khen ngợi lợi tha, "Muốn vì vô lượng v.v...". Trong khen ngợi lợi tha, đầu tiên khen ngợi lợi tha, sau đó giải thích lý do. Rằng "Vì vô lượng chúng sinh" ấy theo Du-già quyển bốn mươi sáu có năm vô lượng:

1. Hữu tình giới vô lượng.
2. Thế giới vô lượng.
3. Pháp giới vô lượng.
4. Điều phục giới.
5. Điều phục phương tiện giới.

Hữu tình giới tức là những nơi lợi sinh. Thế giới tức là những nơi có thể giáo hóa. Pháp giới tức là pháp ba tánh. Nghĩa là do pháp này trở thành nhiễm tịnh cho nên điều phục giới tức là chủng tánh khác nhau. Do chủng tánh này có khả năng. Điều phục phương tiện giới tức là pháp có thể thành tựu hữu tình. Vô lượng tức là chúng sinh giới, vô biên tức là thế giới, hoặc cùng chung cả hai. Khiến được an vui v.v... là điều phục giới, đồng thời các chướng dứt trừ tức là pháp giới vô lượng. Nay ông tu hành tức là điều phục phương tiện giới. Cho nên kinh Vô Cấu Xưng chép: "Nên dùng pháp này mà giáo hóa hữu tình chính là tu

pháp này”. An vui nói là Bồ-đề, Niết-bàn, nên trong Duy Thức quyển mười chép: “Hai tự tánh này đều không có ép ngặt, và thường an vui cho nên hai chuyển y đều gọi là an vui, vốn lìa hai chướng gọi là thanh tịnh giải thoát”. Thương xót tức là Đại bi cứu khổ, phước lợi tức là Đại từ ban vui.

Văn kinh: Nếu có chúng sinh vì nghiệp chướng cho nên gây ra các tội lỗi ấy.

Tán rằng: Chính thức trả lời có hai: Đầu tiên trình bày sơ lược, chỉ khiến diệt ác; tiếp đó “thiện nam có bốn nghiệp chướng v.v...” trở xuống, nói về rộng, cũng khiến cho sinh điều lành. Trong phần đầu lại có hai: Đầu tiên chính thức nói về pháp sám hối; sau đó “Nếu người thành tựu bốn pháp v.v...” trở xuống nói về người năng hành. Hoặc đầu tiên nói về tạm thời dứt trừ, sau đó nói về dứt hẳn. Trong thành tựu sám hối lại chia làm năm:

1. Nói về người cần phải sám hối.
2. “Cần phải cố gắng v.v...” trở xuống nói về phương thức nghi quỹ sám hối.
3. “Con từ vô thỉ v.v...” trở xuống chính thức nói về sám hối.
4. “Dùng nhân duyên này v.v...” trở xuống là kết thúc khuyến khích tu hành.
5. “Vì sao tất cả các pháp từ nhân duyên sinh v.v...” trở xuống là giải thích lý do.

Đây là mở đầu.

Do nghiệp chướng cho nên gieo trồng túc nghiệp, gây ra các tội lỗi, đó là lại khởi hiện. Đây là do túc nhân tạo nghiệp quyết định, nếu không như vậy thì Bồ-tát và các Đức Như lai trong tất cả mọi lúc quán thấy lẽ ra khởi nghiệp, hạn chế khiến cho không thể tạo tác. Vì sao tạo tác được? Vì quyết định. Nếu không như thế vì sao các Đức Phật đợi đến sau khi gây ra rồi mới dạy cho sám hối. Nếu như vậy thì tất cả nghiệp đều quyết định tạo tác, nên không có gì bất định.

Đáp: Tuy nhất định tạo nghiệp nhưng cảm lấy quả bất định. Vì thế kinh luận lại dựa vào cảm quả mà chia ra định, bất định, giả như đó là người tạo nghiệp. Lại giải thích: Bởi vì nghiệp chướng chính là nghiệp thiện ác, gây các tội lỗi thì chiêu cảm lấy quả, nghiệp là năng tạo, quả là sở tạo. Lại giải thích: Có cả hai nghĩa trước.

Văn kinh: Cần phải cố gắng ngày đêm sáu thời, vén y bày vai phải, gối phải sát đất, chấp tay cung kính một lòng chuyên niệm miệng tự nói rằng.

Tán rằng: Chính thức nói về phương thức nghi quỹ, có bốn:

1. Khiến cho tác ý, tức là gia hạnh và thẩm quyết tư (suy nghĩ kỹ càng) tức là cần phải cố gắng.

2. Nói về thời gian, ngày đêm sáu thời, nói đến phát động suy nghĩ phát khởi từ ba nghiệp, đây là thân ý ngữ. Vén y v.v... là thân nghiệp, một lòng chuyên niệm là ý nghiệp, miệng tự nói ra là ngữ nghiệp.

Văn kinh: Quy mạng đảnh lễ hiện tại mười phương tất cả các Đức Phật rồi được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Tán rằng: Đối với người sám hối. Trong đó chia làm hai: Đầu tiên là kiền thành cung kính đảnh lễ tán thán, sau đó "Các Đức Thế tôn v.v..." trở xuống là chí thành thỉnh cầu ấn chứng.

Đây là mở đầu.

Văn chia làm hai: Đầu tiên là đời hiện tại, tiếp đó "Những điều như vậy trở xuống là đời quá khứ và vị lai. Trong phần đầu lại có hai: Đầu là lễ lạy, sau là khen ngợi. Đây là phần lễ lạy. Suốt đời kính thành cho nên nói là quy mạng, biểu hiện rất mực cung kính nên nói là đảnh lễ. Trong phần khen ngợi: Đầu tiên là khen ngợi tự lợi đạt được Bồ-đề, sau đó là khen ngợi lợi tha xoay bánh xe pháp.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Chuyển bánh xe diệu pháp, vững vàng nương theo bánh xe pháp, rưới cơn mưa đại pháp, gióng trống đại pháp, thổi kèn đại pháp, dựng cờ đại pháp, cầm đuốc đại pháp.

Tán rằng: Đây là khen ngợi lợi tha. Đầu tiên nói về thuyết pháp, sau đó nói về lợi tha. Tám câu trong đó, ba câu đầu là nêu ra, năm câu tiếp là giải thích. Trong này có hai cách giải thích, đầu tiên xoay bánh xe pháp ở thấy đạo, y theo pháp luân ở tu đạo, trì giữ ở vô học, nghĩa có cả ba thừa. Trong kiến đế đạo cùng quán tất cả bốn đế trên dưới đều chuyển v.v... nên riêng được gọi là Chuyển. Tu đạo lìa chướng, lại quán diệu lý chỉ có thể gọi là Chiếu. Vô học thường thâu nhiếp đức hữu vi, vô vi nên được gọi là Trì. Rưới mưa đại pháp là thắng giải hạnh vị, gióng trống đại pháp ở kiến tu vị, thổi kèn đại pháp về sau là ở vô học vị.

Lại giải thích: Ba câu đầu theo kinh Giải Thâm Mật nói là ba thời giáo, Trì ở đây phải thuộc về sau. Theo văn nói thì Trì ở trước Chiếu. Trong năm câu sau, câu thứ nhất tức là xoay bánh xe pháp, theo luận Kinh Pháp hoa chép: "Người đã dứt nghi, giúp cho thành tựu trí thân, tức là khiến đạt được quả Nhị thừa". Gióng trống đại pháp tức là chiếu pháp luân, luận Kinh Pháp hoa chép: "Người đã thành tựu trí thân, bày rõ hai thứ cảnh giới bí mật". Nói Nhị thừa là hướng về đại phương tiện,

người khác không thể biết gọi là cảnh giới bí mật, ba vô tánh v.v... cũng là ý bí mật. Nay ở đây chỉ có bày rõ cảnh giới bí mật của Nhị thừa, thảy đều là trống đại pháp tuyệt vời. Tiếp đó ba thứ thổi kèn đại pháp v.v... là trì pháp luân. Đầu tiên là nói pháp, tiếp đến là đắc trí, sau cùng là quán lý, tức là khiến đạt đến Bồ-đề, Niết-bàn, trong kinh Pháp Hoa y theo "Tròn đầy năng", sau pháp tràng mới nói đến thổi loa. Ở đây y theo khả năng thuyết giáo cho người khác nghe, giúp cho đạt được hai quả, đằng trước pháp tràng nói đến thổi loa, như Bồ-tát Diệu Quang trì kinh Diệu Pháp Hoa hóa độ tám vị vương tử đều được thành tựu quả Phật. Trong phẩm Tín Giải các vị như Ca-diếp v.v... nói: "Chúng ta bây giờ đúng là Thanh văn, đem âm thanh Phật đạo khiến cho tất cả đều nghe".

Văn kinh: Vì muốn lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh nên thường thực hành pháp thí khuyên bảo dẫn dắt chúng sinh khiến đạt được đại quả, chứng đắc thường lạc.

Tán rằng: Lợi tha. Khiến cho người khác đạt được quả thế gian gọi là lợi ích, đạt được quả xuất thế gọi là an vui. Dùng giáo truyền thọ cơ nghi gọi là Pháp thí. Người chưa phát tâm làm cho phát tâm gọi là dụ (khuyên bảo), đã phát tâm rồi giúp cho đạt được thành tựu gọi là tiến (dẫn dắt), người đã thành tựu giúp được giải thoát gọi là khiến đạt được đại quả, vì chứng được thường lạc. Tự tánh Niết-bàn là thường, ba thứ Bồ-đề là thường, sở y bốn trí là thường, cho nên đều gọi là thường. Còn lạc như trước đã giải thích.

Văn kinh: Những điều như vậy con đem thân, ngữ, ý cúi đầu quy y, dốc lòng cung kính đảnh lễ các Đức Phật Thế tôn.

Tán rằng: Các Đức Phật đời quá khứ và vị lai.

Văn kinh: Các Đức Thế tôn dùng tuệ chân thật, dùng mắt chân thật, chân thật chứng minh, chân thật bình đẳng, biết rõ thấy rõ nghiệp thiện ác của tất cả chúng sinh.

Tán rằng: Chí thành thỉnh cầu ấn chứng, vì Phật có đủ năm thứ:

1. Đầy đủ hai trí gọi là chân thật tuệ.
2. Đầy đủ năm mắt cho nên gọi là chân thật nhãn.
3. Thường chân thật chứng biết đầy đủ hai nghĩa trước.
4. Tâm bình đẳng chứng lý bình đẳng, y theo ba niệm mà an trụ.
5. Thường thấy biết ý như vậy.

Vì Phật có đủ hai trí cho nên biết rõ chúng sinh, đủ năm thứ mắt cho nên thấy rõ chúng sinh. Do đó, ngày nay chí thành cầu thỉnh Đức Phật chứng minh cho, tức trong luận Bát-nhã Kinh của ngài Vô Trước

chép: "Kiến, Trí, Tịnh đầy đủ an trụ. Kiến tức là năm thứ mắt, trí tức là hai trí. Từ nhục nhãn, Thiên nhãn thấy sắc uẩn, sắc thân của tất cả chúng sinh; từ pháp nhãn cho nên thấy bốn uẩn danh thân của tất cả chúng sinh; tức là thấy thân nghiệp, ngữ nghiệp là nhục nhãn và Thiên nhãn, thấy ý nghiệp là pháp nhãn, thấy tất cả là Phật nhãn". Trong Du-già quyển tám mươi hai chép: "Thành tựu minh nhãn, có đủ ba mắt, ba mắt tức là nhục nhãn, Thiên nhãn và tuệ nhãn, trong tuệ phần sau là pháp tuệ, thể là một. Ở quả gọi là Phật nhãn, thể chính là ba loại mắt, do đó không nói là năm. Vì Phật có trí, biết là biết rõ vắng lặng hay không vắng lặng, tức là biết rõ trú niệm, trú phi niệm, trú hoại duyên pháp niệm, có cả trí căn bản, và đủ năm thứ mắt, có khả năng thấy biết nghiệp lành hay không lành trong hành động". Y theo ba niệm trụ nhìn thấy tất cả oán thân, cho nên thỉnh cầu làm chứng. Lại nữa, chân thật chứng minh lai có hai nghĩa:

1. Kể rõ minh chứng của Phật.
2. Cầu thỉnh chứng minh cho.

Nếu chỉ là chứng thực phải ở sau nói rõ, bởi vì có cả hai nghĩa cho nên nói ở giữa, cũng như Thập Trụ Tỳ-ba-sa, nói "Tất cả các Đức Phật mười phương biết rõ tất cả, nay con dốc lòng đối trước các Đức Phật phát lộ các tội lỗi xấu ác v.v...".

Văn kinh: Con từ vô thỉ sinh tử đến nay trôi theo dòng đời xấu ác, cùng các chúng sinh gây ra nhiều nghiệp chướng tội lỗi.

Tán rằng: Chính thức nói về sám hối. Văn chia làm ba: Đầu tiên nêu chung, tiếp đến sám hối riêng, sau cùng là thuận theo.

Đây là mở đầu.

Tùy ác là tùy theo bạn ác, tùy theo hoặc nghiệp. Trôi lăn là nhận chịu quả sinh tử, chủng tử là dòng, hiện quả là chuyển, mê hoặc tùy theo điều ác của hoặc nghiệp là tập đế, trôi theo quả ác là khổ đế, xoay chuyển dựa theo khổ đế, lại cùng chúng sinh phát khởi tập đế gây ra các nghiệp.

Văn kinh: Bị sự trói buộc của tham, sân, si nên không biết Phật, không biết Pháp, không biết Tăng, không biết thiện ác.

Tán rằng: Tiếp đến sám hối riêng. Lại chia làm ba: Đầu tiên nêu ra nhân tạo nghiệp ác, tiếp theo là nghiệp đã tạo, sau đó là quả thành, cũng tức là như dưới đây sám hối hoặc, nghiệp, khổ. Đây tức là sám hối hoặc khởi nghiệp nhân. Bởi vì sự trói buộc của ba độc ấy nên không thể nào tự tại. Khởi các điều ác vốn gọi là gốc không lành, như luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa nói: "Ba lần ba hợp lại thành chín thứ, từ ba phiền não mà

khởi”. Hợp thành chín loại tức là ba nghiệp thân, ngữ, ý có hiện tại, vị lai và nghiệp ba cõi cho nên nói là ba lần ba; đều do tham, sân, si mà phát khởi gọi là từ ba mà phát khởi. Trong Vô Minh Thắng Bổn nói là không biết Tam bảo, thiện ác.

Văn kinh: Từ thân, ngữ, ý gây ra tội lỗi vô gián.

Tán rằng: Sám hối nghiệp chướng trong đó chia làm ba: Đầu tiên nêu ra nghiệp chướng, tiếp đó thỉnh Phật chứng minh, sau cùng chính thức sám hối. Trong phần đầu có ba, đó là tổng quát, riêng biệt, kết thúc, ba phần văn thứ lớp như sau. Trong riêng biệt, đầu tiên là nghiệp năm tội nghịch. “Thấy có người hơn” trở xuống là dư nghiệp. Đây là văn mở đầu. Dựa theo kinh Tát-già Ni-kiền Tử v.v... có năm tội nghịch của Đại thừa.

Văn kinh: Ác tâm làm cho thân Phật chảy máu, phỉ báng chánh pháp, phá hòa hợp Tăng, giết A-la-hán, giết hại cha mẹ.

Tán rằng: Đây là năm điều nghịch cả ba thừa đều nói. Là điều nghịch thứ tư trong bất cộng nghịch của Đại thừa. Phỉ báng chánh pháp cũng là phá hòa hợp Tăng, chê tám Chánh đạo của Phật là chẳng phải chánh đạo, nói năm pháp của Tiểu thừa là chánh đạo, vì vậy nói là phỉ báng chánh pháp. Nói về năm pháp, trong Đại thừa không thấy văn đó. Theo Nhất Thiết hữu bộ, trong Đại Tỳ-bà-sa quyển một trăm mười sáu chép: “Năm pháp là gì?

1. Suốt đời mặc y phấn tảo.
2. Suốt đời khất thực.
3. Suốt đời chỉ ăn một bữa.
4. Suốt đời thường ở nơi vắng vẻ.
5. Suốt đời không ăn tất cả các thứ cá thịt, muối bơ sữa v.v...”.

Trong Chánh Lý Luật Nhiếp nói năm pháp có khác, đầy đủ như luận đó nói. Hoặc phỉ báng chánh pháp là điều nghịch thứ hai của Đại thừa. Ở đây nói phỉ báng chánh pháp trước phá hòa hợp Tăng, bởi vì chê bai Phật và chánh pháp giống nhau cho nên ở đây phải nói, không phải thuộc về phá Tăng.

Văn kinh: Thân ba, ngữ bốn, ý ba gây ra mười nghiệp ác tự mình gây ra, xúi người khác gây ra, thấy người gây ra vui theo, đối với các bậc thiện nhân bất ngờ sinh ra chê bai đấu đá lừa dối, lấy giả làm thật, thức ăn uống bất tịnh đem cho tất cả, tất cả cha mẹ trong sáu đường lại não hại nhau.

Tán rằng: Điều nghịch thứ năm. Đó là sống trong vô minh thường gây mười nghiệp không lành. Đầu tiên là nêu chung, sau đó trình bày

sơ lược riêng. “Đối với các bậc thiện nhân v.v...” trở xuống là trình bày sơ lược riêng, sinh ra chê bai là ngữ nghiệp không lành, đấu đá lừa dối lấy giả làm thật là trộm cắp, thức ăn uống bất tịnh đem cho các chúng sinh là tham nghiệp bất thiện, tiếc tốt cho xấu nên đại não hại lẫn nhau là sân nghiệp bất thiện.

Văn kinh: Hoặc trộm cướp vật trong chùa tháp, vật của Tăng bốn phương, vật của Tăng hiện tiền, tự nhiên mà có.

Tán rằng: Đó là điều nghịch thứ nhất. Bởi vì trộm cướp tài vật của Tam bảo.

Văn kinh: Pháp luật của Thế tôn không ưa thích vâng làm, thầy tổ chỉ dạy không hề vâng theo, thấy hàng Thanh văn, Độc giác, Hành giả Đại thừa thì thích mắng nhiếc, làm nhục khiến cho các vị thực hành sinh tâm ân hận buồn bực.

Tán rằng: Đó là điều nghịch thứ hai. Đầu tiên là trái với sự dạy dỗ, tức là che đậy giấu giếm. “Thấy hàng Thanh văn v.v...” trở xuống là phỉ báng người, đồng thời chứa đựng điều nghịch thứ ba.

Văn kinh: Thấy có người hơn mình thì sanh tâm ganh ghét, pháp thí tài thí thường sinh ra tiếc lẫn, vô minh che lấp, tà kiến mê hoặc tâm tư.

Tán rằng: Nói về sám hối các nghiệp khác. Đầu tiên nêu ra nhân phát khởi nghiệp, ganh ghét tiếc lẫn tức là tùy hoặc mười triền cái, vô minh tà kiến chính là gốc rễ của hoặc, đều y cứ theo nghĩa hơn hẳn mà nói.

Văn kinh: Không tu nhân lành khiến cho điều ác lớn mạnh, đối với giáo pháp các Đức Phật đã nói lại khởi lên phỉ báng, pháp nói chẳng phải pháp, chẳng phải pháp nói là pháp, những tội như vậy.

Tán rằng: Tức là nghiệp sinh khởi mới huân tập khiến cho tăng thêm, các nghiệp chẳng lành vốn có khiến cho lớn mạnh, tiếp đó đối với Phật pháp khởi lên các nghiệp không lành.

Văn kinh: Các Đức Phật dùng tuệ chân thật, mắt chân thật, chân thật chứng minh, chân thật bình đẳng, biết rõ thấy rõ.

Tán rằng: Hai là thỉnh Phật chứng minh.

Văn kinh: Nay con quy mạng đối trước các Đức Phật đều phát lộ hết không dám che giấu, tội lỗi chưa làm thì không dám làm, tội lỗi đã làm nay đều sám hối.

Tán rằng: Ba là chính thức bày tỏ sám hối.

Văn kinh: Các nghiệp chướng đã gây phải đọa vào đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la chúng và nơi có tám nạn, con nguyện

đời này nghiệp chướng vốn có đều được tiêu trừ, tất cả ác báo vị lai không thọ, Tán rằng: Sám hối báo chướng.

Văn kinh: Cũng như các vị Đại Bồ-tát tu hạnh Bồ-đề ở đời quá khứ, tất cả nghiệp chướng đều đã sám hối, nghiệp chướng của con nay cũng sám hối, đều phát lộ hết không dám che giấu, tội đã gây ra nguyện được tiêu diệt, lỗi vị lai càng không dám tạo.

Tán rằng: Sau cùng là thuận theo trong sám hối. Ba đời là ba, ở đây đồng với quá khứ. Đầu tiên nêu ra người khác, "nghiệp chướng của con v.v..." trở xuống là tự mình thực hiện.

Văn kinh: Cũng như các vị Đại Bồ-tát tu hạnh Bồ-đề ở đời vị lai, tất cả nghiệp chướng thảy đều sám hối, nghiệp chướng của con nay cũng sám hối, thảy đều phát lộ, không dám che giấu, tội lỗi đã gây nguyện được tiêu diệt, điều ác vị lai càng không dám tạo. Cũng như các vị Đại Bồ-tát tu hạnh Bồ-đề khắp mười phương thế giới ở đời hiện tại, tất cả nghiệp chướng cũng đều sám hối; nghiệp chướng của con nay cũng sám hối, thảy đều phát lộ, không dám che giấu, tội lỗi đã làm con nguyện được tiêu diệt, điều ác vị lai lại càng không dám tạo.

Tán rằng: Hai điều còn lại cũng giống như trên.

Văn kinh: Này người thiện nam! Vì nhân duyên này nếu có gây ra tội lỗi trong một sát-na cũng không được che giấu, huống là một ngày một đêm, cho đến lâu dài.

Tán rằng: Thứ tư là kết thúc khuyến khích tu hành. Trong đó chia làm hai: Đầu tiên nêu ra tội lỗi khuyên nhủ sám hối; tiếp đó "Nếu có nguyện sinh v.v..." trở xuống là nêu ra lợi ích khuyến khích tu hành. Trong phần đầu lại có hai: "Vì nhân duyên này" là kết thúc phần trước đây. Nhân duyên ấy là nguyên nhân, bởi do nghiệp ác nên chiêu cảm quả ác, đã có nguyên nhân tổn giảm như vậy, lại như các vị Bồ-tát là muốn tu hạnh Bồ-đề chắc chắn phải sám hối, cho nên đây là nhân duyên. "Nếu có gây ra tội lỗi v.v..." trở xuống là chính thức khuyên nhủ. Văn khuyên nhủ có ba đó là Pháp, Dụ, Hợp. Trong Pháp có ba: Đầu tiên khiến không dừng lại trong chốc lát, tiếp theo khiến cho trở lại thanh tịnh trong lòng hổ thẹn thực sự; sau cùng khuyên nhủ nên như trước sám hối. Sát-na có nhiều thứ, trải qua thời gian một sát-na sinh diệt hãy còn không nên dừng lại, huống gì là dài lâu, như chất độc trong mũi tên không thể tạm thời chịu đựng nổi.

Văn kinh: Nếu có phạm tội muốn cầu thanh tịnh, lòng dạ hổ thẹn tin rằng ở vị lai chắc chắn có ác báo, sinh ra vô cùng kinh sợ, nên như vậy mà sám hối.

Tán rằng: Văn ở hai phần sau là do hổ thẹn nên từ chối điều ác. Do tin nhân quả có thiện báo, ác báo, cho nên sinh ra kinh sợ vô cùng.

Văn kinh: Như người bị lửa cháy đầu cháy áo cầu cứu khiến cho lửa mau chóng dập tắt, nếu tâm chưa diệt không thể yên ổn, như người phạm tội cũng giống như vậy, tức thì phải cầu sám hối khiến mau chóng dứt trừ.

Tán rằng: Dụ và hợp có thể biết.

Văn kinh: Nếu có ý nguyện sinh vào nhà giàu sang sung sướng, tài vật dồi dào lại muốn phát tâm tu tập Đại thừa, cũng cần phải sám hối dứt trừ nghiệp chướng], Tán rằng: Dưới đây là nêu ra lợi ích khuyến khích tu hành, có ba: Trước tiên nêu lợi ích hữu lậu khuyến khích tu hành, sau đó nêu lợi ích vô lậu khuyến khích tu hành. Trong hữu lậu, đầu tiên nêu ra cõi Dục, sau đó nêu ra cõi Sắc. Trong cõi Dục, đầu tiên là người, tiếp theo là trời. Bốn dòng họ trong loài người, đầu tiên nêu ra hai loại Phệ-xá, Thủ-đà để khuyến khích, sau đó nêu ra Tịnh Hạnh, Sát-đế-lợi để khuyến khích. Đây là hai loại đầu.

Văn kinh: Muốn sinh vào nhà quyền thế sang trọng, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi và Chuyển luân vương đầy đủ bảy báu cũng cần phải sám hối diệt trừ nghiệp chướng.

Tán rằng: Hai loại sau.

Văn kinh: Này người thiện nam! Nếu có người muốn sinh lên các tầng trời Tứ Thiên vương, tầng trời Tam thập tam, tầng trời Dạ-ma, tầng trời Đổ-sử-đa, lại tầng trời Biến hóa, tầng trời Tha hóa tự tại cũng cần phải sám hối diệt trừ nghiệp chướng.

Tán rằng: Nêu ra các tầng trời cõi Dục để khuyến khích.

Văn kinh: Hoặc muốn sinh lên các tầng trời Phạm chúng, Phạm phụ, Đại phạm, Thiểu quang, Vô lượng quang, Cực quang tịnh, Thiểu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Vô vân, Phước sinh, Quảng quả, Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện hiện, Thiện kiến, Sắc cứu cánh cũng cần phải sám hối diệt trừ nghiệp chướng.

Tán rằng: Nêu ra các tầng trời cõi Sắc để khuyến khích. Như các kinh luận Du-già, Tạp Tập, Trí Độ, Trường A-hàm, Khởi Thế, Chánh Pháp Niệm, Chánh Lý, Bà-sa, Lâu Thán v.v... đã nói rộng như thế. Còn Chánh Lý chép: "Đại phạm vốn có sở hóa, sở lãnh cho nên gọi là Phạm chúng.

Ở trước Đại Phạm là hàng ngũ thị vệ, cho nên gọi là Phạm phụ. Sinh ra từ nhiều điều lành, do đó gọi là Phạm. Phạm này tức là Đại cho nên gọi là Đại Phạm. Từ đó gặt hái được sự tĩnh lự trung gian, sinh

ra đầu tiên, mất đi sau cùng, uy đức đều thù thắng cho nên gọi là Đại. Ở trong địa phương của mình ánh sáng yếu nhất cho nên gọi là Thiểu quang. Ánh sáng chuyển sang thù thắng khó đo lường được nên gọi là Vô lượng quang. Ánh sáng thanh tịnh soi chiếu khắp địa vị của mình, cho nên gọi là Cực quang tịnh. Ý địa thọ lạc gọi là Tịnh, ở trong địa vị của mình chỉ có tịnh nhỏ nhất như vậy, nên gọi là Thiểu tịnh.

Tịnh này càng tăng thêm khó đo lường được nên gọi là Vô lượng tịnh. Tịnh này rộng khắp, cho nên gọi là Biến tịnh. Lìa chỗ ở trên mây cho nên gọi là Vô vân. Phước chuyển sang thù thắng nên gọi là Phước sinh. Phước đó thù thắng nhất trong chúng sinh có sắc thân, nên nói là Quảng quả. Các bậc Thánh lìa dục dùng nước Thánh đạo tưới vào phiền não cáu bẩn, nên gọi là Tịnh. Nơi dừng lại của tịnh thân gọi là Tịnh cư, đồng thời trong cõi trời này toàn là nơi Thanh hiền cư ngụ nên gọi Tịnh cư. Phiền nghĩa là bộn bề phức tạp, hoặc nghĩa là đông đúc dầy đặc. Đầu tiên trong này không có phiền tạp, bởi vì về sau sinh ra phiền não nên gọi là Nhiệt.

Ở đây đầu tiên xa lìa được gọi là Vô nhiệt. Hình sắc các vị trời đó khôi ngô đẹp đẽ hơn hẳn hai tầng trời dưới, nên gọi là Thiện hiện. Hình sắc chuyển sang thù thắng hơn mọi người đều thích nhìn nên gọi là Thiện Kiến. Hình sắc của các vị trời đó thật là thắng diệu, trời khác không sánh bằng nên gọi là Sắc cứu cánh, hoặc là trời này đã đến nơi cuối cùng của thân nương vào các khổ nên gọi là Sắc cứu cánh".

Văn kinh: Nếu muốn cầu quả Dự lưu, Quả nhất lai, quả Bất hoàn, Quả A-la-hán cũng cần phải sám hối dứt trừ nghiệp chướng. Hoặc muốn nguyện cầu ba minh, sáu thông, Thanh văn, Độc giác, Tự tại Bồ-đề đến Rốt ráo địa.

Tán rằng: Nêu ra quả vô lậu để khuyến khích có ba: Đầu tiên nói chung về Thanh văn, kế là nói đều được giải thoát đến nơi bờ kia. Hai quả trong Tiểu thừa đúng là phần thực hành duy nhất trong Độc giác, tuy hai địa vị khác nhau nhưng đều được hoàn toàn giải thoát. Ba minh, sáu thông như các nơi khác có phân biệt rõ.

Văn kinh: Cầu Nhất thiết trí, tịnh trí, bất tư nghị trí, bất động trí, Tam-miệu Tam-bồ-đề chánh biến trí cũng cần phải sám hối diệt trừ nghiệp chướng.

Tán rằng: Nêu ra Đại quả để khuyến khích. Đầu tiên là bốn trí, trí tánh gọi là trí. Từ "Tam-miệu v.v..." về sau, trí tướng gọi là trí. Nhất thiết trí, căn bổn trí là năng chứng. Lặp lại trí ấy là trí tánh sở chứng. Ý nói rõ trí tánh là căn bổn, tức là trí tánh này lìa hai chướng nên gọi là

tịnh trí. Không phải người khác có thể biết nên gọi là bất tư nghị. Lìa sinh diệt gọi là bất động, tức là A-nậu-đa-la. Tam-miệu v.v... như thông thường đã giải thích. Như luận Bát-nhã Kinh của Vô Trước giải thích: “Đầy đủ trí đức và đoạn đức là Vô thượng Bồ-đề, hoặc trở lại kết hợp chung riêng phối hợp với phẩm Tứ Trí. Là trí chung của Nhất thiết trí”. Theo luận Đại Trang nghiêm quyển ba chép: “Trí Tịnh là do quán sát chuyển đổi năm thức mà được, có thể ở trước đại chúng nói pháp dứt nghi, rưới mưa đại pháp thường khiến cho người thanh tịnh, nên gọi là tịnh trí”. Lại tổng hợp tất cả các pháp Đà-la-ni, các pháp Tam-muội, đối với cảnh biết được thường không có chướng ngại, tự không đắm nhiễm như vậy nên cũng gọi là tịnh. Bất tư nghị là trí thành sự chuyển đổi thức thứ sáu mà được, đối với tất cả thế giới thực hiện các thứ công việc biến hóa vô lượng, vô biên không thể suy nghĩ bàn luận. Bất động trí là do viên cảnh trí chuyển đổi thức thứ tám mà được. Vì vậy luận ấy chép: “Bốn trí cảnh bất động là sở y của ba trí”. Giải thích rằng: Cảnh trí ấy lấy bất động làm tướng, thường làm sở y cho ba trí còn lại. Bất động là nối nhau một loại, chỉ có nghĩa trao và nhận. Tam-miệu v.v... là trí bình đẳng chuyển đổi thức thứ bảy mà được. Do đó luận ấy chép: “Chúng sinh bình đẳng trí tu tịnh chứng Bồ-đề”. Giải thích rằng: Nếu tu tập trí này đến mức thanh tịnh cùng cực thì đạt được Vô thượng Bồ-đề. Do không có cùng tận, bởi vì chúng sinh không có cùng tận cho nên không có rốt ráo; vì không có rốt ráo cho nên không trụ Niết-bàn. Ý này là do chúng sinh cho nên rốt ráo không được nhập vào Niết-bàn. Lại nói chánh biến trí là ghép chung Phạm Hán.

Văn kinh: Vì sao?.

Tán rằng: Dưới đây giải thích về lý do sám hối diệt trừ nghiệp chướng, tức là giải thích vặn hỏi. Văn lại cha làm hai: Đầu tiên giải thích vặn hỏi, sau đó “Nếu có thiện nam v.v...” trở xuống là kết thúc thành tựu sám hối có công năng dứt trừ các điều ác. Trong phần đầu có ba:

1. Y theo nhân duyên để giải thích.
2. “Vì sao?” trở xuống là giải thích theo phần vô tướng.
3. “Thiện nam! Tất cả các pháp v.v...” trở xuống là giải thích theo phần chân như.

Đây là y theo nhân duyên: Đầu tiên nêu câu hỏi, sau đó giải thích. Đây là nêu câu hỏi. Ý nêu hỏi rằng: Thiện ác đều khác nhau, sinh diệt trước sau, vì lý do gì sám hối có thể diệt trừ? Lại nêu ý hỏi rằng: Điều ác đang hiện diện thì tâm sám hối chưa khởi, khi tâm sám hối phát khởi

thì điều đó đã sinh và không còn tồn tại, sáng tối không ở chung nhau, lại hiện tại mới sinh liền diệt, từ lý do nào mà nói sám hối diệt trừ?

Văn kinh: Này người thiện nam! Tất cả các pháp từ nhân duyên sinh.

Tán rằng: Đầu tiên giải thích vặn hỏi, sau đó dẫn chứng. Đây là giải thích vặn hỏi. Tuy tất cả các pháp sinh diệt trước sau, nhưng do năng lực nhân duyên cho nên sinh ra, cũng từ năng lực nhân duyên cho nên diệt đi. Ở đây chỉ nêu ra nhân duyên sinh, chắc chắn có nhân duyên diệt, vì vậy chỉ nói lược mà không nói về diệt. Cho dù diệt không đợi nhân nhưng nói theo sinh thì như vị lai lẽ ra phải sinh những gì còn rơi rớt lại thuận theo quả năng cảm, nhờ nhân duyên sám hối khiến cho những điều đó không phát khởi cũng gọi là diệt, tức là đợi nhân diệt.

Văn kinh: Như lai nói dị tướng sinh ra thì dị tướng diệt, bởi vì nhân duyên khác nhau.

Tán rằng: Đây là dẫn chứng. Tất cả các Đức Như lai đều nói như vậy, cho nên nói là "Như lai đã nói". Tướng, nghĩa là thể tướng, pháp thể khác sinh ra thì pháp thể khác diệt đi. Giống như ánh sáng sinh ra nên bóng tối diệt đi. Có nhân duyên năng sinh thì có nhân duyên năng diệt; nhân duyên là nghĩa của nguyên nhân, nguyên nhân có khác nhau, do đó pháp sám hối sinh ra thì pháp không lành diệt đi.

Văn kinh: Như vậy các pháp quá khứ đều đã diệt đi, tất cả nghiệp chướng không còn sót lại.

Tán rằng: Giải thích vấn đề nêu hỏi thứ hai, có ba: đầu tiên lặp lại "quá khứ đã diệt", tiếp theo phân biệt rõ ngày nay sám hối tâm lành được sinh ra, sau đó phân biệt tâm sám hối đã diệt trừ nghiệp chương.

Đây là mở đầu.

Như vậy, các pháp quá khứ đều đã diệt hết đó là nhắc lại quá khứ đã diệt ở trước. Pháp hiện hành là tất cả nghiệp chướng, bởi sự xông ướp kia có thể có sẽ sinh. Không còn sót lại gì, khiến cho sẽ sinh ra kia không còn sót lại gì, không y cứ hiện hành đã diệt mà nói về đoạn.

Văn kinh: Các hành pháp đó chưa được sinh ra ngay nay được sinh ra.

Tán rằng: Tiếp theo là phân biệt rõ ngày nay sám hối tâm lành được sinh ra. Pháp nhân duyên này trước đây không có duyên kết hợp nên chưa được sinh ra ngay, mà nay hiện rõ duyên kết hợp sám hối nên tâm lành được sinh ra.

Văn kinh: Nghiệp chướng vị lai không còn phát khởi được.

Tán rằng: Khiến cho nghiệp chướng muốn phát sinh ở vị lai cũng

không thể nào phát khởi. Lại là lại, trở lại. Vị lai chưa sinh, hiện tại muốn sinh càng không thể sinh được. Hiện tại đã vun bồi nghiệp chủng nên nhận lấy nghiệp chướng của quả vị lai, lại không thể vời lấy quả về sau sinh khởi, có một nghiệp cảm đến nhiều đời. Đã cảm là đã diệt, chưa diệt nên phải cảm lại không thể nào phát khởi. Chưa từng với lấy tức quả người ấy chiêu cảm chính là quả khác đã sinh. Chủng loại ác là những thứ còn lại có thể chiêu cảm các nghiệp ác, không thể nào phát khởi, tức là tâm hữu lậu sám hối hàng phục đoạn diệt, tâm vô lậu sám hối tiêu trừ đoạn diệt. Ba phần nói về sám hối, đều có cả hữu lậu và vô lậu.

Văn kinh: Vì sao?.

Tán rằng: Thứ hai là giải thích theo vô tướng môn. Đầu tiên mượn để nêu câu hỏi, sau đó chính thức giải thích. Đây là mượn để nêu câu hỏi. Ý nêu câu hỏi rằng: Pháp đều sinh diệt, vì sao “Nhân duyên pháp khác có sinh thì pháp sinh, nhân duyên pháp khác có diệt thì pháp diệt”?

Văn kinh: Này người thiện nam! Tất cả các pháp đều không.

Tán rằng: Chính thức giải thích. Đầu tiên, sau khi giải thích, là dẫn chứng. Đây là giải thích. Tất cả pháp tướng sinh diệt đều là không, do đó ngay nơi tướng không có tự tánh.

Văn kinh: Như lai nói không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, cũng không có sinh diệt, cũng không có hành pháp.

Tán rằng: Đây là dẫn chứng. Tất cả các Đức Như lai nói “Ngã v.v... thọ giả đều là không có”, nghiệp thiện ác đã phát khởi kia cũng không có sinh diệt. Hoặc “ngã v.v... thọ giả” ngay trong các kinh như Giải Thâm Mật chép: “Tất cả các pháp đều không có tự tánh, không sinh không diệt, xưa nay vắng lặng, tự tánh Niết-bàn v.v... là chướng sở diệt; đã không có sinh diệt là hành năng diệt, pháp cũng không có sinh diệt, là tất cả các pháp”. Còn kinh Phổ Hiền Quán Kinh chép: “Bởi vì năm uẩn này là không, không có tự tánh”, cho đến chép: “Tướng tâm này theo vọng tưởng mà khởi, như gió giữa hư không chẳng dừng lại nơi nào. Cũng vậy, pháp tướng không sinh ra không mất đi, cái gì là tội? Tâm không trụ không hoại không quán, không có pháp nào chẳng trụ trong pháp. Tướng như thế gọi là đại sám hối v.v...”.

Văn kinh: Này người thiện nam! Tất cả các pháp đều nương vào gốc, cũng không thể nói.

Tán rằng: Thứ ba là giải thích theo chân như môn để nói về lý do sám hối dứt trừ. Đầu tiên là giải thích, tiếp theo nêu câu hỏi, sau đó là thông suốt. Đây là giải thích. Bản thể của tất cả các pháp chính là chân

như. Kinh Thắng-man chép: "Là nương tựa, là giữ gìn, là tạo dựng". Kinh Duy-ma chép: "Từ vô trụ vốn lập nên tất cả các pháp". Vì chân như vốn không sinh không diệt cũng không thể nói, cũng vì sinh diệt kia đều cùng là không. Vô tướng môn trước đây nói không có sinh diệt, theo đó biết rằng chân như môn cũng không sinh không diệt, vì vậy lược bỏ không nói đến. Đối với chân như môn rõ ràng không thể nói, theo đó vô tướng môn cũng không thể nói. Đây là vì trừ tướng năng thuyên sở thuyên kia là biến kế tánh thì thuộc về vọng đều không còn.

Văn kinh: Vì sao?.

Tán rằng: Đây là nêu câu hỏi. Vì nguyên nhân gì chân như không có sinh diệt cũng không thể nói?

Văn kinh: Bởi vì vượt ngoài tất cả các tướng.

Tán rằng: Thông suốt. Bởi vì lý chân như ngoài khỏi tướng sinh diệt. Quá là lìa xa. Lìa xa khỏi tướng sinh diệt, lìa xa khỏi cảnh nói năng. Vì thế kinh Vô Lượng Nghĩa chép: "Không có tướng nào chẳng phải tướng cho nên gọi là vô tướng". Nhiếp Luận cũng chép: "Vì không có hai tướng v.v...". Kinh Phổ Hiền chép: "Thân tâm này như gió giữa hư không, trụ nơi lý vô tướng quy mạng tất cả Tam bảo như như. Người thực hành sám hối như vậy thân tâm thanh tịnh không trụ trong pháp, giống như dòng nước chảy, trong từng niệm niệm thấy các Đức Phật mười phương v.v...".

Văn kinh: Nếu có thiện nam, thiện nữ nào như thế hội nhập chân lý vi diệu sinh tâm tín kính, đó gọi là không có chúng sinh mà lại có gốc rễ.

Tán rằng: Kết thúc thành tựu sám hối. Đầu tiên kết thúc sám hối, sau đó kết thúc thành tựu nói về chân lý.

Đây là mở đầu. Kết thúc chân thành sám hối có hai:

1. Kết thúc vô lậu, tức là "Như thế hội nhập chân lý vi diệu". Nhập là chứng. Vì không còn phân biệt nên chứng lý chân như. Phá hai chướng, dứt hai kết thúc hủ lậu tức là "sinh tâm tín kính". Tuy chưa thể chứng mà chỉ tin hiểu chân như vô tướng, nương vào khả năng thắng giải cũng có thể dứt bỏ điều ác. Ngã và ngã sở không nương vào viên tánh mà có cho nên nói "Không có chúng sinh mà lại có gốc rễ". Môn đầu tiên này nương vào dục, môn thứ ba nương vào chân, vô tướng có cả hai. Không nói nương vào thể tục quán đầu tiên là vì chấp hư không không thể nào dứt trừ được chướng.

Văn kinh: Bởi vì nghĩa này cho nên nói về sám hối diệt trừ nghiệp chướng.

Tán rằng: Kết thúc thành tựu nói về chân lý. Giáo và cơ, hạnh lý tương ưng nhau. Nghĩa tức là nghĩa lợi. Do ba thứ tương ưng nhau mà có nghĩa lợi cho nên nói về sám hối.

Văn kinh: Này người thiện nam! Nếu người nào thành tựu bốn pháp có thể dứt trừ nghiệp chướng mãi mãi được thanh tịnh.

Tán rằng: Trước nói về pháp sám hối, sau nói về người có thể thực hành.. Trong đó có ba: Đầu tiên nêu ra, tiếp theo giải thích, sau đó thâu nhiếp. Đây là phần nêu ra.

Văn kinh: Những gì là bốn?

1. Không khởi tà tâm, thành tựu chánh niệm.
2. Đối với lý sâu xa không sinh tâm phỉ báng.
3. Đối với sơ hạnh của Bồ-tát khởi tâm Nhất thiết trí.
4. Đối với tất cả chúng sinh phát khởi từ tâm vô lượng.

Đó là bốn pháp.

Tán rằng: Tiếp theo giải thích có ba: Nêu câu hỏi, Giải thích, Kết thúc. Văn từng đoạn có thể biết. Ý này phù hợp cùng Phổ Hiền Sở Vấn trong kinh Diệu Pháp Hoa: “Làm sao đạt được kinh Pháp Hoa này? Đức Phật trả lời: thành tựu bốn pháp”.

Ở đây, pháp thứ nhất tức là người kia đi vào nhóm chánh định, tin tưởng sâu sắc ba thừa gọi là thành tựu chánh niệm, không quy y ngoại đạo gọi là không khởi tà tâm. Pháp thứ hai tức là được Phật che chở, có thể đối với lý sâu xa không sinh ra phỉ báng, là căn cơ thành thục cho nên Phật che chở giữ gìn. Pháp thứ ba là gieo trồng các cội rễ phước đức, có thể đối với sơ hạnh của Bồ-tát khởi tâm Nhất thiết trí, tức là gieo trồng gốc lành. Pháp thứ tư tức là người kia phát tâm cứu độ tất cả chúng sinh, khởi tâm từ vô lượng thường ban cho người khác niềm vui, cũng khởi tâm bi, thường nhổ trừ gốc khổ cho người khác. Hơn nữa, y theo ban đầu nói rằng từ vô lượng, y theo nhân vốn có nói là thành tựu bốn pháp, có công năng diệt trừ nghiệp chướng, nếu phân biệt thành tựu cũng phân biệt năng sám.

Văn kinh: Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn mới nói bài tụng rằng: Dốc lòng giữ ba nghiệp, không bài báng thâm pháp, nghĩ đến Nhất-thiết-trí, từ tâm sạch nghiệp chướng.

Tán rằng: Bài tụng thâu nhiếp. Có thể ở nơi ba nghiệp thành tựu được chánh niệm thành tựu tùy theo căn cơ gọi là giữ gìn ba nghiệp.

Hỏi: Thế nào là tụng nhiếp?

Đáp: Hành pháp, trì pháp vốn có sự khác nhau cho nên văn xuôi là khiến cho thực hành, tụng nhiếp là khiến cho nắm chắc.

Văn kinh: Này người thiện nam! Có bốn nghiệp chướng khó có thể diệt trừ.

Tán rằng: Phần trước nói sơ lược về sám hối diệt ác, dưới đây nói về bốn hạnh làm cho điều lành phát sinh. Trong đó chia làm hai: Đầu tiên nói về chướng sở trừ, sau đó nói về hạnh năng trừ. Trong phần đầu lại có ba: Trước tiên nêu chung, tiếp theo hỏi riêng, cuối cùng giải thích riêng.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Bốn nghiệp chướng gồm:

1. Đối với luật nghi Bồ-tát phạm tội ác rất nặng.
2. Tâm sinh phỉ báng đối với kinh điển Đại thừa.
3. Đối với gốc lành của mình không thể thêm lớn.
4. Tham trước ba cõi không có tâm thoát ra.

Tán rằng: Đây là văn hai phần sau. Nêu câu hỏi ấy có thể biết. Giống như luận Du-già quyển bảy mươi chín chép: Luận đó nói rằng: "Lại nữa, Bồ-tát sơ lược có bốn loại chướng tăng thượng phẩm, nếu không dứt sạch sẽ thì không thể nào chứng được Bồ-tát địa và dần bước lên các địa khác. Những gì là bốn chướng?

1. Đối với Tỳ-nại-da (luật tạng) của Bồ-tát hễ khởi niệm nhiễm ô là phạm.
2. Chê bai Đại thừa, coi nhẹ diệu pháp.
3. Không chứa nhóm gốc lành.
4. Có tâm nhiễm ái".

Nói khởi niệm nhiễm ô liền phạm là khởi tâm nhiễm ô trói buộc thượng phẩm, phạm vào bốn nơi thù thắng khác gọi là thượng phẩm, chẳng phải tâm phạm các nhiễm ô đều thuộc về phẩm này. Kinh này chép: "Đối với luật nghi Bồ-tát phạm tội ác rất nặng", nếu cùng tâm phạm vào nhiễm ô đều thuộc về phẩm này thì vì sao gọi là rất nặng?

- Bài báng pháp dựa vào bài báng ba thừa đều là trọng chướng, cũng thuộc về năm tội nghịch của Đại thừa. Nay nói Đại thừa là dựa theo học vấn của bản thân, hoặc sinh ra bài báng nên không y theo để thực hành.

- Tự mình không dần dần chứa nhóm phước tuệ tư lương, giả thử trước đó có tu chút ít cũng không thể nào thường sinh khởi nên nói là đối với gốc lành của mình không thể thêm lớn. Du-già chỉ dựa theo trước đó không hề tu tập nên nói là chưa chứa nhóm gốc lành. Kinh này y cứ theo không thể thường sinh khởi, hoặc y theo thượng phẩm nói là chưa hề tu tập, chẳng phải điều lành kém cỏi cũng không tu tập.

- Tham đắm ba cõi không có tâm mong cầu ra khỏi để đạt đến Niết-bàn. Niết-bàn là ra khỏi ba cõi. Du-già nói có hữu tức là ba hữu (ba cõi).

Văn kinh: Lại có bốn thứ đối trị nghiệp chướng. Những gì là bốn?

1. Đối với tất cả Như lai khắp mười phương thế giới dốc lòng gần gũi bộc bạch tất cả tội lỗi.

2. Vì tất cả chúng sinh thỉnh cầu các Đức Phật nói pháp thâm diệu.

3. Vui theo công đức vốn có của tất cả chúng sinh.

4. Tất cả công đức gốc lành vốn có thảy đều hồi hướng về A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Tán rằng: Phần sau nói về hạnh năng trừ. Văn đoạn này chia làm hai: Đầu tiên Đức Phật nêu chung, sau đó Thiên đế thỉnh cầu riêng. Trong phần đầu lại có ba: Đó là nêu ra, hỏi, giải thích, văn hiển bày có thể biết. Bốn loại này đối với tất cả địa vị đều thực hành như nhau, cũng như Du-già quyển bảy mươi chín có nói rõ.

Văn kinh: Lúc bấy giờ, trời Đế-thích bạch Phật rằng: Bạch Thế tôn! Ở thế gian vốn có những người nam, người nữ đối với hạnh Đại thừa có người có thể thực hành, có người không thể thực hành, làm sao có thể vui theo với công đức gốc lành của tất cả chúng sinh được?.

Tán rằng: Thiên đế thỉnh cầu riêng có hai: Đầu tiên, Thiên đế thỉnh cầu, sau đó Đức Phật giảng nói. Đây là phần thỉnh cầu. Thứ nhất nói tất cả tội lỗi tức thì sám hối, là trước đây đã nói về cho nên nay không hỏi. Ba thứ còn lại chưa nói, vì vậy nay thỉnh cầu được nghe. Câu hỏi đầu tiên có ba ý:

1. Hỏi rằng: Tất cả chúng sinh có người không tu điều lành, làm sao vui theo tất cả chúng sinh?

2. Hỏi về Pháp vui theo?

3. Hỏi rằng: Phước đạt được bao nhiêu?

Trong phần Đức Phật giảng nói: Trước tiên nói về khuyến thỉnh, tiếp theo phân biệt rõ vui theo. Vì sao Thiên đế đầu tiên hỏi về vui theo sau mới thỉnh cầu?

Đáp: Vì căn cơ ưa thích, vì khuyên thỉnh khó khăn, lần lượt theo dễ hỏi trước, Đức Phật y theo phước trội hơn cho nên nêu ra trước tiên.

Văn kinh: Đức Phật dạy: Thiện nam! Nếu có chúng sinh tuy đối với Đại thừa chưa thể tu tập, nhưng trong ngày đêm sáu thời, vén y bày vai phải, gối phải sát đất, chắp tay cung kính một lòng chuyên niệm, lúc

thực hành vui theo được phước vô lượng.

Tán rằng: Dưới đây là Đức Phật trả lời, có bốn:

1. Trả lời câu hỏi đầu tiên và chỉ dạy phép tắc.
2. Chính thức nhắc nhủ vui theo.
3. Nói rõ vui theo được bao nhiêu phước.
4. Khuyến khích tu tập.

Đây là mở đầu.

Nghi tắc có thể biết. Nếu có người chưa tu sẽ có thể tu, cho nên có thể vui theo, lại được nhiều phước.

Văn kinh: Nên nói như vầy: Tất cả chúng sinh khắp mười phương thế giới hiện đang tu hành thí, giới, tâm, tuệ, nay con đều sinh tâm vui theo sâu sắc, bởi vì thực hành vui theo như vậy thì phước chắc chắn sẽ được quả tôn trọng, thù thắng vô thượng, vô đẳng tối diệu. Như vậy tất cả chúng sinh ở quá khứ, vị lai vốn có gốc lành con đều vui theo tất cả.

Tán rằng: Trả lời ý câu hỏi thứ hai về pháp vui theo, đoạn văn chia làm bốn:

1. Vui theo phước của phàm phu.
2. Vui theo phước của Bồ-tát.
3. Vui theo phước của Như lai.
4. Vui theo phước của ba thừa.

Đây là mở đầu.

Đầu tiên vui theo với hiện tại, sau đó vui theo với quá khứ và vị lai. Nói rằng thế gian tu ba phước nghiệp, thí, giới và tu đều là phước, nên nói là ba phước nghiệp, quá khứ và vị lai có thể biết. Hoặc là giới học, định học, tuệ học, thí là không tham tức dấu vết của giới học; tham chướng ngại cho xuất gia nên chỉ nói về điều đó, lược bỏ không nói về không sân.

Văn kinh: Lại nữa, đối với sơ hạnh Bồ-tát phát tâm Bồ-đề vốn có công đức, trải qua trăm đại kiếp thực hành hạnh Bồ-tát có công đức to lớn, đạt được Vô sinh nhẫn, cho đến không lui sụt, Nhất sinh bổ xứ, tất cả công đức sâu kín như vậy thảy đều dốc lòng vui theo khen ngợi. Tất cả Bồ-tát trong quá khứ vị lai vốn có công đức vui theo khen ngợi cũng giống như vậy.

Tán rằng: Vui theo phước của Bồ-tát. Đầu tiên là Bồ-tát hiện tại, sau đó là Bồ-tát quá khứ và vị lai. Trong phần đầu có bảy vị:

1. Sơ phát tâm vị.
2. Thắng giải hạnh vị tức trải qua đại kiếp v.v....

3. Tăng thượng ý lạc vị tức đạt được Vô sinh nhẫn.

4. Hành chánh hạnh địa.

5. Quyết định địa.

6. Quyết định hạnh vị tức là đến không lui sụt, từ Nhị địa đến Cửu địa.

7. Chí cứu cánh vị, tức là dựa theo sự rốt ráo của Địa thứ mười.

Lược bỏ không nói về Chủng tánh và Như lai địa. Chủng tánh tức là Tùy hành ở trước, Như lai địa nói ở sau. Nhưng đối với điều lành đều có bốn thứ, tự tác, giáo tha, khánh ủy, vui theo. Trong đây nêu hai thứ, theo đó hiển bày hai loại còn lại. Tán thán tức là khánh ủy (chúc mừng). Hoặc có thể, đối với các pháp sám hối đều có bốn thứ khác nhau, đối với vui theo có tự tác, giáo tha, cũng thuộc hai thứ do đó không nói riêng; quá khứ, vị lai có thể biết.

Văn kinh: Lại nữa, đối với hiện tại mười phương thế giới tất cả các Đức Phật ứng chánh biến tri, chứng diệu Bồ-đề vì cứu độ vô biên các loài chúng sinh nên xoay bánh xe pháp vô thượng, thực hành pháp thí vô ngại, gióng trống pháp, thổi loa pháp, dựng cờ pháp, rưới mưa pháp, thương xót khuyến hóa tất cả chúng sinh đều khiến cho tin nhận, đều được nhờ pháp thí, đều đạt được đầy đủ, an vui không cùng tận.

Tán rằng: Vui theo phước của Như lai. Trong vui theo phước của Như lai:

1. Vui theo tự lợi, tức là chứng Bồ-đề.

2. Vui theo lợi tha, tức là "Vì cứu độ v.v..." trở xuống.

Trong lợi tha này đầu tiên là nói pháp, tiếp theo là chưa tin làm cho tin, đã tin khiến cho chứng nhập tức là đều được pháp thí, đã chứng nhập khiến cho thành thục tức là đều được đầy đủ, đã thành thục giải thoát tức là an vui không cùng tận. Cần phải có tâm vui theo với các Đức Phật quá khứ và vị lai, ở sau này nói chung trong ba thừa cho nên ở đây không nói.

Văn kinh: Lại nữa, tất cả công đức chứa nhóm gốc lành của Bồ-tát, Thanh văn, Độc giác, nếu có chúng sinh nào chưa đầy đủ các công đức như vậy đều khiến cho đầy đủ, con đều vui theo.

Tán rằng: Vui theo phước của ba thừa, có hai: Đầu tiên là vui theo hướng về, sau đó là vui theo quả. Ở đây là vui theo hướng về.

Văn kinh: Như vậy, tất cả công đức của các Đức Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Độc giác ở quá khứ và vị lai, con cũng đều dốc lòng vui theo khen ngợi.

Tán rằng: Dưới đây là vui theo quả. Giống như Thập Trú Tỳ-bà-

sa chép: "Tất cả phước bố thí, hạnh giữ giới tu thiền". Hành chính là tuệ, thực tập hành ba thừa là nhân hướng, đầy đủ ba thừa là quả. Tất cả phước của phàm phu hoặc vô tánh thừa, hoặc thấy đạo thừa, các thấy đạo trước đây, nhưng chỉ có vô tánh thừa là thích hợp, bởi vì có thực tập hạnh ba thừa, các kiến tạo trước đây thuộc về thực tập hạnh.

Văn kinh: Này người thiện nam! Như vậy vui theo sẽ được chứa nhóm vô lượng công đức giống như tất cả chúng sinh trong hằng hà sa tam thiên đại thiên thế giới đều dứt trừ phiền não, thành tựu quả vị A-la-hán, nếu có thiện nam, thiện nữ nào suốt đời suốt kiếp thường đem các thứ áo quần, ăn uống, đồ nằm, thuốc thang tốt nhất mà cúng dường người ấy, nhưng công đức như vậy không bằng một trong muôn phần công đức vui theo như trước đây. Vì sao? Vì công đức cúng dường có số, có lượng, không thâu nhiếp được tất cả các công đức, bởi vì công đức vui theo vô lượng, vô số có thể thâu nhiếp tất cả công đức ba đời.

Tán rằng: Trả lời câu hỏi thứ ba về bao nhiều phước. Trong văn có bốn phần:

1. Nêu ra phước vô biên.
2. So sánh hơn kém.
3. Nêu câu hỏi vì sao.
4. Vì đó giải thích thành tựu.

Văn rõ ràng có thể biết.

Văn kinh: Vì thế cho nên nếu có người nào muốn cầu gốc lành thêm lớn thù thắng cần phải tu tập công đức vui theo như vậy. Hoặc có người nữ nguyện chuyển thân nữ trở thành thân nam cũng cần phải tu tập công đức vui theo, chắc chắn trước như ý nguyện hiện thành thân nam.

Tán rằng: Thứ tư khuyến khích tu tập, văn nói rõ cũng có thể biết.

Văn kinh: Bấy giờ, trời Đế-thích bạch Phật rằng: Bạch Thế tôn! Con đã biết công đức vui theo, công đức khuyến thỉnh, nguyện xin giảng nói muốn khiến cho tất cả Bồ-tát ở vị lai sẽ xoay bánh xe pháp, tất cả Bồ-tát hiện tại chân chánh tu hành.

Tán rằng: Thứ hai hỏi về khuyến thỉnh, có năm:

1. Thiên Đế vì đó thưa hỏi.
2. Như lai vì đó trả lời.
3. Nói rõ phước nhiều ít.
4. Dẫn để chứng minh.
5. Khuyến khích tu hành.

Đây là phần đầu thưa hỏi, có hai: Trước tiên kết thúc ý trước đây, tiếp theo thưa hỏi ý sau. Trong phần thưa hỏi: Đầu tiên là tin hỏi, sau đó là ý thưa hỏi.

Văn kinh: Đức Phật bảo Thiên Đế: Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nguyện cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thì cần phải tu hành đạo lý Đại thừa của hàng Thanh văn, Độc giác. Dưới đây là Như lai vì đó trả lời, chia làm ba: Đầu tiên khiến tu hành; tiếp theo chỉ dạy nghi pháp; sau cuối chính thức cầu thỉnh giáo pháp. Trong phần khiến tu hành: Trước hết nêu ra quả sở cầu; sau đó khiến phát khởi hạnh. Tu đạo lý Nhị thừa là khiến cho phát sinh biến trí, bởi vì có pháp không biết thì trí chẳng phải vô thượng. Đồng thời vì thành tựu đạo lý Nhị thừa kia, cũng cần nói đến pháp học của trời người, tức là phương tiện tu tập của ba thừa, do đó không nói riêng.

Văn kinh: Người này trong một ngày đêm nên sáu thời, oai nghi như trước. Dưới đây là phần tiếp theo chỉ dạy nghi pháp.

Văn kinh: Một lòng chuyên niệm nói lời như vầy: Nay con quy y tất cả các Đức Phật Thế tôn khắp mười phương, đã đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, chưa xoay bánh xe pháp vô thượng, muốn xả bỏ báo thân, hội nhập Niết-bàn, con đều chí thánh đảnh lễ khuyến thỉnh chuyển đại pháp luân, rưới đại pháp vũ, thắp đại pháp đăng soi sáng nghĩa lý ban cho pháp vô ngại, đừng hội nhâp Niết-bàn, thường trụ nơi thế gian. Dưới đây là phần chính thức khuyến thỉnh giáo pháp, có hai: Đầu tiên là khuyến thỉnh giáo pháp; tiếp đó là hồi hướng giáo pháp.

Hỏi: Dưới đây là tự mình nói riêng về pháp hồi hướng, vì sao trong cầu thỉnh trước hết nói về hồi hướng?

Đáp: Dưới đây là nói về chung. Ở đây là nói riêng, dựa theo sám hối điều lành vui theo đều cần phải hồi hướng. Trong phần đầu có hai: Đầu tiên là cầu thỉnh, sau đó là ý cầu thỉnh. Trong cầu thỉnh có hai: Trước tiên là lúc quy y chí thành cầu thỉnh, tiếp theo là chính thức cầu thỉnh. Trong cầu thỉnh có hai: Trước là cầu thỉnh nói pháp, sau là cầu thỉnh thường trụ. Cả ba nghiệp cùng cầu thỉnh. Nên ban đầu thành đạo chưa xoay bánh xe pháp thì thỉnh cầu xoay bánh xe pháp, nếu muốn xả báo thân thì thỉnh cầu thường trụ.

Văn kinh: Độ thoát an vui cho tất cả chúng sinh như trước đã nói, cho đến an vui không cùng tận. Dưới đây là phần ý thưa hỏi. Đây là chỉ ví dụ như trước, nói rằng “đều khiến cho tín thọ, đều được nhờ pháp thí, đều đạt được đầy đủ, an vui không cùng tận”, do đó nói rằng “cho đến an vui không cùng tận”.

Văn kinh: Nay con đem công đức khuyến thỉnh này hồi hướng về A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, như công đức khuyến thỉnh của các vị Đại Bồ-tát trong quá khứ vị lai hiện tại đều hồi hướng về Bồ-đề, công đức khuyến thỉnh của con cũng hồi hướng như vậy về vô thượng chánh đẳng Bồ-đề. Dưới đây là phần hồi hướng.

Văn kinh: Này người thiện nam! Nếu có người đem bảy báu đầy trong tam thiên đại thiên thế giới cúng dường Như lai, nếu lại có người khuyến thỉnh Như lai chuyển đại pháp luân thì công đức đạt được và phước của người đó hơn hẳn người kia. Vì sao? Vì kia là tài thí còn đây là pháp thí. Dưới đây nói về phước nhiều ít. So sánh hiển bày điều đó có hai: Đầu tiên đưa ra ít để so sánh, sau đó nêu lên nhiều để hiểu rõ sự hơn hẳn. Trong phần đầu có bốn:

1. Nêu ra phước bố thí.
2. Chính thức so sánh.
3. Nêu câu hỏi vì sao.
4. Tạm thời giải thích sơ lược.

Văn từng đoạn có thể biết. Như luận Bát-nhã Kinh có phân tích vì sao.

Văn kinh: Này người thiện nam! Lại đem bảy báu trong tam thiên đại thiên thế giới bố thí, nếu có người dùng bảy báu đầy khắp hằng hà sa số thế giới đại thiên cúng dường tất cả các Đức Phật thì công đức khuyến thỉnh cũng hơn hẳn người kia, bởi vì pháp thí đó có năm lợi ích thù thắng. Những gì là năm? Đó là:

1. Pháp thí, bao gồm lợi ích tự và tha, tài thí không được như vậy.
2. Pháp thí có công năng giúp cho chúng sinh thoát khỏi ba cõi, phước của tài thí không thoát khỏi cõi Dục.
3. Pháp thí thường làm thanh tịnh pháp thân, tài thí chỉ làm sắc thân thêm lớn.
4. Pháp thí không cùng tận, tài thí có giới hạn.
5. Pháp thí có công năng dứt trừ vô minh, tài thí chỉ hàng phục tham ái.

Vì thế cho nên này người thiện nam! Công đức khuyến thỉnh là vô lượng, vô biên khó có thể thí dụ. Dưới đây là so sánh rộng, có ba: Đầu tiên là nêu ra bố thí, tiếp đó so sánh, sau cùng giải thích lý do. Trong phần giải thích lý do có bốn:

1. Nêu ra.
2. Gạn hỏi.

3. Giải thích.

4. Kết luận.

Văn thể hiện có thể biết. Giải thích về pháp thí thù thắng, tài thí là kém cỏi. Phần lớn giống như luận Du-già quyển bảy mươi, luận ấy chép: Do năm nhân duyên nên pháp thù thắng hơn so với tài thí.

1. Tài thí ở trong thân người khác phát khởi hạnh ác, pháp thí chắc chắn khởi các hạnh lành, đây là thứ nhất.

2. Tài thí ở trong thân người khác phát khởi phiền não, pháp thí có công năng đối trị phiền não, đây là thứ hai.

3. Tài thí ở trong thân người khác không ngừng dẫn dắt phát khởi sự an vui tội lỗi, pháp thí có công năng khiến không ngừng phát sinh sự an vui vô tội, đây là thứ ba.

4. Tài thí nếu có Phật hiện tại hay không hiện tại cũng dễ dàng có thể đạt được, pháp thí nếu không có các Đức Phật hiện tại thì khó có thể đạt được, kinh này không có.

5. Tài thí ban bố nên có lúc hết sạch, pháp thí ban bố mà không hề hết, đây là thứ tư. Thứ năm của kinh này, luận kia không có.

Văn kinh: Như ta ngày xưa lúc thực hành đạo Bồ-tát, khuyến thỉnh các Đức Phật chuyển đại pháp luân, do gốc lành ấy cho nên hôm nay tất cả các hàng Đế-thích, Phạm vương khuyến thỉnh ta chuyển đại pháp luân. Thiện nam! thỉnh cầu chuyển đại pháp luân vì muốn độ thoát an vui cho các loài chúng sinh, vì thế ta xưa kia vì hạnh Bồ-đề khuyến thỉnh Như lai thường trụ thế gian, đừng nhập Niết-bàn. Nhờ gốc lành này ta đạt được mười Lực, bốn pháp Vô úy, bốn Vô ngại biện, đại Từ, đại bi chứng được vô số các pháp bất cộng. Ta sẽ hội nhập Niết-bàn vô dư, chánh pháp của ta thường trụ thế gian. Dưới đây là dẫn chứng, có ba:

1. Đầu tiên đặc biệt nói về quả thưa thỉnh nói pháp, cầu thỉnh an trú.

2. "Pháp thân ta đó v.v..." về sau là kết hợp nói về hai quả cầu thỉnh.

3. "Những điều này đều do v.v..." về sau là kết luận.

Trong phần đầu đặc biệt nói về quả: Trước hết cầu thỉnh nói pháp, "Quả của ta ngày xưa" trở xuống là sau đó nói về quả cầu thỉnh an trụ. Trong quả cầu thỉnh an trụ có bốn: Đầu tiên là trí đức; tiếp đó là ân đức, tiếp nữa là bất cộng đức, công đức mà Phật thành tựu hàng Nhị thừa chẳng thể có được, Bồ-tát không hoàn toàn, đều nói là bất cộng, sau cùng là pháp bất diệt. Văn hiển bày có thể biết.

Văn kinh: Pháp thân ta đó thanh tịnh không gì sánh bằng, các thứ diệu tướng, vô lượng trí tuệ, vô lượng tự tại, vô lượng công đức khó có thể nghĩ bàn, tất cả chúng sinh đều được lợi ích, trăm ngàn muôn kiếp nói không thể hết. Pháp thân thâu nhiếp chứa nhóm tất cả các pháp, tất cả các pháp không thể thâu nhiếp pháp thân. Pháp thân thường trụ không rơi vào thường kiến, tuy là đoạn diệt nhưng chẳng phải đoạn kiến, thường phá tan các thứ dị kiến của chúng sinh, thường sinh ra các thứ chân kiến cho chúng sinh, thường hiểu rõ tất cả sự trói buộc của chúng sinh, không trói buộc nào có thể cởi bỏ, thường gieo trồng các gốc lành cho chúng sinh, người chưa thành thục giúp cho thành thục, người đã thành thục giúp cho giải thoát, vô tác vô động xa lìa rắc rối ồn náo, vắng lặng vô vi tự tại an vui, trải qua ba đời thường hiện rõ ba đời, ra khỏi cảnh giới Thanh văn, Độc Giác, ra khỏi mọi sự tu hành của các Đại Bồ-tát, thể của tất cả Như lai không có khác nhau]. Dưới đây là nói về hai thứ nhân quả, chia làm hai: Đầu tiên nói về Phật tự thành tựu đức, "Có công năng phá tan v.v... chúng sinh" trở xuống là nói về giúp cho người khác thành tựu đức. Trong tự thành tựu đức có hai:

1. Nói chung về ba thân, nói riêng về ba thân. Một câu đầu là chung, đó là pháp thân ta đó thanh tịnh không gì sánh bằng, các pháp công đức nương vào chứa nhóm nơi thể, nghĩa hợp lại gọi là Pháp thân. Lìa bỏ hai chướng nên gọi là thanh tịnh. Sau đó là nói riêng về ba thân. "Các thứ diệu tướng v.v..." là báo thân trí đức siêu vượt cảnh giới chấp trước. "Tất cả v.v... chúng sinh" trở xuống là Ứng thân ân đức, siêu vượt cảnh giới nói năng. "Pháp thân thâu nhiếp v.v..." trở xuống là Pháp thân đoạn đức. Vì lý thể chân như thường có mặt khắp nơi cho nên thâu nhiếp các pháp. Các pháp còn lại khác với chỗ, này do đó không thâu nhiếp, như tuy thường chẳng phải thường kiến, tuy đoạn chẳng phải đoạn kiến, vì đó là cảnh chân thật. Năng duyên chẳng phải biên, hoặc diệt tánh gọi là diệt, chứng diệt tánh này thì thường chẳng phải thường kiến, có thể làm nhiễm, đoạn chẳng phải là đoạn kiến. Các biên kiến đó chẳng phải thường thấy là thường, chẳng phải đoạn thấy là đoạn, vì thế gọi là biên, do đó không phù hợp với Trung đạo vô lậu trí. "Thường phá v.v... chúng sinh" trở xuống là khiến cho người khác thành tựu đức:

1. Đức khiến cho người khác bỏ tà về chánh.

2. Đức khiến cho người khác lìa trói buộc dứt trừ chướng.

3. "Thường gieo trồng v.v..." trở xuống là đức khiến cho người khác thành tựu ứng thân.

4. Đức khiến cho người khác chứng đầy đủ pháp thân.

"Khiến cho giải thoát v.v..." về sau là vì giải thoát là hậu biên. Ngay trong pháp thân đức chia làm năm:

1. Đầy đủ bốn đức.
2. Siêu vượt ba đời.
3. Vượt xa Nhị thừa.
4. Cảnh giới Bồ-tát.
5. Phật đồng chứng.

Không phải hoặc nghiệp tạo tác gọi là vô tác, chẳng phải nay mới sinh gọi là vô động. Đây là đức Thường, phiền não đều hết sạch gọi là lìa xa ồn náo; vắng lặng vô vi hiển bày tự thể của Pháp thân là đức Tịnh; đầy đủ đức đại ngã gọi là tự tại, chẳng ép ngặt não loạn cho nên nói an vui, là đức đại lạc, tức là khiến cho người khác tu tập đại bi, đại tín, đại trí, đại định lần lượt như vậy có thể chứng đắc. Những câu còn lại có thể biết.

Văn kinh: Những điều như vậy đều do công đức khuyến thỉnh và khả năng của gốc lành. Dưới đây là kết luận.

Văn kinh: Pháp thân như vậy nay ta đã đạt được, vì thế cho nên nếu có người nào muốn đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đối với một câu văn, một bài tụng trong các kinh điển mà giải thích cho người khác nghe thì công đức gốc lành hãy còn không có hạn lượng, huống gì khuyến thỉnh Như lai chuyển đại pháp luân thường trụ thế gian, đừng nhập Niết-bàn. Dưới đây là phần thứ năm khuyến khích tu hành, có hai: Đầu tiên nêu ra Ngã Sở đắc trước đó, "Vì thế cho nên v.v..." trở xuống là tiếp theo chính thức khuyến khích tu hành. Trong khuyến khích tu hành có ba: Trước hết nêu lên người muốn thực hành; tiếp theo nêu ra ít phước; "Huống gì v.v..." về sau là huống gì phước thù thắng, mà không thực hành ư? Văn từng đoạn có thể biết.

Văn kinh: Lúc đó, trời Đế-thích bạch Phật rằng: Bạch Thế tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ vì cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, mà tu đạo ba thừa, gốc lành vốn có vì sao hồi hướng về trí Nhất thiết trí. Dưới đây là thứ ba nói về hồi hướng. Văn chia làm hai: Đầu tiên là Thiên Đế thỉnh cầu, sau đó Như lai trả lời.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Đức Phật bảo Thiên Đế: Này người thiện nam! Nếu có chúng sinh muốn cầu Bồ-đề, tu đạo ba thừa, gốc lành vốn có nguyện hồi hướng thì nên suốt trong ngày đêm sáu thời thiết tha dốc lòng nói lời như vầy: Con từ vô thỉ sinh tử đến nay đối với Tam bảo tu hành thành tựu tất cả gốc lành cho đến ban cho bàng sinh một nắm thức ăn, hoặc

dùng lời nói tốt lành hòa giải tranh tụng, hoặc thọ ba quy y và các học xứ, hoặc lại sám hối, khuyến thỉnh, vui theo tất cả gốc lành nay con khởi lên ý nghĩa thảy đều thâu lấy hồi hướng ban cho tất cả chúng sinh, tâm không hề hối hận tiếc nuối, là phần giải thoát thuộc về gốc lành.

Tán rằng: Như lai trả lời, trong đó có ba:

1. Nêu ra người tu hành.

2. Nên trong ngày đêm v.v... về sau là nghi quỹ.

3. Nói lời như vầy v.v... trở xuống là chính thức chỉ dạy hồi hướng.

Trong đó lại có ba: Đầu tiên khiến vận tâm giữ gìn tu các điều lành; tiếp theo "con nay khởi lên ý nghĩ v.v..." trở xuống là khiến người đó hồi hướng, trong đó lại có hai: Trước hết hồi hướng ban cho chúng sinh, tiếp đó hồi hướng Bồ-đề.

Văn kinh: Như sự thấy biết của Phật Thế tôn không thể đo lường, vô ngại thanh tịnh như thế, tất cả công đức gốc lành đều đem hồi hướng ban cho tất cả chúng sinh, tâm không trụ tướng, tâm không xả tướng. Con cũng như vậy, công đức gốc lành vốn có đều đem hồi hướng ban cho tất cả chúng sinh. Dưới đây là phần sau trong chánh giáo hồi hướng. Thứ ba chỉ dạy thực hiện tâm tưởng thành tựu hồi hướng ở trước, trong đó lại có hai: Đầu tiên như Phật tu hành, tiếp theo "Lại như v.v... quá khứ" về sau là như Bồ-tát tu hành. Trong như Phật tu hành có ba: Trước hết là hồi hướng bố thí; tiếp theo là "nguyện đều đạt được v.v... về sau là phát nguyện; sau cùng "cùng các chúng sinh v.v..." về sau là hồi hướng. Trong hồi hướng bố thí: Đầu tiên nêu lên các hạnh của Phật, tiếp theo "con cũng như vậy v.v..." về sau là giống như Phật khởi ý niệm tâm không trụ tướng. Như trong luận Bát-nhã Kinh của ngài Thiên Thân có chép: "Tự thân và báo ân, quả báo không đắm trước. Đề phòng cầu ở việc khác, bảo vệ giữ gìn không bố thí. Nếu đắm trước tự thân và tài vật, giữ gìn tiếc nuối tài vật để nuôi mạng sống, do đó không thể thực hành bố thí. Nếu cầu quả báo và báo ân thì bỏ Bồ-đề, riêng cầu nơi việc khác, vì thế cho nên không trụ tướng. Tâm không xả tướng là không trụ vào chấp không mà không tu đoạn, đều không chỗ trụ, nên tu tâm đó.

Văn kinh: Nguyện đều đạt được bàn tay như ý, chỉ vào không trung sinh ra tài bảo dãy đầy cho chúng sinh, nguyện đầy đủ an vui vô tận, trí tuệ vô cùng, diệu pháp biện tài thảy đều không dính mắc.

Tán rằng: Tiếp theo là phát nguyện. Trong phát nguyện: Đầu tiên là nguyện thành tựu phước, sau từ "Trí tuệ vô cùng v.v..." trở xuống là

nguyện đạt được trí tuệ.

Văn kinh: Cùng với các chúng sinh đồng chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đạt được Nhất thiết trí. Nhờ gốc lành này lại tiếp tục phát sinh vô lượng pháp lành cũng đều hồi hướng Vô thượng Bồ-đề. Dưới đây là phần thứ ba hồi hướng, trong "Như Phật tu hành" có hai: Đầu tiên là hồi hướng điều lành đã tu ở quá khứ về nơi Bồ-đề, tiếp theo "Nhờ gốc lành này v.v..." về sau là hồi hướng đời hiện tại và vị lai hướng về nơi Bồ-đề.

Văn kinh: Lại như lúc các vị Đại Bồ-tát tu hành ở thời quá khứ, công đức gốc lành đều hồi hướng về Nhất-thiết-chủng-trí, hiện tại vị lai cũng tiếp tục như vậy, nên tất cả công đức gốc lành của con cũng đều hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Tán rằng: Chỉ dạy thực hành tâm tưởng. Thứ hai như Bồ-tát tu tập trong phần thành tựu hồi hướng trước đó, cũng chia làm ba: Đầu tiên nêu ra sự tu tập của Bồ-tát ba đời; tiếp theo "Nên tất cả v.v... của con" về sau là đồng tu, trong phần đồng tu có hai, đây là đồng hồi hướng thứ nhất.

Văn kinh: Các gốc lành này nguyện cùng với tất cả chúng sinh đều thành tựu chánh giác, như các Đức Phật khác ngồi dưới cội Bồ-đề nơi đạo tràng, vô ngại thanh tịnh không thể suy nghĩ bàn luận trụ trong pháp tạng Đà-la-ni vô tận, định Thủ-lăng-nghiêm, phá tan ma Ba-tuần cùng vô lượng ma quân, nên thấy biết rõ ràng, nên thông đạt. Tất cả như thế trong một sát-na thảy đều soi tỏ, trong đêm cuối cùng đạt được pháp vị cam lộ, chứng được nghĩa lý cam lộ.

Tán rằng: Tiếp sau là đồng phát nguyện. Trong đó lại có bốn:

1. Tất cả nguyện thành tựu chánh giác.

2. "Như các Đức Phật khác v.v..." về sau là đặc biệt nguyện thành tựu công đức.

3. "Con và chúng sinh v.v..." về sau là nguyện chứng đắc như Phật.

4. "Giống như Vô lượng thọ v.v..." về sau là nêu lên đồng với các Đức Phật.

Trong nguyện thành tựu: Đầu tiên là nêu riêng, sau đó nguyện chứng đắc. Trong nguyện riêng thành tựu lược nêu ra tám đức:

1. Hiện thân ngồi dưới cội Bồ-đề nơi đạo tràng, ở đây nói chung cả Ứng, Hóa.

2. Vô ngại thanh tịnh không thể suy nghĩ bàn luận, đây là câu có cả trên dưới, ngồi nơi đạo tràng và dưới gốc Bồ-đề đều vô ngại thanh

tịnh không thể suy nghĩ bàn luận, an trú nơi các tổng trì cũng không thể suy nghĩ bàn luận, lìa chướng cho nên vô ngại, trừ tập cho nên thanh tịnh.

3. Trụ trong pháp tạng Đà-la-ni vô tận.

- Đó là tất cả công đức tạng Đà-la-ni, tức là là bốn tổng trì:

1. Pháp.

2. Nghĩa.

3. Đắc được Vô sinh nhẫn của Bồ-tát.

4. Minh chú.

Định Thủ-lăng-nghiêm là tiếng Phạm, Hán dịch là Kiện hành định, trong Đại Bát-nhã quyển bốn trăm mười bốn y cứ theo tự tánh nói:" Thường thâu nhiếp tất cả các cảnh giới tổng trì, thường phân biệt rõ vô biên hạnh, là định dẫn đầu trong tất cả các tổng trì", luận Thành Duy Thức dựa theo người năng hành chép: "Là công hạnh vững chắc nhất của hữu tình nên gọi là kiện hành định".

5. Phá tan bốn ma mười quân, quân trong kinh Tạp Tạng chép: "Dục, lo buồn, đói khác, ái, ngủ nghỉ, sợ hãi, nghi ngờ và danh lợi, tự cao khinh miệt mọi người, quân như vậy các người tất cả không thể phá, định lực trí của ta, đập tan bình chảy nước".

6. Hiểu rõ các pháp, nên thấy nghĩa là thấy sắc pháp, nên biết nghĩa là biết chẳng phải sắc pháp, nên giác thông suốt cho cả hai thấy biết, trên là trụ đế; cho nên có thể thông đạt, thông đạt Chân-đế, trong một sát-na thảy đều soi tỏ ấy là chân, tục song hành, lại giải thích: Có đủ năm nhãn vì thế nên thấy, đầy đủ bổn trí vì thế nên giác, đầy đủ hậu trí cho nên biết, đầy đủ sáu thông cho nên thông đạt.

7. Đạt được pháp vị cam lộ Bồ-đề.

8. Chứng được nghĩa lý cam lộ Niết-bàn.

Văn kinh: Con và chúng sinh nguyện đều cùng nhau chứng được diệu giác ấy. Dưới đây là nguyện chứng đạt như Phật.

Văn kinh: Giống như Đức Phật Vô Lượng Thọ, Phật Thắng Quang, Phật Diệu Quang, Phật A-súc, Phật Công Đức Thiện Quang, Phật Sư Tử Quang Minh, Phật Nhật Quang Minh, Phật Võng Quang Minh, Phật Bảo Tướng, Phật Bảo Diệm, Phật Diệm Minh, Phật Diệm Thạnh Quang Minh, Phật Cát Tường Thượng Vương, Phật Vi Diệu Thanh, Phật Diệu Trang Nghiêm, Phật Pháp Tràng, Phật Thượng Thắng Thân, Phật Khả Ái Sắc Thân, Phật Quang Minh Biến Chiếu, Phật Phạm Tịnh Vương, Phật Thượng Tánh. Dưới đây là nêu ra đồng với các Đức Phật. Trong đó lại có hai: Đầu tiên dẫn ra bốn phương, sau đó nêu ra chung.

Đây là mở đầu.

Phương Tây nêu ra ba Đức Phật, phương Đông nêu ra năm Đức Phật, phương Nam cũng nêu ra năm Đức Phật, phương Bắc phương nêu ra tám Đức Phật.

Văn kinh: Các Đức Như lai Ứng Chánh Biến Tri trong quá khứ vị lai và hiện tại như vậy thị hiện Ứng, Hóa, đạt đến A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề chuyển vô thượng pháp luân để cứu độ chúng sinh. Ta cũng như vậy, nói rộng như trên. Dưới đây là kết thúc ví dụ.

Văn kinh: Này người thiện nam! Nếu có những người nam nữ tịnh tín đối với phẩm Diệt Nghiệp Chướng của kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương này, thọ trì đọc tụng nhớ nghĩ không quên, giảng nói rộng rãi cho người khác nghe thì đạt được vô lượng, vô biên đại công đức. Dưới đây là đoạn lớn thứ ba trong phẩm Như lai, trả lời có sáu, đây tức là thứ hai khen ngợi thù thắng khuyến khích thực hành, đầu tiên nêu trì kinh phước nhiều để so sánh, ý giúp cho tu hành, đoạn văn chia làm bốn:

1. Nói về trì kinh phước nhiều.
2. “Giống như tam thiên v.v...” trở xuống là nêu ví dụ so sánh hiểu rõ thù thắng.
3. “Vì thế cho nên thiện nam v.v...” trở xuống là thanh tịnh nhiều phước thù thắng.
4. “Cho nên phải biết v.v...” trở xuống là tổng kết khiến cho biết.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Giống như tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới cùng lúc đều được thành tựu thân người, được thân người rồi thành tựu quả Độc Giác, nếu có người nam, người nữ dốc hết sức mình cung kính tôn trọng cúng dường bốn việc đối với tất cả các vị Độc Giác, đều giúp cho bảy báu như núi Tu-di, sau khi các vị Độc Giác này nhập Niết-bàn đều dùng châu báu xây tháp cúng dường, tháp đó cao rộng hai mươi du-thiện-na, dùng các thứ hương hoa, phướn lọng quý báu thường cúng dường. Này người thiện nam! Ý ông thế nào? Công đức gặt hái được của người đó có nhiều không? Trời Đế-thích bạch Phật: Rất nhiều! Thưa Thế tôn. Này người thiện nam! Nếu lại có người đối với phẩm Diệt Nghiệp Chướng của kinh Kim Quang Minh là kinh điển vi diệu nhất trong các kinh điển này mà thọ trì đọc tụng nhớ nghĩ không quên, giảng nói rộng rãi cho người khác nghe thì công đức gặt hái được so với công đức cúng dường đã nói ở trước trăm phần không bằng một trăm

ngàn muôn ức phần, cho đến so sánh thí dụ không thể nào sánh bằng. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ đó an trú trong chánh hạnh, khuyến thỉnh tất cả các Đức Phật khắp mười phương xoay bánh xe pháp vô thượng đều vì các Đức Phật vui mừng khen ngợi. Dưới đây là thứ hai nêu ra thí dụ để so sánh, có năm:

1. Nêu ra ruộng phước.
2. "Nếu có thiện nam v.v..." trở xuống là tu pháp cúng dường.
3. "Thiện nam v.v..." về sau là hỏi nhiều ít.
4. "Trời Đế-thích v.v..." về sau là trả lời được phước rất nhiều.
5. " Thiện nam v.v..." trở xuống là so sánh thể hiện sự thù thắng.

- Trong phần thể hiện sự thù thắng có ba:

1. Nói về phước thù thắng.
2. Mượn để nêu hỏi.
3. Vì đó giải thích.

Trong phần giải thích có hai:

1. Tu tập chánh hạnh, Đức Phật khen ngợi lý do thù thắng.
2. "Thiện nam v.v..." về sau là vì pháp thí hơn hẳn tài thí cho nên thù thắng.

Văn kinh: Vì thế cho nên Thiện nam! Đối với Tam bảo bày biện các thứ cúng dường không thể vì đó sánh với việc khuyến khích thọ tam quy y, giữ tất cả các giới không hề hủy phạm, ba nghiệp bất không, không thể sánh với tùy lực, tùy năng, tùy sở nguyện ưa thích của tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới, đối với ba thừa, khuyến khích phát tâm Bồ-đề, không thể sánh với tất cả chúng sinh khắp tất cả thế giới ở trong ba đời đều được vô ngại, mau chóng khiến cho thành tựu vô lượng công đức, không thể sánh với tất cả chúng sinh khắp mọi thế giới trong ba đời khiến cho không còn chướng ngại đạt được Tam-bồ-đề, không thể sánh với tất cả chúng sinh khắp mọi thế giới ở trong ba đời khuyến khích khiến cho mau chóng ra khỏi bốn đau khổ của đường ác, không thể sánh với tất cả chúng sinh khắp mọi thế giới ở trong ba đời khuyến khích khiến cho dứt trừ nghiệp ác rất nặng, không thể sánh với tất cả khổ não khuyến khích khiến cho giải thoát, không thể sánh với tất cả sợ hãi khổ đau bức thiết đều khiến cho được dứt bỏ, không thể sánh với tất cả công đức của tất cả chúng sinh trong ba đời ở trước các Đức Phật khuyến khích khiến cho vui theo phát nguyện Bồ-đề, không thể so sánh với khuyến khích dứt trừ hạnh ác và nghiệp mắng chưởi lăng nhục, tất cả công đức đều nguyện thành tựu, trong đời hiện tại khuyến thỉnh cúng dường tôn trọng, khen ngợi tất cả Tam bảo, khuyến khích

thỉnh cầu chúng sinh thanh tịnh tu tạo phước hạnh, thành tựu tròn đầy Bồ-đề, đều không thể sánh bằng. Vì thế cho nên phải biết khuyến thỉnh ba đời Tam bảo trong tất cả thế giới, khuyến thỉnh đầy đủ sáu Ba-la-mật, khuyến thỉnh xoay bánh xe pháp vô thượng, khuyến thỉnh trụ thế trải qua vô lượng kiếp, giảng nói vô lượng diệu pháp sâu xa, công đức sâu dày không gì sánh bằng. Dưới đây là nói rộng về thành tựu phước đức thù thắng, có mười một thứ không thể sánh bằng. Từ "Vì thế cho nên v.v..." trở xuống là phần tổng kết đều có thể biết. Nói không thể sánh bằng là vì kinh này có thể khiến cho thực hành các hạnh thù thắng như vậy cho nên không thể sánh bằng, chẳng phải các hạnh này không thể sánh bằng, cũng có thể khiến cho đạt được Bồ-đề vô thượng, lẽ nào không thể sánh bằng.

Văn kinh: Lúc bấy giờ, trời Đế-thích và hằng sa nữ thần, vô lượng Phạm vương cùng tất cả bốn đại thiên chúng đứng dậy khỏi chỗ ngồi, vén y bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay đảnh lễ bạch Phật: Bạch Thế tôn! Chúng con đều được nghe kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương này, nay đều thọ trì đọc tụng thông thuộc, truyền bá rộng rãi cho người khác nghe, nương vào pháp này mà an trú. Vì sao? Bạch Thế tôn! Chúng con muốn cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thuận theo nghĩa lý và các thứ thắng tướng, đúng pháp thực hành kinh này. Lúc đó, Phạm vương và trời Đế-thích cùng tất cả đại chúng ở nơi nói pháp đều rải các loại hoa Mạn-đà-la lên Đức Phật. Dưới đây là đoạn lớn thứ ba nương theo sự khuyến khích tu hành, có năm:

1. Nguyện tu hành.

2. "Lúc đó, Phạm vương v.v..." trở xuống là chư thiên cúng dường.

3. "Tam thiên đại thiên v.v..." trở xuống là hiện bày các điềm lành cảm ứng.

4. "Lúc ấy, trời Đế-thích v.v..." về sau là chư thiên giải ngộ.

5. "Đức Phật dạy như thế v.v..." về sau là Đức Phật ấn khả cho.

Trong phần đầu:

1. Nêu ra người thực hành pháp.

2. "Đứng dậy khỏi chỗ ngồi v.v..." trở xuống là thực hành nghi tắc thỉnh cầu.

3. "Bạch Đức Phật v.v..." trở xuống là chính thức phát nguyện tu hành.

Trong phần nguyện tu hành có ba: Đầu tiên là nguyện tu, tiếp theo là nêu câu hỏi, sau đó giải thích. Chư Thiên cúng dường xem văn

tự có thể biết.

Văn kinh: Mặt đất tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động dữ dội, tất cả trống trời và các loại âm nhạc không đánh mà tự vang lên, phát ra ánh sáng màu vàng chói, khắp nơi thế giới phát ra âm thanh kỳ diệu. Dưới đây là nói về hiện bày các điềm lành cảm ứng. Dựa vào văn giải thích ý, nghĩa đó có thể biết.

Văn kinh: Lúc ấy, trời Đế-thích bạch Đức Phật: Bạch Thế tôn! Các hiện tượng này đều là năng lực oai thần của kinh Kim Quang Minh từ bi cứu giúp tất cả, các thứ lợi ích, các thứ thêm lớn, gốc lành của Bồ-tát diệt trừ các thứ nghiệp chướng. Đức Phật dạy: Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như những điều ông đã nói. Dưới đây là các vị trời giải ngộ, Đức Phật ấn chứng có thể biết.

Văn kinh: Vì sao? Này người thiện nam! Ta nhớ thuở xưa trải qua vô lượng trăm ngàn A-tăng-kỳ kiếp có Đức Phật hiệu là Bảo Vương Đại Quang Chiếu Như lai Ứng Chánh Biến Tri ở thế gian, trụ ở thế gian sáu trăm tám mươi ức kiếp. Bấy giờ, Đức Bảo Vương Đại Quang Chiếu Như lai vì muốn độ thoát trời, người. Thích Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng tất cả chúng sinh, khiến được an vui cho nên xuất hiện, lúc nói pháp hội đầu tiên độ trăm ngàn ức ức muôn chúng sinh đều đạt được quả vị A-la-hán, các lậu đã dứt sạch, ba minh sáu thông tự tại vô ngại; ở hội thứ hai tiếp tục độ chín mươi ngàn ức ức muôn chúng sinh đều đạt được quả vị A-la-hán, các lậu không còn, ba minh sáu thông tự tại vô ngại, ở hội thứ ba tiếp tục độ chín mươi tám ngàn ức ức muôn chúng sinh đều đạt được quả vị A-la-hán, đầy đủ như trên.

Tán rằng: Dưới đây là đoạn lớn thứ tư, dẫn ra để làm chứng cứ, nói rõ nghe kinh này được nhiều phước đức. Đầu tiên nêu câu hỏi, tiếp theo là dẫn chứng. Trong phần dẫn chứng có sáu:

1. Nói về Đức Phật mình đã gặp.
2. Kể rõ lợi ích đạt được của mình.
3. Đức Phật đó hiện bày chứng minh.
4. Dức Phật nêu rõ nơi chốn.
5. Nói về nghe danh hiệu được lợi ích.
6. Kết thúc thành tựu phước thù thắng.

- Trong phần nói về Đức Phật mình đã gặp có bốn:

1. Thời gian.
2. "Có Đức Phật danh hiệu v.v..." về sau là danh hiệu.
3. "Trụ ở thế gian sáu trăm tám mươi ức kiếp là trụ.
4. "Bấy giờ, Đức Bảo Vương v.v..." về sau là nói pháp lợi ích tức

là lợi ích trong ba hội nói pháp.

Xem văn tự mình có thể biết.

Văn kinh: Này người thiện nam! Lúc bấy giờ, ta làm thân người nữ tên là Phước Bảo Quang Minh, ở hội thứ ba gần gũi Đức Thế tôn, thọ trì đọc tụng kinh Kim Quang Minh này, giảng nói rộng rãi cho người khác nghe cầu đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cho nên lúc ấy Đức Thế tôn thọ ký cho ta rằng: Tín nữ Phước Bảo Quang Minh này ở đời vị lai sẽ được thành Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như lai, Ứng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế tôn, sau khi xả bỏ thân nữ từ đó đến nay vượt qua bốn đường ác, sinh lên cõi trời, người thọ hưởng vui sướng tuyệt với bậc nhất, tám mươi bốn trăm ngàn đời làm Chuyển luân vương, cho đến ngày nay được thành tựu Chánh giác, danh hiệu vang lừng khắp các thế giới. Dưới đây là kể rõ lợi ích đạt được của mình, có năm:

1. Nói về tên gọi của chính mình.

2. “Nói hội thứ ba v.v...” trở xuống là nghe kinh tu học.

3. “Lúc ấy, Đức Thế tôn v.v...” trở xuống là được Phật thọ ký.

4. “Sau khi xả bỏ thân nữ v.v...” trở xuống là được phước báo thù thắng.

5. “Cho đến ngày nay v.v...” trở xuống là được thành tựu Bồ-đề.

Văn kinh: Lúc ấy, đại chúng trong pháp hội bỗng nhiên đều thấy Đức Bảo Vương Đại Quang Chiếu Như lai xoay bánh xe pháp vô thượng nói pháp. Dưới đây là Đức Phật kia hiện bày chứng minh.

Văn kinh: Này người thiện nam! Cách thế giới Sách-ha về phía Đông trải qua trăm ngàn hằng hà sa số cõi Phật có thế giới tên là Bảo Trang Nghiêm, ở đó Đức Bảo Vương Đại Quang Chiếu Như lai hiện nay đang trụ thế, chưa nhập Niết-bàn, nói pháp vi diệu cứu độ tất cả chúng sinh. Hiện bày cho các người thấy đó chính là Đức Phật Bảo Vương Đại Quang Chiếu Như lai. Dưới đây là Đức Phật nêu rõ nơi chốn.

Hỏi: Xưa làm thân người nữ tức hãy còn ở Địa tiền, làm sao trải qua ba tăng-kỳ mà Đức Phật đó chưa nhập diệt?

Đáp: Ứng, Hóa hiện tướng ẩn hiện tùy căn cơ, Pháp, Báo thân thường trụ, cho nên nói là hiện tại.

Văn kinh: Này người thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe danh hiệu Đức Bảo Vương Đại Quang Chiếu Như lai này thì người đó đối với Bồ-tát địa được không lui sụt, đến đại Niết-bàn. Nếu có người nữ nào nghe danh hiệu Đức Phật này thì lúc sắp qua đời người đó

được thấy Đức Phật kia đến chỗ mình, đã được thấy Phật rồi thì không bao giờ còn làm thân nữ. Này người thiện nam! Kinh điển vi diệu Kim Quang Minh này có nhiều lợi ích, các thứ thêm lớn, gốc lành của Bồ-tát diệt trừ các thứ nghiệp chướng. Dưới đây là phần thứ năm nghe danh hiệu được lợi ích, có hai:

1. Đạt đến nơi Niết-bàn.

2. Không còn chịu báo quả làm thân nữ.

Phần kế "Thiện nam v.v..." về sau là kết thúc thành tựu có thể biết rõ.

Văn kinh: Này người thiện nam! Nếu có Bí-sô, Bí-sô-ni, ô-ba-sách-ca, ô-ba-tư-ca ở bất cứ nơi nào vì người khác giảng nói kinh điển vi diệu Kim Quang Minh này thì ở cõi nước đó đều được bốn thứ phước lợi gốc lành. Những gì là bốn?

1. Quốc chủ không bệnh tật, lìa các tai ách.

2. Tuổi thọ dài lâu, không có điều gì chướng ngại.

3. Không có các kẻ thù đối địch, binh lính hùng mạnh.

4. Yên ổn thịnh vượng, chánh pháp truyền bá rộng rãi.

Vì sao? Vì vua cõi người này, thường được các vị Đế-thích, Phạm, Tứ vương, Dược-xoa cùng bảo vệ. Dưới đây là đoạn lớn thứ năm nói về thực hành kinh điển đạt được lợi ích. Có bốn:

1. Lợi ích của quốc chủ.

2. Lợi ích của bề tôi.

3. Lợi ích của Sa-môn.

4. Lợi ích của nhân dân.

- Trong lợi ích của quốc chủ có ba:

1. Nói về quốc chủ được lợi ích.

2. Hỏi rằng Đế-thích, Phạm vương có bảo vệ hay không.

3. Đức Thế tôn tiếp tục khuyến khích.

- Trong phần một có hai: Đầu tiên là nêu ra, sau đó giải thích. Trong phần nêu ra có năm:

1. Người thực hành pháp.

2. Gạn hỏi.

3. Giải thích.

4. Lại nêu hỏi.

5. "Vị vua cõi người như thế v.v..." trở xuống là nói về sự bảo vệ.

Văn kinh: Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn bảo các vị trời rằng: Này người thiện nam! Việc này có thật không?. Dưới đây là phần hai hỏi về

Đế-thích, Phạm vương có bảo vệ hay không, có ba:

1. Đức Phật hỏi khiến cho bảo vệ.

2. Các vị trời trả lời là bảo vệ.

3. Đức Phật khen ngợi và ấn chứng.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Lúc này, vô lượng Đế-thích, Phạm, Tứ vương và chúng Dược-xoa cùng trả lời rằng: Đức Thế tôn! Dạy đúng thế, đúng thế! Nếu có cõi nước nào giảng nói đọc tụng kinh vương vi diệu này thì các vua chúa đó thường được Tứ vương chúng con đến ủng hộ, đi đứng tất cả đều theo các vị vua chúa đó. Nếu có tất cả tai chướng và các kẻ thù đối địch thì Tứ vương chúng con đều làm cho tiêu trừ sạch hết, buồn lo dịch bệnh cũng khiến cho dứt trừ không còn, tăng thêm tuổi thọ, cảm ứng nhiều sự tốt lành, sở nguyện như ý, thường sinh vui vẻ, chúng con cũng có thể khiến cho tất cả binh lính trong nước đó thảy đều hùng mạnh. Dưới đây là phần chư thiên trả lời bảo vệ, có bốn:

1. Nêu ra nhận lời bảo vệ.

2. "Nếu có cõi nước v.v..." trở xuống là nói về lý do được bảo vệ.

3. "Các vua chúa đó v.v..." trở xuống là nói về vua chúa được bảo vệ.

4. "Tứ vương chúng con v.v..." trở xuống là nói về người có thể bảo vệ.

Có ba:

1. Thị vệ.

2. "Vua chúa đó v.v..." về sau là trừ ác.

3. "Tăng thêm tuổi thọ v.v..." về sau là thêm điều lành.

Tăng thêm điều lành có bốn:

1. Tăng tuổi thọ.

2. Hiện điềm lành.

3. Khiến cho khuyến khích.

4. Binh lính hùng mạnh.

Văn kinh: Đức Phật nói: Lành thay! Lành thay! Này người thiện nam! Như những điều các ông đã nói, ông nên tu hành. Phần sau là Đức Phật khen ngợi và ấn chứng.

Văn kinh: Vì sao? Vì lúc các vua chúa đó thực hành như pháp thì tất cả nhân dân thuận theo vua chúa tu tập, thực hành đúng như pháp, các ông đều được sắc, lực tốt đẹp, cung điện sáng ngời, quyến thuộc mạnh mẽ. Lúc này, Đế-thích, Phạm vương và đại chúng bạch Đức Phật:

Bạch Thế tôn! Đúng như vậy.

Tán rằng: Thế tôn tiếp tục khuyến khích. Đầu tiên là lý do mượn nêu hỏi khiến cho bảo vệ, tiếp đó Phật vì đại chúng nói về lý do cần phải bảo vệ. Trong các kinh Khởi Thế, kinh Trường A-hàm đều chép: "Nếu người tu điều lành thì tăng thêm thế lực cõi trời". Lại như luận Vương Pháp Chánh có nói rộng ở sau. Cuối cùng Đế-thích, Phạm vương giải ngộ, theo đoạn văn này thể biết.

Văn kinh: Đức Phật dạy: Nếu có người giảng nói đọc tụng kinh điển vi diệu này thì nơi lưu thông đối với đại thần tể phụ trong nước đó có bốn thứ lợi ích. Những gì là bốn?

1. Càng gần gũi hòa thuận tôn trọng yêu thương lẫn nhau.

2. Thường được vua chúa, dân chúng có tâm yêu mến tôn trọng, cũng được hàng Sa-môn, Bà-la-môn và các nước lớn, nước nhỏ luôn luôn tôn kính.

3. Xem nhẹ tài vật, coi trọng pháp luật, không mong cầu lợi lộc thế gian, tiếng lành vang khắp, mọi người đều khâm phục kính mến.

4. Thọ, mạng dài lâu yên, ổn vui sướng.

Đó là bốn thứ lợi ích. Phần dưới đây là nói về lợi ích của bề tôi, có bốn:

1. Nêu ra.

2. Gạn hỏi.

3. Giải thích.

4. Kết luận.

Bề tôi cung kính thuận theo mới được lợi ích này, văn hiển rõ có thể biết.

Văn kinh: Nếu có cõi nước nào giảng nói kinh này thì hàng Sa-môn, Bà-la-môn được bốn thứ lợi ích tốt đẹp. Những gì là bốn?

1. Áo quần, ăn uống, giường chiếu, thuốc men không hề thiếu thốn.

2. Đều được yên tâm suy nghĩ đọc tụng.

3. Nương vào núi rừng được an trú yên ổn ưa thích.

4. Tùy tâm sở nguyện đều được đầy đủ như ý.

Đó là bốn thứ lợi lạc thù thắng. Dưới đây nói về các lợi ích của hàng Sa-môn, Bà-la-môn. Đất nước yên ổn, dân chúng giàu mạnh, thần dân tin tưởng cung kính, cho nên được như vậy. Văn cũng có bốn đoạn, như trước có thể biết.

Văn kinh: Nếu có cõi nước nào giảng nói kinh này thì tất cả nhân dân đều được sung túc vui sướng, không bị các bệnh dịch, buôn bán qua

lại, thu hoạch nhiều hàng hóa quý báu, đầy đủ mọi phước đức thù thắng. Đó là các thứ công đức lợi ích. Dưới đây nói về dân chúng được lợi ích. Đầu tiên nêu rõ lý do.

Tiếp theo nói về đạt được ích lợi, sau cuối từ "đó gọi là v.v..." trở xuống là kết luận.

Văn kinh: Lúc bấy giờ, Phạm vương, Đế-thích, Tứ Thiên vương và tất cả đại chúng bạch Phật rằng: Bạch đức Thế tôn! Nghĩa lý của kinh điển sâu xa như vậy, nếu người hiện tại phải biết ba mươi bảy pháp trợ giúp Bồ-đề của Như lai trụ ở thế gian không hoại diệt, nếu lúc kinh điển này hoại diệt hoàn toàn thì chánh pháp cũng diệt hết. Dưới đây là phần thứ sáu Đế-thích, Phạm vương nói rõ, có hai: Đầu tiên là Đế-thích, Phạm vương nói rõ, sau đó Như lai ấn chứng khuyến khích. Phần đầu nói rõ, có hai:

1. Nói về kinh này, được truyền bá ở thế gian thì chứng được chánh pháp không hoại diệt.

2. "Nếu kinh điển này v.v..." trở xuống là nói kinh này nếu như không có hai thứ hành chứng thì chánh pháp cũng hoại diệt. Ý muốn cho mọi người mãi mãi truyền bá giáo pháp cao quý.

Văn kinh: Đức Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Này người thiện nam, vì thế cho nên các ông đối với một câu văn, một bài tụng, một phẩm, một bộ của kinh Kim Quang Minh này, đều nên nhất tâm chân chánh đọc tụng, chân chánh nghe giữ, chân chánh suy nghĩ, chân chánh tu tập vì tất cả chúng sinh giảng nói rộng rãi truyền bá cùng khắp, mãi mãi an vui phước lợi vô biên. Dưới đây là Như lai ấn chứng khuyến khích. Đầu tiên là ấn chứng; từ "Thiện nam v.v..." trở xuống là khuyến khích. Trong phần khuyến khích có hai: Trước tiên nói về kinh được truyền bá, tiếp theo "đều nên v.v..." trở xuống là khiến cho khởi lên thực hành pháp. Trong phần thực hành pháp lại có hai: Đầu tiên thực hành tự lợi, sau đó "Vì tất cả chúng sinh v.v..." trở xuống là khiến thực hành lợi tha.

Văn kinh: Lúc đó, tất cả đại chúng nghe Đức Phật nói xong đều đạt được lợi ích thù thắng, vui mừng thọ trì. Dưới đây là đoạn lớn thứ tư, bấy giờ, hội chúng đều được lợi ích.

■